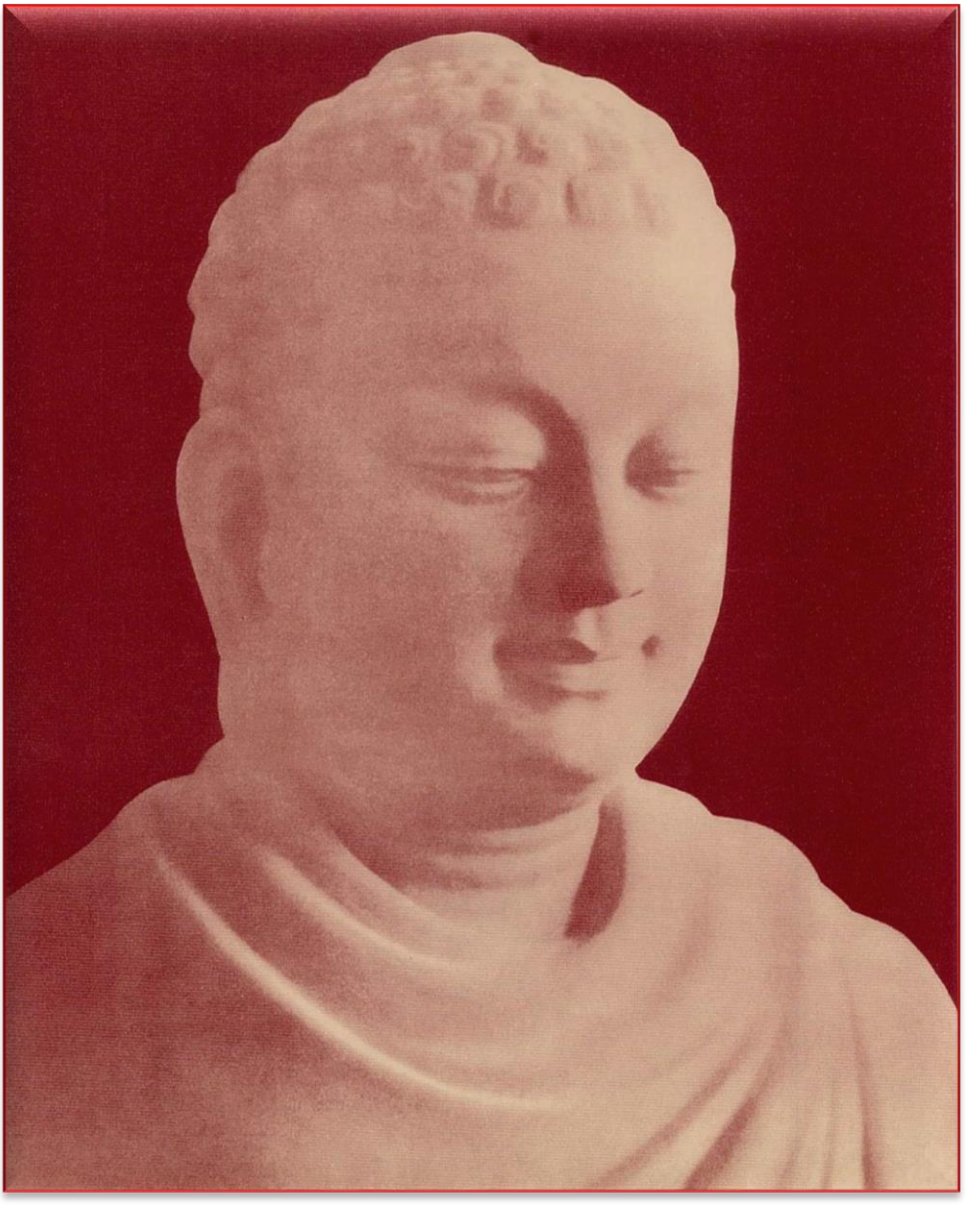

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
Tập 111

BỘ LUẬN TẬP
I

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Lời Giới Thiệu

***N**gày nay, có thể nói, đại đa số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đều nhận thấy, một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt là nhu cầu hết sức bức thiết, vì hai lý do:*

Thứ nhất, hầu hết các nước Phật giáo châu Á, kể cả Lào và Campuchia, đều đã có Đại Tạng Kinh riêng của họ, lẽ ra Phật giáo Việt Nam cũng đã phải có từ lâu rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa: điều này chứng tỏ Phật giáo Việt Nam đã thua kém Phật giáo các nước bạn rất xa. Đó là điều mà giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giới xuất gia, cần quan tâm suy nghĩ.

Thứ hai, khả năng học tập, nghiên cứu Phật giáo trực tiếp qua Đại Tạng Kinh chữ Hán, có thể sẽ mỗi ngày một sút giảm dần; như vậy, nếu không có được bộ Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh và gấp rút, thì e các thế hệ học Phật tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, học hỏi; và về lâu về dài, sự phát huy tinh thần Phật pháp ở Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu không nói bị hạn chế.

Chúng tôi nhấn mạnh, "Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh", có nghĩa là trước nay ở Việt Nam tuy cũng đã có một số lớn kinh điển Hán văn được dịch sang chữ Việt rồi, nhưng số đó còn rời rạc, lẻ tẻ, chứ chưa được tổ chức thành hệ thống hẳn hoi cho đúng với danh nghĩa Đại Tạng Kinh như tạng chữ Hán, để truyền trì cho đời sau. Hơn nữa, "hoàn chỉnh" còn có nghĩa là Đại Tạng Kinh chữ Việt phải gồm đủ Kinh, Luật, Luận và những tác phẩm chú thích, sớ giải v.v... của các bậc Tổ sư tiền bối cũng như của các học giả cận đại.

Nay, chúng tôi được biết, Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh –Tiến sĩ Triết học– hiện đang ở bên Đài Loan, phát nguyện đứng ra tổ chức phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh chữ Việt. Hòa thượng đã hoạch định một chương trình phiên dịch và ấn loát quy mô, công việc đang được tiến hành một cách thuận lợi và đều đặn. Chúng tôi vô cùng hân hoan và xin nhất tâm tùy hỷ.

Nhưng đây là sự nghiệp lớn lao, công đức cũng vô lượng, không phải sức của một người có thể chu toàn được, mà phải cần sự hỗ trợ của nhiều người. Cái khó trước kia là ở chỗ đã chưa có ai đề xướng và đứng ra gánh vác trách nhiệm, cho nên dù có người muốn hỗ trợ cũng không biết hướng về đâu. Thì nay đã có Hòa thượng Tịnh Hạnh, tương đối đủ năng lực và điều kiện, đứng ra cán đáng công việc to lớn này, nên chúng tôi chí thành tha thiết thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, hãy phát đại tâm hộ trì Phật pháp, giúp đỡ Hòa

thượng Tịnh Hạnh bằng hai cách:

– Tích cực tham gia công trình phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa, góp ý v.v...

–Hỗ trợ tài chính, tùy theo khả năng, cho công trình ấn loát, xuất bản v.v...

Đây là việc chung, có ảnh hưởng rất lớn đối với tiền đồ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi ước mong quí vị sốt sắng tham gia, để phúc quả to tát này mau được viên mãn.

Sự nghiệp phiên dịch và xuất bản Đại Tạng Kinh chữ Việt, khi được hoàn thành, sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển nền văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời, giúp nâng cao địa vị của Phật giáo Việt Nam lên ngang tầm địa vị của các nước Phật giáo trên thế giới.

Nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Hộ pháp thiện thần gia bị cho Hòa thượng Tịnh Hạnh và toàn thể quí vị Mạnh thường quân hộ trì Chánh pháp mau thành tựu đại nguyện.

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát tác đại chứng minh.

Sài Gòn ngày 16 - 12 - 1998

Hội đồng Chứng minh

Lời Nói Đầu

Ba tạng giáo điển là kho tàng của trí tuệ Bát-nhã, là chìa khóa của sự thành tựu đạo nghiệp. Hơn mười ba thế kỷ trước, thấu triệt lẽ này, Đại sư Huyền Tráng đã phát đại hùng tâm phiên dịch kiện toàn ba tạng giáo điển, giúp Trung Quốc hồng phước sở hữu Trung văn Đại Tạng Kinh.

Trải năm mươi năm ấp ủ một hoài bão tương tự, mãi đến ngày nay, chúng tôi, mới tạm hội đủ nhân duyên để thực hiện bộ Việt tạng; thành tựu ấy chẳng thể, chẳng phải do một cá nhân: nó là thành quả của một công đức cộng đồng, do nhiều trái tim, bộ óc hợp lại.

Xưa kia, sự hiện diện của Hán tạng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp nâng cao đời sống văn hóa, tâm linh của Trung Hoa, giúp nước này đủ sức mạnh gốc rễ để đứng vững trước bao phong ba, thử thách. Nhận định về điều này, ông Phùng Hữu Lan, giáo sư Viện đại học Bắc kinh đã viết:

"Vào thời đại Nam Bắc triều, giới tư tưởng Trung Quốc lại có sự chuyển mình lớn lao. Bởi vì lúc đó tư tưởng Phật giáo truyền vào Trung Quốc có hệ thống, người Trung Quốc đối với Phật giáo cũng thâm nhập hiểu được những huyền diệu sâu xa. Từ đó cho đến thời sơ diệp nhà Tống, những người có tư tưởng lỗi lạc nhất của Trung Quốc đều là những người nghiên cứu tư tưởng đạo Phật (khoảng năm sáu trăm năm). Tư tưởng Phật giáo vốn là sản vật của Ấn Độ nhưng được người Trung Quốc giảng giải, phần nhiều đem tư tưởng đó thâm nhập vào khuynh hướng tư tưởng người Trung Quốc, biến thành tư tưởng Phật giáo của Trung Quốc." *

Sự hiện diện của Việt tạng đối với dân tộc ta đương nhiên cũng là như thế.

Về mặt nội dung, Việt tạng tiếp nạp cả Đại tạng Bắc truyền và Đại tạng Nam truyền. Về phần Đại tạng Bắc truyền, quan trọng nhất được chọn từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tục Tạng Kinh...; thêm vào những sắc thái đặc biệt của Đại tạng Tây Tạng, Nhật Bổn; những văn bản tư tưởng Phật giáo của các vị Cao tăng học giả Đông, Tây cận đại và hiện đại: tất cả vào khoảng một ngàn tập, mỗi tập dày một ngàn trang khổ 17 x 24 cm, như

** Trung Quốc Triết Học Sử, trang 661, xb. 1970 tại Đài loan:*
"Nam Bắc triều thời, Trung Quốc tư tưởng giới hựu hữu đại biến động. Cái ư thị thời Phật giáo tư tưởng hữu hệ thống đích du nhập, nhi Trung Quốc nhơn đối chi diệc năng hữu thậm thâm liễu giải. Tự thử dĩ hậu, dĩ chí Tống sơ Trung Quốc chi đệ nhất lưu tư tưởng gia, giai vi Phật học gia. Phật học bổn vi Ấn Độ chi sản vật, đản Trung Quốc nhơn giảng chi, đa tương kỳ gia nhập Trung Quốc tư tưởng chi khuynh hướng, dĩ sử thành vi Trung Quốc chi Phật học."

quý vị đang có trước mắt.

Chỉ nói sơ qua, đã mường tượng được công việc thực hiện Việt tạng là khó khăn như thế nào. Thử liếc nhìn qua nước Nhật Bổn chẳng hạn: chỉ mỗi phần việc biên tập tu đính dành cho bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (vì toàn bộ Đại Tạng Trung văn và Đại Tạng Nhật Bổn đã hoàn thành từ lâu), do hai học giả Phật giáo lỗi lạc của Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang (Junjiro Takakusu) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe) chủ trì, cùng với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo và Đông phương học mà phải cống hiến ròng rã mười ba năm trí tuệ tâm huyết, mới tạm gọi là hoàn chỉnh.

Việc đã đành là khó, ngàn khó vạn khó, nhưng lẽ nào thấy khó mà không làm. Tự lượng sức mình có hạn, nhưng vì mỗi chút lòng thao thức cho sinh mệnh, tiền đồ của Phật giáo và dân tộc Việt Nam, chúng tôi đã mạo muội đứng lên khởi xướng, những mong một gọi nghìn thưa: mỗi Phật tử người Việt, xin ý thức trách nhiệm của mình, tự nguyện góp phần công đức vào sự nghiệp thực hiện bộ Việt tạng này, chẳng những là một phương tiện thù thắng để hoằng dương Chánh pháp, mà còn là đối với nền văn hóa dân tộc được cống hiến vô cùng sâu rộng, cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Hôm nay Việt tạng bắt đầu xuất bản, vì là lần đầu, mặc dầu chúng tôi cố gắng đến mức tối đa, nhưng chắc cũng khó tránh khỏi những khuyết điểm về hình thức lẫn nội dung; hy vọng những vị cao kiến chỉ dạy để kịp thời sửa lại trong những tập sau cũng như lần tái bản. Ở đây chúng tôi xin ghi ơn những vị tiền bối đã âm thầm góp sức, cũng như nhiều vị phụng hiến trí tuệ và mồ hôi qua sáu năm và những ngày sắp tới vào công việc gian lao này. Sau hết, không quên cảm ơn Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đã dành cho chúng tôi nhiều sự dễ dàng trong khi thực hiện Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Kính chúc Quý vị vô lượng cát tường.

Viết tại chùa Pháp Bảo Quận THỦ ĐỨC
Ngày 06 tháng giêng năm Canh thìn
P.L: 2544 (2000)
Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

BỘ LUẬN TẬP
I

SỐ 1628 → 1644

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬN TẬP 1 - T111

SỐ 1628 3
NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN BỔN 3
SỐ 1629 21
NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN 21
SỐ 1630 41
LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ 41
SỐ 1631 51
HỒI TRÁNH LUẬN 51
PHẦN KỆ ĐẦU THỨ NHẤT 51
PHẦN KỆ THỨ HAI 53
PHẦN THỨ BA 59
PHẦN THỨ TƯ 69
SỐ 1632 91
LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM 91
Phẩm 1: TẠO LUẬN 91
Phẩm 2: NÓI RÕ LÃNH VỰC BỊ THUA 101
Phẩm 3: BIỆN RÕ CHÁNH LUẬN 103
Phẩm 4 : TƯƠNG ƯNG 105
SỐ 1633 113
LUẬN NHƯ THẬT PHẢN CHẤT NẠN PHẨM 113
Phẩm 1 113
Phẩm 2: NHƯ THẬT LUẬN 118
Phẩm 3: RƠI VÀO THUA, TRONG PHẦN HỎI NGƯỢC ĐIỀU HỎI KHÓ 132
SỐ 1634 141
LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA 141
QUYỂN THƯỢNG 141
I. PHẨM Ý NGHĨA 141
QUYỂN HẠ 163
II. PHẨM CƠ LUẬN KHÔNG 163
III. PHẨM THUẬN TU CÁC HẠNH 174
SỐ 1635 189
LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA 189
QUYỂN 1 189
QUYỂN 2 198
QUYỂN 3 205
QUYỂN 4 214

QUYỂN 5 ..... **222**
QUYỂN 6 ..... **231**
QUYỂN 7 ..... **239**
QUYỂN 8 ..... **247**
QUYỂN 9 ..... **255**
QUYỂN 10 ..... **263**
SỐ 1636 ..... **273**
LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC **273**
QUYỂN 1 ..... **273**
Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC 273
QUYỂN 2 ..... **285**
Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC 285
QUYỂN 3 ..... **293**
Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC 293
Phẩm 2: GIỚI HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP 298
QUYỂN 4 ..... **303**
Phẩm 2: GIỚI HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP 303
Phẩm 3: HỘ PHÁP SƯ 304
Phẩm 4: KHÔNG 315
QUYỂN 5 ..... **317**
Phẩm 4: KHÔNG 317
QUYỂN 6 ..... **329**
Phẩm 4: KHÔNG 329
QUYỂN 7 ..... **343**
Phẩm 4: KHÔNG 343
Phẩm 5: TẬP LY NẠN GIỚI HỌC 344
QUYỂN 8 ..... **355**
Phẩm 5: TẬP LY NẠN GIỚI HỌC 355
Phẩm 6: HỘ THÂN 355
QUYỂN 9 ..... **367**
Phẩm 6: HỘ THÂN 367
Phẩm 7: HỘ THỌ DỤNG PHƯỚC 370
QUYỂN 10 ..... **375**
Phẩm 7: HỘ THỌ DỤNG PHƯỚC 375
Phẩm 8: THANH TỊNH 382
QUYỂN 11 ..... **385**
Phẩm 8: THANH TỊNH 385
QUYỂN 12 ..... **397**
Phẩm 8: THANH TỊNH 397

Phẩm 9: NHẪN NHỤC 398
QUYỂN 13 405
Phẩm 10: TINH TẤN BA LA MẬT 405
Phẩm 11: NÓI VỀ A LAN NHÃ 408
QUYỂN 14 415
Phẩm 11: NÓI VỀ A-LAN-NHÃ 415
Phẩm 12: TRỊ TÂM 416
QUYỂN 15 427
Phẩm 12: TRỊ TÂM 427
QUYỂN 16 435
Phẩm 12: TRỊ TÂM 435
Phẩm 13: NIỆM XỨ 437
QUYỂN 17 441
Phẩm 13: NIỆM XỨ 441
Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH 443
QUYỂN 18 445
Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH 445
QUYỂN 19 451
Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH 451
Phẩm 15: CHÁNH MẠNG THỌ DỤNG 455
QUYỂN 20 459
Phẩm 15: CHÁNH MẠNG THỌ DỤNG 459
Phẩm 16: TĂNG TRƯỞNG THẮNG LỰC 460
QUYỂN 21 467
Phẩm 16: TĂNG TRƯỞNG THẮNG LỰC 467
Phẩm 17: CUNG KÍNH TÁC LỄ 473
QUYỂN 22 479
Phẩm 17: CUNG KÍNH TÁC LỄ 479
Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO 487
QUYỂN 23 491
Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO 491
QUYỂN 24 505
Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO 505
QUYỂN 25 521
Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO 521
SỐ 1637 537
LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG 537
QUYỂN THƯỢNG 537
QUYỂN HẠ 545

SỐ 1638 555
LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA 555
QUYỂN THƯỢNG 555
QUYỂN HẠ 563
SỐ 1639 573
LUẬN ĐỀ BÀ BỒ-TÁT PHÁ LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI ĐẠI THỪA TỨ TÔNG 573
SỐ 1640 581
LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI TIỂU THỪA NIẾT BÀN 581
SỐ 1641 589
LUẬN VỀ TÙY TƯỚNG 589
GIẢI MƯỜI ĐẾ TRONG LUẬN 589
SỐ 1642 625
LUẬN KIM CANG KẾ 625
SỐ 1643 635
KINH NI KIỀN TỬ VẤN VÔ NGÃ NGHĨA 635
SỐ 1644 643
LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM 643
QUYỂN 1 643
Phẩm 1: ĐỊA ĐỘNG 643
Phẩm 2: NAM DIÊM PHÙ ĐỀ 648
Phẩm 3: SÁU ĐẠI QUỐC 651
Phẩm 4: THẦN DẠ XOA 654
QUYỂN 2 661
Phẩm 5: TƯỢNG VƯƠNG LẬU XÀ KỲ LỢI 661
Phẩm 6: TỨ THIÊN HẠ 664
Phẩm 7: SỐ LƯỢNG 668
Phẩm 8: TRÚ XỨ CÕI TRỜI 670
QUYỂN 3 683
Phẩm 9: VƯỜN HOAN HỶ 683
Phẩm 10: VƯỜN CHÚNG XA 685
Phẩm 11: VƯỜN ÁC KHẨU 687
Phẩm 12: TẠP VIÊN 689
Phẩm 13: VƯỜN BA LÊ DẠ ĐA 691
QUYỂN 4 697
Phẩm 14: THÀNH ĐỀ ĐẦU LẠI TRA 697
Phẩm 15: THÀNH TỲ LƯU LẶC XOA 699
Phẩm 16: TỲ LƯU BÁC XOA 701

Phẩm 17: THÀNH TỲ SA MÔN 703
QUYỂN 5 707
Phẩm 18: THIÊN VÀ PHI THIÊN ĐÁNH NHAU 707
Phẩm 19: SỰ VẬN HÀNH CỦA MẶT TRỜI MẶT TRĂNG 711
QUYỂN 6 719
Phẩm 20: VÌ SAO 719
QUYỂN 7 733
Phẩm 21: THỌ SANH 733
Phẩm 22: THỌ LƯỢNG 744
QUYỂN 8 747
Phẩm 23: ĐỊA NGỤC 747
1. ĐỊA NGỤC CÁNH SANH (Địa ngục chết đi sống lại) 747
2. ĐỊA NGỤC HẮC THẰNG 749
3. ĐỊA NGỤC ĐẠI HẠNG 752
4. ĐẠI NGỤC TỤ KHÁI 754
5. ĐỊA NGỤC KHIẾU HOÁN 755
6. ĐỊA NGỤC ĐẠI KHIẾU HOÁN 756
7. ĐỊA NGỤC THIÊU CHÍCH 757
8. ĐỊA NGỤC ĐẠI THIÊU CHÍCH 758
8. ĐỊA NGỤC A-TỲ-CHỈ. 759
9. ĐỊA NGỤC NGOẠI VIÊN CÁCH 761
10: ĐỊA NGỤC DIÊM LA 766
QUYỂN 9 775
Phẩm 24 775
Phẩm thứ 1: TIỂU TAM TAI TẬT DỊCH 775
Phẩm thứ 2: TIỂU TAM TAI ĐAO BINH 781
Phẩm thứ 3: TIỂU TAM TAI ĐÓI KHÁT TAI ÁCH 787
QUYỂN 10 795
Phẩm 25: ĐẠI TAM TAI, HỎA TAI 795

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN BẢN

SỐ 1628

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1628

NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN BỔN

Bồ-tát Long Thọ tạo Hán dịch: Đời Đường,
Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang

Vì muốn phân biệt giữ lấy lý chân thật của nghĩa Năng lập và Năng phá, cho nên tạo luận này.

Tôn, những lời nói năng lập
Trong đây chỉ tùy ý thích riêng
Từ đó thành lập gọi là Tôn
Không phải nó trái nghĩa Năng khiển.

Tôn, những lời nói năng lập đó là do người hỏi chưa hiểu nghĩa cho nên mới có những lời Tôn, Nhân, Dụ để biện thuyết, làm rõ. Những lời này trong luận thức gọi là năng lập. Lại do một lời năng lập làm sáng tỏ tất cả thành một tính năng lập. Do vậy nên biết, tùy theo năng lập có chỗ thiếu sót gọi là lỗi năng lập.

Chữ "Trong đây" nói nghĩa khởi đầu của luận, hoặc nghĩa được rút gọn, trong Tôn, Nhân, Dụ v.v… cho nên mới gọi là "Trong đây".

Chữ "Chỉ" là nghĩa chọn lựa riêng. Chữ Tùy ý là làm rõ riêng, theo ý thích riêng mà lập ra, không kể luận tôn.

"Vui thích là sở lập", nghĩa là không thích là tính chất năng thành lập. Nếu trái khác đây thì gọi là sở thành lập. Tợ nhân và Tợ dụ cũng gọi là Tôn, làm rõ lập tôn khác không mắc lỗi.

Câu "Không phải nó trái nghĩa năng khiển" nghĩa là không phải trái nghĩa với lời nói "Âm thanh bị khiển trừ". Như thành lập "Tất cả lời nói đều hư vọng", hoặc nghĩa trái với tôn đã lập ở trước. Như Huân hồ tử (phái hoài nghi) thành lập "Âm thanh là thường còn". Lại đối với tôn do vì không giống nhau cho nên không có tỉ lượng là cực thành, gọi tương vi nghĩa khiển. "Trái nghĩa nầy khiển" như nói mang mặt trăng, không phải mặt trăng.

Lại đối với hữu pháp tức tôn được lập, cái đó cực thành về hiện lượng và tỷ lượng. Trái nghĩa khiển như nói "Âm thanh chẳng phải là cái được

nghe, cái bình là thường còn. Những lời nói như vậy là tôn nhân trái nhau, gọi là lập tôn sai. Ở đây, chẳng phải tôn bị lỗi, vì ở trong tôn đây lập âm thanh là thường còn vì tất cả đều vô thường, dụ như phương tiện cần phải lập thành dị pháp. Do vì hợp dụ rõ ràng không phải là tất cả. Nhân không có vì lấy âm thanh thu nhiếp tại trong tất cả hoặc một phần nghĩa của sở lập cho nên nghĩa này không thành, gọi đó là nhân bị lỗi. Dụ cũng có lỗi do thí dụ dị pháp. Như trước trình bày rõ Tôn không có, sau nói nhân không có, thuận theo lời nói ấy tức tất cả vô thường. Đây là sai, là nghĩa chẳng phải tất cả. Nhưng ở đây đảo lại mà nói tất cả đều vô thường, cho nên trong dụ này cũng có lỗi.

Như đã nói Tôn và Tợ tôn, Nhân và Tợ nhân, phần nhiều là pháp của Tôn. Tướng sai biệt của chúng, nay sẽ chỉ rõ:

Tôn pháp đối đồng phẩm
Là có, không và đều
Đối dị phẩm đều ba
Cũng có, không và đều.

Vì sao không phải tất cả đều lấy vui thích làm chỗ sở lập, hợp lại nói tôn. Trong đây như thế nào lại nói tôn chỉ chọn lấy hữu pháp mà đây không có lỗi?. Vì tất cả âm thanh trong chỗ riêng biệt cũng khác, như nói cháy áo, hoặc có tôn âm thanh chỉ giải thích ở pháp. Trong tôn pháp này chỉ chọn lấy bên lập luận và bên vấn luận quyết định công nhận. Ở trong đồng phẩm, có và không có cũng phải như vậy. Vì sao? Vì ngay đây chỉ y theo chứng cứ liễu nhân, chỉ do năng lực trí tuệ hiểu nghĩa được nói, không phải như sanh nhân, do tự khả năng khởi lên tác dụng. Nếu vậy, đã chọn trí là liễu nhân chính là nói mất đi cái nghĩa năng thành lập, điều này cũng không đúng, vì khiến cái trí nhớ lại những suy nghĩ vốn đã được chấp nhận trước đó. Cho nên trong đây chỉ chọn lấy nghĩa mà cả hai bên đều quyết định công nhận, tức là lời nói đúng. Do vậy, nếu hai bên không công nhận thì nhất định không phải là tôn pháp. Như có chỗ thành lập âm thanh là vô thường, vì mắt vốn đối những gì hiển luận đã đưa ra. Lại nếu bên vấn luận không công nhận như đối những gì hiển luận đã đưa ra. Lại nếu do dự như dựa vào khói mù v.v... trong lúc đang khởi lên nghi hoặc mà vội thành lập là chỗ ấy có lửa do đại chủng hòa hợp vì thấy có khói. Hoặc là lãnh vực hữu pháp không thành như lập "thể của ngã có khắp mọi nơi, sinh ra những vui thích". Tất cả phẩm loại vốn có các ngôn từ như thế đều chẳng phải năng lập. Đối với đồng phẩm ấy, có và không có cũng tùy theo chúng ứng hợp mà nói như thế. Đối với Nhân đang nói đây, cùng với tương vi và bất định, chỉ có cộng hứa quyết định ngôn từ, mới gọi là năng lập hoặc năng

phá. Chẳng phải vì ngôn từ do dự không thành lại giúp nhau chờ đợi thành.

Phàm lập tôn pháp, về lý nên lấy thêm ngoài pháp, làm nhân thành lập pháp này. Nếu liền thành lập hữu pháp là có hoặc lập làm không có. Như chỗ thành lập "Tối thắng là có" vì hiện thấy vật khác có loại chung, hoặc lập là không vì không nắm bát được. Nghĩa này là sao?

Trong đây chỉ lập vật khác định có một nhân làm tôn, vì không lập tối thắng nên không có lỗi này. Nếu lập là không cũng giả định lập pháp không nắm bắt được, vì thế không có lỗi hữu pháp. Nếu ngoài hữu pháp ra, lập hữu pháp hoặc lập pháp ấy, như lấy khói lập lửa, hoặc lấy lửa lập xúc. Nghĩa đó như thế nào?

Nay ở trong đây không thành lập làm tôn với lửa, xúc, chỉ là thành lập tướng này thuận theo vật. Nếu không như thế tức là dựa khói lập lửa, dựa lửa lập xúc phải thành một phần tôn nghĩa làm nhân. lại ở trong này không phải muốn thành lập lửa, xúc có tính, vì cùng biết có, lại vì ở trong đây quan sát mà thành.

Lập "Pháp, Hữu pháp" chẳng phải "Đức, Hữu đức" cho nên không có lỗi.

Lập lời tụng rằng:

Hữu pháp chẳng thành ở hữu pháp
Và pháp nầy không thành hữu pháp
Nhưng do pháp nên thành pháp này
Như vậy thành lập ở hữu pháp.

Nếu có người thành lập âm thanh không phải thường, nghiệp phải là thường, vì thường nên khả đắc. Như vậy tại sao gọi là tôn pháp? Ở đây nói lỗi đó do tôn, nhân môn, nhân vì có sở lập nói ứng ngôn. Vì trước lập thường cho nên có hình tướng trở ngại, sau lập tôn bác (phá) lỗi của nhân đó. Nếu như vậy lập âm thanh là vô thường, vì "bị làm ra" không phải thường. Cái thường thì không "Bị làm ra". Thế là sao? Đây là dụ cho phương tiện đồng pháp, dị pháp như thứ tự tuyên thuyết vì nói nhân ấy tôn quyết định đuổi theo và tôn vô xứ thì quyết định vô nhân. Vì ở trong đây do hợp lại làm rõ tính nhân bị làm ra, như vậy âm thanh này là bị làm ra, không phải không bị làm ra. cái tính bị làm ra này nhất định là tôn pháp.

Lập lời tụng rằng:

Thuyết nhân tôn sở tùy
Tôn vô nhân không có
Y thứ năm hiển dụ
Do hợp nên biết nhân.

Do đây đã giải thích phương tiện phản phá, vì lấy tính cách bị làm ra ở vô thường thì thấy, nhưng ở thường thì không thấy.

Như vậy, thành lập âm thanh chẳng phải là thường cho nên ứng với chẳng tác động, chính là vì thuận thành phương tiện phản phá chẳng phải tách biệt giải thích nhân. Như phá số luận ngã, đã biện biệt rộng rãi, nên tránh luận ngưng rộng luận bên cạnh. Như vậy ba loại sai biệt của tôn pháp, nghĩa là đồng phẩm có, không có, hoặc cả hai.

Trong đây phẩm loại cùng với pháp sở lập đều gần gũi nhau cho nên gọi là đồng phẩm, vì lấy nghĩa lý của tất cả nên gọi là phẩm. Nếu không sở lập thì gọi là dị phẩm, chẳng phải cùng với đồng phẩm trái nhau, hoặc khác nhau. Nếu trái nhau chỉ là giản biệt. Nếu riêng khác, nên hiểu là không có nhân. Do đạo lý này, vì có tính cách bị làm ra nên có khả năng thành, vô thường và vô ngã không trái nhau. Nếu như pháp có thể thành trái với sở lập thì chính là lỗi trái nhau, tức gọi là Tợ nhân, như pháp không trái nhau, sự trái nhau cũng vậy.

Không có pháp sở thành vì không có quyết định, không phải như cái bình, vì nhân do dự ở chỗ lần lượt trong cái không có. Lấy tính cách bị làm ra, ngoài việc thấy ở cái bình ra, ở nơi y áo cùng có. Chẳng phải lìa vô thường ở chỗ vô ngã, vì có nhân này. Riêng pháp ở chỗ biệt xứ chuyển là như thế nào? Do ở đó tương tợ không nói tên khác, cho nên nói thì đây không có lỗi. Nếu không nói khác, thì nhân này sao gọi là tôn?

Trong đây chỉ nói quyết định là tôn pháp, không muốn nói duy là tôn pháp. Nếu vậy đồng phẩm cũng gọi là tôn. Không đúng. Vì biệt xứ nói sở thành, nhân ắt không khác mới thành tỷ lượng.

Không tương tợ: mỗi cái có ba loại, nghĩa là có ở trong tất cả đồng phẩm, ở dị phẩm hoặc có, không có và có không có. Ở đồng ấy chẳng có và cả hai đều như vậy là ba loại sai biệt. Nếu tôn vô thường, dị phẩm hoàn toàn không đối với luận không lập có hư không thì làm sao nói cái kia không có cái nầy?

Nếu đó không có thì nó không chuyển, vì hoàn toàn không có ngăn chận, không có lỗi này. Như vậy hợp thành chín loại tôn pháp, tùy theo thứ tự mà lược bày tướng nó, là lập âm thanh thường còn vì có tính cách bị đo lường, hoặc lập vô thường vì có tính cách bị làm ra, hoặc do siêng năng tác động không gián đoạn mà có, cho nên có tính cách vô thường. Hoặc lập là thường vì có tính cách bị làm ra, hoặc vì có tính cách bị nghe, hoặc vì do siêng năng tác động mà có. Hoặc chẳng phải có tính cách do siêng năng tác động mà có. , cho nên có tính cách vô thường, hoặc lập là vô thường vì có

tính cách do siêng năng tác động mà có, hoặc lập là thường vì không có đối xúc. Như vậy hai bài tụng sau xem như đã gồm thâu chín loại.

Thường vô thường siêng gắng
Hằng trụ tính vững chắc
Không siêng dời không đổi
Do chín thứ sở lượng
Sở lượng làm vô thường
Tính nghe, siêng phát khởi
Siêng vô thường vô xúc
Y theo chín tính thường.

Phân biệt như vậy gọi là nhân trái nhau bất định. Cho nên bổn tụng nói rằng:

Đồng phẩm có và hai
Dị phẩm không là nhân
Ngược đây gọi trái nhau
Ngoài ra đều bất định.

Trong đây chỉ có hai loại gọi là nhân, nghĩa là ở đồng phẩm có khắp tất cả, dị phẩm thì không, và ở đồng phẩm thông có và chẳng có, dị phẩm không. Ở chỗ ba phần trước sau chọn lấy giữa một.

Lại cũng chỉ có hai loại gọi là trái nhau vì có thể, đảo lập. Nghĩa là ở dị phẩm có gồm hai loại, ở đồng phẩm không có hoàn toàn. Thứ hai, trong ba chọn lấy hai phần trước sau, còn lại năm loại nhân và trái nhau đều không quyết định, chính là vì nghi cái nghĩa của nhân. Lại ở trong tướng của tất cả nhân đều nói một số đồng phẩm loại được nói, chớ nói hai tướng ấy vì nhân mà hỗ trợ thái nhau không cùng một nơi, hoặc vì ở một tướng cùng làm việc, thành nhân bất phổ biến. Lý lẽ ứng với tên của bốn loại: Nhân bất định vì hai câu hữu (cả hai bên đều có hai).

Như thế nào là bị nghe (cái nghe) do không cùng? Nếu pháp được lập do bất cộng mà thành thì mọi sai biệt trùm khắp đều là nghi nhân, vì chỉ cái nào có tính cái đó mới được gồm thâu, một mực xa rời, những cái còn lại đều không có nhân phân biệt chung. Trong đây chỉ cái nào mà cả hai đều không trái nhau mới chính là tính nhân nghi. Nếu trong đó cả hai phần đều có vì là nhân quyết định thì phân biệt ngoài cái riêng gọi là sai biệt. Nếu đối với sự chấp nhận có âm thanh là thường, thì cái này ứng với nhân thành lập.

Nếu lúc ấy không hiển bày những tính cách bị làm ra chính là nhân vô thường, thì chấp nhận có nghĩa này. Như thế cả hai có thể có một nghĩa

trái nhau, vì không chấp nhận có chính là nhân do dự.

Lại ở trong đây, vì lời dạy rõ ràng, có sức thuyết phục hơn nên y theo đây mà quyết định suy nghĩ tìm cầu.

Tóm lại ý trên qua lời tụng rằng:

Nếu pháp là bất cộng
Cùng quyết định trái nhau
Khắp tất cả ở đây
Đều là tính nhân nghi
Tà chứng pháp, hữu pháp
Tự tánh hoặc sai biệt
Đây thành nhân trái nhau
Nếu không gì trái hại
Quán tôn pháp xét sâu
Nếu sự vui là hại
Thành trù trừ điên đảo
Dị này vô tợ nhân.

Như vậy đã bàn xong nhân và tợ nhân, dụ và tợ dụ. Bây giờ nói đến:

Nói nhân tôn đuổi theo
Tôn vô nhân không có
Cả hai là thí dụ
Ngoài ra là tương tợ.

Dụ có hai loại, Đồng pháp và Dị pháp.

Đồng pháp là lập âm thanh vô thường vì do có tính cách hợp-lìa làm ra với siêng năng mãi, những gì được làm ra với tính cách siêng năng mãi thì đều là vô thường.

Dị pháp nghĩa là những gì thường trụ thì thấy không có tính cách bị tác động liên tục, như hư không. Trước là giải thích về giá thuyên bác bỏ), sau đó ngăn lạm dụng, do nghĩa so sánh do vậy tuy đối với không thể lập thật có cái hư không rộng lớn, nhờ đó làm sáng lên một điều là không có lãnh vực tôn thì không thành nghĩa có nhân. Lại tại sao mà phần thứ nhất nói điều mà nhân tôn đuổi theo. Phần thứ hai nói tôn không có thì nhân không có mà không nói là nhân không có, tôn không có? Do như thế mà nói là có khả năng hiển bày nhân đồng phẩm quyết định có, dị phẩm hoàn toàn không, chẳng phải điên đảo nói.

Lại nói tụng rằng:

Nên lấy không tác để chứng thường
Hoặc lấy vô thường thành sở tác

Nếu vậy nên thành chẳng được nói
Không biến chẳng lạc đều hợp ly.

Như vậy, đã nói xong hai pháp hợp ly thuận và phản với hai dụ.

Ngoài đây ra là tương tợ, chính là nghĩa tợ dụ.

Nói ngoài đây ra nghĩa là thế nào? Nghĩa là ở nơi này, sở lập, năng lập và không đồng phẩm tuy có hợp ly nhưng là do điên đảo mà nói. Hoặc nơi đó không có hợp ly, nhưng rõ ràng nơi đó có sở lập và năng lập đều có, dị phẩm không.

Như vậy hai pháp hoặc có một bên không công nhận, không khiển trừ, hoặc có cả hai không công nhận không khiển trừ. Như vậy lập âm thanh là thường còn vì không có xúc đối.

Nói đồng pháp dụ: Những thứ không có đối với xúc thì thấy nơi đó đều là thường. Như nghiệp, cực vi, cái bình v.v...

Nói dị pháp dụ: nghĩa là những gì vô thường thì đều thấy có xúc đối. Như cực vi, nghiệp, hư không v.v...

Do đây đã nói, trong đồng pháp dụ có pháp bất thành. Nghĩa là đối với thường của hư không là cần có đủ hai thí dụ ngôn từ mới có thể thành lập được. Ví như nhân ấy chỉ tùy nói là một, nếu muốn thành tựu chánh lý nên nói đủ là hai. Do vậy nhân ấy làm sáng lên đầy đủ, không xa rời sở lập, để hiển thị đầy đủ đồng phẩm quyết định có và dị phẩm phải hoàn toàn không. Khả năng chủ chánh (năng chánh) sẽ đối trị trái nhau và bất định. Nếu có ở một phần này đã thành thì cũng tùy nói một phần năng lập. Nếu âm thanh có hai nghĩa đồng theo thì cả hai không cần nói, Hoặc do nghĩa chuẩn "Một có khả năng hiển bày cả hai" (Nhất năng hiển nhị).

Lại ở trong tỷ lượng chỉ thấy lý này. Nếu ở chỗ bị so sánh giống với thẩm định ở ngoài đồng loại, suy nghĩ này quyết định là có, thì chỗ kia không suy nghĩ khắp cả đều không. Thế nên, do đây sanh ra giải thích, mà lập bổn tụng rằng:

Như tự quyết định rồi
Sợ kia quyết định sinh
Nói tôn pháp tương ưng
Xa lìa được lập khác.

Được so sánh để làm sáng tỏ tính tôn pháp cho nên nói nhân.

Vì ở đây hiển bày tính không thể rời nhau, cho nên nói dụ. Nói dụ vì so sánh làm rộng cho nên tôn. Những thứ được so sánh đó, ngoài đây thì không còn chi phần nào khác, do vậy ngăn chận khiển trừ các thẩm tra khác và cùng với hợp kết. Nếu vậy, ứng với lời nói dụ chẳng phải dị phần vì hiển

bày cái nghĩa của nhân. Việc tuy thật thế nhưng nhân này chỉ hiển bày rõ tính của tôn pháp, không phải là hiển rõ đồng phẩm, dị phẩm, có tính, không tính cần phải nói riêng đồng dị dụ. Nếu chỉ nói nghĩa sở thuyên biểu gọi đó là nhân, như vậy có lỗi thế nào? Lại có được thế nào? Riêng nói phần dụ chính gọi là được.

Theo như phương tiện lời nói thế gian cùng với nghĩa của nhân đó đều không tương ưng. Nếu thế tại sao lỗi?

Ở đây chỉ nói ứng với loại nghĩa sở lập, không có công năng, chẳng phải nghĩa năng lập, do đó chỉ nói tính cách bị làm đã giống như đồng pháp, không nói nghĩa năng lập được thành lập.

Lại nhân ở đây riêng dụ có đồng pháp, dị pháp cuối cùng vẫn không thể hiển bày tính bất tương ly của nhân cùng sở lập. chính vì chỉ có giống như nghĩa sở lập, nhưng không công năng.

Vì sao không công năng? Vì lấy trong đồng dụ không cần tướng loại tôn pháp, tôn nghĩa. Nếu ở đây lại trừ thí dụ đã thành lập ra thì lại thành vô cùng.

Lại không cần quyết định có các phẩm loại, chẳng phải trong dị phẩm không hiển bày vô tính. Có chỗ phân biệt năng là thí dụ, cho nên có lời tụng rằng:

Nếu nhân là sở lập
Hoặc tướng loại sai biệt
Thí dụ phải vô cùng
Và chận trừ dị phẩm.

Thế gian chỉ rõ tôn, nhân, dị phẩm đồng ở chỗ có tính là dị pháp dụ. Chẳng phải tôn vô xứ, nhân không tính, cho nên quyết định là vô năng. Nếu chỉ tôn pháp là tính của nhân thì tôn pháp ấy bất định, nên cũng thành nhân. Thế nào là đầy đủ sở lập, năng lập, và dị phẩm pháp hai loại thí dụ mà có lỗi này?

Nếu lúc bấy giờ dị phẩm đã lập chẳng phải là một chủng loại, thì bèn có lỗi này. Như trước sau ba đều dụ ở cuối, cho nên quyết định ba tướng chỉ vì sáng tỏ nhân. Do vậy đạo lý tuy tất cả phần đều có thể làm nhân hiển bày sở lập xong, nhưng chỉ một phần là nói làm nhân. Như vậy lược nói tôn, nhân, dụ và tợ, tức những lời này gọi là năng lập và tợ năng lập, tùy theo chúng ứng hợp để khai ngộ cho người mà nói năng lập và tợ năng lập này.

Vì tự khai ngộ chỉ có hiện lượng cùng với tỷ lượng. Dụ những âm thanh kia đều thu nhiếp ở trong đây, vì chỉ có hai lượng. Do đây có thể hiểu

tự cộng tướng là chẳng phải lìa hai cái này riêng có sở lượng làm hiểu biết cái đó lại lập ngoài lượng ra. Vì thế cho nên bổn lập lời tụng rằng:

Hiện lượng trừ phân biệt
Ngoài nhân sanh đã nói.

Trong đây hiện lượng trừ phân biệt nghĩa là: Nếu có trí ở nơi cảnh sắc, xa lìa tất cả danh ngôn chủng loại, giả lập không khác các môn phân biệt. Do bất cộng duyên hiện, riêng biệt chuyển hiện ra cho nên có tên hiện lượng.

Lại nói tụng rằng:

Hữu pháp không một tướng
Căn chẳng tất cả hành
Chỉ nội chứng ly ngôn
Chính cảnh giới sắc căn.

Tâm ý cũng xa rời các phân biệt, chỉ là chứng hành chuyển. Lại ở tham, sân, si v.v... các tự chứng phần, những pháp tu định, xa lìa giáo lý phân biệt đều là hiện lượng. Lại ở trong này không có biệt lượng quả (Quả lượng riêng), vì lấy ngay cái thể này giống như nghĩa sanh khởi, tợ có thể dùng cho nên giả nói là lượng. Nếu đối với tham… các tự chứng phần cũng là hiện lượng. Vì sao trong đây trừ phân biệt trí, lại không có ngăn chận tự chứng phần trong đây? Bởi vì hiện lượng vô phân biệt, chỉ ở trong đây mới hiểu rõ, ngoài phần cảnh ra không có tên hiện lượng. Do đây mà nói ngay rằng, ức niệm so sánh tới cái trí sợ hãi, mong cầu, nghi ngờ, trí tuệ mê loạn ở trong trần ái, tất cả đều không phải là hiện lượng, tùy theo trước đã thọ nhận mà phân biệt chuyển. Như vậy trí của thế tục có trong bình, số… có tính bình, số đều là tợ hiện lượng. Ở trong thật hữu làm ngoài hành tướng, cho nên giả hợp ngoài cái nghĩa phân biệt chuyển.

Đã nói hiện lượng, bây giờ nói đến tỷ lượng. Ngoài nhân sanh khởi đã nói, nghĩa là chánh trí là trí trước, ngoài ra theo như đã nói nhân sanh, năng lập chính là duyên với nghĩa đó. Ở đây có hai loại: Nghĩa là ở chỗ bị so sánh (Sở tỷ), do trí xem xét, quán sát từ hiện lượng hoặc tỷ lượng mà sanh, và cũng nhớ nghĩ nhân này và tôn đã lập vốn chẳng rời nhau. Do vậy thành ra nhớ sức mạnh của lời nói đã nêu ở trước cho nên nghĩa nhân đồng phẩm quyết định là có. Chính vì so sánh xa gần tới nhân, cho nên cả hai đều gọi là tỷ lượng, điều này y vào "Tác cụ tác giả" mà nói. "Như vậy nên biết giác ngộ người khác thì tỷ lượng cũng không xa rời cái năng lập được hình thành ở đây.

Vì thế nên nói lời tụng rằng:

Một việc có nhiều pháp
Tướng chẳng phải tất cả
Chỉ do ngoài giản biệt
Quyết định có thể theo
Như vậy năng tướng ấy
Cũng có nhóm các pháp
Chỉ không vượt sở tướng
Năng biểu cũng không ngoài.

Vì sao ở trong đây cùng với hiện lượng trước lại khác biệt kiến lập hai môn? Chỗ này ứng với quả so sánh nên nói là tỷ lượng. Chỗ đó cũng ứng với nhân hiện tiền nên nói là hiện lượng. Cả hai đều không che chận (già chỉ). Đã nói năng lập và tợ năng lập, nay sẽ nói tiếp năng phá và tợ năng phá.

Tụng rằng:

Năng phá khuyết đẳng ngôn
Tợ phá vị chư loại.

Trong đây, năng phá khuyết đẳng ngôn, nghĩa là các ngôn từ đã nói ở trước thiếu sót, các phần lỗi khuyết, mỗi mỗi nói đều gọi là năng phá. Do mỗi mỗi nói kia có thể hiển bày, tôn trước chẳng phải là nói giỏi.

Nói tợ phá vị chư loại là nghĩa đồng pháp có loại lỗi tương tợ gọi là tợ năng phá, do vì đó đa phần ở tỷ lượng thiện. Vì mê hoặc người khác mà phô bày, không có khả năng hiển thị bất thiện của tôn trước. Do điều đó phi lý mà bài bác và cũng ở chỗ năng phá mà phô bày chính là loại đó, cho nên gọi loại đó là bị lỗi.

Nếu ở trong chỗ phi lý mà lập tỷ lượng như vậy phô bày hoặc không hiểu rõ lỗi tỷ lượng, hoặc ngay đó hiển bày môn đó lỗi thì không gọi là loại bị lỗi.

Vì thị hiện dị phẩm
Do lập khác đồng pháp
Ngoài đồng pháp tương tợ
Do phân biệt dị pháp
Sai biệt là phân biệt
Nên một thành không khác
Hiển nhân ngoài sở lập
Có thể gọi tương tợ
Riêng nghĩa khó theo nhân
Nên gọi là do dự

Chính là nghĩa dị phẩm
Chẳng ái gọi nghĩa chuẩn.

Trong đây hiện bày dị phẩm do đồng pháp dị lập, đồng pháp tương tợ điên đảo mà thành lập cho nên gọi là dị lập. Dị lập này y theo tác cụ tác giả mà nói là đồng pháp, tức là tương tợ cho nên gọi là đồng pháp tương tợ. Nhiếp tất cả cho nên thành lập trong ấy loại lỗi tương tợ.

Nói tương tợ chính là không phải tiếng nam, vì tương ưng năng phá, hoặc tùy theo kết tụng.

Thế nào là đồng pháp tương tợ năng phá?

Ở trong chỗ sở tác, vì sinh khởi chuyển cho nên nói là năng tác, nên như vậy mà nói, sau tùy theo chỗ giống cũng nói như vậy.

Nay ở trong đây do đồng pháp dụ điên đảo thành lập, vì vậy cho nên gọi là đồng pháp tương tợ. Như có người thành lập âm thanh là vô thường vì có tính cách do sức siêng năng liên tục phát sinh. Ở đây lấy hư không làm dị pháp dụ, cũng có thể lấy hư không làm đồng pháp dụ, vì không có chất ngăn chận khi lập âm thanh là thường.

Như vậy trong nhân của lời nói này ứng với cái bình là đồng pháp mà dị phẩm hư không nói là đồng pháp, do vậy mà nói là đồng pháp tương tợ.

Ngoài ra, do dị pháp, nghĩa là tương tợ dị pháp, tức là ngoài cái hiện bày dị phẩm của đồng pháp tương tợ trước, do dị pháp dụ điên đảo mà lập hai loại trong dụ. Như an lập ở trước, bình làm dị pháp cho nên nói là dị pháp tương tợ.

Phân biệt sai biệt gọi là phân biệt. Vì trước nói hiện bày cho nên ứng với biết bây giờ nói là phân biệt sai biệt. Phân biệt đồng pháp sai biệt, nghĩa là như trước đã nói bình là đồng pháp. Ở đồng pháp đó có thể thiêu vì nghĩa sai biệt, thế thì bình, nên vô thường chẳng phải là âm thanh, âm thanh là thường, thường thì không thể thiêu đốt cho nên có sai biệt. Do phân biệt này điên đảo đã lập, thế nên gọi đó là phân biệt tương tợ.

Nói "Một thành không khác" là chỉ ra đồng pháp, vì trước đã nói do cái này và cái kia thuận theo thành một. Kia chính là cái gì? Vì lại không thể là phương tiện khác của nghe, cho nên rất gần sát nhau. Nên biết, chính tôn thành "Không khác", thành lỗi "Không khác", tức do nghĩa này nói có thể biết cho nên không nói tên ấy, chính là ai và ai cộng thành "Không khác", không thể riêng nói, cho nên tức là tất cả cái này và tất cả cái kia. Như có lời nói rằng, nếu thấy cái bình vì có đồng pháp, tức khiến ngoài pháp cũng không khác biệt. Tất cả bình, pháp, âm thanh đều ứng có tức là tất cả pháp thay đổi, hỗ trợ đồng ứng thành một tính.

Trong đây đè nén thành lỗi không dị biệt cũng là hiển bày tính sai biệt của cái bình, âm thanh, vì không khác lắm với phân biệt tương tợ ở trước, nên riêng mà nói. Nếu lấy siêng năng liên tục mà phát ra để thành lập vô thường, muốn hiển bày rõ cả hai chẳng phải là tính sau cùng thời thành lỗi tôn nhân không khác biệt.

Đè nén đây khiến thành tính không khác biệt cho nên gọi là không có dị, tương tợ. Cũng nói nhân này như pháp năng thành lập, sở thành lập. Cũng có thể thành lập pháp trái nhau này do không có dị biệt cho nên gọi là không có dị tương tợ.

Hiển nhân ngoài sở lập có thể gọi tương tợ, nghĩa là nếu được hiển thị nhân ngoài tôn pháp đã lập, chính là nói có thể được tương tợ. Nghĩa là có người nói như trước thành lập âm thanh là vô thường. Đây chẳng phải là nhân đúng đắn, vì ở ánh chớp do hiện thấy ngoài nhân có thể được thành vô thường. Nếu rời đây mà có được kia, đây chẳng phải nhân ấy, ở đây có làm riêng cái khác, phương tiện gọi là đây chẳng phải là chánh nhân vô thường vì nó không trùm khắp, như nói rừng bụi đều có suy tư, có ngủ nghỉ.

Riêng nghĩa khó theo nhân nên gọi là do dự, là vì loại lỗi tương ưng cho nên tiếng nữ nói trong đây phân biệt nghĩa của tôn biệt dị, nhân thành bất định, cho nên gọi là do dự tương tợ. Hoặc lại phân biệt nghĩa của nhân biệt dị cho nên gọi là loại lỗi do dự tương tợ, là có nói như ở trước thành lập âm thanh là vô thường vì có tính cách do siêng năng liên tục phát sinh. Hiện thấy tác động siêng năng phát sinh hoặc hiển hoặc sinh cho nên thành do dự. Nay vốn sở thành lập là hiển là sinh vì thế không thuận theo, dùng nhân như thế chứng minh nghĩa vô thường.

Chính là nghĩa dị phẩm chẳng ái gọi nghĩa chuẩn, là có người nói rằng, nếu lấy siêng năng liên tục mà phát sinh để nói là vô thường thì đúng nghĩa. Nhưng nếu chẳng phải siêng năng mãi mà phát sinh thì các ánh chớp đều nên là thường. Như vậy gọi là nghĩa chuẩn tương tợ phải biết.

Nên biết trong đây lượt bỏ câu sau thế nên chỉ gọi là nghĩa chuẩn của do dự. Lại do nghĩa nào mà đồng pháp này, loại lỗi tương tợ khác với Luận sư Nhân minh nói thứ tự Tợ, Phá, Đồng?

Do các đồng pháp này Đa nghi nên tợ phá.

Những lời nói nhằm làm sáng tỏ lên hoặc có cái khó khác và vì hiển lỗi tợ bất thành nhân.

Trong đây, bốn điều trước cùng với chỗ luận chủ nói phương tiện thí dụ đều là không tương ưng, vả chăng đó chỉ là tùy theo thế gian mà phương tiện thí dụ. Tuy không làm rõ tính quyết định của nhân, nhưng thu nhiếp

thể ấy chính là nói do dùng nhân đồng pháp bất định thành lập tôn riêng, phương tiện cũng nói họ có pháp này, do vậy bèn thành tợ cộng bất định hoặc còn thành tợ quyết định trái nhau. Nếu nói chỉ là thành lập tôn riêng thì tại sao bất định được gọi là năng phá? Chẳng phải liền nói lấy đây làm năng phá.

Khó nói bất định gọi là bất định, vì ở trong năng thuyên nói sở thuyên không có lỗi này, nói khác cũng an lập như vậy. Nếu lượng sở lập có lỗi bất định, hoặc lại nhân quyết định đồng pháp có sở thành lập, thì gọi là năng phá, vì vậy rất là khó.

Nếu hiện thấy sức mạnh tỷ lượng không có khả năng ngăn chận, xua trừ tính đó, thì như có người thành lập âm thanh không phải là được nghe, cũng như cái bình v.v… Nhưng lấy cái hiện thấy mà xét thì âm thanh chính là cái được nghe. Không nên lấy tính được nghe để ngăn chận, xua trừ vô thường. Không phải chỉ không thấy mới có thể xua trừ, vì nếu không như thế thì cũng nên xua trừ cái thường.

Tương tự thứ hai không khác, là tợ lỗi không thành nhân, nó cho rằng sinh mà không có nhân, tăng thêm sở lập, vì làm tôn nhân thành một lỗi, cho nên ở đây lấy vốn không mà sinh cực thành nhân pháp chứng diệt về không ở sau. Nếu ngay đó lập có thể thành năng phá.

Tương tự thứ ba không khác thành lập sợ lập gây hại khó nên trở thành tương tợ, do có thể đốt cho nên không quyết định. Nếu quyết định có thể thành trái nhau thì có thể thành tương tợ sở lập bất định. Thành tương tợ đó nếu sở lập nhân ở chỗ thường cũng có thể thành năng phá. Thứ hai có thể được, tuy là không bao trùm mà vì ngoài loại không có nên tợ như lỗi bất thành.

Nếu sở lập không thể gọi là năng phá, thì không phải ở trong đây muốn lập tất cả đều là vô thường.

Do dự tương tợ nghĩa là lấy tác động liên tục mà phát sinh, được thành lập hoại diệt.

Nếu lấy sinh khởi tăng thêm sở lập thì sẽ tạo thành lỗi bất định, đây tợ như bất định. Nếu ở chỗ sở lập không khởi phân biệt, chỉ lựa riêng nhân sinh khởi là khó, ở đây tợ bất thành. Do ở đây không muốn chỉ sinh, thành lập hoại diệt, vì sinh, nếu làm rõ tất phải đều hoại diệt, thì không phải bất định.

Nghĩa chuẩn tương tợ: là coi điên đảo bất định là khó, cho nên tợ bất định. Nếu chẳng phải do siêng năng liên tục mà phát sinh thành lập thường, vô thường, hoặc chỉ có siêng năng liên tục mà phát sinh vô thường chẳng

sót có thể thành năng phá.

Nếu nhân đến không đến Ba thời chẳng thích nói Đến chẳng đến vô nhân Chính gọi tợ nhân khuyết.

Nếu nhân đến không đến, ba thời chẳng thích nói, đến chẳng đến vô nhân, là: Nhân đến không đến nói chẳng thích. Nếu nhân năng lập đến tôn sở lập mà được thành lập, thì không sai biệt cho nên chẳng phải sở lập, như nước sông và nước biển hợp lại không khác. Lại nếu không thành nên chẳng phải đến nhau, sở lập nếu thành thì đây là nhân gì? Nếu nhân năng lập không thể đến sở lập, không đến thì chẳng phải nhân, vì không sai biệt, nên bất thành nhân, gọi là tương tợ đến, không phải đến. Lại ba thời nói chẳng thích. Nếu nhân năng lập ở trước sở lập, thì chưa có sở lập, đó là nhân gì? Nếu nói ở sau, đã thành sở lập, thì đâu cần đến nhân? Nếu cùng lúc, thì nhân và có nhân đều không thành tựu, như hai sừng trâu, như thế gọi là tương tợ vô nhân.

Trong đây như trước thứ tự khác, do vậy cả hai gọi là tợ nhân khuyết. Tại sao vậy? Vì chẳng phải lý chê bai tất cả nhân, trong đây lý gì chỉ không đến vì đồng nên tuy tướng nhân tương ưng mà cũng không gọi là nhân. Như thế, lý gì chỉ ở trước sở lập không được gọi là nhân tức chẳng phải năng lập. Lại ở trong đây có cái lỗi tự hại ngăn chận, xua trừ đồng pháp. Như vậy tạm ở hãy nói trong thành lập tuệ và nhân có thiếu tợ nhân, ở trong nghĩa của nhân có tợ bất thành, cho nên chẳng phải lý khi chê bai tất cả nhân pháp.

Như hai nhân trước đối với nghĩa sở lập, cả hai đều chẳng phải tính sở tác, năng tác, cho nên không cùng theo Chánh lý. Nếu lúc dùng Chánh lý bác bỏ thì mới có thể gọi là năng phá.

Vì trước nói vô nhân Nên không có sở lập Là vô thuyết tương tợ Sinh vô sinh cũng vậy Dị sở tác thiểu phần Sở lập hiện bất thành Gọi sở tác tương tợ Nói nhiều như tợ tôn.

Vì trước nói nhân nên không có sở lập, là vô thuyết tương tợ, nghĩa là có thuyết nói: như sở lập ở trước, nếu do nhân này chứng được tính vô thường. Đây chưa nói trước đều không có gì cả vì nhân không có, nên không phải vô thường. Như vậy gọi là không có thuyết tương tợ.

Sinh vô sinh cũng vậy, trước sinh vô nhân nên không sở lập cũng tức là gọi tương tự vô sinh.

Nói cũng vậy là loại như âm thanh, vì trước không có nhân nên không có sở lập. Ngay ở trong đây như không sở lập nên biết cũng có sở lập trái nhau, nghĩa là có người nói như sở lập ở trước. Nếu như vậy trước khi âm

thanh chưa sinh, không có siêng năng mãi mà phát sinh nên chẳng phải vô thường, lại vì không phải siêng năng mãi phát sinh nên là thường, như vậy gọi là tương tợ vô sinh.

Dị sở tác thiểu phần, sở lập hiển bất thành, gọi là sở tác tương tợ, nghĩa là vì tánh được làm (sở tác) vốn thành lập cũng như cái bình, âm thanh vô thường, hoặc cái bình có tính dị sở tác cho nên có thể là vô thường, thì tại sao do dự việc âm thanh? Như vậy gọi là sở tác tương tợ.

Nói nhiều như tợ tôn: Là như không nói tương tợ mà phần nhiều nói như tợ sở lập nghĩa giống như lỗi bất thành nhân.

Nói nhiều vì hiển bày hoặc như ngoài tợ. Ngay ở trong đây không nói tương tợ tăng thêm tỷ lượng, nghĩa là những ngôn từ được trình bày ở luận thuyết thành lập trụ vô thường vì nạn chưa nói nhân không có ở trước. Tợ bất thành này hoặc tợ thiếu nhân, nghĩa là chưa nói ích lợi năng lập ở trước. Nếu ở trong đây làm rõ nghĩa không có, lại khi lập sanh khởi, nếu không có lời nói có thể thành năng phá.

Vô sinh tương tợ, trước khi âm thanh chưa sinh tăng thêm sở lập, vấn nạn nhân không có, tức gọi là tợ phá.

Nếu lúc thành lập mà hiển bày cái này chính là không thì có thể thành năng phá. Nếu trước khi chưa sinh, lấy chẳng phải siêng năng mãi mà phát sinh, khó khiến cho thường, thì phần nghĩa chuẩn cũng tợ bất định.

Sở tác tương tợ chính là có ba loại: Nếu vấn nạn cái bình có tính cách bị làm ra, đối với âm thanh không có, đây là tợ bất thành. Nếu vấn nạn âm thanh có tính cách bị làm ra, đối với bình không có, đây là tợ trái nhau. Nếu vấn nạn tức ở thường này cũng không, thì là bất cộng, thuận tiện tợ bất định, hoặc lỗi tợ dụ vì dẫn đồng pháp. Tại vì sao? Tức là chỉ lấy pháp chung mà kiến lập tỷ lượng, không lấy riêng. Nếu lấy nghĩa riêng quyết định là dị, vì tỷ lượng phải nên không có.

Đều hứa mà cầu nhân
Gọi lỗi sinh tương tợ
Đây là dụ đặt nạn
Gọi nói như tợ dụ.

Đều hứa mà cầu nhân gọi là lỗi sinh tương tợ: có nghĩa là có vấn nạn nói: như sở lập ở trước cái bình là vô thường, thì đâu là nhân chứng? Đó là ở trong dụ đặt bày tên nạn, gọi là nói như tợ dụ. Nghĩa là cái bình vô thường. Đều thành tựu mà nói bất thành, vì nạn tợ dụ, như nói tợ dụ:

Tính vô thường hằng tùy
Gọi thường trụ tương tợ

Đây là lỗi thường tính
Gọi như nói lỗi tôn.

Nghĩa là có hỏi nói như sở lập ở trước âm thanh là vô thường. Đây ứng với tính thường và tính vô thường hợp lại, vì tự tính của các pháp vốn không mất nên cũng là thường, thì đây gọi là tương tợ thường trụ chính là lỗi tợ tôn. Tăng thêm tính vô thường của sở lập, vì ở trong đó hoàn toàn không có riêng cái thật tính vô thường, y theo đây thường chuyển, tức là cái này tự tính xưa không, nay có. Nhưng chỉ là tạm có, rồi trở lại không, nên gọi là vô thường. Tức phận vị này do duyên tự tính nên gọi là tính vô thường, như các quả tính.

Như vậy đủ các loại lỗi, những phần đã được nói gọi là tợ năng phá, tột cùng của tính cực thành. Các luận khác nói cũng nên như vậy mà phân biệt thành lập, tức là loại lỗi này chỉ do một phần nhỏ phương tiện khác, loại lỗi kiến lập vô cùng sai biệt, cho nên không nói. Như ngay trong đây, những gì được nói: Tăng thêm, tổn giảm, hữu hiện, vô hiện, sinh lý, biệt dụ, phẩm loại tương tợ, do đó ở phương diện này đều phải nên xem xét rõ ràng, và cũng nên ngăn chận, khiển trừ các điều bất thiện của phương tiện tỷ lượng. Làm như vậy mà nói lần lượt mở rộng ra. Những điều mà luận khác nói thì vô cùng, nên không nói nữa. Lại dựa vào những điều mà các vị luận sư nhân minh xưa đã nói, hoặc có thua thì gom vào năng phá, hoặc cực thô, hoặc phi lý, như loại ngữ (lời nói dối trá), cho nên ở đây không ghi chép.

Cả thảy cú nghĩa của tôn, nhân, dụ của sư khác cũng nên như vậy kiến lập. Như vậy, biến kế sở chấp các phần đó đều không ứng với lý, trái với tướng sở thuyết đều gọi là vô trí lý cực viễn. Lại loại lỗi này (Lỗi ngôn từ), dây tự so sánh trong luận thức, nhiều điều đã được chế phục, lại phương diện đây ở trong chỗ phá trừ, cổ nhân minh luận đã phân biệt đầy đủ, nên tạm kết thúc ở đây.

Vì khai trí cho người hiểu sai Sữa lại diệu nghĩa môn chánh lý Các điều bên ngoài còn chỗ mê Khiến rời đường tà về nẻo thật.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN

SỐ 1629

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1629

NHÂN MINH CHÁNH LÝ MÔN LUẬN

Đại Vực Bồ-tát Long Thọ tạo Đời Đường,
Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng dịch

Luận nói: Vì muốn phân biệt giữ lấy lý chân thật trong nghĩa năng lập và năng phá nên mới tạo luận này.

Tụng rằng:

Tôn, những lời nói năng lập
Trong đây chỉ tùy ý thích riêng
Từ đó thành lập gọi là tôn
Chẳng phải trái nghĩa với năng khiển.

Luận nói: Nghĩa của lỗi năng lập tức là nghĩa chân thật. Luận này nay làm tôn, nhân, dụ những lời gọi là năng lập. Như vậy tất cả những lời này làm sáng tỏ đầu mối sở thuyên sở vi.

Nói do đầu mối là do lợi ích của chúng hữu tình, làm đầu mối họ bám lấy.

Nói sở thuyên nghĩa là nhân, dụ vậy được nói ra. Sở vi là sự vì muốn ấn định nghĩa chân thật vậy.

Nếu vì làm sáng tỏ đầu mối quả v.v… thì luận nầy từ đầu đã đặt lời ấy, do ở nơi khác làm sáng tỏ nghĩa này rồi, dụ như hiện lượng.

Thế nào gọi là luận giải rõ những điều khác? Đó là ở sau cho nên lúc đầu không nên nói. Nếu vậy thì không phải phần của luận. Nếu lời khác nơi khác đã làm rõ nghĩa này, thì nhân nầy bất thành. Giải luận lúc sau mới biết nghĩa. Trí tuệ muốn thông trước phải do nghe chỗ đầu mối.

Nếu không rõ được phần đầu thì không có gì thay đổi, do giảng giải nầy cho nên lúc sau mới hợp chẳng phải phần luận, đây cũng không thành. Ví như ý ấy chẳng phải kinh cho nên không phải giải thích, đây ắt hẳn chẳng phải chi phần.

Ai giải thích kinh này? Giải thích kinh gì? Cho nên phải biết, như Thiên thọ nói chẳng phải chi phần này. Các bộ luận khác cũng do đầu mối

này mà thành, như vậy nếu xa rời ý đây tất sẽ không thành.

Ngoài ra lại nếu ngôn từ khó thì chớ tạo luận này. Không có đầu mối cũng như người cuồng dại nói, vì hiển bày nhân bất thành.

Trả lời rằng: Gọi là nghĩa của năng lập có thể có lỗi. Nếu nói như vậy chớ tạo luận ấy. Đã thuật rõ nghĩa lý môn thứ hai, Ác xoa ba đà nói tôn cũng như thế. Nhân đây nói ông ta hiện bày bất thành, há không phải năng lập có nghĩa ấn định thật sao! Tuy nhiên luận này không ấn định thật nghĩa cho nên không thành lỗi. Đến đây trở lên đã biện luận chủ đích của luận. Từ đây trở về sau bổn văn, tùy theo thứ tự mà giải thích vậy.

Tôn, những lời nói (của phía) năng lập, là vì người hỏi chưa hiểu nghĩa lý cho nên mới có những lời Tôn, Nhân, Dụ để biện thuyết, làm rõ. Những lời này trong luận thức gọi là năng lập. cũng lại lấy một lời năng lập, nhưng lại dùng để hiển bày tất cả thành tính của một năng lập. Do vậy nên biết, tùy theo năng lập có chỗ khuyết mà gọi là lỗi của năng lập.

Nói "Trong đây" nghĩa là nói nghĩa khởi đầu làm luận, hoặc nghĩa lý được rút gọn, gìn giữ trong Tôn, Nhân, Dụ v.v… cho nên gọi là Trong đây.

Nói "Chỉ" nghĩa là nói đến nghĩa riêng biệt, tùy theo ý riêng hiển bày, theo ý riêng mà thành lập, không dựa theo chủ trương nào khác.

Nói "Vui thích là sở lập" Nghĩa là vui thích không phải là tính chất năng thành lập, nếu trái như vậy thì gọi là sở thành lập. Theo đó, Tợ nhân và Tợ dụ cũng gọi là Tôn, là vì ngoài Tôn bị lỗi, Nhân và dụ cũng lỗi vì hiển bày tính chất xa rời.

Nói "chẳng phải đây trái nghĩa năng khiển" nghĩa là không phải trái nghĩa với lời nói "Âm thanh bị khiển trừ". Như thành lập "Tất cả lời nói đều hư vọng", hoặc nghĩa lý trái với tôn đã lập ở trước. Như Huân hồ tử (phái hoài nghi) thành lập "Âm thanh là thường còn". Lại như ở trong đây do vì không giống nhau cho nên không thể có sự so sánh phân biệt đưa đến thống nhất lời nói. "Trái nghĩa với khiển trừ" như nói mặt trăng không phải là mặt trăng, vì nó có.

Lại ở hữu pháp tức tôn sở lập, cái đó đã được nhất trí về hiện lượng và tỷ lượng. Trái nghĩa với khiển trừ như nói "Âm thanh chẳng phải là cái được nghe, cái bình là thường còn. Những lời nói như vậy là tôn nhân trái nhau, gọi là lập tôn sai. Ở đây, chẳng phải tôn bị lỗi vì ở trong tôn đây lập âm thanh là thường còn. Vì tất cả đều vô thường, dụ như phương tiện phải lập thành dị pháp. Do vì khi hợp dụ rõ ràng không phải là tất cả. Ở đây nhân không có vì lấy âm thanh thâu gồm vào tất cả, hoặc một phần nghĩa của sở lập cho nên nghĩa này không thành, gọi đó là nhân bị lỗi. Dụ cũng

có lỗi do thí dụ dị pháp. Như trước trình bày rõ Tôn không có, sau nói nhân không phải có, thuận theo lời nói ấy tức là vô thường tất cả. Đây là sai, là nghĩa chẳng phải tất cả vô thường. Nhưng ở đây đảo lại mà nói tất cả đều vô thường, cho nên trong dụ này cũng có lỗi.

Như đã nói Tôn và Tợ tôn, Nhân và Tợ nhân, phần nhiều là pháp của Tôn. Tướng sai biệt của chúng nay sẽ chỉ rõ:

Tôn pháp ở đồng phẩm
Là có không và đều
Ở dị phẩm đều ba
Cũng có, không và đều.

Luận nói: Vì sao không phải tất cả đều lấy vui thích làm chỗ sở lập, hợp lại nói tôn. Trong đây vì sao lại nói tôn chỉ chọn lấy hữu pháp, đây không có lỗi. Vì tất cả âm thanh trong chỗ riêng biệt cũng thay đổi, như nói cháy áo, hoặc có tôn âm thanh chỉ giải thích pháp. Trong tôn pháp này chỉ chọn lấy bên lập luận và bên vấn luận quyết định chấp nhận. Ở trong đồng phẩm, có và không có cũng phải như vậy. Vì sao? Vì ngay đây chỉ y theo chứng cứ liễu nhân, chỉ do năng lực trí tuệ hiểu nghĩa được nói, chẳng phải như sanh nhân, do tự khả năng khởi lên tác dụng. Nếu vậy đã chọn trí làm liễu nhân, chính là nói mất đi cái nghĩa năng thành lập, điều này cũng không đúng, vì khiến cái trí nhớ lại những suy nghĩ vốn cực thành. Cho nên trong đây chỉ chọn lấy cái nghĩa mà cả hai bên đều quyết định chấp nhận, tức là nói thiện giỏi. Do vậy, nếu hai bên không công nhận thì nhất định không phải là tôn pháp. Như có kẻ thành lập âm thanh là vô thường, mắt vốn thấy. Lại nếu bên vấn luận không công nhận như Đối hiển luận nói vì có tính cách bị làm ra. Lại nếu do dự như dựa vào khói mù v.v… trong lúc đang khởi lên nghi hoặc mà vội thành lập là chỗ ấy có lửa do đại chủng hòa hợp vì thấy có khói. Hoặc là ở nơi co pháp không thành như lập "thể của tôi có khắp mọi nơi vì sinh ra những vui thích".

Tất cả phẩm loại vốn có các ngôn từ như thế đều chẳng phải năng lập. Đối với đồng phẩm ấy có và không có v.v… cũng tùy theo chúng ứng hợp mà nên nói như thế. Đối với Nhân đang nói đây cùng với tương vi và bất định, chỉ có công nhận quyết định ngôn từ, mới gọi là năng lập hoặc năng phá. Chẳng phải vì ngôn từ do dự không thành lại giúp nhau chờ đợi thành.

Phàm, lập tôn pháp, về lý nên lấy thêm pháp, khác làm nhân thành lập pháp này, Nếu liền thành lập hữu pháp thì là có hoặc lập là không có. Như có kẻ thành lập "Tối thắng là có" vì hiện thấy vật khác có tổng là

chung, hoặc lập là không vì không thể nắm bắt được. Nghĩa này là thế nào?

Trong đây chỉ lập vật khác nhất định có một nhân làm tôn, không lập tối thắng nên không có lỗi này. Nếu lập là không cũng giả định lập pháp không thể được, vì thế không có lỗi hữu pháp. Nếu ngoài hữu pháp còn lập hữu pháp hoặc lập pháp ấy, như lấy khói lập lửa, hoặc lấy lửa lập xúc. Nghĩa đó như thế nào?

Nay ở trong đây không phải lấy lửa, xúc thành lập làm tôn, chỉ là thành lập tướng này thuận theo vật, nếu không như thế tức là y khói lập lửa, y lửa lập xúc phải thành một phần tôn nghĩa làm nhân. Lại ở trong này chẳng phải muốn thành lập lửa, xúc có tính, vì cùng biết có, lại vì ở trong đây quan sát mà thành.

Lập "Pháp, Hữu pháp" chẳng phải "Đức, Hữu đức" cho nên không có lỗi.

Lập lời tụng rằng:

Hữu pháp chẳng thành ở hữu pháp
Và pháp cũng chẳng thành hữu pháp
Chỉ do pháp cho nên thành pháp này
Như vậy thành lập ở hữu pháp.

Luận nói: Nếu có người thành lập âm thanh không phải là thường, nghiệp phải là thường, vì thường nên khả đắc. Như vậy tại sao gọi là tôn pháp? Ở đây nói lỗi đó do tôn nhân môn, nhân vì có sở lập nói ứng ngôn. Vì trước lập thường cho nên có hình tướng trở ngại, sau lập tôn bác (phá) lỗi của nhân đó. Nếu như vậy lập âm thanh là vô thường, vì "Bị làm ra" không phải thường. Cái thường thì không "Bị làm ra". Thế là sao? Đây là dụ cho phương tiện đồng pháp, dị pháp như thứ tự tuyên thuyết vì nói nhân của tôn ấy quyết định đuổi theo và tôn vô xứ thì quyết định vô nhân. Vì ở trong đây do hợp lại hiển bày tính nhân bị làm ra, như vậy âm thanh này là bị làm ra, không phải không bị làm ra. Cái tính bị làm ra này nhất định là tôn pháp.

Lập lời tụng rằng:

Thuyết nhân tôn sở tùy
Tôn vô nhân không có
Y thứ năm hiển dụ
Do hợp nên biết nhân.

Luận nói: Do ở đây đã giải thích phương tiện phản phá, vì lấy tính cách bị làm ra ở vô thường thì thấy, nhưng ở thường thì không thấy.

Như vậy, thành lập âm thanh chẳng phải là thường cho nên ứng với

không phải làm, cho nên thuận thành phương tiện phản phá chẳng phải giải thích nhân riêng. Như phá ngã của số luận đã biện biệt rộng rãi, nên hãy bàn những điểm cần thiết. Như vậy ba loại sai biệt của tôn pháp, nghĩa là đồng phẩm có, không có, hoặc cả hai.

Trong đây phẩm loại cùng với pháp sở lập đều gần gũi nhau cho nên gọi là đồng phẩm, vì lấy nghĩa lý của tất cả nên gọi là phẩm. Nếu không sở lập thì gọi là dị phẩm, không trái với đồng phẩm, hoặc khác nhau. Nếu trái nhau chỉ là chọn lựa. Nếu riêng khác nên hiểu là không có nhân. Do đạo lý này, vì có tính cách bị làm ra nên có khả năng thành, vô thường và vô ngã không trái nhau. Nếu như pháp có thể thành trái với sở lập thì đó là lỗi trái nhau, gọi là Tợ nhân, như pháp không trái nhau, sự trái nhau cũng vậy.

Không có lần lượt sở thành vì quyết định không có, chẳng phải như cái bình, vì nhân do dự ở chỗ lần lượt trong cái không và có. Lấy tính cách bị làm ra, ngoài việc thấy ở cái bình ra, thì ở áo cùng có. Chẳng phải lìa vô thường đối với vô ngã, vì có nhân này. Riêng pháp ở chỗ biệt xứ chuyển là như thế nào? Do ở đó tương tợ không nói tên khác cho nên nói tức là đây không có lỗi. Nếu không nói khác, nhân này gọi là tôn pháp là như thế nào?

Trong đây chỉ nói quyết định là tôn pháp, không muốn nói rằng chỉ là tôn pháp. Nếu vậy ứng với đồng phẩm cũng gọi là tôn. Không thể như vậy. Vì nơi khác nói sở thành, nhân nhất định không khác, mới thành tỷ lượng, cho nên không tương tợ: Mỗi cái có ba loại, nghĩa là có ở trong tất cả đồng phẩm, ở dị phẩm hoặc có, không có và có không có. Ở đồng ấy chẳng có và cả hai đều như vậy là ba loại sai biệt. Nếu tôn vô thường, dị phẩm hoàn toàn không đối với luận không lập có hư không.

Nói cái đó ở xứ này không, nghĩa là thế nào?

Nếu đó không có thì ở đó không chuyển vì hoàn toàn không có ngăn chận, không có lỗi này. Như vậy hợp thành chín loại tôn pháp, tùy theo thứ tự mà lược bày tướng ấy. Nghĩa là lập âm thanh thường còn vì có tính cách bị đo lường, hoặc lập vô thường vì có tính cách bị làm ra, hoặc do siêng năng tác động không gián đoạn mà có, cho nên có tính cách vô thường. Hoặc lập là thường vì có tính cách bị làm ra, hoặc vì có tính cách bị nghe, hoặc vì do siêng năng mãi tác động mà có. Hoặc chẳng phải có tính cách do siêng năng mãi tác động mà có, cho nên có tính cách vô thường, hoặc lập là vô thường vì có tính cách do siêng năng mãi tác động mà có, hoặc lập là thường vì không có đối xúc. Như vậy hai bài tụng sau xem như đã nhiếp chín loại.

Thường, vô thường siêng năng

Hằng trụ tính vững chắc
Siêng không dời bất biến
Do chín thứ sở lượng
Sở lượng làm vô thường
Tính nghe, siêng phát khởi
Siêng vô thường vô xúc
Y theo chín tính thường.

Như vậy phân biệt gọi là nhân trái nhau bất định. Cho nên bổn tụng rằng:

Đồng phẩm có và hai
Dị phẩm không là nhân
Ngược đây gọi trái nhau
Ngoài ra đều bất định.

Trong đây chỉ có hai loại gọi là nhân, nghĩa là ở đồng phẩm có khắp tất cả, dị phẩm thì không, và ở đồng phẩm thông có và chẳng có, dị phẩm không. Ở chỗ ba phần trước sau chọn lấy giữa một.

Lại cũng chỉ có hai loại gọi là trái nhau, vì có thể, đảo lập. Nghĩa là ở dị phẩm có gồm hai loại, ở đồng phẩm không có hoàn toàn. Thứ hai, trong ba chọn lấy hai phần trước sau, còn lại năm loại nhân và trái nhau đều không quyết định, chính là vì nghi cái nghĩa của nhân. Lại ở trong tướng của tất cả nhân đều nói một số đồng phẩm loại được nói, chớ nói hai tướng ấy vì nhân mà hỗ trợ thay đổi không cùng một nơi, hoặc vì ở một tướng cùng làm việc, thành nhân bất biến. Lý lẽ ứng với tên của bốn loại: Nhân bất định vì hai câu hữu (cả hai bên đều có hai).

Như thế nào là bị nghe (cái nghe) do vì không cùng? Nếu không cùng biến nhiếp tất cả sở thành lập pháp và sở hữu sai biệt đều chính là nghi nhân, vì chỉ cái nào có tính cái đó mới bị nhiếp. Cho nên khi một cái hướng đến xa lìa (với tôn và nhân), những cái còn lại đều không có nhân phân biệt. Trong đây chỉ cái nào mà cả hai đều không trái nhau mới chính là tính cách của nghi nhân. Nếu trong đó cả hai phần đều có vì là nhân quyết định thì phân biệt ngoài cái riêng chính là sai biệt. Nếu đối với nơi đó có tính của âm thanh là thường, thì cái này ứng với nhân thành lập.

Nếu ở lúc ấy không hiển bày những tính cách bị làm ra chính là nhân vô thường, thì chấp nhận có nghĩa này. Như thế cả hai có thể có một nghĩa trái nhau, vì không chấp nhận có chính là nhân do dự.

Lại ở trong đây, vì lời dạy rõ ràng, có sức thuyết phục hơn nên y theo đây mà quyết định suy nghĩ tìm cầu.

Tóm lại ý trên qua lời tụng rằng:

Nếu pháp là bất cộng
Đều quyết định trái nhau
Khắp tất cả ở đây
Đều là tính nhân nghi
Thư chứng pháp hữu pháp
Tự tánh hoặc sai biệt
Đây thành nhân trái nhau
Nếu không gì trái hại
Quán tôn pháp sâu kỹ
Nếu sự vui là hại
Thành trù trừ điên đảo
Khác đây vô tợ nhân.

Như vậy đã bàn xong nhân và tợ nhân, dụ và tợ dụ. Bây giờ nói đến:

Nói nhân tôn đi theo
Tôn vô nhân không có
Cả hai là thí dụ
Ngoài ra là tương tợ.

Dụ có hai loại, Đồng pháp và Dị pháp.

Đồng pháp nghĩa là lập âm thanh là vô thường vì do có tính cách phát ra do siêng năng liên tục. Tất cả những gì có tính cách phát ra siêng năng liên tục đều vô thường, dụ như cái bình.

Dị pháp nghĩa là những gì thường trụ thì thấy không có tính cách phát ra siêng năng liên tục, như hư không. Trước là giải thích về ngăn cái sai, sau đó ngăn lạm dụng, vì nghĩa hợp và ly so sánh, do vậy tuy đối với không thể lập thật có hư không rộng lớn mà được hiển bày không có lãnh vực của tôn thì không có nghĩa của nhân. Lại lấy duyên gì mà phần thứ nhất nói nhân tôn tùy theo thỏa thích. Phần thứ hai nói tôn không có thì nhân không có mà không nói là nhân không có, tôn không có vậy? Do nói như thế là có khả năng làm sáng tỏ nhân đồng phẩm quyết định có, dị phẩm hoàn toàn không, chẳng phải nói điên đảo.

Lại nói tụng rằng:

Nên lấy không tác để chứng thường
Hoặc cho vô thường thành sở tác
Nếu vậy nên thành chẳng như nói
Không chấp chẳng lạc đều hợp ly.

Luận nói: Như vậy, đã nói xong hai pháp hợp ly thuận và phản với

hai dụ. Ngoài đây ra là tương tợ, chính là nghĩa tợ dụ.

Nói ngoài đây ra nghĩa là thế nào? Nghĩa là ở nơi này, sở lập, năng lập và không đồng phẩm tuy có hợp ly nhưng là do điên đảo mà nói. Hoặc nơi đó không có hợp ly, nhưng rõ ràng nơi đó sở lập và năng lập đều có, dị phẩm không.

Như vậy hai pháp hoặc có một bên không công nhận, không khiển trừ, hoặc có cả hai không công nhận không khiển trừ. Như vậy lập âm thanh là thường còn vì không có xúc đối.

Nói đồng pháp dụ: Những thứ không có đối với xúc thì thấy nơi đó đều là thường. Như nghiệp, cực vi, cái bình v.v...

Nói dị pháp dụ: nghĩa là những gì vô thường thì đều thấy có xúc đối. Như cực vi, nghiệp, hư không v.v...

Do đây đã nói, trong đồng pháp dụ có pháp bất thành. Nghĩa là đối với không chấp nhận thường của hư không là cần có đủ hai thí dụ ngôn từ mới có thể thành lập được. Vì như nhân ấy chỉ tùy nói là một, nếu muốn thành tựu chánh lý nên nói đủ là hai. Do vậy nhân ấy phải hiển bày đầy đủ, không xa rời pháp sở lập, lấy hiển thị đầy đủ đồng phẩm quyết định có và dị phẩm phải hoàn toàn không. Khả năng chủ chánh (năng chánh) sẽ đối trị trái nhau và bất định. Nếu có ở một phần này đã thành thì cũng tùy nói một phần năng lập. Nếu âm thanh có hai nghĩa đồng theo thì cả hai không cần nói, Hoặc do nghĩa chuẩn "Một có khả năng hiển bày cả hai" (Nhất năng hiển nhị).

Lại ở trong tỷ lượng chỉ thấy lý này. Nếu ở chỗ bị so sánh giống với thẩm định ở ngoài đồng loại, suy nghĩ này quyết định là có, thì chỗ kia không suy nghĩ khắp cả đều không thế nên, do đây sanh hiểu chắc, bổn lập lời tụng rằng:

Như tự quyết định rồi
Buồn kia quyết định sinh
Nói tôn pháp tương ưng
Ngoài sở lập viễn ly.

Luận nói: Vì so sánh để làm sáng tỏ tính tôn pháp, cho nên nói nhân.

Vì làm sáng lên tính không thể rời nhau nầy, cho nên nói dụ. Vì làm sáng tỏ cái được so sánh cho nên nói tôn.

Trong sự được so sánh nầy trừ cái này ra thì không có chi phần nào cả, do vậy ngăn chận khiển trừ các suy xa khác và cùng với hợp kết. Nếu vậy, lời nói dụ phải phi dị phần vì hiển bày cái nghĩa của nhân, cho nên việc tuy thật thế, nhưng nói nhân này chỉ vì hiển bày rõ tính của tôn pháp,

chẳng phải là hiển rõ đồng phẩm, dị phẩm, có tính, không tính cần phải nói riêng đồng dị dụ. Nếu chỉ nói nghĩa sở thuyên biểu gọi đó là nhân, như vậy có lỗi thế nào? Lại có được thế nào? Riêng nói phần dụ đó gọi là được.

Theo như phương tiện lời nói thế gian đều không tương ưng với nghĩa của nhân đó. Nếu thế có lỗi gì?

Ở đây chỉ nói ứng với loại nghĩa sở lập, không có công năng, không phải nghĩa năng lập, do đó chỉ nói tính cách bị làm đã giống như đồng pháp, không nói nghĩa năng lập được thành lập.

Lại nhân ở đây riêng dụ có đồng pháp, dị pháp cuối cùng vẫn không thể hiển bày tính bất tương ly của nhân cùng sở lập. chính vì chỉ có giống như nghĩa sở lập, nhưng không công năng.

Vì sao không công năng? Vì trong đồng dụ không cần tướng loại tôn pháp, tôn nghĩa. Nếu ở đây lại lập những thí dụ khác thì lại thành vô cùng.

Lại không cần quyết định có các phẩm loại, chẳng phải trong dị phẩm không hiển bày vô tính. Có chỗ phân biệt có khả năng là thí dụ, cho nên có lời tụng rằng:

Nếu nhân là sở lập
Hoặc tướng loại sai biệt
Thí dụ phải vô cùng
Và chận trừ dị phẩm.

Luận nói: Thế gian chỉ rõ tôn, nhân, dị phẩm đồng ở chỗ có tính là dị pháp dụ. Chẳng phải tôn vô xứ, nhân không tính, cho nên quyết định là vô năng. Nếu chỉ tôn pháp là tính của nhân thì tôn pháp ấy bất định, nên cũng thành nhân. Thế nào là đầy đủ sở lập, năng lập, và dị phẩm pháp hai loại thí dụ mà có lỗi này?

Nếu lúc bấy giờ dị phẩm đã lập chẳng phải là một chủng loại, thì thuận tiện có lỗi này. Như trước sau ba đều dụ ở cuối, cho nên quyết định ba tướng chỉ vì hiển rõ nhân. Do vậy đạo lý tuy tất cả phần đều có thể làm nhân hiển bày sở lập xong, nhưng chỉ một phần hãy nói làm nhân. Như vậy lược nói tôn, nhân, dụ và tợ, tức những lời này gọi là năng lập và tợ năng lập, tùy theo chúng ứng hợp để khai ngộ cho người mà nói năng lập và tợ năng lập này.

Vì tự khai ngộ chỉ có hiện lượng và tỷ lượng. Dụ những âm thanh kia đều gồm thâu ở trong đây, vì chỉ có hai lượng. Do đây có thể hiểu tự-cộng tướng là chẳng phải lìa hai cái này riêng có sở lượng, và hiểu biết cái đó, còn lập tướng khác nữa.

Vì thế cho nên bổn lập lời tụng rằng:

Hiện lượng trừ phân biệt
Ngoài nhân sanh đã nói.

Luận nói: Trong đây hiện lượng trừ phân biệt nghĩa là: Nếu có trí ở nơi cảnh sắc, xa rời tất cả danh ngôn chủng loại, giả lập vì lượng môn phân biệt. Do bất cộng duyên hiện, thấy chuyển riêng cho nên có tên hiện lượng.

Lại nói tụng rằng:

Hữu pháp chẳng một tướng
Căn chẳng tất cả hành
Chỉ nội chứng ly ngôn
Chính cảnh giới sắc căn.

Luận nói: Tâm ý cũng xa rời các phân biệt, chỉ là chứng hành chuyển. Lại tham, sân, si v.v... các tự chứng phần, những pháp tu định, xa lìa giáo lý phân biệt đều là hiện lượng. Lại ở trong này không có lượng quả riêng, vì thể này giống như nghĩa sinh khởi, tợ có thể dùng cho nên giả nói là lượng. Nếu đối với tham… các tự chứng phần cũng là hiện lượng, thì tại sao trong đây trừ phân biệt trí, lại không có ngăn chận tự chứng phần trong đây? Bởi vì hiện lượng vô phân biệt, chỉ ở trong đây mới hiểu rõ, ngoài phần cảnh ra không có tên hiện lượng. Do đây mà nói rằng, ức niệm so sánh tới cái trí sợ hãi, mong cầu, nghi ngờ, trí tuệ mê loạn ở trong trần thô, tất cả đều chẳng phải là hiện lượng, tùy theo trước đã thọ nhân mà phân biệt chuyển. Như vậy trí của thế tục có trong bình, số… có tính bình, số đều là tợ hiện lượng. Ở trong thật hữu còn có hành tướng khác, cho nên giả hợp ngoài nghĩa phân biệt chuyển.

Đã nói hiện lượng, bây giờ nói đến tỷ lượng. Ngoài nhân sanh khởi đã nói, nghĩa là chánh trí là trí trước, ngoài ra theo như nói nhân sanh, năng lập chính là duyên là với đó. Ở đây có hai loại: Nghĩa là ở chỗ bị so sánh (Sở tỷ), do trí xem xét, quán sát từ hiện lượng hoặc tỷ lượng mà sanh, và cũng nhớ nghĩ nhân này và tôn đã lập vốn chẳng rời nhau. Do vậy thành ra nhớ sức mạnh của lời nói đã nêu ở trước cho nên nghĩa nhân đồng phẩm quyết định là có. Chính vì so sánh xa gần tới nhân, cho nên cả hai đều gọi là tỷ lượng, điều này y vào "Tác cụ tác giả" mà nói. "Như vậy nên biết giác ngộ người khác thì tỷ lượng cũng không xa rời năng lập được hình thành ở đây.

Vì thế nên nói lời tụng rằng:

Một việc có nhiều pháp
Tướng chẳng phải tất cả
Chỉ do ngoài giản biệt

Quyết định có thể theo
Như vậy năng tướng ấy
Cũng có nhóm các pháp
Chỉ không vượt sở tướng
Có thể biểu không ngoài.

Luận nói: Vì sao ở trong đây cùng với hiện lượng trước lại khác biệt kiến lập hai môn? Chỗ này ứng với quả so sánh nên nói là tỷ lượng. Chỗ đó cũng ứng với nhân hiện tiền nên nói là hiện lượng. Cả hai đều không che chận (già chỉ). Đã nói năng lập và tợ năng lập, nay sẽ nói tiếp năng phá và tợ năng phá.

Tụng rằng:

Năng phá thiếu nhiều lời
Tợ phá vị chư loại.

Luận nói: Trong đây, năng phá thiếu nhiều lời, nghĩa là các ngôn từ đã nói ở trước thiếu sót, các phần lỗi khuyết, mỗi mỗi nói đều gọi là năng phá. Do mỗi mỗi nói kia có thể hiển bày, tôn trước chẳng phải là nói giỏi.

Nói tợ phá nghĩa là cái nghĩa đồng pháp có loại lỗi tương tợ gọi là tợ năng phá, do vì đó đa phần ở tỷ lượng thiện. Vì mê hoặc người khác mà phô bày, không có khả năng hiển thị bất thiện của tôn trước. Do điều đó không hiện mà bài bác và cũng ở chỗ năng phá mà phô bày chính là loại đó, cho nên gọi loại đó là bị lỗi.

Nếu ở trong chỗ phi lý mà lập tỷ lượng như vậy phô bày hoặc không hiểu rõ lỗi tỷ lượng, hoặc ngay đó hiển bày môn đó lỗi thì không gọi là loại bị lỗi.

Vì thị hiện dị phẩm
Do đồng pháp dị lập
Ngoài đồng pháp tương tợ
Do phân biệt dị pháp
Sai biệt là phân biệt
Nên một thành không khác
Hiển nhân ngoài sở lập
Có thể gọi tương tợ
Riêng nghĩa khó theo nhân
Nên gọi là do dự
Chính là nghĩa dị phẩm
Chẳng ái gọi nghĩa chuẩn.

Luận nói: Vì ở trong đây hiện bày dị phẩm do đồng pháp dị lập, đồng

pháp tương tợ điên đảo mà thành lập cho nên gọi là dị lập. Dị lập này y theo tác cụ tác giả mà nói là đồng pháp, tức là tương tợ cho nên gọi là đồng pháp tương tợ. Nhiếp tất cả cho nên thành lập trong ấy loại lỗi tương tợ.

Nói tương tợ chính là không phải tiếng nam, vì tương ưng năng phá, hoặc tùy theo kết tụng.

Thế nào là đồng pháp tương tợ năng phá?

Đối với cái được làm ra, vì sinh khởi chuyển cho nên nói là năng tác, nên như vậy mà nói, sau tùy theo chỗ giống cũng nói như vậy.

Nay ở trong đây do đồng pháp dụ điên đảo thành lập, cho nên gọi là đồng pháp tương tợ. Như có người thành lập âm thanh là vô thường vì có tính cách do siêng năng liên tục phát sinh. Ở đây lấy hư không làm dị pháp dụ, cũng có thể lấy hư không làm đồng pháp dụ, vì không có chất ngăn chận khi lập âm thanh là thường.

Như vậy trong nhân của lời nói này ứng với cái bình là đồng pháp mà dị phẩm hư không nói là đồng pháp, do vậy mà nói là đồng pháp tương tợ.

Ngoài ra, do dị pháp, nghĩa là tương tợ dị pháp, tức là ngoài cái hiện bày dị phẩm của đồng pháp tương tợ trước, do dị pháp dụ điên đảo mà lập hai loại trong dụ. Như an lập ở trước, bình là dị pháp cho nên nói là dị pháp tương tợ.

Phân biệt khác nhau gọi là phân biệt, nghĩa là trước nói hiện bày cho nên ứng với biết bây giờ nói là phân biệt khác nhau. Phân biệt đồng pháp khác nhau, nghĩa là như trước đã nói bình là đồng pháp. Đối với đồng pháp đó có thể đốt vì nghĩa sai biệt, thế thì cho nên vô thường chẳng phải là âm thanh, âm thanh là thường, thường thì không thể thiêu đốt cho nên có sai biệt. Do phân biệt này điên đảo đã lập, thế nên gọi đó là phân biệt tương tợ.

Nói "Một thành không khác", là hiện bày đồng pháp, vì trước đã nói, do cái này và cái kia thuận theo thành một. Kia là cái gì? Vì không nghe phương tiện khác nữa, cho nên rất gần sát nhau. Nên biết, tôn thành "Không khác", thành lỗi "Không khác", tức do nghĩa này nói có thể biết cho nên không nói tên ấy, chính là ai và ai cộng thành "Không khác", không thì riêng nói, cho nên đây là tất cả và kia là tất cả. Như có lời nói rằng, nếu thấy cái bình vì có đồng pháp, tức khiến ngoài pháp cũng không khác biệt. Tất cả bình, pháp, âm thanh đều ứng có tức là tất cả pháp thay đổi, hỗ trợ đồng ứng thành một tính.

Trong đây đè nén thành lỗi không dị biệt cũng là hiển bày tính sai biệt của cái bình, âm thanh, vì không khác lắm với phân biệt tương tợ ở trước, nên riêng mà nói. Nếu lấy siêng năng liên tục mà phát sinh để thành

lập vô thường, muốn hiển bày rõ cả hai chẳng phải là tính sau cùng thời thành lỗi tôn nhân không khác biệt.

Đè nén đây khiến thành tính không khác biệt cho nên gọi là không khác, tương tợ. Cũng nói nhân này như pháp năng thành lập, sở thành lập, cũng năng thành lập pháp trái nhau này do không có dị biệt cho nên gọi là không có dị tương tợ.

Hiển bày nhân ngoài sở lập gọi là có thể được tương tợ, nghĩa là nếu được hiển thị nhân ngoài tôn pháp đã lập, thì nói có thể được tương tợ. Nghĩa là có người nói như trước thành lập âm thanh là vô thường. Đây không phải là chánh nhân. Đối với ánh chớp do hiện thấy ngoài nhân có thể được thành vô thường. Nếu rời đây mà có được kia, đây chẳng phải nhân ấy vì có ngoài ở đây phương tiện riêng làm, nghĩa là đây chẳng phải là chánh nhân vô thường, do vì không bao trùm khắp, như nói rừng bụi đều có suy tư, có ngủ nghỉ.

Nhân nghi ngờ khó biết nghĩa khác cho nên gọi là do dự, vì loại lỗi tương ưng. Cho nên ông nói trong đây phân biệt nghĩa của tôn biệt dị, nhân thành bất định, cho nên gọi là do dự tương tợ. Hoặc lại phân biệt nghĩa của nhân biệt dị cho nên gọi là loại lỗi do dự tương tợ. Nghĩa là có chỗ nói như ở trước thành lập âm thanh là vô thường vì có tính cách siêng năng liên tục phát sinh. Nhưng hiện thấy siêng năng liên tục mà phát sinh hoặc hiển hoặc sinh cho nên thành do dự. Nay vốn thành lập là hiển là sinh vì thế không thuận theo dùng nhân như thế chứng minh nghĩa vô thường cho nên nói là nghĩa của dị phẩm.

Chẳng yêu thích gọi là nghĩa chuẩn, nghĩa là có người nói rằng, nếu lấy siêng năng liên tục mà phát sinh để nói là vô thường thì đúng nghĩa. Nhưng nếu chẳng phải siêng năng liên tục mà phát sinh thì các ánh chớp đều nên là thường. Như vậy gọi là nghĩa chuẩn tương tợ phải biết.

Nên biết trong đây lượt bỏ câu sau thế nên chỉ gọi là nghĩa chuẩn của do dự. Lại do nghĩa nào mà đồng pháp này, loại lỗi tương tợ khác với Luận sư nhân minh nói thứ tự Tợ, Phá, Đồng?

Do các đồng pháp này
Đa nghi đó nên tợ phá.

Luận nói: Những lời nói làm sáng tỏ lên hoặc có cái khó khác và vì hiển lỗi tợ bất thành nhân.

Trong đây, bốn điều trước cùng với luận chủ nói phương tiện thí dụ đều là không tương ưng. Hãy tùy theo thế gian mà phương tiện thí dụ. Tuy không hiển bày cái tính quyết định của nhân, nhưng thu nhiếp thể ấy cho

nên nói do dùng nhân đồng pháp bất định thành lập tôn riêng, phương tiện cũng nói họ có pháp này, do vậy tiện thành tợ cộng bất định hoặc lại thành tợ trái nhau quyết định. Nếu nói chỉ là thành lập tôn riêng thì tại sao bất định được xem là năng phá? Chẳng phải là nói lấy đây làm năng phá.

Khó nói bất định gọi là bất định, vì ở trong năng thuyên nói sở thuyên không có lỗi này. Nơi khác cũng nên như vậy mà an lập. Nếu lượng đã lập có lỗi bất định, hoặc lại nhân quyết định đồng pháp có sở thành lập, tức gọi là năng phá, vì vậy rất là khó.

Nếu hiện thấy sức mạnh tỷ lượng không có khả năng ngăn chận, khiển trừ cái tính đó, như có người thành lập âm thanh chẳng phải là được nghe, cũng như cái bình v.v… thì lấy cái hiện thấy mà xét là âm thanh chính, cái được nghe. Không nên lấy tính được nghe để ngăn chận, khiển trừ vô thường. Chẳng phải chỉ không thấy mới có thể khiển trừ, vì nếu không như thế thì cũng nên khiển trừ cái thường.

Vô dị tương tợ thứ hai là lỗi tợ bất thành nhân, điều đó xưa không mà nay có, tăng thêm sở lập, vì làm tôn nhân thành một lỗi, cho nên ở đây coi xưa không mà nay có thành nhân pháp chứng diệt về không ở sau, thì ngay đó lập thành năng phá.

Vô dị tương tợ thứ ba thành lập sở lập trái hại khó nên trở thành tương tợ có thể đốt cho nên không quyết định. Nếu quyết định có thể thành trái nhau, thì có thể được tương tợ sở lập bất định, cho nên thành tương tợ đó. Nếu nhân sở lập đối với cái thường cũng có thể thành năng phá thứ hai có thể ở được. Tuy là không trùm khắp mà vì ngoài loại không, cho nên tợ lỗi bất thành.

Nếu sở lập không thể gọi là năng phá, thì chẳng phải ở trong đây muốn lập tất cả đều là vô thường.

Do dự tương tợ nghĩa là lấy siêng năng liên tục mà phát sinh được thành lập hoại diệt.

Nếu coi sinh khởi tăng thêm sở lập thì sẽ tạo thành lỗi bất định, đây tợ bất định. Nếu đối với sở lập không khởi phân biệt, thì chỉ lựa cái nhân sinh khởi là khó, ở đây tợ bất thành. Do ở đây không muốn chỉ có sinh thành lập hoại diệt, nếu sinh, nếu hiển đều hoại diệt, thì chẳng phải bất định.

Nghĩa chuẩn tương tợ: Nghĩa là lấy điên đảo bất định là khó giống bất định (tợ bất định). Nếu chẳng phải do siêng năng liên tục mà phát sinh thành lập thường, vô thường, hoặc chỉ có siêng năng liên tục mà phát sinh vô thường không có cái gì khác có thể thành năng phá.

Nếu nhân đến không đến Ba thời chẳng thích nói Đến chẳng đến vô

nhân Chính gọi tợ nhân khuyết.

Luận nói: Nếu nhân đến không đến, ba thời chẳng thích nói, đến chẳng đến vô nhân nghĩa là: Nhân đến không đến nói chẳng thích. Nếu nhân năng lập đến tôn sở lập mà được thành lập, vì không sai biệt nên chẳng phải sở lập, như nước sông và nước biển hợp lại không khác. Lại nếu không thành lẽ ra chẳng phải cùng đến. Sở lập nếu thành thì đây là nhân gì? Nếu nhân năng lập không thể đến sở lập không đến thì chẳng phải nhân, vì không sai biệt, nên thành không nhân. Đó gọi là phi tương tợ đến, không phải đến. Lại ba thời nói chẳng thích, nếu nhân năng lập ở trước sở lập, sở lập mà chưa có, thì đây là nhân gì? Nếu nói ở hậu trần, sở lập đã thành, thì đâu cần đến nhân nữa? Nếu cùng lúc, thì nhân và có nhân đều không thành tựu, như hai sừng trâu, như thế gọi là tương tợ vô nhân.

Trong đây như thứ tự khác ở trước, do vậy cả hai gọi là tợ nhân khuyết. Tại sao? Vì chẳng phải lý chê bai tất cả nhân, trong đây lý gì chỉ không cùng đến nên tuy tướng nhân tương ứng mà cũng không gọi là nhân. Như thế, lý gì chỉ ở trước sở lập không được gợi là nhân, tức chẳng phải năng lập. Lại ở trong đây có cái lỗi tự hại ngăn chận, khiển trừ đồng pháp. Như vậy tạm ở chỗ nói nhân và tuệ trong tuệ được thành lập có tợ nhân khuyết, đối với nghĩa của nhân có tợ bất thành, cho nên phi lý chê bai tất cả nhân pháp.

Như hai nhân trước đối với nghĩa đã lập, cả hai đều không phải tính sở tác, năng tác, không thuận theo chánh lý. Nếu lúc dùng chánh lý bác bỏ thì mới có thể gọi là năng phá.

Vì trước nói vô nhân Nên không có sở lập Là không nói tương tợ Sinh vô sinh cũng vậy Dị sở tác thiếu phần Sở lập hiện bất thành Gọi sở tác tương tợ Gọi như tợ tôn nói.

Luận nói: Trước nói nhân không có, nên không có sở lập, gọi là không có thuyết tương tợ, nghĩa là có thuyết nói, như sở lập ở trước, nếu do nhân này chứng được tính vô thường, thì đây chưa nói trước đều không có sở hữu vì nhân không có, nên chẳng phải vô thường. Như vậy gọi là không có thuyết tương tợ.

Sinh vô sinh cũng thế, trước sinh vô nhân nên không sở lập cũng tức là gọi vô sinh tương tợ.

Nói cũng thế là loại như âm thanh, trước nhân không có nên không có sở lập. Nay trong đây như không sở lập nên biết cũng có sở lập trái nhau, nghĩa là có người nói như sở lập ở trước. Nếu như thế thì từ trước khi âm thanh chưa sinh, không có siêng năng liên tục mà phát sinh nên chẳng phải

vô thường, lại vì chẳng phải siêng năng mãi phát sinh nên chính là thường. Như vậy gọi là vô sinh tương tợ.

Dị sở tác thiểu phần, hiển bày sở lập bất thành. Gọi là sở tác tương tợ, nghĩa là tách được làm (sở tác) vốn thành lập cũng như cái bình, âm thanh vô thường, hoặc cái bình có tính dị sở tác cho nên có thể là vô thường, thì tại sao do dự việc âm thanh? Như vậy gọi là sở tác tương tợ.

Nhiều như tợ tôn nói: Như là không nói tương tợ mà phần nhiều như tợ sở lập nói nghĩa giống như lỗi bất thành nhân.

Nói nhiều vì hiển bày hoặc như ngoài tợ. Ngay ở trong đây không nói tương tợ tăng thêm tỷ lượng, nghĩa là những ngôn từ được trình bày ở luận thuyết để thành lập tính vô thường vì hỏi chưa nói nhân không có ở trước. Tợ bất thành này hoặc tợ nhân khuyết, nghĩa là chưa nói ích lợi năng lập ở trước. Nếu ở trong đây hiển bày cái nghĩa không có, lại khi lập lượng khởi, nếu không có lời nói, có thể thành năng phá.

Vô sinh tương tợ, trước khi chưa sinh âm thanh tăng thêm sở lập, vấn nạn nhân không có, tức gọi là tợ phá.

Nếu lúc thành lập mà hiển bày cái này là không thì có thể thành năng phá. Nếu trước khi chưa sinh, vì không phải siêng năng liên tục mà phát sinh, khó làm cho thường, thì phần nghĩa chuẩn cũng tợ bất định.

Sở tác tương tợ chính là có ba loại: Nếu vấn nạn cái bình có tính cách bị làm ra, ở chỗ âm thanh không có, đây là tợ bất thành. Nếu vấn nạn âm thanh có tính cách bị làm ra, ở cái bình không có, đây là tợ tương vi. Nếu vấn nạn tức ở thường này cũng không, thì là bất cộng, thuận tiện tợ bất định, hoặc lỗi tợ dụ, vì dẫn dụ đồng pháp. Tại vì sao? Tức là chỉ lấy pháp chung mà kiến lập tỷ lượng, không lấy riêng. Nếu lấy nghĩa riêng quyết định là dị, vì tỷ lượng phải nên không có.

Đều hứa mà cầu nhân
Gọi lỗi sinh tương tợ
Đây là dụ đặt nạn
Gọi như tợ dụ thuyết.

Luận nói: Đều hứa mà cầu nhân gọi là lỗi sinh tương tợ, nghĩa là có vấn nạn nói: như trước sở lập bình là vô thường, thì do nhân gì làm chứng? Đó là ở trong dụ đặt bày tên nạn, như nói tợ dụ. Điều này nghĩa là cái bình vô thường. Cùng hứa thành tựu mà nói bất thành, vì nạn tợ dụ, như tợ thuyết dụ:

Tính vô thường hằng tùy
Gọi thường trụ tương tợ

Đây là lỗi thường tính
Gọi như nói tôn lỗi.

Luận nói: Nghĩa là có nạn nói như trước sở lập âm thanh là vô thường. Đây ứng với tính thường và tính vô thường hợp lại, vì tự tính của các pháp vốn không mất nên cũng là thường, như vậy gọi là thường trụ tương tợ chính là lỗi tợ tôn. Tăng thêm tính vô thường của sở lập, vì ở trong đây đều không có riêng cái thật tính vô thường, y theo đây thường chuyển, tức là cái này tự tính xưa không, nay có. Nhưng chỉ là tạm có, sau đó lại hoàn không, nên gọi là vô thường. Tức phần lập này do duyên tự tính nên gọi là tính vô thường, như các quả tính.

Như vậy đủ các loại lỗi, những phần đã được nói gọi là tợ năng phá, tột cùng của tính đã được công nhận. Ngoài luận này, cũng nên như vậy mà phân biệt thành lập, tức là loại lỗi này chỉ do một phần nhỏ phương tiện khác, kiến lập vô cùng sai biệt loại lỗi, cho nên không nói. Như ngay trong đây, các chỗ được nói: Tăng thêm, tổn giảm, hữu hiện, vô hiện, sinh lý, biệt dụ, phẩm loại tương tợ, do đó ở phương diện này đều phải nên xem xét rõ ràng, và cũng nên ngăn chận, khiển trừ các điều bất thiện của phương tiện tỷ lượng. Làm như vậy mà nói lần lượt mở rộng ra điều này ở luận khác được nói rất nhiều, nên không nói thêm. Lại dựa vào những điều mà các vị luận sư nhân minh xưa đã nói, hoặc tùy trong năng phá thu nhiếp, hoặc cực thô, hoặc phi lý, như loại ngữ (lời nói dối trá), cho nên ở đây không ghi chép.

Ngoài cú nghĩa của tôn, nhân, dụ sở lập của luận sư cũng nên như vậy kiến lập. Như vậy, biến kế sở chấp các phần đó đều không ứng lý, trái với tướng sở thuyết đều gọi là vô trí vì xa rời lý được công nhận. Lại loại lỗi này (Lỗi ngôn từ), đây tự so sánh trong luận thức, nhiều điều đã được chế phục, lại phương diện đây ta chỗ phá trừ, thì cổ nhân minh luận đã phân biệt đầy đủ, nên tạm kết thúc ở đây.

Vì khai trí cho người hiểu sai Sữa lại diệu nghĩa môn chánh lý Các điều bên ngoài còn chỗ mê Khiến rời đường tà về nẻo thật.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ

SỐ 1630

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1630

LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ

Bồ-tát Thương Yết La Chủ Tạo
Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch.

Năng lập cùng năng phá Và tợ giúp người ngộ Hiện lượng và Tỷ lượng Và tợ để tự ngộ.

Trong bộ luận này, những phần được nói đến được gọi là năng lập. Do bởi người học vẫn còn băn khoăn, chưa hiểu rõ nghĩa lý cho nên mới bày ra Tôn, Nhân, Dụ để khai mở, chỉ bày.

- Thế nào gọi là Tôn?

Tôn có nghĩa là cực thành Hữu pháp và Năng biệt (cả hai đều được bên lập và bên vấn công nhận). Trong đó, sai biệt là thuộc tính của chúng, tùy theo ý riêng của mình đưa ra thuộc tính nào thì thuộc tính ấy trở thành luận thuyết, và luận thuyết ấy thành lập được gọi là Tôn. Như có thuyết lập: "Âm thanh là vô thường". Như vậy, "âm thanh là vô thường chính" là Tôn.

- Thế nào gọi là Nhân?

Nhân có ba tướng (ba đặc tính của Nhân):

Thứ nhất: Nhân phải có mặt trong Tôn, (nói cách khác Nhân phải là thuộc tính của pháp trong Tôn).

Thứ hai: Nhân nhất định phải có thuộc tính trong những gì đồng phẩm với Tôn.

Thứ ba: Nhân phải không có thuộc tính trong những gì dị phẩm với Tôn.

- Thế nào gọi là Đồng Phẩm, Dị Phẩm?

Những gì có tính chất và nghĩa lý giống với pháp được thành lập trong Tôn thì gọi là đồng phẩm. Như lập Tôn "vô thường". Vì cái Bình có tính vô thường nên gọi là đồng phẩm.

Dị phẩm có nghĩa là ở nơi những thứ đó không có tính chất giống với pháp được thành lập trong Tôn. Nếu cái gì thường thì phải không bị làm ra, ví như hư không v.v…

Trong Tôn này (vô thường). Nếu lấy Nhân là tính cách do bị làm ra hoặc do siêng năng liên tục mà có, thì đó là Nhân đúng, vì trong Nhân ấy có đủ ba đặc tính. Nó có mặt đầy đủ trong pháp của Tôn, có tính chất giống với tính chất của pháp trong Tôn, và vắng mặt hoàn toàn những thuộc tính không có thuộc dị phẩm với Tôn.

- Thế nào là Dụ? Dụ có hai loại:

1. Đồng pháp.

2. Dị pháp.

Đồng pháp: Là nếu ở những thứ đó có tính chất giống với Nhân thì quyết định tính chất ấy có mặt trong pháp của Tôn, là nếu ở đó có tính chất bị làm ra thì nó phải bị vô thường. Ví dụ như cái bình v.v...

Dị pháp: Là nếu những thứ đó không có trong pháp của Tôn đã lập, thì tính chất đó cũng phải không được tìm thấy ở trong Nhân, là nếu thứ gì là thường thì thứ ấy không có tính chất bị làm ra, như hư không v.v…

Trong đây nói thường là biểu thị không phải vô thường. Nói chẳng phải làm ra là nhằm muốn nói không bị làm ra. Ví như nói có và không có. Không có được gọi là phi hữu vậy.

Như đã nói, Tôn gồm nhiều phần (lời nói). Khi dùng để khai ngộ cho người thì gọi là năng lập. Như nói "Âm thanh là vô thường", đó là phần lập Tôn. "Vì có tính chất bị làm ra", đó là phần nói về tính chất của pháp trong Tôn. Nếu cái gì bị làm ra thì cái đó phải vô thường. Ví dụ như cái bình v.v... Đó là phần nói về những thứ có tính chất đồng phẩm với Tôn. Còn nếu cái gì "Thường" thì cái đó phải không bị làm ra. Ví dụ như hư không v.v... đây là phần nói về những thứ trái với tính chất trong Tôn và Nhân.

Toàn bộ ba phần này (Tôn, Nhân, Dụ) gọi là Năng lập. Tuy được thành lập đúng theo ý thích, nhưng vì trái với hiện lượng nên gọi là Tợ tôn lập, nghĩa là trái với Hiện lượng, trái với Tỷ lượng, trái với giáo lý của chính mình, trái với thế gian, trái với lời nói của mình. Năng biệt không được công nhận, sở biệt không được công nhận, cả năng biệt và sở biệt đều không được công nhận, đã được công nhận trước khi lập Tôn.

Trong đây, trái với Hiện lượng (hiện lượng tương vi) như nói: "Âm thanh không phải bị nghe"; trái với Tỷ lượng (tỷ lượng tương vi) như nói: "Cái bình là thường"; trái với giáo lý của mình (tự giáo tương vi) như Thắng luận sư lập tôn "Âm thanh là thường"; trái với thế gian (thế gian tương vi) "Mặt trăng không phải mặt trăng vì có thể, lại nói xương đầu của người là sạch, vì là thân phần của chúng sanh, cũng như vỏ ốc"; trái với lời nói của mình (tự ngữ tương vi) như nói "Mẹ tôi là gái đồng trinh".

Năng biệt không được công nhận (năng biệt bất cực thành) như đối với Số luận sư, đệ tử Phật lập tôn: "Âm thanh bị hoại diệt".

Sở biệt không được công nhận (sở biệt bất cực thành) như đối với Đệ Tử Phật, Số luận sư lập tôn: "Thần ngã làm tư duy".

Cả Năng biệt và Sở biệt đều không được công nhận (câu bất cực thành) như đối với Đệ Tử Phật, Thắng luận sư lập tôn "Thần ngã làm nhân duyên hòa hợp".

Tôn đã được công nhận trước khi lập (tương phù cực thành) như nói: "Âm thanh là thứ bị nghe".

Nói nhiều phần như vậy là vì không nhận được tự tính của các pháp (năm lỗi tương vi), vì lỗi không thể thành lập được (ba lỗi không được công nhận), vì lỗi không có hiệu quả (đã được công nhận trước), do vậy mà gọi là lỗi Tợ lập tôn.

Trên đã nói về phần Tợ tôn, giờ sẽ nói về phần Tợ nhân. Nhân bị lỗi bất thành, bất định và tương vi nên gọi là Tợ nhân.

Nhân bị lỗi bất thành có bốn:

1. Cả hai bên đều không công nhận.

2. Một bên không công nhận.

3. Do dự không công nhận.

4. Sở y không công nhận.

Như thành lập: "Âm thanh là vô thường". Nếu cho rằng vì có tính bị mắt thấy thì phạm lỗi cả hai bên đều không công nhận. Nếu cho rằng vì có tính bị làm ra thì đối với phái Hiển luận không công nhận, cho nên phạm lỗi một bên không công nhận.

Đối với những chỗ như có mù, khói v.v... trong lúc phân vân mà lại nói rằng "Chỗ đó có lửa do tứ đại chủng hòa hợp sinh" nói như vậy phạm lỗi do dự không công nhận. Nếu nói "Hư không là thật có" vì cho rằng là chỗ nương tựa của đất, thì đối với phái Luận sư không công nhận có hư không tồn tại, vì vậy phạm lỗi sở y không được công nhận.

Nhân bị lỗi Bất định có sáu:

1. Nhân có mặt ở cả đồng phẩm và dị phẩm.

2. Không có mặt ở cả đồng phẩm và dị phẩm.

3. Có mặt một phần ở đồng phẩm và toàn phần ở dị phẩm.

4. Có mặt toàn phần ở đồng phẩm và một phần ở dị phẩm.

5. Có mặt một phần ở đồng phẩm và một phần ở dị phẩm.

6. Trái nhau quyết định.

Trong đây, nói "Đều có" có nghĩa như nói "Âm thanh là thường" vì có tính chất bị đo lường. Thường, vô thường phẩm đều cùng nhân này cho nên bất định. Ví như "Cái bình", vì có tính chất bị đo lường cho nên nói "Âm thanh là vô thường". Lại như "Hư không", vì có tính chất bị đo lường, cho nên nói âm thanh là thường.

"Đều không có" Như nói "Âm thanh thường còn" vì có tính chất bị nghe. Thường, vô thường đều là nhân này, vì ngoài âm thanh ra không có cái thường nào, cũng không có cái vô thường nào bị nghe cả, đó là nhân do dự. Như vậy, tính chất bị nghe này giống những thứ nào?

"Một phần ở đồng phẩm, toàn phần ở dị phẩm": Như nói âm thanh chẳng do sức siêng năng liên tục phát sinh vì có tính cách vô thường. Trong đây lập tôn âm thanh không phải do sức siêng năng liên tục phát sinh, vì ánh chớp, hư không là đồng phẩm của nó, thì tính cách vô thường này chỉ có ở ánh chớp mà không có ở hư không. Tôn không phải sức siêng năng mãi phát ra. Cùng với tôn ấy, lấy bình làm dị phẩm thì ở đó lại có mặt hoàn toàn đầy đủ trong nhân.

Như vậy, cái nhân này vì lấy cái bình, ánh chớp làm đồng pháp cho nên phạm lỗi bất định, vì cái bình có tính cách vô thường do sức siêng năng liên tục phát sinh, lại như ánh chớp cũng có tính cách vô thường, nhưng nó không phải do sức siêng năng liên tục mà phát sinh.

"Toàn phần ở đồng phẩm và một phần ở dị phẩm": Như lập tôn âm thanh là do sức siêng năng liên tục mà phát sinh vì có tính cách vô thường. Tôn lập như vậy, lấy cái bình làm đồng phẩm thì tính cách vô thường của cái bình có mặt đầy đủ trong đây. Nếu lấy ánh chớp, hư không làm dị phẩm thì ở ánh chớp này, một phần là có, còn ở hư không thì không có. Vì giống như trước cho nên cũng phạm lỗi bất định.

"Một phần ở đồng phẩm và một phần ở dị phẩm": Như nói âm thanh thường còn vì không có tính chất ngăn chận. Trong đây lập tôn thường, lấy hư không, cực vi làm đồng phẩm thì ở hư không hoàn toàn có tính chất này, nhưng cực vi thì không có. Nếu lấy cái bình, cảm thọ lạc làm dị phẩm thì ở cảm thọ lạc có tính chất này, ở cái bình thì không có. Như vậy, ở nhân này vì lấy cảm thọ lạc và hư không làm đồng pháp cho nên cũng phạm lỗi bất định.

"Trái nhau quyết định": Như lập tôn âm thanh là vô thường vì có tính cách bị làm ra. Ví dụ như cái bình. Có chỗ lập âm thanh thường còn vì có tính cách bị nghe, ví dụ như tính cách của âm thanh. cả hai cái này đều là

nhân do dự cho nên cả hai đều phạm lỗi bất định.

Tương vi có bốn: Đó là tự tính của pháp trái với nhân; sai biệt của pháp trái với nhân; tự tướng của hữu pháp trái với nhân; sai biệt của hữu pháp trái với nhân.

Trong đây, "Tự tướng của pháp trái với nhân" là: Như nói âm thanh thường còn vì có tính cách bị làm ra hoặc vì có tính cách do sức siêng năng liên tục mà phát sinh. Nhân này chỉ có ở dị phẩm cho nên nó bị lỗi tương vi.

"Sai biệt của pháp trái với nhân" là: Như nói mắt do người khác sử dụng vì có tính cách chứa nhóm, như cái giường ngủ. Cũng có thể thành lập sai biệt của pháp trái với việc chứa nhóm do cái khác sử dụng, như những cái giường ngủ là cái chứa nhóm được người khác sử dụng.

"Tự tướng của hữu pháp trái với nhân": Là như nói hữu tính chẳng phải Thật, Đức, Nghiệp vì có Thật, Đức, Nghiệp riêng, như tính dị đồng. Nhân này thành lập để ngăn Thật, Đức, Nghiệp nhưng cũng có thể thành lập để ngăn hữu tính, cho nên cả hai đều quyết định như nhau.

"Sai biệt của hữu pháp trái với nhân": Là như chính cái nhân "vì có một Thật, Đức, Nghiệp", trong đó sai biệt của hữu pháp (tức Hữu Hữu) có tính cách làm duyên cho Thật, Đức, Nghiệp và ngược lại, Thật, Đức, Nghiệp cũng có thể làm duyên cho Hữu tính, cho nên cả hai đều có quyết định như nhau.

Trên đây đã nói về Tợ nhân, bây giờ nói về Tợ dụ. Tợ dụ của đồng pháp: gồm có năm loại:

1. Pháp năng lập bất thành.
2. Pháp sở lập bất thành.
3. Cả pháp năng lập và pháp sở lập đều bất thành.
4. Không Hợp.
5. Đảo hợp.

Tợ dụ của dị pháp: Cũng có năm loại:

1. Sở lập bất khiển.
2. Năng lập bất khiển.
3. Cả năng lập và sở lập đều bất khiển.
4. Bất ly.
5. Đảo ly.

1. Pháp năng lập bất thành: Là như nói âm thanh là thường còn vì

không có tính chất ngăn chận. những gì không có tính chất ngăn chận thì thường còn, giống như cực vi. Tuy nhiên, cực vi đối với tính thường còn của pháp đã thành lập trong tôn thì có, nhưng đối với không có tính chất ngại của pháp năng lập (tức là nhân) thì không, vì cực vi vốn có tính chất ngăn chận.

2. Sở lập pháp bất thành: Có nghĩa là cũng lập tôn và nhân như trên, nhưng lại lấy cảm giác làm dụ. Tuy nhiên tất cả các cảm giác đối với không có tính chất ngại của pháp năng lập thì có, nhưng đối với tính thường còn của pháp sở lập thì không, vì tất cả các cảm giác đều vô thường.

3. Câu bất thành: gồm có hai loại: Hữu và phi hữu. Trong đây cũng lập tôn và nhân như trên, nhưng nếu lấy cái bình làm dụ thì đó là hữu câu bất thành, còn nếu lấy hư không làm dụ thì đối với phái Vô không luận mà nói đó là vô câu bất thành.

4. Không hợp: Có nghĩa là ở nơi tôn và nhân không có sự phối hợp với dụ. chính ở nơi cái bình không có sự phối hợp với pháp năng lập (Nhân) và pháp sở lập (Tôn). Như nói cái bình có tính cách bị làm ra và đồng thời cũng có tính cách vô thường.

5. Đảo hợp: Có nghĩa như nói rằng tất cả những thứ bị làm ra đều vô thường. sau đó lại đảo ngược lại nói rằng tất cả những gì vô thường đều là thứ bị làm ra. Như vậy gọi là tợ đồng pháp dụ phẩm.

Tương tợ dị pháp:

1. Sở lập bất khiển: Vả như cũng lập tôn các thứ là vô thường, Nhân vì có tính cách ngăn chận ví như cực vi. Nhưng do ở nơi cực vi có tính chất thường còn của pháp sở lập không được khiển trừ, vì cực vi vốn có tính cách thường còn cho nên năng thành lập pháp vô chất vô ngại.

2. Năng lập bất khiển: Nghĩa là cũng lập tôn và nhân như trên và nói là do nghiệp lực. Nếu nói như vậy chỉ có thể khiển trừ được sở lập mà không khiển trừ được năng lập, bởi vì nghiệp lực thì không có tính cách ngăn chận.

3. Câu bất khiển: Cũng lập tôn và nhân như vậy, nhưng đối với Bĩ hữu luận" mà nói như hư không. Tuy nhiên, hư không không khiển trừ được tính thường còn trong sở lập (Tôn) và tính không có tính chất ngăn chận trong năng lập (Nhân), vì hư không vốn là thường còn và không có tính chất ngăn chận.

4. Bất ly: Nghĩa là cũng lập tôn và nhân như trên nhưng lại nói: như cái bình vì thấy nó có tính cách vô thường và có tính chất ngăn chận.

5. Đảo ly: Cũng tôn và nhân ấy nhưng lại nói rằng những gì có tính

chất ngăn chận đều là vô thường (nói như thế là phạm lỗi đảo ly).

Như vậy, những phần nói về Tợ tôn, Tợ nhân, Tợ dụ như ở trên không phải là năng lập đúng đắn.

Lại nữa, tự khai ngộ cho chính mình. Nên biết rằng tự khai ngộ cho chính mình chỉ có hai phần:

1. Hiện lượng.

2. Tỷ lượng.

Trong đây hiện lượng là vô phân biệt, nghĩa là có chánh trí đối với nghĩa của các sắc, lìa các danh chủng sở hữu phân biệt và hiện hiện phân biệt cho nên có tên là hiện lượng.

Nói tỷ lượng nghĩa là dựa vào các tướng để quan sát nghĩa lý. Như trước đã nói, tướng gồm có ba loại, do ba tướng ấy làm nhân, từ nghĩa lý được so sánh mà có chánh trí phát sinh, biết rõ chỗ ấy là có lửa, là vô thường v.v… đó gọi là tỷ lượng. Trong hai lượng này, thì chánh trí gọi là quả. Thân chứng được tự tướng các pháp, nghĩa là do có tác dụng mà hiển hiện cho nên cũng gọi là lượng.

Khởi lên trí phân biệt, ở nơi nghĩa lý hiểu khác đi gọi là tợ hiện lượng, nghĩa là do trí phân biệt sanh khởi mà biết cái bình, cái áo v.v… Nhưng do vì đối với nghĩa trí không trực tiếp lấy tự tướng làm cảnh giới xem xét cho nên gọi là Tợ hiện lượng.

Nếu nhân tương tợ mà trí trước đã khởi, y cứ vào nghĩa đó để trí xem xét, cho nên có tên là Tợ tỷ lượng.

Tợ nhân cũng có nhiều loại. Như trước đã nói, dùng nó làm nhân để so sánh tương tợ mà sanh ra sự hiểu biết không đúng đắn, nên gọi là Tợ tỷ lượng.

Lại nữa, nếu đúng đắn chỉ bày chỗ sai lầm của phía năng lập thì gọi là năng phá, nghĩa là trước hết chỉ bày ra chỗ sai lầm, khiếm khuyết của phía năng lập, sau đó chỉ ra tính chất bị lỗi của tôn được lập, tính bất thành lập, tính bất định, tính tương vi của nhân và tính chất bị lỗi của dụ. Nói lên những phần này nhằm để khai mở đối với người hỏi, cho nên gọi là năng phá. Nếu nói không đúng đắn, rõ ràng được lỗi của phái năng lập thì gọi là Tợ năng phá. Có nghĩa là ở nơi năng lập đầy đủ lại nói là khuyết giảm, tôn không lỗi lại nói là có lỗi, nhân thành tựu lại nói là không thành, nhân quyết định lại nói là bất định, nhân không tương vi lại nói là tương vi, dụ không lỗi lại nói là có lỗi. Vì không thể chỉ bày được chỗ sai lầm ở tôn người khác, do bởi tôn họ không lỗi, cho nên gọi là Tợ năng phá.

Như vậy xem như đã tạm trình bày xong. Sơ lược nghĩa cú đã trình bày

Dùng làm khuôn mẫu luận về sau Những là phải trái trong đây nói Nơi khác, phần riêng biện rõ hơn.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN HỒI TRÁNH

SỐ 1631

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1631

HỒI TRÁNH LUẬN

Tác giả: Bồ-tát Long Thọ. Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng Pháp sư Tỳ Mục Trí Tiên và Cù Đàm Lưu Chi.

PHẦN KỆ ĐẦU THỨ NHẤT

Lời kệ hỏi rằng:

Nếu tất cả vô thể
Ngôn ngữ là tất cả
Ngôn ngữ tự vô thể
Làm sao ngăn thể đó?
Nếu ngữ có tự thể
Tôn sở lập trước hoại
Như vậy là có lỗi
Nên thay nói thắng nhân
Nếu nói nhưng không tiếng
Thời nghĩa ấy không đứng
Tiếng có thể chận tiếng
Không tiếng sao chận được
Nếu bảo chận sự chận
Như vậy cũng không được
Như vậy tôn tướng ông
Tự hoại chẳng do tôi
Nếu hiện đó là có
Thời ông có thể hối
Nếu hiện đó là không
Thì làm sao được hối?
Nói hiện tỷ A-hàm
Thí dụ gồm bốn lượng
Hiện A-hàm kia thành
Thí dụ cùng đã thành

Người trí hiểu pháp thuyết
Thiện pháp có tự thể
Người đời hiểu hữu thể
Ngoài pháp cũng như vậy
Pháp xuất thể pháp xuất
Là bậc Thánh nói ra
Như vậy pháp không xuất
Pháp không xuất tự thể
Các pháp nếu vô thể
Vô thể không có tên
Có tự thể có tên
Vậy gọi tên thế nào?
Nếu lìa pháp có tên
Ở trong pháp đó không
Nói lìa pháp có tên
Người đó thời có hỏi
Pháp nếu có tự thể
Có thể chận các pháp
Các pháp nếu vô thể
Làm thế nào chận được?
Như có bình có bùn
Có thể chận bùn bình
Thấy có vật thời chận
Thấy không vật không chận
Nếu pháp vô tự thể
Ngôn ngữ làm sao chận?
Nếu không pháp bị chận
Không nói cũng thành chận
Như người ngu si kia
Vọng chấp lửa là nước
Nếu ông chận vọng chấp
Việc ấy cũng như thế
Chấp sở thủ năng thủ
Chận sở chận năng chận
Như vậy sáu loại nghĩa
Đều rõ là có pháp
Nếu không thủ sở thủ
Cũng không có năng thủ

Thì không chận sở chận
Cũng không có năng chận
Nếu không chận sở chận
Cũng không sở năng chận
Thì tất cả pháp thành
Tự thể nó cũng thành
Nhân khác nếu không thành
Tự thể nhân thế nào?
Nếu pháp không có nhân
Làm sao được nói thành
Ông nếu nhân không thành
Các pháp hối tự thể
Tôi cũng không nhân thành
Các pháp có tự thể
Nếu có nhân vô thể
Là nghĩa không tương ưng
Thế gian pháp vô thể
Thì không được nói có
Trước chận sau bị chận
Như vậy không tương ưng
Nếu sau chận và tịnh
Như vậy biết có thể.

PHẦN KỆ THỨ HAI

Nếu tôi rời ngôn ngữ
Pháp nhân duyên hòa hợp
Là chính thành không nghĩa
Các pháp không tự thể
Nếu nhân duyên không pháp
Ta nay nói nghĩa này
Người nào có nhân duyên
Nhân duyên đó vô thể
Hóa nhân ở hóa nhân
Ấu nhân ở ấu nhân
Như vậy chận sở chận
Điều nói đó cũng vậy
Ngôn ngữ không tự thể

Điều nói cũng vô thể
Ta như vậy không lỗi
Không cần nói thắng nhân
Ông nói không âm thanh
Chẳng phải ta thí dụ
Ta chẳng lấy thinh này
Giỏi chận âm thanh đó
Hoặc như có trượng phu
Vọng chấp thân hóa nữ
Mà sinh khởi dục tâm
Nghĩa đây cũng như vậy
Cùng không thể được thành
Trong hưởng ấy không nhân
Ta dựa vào thế đế
Nên mới nói như vậy
Nếu không dựa thế đế
Không chứng được chân đế
Nếu không chứng chân đế
Không chứng được Niết-bàn
Nếu tôn ta là có
Ta chính là có lỗi
Tôn ta vì không vật
Nên như vậy không lỗi
Nếu ta chấp chuyển hối
Thì phải dụng hiện tại
Chấp chuyển hối có lỗi
Không vậy thế nào lỗi?
Nếu lượng pháp được thành
Đó lại có lượng thành
Ông nói lượng chỗ nào
Thì được thành lượng ấy
Nếu lượng rời lượng thành
Ông tranh nghĩa là mất
Như vậy là có lỗi
Nên lại nói thắng nhân
Do như ánh sáng lửa
Tự chiếu và chiếu vật
Lượng này cũng như vậy

Tự tha đều được thành
Lời ông nói có lỗi
Chẳng phải lửa tự chiếu
Vì nó không tương ưng
Như thấy tối trong bình
Lại nếu lời ông nói
Lửa tự tha đều chiếu
Như lửa đốt cái khác
Sao nó không tự đốt?
Lại nếu lời ông nói
Lửa giỏi chiếu tự tha
Tối cũng nên như vậy
Tự tha bị che phủ
Ở trong lửa không tối
Chỗ nào tự tha trụ
Tối ấy giết được sáng
Lửa thế nào có sáng
Như vậy lúc lửa sinh
Tức lúc sinh mới chiếu
Lửa sinh chiếu bóng tối
Nghĩa ấy không tương ưng
Nếu lửa không chiếu tối
Mà có thể phá tối
Lửa ở tại chỗ này
Nên phá tất cả tối
Nếu lượng năng tự thành
Không chờ sở lượng thành
Thì là lượng tự thành
Không đợi tha năng thành
Nếu không đợi sở lượng
Mà lượng ông được thành
Như vậy là vô nhân
Dùng lượng lường các pháp
Nếu vật của sở lượng
Chờ lượng mà được thành
Thì là thành sở lượng
Chờ lượng sau đó thành
Nếu vật không lượng thành

Đó là không chờ lượng
Ông sao dùng thành lượng
Lượng kia sao bị thành?
Nếu ông thành lượng đó
Đợi cái bị lượng thành
Thì là lượng sở lượng
Như vậy không rời nhau
Nếu lượng thành sở lượng
Nếu sở lượng thành lượng
Nếu ông là như vậy
Cả hai đều không thành
Lượng được thành sở lượng
Sở lượng được thành lượng
Nếu nghĩa như vậy đó
Làm sao cùng được thành?
Sở lượng năng thành lượng
Lượng năng thành sở lượng
Nếu nghĩa là như vậy
Làm sao năng tương thành?
Vì là cha sinh con
Vì là con sinh cha
Thế nào là năng sinh
Thế nào là sở sinh
Thế nào gọi là cha
Thế nào gọi là con
Ông nói hai loại này
Cha con cùng có nghi
Lượng chẳng tự năng thành
Chẳng phải đây đó thành
Chẳng phải lượng khác thành
Chẳng vô nhân duyên thành
Nếu điều pháp sư nói
Thiện pháp có tự thể
Tự thể thiện pháp này
Pháp nên phân phân nói
Nếu tự thể thiện pháp
Từ nhân duyên mà sinh
Thiện pháp là tha thể

Thì tự thể là sao?
Nếu có vài thiện pháp
Không từ nhân duyên sinh
Thiện pháp nếu như vậy
Không trụ nơi phạm hạnh
Chẳng pháp chẳng phi pháp
Thế gian pháp cũng không
Có tự thể là thường
Thường thì không nhân duyên
Thiện, bất thiện, vô ký
Tất cả pháp hữu vi
Như ông nói là thường
Như vậy là có lỗi
Nếu như nói hữu danh
Ngôn thuyết có tự thể
Ông khá hỏi kệ đó
Bảo danh ngã không thật
Nếu đây danh không có
Thì có cũng là không
Nếu nói có nói không
Tên ông có hai lỗi
Nếu danh đây là có
Thì không cũng là có
Nếu nói không nói có
Ông cãi có hai lỗi
Như vậy trước tôi nói
Tất cả pháp đều không
Nghĩa tôn tội như vậy
Thì không mắc lỗi lầm
Nếu riêng có tự thể
Không ở trong pháp này
Ông nghĩ nên ta nói
Đây thì không cần nghĩ
Nếu có thể bị chận
Nếu không được nói thành
Nếu vô thể vô không
Làm sao bị chận thành?
Vì sao ông phải chận

Điều ông chận là không
Pháp không mà có chận
Như vậy có lỗi tránh
Ta không có ít vật
Chính vì ta không chận
Như vậy ông vô lý
Uổng hoạnh mà hỏi ta
Ông riêng pháp ngôn ngữ
Nay ta nói nghĩa đó
Vô pháp được nói lời
Thì ta là không lỗi
Ông nói dụ nai ái
Để làm rõ nghĩa lớn
Ngươi nghe ta có nói
Như thí dụ tương ưng
Nếu nó có tự thể
Không cần nhân duyên sinh
Nếu cần nhân duyên ấy
Như vậy được nói không
Nếu chấp thật tự thể
Ai là giỏi chận hồi
Ngoài ra cũng như vậy
Vậy nên ta không lỗi
Đây nói vô nhân ấy
Nghĩa trước đã nói rồi
Trong ba thời nói nhân
Bình đẳng đó mà nói
Nếu nói nhân ba thời
Trước như vậy bình đẳng
Như vậy nhân ba thời
Cũng nói không tương ưng
Nếu ai tin vô không
Thì họ tin tất cả
Nếu ai chẳng tin không
Thì họ không cả thảy
Không tự thể nhân duyên
Một trong ba đường nói
Ta quy mạng đảnh lễ

Vô thượng đại trí tuệ.

PHẦN THỨ BA

Kệ ban đầu nói:

Nếu tất cả vô thể
Ngôn ngữ là tất cả
Ngôn ngữ tự vô thể
Sao giỏi chận thể kia.
Kệ này nêu ra nghĩa gì?

Nếu tất cả pháp đều là nhân duyên thì nhân duyên này có hòa hợp và phân ly. Đây tức là không có tất cả tự thể. Như vậy tất cả pháp đều "Không". Như mầm không phải có trong hạt giống, không phải có trong nhân duyên, đất, nước, gió, hư không v.v… không phải có trong mỗi mỗi nhân duyên, không phải có trong các nhân duyên hòa hợp, không phải lìa nhân duyên hay trong nhân duyên hòa hợp, chẳng phải có trong nơi chắc chắn riêng biệt. Nếu trong những điều kiện này v.v… tất cả pháp đều không có thì như có thể nói mầm không có tự thể. Nếu như vậy thì không có tất cả tự thể cho được phép nói "Không". Nếu tất cả pháp đều "Không" thì không thể có "Ngôn ngữ". Nếu không có "ngôn ngữ" thì không có gì có thể ngăn cản tất cả các pháp. Nếu ý ông bảo rằng ngôn ngữ chẳng "Không" thì đã nói tất cả các pháp đều không có ngôn ngữ thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì ông nói tất cả các pháp đều "Không" thì ngôn ngữ cũng "không". Vì sao? Vì trong nhân không có, trong bốn đại không có, trong mọi thứ không có trong hòa hợp không có, trong nhân duyên hòa hợp và không hòa hợp tất cả đều không có. Như vậy ngôn ngữ không có trong yết hầu, không có trong môi, lưỡi, răng, mũi, đầu v.v… tất cả đều không có trong hòa hợp cũng không có trong hai xứ không có mà chỉ có nhân duyên bền chắc và nhân duyên hòa hợp. Nếu lìa nhân duyên hòa hợp như vậy thì không có pháp riêng biệt. Nếu như vậy thì tất cả ngôn ngữ đều không có tự thể. Nếu như vậy không có tự thể ngôn ngữ, thì tất cả pháp đều không có tự thể. Nếu ngôn ngữ này không có tự thể thì chỉ có ngăn chận tên gọi mà không thể ngăn chận pháp. Ví như không có lửa thì không thể đốt cháy, cũng như không có dao thì không thể cắt đứt được, lại như không có nước thì không thể thấm ướt. Như vậy, không có ngôn ngữ tại sao nói có thể ngăn chận tự thể của các pháp. Tuy ngôn ngữ không thể ngăn chận tự thể của các pháp, nhưng tâm chớ nghĩ chận tự thể của các pháp. Chữ "Hồi" nghĩa là "Không tương ứng". Lại nữa nó còn có nghĩa như kệ nói:

Lời nói có tự thể
Chỗ lập tôn trước hỏng
Như vậy tức có lỗi
Nên nói nhân thù thắng.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ngôn ngữ có tự thể thì sự lập nghĩa tôn trước của ông tự hoại và như vậy thì mắc lỗi. Nếu vậy thì nên nói là nhân thù thắng. Nếu ý ông nói ngôn ngữ có tự thể, các pháp khác thì "Không" tức như vậy là trái ngôn ngữ "Không" của các pháp và tôn chỉ của ông cũng hư hỏng. Lại nữa có nghĩa tức ngôn ngữ không lìa tất cả các pháp số. Nếu tất cả pháp đều là không thì ngôn ngữ cũng không. Nếu ngôn ngữ "Không" thì không thể ngăn chận tất cả các pháp. Nếu như vậy thì đối với sáu thứ tranh luận tương ưng sao ông không tương ưng? Ông nói tất cả các pháp đều không tức ngôn ngữ cũng không. Tại sao? Vì ngôn ngữ cũng là tất cả pháp nên ngôn ngữ nếu "Không" thì không thể ngăn chận. Người kia nếu ngăn cản cách nói tất cả các pháp đều "Không" tức là không tương ưng. Lại nữa nếu ngôn ngữ tương ưng có khả năng ngăn chận thể của tất các pháp thì tất cả pháp không và ngôn ngữ tức là "Bất không". Nếu "Bất không" ngăn chận tất cả pháp tức là "Bất tương ứng". Nếu các pháp vốn "Không", ngôn ngữ "Bất không" thì có chỗ nào ngăn chận? Lại nữa nếu ngôn ngữ này nhập vào trong tất cả các pháp thì thí dụ không có tương đương. Nếu ngôn ngữ kia là tất cả thì tất cả đã "Không" cho nên ngôn ngữ ấy cũng "Không". Nếu ngôn ngữ không thì không có khả năng ngăn chận. Nếu ngôn ngữ "Không" các pháp cũng "Không", dùng "Không" có thể ngăn chận các pháp khiến trở nên "Không". Như vậy "Không" cũng là nhân duyên. Điều này tức là không thể xảy ra. Lại nữa, nếu ông sợ thí dụ không tương đương thì tất cả pháp "Không" có khả năng làm tác nhân duyên. Như vậy "Không" và ngôn ngữ tức không thể ngăn chận tất cả tự thể. Lại có nghĩa một bên có lỗi, vì pháp có "Không" thì cũng có "Bất không". Người kia nếu có lỗi bèn nói nhân thù thắng. Nếu một bên "Không" và một bên "Bất không" thì như vậy nếu nói tất cả pháp đều không, không có tự thể tức nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Ông nói như không tiếng
Thì nghĩa ấy không đúng
Tiếng có thể ngăn tiếng
Không tiếng sao ngăn được?

Kệ nầy làm rõ nghĩa gì? Nếu ý ông bảo tiếng có khả năng ngăn tiếng, như có người nói: Ông từng ra tiếng. Họ tự ra tiếng và có thể ngăn tiếng. Như vậy như vậy, hết thảy pháp không, ngữ không có thể ngăn. Điều này

nay tôi nói nó không tương ưng. Tại sao vậy? Vì tiếng này có thể ngăn tiếng kia. Ông bảo không có thì không thể ngăn tự thể các pháp. Nghĩa mà ông lập ngữ cũng là không, các pháp cũng không. Như vậy nếu bảo như không có tiếng thì đây không có lỗi. Kệ nói:

Ông bảo ngăn sự ngăn
Như vậy cũng không đúng
Tướng tôn ông như vậy
Tự hỏng nào phải tôi.

Kệ này muốn nói rõ nghĩa gì? Nếu ý ông muốn nói ngăn chận sự ngăn chận cũng như thế thì điều ấy không tương ưng. Nếu ông nói "Ngôn ngữ của tôi có thể ngăn chận tất cả các pháp có tự thể" thì điều ấy không tương ưng. Điều này nay tôi nói nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì biết được tôn tướng như vậy là lỗi của ông chứ chẳng phải tại tôi. Vì ông nói tất cả pháp đều "không" thì như vậy nghĩa "tôn" trước của ông có lỗi chứ chẳng phải tại tôi. Nếu ông nói ngăn và sở ngăn của ông không tương ưng thì nghĩa này không đúng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu kia hiện là có
Ông có thể hồi chuyển
Kia hiện cũng không có
Sao bám vào hồi chuyển?

Kệ này nói rõ nghĩa gì? Nếu tất cả pháp có hiện hữu có thể nắm bắt thì ông được hồi chuyển cái ngã và các pháp khiến trở nên "không". Nhưng thật không phải vậy. Lấy gì để biết được điều đó? Vì "hiện lượng" nhập vào tất cả các số pháp thì cũng là "không". Nếu ông phân biệt nương vào "hiện lượng" mà có "tỷ lượng" thì "hiện lượng" và "tỷ lượng" đều "không". Như vậy, không có hiện lượng và tỷ lượng thì làm sao có thể có được hiện lượng và tỷ lượng? Nếu cả hai pháp số này đều không có thì sao gọi là ngăn chận? Ông nói tất cả các pháp "không" thì nghĩa ấy không đúng. Nếu ông lại nói hoặc so sánh, hoặc thí dụ, hoặc nương vào A-hàm mà được tất cả pháp thì như vậy tất cả các pháp đều có tự thể. "Ngã" có thể hồi chuyển nghĩa này nay sẽ nói. Kệ nói:

Nói hiện, tỷ, A-hàm
Thí dụ và bốn lượng v. v. .
Hiện, tỷ, A-hàm thành
Thí dụ cũng năng thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nêu ra thí dụ, A-Hàm và bốn lượng như tỷ lượng, hiện lượng v.v… Nếu hiện lượng thành tựu thì tỷ lượng, A-hàm

v.v… đều cũng thành tựu. Nếu tất cả pháp đều là "không" thì hiện lượng cũng không. Như vậy, tỷ lượng và thí dụ cũng "không". Lượng kia đã thành tựu tất cả các pháp đều "không" vì bốn loại lượng hiện có nơi tất cả pháp. Vậy tùy vào pháp nào? Nếu vì tỷ lượng mà thành tựu thì cũng là thí dụ, A-hàm thành tựu tức nó đã thành tựu pháp kia, tất cả đều không. Ông dùng ba lượng A-hàm thí dụ, so sánh để đo lường thì "sở lượng" của tất cả pháp đều "không". Nếu như vậy thì pháp không thể đạt được; lượng và sở lượng không có cho nên không ngăn chận. Như vậy nếu nói tất cả các pháp đều "không", không có tự thể thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Người trí hiểu pháp thuyết
Pháp thiện có tự thể
Người đời biết có thể
Pháp khác cũng như vậy.

Kệ này muốn nói rõ nghĩa gì? Pháp sư nói pháp thiện tức có một trăm mười chín thứ nhưng đều quy về một tướng của tâm. Các pháp thiện ấy được liệt kê như sau:

1. Thọ.
2. Tướng.
3. Giác.
4. Xúc.
5. Quán sát.
6. Dục.
7. Tin giải thoát.
8. Tinh tấn.
9. Nhớ nghĩ.
10. Ma-đề.
11. Tuệ.
12. Xả.
13. Tu.
14. Hợp tu.
15. Tập.
16. Đạt được.
17. Thành tựu.
18. Biện tài.

19. Thích hợp.
20. Chuyên cần.
21. Tư duy.
22. Mong cầu.
23. Thế lực.
24. Không ganh ghét.
25. Tự tại.
26. Khéo biện luận.
27. Không hối.
28. Hối.
29. Thiểu dục.
30. Không thiểu dục.
31. Xả.
32. Không tư duy.
33. Không mong cầu.
34. Không nguyện.
35. Ưa nói.
36. Không đắm cảnh giới.
37. Không hành.
38. Sanh.
39. Trụ.
40. Diệt.
41. Tập.
42. Già.
43. Phiền não chín muồi.
44. Phiền muộn.
45. Nghi.
46. Suy nghĩ.
47. Ái.
48. Tín.
49. An vui.
50. Không thuận.
51. Thuận giữ gìn.

52. Không sợ trước đại chúng.
53. Cung kính.
54. Tạo ra pháp thù thắng.
55. Kính nể.
56. Bất kính.
57. Cung cấp.
58. Không cung cấp.
59. Thuận định.
60. Giữ yên.
61. Phát động.
62. Không an vui.
63. Che lấp.
64. Bất định.
65. Sầu não.
66. Cầu mà không được.
67. Hoang loạn.
68. Biếng nhác.
69. Ưu phiền.
70. Sợ hãi.
71. Tâm tin.
72. Sợ.
73. Tín.
74. Tàm.
75. Chất trực.
76. Không dối.
77. Tịnh tĩnh.
78. Không sợ.
79. Không lẫn lộn.
80. Nhu nhuyến.
81. Khai hiểu.
82. Hiềm khích.
83. Nóng nảy (Thiêu).
84. Hoảng sợ.

85. Không tham.
86. Không sân.
87. Không si.
88. Không biết tất cả.
89. Phóng xả.
90. Bất hữu.
91. Quý.
92. Không tự giấu ác.
93. Bi.
94. Hỷ.
95. Xả bỏ.
96. Thần thông.
97. Không chấp.
98. Không đố kị.
99. Tâm tịnh.
100. Nhẫn nhục.
101. Lợi ích.
102. Năng dụng.
103. Phước đức.
104. Vô tưởng định.
105. Không là Nhất thiết trí.
106. Tam muội vô thường.

(Đã bị khuyết mười ba pháp thiện do không tìm thấy bản gốc)

Như vậy, như vậy chính là một trăm mười chín pháp thiện. Như thiện pháp và tự thể của thiện pháp ấy; pháp bất thiện và tự thể của pháp bất thiện; vô ký và vô ký; bản tánh vô ký và bản tánh vô ký; Dục giới và dục giới; Sắc giới và sắc giới; vô sắc giới và vô sắc giới; vô lậu và vô lậu; khổ, tập, diệt đạo và khổ, tập, diệt, đạo; tu định và tu định v.v… cứ như vậy và như vậy thấy có vô lượng mỗi mỗi các pháp đều có tự thể. Như thế nếu nói tất cả các pháp đều không có tự thể tức "không" thì nghĩa không có tương ưng. Điều này lại có nghĩa như kệ nói:

Thoát khỏi pháp, tự thể
Là Thánh nhân đã nói
Nếu không thoát khỏi pháp
Không thoát tự thể pháp.

Kệ này muốn nói rõ nghĩa gì? Như nói thoát ra khỏi các pháp và tự thể của pháp như vậy không thoát ra khỏi pháp và tự thể của pháp: Giác phần và tự thể của giác phần, Bồ-đề phần và tự thể của Bồ-đề phần. Như vậy, các pháp khác cũng lại như thế. Nếu thấy tự thể của vô lượng các pháp thì được phép nói tất cả các pháp đều không có tự thể. Vì không có tự thể cho nên là "không" thì nghĩa này không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Các pháp nếu vô thể
Vô thể không có tên
Có tự thể, có tên
Chỉ tên sao gọi tên?

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu tất cả pháp đều không có tự thể thì nói không có tự thể và ngôn ngữ cũng không có. Tại sao có vật thì có tên mà không có vật thì không có tên gọi. Vì tất cả pháp đều có tên gọi nên biết các pháp đều có tự thể. Pháp có tự thể cho nên không được nói tất cả pháp đều là "không". Như vậy, nếu nói tất cả pháp đều "không" không có tự thể thì nghĩa không tương ưng. Kệ nói:

Nếu lìa pháp có tên
Trong pháp kia không có
Nói lìa pháp có tên
Người kia tức không hiểu.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông nói có pháp có tên, lìa pháp có tên thì như vậy tất cả các pháp đều "không" không có tự thể thành tựu. Chẳng phải vật không có tên gọi, có vật có tên gọi là điều mà nay ta nói. Nếu như vậy thì người nào nói lìa thể của pháp, riêng biệt có tên gọi? Nếu riêng biệt có tên gọi, riêng biệt có pháp thì không thể chỉ ra và người ấy cũng không thể chỉ ra. Như vậy tâm ông phân biệt riêng có các pháp và riêng có tên thì nghĩa ấy không đúng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Pháp nếu có tự thể
Có thể ngăn các pháp
Các pháp nếu vô thể
Rốt cuộc chỗ nào ngăn?
Như có bình, có bùn
Có thể ngăn bình, bùn
Thấy có vật thì ngăn
Thấy không vật không ngăn.

Kệ này muốn nêu lên nghĩa gì? Nếu có vật thì có ngăn chận nhưng

nếu không có vật thì không có ngăn chận. Như không có bình và bùn thì không cần ngăn chận. Có bình thì có ngăn chận, không có bình không thể ngăn chận. Như vậy, pháp như vậy không có tự thể, không phải bị ngăn chận. Vậy nếu pháp có tự thể thì được nói là ngăn chận nhưng pháp vốn không có tự thể thì sao gọi là ngăn chận? Nếu tất cả pháp đều không có tự thể mà nói là ngăn chận thì tất cả pháp không có tự thể tức nghĩa ấy không tương ưng. Như vậy ông nói chỗ nào là ngăn chận? Nếu có ngăn chận thể thì có thể ngăn chận tự thể của tất cả các pháp. Kệ nói:

Nếu pháp không tự thể
Ngôn ngữ chỗ nào ngăn
Nếu không pháp được ngăn
Không lời cũng thành ngăn.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu pháp không có thể, ngôn ngữ cũng không có thể thì tại sao ngăn chận mà nói tất cả các pháp đều không có tự thể! Nếu ngăn như vậy thì không nói ngôn ngữ cũng thành ngăn chận. Nếu như vậy thì lửa, nước lạnh, vật cứng v.v… trở thành có lỗi. Lại có nghĩa như kệ nói:

Ví như người ngu si
Vọng chấp lửa là nước
Nếu ông ngăn vọng chấp
Việc ấy cũng như vậy.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông muốn nói như người ngu si nắm lấy lửa mà cho là nước. Chỗ không có nước mà hư vọng chấp là nước. Có người thông minh vì muốn hồi chuyển tâm người kia mà bảo rằng: Ông vọng chấp nước. Như vậy là như vậy đối với tất cả pháp không có tự thể mà chấp có tự thể của pháp. Vì chuyển đổi vọng tâm của chúng sanh kia cho nên nói tất cả pháp đều không có tự thể. Đây là điều mà nay tôi nói. Kệ nói:

Chấp, sở chấp, năng chấp
Ngăn, sở ngăn, năng ngăn
Như vậy sáu loại nghĩa
Thảy đều là có pháp.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu có chúng sanh như vậy thì có chấp, sở chấp, năng chấp nên có thể hư vọng nói ngăn, "sở ngăn" v.v… và vì thế sáu loại nghĩa được thành tựu. Nếu sáu nghĩa thành tựu mà nói tất cả các pháp đều "không" thì nghĩa này không đúng. Kệ nói:

Không có chấp, sở chấp Cũng không có "năng chấp" Tức không

ngăn, sở ngăn Cũng không có năng ngăn.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông cho rằng không có lỗi như vậy, là chẳng phải chấp sở chấp và chẳng phải năng chấp. Người kia nếu như vậy thì hư vọng chấp và ngăn chận tất cả các pháp không có tự thể thì ngăn chận kia cũng không có, sở ngăn cũng không có và năng ngăn cũng không có. Kệ nói:

Nếu không có "sở ngăn"
Cũng không có "năng ngăn"
Tất cả pháp thành tựu
Tự thể kia cũng thành.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu không phải có ngăn, chẳng phải có sở ngăn, chẳng phải có năng ngăn tức là không thể ngăn tất cả các pháp, nghĩa là tất cả các pháp đều có tự thể. Kệ nói:

Nhân ông thì không thành
Vô thể sao có nhân?
Nếu pháp không có nhân
Sao có thể được thành?

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu tất cả các pháp đều "không", không có tự thể thì như vậy trong nghĩa mà nói nhân là không thành. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều "không", không có tự thể thì chỗ nào có nhân! Nếu pháp không có nhân, tất cả các pháp đều "không" thì do nhân nào mà thành tựu? Do vậy, ông nói tất cả pháp đều không, không có tự thể thì nghĩa này không đúng. Kệ nói:

Nếu ông vô nhân thành
Tự thể các pháp chuyển
Tôi cũng vô nhân thành
Các pháp có tự thể.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông cho rằng ngã không có nhân tạo thành và pháp không có tự thể thì như vậy ông không có tự thể của nhân chuyển biến thành tựu và pháp, tự thể của ngã, cũng không có nhân tạo thành. Kệ nói:

Nếu có nhân vô thể
Nghĩa ấy không tương ưng
Pháp vô thể ở đời
Tức không thể nói có.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông cho rằng nói ngã có nhân tạo thành mà nhân không có tự thể, như vậy nghĩa không có tự thể trở nên

không tương ưng. Vì sao? Vì tất cả thế gian không có tự thể nên không được nói là có. Kệ nói:

Trước ngăn, sau sở ngăn
Như vậy không tương ưng
Nếu sau ngăn và đều
Như vậy biết có thể.

Kệ này muốn nêu lên nghĩa gì? Nếu ngăn ở trước và "sở ngăn" ở sau thì nghĩa không tương ưng. Nếu chưa có "sở ngăn" thì ngăn "sở ngăn" nào? Nếu ngăn ở sau và "sở ngăn" ở trước thì cũng không tương ưng. Sở ngăn đã thành thì ngăn năng ngăn nào? Nếu hai pháp: ngăn và sở ngăn đồng thời không có tướng nhân duyên, ngăn không có nhân "sở ngăn", "sở ngăn" không có nhân "ngăn" thì đều có tự thể tức không thể nói "ngăn". Như sừng cùng sanh mỗi thứ không có tướng nhân: phải không có nhân bên trái và bên trái không có nhân bên phải. Như vậy, nếu nói tất cả các pháp không có tự thể thì nghĩa ấy không đúng.

PHẦN THỨ TƯ

Giải thích rằng: Như điều ông nói, tôi nay sẽ trả lời cho ông.

Ông nói kệ rằng:

Nếu tất cả vô thể
Ngôn ngữ là tất cả
Ngôn ngữ vốn vô thể
Lấy gì ngăn thể kia.

Tôi nay cũng dùng kệ để đáp lại ông:

Ngôn ngữ ta nếu lìa
Pháp nhân duyên hòa hợp
Tức thành tựu nghĩa "không"
Các pháp không tự thể.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ngôn ngữ kia không có trong nhân, trong các đại, trong hòa hợp, trong ly tán, trong các chỗ như yết hầu, môi, lưỡi, răng, căn, nứu, mũi, đầu v.v… tất cả đều có công lực. Như vậy trong hai chỗ hòa hợp cũng không có ngôn ngữ. Nếu lìa nhân duyên hòa hợp như thế lại không có pháp riêng biệt. Vì thế cho nên không có tự thể. Do không có tự thể nên tôi nói tất cả đều không có tự thể và nghĩa "không" được thành tựu. Nếu ngôn ngữ này không có tự thể tức "không" và các pháp như vậy không có tự thể tức "không" cho nên ông nói thế. Ngôn ngữ của

ông tức "không" nên không thể nói "không" thì nghĩa này không đúng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu pháp nhân duyên không
Tôi nay nói nghĩa này
Người nào có nhân duyên
Nhân duyên ấy vô thể.

Kệ này muốn nói nghĩa gì? Ông không thể hiểu tất cả các pháp "không", không biết nghĩa "không" thì tại sao lại đỗ lỗi cho tôi? Như ông đã nói thì ngôn ngữ của ông "không" và không có tự thể nên không thể ngăn chận pháp. Pháp này nếu là nhân duyên sanh thì vì sanh cho nên được nói tất cả pháp "không" đều không có tự thể.

Vì nghĩa gì?

Vì biết nhân duyên sanh ra pháp nên không có tự thể. Nếu tất cả pháp đều do duyên sanh thì tất cả pháp đều không có tự thể. Pháp không có tự thể tức cần nhân duyên. Nếu có tự thể thì dùng nhân duyên làm gì? Vì nếu lìa nhân duyên thì không có các pháp. Nếu nhân duyên sanh thì không có tự thể. Vì không có tự thể cho nên được nói là "không". Như vậy thì lời nói của tôi cũng do nhân duyên sanh. Nếu nhân duyên sanh thì không có tự thể. Vì không có tự thể nên được nói "không". Vì nếu tất cả pháp do nhân duyên sanh nên tự thể đều "không". Như cùng các vật: bình lọ, vải, cỏ v.v… Pháp kia mỗi thứ đều có nhân duyên như ở thế gian củi, cỏ, đất làm đồ chứa nước, mật, sữa v.v… đến rồi đi v.v… Lại nữa, các pháp thọ dụng trong các chướng ngại của nóng lạnh gió v.v… Do nhân duyên sanh nên đều không có tự thể. Tất cả như vậy tôi nói do nhân duyên hòa hợp mà sanh nên được phép nói không có tự thể. Nếu không có tự thể thì như vậy được phép nói "không có tự thể" thành tựu. Như vậy, ngôn ngữ "không" thuộc thọ dụng thế gian cho nên ông nói không có tự thể và ngôn ngữ của ông cũng "không" tức không thể ngăn chận tự thể của các pháp. Nghĩa này không đúng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Người hóa đối người hóa
Người huyễn đối người huyễn
Như vậy ngăn, sở ngăn (bị ngăn)
Nghĩa ấy cũng như vậy.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Như hóa ra bậc trương phu đối với hóa nhơn khác thấy có đi đến nhiều việc tạo tác mà liền ngăn chận. Như trượng phu huyễn đối với người huyễn khác thấy có đến, đi nhiều việc tạo tác mà liền ngăn chận. Năng ngăn hóa nhơn năng ngăn kia tức là "không".

Nếu kia có thể ngăn chận "hóa nhơn" tức là "không", thì hóa nhơn bị ngăn cũng "không". Nếu sở ngăn "không" người ngăn chận cũng "không" tức năng ngăn người huyễn kia cũng "không". Nếu "năng ngăn" người huyễn kia là "không" thì "sở ngăn người huyễn cũng là "không". Nếu "sở ngăn" "tức không" thì người ngăn chận cũng "không". Như vậy ngôn ngữ của tôi là "không", như huyễn hóa. "không". Như vậy lời nói "không" có thể ngăn chận tự thể của tất cả các pháp. Do đó ngôn ngữ của ông đều "không" thì không thể ngăn chận tất cả các pháp có tự thể, nghĩa là ông và ngôn ngữ kia không có tương ưng. Nếu ngôn ngữ của ông và sáu loại tranh luận kia ngăn chận như vậy thì ngôn ngữ của tôi chẳng phải tất cả các pháp, ngôn ngữ của tôi cũng "không" và các pháp cũng "không" chẳng phải tất cả pháp đều bất "không". Lại nữa ông dùng kệ nói:

Ngôn ngữ có tự thể
Sự lập tôn trước hỏng
Như vậy là có lỗi
Nên nói nhân thù thắng.

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại ông:

Ngôn ngữ không tự thể
Điều nói cũng không thể
Như vậy tôi không lỗi
Không cần nhân thù thắng.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Ngôn ngữ này của tôi do nhân duyên sanh nên không phải có tự thể, như trước đã nói. Tự thể không sanh cho nên được phép nói "không". Như vậy cũng được phép nói ngôn ngữ này "không" và tất cả các pháp khác thảy đều "không". Do "không" như vậy cho nên tôi không có lỗi. Nếu tôi nói ngôn ngữ này "bất không" nên tất cả pháp khác thảy đều "không" thì tôi có lỗi. Do tôi không nói như vậy nên không có lỗi. Đúng lý ra không được phép nói: ngôn ngữ "bất không" nên tất cả các pháp khác thảy đều "không". Vì thế nên tôi không nói nhân thù thắng. Nếu ngôn ngữ "bất không" và tất cả pháp khác thảy đều không thì có thể nói nhân thù thắng cho nên ông nói. Nếu ông tranh luận làm hoại ngôn ngữ tức có lỗi nên nói nhân thù thắng và nghĩa này không đúng. Lại nữa ông dùng kệ nói:

Nếu nói không có tiếng
Thì nghĩa ấy không đúng
Tiếng có thể ngăn tiếng
Không tiếng lấy gì ngăn?

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại ông:

Ông nói không có tiếng
Chẳng phải tôi thí dụ
Tôi chẳng dùng tiếng này
Để ngăn âm tiếng kia.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Đây chẳng phải là thí dụ của tôi. Như người nào nói chớ tạo ra âm thanh? Người kia tự tạo ra âm thanh lấy âm thanh ngăn chận âm thanh; âm thanh chẳng phải "bất không" còn tôi không phải như vậy. Nên biết ngôn ngữ cũng không mà sự ngăn chận pháp cũng không. Vì sao? Ví như âm thanh kia có thể hồi chuyển âm thanh này. Tôi không có như vậy nên tôi nói: tất cả các pháp đều không có tự thể. Vì không có tự thể cho nên được phép nói "không". Vì sao? nếu nói lời vô thể hồi chuyển không có tự thể thì các pháp đều thành tự thể. Như nói chớ có âm thanh vì âm thanh ngăn chận âm thanh. Như vậy, ngôn ngữ không có tự thể ngăn chận pháp không có tự thể. Nếu ngăn chận "không có tự thể" như vậy thì tất cả pháp đều thành tự thể. Nếu có tự thể thì tất cả pháp thảy đều "bất không". Do đó, tôi nói "pháp không" mà không nói "bất không". Thí dụ cũng như vậy. Kệ nói:

Như vậy có trượng phu
Vọng chấp thân nữ hóa
Mà sanh khởi tâm dục
Nghĩa này cũng như vậy.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Như hóa ra người phụ nữ chứ thật sự tự thể vốn "không". Như vậy bậc trượng phu đối với thân người nữ hóa hiện ấy mà cho là thật nên sanh tưởng khởi tâm ham muốn. Người kia chấp vào các pháp hư vọng cũng giống như vậy. Người kia hoặc là Như Lai hoặc đệ tử Thanh Văn của Như Lai vì chuyển biến tâm chấp vào hư vọng của người ấy mà dùng thần lực tạo ra để giáo hóa. Như vậy ngôn ngữ "không" như hóa. Tương tự như biến hóa người phụ nữ không có tự thể, vốn không. Pháp "không" như thế, giữ lấy tự thể của pháp có khả năng ngăn chận khiến hồi chuyển. Như vậy và như vậy, dùng thí dụ "không" này để có thể thành tựu nghĩa "không". Nếu thế thì quan điểm của tôi tương ưng chứ chẳng phải ông tương ưng. Kệ nói:

Đồng chỗ thành không đúng
Trong tiếng vang vô nhân
Tôi nương vào thế đế
Nên tạo thuyết như vậy.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? nếu ông hoặc nói như chớ có âm thanh thì nhân đồng với điều thành tựu. Vì sao? Vì nhân không lìa tất cả các pháp không có tự thể chứ chẳng phải tiếng vang kia mà có tự thể. Vì nhân duyên sanh nên không có tự thể. Nếu không có tự thể thì sao ông nói âm thanh có thể ngăn chận âm thanh! Nếu thế thì nghĩa ấy đã hỏng. Lại nữa tôi vốn nói không trái với "thế đế" không bỏ "thế đế" mà nương vào "thế đế" nên có thể nói thể của tất cả các pháp là "không". Nếu lìa pháp thế đế thì không thể nói được. Phật nói kệ rằng:

Nếu không nương thế đế
Không thể chứng chơn đế
Nếu không chứng chơn đế
Không thể chứng Niết-bàn.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Như vậy các pháp chẳng phải là bất không và tất cả các pháp đều không có tự thể, hai thứ này không khác nhau. Lại nữa ông dùng kệ nói:

Ông nói ngăn sở ngăn
Như vậy cũng không đúng
Như vậy tôn tướng ông
Tự hoại chẳng phải tôi.

Nay tôi cũng dùng kệ đáp lại ông:

Nếu tôn của tôi có
Thì tôi là có lỗi
Tôn tôi không có vật
Như vậy không có lỗi.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu "tôn" của tôi có thì có tướng của "tôn". Nếu tôi có "tôn" và có "tướng tôn" thì tôi bị lỗi ông vừa nói. Do đó, chẳng phải tôi có tôn chỉ. Như vậy, các pháp vốn thật vắng lặng, bản tánh không thì chỗ nào có tôn? Và như vậy "tướng tôn" ở chỗ nào có thể được thiết lập? Tôi không có "tướng tôn" làm sao nói lỗi ở tôi! Cho nên ông nói: Ông có tướng tôn tức có lỗi lầm và nghĩa này không đúng. Lại nữa, ông dùng kệ nói:

Nếu nó hiện là có
Ông có thể hồi chuyển
Nó hiện cứng là không
Sao thể chấp hồi chuyển
Nói hiện tỷ A-hàm
Thí dụ thảy bốn lượng

Hiện tỷ A-hàm thành
Thí dụ cũng năng thành.

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại:

Nếu tôi chấp hồi chuyển
Thì nên phải dùng hiện v.v...
Chấp hồi chuyển có lỗi
Không vậy sao nói lỗi?

Kệ này nói rõ nghĩa gì? Nếu tôi có một ít vật pháp như vậy thì phải nên hiện tỷ như A-hàm, thí dụ và bốn lượng v.v… Lại có bốn lượng và nếu tôi chấp sự hồi chuyển như vậy thì tôi có lỗi nhưng ở đây tôi đã không chấp vào ít pháp hồi chuyển. Nếu như vậy thì tôi không có chuyển cũng không có hồi. Ông nếu như vậy mà cho tôi có lỗi thì nghĩa ấy không đúng. Nếu "hiện lượng" v.v… lại có "lượng" thành "lượng" thì thật là vô cùng. Nghĩa của ông như vậy thì không thể đỗ lỗi cho tôi.

Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu lượng năng thành pháp
Pháp lại có lượng thành
Ông nói lượng chỗ nào?
Mà năng thành lượng này?

Kệ này muốn nói rõ nghĩa gì? Nếu ý ông nói lượng có thể thành vật thì như lượng, sở lượng, hiện lượng tỷ lượng, A-hàm, Thí dụ v.v…bốn lượng lại lấy lượng nào thành tựu bốn lượng này? Nếu bốn lượng này không có lượng tạo thành thì lượng tự nó không thành. Nếu tự không thành mà năng thành vật thì tôn chỉ của ông bị hỏng. Nếu lượng lại có lượng khác thành thì lượng ấy không cùng. Nếu vô cùng thì không phải ban đầu thành, chẳng phải chặng giữa và sau thành. Vì sao? Nếu lượng năng thành sở lượng thì lượng kia lại có lượng khác đến thành lượng kia, vì lại có lượng khác thành như vậy, không có ban đầu. Nếu không có ban đầu thì không có ở giữa. Nếu không có ở giữa thì chỗ nào có ở sau! Như vậy nếu nói lượng kia lại có lượng khác tạo thành thì nghĩa ấy không đúng.

Kệ nói:

Nếu lượng lìa lượng, thành
Ông cãi nghĩa thì sai
Như vậy là có lỗi
Nên nói nhân thù thắng.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông muốn nói lượng lìa lượng mà thành thì vật của sở lượng vì lượng mà thành. Nếu như vậy tranh luận

về lượng thành sở lượng thì ông có lỗi là có vật có lượng mà thành và có cái không có "lượng" mà thành. Nếu như vậy thì nên nói nhân thù thắng. Nếu nói nhân thù thắng thì có thể được biết. Vì sao lượng tạo thành và vì sao không thành? Ông không thể chỉ ra sự phân biệt như vậy thì nghĩa không tương ưng. Điều này nay tôi nói. Như có người nói điều mà tôi nói lượng tự và tha có khả năng tạo thành. Kệ nói:

Giống như lửa chiếu sáng
Giỏi chiếu mình chiếu người
Lượng kia cũng như vậy
Mình và người đều thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Như lửa tự chiếu sáng cũng có thể chiếu soi vật khác. Lượng cũng như vậy, tự thành và thành tựu cái khác. Nay tôi sẽ dùng kệ đáp lại ông:

Lời nói ông có lỗi
Chẳng phải lửa tự chiếu
Vì kia không tương ưng
Như thấy bình trong tối.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Lượng kia như lửa, tự và có thể thành tựu nhưng không tương ưng. Vì sao? Vì chẳng phải lửa tự chiếu. Như ban đầu chưa chiếu thì cái bình ở trong tối chúng ta không thể thấy được. Nhưng khi lửa đã chiếu rõ thì sau đó mới thấy được cái bình trong tối. Như vậy; nếu lửa tự chiếu thì ban đầu lửa phải tối và sau đó mới sáng. Do vậy cho nên được phép nói lửa có khả năng tự chiếu. Nếu ban đầu lửa sáng thì không thể được phép nói lửa có khả năng tự chiếu. Như thế, phân biệt lửa tự chiếu, chiếu tha thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Lại nếu ông có nói
Lửa năng chiếu tự tha
Như lửa năng đốt tha (vật khác)
Cớ gì không tự đốt?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ông nói như lửa tự soi chiếu và có thể soi chiếu vật khác thì như vậy nó tự soi chiếu mình và vật khác. Và nó đã tự thiêu đốt vật khác thì cũng nên tự thiêu đốt mình. Nhưng sự thực không thấy có sự việc như vậy. Nếu nói lửa kia có năng chiếu của tự mình và vật khác thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Lại nếu ông nói rằng
Lửa năng chiếu tự tha
Tối cũng nên như vậy

Tự và tha đều che.

Kệ này nói nghĩa gì? Nếu ông nói lửa năng chiếu tự và tha đẩy lùi bóng tối, thì bóng tối sao không che tự tha. Nhưng trên thực tế không thấy có sự việc như vậy. Nếu nói tự và tha của lửa kia chiếu sáng thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Ở trong lửa không tối
Chỗ nào "tự, tha" ở
Phá tối năng giết sáng
Sao gọi lửa có sáng.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Trong lửa không có bóng tối thì sao gọi là ánh sáng năng phá bóng tối? Nếu trong lửa kia không có bóng tối như vậy thì chỗ nào có bóng tối mà lửa có thể phá! Nếu không có bóng tối có thể phá diệt thì sao nói "mà được tự và tha đều chiếu soi? Điều này nay tôi sẽ nói. Nếu như vậy thì chẳng phải bóng tối có mặt trong lửa và chẳng phải chỗ lửa là bóng tối bóng tối. Tuy nhiên tự và tha của lửa chiếu sáng như vậy và như vậy. Lửa kia, khi sanh khởi thì có thể phá bóng tối. Như vậy trong lửa không có bóng tối và nơi lửa không có bóng tối. Do đó, nếu lửa sanh khởi thì hay chiếu rõ "tự" và "tha". Điều này nay tôi nói. Kệ nói:

Như vậy khi lửa sanh Khi sanh thì năng chiếu Lửa tức sanh đến tối

Nghĩa tức không tương ưng.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu khi lửa sanh thì có khả năng chiếu soi "tự" và "tha". Nếu như vậy thì nghĩa không tương ưng. Lấy gì biết điều đó? Vì như vậy thì ban đầu lửa không thể đi đến bóng tối. Làm sao biết được? Vì nếu chưa đi đến bóng tối thì không thể phá bóng tối. Nếu không thể phá bóng tối thì không thể được sáng soi. Kệ nói:

Nếu lửa không đến tối
Mà năng phá bóng tối
Lửa ở tại chỗ này
Nên phá các bóng tối.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông nói lửa không dẫn đến bóng tối có khả năng phá bóng tối thì từ chỗ ở của mình, lửa có khả năng phá tất cả chỗ tối tăm vốn có của thế gian. Vì sao? Vì đều không dẫn đến mà thực tế thì không thấy có sự việc như vậy. Nếu đều không dẫn đến thì tại sao nói chỉ có thể phá chỗ tăm tối này mà không phá tất cả chỗ tăm tối của thế gian. Nếu ý ông nói lửa không đi đến bóng tối mà giỏi phá bóng tối thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu lượng năng tự thành

Không đợi "sở lượng" thành
Vậy là lượng tự thành
Chẳng đợi tha năng thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông muốn nói lượng cùng sở lượng như lửa được tạo thành thì lượng tức tự thành, không đợi "sở lượng". Vì sao? Vì nếu tự thành thì không đợi pháp khác. Nếu đợi pháp khác thì không phải tự thành. Điều này nay tôi nói. Nếu không đợi nhau thì tại sao không tự thành Nếu đợi vào pháp khác thì không phải tự thành. Điều này nay tôi nói. Nếu lượng không đợi vật của sở lượng thì có gì bị mắc lỗi. Điều này nay tôi nói. Kệ nói:

Không đợi vật sở lượng
Mà lượng ông được thành
Như vậy thì không ai
Dùng lượng, lường các pháp.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông muốn nói không đợi "sở lượng" mà lượng được thành thì không có người nào dùng lượng để đo lường pháp và như vậy thì mắc phải sai lầm. Nếu người nào phải dùng lượng này thì không đợi "sở lượng" mà được có lượng! Nếu không đợi mà thành thì người kia mắc lỗi gì? Tất cả các pháp đều không đợi lượng. Nếu tất cả các pháp không đợi lượng mà thành tựu thì người kia mắc lỗi gì? Thành tựu được phép nói thành tựu, chưa thành tựu không thể thành tựu. Vì không đợi cho nên nếu ông lại nói đợi vật sở lượng mà lượng được thành thì như vậy bốn lượng đều có đợi mà thành. Vì sao? Nếu vật chưa thành thì sao gọi đợi nhau? Vật nếu đã thành thì không phải đợi nhau, nếu chưa được, chưa thành thì không thể đợi vật. Nếu đã thành thì không do đợi làm thành, như vật đã tạo ra nhân duyên "vô tác". Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu là vật "sở lượng"
Đợi lượng mà được thành
Đó là "sở lượng" thành
Đợi lượng sau mới thành.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu vật sở lượng đợi lượng mà thành tức dùng "lượng" thành tựu sở lượng kia. Vì sao? Vì sở thành chẳng phải thành mà lượng thành sở lượng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu vật không lượng thành
Đó là không đợi lượng
Ông sao dùng lượng thành
Lượng kia chỗ nào thành?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông cho rằng không có đợi "lượng kia mà sở lượng thành thì sao ông nay dùng, mong cầu lượng mà thành! Vì sao nghĩa lượng kia cầu mong chỗ nào? Vật của sở lượng kia lìa lượng mà thành thì lượng kia đâu có sử dụng!? Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu lượng kia thành tựu
Đợi sở lượng thành tựu
Tức lượng và sở lượng
Như vậy không tương ưng.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông nói đợi vật của sở lượng cho nên có "lượng" thì sợ vướng phải lỗi trước. Nếu ông nói sở lượng và lượng như vậy hợp nhất thì không lìa nhau. Nếu ông nói lượng như vậy tức là sở lượng thì lấy gì để biết điều đó? Nếu "sở lượng" tạo thành lượng thì "sở lượng" tức là lượng và "lượng" thành sở lượng thì "sở lượng" và lượng hợp nhất. Kệ nói:

Nếu lượng thành sở lượng
Nếu sở lượng thành lượng
Ý ông nếu như vậy
Hai thứ đều không thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông cho rằng "lượng" thành "sở lượng nên thấy có đợi lượng; "sở lượng" thành "lượng" nên thấy có đợi "sở lượng" thì như vậy cả hai thứ đều không thành. Vì sao? Kệ nói:

Lượng năng thành "sở lượng"
Sở lượng năng thành lượng
Nếu nghĩa là như vậy
Sao có thể cùng thành?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu lượng năng thành vật của "sở lượng" và vật của "sỡ lượng" kia năng thành "lượng" thì "lượng" tự chưa thành và nhân duyên không thành sao lại nói năng thành vật của "sở lượng". Lại có nghĩa như kệ nói:

Sở lượng năng thành lượng
Lượng năng thành sở lượng
Nếu nghĩa như thế ấy
Sao có thể cùng thành?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu vật của "sở lượng" năng thành "lượng" kia và "lượng" kia năng thành vật của "sở lượng" thì "sở lượng" chưa thành và nhân duyên không thành, sao nói tạo thành lượng? Kệ nói:

Vì cha sanh ra con

Vì con sanh ra cha
Ai là kẻ năng sanh
Ai là kẻ sở sanh?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Như có người nói cha có thể sanh ra con và như vậy con cũng sanh ra cha, nhưng nay ông nói ai là kẻ năng sanh và ai là kẻ sở sanh? Nếu ông nói như vậy thì "lượng" thành "sở lượng" và "sở lượng" thành "lượng". Ông nay vì người nói "năng thành" là gì và "sở thành" là gì. Lại có nghĩa như kệ nói:

Vì sao gọi là cha
Vì sao gọi là con
Ông nói hai thứ này
Cha, con đều khả nghi.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Trước nói hai lãnh vực tức cha và con, như vậy sao gọi là cha, sao gọi là con? Hai lãnh vực cha con nếu đối đãi lẫn nhau mà sanh ra mới tương quan ấy thì rất khả nghi, nên đưa ra câu hỏi tại sao gọi là con và tại sao gọi là cha! Cũng thế, nếu ông nói "lượng" này và "sở lượng" thì sao gọi là "lượng", sao gọi là "sở lượng". Hai điều này nếu có thể tạo thành vật thì có thể nói là "lượng". Nếu vật có thể thành thì được phép nói "sở lượng". Điều này không còn nghi ngờ gì nữa vậy sao nói là "lượng", sao nói là "sở lượng". Kệ nói:

Lượng chẳng năng tự thành
Chẳng phải tự, tha thành
Chẳng phải lượng khác thành
Chẳng không nhân duyên thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Như vậy "lượng" chẳng phải tự thành, "hiện" chẳng phải "hiện" tạo thành, "tỷ" chẳng phải "tỷ" (so sánh) tạo thành, thí dụ chẳng phải thí dụ tạo thành, A-hàm chẳng phải A-hàm tạo thành, chẳng phải tự và tha lần lượt hỗ tương tạo thành; "hiện" chẳng phải tỷ, thí dụ, A-hàm v.v… tạo thành; "tỷ" chẳng phải hiện, thí dụ, A-hàm tạo thành; "thí dụ" chẳng phải hiện, tỷ, A-hàm v.v… tạo thành; "A-hàm" chẳng phải hiện, tỷ, thí dụ v.v… tạo thành. Nếu như vậy thì cũng chẳng phải hiện, tỷ, thí dụ, A-hàm khác riêng biệt có hiện, tỷ, thí dụ, A-hàm lượng khác đến tạo thành. Nếu lượng tự phân và hòa hợp cũng không thành, cảnh giới tự và tha hòa hợp cũng không thành, chẳng phải không có nhân duyên thành, chẳng phải tụ tập thành. Nhân duyên này như trước đã nói rõ: hai mươi, ba mươi, hoặc bốn, năm, sáu mươi nhân duyên v.v… nếu điều ông nói: vì có "lượng" nên được phép nói "sở lượng" thì "lượng và "sở lượng" chứng minh tất cả các

pháp đều có nghĩa tự thể thì nghĩa ấy không ương ưng. Lại nữa ông dùng kệ để nói:

Người trí biết pháp nói
Pháp thiện có tự thể
Người đời biết có thể
Pháp khác cũng như vậy
Thoát pháp thoát tự thể
Là điều bậc Thánh nói
Như vậy không thoát pháp
Không thoát tự thể pháp.

Nay tôi cũng dùng kệ đáp lại ông:

Như điều Pháp sư nói
Pháp thiện có tự thể
Tự thể pháp thiện này
Pháp nên từng phần nói.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu pháp sư kia nói pháp thiện ấy có tự thể thì nên từng phần nói về tự thể của pháp thiện. Pháp thiện này như tâm thiện kia và tự thể của thiện tâm vốn như vậy, như vậy nên tất cả các pháp không thể thấy như vậy. Nếu như vậy mà nói chỉ ra tự thể của pháp thì nghĩa ấy không có tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu tự thể pháp thiện
Từ nhân duyên mà sanh
Pháp thiện là thể khác
Sao gọi là tự thể?

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu thể của pháp thiện từ nhân duyên hòa hợp mà sanh ra thì đó là thể khác chứ sao nói có tự thể? Do đó thể của pháp khác cũng lại như vậy. Nếu ông nói như thiện pháp và tự thể của thiện pháp kia thì như vậy pháp bất thiện và thể của pháp bất thiện v.v… nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu có ít thiện pháp
Không từ nhân duyên sanh
Pháp thiện nếu như vậy
Thì không trụ phạm hạnh.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ý ông nói có ít thiện pháp không do nhân duyên sanh thì như vậy là trở nên bất thiện, tự thể của bất thiện và vô ký, tự thể của vô ký. Mà nếu đã thế thì không trụ vào phạm hạnh. Vì sao? Vì nếu ông nói như vậy thì ông đã bỏ qua mười hai nhân duyên tức bỏ đi

cái thấy về mười hai nhân duyên. Nên không có mười hai nhân duyên tức không thể thấy mười hai nhân duyên. Nếu không thể thấy mười hai nhân duyên thì không thể thấy pháp. Đức Thế Tôn nói "Nếu Tỳ-kheo nào thấy mười nhân duyên thì thấy được pháp. Nếu không thấy pháp thì không trụ phạm hạnh. Nếu lìa mười hai nhân duyên như vậy thì lìa khổ và tập, vì mười hai nhân duyên là khổ, tập. Nếu lìa khổ, tập tức lìa khổ. Nếu không có tập thì chỗ nào có khổ! Nếu không có khổ thì sao có diệt! Nếu không có khổ, diệt thì từ đâu tu đạo diệt khổ. Nếu như vậy thì không có bốn Thánh đế. Nếu không có bốn Thánh đế thì cũng không có đạo quả của Thanh văn. Nếu thấy bốn Thánh đế như vậy thì chứng được đạo quả của Thanh văn. Nếu không có đạo quả của Thanh văn thì không trụ vào phạm hạnh. Lại có nghĩa như kệ nói:

Chẳng pháp, chẳng phi pháp
Pháp thế gian cũng không
Có tự thể tức "thường"
"Thường" thì không nhân duyên.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu lìa nhân duyên hòa hợp mà sanh như vậy thì ông mắc phải nhiều lỗi. Vì không thể là pháp và chẳng phải pháp cho nên tất cả pháp thế gian đều không thể bắt được. Vì sao? Vì nhân duyên hòa hợp mà sanh ra tất cả pháp và vì tất cả pháp đều từ nhân duyên hòa hợp mà sanh ra. Nếu không có nhân duyên hòa hợp sanh thì tất cả các pháp đều không thể có được. Lại nữa tự thể không do nhân duyên hòa hợp mà sanh thì không có nhân duyên tức là pháp thường hằng. Vì sao? Vì không có pháp nhân duyên tức là thường hằng. Người kia nếu hiểu như vậy thì không trụ vào phạm hạnh. Lại nữa pháp của ông tự có lỗi lầm. Vì sao Đức Thế Tôn nói "tất cả các pháp hữu vi đều là vô thường". Vậy pháp kia tự thể sao đều là vô thường? Kệ nói:

Thiện, bất thiện, vô ký
Tất cả pháp hữu vi
Nếu ông nói là thường
Ông có lỗi như vậy.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu nói thiện pháp có tự thể của pháp thì pháp bất thiện và vô ký cũng như vậy. Nếu như vậy thì ông nói tất cả pháp hữu vi là thường. Tại sao? Vì pháp nếu không có nhân thì không có sanh, trụ và diệt. Nếu pháp không sanh trụ diệt thì chẳng phải là pháp hữu vi tức tất cả pháp đều là vô vi. Nếu nói tất cả các pháp như thiện pháp v.v… đều có tự thể thì tất cả pháp tất đều "không thể không" tức nghĩa ấy không có tương ưng. Lại nữa ông nói kệ rằng:

Các pháp nếu vô thể
Vô thể không có tên
Có tự thể có tên
Chỉ tên sao gọi tên?

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại ông:

Nếu người nói có tên
Lại nói có tự thể
Người kia ông nên hỏi
Tôi nói tên không thật.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu người nào nói "tên" có tự thể thì người ấy như ông tức mắc bị hỏi. Người kia nói có thể, có tên, không thể không tên nhưng tôi thì không nói như vậy. Lấy gì để biết được điều đó? Vì tất cả các pháp đều không có tự thể. Nếu không có tự thể thì được phép nói là "không". Nếu pháp kia là "không" thì được phép nói là không thật. Nếu ông nói có tên và có tự thể thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu tên kia không có
Thì có cũng là không
Nếu nói có nói không
Tôn ông có hai lỗi
Nếu tên này là không
Thì không cũng là có
Nếu nói không nói có
Lời ông có hai lỗi.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu tên này không có thì "tôn" bị mắc lỗi. Tương tự như có mà tranh luận thì mắc lỗi. Tôn của tôi không phải như vậy. Nếu có vật thì có tên, không vật thì không tên. Như vậy các pháp có tự thể thì nghĩa không tương ứng. Lại có nghĩa như kệ nói:

Như vậy tôi nói trước Tất cả pháp đều không Nghĩa Tôn tôi như vậy Tức không có lỗi lầm.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Tôi trước đã nói tất cả các pháp đều "không" và tên gọi cũng không, do ông chấp trước vào tên "không" mà nói lên lời đó. Nếu tất cả các pháp đều không có tự thể thì tên gọi cũng không có tự thể. Tôi nói Tôn, nghĩa như vậy nên không có lỗi và tôi không nói tên gọi có tự thể. Lại nữa ông dùng kệ nói rằng:

Nếu lìa pháp có tên
Không ở tại trong pháp

Nói lìa pháp có tên
Người kia có thể hỏi.

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại ông:

Nếu riêng có tự thể
Không ở tại trong pháp
Ông nghĩ nên tôi nói
Đây tức không nên nghĩ.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Người kia không cần lo nghĩ ông vọng gây khó cho tôi. Tôi không ngăn chận tự thể của các pháp. Tôi không lìa pháp riêng biệt có vật để nắm bắt thì người nào bám víu lấy pháp. Người kia phải nghĩ rằng tôi không bám víu pháp cho nên không ngăn chận pháp thì sao gọi là có lỗi. Nếu tôi chấp pháp có tự thể thì có thể khó nói ông không tương ứng. Tuy nhiên tôi lại không như vậy nên ông hỏi quá xa hoàn toàn không có tương đương. Lại nữa ông dùng kệ nói:

Pháp nếu có tự thể
Thì ngăn được các pháp
Các pháp không tự thể
Rốt ráo chỗ nào ngăn?
Như có bình, có bùn
Thì có ngăn bình, bùn…
Thấy có vật thì ngăn
Thấy không vật không ngăn.

Nay tôi lại dùng kệ đáp lại ông:

Nếu có thể thì ngăn
Nếu "không" thì nói thành
Nếu vô "thể" vô "không"
Sao gọi được ngăn, thành.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu pháp có thì có thể ngăn chận pháp. Nếu không có pháp thì không thể ngăn chận. Ông vặn hỏi tôi nói tất cả các pháp đều không có tự thể, mà thật như ông nói tất cả các pháp không có tự thể thì lấy gì để biết được? Vì ông ngăn chận pháp không có tự thể tạo thành. Nếu ngăn chận các pháp không có tự thể tạo thành thì được phép nói tất cả các pháp đều "không". Kệ nói:

Ông vì chỗ ngăn nào
Chỗ ngăn ấy tức "không"
Pháp "không" mà có ngăn
Như vậy ông có lỗi.

Kệ này ý nói lên nghĩa gì? Nếu tất cả pháp ngăn chận có tự thể. Nếu không có tự thể thì pháp kia có thể nói là "không" và "không" kia cũng "không", cho nên ông nói có vật được ngăn và không có vật thì không ngăn chận. Nghĩa này không tương ưng.

Lại có nghĩa như kệ nói:

Tôi không có ít vật
Cho nên tôi không ngăn
Như vậy ông vô lý
Uổng hoạnh mà hỏi tôi!

Kệ này nói nghĩa gì? Nếu tội có ít vật ngăn chận thì ông mới được hỏi vặn tôi. Tôi không có vật ngăn chận thì như vậy không có vật và không có chỗ ngăn chận của tôi. Do không có chỗ ngăn chận nên tất cả pháp đều "Không". Như thế, không có vật ngăn chận và chỗ ngăn chận mà ông hướng đến vấn nạn, như vậy thì nói ngăn chận chỗ nào? Điều này là ông vô lý, chỉ uổng phí càn bướng hỏi tôi. Lại nữa ông dùng kệ nói:

Nếu pháp không tự thể
Ngôn ngữ chỗ nào ngăn
Nếu vô pháp được ngăn
Vô ngữ cũng thành ngăn.

Tôi nay cũng dùng kệ đáp lại ông:

Ông nói ngữ, pháp riêng
Nghĩa này nay tôi nói
Không pháp được nói lời (ngữ)
Nhưng tôi thì không lỗi.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ông nói không có ngôn ngữ cũng thành ngăn chận thì tùy thuận pháp nào mà tất cả các pháp kia đều không có tự thể. Nói tất cả các pháp kia không có tự thể thì chẳng phải ngôn ngữ này tạo ra không có tự thể. Điều này tôi nay đáp. Nếu nói các pháp không có ngôn ngữ của tự thể thì ngôn ngữ này chẳng phải là tạo ra pháp không tự thể. Lại nữa có nghĩa: Vì không có pháp thể nên biết không có thể pháp và vì có pháp thể nên biết có pháp thể. Ví như ở trong nhà thật sự không có trời nhưng có người hỏi có trời chăng? Và người trả lời nói có. Lại có người nói không có và người đáp nói không có tức là ngôn ngữ. Điều này không thể ở trong nhà kia mà tạo ra trời được. Không chỉ biết trong nhà vốn "không" mà không có trời được. Như vậy, nếu nói tất cả các pháp không có tự thể thì ngôn ngữ này không thể tạo ra tất cả các pháp không có tự thể. Như vậy không những biết tự thể của các pháp mà biết luôn các pháp không

có tự thể. Nếu ông nói rằng: Nếu không có vật tức là không thể nói pháp không có tự thể. Vì không có ngôn ngữ nên không thể tạo thành pháp không có tự thể thì nghĩa này không tương ưng. Lại nữa, ông dùng kệ nói:

Như người ngu si kia
Vọng chấp lửa là nước
Nếu ông ngăn vọng chấp
Việc ấy cũng như vậy
Chấp sở chấp, năng chấp
Ngăn sở ngăn năng ngăn
Như vậy sáu loại nghĩa
Tất cả đều có pháp
Nếu không chấp sở chấp
Cũng không có năng chấp
Thì không ngăn, sở ngăn
Cũng không có năng ngăn
Nếu không ngăn sở ngăn
Cũng không có năng ngăn
Thì tất cả pháp thành
Tự thể kia cũng thành.

Với bốn hàng kệ trên, nay tôi đáp kệ rằng:

Ông nói dụ nai ái
Vì nói rõ nghĩa lớn
Ông nghe tôi giỏi đáp
Như thí dụ tương ưng.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ông nói thí dụ nai ái này tức vì nói rõ nghĩa lớn. Vậy ông hãy lắng nghe tôi đáp như thí dụ tương ưng. Kệ nói:

Nếu kia có tự thể
Không phải nhân duyên sanh
Nếu phải nhân duyên sanh
Như vậy được nói "không".

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu trong nai ái mà vọng chấp là thể của nước chẳng phải nhân duyên sanh thì cùng với thí dụ của ông tương đương. Tức vì nhân duyên của nai ái mà nói thấy điên đảo. Điên đảo thấy tức là vì không quán sát do nhân duyên mà sanh. Như vậy có thể được phép nói do nhân duyên mà sanh. Nếu do nhân duyên sanh thì tự thể kia vốn "không" nghĩa này như trước đã nói. Lại có nghĩa như kệ nói:

Nếu chấp tự thể thật

Người nào ngăn hồi chuyển
Pháp khác cũng như vậy
Nên tôi không có lỗi.

Kệ này muốn nói lên nghĩa gì? Nếu trong nai ái, chấp lấy thể của nước là thật thì người nào có thể hồi chuyển! Nếu có tự thể tức là không thể hồi chuyển. Như lửa nóng bức, nước ẩm ướt vốn "không", không có chướng ngại cái thấy về sự được hồi chuyển này. Như vậy, chấp tự thể "không" thì nghĩa trong pháp khác nên biết thế. Như chấp không thật thì năm pháp khác cũng như vậy. Nếu ông nói sáu pháp kia là có tức cũng có quyền nói tất cả các pháp đều "bất không" thì nghĩa ấy không tương ưng. Lại nữa, ông dùng kệ mà nói:

Nhân ông tức không thành
Vô thể sao gọi nhân
Nếu pháp không có nhân
Sao được nói là thành?
Nếu không có nhân thành
Tự thể các pháp chuyển
Tôi cũng không nhân thành
Các pháp có tự thể
Nếu có nhân, vô thể
Nghĩa ấy không tương ưng
Pháp vô thể ở đời
Tức không được nói có.

Nay tôi cũng dùng kệ để đáp lại ông:

Nếu nói không nhân ấy
Nghĩa trước đã nói rồi
Trong ba thời nói nhân
Kia bình đẳng mà nói.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Như vậy nghĩa lớn thì như trước đã nói. Điều này tức không có nhân nên biết thế. Nếu luận nghĩa nhân thì trước đã nói ngăn chận sáu thứ hồi chuyển. Người kia trước luận về nghĩa nay lại đưa ra thuyết này. Lại nữa ông dùng kệ nói:

Trước ngăn sau sở ngăn
Như vậy không tương ưng
Sau ngăn nếu đầy đủ
Như vậy biết có thể.

Nay tôi lại dùng kệ đáp:

Nếu nói nhân ba thời
Trước như vậy bình đẳng
Ba thời nhân như vậy
Cùng nói tương ưng "không".

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu ngăn chận ngôn ngữ thuộc nhân của ba thời này thì trước đã đáp nên phải biết như vậy. Vì sao? Vì nhân bình đẳng. Nếu ngăn ba thời thì điều ấy không tương ưng. Ngôn ngữ kia cũng ở tại trong "ngăn" và "sở ngăn". Nếu ý ông nói không có "ngăn" và "sở ngăn" mới được "ngăn" thì tôi đã ngăn rồi. Nhân ba thời này cùng với thuyết "không" và ngôn ngữ của người tương ưng. Lại nữa, tại sao gọi trước tiên đã nói rồi? Như kệ vừa nói:

Tôi không có ít vật
Cho nên tôi không ngăn
Như vậy ông vô lý
Uổng hoạnh mà hỏi tôi.

Nếu ông lại nói ba thời ngăn chận thành tựu thì thấy nhân lúc trước, thấy nhân lúc sau, thấy nhân đồng thời. Nhân lúc trước là như cha và con. Nhân lúc sau như thầy và đệ tử. Nhân đồng thời là như đèn và ánh sáng. Điều này tôi nay nói chứ không như trước nói ba loại. Trong ba loại nhân kia, mỗi mỗi lại có ba thứ lỗi lầm. Điều này trước đã nói. Lại thứ tự ngăn chận: ông lập tôn có lỗi về tự thể, ngăn chận, được thành v.v… như thế. Kệ nói:

Nếu người tin vào không
Người ấy tin tất cả
Nếu người chẳng tin không
Thì chẳng tin tất cả.

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nếu người nào tin "không" thì người ấy tin tưởng tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian. Vì sao? nếu người tin "không" thì tin vào việc do nhân duyên hòa hợp mà sanh. Nếu tin do nhân duyên hòa hợp mà sanh tức tin tưởng "bốn đế". Nếu tin tưởng "bốn đế" thì người ấy tin tất cả sự chứng đắc thù thắng. Nếu người tin tất cả sự chứng đắc thù thắng thì tin tưởng Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Nếu tin nhân duyên hòa hợp mà sanh thì người ấy tin pháp nhân quả. Nếu ai giỏi tin pháp nhân, quả thì họ tin nhân quả phi pháp. Nếu ai giỏi tin pháp nhân pháp quả, tin phi pháp nhân tin phi pháp quả thì tin phiền não, phiền não hòa hợp và pháp vật thuộc phiền não. Người kia nếu đối với tất cả đều tin tưởng thì có thể nói người ấy tin tưởng cả hành thiện và hành ác. Nếu người hay tin hành

thiện và hành ác thì tin tưởng cả pháp hành thiện và ác. Nếu người giỏi tin pháp hành thiện và ác thì biết rõ phương tiện vượt qua ba đường ác. Như vậy, người ấy có thể tin tất cả các pháp của thế gian, vô lượng pháp như vậy không thể nói hết được.

Tự thể, nhân duyên, không Ba, một nói trung đạo

Con quy mạng đảnh lễ Trí tuệ lớn vô thượng.

Tạo ra luận này, con xin hiến dâng lên bậc A-xà-lê Long thọ Bồ- tát, người có thể giải thích tất cả các luận nghĩa.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM

SỐ 1632

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1632

LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM

Tác giả: Bồ-tát Long Thọ
Hán dịch: Kiết Ca Dạ

Phẩm 1: TẠO LUẬN

Nếu giỏi hiểu luận này
Tức đạt các luận pháp
Nghĩa sâu xa như thế
Nay sẽ nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao không nên tạo ra luận? Vì hễ tạo ra luận thì đa phần khiến người trở nên sân hận, cống cao, kiêu mạn và phóng dật; tự tâm sanh ưu não loạn động, ý ít nhu hòa và hiển bày cái xấu của người khác mà tự khen ngợi cái tốt của mình. Các lỗi như thế đó bị người trí luôn quở trách, cho nên các bậc Hiền thánh dùng vô lượng phương tiện để đoạn trừ tranh luận nhằm xa lìa chúng như bỏ các thứ độc. Lại nữa tạo ra luận thì bên trong thật điều nhu, bên ngoài quán sát nhiều lỗi lầm. Như vậy vì muốn lợi mình lợi người nên phải xả bỏ pháp tranh luận này chăng? Đáp: Không đúng. Nay tạo ra luận này không phải vì hơn thua, danh tiếng và lợi dưỡng mà chỉ muốn hiển bày các tướng thiện ác. Nếu thế gian không có luận về các mê hoặc thì bị các tà trí của thế gian khéo nói vốn cùng với hoặc chướng, dối trá khởi lên nghiệp bất thiện mà lu- ân hồi trong cõi ác, đánh mất lợi ích chơn thật. Nếu ai thấu đạt luận thì tự phân biệt "tướng không" của thiện, ác khiến các ma, tà kiến, ngoại đạo không có thể làm não hại mà tạo ra chướng ngại. Do đó, vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh mà tôi tạo ra chánh luận này, lại muốn cho chánh pháp lưu truyền khắp cõi đời. Như vì gìn giữ quả Am-ba-la mà trồng các cây gai bao quanh bên ngoài để bảo vệ trái nó. Nay tôi tạo ra luận cũng như vậy, chỉ vì muốn hộ trì chánh pháp chứ không phải vì cầu danh tiếng. Ông trước nói tranh luận tăng trưởng phiền não v.v… là không đúng. Ngược lại, vì hộ trì chánh pháp cho nên phải tạo luận.

Hỏi: Ông trước tiên nói hiểu luận tức là thông đạt các pháp luận nên

nói tướng ấy ư? Đáp: Luận này phân biệt có tám nghĩa. Nếu ai có khả năng thông đạt hiểu nghĩa sâu của nó thì có thể rộng hiểu các luận khác. Như trồng lúa phải dùng nước tưới mát thì lúa non được tươi tốt, nhưng nếu không nhổ bỏ dại thì lúa tốt không sanh. Nếu người tuy nghe tám loại nghĩa này mà không hiểu thì đối với các luận đều sanh khởi nghi hoặc. Nếu hiểu rõ tám nghĩa ấy thì nhất quyết có khả năng thông đạt tất cả pháp luận.

Hỏi: Ông nói hiểu được luận này thì nhất quyết hiểu rõ pháp luận. Vậy nay các ngoại đạo có pháp luận chăng? Đáp: Có. Như vệ Thế Sư nói lên sáu đế: Đà-la, Phiêu-cầu-na, Tổng đế, Biệt đế, Tác đế, Bát tác đế. Tất cả các điều này nếu đem so sánh thì đều gọi là pháp luận. Tuy giỏi thông đạt nhưng không thể hiểu rõ các kinh luận khác. Như tám loại pháp luận sâu xa, vi diệu nay tôi sẽ lược nói để khai mở các luận môn và đoạn diệt hý luận.

1. Thí dụ.
2. Tùy vào sở chấp.
3. Ngôn ngữ thiện.
4. Nói lỗi.
5. Biết nhân.
6. Đúng thời mà nói.
7. Tương tợ nhân nhưng chẳng phải nhân.
8. Tùy vào vấn nạn.

Trong phần thí dụ có hai thứ: Thí dụ đầy đủ, phần ít thí dụ. Tùy vào sở chấp tức gọi là nghĩa cứu cánh. Ngôn ngữ thiện nghĩa là nói lời thuận với nghĩa. Nói lỗi tức là nói lời trái với lý. Biết nhân tức là biết rõ hai nhân: sanh nhân và liễu nhân. Đúng thời mà nói nghĩa là nếu trước hết nói giới, nhập và sau nói năm ấm thì gọi là không đúng thời. Còn nếu khéo thông đạt ngôn ngữ thứ tự thì gọi là nói đúng thời. Tương tợ nhân là như nắng hóa, như nước mà thật sự chẳng phải nước. Nếu có luận bàn thì dùng ngôn ngữ trang nghiêm mềm dẻo như nước cho nên nói tương tợ nhân. Tùy lời vấn nạn là như nói áo mới tức bèn hỏi rằng: Áo chẳng phải là thời gian ấy sao gọi là mới? Như vậy v.v… đều gọi là tùy lời vấn nạn. Tôi đã lược nói tám loại nghĩa này và nay sẽ thứ tự rộng nói rõ tướng ấy.

Hỏi: Ông trước nói thí dụ và nay lập thí dụ thì tạo ra phương tiện gì?

Đáp: Nếu nói thí dụ thì phàm thánh đều hiểu, rồi sau đó có thể giảng thuyết. Như nói tâm này loạn động phát khởi cũng như gió thổi vùn vụt; tất cả phàm phu biết gió thổi. Bèn nhất quyết hiểu rõ tâm bị kinh động. Nếu

người không biết thì không thể nói lên thí dụ.

Hỏi: Tại sao không chỉ nói chánh nghĩa mà nói cả thí dụ?

Đáp: Vì nói thí dụ để làm rõ chánh nghĩa.

Hỏi: Ông trước nói phàm, thánh đồng hiểu mới được gọi là thí dụ vậy sao gọi là đồng và sao gọi là khác?

Đáp: Như thí dụ về gió trước đây gọi là đồng, còn bậc thánh đạt được Niết-bàn nhưng phàm phu không thể đạt được nên gọi là khác.

Hỏi: Đã nói tướng thí dụ rồi thì tại sao lại nói tướng chấp thủ?

Đáp: Tùy theo đó có chấp mà rộng dẫn ra nhân duyên để lập nghĩa kiên cố nên gọi là tướng chấp thủ.

Hỏi: Pháp chấp có mấy loại?

Đáp: Có bốn loại

1. Tất cả đồng.

2. Tất cả khác.

3. Ban đầu đồng và sau khác.

4. Ban đầu khác và sau đồng.

Hỏi: Ông nay sẽ nói bốn tướng này?

Đáp: Hễ muốn thiết lập nghĩa thì phải nương vào bốn thứ "Tri kiến". Sao gọi là bốn?

1. Hiện thấy.

2. So sánh mà biết.

3. Dùng thí dụ mà biết.

4. Tùy thuộc vào kinh sách.

Tất cả đồng là người nói không có ngã và ngã sở. Người hỏi cũng nói không có ngã và ngã sở nên gọi tất cả đồng nhau. Tất cả khác nhau tức người nói khác, người hỏi thì nói một cho nên gọi là đều khác nhau. Ban đầu đồng sau khác là như người nói cho rằng hiện pháp đều có, thần thông chẳng phải hiện thấy cũng lại là có. Người hỏi hoặc nói pháp hiện thấy có thể gọi là có. Thần thông chẳng phải hiện thấy sao gọi là có? Nếu nói so sánh mà biết có thần thông thì điều tất yếu trước hết hiện thấy rồi sau đó mới có thể so sánh. Thần thông chẳng phải hiện pháp thì sao có thể so sánh? Nếu dùng thí dụ để nói lên thần thông là có ấy thì có tương tợ pháp, rồi sau mới nói thí dụ. Tất cả các loại thần làm sao được dùng thí dụ nói? Nếu tùy vào kinh sách để chứng minh có Thần thì sự việc này không thể chấp nhận được. Ý của kinh sách cũng rất khó hiểu vì hoặc có khi nói có hoặc lại nói

không thì làm sao tin được cho nên gọi là ban đầu đồng mà sau khác. Ban đầu khác sau đồng là như người nói cho rằng không có "ngã" và "ngã sở" nhưng người hỏi lại cho rằng có "ngã" và "nhơn". Hai cách lập luận này đều tin có Niết- bàn cho nên gọi là ban đầu khác mà sau đồng. Lại nữa do chấp pháp tùy theo nghĩa nên có vô lượng tướng như mười hai nhân duyên, khổ, tập, diệt, đạo, ba mươi bảy phẩm Bồ-đề, bốn quả Sa-môn. Như vậy tất cả pháp v.v… gọi là chánh nghĩa của Phật. Như nói sáng sớm lễ kính, sát sanh để tế thần, đốt các thứ hương thơm và dâng cúng đèn, dầu đó là bốn loại sự việc của ngoại đạo thờ Thần lửa. Nghĩa của sáu mươi ba chữ bốn câu là của ngoại đạo thờ âm thanh. Nêu ra thuốc có sáu loại: tên thuốc, đức thuốc, vị thuốc, thế lực của thuốc, hòa hợp, thành thục tức là nói lên phương pháp y dược. Như sáu đế của Vệ Thế Sư có mặt. Ban đầu có một nghĩa nhưng phần nhiều hiểu khác. Tăng già này có tám thứ vi diệu gọi là: bốn đại vốn không nhằm nói lên vô minh và tám thứ tự tại: nhỏ, lớn, nhẹ nhàng, xa đến, tùy chỗ ham muốn, phân thân, tôn thắng, ẩn mất thì gọi là ngoại đạo Du già. Việc có mạng sống, không có mạng sống, tội phước, hữu lậu và vô lậu, giới đầy đủ các trói buộc, giải thoát năm trí: văn trí, tư trí, tự giác trí, tuệ trí, nghĩa trí; sáu chướng: chướng, thấy chướng: chướng thọ khổ, chướng ngu si, chướng mạng sống tận, chướng tánh, chướng danh; bốn độc: sân, mạn, tham, dối trá v.v… tất cả đều gọi là pháp của Ni-kiền-đà. Lại có thuyết nói tất cả các pháp diệt mất là có, cho nên biết chỉ có một. Lại nữa tất cả pháp diệt tận có Cầu-na cho nên cũng gọi là một. Lại nữa, tất cả pháp từ tăm tối sơ sanh với căn bản một thứ nên biết là một. Lại nữa, đầu, chân v.v… tạo thành thân nên cùng thân làm một. Lại do y cứ vào "không" nên biết đó là một. Như vậy v.v… gọi là ngoại đạo tính toán chấp là một. Lại nói tất cả pháp khác nhau. Vì sao? như đầu, chân v.v… và thân là khác nhau. Lại các tướng khác biệt như trâu không phải ngựa v.v… nên biết pháp có khác. Như vậy v.v… gọi là sự toan tính khác với ngoại đạo. Nếu nói tất cả pháp có cho nên trở thành "một" thì có hai loại pháp: giác và không giác. Như vậy sao gọi là một? Vì nhân bất đồng. Như vậy tất cả pháp đều đã tổng phá.

Luận rằng nếu có người nói khổ, tập, diệt, đạo, mười hai nhân duyên có, không v.v… là một và khác thì đều chẳng phải chánh nhân. Vì sao? Nếu nói một thì rơi vào bờ mé của khổ; nếu nói khác thì rơi vào bờ mé của an vui cho nên có thuyết nói: hoặc một hoặc khác tất rơi vào nhị biên, chẳng phải nghĩa của Phật pháp. Lại nữa như có thuyết nói: tánh của Niết-bàn không khổ, không vui. Lấy gì để biết được điều đó? Nếu tất cả pháp đều có giác biết nên có khổ và vui còn Niết-bàn thì không có giác biết thì làm sao

gọi là an vui? Lại có thuyết nói: Có an vui. Vì sao? An vui có ba loại: vui thọ nhận vui, không có não hại, không có mong cầu. Trong Niết-bàn không có gì mong cầu cho nên được gọi là Niết-bàn an vui. Lại có người hỏi rằng: tôi trước đã biết Niết-bàn là thường hằng, nay cùng các hành làm khác chăng?

Đáp: Ông nếu trước biết Niết-bàn là thường hằng thì sao gọi là đồng với các hành chứ! Tánh của các hành lưu chuyển bại hoại còn thể của Niết-bàn là thường và an vui thì ai là người có trí mà nói đồng với các hành? Lại có người hỏi rằng: tánh của thần ngã tuy có hình sắc nhưng chưa phân biệt được thường và vô thường chăng?

Đáp: Nếu tất cả các pháp có đối ngại thì đều là vô thường. Như bình có ngăn ngại tức có hể bị bể. "Ngã" nếu như vậy ắt cũng vô thường. Nhưng "ngã" có hình tướng mà không phải cái bị chuyên chở thô không có nguyên tắc như vậy. Như giữ lấy cát đá rồi cho đó là trân bảo, ông cũng nói như vậy tức mắc nhiều lỗi hư vọng.

Hỏi: Tại sao ông nói "ngã" không có hình tướng?

Đáp: "Ngã" trước kia đã nói như bình có hình tướng ngăn ngại nên có thể bị bể. Ngã nếu như vậy thì cũng bị hoại diệt. Tại sao còn hỏi lại mà nói "ngã" không có hình tướng chứ?

Hơn nữa lại có chấp tướng bất định. Như hoặc

Hỏi: Cho vật là âm thanh vô thường và thường chăng?

Đáp: Vì bị phân chia nên đều là vô thường, âm thanh cũng bị phân chia há là thường hằng ư?

Hỏi: Sao gọi là vật âm thanh?

Đáp: Nếu chưa phân biệt được thì tại sao đưa ra câu hỏi.

Hỏi: Thân tôi và mạng sống ở trong đời vị lai một mình thọ nhận khổ vui vậy cùng thân nhận lãnh chăng?

Đáp: Thân này diệt rồi thì nhận lấy thân khác.

Hỏi: Tại sao "ngã" ở trong đời vị lai nhận lấy khổ, vui?

Đáp: Ông trước nói "ngã" sao lại hỏi có ngã hay không! Điều này chẳng hợp đạo lý.

Hỏi: Đã nói chấp vào nghĩa sao gọi là tướng ngữ thiện?

Đáp: Vì không trái với lý: không tăng, không giảm. Nếu khéo hiểu chương cú thuận theo tướng nói pháp đã diễn bày thí dụ không trái nghịch, không thể trách mắng khinh thường. Vì nhân duyên này nên gọi là ngữ thiện. Hỏi: Không trái với lý thì sự ấy thế nào?

Đáp: Có người tính toán cho rằng thức là "ngã" vì các hành vốn không, không có ngã, vì chẳng phải tất cả hành đều là ở thức. Điều này chẳng phù hợp đạo lý. Hành là nhân của thức và nhân không có "ngã" cho nên thức sao gọi là "ngã" được?

Hỏi: Tất cả các pháp đều là vô thường nhưng âm thanh chẳng phải là tất cả nên thường hằng?

Đáp: Ông nói tất cả âm thanh có mặt thì sao nghĩa lại không phải tất cả? Điều này chẳng phải là nhân. Lại nữa tất cả pháp có tạo tác tức đều vô thường như lửa lan truyền v.v… âm thanh cũng như vậy cho nên là vô thường. Đây gọi là tướng không trái ngược nhau.

Hỏi: Sao gọi là không tăng không giảm?

Đáp: "Ngã" như trước nói có tướng tăng và giảm nhưng giảm có ba loại: nhân giảm, lời nói giảm, thí dụ giảm. Nếu nói sáu thức vô thường giống như cái bình v.v… thì không nói nhân duyên cho nên gọi là nhân giảm. Nếu nói thân này vô ngã, do các duyên tạo thành thì âm thanh cũng vô ngã, từ duyên mà có cho nên gọi là thí dụ giảm. Nếu nói bốn đại vô thường như cái bình được tạo tác thì gọi là lời nói giảm. Do cùng với điều ở trên trái nghịch nhau nhưng lại hình thành nên gọi là đầy đủ. Lại nữa, đầy đủ lại có nghĩa là nếu người nói "ngã" thì nên phải hỏi rằng: Ngã mà ông nói là thường hay vô thường. Nếu vô thường thì đồng với các hành tức liền đoạn diệt. Nếu nói thường hằng tức là Niết-bàn thì cần gì phải cầu mong. Đây tức gọi là tướng đầy đủ.

Hỏi: Sao gọi là tăng?

Đáp: Tăng cũng có ba loại: nhân tăng, thí dụ tăng, lời nói tăng. Nếu nói pháp âm thanh vô thường, do duyên hòa hợp mà thành như cái bình, có tạo tác nên gọi là vô thường; lại nói âm thanh là y chỉ (Cầu-na) của không và không chẳng đối ngại, âm thanh tức sắc pháp thì sao gọi là nương nhau, cho nên gọi là nhân tăng. Nếu nói năm căn vô thường như âm vang có pháp tạo tác nên âm thanh cũng thế. Làm sao biết được điều đó? Vì chỗ xuất ra của môi và miệng cho nên gọi là thí dụ tăng. Như nói vi trần nhỏ bé, hư không, rộng lớn như hai pháp này thì gọi là thường. Âm thanh không phải như vậy cho nên gọi là vô thường. Đây gọi là thí dụ tăng. Lại nói âm thanh là vô thường vì do các duyên hòa hợp mà thành. Nếu nói thường hằng thì sự việc này không đúng. Vì sao? Vì có hai loại nhân: từ hình tướng xuất ra; vì căn hiểu rõ. Nếu như vậy sao gọi là thường hằng. Lại nữa pháp đồng và khác đều vô thường cho nên gọi là lời nói tăng.

Hỏi: Nói thế nào có thể khiến người đời tin tưởng và thọ nhận?

Đáp: Nếu vì người ngu mà phân biệt nghĩa sâu xa tức nói các pháp đều không, vắng lặng, vô ngã, vô nhơn, như huyễn như hóa, không có chơn thật thì họ không thể hiểu được. Nếu dùng nghĩa sâu xa này nói với người trí thì họ hiểu được. Kẻ phàm phu nếu nghe nghĩa ấy mà mê mờ đọa lạc thì gọi là lời nói không đúng thời. Nếu nói các pháp có nghiệp báo và triền phược, có tạo tác có thọ nhận khiến người trí cạn nghe rồi liền tin nhận như dùng đá hòa hợp quẹt vào nhau thì lửa được sanh khởi. Nếu diễn nói ứng hợp với chúng sanh trước khiến họ tin ưa thì gọi là tùy thời mà nói.

Hỏi: Sao gọi là lời nói minh chứng?

Đáp: Tuy có nhiều chỗ nói khéo nhớ nghĩ nhưng nếu nói các nghĩa sâu xa để đạt đến tướng ấy, sự thiết lập kiên cố khiến người thọ nhận tin ưa như nói các pháp đều không, không có chủ tể, hiện thấy vạn vật do duyên tạo thành tức là lời nói minh chứng.

Hỏi: Sao gọi là nói bị lỗi?

Đáp: Là trái với nói ở trên, gọi là có lỗi. Lại nữa nếu rơi vào hai loại ngôn từ sau thì cũng gọi là nói bị lỗi. Sao gọi là hai loại?

1. Nghĩa không khác mà cứ phân biệt.

2. Lời không khác mà lại phân biệt.

Sao gọi là một nghĩa mà lại phân biệt? Như nói Kiều Thi ca cũng gọi là trời Đế Thích, cũng gọi Phú Lan Đà Na tức là nghĩa chỉ có một mà tên gọi thì khác nên lại phân biệt. Tên gọi và nghĩa đồng tức như nói Nhân Đà La. Lại nói Nhân Đà La tức gọi là danh nghĩa không khác mà lại phân biệt. Lại nữa, hễ lời nói chỉ nhằm mục đích phô diễn văn từ mà không có nghĩa sâu thì đều gọi là nói bị lỗi. Lại nói tuy có nghĩa lý nhưng không có thứ tự thì cũng gọi là lời nói bị lỗi. Như kệ nói:

Như người khen ngợi
Trời Đế Thích nữ
Gọi là sắc vàng
Tay chân cao sang
Mà nói lời rằng
Thích-đề-hoàn-nhân
Diệt A-tu-la
Có ba loại thành
Như vậy gọi là
Nói không thứ tự.

Hỏi: Sao gọi là biết nhân?

Đáp: Biết nhân có bốn loại: hiện thấy, so sánh mà biết, dùng thí dụ

mà biết, tùy vào kinh sách mà biết. Trong bốn cách biết này thì hiện thấy là trên hết.

Hỏi: Vì lý do gì mà nói "hiện thấy" là trên hết?

Đáp: Vì ba cách sau nương vào "hiện thấy" làm nền tảng cho nên gọi "hiện thấy" là trên hết. Như thấy lửa thì biết có khói và lúc sau thấy khói liền biết có lửa cho nên nói "hiện thấy" là trên hết. Lại như thấy nắng lóa bèn dụ là nước cho nên biết trước hết hiện thấy rồi sau mới được thí dụ. Sau khi thấy rồi mới biết đó là chơn thật.

Hỏi: Đã biết ba sự việc do hiện thấy nên biết nhưng nay hiện thấy này sao gọi là chơn thật nhất.

Đáp: Sự hiểu biết của năm căn đôi lúc trở nên giả tạo, chỉ có trí tuệ chánh quán các pháp mới gọi là tối thượng. Lại khi nóng bức, thấy nắng lóa như vàng lửa quay thành Càn-thát-bà thì điều này tuy gọi là hiện thấy nhưng không phải chơn thật. Lại nữa các giác quan không hiểu rõ cho nên thấy sai lầm, như ban đêm thấy gốc cây không nhánh mà nghi là người cũng như dùng ngón tay ấn vào mắt thì thấy có hai mặt trăng. Nếu đạt được trí "không" thì gọi là thấy chơn thật.

Hỏi: Đã biết hiện tướng, tự tướng là gì?

Đáp: Trước đã phân biệt và nay sẽ nói thêm. So sánh để biết gồm có ba loại: so sánh trước, so sánh sau, đồng so sánh. So sánh trước là như thấy em bé nhỏ có sáu ngón tay và trên đầu có mụt nhọt. Sau thấy dài lớn, nghe Đề-bà-đạt-đa tức liền nhớ nghĩ xưa có sáu ngón khiến sự chỗ thấy hôm nay. Đây gọi là so sánh trước. So sánh sau là như uống nước biển cảm nhận vị mặn nên biết nước sau đều là đồng mặn nên gọi là so sánh sau. Đồng so sánh là như người từ chỗ này đi đến chỗ khác căn cứ vào mặt trời, mặt trăng trên trời mọc hướng đông và lặn hướng tây. Tuy không thấy sự chuyển động của chúng nhưng biết chắc chắn có vận hành nên gọi là đồng so sánh.

Hỏi: Sao gọi là nghe thấy?

Đáp: Nếu thấy chơn thật lâu dài về chư Phật và Bồ-tát, từ các hiền thánh mà lắng nghe thọ nhận kinh pháp khiến có thể sanh tri kiến thì gọi là nghe thấy. Thí như lương y khéo biết phương thuốc trị liệu rồi dùng từ tâm chỉ bảo trao cho nên gọi là khéo nghe. Lại nữa, các hiền thánh chứng đạt tất cả pháp có trí tuệ lớn nếu theo các ngài mà nghe pháp thì gọi là khéo nghe.

Hỏi: Tướng thí dụ là thế nào?

Đáp: Nếu tất cả pháp đều không, vắng lặng, như huyễn, như hóa thì tưởng như ngựa ngoài đồng, hành như cây chuối, tướng tham dục như ung

nhọt độc hại đó gọi là thí dụ. Bốn sự việc như vậy gọi đó là nhân; có khả năng thông đạt nhân ấy thì gọi là biết nhân.

Hỏi: Sao gọi là tợ nhân?

Đáp: Tợ nhân tức là lỗi lớn trong pháp luận nên phải biết để xa lìa nó. Như nhân tương tợ này, tôi sẽ tuyên nói. Nhân tương tơ tùy tướng mà có vô lượng nghĩa nếu lược nói thì có tám loại

1. Tùy lời nói ngang bướng để sanh khởi lỗi.

2. Dựa theo đồng và khác để sanh lỗi.

3. Nghi nhân tương tợ.

4. Nói qua thời hạn.

5. Đồng loại.

6. Thuyết đồng.

7. Tên gọi và lời nói khác.

8. Trái nghịch.

Hỏi: như tám pháp này phải rộng phân biệt?

Đáp: nói Na-Bà tức gồm có bốn tên gọi: mới, chín, chẳng phải sở hữu của ông, không vướng mắc. Như có người nói: y phục của tôi là áo Na-bà. Lại hỏi: nay chỗ chấp trước của ông chỉ là một thứ áo thì sao nó là chín?

Đáp: Tôi nói Na-bà là áo mới chẳng phải nói chín thứ khác. Lại

Hỏi: sao gọi là mới?

Đáp: Vì lấy lông của Na-bà làm thành áo cho nên gọi là mới.

Hỏi: Thực ra có vô lượng thứ lông sao chỉ nói đến lông Na-bà?

Đáp: Tôi trước đã nói tên gọi mới. Na-bà chẳng phải là số lượng.

Hỏi: nay biết áo này là sở hữu của ông tại sao ông lại nói: chẳng phải sở hữu của tôi?

Đáp: tôi nói áo mới chứ không có nói vật này chẳng phải sở hữu của ông.

Hỏi: Nay hiện thấy ông mặc áo này sao nói là không mặc?

Đáp: Tôi nói áo mới chứ không nói là không mặc cho nên gọi là nhân tương tợ, cũng gọi là tùy lời nói mà sanh lỗi lầm. Lại như nói thiêu đốt núi.

Hỏi: Thật sự là thiêu đốt cỏ cây tại sao nói thiêu đốt núi?

Đáp: Đây gọi là tùy lời nói mà sanh ra lỗi lầm cho đến các pháp đều cũng như vậy. Lại nữa tùy lời nói mà sanh khởi sai lầm bao gồm hai thứ:

1. Như trước đã nói.

2. Đối đồng và khác mà sanh ra lỗi lầm.

Như nói các pháp hữu vi đều không, vắng lặng giống như hư không.

Hỏi: Nếu như vậy thì cả hai đều là rỗng không, không có, pháp của tánh không có bèn đồng với hư không?

Đáp: Như vậy gọi là đồng và khác sanh khởi lỗi lầm.

Hỏi: Vì sao gọi là sanh?

Đáp: Do hiện có cho nên gọi là sanh. Như bùn có tánh của bình nên mới sanh ra cái bình.

Hỏi: Nếu bùn có tánh chất của bùn thì bùn tức là bình chứ không nên cần thợ gốm uốn nắn hòa hợp mới có. Nếu bùn là có cho nên sanh ra bình thì nước cũng có nên sanh ra bình. Nếu nước có mà không sanh ra bình thì bùn sao nói chỉ có một mình bùn sanh ra bình được? Do vậy đây gọi là đồng và khác tìm cầu lời nói mà sanh khởi lỗi lầm.

Hỏi: Sanh nghi ngờ tương tợ nhân, tướng ấy thế nào?

Đáp: Như có gốc cây không có nhánh tương tợ người, nếu vào ban đêm thấy nó bèn nghĩ đó là người. Đây gọi là sanh nghi ngờ tương tợ nhân.

Hỏi: Sao gọi là nhân tương tợ vượt quá hạn?

Đáp: Như nói âm thanh là thường hằng nên kinh điển Vệ Đà từ lời nói mà phát ra, cũng gọi là thường hằng.

Hỏi: Ông nay chưa lập âm thanh là nhân duyên hay thường hằng sao tiện nói Vệ Đà là thường?

Đáp: Như hư không không có hình sắc cho nên thường hằng. Âm thanh cũng không có hình tướng cho nên nói là thường hằng. Cho rằng tuy nói sau mà nghĩa cũng thành tựu.

Hỏi: Lời nói quá thời hạn như nhà đã bị cháy rụi rồi mới đem nước chữa cháy. Ông cũng như vậy nên gọi là quá thời hạn.

Hỏi: Đồng loại là thế nào?

Đáp: "Ngã" và thân khác nên "ngã" gọi là thường. Như bình khác với hư không nên bình trở nên vô thường. Do vậy gọi là loại đồng.

Hỏi: Nếu "ngã" khác với thân mà gọi là thường, thì bình khác với thân cũng nên gọi là thường?

Đáp: Nếu bình khác với thân gọi là vô thường thì ngã tuy khác với thân sao gọi là thường được! Đây gọi là đồng loại.

Hỏi: Thuyết đồng là sao?

Đáp: như nói hư không là thường, không có xúc chạm. Ý thức cũng

như vậy cho nên nói là đồng.

Hỏi: Sao nói là khác?

Đáp: như nói năm trần vô thường, vì căn mà biết. Bốn đại cũng thế cho nên là vô thường.

Hỏi: Lông rùa, hương muối là không hề có nhưng vì là sự nhận biết của ý thức há là vô thường? Do vậy nói là khác.

Hỏi: Trái nhau là sao?

Đáp: trái nghịch nhau có hai loại: thí dụ trái nghịch nhau và lý trái nghịch nhau. Như nói "ngã" thường hằng không có hình tướng ngăn ngại cho nên như bò. Đây gọi là thí dụ trái nghịch nhau. Lý trái nghịch là như Bà-la-môn thống trị lý, làm nghiệp vua dạy người đồ tể, thợ săn v.v… còn dòng Sát-đế-lợi thì ngồi thiền niệm định, đó gọi là lý trái nhau. Như hai pháp này, người ngu không hiểu mà cho đó là chơn thật cho nên gọi là trái nghịch nhau.

Hỏi: Sao gọi là không trái nghịch nhau?

Đáp: Khác với hai pháp ở trên thì gọi là không trái nghịch nhau. Đây gọi là nhân tương tợ.

Phẩm 2: NÓI RÕ LÃNH VỰC BỊ THUA

Luận nói: Đã nói như tám thứ phương pháp luận trên, lại có nhiều pháp thua nay sẽ nói.

Hỏi: Sao gọi là pháp ngữ?

Đáp: Như nói bốn đại là giả danh. Vì sao? Vì được tạo thành của các pháp như sắc v.v… lại có người nói: Bốn đại thật có. Vì sao biết được? Vì cứng là tính chất của đất cho đến động đậy là tính chất của gió nên biết là thật. Do trái ngược nhau cho nên mới phát khởi tranh tụng. Như có người nói đất là nhân duyên tạo ra thân thể và các đại khác cũng như vậy.

Hỏi: Đất v.v… cũng có khả năng tạo thành tất cả các vật; vậy tại sao chỉ nói tạo thành cơ thể. Đây là lời nói không đúng. Nếu không phải như vậy thì gọi là lời nói đúng đắn.

Hỏi: Sao gọi là thua?

Đáp: Như nói âm thanh thường hằng, không có hình sắc cho nên như "không". Cật vấn: âm thanh tuy vô hình nhưng căn có thể biết: có đối, có ngăn ngại như bình tạo tác nhưng tánh hư không chẳng phải là tạo tác. Như vậy tại sao được làm thí dụ? Đây gọi là nghĩa thua được thiết lập: bình có

hình tướng nên có thể là vô thường, âm thanh là pháp không có hình tướng sao được làm thí dụ. Hỏi vặn: Âm thanh tuy khác với bình nhưng vì căn biết vì tai nghe được nên trở thành vô thường.

Hỏi: Các nghĩa nào không rơi vào chỗ thua?

Đáp: Các hành và thức tạo tác cho nên vô thường, còn Niết-bàn chẳng phải tạo tác nên thường hằng. Như nói câu này thì chính là vị chơn chánh, không phải là bị thua.

Hỏi: Nói thế nào có thể vặn hỏi?

Đáp: Nếu lời nói điên đảo lập nhân thì không chính đáng dẫn ra thí dụ bất đồng. Điều này tức có thể vấn nạn, như nói tưởng có thể đoạn trừ kiết. Người hỏi lại nói: sao gọi là dùng tưởng để đoạn trừ kiết? Vì trước không nói người trí theo tưởng mà trực tiếp nói tưởng. Lời nói điên đảo này tức là có thể trở thành hỏi.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà nói lại lời này?

Đáp: Vì muốn khiến người biết lập nghĩa chấp "không có" ắt rơi vào chỗ thua cho nên nói thế. Lại nữa, vì nên hỏi không hỏi, nên đáp không đáp ba thứ thuyết pháp chủ yếu không khiến người khác hiểu. Từ ba thứ thuyết pháp mà không phân biệt để biết thì đều gọi là chỗ thua. Lại cùng với người khác luận về nghĩa ấy thiếu Khuyết nhưng không biết. Lại có người khác nói: nghĩa này sai lầm, ông không thể biết tức rơi vào chỗ thua. Lại nữa, chánh nghĩa khác mà bị sanh lỗi lầm cũng rơi vào chỗ thua. Lại có thuyết cho rằng: nhiều người đều hiểu nhưng một mình không ngộ được cũng rơi vào chỗ thua. Người hỏi cũng như thế, như chỗ thua này tức là chông gai lớn của Nghị luận làm tai họa, sâu xa nên phải giác ngộ biết nhanh chóng xa lìa.

Hỏi: Có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba loại: thuyết đồng, nghĩa đồng, nhân đồng. Nếu các luận giả không lấy ba loại này làm cơ sở hỏi đáp gọi là lầm lỗi trái nghịch. Trong ba lời đáp này, nếu thiếu một thì không đầy đủ. Nếu nói tôi không rộng thông qua ba câu hỏi này thì tùy sự hiểu của tôi để cùng nhau bàn luận, như vậy cũng không có lỗi. Thuyết đồng là như nói vô ngã, trở lại căn cứ vào ngôn ngữ này rồi sau mới hỏi thì được gọi là ngôn ngữ đồng. Nghĩa đồng là chỉ nắm lấy ý đó cho nên nói nghĩa đồng. Nhân đồng là biết nguyên nhân ý nghĩa sâu xa của người khác đã khởi lên nên gọi là nhân đồng. Nếu có thể như vậy thì chẳng phải chỗ thua, Nếu nói nghe nhanh quá không thể ngộ thì cũng rơi vào chỗ thua.

Hỏi: Chỉ có các thứ này hay thêm các thứ khác?

Đáp: Có. Như gọi là lời nói nhiều, lời nói ít, lời nói vô nghĩa, lời nói không đúng thời, nghĩa lại xả bỏ căn bản, tôn chỉ v.v… thảy đều gọi là chỗ thua. Nếu lấy các điều này vì thuyết ở trước mọi người cũng rơi vào chỗ thua.

Hỏi: Thế nào gọi là trái với căn bản tông chỉ?

Đáp: Như nói thức là pháp thường hằng. Vì sao? Thể của thức có hai loại: thể của thức sanh, thể dụng của thức. Bình cũng có hai loại: thể sanh của bình, thể dụng của bình. Tuy nhiên khi thức sanh thì có tác dụng cho nên gọi là thường hằng. Thể sanh của hình về sau mới có công dụng cho nên gọi là vô thường.

Hỏi: Nếu lấy sanh liền có dụng nên gọi là thường thì khi đèn sanh liền có dụng là thường hằng?

Đáp: Đèn làm mắt thấy, âm thanh làm tai nghe thì sao gọi là thí dụ. Đây là xả bỏ bổn tông nên rơi vào chỗ thua. Lại nữa có thuyết nói thần là thường hằng. Làm sao biết được? Chẳng phải căn biết cho nên như hư không và không bị căn biết cho nên là thường.

Hỏi: Vi trần không bị căn giác biết nhưng là vô thường?

Đáp: Thần không tạo tác nên thường; vi trần có tạo tác nên vô thường.

Hỏi: Ông trước nói chẳng phải giác biết nay nói không tạo tác thì trái với bản tông?

Đáp: Ông nói tôi trái nghịch ông và ông trái nghịch tôi há rằng không trái nghịch?

Hỏi: Như tướng này có thể có lý ấy. Tôi nói trái nghịch là lời nói của ông tự trái với nghĩa trước cho nên nói trái nghịch. Lại nữa trước ông nói không phân biệt rõ cho nên tôi sanh nghi chứ chẳng phải tôi trái nghịch ông. Như vậy, lấy nghi làm trái nghịch cũng lại rơi vào chỗ thua.

Phẩm 3: BIỆN RÕ CHÁNH LUẬN

Luận rằng" nếu người nói có chúng sanh, cho đến cũng có tuổi thọ và mạng sống thì làm sao biết được? Vì căn biết. Như vô dư Niết-bàn không bị căn nhận biết cho nên không có. Chúng sanh không phải như vậy cho nên biết là có. Thần là pháp thường hằng là vì cớ sao? Như quả A-la-hán chỉ hiện thời có mà trước sau không có cho nên biết là không có. Như đầu thứ hai, tay thứ ba v.v… xưa không có mà nay có cho nên biết trước không có, và đã có rồi lại diệt cho nên biết sau không có. Thần thông không như vậy cho nên gọi là thường hằng.

Hỏi: Như rễ cây, nước dưới đất không thấy nên nói không có, A- la-hán cũng lại như vậy, chẳng phải là không có pháp. Ông tự không chứng nên lập nói không đúng. Nước do đất cản cho nên không thấy. Nay A-la-hán có chướng ngại gì mà không thấy nên biết là không có!

Hỏi: Ông dùng đầu thứ hai, tay thứ ba không thể thấy nhằm nói rõ không có La-hán thì việc này không đúng. Tuy không có đầu thứ hai nhưng chẳng phải không có đầu thứ nhất. Nói không có A-la-hán chính là thảy đều không có, đâu thể được làm thí dụ? Lại nữa, nếu ông nói vì không biết nên không có Niết-bàn thì cũng không đúng. Như nước của biển lớn, không biết có bao nhiêu giọt nước có thể nói không có ư! Dù không biết số giọt nước bao nhiêu nhưng vẫn có biển! Niết-bàn cũng như vậy. Tuy không thể biết mà thật tự có. Nhưng nói không có là do ứng hợp nói nhân duyên. Nếu không thể nói thì nghĩa của ông tự hoại. Đây gọi là như pháp mà luận.

Lại nữa, nếu căn cứ vào không giác biết mà cho rằng không có Niết-bàn thì người khác liền sanh nghi ngờ. Như ban đêm thấy cây tâm liền sanh nghi ngờ là người hay là cây đây? Phải biết cây này là nguyên nhân không xác định là người, là nguyên nhân không xác định là cây. Nếu khiến không giác biết, xác định cùng với Niết-bàn là không có nhân thì không nên sanh nghi ngờ. Lại nữa, các nghiệp báo không thể hủy diệt cho nên có Niết-bàn. Vì sao? Ví như lửa lớn đốt cháy núi rừng cho nên lửa là nhân của hủy diệt. Nay nghiệp báo này sao nói là nhân nơi diệt mà bị diệt ? Nếu đạt được Niết-bàn thì liền tán hoại mà lập tôn rằng: Thật có nhân diệt nhưng vì chướng ngại nên không thấy.

Hỏi: Cũng có Niết-bàn, chỉ vì chướng ngại si mê nên không thấy. Lại nữa ông nay nói nếu không phân biệt các nghiệp có nhân diệt thì nghĩa của ông tự hoại. Nếu nhân diệt không có mà không nói thì cũng không có chướng ngại. Vậy cần gì phải nói? Vì các duyên này nên biết nghiệp không diệt. Đây gọi là như pháp mà luận.

Người lập luận nói: Nếu ông cho rằng vì nước biển có nên thành ra có Niết-bàn thì há lại có thể khiến hai cái đầu là có ư? Nếu nói "hai cái đầu" không thể nào có thì Niết-bàn sao gọi là đơn độc có ? Thí dụ về nước biển của ông còn không thể lập Niết-bàn là có thì sao có thể nói hai cái đầu là có ? Người hỏi nói: Ý ông nếu nói Niết-bàn không có tức vì có là không có hay vì đương không có cái không có. Nếu không có cái không có thì sao gọi là biết không có Niết-bàn! Nếu có cái không có này thì sao gọi nói đều không có gì cả. Nếu nói tuy có là không có pháp Niết-bàn mà cũng như tự nó không có thì còn có cái không có ấy vậy cớ sao không thể có Niết-bàn?

Vì đang nói về nhân duyên. Nếu không thể nói thì nên biết Niết-bàn quyết định thật có nên cũng gọi là như pháp mà luận.

Hỏi: Thần thông là thường hay là vô thường? Người lập luận nói: Thần thông chẳng phải tạo tác cho nên là thường hằng. Còn cái bình v.v… là pháp tạo tác cho nên là vô thường. Người hỏi nói: Nếu dùng sự việc không có tạo tác để nói rõ thần thông là thường thì sự việc này không đúng. Tại sao biết được? Vì người đời sanh nghi ngờ. Nếu chẳng phải tạo tác, thần thông tức thường hằng thì không nên sanh nghi ngờ là thường hay vô thường! Vì sanh nghi ngờ cho nên biết có lỗi lầm. Người lập luận nói: Lỗi này chẳng phải chỉ có một mình tôi có mà tất cả các người lập luận đều có. Như nói âm thanh thường hằng, không có hình sắc v.v… nếu có thân quá khứ thì dùng "túc mạng trí" nhận biết. Như vậy, lập nghĩa như: trước thì sanh nghi ngờ cho nên tất cả lãnh vực đều có lỗi này.

Hỏi: Thí dụ là để giải quyết nghi. Ông dẫn thí dụ làm cho tôi sanh nghi ngờ thì không thành thí dụ. Nếu thí dụ không thành thì nghĩa liền tự hoại tức rơi vào chỗ thua. Nhưng ông nói tất cả các người lập luận đều có lỗi chứ chẳng phải chỉ mình ông thì điều này tức tự chuốc lấy sai lầm chứ chẳng phải lỗi của người khác. Vì sao? Vì như người bị vu khống mà không thể tự thanh minh nhưng lại nói tất cả mọi người đều là ăn trộm. Như vậy nên biết người này tự bản thân chính là ăn trộm. Ông cũng như vậy cho nên rơi vào chỗ thua. Nay nếu ông muốn tự nói sáng tỏ ra thì lý tối cực là trước tiên muốn nói nữa thì rơi vào nhiều thứ lỗi lầm. Sự lập luận thứ nhất và thứ hai của ông tôi nay đã phá xong. Nghĩa thứ ba tôi lại bị vấn nạn nên muốn dùng người thứ năm mà ngăn ra lỗi chứ không nêu ra nghĩa ban đầu và cuối cùng của ông. Đây tức là lỗi nặng. Nếu có lỗi nặng tức rơi vào chỗ thua.

Hỏi: thiết lập người thứ sáu tức có thể hỏi?

Đáp: người thứ năm đã trở nên sai lầm tại sao có người thứ sáu được hỏi? Nếu đều nói điều đó thì đồng với lỗi trước. Người hỏi đã có lỗi thì người đáp nên im lặng. Lại nữa, lỗi của người thứ sáu nhưng người thứ năm không có hỏi vặn điều đó là vì sao? do người thứ năm cho nên người thứ sáu bèn được hỏi. Đã tự có lỗi lý do gì đổ lỗi cho người kia, vì thứ tự như vậy nên gọi là Luận Chánh pháp.

Phẩm 4 : TƯƠNG ƯNG

Hỏi: Ông đã phân biệt như Luận Chánh pháp sao gọi là nghĩa tương ưng?

Đáp: Việc hỏi đáp tương ưng có hai mươi thứ nghĩa. Nếu người nào có khả năng dùng hai mươi nghĩa này hỗ trợ để phát khởi chánh lý thì người ấy hiểu được luận Chơn Thật. Nếu không như vậy thì không thông đạt pháp nghị luận. Hai mươi nghĩa này chủ yếu có hai thứ: đồng và khác. Vì cùng hiển bày nghĩa nên gọi là đồng. Vì riêng biệt hiển bày nghĩa cho nên gọi là khác. Hễ vì nghĩa thì phải nương vào hai loại này. Hai loại này thông suốt cả hai mươi pháp. Vì sao gọi là đồng? Như nói phiền não diệt mất thì không có sở hữu, Tánh của hư không cũng không có sở hữu nên gọi là đồng. Sao gọi là khác? Như nói Niết- bàn chẳng phải tạo tác cho nên thường hằng, còn các hành tạo tác cho nên vô thường tức gọi là khác.

Hỏi: Nghĩa đồng và khác sao gọi là bị vấn nạn? Muốn vấn nạn đồng thì tạo ra lời nói như vậy: sắc là dùng mắt để thấy còn âm thanh là dùng tai để nghe thì tại sao nói là đồng? Nếu sắc khác âm thanh thì sắc tự vô thường còn âm thanh là thường hằng. Nếu vấn nạn khác tức dùng sắc căn để biết cho nên vô thường. "ngã" chẳng phải căn biết cho nên thường hằng. Nên biết bình và "ngã" đều hiện hữu nên có. Nếu đồng thì bình đã vô thường và "ngã" cũng nên như vậy. Nếu nói sự có mặt của bình khác với sự có mặt của "ngã" thì cũng có thể nói "ngã" là thường còn bình là vô thường. Nhưng do thường hiện hữu đã đồng nên "ngã" phải vô thường. Như vấn nạn này thì có hai mươi loại:

1. Tăng nhiều.
2. Tổn giảm.
3. Nói đồng và khác.
4. Hỏi nhiều đáp ít.
5. Đáp nhiều hỏi ít.
6. Nhân đồng.
7. Quả đồng.
8. Đồng khắp.
9. Không đồng khắp.
10. Thời gian đồng nhau.
11. Không đến.
12. Đến.
13. Trái nghịch nhau.
14. Không trái nghịch nhau.
15. Nghi.
16. Không nghi.

17. Dùng thí dụ để phá.

18. Nghe đồng nhau.

19. Nghe khác nhau.

20. Không sanh.

Trên đây chính là hai mươi phương pháp hỏi và đáp.

Hỏi: Hai mươi pháp này nên phân biệt nói?

Đáp: Tăng nhiều là như nói " ngã" thường hằng vì chẳng phải căn nhận biết. Như hư không chẳng phải biết cho nên là thường hằng. Tất cả chẳng được căn biết thì hết thảy đều thường hằng. Mà "ngã" chẳng phải biết thì được chẳng phải thường chăng? Người hỏi nói: Hư không không có biết cho nên thường hằng? Ngã có biết thì sao nói là thường? Nếu hư không có biết tức chẳng phải đạo lý. Nếu "ngã" không có biết thì đồng với hư không. Như ngã đó biết thì chắc chắn phải là vô thường nên mới gọi là tăng nhiều.

Tổn giảm là nếu "không" (hư không) không có biết nhưng "ngã" có biết thì sao nói lấy "không" làm thí dụ cho "ngã"? Đây gọi là tổn giảm.

Đồng và khác là như thiết lập "ngã" là thường hằng và dẫn "không" làm thí dụ. Không và ngã là một pháp tại sao nói lấy "không" mà dụ cho "ngã". Do sự khác biệt ấy không tương ứng với thí dụ cho nên gọi là đồng và khác.

Lại nữa ông lập "ngã" thường hằng mà nói chẳng phải căn biết được, cũng như hư không chẳng phải căn biết được nên nói là thường hằng. Tuy nhiên, không hẳn hết thảy thường hằng là chẳng phải căn biết được, sao được làm chứng! Cho nên, đó gọi là hỏi nhiều mà đáp ít.

Lại nữa, ông lập "ngã" thường hằng mà nói chẳng phải do căn biết được, mà pháp chẳng phải văn biết được gồm có hai loại: vi trần chẳng phải căn biết được nhưng lại vô thường, hư không chẳng phải căn biết nhưng lại là pháp thường hằng. Như vậy tại sao ông có thể nói không biết nên thường hằng? Cho nên mới gọi là hỏi ít đáp nhiều.

Lại nữa ông dựa trên cơ sở không phải biết làm nhân nên biết "ngã" thường hằng. Nếu không và "ngã" khác nhau thì sao nói đều dùng chẳng phải biết làm nhân? Đó gọi là nhân đồng.

Lại nữa cái gì do năm đại tạo thành thì đều là vô thường. Hư không và "ngã" đều do năm đại tạo thành vậy sao nói là thường hằng? Cho nên đó gọi là quả đồng nhau.

Lại nữa, ông nói vì hư không "chẳng phải" biết nên thường hằng. Tuy

nhiên hư không lại biến khắp tất cả chỗ thì như vậy tất cả vật, xứ há chẳng phải biết! Cho nên gọi đó là đồng biến khắp.

Lại nữa vi trần chẳng phải biến khắp nhưng chẳng phải căn biết tức là pháp vô thường. "Ngã" chẳng phải căn biết thì tại sao gọi thường hằng ? Cho nên mới nói đó là không đồng khắp.

Lại nữa, ông lập "ngã" thường hằng mà nói chẳng phải căn biết được vì là hiện tại, quá khứ hay vị lai. Nếu nói quá khứ thì quá khứ đã diệt. Nếu nói vị lai thì vị lai chưa có. Nếu nói hiện tại thì không làm nhân. Như hai cái sừng mọc một lượt tức không được làm nhân cho nhau cho nên gọi là thời nhân.

Lại nữa, ông lập "ngã" thường hằng chẳng phải căn biết thì đến nên làm nhân hay vì không đến ư? Như lửa không đến tức không thể thiêu đốt. Như dao không đến tức không thể cắt đứt. Không đến đối với "ngã" sao gọi là nhân! Cho nên gọi đó là không đến.

Lại nữa, nếu đến nhân thì đến tức là không có nghĩa của nhân. Đây gọi là đến. Lại nữa, ông nói vì tất cả nên vô thường, nhưng ngã chẳng phải tất cả cho nên thường hằng. Nếu ngã có thì nên gọi là vô thường. Như tấm dạ cháy ít, phần nhiều không bị cháy nên gọi là không bị cháy. Đây gọi là trái nghịch nhau.

Lại nữa, ông nói "ngã" chẳng phải cái biết của căn nên đồng với hư không thì hư không không có biết "ngã" cũng lại như vậy. Nếu "ngã" biết thì hư không cũng nên biết đối với khổ và vui. Như vậy hư không và "ngã" không có khác cho nên không trái nhau.

Lại nữa, "ngã" đồng hiện hữu nên không thể xác định là thường hằng, chấp nhận thì đáng sanh nghi là thường hay vô thường cho nên gọi là nghi.

Lại nữa ông nói "ngã" hiện hữu không phải căn biết, tức có thể sanh nghi: có chướng ngại nào mà chẳng phải căn biết được? Vì đang nói nhân duyên. Nếu không có nhân duyên thì nghĩa của "ngã" tự hoại diệt cho nên gọi là không nghi ngờ.

Lại nữa ông nói vì "ngã" chẳng phải căn biết được nên là thường hằng, như rễ cây, nước ở dưới đất, cũng chẳng phải căn biết được mà là vô thường vậy sao "ngã" được gọi là thường? Đây gọi là dùng thí dụ để phá chấp.

Lại nữa, ông dùng kinh để nói "ngã" chẳng phải biết cho nên biết được là thường hằng. Trong kinh cũng nói không có "ngã" và ngã "sở"; pháp của Ni-kiền-tử nêu rõ "ngã" chẳng phải thường hằng. "Ngã" quyết định thường hằng thì các kinh không nên có khác và đồng cho nên gọi là

"nghe đồng".

Lại nữa, nếu ông tin vào một kinh coi "ngã" làm thường hằng thì cũng nên tin kinh khác nói "ngã" là vô thường. Nếu tin cả hai tức một ngã cũng là vô thường và thường cho nên gọi là nghe khác.

Lại nữa, vì có nhân mà ông biết có ngã tức như hạt cây Đa-la đã là có hạt nên sanh ra cây Đa-la. Nếu vì không có cho nên biết không có thì như trong hạt đa la không có hình tướng của cây Đa-la cho nên cây không thể sanh ra. Hoặc có cũng không sanh, không có cũng không sanh, "ngã" cũng như vậy. Nếu nhất định có thì không nên lấy căn không giác biết làm nhân. "Ngã" nếu nhất định không có vì căn không biết không thể khiến có nên gọi là không sanh.

Nếu lại có người cho âm thanh là thường thì cũng dùng hai mươi phương pháp đồng và khác ở trên để phá.

Hỏi: Hai mươi loại này lại có nhân duyên tự giải thích, nói không?

Đáp: Tự có. Nên phải hỏi rằng: Do có "ngã" cho nên ông phá "ngã". Nếu không có "ngã" thì ông phá chỗ nào? Vì có năng phá cho nên có sở phá.

Người hỏi nói: thật lý không có "ngã" nhưng do ông càn tính là có cho nên "ngã" gây trở ngại cho ông. Ông nói: Vì có sở phá nên có ngã tức vì có "năng phá" nên biết vô ngã. Nếu nói ông chấp nghĩa "ngã" để nói rõ vô ngã thì điều này không đúng, chẳng phải dụng nghĩa của ông. Nay ông tự dùng Ngã để chấp đó thôi! Người lập luận nói: ông sao biết tôi chấp nghĩa của ông mà nên nói nhân duyên. Tôi trước đã nói: chẳng phải chấp nghĩa của ông nhưng ông chấp cách thiết lập của người khác, vậy cớ gì lại Hỏi: tại sao biết tôi chấp nghĩa của ông? Nếu ông nói tự trái ngược tức rơi vào chỗ thua. Lại nữa, ban đầu ông dùng căn không biết cho nên biết thật có "ngã". Sau đó, dùng các pháp để chứng minh. Nếu lập nhân bất định trái với nghĩa của tôn thì cũng rơi vào chỗ thua thì nghĩa của ông đã hoại. Tôi nếu nói không thoát ra nghĩa ban đầu tức nhận lấy nhiều lỗi. Hễ hỏi đáp thì đáp đến mức tột đỉnh đối với năm, vượt qua đây lại nói tức đều gọi là lỗi. Nếu có trí tuệ, tư duy lý sâu xa thì rộng nói thí dụ có thể hiểu được nghĩa. Tuy nhiên sự luận bàn ấy không thoát ra khỏi pháp này. Luận nói: Trên đã nói pháp chủ yếu của các luận, nội dung luận này là căn bản của các luận. Do luận này nên mới rộng sanh hỏi đáp khiến tăng trưởng trí tuệ. Ví như hạt giống nếu được gieo vào đất tốt thì đâm rễ, hoa phát triển tươi tốt, nếu gieo vào ruộng xấu thì không có thật quả. Pháp này cũng như vậy. Nếu có trí tuệ khéo suy lường thì rộng sanh các luận. Nếu người ngu si ít có trí tuệ

thì tuy huân tập luận này nhưng không thể thông đạt tức không thể là thật, khéo tri kiến. Do đó, các người có muốn sanh khởi thật trí, phân biệt thiện ác thì phải chuyên cần tu tập chánh pháp luận này.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN NHƯ THẬT
PHẢN CHẤT NẠN PHẨM

SỐ 1633

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1633

LUẬN NHƯ THẬT PHẢN CHẤT NẠN PHẨM

Hán dịch: Chơn Đế

Phẩm 1

Luận nói: Ông bảo tôi nói không có đạo lý, nếu như vậy thì ngôn thuyết của ông cũng không có đạo lý. Nếu ngôn thuyết của ông không có đạo lý thì ngôn thuyết của tôi có đạo lý. Nếu ngôn thuyết của ông có đạo lý thì ngôn thuyết của tôi không có đạo lý thì nghĩa ấy không đúng. Lại nữa, không có đạo lý là trong tự thể có đạo lý cho nên không phải không có đạo lý. Nếu trong tự thể không có đạo lý thì không có đạo lý cũng nên không có. Cho nên, ông nói tôi không có đạo lý thì nghĩa này không đúng. Lại nữa, nếu ông gọi ngôn thuyết của tôi không có đạo lý thì tự làm rõ ông vô trí. Vì sao? Vì không có đạo lý là không có sở hữu ngôn thuyết tức cùng với không có đạo lý là một và khác. Nếu là một thì ngôn thuyết cũng không có thì tại sao ông nói ngôn thuyết của tôi không có đạo lý chứ! Nếu là khác thì ngôn thuyết có đạo lý, tại sao ông lại nói ngôn thuyết của tôi không có đạo lý! Lại nữa tự tướng của ngôn thuyết bị phá thì ngôn thuyết của ông và ngôn thuyết của tôi là đồng thời hay không đồng thời! Nếu là đồng thời thì không thể phá ngôn thuyết của tôi, giống như sừng trâu, tai ngựa đồng thời sanh nên không thể cùng phá lẫn nhau. Nếu không đồng thời thì vấn nạn của ông ở trước và lời nói của tôi ở sau. Vậy lời nói của tôi chưa xuất ra thì chỗ nào mà ông lại vấn nạn thế nên không thành nạn. Nếu lời nói của tôi xuất hiện trước và vấn nạn của ông xuất hiện sau thì lời nói của tôi đã thành, thì còn vấn nạn gì? Nếu đồng thời thì lời nói của tôi và vấn nạn của ông là nạn hay "khả nạn" không thể phân biệt được. Ví như nước sông, nước biển đồng thời hòa hợp nên không thể phân biệt được. Lại nữa, vấn nạn của ông là vấn nạn nghĩa của chính mình hay không thể vấn nạn nghĩa của chính mình? Nếu vấn nạn nghĩa của chính mình, thì nghĩa của chính mình tự hoại và lời nói của tôi tự thành. Nếu không thể vấn nạn nghĩa của chính mình thì vấn nạn tức không thành tựu. Vì sao? Vì trong nghĩa của chính mình không thể thành tựu vấn nạn. Nếu thành tựu thì nghĩa của chính mình tức

hoại và nghĩa của người khác thành tựu. Lại nữa, ông gọi ngôn thuyết của tôi không có đạo lý thì chẳng phải là ngôn thuyết. Nếu là ngôn thuyết thì không thể không có đạo lý. Và có ngôn thuyết, không có đạo lý tức hai thứ này trái nghịch nhau. Ví như nói đồng nữ đẻ con. Nếu là đồng nữ thì không thể đẻ con và nếu đã đẻ con thì không thể gọi là đồng nữ. Như vậy đồng nữ có em bé v.v… cả hai thứ trái nghịch nhau cho nên nói có ngôn thuyết không có đạo lý. Nghĩa này không đúng. Lại nữa, cùng với chứng trí trái nghịch nên ông nghe ngôn thuyết của tôi mà gọi là không có đạo lý. Nếu ông đã nghe tức là được thành tựu bởi chứng trí vì lực lớn của chứng trí nên lời nói của ông hoại diệt. Ví như có người nói âm thanh không được nhĩ thức biết nhĩ thức biết được âm thanh là được thành tựu bởi chứng trí lực của chứng trí rất lớn. Lời nói này tức hoại diệt. Lại nữa, với trí so sánh (Tỷ trí) trái nghịch nhau. Nếu ông nói tôi có ngôn thuyết trí so sánh điều đạt được tức biết có đạo lý. Nếu không có đạo lý thì ngôn thuyết cũng không có. Nếu có ngôn thuyết tức biết có đạo lý. Ví như có người nói âm thanh là thường trụ vì từ nhân sanh. Nhưng tất cả từ nhân sanh thì không có thường trụ. Ví như cái bình gốm từ nhân sanh cho nên không thể thường trụ. Âm thanh nếu từ nhân sanh thì không thể thường trụ. Nếu thường trụ thì không thể từ nhân sanh. Không có thường trụ là do trí so sánh được thành tựu. Và như vậy lực lớn của trí so sánh thường trụ tức hoại diệt. Có đạo lý nghĩa là nếu có ngôn thuyết thì có đạo lý. Có đạo lý là sự trí so sánh thành tựu. Nếu không có đạo lý tức là hoại diệt. Lại nữa, cùng với thế gian trái nghịch nhau tức ông nói ngôn thuyết của tôi không có đạo lý thì ngôn ngữ ấy trái nghịch với thế gian. Vì sao? Vì trong thế gian lập nên bốn loại đạo lý: đạo lý nhân quả, đạo lý đối đãi nhau, đạo lý thành tựu, đạo lý như như. Đạo lý nhân quả là như hạt giống cho mầm cây. Đạo lý đối đãi nhau là như ngắn dài, cha con. Đạo lý thành tựu là như năm phần nói nghĩa thành tựu. Đạo lý như như, có ba loại: Vô ngã như như vô thường như như, tịch tĩnh như như. Đối với thế gian thì lấy ngôn thuyết làm quả còn đạo lý làm nhân. Trong thế gian, nếu thấy có quả tức là biết có nhân. Nếu thấy có ngôn thuyết tức biết có đạo lý. Do đó, nếu ông nói ngôn thuyết của tôi không có đạo lý thì nghĩa này trái nghịch với thế gian. Nếu có ngôn thuyết mà không có đạo lý thì không có việc này.

Ông nói ngôn thuyết của tôi khác, không tương ưng thì nay tôi cùng ông quyết định biện luận rõ chỗ đó. Nếu có người nói khác thì có sai lầm. Ông tự lập nghĩa khác với nghĩa của tôi tức là tự nói, tức nói khác cho nên ông mắc phải lỗi lầm. Nếu nghĩa của ông khác với tôi tức ông tự nói khác thì lỗi là do ông chứ không phải do tôi. Nếu không khác thì ông nói giống

tôi tức không khác nhau. Ông nói tôi khác tức là ông nói lời tà vậy. Lại nữa, khác và khác, không có khác nhau cho nên không khác. Nếu khác và khác có khác nhau thì không thể là khác. Ví như người và trâu khác nhau vì người không phải trâu. Nếu khác và khác không có khác thì là một. Nếu là một thì không có khác vậy tại sao ông nói tôi khác! Lại nữa, đạo lý này là tôi với ông cùng ở trong đạo lý mà tranh luận và tôi nói có khác. Nếu ông và tôi không khác thì chúng ta cần gì phải cùng nhau tranh luận, vì tôi nói lên nghĩa của ông. Nếu tất cả những gì nói ra khác nhau thì ông cũng có những gì đã nói riêng cho nên ông nói khác. Đây là lỗi của ông. Nếu ngôn thuyết của ông không nói khác thì tôi cũng không nói điều khác ông nói, tôi nói nếu khác nhau thì nghĩa này không đúng, mà ông rơi vào tà ngữ. Nghĩa còn lại cũng như trước đã nói.

Ông bảo tôi nói nghĩa không thành tựu thì tôi nay cùng ông quyết định biện rõ lãnh vực. Nếu nói không thành tựu thì điều được nói không thể thành tựu. Nếu điều được nói không thành tựu thì không được nói. Nếu không thể nói thì tại sao ông nói điều tôi nói không thành tựu? Nếu được nói thì điều được nói phải thành tựu. Ông nói tôi thuyết không thành tựu thì nghĩa ấy không đúng. Nếu tất cả sở huyết không thành tựu thì ông nói lời vấn nạn tôi thì vấn nạn ấy không thành tựu. Nếu ông nói vấn nạn chẳng phải không thành tựu thì tôi cũng nói như vậy: chẳng phải không thành tựu. Như thế, nếu ông nói tôi không thành tựu thì nghĩa này không đúng. Nếu không thể thành tựu đối với trong tự thể thành tựu cho nên không có gì không thể thành tựu. Nếu không thành tựu đối với trong tự thể không thành tựu thì cũng nên không có cái không thể thành tựu. Nếu có thành tựu thì không có cái không thể thành tựu cho nên ông nói tôi không thể thành tựu thì không có chuyện đó. Nếu ông nói không đọc lời vấn nạn của tôi thì không hiểu ý tôi. Nếu không thấy đạt ý của tôi tức không được phép vấn nạn tôi. Vậy nay cùng ông quyết định biện rõ chỗ đó. Nếu chưa đọc rõ vấn nạn của tôi thì không được nói ông vấn nạn. Ông vì đọc vấn nạn mà có thể vấn nạn tôi hay, vì chưa đọc vấn nạn mà vấn nạn? Nếu ông không đọc rõ mà nói lên vấn nạn thì tôi cũng không có đọc rõ mà nói lên vấn nạn. Nếu ông đọc rõ vấn nạn rồi nói lên vấn nạn thì thường đọc rõ vấn nạn. Vì sao? Vì trong vấn nạn lại sanh vấn nạn. Vấn nạn tức là vô cùng. Nếu không có nêu đọc rõ thời gian vấn nạn thì không có thể nói lên thời nạn. Lại nữa, từ tên gọi vấn nạn mà có tên gọi vấn nạn. Nếu đọc rõ tên vấn nạn này thì được gọi là tên vấn nạn. Nếu không đọc rõ thì không thể gọi tên vấn nạn nhưng được sau nêu lên vấn nạn trước. Kế đến, tên vấn nạn chưa được đọc rõ. Thứ ba, mới được nêu lên tên vấn nạn thứ hai. Thứ tư mới được đọc tên vấn nạn

thứ ba, như vậy tức thường đọc rõ vô tận. Nếu ông nay không đọc rõ mà được nói tên vấn nạn thì tên vấn nạn ban đầu cũng nên không đọc rõ mà được nói tên vấn nạn. Nếu tên vấn nạn ban đầu không có đọc rõ thì không thể nói lên tên vấn nạn tức thứ hai cũng nên không có đọc rõ tên vấn nạn đó được nói tên vấn nạn. Thứ hai không đọc rõ tên vấn nạn mà được nói vấn nạn thì ban đầu cũng nên không đọc rõ tên vấn nạn mà được nói tên vấn nạn. Nhưng nay tên vấn nạn ban đầu chắc chắn phải đọc rõ mới được nói lên tên vấn nạn. Tên vấn nạn thứ hai cũng phải đọc rõ mới nói lên tên vấn nạn, không nên không đọc rõ vấn nạn mà nói. Lại nữa, nếu không đọc rõ vấn nạn mà nói thì vấn nạn tức rơi vào chỗ sai lầm. Nếu ông không tự đọc rõ vấn nạn thì ông nói vấn nạn tức cũng rơi vào chỗ thua cuộc. Nếu ông không đọc rõ vấn nạn mà nói vấn nạn, không rơi vào chỗ thua thì tôi cũng không đọc rõ vấn nạn mà nói vấn nạn cũng không rơi vào chỗ thua. Lại nữa, nếu ngôn thuyết của ông vấn nạn tôi thì tôi đều phải đọc rõ để vấn nạn ông khiến ông đều đọc rõ. Như vậy, chỉ được có cùng nhau lãnh hội đọc rõ mà không thể lập vấn nạn riêng biệt. Nếu thường nhận hiểu cùng nhau mà nêu ra thì mất chánh nghĩa. Ví như hai con thuyền buộc vào nhau, nước lớn nếu đến thì cùng lôi kéo nhau mà lui tới. Lại nữa, ông nói đều là âm thanh xuất phát từ miệng tức diệt mất thì sao được đọc ngôn ngữ của tôi? Âm thanh đã là pháp diệt mất không thể hoàn lại nên không thể đọc lại. Nếu âm thanh tồn tại thì không thể đọc vì đó là âm thanh thường hằng. Nếu nói diệt mất thì không có gì để đọc vì nó không có. Nếu âm thanh đã diệt mất và ông khiến tôi đọc, bảo là lời ông nói tức trở thành tà tư duy. Ông nói ngôn ngữ của tôi là trước phá sau vậy tôi nay sẽ cùng ông quyết định biện luận rõ chỗ đó. Nếu tôi nói trước phá sau thì là đạo lý. Vì sao? Vì lời nói của tôi xuất hiện trước còn lời nói của ông xuất hiện sau. Nếu lời nói của tôi phá lời nói sau thì nghĩa của tôi hơn, lời của ông thì hoại diệt. Lại nữa, nếu ông nói tất cả ngôn ngữ đều lấy trước phá sau thì ông cũng nêu ra ngôn ngữ trước rồi nên phá sau. Nếu lời của ông trước không phá sau thì lời của tôi nêu ra trước cũng không phá sau. Lại nữa, trước phá sau là đối với tự thể không có trước phá sau. Nếu đối với tự thể có trước phá sau thì trước sau đều không có cho nên ông nói trước phá sau là lời không đúng. Nếu đối với tự thể không có trước phá sau thì không có nhân cho nên trước phá sau cũng không có. Ông nói ngôn từ của tôi trước phá sau là tà tư duy thì ông và tôi nói nhân sai biệt. Vậy tôi nay cùng ông quyết định biện rõ chỗ đó. Nếu người xả bỏ nhân trước để lập nhân riêng biệt rơi vào chỗ sai trái thì ông rơi vào chỗ thua.

Tại sao ông bỏ nhân trước mà lập nhân riêng biệt? Nếu ông lập nhân

riêng biệt không rơi vào chỗ thua thì tôi cũng như vậy. Lại nữa, nhân tôi đã nói khác với nhân ông nói. Nếu tôi nói nhân khác thì là đạo lý của tôi. Nếu không nói nhân khác thì tôi tức là nói nhân của ông chứ chẳng phải đối trị sự trái nghịch nhau nên giống ông nói. Ông bảo tôi nói nhân khác là tà tư duy. Nếu tôi đồng với sự lập nhân của ông thì ông phá nhân của tôi tức là tự phá nhân của bản thân ông. Lại nữa, nếu tất cả ngôn ngữ là nhân sai biệt thì ông cũng nói ngôn ngữ nên là nhân sai biệt. Do vậy ông rơi vào chỗ thua. Nếu lời ông nói ra không rơi vào chỗ thua mà ông nói sự lập nhân của tôi rơi vào chỗ thua thì nghĩa ấy không đúng.

Nếu ông bảo tôi nói nghĩa sai biệt thì này tôi sẽ cùng ông quyết định biện rõ chỗ đó: Nghĩa mà tôi lập khác nghĩa của ông tức là đạo lý. Tôi nay cùng ông đối trị trái nghịch nhau cho nên nói nghĩa riêng biệt. Nếu ông tư duy về nghĩa của tôi và nghĩa của ông không khác thì nghĩa của tôi không cùng nghĩa của ông đối trị sự trái nghịch nhau. Nếu ông phá nghĩa của tôi thì ông tự phá nghĩa của mình. Lại nữa, nghĩa khác tức đối với trong tự thể không có nghĩa khác. Như vậy nghĩa khác không có. Nếu nghĩa khác ở trong tự thể có nghĩa khác thì nghĩa khác cũng không có cho nên ông bảo tôi nói nghĩa khác thì nghĩa ấy không đúng. Lại nữa, nếu tất cả những gì nói là nghĩa khác thì những gì ông nói ra cũng phải là nghĩa khác. Nếu những gì ông nói ra mà, không nói là nghĩa khác, thì ông nói tất cả những gì nói ra đều là nghĩa khác, nghĩa ấy không đúng. Ông bảo lời nói của tôi nay vẫn là lời nói trước chứ không có lời khác thì tôi nay sẽ cùng ông quyết định biện rõ điều đó: Tôi lập nghĩa và ông lập nghĩa là để đối trị trái nghịch nhau, nếu tôi nói tự lập nghĩa đối trị nghĩa của ông thì đó chính là đạo lý. Vì sao? Vì tất cả những điều tôi nói ra là để phá nghĩa của ông cho nên tôi nói không có khác. Nếu tôi phải nói nghĩa khác thì nghĩa của ông lập và nghĩa của tôi lập có khác. Nếu tôi nói nghĩa khác tức nói nghĩa của ông thì không trái nghịch với ông. Như vậy ông cật vấn tôi tức là tự vật vấn nghĩa của bản thân ông.

Lại nữa như tôi trước nói âm thanh vô thường nên ngôn ngữ này tự diệt tự tận. Nay lại riêng, nêu ra lời nói: Ông bảo tôi nói lời nói trước là tà tư duy. Lại nữa nếu ông bảo những gì tôi đã nói là không khác. Nếu tôi nói khác thì là khác, nếu tôi nói không khác thì là không khác. Nếu tôi nói không thể thành thì ông nói tôi không khác nên nghĩa ấy không đúng.

Nếu ông nói tất cả những gì được nói ra, tôi đều không chấp nhận thì tôi nay sẽ cùng ông quyết định biện luận rõ chỗ đó. Ông nói tôi không đồng ý tất cả, thì lời nói này là nhập vào tất cả số, hay là không nhập vào tất cả

số. Nếu nhập vào tất cả số thì tự ông không đồng ý những gì ông đã nói ra. Nếu tự ông không đồng ý ấy thì nghĩa của tôi chính là được ông chấp nhận và nghĩa của tôi tự thành, còn lời nói của ông hoại diệt. Nếu không nhập vào tất cả số thì không có tất cả. Nếu không có tất cả thì ông không đồng ý tất cả. Nếu không đồng ý tất cả thì nghĩa của tôi không phải ông không đồng ý, nghĩa của tôi cũng thành và lời của ông rốt cuộc hoại diệt.

Phẩm 2: NHƯ THẬT LUẬN

Luận nói: Vấn nạn có ba lỗi

1. Điên đảo.

2. Nghĩa không thật.

3. Trái nghịch nhau.

Nếu vấn nạn có ba lỗi này thì rơi vào chỗ thua. Điên đảo tức là lập vấn nạn không tương ứng với chánh nghĩa nên gọi là vấn nạn điên đảo. Vấn nạn điên đảo này có mười loại

1. Đồng tướng.

2. Dị tướng.

3. Tướng tăng trưởng.

4. Không khác.

5. Đến, không đến.

6. Không có nhân.

7. Hiển bày nhân riêng biệt.

8. Nghi.

9. Chưa nói.

10. Sự việc khác.

1. Đồng tướng tức là đối với vật đồng tướng mà lập vấn nạn nên gọi là vấn nạn đồng tướng. Luận nói: Âm thanh vô thường, là công lực của nhân sanh chứ không phải sanh ở trung gian. Ví như bình gốm do công lực mà sanh, sanh rồi phá, hoại diệt. Âm thanh cũng như vậy nên vô thường và nghĩa này được lập. Ngoại (đạo) nói: Nếu âm thanh vô thường, đồng tướng với khí vật thì âm thanh tức thường trụ đồng tướng với hư "không". Thế nên như hư không, âm thanh cũng thường trụ. Đồng tướng là đồng không có thân.

Luận nói: Lại nữa, âm thanh vô thường là công lực của nhân sanh ra, không có ở trung gian sanh ra. Nếu vật thường trụ thì không nhân nơi công

lực mà sanh. Ví như hư không thường trụ không có công lực của nhân sanh. Âm thanh không phải như vậy cho nên âm thanh là vô thường. Như vậy nghĩa này đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu âm thanh cùng với "không" thường trụ không đồng tướng thế nên âm thanh vô thường thì nó đến chỗ nào? Nếu cùng với "không" đồng tướng thì âm thanh là thường trụ. Đồng tướng là không có thân cho nên là thường trụ?

Luận nói: Hai vấn nạn này đều là điên đảo nên không thành vấn nạn. Vì sao? Vì quyết định một vị pháp lập làm nhân, nhằm hiển bày tất cả vật nương vào công lực của nhân mà sanh cho nên vô thường. Sự hiển bày nhân vô thường này quyết định ở một vị pháp cho nên vô thường bất động. Do muốn hiển bày đồng loại ấy cho nên nói tên các thí dụ như bình gốm v.v… ngoại đạo do không quyết định nương vào một vị pháp nên lập vấn nạn rằng: Nếu ông nương vào đồng tướng mà lập nghĩa âm thanh vô thường thì tôi cũng nương vào đồng tướng mà lập nghĩa âm thanh thường trụ. Như vậy nếu nghĩa của ông thành tựu thì nghĩa của tôi cũng thành tựu. Luận nói: vấn nạn của ông không phải như vậy. Vì sao? Vì ông lập nhân không có quyết định thường và vô thường hiển hiện khắp nhưng sự lập nhân của tôi có ba loại tướng là pháp căn bản tức chỗ thu nhiếp đồng loại còn khác loại thì cùng lìa nhau cho nên sự lập nhân thành tựu không thể lay động. Nhân của ông không phải như vậy cho nên vấn nạn của ông trở thành điên đảo. Nếu ông lập nhân đồng với nhân của tôi thì vấn nạn của ông trở thành vấn nạn đúng đắn. Nếu lập nghĩa vô thường và vấn nạn nghĩa thường thì khó thành tựu. Vì sao? Vì lập vấn nạn nhân thường trụ thì lập nhân vô thường nên tột bực không thể hiển bày lỗi vô thường điên đảo. Nhân thường trụ không quyết định một vị pháp mà nhân vô thường quyết định một vị pháp.

2. Vấn nạn khác tướng là đối với vật không đồng tướng mà lập vấn nạn cho nên gọi là vấn nạn khác tướng. Luận nói: Âm thanh vô thường. Vì sao? Vì là sự sanh khởi của nhân duyên. Nếu có vật nương vào nhân duyên để sanh khởi tức là vô thường. Ví như hư không vốn là thường trụ vì không nương vào nhân duyên mà sanh khởi. Âm thanh không phải như vậy, cho nên âm thanh vô thường. Ngoại đạo nói: Nếu âm thanh và thường trụ hư không, không đồng tướng thì vô thường lại đi tới chỗ nào? Nếu cùng với bình gốm không đồng tướng thì âm thanh tức thường trụ. Nếu không đồng tướng thì âm thanh không có hình mà bình gốm có hình cho nên bình gốm vô thường còn âm thanh thì thường trụ.

Luận nói: Âm thanh vô thường nương vào nhân duyên mà sanh. Ví

như bình gốm nương vào nhân duyên mà sanh ra, nên âm thanh cũng như vậy.

Ngoại đạo nói: Nếu ông lập âm thanh là vô thường đồng tướng với bình gốm thì đi đến chỗ nào? Nếu âm thanh thường trụ không đồng tướng với bình gốm thì âm thanh không có thân mà bình gốm có thân?

Luận nói: Cả hai vấn nạn này đều là điên đảo. Vì sao? Vì tôi lập nhân vô thường là quyết định một vị pháp. Ông lập nhân thường không quyết định một vị pháp. Do thường và vô thường hiển bày khắp cho nên nhân bất định không thể ngăn cản nhân quyết định. Tôi lập nhân là y cứ vào nhân duyên sanh cho nên âm thanh vô thường. Nhân này là pháp căn bản, là sự thu nhiếp đồng và khác loại tách lìa nhau. Do đầy đủ ba tướng nên không thể loạn động. Ông lập nhân là không có hình tướng nên âm thanh thường trụ. Nhân này là pháp căn bản thuộc chỗ thu nhiếp của đồng loại và khác loại cho nên không thành nhân.

3. Vấn nạn về tướng tăng trưởng tức là đối với đồng tướng mà hiển bày biệt tướng. Luận nói: Âm thanh vô thường do nương vào công lực của nhân mà sanh ra, ví như bình gốm, cho nên âm hanh vô thường. Ngoại đạo nói: ông lập âm thanh cùng với bình gốm đồng tướng do lực nhân sanh ra nên biệt tướng sở dĩ có là vì hai nguyên nhân sau: có thể thiêu đốt và không thiêu đốt; vì mắt thấy và mắt không v.v…? Như vậy âm thanh riêng biệt với bình gốm đều có nguyên do. Âm thanh nương nơi công lực của nhân sanh ra mà có thường trụ nhưng bình gốm do lực của nhân sanh ra mà vô thường cho nên âm thanh thường trụ?

Luận nói: Đây là vấn nạn điên đảo. Vì sao? Tôi lập nhân không thể tách rời nhau với vô thường nhưng tách rời với thường trụ nhằm hiển bày nhân này là trí so sánh vô thường. Ví như thấy lửa nên trí so sánh biết rõ khói. Do khói cùng với lửa không thể tách rời nhau nên sự lập nhân của tôi thành tựu mà không thể loạn động. Ông hiển bày âm thanh riêng biệt không thể thiêu đốt cho nên là thường trụ, mà thấy có gió của dục, sân, khổ vui v.v… Tuy không thể thiêu đốt mà là vô thường. Thế nên không thể thiêu đốt không thể lập làm nhân thường trụ. Ngay cả mắt không nhìn thấy cũng không thể lập làm nhân thường trụ. Vì sao? Vì gió của dục, sân, khổ, vui v.v… cũng không phải dùng mắt thấy được nhưng lại vô thường. Nhân của ông là sự thu nhiếp của đồng loại và khác loại cho nên không thành. Nếu nhân của ông đồng với nhân của tôi thì ông có thể đưa ra vấn nạn về sự lập nghĩa của tôi. Sự lập nghĩa của tôi nương vào ba loại nhân tướng cho nên khác ông. Do không đồng mà ông nói đồng cho nên vấn nạn của ông trở

thành điên đảo.

4. Vấn nạn không khác tức là hiển bày tất cả đồng tướng cho nên lập tất cả không có nguyên do. Đây gọi là vấn nạn không khác. Luận nói: Âm thanh vô thường do nương vào các nhân duyên khác nhau nên trở thành khác biệt. Ví như cây đèn nếu tim lớn thì ánh sánh tỏa lớn, tim nhỏ thì ánh sánh tỏa nhỏ, nghĩa này đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu nương vào đồng tướng bình gốm v.v… vô thường, thì âm thanh cũng như vậy tức tất cả vật cùng tất cả vật không khác. Vì sao vì tất cả cùng vật khác có tướng chung nhau. Tại sao gọi là đồng tướng? Vì nếu biết một thì biết tất cả vật cho nên gọi là đồng tướng. Nếu có tất cả vật đồng tướng cùng với vật riêng biệt khác thì âm thanh cũng như vậy. Tuy nhiên, âm thanh cùng với bình gốm v.v… có tướng đồng nhưng âm thanh là thường trụ còn bình gốm. v.v… là vô thường. Vì sao? Vì tất cả đều có tướng đồng đẳng nhưng tự tánh có khác. Như đèn, âm thanh, người, ngựa, nếu căn cứ vào đồng tướng mà so sánh để biết thì không thành tựu.

Luận nói: Vấn nạn này cũng điên đảo. Vì sao? Vì tất cả các vật có tướng đồng đẳng tôi cũng không bỏ nhưng tôi thấy có tướng riêng biệt và tướng đồng đều đầy đủ ba tướng nên lập nghĩa vô thường; nói đây là nhân vô thường mà không chấp chỉ có đồng tướng. Nếu không như vậy thì tư duy chọn lựa đạo lý tức không có riêng biệt, có đạo lý. Vì sao? Vì không có một vật cùng với vật khác không đồng không riêng biệt cho nên nếu có đồng tướng thì là sự thu nhiếp của đồng loại còn tất cả cái khác loại đều lìa tách nhau. Do đó, nếu nắm bắt được sự lập nhân này thì nhân thành tựu, chỉ có lập nhân đồng tướng thì không thành cho nên trở thành điên đảo.

Lại nữa, luận nói: Âm thanh vô thường, nương vào nhân duyên mà sanh khởi. Ví như bình gốm v.v… nên âm thanh vô thường. Ngoại đạo nói: Nhân và lập nghĩa, cả hai thứ đều không có không khác. Vì sao? Vì nương vào nhân sanh thì nghĩa thế nào? Nếu nhân chưa hòa hợp thì âm thanh chưa sanh và nhân chưa sanh nên không có là nghĩa ấy. Âm thanh vô thường là nghĩa thế nào? Âm thanh chưa sanh đã sanh, sanh rồi tức diệt và do diệt nên không có nghĩa này. Như vậy nhân và sự lập nghĩa không có.

Luận nói: Đó là vấn nạn điên đảo. Tại sao? Vì sự lập nghĩa của tôi không có cho nên hoại diệt cũng không có. Nếu tôi lập nhân không có thì đời vị lai cũng không có. Đời vị lai không có nhưng tất cả thế gian đa phần tin vào mà thành tựu lập làm nhân vô thường. Do hoại diệt không có mà đối với Tăng, Khư v.v… không tin nên không thành tựu. Do vậy vì khiến thành tựu mà lập làm nghĩa. Nếu dùng thành tựu lập nghĩa không thành tựu

làm nhân, thì vấn nạn của ông là tốt không có điên đảo. Tôi nói: tất cả vật đời trước chưa có và đời sau thấy không có cho nên âm thanh đời trước cũng không có và đời sau cũng không có. Nếu đời trước không có mà ông không tin thì tự tư suy nghĩ. Nếu đời trước có âm thanh không có chướng ngại thì tại sao tai không nghe được? Cho nên ông phải biết đời trước không có, giống như chân rắn. Có người tâm háo thắng thì không thể thành tựu nghĩa ý, muốn thành tựu nhưng không có đạo lý thì nghĩa này phải bỏ.

5. Vấn nạn đến và không đến. Nghĩa là nhân được (đạt) đến nghĩa lập, hay không đạt đến nghĩa đã lập. Nếu nhân đến thì sự nghĩa lập không thành nhân, nhưng nếu nhân không đến sự lập nghĩa thì nghĩa cũng không thành nhân. Đây gọi là vấn nạn đến và không đến.

Ngoại đạo nói: Nếu nhân đến sự lập nghĩa là chung, sự lập nghĩa tạp thì lập nghĩa không thành. Ví như nước sông chảy ra biển thì không còn là nước sông nữa. Nhân cũng như vậy cho nên không thành nhân. Nếu sự lập nghĩa chưa thành tựu thì nhân không thể đến. Nếu đến sự lập nghĩa đã thành tựu thì dùng nhân làm gì, cho nên nhân không thành tựu. Nếu nhân không đến thì sự lập nghĩa đã đồng với vật khác, không thể thành nhân cho nên nhân không thành tựu. Nếu nhân không đến thì không hề có khả năng. Ví như lửa không đến thì không có khả năng thiêu đốt, dao không đến thì không thể chặt cây.

Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Nhân có hai loại:

1. Nhân sanh khởi.

2. Nhân hiển hiện không thể tách rời.

Vấn nạn của ông nếu căn cứ vào nhân sanh khởi thì thành vấn nạn nhưng nếu căn cứ vào nhân hiển hiện thì là điên đảo. vì sao? Vì tôi nói nhân không là nhân sanh mà nghĩa đã lập vì người khác có thể tin, có thể làm rõ ra nghĩa vốn lập không thể tách rời. Tuy lập nghĩa đã có nhưng đối với việc lập nghĩa ấy Như nghĩa trí chưa sanh khởi. Vì sao? Vì ngu si cho nên nói nhân chủ động (năng) hiển hiện. Ví như đã có sắc nên dùng đèn chiếu vào để hiển bày nó chứ không phải đèn sanh ra sắc. Cho nên vấn nạn nhân sanh, đối với nhân hiển hiện thì vấn nạn này là điên đảo.

6. Vấn nạn không có nhân. Nghĩa là đối với ba đời mà nói không có nhân sanh. Đây gọi là vấn nạn không có nhân. Ngoại đạo nói: Nhân được lập nghĩa ở đời trước, đời sau hay cùng đời? Nếu nhân tại đời trước lập nghĩa tại đời sau thì lập nghĩa chưa có nhân, vậy nhân ở chỗ nào? Nếu ở đời sau lập nghĩa tại đời trước thì lập nghĩa đã thành tựu, vậy dùng nhân làm gì? Nếu cùng đời đều sanh thì chẳng phải là nhân. Ví như sừng trâu,

mầm lúc v.v… đồng thời xuất hiện nhưng không thể nói bên trái, bên phải tương sanh cho nên đồng thời ấy tức không có nhân. Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Vì sao? Vì đời trước đã sanh, nương vào nhân mà sanh. Ví như đốt đèn khiến hiển bày các vật đã có chứ không phải vì sanh mà vật chưa có. Ông dùng nhân sanh vấn nạn về nhân hiển bày của tôi tức là vấn nạn điên đảo nên không thành. Nếu vấn nạn của ông nói nhân này nếu là nhân hiển bày trí tuệ chưa có nhân này vậy nhân này là nhân nào cho nên không thành "hiển nhân". Nếu tạo ra vấn nạn như vậy thì chưa được gọi là nhân, cho đến sự việc cũng chưa có. Nếu sự việc thành có thì có thể gọi đó là nhân. Do có khả năng hiển bày sự việc nên khi ấy được gọi tên nhân. Vì thế nói đời trước chưa thể gọi tên nhân, ở đời sau mới được gọi tên nhân. Nếu nói nhân trước sự việc sau tức không có lỗi lầm. Lại có người nói: Nếu như vậy thì sự việc không từ nhân sanh ra. Đây cũng không thành vấn nạn. Vì sao? Vì vật trước đối với vật sau mà được gọi tên nhân. Nếu vật đã diệt và sự việc sau sanh thì vấn nạn này thành tựu. Đã không như đây trước có chưa được gọi tên sau có mới được gọi tên cho nên quả từ nhân sanh ra.

7. Vấn nạn hiển bày nhân riêng biệt nghĩa là nương vào nhân riêng biệt mà pháp vô thường hiển bày cho nên đây tức chẳng phải nhân. Đây gọi là vấn nạn hiển bày nhân riêng biệt.

Ngoại đạo nói: Nếu căn cứ vào công lực mà nói âm thanh vô thường thì nếu không có công lực tức nên nói là thường. Như điện, ánh sáng, gió v.v… không nương vào công lực mà sanh cũng bị vô thường thu nhiếp cho nên lập vô thường không cần nương vào công lực. Công lực vốn chẳng phải nhân, nên nếu là nhân thì tách rời với công lực. Còn các chỗ khác thì nên không có vô thường. Ví như lửa tạo ra khói và khói là nhân chính của lửa nên khói và lửa không lìa nhau. Công lực không phải như vậy cho nên không thành nhân. Lại nữa, công lực không thể lập nghĩa vô thường. Vì sao? Vì không phổ biến cho nên nương vào công lực sanh. Nếu biến khắp thì được phép lập nghĩa vô thường. Nếu không biến khắp tức không thể lập nghĩa vô thường. Ví như có người lập nghĩa: tất cả cây cỏ đều có thần thức. Vì sao? Vì cây cỏ có thể ngủ như cây Thi-lợi-sa. Nếu có người vấn nạn hỏi về thần thức của cây thì không thành tựu. Vì sao? Vì nhân không phổ biến khắp. Hơn nữa một cây Thi-lợi-sa ngủ còn các cây khác thì không ngủ! Việc ngủ này không phổ biến khắp tất cả cây cho nên ngủ nghĩ không thể lập tất cả cây có thần thức. Việc nương vào công lực sanh cũng như vậy, Không phổ biến khắp tất cả vô thường cho nên không thể lập nghĩa vô thường.

Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo, tôi nói không phải như đây. Tôi không nói nương vào công lực sanh ra nhân ấy có thể hiển bày tất cả vô thường còn nhân khác thì không thể. Nếu có nhân riêng biệt có thể hiển bày vô thường thì tôi liền hoan hỷ vì sự việc của tôi thành tựu nên tôi lập nhân có thể hiển bày và nhân khác cũng được hiển bày đồng thời sự lập nghĩa của tôi cũng thành tựu. Ví như nương vào khói mà biết có lửa, nếu nói thấy ánh sánh thì lửa cũng thành tựu. Nghĩa của tôi cũng như vậy. Nếu nương vào công lực sanh thì có thể hiển bày vô thường. Nếu riêng biệt có nhân có thể hiển bày vô thường thì nghĩa vô thường cũng thành tựu. Cho nên vấn nạn của ông là điên đảo không giống như ý của tôi hỏi. Nếu tôi nói tất cả vô thường nương vào công lực sanh thì ông có thể hỏi nói: nương vào công lực sanh là nhân không phổ biến nên không thành tựu! Vấn nạn này thì rất tốt. Tôi nói âm thanh v.v… có nương vào công lực sanh tức đều là vô thường mà không nói tất cả vô thường đều nương vào công lực sanh ra cho nên vấn nạn của ông trở thành điên đảo.

8. Nghi nạn tức là đối với vật khác loại đồng tướng mà phát khởi lời nghi ngờ vấn nạn.

Luận nói: Âm thanh và vô thường do nương vào công lực sanh ra.

Nếu có vật nào nương vào công lực sanh ra thì vật ấy là vô thường. Ví như bình gốm là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: đã sanh là do nương vào công lực mà được hiển bày. Ví như rễ, nước v.v… nương vào công lực mà được hiển bày chứ chẳng phải nương vào công lực mà được sanh. Âm thanh cũng như vậy cho nên lập nhân nương vào công lực thì không nhất định có trong "chưa sanh đã sanh". Vì thế, nương vào nhân này đối với âm thanh khởi nghi ngờ âm thanh này quyết định như thế nào? Vì như bình gốm chưa sanh được sanh, vì như rễ, nước v.v… đã có mà được hiển bày cho nên chẳng phải quyết định. Nếu nương vào "sanh nhân" này khởi nghi ngờ thì nên biết chẳng phải lập nghĩa nhân. Vì sao? Vì có thể sanh khởi và hiển bày.

Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Vì sao? Vì tôi không nói âm thanh nương vào công lực mà được hiển bày? Tôi nói âm thanh nương vào công lực sanh ra cho nên âm thanh vô thường. Như vậy ông vấn nạn chỗ nào? Nếu ông nói sự việc công lực thì có hai loại: sanh và hiển bày nghĩa là sanh tức bình gốm v.v… còn "hiển" tức rễ, nước v.v… và âm thanh là sự việc công lực cho nên ở trong đó khởi lên nghi thường và vô thường thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì rễ, nước v.v… chẳng phải là sự việc thuộc công lực. Nếu ông nói rễ nước hiển bày rõ sự việc của công lực thì cũng

không thể vấn nạn về nghĩa của tôi. Vì sao? Vì hiển bày rõ chưa sanh nương vào công lực mà được sanh cho nên một loại sự việc của công lực chỉ đồng là vô thường. Và như vậy, vấn nạn của ông không đúng. Nếu ông lại hiển bày sự việc công lực có hai loại vô thường: bình gốm sanh là vô thường; bình gốm diệt là thường nên âm thanh cũng như vậy thì nghi ngờ này cũng không đúng. Vì sao? Vì không thành tựu. Nếu ông cho rằng bình gốm v.v… diệt, mà có này, có ở trong diệt, và vì có cho nên nghĩa diệt thì không có. Nếu trong diệt không có thì diệt không có vì sao? Vì không có tự thể. Nếu ông nói như bóng tối, vì trong bóng tối không có ánh sáng cho nên có bóng tối. Diệt cũng như vậy, trong diệt không có nên có diệt thì nghĩa này không đúng. Trong hoa đốm hư không, con của Thạch nữ, sừng thỏ v.v…. là không có, tức là nên có, nếu ông không chấp nhận hoa đốm hư không v.v… là có, thì bình gốm diệt mất cũng như vậy. Do không thể nói có cho nên một loại sự việc công lực đồng là vô thường. Như vậy, sự nghi ngờ của ông không đúng. Ông không tin nghĩa là ông được tin cho nên tôi nói rõ nhân âm thanh vô thường. Vì sao? Vì đời trước không có chướng ngại, nương vào công lực mà hiển bày, sanh ra cho nên biết âm thanh không có. Ví như cái bình gốm. Ông đã thiết lập nghĩa dựa vào công lực vốn được, công lực đã tạo, hai thứ khác nhau thì nghĩa này không đúng. Nghĩa là sao? Vì tất cả đều nương vào công lực vốn được tức là vô thường. Vì sao? Vì chưa sanh được sanh và sanh rồi lại diệt cho nên rễ, nước v.v… cũng vô thường như vậy. Tại sao dùng sự thiết lập của ông để hiển bày rõ là thường được?

9. Vấn nạn chưa nói nghĩa là trước đây chưa nói, nên chưa có vô thường. Đây gọi là vấn nạn chưa nói.

Luận nói: Nghĩa căn bản như trước. Ngoại đạo nói: Nếu nói nương vào công lực ngôn ngữ làm nhân mà âm thanh vô thường thì chỗ nào nó đến? Chưa nói nương vào công lực ngôn ngữ thì âm thanh trước ấy là thường, là nghĩa được đạt đến. Đời trước âm thanh đã thường trụ sao hôm nay gọi là vô thường? Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Vì sao? Tôi lập nhân là hiển bày nghĩa chứ không vì sanh, không vì diệt. Nếu tôi lập nhân là hoại diệt thì vấn nạn của ông trở nên hợp lý. Nếu ông vấn nạn tôi trước kia chưa nói chưa hiểu âm thanh vô thường thì vấn nạn này tương tợ. Nếu dùng nhân hoại diệt mà vấn nạn tôi thì vấn nạn này là điên đảo.

10. Vấn nạn về sự việc khác nhau tức là sự việc khác biệt như đồ ngói, âm thanh không như nhau cho nên gọi là vấn nạn sự việc khác. Luận nói: Âm thanh vô thường do nương vào nhân duyên sanh. Ví như bình gốm v.v… nghĩa đã được lập. Ngoại đạo nói: Sự âm thanh khác nhau sự việc đồ

ngói khác nhau. Do ở sự việc đã khác nhau không thể giống nhau là vô thường? Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Vì sao? Vì tôi không nói sự việc đồ ngói đồng với âm thanh cho nên âm thanh vô thường. Tôi nói tất cả vật đồng nương vào nhân mà được sanh cho nên vô thường không liên quan với đồng sự việc, Ví như đồ ngói, cho nên âm thanh vô thường thì khói là vật khác nhưng biểu hiện có lửa, đồ ngói cũng như vậy có thể hiển bày âm thanh vô thường. Lại nữa, người khác nói sự việc khác vấn nạn có nguyên do riêng nói: âm thanh thường trụ nương vào "không" cho nên "không" là thường trụ. Nếu riêng biệt có vật nương vào "không" thì vật tức thường trụ. Ví như "Lân hư" tròn đầy thì "Lân hư" thường trụ. Tròn đầy, nương vào "lân hư" tròn đầy tức thường trụ. Âm thanh cũng như vậy, do nương vào "không" nên là thường trụ. Lại nữa, âm thanh thường trụ thì tại sao tai được nghe? Ví như tánh đồng khác của âm thanh mà tai đã chấp giữ cho nên thường trụ. Âm thanh cũng vậy cho nên thường trụ. Đây là nương vào cái khác để lập nghĩa. Tỳ Thế Sư nói: Nếu thường trụ do nhân được lập, nhưng sự của nhân là vô thường cho nên âm thanh vô thường? Luận nói: Vấn nạn này là điên đảo. Vì sao? Vì tôi không nói "sanh nhân" là vô thường mà tôi nói "hiển nhân" là vô thường, kẻ khác chưa biết nên phải nói cho họ được biết. Tôi lập nhân là "liễu nhân" chứ chẳng phải là "sanh nhân". Do ông nương vào "sanh nhân" mà vấn nạn nên vấn nạn ấy trở thành điên đảo. Lại nữa, luận nói: Sự lập nghĩa này của ông đã nói, cũng là vấn nạn tôi không thể chấp nhận. Vì sao? Vì chúng ta không tin nghĩa thường, trụ, an vui cho nên tôi nói nghĩa này. Mười loại này gọi là vấn nạn điên đảo thuộc đồng tướng. Vì điên đảo nên lập ra sai lầm ấy. Nếu có vấn nạn tương tợ với điều này tức rơi vào vấn nạn điên đảo.

Thứ hai: Vấn nạn không thật nghĩa, là vọng ngữ cho nên không thật. Vọng ngữ là không như nghĩa, không có nghĩa cho nên gọi là vấn nạn về nghĩa không thật. Vấn nạn về nghĩa không thật có ba loại

1. Hiển bày nghĩa không phù hợp.

2. Hiển bày nghĩa đưa đến vấn nạn.

3. Hiển bày nghĩa qua thí dụ.

1. Hiển bày nghĩa không hợp đối với lãnh vực đã chứng thấy, đi tìm nhân. Đây gọi là hiển bày vấn nạn không phù hợp. Luận nói: Âm thanh vô thường, vì nương vào nhân duyên sanh. Ví như đồ ngói nên nghĩa này đã lập.

Ngoại đạo nói: Tôi thấy vật bằng ngói, nương vào nhân duyên sanh thì nhân gì khiến có vô thường ấy? Nếu không có nhân mà lập đồ ngói, vô

thường thì âm thanh cũng nên không nương vào nhân thường trụ mà được thường trụ?

Luận nói: Vấn nạn này là không thật. Vì sao? Vì đã biết rõ thì không cần dùng lại nhân thành tựu. Hiện thấy vật ngói, có nhân chẳng phải thường hằng đâu cần phải đi tìm nhân vô thường! Cho nên vấn nạn này không thật.

2. Hiển bày nghĩa đưa đến vấn nạn tức là về đối nghĩa, thì nghĩa này là nghĩa đến cho nên gọi là nghĩa đưa đến vấn nạn. Luận nói: Vô ngã! Vì sao? Vì không thể hiển bày. Vì như con của Thạch nữ, nghĩa này đã lập. Ngoại đạo nói: nghĩa này là nghĩa đưa đến. Nếu có thể hiển bày quyết định có và không thể hiển bày quyết định không có thì có thể hiển bày hoặc có hoặc không. Việc không thể hiển bày cũng nên như vậy. Ví như vòng nắng lóa sáng thành Càn-thát-bà. Điều này có thể hiển bày nhưng không thể lập là có. Nếu có thể hiển bày mà không thể lập có, tức là không thể hiển bày không thể quyết định lập là không có?

Luận nói: Vấn nạn này không thật thì có đạo lý nào là nghĩa đưa đến? Nếu không thể hiển bày vật thì rốt ráo vật không có và nghĩa này không thể đến. Có thể hiển bày vật gồm có hai loại: có nghĩa đến có và không phải nghĩa đến có. Nghĩa đến có là như nếu có mưa tất phải có mây, nếu có mây thì không chắc có mưa hoặc không có mưa. Cũng như do có khói mà biết có lửa. Như vậy ở trong đây không nhất định phải có nghĩa đến. Nếu thấy khói mà biết có lửa, không thấy khói nên biết không có lửa thì nghĩa này không đến. Vì sao? Vì đối với sắt nung đỏ và than đá chỉ thấy có lửa mà không có khói cho nên hiển bày vật với nghĩa đưa đến thì vấn nạn ấy không thật. Lại nữa, chỉ có sắc gọi là vòng lửa, gọi là nắng lóa thành Càn-thát-bà. Vì mê căn và tâm điên đảo nên đối với đời hiện tại thấy có mà đời sau thì không có nhưng chỉ có sắc là thật có. Mê căn và tâm điên đảo hoặc có khi cũng thấy có. Ông nói có thể hiển bày vật không nhất định có thì vấn nạn này không thật.

Lại nữa, tôi dùng Thạch nữ làm ví dụ nhằm phán quyết nghĩa này vì là xứ không thể hiển bày, rốt ráo bất động nên vật này quyết định không có. Ví như con của Thạch nữ nên xứ không thể hiển bày loạn động là chẳng phải thí dụ của tôi. Việc không thể hiển bày tức là ở trong chỗ "lân hư" v.v… hoặc hiển bày, hoặc không hiển bày. Đối với nghĩa đạt đến của ông, tôi nói chỗ nghĩa đạt đến có thể hiển bày, rốt ráo bất động là vật quyết định có. Đối với vòng lửa v.v… khác nhau chỉ có vòng tròn bất định. Vòng tròn bất định là khi chuyển thời gian đứng lại không có, cho nên chẳng phải là nghĩa đến. Nếu ông chấp vào chẳng phải nghĩa đến tạo ra vấn nạn nghĩa

đến thì vấn nạn ấy trở nên không thật. Lại nữa có người khác nói vấn nạn về nghĩa đến như sau. Nếu âm thanh và vật ngói, đồng tướng thì âm thanh vô thường vì nghĩa đến. Nếu không đồng tướng tức nên nói là thường trụ. Không đồng nghĩa là âm thanh do tai gìn giữ không có hình thể (thân) vật ngói v.v… thuộc mắt gìn giữ có hình thể. Đã không đồng tướng cho nên âm thanh là thường trụ. Luận nói: Nếu như vấn nạn đồng tướng này thì nghĩa vấn nạn đưa đến không có thể riêng biệt cho nên tôi không đồng ý.

3. Việc hiển bày vấn nạn nghĩa qua thí dụ tức là đối với lực thí dụ mà thành tựu nghĩa. Đây gọi là vấn nạn nghĩa qua thí dụ. Ngoại đạo nói: Nếu vô thường khí vật đồng tướng nên âm thanh vô thường tức là tôi cũng có thể hiển bày thường trụ. Thường trụ và "không" đồng tướng cho nên âm thanh thường trụ. Nếu thường trụ đồng tướng không thể thường trụ thì đồng tướng vô thường cớ gì lại vô thường?

Luận nói: Vấn nạn này không thật. Vì sao? Vì chỉ không có vật nên gọi là "không". Nếu có vật thường trụ thì thí dụ này tức thành vấn nạn, cũng là thật. Đã không có vật thường trụ nên "không" không có vật không thể nói thường trụ cũng không thể nói vô thường. Như vậy, vấn nạn này không thành thí dụ cũng chẳng phải thí dụ làm thí dụ. Do đó vấn nạn này không thật. Nếu người tin có vật mang tên là "không" tức là thường trụ thì vấn nạn điên đảo này chẳng phải vấn nạn về nghĩa thật. Vì sao? Vì không có hình thể (thân) bất định. "không" không có hình thể mà thường trụ, tâm muốn khổ, vui v.v… không có hình thể nhưng lại vô thường. Âm thanh đã không có hình thể vì như "không" là thường trụ, vì như tâm là vô thường. Không có thân bất định thì không thể thành nhân cho nên vấn nạn này là điên đảo.

Lại nữa, âm thanh vô thường vì có nhân thì nếu vật nào có nhân tức biết vật ấy vô thường. Ví như vật ngói v.v… nghĩa này đã tự lập.

Ngoại đạo nói: nghĩa này có thể nghi ngờ. Vì sao? Vì đồ vật sanh khởi có nhân là vô thường và đồ vật diệt đi vì có nhân là thường trụ. Âm thanh vì đã có nhân nên đối với âm thanh mà khởi nghi ngờ. Vì đồng với vật sanh có nhân nên vô thường và vì đồng với vật diệt có nhân nên thường trụ?

Luận nói: Vấn nạn này là không thật. Vì sao? Vì không có vật mà gọi là diệt tức đều từ cây gậy v.v… mà đánh vật hoại diệt nên được gọi tên thường trụ.

Lại nữa âm thanh là vô thường. Vì sao? Vì là căn giữ lấy. Ví như vật ngói v.v… nên nghĩa này đã tự lập.

Ngoại đạo nói: Nghĩa này cũng có thể nghi ngờ: Căn đã giữ lấy như cùng, khác tánh tức cũng nên là thường trụ, âm thanh, mà căn giữ lấy như cùng, khác tánh nên âm thanh cũng là thường trụ. Nếu như cùng, khác tánh chẳng phải thường trụ thì như vật ngói… chắc chắn không phải là vô thường?

Luận nói: Vấn nạn này không thật. Vì sao? Vì tánh chất cùng khác của trâu v.v… nếu thật có lìa khỏi trâu v.v… thì nên có thể riêng biệt có thể chấp, có thể thấy. Nếu lìa khỏi cùng và khác tính chất trâu thì không thể chấp, không thể thấy, không có thể sai biệt cho nên biết vô thường. Lại nữa, là nghĩa vô ngã. Vì sao? Vì không thể hiển bày. Ví như tai rắn nên nghĩa ấy đã tự lập.

Ngoại đạo nói: Lường giọt nước biển và cân núi tuyết, xét rõ cả hai là có nhưng không thể hiển bày. "Ngã" cũng như vậy, là có mặt nhưng không thể hiển bày cho nên không thể hiển bày nhân và không thể lập "vô ngã". Luận nói: Số lượng và tụ khối không có thể riêng biệt. Cho nên số lượng, khối tụ thứ tự mà hiện có nhường ấy. Nhường ấy chính là số lượng. Vì nhiếp trì niệm cho nên mới tạo ra một trăm, một ngàn tên gọi thuộc pháp. Giọt nước và núi tuyết, xét rõ hai thứ đã không có thể riêng biệt nên chẳng phải thật có. Nếu có thể riêng biệt cùng với vấn nạn này tương đồng thì sẽ tạo ra sai lầm ấy nên gọi là vấn nạn nghĩa không thật.

Thứ ba: Vấn nạn trái nghịch nhau tức là nghĩa không cùng lập cho nên gọi là trái nghịch nhau. Ví như sáng tối, ngồi, đứng v.v… không đều cùng lập nên gọi là vấn nạn trái nghịch nhau. Vấn nạn trái nghịch nhau bao gồm có ba loại: Vấn nạn chưa sanh. Vấn nạn thường hằng, vấn nạn tự nghĩa trái nghịch nhau.

Vấn nạn chưa sanh nghĩa là đời trước khi chưa sanh liên quan đến công lực nên là thường trụ. Đây là vấn nạn chưa sanh. Ngoại đạo nói: Nếu nương vào công lực tức âm thanh vô thường thì khi chưa sanh, chưa nương vào công lực nên âm thanh là thường trụ.

Luận nói: Đây là vấn nạn trái nghịch nhau. Vì sao? Vì khi chưa sanh thì âm thanh chưa có. Nếu đã chưa có thì tại sao gọi là thường hằng? Nếu có người nói: con trai của Thạch nữ là màu đen còn con gái của thạch nữ là màu trắng thì nghĩa này cũng được thành tựu. Nếu không có thì không thể thường trụ. Nếu thường trụ thì không thể không có. Nếu không có mà thường trụ thì tự trái nghịch nhau nên vấn nạn này cùng với vấn nạn nghĩa đi đến, không thật là vấn nạn tương tợ. Vì sao? Vì chẳng phải vấn nạn thực sự. Nếu nương vào công lực thì âm thanh vô thường tức nghĩa này đã được

lập và cũng chính là nghĩa đi đến thành tựu. Nếu không nương vào công lực thì nên là thường trụ. Nghĩa này không thật. Vì sao? Vì không nương vào công lực vốn có ba loại: thường, vô thường và không có. Thường là như hư không, vô thường là như điện chớp; không có là như hoa đốm giữa hư không. Ba loại này tất không nương vào công lực nhưng ông lại thiên lệch dùng một loại thường trụ cho nên không thật.

Vấn nạn thường trụ nghĩa là vì thường và vô thường cố hữu cho nên âm thanh thường trụ. Đây gọi là vấn nạn thường trụ. Ngoại đạo nói: đối với vô thường mà thường có vô thường, tất cả các pháp đều không lìa tự tánh, trong vô thường có thường trụ và nương vào vô thường cho nên được thường trụ.

Luận nói: Nghĩa này trái nghịch nhau. Vì sao? Nếu đã vô thường thì sao gọi là thường trụ? Nếu có người nói trong bóng tối có ánh sáng thì lời nói này cũng nên thành tựu. Nếu không như vậy thì vấn nạn của ông là trái nghịch nhau và không thật. Vì sao? Vì không có pháp riêng biệt được gọi là vô thường nhưng vì đối với chỗ vô thường tương ứng mà lập nên thường trụ. Vô thường vốn không có thể riêng biệt. Nếu vật chưa sanh được sanh mà sanh rồi lại diệt thì gọi là vô thường. Nếu vô thường không thật, nương vào vô thường mà lập thường trụ thì thường trụ cũng không thật.

Vấn nạn tự nghĩa trái nghịch nhau tức là nếu vấn nạn nghĩa khác mà tự nghĩa hoại diệt thì gọi là vấn nạn tự nghĩa trái nghịch nhau.

Luận nói: Âm thanh là vô thường do nương vào nhân duyên sanh.

Ví như mầm cây v.v… nên nghĩa ấy tự đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu nhân đưa đến vô thường thì đồng với vô thường. Nếu không đưa đến vô thường thì không thể thành tựu vô thường. Như vậy nhân này tức không thành nhân.

Luận nói: Vấn nạn của ông nếu dẫn đến sự lập nghĩa của tôi thì cùng giống sự lập nghĩa của tôi tức không thể phá nghĩa của tôi. Nếu không đưa đến sự lập nghĩa của tôi cũng không phá nghĩa của tôi thì vấn nạn của ông tự phá nghĩa của ông. Lại nữa, ngoại đạo nói: Nếu nhân có trước, lập nghĩa có sau; lập nghĩa chưa có, vậy đây là nhân nào? Nếu lập nghĩa có trước và nhân có sau; lập nghĩa đã thành, vậy thì nhân công dụng nào? Như thế thì cũng không thành nhân.

Luận nói: Nếu vấn nạn của ông có trước và sự lập nghĩa của tôi có sau thì nghĩa của tôi chưa có, vậy ông lấy gì để đưa ra vấn nạn? Nếu sự lập nghĩa của tôi có trước và vấn nạn của ông có sau thì nghĩa của tôi đã lập vậy ông lại dùng gì để vấn nạn! nếu ông nói ông đã tin vấn nạn của tôi cho

nên chấp lấy vấn nạn của tôi lại là vấn nạn tôi. Nếu tạo ra thuyết này thì cũng không đúng. Vì sao? Vì tôi hiển bày vấn nạn của ông rồi lại phá nghĩa của ông chứ không nương vào vấn nạn của ông để lập nghĩa của tôi. Nếu có vấn nạn khác tương đồng với vấn nạn này thì tạo ra lỗi lầm ấy nên gọi là vấn nạn trái nghịch nhau.

Luận nói: Vấn nạn đúng đắn gồm có năm loại:

1. Phá nghĩa vốn ưa thích.

2. Hiển bày nghĩa không ưa thích.

3. Hiển bày nghĩa đảo ngược.

4. Hiển bày nghĩa bất đồng.

5. Hiển bày tất cả không có đạo lý mà được nghĩa thành tựu.

Ngoại đạo nói: có "ngã" vì sao? Vì tụ tập làm nghĩa khác. Ví như ngọa cụ v.v… là sự tụ tập khác, các căn như mắt v.v… cũng như là sự tụ tập khác. Cái khác là ngã cho nên biết có "ngã".

Luận nói: Vô ngã. Vì sao? Vì nhất định không thể hiển bày. Nếu có vật nhất định không thể hiển bày thì vật ấy tức không có. Ví như chẳng phải người tự tại có cái đầu thứ hai. Cái đầu thứ hai, đối với sắc, hương v.v… trong tướng mạo không thể tư duy phân biệt cho nên quyết định không có. "Ngã" cũng như vậy, đối với các căn như mắt v.v… phân biệt mà không hiển bày cho nên quyết định không có. Nếu ông nói "ngã" có thì nghĩa ấy không đúng cho nên gọi là phá nghĩa vốn ưa thích.

Lại nữa, nếu ông nói "ngã tướng" không thể phân biệt nhưng lại có thì cái đầu thứ hai không thể phân biệt cũng nên có, nếu ông không tin cái đầu thứ hai thì "ngã" cũng như vậy. Ông không nên tin thì gọi là hiển bày nghĩa không ưa thích.

Lại nữa nếu ý ông muốn cả hai thứ đồng nhau không thể phân biệt, không nương vào đạo lý mà nói "ngã" là có. Không nói cái đầu thứ hai là có thì tôi cũng không nương vào đạo lý nói cái đầu thứ hai là có, không nói "ngã" là có. Nghĩa này cũng nên thành. Nếu nghĩa của tôi không thành thì nghĩa của ông cũng không thành. Đây gọi là hiển bày nghĩa đảo ngược.

Lại nữa nếu ông nói "ngã" cùng với cái đầu thứ hai đồng không thể phân biệt mà bất đồng, không có lỗi "bất đồng" rơi vào trên cái đỉnh đầu của ông. Ví như có người nói lời như vậy: con Thạch nữ có dụng cụ trang nghiêm và con Thạch nữ không có dụng cụ trang nghiêm thì lời nói này cũng thành tựu. Nếu tạo ra thuyết này thì rơi vào lỗi lầm "bất đồng". Ông cũng như vậy. Đây gọi là hiển bày nghĩa bất đồng.

Lại nữa, nếu ông nói không nương vào đạo lý mà quyết định có "ngã" không nương vào đạo lý mà quyết định không có cái đầu thứ hai, lời nói này được thành tựu thì tất cả các đứa bé nhỏ điên cuồng mà nói không có đạo lý cũng nên thành tựu. Ví như hư không thấy lửa, nước lạnh, gió có thể thiêu đốt v.v… thì đều là lời nói điên cuồng không có đạo lý. Như ông đã lập nghĩa cũng thành tựu, nếu không thành tựu thì nghĩa của ông cũng như vậy. Đây gọi là hiển bày tất cả không có đạo lý mà được thành tựu.

Phẩm 3: RƠI VÀO THUA, TRONG PHẦN HỎI NGƯỢC ĐIỀU HỎI KHÓ

Luận nói: Rơi vào chỗ thua gồm có hai mươi hai thứ

1. Hoại nghĩa.
2. Chấp lấy nghĩa khác.
3. Nhân và sự lập nghĩa trái nghịch nhau.
4. Xả bỏ nghĩa tự lập.
5. Lập nghĩa nhân khác.
6. Nghĩa khác.
7. Nghĩa không có.
8. Nghĩa có không thể hiểu.
9. Nghĩa không có đạo lý.
10. Thời không đến.
11. Phần không đầy đủ.
12. Phần tăng trưởng.
13. Nói lại.
14. Không thể đọc.
15. Nghĩa không thể giải thích.
16. Không thể vấn nạn.
17. Lập nạn liền tránh.
18. Tin, hứa vấn nạn khác.
19. Đang thua mà không hiển bày sự thua.
20. Chẳng phải nơi nói rơi thua.
21. Vì tất đàn có nhiều chỗ thua.
22. Nhân tương tợ.

Nếu người nào rơi vào mỗi chỗ thua ở trên thì không nên lại họ luận

nghĩa nữa.

1. Hoại nghĩa tự lập tức là đối với nghĩa tự lập chấp nhận nghĩa đối nghịch. Đây gọi là hoại nghĩa tự lập. Ngoại đạo nói: âm thanh thường trụ. Vì sao? Vì không có thân. Ví như hư không nên nghĩa này đã lập nên.

Luận nói: Nếu âm thanh với "không" đồng tướng nên là thường trụ thì nếu không đồng tướng tức phải vô thường. Không đồng tướng nghĩa là âm thanh có nhân nhưng "không" không có nhân. Hơn nữa âm thanh là chỗ chấp của căn còn "không" chẳng phải là chỗ chấp của căn. Cho nên âm thanh vô thường.

Ngoại đạo nói: Hoặc đồng tướng, hoặc không đồng tướng thì tôi cũng đều không có suy xét mà tôi chỉ nói thường đồng tướng. Nếu có thường đồng tướng thì là thường trụ.

Luận nói: Thường đồng tướng là bất định không có thân, vật cũng có vô thường. Như tâm khổ, vui v.v… cho nên nhân của ông không thành tựu. Không đồng tướng là quyết định hiển bày tất cả vô thường cùng với thường đều lìa nhau cho nên có thể lập vô thường. Ngoại đạo nói: tôi cũng tin vô thường có nhân và "thường" không có nhân nên đây gọi là hoại nghĩa tự lập rơi vào chỗ thua.

2. Chấp nghĩa tự lập khác tức tự nghĩa đã bị người khác phá nên tư duy lập pháp khác làm nghĩa. Đây gọi là nắm bắt nghĩa tự lập khác. Ngoại đạo nói: âm thanh thường hằng. Vì sao? Vì không có xúc chạm. Ví như hư không nên nghĩa này đã lập.

Luận nói: Nếu ông lập âm thanh thường trụ nương vào nhân không có xúc chạm thì nhân không xúc chạm tức là bất định. Tâm dục, sân v.v… đều không có xúc chạm nhưng vô thường, âm thanh cũng không xúc chạm cho nên không thể cố định. Như hư không v.v… thường hằng, không như tâm v.v… vô thường không có xúc chạm. Đã bất định nên nhân của ông không có thành tựu. Nếu nhân không thành tựu thì sự lập nghĩa cũng không thành tựu và như vậy nghĩa này cũng bị phá.

Ngoại đạo nói: Âm thanh và thường hằng không phải nghĩa của tôi. Nghĩa mà tôi lập là thường hằng và âm thanh thu nhiếp nhau. Do âm thanh và thường hằng thu nhiếp nhau cho nên điều nói âm thanh của tôi là trừ sắc v.v… điều nói thường hằng của tôi là để trừ khử vô thường v.v… Do thường hằng không lìa âm thanh và lìa sắc v.v… nên âm thanh không lìa thường hằng và lìa sự chấp của lỗ tai v.v… Do không lìa nhau cho nên gọi là thu nhiếp nhau. Đây là sự lập nghĩa của tôi chứ tôi không lập âm thanh cũng không lập thường hằng. Do vấn nạn âm thanh và vấn nạn thường hằng

của ông không gây trở ngại nghĩa của tôi cho nên gọi là chấp vào tự nghĩa khác mà rơi vào chỗ thua.

3. Nhân và sự lập nghĩa trái nghịch nhau tức là nhân và sự lập nghĩa không thể đồng nhau. Đây gọi là nhân và sự lập nghĩa trái nghịch nhau. Ngoại đạo nói: âm thanh là thường trụ. Tại sao? Vì tất cả vô thường. Ví như hư không nên nghĩa này đã lập.

Luận nói: ông nói tất cả đều vô thường cho nên âm thanh thường hằng, vậy âm thanh là chỗ thu nhiếp của tất cả hay chẳng phải chỗ thu nhiếp của tất cả. Nếu là chỗ thu nhiếp của tất cả thì tất cả vô thường nên âm thanh cũng vô thường! Nếu không phải là chỗ thu nhiếp của tất cả thì tất cả không thành tựu. Vì sao? Vì không thu nhiếp âm thanh. Nếu ông nói nhân lập nghĩa thì tức là hoại diệt cho nên nghĩa của ông không thành tựu. Đây gọi là nhân cùng nghĩa trái nghịch nhau nên rơi vào chỗ thua.

4. Bỏ nghĩa tự lập tức là người khác đã phá nghĩa lập nghĩa của mình. Do bỏ mà không thể cứu cho nên gọi là bỏ nghĩa tự lập. Ngoại đạo nói: Âm thanh là thường trụ. Tại sao? Vì là sự chấp của căn. Ví như tính chất đồng và khác là chỗ chấp chặt của căn nên thường trụ. Âm thanh cũng là chỗ chấp của căn nên thường trụ, nghĩa này đã lập. Luận nói: Ông cho rằng âm thanh do căn giữ chặt nên thường trụ.

Sự chấp của căn là gồm thâu cả vô thường. Ví như vật ngói v.v… vật, khí v.v… là sự chấp của căn cho nên vô thường và như vậy âm thanh cũng phải vô thường. Ông nói như đồng và khác tánh thường hằng thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như trâu v.v… đồng và khác tánh tức cùng trâu là một hay cùng trâu là khác? Nếu là một thì trâu là thật còn đồng khác tánh là khác. Nếu là khác thì lìa tính đồng và khác của trâu tức tự thể có thể hiển bày. Nếu lìa trâu mà không thấy tính đồng và khác thì không thành thí dụ thường trụ và sự lập nghĩa của ông không thể thành tựu nên nghĩa ấy đã bị phá. Ngoại đạo nói: ai lập nghĩa này? Đây gọi là bỏ nghĩa tự lập mà rơi vào chỗ thua.

5. Lập nhân và nghĩa tức là đã lập nhân và nghĩa đồng tướng nhưng sau đó lại nói nhân khác. Đây gọi là lập nhân và nghĩa khác. Ngoại đạo nói: âm thanh thường trụ. Vì sao? Vì không thể hai thời mà hiển bày. Tất cả thường trụ đều trong một thời mà hiển bày. Ví như hư không v.v… âm thanh cũng như vậy nên nghĩa này đã lập.

Luận nói: Ông nói âm thanh thường trụ không thể hai thời hiển bày, ví như hư không v.v… thì nhân này không đúng. Vì sao? Vì không thể trong hai thời được hiển bày là không quyết định thường trụ. Ví như gió

cùng xúc chạm trong một thời được hiển bày nhưng gió là vô thường. Âm thanh cũng như vậy.

Ngoại đạo nói: Âm thanh và gió không đồng tướng vì gió là thân xúc chạm căn còn âm thanh là sự chấp của nhĩ căn. Luận nói: Trước ông nói không có hai thời được hiển bày cho nên âm thanh thường trụ nhưng nay ông nói âm thanh và gió không đồng tướng mà tùy vào sự chấp của mỗi căn riêng biệt. Như vậy ông bỏ nhân trước mà lập nhân khác cho nên nhân của ông thể thành tựu. Đây gọi là lập nhân và nghĩa khác nên rơi vào chỗ thua.

6. Nghĩa khác tức là nói chứng nghĩa và lập nghĩa không thể tương quan. Đây gọi là nghĩa khác. Ngoại đạo nói: Âm thanh thường trụ. Vì sao? Vì năm ấm như sắc v.v… và mười nhân duyên cho nên gọi là nghĩa khác.

7. Vô nghĩa tức là khi muốn luận nghĩa thì tụng thần chú. Đây gọi là vô nghĩa.

8. Có nghĩa mà không thể hiểu tức là nếu nói ba lần mà thính chúng và người đối diện không hiểu thì gọi là có nghĩa mà không thể hiểu được. Nếu người nói pháp, thính chúng và người đối diện muốn được hiểu nhưng ba thời thuyết đều không hiểu ví như có người nói vi trần không có thân, nên sanh tâm hoan hỷ và sanh tâm ưu não. Nghĩa không đạt đến mà có tổn giảm lợi ích. Bỏ rất nhiều, không bỏ tức là diệt. Âm thanh thường trụ là tại sao? Vì vô thường và thường trụ cho nên nói có nghĩa mà không hiểu nên rơi vào chỗ thua.

9. Nghĩa không có đạo lý tức là có nghĩa trước sau không gồm thâu nhau. Đây gọi là nghĩa không có đạo lý. Ví như có người nói ăn mười loại quả, ba loại dạ, một loại ăn uống nên gọi là không có đạo lý.

10. Không đến thời tức là lập nghĩa đã bị phá và lúc sau lập lại nhân. Đây gọi là không đến thời. Ngoại đạo nói: âm thanh thường trụ. Vì sao? Ví như "lân hư" tròn đầy, nương vào thường trụ cho nên tròn đầy thường trụ. Âm thanh cũng như vậy. Luận nói: Ông lập nghĩa thường trụ mà không thể nói nhân, lập năm phần ngôn từ mà không đầy đủ thì nghĩa của ông không thành tựu. Nghĩa này đã phá. Ngoại đạo nói: Tôi có nhân nhưng không nói tên, vậy lấy gì làm nhân? Vì nương vào thường trụ, "không". Luận nói: Ví như nhà bị cháy ra tro bụi rồi lại đi tìm nước thì cũng không cứu chữa được. Chẳng đúng lúc mà lập nhân để cầu nghĩa cũng như vậy. Đây gọi là không đến thời.

11. Không đầy đủ phần tức là trong năm phần nghĩa có một phần không đầy đủ. Đây gọi là không đầy đủ phần. Năm phần ấy tức là: lập nghĩa

mà nói; lập nhân mà nói; thí dụ như nói; hợp dụ mà nói; quyết định mà nói. Ví như có người nói âm thanh là vô thường tức chính là phần thứ nhất. Vì sao? Vì nương vào nhân sanh là phần thứ hai. Nếu có vật nào nương vào sanh nhân thì vật ấy vô thường. Ví như vật ngói, nương vào nhân sanh nên vô thường là phần thứ ba. Âm thanh cũng như vậy là phần thứ tư. Cho nên âm thanh vô thường là phần thứ năm. Trong năm phần nếu có một phần không đủ thì gi là không đầy đủ nên rơi vào chỗ thua.

12. Phần tăng trưởng tức là nói nhân nhiều và nói thí dụ nhiều cho nên gọi là phần tăng trưởng. Ví như có người nói âm thanh là vô thường. Vì sao? Vì nương vào công lực sanh mà không có trung gian sanh, vì căn giữ lấy, vì sanh diệt vì tạo ra ngôn ngữ cho nên gọi là nhân tăng trưởng (nhiều). Lại nữa, âm thanh vô thường là do nương vào sanh nhân. Ví như vật ngói, y phục, phòng nhà, nghiệp cho nên gọi là thí dụ dài. Luận nói: Như vậy ông nói nhiều nhân và nhiều thí dụ. Nếu nói một nhân thì không thể chứng minh được nghĩa vậy tại sao nói một nhân? Nếu có khả năng chứng minh nghĩa thì tại sao dùng nhiều nhân để nói? Dùng nhiều thí dụ cũng như vậy. Nói nhiều tức là vô dụng cho nên gọi là phần tăng trưởng.

13. Nói lập lại gồm có ba loại

1. Lập lại âm thanh.

2. Lập lại nghĩa.

3. Lập lại nghĩa đưa đến.

Lập lại âm thanh là như nói Đế Thích, Đế Thích. Lập lại nghĩa là như nói mắt, mắt (nhãn, mục). Lập lại nghĩa đưa đến là như nói sanh tử thật là khổ, Niết-bàn là an vui. Như vậy lời ban đầu nên nói còn lời thứ hai không nên nói. Vì sao? Vì lời nói trước đã hiển bày nghĩa. Nếu lời trước đã hiển bày nghĩa rồi thì lời nói sau chỗ nào được hiển bày? Nếu không có chỗ hiển bày thì lời nói sau trở thành vô dụng. Đây gọi là nói lập lại.

14. Không thể đọc rõ tức là nếu nói lập nghĩa và đại chúng đã lãnh ngộ nhưng ba lần nói có người không thể đọc tụng và thọ trì. Đây gọi là không thể đọc tụng rõ.

15. Không hiểu nghĩa tức là nói lập nghĩa, đại chúng đã lãnh hiểu nhưng ba lần nói lại có người không hiểu nghĩa. Đây gọi là không hiểu nghĩa.

16. Không thể vấn nạn tức là thấy người khác như lý mà lập nghĩa nên mình không thể phá được. Đây gọi là không thể vấn nạn.

Luận nói: Không hiểu nghĩa thì không thể đưa ra vấn nạn. Hai loại này chẳng phải rơi vào chỗ thua. Vì sao? Vì nếu người không hiểu nghĩa

thì không thể vấn nạn nên không cần phải luận nghĩa với họ. Luận nói: Hai loại cực ác rơi vào chỗ thua. Vì sao? Vì ở chỗ thua khác. Nếu ngôn thuyết thì có lỗi lầm, có thể dùng phương tiện riêng biệt để cứu giúp. Hai hạng này chẳng phải dùng phương tiện có thể cứu. Người này, thời trước khởi ngã mạn vì có chút thông minh, lúc sau không thể hiển bày tướng thông minh nên sanh tâm hỗ thẹn. Đây gọi là không thể vấn nạn.

17. Lập nạn phương tiện tránh né tức là biết sự lập nghĩa của mình có sai lầm nên dùng phương tiện mà lẫn tránh nói lên sự tướng khác, hoặc nói tôi tự có bệnh hoặc nói mắc xem bệnh cho người khác. Lúc này không thể bỏ công việc tức không thể biện rõ ngăn cản sự lập vấn nạn của người khác. Vì sao? Vì sợ đánh mất niệm yêu thương thân thiện. Đây gọi là lập phương tiện để lẫn tránh vấn nạn nên rơi vào chỗ thua.

18. Tin đồng ý vấn nạn của người khác. Tức là đối với vấn nạn của người khác, tin nhận là lỗi của mình; nếu có người đã tin sai lầm của tự nghĩa thì tin đồng ý vấn nạn của người khác như lỗi của mình, lỗi của ông cũng như vậy. Đây gọi là tin đồng ý vấn nạn của người khác.

19. Ở trong chỗ thua mà không hiển bày bị thua. Tức là nếu có người đã bị thua nhưng không hiển bày sự thua của mình mà còn muốn lập vấn nạn hỏi lại điều đó. Như vậy, nghĩa này đã hoại thì sao dùng vấn nạn? Vấn nạn này không thành tựu cho nên gọi là ở trong bị thua mà không hiển bày sự bị thua.

20. Nói thua không đúng nơi là người khác không thua mà nói họ bị thua. Đây gọi là chẳng phải chỗ mà nói bị thua. Lại nữa, người khác rơi vào chỗ làm mất đi nghĩa đã lập của mình, nếu chấp nghĩa mình lập là khác để hiển bày người khác bị thua nhưng chẳng phải chỗ ấy thì gọi là không phải nơi mà nói bị thua.

21. Vì tất đàn có nhiều chỗ trái nghịch tức là trước đã cùng nhiếp trì bốn loại Tất đàn rất nhiều nhưng sau không như nhiều lý của Tất đàn mà nói. Đây gọi là vì Tất-đàn-đa phần có nhiều sự trái nghịch. Nếu tự nhiếp trì các minh khéo léo, sách tìm tòi và sanh nhân, luật sa-môn, tất đàn mà đa phần không như lý nói. Đây gọi là vì Tất đàn có nhiều chỗ trái nghịch mà bị thua.

22. Nhân tương tợ là như trước nói gồm có ba loại: không thành tựu, bất định và trái nghịch nhau. Không thành tựu tức là ví như có người lập nên con ngựa "đến". Vì sao? Vì thấy có sừng. Ngựa vốn không có sừng nên lập nhân như vậy là không thành tựu. Do đó không thể lập có ngựa đến. Bất định là ví như có người lập nên con trâu đến. Vì sao? Vì thấy có sừng.

Nếu có sừng thì không nhất định là trâu, vì dê, nai v.v… cũng có sừng. Vậy sừng là nhân bất định nên không thể quả quyết là con trâu đi đến mà lập nhân. Trái nghịch nhau tức là ví như có người lập ban ngày ban đêm. Vì sao? Vì mặt trời mới xuất hiện. Mặt trời mới xuất hiện và ban đêm trái nghịch nhau như vậy mặt trời xuất hiện là nhân không thể lập làm ban đêm. Nếu có người lập ba loại nhân này thì gọi đó là nhân tương tợ tức bị thua.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

SỐ 1634

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1634

LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

Tác giả: Bồ-tát Kiên Ý Hán dịch: Đời Bắc Lương, Đại sư Đạo Thái.

QUYỂN THƯỢNG

I. PHẨM Ý NGHĨA

Nay giảng giải ý nghĩa của việc thể nhập Đại thừa.

Hỏi: Tại sao nói ý nghĩa của việc thể nhập Đại thừa?

Đáp: Vì muốn ngăn chận dứt trừ nguyên nhân đau khổ cho chúng sanh. Các người nên biết: Hoặc có người gần gũi tri thức ác, bị ác mê hoặc, chấp lệch lạc vào pháp của mình, chỉ đắm trước theo tà kiến, tư duy điên đảo, không hiểu được thực nghĩa, không tùy thuận trí Phật, phỉ báng thuyết của Thánh nhân. Kẻ phỉ báng thuyết bậc Thánh, tức hủy hoại chánh pháp; kẻ hủy hoại chánh pháp sẽ chịu tội báo lớn. Như Đức Thế Tôn nói, tội hủy báng chánh pháp nặng như tội ngũ nghịch ắt chịu khổ báo lâu dài trong các đường ác.

Kệ nói:

Lời bậc thật trí nói:
Phỉ báng pháp Đại thừa,
Nhất định đến cõi ác.
Người này chịu nghiệp báo,
Sinh đọa vào địa ngục,
Lửa lớn thiêu cháy thân,
Đốt thiêu rất thống khổ.
Nghiệp báo tội như thế.
Lưỡi cày sắt hừng cháy,
Đủ cả năm trăm lần,
Cày trên lưỡi người đó,
Thân nát vụn khổ não.
Khi ra khỏi địa ngục,

Chịu những báo ác khác:
Các căn thường khiếm khuyết,
Mãi không nghe pháp âm.
Giả sử nghe được pháp,
Lại sanh hủy báng pháp,
Do nhân hủy báng pháp
Lại đọa vào địa ngục.

Những chúng sanh hủy báng pháp nghe trong pháp Đại thừa nói như vậy liền sanh tâm nghi ngờ, thắc mắc.

Tôn giả Đề-bà có kệ nói:

Những người có phúc mỏng
Không nên sanh tâm nghi
Người thường hay sanh nghi
Ắt phá hoại các hữu.

Những người có sự nghi ngờ thì nên nghe chánh pháp. Khi đã nghe ý liền được hiểu và khai ngộ. Tâm được khai ngộ thì tâm tín liền sanh. Có tâm tín nên sanh hỷ lạc. Khi có hỷ lạc, cứ như vậy sanh tiếp Văn Tư Tu cho đến được thành tựu viên mãn Nhất thiết chủng trí.

Do hủy báng Đại thừa mà đọa vào cõi ác và cũng từ Đại thừa mà khởi lên những nghiệp thiện, tương tợ như người do đất mà ngã nhưng cũng lại tựa vào đất mà đứng lên được. Lại nữa, nhân nơi trí hiểu biết mà hướng đến đạo Bồ-đề và cùng hòa hợp hiện hữu với chúng sanh, nếu tách rời chúng sanh ắt không có sự chứng đắc Bồ-đề. Từ cảnh giới chúng sanh mà xuất sanh sự giác ngộ của chư Phật. Tôn giả Long Thọ có kệ nói:

Chẳng từ hư không có Cũng chẳng từ đất sanh Chính từ trong phiền não Chứng đắc đạo Bồ-đề.

Hỏi: Ngài nói khéo thể nhập vào luận Ma-ha-diễn, đạt được công đức như vậy. Thế nào là Ma-ha-diễn?

Đáp: Ở trong tạng Bồ-tát gọi là Ma-ha-diễn.

Hỏi: Đức Phật há không thuyết giảng ba thừa, cũng là nói về Ma-ha-diễn đó sao?

Đáp: Đúng vậy, trong Đại thừa cũng nói ba thừa tức gọi là ba tạng.

Như trong kinh Bồ-tát tạng nói: Phật dạy vua A-xà-thế: Tộc tính tử! Tạng có ba loại, đó là: Tạng Thanh văn, tạng Bích-chi Phật và tạng Bồ-tát. Tộc tính tử! Không phải lấy thừa Thanh văn mà gọi là ba tạng; cũng không lấy thừa Bích-chi Phật gọi là ba tạng, chỉ chỗ học Đại thừa của các Bồ-tát được gọi là ba tạng. Vì sao? Phàm người thuyết pháp, đầy đủ ba thừa gọi

là ba tạng. Do Bồ-tát thuyết pháp có thể gồm đủ ba thừa do đó Ta nói là ba tạng.

Tộc tính tử! Người học có ba bậc: học Thanh văn, học Bích-chi Phật và học Bồ-tát. Người học thừa Thanh văn không học thừa Bích-chi Phật. Vì sao vậy? Không phải là chỗ lãnh hội. Người học thừa Bích-chi Phật không học thừa Bồ-tát. Vì sao? Cũng không phải chỗ lãnh hội. Tộc tính tử! Chỉ có bậc Bồ-tát, tuy học thừa Thanh văn, thừa Bích-chi Phật nhưng không chứng đạo Thanh văn, cũng không chứng đạo Bích-chi Phật. Bậc học thừa Bồ-tát biết rõ pháp hạnh của Bồ-tát, thường vui tùy thuận. Do ý nghĩa này nên thừa Bồ-tát được gọi là ba tạng, không phải nói thừa Thanh văn hay thừa Bích-chi Phật. Trong những kinh khác đã phân biệt đầy đủ nên nay Tôi chỉ lược thuyết.

Như ý ông nói: Không có ba tạng, tức là nay ông chỉ lấy kinh Tăng nhất A-hàm, kinh Trung A-hàm, kinh Trường A-hàm, kinh Tạp A-hàm với trăm nghìn bài kệ gọi là một tạng. Tỳ-ni, A-tỳ-đàm với hai trăm nghìn bài kệ gọi là hai tạng. Tu tập đầy đủ trọn hết gọi là ba tạng.

Nếu kể như vậy cũng không thể gọi là ba tạng. Vì sao? Vì có lỗi cho những kinh khác không phải là do Phật thuyết. Lỗi ấy thế này: Nếu A-hàm, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm cũng như chính gọi là ba tạng thì những kinh khác như: Tạp Tạng, Kinh Xá Đầu La, Kinh Thai, Kinh Gián Vương Bổn Sanh, Nhân Duyên Bích Chi Phật v.v… kể như vậy đến tám vạn bốn ngàn tạng pháp mà Tôn giả A-nan đã theo Phật thọ trì, tất cả đều có lỗi không phải lời Phật dạy. Nếu không có lỗi này, thì biết tất cả đều là Phật thuyết; những lời Phật thuyết như thế nếu đều gọi là tạng thì có đến trăm ngàn tạng. Do đó lời ông nói là ba tạng đã tự hủy bỏ. Hơn nữa lại còn có những pháp Tôn giả A-nan không thọ trì, nghĩa là:

Sau ngày Phật thành đạo hai mươi năm, ở trong Tăng chúng Phật tự nói: Tuổi Ta đã cao, cần người thị giả, ai có thể làm thị giả cho Ta hãy nói ra.

Lúc ấy đại chúng thuận ý cử Tôn giả A-nan làm thị giả cho Phật. Tôn giả A-nan bèn thưa cùng các vị đồng phạm hạnh: "Đức Như Lai có đủ tám vạn bốn ngàn pháp, con nay có thể thọ trì hết. Duy trong hai mươi năm trước, những pháp do hai vị Tỳ-kheo thọ trì con đều không rõ". Do ý nghĩa này, phải biết những điều Tôn giả A-nan đã thọ trì không gọi là đa văn. Trong những pháp Phật thuyết giảng, thật có những pháp Tôn giả A-nan không thể đảm nhận làm pháp khí. Nơi kinh Trung A-hàm nói: Thích-đề-hoàn-nhân nói với Uất-đa-la: "Tôn giả, tôi được trí tha tâm, thấy được tất

cả chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề không ai có thể thọ trì hết được pháp Phật chỉ trừ Tôn giả. Những người khác thì không có khả năng". Căn cứ vào nhân duyên này nên biết Tôn giả A-nan không thọ trì hết tất cả pháp của Phật. Đệ tử Thanh văn và Tôn giả A-nan không thể đảm nhận làm pháp khí. Những kinh Đại thừa đã giảng rộng đầy đủ. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật nói với Thiên tử Tịnh Nguyệt Tạng: Pháp mà A-nan thọ trì còn thiếu sót không đủ, còn vô lượng pháp A-nan chưa thọ trì. Pháp của ta nhận biết là trăm ngàn ức phần, pháp đã giảng nói chưa đến một phần. Pháp ta đã giảng nói ra, A-nan chưa thọ trì được một phần của trăm ngàn ức phần. Này Thiện nam! Trong một ngày một đêm, mười phương thế giới các vị Phạm, Thích, Tứ thiên vương, Thiên, Long, Dạ-xoa, Kiền-thát-bà, và các Bồ-tát, tất cả đều đến nghe ta thuyết về Tu-đa-la trí tuệ, kệ tụng chương cú, các Ba-la-mật mà chúng sanh cần được thực hành, cùng thuyết về thừa Thanh văn thừa Bích-chi Phật, chán lìa sanh tử, khen ngợi Niết-bàn, đầy đủ các Ba-la-mật, cho đến thuyết giảng rộng cho những thiên tử. Giả sử người nhiều như số bụi của cả cõi Diêm-phù-đề này đều đa văn trí tuệ như A-nan, cũng không thể thọ trì hết một phần trong trăm ngàn ức phần ta đã giảng nói một ngày, một đêm. Cho đến, nhiều như số bụi của mười phương thế giới đều đa văn và trí tuệ như ông A-nan cũng không thể thọ trì hết". Trong rất nhiều kinh khác cũng nói như vầy: Tôn giả A-nan không thể thọ nhận làm bậc pháp khí đầy đủ. Với ý nghĩa này thì biết Tôn giả A-nan không thể thọ trì hết tất cả pháp của Phật.

Hỏi: Không phải Đức Thế Tôn đã nói A-nan là đa văn đệ nhất đó sao?

Đáp: Đức Phật ở trong chúng Thanh văn tạm nói A-nan là đa văn bậc nhất, không phải là đối với Bồ-tát. Lại nữa, các ông đối với pháp được ghi nhận của A-nan hãy còn chưa lãnh hội đầy đủ, huống chi là đối với Đại thừa gồm đủ các nghĩa sâu xa! Ý ông nếu cho thừa Thanh văn là Đại thừa thì sự việc không phải như vậy. Vì sao? Vì nhân quả khác nhau. Nếu nhân của thừa Thanh văn so với nhân của Đại thừa mà không khác, thì quả cũng phải không khác. Nhưng hiện thấy quả khác, nên biết nhân cũng khác. Vì sao? Vì người học Thanh văn chỉ đoạn trừ chướng, kiết, quán xét hành vô thường, nghe pháp từ người khác. Còn chỗ đoạn trừ của Bồ-tát là các tập khí vi tế, cho đến quán tất cả các pháp rốt ráo là "không", không từ người khác nghe pháp, đạt được Trí tự nhiên, Trí vô sư. Do ý nghĩa ấy, không thể cho thừa Thanh văn đồng với Đại thừa.

Hỏi: Đức Phật há không nói giải thoát là không khác nhau đó sao?

Đáp: Giải thoát của bậc Thanh văn có thể khiến núi Tu di v.v… thảy đều cúi mình quay hướng về đạo tràng. Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, hàng chục chúng ma trong vòng tám mươi do tuần hay không? Giải thoát của bậc Bồ-tát thì làm được như vậy. Do ý nghĩa này, trong các kinh khác Phật dạy: Tướng của giải thoát tuy không khác, nhưng lớn và nhỏ thật có khác biệt. Cũng như sâu gặm trong hạt cải thành chỗ trống không, tuy cũng gọi là không nhưng so với khoảng không trong thế giới, sao có thể gọi là một được? Khoảng không tuy là một nhưng lớn nhỏ có khác. Lại nữa cũng như lửa đom đóm so với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, cũng như muỗi mòng so với Kim-sí-điểu v.v… Như Tỳ-kheo Bà-lưu-chi thuyết kệ Phật bổn hạnh:

Tất cả những ánh sáng
Đèn sáng với ánh chớp
Sao, trăng chiếu khác nhau
Mặt trời sáng thứ nhất
Các cầm thú bay chạy
Ruồi muỗi kiến và ong,
Chim bay mỗi, mỗi khác
Khác xa Kim-sí-điểu.

Như vậy, tuy có chút tương tự nhưng lớn, nhỏ có khác biệt, nên biết: Nhân đã khác nhau, quả lại có thể đồng sao? Ông nói giải thoát không khác mà quán sát như vậy thì biết giải thoát không đồng nhau. Giải thoát ở bậc Thanh văn gọi là giải thoát ái tận không phải là giải thoát tất cả. Chỉ vì chúng sanh căn độn ít trí, nên tạm phân biệt mà nói. Giải thoát ở bậc Đại thừa là đoạn phiền não tập khí, tất cả đều tận, rộng phân biệt nói vì bậc Bồ-tát lợi căn. Như ông nói: Giải thoát của Thanh văn tức giải thoát của Đại thừa, điều này có sai lỗi, vì nếu vậy thì Như Lai không phải là bậc Nhất thiết chủng trí sao? Như lúc Phật có bệnh nhẹ, khiến Tôn giả Mục-liên đến chỗ ông Kỳ-cúc lấy thuốc. Lúc đó Kỳ-cúc đã mất bảy ngày, sanh lên cõi trời Đao-lợi. Tôn giả Mục-liên liền đi tới cõi trời ấy. Khi ấy Kỳ-cúc mới vào hậu viên, Mục-liên bèn hỏi: Như Lai có chút bệnh, nên dùng thuốc gì?

Đáp: Dùng sữa Tô. Thân Như Lai là thân Kim Cang, tất cả nghiệp ác đã diệt hết sao lại có bệnh được mà hỏi Kỳ-cúc?

Như Tỳ-kheo Ba-câu-la, nơi chín mươi kiếp trước cho người đồng phạm hạnh một quả thuốc mà trong chín mươi kiếp thân thường không bệnh. Nơi thân sau cùng, tuổi đến tám mươi, lúc đầu cũng không bệnh nhẹ. Chính do nhân duyên bố thí nhỏ là một quả Ha-ba-lê-lặc ấy mà được không

bệnh, huống gì Đức Như Lai trong ức trăm ngàn vạn a-tăng- kỳ kiếp đều hành đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, hoàn bị các công đức cho đến cắt chân, tay, tủy não máu thịt nơi thân mình thí cho người bệnh, với nhân duyên ấy mà có bệnh sao!

Như kinh đã dạy, Như Lai ứng hiện không phải là Nhất thiết trí. Như có lần Như Lai vào thành khất thực đem bát không trở về, vì muốn độ ông Đề-bà-đạt-đa, khiến cho xuất gia… Như trong Kinh Khô Thụ nói khi thấy đám lửa lớn, lúc đó một số Tỳ-kheo liền sanh tâm thối thất. Để độ Mã-sư, Mãn Túc, thường hay mắng trách Bà-la-môn, Đoạt lại xà, Tát-già-ni-kiền, Tôn-đà-lợi v.v… Trong chín mươi ngày Phật ăn lúa của ngựa; để độ Mục-liên, Xá-lợi-phất. Phật vào lò gốm… và những việc tương tợ như vậy… Hoặc ý ông nói là nghiệp còn sót lại. Điều này cũng không phải. Vì sao? Như Lai đã tận diệt điều ác, đầy đủ hết thảy vô lượng công đức, nếu nói còn sót nghiệp ác tức là lỗi lớn. Ông không từng nghe trong các kinh nói: Như Lai đã vĩnh viễn dứt trừ mọi thứ phiền não, kiết tập của nghiệp hay sao?

Như Ma-đà-già-ly có kệ khen:

Mọi kiết sử đã tận,
Chỉ có bậc cứu đời,
Đầy đủ Nhất thiết trí,
Viên thành mọi công đức.

Tập có ba loại là: Tập nghiệp, tập phiền não và tập uy nghi. Ba loại tập này Như Lai đã vĩnh viễn dứt hết. Do nhân duyên ấy mà nói còn dư nghiệp tức ông mắc lỗi quá lớn. Nếu ông nói đó là phương tiện thì cũng không phải. Vì sao? Ý ông trước đã nói thân Phật là thật. Không nói phương tiện và ứng hóa. Ông thường nói thân Phật là một, sao lại có phương tiện ứng hóa. Ông xem trong kinh nào có nói đến phương tiện và ứng hóa? Trong kinh các ông chỉ nói có thân hậu biên, không có các thân khác như pháp thân và thân phương tiện ứng hóa. Trong kinh Thập trụ của chúng tôi nói có Pháp thân không đồng với thân phương tiện ứng hóa. Do đó trong kinh Đại thừa nói Phật là Bậc Nhất thiết trí thì không sai, còn trong kinh Tiểu thừa nói Phật là Bậc Nhất thiết trí thì rất sai. Nếu ông nói thừa Thanh-văn tức là Đại thừa thì không đúng. Đại thừa có sự sai biệt so với thừa Thanh-văn về mặt rộng lớn. Nếu ý ông nói trong thừa Thanh văn có hiển thị Đại thừa thì cũng không đúng. Vì sao? Về lý trái nhau. Thừa Thanh văn nghe pháp từ đối tượng bên ngoài. Thừa của các Bậc Đại Tiên nối dòng Tam bảo để không đứt đoạn như vật báu lưu ly không phải xuất ra từ thủy

tinh, do thể sai khác nhau.

Do đó Đại thừa thật vi diệu rất sâu xa, tâm Đại thừa rộng lớn. Bậc Bồ-tát Ma-ha-tát theo thứ tự tu học từ Bậc sơ địa đến địa thứ mười, đầy đủ tất cả công đức trí nghiệp. Vậy nên Phật nói là thừa Ma-ha-diễn. Nếu nói thừa Thanh-văn là từ thừa Ma-ha-diễn mà ra thì còn có lý. Cũng vì thế, Bậc Bồ-tát tu học mười địa đầy đủ các hạnh Ba-la-mật có thể sanh ra các pháp thiện của ba thừa.

Như Kinh Thập Địa nói: Bồ-tát Kim Cang tạng nói nói Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Phật tử! Ví như tự (chữ) chương lấy chữ làm gốc làm đầu. Tất cả văn tự đều xuất ra từ gốc của chữ. Phật tử! Như tất cả pháp Phật cũng lại như vậy, đều lấy Địa làm đầu, từ nơi Địa mà đạt đến cứu cánh, thành tựu trí tự nhiên, do vậy Đại thừa được gọi là: rất sâu xa, sanh ra tất cả công đức của Thanh văn, không thể nói Tiểu thừa có thể sanh ra Đại thừa được. Phật dạy mười địa cũng như vàng tụ lại đầy đủ không thất thoát, tại sao không thọ trì? Đức Như Lai lấy lực Từ bi, vì người độn căn mà nói thừa Thanh văn để các ông tin và thọ trì, các ông lại tự thiên chấp, chỉ thọ hành pháp nhỏ, không tin vào Đại thừa chính giáo bình đẳng. Do vậy nên biết, Phật nói Đại thừa gọi là pháp thù thắng an lành đệ nhất.

Hỏi: Xưa, Thế Tôn có dạy: "Sau khi Ta diệt độ vào đời vị lai sẽ có nhiều chúng sanh khởi tranh luận nói điều này là Phật dạy, điều này không phải là Phật dạy. Do vậy Như Lai dùng pháp ấn để ấn định các pháp. Nếu nghĩa nhập nơi Tu-đa-la, thuận theo Tỳ-ni, không trái với pháp tướng, thì đó là Phật thuyết". Có phải như vậy không?

Đáp: Phật cũng không nói, thừa Thanh-văn không phải ta nói, cho đến Bồ-tát Đại thừa cũng vậy. Phật dạy không có khác, dùng pháp ấn ấn định, đồng nhất một tướng. Còn ông nói nhập vào, là nghĩa vào Tu-đa-la, là vào bằng văn tự sao? Nếu dùng văn tự mà vào thì không đúng. Vì sao? Vì Mười hai bộ kinh, tất cả văn kệ, chương, câu, đoạn văn mỗi mỗi đều khác biệt. Vậy nên hiểu không phải vào bằng văn tự. Nếu lấy nghĩa vào thì lý không trái, nếu nghĩa ấy thuận với nghĩa của Tu-đa-la, tương ưng với pháp tướng thì ý nghĩa hiển hiện, đấy gọi là thuận Tu-đa- la. Nếu hiển thị pháp Thanh-văn gọi là thừa Thanh-văn tùy thuận vào Tu-đa-la. Nếu hiển thị pháp Bích-chi Phật gọi là thừa Bích-chi Phật tùy thuận vào Tu-đa-la.

Nếu hiển thị pháp Bồ-tát, gọi là thừa Bồ-tát tùy thuận vào Tu-đa-la.

Nếu tôi hiển thị công đức của mười địa, làm tỏ hạnh Bồ-tát thì gọi là chân thuyết, tùy thuận vào Đại thừa. Chỉ vì ý ông thiên lệch chỉ nói vào ba tạng Tiểu thừa. Trong ba tạng Đại thừa tôi đã nói vào, do đó Ba tạng tức là

Đại thừa. Vì sao? Trong mười hai bộ loại kinh văn nói Tỳ-phật-lược (Phương Quảng) tức là Đại thừa. Như kinh Trung A-hàm nói: Thế nào gọi là Tỳ-kheo? Là vì biết pháp có thể giải rõ mười hai bộ loại kinh văn, từ Tu-đa-la cho đến Ưu-ba-đề-xá. Tỳ-phật-lược là Ma-ha-diễn (Đại thừa). Vì sao? Kinh Tỳ-phật-lược nói: Vì các chúng sanh dạy pháp tu đối trị nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng có nhiều thừa nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng là đầy đủ nhiều trang nghiêm nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng là chỗ có thể sanh ra vô lượng quả báo lớn nên gọi là Tỳ-phật-lược, là chỗ không thể lường xét, không thể hiểu đến được nên gọi là Tỳ-phật-lược. Vì trừ đoạn tất cả những tà kiến nên gọi là Tỳ-phật-lược. Nếu ý ông nói trong pháp Thanh-văn giảng rộng Tu-đa- la, kệ tụng, câu văn chương đoạn cũng gọi là Tỳ-phật-lược thì điều này không đúng. Vì sao? Ông căn cứ kinh A-hàm nói là Tỳ-phật-lược, chỉ là ngôn ngữ. Nếu chỉ là ngôn ngữ thì không đáng tin. Nếu trong kinh A-hàm có ý nghĩa này thì trong chương nào, câu nào vì Thanh-văn nói Tỳ-phật-lược. Nếu không có câu văn nào nói thì nên hiểu là Tỳ-phật-lược là để hiển pháp Đại thừa, không phải nói với Thanh-văn Tiểu thừa.

Trong thừa Thanh-văn, chỗ nói trong một bộ kinh trọn không đến trăm ngàn kệ tán và văn cú, huống nữa là có thuyết rộng muôn ức. Đức Thế Tôn Như Lai dạy Bậc Thanh-văn, chỉ dạy vô thường, khiến chán sanh tử, khiến biết rõ gốc khổ, chóng cầu Niết-bàn. Từ đầu như vậy cho đến phụng hành, câu vị ít ỏi không có ý nghĩa rộng lớn và sâu xa.

Kinh Đại thừa nói về việc Bồ-tát làm rất sâu rộng, như Kinh Đại Dụ, Kinh Hiền Kiếp Tam Muội, Kinh Giải Thoát, Kinh Hoa Thủ… những kinh như vậy đều là Ma-ha-diễn, đều gọi là Tỳ-phật-lược. Như trong Kinh Kiết Giải Thoát, Thiện Tài đồng tử đến chỗ thiện trí thức Tỳ-kheo Hải Tràng, trong mười hai năm nhập Tam muội Đại hải, sau bạch với Hải Tràng: Pháp Tam-muội này, sâu rộng vô biên, còn có pháp môn nào lớn như pháp môn Tam-muội này hay không? Nói vừa xong, ngay trong Tam muội Đại hải, thấy một hoa sen lớn, từ trong hoa sen, đức Phật hiện ra dùng tay phải xoa đầu Hải Tràng khen: Lành thay! Lành thay! Này Thiện nam! Lại còn pháp môn Phổ Nhãn, ông nên thọ trì. Tức thì Tỳ-kheo Hải Tràng thọ trì tất cả văn cú của pháp môn Phổ Nhãn thứ lớp, vì người khác giảng rộng, bảo Thiện tài: Thiện nam! Ta trong khoảng một sát na có thể thọ trì pháp môn Phổ nhãn. Nếu dùng hết nước biển lớn để mài mực, giấy vở chất đầy như núi Tu di, tất cả cây cối trong thiên hạ làm bút, chúng sanh nơi nước, đất liền trong Tam thiên thế giới làm thầy viết những pháp môn được thọ trì trong khoảng một sát na ấy thì trong trăm ngàn phần chưa viết hết một phần huống gì là những điều thọ nhận trong một ngày một đêm, cho đến thọ nhận

trong mười hai năm, nghĩa trọng yếu, phần lớn là hết sức sâu xa, vô lượng vô biên. Đồng tử Thiện Tài ở nơi một bậc thiện tri thức, từ chỗ nghe pháp đã có thể là vô lượng vô biên quá ức ngàn số pháp như vậy, huống gì đến tham vấn học hỏi một bên chư Phật nhiều như vi trần thế giới chư Phật và thọ giáo pháp ở các thiện trí thức.

Từ nhân duyên này nên đầy đủ Đại thừa, gọi là Tỳ-phật-lược. Vô lượng vô biên không phải là của Thanh-văn chăng? Ý nghĩa này rất sâu xa, do đó tất cả các pháp môn tu hành của Thanh văn đều nhập vào đạo Ma-ha-diễn mới là tốt đẹp tối thượng. Đó gọi là ý nghĩa tùy thuận Tu-đa-la.

Nay lại nói sự tùy thuận Tỳ-ni. Ba thừa Thánh đạo đều nhằm đoạn trừ tham dục, sân hận ngu si gọi là Tỳ-ni. Tu-đa-la là phân biệt nhân quả, A-Tỳ-đàm là phân biệt pháp tướng và cũng để đoạn phiền não. Ma-ha-diễn cũng nói là đoạn trừ phiền não tham dục, sân hận, ngu si và tất cả pháp ác.

Phật dạy bậc Thanh-văn làm thanh tịnh ba nghiệp xong thì gọi là Tỳ-ni. Với bậc Bồ-tát thì dạy làm thanh tịnh ba nghiệp xong, cho đến thành Phật, đầy đủ tất cả Thi-la Ba-la-mật cho chúng sanh, giới Bồ-tát thọ trì là tự tánh giới, phát tâm Bồ-đề thành tựu quả chân thật. Do vậy mà biết Ma-ha-diễn tùy thuận theo Tỳ-ni, không trái với pháp tướng. Kinh của ba thừa nói đều không trái mười hai nhân duyên. Đại thừa cũng không trái mười hai nhân duyên. Nếu khéo quán sát sẽ nhận biết Đại thừa tức là ba Pháp ấn. Nếu không khéo quán sát thì không thấy có Đại thừa và cũng không đủ ba thừa. Nếu phỉ báng Ma-ha-diễn thì đó là tội rất nặng. Nay nếu ông nói: "Đó là lời Ma nói, Phật không nói điều ấy, rõ ràng trong các kinh thật không có lời này. Nếu chỉ những lời từ kim khẩu Phật nói mới là Đại thừa thì lời nói của Ma ấy trọn không thể tin. Hoặc ý ông cho rằng lời Phật thuyết ấy cũng như trong thân Sư tử sanh ra trùng, trùng này trở lại đục khoét ăn thịt Sư tử, thì ba thừa đều như vậy, không riêng gì Đại thừa? Do đấy, Ma-ha-diễn không phải là chỗ Ma đạt đến, chỉ, duy nhất khả năng Phật mới nói được.

Hỏi: Ông không phải là Ma thuyết, tôi là Ma thuyết sao?

Đáp: Tôi và ông đều không phải là Ma thuyết vậy.

Hỏi: Nếu nói tôi và ông đều không phải Ma, thuyết thế thì cái gì nói là ma thuyết tức phải ngăn chặn.

Đáp: Pháp Đại thừa của tôi làm lợi cho chúng sanh thuận với pháp tướng nên có nhiều ma sự. Vì thế trong pháp Đại thừa Đức Như Lai đã dạy ngăn dứt ma. Còn pháp Tiểu thừa của ông chỉ có thể tự độ nên Ma không nhiễu hại, đâu cần ngăn chặn.

Vì thế, Như Lai đã dạy trong Kinh Pháp Hoa và Kinh Bát-nhã: Vào

đời vị lai có nhiều chúng sanh khởi tâm đố kỵ, nên phải ngăn chặn những phỉ báng kẻo đọa vào cõi ác. Những điều ông tụng tập thì trong bộ kinh nào có nói Ma-ha-diễn là thuyết của Ma, nếu trong kinh không nói mà ông tự nói thì không thể tin.

Hoặc ý ông cho rằng trong pháp Thanh-văn cũng có pháp ngăn dứt, nhưng đã diệt lâu rồi, điều này khó có chứng cứ và cũng không phải. Vì sao? Vì không có xứ sở.

Giả như cần ngăn dứt, Phật đã dùng thần lực giữ gìn pháp này qua nhiều kiếp không bị mai một, mất đi. Do vậy đủ biết ông nói "lâu rồi" chỉ là lời nói. Giả như là lời Ma nói nhưng nếu có thể trừ chướng, hoặc, không trái với chánh pháp, thì tuy là Ma nói nhưng là chánh pháp, so với lời Phật dạy không khác biệt. Vì sao? Như điều Phật dạy: "Hãy y theo pháp, đừng nương theo người". Vì vậy, nay tôi chỉ theo chính lý, không theo danh tự. Vả lại chỗ mong cầu của chúng ta là diệt được trí chướng và phiền não chướng. Nếu Đức Thế Tôn là Ma thực, trọn không thể nói pháp Bồ-tát. Vì sao? Vì Ma không thể biết là Bồ-tát từ thiền định phát sanh Văn, Tư, Tu tuệ, nhàm chán xa lìa các dục và các pháp ác bất thiện, ý nghĩa của Đại thừa, ấy chỉ có Phật mới có thể nói thứ lớp như vậy, từ sơ địa cho đến địa thứ mười, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng, tâm Bồ-đề, các Ba-la-mật, pháp phương tiện tùy nghi thành thục để thâu phục chúng sanh, mười đạo thiện, giới văn trí tuệ, không phóng dật, lìa tám pháp thế gian, tám Thánh đạo, chuyển pháp luân, kiên trì đầu đà, gồm đủ công đức, khổ, không, vô thường vô ngã, tịch diệt, mười hai nhân duyên, xuất nhập các thiền, ba môn giải thoát, các Đà-la-ni, ba mươi bảy pháp phẩm trợ đạo, những môn thần thông, bốn biện tài, thật đế, thiền trí hai luân để tự trang nghiêm, mọi sự hòa hợp, các pháp diệu dụng tự tại ở cả trong sanh tử và Niết-bàn, không lìa bỏ sanh tử, cũng không hướng về Niết- bàn, tâm thường chán sự ác, quán chính các địa, xa lìa các địa, không theo địa Thanh-văn, Bích-chi Phật, làm tịnh các cõi Phật, pháp nhẫn tùy thuận, pháp nhẫn vô sanh, bất thoái chuyển địa, thọ chính vị địa, lực, vô úy, pháp bất công, pháp thân tướng hảo vì chúng sanh nên trụ ở cõi sanh tử, thuận chuyển và quyết định chuyển, thuận theo không chuyển và quyết định không chuyển… các pháp Phật dạy như vậy, các pháp nhân quả thứ lớp, pháp bất công, pháp phi giác, các pháp này ma không thể nói vì không phải là cảnh giới của ma. Nên trong bốn loại: Ma, nếu cho Ấm ma nói thuyết này thì tôi trọn không nói Phật có thân ấm.

Lại nữa nếu thực là ma nói, như lời này thì Bồ-tát Di Lặc nói cũng

nên ngăn chặn: Lại như có Tôn giả Tân-đầu-lô, Tôn giả La-hầu-la như vậy đến mười sáu vị đại Thanh văn đều ở rãi rác các khu bãi nhỏ. Trong các kinh khác cũng có nói: Có chín mươi chín ức đại A-la-hán đều ở trước Phật, nguyện giữ mệnh thọ để hộ trì pháp. Ở phương Đông vùng Phất-ba-đề, vùng lúa mạch, vùng lúa tẻ, vùng Sư tử cõi Diêm-phù, cõi Đại Diêm-phù, xứ Bạt-đề-lê-già, Kế-tân cho đến ao lớn A-nậu, các bậc Hiền Thánh đều trụ thế để bảo vệ pháp Phật. Nếu nói Ma-ha-diễn do ma thuyết, ắt đây là đại họa của pháp Phật, các bậc Hiền Thánh, tất cả đều nên ngăn dứt. Do vậy nên biết nói Ma thuyết đều là vọng ngữ vu khống không căn cứ.

Hơn nữa các vị đại Bồ-tát, các bậc Hiền Thánh, tất cả đều hỗ trợ Đại thừa, là Ma-ha-diễn, nối tiếp hạt giống Tam bảo không để đoạn đứt.

Hỏi: Như Ngài vừa nói, nếu Ma-ha-diễn là hạt giống Tam bảo được Bồ-tát và Thanh-văn ủng hộ thì nay đối với kẻ phỉ báng Đại thừa tại sao không ngăn chặn, để cho họ không bị đọa địa ngục, không vào cõi ác đạo mà cũng không hủy hoại pháp Phật?

Đáp: Nghiệp báo quyết định không thể trừ dứt. Nghiệp có hai loại, một là: quyết định tăng trưởng, hai là: quyết định thọ báo. Bởi là nghiệp quyết định nên Bồ-tát Thanh-văn và Hiền Thánh không có thể trừ diệt. Nghiệp ác đã tạo tác quyết định phải có thọ báo, không thể cứu ngăn.

Ví như Tỳ-kheo Cù-già-ly phỉ báng kinh Đại thừa là do Ma nói, phải biết người này ắt phải bị đọa địa ngục không thể cứu được.

Hỏi: Ông nói báng bổ Đại thừa sẽ vào đường ác cũng chính là nói thô ác, tôi chưa tin được.

Đáp: Ông nói Phật thuyết Ma-ha-diễn là lời của Ma, tức là phỉ báng ba đời chư Phật, cũng là oán lớn của tất cả chúng sanh. Đó là lời nói hết sức xấu ác, đáng thọ quả báo bất thiện cực trọng của ác khẩu. Như Phật có kệ:

Người sống nơi cõi đời Trong miệng có búa rìu Tự chém hại thân mình Thảy đều do nghiệp ác.

Những lời báng bổ thô ác như vậy không phải lời tôi nói. Tôi, nay chỉ muốn khiến ông đừng khởi ý phỉ báng, vì lợi ích mà nói như vậy. Cũng như người bệnh ăn những món không nên ăn, thầy thuốc xem bệnh, cấm đoán không cho ăn. Cũng thế, vì thương mến ông, tôi muốn ông đừng dùng những lời thêu dệt nói Ma-ha-diễn là lời Ma.

Chư Phật quá khứ đã nói Ma-ha-diễn.

Chư Phật vị lai sẽ nói Ma-ha-diễn.

Chư Phật hiện tại đang nói Ma-ha-diễn.

Đây gọi là luận ngăn dứt sự hủy báng Ma-ha-diễn. Bậc Bồ-tát vì ngăn dứt sự phỉ báng Đại thừa nên mới diễn giảng luận phẩm: "Bước đầu vào Ma-ha-diễn".

Hỏi: Ông đã ngăn chận mọi người khiến không phỉ báng, nay phải như thế nào để vào Ma-ha-diễn.

Đáp: Trước hết, Bồ-tát phải đầy đủ chủng tính, tùy thuận hạnh thiện, hiểu biết sâu xa, nội tâm rộng lớn, giới phận rộng lớn, chủng tính rộng lớn. Chủng tính đã đầy đủ thì trong tâm cũng điều hòa mềm mỏng, dần dần tiêu bớt phiền não, bớt tham-sân-si, ham tu điều thiện, tụng tập siêng năng tinh tấn. Chúng sanh như vậy, sáu căn trở nên rộng lớn có thể phát đại nguyện muốn cầu Phật đạo. Về chủng tính và tướng mạo như lời Phật dạy: Bậc căn, tính hạ, phát ý đạo bậc hạ, sở nguyện bậc hạ. Bậc căn tính, trung phát ý đạo bậc trung, sở nguyện bậc trung. Bậc căn, tính, thượng phát ý đạo bậc thượng, sở nguyện cũng ở bậc thượng. Do đấy, chư Phật tùy theo căn tính chúng sanh, sử dụng tâm từ bi phân biệt mà giáo hóa.

Hỏi: Nếu chúng sanh mỗi người mỗi căn tính riêng thì tùy theo căn cơ, thuyết pháp như thế nào?

Đáp: Chúng sanh bậc thượng căn thì thuyết pháp tạng Bồ-tát thâm diệu, vì biết căn tính có thể hành được hạnh Bồ-tát nên thuyết tạng Bồ-tát.

Hỏi: Là tạng Bồ-tát thì trụ ở Địa nào?

Đáp: Đến bậc Địa giải thoát có mười thứ hành. Được nghe tạng Bồ-tát rồi, được mười thứ pháp hành, lìa hành giải thoát liền được vào hạnh Bồ-tát. Mười hành đó là:

Một là: tu hạnh giải thoát của Bồ-tát, dù nhiều dù ít thảy đều tu tập.

Hai là: Tất cả pháp của Bồ-tát hiện có, dù nhiều dù ít thảy đều biên chép.

Ba là: Các pháp của tạng Bồ-tát, dù nhiều dù ít thảy đều cúng dường.

Bốn là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều truyền đọc. Năm là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều nghe nhận. Sáu là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều thọ trì.

Bảy là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều tu tập tụng đọc, dần dần thông hiểu.

Tám là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều vì người mà phân biệt diễn nói.

Chín là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thảy đều suy tư để khéo

hiểu nghĩa lý.

Mười là: Các pháp của Bồ-tát dù nhiều ít, ở riêng một chỗ suy gẫm và tu tập để thêm sáng tỏ.

Đó là mười hành của Bồ-tát.

- Hành thứ tám là văn tuệ của Bồ-tát.

- Hành thứ chín là tư tuệ của Bồ-tát.

- Hành thứ mười là tu tuệ của Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát đạt Văn, Tư, Tu rồi thì vào hạnh gì?

Đáp: Đạt Bậc này rồi thì vào môn giải thoát.

Theo thứ tự như vậy, khi sanh Văn Tư Tu, thấy pháp giới rồi thì tu ba môn giải thoát.

Hỏi: Ba môn giải thoát là gì?

Đáp: Đó là hành Không, Vô tướng và Vô nguyện.

Hỏi: Sao gọi là " Không? "

Đáp: Quán sát ngã, nhân, chúng sanh đều không có tự thể, tánh tướng thường tịch (vắng lặng).

Hỏi: Làm sao hiểu rõ ý nghĩa được?

Đáp: Thể nhập mười hai nhân duyên.

Hỏi: Môn giải thoát "Không" có khác với mười hai nhân duyên không?

Đáp: Tướng của "Không" và mười hai nhân duyên không khác. "Không" tức là mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên tức là "Không" Vì sao? Vì nhân duyên giả mượn mà dấy khởi lên, không có tự thể. Như kệ của Tôn giả Long Thọ đã nói:

Mười hai nhân duyên, "Không"
Ta nay muốn thuyết giải
Tạm gọi pháp nhân duyên
Mà đây tức trung đạo.

Tất cả các pháp thảy đều không tịch. Vì sao? Vì đều thuộc nhân duyên, không có thể tánh riêng.

Hỏi: Nếu tất cả các pháp do nhân duyên sanh sao lại thuyết là không có thể tánh?

Đáp: Nói nhân duyên là căn cứ nơi thế đế mà nói. Với Đệ nhất nghĩa đế thì không có thể tính, cũng không có sanh. Đã không sanh ắt không diệt. Không sanh không diệt tức chân tịch diệt. Chân tịch diệt là tất cả các pháp

tịch diệt. Nên tôi nói tất cả các pháp không có thể tánh.

Như trong Kinh Lão Mẫu, Thế Tôn nói: Ví như do người, do dùi, do trống, các duyên trên hòa hợp nên có tiếng trống phát ra. Như tiếng này, không ở tại ba đời, cũng không ở trong không ngoài, không ở giữa. Tánh nó là không tịch, không sanh, không diệt. Từ đó biết tất cả các pháp thể tính không tịch. Trong Kinh Lão Mẫu, Phật đã tự thuyết về "Không". Do đó, bậc Bồ-tát trong vô lượng kiếp tu tập phúc đức, Thiền định, Trí tuệ thảy đều vào ba pháp môn giải thoát. Khéo quán sát sanh diệt thảy đều không tịch. Cũng như huyễn, lửa bốc, thành Càn-thát-bà, cũng đồng như mộng hóa như lời Phật dạy:

Trước ngộ mười hai duyên
Chúng sanh thảy đều "Không"
Một sát na có được
Lửa, huyễn, thành Càn thát.

Thứ tự như vậy vào môn giải thoát "Không", tâm được vui thích đạt được ý nghĩa, lợi lạc.

Hỏi: Các phái ngoại đạo đều chấp trước ngã kiến. Làm sao ngăn dứt?

Đáp: Các phái ngoại đạo như vậy đều chấp trước sắc tướng ở trong, ở ngoài, chấp giữ ngã, ngã sở theo dòng sanh tử. Họ chấp trước nơi Ngã có thể ban cho thức ăn uống, tài lợi. Như vậy đủ loại đều dựa vào Kiến chấp Ngã, Kiến chấp chúng sanh. Họ chấp Ngã, Ngã sở là chấp vật tạo tác của Ngã, ví như cái bình, các vật của ta… loại như vậy gọi là chấp dựa vào ngã sở, và nghiệp của Ngã đã tạo. Với những chấp trước thiên lệch hoặc là một, hoặc là khác, hoặc cùng một là khác, , hoặc không một, không khác, họ chỉ dùng ngôn ngữ dối lừa thế gian và dối lừa chính mình. Vì ý nghĩa đó, nên trôi theo dòng chảy sanh tử, không hiểu nhân duyên, tánh các pháp là "không".

Hỏi: Các ngoại đạo không hiểu nhân duyên mà khởi bốn chấp phạm những lỗi lầm nào?

Đáp: Phái Tăng khư có lỗi chấp một : tạo tác và tác giả là một, hình tướng của đối tượng, hình tướng của chủ thể là một; phần và hữu phần là một. Những loại tự như vậy gọi là lỗi chấp một.

Phái Ưu lâu khư chấp "khác". Phái Ni-kiền-đà chấp "một, khác" đều có. Nhã-đề-tử chấp chẳng phải một chẳng phải khác. Các ngoại đạo và Ma-tha-la v.v... chấp "khác". Tất cả đều không ngoài bốn loại chấp như trên.

Hỏi: Người phái Tăng khư nói: Sự tạo tác và tác giả là một, vậy lỗi như thế nào?

Đáp: Vì nói có hai nên không gọi là một. Sự tạo tác là nhân, tác giả là quả. Việc này không đồng, sao gọi là một. Nếu sự thực là khác mà nói là một thì đó là điên đảo. Vì sao? Vì tác giả tức là sự tạo tác. Tác và tác giả ở thời gian trước và sau, khác nhau, sao gọi là một ?

Hỏi: Trước và sau cũng là một hoạt dụng: Như khi hạt giống sanh mầm, tuy có trước sau nhưng tương tợ nhau mà nối tiếp nhau nên gọi là một.

Đáp: Đây cũng có lỗi. Nếu sự tạo tác là trước, tác giả là sau thì cái sanh và cái chưa sanh khác nhau, sao lại là một. Ví như có (hữu) và bình, trọn không được song song. Cũng như bò và sừng không thể nhân nhau mà sanh. Sự tạo tác và tác giả cũng như vậy.

Lại nữa, còn lý do mà sự tạo tác và tác giả không là một. Vì âm thanh khác, nghĩa khác, nhân duyên khác, thời gian khác, chữ khác. Như vậy có rất nhiều lỗi. Nếu chỉ là một thì không nên có tên gọi hai. Thể tướng của âm thanh và nghĩa trước sau khác nhau, nên không thể là một.

Nếu sự tạo tác và tác giả là một thì đất sét và thợ gốm, bàn quây, sữa và đề hồ thảy đều là một, nhưng đã không thế, nên biết sự tạo tác, tác giả không phải là một. Cũng như ngã và tâm không phải là một. Nếu là một thì tâm là vô thường, ngã cũng là vô thường. Do đó cho nên chấp sự tạo tác và tác giả, tướng và tướng giả; lượng và lượng giả; là một, thảy đồng bị phá. Những thuyết như: Có, một, bình v.v... cũng nên ngăn chấp, cho đến mền bông trắng, lá, màu xanh, dài, ngắn, vuông, tròn những kiến chấp như vậy tất cả đều ngăn phá.

Hỏi: Tỳ-xá sư chấp "khác", có lỗi gì không?

Đáp: Nếu sự tạo tác và tác giả là khác biệt cũng có lỗi lớn.

Hỏi: Lỗi ấy như thế nào, xin giảng cho.

Đáp: Nếu bình và đất sét khác biệt thì để làm bình nên dùng tơ sợi, để làm mền bông nên dùng đất sét. Nhưng làm bình không thể dùng tơ sợi được nên biết không phải là khác.

Hơn nữa, đất sét do vi trần mà thành, bình do đất sét mà thành. Hoặc bình khác biệt đất sét thì bình tức không có "thể", đất sét trở thành bình cho nên không được là khác. Đất sét, đối với vi trần thì là "tác giả", đối với bình thì đất sét là "tác". Nếu tác và tác giả là khác thì đất sét đối với vi trần, bình chỉ là tên gọi khác, không đúng là khác. Do vậy nên sự tạo tác và tác giả không thể là khác. Từ lông dạ thành chăn mền, từ cỏ bồ thành chiếu, đều cũng đồng nói như thế.

Tiếp nữa, nếu "có" "một" "bình" ba thứ khác biệt ắt tất cả pháp đều

bị hoại. Vì sao? Nếu có "một" không phải "bình", thì tách rời nên "có bình". Nếu "có một" là "bình" ắt thành nhiều bình. Có "một" chẳng phải thì "có" cũng nên chẳng phải, tức là không có "bình". vì nghĩa đó nên ông chấp khác tức là phá hoại tất cả các pháp.

Hỏi: Theo như thuyết này không hoại các pháp. Vì sao? Vì "có" "một" nương theo "bình" mà lập, như vậy thì "có" "một" và "bình" đều được thành lập.

Đáp: Nếu "có" "một" và "bình" hòa hợp thì cái một đó phải gọi là "bình". Nếu "bình" và "có" "một" hòa hợp thì bình cũng gọi là "có" "một". Đã hợp với "có" "một" thì không thể là khác.

Lại nữa, có và một khác biệt cũng như lỗi nói mền bông và màu trắng. Vì sao? Vì màu trắng không phải mền bông, mền bông không phải trắng, trắng với mền bông khác nhau, những vật khác cũng vậy. Như vậy, khi đốt mền bông, màu trắng lẽ ra không bị đốt. Nếu đốt mền bông mà màu trắng cũng bị cháy thì không thể là khác biệt. Nay ông nói: Vật khác thì tướng khác. Điều này không phải. Trước ông nói: Sáu sự mỗi mỗi đều khác. Điều này cũng nên ngăn dứt.

Hỏi: Ni-kiền-đà trước có thuyết một và khác đều có, thì có lỗi gì không?

Đáp: Như ông nói một và khác đều có tức là, hoặc nói: tác và tác giả là một hoặc nói: tác và tác giả là khác biệt cũng có nhiều lỗi.

Hỏi: Có lỗi như thế nào?

Đáp: Nếu tác là tác giả, sự ắt không thành. Nếu tác khác biệt tác giả, sự cũng không thành. Vì sao? Nhân và quả khác nhau, sao là một được? Do các duyên mà thành quả nên cũng không thể khác. Tướng của tác và tướng của tác giả cũng đều như vậy.

Hỏi: Như tướng của bình bị phá mà thể không bị phá, do thể không bị phá nên được gọi là khác biệt, vì tướng đã mất mà thể vẫn còn đó. Hoặc lúc bình bị phá mà gốc thể là không thì không được là khác.

Đáp: Nếu nói là một tức, giống như thuyết của Tăng khư đã bị phá. Nếu nói là khác biệt, giống như thuyết của Tỳ-xá-sư đã bị phá. Cũng như lá xanh, mền bông trắng cũng đều bị phá.

Hỏi: Như thuyết của Nhã-đề-tử chấp không một không khác, thì có lỗi gì?

Đáp: Cả ba thuyết trước mỗi thuyết có một cách chấp. Nếu chấp không một thì tức phải là chấp khác nếu nói không khác tức phải là chấp

một. Chỗ chấp kia là gì mà nói không một, không khác ? Nếu không có gì chấp mà vọng có sở chấp thì tức phá hoại pháp tướng.

Hỏi: Ngài nói pháp Đại thừa là cũng không có gì để chấp, thì cũng nên cũng hoại tất cả pháp tướng ?

Đáp: Chỗ chấp của tôi hiện thấy trên thế gian đó là pháp nhân duyên. Chỗ ông nói chỉ là điên đảo không thuận với pháp tướng.

Hỏi: Thế nào là pháp tướng? Mà nói tôi hoại pháp tướng ?

Đáp: Không có thể tướng đó chính là thể tướng.

Hỏi: Tại sao không có thể tướng làm thể tướng?

Đáp: "Không" gọi là không có thể tướng.

Hỏi: Tại sao gọi là không? Từ cái "có" để lập "không" hay từ "không có" mà lập "không".

Đáp: Tôi không từ ý nghĩa của "có" để lập "không", cũng không từ nghĩa của "không" để lập "không". Do lìa nơi "có, không" nên gọi là "không". Như Tôn giả Long Thọ nói:

Chấp có gọi là thường
Chấp không tức là đoạn
Nếu lìa chỗ có, không
Gọi là chân thực không.

Tiếp nữa trong Trung Luận, Tôn giả có kệ:

Chấp "có" thì chấp thủ thể tướng
Chấp "không" thì vướng không có "thể"
Không còn chấp giữ ở có, không
Đó chính gọi là chân thật quán.

Từ đó, do lìa "có, không" mà gọi là "không". Lìa đoạn, thường gọi là trung đạo. Nếu có thể giác ngộ được pháp tướng như vậy nên gọi là Phật. Vậy nên ý nghĩa của mười hai nhân duyên gọi là "không".

Hỏi: Mười hai nhân duyên lấy chứng cớ gì để biết là "không" ?

Đáp: Thí dụ như bình, đất sét, bàn xoay cho đến thợ gốm. Nhiều duyên hòa hợp sau đó thành bình. Không phải đất sét là bình, cũng không phải rời đất sét mà có bình. Chỉ là mượn tên gọi nói là bình phụ thuộc vào nhân duyên không có "thể" tướng riêng. Không có "thể", tướng nên không sanh, không sanh nên "thể", tướng tịch diệt. Do nhân duyên mà thành nên không có "thể". Nếu các pháp xác định là có tự thể thì không cần dựa vào nhân duyên… không thể có như vậy. Do không tự tướng nên không có bình, bình không có nên tất cả pháp cũng không có.

Tôn giả Đề-bà có kệ:

Nếu một pháp là có tự thể,
Thì các pháp khác cũng đều như vậy,
Tất cả pháp vốn không thật có
Do nhân duyên nên thảy đều "không".
Quán sát thật một pháp, các pháp,
Thảy đều là tướng chẳng hai
Hiểu rõ, xác thật nó "không" rồi,
Thì thấy tất cả pháp đều "không".

Hỏi: Có phải từ nhân duyên sanh ra pháp tức là thể tướng?

Đáp: Điều này không đúng. Vì sao? Như có "thể", tướng hay không "thể" tướng cũng không liên quan đến điều ông nói. Như ông nói lấy nhân duyên làm thể tướng. Nhân duyên dựa bên ngoài sanh khởi, làm sao có tự thể? Gọi là thể tướng tức từ tự tánh sanh khởi không thuộc nhân duyên. Nếu phụ thuộc nhân duyên tức không có tự tánh. Cũng như vay mượn tức là không tự có. Do đó nhân duyên dựa trên pháp khác mà thành, không có tự thể, như Tôn giả Long Thọ có kệ:

Pháp do nhân duyên sanh
Tức không có tự tánh
Nếu không có tự tánh
Sao lại có thể tướng.

Hỏi: Thể tướng của các pháp, Thế gian hiện thấy, sao lại nói không có ư?

Đáp: Điều này không đúng. Kẻ phàm phu vọng thấy, điều này không đáng tin.

Pháp sanh diệt đều là "không". Sanh diệt nhanh chóng không có lúc tạm dừng. Do tướng tương tự và tương tục nên vọng kiến thấy là thực. Cũng như đèn cháy sáng sanh và diệt niệm niệm nối tiếp nhau, người phàm phu nói là một ngọn lửa. Cũng như nước chảy xiết, như bóng, tiếng vang, như huyễn, như lửa nóng bốc hơi... Như Phật dạy: Huyễn và huyễn giả đều không gì là có mà vọng thấy cho là thật. Nếu là thật thì Ngạ quỉ không phải nhìn nước mà thấy là lửa, thấy cát đá, là máu mủ, … Chúng sanh tùy nghiệp báo thiện ác mà thấy. Nếu chúng sanh lợi căn, tâm tịnh ắt có thể thấy chúng là "không". Dạ-xoa, ngạ quỉ ở xa thấy nước, đến gần thấy là lửa liền sanh nghi hoặc. Nếu vật có thật thì không có hai lần thấy khác nhau. Do có hai lần thấy khác đó nên biết là không thực, chỉ là vọng thấy.

Vì vậy biết tất cả các pháp đều không có " thể ", tướng, do không có

"thể" tướng nên đều không có sanh diệt.

Hỏi: Nếu tất cả các pháp đều không sanh không diệt, tại sao lại có các lỗi đến, đi, chấp đoạn, thường?

Đáp: Do thấy chủng tử bèn cho là đến, đi. Nếu đạt được pháp "không" ắt lìa đoạn, thường. Như do chủng tử hạt giống mà có mầm, cành lá, hoa quả theo thứ tự mà thấy, mầm sanh thì chủng tử diệt. Đó là không đoạn. Cho đến quả sanh thì hoa diệt cũng không có lỗi thường. Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

Các pháp tương tục có
Không phải là đoạn diệt
Nhân diệt thì quả sanh
Nên không gọi là thường.

Do vậy, thấy nhân duyên là "không" tức lìa khỏi đoạn và thường.

Hỏi: Do nhân duyên si nên có hành, vì sao được lìa nơi đoạn thường?

Đáp: Do vô minh nên có hành thiện, hành ác cho đến nhân nơi sinh mà có lão, tử. Phàm phu không hiểu lý nhân duyên tương tục mà vọng cho là thật. Thể của vô minh là "không", nên "thể" của hành cũng "không", cho đến "thể" của sanh cũng là không, "thể" lão, tử cũng là không. Vì thế gian mà tạm gọi là có sự kế tiếp, tương tục, nên không có lỗi đoạn diệt. Niệm niệm không dừng trụ, không có lỗi thường. Do chúng sanh phàm phu chết nơi đây sanh nơi kia đó là tướng tương tợ, tương tục. Cho nên, như lời Phật dạy: Trong nghĩa đệ nhất đế không có chúng sanh chết ở đây, sanh bên kia. Chỉ vì thế đế tạm gọi như thế mà nó. Thức làm chủng tử (hạt giống), hành nghiệp làm thửa ruộng, lấy đất kiêu mạn phủ lên, vô minh làm phân bón, nước ái để tưới thấm, tinh khí của cha và mẹ hòa hợp với duyên sanh mầm danh, sắc, cho nên danh sắc không có tự thể. Cũng như chân giường mượn nhờ nhau mà dùng.

Cái khởi đầu của thai gọi là Ca-la-la, thứ hai là An-phù-đà; thứ ba là Nhục đoạn, thứ tư là Kiên thực, thứ năm là các thứ trong bào thai khai trương, thứ sáu là xúc, pháp sanh theo thứ tự mượn nhờ nhau mà có, nên không gọi là đoạn. Bồ-tát khéo hiểu rõ pháp nhân duyên tức biết nó là "không". Vì nhân duyên là "không" nên hết thảy pháp "không". Pháp đã hiểu là "không" nên không có lỗi đoạn và thường. Trong kinh Xuất Thai, Phật có kệ:

Tùy mượn lập danh tự,
Mà được có các pháp
Trong danh không có pháp,

Đó tức là chân thực.

Do vậy, không nói năng mới là pháp. Nếu đã tùy thuộc danh tự mà có các pháp, thì pháp tức nhiều thể. Nếu cùng như pháp "không" thì không có một thể cũng không nhiều thể.

Hỏi: Nói tất cả pháp đều là không có "thể", e rằng ông có lỗi vì hiện thấy là có.

Đáp: Nếu các pháp là "có", nói là "không" ắt có lỗi. Pháp đã không có sao nói là lỗi? Do đó các pháp lúc đầu, lúc sau cũng như vậy. Nếu các pháp xác định là có "thể" tướng, sau khi vào Niết-bàn lẽ ra phải đoạn diệt. Nếu trước không phải là "không", sau nói là "không" ắt là tà kiến làm hoại chánh pháp, cũng không có giải thoát.

Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

Chẳng "không" mà thấy "không"
Ta nên đắc Niết-bàn
Tà kiến, không Niết-bàn
Như Lai giảng điều này.

Các pháp gốc là "không" nên mãi mãi thấy là "không". Như chư Phật quá khứ thấy tướng "không", nay cũng thấy tướng "không". Nên tôi nói pháp nhân duyên là "không", điều này không có lỗi. Như vậy trước tiên lập đệ nhất nghĩa đế, sau mới phân biệt lập thế đế, thì ngã và chúng sanh, tác và tác giả cho đến là một, là khác biệt đều không có lỗi ấy. Như Tôn giả Long Thọ có kệ:

Không nói phân biệt đế,
không đạt đến thật đế.
Nếu không đạt thật đế,
Hẳn không đạt Niết-bàn.

Tiếp lại có kệ:

Chư Phật diễn nói pháp
Thường nương theo hai đế
Phân biệt nói thế đế
Và đệ nhất nghĩa đế
Nếu không phân biệt được
Chân và tục, hai đế
Như vậy ắt không biết
Nghĩa thâm diệu pháp Phật.

Cho nên, pháp nhân duyên là "không", gọi là chân như, pháp tánh, thực tế. Đó gọi là tu tập thiền đệ nhất nghĩa thấy nhân duyên là không tức

là pháp môn giải thoát Không. Nếu thấy "không" tức chẳng thấy tướng của các pháp, đó gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng. Thấy được vô tướng, nên không còn chỗ mong cầu, đó gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện. An trụ trong ba pháp môn giải thoát như vậy, chủng tử thức ở trong tam giới sẽ không sanh mầm danh sắc, Thức không còn chấp trước sẽ diệt khổ của ba cõi. Khổ nơi ba cõi diệt thì đạt đến Niết- bàn tịch diệt. Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

Thức là nghĩa chủng tử
Lưu hành trong sáu cõi
Thấy các trần là không
Các mầm liền đoạn diệt.

Hỏi: Bồ-tát vượt "không", ra khỏi sanh tử, tại sao lại được thù thắng hơn bậc Thanh văn?

Đáp: Bồ-tát được lợi tại thế gian, và xuất thế gian, vượt qua các cảnh giới, tuy xuất thế gian nhưng vẫn có thể trụ ở thế gian để giáo hóa chúng sanh.

Bậc Thanh văn thì không thể như vậy. Bậc Thanh-văn sợ hãi sanh tử cầu chóng diệt độ, theo đạo xuất thế gian thấy được pháp giới. Thấy pháp giới rồi, đến bờ Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy. Vì sao? Bồ-tát thấy cái khổ của chúng sanh khởi tâm đại bi, vì muốn độ qua bờ kia nên kiên trì trụ trang nghiêm nơi a-tăng-kỳ kiếp tu hành đạo xuất thế gian. Trong khoảng một niệm quán tất cả pháp giới, quán pháp giới rồi tạo duyên với chúng sanh, không giữ lấy quả chứng mà có khả năng độ thoát. Như trong kinh A-nậu-đại-trì, Phật dạy: Có hai người từ đỉnh núi bị trượt ngã. Một người có sức, có phương tiện tốt và nhờ phương tiện tốt nên tuy ngã nhưng lại lên được đỉnh. Một người sức yếu, lại không phương tiện liền rơi xuống lại không thể lên được. Bậc Bồ-tát trong pháp vô vi, không chứng không chấp, như người khéo léo đã lên được đỉnh núi. Bậc Thanh-văn chứng chấp nơi vô vi, như người ít phương tiện, rơi xuống không lên lại được.

Ví như có vị Trưởng giả chỉ có một con. Vì mất mùa đói kém nên đến một nước xa, qua mười năm sau vị Trưởng giả ấy ở một thành lớn, trở nên giàu có, nhiều châu báu, có người giúp việc bèn trở về nước. Bồ-tát có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ công đức đến các cảnh giới trí tuệ, hướng tới Niết-bàn. Do lòng thương xót chúng sanh nên quay lại vào sanh tử ở trong a-tăng-kỳ kiếp chịu khổ nhọc lâu dài. Thừa Bồ-tát Ma-ha-tát cũng gọi là thừa đại khổ, cầu quả vô thượng không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả thừa Thanh-văn, thừa Bích-chi Phật, đầy đủ tất cả công đức trí tuệ, nên siêu vượt

qua các cảnh giới. Thế nào Bồ-tát, thừa là thừa đại khổ ? Ví như có người đi thuyền vào biển, gặp phong ba bão tố, nhiều nạn như thế. Người cùng thuyền do tâm khủng hoảng sanh ra nhiều sợ hãi, nhưng lúc đó thuyền trưởng khéo giữ tay buồm, nên vượt qua các nạn, là người có phúc đức, đã vượt qua nạn rồi, còn thu tìm được châu báu… Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi biển sanh tử cũng lại như vậy, vì kẻ tri thức ác không tin vào hiểm nạn, hướng vào cõi ác.

A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu hạnh trị địa tịnh cầu giải thoát tịnh. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu hạnh thiền định tịnh.

A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, tu hạnh trí tuệ tịnh để dứt trừ các chướng ngại của cảnh giới.

Do đó thừa Bồ-tát gọi là thừa khổ. Đầy đủ mười địa, lúc đó được không nghi, không chướng ngại, đầy đủ tất cả hành, đắc quả Bồ-đề vô thượng. Do vậy nhờ trí biết cảnh giới mà thành tựu quả lớn.

-oOo-

LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

QUYỂN HẠ

II. PHẨM CƠ LUẬN KHÔNG

Hỏi: Trước giảng về thừa điều thuận, thừa đại khổ đạt được quả báo vi diệu, cảnh giới bậc Bồ-tát đạt được đều thật khó thấu hiểu đến.

Đáp: Chỗ hành của Bồ-tát vi diệu nên rất khó biết hết. Trong ba a-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành tựu. Vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do- tha kiếp ở trong phàm phu, không có pháp xuất thế.

Như Tôn giả Đề-bà có kệ :

Trong vô lượng ức kiếp
Thường tại chỗ phàm phu
Ông nay hãy nên biết
Vị lai cũng như vậy.

Cho nên chốn Bồ-tát hành là rất rộng lớn và cũng khó được. Chúng sanh tâm tán loạn được nghe, nói cũng đã rất khó huống gì tu hành. Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

Sanh gặp pháp là khó
Được nghe pháp cũng khó
Sanh tử không ranh giới
Nghe pháp có giới hạn.

Hỏi: Tôn giả trước đã nói mười địa. Xin phân biệt giảng cho tôi rõ những bậc nào là mười địa của Bồ-tát.

Đáp: Một là, địa Hoan hỷ. Hai là, địa Ly cấu. Ba là, địa Minh. Bốn là, địa Diệm. Năm là, địa Nan thắng. Sáu là, địa Hiện tiền. Bảy là, địa Thâm viễn. Tám là, địa Bất động. Chín là, địa Thiện tuệ. Mười là, địa Pháp vân.

Sao gọi là địa Hoan hỷ? Vượt qua giới phàm phu, được đạo xuất thế gian không thể nghĩ bàn, tâm sanh hoan hỷ nên gọi địa Hoan hỷ.

Sao gọi là địa Ly cấu? Phá bỏ và lìa các cấu uế, gọi là địa Ly cấu.

Sao gọi là địa Minh? Tu theo mười hai pháp môn thiền được trí tuệ sáng suốt nên gọi là địa Minh.

Sao gọi là địa Diệm? Được tăng thêm đạo phẩm, giác ý phân biệt đốt cháy mọi củi phiền não, công đức sáng rỡ nên gọi địa Diệm.

Sao gọi là địa Nan thắng? Tu tập mười trí, tuy hàng phục phiền não nhưng chưa có thể thắng nên gọi là địa Nan thắng.

Sao gọi là địa Hiện tiền? Có thể quán mười hai nhân duyên theo chiều thuận và nghịch, thấy được pháp rõ ràng như trước mắt nên gọi là địa Hiện tiền.

Sao gọi là địa Thâm viễn? Yêu thích trí tuệ công đức của Phật, tiếp theo không vướng mắc đến tâm khác, thâm nhập được pháp tướng, nên gọi là địa Thâm viễn.

Sao gọi địa Bất động? Rời bỏ sắc tướng, kiên cố không bị lay chuyển nên gọi là địa Bất động.

Sao gọi là địa Thiện tuệ? Nhập vào bốn biện tài, có thể giải rõ mọi âm thanh, tùy chỗ hỏi có thể giải đáp trong khoảng một sát na, nên gọi là địa Thiện tuệ.

Sao gọi là địa Pháp vân? Có thể thọ trì tất cả pháp Phật, cũng như đám mây lớn có thể rưới ra mưa pháp nên gọi là địa Pháp vân.

Trên đây là tên đầy đủ mười địa của bậc Bồ-tát.

Như vậy, Mười địa là hành xứ an trụ của Bồ-tát, cũng có khả năng đạt đầy đủ tất cả trí tuệ như trong kinh Thập Địa đã giảng rộng. Nếu có thể biết mười địa Bồ-tát như vậy gọi là: Khéo nhận biết về hành xứ an trụ. Cũng gọi là: Khéo nhận biết về xứ sở công đức rộng lớn của Bồ-tát. Cũng gọi là: Khéo nhận biết về xứ sở công đức rộng lớn của Như Lai. Nếu không thể hiểu như vậy, tôi nay quyết định ngay là người đó không rõ pháp Bồ-tát và pháp của Như Lai. Bồ-tát Ma-ha-tát từ lúc sơ phát ý cho đến địa thứ mười luôn tu bốn hành.

Như trong kinh Bảo Đỉnh nói: Hành khéo hiểu biết về vô minh, hành về Ba-la-mật, hành phân biệt đạo phẩm, hành thành thục chúng sanh, bốn hành như thế tổng nhập vào hai luân là phúc luân và trí luân, các địa của Bồ-tát cũng đầy đủ hai thứ quả trí và quả phúc.

Hỏi: Thế nào là thành tựu hai quả?

Đáp: Quả phúc ở Sơ địa làm vua cõi Diêm-phù-đề.

Quả phúc ở địa thứ hai làm Chuyển luân Thánh vương làm chủ bốn cõi thiên hạ.

Quả phúc ở địa thứ ba làm trời Đế thích.

Quả phúc ở địa thứ tư làm Thiên vương Diệm ma.

Quả phúc ở địa thứ năm làm Thiên vương Đâu suất đà.

Quả phúc ở địa thứ sáu làm Thiên vương Hóa lạc.

Quả phúc ở địa thứ bảy làm Thiên vương Tha hóa tự tại.

Quả phúc ở địa thứ tám làm Phạm vương ngàn thế giới.

Quả phúc ở địa thứ chín làm Phạm vương hai ngàn thế giới.

Quả phúc ở địa thứ mười làm Thiên vương Tịnh cư nơi ba ngàn thế giới.

Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói rộng. Như Lai xuất sanh quả báo và thâu nhận thế giới, đó gọi là của phúc luân Bồ-tát.

Thế nào là trí luân của Bồ-tát? Bậc Bồ-tát sơ địa, trong khoảng một sát na đạt trăm pháp Tam muội, thấy trăm môn thần thông của chư Phật, có thể qua được trăm cõi Phật, có thể làm chấn động đến trăm thế giới Phật, ánh sáng soi chiếu khắp đến trăm thế giới Phật, có thể thành tựu hàng trăm hạng chúng sanh, có thể nhận biết trăm kiếp quá khứ, trăm kiếp vị lai, có thể nhập vào trăm pháp môn, … có thể hiện thành trăm thân rồi nhập về một thân, dùng trăm Bồ-tát để trang nghiêm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực còn quá hơn số ấy hàng trăm ngàn vạn ức, vô lượng vô biên không thể dùng số lượng tính toán hoặc thí dụ để biết được. Như lực thân hoặc lực quang minh, hoặc lực thần thông, hoặc lực nhãn, hoặc lực thanh, hoặc lực hành, hoặc lực trang nghiêm, hoặc lực trụ trì, hoặc lực giải thoát, tạo ra những nghiệp thiện gọi là sơ trụ. Bồ-tát trong khoảng một sát na thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Bồ-tát trụ thứ hai đạt ngàn pháp Tam-muội, … như kinh đã giảng nói rộng.

Bồ-tát trụ thứ ba đạt mười vạn pháp Tam-muội, … như kinh đã giảng nói rộng.

Bồ-tát trụ thứ tư đạt ức pháp Tam-muội, … còn lại nói rộng tương tự như sơ trụ.

Bồ-tát trụ thứ năm đạt ngàn ức pháp Tam muội, … còn lại nói rộng như bậc sơ trụ.

Bồ-tát trụ thứ sáu đạt vạn ức pháp Tam muội, … còn lại nói rộng như bậc sơ trụ.

Bồ-tát trụ thứ bảy đạt ức trăm ngàn na-do-tha pháp Tam muội, … còn lại nói rộng như sơ trụ.

Bồ-tát trụ thứ tám đạt số pháp Tam muội gấp mười lần số vi trần của tam thiên thế giới, … còn lại cũng nói rộng như sơ trụ.

Bồ-tát trụ thứ chín đạt số pháp Tam muội bằng số trăm ngàn a- tăng-kỳ vi trần của mười thế giới Phật, công đức còn lại giống như sơ trụ đã nói rộng.

Bồ-tát trụ thứ mười đạt pháp Tam muội nhiều như số không thể nêu, không thể nói ức trăm ngàn na-do-tha vi trần của mười thế giới Phật, công đức còn lại như sơ trụ đã nói rộng. Trong khoảng một sát na cho đến thấy chư Phật nhiều như số vi trần nơi ức trăm ngàn na-do-tha không thể nói không thể nêu của mười thế giới Phật. Như Bồ-tát bậc sơ trụ (sơ địa) trong khoảng một sát na thấy trăm thế giới chư Phật, cho đến thành tựu được trăm hạng chúng sanh. Bậc Bồ-tát trụ thứ mười cũng lại như vậy.

Hỏi: Như Phật đã dạy là trong một thế giới không có hai vị Phật xuất hiện. Tại sao Bồ-tát lại thấy mười thế giới chư Phật, bất khả thuyết bất khả thuyết ức trăm ngàn na-do-tha vi trần số chư Phật?

Đáp: Chư Phật nói trong một thế giới không có hai vị Phật là nói với hạng chúng sanh tiểu tâm, độn căn không phải nói với chúng sanh đại tâm lợi căn. Như trong kinh các ông nói: Một thế giới không có hai vị Chuyển Luân thánh vương, không có hai vị Phật xuất hiện ở đời nhưng nơi bốn cõi thiên hạ thật có nhiều vị Chuyển luân thánh vương. Chư Phật xuất thế cũng vậy, có rất nhiều.

Hỏi: Phật Thích-ca Mâu-ni cũng có thể hiện hữu khắp các cõi Phật, thì đâu cần những vị Phật khác?

Đáp: Như ông nói, chỉ một vị Phật cũng có thể hiện bày khắp tất cả thế giới thì trong quá khứ trước Phật Thích-ca Mâu-ni đã có bảy vị Phật ra đời và thành Chánh giác. Nên điều tôi nói có nhiều Phật là không lỗi. Dù thần lực của Phật Thích-ca Mâu-ni có thể hiện bày khắp đến tất cả thế giới thì hiện nay vô lượng chư Bồ-tát đương tu vạn hạnh, công đức đầy đủ đều sẽ thành Phật. Không có lý chỉ một người thành Chánh giác mà cản trở những Bồ-tát không thành Phật. Như kinh A Hàm Khô Thọ Pháp Luân và các kinh khác nói, có sáu mươi Tỳ-kheo, lậu dứt sạch, ý thông tỏ, đều đắc quả A-la-hán. Bồ-tát cũng vậy, công hạnh cùng hoàn thành, đồng thời thành Phật. Nên biết mười phương có vô lượng chư Phật. Lại như kinh Kim Sa và kinh A Hàm có nói:

Có Phật mới thành Có Phật hiện tại Có Phật diệt độ.

Lại nữa, nói kệ:

Quá khứ vô lượng Phật
Vị lai cũng như vậy

Và phật thành hiện nay đều diệt những sầu ưu, tất cả tôn trọng pháp,

Nay xưa đều tu hành.

Vị lai cũng như thế
Pháp chánh giác như vậy.

Đàm-vô-cúc-đa cũng có kệ:

Đảnh lễ hết thảy Phật
Lậu tận, không ai hơn
Vô lượng thân chư Phật
Chánh giác tối thắng tôn
Chỗ phát sanh Chánh giác
Cùng chứng đắc Bồ-đề
Chuyển bánh xe chánh pháp
Vào Niết-bàn vô lậu
Hoặc dừng hoặc kinh hành
Hoặc Như Lai ngồi nằm
Thế như sư tử chúa
Nay con xin đảnh lễ
Đến các bậc Thế Tôn
Trên dưới khắp các phương
Pháp thân cùng Xá-lợi
Kính lễ các tháp Phật
Phương Đông đến phương Bắc
Lưỡng Túc Tôn tại thế
Được xưng tên Nan thắng
Chư Phật ấy nói kệ
Những bài tụng kệ này
Tán thán các Thế Tôn
Trong trăm kiếp sanh tử
Trọn không đọa cõi ác.

Như Phật thuyết cho Tôn giả Mục-kiền-liên: Không phải thần túc của ông bị thoái chuyển, chỉ do Tôn giả Xá-lợi-phất đã dùng sức thần thông buộc y đai vào tòa nan thắng.

Trong kinh của các ông đã nói đến những vị Phật như vậy, huống chi trong Ma-ha-diễn đã biện minh có vô lượng, vô biên chư Phật cùng ở trong pháp giới đồng hư không giới, thế giới của chư Phật đều có những vị Phật.

Bồ-tát bậc sơ địa, thân hành thanh tịnh, nên dù có kiết sử nhưng không thể gây nhiễu loạn được. Cho đến Bồ-tát trụ thứ bảy không gọi là đoạn kiết, cũng không gọi là có kiết. Tại sao không gọi là có kiết mà cũng

không gọi là đoạn kiết?

Vì kiết sử không còn là điều quấy nhiễu Bồ-tát, nên gọi là không có kiết. Vì yêu thích công đức Phật nên gọi là có kiết. Đến hết A- tăng-kỳ kiếp thứ hai thành địa thứ tám của Bồ-tát, đầy đủ tất cả hạnh, không có chỗ tạo tác, tất cả kiết sử đều dứt, nên đắc được Bồ-đề, trú ở "không" tĩnh lặng, đắc định diệt tận như bậc A-la-hán. Như vậy cho đến thành tựu pháp nhẫn vô sanh.

Nếu chư Phật không khuyến thỉnh, thì ngay ở định diệt tận của Bồ-tát, nhập vào Niết-bàn vô dư. Như trong kinh dạy: Đắc vô sanh pháp nhẫn lìa chướng phiền não như bậc A-la-hán đắc tịch diệt hoàn toàn, lìa sanh tử, được mười pháp tự tại.

Mười tự tại là: Thọ mệnh tự tại, tâm tự tại, các vật dụng tự tại, tạo nghiệp tự tại, chỗ sanh tự tại, giải thoát tự tại, thần thông tự tại, nguyện tự tại, pháp tự tại và trí tự tại.

Được các pháp tự tại như vậy rồi, khéo tu pháp như ý túc nên hàng phục được Bốn ma là: Ấm ma, Phiền não ma, Tử ma và Thiên ma. Vì chúng sanh nên thảy đều một vị, đắc từ vô duyên. Như cây thuốc Như ý, tùy theo sự mong cầu của chúng sanh, đều khiến thành tựu.

Hỏi: Tại sao tự thân Bồ-tát tạo nghiệp, có thể khiến chúng sanh tùy nguyện mà thành tựu.

Đáp: Bồ-tát lấy tâm từ làm thể. Như thấy độc có thể làm chết người, chúng sanh thấy Bồ-tát liền được lợi ích.

Hỏi: Bậc Bồ-tát trụ thứ tám đã đoạn hết kiết sử, vậy sao thân rốt sau của Bồ-tát lại sanh ra La-hầu-la?

Đáp: Đúng như chỗ nói, thân rốt sau của Bồ-tát, nếu thật sự có dục thì quả Phật không thể thành huống gì là La-hầu-la.

Hỏi: Sao lại quả Phật không thể thành?

Đáp: Nếu hủy giới thì không có giới Ba-la-mật. Không có giới Ba-la-mật thì không có các Ba-la-mật khác. Như Phật dạy:

"Nếu không có giới thì không có bố thí. Không có thí thì không có nhẫn nhục. Không nhẫn nhục thì không tinh tiến. Không tinh tiến thì không thiền định. Không thiền định thì không trí tuệ. Không trí tuệ thì không có tất cả công đức. Không tất cả công đức thì không Phật. Không Phật thì không La-hầu-la".

Ông sao lại nghi hoặc sanh La-hầu-la là có kiết hay không kiết. Bậc Bồ-tát trụ thứ tám không còn phiền não như bậc A-la-hán. Dùng sức của

phương tiện hiện thọ năm dục, làm những việc lỗi ác, xả bỏ chức vị Chuyển luân vương, thống lãnh bốn cõi thiên hạ, chỉ khiến cho chúng sanh được tâm chán lìa cõi ác.

Như Tỳ-kheo Ba-lưu-chi có kệ về Bổn hành của Phật:

Một thân vì nhiều thân Hành động rất thù thắng Không thực, cũng không hư Khiến thảy đều vui thích Phóng dật sanh ý dục

Hừng hực sự cuồng loạn Hiện đồng hành với dục Đều dẫn đến bờ giác Thiền trí hay thiêu hủy Các kiết sử dục giới

Dục kiết rất cuồng loạn Thường hiện rõ nơi tâm.

Bậc Bồ-tát quán sát dục thấy nó như huyễn mộng nên dùng sự quán sát này để chuyển tâm chúng sanh. Bậc Bồ-tát đại bi làm những huyễn thuật để chuyển hóa tâm của họ.

Hỏi: Tại sao lại dùng huyễn thuật đối chúng sanh.

Đáp: Bồ-tát thường dùng bốn nhiếp pháp, tạo phương tiện nhằm giáo hóa tất cả chúng sanh. Đồng sự, lợi ích là để phá kiết sử. Như của nhân duyên bổn sự Bồ-tát Sí Thiêu vì tâm dục cuồng loạn, vác xác chết chạy và múa hát… Bậc Bồ-tát dùng phương tiện giống vậy. Để trừ tai họa ưu phiền, dục vọng bùng phát của người nữ kia nên thị hiện đồng sự, không thể gọi là vọng ngữ. Phương tiện đồng sự của hết thảy Bồ tát đều chẳng phải vọng ngữ, trò huyễn thuật của thế gian ít có lợi ích. Bậc Bồ-tát được vô lượng giải thoát các pháp môn Tam-muội như huyễn, dùng để làm lợi ích lớn, thành tựu chúng sanh nên không có lỗi.

Hỏi: La-hầu-la là ứng hóa hay là chân thật?

Đáp: Cả hai ý đều không lỗi.

Thân Bồ-tát tức là thân trời. Như kinh Bổn khởi nói: Phật bảo Tôn giả A-nan: Như Lai vì chúng sanh nên xuất hiện nơi thế gian, mà không dùng thân trời để chuyển pháp luân. Vì sao? Vì nhằm khiến chúng sanh không biếng trễ. Phật lấy thân trời đắc thành chính quả không phải lấy ngã phàm phu mà thành được. Do vậy bậc Thiên trung thiên vì thương xót chúng sanh nên thị hiện ở thế gian, cũng có cha mẹ, vợ con và quyến thuộc, nếu là huyễn hóa mà hiện có La-hầu-la, điều này cũng không lỗi. Nếu là người thực cũng không phải lỗi. Bồ-tát theo phương tiện đã đắc giải thoát không thể nghĩ bàn, trụ ở đại địa để thành tựu chúng sanh đã cùng hóa sanh làm cha mẹ anh em vợ con.

Hỏi: La-hầu-la là Bồ-tát phải không?

Đáp: Không riêng gì La-hầu-la là Bồ-tát. Tại thành Ca-tỳ-la-vệ các

đồng tử họ Thích, như A-nan, Nan-đà, Đề-bà-đạt-đa, A-nậu-lâu- đà… đều là những bậc Bồ-tát, đại lực không thoái chuyển. Như Bà-la-lâu-chí trong kinh Bổn hạnh có kệ:

Hoặc là đại trượng phu
Hoặc là Phật hóa ra
Ông Đề-bà-đạt-đa
Đồng bạn của Đại tiên
Hoặc là cha, là con
Thường làm người quyến thuộc
Bồ-tát có đại lực
Quyền biến được như thế
Cùng Phật và người khác
Bồ-tát, các Đại tiên.
A-nan, Nan đà cùng...
Na luật, Thích ma nam
Bạt-đà và Trất-sa
Cùng Ưu-ba-tất-lệ
Làm cha con quyến thuộc
Đều cùng ở chung quanh.

Hỏi: Đề-bà-đạt-đa trong năm trăm thân thường gây oán lớn với Bồ-tát. Sao cũng gọi là Bồ-tát ?

Đáp: Đề-bà-đạt-đa không phải gây oán với Phật. Vì sao? Nếu Đề-bà-đạt-đa là kẻ gây oán với Phật: Hãy xét, Bồ-tát (tức Phật) luôn tu thiện, còn Đề-bà-đạt-đa thường tạo ác, vậy tại sao đời đời Đề-bà- đạt-đa và Bồ-tát cùng sanh một thời, gặp nhau? Theo ý nghĩa này thì không phải Đề-bà-đạt-đa gây oán với Bồ-tát. Ví như có hai người đi. Một người hướng Đông, một người hướng Tây, mỗi bước mỗi xa nhau, thường là trái ngược nhau thì sao lại là bạn, cùng thời với nhau. Nếu Đề- bà-đạt-đa là chỗ oán của Bồ-tát thì Như Lai Thế Tôn có lỗi lớn.

Hỏi: Có lỗi ra sao?

Đáp: Nếu là vậy thì Phật không phải là bậc Nhất thiết trí, cũng không có thần lực, là ngu si ắt không thể cứu hộ chúng sanh, không phải thân Kim Cang, Như Lai còn có dư nghiệp báo ứng chưa đoạn hết. Vì sao nói Phật không phải Nhất thiết trí? Khi Như Lai ở núi Kỳ-xà-quật, Đề-bà-đạt-đa đẩy đá đè mà Phật không hay. Như vậy đủ biết Như Lai không có Nhất thiết trí. Vì sao nói không có thần lực? Đề-bà-đạt-đa dùng chày đánh hại mà Phật không thể ngăn cản chế ngự, do vậy biết ngài không thần lực. Vì sao nói là

ngu si? Thấy có người hại mà không biết tránh, vậy là ngu si. Vì sao nói không thể cứu hộ chúng sanh? Đề- bà-đạt-đa phạm tội ngũ nghịch mà Phật không cứu độ, vì thế nên biết là không thể cứu hộ chúng sanh. Vì sao nói không phải là thân Kim cang? Bậc Chuyển Luân Thánh vương với phước báo ít mà không còn oán hại huống gì là Đức Như Lai ? Vua chuyển pháp luân mà bị đá đè chảy máu, đủ biết Như Lai không phải là thân Kim cang. Sao nói là còn nghiệp chưa đoạn dứt hết? Còn bị người đánh, nên biết là dư nghiệp chưa hết. Nếu muốn không có các lỗi này, Như Lai phải diệt hết oán địch. Nhưng Bồ-tát khéo dùng phương tiện, khiến chúng sanh chán dùng tâm ác, vì hiện làm nghịch hại, sẽ đọa vào địa ngục, muốn chỉ rõ ý nghĩa nghiệp báo là không thể hoại. Hơn nữa, một người sắp đọa địa ngục biết quy y Như Lai, thỉnh Phật cứu hộ thì những kiếp về sau được làm người giàu có, vào trong pháp Phật, biểu hiện có sự nương nhờ uy lực của Bồ-tát. Còn chịu người dùng roi gậy đánh khiến chúng sanh có ý niệm: Thân Như Lai còn bị hủy hoại huống chi là thân phàm phu, phúc ít. Ông nói là tội nghịch, đó chỉ là Bồ-tát khéo tạo phương tiện, quyền biến để thấy rõ những tội nghịch như vậy. Tội nghịch tên tuy có năm, thực chỉ có hai là Phá tăng và Hại Phật, nghiệp báo như thế trong thế gian không hề có. Đề-bà-đạt-đa là Bồ-tát Đại Tân-già-la vì ngăn chúng sanh dấy khởi tội nghịch nên hiện tạo hai nghiệp đọa vào địa ngục. Bồ-tát Ma-ha-tát tùy chỗ phải làm để giáo hóa chúng sanh cho đến hiện cùng nghiệp ma, khiến ma Ba tuần dùng ba ngọc nữ, để hiển hiện tướng vô dục của Như Lai. Cũng hiện mưa đao kiếm, … mọi việc là để hiển hiện tướng không sân hận của Như Lai và các tướng không tham ái, không ngu si.

Hỏi: Thiên ma đến với tâm ý phá hoại Chánh giác của Như Lai. Sao ông nói là vì muốn hiển bày tướng không tham, sân của Như Lai?

Đáp: Không phải bị ngăn chặn. Vì sao? Nếu Như Lai ra khỏi ma giới vẫn bị ma ngăn chặn thì Đại Phạm Thiên vương cũng ra khỏi ma giới, tại sao không bị ngăn chặn ? Bồ-đề là quả diệu đạo không ai có thể cướp đoạt cũng không đem cho được nên không thể bị hoại. Nói ma nhiễu loạn có hai nghĩa: Một là: Thực có nghiệp ác nên bị ma nhiễu loạn. Hai là: Vì muốn tạo tinh tiến cho người mới học, khiến thân tâm kiên cố nên bị ma thử thách. Thực ra đó là bậc Bồ-tát chân thiện tri thức hiện làm ma đến để tăng tiến công đức. Cũng như trên đường đi lấy sự dọa dẫm, để người bộ hành chóng qua được hiểm nạn. Cũng như con bò cày giỏi, dùng ít roi vọt tức được điều hòa lợi ích.

Hỏi: Thiên ma cũng là Bồ-tát phải không?

Đáp: Không những chỉ trong thế giới này, ma là Bồ-tát mà Ma vương trong mười phương thế giới phần nhiều là Bồ-tát. Như trong kinh Duy ma cật nói: Ma vương trong mười phương thế giới phần nhiều là Bồ-tát, trụ nơi giải thoát không thể nghĩ bàn, hay xin tay, chân, đầu, mắt, tủy não, … những vị như vậy đều là Bồ-tát trụ nơi giải thoát không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Nếu không phải là Bồ-tát thì không thể kham nổi những việc ấy. Cũng như bước đi của Hương tượng thì lừa không thể theo kịp. Chỉ bậc Bồ-tát mới có khả năng làm được những việc như vậy như trong kinh đã nói rộng. Căn cứ vào ý nghĩa này nên biết bậc Bồ-tát đã thấu rõ chúng sinh mà dùng đủ mọi việc làm, hoặc hiện làm kẻ sát sanh, hoặc hiện làm người xin, … để hiển bày sức phương tiện của công đức trí tuệ.

Hỏi: Nếu La-hầu-la thực là bậc Bồ-tát sao lại nói là bậc Thanh văn A-la-hán.

Đáp: Bậc Bồ-tát cũng có thể gọi là Thanh-văn, là A-la-hán. Vì khiến cho tất cả chúng sanh nghe được đạo quả Bồ-đề vô thượng nên cũng gọi là Thanh văn. Đối với tất cả hàng thiên, nhân, A-tu-la đáng được thọ nhận cúng dường nên gọi là Ứng cúng. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hóa độ chúng sanh, nên hiện làm Thanh-văn, A-la-hán.

Hỏi: Những vị Thanh-văn khác cũng là Bồ-tát sao?

Đáp: Những vị Thanh-văn khác cũng có vị là Bồ-tát, như trong kinh Pháp Hoa nói: Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm vị đệ tử đều là Bồ-tát, đều sẽ làm Phật. Tất cả Thanh-văn đều là bậc Bồ-tát bất thối như kinh Bất thoái chuyển Pháp luân đã nói rộng. Do đó nên biết bậc Bồ-tát đều hiện làm Thanh văn.

Hỏi: Có phải tất cả Thanh văn đều thành Phật chăng?

Đáp: Thanh văn thành Phật. Điều này cũng không sai.

Hỏi: Sao lại không sai?

Đáp: Trước đoạn chướng, kiết sử, sau đoạn trí chướng, đạt đến các địa, hướng về Nhất thiết trí. Vậy Thanh văn thành Phật không sai.

Hỏi: Thiêu đốt kiết sử cũng như mầm lúa khô héo sao thành Phật được?

Đáp: Nếu ông nói: Đoạn diệt kiết sử không thành Phật được, vậy thì ông và chúng sanh đầy đủ mọi phiền não tức nên thành Phật! Ý ông nếu nói người có đủ phiền não không phải là Phật, thì người kia lìa phiền não tức thành quả Phật. Còn ông nói thiêu đốt phiền não kiết sử cũng như đốt cháy mầm lúa, nên không thành Phật, cũng không có điều ấy. Tôi đâu có ý nói là đầy đủ hột giống phiền não để nảy mầm pháp Phật, ông vô trí si mê

hiểu một cách điên đảo nên nói phiền não là hạt giống pháp Phật! Bậc A-la-hán trước đoạn dứt phiền não, sau trừ chướng trí, tu đạo Bồ-đề, đắc thành Chánh giác. Trong A-la-hán, có một số ít vị đoạn trí chướng, có vị không đoạn, có vị đắc Tam muội Vô tránh, có vị không đắc Tam muội ấy, có vị đắc năm môn thần thông, có vị không đắc. Có vị đắc bốn thứ biện tài, có vị không đắc. Có vị đắc xuất nhập thiền tự tại, có vị không đắc. Vì sao? Vì không đoạn tất cả trí chướng.

Hỏi: Như thế nào gọi là trí chướng?

Đáp: Vô minh của bậc xuất thế gian gọi là trí chướng. Cũng như trong kinh Bà-la-lưu-chi Bổn hạnh có kệ:

Vô minh có hai loại: Thế gian, xuất thế gian. Vô minh hành thế gian, Bậc Hiền Thánh xa lìa.

Người ngu không hiểu đúng, không thể biết như thật, nương theo nơi tâm thức, Pháp giới, chốn hiểm này, không tìm được bổn nguyện, sao quyết định xuất sinh, Pháp thân chứng Niết-bàn? Chỉ Phật mới thấu hiểu.

Đức Phật Bà-già-bà biết được thể tính của vô minh, dùng trí tuệ và đại bi đoạn kiết sử đó cũng gọi là trí chướng mà Thanh văn đoạn trừ. Thanh văn có hai bậc. Một: Siêng năng tu thiền định là kẻ độn căn. Hai: Hồi hướng Bồ-đề có thể đoạn dứt trí chướng là hạng lợi căn. Người ưa hành thiền như trong kinh Bảo Lương nói: Cũng như thủy tinh thì không thể thành châu báu Ma-ni được. Thanh văn tu thiền cũng lại như vậy, rốt ráo không thể thành quả Bồ-đề.

Đây là cảnh giới của chư Phật, tôi không biết được, một thừa và nhiều thừa, nay chỉ đơn cử ý nghĩa, để làm sáng tỏ điều Phật dạy, không được sai trái. Tôi cũng chưa thấu hiểu. Cũng như có vị Trưởng giả đi xa mỏi mệt bèn hóa ra một hóa thành. Trong kinh ấy nói: Chỉ có một thừa, thực không có ba thừa. Phật cũng tự nói: Chỉ có một thừa, không có hai thừa, ba thừa.

Hỏi: Do tu tập thế nào mà Như Lai đoạn được kiết sử thành Phật?

Đáp: Trong kinh dạy: Phật bảo Tôn giả A-nan: Người có thể tu bốn pháp Như ý trụ trong một kiếp hay trụ nhiều kiếp cho đến đoạn hết sanh tử. Tất cả các kinh đều nói như vậy. Nếu ông nói không có phiền thì tôi cũng vậy. Đã có thân ái tin tưởng nơi tôi, tôi sẽ nói cho ông.

Hỏi: Thế nào là trụ thọ?

Đáp: Bậc A-la-hán không phiền não đồng với bậc Bồ-tát trụ thứ tám, do khéo tu Như ý túc nên có thể tùy ý trụ ở đời cho đến đoạn tận hết sanh tử. La-hầu-la, Tân-đầu-lô… các vị như vậy trụ mãi nơi thế gian. Trụ là dùng thân này trụ thế, hay dùng thân khác trụ thế? Nếu lấy thân thật trụ thế ắt

không phải nghĩa này. Nếu biến hóa thân trụ thọ nơi nhiều kiếp mới hợp nghĩa. Như trong Tăng kỳ nói: Những vị như Như Lai Thanh Nhãn vì để hóa độ Bồ-tát nên trụ nơi cõi trời Quang âm cùng với những Thanh văn trụ vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Như nơi cõi trời ấy, bậc Thanh văn trụ được nhiều kiếp nên biết trong cõi này cũng có các Thanh văn trụ như vậy. Bậc Thanh văn không kiết sử đã trụ như vậy nên biết bậc Bồ-tát trụ thứ tám có thể trụ đến tận hết sanh tử.

Hỏi: Phật dạy: Di Lặc là Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ. Với nhân duyên này tức hiểu là Bồ-tát cũng có sanh, sao lại được danh gọi là vô sanh?

Đáp: Nói "có sanh" là pháp hý luận. Bồ - tát Ma-ha-tát dùng sức phương tiện thị hiện là thọ sanh, không phải là sanh chân thực. Như Trưởng giả Duy ma Cật nói với Bồ-tát Di Lặc: Bồ-tát nói vô sanh có thể đắc. Tại sao Như Lai thọ ký cho ông là một lần sanh nữa sẽ đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Là sanh ở quá khứ, là sanh ở vị lai hay sanh ở hiện tại. Nếu lấy sanh ở quá khứ, quá khứ được sanh đã diệt, lấy sanh ở vị lai, thì vị lai chưa đến. Nếu lấy sanh ở hiện tại thì hiện tại không dừng trụ. Quán xét kỹ thì thấy sanh ở quá khứ, vị lai hay hiện tại đều không thể được. Do vậy tôi nói: Bậc Bồ-tát trụ thứ tám ở kiếp a-tăng-kỳ thứ hai, diệt tận hết hạnh hữu tác, trụ ở hạnh vô tác như bậc A-la-hán đoạn dứt kiết sử. Bèn nói kệ:

Từ lúc mới phát ý
Phương tiện hành các địa
Đạt đến địa thứ tám
Tự tại dứt kiết sử.

III. PHẨM THUẬN TU CÁC HẠNH

Hỏi: Như trên vừa nói: Bậc Bồ-tát trụ thứ tám đoạn hết phiền não, tất cả kiết sử, làm thế nào để thành Phật và đạt được Nhất thiết trí.

Đáp: Bồ-tát Ma-ha-tát trừ ác nơi thân, làm vắng lặng mọi kiết sử, rời lìa sanh tử, diệu dụng tự tại, có lực sĩ kim cang thường theo hộ trợ, có được thân kim cang thanh tịnh, như trong kinh Như Lai tạng giảng rộng: Được bốn biện trí, tịnh từ địa thứ chín, ở trong hai ngàn Phạm, được lực tự tại có thể khéo thuyết pháp, là đại pháp sư, có thể nhập tạng bí mật của Như Lai. Tịnh trị địa thứ mười, đắc vô lượng vô biên thần chú và phương thuật, có thể khiến tất cả tự tại vô ngại, làm vua cõi trời Ma-hê- thủ-la, làm chỗ dựa cho tất cả thế gian.

Hỏi: Cõi Ma-hê-thủ-la có giống Ma hê của thế gian hay không?

Đáp: Đây là cõi Tịnh cư tự tại, không phải cõi tự tại thế gian. Ông nói Ma-hê-thủ-la, danh tự tuy giống nhau nhưng người không giống. Có cõi Ma-hê-thủ-la Tịnh cư, có cõi Ma-hê-thủ-la Tỳ-xá-xà. Về cõi Tịnh cư: Bồ-tát như vậy là gần với Phật địa, như chỉ cách một màng mỏng. Trong khoảng thời gian một sát na, số pháp nhiều như số vi trần của mười phương thế giới đều hiểu rõ. Có thể thổi hơi ra làm chấn động mười phương thế giới. Cũng có thể dùng một thân hiện đến khắp tất cả nước Phật. Cũng như Hoàng thái tử lúc mới nhận chức, với nghiệp lực của mình nên một hoa sen báu lớn tự nhiên hóa ra, Bồ-tát thọ bậc Nhất thiết chủng trí, ngồi tòa hoa sen báu, có vô lượng Bồ-tát cũng ngồi trên tòa sen rồi tự đi vòng chung quanh. Ngồi tòa hoa sen báu, có hào quang của chư Phật mười phương thế giới chiếu đến, đó là lúc Bồ-tát thọ vị quán đỉnh. Cũng như lúc trưởng tử của chuyển luân Thánh vương thọ nhận vương vị. Thọ quán đảnh xong, tức ngay trên tòa ấy đoạn trừ dứt chướng vi tế về trí, cảnh, được Tam-muội Thủ lăng nghiêm, Tam muội Tỳ-lăng-nghiêm, Tam-muội Pháp hoa, Tam muội Quyết định nhất thiết thật pháp, Tam-muội Giải thoát bất khả tư nghì, Tam-muội Hải thủy vô úy thâm diệu, Tam-muội Ly cấu vi diệu thanh tịnh, Tam muội các pháp bình đẳng vô ngôn thuyết, cho đến Tam-muội kim cang. Đạt được những pháp Tam-muội như vậy xong, tức không còn chướng ngại. Tất cả các hạnh đều đầy đủ, biết rõ tất cả trí cảnh, thành đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thành Chánh giác xong, được mười lực của Như Lai, được trí bốn biện, mười tám pháp bất công, có thể hiện đến khắp tất cả nước Phật, được tất cả pháp thân bất hoại như chư Phật, hiện hữu đầy khắp tất cả pháp giới, tất cả tướng nghiệp của thân khẩu ý đều trừ diệt. Được xứ vô vi tịch diệt, lên địa Như Lai. Có hai nhân duyên:

Một là: Nơi tất cả thế gian hiển hiện rõ sắc thân, đều do bản nguyện với nghiệp lực vô tác.

Hai là: Từ sự sai khác về suy tưởng phân biệt của chúng sanh do đó có thể tạo ra nhiều loại hình sắc đều ứng hợp với chúng sanh. Đó gọi là pháp thân vô ngại của Như Lai.

Hỏi: Như trong kinh nói: Từ lúc mới xuất gia, có thể trụ ở pháp Phật gọi là pháp thân.

Đáp: Điều này không đúng. Nếu ông lấy điều ấy gọi là pháp thân, thì chỉ có pháp mà không có Phật, ắt không có ba qui y. Nếu muốn đủ thì người thọ ba qui y, từ lúc mới vào sơ địa cho đến địa thứ mười ở cõi trời Tịnh cư, thành được Chánh giác, tự tại ứng hóa, đó gọi là pháp thân đầy đủ Tam bảo.

Hỏi: Nếu theo như vậy gọi là pháp thân e là hư dối không thực. Vì sao? Đức Như Lai đầy đủ công đức, rời khỏi trời Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề sanh vào vương cung, tại thân hậu biên đắc thành Bồ-đề. Tại sao nói ở trời Tịnh cư đắc thành Phật đạo gọi là Pháp thân ?

Đáp: Không phải thành Phật ở cõi Diêm-phù-đề. Công đức của Bồ-tát trụ thứ mười không phải pháp của cõi Dục, huống gì là đắc thành Chánh giác tại cõi Diêm-phù-đề. Trước, tôi đã nói bậc Bồ-tát trụ thứ tám dứt tận tất cả kiết, có thể làm Phạm vương nơi một ngàn thế giới. Bậc Bồ-tát trụ thứ chín làm Phạm vương hai ngàn thế giới. Bậc Bồ-tát trụ thứ mười làm Phạm vương ba ngàn đại thiên thế giới. Do lực của thệ nguyện nên sanh ở cõi trời Tịnh cư, như vậy mới có nghĩa. Còn thực thân thành Phật ở cõi Diêm-phù-đề ắt không phải nghĩa. Do ý nghĩa này, nên biết thành Phật ở cõi trời Tịnh cư, không phải ở cõi Diêm-phù- đề.

Hỏi: Giả sử sanh ở cõi Diêm-phù-đề được thành Phật thì cũng có thể ở nơi thế giới tam thiên đại thiên mà đắc tự tại vậy?

Đáp: Việc này không được. Vì sao? Vì quả báo do phước đức quyết định có chỗ. Ông không rõ nên mới nói vậy. Nếu Phật Thích-ca Mâu-ni sanh tại cõi Diêm-phù-đề rồi đắc tự tại ở Tam thiên đại thiên thế giới thì tất cả mười phương thế giới cũng đắc tự tại.

Hỏi: Nếu khiến mười phương đều tự tại thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu như ông nói chỉ là Phật một thế giới, chư Phật mười phương ắt không y theo quả. Hơn nữa trong kinh đều nói Thích-ca Mâu- ni là Pháp vương giáo hóa tam thiên đại thiên thế giới, không có nói cho đến mười phương thế giới. Nếu như ông nói, ắt không có nhân quả. Như trong kinh nói: Chư Phật ra đời, chúng sanh ở cõi nước, đều là y báo, mỗi mỗi đều có ranh giới. Do đó nên biết: Tại cõi trời Tịnh cư thành Chánh giác, cai quản tam thiên đại thiên thế giới. Không phải tại cõi Diêm-phù-đề.

Hỏi: Nếu không phải Phật thành Chánh giác ở cõi Diêm-phù-đề thì bốn tháp của Như Lai ắt không lợi ích ?

Đáp: Không phải trước tôi đã nói sao? Nếu từ nhân duyên kiết sử mà thọ thân không thành đạo, không có Thi Ba-la-mật. Không có Thi Ba-la-mật ắt không có các Ba-la-mật. Không có các Ba-la-mật ắt không Phật. Không có Phật ắt không có bốn tháp.

Hỏi: Chỗ ông nói đều không có nghĩa lý. Vì sao? Tất cả luận sư của các bộ đều nói: Tất cả chư Phật đều từ cõi Diêm-phù-đề mà ra đời. Đức Thích Ca Như Lai sanh ở vườn Lâm-di-ni, tại thành Già-da, ngồi ở đạo tràng thành Đẳng Chánh Giác, tại Ba-la-nại chuyển pháp luân, ở thành Câu-

thi-na nhập bát Niết-bàn, vì vậy ông nói không phải.

Đáp: Điều này không đúng. Vì sao? Ý tôi không muốn nói chư Như Lai ra đời tại cõi này, mà ra đời tại cõi trời Thủ-đà-hội, thành Chánh giác. Nếu tại Thủ-đà-hội thành Chánh giác thì không sanh ở vương cung, không có xuất gia, cũng không thành đạo. Tại sao? Như đấng Như Lai thì không thân tộc, cũng không sanh, cũng không có diệt, như trong kinh Pháp hoa, kinh Trí chiếu, kinh Như Lai xuất sanh… đều nói rộng: Như Lai không sanh, không diệt. Tôn giả Ca Diếp cũng tự nói: Tôi nương theo Nhất thiết chủng trí mà xuất gia, … nghĩa này là nghĩa thị hiện, Như Lai không sanh. Từ trong quan tài đưa chân ra ngoài, Ca Diếp làm lễ, đó là thị hiện, Như Lai không diệt. Do đó biết: Pháp thân Như Lai không sanh, không diệt.

Hỏi: Như Lai đều không sinh diệt sao?

Đáp: Tôi nay chính nói theo lý, Như Lai thực không sanh, không diệt, không phải là hư vọng. Chỉ do Như Lai dùng sức phương tiện thị hiện sanh diệt, đều là chỗ không thể nghĩ bàn, để giáo hóa chúng sanh. Trong kinh Tu lại, Phật nói: Tại thế giới Sa-bà, nếu Ta hiện thân thực ắt không có một người thọ sự giáo hóa của Ta. Do đó cõi này rất là sâu xa, bí mật, cũng gọi là hiển hiện, đều là vì các chúng sanh căn cơ thấp, trí tuệ cạn, ít, không thể biết được pháp thâm diệu. Do vậy, dùng phương tiện thị hiện những sự việc như thế. Có kệ tụng:

Đại thừa rất sâu rộng,
Hiển hiện dễ để thuyết.
Vì trí độn tâm hẹp,
Nghe ắt sợ hãi nghi.
Là Phật tử chân thật
Hiểu được chỗ sâu xa
Nay mới thuyết chân thật
Chỉ vì người cầu Phật.
Thành tựu bậc nhị thừa
Người, trời, hạng lợi căn
Thọ phúc theo thừa này,
Gọi là đạo Đại thừa
Đại thừa có thể sanh
Đạo Thanh văn, Duyên giác.
Nếu ngăn che Đại thừa
Làm sao đắc các quả ?
Cũng như chữ có gốc.

Rời gốc ắt không chữ
Nếu rời Ma-ha-diễn
Là không có Thừa nào.
Kẻ căn độn trí ít,
Không tin ở Đại thừa.
Do không tin tưởng này,
Tất cả thừa đều không.
Lợi mình và lợi người,
Đó là vô thượng thừa
Do vậy nên thân gần,
Cho đến thành Phật đạo.

Ý nghĩa này rất thâm diệu khó có thể hiểu rõ không nên vì người, mà nơi nào cũng thuyết.

Hỏi: Tuy không thể nói ở mọi chỗ, nhưng phải vì người có thể hiểu mà nói. Nếu phát tâm lớn, tăng trưởng trí tuệ, nên vì người ấy phân biệt đầy đủ mà thuyết giảng như trên đã nói, được không?

Đáp: Có bốn điều không thể nghĩ bàn là: Phật không thể nghĩ bàn, thiền định không thể nghĩ bàn, long thần không thể nghĩ bàn nghiệp báo không thể nghĩ bàn. Phật không thể nghĩ bàn nên pháp được hiển hiện, chỉ có pháp được thuyết giảng từ Phật Lô xá na về sau, chúng sanh lợi căn mới gắng thọ nhận được.

Hỏi: Sao được nói là từ Phật Lô-xá-na, tiếp tục thứ lớp cho đến nay?

Đáp: Pháp thân của Như Lai vì giáo hóa chúng sanh nên có bốn phương tiện. Những gì là bốn:

Một là Đa-đàn-đa-la-ba-la-tỷ-địa. Hai là Đa-đàn-đa-la-ni-tỷ-trí.

Ba là A-đàn-đa-la-ba-la-tỷ-trí. Bốn là A-đàn-đa-la-tỷ-trí.

Hỏi: Nếu pháp thân của Như Lai thường là tịch diệt, vô tướng, vô vi sao lại được tùy thuận hữu tướng?

Đáp: Do diệu lực của bổn nguyện. Như Tỳ-kheo nhập định diệt tận tuy không tâm, không tướng nhưng chính yếu do tâm trước khi vào định, như khi đánh kiền chùy, âm thanh đến tai theo tiếng chuông bèn ra khỏi định. Bậc Bồ-tát cũng tương tự, đã phát tâm Bồ-đề, có sức thệ nguyện gốc, nếu khiến ngã đắc pháp thân tịch diệt, thì bấy giờ tâm thức tuy vô tướng nhưng dùng năng lực vô tác để giáo hóa chúng sanh. Do đó Pháp thân vô tướng của Như Lai vẫn có thể thích hợp khắp tùy thuận hữu tướng. Như tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức cõi trời Đâu suất, trăm ức cõi trời Diêm-ma, đều đồng thời thị hiện sắc thân. Hiện sắc thân rồi hoặc xả thọ

mạng hoặc nhập vào thai, hoặc hiện lúc mới sanh, hoặc làm Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, tiếp sự tả hữu, hoặc hiện đi bảy bước, hoặc hiện sư tử gầm, hoặc lại tự nói: Là đấng tối tôn tối thượng nơi cõi trời, người, thân sau cùng đoạn dứt sanh lão bệnh tử khổ, hoặc hiện đồng tử, hoặc hiện nhập cung hoặc hiện xuất gia, hoặc hiện tu khổ hạnh, hoặc hiện an tọa nơi đạo tràng, hoặc hiện hàng phục ma, hoặc hiện mới thành Phật, hoặc hiện giác ngộ chúng sanh, hoặc hiện thành Phật đã lâu, hoặc hiện Thích Phạm thỉnh chuyển pháp luân, hoặc hiện thành thục, không thành thục chúng sanh, hoặc hiện độ thoát đã thành thục, hoặc hiện đương nhập Niết-bàn, hoặc hiện đã nhập Niết-bàn, hoặc hiện xá- lợi toàn thân, một phần thân ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc hiện từ Đâu suất xuống thế gian, cho đến hiện độ thoát chúng sanh thành thục, tùy hợp theo chỗ thấy thích hợp mà hiện hình, hoặc luôn luôn thị hiện, hoặc tạm thời thị hiện. Nói lời như vậy là nghĩa chân thực.

Quyết không thể với ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành các Ba-la-mật mới thành mà chỉ trong bốn mươi hay năm mươi năm quả lại diệt hết sao? Sao lại nói được nhân ấy, lớn như núi Tu-di-chỉ-la mà quả thì bé như hột cải hay vi trần bị phân chia. Cho nên thuyết ông nói trước là điên đảo. Còn trong pháp của tôi có thể khiến hạt nhân nhỏ như hạt cải sanh ra quả lớn như núi Tu-di-chỉ-la. Ở đây hợp với ý nghĩa đó. Cho nên do nhân ba a-tăng-kỳ chứng đắc đoạn tận tất cả quả báo sanh tử, rồi ứng hiện hóa độ chúng sanh nơi pháp thân thường tại. Như trong kinh Pháp Hoa phẩm Thọ lượng đã nói rõ, hoặc trong phẩm Văn Thù Sư lợi thọ ký cũng đã nói. Những chỗ kia sao gọi là Đa-đản-đa-la-tỳ-ni-trí? Như Phật đã dạy: Sau khi Đức Phật hoàn thành sự việc, nói lời này với các Tỳ-kheo: Đã đến lúc ta vào Niết-bàn. Mười phương chư Phật cũng như vậy, sau khi giáo hóa chúng sanh xong, cũng dạy những lời như vậy, thực sự là không có diệt. Tất cả các cõi Phật đều thần thông biến hóa, đồng với pháp giới hư không. Từ đó nên biết Pháp thân là thường, sắc thân ứng hóa thì vô thường. Nếu lấy sắc thân mà quán Phật, không thể gọi là thấy Như Lai. Như Phật nói kệ:

Nếu thấy Phật từ sắc
Bằng âm thanh cầu
Phật Người này hành Tà đạo
Không thấy được Như Lai.

Do ý nghĩa ấy, lấy pháp thân quán Phật gọi là chân thật thấy Như Lai. Như Tỳ-kheo ni Liên Hoa thấy sắc thân Phật liền nghĩ Ta thấy Phật trước tiên. Phật nói: Người không phải thấy Phật trước tiên. Chỉ có Tu-bồ-đề ở nơi Pháp thân mà thấy ta trước tiên. Do vậy nên biết, ở địa thứ mười gọi là thấy Pháp thân. Nếu kính lễ Pháp thân tức kính lễ tất cả sắc thân. Như trong

kinh Pháp Hoa, Phật nói: Nếu người xưng danh hiệu cúng dường Pháp thân Quán Thế Âm thì hơn cúng dường sáu mươi hai ức sắc thân chư Phật. Vì sao? Vì ở địa thứ mười, được Pháp thân Phật cũng gọi là Bồ-tát, cũng gọi là Phật. Do đấy, biết Pháp thân là gốc, vô lượng sắc thân đều nương tựa nơi Pháp thân mà hóa hiện ra. Do vậy, Phật tạm thời nói: Cúng dường sáu mươi hai ức hằng hà sa sắc thân, không bằng cúng dường một Pháp thân. Như trong kinh Bảo Tích đã dạy: Như vậy, này Ca Diếp! Như trong thế gian có người lúc trăng mới mọc, cung kính lễ bái cho đến lúc trăng tròn đầy mà không cung kính. Tại sao vậy? Vì từ lúc mới mọc, cho đến lúc tròn đầy như vậy, này Ca Diếp! Có Thiện nam muốn cung kính ta, trước nên kính lễ Bồ-tát. Vì sao? Vì Phật từ địa Bồ-tát mà được đầy đủ công đức, cho đến trải qua nhiều kiếp sanh tử, sắc thân biến hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Do ý nghĩa ấy mới đạt được quả Phật. Đó là lời Phật thuyết giảng chân thực, không phải là hư vọng.

Hỏi: Với bậc chưa vào địa Bồ-tát, Tỳ-kheo thọ giới cụ túc có lễ bái không?

Đáp: Lễ bái. Vì bậc Bồ-tát mới phát tâm cũng hơn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, như Tôn giả La-hầu-la có kệ:

Nếu người phát tâm sâu ắt sanh nhân Bồ-đề.

Nên được hết thảy loài Cung kính và lễ bái.

Hỏi: Tại sao Tỳ-kheo đã thọ cụ túc giới lại lễ một vị Bồ-tát chưa vào chính vị, không có giới cụ túc.

Đáp: Nên kính lễ Bồ-tát. Vì sao? Giới của bậc Thanh văn khi thọ mạng diệt liền xả. Bồ-tát phát tâm thành tựu giới đệ nhất nghĩa, giới giải thoát của tự tánh. Vì thế Thanh văn tuy thọ giới cụ túc cũng nên lễ bái bậc Bồ-tát chưa nhập chính vị. Vì thể tánh của Bồ-tát là không giết hại, xa lìa đao, gậy cho đến kiến trùng, cũng không dấy tâm giết hại mà tự hổ thẹn. Từ đó hiểu rộng thể tánh không trộm cướp cho đến thể tánh không tà kiến. Như thọ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, khi mệnh hết thì xả, bỏ đạo cũng xả. Còn giới tánh của bậc Bồ-tát đại sĩ, từ khi thành tựu cho đến đạo tràng rốt ráo không xả. Với ý nghĩa đó, Tỳ-kheo tuy thọ giới cụ túc cũng nên lễ bái bậc Bồ-tát.

Hỏi: Bậc thành tựu thể tánh giới có thể được cúng dường mà không nên lễ bái?

Đáp: Không phải vậy. Do có công đức giới, nên không những cúng dường mà còn lễ bái. Ông nói là không nên lễ bậc Bồ-tát không thọ giới, tôi sẽ nói rộng để ông biết. Không chỉ lấy bạch bốn yết ma mà thọ Cụ túc

giới. Như trong Tỳ-ni Tỳ-bà-sa nói có mười loại thọ Cụ túc giới. Còn Bồ-tát có rất nhiều cách thọ giới. Những gì là mười? Như Phật nói: Thiện lai Tỳ-kheo! Tự nhiên được đủ giới cụ túc, như Ma ha Ca-diếp do nhân duyên tự thệ mà thọ giới cụ túc. Như Kiều-trần-như thấy đế mà thọ giới cụ túc. Như Tỳ-kheo ni Ba-xà-bà-đề dùng tám pháp mà thọ giới cụ túc, như Tỳ-kheo ni Đạt-ma-đề-na dẹp trừ kiết sử mà thọ giới cụ túc. Như Sa-di Tu-đà-ni-da, luận về nghĩa mà thọ giới cụ túc, như Tỳ-kheo Da-xá v.v… Thiện lai thọ cụ túc giới, như Bạt-đà-la-ba-lăng-già, do ba qui y mà thọ giới cụ túc, như luật sư thứ năm ở nước biên địa mà được thọ giới cụ túc. Ở nước trung tâm thì, bạch bốn yết ma mà thọ giới cụ túc. Đó là những vị Bồ-tát thường thọ giới cụ túc chưa từng xả ly.

Hỏi: Có phải bậc Bồ-tát đủ pháp phục thì được lễ, còn Bồ-tát bạch y thì không?

Đáp: Bậc Bồ-tát phương tiện có đủ năm thông, tùy thuận tất cả hình tướng của chúng sanh mà cùng đồng trạng phục, cũng tùy tất cả chúng sanh mà nhập vào các cõi, thì cùng đồng hình trạng như chúng sanh, là những vị đại Bồ-tát, tùy nghiệp báo của chúng sanh mà biến hóa thọ thân. Tôn giả Câu-ma-la đà có kệ:

Các cõi đều biến hóa
Chỉ trừ Tịnh cư thiên
Tùy nghiệp đủ loài chuyển
Không chỗ nào không sanh.

Do đó nên biết, bậc Bồ-tát thường cùng lợi ích với chúng sanh, theo đó mà thọ sanh để giáo hóa, dẫn dắt họ. Chỉ vì chúng sanh mà dùng diệu lực phương tiện không bị ràng buộc do nghiệp báo phiền não. Tôn giả Đề-bà có kệ:

Hoặc hiện làm sư trưởng,
Hoặc hiện làm đệ tử,
Dùng các loại phương tiện,
Để giáo hóa phàm ngu.
Tự tại nơi các cõi,
Được mọi loài cung kính.
Nếu ai không cung kính,
Là nghiệp kiêu mạn lớn.

Do vậy, Bồ-tát tuy hình dáng, trang phục như thế tục, nhưng đáng được lễ kính như đức Như Lai. Vì giáo hóa chúng sanh nên hiện nhiều loại hình tướng như vậy. Cũng như hóa Phất Ca Sa vương, hiện thành hình

Trưởng lão Tỳ-kheo, hiện hình thợ gốm, hiện hình lực sĩ, hiện hình thầy chuyên về đàn cầm sắt, cũng hiện hình nhiều loại người tại gia. Tuy hiện ra vô số hình trạng, tất cả hình trạng ấy đều xứng đáng được lễ bái cung kính. Do vậy tuy trang phục đồng như thế tục vẫn xứng đáng được kính lễ. Như Phật có kệ:

Nghiêm sức các hạnh mà tịch diệt
Điều phục quyết định tu phạm hạnh
Xả bỏ dao gậy nơi chúng sanh
Gọi là Sa-môn, Bà-la-môn.

Do đó, không nên căn cứ nơi hình dạng, tướng mạo của các Bồ-tát mà sanh phân biệt. Bậc Bồ-tát chỉ vì chúng sanh trong tam giới mà làm nhà lớn, hoặc hóa làm Phật, hoặc hóa làm trời, người cho đến hóa làm đủ loại súc sanh. Tất cả đều nên lễ bái nơi công đức thù diệu ấy của Bồ- tát, không nên sanh tâm lễ dựa vào hình trạng, tướng mạo như người thế tục, tận tâm lễ kính hình tượng ! Ở xa mà lễ kính pháp thân, đâu phải ở nơi những thứ bằng vàng đá bùn đất cây gỗ mà tôn thờ ư ! Do đó Bồ-tát dùng các phương tiện tùy thuận mà mang hình tướng trong ngoài nhằm đem lại ích cho chúng sanh, vậy mà còn dè xẻn lễ bái với các ngài hay sao? Cho nên Như Lai không vào Niết-bàn, cũng không phải không vào Niết-bàn. Tôn giả La-hầu-la có kệ:

Sanh tử khổ vô tận
Đáng nhập vào Niết-bàn
Với sức Đại từ bi
Trụ thế lâu không xả.

Do vậy nên biết, theo dòng sanh tử rất dài lâu, Pháp thân vẫn thường trụ, sắc thân thì ứng hiện cũng như đèn tắt. Nên Pháp thân Bồ- tát hơn sắc thân Phật. Sắc thân của chư Phật thành Chánh giác ở cõi Dục, Pháp thân của Bồ-tát trụ ở cõi Tịnh cư, Pháp thân của Bồ-tát trụ ở Nhất thiết chủng trí của chư Phật. Sắc thân của chư Phật vì giáo hóa chúng sanh khiến các bậc Thích Phạm, bốn vị Thiên vương đều tỏ sự cung kính. Vì thế Phật nói: Cúng dường sáu mươi hai ức hằng hà sa sắc thân chư Phật không bằng cúng dường một Pháp thân Bồ-tát. Như trong Kinh Tập Nhất Thiết Phúc Đức Tam Muội có nói: "Hỷ lạc với chánh pháp, rốt cùng cũng không nói Phật nhập Niết-bàn". Trong Kinh Pháp Hoa, có kệ:

Thường tại núi Linh Thứu
Và các trụ xứ khác.
Kẻ phàm ngu vô trí
Trước mắt cũng không thấy.

Trong kinh Nhập Nhất Thiết Thế Giới Đại Trang Nghiêm Tam Muội có nói: "Này các Thiện nam! Các ông có thấy Pháp thân Như Lai không? Bạch Thế Tôn ! Chúng con đã thấy. Trong một lỗ chân lông, chúng con thấy trăm ức Na-do-tha thế giới chư Phật. Nghiệp thân khẩu hiện bày đầy khắp thế giới chư Phật". Lại, trong Kinh Như Lai Mật-Tạng có nói: "Bồ-tát Trì Tốc Tật quán nơi đảnh Như Lai cho đến vô lượng thế giới chư Phật cũng không thể thấy. Như Mục-liên tìm âm thanh thuyết pháp của Như Lai, cho đến thế giới Dã mã cũng không thể hết âm thanh Phật". Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có dạy: "Như Lai ở trong cung, nhưng hiện ra vô lượng thế giới từ sơ sanh đến chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn". Như trong kinh Mật Tạng nói: "Pháp thân của Như Lai trụ trong tất cả thân chúng sanh, ánh sáng hiện rõ ra ngoài, như lấy lụa bọc lại trong không ngăn che được ánh sáng của ngọc ma ni". Do vậy nên biết, pháp thân của Như Lai hiện hữu khắp trong tất cả chúng sanh. Như Phật đã dạy: "Cho đến cây cối khô héo, cũng đều thể nhập vào mà không sanh thiệt hại. Huống gì những loại khác". Cho nên để lường tính xem xét chúng sanh thì ngoài Đức Như Lai ra không ai có khả năng nhận biết được. Kinh Duy Ma Cật nói: "Tất cả đất Phật thảy đều nghiêm tịnh. Thế giới Sa-bà này cũng nghiêm tịnh. Vì chúng sanh có đại tâm đầy đủ tạng Như Lai nên đức Thích Ca Như Lai dùng phương tiện thiện xảo, khiến cho các Thanh văn, đại đệ tử hiện ở trong đời năm trược này, các ngoại đạo, mặc dù có kiến chấp là một, là khác... mặt trong thân tất cả những người như vậy cũng đều có pháp thân, tất cả nương theo phương tiện Bồ-tát mà sanh, đều được hiển phát đạo Ma-ha-diễn".

Do đó nên biết, bậc Bồ-tát ở nơi tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh với nhiều loại không giống nhau. Nếu là chúng sanh lợi căn thì vì họ mà khen ngợi Đại thừa không chút hiềm nghi, khiến cho tâm dễ hiểu. Hoặc là chúng sanh độn căn lún sâu trong rừng tà kiến, vướng mắc vào lưới ngu si, thì khiến cho được nhân duyên gặp chư Phật và Bồ-tát diệt bỏ những tà kiến thể nhập vào Đại thừa. Do vậy Ma-ha- diễn là thừa căn bản nhất trong các thừa. Nếu có chúng sanh, thọ trì tin hiểu Đại thừa này ắt biết người ấy được tiêu trừ tất cả nghiệp báo phiền não. Như Phật dạy vua A-xà-thế trong kinh Giải trừ những nghi hối, nói về tướng ánh sáng: "Đừng nói lời ấy. Vì sao vậy? Ông đối với các thế giới Phật khác, tu thiền định mười kiếp không bằng ở thế giới Sa-bà này tu hành tâm từ trong thời gian một bữa ăn. Vì sao? Vì ở nơi thế giới khác, đoạn trừ phiền não, cũng lại không bằng nơi thế giới Sa bà này, trong khoảng một bữa ăn, tu tập thiện nghiệp". Lại như kinh Văn Thù Sư Lợi thọ ký đã nói, và các kinh khác đều phân biệt đầy đủ. Nếu có chúng sanh phỉ báng chánh pháp, như kinh Bát

nhã, kinh Pháp Hoa đã giảng rộng: Kẻ hủy báng pháp là tội nghịch lớn, nếu có thể thọ trì tin hiểu Đại thừa, thì dù là tội năm vô gián cũng đều tiêu hết. Phật nói kệ:

Nghiệp ác nặng đã làm,
Mà tự mình hối trách,
Kính tin pháp Đại thừa,
Thì gốc tội được trừ.

Phật dạy về pháp tướng chân thật như vậy, tâm tín lần lượt được tiếp nối rồi sẽ an trú nơi không tịch, những điều ác đã tạo từ trước kia đều tiêu diệt. Như trong kinh Thế Tôn Giải Trừ Nghi Hối nói: "Đại vương hãy quán sát tâm của chính mình, tâm nào là tâm giết cha, là tâm quá khứ, tâm vị lai hay tâm hiện tại? Nếu là tâm quá khứ thì tâm quá khứ đã diệt, nếu tâm đã diệt tức không có chỗ trú, không có phương sở. Nếu là tâm vị lai thì tâm vị lai chưa đến. Nếu là tâm hiện tại, thì tâm hiện tại không dừng trụ. Các tâm ấy cũng như huyễn hóa, không phải sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, tím hay trong như pha lê. Thể tánh chỉ là một thể thuần tịnh, cho đến không có tướng, không thể thấy được, nói rộng như vậy, tức được chỗ thù thắng". Do vậy nên biết Ma-ha-diễn là thừa căn bản. Như trong kinh Di Lặc Trang Nghiêm nói: Sự phát tâm Bồ-đề, lãnh hội ý nghĩa tâm Bồ-đề, trụ ở tâm Bồ-đề, đạt được lợi ích lớn, không còn bị đọa vào chốn ác. Sự lãnh hội ý nghĩa tâm Bồ-đề, làm thanh tịnh tâm Bồ-đề, từ địa này đến địa khác, dần dần tăng ích rồi được Pháp thân hiện được thần thông, như Phật Lô Xá Na, hiện sự biến hóa và nói kệ:

Đạt được thân vô cấu
Sắc tướng nhiều vô lượng
Hoặc sanh cõi Diêm-phù
Hoặc ở trời Đâu suất
Từ nơi Phật Định Quang
Đến khi dứt sanh tử
Biết phải thời phi thời
Biết nơi Định Quang hóa
Không phải cõi hình sắc
Cũng không phải vô tướng
Đều do nơi hạnh gốc
Cũng như trăng trong nước
Thân khẩu ý bí mật
Đều là pháp bất công
Tất cả các thế giới

Hiện sắc thân giải thoát
Bồ-tát, các trời, người,
muốn quán thấy Phật đảnh,
Vô biên không nghĩ bàn,
Vượt quá ức thế giới.
Mục-liên các đệ tử,
Dốc tâm tìm tiếng Phật
Vượt hơn trăm ngàn cõi,
Tiếng Phật vô hạn tận.
Nghiệp công đức pháp thân,
Không ai có thể biết,
Không thể dùng hình loại,
Ngôn từ, khéo diễn nói.
Chỉ sức Phật thấy nghe,
Không phải cảnh giới ta.
Ai nghĩ báo ân Phật,
Cung kính tin phụng hành
Lời pháp ta đã nói
Hồi thí cho chúng sanh,
Diệt kiết sử phiền não,
Sẽ chứng đạo vô thượng.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

SỐ 1635

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1635

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hộ

QUYỂN 1

Quy mạng Như Lai và Bồ-tát
Thanh văn, Duyên giác quá, vị, hiện
Ở trong tất cả các thế giới
Khắp cả mười phương không giới hạn.

Người có trí nên biết: Được làm thân người là điều khó, vì trong khoảng sát na là mất; hoàn thành được các thắng hạnh cũng là điều khó. Nếu không khởi suy nghĩ làm việc lợi ích trong kiếp người này thì đời sống uổng phí, vô vị. Và làm thế nào để có thể phát tâm dõng mãnh siêng năng, học và thu nhận lời dạy bảo thanh tịnh của đấng Như Lai? Bởi vì gặp được thời Phật xuất thế còn rất khó hơn hai điều khó: thân người khó được và chánh pháp khó được nghe.

Hỏi: Trong đây có gì ấn chứng là gặp thời Phật xuất thế rất khó?

Đáp: Trong vô số kinh có suy lường nhất định về điều này. Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Bậc Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chánh Giác trải qua trăm nghìn vô số kiếp, trong thời gian xa dài mênh mông như vậy, hoặc có, hoặc không có, bậc Như Lai xuất hiện ở thế gian cho nên rất là khó gặp; giống như sự xuất hiện của hoa Ưu-đàm.

Kinh Quyết Định Vương nói: Phật bảo: A-nan! Hoa Ưu-đàm xuất hiện cùng với lúc chư Phật xuất thế. Hoa ấy như vàng ròng, có ánh sáng tịnh diệu, nở to phát mùi hương lạ khắp phạm vi một do tuần. Hoa này sáng rực rỡ có sức phá tan sự tăm tối, có thể khiến ai nghĩ đến nó đều được thanh tịnh. Nó có thể dứt được bệnh khổ, có thể chiếu sáng, trừ khử được mùi hôi hám, phát ra mùi hương kỳ diệu; mùi hương này ngăn dứt được bốn cảnh giới tăng giảm. Hoa này chỉ ứng hiện theo bậc Kim Luân Vương, không tùy tiện theo Chuyển Luân vương và khắp chốn mà xuất hiện. Huống gì các loại hữu tình không giữ giới! Chỉ khi Phật xuất thế hoa Ưu-đàm ấy mới

xuất hiện.

Hỏi: Trong đây, làm sao biết trong thời gian dài xa có hay không có hoa Ưu-đàm?

Đáp: Như trong "Hữu duyên khởi" có nói: Phía Bắc Hồ lớn Vô- nhiệt não có núi tên Ngũ Phong. Trên núi có rừng hoa Ưu-đàm. Lúc Phật Thế Tôn từ cung trời Đâu suất, nhập thai mẹ, giáng sinh cõi nhân gian, lúc đó hoa Ưu-đàm mới ngậm nhụy. Lúc Phật Thế Tôn xuất thai mẹ thì hoa Ưu-đàm tăng trưởng hé mở, khi Phật Thế Tôn thành đạo quả Bồ-đề vô thượng, thì hoa Ưu-đàm nở ra tươi tốt. Khi Phật Thế Tôn xả bỏ thọ mạng và duyên hạnh, hoa Ưu-đàm héo úa. Lúc Phật Thế Tôn nhập Niết-bàn thì lá hoa và quả đều rụng. Hoa Ưu-đàm to như vành bánh xe.

Kinh Giác Trí Phương Quảng nói: Vua Tiên Đại Danh Xưng nói với các vị tiên: Này các vị! Nếu Bồ-tát gặp thời Như Lai xuất thế thuyết pháp hóa lợi. Đó là tương ứng.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong vô số kiếp gặp được thời Phật xuất thế, nghe nhận chánh pháp tôn trọng tin thờ, đây mà chân thực thấy là rất khó được.

Kinh Hiền Kiếp nói: Sáu mươi lăm kiếp sau thời Hiền kiếp không có Phật xuất thế. Sau có một kiếp tên Đại danh xưng, trong kiếp này có mười ngàn vị Phật xuất thế. Sau kiếp Đại danh xưng, tám mươi ngàn kiếp không có Phật xuất thế. Sau có kiếp tên Tinh Dụ, trong kiếp này, tám mươi ngàn vị Phật xuất hiện nơi thế gian. Lại trải qua ba trăm kiếp sau kiếp Tinh Dụ không có Phật xuất thế. Sau đó có kiếp tên Công Đức trang nghiêm, tám vạn bốn nghìn vị Phật xuất hiện nơi thế gian.

Hỏi: Làm sao để biết thân người khó được?

Đáp: Trong các Khế kinh đều có nói, như kinh Tạp A Hàm, Đức Phật dạy: Các Tỳ-kheo! Ví như nước chảy tràn đầy đại địa có người khoét lỗ bộng trên khúc cây rồi thả xuống nước. Khúc gỗ nhẹ nổi trôi tùy theo gió, gió đông thổi thì trôi về Tây, gió tây thổi thì trôi về Đông, gió nam trôi Bắc, gió bắc dạt Nam. Có một con rùa chột mắt sống trong nước, sống vô số trăm tuổi. Cứ hàng trăm năm nổi lên một lần tìm lọt vào bộng gỗ. Các Tỳ-kheo! Ý các ông thế nào? Con rùa chột sống thọ hết sức dài lâu, trăm năm một lần nổi lên có thể gặp bộng gỗ không?

Các Tỳ-kheo đều nói: Thưa Thế Tôn! Không thể gặp.

Phật bảo: Các Tỳ-kheo! Gặp được thời Phật xuất thế thuyết pháp hóa độ, hiểu được chánh pháp đạt đến Niết-bàn cũng như rùa chột tìm bộng gỗ trôi, rất khó, cực kỳ khó như vậy đó. Hoặc gặp thời khắc đầy đủ để được

thân người cũng rất là khó.

Hỏi: Làm sao biết được khó gặp đầy đủ thời khắc?

Đáp: Các Khế kinh có nói điều này. Như Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: Phật dạy: Các Tỳ-kheo! Có tám điều khó để tu phạm hạnh mà không gặp thời khắc. Tám điều khó là những gì?

1. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình đang trong địa ngục.

Đây là điều khó thứ nhất về thời phần để tu phạm hạnh.

2. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình đang ở trong loài súc sinh.

Đây là điều khó thứ hai về thời gian để tu phạm hạnh

3. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình đang trong giới ngạ quỉ.

Đây là điều khó thứ ba về thời gian để tu phạm hạnh.

4. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình ở tại cõi trời Trường Thọ.

Đây là điều khó thứ tư về thời gian để tu phạm hạnh.

5. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình đang ở tại các nước biên địa độc ác sân hại

Đây là điều khó thứ năm về thời gian để tu phạm hạnh.

6. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình tuy sinh ở nước trung tâm nhưng lại điếc, câm, các căn không đầy đủ nên nói thiện nói ác đều không hiểu.

Đây là điều khó thứ sáu về thời gian để tu phạm hạnh.

7. Lúc Phật xuất thế, dạy nói pháp yếu, hóa độ hữu tình đưa đến Niết-bàn thì một loài hữu tình tuy sinh ở nước trung tâm không câm điếc, đầy đủ sáu căn, nói thiện, nói ác đều rõ nhưng lại khởi tà kiến chấp trước điên đảo, cho là không bố thí, không lợi ích, không thờ cúng, không quả báo của nghiệp thiện nghiệp ác, không có đời này không có đời sau, không cha không mẹ, không thế gian, không Sa-môn Bà-la- môn, không có cõi chính và chính đạo, không có trí giải của bậc A-la-hán về đời này, đời sau, dùng lực tự thông chứng đắc Thánh quả.

Đây là điều khó thứ bảy về thời gian để tu phạm hạnh.

8. Hoặc có loại hữu tình được sinh nơi ơ nước trung tâm, không câm điếc, các căn đầy đủ, hiểu biết điều thiện điều ác, có chính kiến, không chấp trước điên đảo, tin có bố thí, có lợi cho đến có trí giải để thủ chứng Thánh

quả của bậc A-la-hán nhưng lại không gặp thời Phật xuất thế dạy nói pháp yếu.

Đây là điều khó thứ tám, về thời gian để tu phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo! Nên biết có một thời gian hòa hợp để tu phạm hạnh. Đó là lúc Phật xuất thế dạy nói pháp yếu, văn nghĩa sâu xa, phần đầu giữa và sau đều thiện, rõ ràng thuần nhất không lẫn lộn, đầy đủ tướng thanh bạch phạm hạnh, mà một loài hữu tình được ở nước trung tâm, không bị câm điếc, sáu căn không thiếu, biết thiện biết ác, đầy đủ chánh kiến, không chấp trước điên đảo, tin có thí có lợi, có thờ cúng, có quả báo của các nghiệp thiện, ác, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có thế gian, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cõi chính, đạo chính, có trí giả: của bậc A-la-hán về đời này, đời sau, dùng lực tự thông để chứng Thánh quả. Đây là một loại thời gian hòa hợp.

Phẩm Nguyệt Tạng trong kinh Đại Tập nói: Các nhân giả! Thời gian hòa hợp cũng đúng vào lúc như cây tỏa hương, rất khó đạt đúng lúc.

Hỏi: Đó là nói về điều được thân người. Còn chỗ nói về thanh tịnh, bình đẳng thanh tịnh làm sao đạt?

Đáp: Có mười loại công đức, nếu viên mãn thì được thân người bình đẳng thanh tịnh.

Mười loại ấy là gì? Như kinh Siêu Việt Hạ Tộc nói:

Một là: Nếu thiện nam thiện nữ phát tâm Bồ-đề rồi sinh tâm tịnh tín.

Hai là: Thanh tịnh rộng lớn, mong gặp Thánh Hiền.

Ba là: Ưa thích nghe chánh pháp.

Bốn là: Không sinh tâm keo sẻn, đố kỵ mà hành bố thí rộng khắp.

Năm là: Thân đoan nghiêm giữ niệm, ưa thích đạo Niết-bàn.

Sáu là: Bố thí rộng với lòng thiện và vô ngại.

Bảy là: Tin có nghiệp và nghiệp báo.

Tám là: Không khởi phân biệt.

Chín là: Không cầu, không nghi cũng không có tuệ nhiễm.

Mười là: Không hủy hoại quả nghiệp thiện ác.

Đã hiểu rõ mười loại như vậy, trong đời này, chớ làm việc ác, duyên với các việc ác

Hỏi: Thế nào là tín?

Đáp: Tín là thuận theo bậc Thánh Hiền; không làm ác, như kinh Phá Nhiễm Tuệ nói: Trong các pháp thiện, tín như người đi trước dẫn đường,

Tín, nghĩa như thế nào? Là nghĩa tin thuận theo có khả năng đạt đầy đủ trí không chướng ngại của Như Lai, có thể thuyết giảng chánh pháp sâu xa khó nghe khó thấy - dứt hẳn ràng buộc của Ái. Đó là không mắt, không diệt mắt, không tai - mũi-lưỡi-thân-ý, không diệt tai mũi lưỡi thân ý, không trụ, chẳng phải không trụ, không ý vui, chẳng phải không ý vui. Đầy đủ sáu mươi loại âm thanh, văn cú - Thứ lớp các nghiệp về lời nói thanh tịnh, thân trở nên rất tịnh; tâm hiện ra các lớp sắc tướng - như Phật Như Lai không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy, không có pháp nào không chứng thành, không có điều gì không hiểu rõ. Như Lai dùng mắt thanh tịnh và mắt rộng khắp của Như Lai đoạn trừ hẳn lỗi lầm, xa lìa tham ái, phá những lỗi tối ám ngu si của mắt thịt nên có thể quán chiếu đảnh tướng sâu xa, tuyên thuyết nghĩa đệ nhất đế, không nghĩa nào hơn (vô thượng). Tất cả pháp Phật tuy phân biệt, pháp Phật như thế nhưng không chống trái duyên khởi. Tin tất cả những điều trên gọi là tín.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Thế nào là tín lực? Đó là hiện tiền thuận theo đúng như tất cả các pháp Phật, tin, hiểu không nghi và cũng không mong cầu khác. Quyết định, thật sự theo nghiệp và nghiệp báo, lòng tin không xen tạp, phát lòng tin thanh tịnh các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tin bố thí có quả bố thí, trì giới có quả trì giới, nhẫn nhục có quả nhẫn nhục, tinh tấn có quả tinh tấn, thiền định có quả thiền định, trí tuệ có quả trí tuệ, tin như vậy nói là tin thanh tịnh. Đối với Pháp Đại thừa bằng sự hiểu biết thù thắng có thể sinh niềm tin thanh tịnh, đó gọi là Tín lực. Nếu lại hiểu rõ những chấp trước gọi là Tín căn. Tín lực và Tín căn gọi chung là Tín.

Lại nữa, trong đây sao gọi là Tín lực, Tín là thuận theo đúng (ấn), có thể tin lời người khác, thì thế nào là người tu hạnh Bồ-tát tin lời người khác ư?

Đó là nghe lời người khác chỉ dạy phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, Bồ-tát y chỉ vào Bát-nhã Ba-la-mật đa các phương tiện khéo léo, bốn nhiếp pháp, tất cả pháp Phật, các pháp Bồ-tát v.v... Nghe người khác nói rồi rốt ráo sinh tâm tin thanh tịnh. Đó gọi là Tín lực.

Kinh Bồ Tát Tạng nói:

Phật dạy: Này Xá-lợi-tử! Người tu hạnh Bồ-tát ấy, trong đã phát tâm Bồ-đề liền sinh tịnh tín; thanh tịnh rộng lớn, muốn gặp bậc Thánh Hiền, ưa nghe chánh pháp, tin quyết định có nghiệp và quả báo nghiệp, dứt mười nghiệp bất thiện, tu mười nghiệp thiện. Tin có Sa-môn, Bà- la-môn, cõi chính, chính đạo mà lại rộng nghe học; tâm tương ưng hòa hợp những gì

đã hiểu, vượt qua nghi ngờ, không thọ nhận thân sau. Một lòng kính trọng yêu mến, thường thân cận ở Phật, Bồ-tát, Thanh văn cùng các bậc thiện tri thức chân chính, tin về nghiệp và quả báo mà các vị thiện tri thức ấy đã dạy. Biết được pháp khí rồi, các thiện tri thức như tương ưng giảng nói bàn luận rất sâu về nghĩa: Không, vô tướng, vô nguyện, vô hành, vô sinh, vô khởi, luận về vô ngã, vô nhân, vô hữu tình, vô thọ giả và duyên sinh đối với các luận nói ấy, nghe rồi không nghi ngờ, cũng không chấp mà thuận theo đi vào tất cả pháp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới thảy đều không chấp trước; tin tự tánh của tất cả pháp đều là "không", dùng trí như Phật suy tìm thuần nhất không chút phóng dật.

Thế nào là không phóng dật? Là lúc các căn khởi tán loạn nên dùng tự tâm điều phục, tâm người hỗ trợ.

Kinh Nguyệt Quang Bồ Tát nói: Các hữu tình khởi tâm tịnh tín nơi Tam bảo thật là khó được. Ví như cầu ngọc quý như ý thật là khó đạt.

Kinh Nhập Như Lai Công Đức Trí Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói: Bồ-tát Thánh Trừ Cái Chướng thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường: Có năm loại pháp mà các bậc Bồ-tát nên sinh thắng giải (hiểu biết thù thắng) dù đây hay kia sẽ thu hoạch được vô số công đức tối thắng. Năm loại là những gì?

Một là: Tất cả các pháp đều "không".

Hai là: Tất cả các pháp đều không đối trị.

Ba là: Tất cả các pháp đều không sinh.

Bốn là: Tất cả các pháp đều không diệt.

Năm là: Tất cả các pháp đều không thể ghi nhớ để nói.

Năm loại pháp như vậy nên sinh thắng giải. Như ở cõi Diêm-phù- đề có những phép tắc uy nghi và chỗ tác dụng nhiều hơn số vi trần thì bậc Như Lai đều không phát khởi giác ngộ và không phân biệt, nhưng tùy tâm của chúng sinh đúng lúc hay không đúng lúc, đấng Như Lai thường chuyển tất cả các pháp. Bậc đại Bồ-tát nên sinh thắng giải về ý nghĩa này.

Kinh Tinh Hạ Tao Na Nhĩ Duyên Khởi nói: Phật Thế Tôn Thích- ca Mâu-ni Như Lai vì làm lợi ích hóa độ chúng sanh, trong hằng hà sa số kiếp tu các hạnh, hiện thành Chánh giác. Các bậc đại Bồ-tát nên sinh tín giải điều này.

Lại nữa, Phật Thế Tôn Thích Ca Mâu-ni Như Lai được Phật Nhiên Đăng thọ ký, trải qua vô số vô biên kiếp tu các hạnh thù thắng, vào khắp các cảnh giới chư Phật, cho đến nay thành Chánh giác. Nên sinh tín giải điều này!

Lại nữa, Phật Thế Tôn Thích-Ca Mâu-ni Như Lai thấy rõ nhân duyên dòng họ Thích bị giết hại, vì làm lợi ích hóa độ hữu tình, trải qua vô biên vô số kiếp tu thắng hạnh, nay thành Chánh giác. Nên sinh tín giải điều này. Do đó nên biết, hết thảy hữu tình nên phát tâm Bồ-đề, đây là điều khó đạt.

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề thực là khó được, vậy làm như thế nào khởi phát?

Đáp: Có nhiều kinh nói. Như kinh Hoa Nghiêm nói: Loài hữu tình trong thế gian phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng khó được.

Phải biết tâm Bồ-đề như hạt giống ở thế gian, vì tất cả pháp thiện thế gian đều gieo trồng, như tất cả cảnh giới pháp Phật, tất cả việc ác hẳn bị thiêu đốt hết, giống như gặp kiếp Hỏa tất cả pháp không thiện đều bị tiêu hoại. Giống như đại địa tất cả nghĩa có thể thành tựu, như ngọc báu như ý tất cả ý vui đều được viên mãn. Cũng như bình công đức, đẩy ra ngoài dòng sinh tử, như mồi câu tốt. Tất cả nơi trời, người, A-tu-la thế gian, cho đến tất cả pháp Phật, tất cả công đức Phật đều ngợi khen công đức của tâm Bồ-đề, như khen ngợi tháp miếu Phật. Vì sao? Vì trong đó đầy đủ cảnh giới thù thắng của hạnh Bồ-tát.

Lại nữa, tâm Bồ-đề nầy sinh ra tất cả chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại.

Này thiện nam! Thí như có một loại thuốc tên Thiết Kim Quang. Một lượng thuốc này có thể biến một ngàn lượng sắt thành vàng. Như vậy, không phải một ngàn lượng sắt mà có thể hủy hoại một lượng thuốc Thánh. Người phát tâm Bồ-đề cũng lại như vậy. Một khi đã phát tâm Nhất thiết trí, thì thiện căn của Thánh dược vi diệu trở lại hướng đến những gì thuộc về trí tuệ, có thể khiến tất cả nghiệp chướng phiền não thành vàng, tất cả pháp vàng tất cả trí vàng. Đây không phải tất cả nghiệp chướng phiền não có thể làm ô nhiễm tâm Nhất thiết trí.

Này Thiện nam! Lại cũng như cầm một cây đuốc sáng lớn vào phòng tối thì tất cả bóng tối tích tập từ trăm ngàn năm đều bị diệt phá, trở nên sáng rỡ rỗng suốt. Phát tâm Bồ-đề cũng như vậy. Cầm đuốc tâm vào chỗ tâm ý mờ ám, vào đến trong rồi thì tất cả nghiệp chướng phiền não tích tập từ vô số trăm ngàn kiếp đến nay, vô minh đen tối đều bị tiêu trừ do trí sáng lớn phát ra sáng rõ.

Này Thiện nam! Lại cũng như cái mão có diệu bảo đại như ý nơi đảnh Long vương, không bị kẻ oán người khác đến uy hiếp. Các bậc đại Bồ-tát cũng lại như vậy, mũ báu nơi đảnh tâm Bồ-đề và mũ diệu bảo vương tâm đại bi không bị tất cả nẻo ác việc ác uy hiếp, xâm phạm. Lại cũng như trong

ánh sáng của mặt trời, mặt trăng viên mãn, thanh tịnh, mọi vật rất rõ ràng, sáng tỏ, trong đó hiện ra tất cả vàng bạc châu báu vòng hoa y phục, đồ dùng kỳ diệu thích thú. Tổng chung tất cả vật đó không thể sánh bằng giá trị như Bảo Vương như ý.

Phát tâm Bồ-đề cũng lại như vậy, cùng tận ba đời, trí Nhất thiết trí pháp giới, đạo tràng, tùy chỗ chiếu diệu, trong đó ứng hiện tất cả hữu tình, tất cả trời người và tất cả các bậc Thanh văn, Duyên giác. Tất cả thiện căn dù hữu lậu hay vô lậu cũng không thể sánh bằng phát tâm Bồ-đề bảo vương tự tại.

Lại nữa, như sữa bò dê đầy cả biển lớn, nếu vài giọt sữa sư tử nhỏ vào biển ấy thì sữa bò dê không thể ngưng kết được và cũng không thể hòa hợp. Tâm Bồ-đề cũng như vậy. Nghiệp phiền não tích tụ vô số trăm nghìn kiếp như biển lớn. Giọt sữa sư tử: Ví như tâm Nhất thiết trí của Như Lai, đại trượng phu rơi vào biển lớn ấy thì tất cả phiền não dứt sạch không còn sót. Tất cả giải thoát của bậc Thanh văn, Duyên giác cũng không hòa hợp. Lại nữa cũng như thân gần một người khỏe mạnh thì các oán ác cũng không thể xâm hại. Phát tâm Bồ-đề cũng vậy. Thân gần các bậc Bồ-tát dũng mãnh thì tất cả oán ác không thể xâm hại.

Lại cũng như viên kim cương bị sứt mẻ tuy đã bị tổn giảm nhưng vẫn quý giá nhất trong các vật quý, trang nghiêm hơn các vật trang sức khác. Vật báu kim cương, tên vẫn không mất, vẫn có thể giúp được khắp những người nghèo khó. Có ít phần tâm Bồ-đề cũng vậy; như kim cương bị sứt mẻ tuy không được tròn vẹn nhưng vẫn trang nghiêm công đức hơn tất cả Thanh văn Duyên giác. Danh hiệu Bồ-tát vẫn không mất, có thể độ được những kẻ nghèo thiếu không có Thánh tài.

Kinh Thắng Quân Vương Vấn nói: Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Đại vương! Ông có tâm yêu thích mong cầu pháp Phật. Như nay ông đang trị vì nước Kiều-tát-la, đem an lạc lợi ích cho tất cả dân chúng, an ủi, cứu giúp, khiến họ quy về chánh đạo. Nếu ông có thể làm lợi ích rộng cho tất cả hữu tình, khiến phát tâm Nhất thiết trí, viên mãn tất cả pháp Phật, hướng đến chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng, thì lợi lạc to lớn. Lại nữa, tại rừng Kỳ-đà thường có vô số Thánh Hiền ở ẩn trong đó đáng được tôn trọng. Đại vương! Các Thánh Hiền ấy ưa muốn Chính đẳng giác, có lòng tin cầu, có nguyện có tâm tùy hỷ. Các vị Thánh Hiền này, thân, ngữ, ý rất đáng tín trọng. Vì sao vậy? Đại Vương! Vì vùng đất ấy có vô số trăm Phật xuất hiện, vô số trăm lần chuyển pháp luân, vô số trăm Thánh chúng được nối tiếp đắc độ. Như vậy cho đến vô số trăm ngàn vô số hằng hà sa số các vị Phật

xuất hiện, chuyển chánh pháp luân, hóa độ Thánh chúng. Các vị Thánh Hiền như vậy đều phát sinh lòng tin, ham thích, tâm nguyện và cầu đạo Bồ-đề.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 2

Kinh A-Xà Thế-Vương nói: Tôn giả Đại-ca-diếp bạch với Bồ-tát Diệu-cát-tường rằng: Cũng như sư tử mới sinh, vừa sinh ra đã có thế lực. Phàm chỗ sư tử đến, hoặc bầy nai vừa nghe hơi sư tử thì đều chạy trốn. Ngay đến Long tượng sức to lớn, lúc nghe hơi sư tử cũng kinh hãi co cụm như bị trói, dứt sợ sệt liền chạy bốn hướng tìm hang hóc ẩn trốn. Loài sống dưới nước, chim bay nghe mùi sư tử cũng đều hãi sợ. Này Bồ-tát Diệu-cát-tường! Bậc Bồ-tát đầy đủ sức tuệ cũng lại như vậy. Bậc Bồ-tát mới phát tâm, vừa phát tâm đại Bồ-đề liền hơn hẳn các bậc Thanh văn Duyên giác. Cung ma rúng động; tất cả thiên ma run sợ. Vì run sợ nên không thể ở yên trong cung ma.

Kinh Bảo Tích nói: Phật dạy: Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Người bị đứt cả tay chân có sống được không?

A-nan thưa: Chân tay dù bị đứt, nhưng mệnh người ấy vẫn có thể sống dược.

Phật hỏi: A-nan! Nếu có người bị cắt xẻ tim, người này còn sống được không?

A-nan thưa: Thưa Thế Tôn! Không thể sống được.

Phật bảo: A-nan! Ông nên biết, đệ tử của ta, Đại Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất cũng như tay chân ta. Còn các Bồ-tát thì như tim ta. A- nan! Như có Bồ-tát cầm cương một xe báu lớn, bằng công đức nơi năm dục tạo thần thông cho xe dong ruổi, nhưng không có ai được ngự ở trên xe. Lúc ấy, Như-lai được lực của Bồ tát ngự ở trên xe tiến về đường trước. Nếu Xá-Lợi-phất và Mục-kiền-liên tu tập ba môn giải thoát, trải qua một kiếp hoặc hơn một kiếp thì Như-lai không phải thúc đẩy nhắc nhở về sức chuyên cần.

Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Này các Tỳ-khưu! Có hằng hà sa số các bậc Như-lai trong hằng hà sa số kiếp khen ngợi người phát tâm tương ưng Nhất thiết trí và các tạng công đức nói không cùng tận. Vì sao? Lúc xưa Như-lai tu hạnh Bồ-tát, chưa từng tạm thời không phát tâm này; thâu nhận tất cả các loài hữu tình mà không khởi tưởng có các loài hữu tình được hóa

độ, có vô lượng giới hữu tình, Như-lai đều ở khắp trong vô lượng giới ấy tu hạnh Bồ-tát thù thắng rộng lớn, mỗi mỗi phát tâm góp các tụ phước. Tại sao vậy? Các Tỳ-kheo! Giới hữu tình thì vô tận nên Như-lai rộng tu hạnh Bồ-tát thù thắng, mỗi mỗi phát tâm góp các tụ phước cũng là vô tận.

Kinh Như Lai Bí Mật nói: Các vị Bồ-tát phát tâm Bồ-đề tu các thắng hạnh, đó là khiến hạt giống Tam bảo không dứt tuyệt.

Lại nói: Tâm Bồ-đề của Bồ-tát sinh ra một tụ phước, nào đều đem hồi hướng cho tất cả hữu tình. Công đức hồi hướng như vậy tràn đầy hư không giới, còn hơn cả lượng phước trên. Lượng phước mà tất cả hữu tình thâu nhận được đều do tâm Bồ-đề của Bồ-tát chuyển.

Kinh Pháp Tập nói: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề giác ngộ tất cả pháp, biết tất cả các pháp cùng với pháp giới bình đẳng, mà tất cả pháp không từ đâu đến và không chỗ dừng, cũng không thể nhận biết. Nhưng dùng trí như lượng biết tánh "không" của pháp, khiến cho tất cả các hữu tình cũng hiểu biết rõ như vậy. Nếu các Bồ-tát phát tâm như thế thì đây gọi là: Tâm Bồ-đề của Bồ-tát làm lợi lạc cho tất cả tâm loài hữu tình, gọi là tâm vô thượng, tâm đại từ hòa dịu, tâm đại bi không chán, tâm đại hỷ không lui chuyển, tâm đại xả không cấu nhiễu, tâm "không" không tạo tác việc khác, tâm Vô tướng tịch tĩnh, tâm Vô nguyện, vô trụ.

Hỏi: Vì sao dùng ít thiện căn hồi hướng Nhất thiết trí cho đến khi ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề, mà khoảng giữa lại không cùng tận?

Đáp: Như kinh Vô Tận Ý nói, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ví như một giọt nước rơi vào trong biển lớn cho đến kiếp tận cùng, nơi đoạn giữa thì không thể tận cùng. Bồ-tát dùng ít thiện căn hồi hướng Nhất thiết trí cũng lại như vậy; cho đến khi ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề thì khoảng giữa cũng không cùng tận.

Kinh Thiện Xảo Phương Tiện nói: Hoặc có Bồ-tát thấy kẻ bần cùng khởi tâm thương xót cho một ít cơm. Như chỗ Phật dạy tâm lớn rộng này gọi là bố thí tối thượng. Huống chi bố thí pháp. Của cho tuy ít nhưng công đức của tâm Nhất thiết trí thì nhiều vô lượng.

Kinh Hiền Kiếp nói: Đức Như Lai Tinh Vương lúc mới phát tâm Bồ-đề ở nơi đức Như Lai Thanh Thụ. Kiếp xưa Như Lai Tinh Vương là mục đồng dùng hoa Mạt-câu-la cúng thí, theo nhân duyên này mà phát tâm.

Đức Như Lai Danh Xưng lúc mới phát Bồ-đề tâm ở chỗ đức Như Lai Điện Quang. Kiếp xưa Như Lai Danh Xưng là thợ dệt, theo nhân duyên đã cúng thí đệm thảm tốt mà phát tâm.

Đức Như Lai Minh Diệm lúc mới phát tâm Bồ-đề ở nơi đức Như Lai

Vô Biên Quang. Kiếp xưa đức Như Lai Minh Diệm là người giữ thành. Theo nhân duyên cúng thí đèn cỏ mà phát tâm.

Đức Như Lai Nan Thắng lúc mới phát tâm Bồ-đề ở nơi đức Như Lai Kiên Cố Bộ. Kiếp xưa đức Như Lai Nan Thắng là tiều phu, theo nhân duyên cúng thí một mắt gỗ mà phát tâm.

Đức Như Lai Công Đức Tràng lúc mới bắt đầu phát tâm Bồ-đề ở nơi đức Như Lai Diệu Xứng. Kiếp xưa đức Như Lai Công Đức Tràng là người gánh nước, theo nhân duyên cúng thí một bình đựng nước mà phát tâm.

Đức Như Lai Lực Quân lúc mới bắt đầu phát tâm Bồ-đề ở nơi đức Như Lai Đại ký. Kiếp xưa đức Như Lai Lực Quân là thầy thuốc, theo nhân duyên cúng thí một quả A-ma-lặc mà phát tâm.

Kinh Bảo Tích nói: Như có người cầu quả A-la-hán nên dùng báu Ma-ni đầy khắp vô biên thế giới để bố thí.

Lại có người tu Bồ-tát thừa thấy được và phát tâm tùy hỷ tương ưng Nhất thiết trí. Tâm tùy hỷ tương ưng này có lượng phước mà lượng phước của người bố thí cầu quả A-la-hán kia không bằng một phần trăm lượng phước người tu Bồ-tát thừa. Cho đến chia phần ô ba ni sát (số cùng cực) cũng không được một phần.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát lại hơn người bố thí trước?

Đáp: Do hồi hướng về Nhất thiết trí.

Kinh Bát nhã Ba La Mật nói: Phật dạy: Xá-lợi-tử! Bậc đại Bồ-tát hơn hẳn tất cả bậc Thanh văn Duyên giác ở chỗ: Lúc tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định trí tuệ phải nên một lần phát tâm tùy hỷ tương ưng tâm Nhất thiết trí, tu học Bát nhã Ba-la-mật-đa lấy tâm đại bi dẫn đầu, rồi sau Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề. Như vậy nên biết, nếu phát tâm đại Bồ-đề thì tâm đại bi dẫn đầu.

Làm sao biết được điều này?

Như kinh Bồ-Tát Tạng nói: Bậc Bồ-tát muốn cầu Bồ-đề nên lấy đại bi dẫn đầu. Cũng như sĩ phu (con người) có mệnh căn dùng nơi hít thở dẫn đầu. Bậc đại Bồ-tát cũng như vậy, trong việc tu tập pháp Đại thừa lấy tâm đại bi dẫn đầu.

Lại như bậc Chuyển Luân thánh vương, trong các báu vật thì lấy bánh xe báu dẫn đầu. Bậc đại Bồ-tát cũng vậy, trong tất cả các pháp Phật dùng tâm đại bi làm lối dẫn đầu.

Lại nói: Bậc Bồ-tát, với lỗi của mình thường theo sát xét nghĩ, với lỗi của người thì dùng tâm đại bi để hộ niệm.

Kinh Vô Úy Thọ Sở Vấn Đại thừa nói: Phật bảo: Trưởng giả! Bậc Bồ-tát muốn thành tựu đại Bồ-đề, nên khởi tâm đại bi với tất cả loại hữu tình. Không sinh tâm yêu mến chấp trước thân mệnh mình, cho đến tất cả gạo tiền, nhà cửa, vợ con, ăn uống, y phục, xe cộ, giường ghế, hương hoa, hương xoa và tất cả các loại vật dụng vui chơi đều không nên vướng chấp. Vì sao vậy? Trưởng giả! Phần nhiều các loài hữu tình đều yêu mến chấp trước thân mệnh, do yêu mến chấp giữ thân mệnh nên tạo nhiều tội nghiệp, đọa vào nẻo ác. Nếu loài hữu tình khởi tâm đại bi rồi, không sinh yêu mến chấp giữ thân mệnh, do không yêu mến chấp giữ nên sinh vào nẻo thiện, lại còn có thể vận tâm làm các hạnh bố thí, cùng tất cả các pháp thiện tương ưng.

Người tu hạnh Bồ-tát dùng tâm đại bi để thành tựu thân mình.

Điều này làm sao biết?

Như kinh Bảo Vân nói: Phật bảo: Này Thiện nam! Nếu các Bồ-tát đầy đủ mười pháp. Đó là dùng tâm đại bi thành tựu thân mình. Những gì là mười pháp.

Một là: Thấy tất cả loài hữu tình bị khổ bức bách không được cứu trợ, không chỗ nương, không nẻo về, thấy rồi nên phát tâm Bồ-đề lớn để hỗ trợ.

Hai là: Phát tâm Bồ-đề rồi liền khiến loài hữu tình ấy được thành tựu pháp.

Ba là: Tùy chỗ pháp đạt được làm lợi ích cho các loài hữu tình. Bốn là: Khiến những loài hữu tình keo lận hành hạnh bố thí Năm là: Người không tu giới cấm thì khiến họ tu tịnh giới.

Sáu là: Khiến người nhiều sân hận trụ nơi pháp nhẫn nhục. Bảy là: Khiến người nhiều lười biếng phát khởi tinh tấn.

Tám là: Khiến người nhiều tán loạn tu tĩnh lự.

Chín là: Khiến những người không trí tuệ được tuệ thù thắng.

Mười là: Bồ-tát rộng ngăn trừ những khổ sở nhất bức não tất cả các loài hữu tình và khiến không chướng nạn đối với Bồ-đề.

Như thế gọi là mười pháp.

Kinh Tổng Trì Tự Tại Vương Vấn nói: Bậc Bồ-tát hoặc thấy một loài hữu tình do tham ái ràng buộc, đắm nhiễm vợ con quyến thuộc, do tâm ác ràng buộc nên không được tự tại, Bồ-tát thuận vì nói pháp yếu khiến cởi bỏ được sự ràng buộc của ái để được tự tại. Hoặc thấy một loài hữu tình khởi tâm phẫn hận chống đối, tổn hại sinh nhiều lỗi lầm, Bồ-tát thuận vì thuyết

giảng pháp yếu khiến trừ dứt sân hận, lỗi lầm. Lại nữa, hoặc thấy các hữu tình bị bạn ác lôi kéo xa rời bạn tốt, thường tạo tội nghiệp. Bồ-tát liền nói pháp yếu khiến gần gũi bạn lành xa rời bạn ác. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi. Hoặc thấy một loài hữu tình tham ái rất nặng không biết chán đủ, xa lìa trí tuệ thù thắng, Bồ tát thuận vì thuyết giảng pháp yếu khiến cho đoạn tham ái phát sinh trí tuệ thù thắng. Đó là Bồ tát vì các hữu tình khởi Tam đại bi.

Hoặc thấy một loài hữu tình cho là không có nghiệp báo, chấp đoạn hoặc chấp thường, Bồ-tát liền nói pháp yếu khiến vào pháp duyên khởi sâu xa biết các hành nghiệp. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi.

Hoặc thấy một loài hữu tình do vô minh si ám che lấp, nên chấp giữ ngã nhân, hữu tình, thọ giả, Bồ-tát liền giảng nói pháp yếu, khiến có tuệ nhãn thanh tịnh trừ dứt kiến chấp. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi.

Hoặc thấy một loại hữu tình đắm mùi sinh tử, chấp trước năm uẩn, như người sát hại, Bồ-tát liền nói pháp xuất yếu khiến cho xuất ly ba cõi. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi. Hoặc thấy một loài hữu tình bị ma sách nhiễu trói buộc, sinh tâm trụ vướng mắc ở ái, ác (yêu, ghét), Bồ-tát liền giảng nói pháp yếu giải thoát cởi bỏ sách nhiễu, trói buộc của ma, dứt trừ tâm vướng mắc ở ái, ác. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi. Hoặc thấy một loài hữu tình, đóng cổng Niết-bàn mở cửa nẻo ác, Bồ-tát liền nói pháp yếu khiến mở cổng Niết-bàn, đóng cửa nẻo ác. Đó là Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên phát tâm Bồ-đề.

Nếu có kẻ hủy báng pháp nhẫn của Bồ-tát, sinh tâm khinh mạn, đối với pháp, làm chướng ngại, muốn làm Bồ-tát lìa rời pháp nhẫn, Bồ- tát liền biết đó là ma sự nổi lên.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật bảo: Diệu Cát Tường! Giả sử có người gây chướng nạn cho tất cả thế giới nhiều như số cực vi trần, gây chướng nạn tất cả hữu tình có thiện căn; lại có người làm chướng nạn cho một Ưu-bà-tắc tôn kính tu tập đủ mười điều thiện, không thờ dị sư (ngoại đạo), lại ít thiện căn, thì tội người sau hơn tội người trước gấp bội A-tăng-kỳ lần.

Giả sử có người làm chướng nạn thiện căn của các Ưu-bà-tắc ở tất cả thế giới nhiều như cực vi trần; lại có người làm chướng nạn cho một Tỳ-kheo ít thiện căn, thì tội của người này lớn gấp bội A-tăng-kỳ lần tội người trước. Như vậy theo thứ lớp, như làm chướng nạn người tu Tùy Tín Hành, người Tùy Pháp hành, bậc Tu-đà-hoàn, bậc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm, bậc

A-la-hán, bậc Bồ-tát trụ thứ tám, bậc Duyên giác, bậc Bồ-tát hành dương xa, Bồ-tát hành tượng xa, Bồ-tát hành nhật nguyệt thần thông, Bồ-tát hành Thanh-văn thần thông v.v… Hoặc có người đối với hàng Bồ-tát hành các thần thông Thanh văn ở tất cả thế giới nhiều như cực vi trần, hễ có bao nhiêu thiện căn đều gây chướng nạn; lại có người đối với một Bồ-tát hành thần thông của Như Lai, có một thiện căn đều gây chướng nạn, khởi tâm khinh mạn, giận dữ, thì tội nhiều hơn tội người trước gấp bội A-tăng-kỳ lần. Giả sử có người rình rập chực cướp đoạt tài vật, tiền bạc của tất cả hữu tình trong tất cả thế giới như cực vi trần ở mười phương, lại có người khởi tâm khinh mạn, tức giận mạ ly, quấy nhiễu một bậc Bồ-tát, tội như vậy nặng hơn tội người trước gấp bội A-tăng-kỳ lần.

Hoặc như có người, theo duyên khởi nào đó mà sinh tâm khinh mạn giận dữ Bồ-tát thì tội này phải vào địa ngục gào thét, thân hình to năm trăm do tuần, có năm trăm đầu, mỗi đầu có năm trăm lưỡi, mỗi lưỡi lại có năm trăm chiếc cày cày trên lưỡi có lửa cháy mạnh.

Giả sử có người dùng dao gậy đánh người cướp của cải tiền bạc của tất cả hữu tình ở tam thiên đại thiên thế giới, lại có người khởi tâm khinh mạn giận dữ rồi làm tổn não một bậc Bồ-tát, thì tội như vậy nặng gấp bội A-tăng-kỳ lần tội người trước.

Giả sử có người khởi tâm độc ác, phá lợi ích của tất cả hữu tình, sát hại hằng hà sa số A-la-hán trong hằng hà sa số thế giới và phá hại chùa tháp Phật, thành báu, lan can báu, cờ phướn mọi thứ nghiêm sức biểu tượng của Phật đều bị phá hoại, lại có người đối với Bồ-tát tín giải pháp Đại thừa, đã gieo trồng hạt giống Đại thừa, nhưng người này với duyên cớ nào đó mà khởi tâm khinh mạn giận tức mạ nhục quấy nhiễu xúc chạm Bồ-tát thì tội này nặng gấp bội A-tăng-kỳ lần tội người trước.

Vì sao thế? Vì Bồ-tát có thể sinh các bậc Như Lai, làm hạt giống Phật không bị dứt tuyệt.

Nếu hủy báng Bồ-tát tức hủy báng chánh pháp. Hủy báng Bồ-tát thì kẻ đó không thể thâu nhận pháp nào khác nữa, chỉ có pháp Bồ-tát mới có thể nhiếp thọ.

Giả sử có người sinh tâm tức giận với các loại hữu tình ở tất cả mười phương thế giới, lại có người sinh tâm giận tức với Bồ-tát rồi quay lưng không nhìn lại, thì tội này nặng gấp bội A-tăng-kỳ lần tội người trước.

Giả sử có người sát hại rồi xâm đoạt tất cả của cải của hết thảy hữu tình nơi cõi Diêm-phù-đề, lại có người hủy báng một bậc Bồ-tát, thì tội nầy nặng gấp bội A-tăng-kỳ số tội người trước.

Kinh Từ Thị Sư Tử Hống nói: Nếu một Bồ-tát giận nói, chửi mắng đánh đập tất cả hữu tình khắp thế giới tam thiên đại thiên, vị Bồ-tát này cũng không bị tổn não hoại mất. Nhưng nếu khởi tức giận một vị Bồ-tát dù rất ít phần vẫn bị tổn não hư mất. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát kia đã khoác áo giáp nhẫn nhục suốt kiếp, thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Do đó vị Bồ-tát này không nên, dù chỉ một lúc, giận tức đối với vị kia.

Kinh Diệu Cát Tường Thần Thông Du Hí nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Ông nay nên biết: Nói lời tổn hại là làm hoại mất thiện căn tích tụ trong trăm kiếp. Đó gọi là tổn hại.

Người tu hạnh Bồ-tát nên biết như vậy: Nếu ở nơi chỗ Phật Thế Tôn làm những việc không đem lại lợi ích thì tội báo nặng. Làm việc có lợi ích thì thu được lượng phước lớn.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 3

Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Giả sử có người đối với tất cả hữu tình trong hết thảy thế giới khắp mười phương đều móc lấy mắt của họ đến trọn một kiếp, và nếu có thiện nam thiện nữ đối với các hữu tình kể trên khởi tâm từ bi dùng phương tiện, khiến mắt họ được bình phục như cũ, cho đến hết kiếp Này Diệu Cát Tường! Lại có người phát tâm thanh tịnh, chuyên chú nhất tâm quán bậc Bồ-tát tín giải Đại thừa, dù chỉ một lúc, thì lượng phước của người này hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước của người trước.

Giả sử có người tháo gỡ trói buộc nơi lao ngục cho tất cả hữu tình ở khắp mười phương và khiến cho họ được vị Chuyển luân thánh vương, hoặc Thiên chủ Đế Thích, được mọi diệu lạc. Này Diệu Cát Tường! Lại có người phát tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng ngợi khen vị Bồ-tát tín giải Đại thừa, thì lượng phước nầy hơn gấp bội a-tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Nếu có thiện nam thiện nữ trong hằng hà sa số kiếp làm hạnh bố thí rộng rãi, ngày dùng trăm ngàn vị thứ ăn uống, quần áo tốt đẹp để bố thí cúng dường, cho các hữu tình nhiều như số vi trần của tất cả thế giới; lại có người thấy một Ưu-bà-tắc, không có dị sư, tôn trọng tu đầy đủ mười nghiệp thiện bèn nghĩ, đây là người học giới hạnh của Phật rồi mỗi ngày cúng thí một bữa ăn, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A- tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Như vậy, kể theo thứ lớp, cúng thí cho một Tỳ-kheo, cúng thí người tu Tùy Tín hành, người tu Tùy Pháp hành cho đến bậc Duyên giác… cúng thí gấp bội.

Lại có người chỉ thấy một tranh vẽ hình tượng Phật hoặc bìa kinh có ảnh tượng Như Lai, thì lượng phước của người này đã hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trước huống gì còn chấp tay tôn trọng ảnh tượng Phật? Hoặc là dùng hương hoa, hương xoa, đèn sáng cúng dường với lòng thanh tịnh. Như vậy lượng phước hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước

người trên.

Lại tiếp, có người trong hằng hà sa số kiếp, ngày ngày dùng trăm ngàn vị ăn uống, quần áo tốt đẹp như áo cõi trời, bố thí cúng dường hằng hà sa số các vị Phật và Thanh văn; lại có người, trong một ngày cúng thí một bữa ăn cho một vị Bồ-tát tu hạnh dương xa, đang gieo trồng thiện căn tịnh tâm đầy đủ theo các vị Phật, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trên.

Ví như có người trong hằng hà sa số kiếp, ngày ngày dùng trăm ngàn vị ăn uống, y phục tốt cúng dường các vị Bồ-tát tu hạnh dương xa, ở tất cả thế giới như cực vi trần số, lại có người trong một ngày cúng thí một bữa ăn cho một Bồ-tát tu hạnh tượng xa, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Nếu có người trong hằng hà sa số kiếp, ngày ngày dùng trăm ngàn vị ăn uống và y phục tốt cúng dường các vị Bồ-tát tu hạnh tượng xa ở tất cả thế giới như cực vi trần số, lại có người trong một ngày cúng thí một bữa ăn cho một Bồ-tát tu hạnh thần thông nhật nguyệt, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Nếu có người trong hằng hà sa số kiếp, ngày ngày dùng trăm ngàn vị ăn uống và y phục tốt cúng dường các vị Bồ-tát tu hạnh nhật nguyệt thần thông, ở tất cả thế giới như cực vi trần số, lại có người trong một ngày cúng thí một bữa ăn cho một Bồ-tát tu hạnh thần thông Thanh văn, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Nếu có người trong hằng hà sa số kiếp, ngày ngày dùng trăm ngàn vị ăn uống và y phục tốt cúng dường các vị Bồ-tát tu hạnh thần thông Thanh văn, ở tất cả thế giới như cực vi trần số, lại có người trong một ngày cúng thí một bữa ăn cho một Bồ-tát tu hạnh thần thông Như Lai, thì lượng phước như vậy hơn gấp bội A-tăng-kỳ lần lượng phước người trước.

Nơi đây nên Hỏi: Thế nào là tu hạnh Bồ-tát dương xa cho đến Bồ- tát tu hạnh thần thông Như Lai?

Đáp: Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Bồ-tát có năm loại hạnh. Đó là: Hạnh dương xa, hạnh tượng xa, hạnh thần thông nhật nguyệt, hạnh thần thông Thanh văn và hạnh thần thông Như Lai. Trong năm loại hạnh có hai hạnh dương xa và hạnh tượng xa còn có thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng. Còn hạnh thần thông nhật nguyệt, thần thông Thanh văn và hạnh thần thông Như Lai, tu ba hạnh này tức không còn thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào gọi là Bồ-tát tu hạnh dương xa?

Thí như có người muốn qua số lượng các thế giới nhiều như số vi trần nơi năm cõi Phật số bèn nghĩ: Ta nên dùng xe dê. Nghĩ rồi bèn theo đường mà đi. Qua thời gian cần mẫn chịu khổ dài lâu đi được một trăm do tuần, bỗng gặp một cơn gió lớn thổi lui tám mươi do tuần. Này Diệu Cát Tường! Ông nghĩ thế nào về người cỡi xe dê này, nếu qua một kiếp cho đến vô số kiếp (bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp) người này có thể qua số thế giới kia hoặc một thế giới không?

Diệu cát Tường thưa: Thưa Thế Tôn! Không thể qua, không thể có chuyện qua được.

Phật bảo: Này Diệu Cát Tướng! Đúng vậy, đúng vậy! Hoặc có Bồ-tát trước phát tâm đại Bồ-đề rồi, sau không trì không tụng pháp Đại thừa, trở lại ưa thích tu tập, đồng thời khen ngợi thọ trì đọc tụng giải nghĩa pháp Thanh văn, lại khiến người khác cũng tu tập trì tụng hiểu rõ. Do nhân duyên này làm trí tuệ cùn nhụt và thoái chuyển nơi đạo vô thượng trí. Bồ-tát này tuy trước tu tập tâm đại Bồ-đề, với tuệ căn, tuệ nhãn, mà vì trí tuệ cùn nhụt nên bị hoại mất. Đây gọi là Bồ-tát tu hành dương xa (hạnh xe dê).

Thế nào là Bồ-tát tu hạnh tượng xa (xe voi)? Thí như có người cũng muốn đi qua các thế giới nhiều như số vi trần nơi năm cõi Phật như trước bèn tự nghĩ: Ta nên dùng xe voi loại cực tốt có đầy đủ tám bộ phận. Nghĩ rồi theo đường mà đi. Trải qua trăm năm đi được hai ngàn do tuần. Chợt gió lớn thổi lui một ngàn do tuần. Này Diệu Cát Tường! Ông nghĩ thế nào… cho đến… người này qua được một thế giới không?

Diệu Cát Tường đáp: Thưa Thế Tôn! Không thể được, không thể có chuyện ấy.

Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Đúng vậy! Đúng vậy! Hoặc có Bồ-tát trước phát tâm đại Bồ-đề, sau lại không trì tụng pháp Đại thừa, trở lại ưa thích tu tập pháp Thanh văn, trì tụng giải rõ. Đây gọi là Bồ-tát tu hạnh tượng xa.

Thế nào là Bồ-tát tu hạnh thần thông nhật nguyệt? Thí như người muốn đi qua số thế giới nhiều như số vi trần nơi năm cõi Phật, như người trước… cho đến… dùng hạnh thần thông nhật nguyệt theo đường mà đi. Này Diệu Cát Tường! Ông nghĩ người này có thể qua các thế giới kia không?

Diệu Cát Tường bạch: Thưa, người này có thể đi qua, nhưng phải chịu khổ nhọc chuyên cần trải qua thời gian dài lâu.

Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Đúng vậy! Đúng vậy! Hoặc có Bồ-tát trước đã phát tâm đại Bồ-đề, không thích tu tập pháp Thanh văn, cho

đến một bài kệ bốn câu cũng không trì, tụng. Chỉ thích đọc tụng giải thích thấu tỏ pháp Đại thừa. Đó gọi là Bồ-tát tu hạnh thần thông nhật nguyệt.

Thế là Bồ-tát tu hạnh Thần thông Thanh văn?

Ví như có người muốn qua số thế giới nhiều như số vi trần nơi năm cõi Phật như trước… cho đến… người này dùng hạnh thần thông Thanh văn theo đường mà đi. Này Diệu Cát Tường! Theo ý ông người này có thể đi qua các thế giới kia chăng?

Diệu Cát Tường bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Người này có thể đi qua.

Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Đúng vậy! Đúng vậy! Như các bậc Bồ-tát phát tâm Bồ-đề rồi, yêu thích tu tập pháp Đại thừa, sau đó đối với người tu Đại thừa, với người tín giải, trì tụng, thâu nhận pháp Đại thừa và đối với các Bồ-tát hết lòng tín phụng qui hướng, thân cận, mong cầu pháp Đại thừa, thọ trì đọc tụng mãi đến lúc gặp phải nhân duyên mất mệnh, cũng không có lúc tạm xa rời pháp Đại thừa, lại còn dùng hương hoa các loại tôn quý cúng dường các người khác tu tập Đại thừa, cũng không có lòng kiêu mạn đối với người chưa học pháp Bồ-tát, thì đó gọi là Bồ-tát tu hạnh thần thông Thanh văn

Thế nào gọi là Bồ-tát tu hạnh thần thông Như Lai?

Ví như có người muốn đi qua số thế giới nhiều như số vi trần nơi năm cõi Phật như trước… cho đến… người này cầu hạnh thần thông của Phật theo đường mà đi. Này Diệu Cát Tường! Ông có nghĩ người này nhanh chóng đi qua các cõi kia không?

Diệu Cát Tường bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Người này trong khoảng sát na, ngay lúc phát tâm liền có thể nhanh chóng đi qua những thế giới kia.

Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Đúng vậy! Đúng vậy! Cũng như Bồ-tát phát tâm đại Bồ-đề rồi, cho đến… khéo giải nghĩa lý sâu xa rộng lớn của Đại thừa, thường vì cứu độ tất cả hữu tình mà phát tâm đại Bồ- đề từ bi thâu nhận, giữ tâm dũng mãnh cần mẫn tu sáu pháp Ba-la-mật- đa và bốn nhiếp pháp, rồi lại khiến người khác cũng được an trụ như vậy. Đây gọi là Bồ-tát tu hạnh Thần thông Như Lai.

Ở đây nên nói: Nếu có người hủy báng chánh pháp, thì đối với pháp tạo tác các chướng nạn. Đó là tội cực lớn. Như Kinh Bát-nhã Ba La Mật Đa nói: Hoặc có người tu Bồ-tát thừa, tuy từng được gặp trăm ngàn vô số chư Phật Như Lai rộng hành pháp bố thí nơi chỗ Phật cho đến tu tập trí tuệ, nhưng khởi tâm có sở đắc, nên dù được đến trong hội Phật nghe thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, nhưng không sanh tôn trọng. Hoặc thân hoặc tâm đều không thanh tịnh, khởi tuệ nhiễm ô, thành nghiệp tội lớn, tức

đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa thâm diệu sanh hủy báng. Mà hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa tức là hủy báng chư Phật Thế Tôn ở ba đời quá khứ vị lai hiện tại và Nhất thiết trí của Phật. Vì nhân duyên này nên làm chướng nạn lớn cho pháp. Nghiệp này nối tiếp nên bị đọa vào địa ngục lớn, trải qua trăm ngàn vô số năm, cứ rời địa ngục này lại vào địa ngục khác. Cứ như thế xoay chuyển vô số lần thành hoại. Ra khỏi địa ngục lại phải đọa vào chốn ngạ quỉ và súc sanh.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Tội làm chướng ngại chánh pháp này nối tiếp tục sẽ bị đọa địa ngục ngũ vô gián. Nay có thể nói tội nghiệp ấy là lường tính được hay là không thể nói chăng?

Phật bảo: Hãy dừng lại Xá-lợi-tử! Ông không nên nói! Lại nữa, người tu hạnh Bồ-tát có nhiều loại ma sự.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có kiến lập các danh tự thì Bồ-tát nên biết đó là ma sự. Như có ma đến chỗ Bồ- tát nói như vầy: " Bồ-tát! Ông hiện đang thành Chánh giác, hãy kiến lập danh này ". Lúc ấy Bồ-tát liền xét nghĩ, nếu trụ nơi tướng bất thoái chuyển thì loài ma kia không dễ làm hại được. Nếu khởi tâm nghĩ cho là ta được thọ ký, tức sinh ý ngã mạn, sinh khinh thường các Bồ-tát khác. Đấy là ma ác tận dụng phương tiện khiến Bồ-tát xa rời Bát-nhã,

bỏ bạn lành theo bạn ác, hoặc rơi vào bậc Thanh-văn hoặc rơi vào bậc Duyên giác. Người khởi tâm tương ưng khinh mạn, phạm tội rất nặng hơn cả bốn trọng tội căn bổn. Bồ-tát nên biết: đây là ma sự.

Kinh Diệu Cát Tường Thần Thông Du Hí nói: Diệu Cát Tường nói: Thiên tử! Theo việc có sự nghiệp thành tựu, đó đều là ma sự, hoặc có chỗ mong cầu, hoặc có pháp để giữ lấy, hoặc có pháp để xả bỏ, đều là ma sự. Như có sự mong muốn, như có sự tưởng tượng, hoặc có sự thu nạp, hoặc có sự lường tính đều là ma sự. Lại nữa, Thiên tử! Đối với tâm Bồ-đề có chỗ để chấp giữ, vướng mắc đều là ma sự. Đối với việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn thiền định, trí tuệ, nếu tâm có chỗ chấp giữ đều là ma sự. Lại nữa, bố thí khởi tâm kiêu mạn, trì giới trụ nơi phân biệt, nhẫn nhục mà còn sân hận, tinh tấn có hí luận, thiền định chấp giữ tướng, trí tuệ có tác ý, tất cả đều là ma sự. Hoặc khởi tâm chán bỏ, thích ở nơi tịch tĩnh cũng là ma sự. Nếu đối với sự ít muốn biết đủ, công đức Đầu-đà mà khởi ý hiểu biết lãnh thọ, đó là ma sự. Nếu hành pháp "Không", hành Vô tướng, hành Vô nguyện, hành không hí luận, hành xa lìa, tu hành theo lời dạy của Như Lai mà khởi ý ngã mạn và có sự phân biệt thì đều là ma sự. Này Thiên tử ! Cho đến dù có phân biệt hay không phân biệt thì lúc sinh niệm nghĩ về kiến -

văn - giác - tri đều là ma sự.

Thiên tử hỏi: Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường ! Những ma sự này từ nguyên do nào mà khởi?

Bồ-tát Diệu Cát Tường đáp: Thiên tử! Những ma sự đều do tương ưng với tăng thượng mà dấy khởi. Vì sao vậy? Các ma đối với pháp tương ưng, tăng thượng rình tìm chỗ tiện lợi. Nếu thắng pháp không tương ưng thì ma sự có chỗ nào để tác hành?

Thiên tử nói: Thưa Bồ-tát ! Thế nào là Bồ-tát tương ưng tăng thượng? Thế nào là không tương ưng?

Bồ-tát Diệu Cát Tường đáp: Thiên tử! Như có hai pháp tương ưng, đó tức là tương ưng tăng thượng. Vì sao? Hai pháp tương ưng này là sự nương dựa hòa hợp của thế gian. Tương ưng tăng thượng này tức là chính tương ưng tăng ngữ. Chính tương ưng nầy tức là không tương ưng tăng ngữ. Sự không tương ưng này tức là tăng ngữ không hí luận. Sự không hí luận này tức là chính tương ưng tăng ngữ. Dù tương ưng dù không tương ưng, trong đây đều được thành lập.

Do đó Thiên tử! Không tương ưng mắt, không tương ưng sắc, cho đến không tương ưng ý, không tương ưng pháp. Nói như vậy là chính tương ưng của Bồ-tát.

Lại nữa, Thiên tử! Nên biết Bồ-tát có hai mươi loại pháp làm ma sự khởi theo, khiến ma hung hãn. Những gì là hai mươi pháp?

Một là: đối với việc tu sự nghiệp giải thoát, đối với việc sợ hãi sanh tử, đối với việc tu hạnh tương ưng thù thắng, phương tiện thân gần phụng sự cúng dường, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Hai là: Nếu chỉ quán "không" mà dứt bỏ hữu tình, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Ba là: Chỉ quán vô vi, còn thiện căn hữu vi thì mệt chán, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Bốn là: Tuy khởi ý định mà không tu hạnh định, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Năm là: Lúc nói pháp chỉ thích giảng nói, không khởi tâm đại bi đối với người nghe, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Sáu là: Cầu hành bố thí với người có đức có giới, rồi hủy báng kẻ phá giới, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Bảy là: Thích nói pháp Thanh văn Duyên giác, che lấp không luận pháp Đại thừa, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Tám là: Không bàn luận ý nghĩa thâm diệu, chỉ thích bàn luận ý nghĩa thông thường, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Chín là: Tuy biết đạo Bồ-tát mà không biết cầu tu đạo Ba-la-mật, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười là: Khen ngợi ngôn ngữ tương ưng tăng thượng. Với các hữu tình không tương ưng, lại chỉ dạy, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười một là: Tuy gieo trồng thiện căn nhưng trái ngược với tâm Bồ-đề, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười hai là: Tương tục hành quán hạnh tương ưng nhưng không chỉ dạy hữu tình cần chỉ dạy, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười ba là: Tuy cầu dứt hết phiền não vô dư, nhưng chán ngán phiền não tương tục của sinh tử, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười bốn là: Tuy nghĩ xét về thắng tuệ mà không giữ cảnh sở duyên của tâm đại bi, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười lăm là: Không đủ phương tiện đối với tất cả hạnh thiện, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười sáu là: Tuy mong cầu pháp tạng Bồ-tát nhưng thích thọ trì sách ngoại đạo như Lộ-già-da-đà, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười bảy là: Tuy được nghe nhiều pháp nhưng thường cất giấu tiếc rẻ không khiến người khác được biết, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười tám là: Tuy nghe nhiều, theo duyên thế gian vì người giảng nói, trao pháp nhưng thủ giữ tiền bạc, mua bán không có nghĩa lợi, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Mười chín là: Đối với Pháp sư Đại thừa không tôn trọng, gần gũi học hỏi, phụng sự, trái lại gần gũi với Thanh văn, Duyên giác, tuy không đồng phận nhưng đồng chỗ khen ngợi, đó đều là ma sự của Bồ-tát

Hai mươi là: Nếu Bồ-tát ỷ lại chỗ giàu có, uy đức phú thịnh nên không tôn trọng thân cận thừa sự với các bậc Thiên Đế Thích, Phạm Vương, Hộ Thế, Vua, Trưởng giả, đó đều là ma sự của Bồ-tát.

Đó là hai mươi pháp của Bồ-tát, theo đó mà ma sự nổi lên và khiến ma hung hãn.

Kinh Hải Ý nói: Như có Bồ-tát đầy đủ danh tiếng, giàu có tự tại, dòng dõi cao quý, quyến thuộc đông nhiều, đầy đủ phước hạnh, do vậy nên sinh biếng nhác, không dùng trí cầu thắng hạnh tương ưng mà phóng dật kiêu ngạo, hoặc thấy có Bồ-tát xuất gia viên mãn, thường dùng trí hạnh cầu pháp tương ưng, chịu đựng gian khổ, gió to, nắng dữ đều cam chịu đựng, thân

thể hao gầy, dung mạo xấu xí, Bồ-tát trước thấy công năng cao của Bồ-tát này lại sinh ý khinh mạn, vị này có nói hay thuyết khéo cũng không nghe, lại còn tăng thêm lòng kiêu ngạo, nghi ngờ, đó đều là ma lực trói buộc của Bồ-tát

Lại nói: Có bốn loại pháp có thể làm chướng ngại pháp Đại thừa.

Một là: Khoe đức của mình.

Hai là: Dìm che đức của người khác.

Ba là: Ngã mạn lớn mạnh.

Bốn là: Giận hờn lâu chắc.

Các Bồ-tát cũng đừng nên cho phát tâm Bồ-đề rồi là điều đáng mừng và đủ mà còn phải rộng tu thắng hạnh tương ứng.

Hỏi: Bồ-tát tại gia tu hạnh như thế nào?

Đáp: Như Kinh Dũng Thọ Trưởng giả Vấn nói: Phật bảo: Trưởng giả! Bồ-tát tại gia tuy ở nhà mình nhưng thường tu hành hạnh của bậc chính sĩ (Bồ-tát) không phải việc làm của chính sĩ thì không làm. Đúng như pháp xử dụng, không dựa theo phi pháp. Trong gian khổ vẫn mong cầu chính mệnh mà tự sống không sống bằng tà mệnh. Không làm phiền nhiễu người khác. Tuy thường thọ dụng chỗ lợi ích của mình nhưng quán sát vô thường, rộng lấy pháp chân thật mà hành bố thí, xả bỏ hết, không bỏn sẻn; lo việc tôn kính cha mẹ; với vợ con, nô tỳ, người giúp việc cho đến bạn bè, trí thức, thường đem chánh pháp chỉ bảo cho nhau.

Còn thế nào là hạnh bất chính của Bồ-tát tại gia?

Như kinh Xuất Gia Chướng Nạn nói: Phật bảo Tôn giả Đại Danh: Ông nay nên biết: Những kẻ sinh ra bị mù, điếc, câm và Toàn-đà-la (kẻ bần cùng), người không biết vui, kẻ hay hủy báng, kẻ dua nịnh quanh co, kẻ không phải nam, kẻ thường là tôi tớ, kẻ chuyển thành thân nữ, lạc đà, lừa, heo, chó, cho đến rắn độc, những giống loại như vậy, nhiều đời nhiều kiếp sinh ra đều không yêu thích những điều dạy bảo của Phật.

Lại nữa, Đại Danh! Có bốn loại pháp là chướng nạn của Bồ-tát tại gia:

Một là, đối với những loại hữu tình đã từng gieo trồng thiện căn ở trước Phật và những người có tâm cầu xuất ly, người có tâm yêu thích Thánh đạo mà làm trở ngại thì đó là chướng nạn thứ nhất của Bồ-tát tại gia.

Hai là, vì tham đắm tiền của con cái quyến thuộc, không tin nghiệp báo. Trong thân quyến có người nam hoặc nữ hoặc vợ, hoặc con bỏ phú quý muốn xuất gia mà làm trở ngại những người này thì đó là chướng nạn

thứ hai của Bồ-tát tại gia.

Ba là, Bồ-tát tại gia hủy báng chánh pháp, tuy được nghe nhận những pháp chưa nghe nhưng nghe xong lại không tin và sinh hủy báng, đó là chướng nạn thứ ba của Bồ-tát tại gia.

Bốn là, đối với Sa-môn, Bà-la-môn đầy đủ giới đức nếu khởi tâm tổn hại và những ý lỗi lầm thì đó là chướng nạn thứ tư của Bồ-tát tại gia.

Bốn loại như vậy và những pháp chướng ngại khác biệt khởi lên, đều là chướng nạn của Bồ-tát tại gia cho đến nhiều đời kiếp.

Ví như có một người bị rớt vào giếng bẩn, bèn nói với những người khác: Thích ghê! Nước giếng này thật trong sạch! Những người khác nghe rồi cứ tưởng ở chỗ nước bẩn kia là trong sạch, không biết dơ bẩn, không thanh tịnh. Những loại hữu tình nhiễm dục cũng lại như vậy, tự mình vấy dính bùn dục còn dạy bảo khiến người khác cũng vấy dính, tự ngửi mùi thối rồi bảo người cũng ngửi, tự đọa trong chốn hiểm nạn tham sân si rồi bảo nhiều người cùng đọa.

Lại như có người chuốc lấy oán đối như ném vào hầm lửa, ngọn lửa này sáng mạnh cao bằng bảy lần thân người, không củi cũng không khói. Người nhiễm dục cũng lại như vậy, gần gũi nữ nhân, ca ngợi việc dục, đọa vào hầm lửa dục, lại dạy bảo người khác cũng đọa, làm cho người kia đọa rồi, bị bệnh, khổ, lo sầu thường bức bách. Lại như có người dạy bảo khiến người khác lên núi "mũi đao" để hưởng hoan lạc và nói: Núi này bằng phẳng không có nguy hiểm có thể lên núi để hưởng hoan lạc. Trong thế gian, cha mẹ yêu thương con cái cũng lại như vậy. Vì thương con nên giữ chặt nhiễm dục, mà pháp nhiễm dục thực sự rất xấu ác như rắn độc. Người có tâm nhiễm trước vợ người kia dùng lời đẹp đẽ ca ngợi sự dục. Ba nẻo ác, hiểm độc rất đáng sợ lại dùng lời hoa mỹ nói ngược là nẻo thiện. Người nói điều này đáng đọa trong các chốn địa ngục - ngạ quỉ - súc sinh.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 4

Như Kinh Nhật Tử Vương Sở Vấn nói: Phật dạy: Đại vương! Người nhiễm dục kia tham ái việc dục, thích gặp người nữ hành pháp nhiễm dục, không thích gần gũi bậc Sa-môn hoặc Bà-la-môn đầy đủ giới hạnh. Ganh tỵ chống trái, muốn dìm bậc có giới đức, làm hoại mất các pháp tín, giới, văn, xả, tuệ. Cửa nhà người ấy dơ bẩn, đầy ác khí, cấu uế, chảy tràn. Do khởi đắm nhiễm nên không sinh lòng chán bỏ chỗ dơ bẩn ấy, cùng loại với giun, sâu bọ, đó không phải là chỗ nương dựa, không biết hổ thẹn. Pháp trời, pháp người đều mất, thân mệnh tàn tạ. Người trí thì xa lánh chán bỏ, bị người nữ lôi kéo, theo làm tôi tớ, lấy những món bất tịnh như nước dãi, nước mắt, nước mũi làm mùi vị. Ở trong cảnh vật bất tịnh cùng đi chung với bầy bò dê gà heo cáo lừa, đối với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thì xa lìa sự hiếu kính; với Phật - Pháp - Tăng giảm thiểu lòng tịnh tín, đáng đọa vào cõi địa ngục - ngạ quỉ - súc sanh, chỗ hiểm ác đáng sợ, như leo cây thiết xoa cạnh bờ vực thẳm, đọa vào địa ngục lớn Đẳng, Hoạt, Hắc thằng, Chúng hợp, Hào khiếu, Đại hào khiếu, Viêm nhiệt, Cực viêm nhiệt và địa ngục A-tỳ. Tất cả đều do cùng phụ nữ hợp bạn, yêu nhớ, vui đùa, cười giỡn ca múa hát hò… thường nghĩ nhớ những việc như vậy mà không nghĩ tưởng việc xuất ly. Lại không nghĩ nhớ công cha mẹ sinh dưỡng thật là khó nhọc, mười tháng mang thai đầy bất tịnh, cam chịu khổ sở với những khó khăn. Đến lúc sinh xong còn tăng thêm ưu não: Bú mớm thương yêu, nâng niu nuôi nấng. Cho đến lúc khôn lớn dạy dỗ biết bao sự nghiệp trong cõi Diêm-phù-đề mong muốn cho con được yên ổn lợi lạc. Rồi muốn con an vui, cha mẹ lại kén chọn trong giới thượng lưu để cưới vợ cho con. Có vợ rồi người con sinh tham ái, say đắm, cuồng mê vào vợ nên quên hiếu dưỡng cha mẹ, lại còn khinh mạn ruồng bỏ. Sau đó cha mẹ tuổi già suy yếu, các căn bạc nhược, nhiều chỗ thiếu khuyết, người con bèn nghĩ cách đẩy cha mẹ ra khỏi nhà.

Phật bảo: Đại vương! Ông hãy xem người con trai đó không có lòng thương xót, lại sinh lòng tổn hại, từ bỏ không nghĩ tới sự nuôi dưỡng khó khăn của cha mẹ mà bậc cha mẹ ấy luôn làm những việc nhằm đem an ổn

hạnh phúc cho con. Người con bội bạc đuổi cha mẹ ra khỏi nhà rồi thì tùy ý ăn mặc vui chơi với vợ con. Do nhân duyên này, bỏ chốn thiện làm chuyện phi pháp quyết định đọa vào nẻo ác.

Lại nữa, nói về tất cả hữu tình chung làm tà hạnh, chỉ có bậc Bồ- tát là không làm. Đó là làm những việc như giết hại, trộm cắp tà dục v.v… Làm những việc như vậy quyết định phải nhận quả không lành.

Trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có kệ:

Kẻ ngu mê đắm những việc dục Gần gũi phụ nữ vấy bẩn thân Phải quay hướng về trong chỗ uế Tùy nghiệp đọa vào các nẻo ác.

Phật không khen ngợi sự nhiễm dục. Cũng không cho phép gần nữ nhân Rất đáng sợ chỗ ràng buộc chặt

Dây buộc sắc dục rất bền, ác. Dục như lửa dữ nên lìa xa

Như lìa rắn độc, người trí rõ: Không tin, không thể dựa nữ nhân Người trí phải thấu hiểu lý này, Nên quán đạo Bồ-đề tối thắng Tức là gần gũi chỗ Phật trước Quán Bồ-đề tức Thánh đạo đủ Đạt được trí vô thượng của Phật.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: Trong địa ngục có những tội nhân, hàng ngày ngục tốt luôn bảo: Tội nhân các ngươi tự tạo nên nghiệp ác, nên tội tùy theo nghiệp tạo chắc chắn không mất. Các ngươi đã hành vô số loại nghiệp bất thiện nay phải chịu vô số loại khổ cũng như vậy. Nhân như vậy thì quả không khác. Gieo giống nào thì gặt quả loại ấy. Do vậy, nay tội nhân các ngươi phải đọa trong địa ngục Viêm nhiệt. Trước đã tự tạo nhân bất thiện quá nhiều, nay phải nhận quả bất thiện cũng đầy đủ như vậy. Trải qua trăm ngàn năm như thế để trả nghiệp, tại cõi không chết không có dục lợi lạc. Khi tội nhân chịu tội ở địa ngục đã đủ, lúc được tạm tha liền cầu cứu hộ. Tội nhân thấy xa xa như đám mây đen cực lớn tối mịt hết sức hung dữ. Lại thấy vị đại lực cầm chĩa kim cang, dẫn một bầy chó dữ lớn đến bao vây cắn sủa. Tội nhân thấy vậy chạy trốn bốn hướng, nhưng bầy chó đã tiến đến bắt tội nhân cắn xé ăn nhai mặc sức, da thịt lìa ra từng mảnh, gân mạch đứt đoạn, thân thể tay chân xương cốt tất cả đều đứt vụn. Bầy chó ăn sạch mọi phần thân không còn một miếng vụn dù như hạt cải. Bị ăn hết rồi, nhưng sức nghiệp còn lôi kéo nên sinh trở lại, lớn lên lại bị ăn thịt. Phàm những nghiệp như vậy là do giết hại loài hữu tình để lấy thịt ăn nên bị quả báo như thế.

Tiếp nữa là nghiệp báo về tội trộm cắp. Như tội nhân kia tuy thấy biết tác nghiệp chân thực thì có quả báo, nhưng do nghiệp ác lôi kéo làm huyễn hoặc mê lầm không thấu hiểu bèn chiếm lấy của cải người khác làm của

mình. Do tội này nên ngục tốt bắt giữ tội nhân rồi lấy dao sắc cắt xả đứt lìa từng khớp. Đứt rồi lại hợp. Thấy như vậy các tội nhân khác đều chạy trốn. Đám ngục tốt đều bắt giữ lại, cầm kiếm bén hoặc Thước-cát-đế hoặc Đô-ma-la hoặc lại dùng chày đâm giã. Những khí giới này đều có lửa mạnh, ngục tốt dùng khí giới ấy để chém, chặt, đánh, giã làm đủ mọi thứ trị tội những kẻ trộm cắp đó đều là quả báo hành nghiệp trộm cắp bất thiện. Trải qua vô số trăm ngàn năm ở tại địa ngục này cho đến khi nghiệp quả trộm cắp tan hết, dứt tận, mới được phóng thích.

Lại nữa, nói về quả báo của tà dục. Người nhiễm dục thấy người nữ kia ở địa ngục sông tro, như nổi như chìm, kêu la sợ hãi, mà địa ngục ấy đầy lửa cháy dữ dội, hình trạng như dòng chảy. Lúc đó người nữ than khóc bi lụy, gọi người nhiễm dục nói: Tôi tự gây nghiệp nay đọa nơi địa ngục sông tro này là chốn rất hiểm ác, không chỗ cậy giúp, xin hãy giúp đỡ. Kẻ nhiễm dục nghe tiếng người nữ kêu khóc, do nghiệp si mê huyễn hoặc liền nên chạy vào trong dòng sông tro. Người đó vào trong ấy liền bị dòng lửa cháy trôi chạm thân thể chảy tan không còn sót chút nào, nhưng do sức nghiệp duy trì, nên người nhiễm dục sống lại, lại thấy người nữ kêu cứu trong sông tro như trước, lại chạy đến kéo người nữ. Lúc này người nữ tóm lấy anh ta, lấy sắt cháy rực làm gậy mà đánh mà nện. Người này bị đánh máu chảy đầy khắp toàn thân vỡ nhừ, nát vụn không thừa một chút nhỏ. Lại do sức nghiệp duy trì nên người nhiễm dục sống lại. Vì nhân nhiễm dục nặng nên lại đến kéo người nữ trong dòng sông tro. Qua vô số trăm ngàn năm, cho đến khi nghiệp quả nhiễm dục tan hoại hết, lúc đó mới được phóng thích, rồi được sinh lại nơi như kinh đã nói rộng.

Nghĩa này nên biết: giàu có tiền tài và sống thọ cũng đừng cố chấp, say đắm, sinh tâm cố chấp, say đắm cũng tức là tà hạnh.

Như Kinh Thắng Quân Vương Sở Vấn có nói: Phật dạy: Đại vương! Cũng như người nam hay nữ ở thế gian, trong mộng thấy rừng vườn dễ thương, núi dễ mến hoặc thấy đông đảo người dễ thương tụ họp, đến lúc tỉnh giấc tất cả đều không có. Đại vương! Cũng như rừng cây ăn quả, thân gốc cành lá lúc đầu xanh mượt, sau biến đỏ dần, thứ tự ngậm nhụy ra hoa. Hoa nở không lâu liền kết quả. Quả rụng cây suy tàn sau thấy xơ xác, như lúc trước hoa quả đều không có. Nay Đại vương cũng giống như vậy: vua trong thế gian sở hữu mọi vui sướng, vui sướng vì sự giàu mạnh của vua, vui theo năm dục của vua. Rộng ra còn có voi, ngựa, xe cộ, kho lẫm, tiền thóc lúa, cung điện, vườn hoa, vàng bạc, châu báu, quan phụ tá, tể tướng, hoàng hậu, cung phi, đồng nam đồng nữ cho đến hoàng tộc các nhánh…,

tất cả những thứ như vậy đều nên rời bỏ, nên cầu xuất ly. Mọi thứ đó đều vô thường, không chắc bền, không có cứu cánh. Đó là pháp biến dịch, không chân thực, không trụ lâu, là biến động, là lung lay, tan hoại từng sát na, rốt cuối là tội, là hết, là mất.

Đến tận cùng biên vực đó là pháp giảm mất, đáng sợ đáng buồn, sinh nhiều khổ lo, là tổn, là đọa, là đoạn, là phá, là pháp lìa tan.

Đại vương! Nên biết là như vậy. Lại cũng như từ bốn hướng có bốn núi đi đến. Núi này chắc, bền không bị phá khuyết. Có núi Diệu Phong tròn đầy một khi từ hư không rơi xuống, lúc ấy, tất cả hữu tình cho đến cả rừng rậm và cây cỏ trên đất đều bị hủy nát, các loài hữu tình và cây cối đều không thể tránh thoát. Cho dù có sức mạnh cũng không thể chạy trốn. Lại không có phương thuật và tác dụng nào để ngăn cản.

Đại vương! Bốn thứ sợ hãi lớn lần lượt cùng đến cũng như vậy, tất cả hữu tình đều không thể chạy trốn. Dù có sức mạnh cũng không thể chạy trốn, lại không có phương thuật và các tác dụng để ngăn cản. Những gì là bốn?

Đại vương! Sợ già đến phá hoại mất tướng thiếu niên. Sợ bệnh đến hủy hoại mất sự an lạc. Sợ chết đến hủy hoại mất thọ mạng. Tà hạnh sinh khởi hủy hoại mất chính hạnh.

Đại vương! Lại như sư tử là vua trong loài thú, nếu vào bầy thú khác bắt một con ăn thịt không có gì là khó. Nhưng, tuy có sức mạnh lớn, nếu sư tử sa vào móng vuốt loài chim bay đại ác không còn chút tự tại liền bị ăn thịt hết không sót.

Đại vương! Người chết vì tên độc cũng lại như vậy. Bị trúng tên ấy, là bị mê loạn không người cứu, không chỗ nương về, chân tay dứt rời, máu thịt khô kiệt, khát khổ bức bách, mặt mày run sợ, chân tay quờ quạng không chút sức lực. Dãi, đờm, nước mắt, nước mũi chảy, tiểu đại tiện ô uế tự ra nhiễm bẩn thân. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các thức đều tê liệt. Cổ họng đầy nghẹn muốn nói mà không nên lời; thầy thuốc bó tay không phương chữa trị. Các thức ăn uống làm sao nuốt trôi? Lúc ấy, người này theo nghiệp lực của mình sắp sang cõi khác. Từ vô thủy đến mai sau, sinh, lão, bệnh, tử lưu chuyển luân hồi tuần hoàn mãi chẳng dừng. Thức này vừa bỏ, thức khác đã thay vào. Mệnh này còn nghiệp còn giữ có thân. Ngục tốt cõi Diêm ma thật đáng sợ, thường ẩn trong đêm dài tăm tối. Lúc sắp bỏ thức hơi thở dần nhỏ yếu. Đơn độc một mình, không bạn bè, không chỗ nắm giữ, cõi này đã hết, cõi khác tức chuyển. Trên đường dài rộng lê thê lẻ loi cất bước trong chốn đáng sợ nên rất sợ hãi, ẩn sâu theo đường, núp lén bước đi. Vào chốn

đen tối đầy hiểm trở, gian nan, chìm đắm trong biển lớn sanh tử trôi theo dòng chảy rộng dài. Gió nghiệp thổi là bay phất phơ vô định chẳng biết phương hướng, chẳng biết về đâu. Lúc đó không có ai giúp đỡ cũng không có chốn để quay về.

Phật nói: Đại vương! Chỉ trừ pháp thiện, chính lúc này là chỗ nương dựa quay về, là sự cứu giúp. Đại vương! Tất cả pháp giàu có sung sướng của thế gian đều không có gì là được, nên đừng sinh đắm giữ. Mọi chỗ làm đều là tà hạnh. Do đó Đại vương nên tu chính hạnh.

Nói về chính hạnh, như phẩm Chân Thật nói: Nhà vua, nếu thực hiện tám loại hạnh tưởng thì đó là việc giúp đời tương ưng chánh pháp. Những gì là tám loại?

Một là: Những người cô độc trơ trọi không con cái trong thế gian, khởi tưởng là con cái.

Hai là: Giúp đỡ bạn ác, tưởng như người bệnh.

Ba là: Thấy kẻ khổ sở khởi tưởng cứu giúp.

Bốn là: Thấy những người vui khởi tưởng hoan hỷ.

Năm là: Với những oán đối, theo đó mà quán nhân duyên khởi tưởng tránh lầm lỗi.

Sáu là: Đối với bạn tốt khởi tưởng tùy thuận giúp đỡ. Bảy là: Thấy cảnh giàu vui khởi tưởng là thuốc men. Tám là: Thân mình thì khởi tưởng vô thường.

Lại như Kinh Phá Ác Tuệ nói: Một vị vua, nếu đầy đủ bốn loại pháp, nên thọ pháp quán đảnh của vua, tức thành tựu được pháp bất thối, chóng được Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác thương nghĩ, được giàu có, vui nhiều.

Bốn pháp là những gì?

Một là: Hộ trì giáo pháp của Như Lai khiến chánh pháp trụ dài lâu.

Hai là: Xả bỏ tội hành pháp bất thiện.

Ba là: Thâu giữ ba pháp môn Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Bốn là: Phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Xả bỏ tội hành pháp bất thiện nói nơi đây nghĩa như thế nào? Phẩm Nhật Tạng nói: Phật bảo: Này đại vương! Thời vị lai ở thế gian trong các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà, đối với người tu hành chánh pháp có những vật sở hữu như nhà cửa ruộng đất, nô tỳ, giường chiếu

bàn ghế, thuốc men cho đến bốn thứ cần đủ, nếu xâm đoạt những vật như vậy, hoặc tự mình dùng hoặc cùng người khác dùng, thì những người Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà này... phải nhận lấy hai mươi pháp không thể yêu thích ở đời này. Những gì là hai mươi pháp?

Một là: Bậc Hiền Thánh lại bỏ.

Hai là: Bị báng bổ chê trách ở mọi nơi.

Ba là: Bạn thân yêu xa lìa.

Bốn là: Sinh nhiều oán, đối.

Năm là: Mọi thứ tiền bạc của cải đều bị phá hoại.

Sáu là: Sinh nhiều tán loạn.

Bảy là: Thân phận hèn kém, thiếu thốn.

Tám là: Không được ngủ nghỉ an ổn.

Chín là: Bị đói khát, buồn phiền luôn bức bách.

Mười là: Trong thức uống có độc.

Mười một là: Bạn bè khinh khi.

Mười hai là: Hay cãi cọ với người.

Mười ba là: Cha mẹ, vợ con, nô tỳ, quyến thuộc đều không nghe lời chỉ bảo.

Mười bốn là: Điều bí mật và của cải bí mật của mình bị người khác phơi bày.

Mười lăm là: Người bí mật và sự việc bí mật của mình đều bị người khác nói ra.

Mười sáu là: Của cải tiêu tan quy về năm phần.

Mười bảy là: Bệnh nặng bệnh nhẹ luôn đến xâm hại bức bách.

Mười tám là: Hết lòng với thầy thuốc, nhưng về sau đều rời xa.

Mười chín là: Máu thịt khô cạn, chịu đủ thứ khổ não

Hai mươi là: Thân thể đầy nước, tiểu tiện lẫn đại tiện tự xuất nhiễm bẩn rồi mất.

Đại vương: Đó là hai mươi pháp không thể yêu thích. Những người kia quyết định đời này sớm chịu, đều do xâm đoạt của cải vật dụng của người tu hành chánh pháp, tự mình dùng hay cùng người dùng. Do nhân duyên này khi mệnh chung phải đọa vào địa ngục lớn A-tỳ. Hết một kiếp, khát uống nước đồng, đói nuốt sắc cục, người khoác áo lửa, chịu lớp lớp các khổ lớn như vậy. Hết kiếp, ra khỏi địa ngục lại sinh vào loài ngạ quỉ, ở nơi xa vắng hiểm ác, đất đai khô cằn, bốn phương gió nóng thổi mạnh, đất

thì cứng rắn như mũi dao, trải qua vô số trăm ngàn năm chịu cõi khổ ấy. Cuối sau, tạm thời hay thân nơi cõi ấy diệt, lại hóa thành một khối thịt ở trong biển lớn, to một trăm do tuần. Đó là do nghiệp nhân từ trước nên nay nơi biển lớn ấy, khoảng một trăm do tuần đều biến thành nước đồng sôi sục. Như vậy trải qua nhiều trăm ngàn năm chịu cái khổ địa ngục nơi biển cả. Khi thân nơi xứ ấy diệt lại sinh về xứ ác hiểm ở nơi đồng trống hoang vắng hóa thành cục thịt to như hòn núi, chung quanh bốn hướng gió lửa thổi mạnh, các loài thú, chim từ khắp nơi ào đến rúc rỉa thịt ăn. Qua một thời gian dài, hoặc cục thịt tạm diệt lại sinh vào địa ngục lớn, chịu hết quả báo khổ ác, sau đó mãn một kiếp mới được làm thân người. Tuy được sinh ở cõi có Phật nhưng đầy năm trược, rỗng không không có chút trí tuệ, mắt kém lại câm điếc. Đại vương! Phàm quả báo như vậy đều do tội xâm đoạt tiền tài vật dụng ở nơi người tu hành chánh pháp.

Như Phẩm Nguyệt Tạng có nói: Các nhân giả! Người xuất gia trong pháp Ta gây tạo tội lớn, đó là: những nghiệp bất thiện rất nặng như: giết hại, trộm cắp, hạnh tà dục, vọng ngữ v.v… Từ nơi chốn của hàng Sát-đế-lợi cho đến châu thành, xóm làng, chỗ quan, đối với trú xứ của người xuất gia như chùa chiền, tịnh xá nơi các đô thị thường hành pháp ngăn cấm, trục xuất khỏi chỗ ở, hoặc ngăn cấm bằng lời nói thô ác chê trách, hoặc dùng roi gậy đánh đập nơi thân. Tất cả những chốn như vậy lần lượt xoay vần đều không thể giải thoát. Ở nơi cõi Trời, người có chỗ giảm mất, nên bị đọa trong địa ngục lớn A-tỳ.

Bấy giờ, tất cả chúng hội vốn từ các nơi chốn vân tập tới, chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na, tất cả đều phát tâm thanh tịnh tối thượng đối với Tam bảo, sinh lòng tôn trọng với vô số hình tướng và đều nói: Chúng con từ nay trở đi thề bảo vệ tất cả ngôn giáo của Đức Thế Tôn, đối với các chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di hiện có, cho đến những người phá giới Phật, thấp nữa cho đến những người ở trong pháp Phật không trì giới hạnh, chỉ xuống tóc đắp cà sa, không hề nhiếp tâm, thọ trì thì chúng con đều khởi tưởng như bậc thầy lớn, và đều hỗ trợ tất cả vật dụng cần thiết để nuôi dưỡng và giữ gìn. Hoặc tùy theo các nơi chỗ, hoặc có quan thuộc, đối với người đã xuống tóc, mang cà sa, với nhiều lý do dùng hình phạt xử trị thì những chốn ấy chúng con không hộ trợ, xả bỏ tất cả những sự vật nơi cảnh giới đó. Ở trong nước nếu xảy ra mọi thứ dối trá không thật, tranh giành giết hại, bệnh dịch, đói kém, giặc giã, mưa gió trái thời, hoặc sớm hoặc kéo dài khiến hạt giống hư hoại, dù có những việc não hại như vậy, chúng con cũng không ngăn chặn. Chúng con sẽ đến nước nào có đệ tử của Phật để hộ trợ. Còn cảnh giới nơi nước ấy chúng con xem như không

và rời bỏ.

Như Kinh Địa Tạng có nói: Phật dạy: Này Địa Tạng! Về thời quá khứ có nước tên là Bán-tả-la, vua hiệu là Tối Thắng Quân. Bấy giờ có người bị tội tử hình, để giữ mạng sống, người ấy cạo tóc, quàng cà sa vào cổ. Lúc người thi hành án bắt tội nhân trói gô lại, đem tới cuối đồi Khiết-lam-phược-ca trong rừng thẳm bỏ đó rồi về. Tối đến, trong đồi rừng có nữ La-sát tên Ác nhãn cùng năm ngàn quyến thuộc vào rừng, trông thấy người ấy bị trói gô, cạo tóc mang cà sa, thấy rồi đảnh lễ nhiễu quanh bên phải và đi khỏi rừng.

Tiếp theo, có nữ La-sát tên Khư-nị-la Tiêu-đế cùng với ngàn quyến thuộc, tiếp đến có nữ La-sát tên Tranh-nanh-phát, tiếp theo có nữ La-sát tên Kiếm-khẩu, lần lượt vào rừng. Các La-sát thấy người này cạo tóc mang cà sa, thấy xong, tuy rất đói nhưng không dám ăn thịt, đến đảnh lễ rồi đi khỏi.

Lại nữa, thời quá khứ có vua hiệu Tối Thắng Phúc, có vị quan mưu trí xử trị người phạm tội tử hình bằng cách đẩy cho voi say. Người phạm tội này dùng cà sa đỏ mặc kín nơi thân. Lúc voi say lấy vòi quấn quanh hai đùi tội nhân, dùng hết sức giơ lên định quật xuống đất, lúc đó voi chợt thấy phạm nhân có khoác cà sa. Thấy rồi liền sanh tâm thanh tịnh, để người ấy xuống đất, quì phục ở trước, khóc tạ lỗi, lại còn lấy vòi vuốt ve hai chân.

Phật bảo: Này Địa Tạng! Ông hãy xem, voi kia tuy thọ thân trong loài bàng sinh thấp kém, lúc thấy người khoác cà sa còn có thể bỏ đi, không tạo tội nghiệp, huống gì ở trong thế gian nơi đời vị lai có những hạng người ác trong giới quan thuộc, Sa-môn, Bà-la-môn, Trưởng giả, Chiên-đà-la vốn thực là ngu si, khởi kiêu mạn là thông minh, lấy lời quanh co dối gạt thế gian, nói: Ta là người cầu Đại thừa vô thượng ! Bọn họ là những kẻ hung ác ngu si không biết sợ, không quán xét thấy được quả báo của đời sau. Trong pháp của ta, nơi chỗ người xuất gia hoặc pháp khí, hoặc không phải là pháp khí, mà dùng vô số duyên xét tìm lầm lỗi, như lấy lời nói thô ác trách phạt thân, ngăn cản chỗ thọ dụng của thân. Lại ngăn cấm nơi những việc thế tục, hoặc dòm ngó sự chậm trễ, hoặc xem sự thừa hành tìm lỗi lầm để ngăn cấm, như vậy cho đến muốn làm hại mệnh người. Những người như thế, đối với tất cả chư Phật Thế Tôn ba đời sinh lỗi lầm rất nặng đáng đọa địa ngục lớn A-tỳ bị đốt cháy liên tục, diệt hết thiện căn, và tất cả người trí thường lìa xa.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 5

Như Kinh Địa Tạng nói: Lại nữa, hoặc có kẻ hung ác thuộc giới Sát-đế-lợi cho đến giới Trưởng giả, đối với những nơi chùa chiền, tăng phòng, vườn rừng, đài gác, ruộng đất, tài sản, vật dụng người hầu, quần áo, ăn uống, đồ nằm thuốc men, cây hoa quả cây hương, cây có bóng mát v.v… cho đến mọi loại đồ dùng được tạo lập hoặc sắm sửa cho Tăng chúng bốn phương mà tự mình xâm đoạt, hoặc bảo người xâm đoạt, để mình sử dụng hay cho người khác thọ dụng, đối với người xuất gia trong giáo pháp của ta, hoặc sinh tức giận mắng nhiếc ngăn cản, khinh chê, làm chướng nạn nơi chánh pháp, hoặc gây nhiễu loạn cho Pháp sư, những lỗi trên là lỗi cực lớn đối với chư Phật ba đời, cho đến tất cả người trí xa lánh.

Tiếp nữa, cũng trong kinh Địa Tạng Đức Thế Tôn dạy:

Các vị đại Bồ-tát đạt được pháp nhẫn nên thọ pháp Quán đảnh của hàng Sát-đế-lợi vương và thọ dụng giàu vui. Ta nói là được.

Bồ-tát Kim Cang Tạng thưa với Phật: Thưa Thế Tôn ! Nếu không phải Bồ-tát chứng đắc pháp nhẫn mà thọ pháp Quán đảnh của hàng Sát-đế-lợi vương thì phải đọa vào những nẻo ác nào?

Phật dạy: Này Kim cang Tạng! Nếu không phải là Bồ-tát đạt được pháp nhẫn, chỉ tu tập mười nghiệp thiện mà thọ pháp Quản đảnh của hàng Sát-đế-lợi vương, ta cũng cho là được.

Bồ-tát Kim Cang Tạng thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Nếu không phải là Bồ-tát đạt được pháp nhẫn, cũng không tu mười nghiệp thiện, mà là những kẻ hung ác Sát-đế-lợi, Chiên-đà-la, đối với giáo pháp sâu xa của Đức Thế Tôn làm giảm mất, thì bị đọa vào địa ngục lớn A-tỳ. Những kẻ ấy làm thế nào để được giải thoát?

Phật dạy: Này Thiện nam! Người thọ pháp Quán đảnh của hàng Sát-đế-lợi vương, nếu mặc áo giáp tín lực kiên cố, rộng sinh tịnh tín nơi Tam bảo, thì đối với pháp xuất ly của ba thừa không sinh hủy báng, cho đến một bài kệ bốn câu cũng không xem nhẹ, không nhiễu loạn đối với kẻ trì giới hay phá giới, cho đến những người chỉ xuống tóc đắp y không thọ tịnh giới,

trong chúng Tỳ-kheo cũng không gây rối loạn. Tất cả vật dụng của chúng Tăng hoặc của riêng từng người, hết thảy đều không xâm phạm, cản ngăn, thường nghe nhân chánh pháp xuất ly của ba thừa, theo chỗ nghe nhận mà tu tập tùy theo sức mình, thường gần gũi các Tỳ-kheo, nguyện lực vững chắc không khởi tâm chống trái, chỉ dạy trao pháp Đại thừa cho các loại hữu tình, khiến hướng vào, an trụ nơi pháp ấy. Nếu đầy đủ các tướng như vậy, thì đáng thọ pháp Quản đảnh của hàng Sát-đế-lợi vương, nên thọ phúc lạc rộng lớn, thọ dụng mà không bị lui sụt. Chư Phật đời trước đều chấp thuận, và nay ta cũng chấp thuận điều này.

Lại nữa trong kinh ấy nói: Nếu có hàng Sát-đế-lợi chân thiện, cho đến Trưởng giả chân thiện, đời hiện tại hay đời sau, cho đến sau năm trăm năm lúc pháp sắp diệt, hoặc tự mình, hoặc do người khác, đều làm hộ vệ trong giáo pháp thanh tịnh của Phật, giữ gìn kiên cố, lại an trụ nơi thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và Đại thừa. Những chúng sanh tu đầy đủ tịnh giới đức rộng lớn hoặc là pháp khí, hoặc là không phải là pháp khí cho đến chỉ xuống tóc đắp y đều được bảo vệ. Lại hộ trì chùa tháp và những vật hệ thuộc, tất cả khiến không bị xâm đoạt. Hoặc mình thọ dụng hoặc người thọ dụng, có người xâm đoạt liền ngăn cấm. Như vậy lượng phước là vô số vô lượng, không có giới hạn.

Lúc ấy, trong pháp hội, tất cả từ Thiên chủ cho đến Chúa quỉ Tất- xá-tả đều nói: Thưa Thế Tôn! Nếu có Sát-đế-lợi vương chân thiện cho đến Trưởng giả chân thiện, đầy đủ công đức như vậy, chúng con đều tạo mọi sự hộ trì và khiến có đầy đủ mười sự tăng trưởng. Mười sự đó là:

Một là: Tăng trưởng thọ mạng.

Hai là: Tăng trưởng thêm sự không nạn.

Ba là: Tăng trưởng sự không bệnh.

Bốn là: Tăng trưởng quyến thuộc.

Năm là: Tăng trưởng tài sản.

Sáu là: Tăng trưởng vật dụng cần thiết.

Bảy là: Tăng trưởng sự tự tại.

Tám là: Tăng trưởng danh xưng.

Chín là: Tăng trưởng, bạn lành.

Mười là: Tăng trưởng trí tuệ.

Chúng con cùng quyến thuộc bảo vệ vị Sát-đế-lợi vương ấy và cả đất nước. Có mười pháp khiến nên xa lìa để được bảo vệ. Mười loại là:

Một là: Chiến tranh với nước khác.

Hai là: Chiến tranh trong nước.

Ba là: Những người tạo nghiệp tội.

Bốn là: Những người sát hại.

Năm là: Mưa trái thời.

Sáu là: Gió dữ, nóng bạo.

Bảy là: Tinh tú xấu ác

Tám là: Đói kém.

Chín là: Chết yểu bệnh dịch.

Mười là: Tà kiến.

Trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: Phật dạy: Nếu các Thiên, Long, cùng Dạ-xoa v.v… làm người hộ trì trong giáo pháp Ta, thì đó là những thí chủ lớn, khiến pháp nhãn của Ta trụ lâu dài, khiến hạt giống Tam bảo không dứt mất. Những người con từ nơi miệng của Ta sinh ra, theo pháp hóa sinh ra, đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam nữ và những thiện nam thiện nữ tịnh tín vì pháp Thắng nghĩa đế cho đến cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, tất cả đều được hộ trì. Nay ta phó chúc nơi các ông, những vị Thiên Long, Dạ-xoa, những thí chủ lớn và các bậc Bồ-tát Ma-ha-tát trong Hiền kiếp như Bồ-tát Từ Thị v.v… như lời truyền dạy của Ta đều nên tạo sự hộ trì.

Nếu người muốn an trụ tu hành chánh pháp, tức được tâm thiện. Làm thế nào đạt được tâm thiện? Như kinh Bảo Vân nói: Bậc Bồ-tát được tâm thiện, thế nào gọi là tâm thiện? Đó là nếu nơi thân tâm có thể xả ly, tức được tâm thiện. Nên sinh tâm như vậy và quán xét kỹ xem pháp nào là chỗ hành của tâm ta, và lấy cái gì để gọi là thiện? Nếu tâm hành thiện tức tâm vui thanh tịnh, do tâm vui tức là hành thiện, nên có thể xả bỏ nhiều loại, có thể khởi nhiều ý xét về pháp không thiện rồi dứt trừ hết.

Kinh A-xà-thế nói: Các bậc Bồ-tát không nên sinh tâm như thế. Nếu tâm có chỗ sinh tức để các loại ma có chỗ lợi dụng, chư Phật Như Lai cũng không thích muốn, bậc Hiền Thánh cũng không sinh tâm mừng từ nơi gốc thiện phân chia ra rồi giảm mất. Nếu tâm sinh mà không có chỗ sinh thì ma ác không có chỗ lợi dụng, chư Phật Như Lai cũng đều vui thích. Tâm bậc Hiền Thánh vui là phần của gốc thiện cũng không giảm mất. Nếu tu hành như thế tất có thể sinh tâm ở tất cả nơi, sinh tâm chuyển pháp luân giảng nói pháp mà không bị tạp loạn.

Kinh Khai Phát Nội Tâm nói: Phật dạy: Này Từ Thị! Nếu các Tỳ-kheo có chỗ nói tạp loạn, tuy nghe học nhiều mà lại sinh kiêu mạn, sai lầm,

mê say, quên mất, nội tâm tán loạn nên không chuyên chú. Tâm dua nịnh quanh co ấy nối tiếp sinh khởi, xa rời Xa-ma-tha (chỉ) Tỳ-bát- xá-na (quán) không được người tôn trọng, Thiên Long, Dạ-xoa cũng không tùy thuận, tuy là tu chính hạnh nhưng không được thành tựu. Nếu đối với chỗ hành, tất cả đều không có chỗ thủ đắc, đó là chính hạnh. Nếu muốn biết rõ chỗ chính hạnh tức phải siêng năng tu tập, nghe nhiều và tọa thiền.

Lại nữa, trong kinh kia còn nói như vầy: Nếu có bậc Bồ-tát siêng năng tu thắng hạnh, làm tổng lĩnh, xây tháp đẹp bằng bảy báu khắp cả tam thiện đại thiên thế giới, thì Ta cũng không chấp thuận. Nhưng nếu có người nghe nhận chánh pháp từ một bài kệ gồm bốn câu tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật, Ta sẽ tôn trọng khen ngợi người này. Vì sao vậy? Vì đa văn có khả năng sinh Bồ-đề của chư Phật, lại từ thế gian không chấp giữ tham vướng mà sinh. Nếu có bậc Bồ-tát siêng năng tu thắng hạnh là tổng lĩnh, nên vì người thuyết pháp giảng đạo. Bậc Bồ-tát với những giảng dạy khiến người chấp chặt nơi pháp không còn chấp chặt, thâu được lượng phúc rộng lớn vô lượng và tiêu tan nghiệp chướng.

Này Từ Thị! Giả sử hết cõi Diêm-phù-đề các Bồ-tát đều siêng năng tu thắng hạnh làm tổng lĩnh, thì những Bồ-tát ấy nếu siêng năng tu một hạnh, thuyết pháp giảng nói truyền trao mới là chỗ thừa sự cúng dường.

Lại nữa, nếu cả cõi Diêm-phù-đề các Bồ-tát đều siêng tu, thuyết pháp giảng truyền, thì Bồ-tát siêng tu một hạnh, tọa thiền mới là chỗ thừa sự cúng dường. Nếu được như vậy, Phật sẽ chấp thuận và cũng tùy hỷ. Vì sao vậy? Vì sự nghiệp trí tuệ khó hành bậc nhất là tối cao tối thắng trong ba cõi. Lại nữa tuyên thuyết hạnh trì chánh pháp, như Kinh Bảo Tích nói: Phật dạy: Này Ca-diếp! Ví như có một chủ buôn muốn ra biển lớn tìm vật báu vô giá, trước phải xem xét về thuyền bè vững chắc, cho đến chỗ có châu báu rồi lúc quay về nhà mình. Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát cũng như vậy. Muốn vào biển Nhất thiết trí, trước phải quán sát siêng tu sáu Ba-la-mật, cho đến khi vượt qua tất cả địa vị ngu phu, phàm tục, Thanh văn, Duyên giác, sau cùng trụ nơi quả vị Phật.

Kinh A-Xà-Thế nói: Phật dạy: Đại vương! Gốc rễ của tâm Nhất thiết trí không dứt đoạn, Gốc rễ như vậy phải nhắc nhở siêng năng chỉ dạy tinh tiến, bố thí không chán đủ lấy đó để hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Trì giới không ngừng dứt, để hồi hướng tất cả hữu tình, nhẫn nhục không ngừng dứt để cầu sắc tướng Phật. Tinh tiến không ngừng dứt để siêng năng tu tập thiện căn. Thiền định không ngừng dứt để tương ưng với sở duyên. Trí tuệ không ngừng dứt để khéo phân biệt tất cả các xứ. Vì làm lợi pháp, nên an

vui, giàu có, sống lâu ở tất cả nơi đều không có lỗi. Còn người tu chính hạnh cần khởi tâm bình đẳng đối với tất cả loài hữu tình.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: Phật dạy: Đồng tử! Bậc đại Bồ-tát nên đầy đủ một pháp. Người thành tựu công đức này tức chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thế nào là một pháp?

Đồng tử! Nghĩa là Đại Bồ-tát khởi tâm bình đẳng đối với tất cả loài hữu tình, khởi tâm lợi ích, tâm không chướng ngại, tâm không độc. Đó là một pháp. Nếu muốn tu hạnh chánh pháp nên cần xả bỏ những sự về lợi dưỡng.

Kinh Khai Phát Nội Tâm nói: Nên quán xét suy nghĩ những lợi dưỡng, vì sự vướng víu của lợi dưỡng làm mất chánh niệm, lúc tánh si nổi lên thì chỉ thành tựu về lợi cho mình. Lúc tánh dua nịnh dối quanh khởi lên thì không thuận theo lời dạy nhắc nhở của chư Phật. Lúc tánh ngã mạn cao ngạo khởi lên chỉ hoàn toàn chỉ vì gốc rễ hiểm ác.

Những loại như vậy đều làm hư hoại thiện căn. Người trí nên xem xét suy nghĩ về lợi dưỡng. Tuy hiện tại đang hưởng thấy có chỗ được nhưng quả lợi nơi đời sau đều không, vô lượng thiền định thảy đều xa lìa, sẽ đọa vào chốn địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh.

Người trí nên nghĩ xét về sự lợi dưỡng cũng như nước chảy trôi mãi không dứt. Xét nghĩ như vậy rồi liền sinh tâm ít muốn biết đủ.

Kinh Tạp A Hàm nói: Ví như có một bầy dê câm đi vòng quanh cây Ni-câu-luật-đà, trong bầy có một con dê câm một mình đi đến chỗ bầy nai trong núi, nơi người chăn nai ở, đến trước bầy nai ngúc ngắc đầu rồi quì xuống để xin ăn, cầu được giúp đỡ. Như vậy lúc trở về, những con dê khác sẽ khinh chê. Đây có hạng Tỳ-kheo ngã mạn, ca tụng sự lợi dưỡng cũng lại như vậy, khởi tâm không chán, rời khỏi chúng Tăng, vì miếng ăn mà một mình vào xóm làng thành ấp lần lượt khất thực cầu sự mời đón, được thức ăn tối thượng thanh tịnh, tự chia phần ăn rồi mang thức ăn về chỗ các Tỳ-kheo nói với họ: Các Tôn giả! Hôm nay, tội thọ nhận sự cúng dường tại nhà bạch y, được một bữa ăn rất mực thanh tịnh, nay tôi có thức ăn. Đây là pháp ăn lớn, đây là pháp xả, vị nào muốn ăn cứ tùy ý. Nói như vậy xong, trong chúng có Tỳ-kheo trẻ đều sinh tâm khinh mạn. Người trí nên biết: Người nói những lời thô thiển xấu xa như vậy đều là do những sự lợi dưỡng, như trong kinh đã nói rộng. Ở đây làm sao lìa tránh hai pháp dua nịnh, dối trá.

Kinh Vô Nhiệt Não nói: Có hai loại pháp chướng ngại cho tâm Nhất thiết trí, đó là: Dua nịnh, và dối trá.

Có hai pháp không làm chướng ngại: Một là chính trực, hai là không dua nịnh. Muốn thành tựu được các chính hạnh thường nên gần gũi các bậc thiện tri thức. Nhờ thiện tri thức mà thành tựu chính hạnh.

Trong những kinh nào nói điều này? Như Kinh Thắng Sinh Thắng Man Giải Thoát nói: Các bậc đại Bồ-tát nhờ nơi thiện tri thức mà lưu xuất tất cả pháp hành của Bồ-tát. Thiện tri thức có uy lực lớn, nên có thể làm thành tựu viên mãn bậc Bồ-tát. Thiện tri thức có thể sinh khởi tất cả thiện căn của Bồ-tát. Thiện tri thức có thể kết tập khắp tất cả chỗ hành trì, tu học của bậc Bồ-tát. Thiện tri thức là gốc rễ, có thể khiến tâm nhiễm của Bồ-tát trở thành thanh tịnh. Thiện tri thức có thể giữ gìn, làm tăng trưởng tất cả lượng phúc. Thiện tri thức là chỗ đáng yêu thích để thâu đạt tất cả Bồ-đề của Phật. Thiện tri thức có thể thâu giữ khiến các Bồ-tát không rơi vào cõi ác, không thoái chuyển nơi Đại thừa, không ra ngoài chốn học của Bồ-tát. Vượt ra ngoài lãnh vực của hàng phàm phu ngu dốt và cũng không xả bỏ pháp Thanh văn, Duyên giác mà còn tạo sự hộ trì. Thiện tri thức có thể khiến tất cả những kẻ mất đạo trở về chính đạo, với kẻ nghe chánh pháp thì khiến hiểu rõ, thâm nhập tất cả pháp của Phật. Thiện tri thức như mẹ, có thể khiến tất cả sinh nơi nhà Phật. Thiện tri thức như cha, rộng vì các loại hữu tình làm lợi ích về sự sống, tài sản. Thiện tri thức như mẹ nuôi, khéo giúp tất cả khiến xa rời tội nghiệp. Thiện tri thức như người đầy tớ lao nhọc, có thể vào biển sanh tử đầy phiền não để cứu hộ. Thiện tri thức như kẻ lái đò liên tục chở loài hữu tình đến chốn báu lớn trí Nhất thiết trí. Những người tu chánh hạnh, nếu muốn đến chỗ thiện tri thức nên nghĩ như vậy, khiến thân tâm được thanh tịnh, siêng năng dũng mãnh. Tâm phải như đất mới có thể gánh vác những gánh nặng. Tâm như nô bộc, tùy chỗ chỉ dạy khiến đều làm theo. Tâm ấy như con chó, thường cảnh giác sủa vang để ngăn, giữ. Phải quán thân mình như bệnh nhân, Thiện tri thức như thầy thuốc, pháp dạy như thuốc, hành theo điều chỉ dạy như trừ bệnh. Tưởng như vậy rồi, nhờ nơi thiện tri thức mà tâm sâu xa được thanh tịnh. Dựa theo chỗ chỉ dạy của thiện tri thức mà khéo tu hành, tức có thể tăng trưởng tất cả thiện căn. Cũng như tất cả cỏ thuốc, rừng cây đều nương dựa vào núi Tuyết, nương dựa vào thiện tri thức cũng lại như vậy, có thể thành tựu tất cả các pháp Phật, thành pháp khí lớn. Lại cũng như tất cả dòng sông đều qui về biển lớn, bậc Bồ-tát cũng do nơi thiện tri thức, theo đó mà xuất sinh, tức được thành tựu viên mãn tất cả pháp hạnh của Bồ-tát và tất cả pháp Phật.

Như Kinh Bảo Tích nói: Phật dạy: Này Ca-diếp! Như người đi thuyền vào biển lớn, giữa dòng bỗng nhiên thuyền bị hư hoại. Lúc đó, hoặc nương

tựa nơi một mảnh ván hoặc cây cột nào còn lại, theo đấy mà được đến bờ yên ổn. Ca-diếp! Thuyền tâm Nhất thiết trí của thừa Bồ-tát cũng lại như vậy, bỗng nhiên giữa dòng bị mất pháp của Bồ-tát thừa, nếu gặp thiện tri thức và nương dựa theo thiện tri thức tức lại được tâm Nhất thiết trí, dựa các pháp Ba-la-mật-đa chở đi cho đến bến bờ pháp giới.

Này Ca-diếp! Có được pháp nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng là thảy đều nương vào thiện tri thức. Do đó, sự cúng dường, thừa sự nơi thiện tri thức là tối thượng, dù khi Phật tại thế, hay sau khi Phật nhập Niết-bàn cũng nên siêng năng thực hiện, thì được viên mãn vô lượng hành phước quả báo rốt ráo được thành tựu. Như Kinh Hoa Tích nói: Nếu thấy Như Lai hiện pháp Sư tử diệu dụng, thấy rồi liền phát tâm thanh tịnh và cúng dường. Lại sau khi Phật nhập Niết-bàn, thu giữ hạt xá-lợi dù nhỏ như hạt cải để cúng dường, như vậy chỗ được quả báo đều bằng nhau, trong đó cũng không có các thứ sai biệt.

Như Kinh Đại Bi nói: Phật dạy: Này A-nan! Nếu có người cúng dường khi ta hiện tiền, có một giá trị thế nào thì người cúng dường xá- lợi như hạt cải khi ta nhập Niết-bàn rồi cũng giá trị như vậy. Lại nếu có người tạo dựng bảo tháp, theo như trong giáo pháp của ta, cũng có giá trị như thế. Hoặc có người chỉ lấy một cành hoa tung rải trong không, để quán tưởng cúng dường chư Phật, ta nói người này từ thiện căn ấy cuối cùng sẽ chứng đắc quả đại Niết-bàn.

A-nan! Nói tóm lại, thấp cho đến trong loài bàng sinh, các loài hữu tình nếu biết tưởng niệm chư Phật, ta nói những hữu tình đó từ thiện căn ấy, rốt cùng cũng thành tựu quả đại Niết-bàn. A-nan! Ông quán nơi Phật Thế Tôn, những việc làm nào thực hiện là lớn nhất? Phát tâm thế nào là uy lực lớn? A-nan! Nếu một người chỉ có thể một lần xưng niệm Nam Mô Phật-đà-da, thì đó là thắng nghĩa. Vì sao? Nghĩa là Phật Thế Tôn đầy đủ danh xưng đại bất không. Nghĩa bất không này tức là Nam mô Phật-đà-da. Lấy một chút thiện căn dù cực ít, theo chư Như Lai thì cũng không hoại mất, thấp hơn cho đến một phát tâm thanh tịnh, tất cả tâm ấy cuối cùng đều chứng đắc Niết-bàn.

A- nan! Cũng như người câu cá muốn câu cá trong ao lớn, bèn thả mồi câu trong nước. Cá bèn mon men lặn đến tìm ăn. Lúc đó ngư ông biết cá đã đến, lớp lớp vững vàng, từ từ sâu chắc, thâu dây theo cần. Đã được cá rồi trở về đất liền, tùy theo ý thích mà sử dụng. Tất cả các loài hữu tình trên thế gian cũng lại như vậy. Trước phát tâm thanh tịnh nơi Phật Thế Tôn, gieo trồng căn lành cho đến sinh khởi tịnh tín, vậy mà những hữu tình ấy

sau lại làm ác, gây nghiệp chướng để sinh ở xứ nạn. Về sau mới gặp được Phật Thế Tôn, dùng trí Bồ-đề và dây câu bốn nhiếp cứu độ kẻ hữu tình ra khỏi dòng sinh tử, về bờ Niết-bàn.

Kinh Hải Long Vương Vấn nói: Phật dạy: Long chủ! Chư đại Bồ- tát nếu đầy đủ tám pháp thì thường được không lìa rời chư Phật. Tám pháp là gì?

Một là: Chỉ dạy quán ảnh tượng Phật.

Hai là: Thừa sự, nối tiếp lo việc Như Lai.

Ba là: Thường khen ngợi Như Lai.

Bốn là: Tạo hình tượng Phật.

Năm là: Chỉ dạy quán sắc tướng Phật.

Sáu là: Theo cõi của vị Phật nào, nghe xưng danh vị Phật ấy, tức ở trong cõi vị Phật đó phát sinh nguyện thù thắng.

Bảy là: Không sinh tâm thấp kém.

Tám là: Khởi tâm rộng lớn cầu trí tuệ Phật.

Như Kinh Bồ-Tát Tạng nói: Nếu có thể làm nghiêm tịnh tháp miếu của Như Lai thì sẽ đạt được bốn loại thệ nguyện tối thượng thanh tịnh. Bốn loại ấy là gì?

Một là: Đạt được thệ nguyện thanh tịnh nơi sắc tướng tối thượng.

Hai là: Thệ nguyện thanh tịnh đầy đủ các tướng tối thượng.

Ba là: Thệ nguyện thanh tịnh tu tập kiên cố tối thượng.

Bốn là: Thệ nguyện thanh tịnh tối thượng quán thấy Như Lai.

Kinh ấy cũng nói: Nếu ở nơi tháp miếu của Như Lai rải hoa, xoa hương để cúng dường, người này sẽ thu được tám loại pháp bất hoại. Tám loại ấy là gì?

Một là: Sắc tướng không hoại.

Hai là: Niềm vui không hoại.

Ba là: Quyến thuộc không hoại.

Bốn là: Tịnh giới không hoại.

Năm là: Đa văn không hoại.

Sáu là: Tịnh định không hoại.

Bảy là: Trí tuệ không hoại.

Tám là: Thệ nguyện không hoại.

Nếu người muốn tạo hình tượng Như Lai nên theo ý mà làm. Hoặc dùng đất, gỗ, sắt, đá, hoặc dùng ngà voi, vàng bạc, lưu ly, thủy tinh, ngọc

châu đỏ, san hô, mã não, kha bối, các loại hương tốt, hoặc làm hình vẽ, hoặc khắc ảnh tượng trên gỗ trên tường đá, hoặc dùng giấy, tơ lụa thuê vẽ cắt làm thành. Hoặc tự mình làm mới, hoặc tu bổ hình tượng Như Lai hư cũ. Tạo những việc ấy, vào đời vị lai không sinh vào dòng họ thấp kém, không sinh trong dòng họ có nghiệp ác tà kiến, thân không bị tàn phế, thiếu khuyết. Như có người phạm đủ năm tội vô gián, có thể phát sinh tịnh tín nơi Như Lai, tạo dựng hình tượng Phật thì tội đọa địa ngục của người này chuyển nặng thành nhẹ, nơi pháp của ba thừa hoặc trong thừa khác mà được xuất ly. Như một người thân ô uế bất tịnh, nhưng nếu tắm gội các loại hương thơm thì mùi hôi bẩn phải tan bay không còn sót. Người phạm năm tội vô gián cũng như vậy. Do tạo dựng tượng Phật nên tội nghiệp được diệt sạch không còn sót. Hoặc là người hành mười nghiệp bất thiện nếu phát tâm tịnh tín đối với Như Lai thì tội nghiệp cũng tiêu hết. Như loại Tô bỏ vào trong lò lửa thì tất cả đều cháy. Ý nghĩa nghiệp tan không còn sót là như vậy. Huống gì một người có đầy đủ tâm Bồ-đề tối thắng và người xuất gia đầy đủ tịnh giới mà tạo dựng hình tượng Phật thì công đức ấy to lớn biết bao!

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 6

Như Kinh Bảo Tích nói: Giả sử tất cả những hữu tình khắp trong ba cõi mỗi mỗi đều tạo lập tháp miếu Như Lai, hình dáng cao rõ như núi chúa Tu-di, rồi các hữu tình trải qua vô số hằng hà sa kiếp, mỗi mỗi đều cúng dường tôn trọng tháp và nếu có bậc Bồ-tát không rời tâm Nhất thiết trí, chỉ lấy một cành hoa để cúng dường tôn trọng tháp, thì lượng phúc của vị nầy hơn trước rất nhiều lần.

Kinh ấy lại nói: Giả sử tất cả chúng hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều trụ nơi Đại thừa, rồi sau đều thành Chuyển Luân Thánh Vương, những người ấy góp chứa dầu thơm như nước nơi biển lớn, tích chứa cỏ nhiên đăng nhiều như núi Tu-di, mỗi mỗi thắp sáng thành ngọn đèn sáng rộng lớn để cúng dường nơi tháp miếu Như Lai, và nếu có vị Bồ-tác xuất gia lấy một nhánh cỏ nhiên đăng, thấm một ít dầu đốt lên cúng dường nơi tháp Phật, thì vị này được lượng phước hơn người bố thí đèn sáng trước rất nhiều, lượng phước của người trước không được một phần trăm của vị này, cho đến phân ra thành số cực vi cũng không bằng một phần.

Lại nữa, những vị Chuyển Luân Thánh Vương kia, mỗi người đối với Phật và các Tỳ-kheo, đem cúng thí tất cả các vật thọ dụng an lạc, và nếu có vị Bồ-tát xuất gia, mang bát khất thực, trước thí bớt cho người rồi sau mới ăn, thì vị này được lượng phước hơn lượng phước trước rất nhiều, rất lớn rộng. Lại nữa, nếu những Chuyển Luân Thánh Vương gom y phục đẹp số lượng như núi Tu-di để cúng thí Phật và chúng Tỳ- kheo, và nếu có một vị Bồ-tát xuất gia chỉ dùng ba y, hoặc cúng thí vị Bồ-tát có tâm mười tín, hoặc cúng thí Phật và các Tỳ-kheo, hoặc cúng thí tháp miếu Như Lai, thì lượng phước này rất là thù thắng so với lượng phước trước.

Lại nữa, những vị Chuyển Luân Thánh Vương kia, mỗi vị đều đem bày biện hoa đẹp đầy khắp cõi Diêm-phù-đề rộng vì cúng dường các tháp miếu Như Lai. Nếu có Bồ-tát xuất gia chỉ lấy một cánh hoa cúng dường tháp miếu Như Lai, so với lượng phước vị này thâu được thì lượng phúc của người trước không bằng một phần trăm, cho đến cũng không bằng một phần của phần cực vi.

Kinh Thứ Đệ Xuất Sinh nói: Nên quán Bồ-tát có bốn loại hiền thiện đáng khen ngợi, ứng hợp với sự dạy bảo của Như Lai về cúng dường. Bốn điều ấy là gì?

Một là: Tự thực hiện bố thí cúng dường tối thượng và khiến các hữu tình cũng thực hiện thắng hạnh cúng dường như vậy.

Hai là: Siêng năng thành kính cúng dường chư Như Lai rồi lại làm vững chắc tâm đại Bồ-đề.

Ba là: Chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng đại trượng phu như ở trước mắt.

Bốn là: Gieo trồng thiện căn để được tăng trưởng thù thắng. Đó là bốn pháp. Đó là thừa sự cúng dường tối thượng nơi các đức Phật Như Lai.

Kinh Hải Tuệ Vấn nói: Phật dạy: Này Hải Tuệ! Có ba thứ pháp là sự thừa sự cúng dường tối thượng Như Lai. Những gì là ba pháp?

Một là: Phát sinh tâm đại Bồ-đề.

Hai là: Thâu nhận chánh pháp của Như Lai.

Ba là: Rộng vì các hữu tình, khởi tâm đại bi.

Đây là những pháp hành cúng dường Thắng nghĩa.

Kinh Từ Thị Sư Tử Hống nói: Không có Phật có thể nghĩ tưởng quán xét, huống chi lại có Phật để có thể cúng dường sao? Có chỗ thủ đắc chăng? Không có điều này.

Ở đây, thế nào là cúng dường Phật?

Gọi là cúng dường chân thật, tức nên khởi tâm vô tưởng, vô tướng, không tác ý tâm, tâm sở, không tưởng Phật, không tưởng Pháp, không tưởng Chúng, không tưởng chúng sanh, không tưởng mình, người. Cúng dường mà khởi tâm như vậy, đó là cúng dường các đức Phật Như Lai một cách chân thật.

Kinh Bát nhã Ba-La-Mật nói: Phật dạy: Thiên chủ! Giả sử gom chứa Xá-lợi của Như Lai đầy khắp trong hằng hà sa số thế giới để trên sát tràng (phướn). Và có người chép viết kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa để dâng thí, trong hai phần ấy ông chọn phần nào?

Đế Thích thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Trong hai phần ấy, con chọn phần Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có thể sinh xá-lợi của Như Lai. Sự cúng dường người tu tập Bát nhã Ba-la- mật-đa tức là cúng dường Xá-lợi Như Lai.

Phật dạy: Đế Thích! Nếu các loại hữu tình tin hiểu về Niết-bàn như thật của Như Lai là rất khó được, thì Niết-bàn như thật của Như Lai trong

đây nghĩa là gì? Rất nhiều kinh nói về điều ấy.

Như kinh Như Lai Hưng Hiển nói: Phật dạy: Phật tử! Nếu bậc Bồ-tát mong muốn hiểu rõ về Đại Niết-bàn của chư Phật Như Lai, nên lấy tuệ quán sát, trước hiểu rõ tánh nơi tự tánh của pháp. Tự tánh của pháp tức là nói chân như, thực tế, pháp giới hư không giới, cõi tự tánh thanh tịnh, cõi vô tướng, cõi tự tánh của ngã. Tự tánh của tất cả là như như Niết-bàn, nên biết rõ như vậy về Niết-bàn như thật của Như Lai. Vì sao? Phật tử! Các pháp xưa nay là như vậy, không sinh và không chỗ sinh. Do pháp xưa nay là như vậy không sinh, không chỗ sinh nên không có chút pháp nào có thể thủ đắc. Tuy nhiên, Phật Như Lai có chỗ sinh, chỉ vì tạo niềm an vui cho các loại hữu tình tương tục, nên biểu thị có sinh như vậy. Như Lai vào Niết-bàn, đó cũng vì loài hữu tình mệt mỏi chán ngán về sinh. Thực sự Như Lai vốn không sinh cũng không chỗ sinh và cũng không Niết-bàn. Chư Như Lai thường trụ nơi pháp giới.

Phật tử! Ví như vầng sáng mặt trời xuất hiện, chiếu sáng khắp tất cả thế giới. Trong các bình chứa nước thanh tịnh thấy được hình ảnh mặt trời sáng, không phải là vầng nhật đi khắp mọi nơi, đi vào trong bình nước mà có hình ảnh hiện. Nếu tất cả bình nước kia hoặc lúc bị vỡ, hoặc nước đục dơ, hoặc lúc nước cạn thì vầng mặt trời cũng không thấy trong bình. Nhưng hình ảnh mặt trời sáng không hiện rõ trong bình không phải là lỗi của mặt trời. Đó là do bình tịnh đó tự phá hủy.

Phật tử! Đức Như Lai cũng lại như vậy.

Pháp giới như vầng mặt trời lớn rộng sáng tỏ. Tùy trong pháp giới thường xuất hiện chiếu sáng rộng khắp thuận theo tất cả thế gian. Nếu tâm của các hữu tình thanh tịnh tương tục tức ảnh tượng Như Lai xuất hiện. Tất cả hữu tình tuy thường xem thấy ảnh tượng như vầng mặt trời của Như Lai nhưng không phải Như Lai đi đến tất cả chỗ, theo đó mà xuất hiện. Nếu các hữu tình kia cũng như bình nước vỡ, tâm không thanh tịnh, nghiệp phiền não tương tục như cũ, sẽ không thấy được ảnh tượng là vầng sáng mặt trời của Như Lai, các hữu tình ấy liền khởi nghĩ tưởng là Như Lai nhập Niết-bàn. Sự nhập Niết-bàn của Như Lai này không phải là lỗi của Như Lai, đó là vì thiện căn tương tục của các hữu tình bị hủy hoại. Hơn nữa, dùng pháp đại Niết-bàn có thể hóa độ được các hữu tình.

Do đó Đức Như Lai biểu hiện nhập Niết-bàn, nhưng chân thực thì Như Lai vô lai, vô khứ (không đến không đi) và cũng không chỗ trụ.

Phật tử! Ví như tất cả thế gian đều có đốt lửa, sau đó hoặc là riêng biệt ở một nước, một thành ấp, xóm làng lửa bị tắt, đấy không phải là khắp

hết thảy thế gian, việc dùng lửa đều dứt. Phật tử! Như Lai cũng lại như vậy. Tận khắp tất cả thế giới tùy thuận thi hành, làm tất cả Phật sự, nếu trong các nước Phật khác, làm Phật sự xong rồi, hiển thị nhập Niết- bàn, thì không phải chư Phật ở tất cả thế giới đều nhập Niết-bàn. Cũng như bậc thầy huyễn thuật khéo học pháp huyễn, dùng sức của minh chú hiểu suốt tất cả trong tam thiên đại thiên thế giới, hiện thân làm những sự huyễn. Tất cả làng xóm thành ấp cõi nước đều hiển thị khắp, tùy sức huyễn hoặc trụ một kiếp hoặc nhiều kiếp. Nếu ở các làng xóm thành ấp nơi cõi nước khác làm sự huyễn xong, bèn tự ẩn thân tướng, không phải sự huyễn ở tất cả thế gian đều ẩn.

Phật tử! Như Lai cũng lại như vậy. Dùng vô lượng trí như huyễn khéo học trí tuệ phương tiện thù thắng sáng suốt, thị hiện tất cả pháp giới sự huyễn. Như Lai tùy hiện nhưng thân Như Lai rốt ráo an trụ, pháp giới và hư không giới tất cả loại hữu tình đều là sự nghiệp bình đẳng, riêng biệt nơi các cõi nước, tùy theo Phật sự đã làm xong bèn thị hiện nhập Niết-bàn, cũng không phải trong một cõi Phật nhập Niết-bàn, tất cả pháp giới Như Lai đều nhập Niết-bàn. Phật tử! Các bậc Bồ-tát nên biết như vậy Đại Niết-bàn của chư Phật Như Lai, chỗ biết nhiều vô lượng, rốt ráo không chấp trước. Pháp giới không có biên vực, cũng không có khoảng giữa. Tự tánh rộng lớn như hư không giới. Chân như không sinh, cũng không diệt, an trụ ở thực tế, tùy lúc dùng phương tiện thị hiện. Do đó nên biết, đừng sinh chán ngán tất cả thế gian, tùy theo hạnh nguyện trước mà tự an trụ. Tất cả thế gian, tất cả các cõi, các pháp thắng hạnh đều được thành tựu. Kinh Bát nhã Ba-la-mật-đa có nói: Đại Niết-bàn nghĩa là tự tánh "không" (không tự tánh).

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: Phật dạy: Này Ca-diếp! Nếu có thể hiểu rõ tỏ ngộ tánh bình đẳng của tất cả pháp, đó là đại Niết-bàn.

Kinh ấy cũng nói: Phật dạy: Này Thiện nam! Chỗ hành hóa của Như Lai đều đã làm xong. Thọ mệnh từ thành Phật đến nay đã dài lâu vô lượng. Như Lai thường trụ không nhập Niết-bàn, vì hóa độ các hữu tình nên thị hiện Niết-bàn. Vì sao? Vì nên dùng duyên như vậy mới thành thục chúng hữu tình.

Kinh Đại Bi nói: Phật dạy: Này Đại Phạm! Như vậy, nghiệp thế gian này dứt, phiền não dứt, khổ não dứt, duyên khổ dứt tắt, tịch nhiên xuất ly. Đây là nói Niết-bàn. Đại Phạm! Trong đây không có người thấu rõ đó là Niết-bàn, tức là nghiệp phiền não dứt, tự tánh thanh tịnh hiển hiện. Phẩm Xuất Thế nói: Dùng phương tiện, chư Phật khai thị vô số pháp Niết-bàn.

Kinh Phạm Vương Vấn nói: Phạm vương thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Những bậc xuất gia đối với trong tất cả các tướng vốn ưa thích nếu có

thể dừng dứt, thì đây gọi là Niết-bàn. Phật dạy: Đại Phạm! Điều này cùng làm duyên mà được thành lập.

Kinh Giác Trí Phương Quảng nói: Phật bảo: Này Đại-Mục-kiền-liên! Thời quá khứ có Phật hiệu là Danh Xưng Cao Hiển, ở cõi Phật ấy chỉ có chúng Thanh văn, lúc đó có một Tỳ-kheo quán các cảnh sở duyên, trụ ở hạnh Đại thừa. Người này từng ở chỗ vô số vô lượng đức Phật gieo trồng thiện căn, không thoái chuyển tâm Bồ-đề vô thượng, an trụ trong pháp Đại thừa vô thượng, muốn làm nghiêm tịnh vô số cõi Phật. Trong cõi Phật ấy không có hữu tình nào khác phát tâm Bồ-đề. Bấy giờ vị Tỳ-kheo nọ, tuy gieo trồng thiện căn rộng, nhưng trong pháp thâm sâu lại sinh tâm kiêu mạn. Do nhân duyên này nên sinh về cõi trời Trường thọ. Bấy giờ, Như Lai Danh Xưng Cao Hiển đã đến lúc làm Phật sự xong, ngài bèn quán sát tất cả cõi Phật xem trong cõi nào, giới hữu tình không làm Phật sự. Sau quán ngay cõi của ngài có một Tỳ-kheo trụ hạnh Đại thừa, đúng là pháp khí Bồ-đề, nhưng Tỳ-kheo ấy lại bị chướng nạn và sinh nơi cõi trời Trường Thọ, nên thân khí người ấy không thể khiến gieo trồng thiện căn Bồ-đề. Sau khi mệnh chung, người này phải bị đọa vào địa ngục lớn A-tỳ và cũng không thể gieo trồng thiện căn. Ra khỏi địa ngục, sinh vào cõi người lại bị câm điếc, phải làm dấu đưa tay chỉ vật, hoặc mượn duyên khác mới hiểu được sự. Lúc này, Đức Như Lai Danh Xưng Cao Hiển muốn hóa độ Tỳ-kheo này nên dùng phương tiện khéo léo trong sáu mươi ức đời, khó nhọc nhẫn nại để làm việc hóa độ, khiến được thành thục. Phật bảo: Đại-mục-kiền-liên! Ông hãy quán tâm của Phật Như Lai ấy, vì một hữu tình trải qua thời gian dài như vậy chịu bao lao khổ cho đến khi cơ duyên vị Tỳ-kheo nọ thành thục, an trụ ở bậc địa bất thoái chuyển.

Này Tôn giả Đại-mục-kiền-liên! Ý ông nghĩ sao, vị Như Lai Danh Xưng Cao Hiển lúc ấy là người khác lạ chăng? Nay chính là Như Lai Hiện Nhất Thiết Nghĩa. Còn vị Tỳ-kheo quán sát cảnh sở duyên thuở ấy tức Đức Như Lai Vô Lượng Quang.

Kinh Phụ Tử Hợp Tập, phẩm Tiên Hành nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Thời quá khứ, trong sự luân hồi vô lượng A-tăng-kỳ, vô số không thể tính toán, không có thời mở đầu, có vị Như Lai hiệu là Đế Tràng, trải qua hằng hà sa số thế giới cõi Phật, những loại hữu tình ở những cõi Phật ấy đều được năm việc vui. Hoặc có hữu tình được vui về ý muốn, hoặc được vui về lìa bỏ, hoặc được vui về thiền định, hoặc vui về Tam-ma-địa, hoặc được vui về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Tuy các hữu tình ấy được thọ những điều vui, nhưng không ràng buộc, chấp giữ, ví như chim bay liệng

trong không mà được tự tại. Những hữu tình được các sự vui cũng vậy đều không chấp trước. Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Đức Như Lai Đế Tràng thời bấy giờ tức là Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni.

Kinh Nhập Lăng Già có bài tụng:

Ta không quán tịch tĩnh
Cũng không khởi hành tướng
Lại không tâm phân biệt
Nên Ta chứng Niết-bàn.

Trong đây nên biết, đối với một thừa tin hiểu rất là khó được. Một thừa này trong các kinh đều nói. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nêu: Ta phát khởi một thừa vì hữu tình thuyết pháp, là nói Phật thừa không có hai, không có ba. Pháp ấy trong mười phương tất cả thế giới đều như vậy. Vì sao? Vì trong đời quá khứ, chư Phật Như Lai trong tất cả thế giới mười phương đều phát khởi nhất thừa vì hữu tình thuyết pháp, hoặc trong đời vị lai, chư Phật Như Lai trong tất cả thế giới mười phương phát khởi nhất thừa cũng vì hữu tình thuyết pháp. Nhất thừa đó là Phật thừa.

Do duyên này, mười phương thế giới không có hai thừa, có thể kiến lập, huống hồ là ba thừa.

Phẩm Chân Thực nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Do nhân xưa kia nơi cảnh giới nhất thừa có thể đầy đủ, nay trong ba cõi Phật chỉ có pháp một thừa để xuất ly, mà không kiến lập hai thừa Thanh-văn và Duyên giác. Vì sao? Vì Như Lai đã lìa bỏ tất cả các loại nghĩ tưởng. Nếu có người nói: Hoặc Như Lai thuyết pháp Đại thừa, hoặc Như Lai thuyết giảng Thanh văn thừa, hoặc Như Lai thuyết giảng Duyên giác thừa, tức người này đối với Như Lai tâm không thanh tịnh, tâm không bình đẳng, tâm chấp trước.

Kinh Đại Bi nói: Phật dạy: Nếu Ta thuyết giảng có các loại nghĩ tưởng tức là tự sinh dối trá trong pháp. Nhưng Ta vì các hữu tình thuyết giảng các pháp, đều khiến đối với Bồ-đề mong muốn được pháp Đại thừa, thu gồm được Nhất thiết trí, khiến các hữu tình cùng đến bậc trí Nhất thiết trí. Do đó, không có phần vị thừa khác có thể kiến lập, cũng không có các địa trong chỗ Ta kiến lập. Cũng không kiến lập Bổ-đặc- già-la. Cũng không kiến lập ít hạnh hoặc vô lượng hạnh. Cũng không có ba thừa có thể phân biệt, do không có tính phân biệt nhập môn Pháp giới. Chỉ vì thế tục đế nên khai thị dẫn dắt, dùng phương tiện mà nói. Với thắng nghĩa đế, chỉ có một pháp nhất thừa, không có hai.

Kinh Bát nhã Ba-La-Mật nói: Phật bảo: Thiên chủ! Nếu các Thiên tử chưa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, Ta sẽ khiến phát tâm cầu đạo

quả Bồ-đề vô thượng. Nếu lại không thể quyết định phát tâm Bồ-đề, ta cũng khiến cho tùy hỷ phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Vì sao vậy? Các vị đó mãi ở trong vòng sinh tử nối tiếp không dứt. Ta không muốn phần thiện căn của các vị bị chìm mất, nên khiến có được chỗ chứng đắc trong pháp tối thắng.

Phẩm Hội của Đại Tập nói: "Một thừa thu nhiếp khắp tất cả thừa kia. Dùng một thừa gồm thâu các thừa" nên đồng qui về một lý phổ nhập pháp giới, tánh không phân biệt của pháp giới.

Kinh Tổng Trì Tự Tại Vương Vấn nói: Phật không dạy có các loại nghĩ tưởng. Nhưng Phật xuất thế, những chỗ tác sự đồng một vị pháp giới mà không chướng ngại, thâu nhận tất cả hữu tình. Tự thành Chánh giác rồi, lại khiến các hữu tình cũng giác ngộ thông suốt, sau nữa chuyển pháp luân vi diệu là pháp luân bất thoái chuyển. Ví như người thầy sửa ngọc báu, đối với các báu chỉ lấy lưu ly giả sắc, trước dùng nước tro lau rửa cho sạch, tiếp theo dùng lông đen trơn để lau sửa ngọc. Cố nhiên, người thầy sửa ngọc báu này trải qua bao mệt nhọc, sau dùng nước thịt và lụa màu nhiều lần chùi sửa. Lại dùng nước đại dược và loại áo mỏng, mềm lần lượt sửa tinh xảo. Rốt cùng thì trong suốt, mất giả sắc thành lưu ly thực.

Đức Như Lai cũng lại như vậy. Biết giới hữu tình vốn không thanh tịnh, bèn thuyết giảng pháp vô thường-khổ-vô ngã-bất tịnh, khiến giới hữu tình sinh chán lìa luân hồi. Sau dùng pháp Thánh, phương tiện điều phục dẫn dắt. Như Lai cũng không có lúc nào sinh chút mệt mỏi. Sau cùng thuyết giảng pháp không, vô tướng, vô nguyện, khiến họ mở mắt Như Lai giác ngộ.

Đức Như Lai vẫn không hề có lúc sinh mệt mỏi. Sau thuyết giảng Pháp luân bất thoái chuyển và ba luân thanh tịnh để dẫn đường hữu tình vào trong cảnh giới của Như lai, bình đẳng vượt qua vô số tánh nhân, cùng chứng pháp tánh thanh tịnh của Như Lai. Thuyết giảng này là vì cứu cánh của thế gian nhằm đạt được quả vô thượng.

Kinh A Duy Việt Trí nói: Luân bất thoái chuyển là bình đẳng. Chư Phật nói pháp cũng bình đẳng, vì vậy vì loài hữu tình tin hiểu thấp kém không hiểu rõ pháp nhất thừa, Như Lai bèn xuất thế ở cõi Sa-bà năm uế trược, dùng phương tiện khéo léo vì những hữu tình kia kiến lập Phật sự, khiến thành tựu quả Phật.

Kinh Thắng Man Sư Tử Hống nói: Chư Phật Như lai theo phương tiện giảng nói pháp Niết-bàn này, từ trong ba thừa sinh ra các thừa, nhưng chỉ do pháp nhất thừa mới chứng được đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Kinh Nhập Lăng Già nói: Các chủng tử của phiền não vào Tam- ma-địa, Tam-ma-bát-đề, biết rõ như thật, trụ trong cõi vô lậu, lại vào trong cõi Thanh văn và Duyên giác vô lậu, thắng hạnh xuất thế thành tựu viên mãn, được pháp thân tự tại không nghĩ bàn. Vì hóa độ cho những hữu tình được thành tựu các hạnh thiện, nên Như Lai dùng phương tiện nói nhiều loại thừa.

Do vậy các Đức Như Lai ở trong các giới không những chỉ nói ba thừa mà còn nói các pháp thừa khác nữa.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 7

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong thế giới Cát Tường giải thoát của Phật Đại Tỳ Lô Giá Na, Như Lai Phổ Biến Trí Diệm Công Đức Tràng Vương kiến lập vô lượng loại hữu tình trụ ở địa Thanh-văn, vô lượng loài hữu tình thành thục được Bồ-đề Duyên giác, vô lượng loài hữu tình thành thục được biện tài nhanh chóng sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu hình thành thục được pháp tinh tấn tràng vô cấu sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình thành thục pháp biện tài sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình thành thục các căn biện tài thanh tịnh sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình thành thục viên mãn các hạnh mười lực sinh ra Bồ- đề, vô lượng loài hữu tình an trú ở cảnh giới của thành pháp hiện tiền nơi Nhất thừa sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình tùy ở tất cả xứ hiện các loại thần thông nơi lý, pháp Nhất thừa sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình kiến lập các hành, thâu nhiếp khắp vô lượng phương tiện sinh Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình an trú ở Tam-ma-địa, phần vị pháp, lý xuất sinh Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình an trú nơi tất cả cảnh giới của sở duyên theo lý, pháp của đạo tràng thanh tịnh sinh ra Bồ-đề, vô lượng loài hữu tình phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát, vô lượng loài hữu tình trụ nơi đạo Bồ-tát, vô lượng loài hữu tình trụ nơi đạo Ba-la-mật-đa thanh tịnh, vô lượng loài hữu tình trụ nơi bậc sơ địa Bồ-tát cho đến trụ nơi địa thứ mười Bồ-tát.

Trong đó nên hiểu là Bồ-tát thường lấy chánh pháp để thâu nhận tất cả. Thế nào là chánh pháp thâu nhận?

Như kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Chánh pháp thâu nhận tức là Bồ-tát thâu nhận. Bồ-tát thâu nhận tức là chánh pháp thâu nhận. Chánh pháp thâu nhận tức là tất cả hữu tình thâu nhận. Tất cả hữu tình thâu nhận tức là hạt giống Phật không dứt, thành tựu chỗ tạo tác.

Lại nữa, muốn hạt giống Phật không dứt, muốn phá trừ phiền não nghiệp của tất cả hữu tình, muốn đóng cửa tất cả cõi ác, muốn thọ nhận niềm vui thượng diệu của vô lượng vô số Chuyển luân thánh vương, và niềm vui của Phạm vương, Đế Thích Hộ thế, muốn dứt bỏ dây buộc ràng

của tất cả ma ác, cho đến muốn thành tựu đạo quả quả Bồ-đề vô thượng, thì đều phải lấy chánh pháp thâu nhận.

Ở đây nên hỏi: Bậc Bồ-tát mới phát tâm có ít thiện căn làm thế nào thâu nhận chánh pháp?

Như Kinh Bồ-Tát Tạng nói: Bậc Bồ-tát nếu đủ bốn loại pháp tức không kém giảm Bồ-đề, chuyển sinh được làm Chuyển Luân Thánh vương, theo sức nguyện tức được tất cả thiện căn, tùy chuyển mà được thân sức lớn Na-la-diên kiên cố. Được vị Chuyển Luân Thánh vương rồi, tu bốn phạm hạnh được sinh ở cõi Phạm làm chủ Phạm thiên. Bốn phạm hạnh là những gì?

Một là: Bậc Bồ-tát thấy tháp miếu Như Lai bị hư hoại, phát tâm siêng năng dũng mãnh để sửa sang, cho đến dùng viên đất sét để cúng dâng.

Hai là: Ở ngã tư đường, hoặc chỗ chợ búa đông người, lập dựng tháp Như Lai cao đẹp hiện rõ, hoặc tạo tượng ở miếu thờ. Hoặc theo đấy dựng hình cờ phướn, hoặc chỉ dựng sát cây phướn. Hoặc đặt yên hình tượng Như Lai, hoặc riêng biệt đặt bày tướng Như Lai: đó là tướng chuyển pháp luân, hoặc tướng vượt thành xuất gia, hoặc tướng nơi cội Bồ-đề thành bậc Chánh giác, hoặc tướng hiện thần thông lớn hàng phục quân ma, hoặc thị hiện tướng nhập đại Niết-bàn, hoặc tướng từ trời Đao Lợi hạ giáng sinh.

Ba là: Nếu thấy có sự chia rẽ trong chúng đệ tử hàng Thanh-văn thì làm cho hòa hợp.

Bốn là: Đối với giáo pháp của Như Lai, nếu thấy lúc chánh pháp sắp bị diệt mất, đem dũng lực hộ trì cho đến bốn câu kệ khiến được lưu thông không bị quên mất, mai một. Lại đối với chánh pháp hoặc sư thuyết pháp đều thâu nhận dù mất thân mệnh cũng không bỏ pháp.

Kinh Bảo Vân nói: Phật dạy: Này Thiện nam! Bồ-tát nếu đạt đầy đủ mười loại pháp tức có thể thâu nhận chánh pháp. Những gì là mười loại pháp?

Một là: Sau năm trăm năm vào giai đoạn mạt thế, lúc đó trong giáo pháp của Như Lai có sự tạp loạn. Những hữu tình phần nhiều trụ nơi tà đạo, tức diệt đèn trí không thầy trao truyền chánh pháp. Bấy giờ nên dùng kinh điển rộng lớn đầy đủ đại uy lực, thu tóm nghĩa lớn rộng như mẹ của tất cả pháp, tôn trọng cúng dường, thọ trì đọc tụng tuyên thuyết giải thích.

Hai là: Vì người khác đem kinh thâm diệu ra diễn nói giải thích, khai thị, khiến cho mọi người hiểu rõ.

Ba là: Đối với người tu chính đạo phát sinh tâm hoan hỷ, thanh tịnh.

Bốn là: Được hoan hỷ rồi, vì người thâu nhận.

Năm là: Dùng tâm không chấp trước vì người thuyết pháp, khiến mọi người nghe nhận.

Sáu là: Đối với người thuyết pháp dấy khởi tưởng là bậc thầy tôn quý.

Bảy là: Đối với chánh pháp khởi tưởng như cam lồ. Tám là: Khởi tưởng xem chánh pháp như thuốc quý. Chín là: Mong cầu chánh pháp không tiếc thân mệnh. Mười là: Đem pháp đã chứng đắc như thuyết tu hành. Đó là mười pháp.

Kinh Quyết Định Thần Biến Tịch Tĩnh nói: Phật dạy: Hiền Hộ! Bậc Bồ-tát có đủ bốn loại pháp tức có thể thâu nhận chánh pháp. Đó là:

Một: Tự mình có vui thích nhưng không tham ái chấp trước.

Hai: Trao cho người khác sự vui thích thượng diệu.

Ba: Đầy đủ tâm đại bi.

Bốn: Cầu pháp không chán.

Kinh ấy cũng nói: Thời quá khứ, nơi trụ xứ của Phật Như Lai Đại Cao, vua Vô Cấu Oai Quang gieo trồng thiện căn trong một ngàn năm, cúng dường đức Phật ấy tất cả nhạc cụ, và dùng bốn sự cung cấp cho tám vạn bốn nghìn chúng Tỳ-kheo. Như vậy qua một ngàn năm rồi, Như Lai Đại Cao bảo vua Vô Cấu Oai Quang: Đại vương! Ông đã hành đầy đủ một ngàn năm làm việc thí pháp ở chỗ Như Lai. Nếu so với bậc Bồ-tát siêng năng cầu pháp, trong một hơi thở ra vào, chỗ thiện căn hiện có trăm phần chưa được một, cho đến phần cực vi cũng chưa bằng một phần, huống gì trong chánh pháp, cho đến một bài kệ bốn câu siêng năng tuyên thuyết giải thích ý nghĩa thì phúc đức của người này ta không thể nói hết biên vực.

Đại vương! Hãy gác việc này lại. Cho dù đã đầy đủ một ngàn năm như vậy, bố thí cúng dường hết các vật sở hữu, gom hết để cúng cho một Tỳ-kheo du phương, hoặc như vậy cúng cho chúng Tỳ-kheo. Và nếu như có người do ham thích pháp nên tôn trọng vị Bồ-tát siêng năng thuyết giảng trao truyền pháp, khởi tâm tịnh tín, đem thức ăn uống đến và nghĩ: "Ta vì cầu chánh pháp nên đem món ăn uống này để cúng hiến", thì pháp bố thí của người trước so với thiện căn này không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần của phần cực nhỏ.

Kinh Như Lai Bí Mật nói: Lượng phước hiện có của bậc Bồ-tát so với lượng phước giữ gìn chánh pháp thì lượng phước này gấp bội lần. Cho dù tất cả chư Phật siêng năng tuyên thuyết trải qua vô số kiếp vẫn chưa đạt được biên vực của lượng phước thọ trì chánh pháp. Chánh pháp là gì?

Như Kinh Thắng Man Sư Tử Hống nói: Chánh pháp ấy tức là tên gọi của Đại thừa. Vì sao? Vì Đại thừa sanh ra thừa Thanh-văn, Duyên giác, và tất cả pháp thiện trong thế gian và xuất thế gian.

Kinh Pháp Tập nói: Thâu giữ chánh pháp kia đó là tuyên thuyết giảng trao, chuyên chú tư duy nơi tất cả kinh điển nêu bày nghĩa lý sâu xa của tất cả chư Như Lai.

Phải biết các vị Bồ-tát nếu dựa chấp vào hạnh có chỗ thủ đắc, dù trải qua vô lượng thời gian cúng dường các Như Lai, thì ngay nơi chỗ các vị Như Lai vẫn không được thọ ký, huống hồ là thành tựu đạo quả Bồ-đề.

Như Kinh Phạm Vương Vấn nói: Phật dạy: Này Đại Phạm! Ta ở trong một kiếp, hoặc quá một kiếp nói về danh tự của các vị Như Lai, hoặc Ta cúng dường các vị như Lai ấy, hoặc Ta tu phạm hạnh và tu sáu Ba-la-mật ở chỗ các vị Phật ấy, nhưng Ta chưa được thọ ký. Vì sao? Là vì Ta đã nương dựa vào hạnh có chỗ thủ đắc.

Lúc ấy, Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng, vừa gặp Phật Nhiên Đăng liền đạt được pháp nhẫn vô sinh. Vị Phật, Thế Tôn ấy đã thọ ký cho Ta, trong lúc ấy Ta đã vượt qua tất cả hạnh có chỗ thủ đắc, và viên mãn sáu Ba-la-mật-đa, có thể sinh tín giải nơi các pháp sâu xa, các hạnh tối thắng tự lợi, lợi tha của bậc Bồ-tát đều hoàn tất.

Phẩm Nguyệt Tạng trong Kinh Đại Tập nói: Phật bảo: Này Nguyệt Tạng! Thắng nghĩa đế ấy tức có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng không đồng với quả của các bậc Thanh văn, Duyên giác. Do vậy Thế tục đế không thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng thành tựu thiện căn tối thượng hoặc thành tựu các thắng hạnh. Này Nguyệt Tạng! Cũng như một người dùng bó đuốc cháy cực mạnh cũng không làm khô được biển lớn sâu. Lý của Thế tục đế kia cũng lại như thế, ngay biển phiền não của mình cũng không thể làm khô huống hồ vì những loài hữu tình khác, vậy trong đây làm sao tín hiểu được pháp sâu xa.

Như Kinh Bồ Tát Tạng nói: Bậc Bồ-tát có hai loại tuệ:

Một là: Tùy theo bậc Thanh-văn khác.

Hai là: Tự trong tâm sâu bền mà tác ý.

Trong đây, thế nào là tùy theo Thanh văn khác? Như có bậc Bồ- tát thích tu những hạnh tương ưng, nhưng không thích nghe nhận chánh pháp nơi tạng Bồ-tát, cũng không thích nghe luật pháp của chư Thánh, được ít mùi vị định đã thấy là đầy đủ, tâm mạn khởi dậy nên rơi vào lỗi tăng thượng mạn, do đó vị Bồ-tát ấy không thể giải thoát được sanh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, cũng không giải thoát được sáu nẻo luân hồi, cho nên không giải

thoát được uẩn khổ. Do duyên đó mà Như Lai nói tùy theo Thanh văn khác, vì chỗ nghe này không thể giải thoát được các khổ não như lão tử… Thế nào là tác ý sâu bền? Đó là nói vị Bồ-tát tự tạo sự học, không có pháp hiện hữu có thể hòa hợp nào mà không hòa hợp. Đó là hạnh sâu bền. Hạnh sâu bền này, tức không phải hành pháp ngữ. Các thanh âm như vậy suy xét như thực, đời trước, đời sau xét nó sinh ra từ đâu, diệt theo chỗ nào. Lại xét hoặc ngôn thuyết, hoặc nghĩa lý, hoặc dứt đoạn hoặc chứng đắc, hoặc đã nói hoặc đang nói, tất cả những điều ấy đều quán xét như thực sẽ nhận biết không có tướng quá khứ, không có tướng vị lai, không có tướng hiện tại có thể thủ đắc. Tức tự tánh của tất cả pháp đều là tịch diệt, tịch tĩnh, viên mãn, rốt ráo không sinh, không khởi và không thật. Nên quán các pháp rốt cùng là Niết- bàn. Nếu quán như vậy tức là không có sở quán, cũng không phải là không quán. Đây gọi là chánh quán. Huống lại có thể quán tất cả pháp như thực sao? Đây tức là không có sở quán. Không có sở quán này tức pháp ngữ không sinh. Nếu tất cả pháp không sinh tức không vượt ngoài lý chính. Tất cả pháp bình đẳng tức là pháp Phật bình đẳng. Chỗ quán xét như vậy tức không ngoài lý chính. Chỗ nói này gọi là tác ý sâu bền, như vậy có thể hội nhập được chánh pháp thâm diệu tối thượng.

Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Phật bảo với vua Tịnh Phạn: Đại vương! Nếu trong thời kiếp không, hoặc có lầu gác của Phạm thiên xuất hiện trước mắt, tánh chắc thật của lầu gác bằng bảy báu hợp thành, lúc sinh khởi ấy là từ phương nào đến? Như vậy, ở cõi trời Tha Hóa tự tại, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Đâu suất, cõi trời Dạ Ma, cõi trời Đạo Lợi, cõi trời Tứ Đại Vương thuộc cõi Dục, ở tất cả các cõi đều hiện lầu gác bằng bảy báu làm thành. Lại nữa núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi do kim cương tụ lại chắc cứng, tánh chắc cứng của những núi này là từ đâu đến?

Lại nữa, núi Tu-di, núi Di-dân-đạt-la, núi Trì song, núi Trì trục, núi Trì kim cương, núi Khiết-na-lý-cô, núi Vĩ-na-đát-cô, núi Mã nhĩ, núi Thiện kiến, núi Đại Thiện kiến, núi Ô-cữu-nga-lô, núi Hương túy, núi Tuyết và những núi Đen khác đều hiện trước mắt, cho đến Tam thiên đại thiên thế giới cũng đều xuất hiện. Như núi Tu-di vương rộng dài đến tám vạn do tuần, tánh chắc cứng hiện trước mặt ấy từ phương nào đến?

Đại vương! Nếu thế giới này sau lúc thành hình, đại địa lửa cháy, nước lớn trôi dạt, gió lớn thổi gầm. Lửa kia hiện bày hết, tất khói tan, tất không chỗ hiện, cũng như bơ hay dầu bỏ vào trong lửa tất cháy tan, không chút khói. Lúc nước trôi chảy, tất không có gì ngoài nước tồn tại, như muối xốp bỏ vào nước tất bị hòa tan không còn sót, gió kia thổi ầm thì không vật

nào có thể hiện, như lúc gió Tỳ Lam đang thổi thì loài chim bay nào có thể xuất hiện được? Tam thiên đại thiên thế giới này cũng lại như vậy. Lửa cháy, nước trôi, gió gầm, trong lúc ấy không có gì khác để thấy. Tánh chắc thật cứng rắn bị hoại diệt như thế, tánh ấy về đâu? Điều này đối với cõi đất ngoài, cõi đất trong cũng như vậy. Do đó, tất cả các pháp lúc sinh khởi không từ đâu đến, lúc mất không đi về đâu. Những loài có sinh quyết định đều là không, sinh rồi tự tánh cũng là không.

Kinh A-Xà-Thế Vương nói: Lúc ấy, Vua A-xà-thế dâng cúng cơm cho Phật Thế Tôn và các Bồ-tát, đại chúng Thanh văn ở trong cung. Rửa tay và các vật dụng xong, vua cung kính ngồi trước Bồ-tát Diệu Cát Tường để nghe nhận chánh pháp. Vua nói: Xin Bồ-tát vì tôi giải trừ việc làm ác. Bồ-tát Diệu Cát Tường bảo: Đại vương! Giả như có hằng hà sa số vị Phật Thế Tôn cũng không giải trừ việc ác cho ông được.

Vua A-xà-thế nghe lời này xong kinh sợ, thấy không có chỗ cứu giúp, như đứt hơi, ngã nhào xuống đất. Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp bèn nói: Đừng sợ đại vương! Đừng sinh sợ hãi! Bồ-tát Diệu Cát Tường đã khéo vì ông nói tự nhân duyên, ông nên hỏi thế này: Vì duyên cớ gì mà nói như thế?

Khi đó Vua A-xà-thế mới từ từ gượng dậy, thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường: Vì duyên cớ gì mà Bồ-tát nói như thế?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đại vương! Ý ông nghĩ sao? Tâm ông có chỗ duyên nào để quán sát Phật Thế Tôn chăng?

Vua thưa: Thưa, không có.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Nay ông làm thế nào để quán tâm sinh?

Vua thưa: Thưa, không được.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Thế còn quán tâm diệt?

Vua thưa: Thưa, cũng không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Ông quán pháp hữu vi như thế nào?

Vua thưa: Thưa, không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Quán Phật Thế Tôn có thể thấy pháp hữu vi không?

Vua thưa: Thưa không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đại vương! Ông nghĩ thế nào nếu trong các pháp không có pháp nào có thể quán, thì có pháp nào có thể giải trừ việc ác.

Vua đáp: Thưa không có

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đại vương, vì duyên này nên tôi nói như thế: Giả sử hằng hà sa số vị Phật Thế Tôn cũng không thể giải trừ việc ác cho ông được.

Lại nữa, Đại vương! Như trong hư không này, có khói hoặc bụi muốn nhiễm hư không, ông có nghĩ khói bụi này nhiễm được hư không chăng?

Vua đáp: Thưa không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đại vương! Như có người nói: Tôi muốn làm thanh tịnh cõi hư không, vậy hư không ấy có được thanh tịnh chăng?

Vua đáp: Thưa không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đức Như Lai cũng như vậy, cũng như hư không. Nói tất cả pháp xưa nay tương tục, tự tánh không nhiễm, trong đó không có pháp nhiễm hoặc pháp tịnh nào thực có thể quán. Vậy trong đó có gì cần giải trừ. Đại vương, vì nghĩa này, nghĩa của chính quán như thực, nên tôi nói: Như có hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn cũng không thể giải trừ việc ác cho ông được. Hơn nữa, Đại vương! Trong tâm của các vị Phật Thế Tôn không có chỗ thủ đắc, không có chỗ dấy khởi, ngoài cũng không có chỗ thủ đắc không có chỗ dấy khởi.

Vì sao? Vì Tự tánh của tất cả pháp là không có chỗ khởi. Tự tánh của pháp không chỗ khởi tức không chỗ dung nạp tánh có chỗ khởi. Vì sao vậy? Tự tánh của tất cả pháp không chỗ khởi tức không chỗ thành, tất cả pháp không chỗ thành tức không chỗ nhóm họp, không chỗ nhóm họp tức tất cả pháp không sinh ra. Tất cả pháp không sinh ra tức pháp tánh tách rời. Tất cả pháp tánh tách rời tức không thể tác hành. Tất cả pháp không thể tác hành tức không có sinh.

Tất cả pháp không có sinh tức không có pháp dị thục. Tất cả pháp không dị thục tức không có khởi tác. Tất cả pháp không khởi tác nên không có sở nhiễm. Tất cả pháp không ô nhiễm nên tự tánh sáng tỏ. Tất cả pháp tự sáng tỏ nên pháp thanh tịnh. Tất cả pháp thanh tịnh nên pháp đồng với hư không. Tất cả pháp đồng với hư không nên không có đối trị. Tất cả pháp không có đối trị nên lìa nơi hai nẻo. Tất cả pháp lìa nơi hai nẻo nên rời cả hai biên. Tất cả pháp rời cả hai biên nên các pháp không giới hạn. Tất cả pháp không giới hạn nên pháp không bến bờ cuối cùng. Tất cả pháp không bến bờ cuối cùng nên không có cứu cánh. Tất cả pháp không có cứu cánh nên không có sở duyên. Tất cả pháp không có sở duyên nên nơi tất cả chốn không trụ điên đảo. Tất cả pháp không trụ điên đảo ở tất cả chỗ nên thường lạc ngã tịnh đều không thể thủ đắc. Tất cả pháp thường nên không tương ứng nơi chuyển động. Tất cả pháp tịnh nên tự tánh sáng tỏ thành tựu. Tất

cả pháp lạc nên không tương ưng nơi phân biệt. Tất cả pháp ngã là tự tánh nên biểu thị tương ưng nơi vô ngã. Tất cả pháp không làm việc ác nên trong tâm dừng lặng. Tất cả pháp không thực nên thắng nghĩa đế không chỗ để an lập. Tất cả pháp tịch tĩnh tức là tướng tịch tĩnh hiện bày khắp. Tất cả pháp vô ngã nên ngã và ngã sở cùng lìa. Tất cả pháp không có vị nên tức là tướng giải thoát. Tất cả pháp rời lìa danh nên danh sai biệt không thể thủ đắc. Tất cả pháp không phân biệt nên tất cả tánh là lìa. Tất cả pháp đồng một vị tức là giải thoát gồm thâu khắp. Tất cả pháp rời lìa tướng tức là không tướng giới hạn. Tất cả pháp không tướng nên tức không thấu rõ nơi sở duyên thanh tịnh. Tất cả pháp rỗng "không" nên tất cả sự thấy làm đều rời lìa. Tất cả pháp vô nguyện nên tức vượt qua ba đời. Tất cả pháp đã dứt ba đời nên quá khứ, vị lai, và hiện tại đều không thể thủ đắc. Tất cả pháp Niết-bàn thâu tóm khắp nên rốt ráo không sinh.

Đại vương! Ý của ông thế nào? Pháp không sinh cũng không nhóm họp, vậy trong ấy có chỗ để nhiễm hay không.

Vua đáp: Thưa, không chỗ nhiễm.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Vậy có pháp để giải trừ chăng? Vua Đáp: Thưa không có.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đại vương, vì như vậy, nên đức Như Lai biết tất cả pháp đều đồng với Niết-bàn nên trong đó không có việc làm ác có thể giải trừ.

Do vậy, Đại vương! Cứ như vậy hành tác nơi chỗ tương ưng sâu bền ấy, dùng tâm không điên đảo suy xét như thực. Khi đã suy xét rồi, theo lúc suy xét ấy không có chút pháp nào có thể giữ, có thể bỏ, cũng không pháp nào có thể cùng trụ. Nếu tất cả pháp đều không cùng trụ thì đấy là khinh an. Pháp khinh an tức là pháp tịch tĩnh. Pháp tịch tĩnh tức là pháp tự tánh, pháp tự tánh tức không tự tánh. Tất cả pháp không tự tánh tức là không chủ tể.

Đại vương! Trong pháp quán xét này nên dùng pháp nhẫn, lại cũng không có pháp nhẫn có thể tác. Vì sao vậy? Đại vương! Vì mọi sở tác đều tịch tĩnh. Người hiểu rõ như vậy sẽ chứng đắc Niết-bàn. Trong đây, không có pháp có thể tác, cũng không phải không tác. Hoặc tác hoặc không tác, điều này đều hướng về Niết-bàn tịch tĩnh.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 8

Bấy giờ, Vua A-xà-thế cầm chiếc áo lông thượng diệu giá trị trăm ngàn dâng lên Bồ-tát Diệu Cát Tường, nhưng Bồ-tát không nhận. Vua bèn khoác chiếc áo ấy lên người Bồ-tát. Chiếc áo chưa chạm đến thân thì Bồ-tát đã ẩn biến không còn thấy. Vua không còn thấy Bồ-tát nữa liền nghe trong không trung có tiếng nói: Đại vương! Nếu ông có thể thấy được thân tướng Bồ-tát Diệu Cát Tường tức có thể thấy chỗ tạo ác hiện có của ông. Nếu thấy như vậy tức thấy tất cả pháp kia. Nếu thấy tất cả pháp thì ông hẳn thấy chỗ dâng chiếc áo lông. Nếu ông không thể thấy như cái thấy, hẳn ông không thấy chỗ dâng áo.

Đại vương! Nếu ông có thể thấy người có thân tướng thì hãy tặng áo.

Vua liền lấy áo lông dâng cho tất cả đại chúng Thanh văn Bồ-tát và các cung nhân thể nữ, quyến thuộc, nhưng tất cả đều không thấy thân tướng. Vua bèn nhập định để quán sát, đều không có chút hình sắc mà mắt có thể thấy, không cảnh tượng nào hiện ra được, trong đó chỉ còn tưởng tự thân mình đang chuyển, lại nghe nơi không trung có tiếng như vậy: Nếu ông có thể thấy thân tướng của chính ông, thì mới nên dâng áo. Vua bèn tự quán sát nhưng cũng không thấy thân tướng chính mình. Lúc ấy vua bèn lìa tất cả nghĩ tưởng về sắc. Lại nghe nơi không trung có tiếng nói: Đại vương! Nếu không có chút sắc tướng thô, tế nào có thể thấy được như thế, thì cũng hẳn nhiên tương ưng thấy việc tạo ác như vậy, cũng hẳn nhiên thấy tất cả pháp, như vậy Ông không thấy kia tức lìa thấy, rời cái thấy, như có thể thấy đó tức là không phải thấy. Đại vương! Như không phải thấy, không phải không thấy, đây tức là thấy đúng, là chánh kiến. người thấy tất cả pháp như vậy, cũng tức là không thấy. Đại vương! Không thấy như đây, đó là thấy đúng chân thật. Lúc ấy, Vua A-xà-thế rời bỏ được tất cả nghi hoặc về hết thảy pháp. Từ định khởi xong, lại quán tất cả đại chúng, cũng trọn không thấy.

Kinh Huyễn Sĩ Nhân Hiền nói: Bồ-tát có bốn pháp để tư duy nghĩa kinh. Bốn pháp ấy là:

Một là: Duyên theo pháp mà sinh khởi không phải là không có nhân

tạo tác.

Hai là: Không có pháp có thể sinh cũng không có tánh "chúng sanh".

Ba là: Nếu pháp do duyên sinh thì sự sanh ấy là vô tánh.

Bốn là: Trong pháp sâu xa không có môn sai biệt, cũng không hủy hoại Bồ-đề

Kinh Bồ-Tát Thập Trụ nói: Phật dạy: Diệu Cát Tường! Bậc Bồ- tát có năm pháp khiến được an ổn và có thể làm thanh tịnh bậc Sơ địa.

Năm pháp là:

Một là: Nếu tự an trụ được trong trí giải thoát không có sở duyên rồi, lại khiến người khác cũng an trụ trong trí giải thoát không có sở duyên, đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Hai là: Trí giải thoát không có sở duyên tức là không hai, pháp duyên thanh tịnh không hai là không sinh. Đã tự an trụ trong pháp giải thoát này rồi, lại khiến người khác cũng đều an trụ nơi pháp duyên không sinh trong pháp giải thoát, đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Ba là: Pháp duyên vô sinh ấy tức là tự tánh của các duyên là không sinh, tất cả các pháp đều không có chỗ có. Đã tự an trụ trong pháp giải thoát này rồi lại khiến người khác cũng đều an trụ trong pháp giải thoát của tất cả pháp không có chỗ có này, đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Bốn là: Tất cả pháp không có chỗ có ấy tức là những phân biệt phần vị đều không tự tánh, trí quán như hư không. Đã tự an trụ trong pháp giải thoát này rồi, lại khiến người khác cũng đều an trụ trong pháp giải thoát, trí như hư không này, đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Năm là: Trí như hư không ấy tức không tạp loạn, không nương dựa; là trí lìa tâm ý thức đã tự an trụ trong sự giải thoát ấy rồi, khiến người khác cũng đều an trụ trong pháp giải thoát của trí lìa tâm ý thức, đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Nên biết trong trí lìa tâm ý thức này là trí không phát ngộ có chỗ thủ đắc. Đó là năm pháp.

Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: Phạm thiên hỏi Bồ- tát Quang Võng: Tất cả pháp sâu bền hay không sâu bền?

Bồ-tát nói: Như theo ông, làm sao để nói pháp là sâu bền hay không sâu bền?

Phạm thiên nói: Nếu không tư duy tức tất cả pháp là sâu bền. Nếu tâm cùng tư duy có chỗ hòa hợp tức là không sâu bền. Lại nữa, nếu tất cả pháp lìa tướng tức là sâu bền. Nếu lại trong chỗ lìa có chỗ hòa hợp thì chỗ

hành có sai biệt. Nếu trong chỗ sai biệt có chỗ hành tức là các nơi tạo tác đều không sâu bền.

Bồ-tát nói: Theo ông như thế làm sao các pháp có thể sinh?

Phạm thiên nói: Các pháp sinh ra từ trong cảnh giới lìa thực tế thanh tịnh

Kinh Bảy Trăm Bài Tụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa có đoạn: Phật nói: Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Lúc ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, ông trụ chỗ nào mà tu?

Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa: Thưa Thế Tôn! Lúc con tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều không có chỗ trụ để tu.

Phật hỏi: Diệu Cát Tường! Không chỗ trụ, làm sao tu Bát-nhã Ba- la-mật-đa?

Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa: Thế Tôn! Lúc con tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa thực không có pháp nào để có thể trụ.

Phật hỏi: Diệu Cát Tường! Lúc ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa có những thiện căn nào? Tăng hay giảm?

Diệu Cát Tường thưa: Thưa Thế Tôn! Lúc ấy con không có chút thiện căn nào hoặc tăng hoặc giảm. Thưa Thế Tôn! Người tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều không có pháp tăng hay giảm.

Trong phẩm Bồ-Tát Diệu Cát Tường Thần Biến nói: Các vị Thiên tử thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường: Như Bồ-tát nói thì rất ít người có thể hiểu rõ nghĩa ấy?

Bồ-tát đáp: Thiên tử! Chỗ tôi đã nói là trí Phật thật sâu xa, dù ít dù nhiều cũng không thể hiểu hết được. Vì sao vậy? Vì trí Phật không chấp trước, không phân biệt, không thể ghi nhớ, không thể nêu bày không phải tác dụng, không phải ngôn ngữ diễn đạt, rời lìa tâm ý thức. Dù biết một ít, dù biết khắp cũng không thể hiểu rõ một cách dễ dàng.

Thiên tử hỏi: Nếu không thể biết được trí Phật thì bậc Thanh văn làm sao hiểu được? Các Bồ-tát làm sao trụ nơi không thoái chuyển?

Bồ-tát đáp: Thiên tử! Đấng Như Lai dùng phương tiện khéo léo, mượn văn tự mà trí tuệ theo đấy được khai tỏ hiểu biết. Trí này không văn tự, cũng như trong lửa đi tìm lửa thì tìm gì trong đó? Thiên tử! Như Lai cũng lại như vậy. Nếu lúc đầu đã nói trí Phật quảng đại thì không có loài hữu tình nào hiểu nổi trí Phật. Do đó nói thuyết giảng những ngôn ngữ như vậy để khai thị trí Phật. Trí Phật thì không có văn tự.

Thiên tử hỏi: Thưa Bồ-tát! Những gì là ngôn ngữ thuộc chủng loại trí

Phật?

Bồ-tát đáp: Thiên tử! Như ngôn ngữ nói về trì giới và pháp ngăn cấm hoặc nói pháp tương ưng của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hoặc nói pháp đi vào chỗ kiến giải Bồ-đề phần. Những điều thuyết giảng ấy là ngôn ngữ thuộc chủng loại trí tuệ Phật. Này Thiên tử! Nếu nói pháp lìa sinh lìa diệt, dùng ngôn ngữ diễn đạt nghĩa lìa xen tạp và không xen tạp, lìa nhiễm lìa tịnh, không chán lìa sanh tử, không vui thích Niết-bàn, không biết, không dứt đoạn, không tu, không chứng, không đắc, cũng không có Tam muội hiện tiền có thể chuyển, thì những ngôn ngữ như nói đây chính là âm thanh không thể nghĩ bàn, là ngôn ngữ của diễn đạt chân thực thanh tịnh

Kinh Nhất thiết pháp quyết định vô sở đắc nói: Phật hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường: Pháp của các Như lai nói không thể nghĩ bàn, và cảnh giới không thể nghĩ bàn, phải nói thế nào mới đúng?

Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa: Đây không thể nghĩ bàn, vì cảnh giới không thể nghĩ bàn chính là các Như Lai thuyết giảng. Thưa Thế Tôn! Cảnh giới lìa tư duy, không phải là chỗ hành, của tâm không phải là chỗ suy lường của tâm, không phải là pháp chọn lựa của tâm. Thưa Thế Tôn! Tâm như vậy tức là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có tâm có thể tư duy, tâm này lìa tư duy, nên tức là tự tánh của tâm cũng không hề có. Tâm không tư duy ấy là tâm như thực. Thưa Thế Tôn! Đây chính là cảnh giới không thể nghĩa bàn.

Kinh trên lại nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Ông chớ nên khoác chiếc áo giáp hóa độ hữu tình này.

Diệu Cát Tường thưa: Thưa Thế Tôn! Nếu biết cảnh giới hữu tình không tăng không giảm, trong đó có hữu tình nào có thể độ khiến vào Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Trong hư không kia nếu có người có thể độ được thì giới hữu tình cũng có thể hóa độ. Lại nữa, muốn tâm Bồ-đề có chỗ hóa độ thì loài hữu tình ấy cũng có thể phát khởi tạo sự hóa độ. Thưa Thế Tôn! Tất cả pháp là Bồ-đề. Cũng lại không có Bồ-đề nhiễm hay tịnh có thể thủ đắc. Nên Thế Tôn dạy: Ông chớ nên khoác áo giáp hóa độ hữu tình. Thưa Thế Tôn! Hữu tình không nhiễm, nên con cũng không trụ nơi tâm hóa độ hữu tình. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Nếu có hữu tình tức có nhiễm tịnh biểu lộ. Đã không có hữu tình thì còn biểu lộ nhiễm tịnh gì nữa. Thưa Thế Tôn! Nếu pháp có theo duyên sinh thì không trái nhau. Thưa Thế Tôn! Trong pháp duyên sinh thực sự không có nhiễm tịnh có thể thủ đắc do tất cả pháp tự tánh không thật là tánh duyên sinh. Nếu đối với duyên cũng không có nghĩa duyên nhiễm tịnh có thể đạt được vậy là không có nghĩa duyên sinh. Thưa

Thế Tôn! Bậc trí hiểu rõ như thế, lại trong nghĩa duyên sinh như vậy, bậc trí đều không phân biệt. Trong nghĩa không phân biệt ấy, tức là không nhiễm, không tịnh. Cũng ví như huyễn sư và đệ tử của ông ta tạo ra lầu, gác hoặc nhà cửa đầy đủ ánh sáng rộng lớn.

Hoặc có người nói: Ta có sức dũng mãnh có thể ngưng dừng ngay chỗ ánh sáng đẹp hội tụ nơi lầu gác ấy. Người này chỉ tổn sức thân mệt mỏi cuối cùng cũng chẳng thành được.

Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Thưa Thế Tôn! Khoác áo giúp tinh tiến hóa độ hữu tình cũng lại như vậy, tự làm nhọc khổ cuối cùng cũng không cỗ thủ đắc.

Kinh trên lại nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Ông hãy quán xét như thực những gì là pháp tăng ngữ?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Đây nói quán xét như thật nghĩa là quán xét như thật rõ ràng pháp kia, không một tánh hay là nhiều tánh có thể tạo tác. Nếu suy xét như thật trong không chủng loại, không phân biệt pháp tức là không có sự suy xét như thực. Thưa Thế Tôn! Cái không suy xét như thực này chính là tăng ngữ. Cho nên nếu sự suy xét như thực thành tựu rồi, thì trong sự suy xét không khởi lên các kiến giải ta là phàm phu hay ta là Thánh nhân. Vì sao vậy? Vì các pháp đều không có chỗ quán. Nếu pháp không lập cái thấy là phàm phu hay là Thánh nhân tức được thành tựu suy xét như thực. Thưa Thế Tôn! Thiện nam hay thiện nữ nào có thể trụ như vậy tức là được tương ưng pháp giới, trong ấy không có pháp nhỏ nào hoặc bình đẳng hoặc sai biệt có thể thủ đắc. Nếu nói pháp phàm phu sai biệt thì cũng không sinh phân biệt, hoặc nói pháp Thánh nhân bình đẳng cũng không sinh phân biệt. Vì sao vậy? Vì sở duyên không thể có được. Nếu trong sở duyên hoặc bình đẳng hoặc có sai biệt có chỗ để nắm giữ, vậy tức là phân biệt nhưng tánh phân biệt đều không sở hữu.

Nếu trong những sở duyên kia có bình đẳng, sai biệt mà có thể nắm giữ thì pháp mình, pháp người tức có sai biệt. Do đó nên biết chắc chắn không có pháp để nắm giữ.

Kinh Duy Ma Cật nói: Thế nào là gốc bệnh? Có duyên dựa tức là gốc bịnh. Nếu có duyên dựa tức có bệnh, chỗ có duyên dựa đó là tam giới. Nếu không duyên dựa thì biểu hiện ở đâu? Nếu duyên dựa không thể có được tức là không có sở đắc. Thế nào là không có sở đắc? Đó là hai cái thấy đều không chỗ thủ đắc. Thế nào là hai cái thấy? Đó là thấy bên trong và thấy bên ngoài. Hai cái thấy trong và ngoài ấy đều không chỗ thủ đắc.

Kinh này lại nói: Bồ-tát Ái Kiến nói: Sắc và không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt là không mà tự tánh của sắc là không. Như vậy cho đến thức tức là không. Chẳng phải thức diệt là không mà tự tánh của thức là không. Hiểu rõ năm uẩn này tức là vào pháp môn không hai.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Xá-lợi-tử hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề: Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa làm sao có thể nhận biết phương tiện thiện xảo?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu lúc Bồ-tát Ma-ha- tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì không hành sắc, không hành thọ tưởng, hành, thức, không hành sắc có tướng, cho đến không hành thọ tưởng hành thức có tướng. Không hành sắc vô thường, không vô thường, không khổ, không vui, không ngã, không vô ngã, không tịch lặng, không động, không "không", không "chẳng không", không tướng, không vô tướng, không nguyện, không vô nguyện, không lìa, không chẳng lìa. Như vậy cho đến không hành thức vô thường, không vô thường cho đến không lìa, không chẳng lìa. Năm uẩn như vậy, thì các pháp hiện có như giới, xứ duyên sinh, Bồ-đề phần, thần thông Ba-la-mật-đa, lực vô úy, vô ngại giải, pháp Phật bất cộng… cho đến không lìa không chẳng lìa, tất cả các pháp trên đều không hành. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-tử! Sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Như vậy cho đến Thức chẳng khác không, không chẳng khác thức. Thức tức là không, không tức là thức. Như vậy giới, xứ duyên sinh, cho đến pháp Phật bất cộng… tức là không, không tức là pháp bất cộng… Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy thì tức có thể nhận biết phương tiện thiện xảo. Nhưng Bồ-tát ấy đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không nghĩ ta hành, không nghĩ ta chẳng hành, không nghĩ ta cũng hành cũng chẳng hành, không nghĩ ta chẳng phải là hành, chẳng phải là chẳng hành. Vì sao thế? Tự tánh của vô tánh tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Trong kinh này lại nói: Phật dạy: Này Kiều-thi-ca! Có thiện nam hay thiện nữ, lúc tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hoặc có người phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Thế nào là phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật- đa? Đó là nếu nói sắc là vô thường, là khổ, là vô ngã, là bất tịnh, như vậy thọ, tưởng, hành, thức, cho đến giới, xứ, thiền định vô lượng, vô sắc định, niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác đạo, Thánh đế, vô sở úy, vô ngại giải, pháp Phật bất cộng, cho đến tất cả tướng trí… tất cả là vô thường, là khổ, là vô ngã, bất tịnh. Nếu hành như vậy tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thì đó là phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Thế nào là không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa? Đó là thuyết giảng thế này: Này thiện nam, lúc ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đừng quán sát sắc là vô thường, sắc là khổ, vô ngã, bất tịnh. Như vậy cho đến đừng quán tất cả tướng trí là vô thường, khổ, vô ngã bất tịnh. Vì sao? Vì tự tánh của sắc là không. Nếu tự tánh của sắc là không, đó là Bát- nhã Ba-la-mật-đa. Nếu trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa không có sắc nào là thường, có thể được, như vậy sắc ấy là không hề có, huống gì hoặc thường hay vô thường lại có thể đạt được? Cũng nói như vậy với thọ tưởng hành thức cho đến tất cả tướng trí.

Nói giảng như trên tức là không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Lại nữa nếu nói: Thiện nam! Lúc ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đừng cho có pháp có thể vượt qua, đừng cho có pháp để có thể an trụ. Vì sao thế? Vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa, trong tất cả các pháp đều không hề có. Nếu pháp không vượt qua, không chỗ trụ, tức tự tánh của tất cả các pháp đều rỗng không. Nếu tự tánh của pháp là "không" tức pháp là vô tánh. Nếu pháp là vô tánh tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy tức là không có pháp hoặc ra, vào, sinh, diệt.

Thuyết giảng như trên là không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Tu-bồ-đề lại thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thế nào là có sở đắc? Thế nào là không sở đắc?

Phật dạy: Tu-bồ-đề! Nếu pháp có hai tức là có sở đắc.

Nếu pháp không hai tức là không sở đắc.

Tu-bồ-đề hỏi: Thưa Thế Tôn! Thế nào là hai?

Phật dạy: Tu-bồ-đề! Mắt và sắc là hai. Ý và pháp là hai… cho đến pháp Bồ-đề và pháp Phật là hai.

Tu-bồ-đề nói: Thưa Thế Tôn! Có sở đắc là không sở đắc chăng?

Không sở đắc là không sở đắc chăng?

Phật dạy: Tu-bồ-đề! Không phải có sở đắc ấy là không sở đắc, cũng không phải không sở đắc là không sở đắc. Tu-bồ-đề! Hoặc có sở đắc, hoặc không sở đắc đều bình đẳng, đây tức là không sở đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề hỏi: Thưa Thế Tôn! Có phải không trụ ở trong thắng nghĩa đế mà chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng chăng?

Phật nói: Không phải.

Tu-bồ-đề hỏi: Hay trụ trong pháp điên đảo để chứng quả chăng?

Phật nói: Không phải.

Tu-bồ-đề nói: Nếu không trụ trong Thắng nghĩa đế, lại cũng không

phải trụ trong pháp điên đảo mà thành Chánh giác, thì có phải Như Lai không chứng quả Bồ-đề chăng?

Phật nói: Tu-bồ-đề! Ta chứng quả Bồ-đề nhưng ở trong giới hữu vi hay trong giới vô vi đều không chỗ nào để trụ.

Phật lại nói: Tu-bồ-đề! Ta không thể dùng vô tánh trong vô tánh mà thành Chánh giác.

Tu-bồ-đề nói: Thế Tôn! Có phải không dùng vô tánh trong hữu tánh tức có thể thành Chánh giác chăng?

Phật nói: Không phải.

Tu-bồ-đề nói: Như dùng vô tánh trong vô tánh có thể thành Chánh giác không?

Phật đáp: Không thể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta từng nói với ông ở kinh Kim Cương Bát- nhã Ba-la-mật-đa: Này, Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao? Như Lai đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng không? Như Lai có pháp thuyết chăng?

Tu-bồ-đề nói: Như chỗ con hiểu nghĩa Phật giảng nói thì không có pháp Như Lai đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, cũng không có pháp mà Như Lai có thể thuyết giảng. Vì sao? Vì nếu có pháp Như Lai giảng nói thì pháp ấy không thể nắm giữ, không thể nói, không phải là pháp, không phải là không pháp. Vì sao như thế? Vì tất cả các bậc Thánh Hiền đều do các pháp vô vi mà có chỗ khác biệt. Như Lai chỉ vì hóa độ chúng hữu tình nên dùng phương tiện khéo léo mở ra vô số môn tuyên thuyết về chánh pháp thâm diệu như thế.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 9

Như trong Kinh Nhập Lăng Già, Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về Như Lai Tạng: Phật bảo: Đại Tuệ! Vì sao ông hỏi Như Lai về tự tánh sáng tỏ, thanh tịnh, xưa nay vốn thanh tịnh, và các thuyết như vậy? Đức Như Lai có đủ ba mươi hai tướng tốt, trong tất cả thân của chúng hữu tình, như vật báu vô giá được buộc giấu trong chiếc áo bẩn rách, những buộc che của áo Uẩn, Xứ, Giới, cũng như vậy. Tham-sân-si kia không chấp trước là thật. Những cấu nhiễm này là pháp vô thường, không bền chắc, không phải cứu cánh.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Chỗ nói của ngoại đạo như nói về thần ngã, vì sao không thể sánh với chỗ nói về Như Lai tạng? Do ngoại đạo nói Thần ngã là thường. Ngã có thể tạo tác, lìa buộc, tự tại, mà vĩnh viễn không diệt? Như thuyết của ngoại đạo nói về Thần ngã như vậy.

Phật dạy: Đại Tuệ! Nói về ngã của ngoại đạo không thể so với chỗ nói về Như Lai tạng. Này Đại Tuệ! Chỗ Ta nói về thực tế, Niết-bàn, là Vô sinh, là Không, Vô tướng, Vô nguyện, những câu nghĩa như thế, bậc Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chánh giác vì những kẻ ngu tối, khiến lìa sự sợ hãi về pháp Vô ngã nên dùng phương tiện nói môn Như Lai tạng không phân biệt, không chỗ đối ngại. Trong đây cũng không phải là, các Bồ-tát Ma-ha-tát vị lai, hiện tại chấp trước vào ngã mà tạo tác.

Đại Tuệ! Vì như người thợ gốm, lấy đất sét, dùng nước, dây niền và những công cụ ra sức làm thành các loại đồ dùng. Như Lai cũng lại như vậy, trụ ở pháp vô ngã, lìa tướng phân biệt, nên lấy vô số phương tiện của thắng tuệ khéo tương ưng để thuyết giảng hoặc Như Lai tạng, hoặc pháp Vô ngã; khéo dùng thí dụ, câu văn lời nói mà thuyết giảng. Với duyên cớ ấy, nên lời nói về Ngã của ngoại đạo không thể sánh với chỗ nói về Như Lai tạng. Đại Tuệ ! Lại lời ta nói về Như Lai tạng chỉ để hàng phục lời của các ngoại đạo chấp Ngã cho nên dùng phương tiện để nói về Như Lai tạng. Như vậy cớ gì họ lại cứ thích rơi vào kiến chấp về chủ tể không thực? Nếu ý vui thích ba môn giải thoát, đầy đủ thì có thể mau chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng. Với những ý nghĩa trên nên lời nói về ngã của ngoại đạo không

thể nào sánh với chỗ nói về pháp Như Lai tạng của đấng Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chánh giác được. Này Đại Tuệ! Để khiến Ngoại đạo lìa bỏ các kiến chấp, hãy khiến họ tùy thuận tạng pháp vô ngã của Như Lai, chỗ tuyên thuyết này là pháp cứu cánh thành tựu vô thượng. Đó là pháp "không", không sinh, không hai, là pháp không tự tánh của Bồ-tát, đó là pháp thâm diệu. Nếu được tuyên thuyết và thọ trì là có thể thâu tóm khắp mọi nghĩa sâu xa của tất cả kinh điển Đại thừa. Vì sao? Vì pháp thâm diệu nầy, đã gồm thâu hết thảy pháp nơi tất cả kinh điển. Kinh ấy lại nói: Đại Tuệ! Pháp "không", không sinh, không nhị, không tự tánh tướng này gồm thâu khắp tất cả chư Phật và tất cả kinh điển.

Trong Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội, Như Lai nói kệ:

Trong thế giới tam thiên đại thiên
Những kinh điển Ta đã tuyên thuyết,
Các loại văn cú đều một nghĩa
Nên không thể thuyết giảng khắp nữa!
Cho đến thuyết rộng nhiều loại pháp
Của tất cả các đức Như Lai.
Vì nếu đã tu học nghĩa một câu
Thì mọi tu tập được thành tựu
Tất cả các pháp tánh đều "không".
Nếu người hiểu rõ được nghĩa này
Tức học được thành từ câu nghĩa,
Pháp của chư Phật không khó được,
Pháp rất sâu xa dễ tin hiểu,
Đạt được tất cả thắng phước sinh,
Mọi việc thế gian và xuất thế,
Đều được hoàn thành chứng quả Phật.

Kinh Bảo Thọ nói: Lại nữa, Diệu Cát Tường! Có Bồ-tát trải qua trăm ngàn kiếp tu sáu Ba-la-mật, đủ phương tiện thiện xảo. Lại có người siêng cầu nghe nhận chánh pháp này thì người ấy thu được lượng phước nhiều hơn vị Bồ-tát trên. Huống gì là với tâm không chỗ cầu mà nghe nhận, viết chép rộng giảng nói cho người khác.

Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật bảo: Tu-bồ-đề!

Ý ông thế nào? Số cát hiện có trong sông Hằng, nếu mỗi mỗi hạt là một sông Hằng, thì số cát hiện có nơi những sông Hằng ấy là nhiều chăng? Tu-bồ-đề đáp: Các con sông Hằng ấy thôi, đã là quá nhiều vô số, huống chi là số cát của chúng!

Phật bảo: Này Tu-bồ-đề ! Nay ta bảo thực với ông: Nếu Thiện nam, Thiện nữ đem bảy báu chất đầy trong số thế giới như số cát nơi những con sông Hằng kia dùng làm bố thí chư Phật Như Lai, thì do nhân duyên ấy các Thiện nam Thiện nữ kia được phước nhiều chăng? Tu-bồ-đề đáp: Thưa nhiều, nhiều lắm, thưa Thế Tôn!

Phật nói: Tu-bồ-đề ! Nếu có người theo chánh pháp này, cho đến chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, vì người khác mà giảng nói thì phúc người này hơn phúc người trên

Kinh Phạm Vương Vấn nói: Này nhân giả! Nếu có Thiện nam, Thiện nữ nơi chỗ của Như Lai muốn tu sự phước nên nghe kỹ, tuy hiểu và thọ trì chánh pháp này tức có thể thu hoạch được sắc tướng giàu thịnh, đông nhiều quyến thuộc, nơi pháp tự tại, hưởng được vui sướng trong cõi nhân, thiên.

Kinh Xá-Lợi-Tử Thuyết Bát-Nhã Ba-la-mật-đa nói: Xá-lợi-tử thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Nếu có người nghe nói Bát-nhã Ba-la- mật-đa này, nghe xong rồi tin hiểu, người này tức được bất thoái chuyển nơi Bồ-đề.

Bồ-tát Từ-Thị nói: Thưa Thế Tôn! Nếu có người nghe giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nghe xong rồi tín hiểu thì vị Bồ-tát ấy được gần quả vị Phật.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Thưa Thế Tôn! Nếu có người nghe giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa này nghe rồi tín hiểu thấy vị Bồ-tát ấy như tưởng đến Phật, tất cả tội nhiễm ô tạo ác đều được giải trừ, tất cả nghiệp chướng đều được thanh tịnh, có thể sinh thắng giải nơi pháp thâm diệu.

Kinh Như Lai Tạng nói: Phật bảo: Ca-diếp! Mười nghiệp bất thiện nhất là:

Một là: Giả sử có người cha là Duyên giác mà khởi tâm sát hại. Đây là tội sát sanh nặng nhất.

Hai là: Chiếm đoạt vật tiền của Tam bảo, đó là tội trộm nặng nhất.

Ba là: Giả sử có mẹ là A-la-hán mà sinh nhiễm đắm. Đây là tội tà nhiễm nặng nhất.

Bốn là: Có người nói: Ta là Như Lai. Đây là tội vọng ngữ nặng nhất.

Năm là: Làm ly gián trong Thánh chúng. Đây là tội nói hai lưỡi nặng nhất.

Sáu là: Hủy báng Thánh chúng. Đây là tội ác khẩu nặng nhất.

Bảy là: Dùng lời nói giả dối tạp loạn làm trở ngại chánh pháp.

Đây là tội nói lời thêu dệt nặng nhất

Tám là: Thấy chỗ chính nghĩa chính đạo có lợi dưỡng, khởi tâm chiếm đoạt. Đây là tội tham dục nặng nhất.

Chín là: Khen ngợi năm tội vô gián. Đây là tội sân hận nặng nhất

Mười là: Khởi ác kiến hẹp hòi sai lạc. Đây là tội tà kiến nặng nhất

Này Ca-diếp! Những thứ trên là mười nghiệp bất thiện đều là tội nặng nhất. Nếu hữu tình nào có tội như vậy hành đủ mười nghiệp bất thiện, Như Lai tức vì họ giảng nói pháp nhân duyên hòa hợp, khiến được hiểu rõ vào pháp. Lúc đó, cũng không có tưởng ngã, nhân, hữu tình, thọ giả. Nếu có thể lãnh hội được pháp vô tác, vô vi như huyễn này thì lìa được nhiễm, được thanh tịnh và tự tánh sáng tỏ, hiểu được tất cả pháp xưa nay thanh tịnh, tịnh tín và thắng giải nơi tất cả pháp. Ta nói người này không bị đọa vào cõi ác. Vì sao? Vì không có các tánh tụ hội phiền não có thể được; sinh rồi, tức liền tất cả hủy hoại. Cho nên biết nhân duyên hòa hợp, một khi tụ lại, các phiền não được sinh, sinh rồi liền diệt, hoặc mống tâm dứt trừ thì các phiền não theo đó tức là có sinh. Nếu hiểu được như vậy thì có tội ở chỗ nào? Không có chỗ chứa nhận. Nếu nói có các tội chướng có thể trụ thì không có điều ấy.

Trong phẩm Hàng Ma, Tôn giả trì luật Ưu-ba-ly hỏi: Các ngươi là ma ác thì làm thế nào là Tỳ-khưu hành trì luật chân chính?

Ma nói: Thưa Tôn giả! Nếu vị Tỳ-khưu hiểu rõ tất cả pháp trọn được điều phục, các tội xưa nay không có chỗ đầu, cuối, vì rời lìa mọi biên vực, nếu phạm tội Đọa và các Ác tác khác thì đều giải trừ, chớ nên chấp chặt. Dùng những pháp như vậy để khai thị cho người khác, kẻ phạm phải năm tội vô gián còn trừ được hết huống chi là chỉ phạm ít cấu nhiễm phá giới.

Hiểu rõ luật pháp này là không bị phiền não khách trần cấu nhiễm, sanh tưởng xuất ly biết rõ các phiền não không ở trong, không ở ngoài cũng không ở khoảng giữa. Không phải Trí lìa nhiễm có thể trừ diệt phiền não. Tánh lìa nhiễm cũng không thể dứt trừ. Người trí quán như thật về các phiền não như mây nổi bị gió thổi trôi tan. Tùy chỗ phương hướng đi về đâu? Trụ ở đâu? Lại nữa các phiền não như mặt trăng trong nước, chấp dựa vào ảnh tượng đối hiện trước mắt. Các phiền não lại cũng là cảnh giới đen tối, đèn trí tuệ sáng suốt có thể soi chiếu xua tan. Lại giặc trộm phiền não phá hoại sắc tướng như quỉ Dạ-xoa, La- sát. Nếu tác ý sâu chắc, suy xét như thật, tức không chỗ trụ. Lại những phiền não thường rình rập làm hại. Nếu không tác ý sâu chắc thì phiền não tăng trưởng, còn ở trong pháp trí tuệ không, vô tướng, vô nguyện tức không có gì trái hại. Lại đối với các phiền não, như vậy, người trí dùng trí đối với việc chấp trước phiền não, và

chấp trụ ở pháp đối trị của hữu tình kia, trước hết khởi tâm thương xót, rồi thuyết pháp không ngã, không hữu tình, khiến họ rời nhiễm. Đây tức là trì luật chân thật.

Kinh Vua A-Xà-Thế nói: Phật bảo: Này Tôn giả A-nan! Nay ta bảo thực với ông: Nếu có người phạm năm tội vô gián, được nghe chánh pháp như vậy rồi có thể sinh thắng giải, Ta không nói người đó có nghiệp và nghiệp chướng. A-nan! Nói tóm lại. Ta đây muốn tuyên thuyết chánh pháp sâu xa này, nên phải sinh tâm thắng giải, xưng tán rộng rãi, thường ở nơi kinh kia chuyên cần nghe nhận, không lìa. Bồ tát có phương tiện khéo léo phải siêng năng như thế mà thuyết giảng pháp thâm diệu. Cho nên, trí tuệ và phương tiện là hai pháp không lìa. Đây là chánh pháp tương ưng của Bồ-tát.

Kinh Duy Ma Cật nói: Không có tuệ phương tiện buộc mà có tuệ phương tiện mở. Thế nào là không có tuệ phương tiện buộc? Nếu Bồ-tát điều phục tâm mình trong pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, không dùng tướng tốt để trang nghiêm cõi Phật và thành thục loại hữu tình, thì đây là không có tuệ phương tiện buộc. Thế nào là có tuệ phương tiện mở? Nếu Bồ-tát có khả năng dùng tướng tốt trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình, điều phục được tâm trong pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Siêng năng tu hành hết mực, không lúc nào lười mỏi. Đây tức là có tuệ phương tiện mở.

Thế nào là không có tuệ phương tiện buộc? Nếu Bồ-tát đối với các kiến phiền não sinh khởi, theo đuổi nó chấp trụ là "có", nhưng vẫn phát khởi tất cả thiện căn và hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng, thì đây là không có tuệ phương tiện buộc.

Thế nào là có tuệ phương tiện mở? Nếu Bồ-tát đối với các kiến phiền não sinh khởi, theo đuổi nó mà đoạn các chấp "có" rồi, phát khởi tất cả thiện căn, hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng, đều không chỗ nắm giữ, thì đây là có tuệ phương tiện mở.

Tuệ và phương tiện, hai pháp này hòa hợp nên biết đều là hạnh của Bồ-tát. Thế nào là hạnh Bồ-tát? Không phải là hạnh phàm phu, cũng không phải là hạnh Hiền Thánh, đó là hạnh Bồ-tát

Nơi sinh tử không bị nhiễm ô, nơi Niết-bàn không cầu tịch diệt, đó là hạnh Bồ-tát. Tuy cầu tìm trí bốn đế mà cũng không trái thời thủ chứng Niết-bàn. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán nội không mà thường nghĩ thị hiện thọ sinh trong tam giới, đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán pháp vô sinh, nhưng không vào chính vị, đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy thâu nhiếp tất cả hữu tình, nhưng không nhiễm vướng, đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành nơi "không" nhưng thường siêng đạt các tướng công đức, đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành vô tác, nhưng vẫn siêng tu tất cả việc thiện, đạt được khinh an, đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy tu tập chỉ quán mà không hoàn toàn rơi vào tịch diệt, đó là hạnh Bồ-tát. Tuy chuyển pháp luân, thị hiện Đại Bát Niết-bàn, nhưng không bỏ chỗ làm của hạnh Bồ-tát, đó là hạnh Bồ-tát.

Tất những những việc như trên đều là thực hiện hạnh Bồ-tát. Kinh Hàng Ma nói: Lại nữa, có chính hạnh tối thượng của bậc Bồ-

tát Ma-ha-tát, đó là trí thắng tuệ tăng thượng tương ưng. Như trí phương tiện là hành gồm thâu khắp tất cả các pháp thiện. Trí thắng tuệ là trí không ngã, không nhân, không hữu tình, không thọ giả, không nho đồng v.v… Trí phương tiện là hạnh thành thục tất cả hữu tình. Trí thắng tuệ là hạnh gồm thâu khắp các pháp. Trí phương tiện là hạnh thâu nhận chánh pháp. Trí thắng tuệ là hạnh không phân biệt tất cả pháp giới Phật. Trí phương tiện là hạnh thừa sự, cúng dường tôn trọng tất cả pháp Phật. Trí thắng tuệ là hạnh thấy tất cả cõi Phật như hư không. Trí phương tiện là hạnh tạo đầy đủ công đức trang nghiêm nơi tất cả cõi Phật và làm nghiêm tịnh các cõi ấy. Trí thắng tuệ là hạnh tu vô vi của tất cả Thánh Hiền. Trí phương tiện là hạnh khởi tâm tôn kính tất cả sư tôn và thi hành các loại tác dụng. Trí thắng tuệ là hạnh quán xét thân Phật vô lậu. Trí phương tiện là hạnh tu tướng hảo như Phật. Trí thắng tuệ là hạnh quán sát tất cả những sự việc không sinh và không khởi.

Trí phương tiện là hạnh thường tư duy về ba cõi và thị hiện thọ sinh trong ấy.

Kinh Vô Tận Ý nói: Phương tiện của Bồ-tát là thế nào? Và thắng tuệ của Bồ-tát là thế nào?

Lúc nhập định, khởi tâm đại bi duyên một cách vững chắc để quán sát hữu tình, đó là phương tiện.

Nếu ở trong định, trụ chỗ tịch tĩnh, và tạo tịch tĩnh khắp, thì đó là thắng tuệ.

Nếu lúc vào định khởi tâm đại bi tùy thuận đạo Phật, thì đó là phương tiện.

Nếu không có chỗ để nương dựa và quán sát, thì đó là thắng tuệ.

Nếu lúc vào định, quán sát và thâu tóm khắp tất cả pháp kia, thì đó là phương tiện.

Nếu quán pháp giới, không hề có chỗ phân biệt, thì đó là thắng tuệ.

Nếu lúc vào định, thấy thân Phật trang nghiêm được tạo tác ở trước, thì đó là phương tiện.

Nếu lúc vào định, quán sát phần vị pháp thân, thì đó là thắng tuệ.

Kinh Duy Ma Cật nói: Phật bảo: Này Bồ-tát Từ Thị! Bồ-tát có hai tướng :

Một là: vui thích tin tưởng ở câu văn vẻ.

Hai là: Không sợ pháp thâm diệu, như thật hiểu rõ, thể nhập vào.

Đó là hai tướng. Nếu Bồ-tát tin thích và tôn trọng câu văn vẻ, thì biết đó là bậc Bồ-tát sơ học.

Nếu trong kinh điển thâm diệu thanh tịnh ấy, thâu giữ khắp các loại văn nghĩa khác biệt, nghe nhận và thuyết giảng có thắng giải thì biết đó là bậc Bồ-tát đã tu phạm hạnh lâu.

Lại có hai pháp, là bậc Bồ-tát sơ học, tự làm tổn giảm, không điều phục tâm trong pháp sâu xa.

Một là: Trước kia, kinh điển thâm diệu chưa được nghe, nay nghe xong thì sợ hãi sinh nghi, cũng không thuận theo, trái lại sinh khinh chê nói thế này: Pháp này từ đâu đến Tôi xưa chưa từng nghe!

Hai là: Với bậc đại pháp khí giảng nói pháp sâu xa mà không chịu gần gũi tôn trọng. Hoặc trong lúc đó, thầm kể nói lỗi người kia. Đó là hai pháp.

Lại có hai pháp: Bậc Bồ-tát tuy tin hiểu pháp thâm diệu mà cũng tự làm tổn giảm, không thể nhanh chóng chứng được pháp nhẫn vô sinh.

Một là: xem thường bậc Bồ-tát sơ học, không chịu thu nhận, không quyết định chọn lựa và cũng không dạy bảo.

Hai là: Tuy tin hiểu pháp sâu xa nhưng không học tập, cũng không tôn trọng, không thí tài, không thí pháp, không thâu nhận hữu tình.

Đây là hai pháp.

Ở đây nên biết, nếu các hữu tình hiểu rõ, thâm nhập vào nơi diệu lực đại uy đức của chư Phật, Bồ-tát thì thật là khó được.

Thế nào là lực đại uy đức của Bồ-tát?

Kinh Duy Ma Cật nói: Duy Ma Cật nói: Này Tôn giả đại Ca-diếp!

Nơi mười phương thế giới hiện có đang làm ma vương đều là bậc Bồ- tát trụ nơi giải thoát không thể nghĩ bàn. Dùng phương tiện khéo léo làm thành thục các hữu tình nên hiện tướng ma. Lại nữa, mười phương thế giới hiện có Bồ-tát được nhiều kẻ tìm đến xin đầu, xin tay, tai, mũi, máu thịt, gân xương, đầu, mắt, phần thân, vợ con, nô tỳ, dân chúng, làng nước, voi ngựa xe cộ. Những loại như vậy khi đến cầu xin đều cấp thí cho. Bồ-tát dùng tướng như vậy để hành cấp bách. Những vị ấy đều là Bồ-tát trụ nơi giải thoát không thể nghĩ bàn. Ca-diếp! Ví như voi quý bước đi, sức lừa không thể theo kịp nổi phàm phu cũng giống như thế. Không thể làm được việc Bồ-tát cấp bách như vậy. Chỉ có bậc Bồ-tát mới làm được việc Bồ-tát cấp bách như vậy.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

QUYỂN 10

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Pháp giới hạnh nguyện phần vị tuyên thuyết về Bồ-tát vô tận, Phật chủng thế giới. Thế tôn Trí hiện bày khắp cảnh giới âm thanh Như Lai.

Từ trong cõi ấy đi đến trước Phật Như Lai Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, hiện ra thân tướng uy đức của Bồ-tát gọi là tất cả phần thân, tất cả tướng tốt, tất cả lỗ chân lông, tất cả trang nghiêm, tất cả y phục và các vật duyên hợp.

Đầy đủ tất cả quyến thuộc của Bồ-tát.

Hiện có Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Trong đời trước trụ nơi tất cả Như Lai quá khứ.

Trong đời sau trụ nơi hết thảy Như Lai vị lai, hoặc đã thọ ký, hoặc chưa thọ ký.

Hiện tại an trụ tất cả địa Bồ-tát khắp hết thảy cõi Phật trong mười phương.

Chỗ tu tập bố thí Ba-la-mật từ xưa tương ưng với biển hành trước.

Tất cả người nhận và vật cho đều hiện lên, tất cả thân tướng, tất cả lỗ chân lông, những tướng tốt cũng đều biểu thị hiện ra.

Lại thân của các phần vị, và ngôn ngữ, đạo, tất cả y phục trang sức các vật duyên… tất cả cũng đều biểu thị hiện ra.

Lại nữa, sự tu tập trì giới Ba-la-mật-đa xưa tương ưng với biển hành trước. Các nhẫn nhục Ba-la-mật thi hiện các phần vị của thân bị cắt, chặt tương ưng biển hành trước.

Lại, các gia hạnh tinh tiến của các Bồ-tát tương ưng biển hành trước. Lại, các tĩnh lự rộng lớn đã thành tựu của chư Như-lai tương ưng biển hành trước.

Lại các môn, mỗi mỗi đều ảnh hiện, các vị Như-Lai chuyển đại pháp luân, thành tựu các pháp, xả các sở hữu, thân tướng tự tại, các môn đều hiển thị tương ưng với biển hành trước.

Lại, các biển thắng nguyện, các pháp môn tăng thượng rộng lớn trang nghiêm của Bồ-tát tương ưng biển hành trước.

Lại, các bậc Như-lai vui thấy tất cả thế gian rất yêu thích đạo Bồ- tát tương ưng biển hành trước.

Lại, lực Ba-la-mật-đa của Bồ-tát, các hạnh thanh tịnh thành tựu tương ưng biển hành trước.

Lại, các pháp giới rộng lớn của Bồ-tát, tất cả cảnh giới của hết thảy đám mây thần biến rộng lớn làm thành trí Bồ-tát tương ưng với biển hành trước.

Các sự như vậy, mười loại Ba-la-mật-đa hiện hình, biểu thị pháp giới rộng lớn, những đám mây thần biến rộng lớn đều đến chỗ Phật. Liền đó, các vị Bồ-tát và quyến thuộc đảnh lễ Phật xong, trụ ở phương trên, hóa hiện ra tất cả các báu tâm Kim Cang đế trang nghiêm chứa các lầu gác lớn ở trong, và ngồi kiết già trên tòa sư tử hoa sen xanh. Lại hiện ra vòm lưới bằng báu sáng đẹp đính ngọc ma ni che ở phía trên. Lại có tất cả âm thanh của Như Lai, trang nghiêm bằng ngọc báu anh lạc, bảo vương đầu đội mũ ngọc ma ni, hiện ra thân Bồ-tát trụ và gia trì. Những vị Bồ-tát này và quyến thuộc đều theo hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền sinh ra, biểu hiện thanh tịnh trong tất cả căn môn đầy đủ của Như Lai. Quán những sự thấy biết qua mắt trí, nghe tất cả biển âm thanh thù thắng lý pháp trong các kinh pháp luân của Như Lai, thâu nhiếp khắp tất cả Bồ-tát được tự tại và được Ba-la-mật-đa tối thượng. Tất cả các Như Lai thảy đều vân tập, trong từng sát na hiện bày rộng các thần biến, xuất hiện cảnh giới rộng lớn của các thân hữu tình. Hết thảy chúng hội đạo của chư Như Lai, từ trong thân ánh sáng chiếu rõ tất cả thế giới. Nơi mỗi thế giới đều có ảnh hiện những tướng cảnh giới nhiều như vi trần tụ họp lại. Có tất cả thiện căn thành thục của giới hữu tình, có hữu tình đáng được hóa độ thảy đều hợp thời đến, ứng hiện. Tất cả các đấng Như Lai chuyển mây pháp luân, tất cả cảnh giới âm thanh từ lỗ chân lông, tất cả thế giới khắp hết, tất cả thiện căn sinh ra. Sinh ra rồi thì tất cả thân giới hữu tình đều được bình đẳng. Tất cả các phương phần mây biển một sát na một tâm hiện rộng thần biến.

Kinh Hoa Nghiêm này lại nói: Lực uy đức lớn của Bồ-tát như sau: Bấy giờ, đồng tử Thiện Tài quán xét kỹ thân tướng Bồ-tát Phổ Hiền, bèn thấy mỗi mỗi phần vị nơi thân của Bồ-tát, mỗi mỗi phần vị thân đều phân minh; mỗi mỗi phần nhỏ của giới thể chia ra đều phân minh. Mỗi mỗi phần vị khác biệt nhau của phần thân đều phân minh. Mỗi mỗi nương hợp, mỗi mỗi nương hợp phân minh. Mỗi mỗi lỗ chân lông là mỗi mỗi phân minh.

Hiện ra ở tam thiên đại thiên thế giới này hiện có các giới gió, lửa, đất cùng biển lớn, sông, suối, rạch ngòi, núi báu, núi Tu Di, núi Thiết Vi, cõi nước, thành ấp, làng mạc, chỗ cây rừng, nhà ở cùng các dân chúng các cõi, địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, A-tu-la, Rồng, Ca-lâu-la, cõi người, cõi trời cùng cõi Phạm, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Tất cả những cảnh giới này đều do thần lực gia trì mà trụ. Cho đến hình sắc, hiển sắc, mây, chớp, tinh tú, ngày đêm, tháng, nữa tháng, thời gian, năm, kiếp trụ, kiếp hoại…. Tất cả các loại như vậy điều hiện ra, tướng của thế giới. Hiện ra rồi hết thảy thế giới phương đông cũng quán như vậy. Thế giới phương Nam, Tây và Bắc, bốn hướng, trên, dưới, tất cả thế giới cũng quán hiện như vậy.

Lại chư Phật hạ sinh, tất cả chúng hội ở đạo tràng cùng các hữu hình ở thế giới Ta-bà, đời trước, ở giữa và quá khứ, tất cả thế giới, tất cả hỗ tương đều thấy Bồ-tát Phổ Hiền, trong mỗi mỗi thân đều có tướng Đại nhân cùng chư Phật giáng sinh. Tất cả Bồ-tát hội ở đạo trường, cùng tất cả hữu hình, nhà cửa, ngày đêm, kiếp số… Cũng như vậy, đời sau, ở giữa, tất cả thế giới vị lai, tất cả cõi Phật cũng hiện thấy như vậy? Tất cả thế giới, tất cả đều hỗ tương thấy các tướng hình ảnh.

Cũng như vậy mười phương thế giới đời trước, đời sau và ở giữa. Tất cả đều thấy Bồ-tát Phổ Hiền, nơi mỗi thân có tướng đại nhân trong mỗi mỗi lỗ chân lông, mỗi mỗi đều rõ ràng qua lại không lẫn lộn. Tất cả đều thấy Bồ-tát Phổ Hiền tại chỗ Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai, ngồi trên tòa sư tử trong hoa sen báu lớn trước Phật, hiện thần thông diệu dụng.

Lúc ấy, ở Phương Đông, nơi thế giới Liên Hoa Cát Tường, tức Như Lai Hiền Cát Tường thấy chỗ thần thông diệu dụng hiện rõ, từ Phương Đông rộng khắp mười phương thế giới, tất cả thế giới cũng đều thấy như vậy, đều thấy tất cả Như Lai, trong đủ các căn môn đều có Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử tạng hoa sen báu lớn hiện thần thông diệu dụng phổ biến khắp mười phương. Tất cả những cõi Phật đều có vô số vi trần, mỗi mỗi vô số vi trần, đều là đạo tràng pháp giới to rộng của Phật, đều thấy trong căn môn đầy đủ của tất cả Như Lai có Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử tạng hoa sen báu lớn, hiện thần thông diệu dụng. Lúc ấy, tất cả thân tướng đều được chỗ duyên trong ba đời hiện ra ảnh tượng, có tất cả các cõi, tất cả chúng hữu tình, chư Phật đản sinh, các Bồ-tát hội ở đạo tràng đều ảnh hiện, còn nghe mọi thứ ngôn ngữ của tất cả hữu tình, tất cả âm thanh Phật, tất cả đấng Như Lai chuyển pháp luân, tất cả tuyên nói, dạy trao, biến hóa thần thông; tất cả các Bồ-tát tu tập hội lại, cảnh tướng, âm thanh của chư Phật.

Tất cả những điều nói tóm lược như trên đều là sức uy đức lớn của

Bồ-tát Ma-ha-tát.

Trong đây cũng nên hỏi: Thế nào là sức uy đức lớn của Như Lai? Kinh Bồ-Tát Thập Địa nói: Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát

Kim Cang Tạng: Phật tử! Cảnh giới hành hóa của Bồ-tát đã là như vậy, thần lực gia trì lại vô lượng, làm sao có thể nhập vào cảnh giới hành hóa của Như Lai?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Phật tử! Ví như có người ở trong thế giới bốn đại châu, cầm hai, ba viên sỏi như hạt đậu, nói: Cả thế giới đại địa chỉ lớn cỡ này thôi sao? Hay lớn hơn vô lượng lần sao? Người nói lời này cũng như ông bây giờ so sánh vô lượng pháp trí của bậc Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chánh Giác với pháp của bậc Bồ-tát. Phật tử! Vài viên sỏi như hạt đậu ở thế giới bốn đại châu mà người kia nắm được chỉ là một phần cực nhỏ bé, phần còn lại thì không thể lường tính được. Cảnh giới của Như Lai cũng lại như vậy. Bậc Bồ-tát địa Pháp vân hiện có công đức, thế mà trải qua vô lượng kiếp hãy còn không thể nói một phần nhỏ huống chi là vô lượng trí cảnh của Như Lai thì sao có thể nói hết được. Phật tử! Nay tôi bảo thực ông biết, có Như Lai chứng cho tôi, giả như mười phương, vô biên thế giới nhiều như vi trần kia, tất cả các cõi Phật, các vị chứng Bồ-tát địa nhiều như lúa, mè, tre, như rừng mía, tất cả những vị Bồ-tát ấy nêu bày khai thị cảnh giới nhất trí của Như Lai, trải qua vô biên kiếp cũng chưa được một phần trăm, cho đến trăm ngàn câu chi na-do-tha phần cũng chưa được một phần.

Kinh Nhập Như Lai Công đức trí Bất Khả tư nghì cảnh giới nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Nay trong hội này, hoặc có hữu tình cho là Phật Như Lai mới xuất gia, hoặc nói Phật xuất gia đã lâu, hoặc nói tu khổ hạnh, hoặc ngồi ở Bồ-đề tràng thành Chánh giác, hoặc lúc phá trừ quân ma, hoặc Phạm vương Đế Thích, các vị hộ thế khuyến thỉnh Phật chuyển đại pháp luân. Hoặc nghe thuyết pháp thừa Thanh văn, hoặc nói thừa Duyên giác, hoặc nói pháp Đại thừa, hoặc thấy thân Phật cao một tầm, hoặc thấy thân Phật cao một "Câu-lô-xá". Hoặc thấy thân Phật cao rõ hơn trăm ngàn do-tuần. Hoặc thấy thân Phật như sắc vàng ròng, cho đến thấy thân Như Lai như ngọc ma-ni. Hoặc thấy thân tướng tịch tĩnh của Như lai. Hoặc thấy tướng nhập Niết-bàn của Như Lai. Hoặc thấy một tụ thân tướng của Như Lai. Hoặc thấy phân chia Xá- lợi của Như Lai. Hoặc nói mười năm thành Đẳng Chánh giác. Hoặc nói mười năm vào đại Niết-bàn. Hoặc nói trong lời dạy của Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn Như Lai luôn được viên mãn. Hoặc ẩn mất. Hoặc nói là mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi cho đến trăm ngàn

câu chi na-do- tha kiếp vào đại Niết-bàn. Hoặc nói Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai trong vô số vô kiếp thành Chính Đẳng Chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Đối với tất cả các tướng phân biệt như vậy, tất cả Như Lai không phân biệt, cũng không lìa phân biệt nhưng Phật Như Lai dùng pháp không phát ngộ, không phân biệt, tùy theo tâm của loài hữu hình mà tạo có hành tướng.

Kinh Bồ-Tát Thập Trụ nói: Phật dạy: Này Diệu Cát Tường! Có nhiều loại thuyết giảng như có ao hồ lớn, dọc ngang bằng nhau đến năm mươi vạn do-tuần, bờ hồ bằng phẳng, nước hồ trong ngọt. Lại có hoa sen che khắp trong hồ. Như có người dùng sắt làm xe bánh ngàn nan hoa, dùng loài ngựa hay Ca-lâu-la-tất-tật-thế kéo xe ấy. Xe này chạy không dính nước hồ, chân ngựa không đạp hại hoa sen. Diệu Cát Tường! Bậc Như Lai cũng lại như vậy. Cưỡi xe lớn đi trong hồ lớn kia, có rắn độc quấy động nước tung tóe. Nếu trong khoảng sát na rắn độc kia theo đẩy sau xe, xe liền quay sang phải quay lại bảy lần. Nếu rắn độc lại theo xe sang phải một lần thì xe liền quay sang phải vô số lần.

Các vị đại Tỳ-khưu như A-nan thuyết giảng pháp cũng như vậy. Có lúc A-nan nói mười loại pháp nêu lên nghĩa pháp. Nếu A-nan nói một loại pháp thì Xá-lợi-tử nói một ngàn loại pháp, nêu rõ nghĩa của ngàn pháp ấy. Hoặc lại Xá-lợi-tử nói một loại pháp, thì Đại Mục-kiền-liên đi qua tám vạn thế giới. Nếu Đại Mục-kiền-liên đi qua một thế giới tức thời Như Lai nơi mười phương thế giới, tự tại tối thượng, vượt hơn hư không, hiện hữu khắp tất cả biển thế giới. Mỗi mỗi thế giới, mỗi mỗi bến bãi, trong mỗi mỗi đạo phàm phu thị hiện từ cung Trời Đâu suất mất, giáng hạ nhập thai nơi nhân gian, thọ thai, xuất thai. Phạm vương, Đế Thích tiếp đón, tắm gội trang nghiêm, đi khắp bảy bước, quán sát mười phương, khởi tiếng gầm sư tử, học tập tất cả kỹ nghệ công xảo, sự nghiệp minh luận hiện nơi vị Thái tử, vui chơi nơi vương cung, thưởng ngoạn nơi vườn rừng, rồi xuất gia, tu khổ hạnh, uống cháo sữa, đến ngồi nơi Bồ-đề tràng, thành Chính Đẳng Chánh giác, hàng phục quân ma, quán câu, kinh hành, Đại Phạm Thiên vương khuyến thỉnh chuyển pháp luân, vào cung trời Đao lợi v.v… Thứ lớp các tên kiếp, phân lượng quốc độ, thân tướng uy đức, thọ lượng nhiều ít, chúng hội trang nghiêm, cõi Phật thanh tịnh, giáo pháp trang nghiêm, phát tâm Bồ-đề, tu các hành nguyện, thành tựu được các pháp Ba-la-mật-đa, viên mãn các địa thần thông, trí nhẫn, đầy đủ các môn tổng trì giải thoát, Tam-ma-địa, vô lượng các sự cúng dường, vô lượng Như Lai. Cảnh giới của pháp Như Lai và Bồ-tát là vô lượng. Chỗ hành phân lượng mây pháp rộng

lớn, thành thục các loại hữu tình có phần vị phương tiện sai khác, khởi đại thần thông diệu dụng biến hóa, thị hiện Đại Bát Niết-bàn nhất thừa, phân bố xá-lợi, phân biệt giáo pháp, thời gian trụ lâu, gần và lúc pháp diệt… Tất cả đều xuất hiện như thế trong ao pháp lớn.

Lại nữa, đối với chỗ tu hành của ngoại đạo và những chỗ làm của tất cả hữu tình, Như Lai dùng tâm không phát ngộ, tâm không phân biệt, cùng lúc hiện khắp phần vị cứu cánh biên tế sau cùng, siêng năng dũng mãnh thị hiện.

Những điều như vậy, tất cả mười phương, nơi một sát na từ trong lỗ chân lông của mỗi mỗi thân đều hiện bày khắp các phương phần nơi ba đời, tất cả bậc Như Lai và các Bồ-tát chúng hội như biển, trang nghiêm công đức nơi tất cả các cõi Phật rộng lớn.

Tất cả nhà cửa cung điện của hữu tình rộng lớn trang nghiêm.

Tất cả xứ nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý của loài hữu tình, đều rộng lớn thiết lập.

Các hạnh của Bồ-tát đều tích tập rộng lớn trang nghiêm. Tất cả cảnh giới của Như Lai rộng lớn trang nghiêm. Tất cả các tướng như trên, đấng Như Lai đều dùng tâm không phát ngộ và không phân biệt thị hiện khắp cả mọi nơi biên vực sau cùng, cứu cánh siêng năng mạnh mẽ, đến sát na cùng lúc thâu tóm khắp tất cả mười phương thế giới cho đến các nẻo phàm phu hữu tận hoặc vô tận cũng không bỏ sót. Tất cả hữu tình trong các cõi hữu tình, mỗi mỗi hữu tình, các thân tướng, hình sắc, hiển sắc, âm thanh, ngôn ngữ, thí dụ thuyết pháp… Tất cả các phần lượng khác biệt như vậy, đấng Như Lai đều dùng tâm không phát ngộ và không sai biệt thị hiện rộng khắp. Tùy các tâm ý khác nhau của các hữu tình mà rốt ráo siêng năng mạnh mẽ đến biên vực sau cùng, tùy chỗ biểu thị tùy chỗ hiện bày. Này Diệu Cát Tường! Cũng như trăng tỏ vào đêm rằm, tất cả người nam, nữ, đồng nam, đồng nữ ở cõi Diêm-phù-đề, mỗi người đều thấy vầng trăng trước mặt nhưng trăng ấy đều không phân biệt. Đấng Như Lai cũng lại như thế. Với tâm không phát ngộ, không phân biệt, hiện rõ những hành tướng, do thành tựu pháp Phật bất cộng, nên tùy tâm ý của các hữu tình ứng hợp hóa độ. Tất cả hữu tình đều thấy Như Lai hiện trước nhưng tâm Như Lai không có phân biệt. Như vậy nên biết, dù phân biệt hay không phân biệt, các đức Phật Như Lai đều không phát ngộ mà thành tựu được pháp Phật bất cộng, tùy chỗ mà hiện bày tất cả hành tướng.

Ở đây nên biết trong các kinh rộng lớn sâu xa mà cũng chỉ là làm rõ, nói về lực đại uy đức của chư Bồ-tát và chư Phật. Nếu có người tin hiểu

sâu, biên chép đọc tụng và tôn trọng cúng dường thì người này được vô lượng phúc lớn rộng.

Kinh này lại nói: Phật bảo: Này Diệu Cát Tường! Ví như núi chúa Tu Di, vượt hơn tất cả các núi, rõ ràng kỳ lạ, huyền diệu và lại rất cao, rộng và to lớn nhất.

Này Diệu Cát Tường! Bậc Bồ-tát tín hiểu chánh pháp này cũng lại như thế, vượt hơn tất cả các Bồ-tát Ma-ha-tát. Các Bồ-tát trong mười phương tất cả thế giới nhiều như vi trần, nếu sinh tin hiểu nơi chánh pháp này, thì năm Ba-la-mật-đa hiện có sinh ra thiện căn, tích tập trong A-tăng-kỳ kiếp cũng sẽ hiển chiếu đặc biệt, rất cao rộng, to lớn.

Này Diệu Cát Tường! Như có thiện nam, thiện nữ, nếu khiến tất cả hữu tình ở mười phương tất cả thế giới phát tâm Bồ-đề, lại có thiện nam hay thiện nữ tin thích Niết-bàn vô dư, chỗ phúc đạt được của người này hơn người trên, không tính kể số lượng được.

Này Diệu Cát Tường! Như có thiện nam, thiện nữ khiến được tất cả hữu tình tin thích Niết-bàn vô dư y, lại có thiện nam thiện nữ ở nơi chánh pháp này sinh tin thích, hoặc nếu tự biên chép hoặc nhớ, khiến người biên chép, hoặc tự đọc tụng, khiến người đọc tụng, cho đến có thể tin thích thọ trì, lấy hương hoa, đèn… các vật dụng lễ cúng để cúng dường chánh pháp, thì lượng phúc của người này nhiều hơn người trên vô số lần không thể tính hết.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

SỐ 1636

(QUYỂN 1 → 25)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1636

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

Biên soạn: Pháp Xứng Hán dịch: Pháp Hộ.

QUYỂN 1

Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC

Phần 1

Ta nghe địa ngục rất đáng sợ
Nơi thiêu đốt khổ sở vô cùng
Do từ xưa chưa có tâm tịch tĩnh
Nên ưa nghe nhiều gần pháp lớn
Nghe rồi xa lìa các tội ác
Hối lỗi xưa gây, hết không còn
Ta chưa từng được lợi tốt lành
Trong phần ít ấy bao nhiêu lỗi
Bồ-tát diệu, lạc, thắng, vô tận
Chỉ Phật chứng đủ lý bình đẳng
Pháp bảo hiếm có khó suy tư
Nguyện từng sát na nghe ta nói
Đã thành chủ nhân của ba cõi
Trời rồng tám bộ các quyến thuộc
Khát ngưỡng khởi từ tâm chúng sanh
Vui vẻ thọ nhận lời an ổn
Chánh pháp Như Lai và Phật tử
Khéo vào giới Phật đã sanh thân
Ta nay tập hiểu lời Đại Tiên
Khắp vui chí thành cung kính lễ
Ta vốn ngày xưa không chút hiểu
Không giáo, không lời, không thiện xảo
Cũng không lợi lạc cho chúng sanh
Chỉ tự nhất tâm làm bạn pháp

Nhưng ý ta vui pháp thanh tịnh
Vì muốn nuôi dưỡng các căn lành
Chúng ta ví như thầy văn nầy
Đối nghĩa chưa hiểu nên phải nói.

Luận nói: Để thành tựu ý nghĩa của bậc sĩ phu thì trong một khoảnh khắc sát na khó mà đạt được đầy đủ. Nếu không suy nghĩ là nơi yên ổn, thì các hạnh Chánh đẳng nầy phải làm sao có được? Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thiện Tài đến gặp Bà-la-môn Thắng Nhiệt mà suy nghĩ: Được làm thân người là khó, giải thoát các chướng nạn là khó, được không chướng nạn là khó, trong khoảnh khắc sát na mà đầy đủ sự thanh tịnh là khó, gặp Phật ra đời là khó, đầy đủ các căn là khó, được nghe pháp Phật là khó, được gặp thiện nhân là khó, được gặp thiện tri thức chân thật là khó, được thọ nhận giáo pháp đúng như lý là khó, được chánh mạng là khó".

Luận nói: Các chánh hạnh nầy đã biết rõ, nếu các bậc Đại sĩ quán sát như vậy. Ý ta đối với người khác đã thoát khỏi khổ sở và sợ hãi, không vui với bản thân mình thì điều ấy thù thắng và vi diệu ra sao? Chỉ có hộ giới mới bạt trừ hết các gốc khổ của tất cả cõi hữu tình, và mong cầu an vui tuyệt diệu thực hành nhân Bồ-đề bền chắc, phát khởi ý kiên cố và không hủy hoại tín căn. Như trong Bảo Quang Minh Đà- la-ni nói kệ:

Tin thuận chư Phật và pháp Phật
Cũng tin việc Phật tử hành đạo
Tin nơi đại Bồ-đề vô thượng
Bồ-tát từ tin mới phát tâm
Tin là mẹ công đức, dẫn đường
Nuôi lớn tất cả pháp tốt lành
Đoạn đường lưới nghi, khô dòng ái
Tin còn thể hiện hạnh an nhẫn
Khiến tâm trong sạch, không ô nhiễm
Là gốc cung kính, trừ ngã mạn
Tin như trong sạch nắm giữ nhân:
Thất Thánh pháp tài, hạnh vô thượng
Tin hay hoan hỷ, xả tất cả
Do tin, vui nên vào pháp Phật
Sanh khởi ra công đức trí tuệ
Theo lời Phật nói, đều thông suốt.
Tín căn sáng sạch thật bén, nhọn
Thật sự, cắt hết gốc phiền não
Tín lực kiên cố, không thể phá

Chỉ nhất quyết tin công Đức Phật
Tin với tương ưng, chẳng tương ưng
Sát na đã lìa các nhiễm trước.
Tin còn vượt ra các cảnh ma
Thể hiện đạo giải thoát trên hết
Tin là giống công đức chẳng hư
Là năng tăng trưởng mầm Bồ-đề
Làm sanh ra trí tuệ thù thắng
Các người giác ngộ khắp mười phương
Nếu thường tin sâu nơi Phật bảo
Trái giới, trái học đều xa lìa
Hoặc luôn xa lìa giới học sai
Là khen ngợi sâu công Đức Phật
Nếu thường tin sâu nơi Pháp bảo
Nghe pháp Phật không từng chán đủ
Không từng chán đủ nghe pháp ấy
Là tin hiểu pháp, chẳng nghĩ bàn.
Nếu thường tin sâu nơi Tăng bảo
Đối chúng thanh tịnh không thoái, lười
Không thoái, lười ở chúng thanh tịnh
Tín lực nầy, không thể lay động
Nếu tín lực không thể lay động T
hì các căn được tịnh, minh, lợi
Nếu các căn được tịnh, minh, lợi
Người kia xa lìa các bạn xấu
Nếu đã xa lìa các bạn xấu
Thì được bạn pháp tốt đón nhận
Đã được bạn pháp tốt đón rồi
Thì thường tu tập thiện rộng lớn
Nếu thường tu tập thiện rộng lớn
Thì thành tựu lực nhân Đại thừa
Lực nhân Đại thừa đã thành xong
Người nầy tín giải thù thắng nhất
Nếu được tín giải thù thắng nhất
Liền được chư Phật thường hộ niệm
Nếu được chư Phật thường hộ niệm
Có thể phát khởi tâm Bồ-đề
Nếu thường phát khởi tâm Bồ-đề

Siêng năng tu công Đức Phật
Nếu siêng tu tập công Đức Phật
Là được sanh trong nhà Như Lai
Nếu sanh sống trong nhà Như Lai
Đắm trước và không đều giải thoát
Cả hai đều giải thoát được rồi
Là tâm thanh tịnh tin rất sâu
Nếu tâm tin thanh tịnh rất sâu
Thì được quả trên hết, hơn hết
Nếu được quả trên hết, hơn hết
Thường hành Ba-la-mật nhiệm, sâu
Nếu hành Ba-la-mật nhiệm, sâu
Thì năng ngộ nhập Ma-ha-diễn
Nếu hay ngộ nhập Ma-ha-diễn
Thì biết cúng dường Phật như pháp
Nếu biết cúng dường Phật như pháp
Thì được niệm Phật, tâm không động
Nếu được niệm Phật, tâm không động
Thì thường quán Phật chẳng nghĩ bàn
Nếu thường quán Phật chẳng nghĩ bàn
Thì Phật không sanh, chẳng hề trụ
Nếu Phật không sanh, chẳng hề trụ.
Thì biết pháp ấy luôn bất diệt.

Luận nói: Trong đây muốn nói công đức của tín căn mới phát khởi rộng lớn vô lượng và quá trình tích tụ công đức ấy chỉ nói sơ lược. Lại nữa, các chúng sanh khác nhau sanh ra nhiều loại thân nên đối với pháp như thật khó tin hiểu. Nếu tâm thanh tịnh sâu xa đã gieo trồng tư lương phước đức thì nhân vào lực của niềm tin nầy mà được an trú trong số kiếp chúng sanh như số vi trần ở mười cõi Phật để thọ nhận các phước báo an lành vi diệu và thù thắng, đối với pháp ấy sẽ sanh tin hiểu, như kệ ở trong Kinh Thập Pháp nói:

Tín là thừa tối thắng
Chuyên chở thành Chánh giác
Cho nên mọi sự tin
Người trí nên gần gũi
Nếu không có tín căn
Không sanh các pháp thiện
Giống như hạt giống hư

Cũng không sanh mầm mạ.

Lại nữa, trong Kinh Đại Thiện Dụ nói: "Bấy giờ, Như Lai bảo A-nan: Đối với niềm tin chánh pháp phải như vậy mà hiểu rõ và phải nên phụng hành theo".

Luận nói: Hành là tin hiểu đối với trong khoảnh khắc sát na mà đạt được tín căn kiên cố. Điều nầy có nghĩa là người có tâm Bồ-đề kiên cố có khả năng nhiếp thọ tất cả các phước báo. Như trong Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn nói: "Bấy giờ, thái tử Tinh-hạ-na bạch Phật. Thưa Thế Tôn! Làm thế nào để khiến cho chúng sanh ở chỗ mình sanh thường được an vui mà ưa thích nhiếp thọ các pháp? Đức Phật dạy: Nếu người muốn giải thoát các chúng sanh thì phải thường xuyên phát khởi lời khiêm tốn cung kính và một mực khởi tâm Bồ-đề. Nếu làm như thế thì có khả năng đạt được sự vui thích để nhiếp thọ các pháp".

Lại nữa, trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: "Nầy thiện nam tử! Tâm Bồ-đề tương tự như hạt giống, có khả năng sanh ra tất cả các pháp Phật. Tâm Bồ-đề tương tự như ruộng tốt có thể sanh trưởng các pháp thiện thanh tịnh của chúng sanh. Tâm Bồ-đề giống như đại địa nơi mà tất cả thế gian nương vào để tồn tại. Hơn nữa, tâm Bồ-đề tương tự như bậc từ phụ, đã dạy dỗ, bảo hộ gìn giữ các Bồ-tát, như Tỳ-sa-môn và có khả năng đoạn trừ mọi đau khổ bần cùng như ngọc ma ni thành tựu tất cả các nghĩa lợi ích. Tâm Bồ-đề như cái bình tốt viên mãn tất cả các pháp thiện hiếm có, như cái chày kim cương có thể đập nát phiền não, như chánh pháp có khả năng đoạn hết các tác ý sâu thẳm trong tâm, như kiếm bén có thể chặt đứt đầu phiền não. Tâm Bồ-đề như rìu bén có thể chặt hết cây khổ đau, như binh khí tốt có thể phòng ngự và chống lại tất cả các thế lực của tai nạn và khổ sở cùng cực, như cần câu ở trong biển luân hồi vớt hết khổ não cho chúng sanh, như gió lớn có thể nhanh chóng thổi tan tất cả mây chướng ngại bao phủ. Lại nữa, tâm Bồ-đề tương tự như rừng rậm tích chứa các hạnh nguyện của Bồ-tát, như tháp Phật là nơi tôn kính của tất cả hàng trời, người, A-tu-la trong thế gian. Nầy thiện nam tử! Ông nên biết tâm Bồ-đề thành tựu vô lượng công đức thù thắng như thế".

Luận nói: Làm sao biết được các chúng sanh v. v. phát tâm Bồ-đề? Trong đây, dẫn ra lời nói của bậc Thánh chẳng riêng nói ở một kinh. Như trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết nói: "Tuy khởi thân kiến như núi Tu Di, vẫn có thể phát khởi tâm lớn Bồ-đề nên sanh vào chỗ pháp Phật". Lại nữa, trong Kinh Bổ Khuyết trình bày về nghĩa của phàm phu Bồ-tát có nói: "Đức Phật bảo: Văn-thù-sư-lợi! Ví như chim non Ca lăng tần già khi chưa ra

khỏi trứng cũng có khả năng tạo ra âm thanh vi diệu. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Hàng Bồ-tát nầy cũng lại như vậy. Tuy chưa đoạn trừ ngã kiến, không dứt hết vô minh để ra khỏi ba cõi nhưng đã có thể thiết lập âm pháp vi diệu của chư Phật. Pháp âm ấy chính là âm thanh không, vô tướng, vô nguyện và giải thoát v.v... ". Lại nữa, trong Kinh Tùy Thuyết Chư Pháp nói. Bấy giờ, Bồ-tát Thắng Tuệ ở trong bảo tòa mà nhập Niết bàn. Lúc ấy ngài ở trong thành ấp lớn mà thọ sanh. Bồ-tát đối với tánh không tin hiểu rõ ràng và tạo ra phương cách đối trị". Hơn nữa, trong Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: "Đức Phật bảo: Văn-thù- sư-lợi! Tại sao gọi xe dê là hạnh Bồ-tát? Ví như có người muốn vượt qua số thế giới nhiều như vi trần của năm cõi Phật thì người ấy cưỡi xe dê kia tùy theo đường mà đi. Trải qua thời gian lâu xa đi được một trăm du-thiện-na (đơn vị đo chiều dài) thì gặp gió lớn. Do vậy cho nên người kia lại thối chí đi lui tám vạn du-thiện- na. Về sau người ấy ở trong thế giới kia lại cưỡi xe dê đi tiếp cho đến không thể nói, không thể tính kiếp số có thể vượt qua một thế giới có hay không? Văn-thù-sư-lợi nói: Bạch Thế Tôn! Không được. Phật bảo: Nếu người Đại thừa phát tâm Bồ-đề rồi, thì không nên thọ trì đọc tụng giáo nghĩa của Thanh văn, hoặc cùng với Thanh văn ở chung và tu tập giáo lý của Thanh văn, hoặc tự thâm tâm mình vì giáo hóa người khác mà ở trong hàng Thanh văn cho đến ngộ hiểu được trí tuệ kia rồi lấy nhân duyên ấy đồng hóa đạo vô thượng thì cũng là thối mất. Bồ-tát đối với sự chứng đắc tuệ căn tuệ nhãn của tâm Bồ-đề mà đắm chìm trong ấy thì cũng bị phá hoại. Văn-thù-sư-lợi! Do đó ta nói đó là Bồ-tát dùng xe dê mà đi".

Luận nói: Nếu Bồ-tát an vui ưa thích tin hiểu tánh không của Đại thừa thì tất nhiên đối sự tin hiểu và thực hiện mà đạt đến chỗ viên mãn, ngôn lượng của bậc thánh nầy chỉ có Bồ-tát tin hiểu và hành trì mới thấy được sự việc như vậy. Như Kinh Bảo Vân nói: "Lấy vô số pháp môn tổng trì Tam-ma-địa, thần thông du hý, trí giải thoát chiếu rõ các pháp vô biên mà bình đẳng siêu thoát tất cả hành báo của phàm phu ngu muội, cho đến đời sau không bị lợi dưỡng ở trong câu chi kiếp thế gian thọ dụng mọi thứ, tâm không phân biệt, như hoa sen tinh khiết thường trang nghiêm đầy đủ. Lại nữa, ở trong vô lượng na-do-tha kiếp thường an trú pháp Đại thừa hiểu rõ nghĩa lý thù thắng, tư lương, phước đức và trí tuệ đều không giảm mất. Lại ở trong đó trước tiên hiện việc xuất ly, tu tập trăm ngàn pháp môn tương ưng đều đầy đủ cả".

Luận nói: Như thế nào gọi là hiểu rõ nghĩa? Nghĩa là mới phát tâm Bồ-đề thì nói là trụ vào địa nầy. Nếu không hiểu rõ nghĩa thì chỉ là đạt sắc thái ít ỏi trong việc nắm bắt "vô ngại hoặc". Các lời nói của bậc Thánh nầy

nếu ai tin hiểu và thực hành pháp thì rõ hiểu được nghĩa của lời nói như trong việc rộng, lược thuyết về sự hiểu rõ tín giải và hành. Lại nữa, trong Kinh Như Lai Bí Mật nói: "Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Sao gọi là phát tâm Bồ-đề? Đức Phật đáp: Nầy Đại vương! Tâm Bồ-đề chính là tâm sâu xa, không thoái chuyển. Vua hỏi: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tâm sâu xa không thoái chuyển? Đức Phật đáp: Tâm ấy chính là phát khởi lòng đại bi. Vua hỏi: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hay phát khởi lòng đại bi? Phật đáp: Nghĩa là đối với tất cả chúng sanh luôn khởi tâm không chán bỏ. Vua hỏi: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là đối với tất cả chúng sanh mà đạt được tâm không chán bỏ? Phật đáp: Nghĩa là nếu không chấp trước vào sự an vui của tự thân tức đạt được tâm không chán bỏ".

Luận nói: Trong đây nói tâm Bồ-đề là khuyên phát tâm đại bi, hoan hỷ, và yêu thương cung kính. Nếu không nương vào giáo lý tương ưng của Như Lai thì người ấy không thể xuất ly.

Nếu tâm Bồ-đề nầy còn thấy có sự chán bỏ thì không thể gọi là phát tâm Bồ-đề. Như Kinh Thập Pháp nói: "Nầy Thiện nam tử! Nếu các Bồ-tát nương vào thể tánh và phát tâm Bồ-đề thì được gặp Như Lai và giáo hóa chúng Thanh-văn, phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam- bồ-đề. Như vậy, gọi là sự hỉ lạc ban đầu để phát tướng tâm Bồ-đề. Nếu nghe nói về Bồ-đề và tâm Bồ-đề rồi tức là đã phát tâm A-nậu-đa-la- tam-miệu-tam-bồ-đề. Đây là sự hỉ lạc thứ hai để phát tướng tâm Bồ-đề. Nếu chúng sanh kia không quay về nương tựa và không cầu thấy được hai điều trên mà trụ trong tâm đại bi cho đến phát tâm A-nậu-đa-la- tam-miệu-tam-bồ-đề thì gọi là sự hỉ lạc thứ ba trong việc phát tướng tâm Bồ-đề. Nếu thấy các tướng viên mãn của Đức Như Lai liền sanh kính trọng, yêu mến cho đến mọi điều tương tự như thế thì gọi là phát tướng tâm Bồ-đề thứ tư".

Luận: Nên biết tâm Bồ-đề có hai thứ:

1. Nguyện tâm Bồ-đề.

2. Trụ tâm Bồ-đề.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nầy thiện nam tử! Lại có chúng sanh ở trong thế giới mà phát nguyện chứng pháp khó được thuộc tâm A- nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, lại có chúng sanh trụ trong pháp khó được thuộc tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề".

Luận nói: Hai điều trên là nguyện chứng làm Phật, và nguyện trụ lại thọ sanh. Lại nữa, trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Nhân ở nơi một vị Phật nào đó mà phát tâm Bồ-đề". Vậy tại sao lại tạo ra một ít thiện căn? Như Kinh Hiền Triết nói: "Về thời quá khứ có Đức Phật Tinh Tú Vương ở

chỗ Đức Như Lai Thí Âm, khi mới phát tâm Bồ-đề, là người chăn trâu dùng lá cây Đam-bộ-la để cúng dường cho Đức Phật kia. Lại có Đức Phật hiệu Vô Lượng Danh Xưng ở tại chỗ Như Lai Điện Quang, khi mới phát tâm Bồ-đề, là người thợ dệt đã dùng cái áo tốt đẹp nhất cúng dường cho Phật ấy. Lại có Đức Phật hiệu Diệm Quang vốn ở chỗ Đức Như Lai Vô Lượng Quang, lúc mới phát tâm Bồ-đề ở trong thành ấp đã dùng bó đuốc cỏ làm đèn để cúng dường Đức Phật kia. Lại có Đức Phật hiệu Nan Thắng khi mới phát tâm Bồ-đề đã ở chỗ Đức Như Lai Kiên Cố Bộ là người hái củi và dùng tăm xỉa răng để cúng dường Đức Phật kia. Lại có Đức Phật hiệu Công Đức Tràng lúc mới phát tâm Bồ-đề đã ở chỗ Đức Như Lai Diệu Kiết Tường làm vị lương y và dùng quả Am-ma-la cúng dường cho Đức Phật kia".

Luận nói: Sự mới phát tâm Bồ-đề nầy chẳng phải là chỗ hành viên mãn. Sự không chán bỏ nầy cũng có khả năng giải thoát khỏi quá trình luân chuyển mà đạt được vô lượng an vui. Như Kinh Từ Thị Giải Thoát nói: "Nầy Thiện nam tử! Ví như có một loại vật quý gọi là kim cang có thể đoạn trừ tất cả nỗi khổ bần cùng. Tất cả tâm trí nầy cũng lại như vậy có thể đoạn trừ mọi nỗi khổ của luân hồi sanh tử".

Luận nói: Nên biết như vậy, chỉ có phát tâm Bồ-đề nầy mới có khả năng đến gần quả giải thoát được. Lại nữa, Kinh Thiện Gián nói: "Đức Phật bảo: Đại vương! Nếu ông cho rằng trong nhiều việc tạo tác, có khả năng do nhiều người tạo tác là chưa đúng. Nếu trong tất cả hành động của ta thực hiện tất cả hạnh, đem lại lợi ích khắp mọi nơi, thì điều nầy có nghĩa là bố thí Ba-la-mật-đa. Như vậy, cho đến trí tuệ Ba- la-mật. Nầy Đại vương! Do đó cho nên ông đối với A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề cũng lại như thế. Nghĩa là ưa muốn phát khởi lòng tin thanh tịnh và nguyện lợi tha được thể hiện trong bốn cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi. Hoặc khi tỉnh mộng, hoặc khi ăn uống mà thường đầy đủ tác ý tùy niệm, quán sát chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và các chúng sanh khác v.v… để tích tập tất cả các thiện căn từ quá khứ đến vị lai nhằm thích ứng tới sự hòa hợp vô tận, và nên tùy hỷ mà tự mình biểu hiện sự vui vẻ trước mắt cho đến biến khắp cõi hư không và cảnh giới Niết bàn cũng tự tùy hỷ. Lại nữa, tùy hỷ thiết lập sự nghiệp cúng dường tất cả chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác và chúng Thanh văn rồi bình đẳng hồi hướng đến tất cả chúng sanh cho đến khiến cho tất cả chúng sanh ấy đạt được Nhất thiết trí, đều phổ cập đầy đủ pháp thiện của chư Phật và mỗi ngày ba thời đều hồi hướng đến A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nầy Đại vương! Ông thực hành đích thực các hạnh như thế, được làm vua thì không mất vương vị, cầu quả Bồ-đề thì cũng được viên mãn. Nói quả báo ấy, nầy Đại vương! Do ông ở thời gian ấy phát tâm Bồ-

đề nên nghiệp báo của thiện căn trong vô lượng vô số kiếp thường được sanh thiên, làm Đế Thích thiên, hoặc sanh trong nhân gian được làm vua chúa. Nầy Đại vương! Duy nhất là lực thiện căn phát tâm Bồ-đề, ngoài ra không có nghiệp khác, nên biết, nói tóm lại là viên mãn hoặc chưa viên mãn. Phật nói: Nầy Đại vương! Chỉ duy nhất là phát tâm Bồ-đề vì cứu độ tất cả chúng sanh, vì giải thoát tất cả chúng sanh, vì an ổn tất cả chúng sanh, vì cứu kính khiến cho các chúng sanh đến Niết-bàn, vì được sanh vô lượng vô số các thiện căn. Nầy Đại vương! Lại sao nói là có khả năng nhiều loại tạo tác trong nhiều loại tạo tác?".

Luận nói: Hành tướng của tâm Bồ-đề nầy như kinh nói là duyên khởi của quá khứ và hiện tại. Như vậy nguyện tâm Bồ-đề thì nhập vào địa nào của Bồ-tát mà được giới? Có người nói ở địa thứ chín. Còn trong Kinh Hư không Tạng nói: "Danh văn, lợi dưỡng là nguồn gốc của các tội". Kinh Thập Địa nói: "Ở trong sơ địa đối với lợi dưỡng kia không có phần nhỏ gần gũi mong cầu. Nếu các chúng sanh đi đến chỗ của ta, tất cả đều được cung cấp nhiều gấp bội".

Luận nói: Như chỗ nói ấy, tức Bồ-tát ở địa Cực hỷ khéo an trú vào pháp tương ưng bất động. Lại nói sanh vào nhà Như Lai quyết định hướng đến thành tựu Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, trong Kinh Hư Không Tạng nói: "Trừ người ưa thích Đại thừa ra, Thanh-văn thừa không thể chứng đạt như thế". Như kinh Tối Thượng Thọ Sở vấn nói: "Sự keo kiệt, ganh ghét pháp thì gọi là trói buộc, thể hiện đầy đủ học xứ nầy thì gọi là địa Cực hỷ, xa lìa ngã tưởng và ngã chấp, sao lại chấp vào tất cả sở dụng. Như nói bố thí đầu và mắt v.v…".

Luận nói: Tất cả các kinh như trên đều cho rằng từ nhập vào Địa trở đi chính là biểu hiện học xứ nầy. Nếu luận chung khắp Bồ-tát thì điều ấy tương ưng trong sự tu tập. Lại nữa, hoặc cấm ngăn không nên thực hành nhanh chóng vì Bồ-tát chưa có khả năng học. Nên biết, hai loại nầy đều khắp các học xứ. Lại nữa, một thứ học đối với sự thành tựu tác dụng không thể học, nên tuy không thể tu tập cũng không có lỗi lầm. Kinh Vô Lượng Ý nói: "Khi thực hiện pháp Bố thí rộng lớn tuy xả bỏ giới thanh tịnh mà không bị biếng trễ do trước chưa nói cũng không thực hiện, như lực thân cận. Lại nữa, Kinh Thập Địa nói: "Giả sử có phạm vào giới tà dục thì hoặc nhiễm ấy cũng nhẹ nhàng do thường vui với tâm Bồ-đề. Nầy Xá-lợi-tử! Nói giới biệt giải thoát của Bồ-tát tức thành tựu bốn pháp. Nghĩa là Bồ-tát ở trong sự tu tập đạt được lời nói chân thật. Nầy Xá-lợi-tử! Nếu thiện nam, thiện nữ nào mới phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, quyết chí ưa

thích chuyên cần cầu pháp thiện, học hỏi nghị luận và giữ gìn giới cấm, thì đối với học xứ của Bồ-tát đều tu tập đầy đủ. Do gần gũi người khác mà giới học như vậy, hoặc có lúc trái khuấy, khinh chê Tôn sư mà sanh hổ thẹn tột bực nên sanh khởi lo sợ. Người kia lại thọ nhận sự tôn trọng, ưu ái, an vui và tròn đầy giới pháp bình đẳng. Bồ-tát nầy đối với các giới học của Đức Phật hiện tiền phát sanh sự ưa muốn chính thức thực hiện, thì được thuận theo riêng trao cho học. Bồ-tát kia hoặc không có thiện tri thức nhưng hướng đến trước chư Phật và Bồ-tát trong hiện tại ở mười phương chuyên niệm thực hành quán sát tùy theo lực mà tương ưng với lượng. Đã chuyên trì giới nầy thì không có lời nói khi dối đối với mười phương chư Phật và Bồ-tát cho đến với các trời người của thế gian v.v... Trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Bố thí cho ngạ quỉ còn không đọa vào địa ngục huống nữa là cúng dường cho quả vị Bồ-đề Vô thượng. Nên biết không có các chúng sanh ở thế gian khác". Như kinh Pháp Tập nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát nên phải tôn trọng lời chân thật. Tại sao vậy? Nầy thiện nam tử! Vì tích tập lời nói chân thật mà gọi là pháp tập. Nầy thiện nam tử! Sao gọi là thật đế? Nếu Bồ-tát phát tâm A-nậu-đa- la-tam-miệu-tam-bồ-đề cho đến xả bỏ thân mạng cũng không bao giờ bỏ tâm ấy và không bỏ rơi chúng sanh nên gọi là thật đế của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề rồi nhưng trải qua một thời gian sau lại xả bỏ tâm nầy và bỏ rơi chúng sanh thì Bồ-tát ấy gây nên tội nói dối thật đáng bị quở trách chán ghét". Lại nữa, trong Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn nói: "Phật bảo Bồ-tát Hải Ý: Thí như trong thế gian hoặc vua hay quan lại muốn thiết đãi tất cả dân chúng trong các thành ấp nên tập hợp họ để chiêu đãi hoặc thức ăn, nước uống nhưng lại không làm. Đối với dân chúng thì vua quan ấy đã mắc tội nói dối vì dù một ít thức ăn nước uống cũng không có, họ cao giọng quở trách giận dữ bỏ đi. Đức Phật nói Bồ-tát Hải Ý: Bồ-tát kia cũng như thế, đối với chúng sanh chưa độ thì khiến cho được độ chứ không nên chỉ dùng lời nói suông cho đến không khuyên tu đa văn tích tập các phần pháp Bồ-đề, Bồ-tát ấy đã lừa dối chư Thiên và loài người. Như trước Đức Phật nói sẽ bị bậc Thánh quở trách chán ghét. Đối với trí đại trí và vô thượng thắng trí thì khó mà đạt được. Do đó phải biết Bồ-tát không nên lấy lời nói hư vọng lừa dối chư Thiên và loài người. Lại nữa, nầy Hải Ý! Hoặc có người đến khuyến thỉnh sự bố thí pháp để được lợi ích an vui thì Bồ-tát kia nên tùy lời mà nói cho đến xả bỏ tự thân mà tu hạnh Bồ-tát, chứ không bao giờ lừa dối tất cả chúng sanh. Phải nên hiểu rõ như vậy".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 2

Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC

Phần 2

Luận nói: Nên biết chỗ tích tập tự lực là tùy theo tướng ấy mà đối với một con đường lành cũng nên gìn giữ. Như Kinh Địa Tạng Thập Luận nói: "Mười nghiệp thiện như vậy Phật đã tu chứng quả. Nếu không chân thật gìn giữ một con đường nghiệp thiện cho đến khi mạng chung mà tự nói lên: Ta là người hành Đại thừa chân chánh, ta cầu chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nên biết người ấy mắc tội dối trá và vọng ngữ lớn. Đối với mười phương thế giới chư Phật mà lừa dối và mê hoặc thế gian nói pháp không đoạn kiến ngu si dối trá nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào đường ác".

Luận nói: Cho đến khi lâm chung, có thể trong khoảnh khắc tu các phẩm pháp thiện thì cũng nên thực hiện. Như kinh Dược Sư Lưu Ly Quang nói: "Nếu thấy chúng sanh có tâm rộng lớn nghe hạnh khổ hạnh của Bồ-tát khó làm và trí thắng diệu cho đến thấu hiểu mà phát khởi dõng mãnh gánh vác trọng trách bảo hộ chúng sanh, đoạn tận căn bản các khổ đau và lễ bái cúng dường, nói tội và tùy hỷ phước, khuyên thỉnh chư Phật trụ lâu ở đời mà thuyết pháp cho đến hồi hướng đến Bồ- đề, khuyến thỉnh thiện tri thức thuyết pháp hoặc tự mình thuyết, nên biết chúng sanh ấy đã hiển thị đạo". Như kinh Văn Thù Sư Lợi Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức nói: "Bạch Thế Tôn! Diệu Cát Tường thuở xưa lúc sanh ra vốn hành nhân duyên phát tâm Bồ-đề, cũng đã phát tâm như thế như chỗ nói của Đức Phật kia cho đến trước hết xa lìa bờ mé luân hồi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, hành các hạnh như thế. Con ở chỗ Đức Thế Tôn phát tâm Bồ-đề hiện tại khuyến thỉnh khiến cho các thế gian giải thoát khỏi mọi báo khổ bần cùng tâm phẫn hận keo kiệt và ganh ghét. Khi con đắc Bồ-đề thì tất cả những điều ấy không còn hiện khởi. Cho đến thường tu phạm hạnh, giải thoát khỏi mọi tội lỗi. Đối với Phật tùy thuận học hỏi giới luật thanh tịnh, ưa thích tôn trọng đại Bồ-đề, không vội vả thủ chứng cõi sau cùng của con và đối với chúng sanh

hiển bày một tướng không khác. Khi ấy, mười phương thế giới chưa nghe tên con mà vô lượng các cõi nước không thể nghĩ bàn đều được trang nghiêm. Do nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh nên các chỗ tạo tác cũng trở nên thanh tịnh. Lại nữa, trong mọi lúc phải gìn giữ giới luật thanh tịnh, tận cùng cõi sanh tử không còn các tội ác. Hơn nữa, trong kinh A Súc Như Lai Bản Nguyện Thọ Quyết nói: "Đức Phật A Súc kia khi còn làm vị Bồ-tát đã nói như vầy: Nếu ta mọi kiếp sanh ra đời không đi xuất gia thì sẽ lừa dối tất cả chư Phật. Nầy Xá-lợi-phất! Như vậy Bồ-tát đối với Phật A Súc cũng nên thuận theo học hỏi. Nầy Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát đời đời dù sanh ra chỗ nào cũng đi xuất gia, hoặc gặp Như Lai xuất hiện ở đời, hoặc không gặp Như Lai xuất thế thì cũng bỏ nhà xuất gia thọ học như vậy. Tại sao? Nầy Xá-lợi-phất! Vì như Bồ-tát bỏ nhà đi xuất gia là rất tối thượng cho đến đối với quyến thuộc nam nữ không sanh ái trước. Như khi ta sanh ra cũng chẳng có các lỗi lầm.

Luận nói: Như trên đã nói, ngưng nói sự việc nầy. Nếu nói tội tướng của thí, giới, đồng nhau và đối với tội tướng tương ưng với các sự việc ấy, thì nên, tự xả bỏ hoặc hành tướng riêng biệt cũng chẳng phải không có tội, vì hành tướng riêng ấy không thể nhiếp thủ. Tuy nhiên Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh, giải thoát tất cả khổ não khiến được an vui trong vị lai và làm cho thứ diệu lạc tăng trưởng nhanh chóng. Nếu thân, khẩu, ý không theo phương tiện tinh tấn chuyên cần làm cho chín muồi thì đối với duyên hòa hợp không có niềm vui giáo hóa, hoặc tán diệt cũng không tìm cầu. Phần nhiều và phần ít phiền não không khởi sự đối trị. Đối với nghĩa lợi lớn và nghĩa lợi nhỏ hoặc chẳng phải nghĩa lợi cũng không sanh tổn giảm. Trong một sát na đều xả bỏ tất cả. Thuyết nầy nói tội và lược nói vô tội, nghĩa là tự lực có thể đối với sự cảnh giới đều không có quả báo. Hoặc chấp như vậy đối với các học biểu hiện thể tánh của tướng là tội. Nếu tự lực có thể ở trong cảnh giới tương ưng với xứ tội thì điều nầy không có. Nên biết đồng nói tội v.v... đối với tướng giải thoát tức là cái học của Bồ-tát trong thân bình đẳng rộng lớn vô lượng kiếp sau mà nói. Lại nữa, ở đây lược nói hai loại tội nầy của Bồ-tát. Như đó thành tựu tương ưng hay chẳng phải tương ưng, có thể làm hay không thể làm đều không kén chọn xả nên là tội. nghĩa là nói rốt ráo siêu thoát khỏi sự tìm cầu. Như nô dịch Chiên-đà-la v.v... hiểu sai lầm về nghĩa là tội. Vậy tại sao trong kinh Thâm Tâm Giáo Giới lại nói như nhân nơi Từ Thị có bốn loại biện tài, tức lời nói của chư Phật. Sao gọi là bốn?

1. Lựa chọn nghĩa lợi ích và kén chọn nghĩa không lợi ích

2. Lựa chọn chánh pháp nầy và kén chọn phi pháp kia.

3. Phá trừ phiền não chẳng phải tăng trưởng phiền não

4. Vui thấy công đức của Niết bàn không vui thấy công đức của luân hồi.

Trên đây chính là bốn loại biện tài đã lược nói như thế.

Tại sao nhân nơi Từ Thị mà nói bốn loại biện tài? Nghĩa là thiện nam tín nữ sanh khởi tưởng về chư Phật và tưởng nghị luận nghe pháp thiện. Tại sao? Vì nếu Từ Thị có sự khéo nói tức là ngôn ngữ của chư Phật. Nếu đối với biện tài của Từ Thị mà sanh huỷ báng rằng đó chẳng phải là lời biện tài của chư Phật nên khởi tâm không tôn trọng thì kẻ ác ấy tức đã phỉ báng chỗ thuyết biện tài của chư Phật. Do huỷ hoại pháp thiện nên chiêu cảm quả báo nghiệp tội đọa vào các cõi ác.

Luận nói: Lại nữa, do tu tập thiện xảo mà phát khởi sự yêu thích an vui. Trong hành môn nầy tu học có tác dụng rất tối thắng nên phải tu học, hy vọng đạt được quả vị lớn lao. Như kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói: "Lại nữa, nầy Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát ở chỗ hằng sa số hết thảy chư Phật là chư Phật có hằng hà sa số cõi Phật. Lại nữa, trong hằng hà sa số kiếp như thế đã dùng ngọc ma ni như ý đầy khắp để bố thí và nếu các Bồ-tát đã nghe pháp tướng như vậy rồi lại nhất tâm suy nghĩ: Ta phải tu học thì nầy Văn-thù-sư-lợi! So với phước báo vô học trước đây nếu chưa thực hiện thì sự ưa muốn của Bồ-tát học địa nầy phước ấy rất nhiều.

Luận nói: Bồ-tát ấy tuy thấy được công đức nầy nhưng chưa nói lên được sự tu tập của mình. Lại như kinh kia nói: "Nầy Văn-thù-sư-lợi! Giả sử giáo hóa chúng sinh nhiều như vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới khiến cho tất cả đều làm vua Diêm-phù, hoặc dùng các âm thanh tán thán, đọc tụng, như thuyết tu hành theo kinh Đại thừa, trong một ngày một đêm có thể cắt tiện thân thể tay chân cho đến chết vẫn một lòng phụng hành, thì nầy Văn-thù-sư-lợi! Do Bồ-tát nầy bố thí với tâm không khiếp nhược, không kinh hãi, không sợ sệt nên hoàn toàn nhất tâm phát khởi tướng gần gũi, không hối, không nghi cũng không phân biệt. đối với chánh pháp tối thượng nầy vị ấy nhiếp thọ tương ưng, ý vui đọc tụng như thuyết tu hành. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Tâm Bồ-tát ấy dõng mãnh tức là bố thí dõng mãnh, trì giới dõng mãnh, tinh tấn dõng mãnh, thiền định dõng mãnh, trí tuệ dõng mãnh và tất cả Tam-ma-địa dõng mãnh. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát ấy giả sử đối với đám người ác cũng lại không sanh tâm sân hận, tâm nhàm chán và lỗi lầm khác. Nầy Văn- thù-sư-lợi! Bồ-tát ấy như vua Thích, Phạm v.v... không thể lay động".

Luận nói: Nay chính là lúc nên nhất tâm học hỏi và hy vọng quả báo lớn. Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có kệ nói:

Nếu trong hà sa nhiều ức kiếp Cúng dường trăm ức na-do Phật Lòng tin thanh tịnh cúng món ngon Cũng cúng đèn hoa và phan lọng Nếu thời mạt pháp chánh pháp suy Pháp Phật như vậy sắp diệt mất Một ngày một đêm học hạnh ấy

So phước trước, phước nầy hơn hẳn.

Luận nói: Do đó, nếu nhất tâm khuyên tu theo lời Phật dạy trong kinh thì thành tựu nghĩa học của Bồ-tát. Như kinh Bảo Vân nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát đối với sở học của mình nên kiên trì giới thanh tịnh, tìm hiểu như thế. Nếu không thì trong giới biệt giải thoát của Bồ- tát, ta làm sao có thể chứng đạt A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề! Lại nữa, làm sao ở trong các kinh pháp Đại thừa của Như Lai để thành tựu giảng hạnh và tu tập các sở học của Bồ-tát. Do vậy, ta phải tu tập rộng lớn như thế".

Luận nói: Chúng ta không biết chứ đối với chế chỉ của Bồ-tát được nói rộng rãi nầy là chấp nhận phát khởi sự hiểu biết sai lệch. Lý nầy có gì sai biệt? Vì đối với chỗ tu tập đã hiểu rõ không có sai lầm. Sao gọi là chỗ tu tập? Nghĩa là đối với thân có sự thọ dụng thuộc ba đời hành xả thanh tịnh, hộ trì chúng sanh khiến cho tăng trưởng thanh tịnh. Lãnh thọ giới Bồ-tát rồi, nếu Bồ-tát nầy an trú trong chỗ tu tập của mình mà nói là tướng tội. Như kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: "Trong đạo Bồ-tát nhiếp thọ tất cả chúng sanh khiến họ đoạn tận cõi ác. Đạo Bồ-tát kia nhiếp thọ an trú trải qua đầy đủ A-tăng-kỳ kiếp. Chỉ phát khởi tâm an ổn và tâm thân cận". Bồ-tát phát tâm nầy nên biết, đối với các chúng sanh chỉ một hướng nhiếp thọ nhiều trụ xứ. Như trong luật Văn Thù Thanh Tịnh nói: "Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên Tịch Âm: Bồ-tát phải có đầy đủ năm thứ vô gián nầy mới mau chứng đắc quả A-nậu-đa- la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Những gì là năm?

1. Bồ-tát tác ý sâu xa kiên cố để cầu đạo vô thượng và phát tâm không rơi vào địa của Thanh văn và Duyên giác.

2. Bồ-tát tự xả bỏ tất cả sở hữu của mình nên dù ở trong sự keo kiệt cũng không bao giờ bị đồng hóa.

3. Bồ-tát thường nghĩ ta nên cứu độ tất cả chúng sanh nên không hề khởi tâm biếng nhác thoái lui.

4. Bồ-tát hiểu rõ tất cả pháp đều chẳng phải không, chẳng phải có, không sanh không diệt nên không rơi vào các kiến chấp.

5. Bồ-tát đối với pháp trí đều hòa hợp một tướng nên phát tâm ở nơi vô sở trụ. Do vô sở trụ nên đối với các pháp Nhất thiết trí có chỗ chứng

đắc.

Luận nói: Nghĩa là chỗ thọ dụng phước báo của thân không bao giờ đoạn diệt nên đối với việc xả bỏ và hộ trì khiến thanh tịnh tăng trưởng. Như trong Kinh Du Già Quán Tưởng nói: "Bồ-tát xả bỏ nghĩa lỗi lầm và khởi quán tưởng lìa tham cũng như quán xả bỏ công đức". Như kệ trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói:

Vậy thân không kiên cố Người ngu tâm tạo nghiệp Sao thường trong thọ mạng Sát na như huyễn mộng Tạo ra các nghiệp ác

Tội báo thường tùy thích Do nhân vô minh nầy Chết đọa nhiều đường ác.

Lại nữa, kinh Vô Lượng Môn Đà-la-ni nói: "Sao gọi chúng sanh vướng vào nhân đấu tranh? Vì tính toán vào tài lợi làm căn bản. Do vậy cần phải xả bỏ. Nếu lìa tham ái tức là chứng đắc Đà-la-ni nầy". Lại trong kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát đối với tất cả pháp rất vi tế không hề sanh tưởng khác. Vì sao? Vì sợ chấp trước. Trong kinh Tối Thượng Thọ Sở vấn nói: "Bố thí nghĩa là không có các tâm keo kiệt và chấp trước mà thường gìn giữ và hộ trì. Lại nữa, bố thí là đoạn trừ tham ái chấp trước chứ không phải tăng trưởng tham ái. Bố thí thì không có các biến kế, còn chấp trước thì có các biến kế. Bố thí thì không có sự sợ hãi, còn chấp trước thì còn vướng mắc nhiều vào sợ hãi. Bố thí thì trụ vào đạo Bồ-đề còn chấp trước là trụ ở cảnh giới ma đạo. Bố thí là tạo ra tưởng vô tận còn chấp trước thì tạo nên tưởng hữu lậu. Lại nữa, bố thí thì đạt được các diệu lạc còn chấp trước thì thường bị bức bách. Bố thí thì xả ly phiền não còn chấp trước thì làm tăng trưởng phiền não. Hơn nữa, bố thí thì được phước giàu sang, còn chấp trước thì nhận lấy sự nghèo khổ cùng cực. Bố thí thì tạo nên sự nghiệp thiện còn chấp trước thì tạo nên sự nghiệp ác. Bố thí thì chư Phật khen ngợi, còn chấp trước thì kẻ ngu si ca tụng. Cho đến bố thí thì chỗ sanh con của mình không hề khởi luyến trước chẳng phải như chúng sanh khác sanh khởi luyến ái. Nên biết tự tâm có ba loại:

1. Bồ-tát đối với đạo Bồ-đề thường tương ưng với Chánh Đẳng chẳng có tâm phân biệt cao thấp.

2. Bồ-tát đối với đạo Bồ-đề khởi tâm bình đẳng chẳng có tâm phân biệt cao thấp.

3. Bồ-tát đối với đạo Bồ-đề không có nhiều sự tạo tác cũng chẳng phải có các việc thực hiện.

Trên đây chính là nói về ba sự tự tâm.

Luận nói: Nghĩa là đối với con của mình sanh ra, khởi tưởng chẳng

phải bạn lành. Đã chẳng phải bạn lành nên không phải bạn của ta. Nếu làm lợi ích tùy theo sự học hỏi về giáo pháp của Phật mà gánh vác trọng trách nên đối với con của mình sanh ra cũng không khởi chấp trước, chẳng phải như đối với chúng sanh khác khởi tâm thương xót. Nên biết đã phát tâm Bồ-đề rồi, như đối với con ta phát sanh lòng thương, tức ta đối với tất cả chúng sanh cũng lại tùy thuận phát khởi lòng thương mến. Như vậy trong tâm quán quán sát ngộ hiểu: Con ta đã không khác đối với tất cả chúng sanh tức là tất cả chúng sanh đều là con ta. Các sở hữu của chúng sanh hoặc mình hoặc người cho đến Cư sĩ, Bồ-tát tại gia đối với tài lợi của mình hoặc chẳng nhiếp thọ cũng chớ đắm trước nhưng không hề lìa pháp. Lại nữa, không nên ưa thích khoái lạc tùy thuận dục nhiễm. Vả lại Bồ-tát tại gia hoặc thấy có người đến xin thì nên tùy thuận vào sự phát tâm dõng mãnh của mình mà cung cấp cho. Lại nghĩ như vầy: "Tài lợi nầy của ta hoặc xả bỏ hay không xả bỏ thì rồi cũng hoàn toàn diệt mất". Tại sao khi xả thọ mà đạt được tâm vô dục? Nghĩa là ngã và ngã sở đã được nhẫn rốt ráo đối với tài vật đã xả bỏ, xa lìa cái khổ còn thai nghén, ẩn tàng tâm trụ vào chánh niệm vui vẻ, yêu thích không bao giờ sanh khởi tùy chuyển. Hơn nữa, năng xả như vậy tức là đối với vật dụng đã xả và người đến xin nên biết có bốn loại tưởng.

1. Tưởng khiếp nhược cho nên không thể thuần thục thiện căn thuộc chỗ tạo nghiệp trước, và đối với Đại thừa tâm không tự tại nên thấy có thủ xả.

2. Tưởng nếu ngã và ngã sở trú vào lực nhẫn an ổn khiến mình cùng người lành không khởi sanh buồn bực.

3. Tưởng tu hành như vậy, hăng hái như vậy, tinh tấn như vậy để hoàn thiện tất cả chỗ mong cầu của chúng sanh.

4. Bồ-tát tại gia như vậy thường đối với người ăn xin kia nên khởi tưởng hoặc người ấy lại gây nên tăng trưởng lỗi lầm thì Bồ-tát nên phải khéo nói lời yên vui, hoặc người ăn xin ấy không biết ơn, Bồ-tát cũng không khởi tâm keo kiệt ganh ghét mà xem đó là điều vô tội. Đây là Thế Tôn vì các Bồ-tát bậc thấp mà nói.

Như trong Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: "Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát có bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Bồ-tát thường xuyên phát khởi tín tâm.

2. Bồ-tát không hề keo kiệt gian tham

3. Bồ-tát không nói hai lưỡi và ganh ghét.

4. Bồ-tát không hề có tâm biếng nhác.

Nghĩa là nói ta không thể chứng đắc quả A-nậu-đa-la-tam-miệu- tam-bồ-đề.

Nầy Xá-lợi-phất! Ta có bốn pháp nầy chỉ có bậc trí kia mới hiểu biết rõ. Nếu người nịnh hót sống tà mạng cầu phi pháp và pháp nhiễm thì thường chú trọng đến tài lợi của thế gian trộm cắp của tín thí. Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát với tâm dõng mãnh cho đến bố thí của cải, đầu mắt, tay chân, thân thể, quyến thuộc, nam nữ, nhà cửa, ruộng vườn, thành ấp v.v... tất cả những sự rất yêu mến đều xả bỏ. Lại như kinh Na La Diên Sở Vấn nói: "Nếu đối với tài lợi mà phát khởi tâm xả thì nên biết về tài lợi mà không hề sanh tâm chấp trước. Tuy nhiên ở đây chỉ xả bỏ mà chưa khởi trí. Nếu ở trong sự nhiếp thọ mà không khởi tâm xả thì đó cũng chẳng phải là nhiếp thọ nên cũng còn khởi chấp trước. Nếu tùy ý người xin mà đối với sự nhiếp thọ, khởi sanh trí thì ở trong quyến thuộc không khởi chấp trước, với sự tôn quý tối thượng cũng không chấp trước, với sự thọ dụng trân bảo cũng không chấp trước. Tuy nhiên, nếu Bồ-tát đối với tài lợi mà không khởi tâm xả bỏ cho đến phần vi tế nhất thì nên biết vẫn còn chấp trước. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát nên phát tâm như vậy, phần thân nầy của ta đối với các chúng sanh cũng nên xả bỏ huống gì sở hữu tài vật ngoài thân. Lại nếu đối với mọi nhu cầu của chúng sanh thì Bồ-tát nên thí cho. Nghĩa là nếu có người đến xin tay thì cho tay, xin chân thì cho chân, xin mắt thì cho mắt nhẫn đến họ đến xin gan tủy máu thịt và phần thân khác, Bồ-tát cũng phải tùy thuận mà đem cho. Tại sao gọi là tài vật bên ngoài? Nghĩa là có kho tàng chứa đựng vật như vàng bạc, trân bảo trang nghiêm thắng diệu, hoặc xe voi, xe ngựa, đất nước, cung điện, thành ấp, xóm làng, dân chúng, nô bộc và quyến thuộc nam nữ, nếu các chúng sanh ưa thích cần dùng đến thì Bồ-tát phải bố thí cho họ mà không tham tiếc. Phải luôn nghĩ ta nên cấp cho họ mà không sanh tâm buồn bực, thối thất cũng không hy vọng được quả báo tốt và những lời nói nịnh bợ ca thán khác. Lại nữa, sự bố thí nầy của ta là tùy thuận tất cả chúng sanh, thương xót tất cả chúng sanh, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, nhiếp thọ tất cả chúng sanh, như ta nhiếp thọ chúng sanh biết pháp như vậy thì chứng đạt Bồ-đề, dùng lời chính yếu mà nói lên điều đó. Nầy thiện nam tử! Ví như cây thuốc với gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả, võ và hạt của nó đều có giá trị chữa bịnh hoặc toàn phần hoặc một phần tùy theo người hái thuốc mà không sanh phân biệt. Lại nữa, khi đem thuốc ấy chữa hết mọi bịnh khổ cho chúng sanh cũng không phân biệt tính chất thượng, trung và hạ. Nầy thiện nam tử! Bồ-tát cũng như vậy, nên biết phải đối với bốn loài chúng sanh phải tưởng mình như là cây thuốc. Đối với chúng sanh kia Bồ-tát có thể làm lợi ích thường xuyên. Nếu chúng sanh

cần tay thì Bồ-tát cho tay, cần chân thì cho chân tùy theo chỗ cần của họ như cây thuốc kia không hề sanh phân biệt.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 3

Phẩm 1: TẬP BỐ THÍ HỌC

Phần 3

Như kinh Thánh Sở Thuyết Vô Lượng Ý nói: "Bồ-tát phải quán sát tự thân đối với các chúng sanh nên làm thế nào? Nghĩa là bốn đại: đất, nước, gió, lửa có nhiều môn, nhiều thứ việc làm, nhiều thứ hệ thuộc, nhiều thứ khí cụ, nhiều thứ thọ dụng, nên phải tùy hành của chúng sanh hoặc nhiều hoặc ít, nhưng thân tứ đại nầy của ta tức chỗ tụ hội của các yếu tố ấy cũng lại như vậy, có nhiều môn, nhiều thứ tạo tác, nhiều thứ hệ thuộc, nhiều thứ khí cụ, nhiều thứ thọ dụng. Đối với các chúng sanh làm chỗ nương dựa lớn ở trong sự quán sát của mình mà làm lợi ích cho chúng sanh. Giả sử thân nầy có khổ thì Bồ-tát cũng không sanh nhàm chán.

Luận nói: Về việc xả phước thọ dụng thì như trong Kinh Kim Cang Tràng nói: Bồ-tát dùng nhiều thứ để bố thí cho vô lượng người bần cùng khốn khổ trong mười phương. Người nhận thọ sự bố thí tin tưởng vào việc làm của Bồ-tát, nghe tiếng của Bồ-tát, duyên vào lời nói của Bồ- tát mà luôn luôn đều phải tu tập theo. Tuy nhiên Bồ-tát bố thí trước tiên phải phát thệ nguyện. Do nghe lời nguyện trong tâm Bồ-tát đối với việc xả bỏ tất cả với ý hoan hỷ không nhàm chán mà khiến cho người xin đều được mãn nguyện, tùy vào người đến xin mà phát tâm đa tạ. Như kệ trong kinh nói:

Ta nên đến chỗ thí
Ngươi biết không thể được
Các người từ xa đến
Không khổ nhọc hay sao?

Như vậy, đối với người đến xin phải nên lễ bái, cung kính, an ủi và tắm rửa thân thể sạch sẽ để thiết sàng tòa rồi theo nhu cầu của họ mà cung cấp đầy đủ, đó là các loại mạt ni xa, các trang sức báu của phụ nữ trong cõi Diêm-phù-đề mà cung cấp tất cả. Hoặc bố thí vàng bạc, xe cộ, người hầu, tùy theo các loại nữ trang thanh tịnh mà đem cho đầy đủ. Hoặc bố thí xe Lưu ly với sự ca vịnh âm nhạc tối thượng đầy đủ như trước. Hoặc bố thí xe

Phi-chi-ca với bốn phương diện thuộc các loại báu trang sức của người nữ được thiết lập thật trang nghiêm nhiều màu sắc và hình tượng không thể so sánh được, đồng thời cũng đầy đủ không có thiếu sót. Như trước đã nói, Mạt-ni xa được các thứ lưới báu bao phủ ở trên và dùng voi trắng để kéo và người điều khiển voi trông thật trang nghiêm vô lượng. tướng của bánh xe báu ấy cùng với xe đều rất tương xứng. Lại nữa, ở trong xe có nhiều tòa sư tử được làm bằng bảo vật cho đến thiết lập các phan lọng, bảo cái bằng vật báu che phủ lên trên tòa. Ở trong đó mọi người đều đi nhiễu quanh tháp báu và bốn mặt tháp đều có đủ loại thứ hương thơm xông lên. Dùng hương làm đồ xoa, lấy các thứ hoa thơm ngát tung rãi khắp nơi thật trang nghiêm vi diệu.

Lại trong kinh kia nói, vì các chúng sanh nên Bồ-tát xả bỏ thân mình, thừa sự chư Phật mà nhiếp thọ họ. Như hoặc xả bỏ địa vị chuyển luân vương quốc thành cung điện và tất cả những thứ trang sức thắng diệu như vì người đến xin mà Bồ-tát xả bỏ các quyến thuộc nam nữ, thê thiếp, nhà cửa, ruộng vườn. Như vậy Bồ-tát xả bỏ ngay cả việc ăn uống quý ngài cũng vì chúng sanh mà luôn cung cấp đầy đủ. Đối với người bệnh tật, Bồ-tát đều thương tưởng đến mà ban cho mọi thứ cần dùng, như thuốc men, cơm nước, giường chiếu và phòng xá v.v... đối với Phật các ngài đều thừa sự cúng dường vô lượng các thứ báo trang nghiêm và khởi tâm cung kính không thể nghĩ bàn. Đối với Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác các ngài cũng luôn gần gũi cúng dường, đồng thời chỉ dạy họ phát khởi tâm hy hữu và tâm thanh tịnh. Đối với cha mẹ, A-xà-lê và các Tôn sư khác, mà khởi tâm cung kính, hầu hạ gần gũi, cầu học các tâm. Hoặc bố thí cho các người túng thiếu, khốn khổ, đối với các chúng sanh mà quán sát vô ngại, phát tâm thương xót. Tóm lại, nói: Nếu Bồ- tát vui bố thí xe voi với bảy chi báu thiết lập cao sáu mươi trượng và đầy đủ sáu ngà với mắt mũi thanh tịnh như sắc hoa sen, hình tướng được các thứ báu như vàng bạc v.v… Trang sức trông thật trang nghiêm, mũi thở ra những sắc vàng thù thắng vi diệu, bước đi cả ngàn du thiện na người xem không chán. Hoặc bố thí xe ngựa tùy đi dạo bốn phương nhưng mỗi bước đi đều bình ổn, ngay thẳng thân được sự an ổn với các tôi tớ hầu hạ đem theo thức ăn nước uống đầy đủ như sự trang nghiêm ở cõi trời trăm ngàn thứ báu v.v... hoặc bố thí cho các thiện tri thức, cha mẹ, sư trưởng tôn trọng và tất cả những người khốn khó trong thế gian với tâm không xẻn tiếc cũng không chấp trước. Ngược lại đem lòng đại bi đại xả phát tâm sâu xa thanh tịnh của Bồ-tát khiến phát tâm vô lượng công đức. Cho đến Bồ-tát hoặc bố thí sàng tòa, chỗ ngồi của bậc hiền vương và ngọc phệ lưu ly ở dưới chân ghế báu mà an trí giường sư tử, dây vàng lưới báu

khắp mọi nơi rũ xuống mềm mại uyển chuyển với vô lượng trang sức, xông ướp hương thơm vi diệu dùng ngọc ma ni kiến lập đàn tràng cao diệu với vô lượng trăm ngàn sự bền vững vượt qua các thứ báu và dùng các thứ báu vô lượng rũ xuống để trang nghiêm, đồng thời mỗi một mắt lưới đều theo các linh báu. Gió thổi lay động phát ra âm thanh hòa nhã vui tai. Hoặc bố thí tòa ngồi cao lớn chót vót trên cao, có vô số các lọng thượng hạng che khắp mặt đất. tất cả các quốc vương, chủ đại tự tại ngồi rồi làm phép Quán đảnh và ở tòa nầy được chuyển luân vô ngại, dạy các tiểu vương theo đó phụng hành. Như vậy, cho đến Bồ-tát bố thí lọng báu lớn cũng dùng báu lớn trang sức, các cây, linh, dây, lưới... đều bằng báu rũ xuống quá khỏi tại, cổ. Lại nữa, dùng ngọc lưu ly, ma ni v.v… kết thành chuỗi anh lạc vi diệu. Lại trong các lưới như trời Nan di xuất ra âm hưởng vi diệu thanh tịnh hòa nhã được các loại báu cự phách trang nghiêm, số ấy có đến trăm ngàn thứ như chỗ chứa đựng các vật báu. Lại đốt hương vô giá bay khắp nơi như chiên đàn, trầm thủy tỏa ra mùi hương lan đi trăm ngàn do tuần đến khắp cõi nước khác. Lại có bảo cái thanh tịnh như ánh sáng vàng ròng của cõi Diêm-phù cũng dùng vô lượng các loại báu trang nghiêm. Dùng vô số trăm ngàn bảo cái che kín không gian. Dùng tâm bố thí đối với những người đến xin mà tùy theo nhu cầu của họ để cấp cho. Hoặc bố thí pháp chân thực khi chư Phật diệt độ để trang nghiêm tháp miếu. Hoặc đến cầu pháp với Bồ-tát, thiện tri thức và các Pháp sư Bồ-tát sanh trong thời hiện tại. Nếu cha mẹ, tăng bảo phụng hành theo giáo pháp của Phật cho đến tất cả những người đến thọ nhận sự bố thí thì đều lấy thiện căn như vậy mà hồi hướng. Như thời ban đầu ấy khi có các pháp thiện đều phải nên thân cận. Cứ như thế phát nguyện về thiện căn nầy và đối với các thế gian thường được nương ở, đối với pháp thanh tịnh được chánh tự tại. Nếu các chúng sanh có các thiện căn nầy thì tội báo ở địa ngục hoàn toàn được dứt trừ, cho đến cõi súc sanh cũng dứt hết khổ sở. Người kia đối với thiện căn đã hồi hướng thì ta đối với thiện căn cũng lại như vậy. Khi ở trong phòng xá thì nguyện cho các chúng sanh dứt trừ các khổ sở. Khi dang tay cứu vớt người thì nguyện cho chúng sanh dứt trừ các phiền não.

Khi gặp sự nương sống nhờ thì nguyện cho chúng sanh lìa khỏi các sự sợ hãi. Nếu khi ra đi thì nguyện cho chúng sanh đến tất cả địa. Nếu khi hướng đến thì nguyện cho chúng sanh đạt được nhẫn rốt ráo. Khi thấy ánh sáng thì nguyện cho chúng sanh đạt được trí tuệ không còn mê mờ. Khi thấy ánh điển chớp thì nguyện cho chúng sanh phá trừ được vô minh ám độn. Khi gặp đèn đuốc thì nguyện cho chúng sanh trụ vào nơi thanh tịnh rốt ráo. Khi gặp sự khỏe mạnh thì nguyện cho chúng sanh đối với pháp

không thể nghĩ bàn vào sâu chánh lý. Khi gặp vị tướng dõng mãnh thì nguyện cho chúng sanh đạt được trí vô ngại. Cho đến lời nói không có hư vọng, với ý sâu xa kiên cố hồi hướng về một cảnh, và tâm hồi hướng, tâm hoan hỷ hồi hướng, tâm tất hoan hỷ hồi hướng, tâm nhu nhuyến hồi hướng, tâm đại từ hồi hướng, tâm vui thích hồi hướng, tâm nhiếp thọ hồi hướng, tâm thủ hộ hồi hướng, tâm an ổn hồi hướng v.v... Lại nữa, với thiện căn nầy của ta nguyện cho tất cả chúng sanh được thành tựu việc hướng đến thanh tịnh, được thành tựu chỗ sanh thanh tịnh, được thành tựu phước tướng thanh tịnh trang nghiêm thân, được thành tựu sự vô tổn hại, được thành tựu sự bố thí rộng lớn, được thành tựu tâm lâu xa, của thành tựu niệm không mất, được thành tựu tuệ giải, được thành tựu giác ngộ vô lượng, được thành tựu thân, ý nghiệp và được tất cả các công đức trang nghiêm tròn đầy. Lại nữa, dùng vô lượng thiện căn cùng các chúng sanh cúng dường chư Phật. Cúng dường xong được không tổn giảm và ở chỗ Phật Thế Tôn sám hối tất cả tội ác, gần gũi bậc Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe Phật thuyết pháp rồi lìa hẳn các pháp nghi hoặc. Do nghe pháp và thọ trì nên thường xuyên đạt được chánh hạnh đầy đủ. Do cúng dường Như Lai nên thành tựu sự nghiệp, tâm siêng tu tập không có các tội ác. Lại nữa, ta gieo trồng các thiện căn nầy để hoàn toàn xa lìa sự bần cùng và đạt được Thánh tài (bảy pháp của bậc Thánh) thuận theo chư Phật để học được thiện căn thù thắng, có thể thành tựu sự tin hiểu rộng lớn và nhập vào Nhất thiết trí. Đối với thế gian thường quan sát vô ngại đầy đủ công đức trang nghiêm thanh tịnh, nhiếp thọ tất cả công đức, lời nói trang nghiêm, thành tựu các căn, mười lực gắn liền với sự tích tập của tâm phân biệt, ở trong mọi cử chỉ không gì không viên mãn. Lại nữa, các Đức Phật đã thành tựu trú xứ diệu lạc nên nguyện cho các chúng sanh cũng được như thế, như trong Lục Thập Hồi Hướng Nghi Quỹ nói: "Nguyện cho hết thảy chúng sanh đạt được trí thực, vật không nên ăn, tâm tự biết hết, quyết định không chọn lựa thức ăn ưa thích, không ăn thịt cho đến không sanh ái dục. Nguyện cho tất cả chúng sanh như mưa xuống đều được một vị pháp. Nguyện cho tất cả chúng sanh đều đạt được vị tối thượng, đối với niềm vui pháp tối thượng an trú đầy đủ, khéo tư duy tất cả pháp của Phật, không sanh chấp tướng, không hoại các thừa như tối thượng thừa, tối thắng thừa, tốc tật thừa, đại lực thừa v.v... Nguyện cho tất cả chúng sanh vui thấy chư Phật không hề nhàm chán. Nguyện cho chúng sanh gặp thiện tri thức được không gián đoạn. Nguyện cho các chúng sanh không thấy thuốc độc. Nguyện cho các chúng sanh dứt trừ phiền não. Nguyện cho các chúng sanh thấy ánh sáng mặt trời thanh tịnh. Nguyện cho các chúng sanh phá tan tối tăm rồi tùy theo sự ưa thích

mà nói. Như vậy thân tướng chiếu rõ tự tánh. Nguyện cho các chúng sanh thấy được ánh sáng thù thắng, không thấy các sự não hại mà chỉ có an vui, hiền thiện ưa thích với hy vọng cực hỷ đến chỗ chư Phật. Nguyện cho các chúng sanh đầy đủ hương giới, ở trong giới rốt ráo của Bồ-tát không hề hủy phạm. Nguyện cho các chúng sanh huân tu bố thí, xả bỏ tất cả. Nguyện cho các chúng sanh huân tu nhẫn nhục để được tâm bất động. Nguyện cho các chúng sanh huân tu tinh tấn và mặc áo giáp đại tinh tấn. Nguyện cho các chúng sanh huân tu các tĩnh lự, nương theo ở trước Phật hiện tại đắc Tam-ma-địa. Nguyện cho các chúng sanh huân tập sự hồi hướng của Bồ-tát. Nguyện cho các chúng sanh huân tu tất cả các pháp thiện, giải thoát tất cả các pháp bất thiện. Nguyện cho các chúng sanh được mọi sự cần dùng như ở cõi trời. Nguyện cho các chúng sanh phát khởi đại trí hạnh và được đầy đủ hành trang của bậc thánh. Nguyện cho chúng sanh dùng tâm Bồ-đề khuyến hóa chúng sanh khác đạt được an lạc vi diệu. Nguyện cho các chúng sanh xa lìa hành khổ luân hồi đạt đến nơi an ổn. Nguyện cho các chúng sanh được an trú vào cõi Phật thanh tịnh và chứng đắc các pháp xúc, nghĩa là trụ vào công đức, trụ vào pháp tương ưng, trụ vào cái rộng lớn tối thượng bất động của chư Phật. Nguyện cho các chúng sanh được gần Phật. Nguyện cho các chúng sinh được vô lượng ánh sáng của pháp Phật chiếu đến. Nguyện cho các chúng sanh được ánh sáng vô ngại và hay dùng ánh sáng ấy chiếu khắp các pháp giới. Nguyện cho các chúng sanh được thân an ổn và đắc thân Như Lai. Nguyện cho các chúng sanh như Dược vương, biết phân biệt luận bàn phương thuốc. Nguyện cho các chúng sanh đều giống như thuốc hay không bao giờ gây tổn hại. Nguyện cho các chúng sanh như lương y ở đời chữa lành tất cả bệnh tật, được Nhất thiết trí đạt đến nơi an ổn. Nguyện cho các chúng sanh như vị thuốc hay ở đời thường hay đem tâm sâu xa đâm nghiền giã thuốc để hòa hợp. Nguyện cho các chúng sanh diệt trừ các bệnh tật khổ não. Nguyện cho các chúng sanh được thân thể có sức mạnh lớn. Nguyện cho các chúng sanh phá tan các thế lực của núi Luân vi. Nguyện cho các chúng sanh đạt được thế giới hư không vô hạn lượng với niệm căn rộng lớn, dù ở đời hay xuất thế tất cả chỗ nói đều nhiếp thọ rộng lớn và trì giữ niệm không vọng tưởng. Nguyện cho các chúng sanh được đồ dùng thanh tịnh, thiện, liễu ngộ sự phân biệt thanh tịnh của ba đời chư Phật không hề chấp trước. Nguyện cho sự mong muốn của chúng sanh được hướng đến tất cả các xứ hành ở cõi Phật. Nguyện cho các chúng sanh đối với tất cả chúng sanh khác được tâm không tổn hại. Nguyện cho các chúng sanh trong một sát na tâm đều duyên khắp các pháp giới và đi đến khắp tất cả các pháp giới mà không biết chán, mỏi mệt, nhờ vào sự không

chán ghét ấy mà được thân uyển chuyển thông suốt. Nguyện cho các chúng sanh được hạnh diệu lạc cùng với các Bồ-tát đi đến đạo tràng. Nguyện cho các chúng sanh đối với các thiện tri thức và thiện căn, được tâm không xa lìa, biết ân báo ân theo đó mà giữ gìn. Nguyện cho các chúng sanh cùng với thiện tri thức đồng nhất sự lợi lạc. Nguyện cho các chúng sanh với tâm hoan hỷ sâu xa chỉ nhiếp thọ pháp thiện và cùng với thiện tri thức cộng trụ an ổn để tùy tu hạnh phước. Nguyện cho các chúng sanh cùng với thiện tri thức đều có nghiệp báo thiện căn thanh tịnh đồng một đại nguyện. Nguyện cho các chúng sanh trụ vào pháp Đại thừa, vĩnh viễn xa lìa vô minh sầu khổ và đạt được Nhất thiết trí vô cùng tận. Nguyện cho các chúng sanh được bao phủ bởi các thiện căn sống trong sự thủ hộ của các Đức Như Lai. Nguyện cho các chúng sanh giữ gìn trí đức, giải thoát tất cả các hoặc nhiễm ở thế gian. Nguyện cho các chúng sanh được đầy đủ tất cả các pháp thiện không khởi tán loạn và trong pháp Phật được hạnh bất hoại. Nguyện cho các chúng sanh đem mười lực để phủ lấp tất cả các ấm. Nguyện cho các chúng sanh được tâm sâu xa rộng lớn hiểu biết rốt ráo. Nguyện cho các chúng sanh ngồi tòa sư tử đạt được thần thông của Phật, đối với pháp thế gian phải quán sát như vậy. Lại nữa, trong kinh Hư Không Tạng nói: "Chỗ tích tập thiện căn, pháp trí thiện xảo của ta lúc nào cũng nương vào chúng sanh làm chỗ y cứ".

Luận nói: Xả bỏ sự thọ dụng của quá khứ và vị lai. Như trong kinh Vô Tận Ý nói: "Nếu tâm thiện và tâm sở pháp mỗi niệm đều hướng đến Bồ-đề thì đó là thiện xảo, nếu thiện căn vị lai quyết định đi đến Bồ-đề thì hiện tại đối với sự nghiệp nên khởi tâm thiện đều hồi hướng về A- nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề".

Luận nói: Như vậy, tâm và tâm sở pháp tu tập tin hiểu trọn vẹn tất cả xả thí. Lại nữa, tâm sở hành và thân phương tiện xả bỏ các sự nhiếp thọ. Nói nhiếp thọ nầy chính là giải thoát căn bản khổ đau trong ba cõi. Trong đây, vì đối với chỗ tạo tác trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nên chiêu cảm vô lượng sự giàu sang và an vui của thế gian và xuất thế gian. Đối với thân tự nhiên thọ dụng như ý muốn. Ta nên dùng lưỡi câu tài lợi cứu vớt tất cả chúng sanh đặt lên bờ giác ngộ. Bồ-tát ở trong đạo Bồ-đề phải hoàn toàn bố thí tất cả, còn các điều khác thì như trong kinh Bảo Vân đã nói.

Phẩm 2: GIỚI HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

Phần 1

Luận nói: Người ấy đã xả bỏ thân sao còn gọi là thủ hộ? Lấy sự thọ dụng của mình mà bố thí cho tất cả chúng sanh sao gọi là thọ dụng và những gì gọi là bố thí? Nếu không thọ dụng cũng không thủ hộ thì chỉ là hộ trì tự thân nên phải lấy sự thọ dụng làm lợi ích cho chúng sanh. Trong kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: "Nầy Xá-lợi-tử! Nên biết việc thủ hộ người khác tức là thủ hộ tự thân. Nầy Xá-lợi-tử! Hành tướng như vậy, nếu Bồ-tát thành tựu thủ hộ người khác, giả sử gặp nhân duyên đoạt mạng thì cũng nghĩ rằng ta đối với nghiệp ấy không nên làm". Lại như trong kinh Vô Úy Thọ Sở Vấn nói: "Như xe lớn chuyên chở được nhiều dụng cụ nặng nề chỉ có các bậc trí mới hiểu rõ các pháp". Trong kinh Vô Tận Ý cũng nói như vầy: "Vì hộ trì chúng sanh nên giả thiết thân có vướng vào khổ nạn, Bồ-tát cũng không hề sanh tâm mỏi mệt nhàm chán huống là xả bỏ thiện tri thức". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát nhờ thiện tri thức mà hộ trì không đọa vào cõi ác, nhờ thiện tri thức mà siêu việt hoàn toàn các học xứ của Bồ-tát, nhờ thiện tri thức giáo hóa mà được xuất ly thế gian, nhờ thiện tri thức mà được gần gũi hạnh không mất của Bồ-tát, nhờ thiện tri thức mà được nhiếp thọ tất cả các hạnh hiểm có của Bồ-tát, nhờ thiện tri thức mà được nương tựa vào đạo chánh giác, diệt trừ hoặc chướng nghiệp để thoát khỏi bờ sanh tử và đến nơi thanh tịnh. Nầy thiện nam tử! Do đó việc gần gũi thừa sự thiện tri thức thì nên khởi tác ý như vậy. Nghĩa là tâm như mặt đất có thể dung chứa tất cả mọi thứ nhưng không hề mệt mỏi nhàm chán, tâm như kim cương với chí nguyện không thể hủy hoại, tâm như núi Luân, giả sử gặp các sự khổ não cũng không hề chuyển động, tâm như người nô bộc dù làm các việc nặng nhọc cũng không than vãn nhàm chán, tâm như người làm thuê luôn trừ sạch bụi trần dơ uế mà không hề kiêu mạn, tâm như xe lớn có thể chở nặng đi xa nhưng không đổ ngã, tâm như ngựa tốt không bao giờ trở chứng, tâm như thuyền bè đưa khách qua lại mà không mỏi mệt, tâm như người con hiếu thảo đối với người thân luôn tùy thuận với sắc mặt vui vẻ hòa khí. Lại nữa, thiện nam tử! Nên đối với thân mình khởi tưởng bệnh khổ, đối với thiện tri thức khởi tưởng là thầy thuốc hay, tùy chỗ chỉ dạy mà tạo ra tưởng thuốc tốt, nhờ chỗ tu chánh hạnh mà tạo ra tưởng đoạn trừ bệnh tật. Nầy thiện nam tử! Nên đối với thân mình khởi tưởng sợ hãi, đối với thiện tri thức khởi tưởng dõng mãnh, tùy chỗ chỉ dạy mà tạo ra tưởng có thế lực và tu tập chánh hạnh tạo ra tưởng đoạn tuyệt oán thù. Lại nữa, trong Giải Thoát Quán Ưu-bà-di nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát đối với thiện tri thức thì tùy chỗ chỉ dạy nên suy nghĩ cúng dường các Đức Phật Thế Tôn. Bồ-tát đối với thiện tri thức không hề nói lời trái nghịch, được gần gũi Nhất thiết trí nên đối với thiện tri thức nói lời vô ngại hoặc,

được gần gũi thiện tri thức mà không lìa tác ý, chỉ đạt được lợi ích trong hiện tại". Lại như Thiện Tài đến chỗ Tỳ-kheo Kiên Cố Tràng cúi đầu đảnh lễ rồi đi nhiễu trăm ngàn vòng và đứng qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiên Cố Tràng quán sát sự kính lễ, lại quan sát kỹ rồi lại cũng lễ kính lại. Sau khi tư duy quán sát khắp rồi, Tỳ-kheo liền hỏi: "Ông từ nơi nào đến mà hiện tướng như thế? Đối với công đức lợi ích hiện tại muốn niệm kiên cố với vô lượng hạnh nguyện, không xả ý nầy với hy vọng thấy tướng và âm thanh cho đến… làm lễ mà đi ra". Như vậy, Thiện Tài thấy được Nhất thiết trí bèn khóc rơi hết nước mắt. Sau đó, Thiện Tài đến gặp Tỳ-kheo Hải Vân làm lễ mà ra đi". Lại nữa, trong kinh Bồ-tát Phân Biệt Giải Thoát nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát vui với pháp thiện, ý muốn trân bảo của thế gian cũng đều xả bỏ, đem thân thừa sự luôn cung kính cung cấp cho người thấp hèn và nói luôn tuân thủ theo giới, đối với Hòa thượng, A-xà-lê luôn sanh tâm tôn trọng cực độ. Tại sao? Vì đoạn triền phược mà cầu pháp như vậy, vì đoạn trừ sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não mà cầu pháp như vậy, vì phát tâm như thật trừ diệt sự khổ sở bần cùng của chúng sanh mà cầu pháp như vậy, vì phát tâm như cây thuốc làm an lạc cho chúng sanh mà cầu pháp như vậy". Trong kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Nầy Trưởng giả! Hoặc chỉ nghe một đến bốn câu kệ của Bồ-tát rồi thọ trì đọc tụng vì người khác mà giảng nói và tích tập các hạnh tương ưng về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ của Bồ-tát thì người ấy đối với pháp A-xà-lê nên sanh tôn trọng cho đến chỉ dùng một câu văn mà nói kệ tán thán và ở trong một kiếp gần gũi A-xà-lê rồi thừa sự thường hành chánh trực và đem tất cả sự thọ dụng tài lợi để cúng dường, thì nầy Trưởng giả! Người kia đối với A-xà-lê tôn trọng còn chưa viên mãn".

Luận nói: Như thế nào gọi là tôn trọng pháp? Trong kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa nói: "Nầy thiện nam tử! Ông đối với thiện tri thức nên phải khởi tâm vui thích tôn trọng. Bấy giờ, Thường Thảm Bồ-tát với hành tướng như vậy tác ý tôn trọng và đi vào trong một thành ấp nói: Ta vì cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng nên phải bán thân mạng để thuận theo giữ gìn sự chánh trực. Tuy nhiên ta đêm ngày vì nhân duyên ưa muốn thọ thân sanh tử lưu chuyển các cõi vô lượng vô biên, mà chưa từng vì pháp lợi ích cho chúng sanh. Lúc ấy Bồ-tát Thường Thảm cao giọng xướng lên: "Từ khi nghe người ta nói: Ai có muốn mua người nầy, ai có muốn mua người nầy?", lúc bấy giờ ma Ba tuần từ chỗ ngồi đứng dậy khiến các Trưởng giả Bà-la-môn không thể nghe điều đó, do vậy ta muốn bán thân cũng không thể được. Người kia đi ngang qua thường không nghe gì cả nên ta tự rơi lệ khóc than mà nói: "Lạ thay! Đối với tài lợi sao mà khó kiếm

được như vậy! Ngay cả đem thân ra bán cũng chẳng ai mua". Khi ấy có vị Thiên chủ tên là Chước- ca-la hiện làm thân Phạm chí đến chỗ Bồ-tát Thường Thảm nói: "Nầy thiện nam! Ông sao ở đây buồn thảm khóc lóc?". Thường Thảm Bồ-tát nói: "Ta nay ưa thích pháp thiện, muốn vì cúng dường pháp mà thường tự bán thân mình để cầu pháp nhưng chẳng có ai mua". Bấy giờ Phạm Chí thưa với Bồ-tát: "Ta không cần người mà chẳng có gì làm được chỉ cần thân, tim máu huyết xương tủy của người, ngươi có thể bán được không?". Lúc ấy Bồ-tát Thường Thảm tự nghĩ: Ta nay đã được thiện lợi lớn trọn vẹn. Định biết Bát nhã Ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, thân ta còn bán sao lại mến tiếc gì máu huyết và xương tủy, bèn phát tâm vui nhận, tâm khéo phân biệt, tâm hoan hỷ cực độ mà nói với Phạm chí: "Thân nầy tùy ý ông muốn làm gì thì làm". Nói rồi Bồ-tát dùng dao bén cắt đứt cánh tay của Bồ-tát khiến cho máu chảy ra và lóc thịt để phá bỏ xương cốt mà đưa. Khi ấy có nữ Trưởng giả đứng trên lầu cao xa trông thấy rõ sự việc nầy liền đến mà nói với Bồ-tát Thường Thảm "Tại sao ông phải làm thân mình khổ sở như vậy?". Cho đến khi Đồng nữ nghe cúng dường rồi lại nói: Nầy thiện nam tử! Người kia có những công đức thiện lợi gì?

Đáp: Nầy Đồng nữ! Thiện nam ấy vì ta mà khéo nói pháp Bát nhã Ba-la-mật phương tiện thiện xảo nên ta mới được pháp học như vậy. Việc học như vậy là vì tạo ra chỗ quy thú cho các chúng sanh". Lại nữa, Đồng nữ nói với Bồ-tát Thường thảm: "Thiện nam tử! Đối với A- xà-lê nên vì cầu pháp rộng lớn mà được hai nghĩa pháp. Ở trong hằng hà sa vô số kiếp mà xả thân nầy cũng chỉ vì cầu pháp rộng lớn như thế.

Thiện nam tử! Ta nay có đủ vàng bạc, ngọc lưu ly và các châu báu v. v. Ông nên đem cúng dường Bồ-tát Pháp thượng mà tạo được lợi ích rộng lớn". Lúc ấy Đồng nữ cùng năm trăm quyến thuộc của mình đều đi đến chỗ Bồ-tát Pháp Thượng. Bấy giờ Pháp Thượng từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào ở trong thất trải qua bảy năm nhập thiền định. Bồ-tát Thường Thảm cũng trong bảy năm ấy không khởi suy nghĩ muốn tìm, chê bai, tổn hại cũng không đắm trước các thứ ngon vật lạ mà chỉ nhớ nghĩ đến Pháp Thượng bao giờ xuất định. Cứ như vậy Bồ-tát Thường Thảm đi vào trong các địa phương, ngồi trên pháp tòa mà giải nói pháp ấy và được mọi người rãi muôn thứ hoa và các trân bảo để cúng dường. Lúc ấy, nữ Trưởng giả cùng năm trăm quyến thuộc đối với Thường Thảm cũng thực hành oai nghi tấn chỉ như vậy. Bấy giờ giữa hư không cũng vang lên tiếng báo cho Thường Thảm biết rằng. Trong vòng bảy ngày nữa là Pháp Thượng ra khỏi thiền định và đi đến thành kia để tùy nghi thuyết pháp. Khi ấy Thường Thảm nghe rồi liền sanh tâm vui vẻ cực độ và ý rất phấn khởi, dọn sạch nơi chỗ

trang nghiêm. Lúc ấy nữ Trưởng giả cùng năm trăm quyến thuộc ở trước pháp tòa, dùng trí khéo léo và bảy thứ báu để trang hoàng. Kế đến, Thường Thảm ở trong địa phương nghiêm chỉnh quét tưới khắp nơi nhưng cầu nước mà không thể được và chốn ấy có ma Ba Tuần tên là Ẩm Tương đã che lấp hết nước với mục đích khiến cho tâm Bồ-tát sanh khổ não, thoái lui ý đạo, tăng trưởng căn bản bất thiện. Khi ấy Bồ-tát Thường Thảm đã biết ma Ba tuần che lấp hết nước bèn nghĩ: "Ta nay nên dùng dao cắt thân cho máu chảy ra dưới đất. Vì sao vậy? Vì cõi địa phương nầy lắm bụi trần sợ thân Bồ-tát Pháp Thượng bị dơ bẩn, nên ta phải vì pháp cho dù thân nầy có thể bị hủy nát cũng không lấy gì làm thương tiếc. Lại nữa, ngày xưa ta có nhân duyên qua lại trong vô số cõi luân hồi sanh tử nhưng chưa từng vì pháp để xả thân mạng. Nghĩ xong Thường Thảm liền dùng dao cắt thân mình khiến cho máu huyết chảy khắp địa phương ấy, các nữ quyến thuộc cũng bắt chước làm theo như vậy. Lúc ấy ma Ba tuần đều không thể ngăn được. Trong kinh Đại Thừa Tứ Pháp nói: "Phật bảo các Tỳ-kheo: Bồ-tát đoạn tận thọ mạng hình hài của mình cho đến hoặc gặp nhân duyên mất mạng cũng hoàn toàn không bao giờ xa rời thiện tri thức".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 4

Phẩm 2: GIỚI HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

Phần 2

Luận nói: Đối với kinh điển nầy, không xa lìa thiện tri thức tức là thủ hộ bản thân mình. Đối với kinh điển nầy trong khoảnh khắc một sát na phải học theo hạnh Bồ-tát. Đối với kinh điển nầy nói thì phải tu tập theo hạnh của Bồ-tát. Đối với sự học của Bồ-tát thì nên chọn lấy lời nói kia, do vậy quán chiếu theo mà không rơi vào tội, đối với chỗ vô trí cũng không ưa thích. Thấy kinh điển nầy phải thường xuyên ưa thích tôn trọng. Thấy kinh điển nầy thì không xa lìa thiện tri thức, vì để hộ trì tất cả các chánh pháp. Như kinh Hải Ý nói: "Nhưng nầy thiện nam tử! Không thể nói là dùng văn tự ngôn ngữ không thể nói lên được pháp vô sanh. Nếu dùng ngôn tự mà nói pháp môn tổng trì thì có điều nầy, đây gọi là hộ trì chánh pháp. Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có vị Pháp sư giảng thuyết kinh điển sâu xa rồi theo như thuyết mà tu hành và có người đối với Pháp sư ấy gần gũi tôn trọng thừa sự cung kính, bí mật hộ trì, cúng dường các thức ăn, nước uống, y phục, ngọa cụ và các loại thuốc trị bệnh, hộ trì các phẩm pháp thiện và hộ trì ngôn ngữ. Giả sử có bị hủy báng thì cũng được che chở. Điều nầy gọi là hộ trì chánh pháp. Nầy thiện nam tử! Đối với Bồ-tát không có gì tranh cãi có thể thắng không có pháp thể nói được. Người nầy cùng pháp đều không có chấp thủ. Đây gọi là hộ trì chánh pháp. Lại nữa, thiện nam tử! Đối với tất cả chúng sanh ở trong tuệ giải thoát không thể sanh tổn giảm, không dùng tâm nghĩ về tài lợi mà bố thí pháp cho người khác thì đây gọi là hộ trì chánh pháp. Lại nữa, nầy thiện nam tử! Hoặc nhân nghe pháp, hoặc nhân thuyết pháp cho đến mỗi bước đi mỗi hơi thở ra vào đều đem tâm chuyên trụ thì gọi là hộ trì chánh pháp. Nầy thiện nam tử! Nói tóm lại, nếu đối với cảnh giới sắc tâm không có các duyên bám víu và chỉ dùng ở một tánh cảnh điều phục hơi thở thì đây gọi là hộ trì chánh pháp. Lại nữa, nầy thiện nam tử! Nếu nói pháp nầy đối với pháp kia có thể chuyển biến thì pháp nầy không có chấp trước, thì đây gọi là hộ trì chánh pháp".

Luận nói: Kinh kia nói về Pháp sư tuy gần gũi thiện tri thức và không xa lìa tướng của thiện tri thức mà nếu không thọ trì chánh pháp thì không phải là thủ hộ, không phải thanh tịnh cũng không tăng trưởng, tức là chẳng phải Bồ-tát quyết định đối với sự hộ trì chánh pháp như vậy. Kinh Sư Tử Hống Thắng Man nói: "Phật bảo Bồ-tát có vô lượng hằng hà sa số vô lượng hạnh nguyện đều nhập vào trong một đại nguyện, đây gọi là hộ trì chánh pháp. Hộ trì chánh pháp là đi vào đại cảnh giới". Kinh kia lại nói: "Thí như đại lực sĩ chỉ cần động thân là có thể làm cho người khác bị tổn hại. Phật bảo Thắng Man: Hộ trì chánh pháp cũng lại như vậy, khiến cho ma Ba Tuần bị sầu não lớn. Ta không thấy một thứ pháp thiện khác có khả năng khiến ác ma phát khởi sự ưu não nầy. Như vậy, chỉ có cách là hộ trì chánh pháp". Lại nói, ví như núi chúa Tu di đẹp đẽ tuyệt vời, so với núi Hắc sơn thì nó rất cao lớn. Phật bảo Thắng Man: "Như vậy đối với Đại thừa xả bỏ thân mạng, tài lợi để nhiếp thủ tâm hộ trì chánh pháp hơn hẳn người trụ trong pháp Đại thừa không xả thân mạng để thu nhiếp tất cả pháp thiện". Như kinh Hải Ý nói: "Hộ trì chánh pháp của Như Lai tức là sự nhiếp thọ trên hết, phước đức trí tuệ của chư Thiên, Long vương, Khẩn-na-la đều có thể thâu nhiếp, cho đến hộ trì chánh pháp của Như Lai thì ngay nơi cõi nước hiện sanh không trải qua sự trống rỗng vô ích, trong tất cả đời sống đều gặp được bậc tôn thắng và gặp rồi liền được tâm thanh tịnh. Do hộ trì chánh pháp của Như Lai mà nhớ được đời trước rồi xuất gia, trong đại pháp của ta khéo làm lợi ích có thể thành tựu các hạnh thanh tịnh chân thật đã tu. Lại nói, hộ trì chánh pháp của Như Lai thì được pháp môn tổng trì và các việc thiện lợi dù trải qua trăm kiếp cũng chẳng thoái thất. Do đầy đủ các biện tài nên thường vô ngại. Hộ trì chánh pháp của Như Lai thì sẽ trở thành Thích phạm hộ đời v.v… hoặc lại đắc địa vị Chuyển luân Thánh vương liền giác ngộ sự yên ổn an vui của Bồ-đề. Người hộ trì chánh pháp của Như Lai thì sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, đại trí trang nghiêm thân an vui, tùy theo chỗ thấy mà không hề nhàm chán. Người hộ trì chánh pháp của Như Lai thì không xả bỏ tâm Bồ-đề, thường hành Ba-la-mật không có tổn giảm và có khả năng nhiếp thọ nhiều pháp thiện.

Phẩm 3: HỘ PHÁP SƯ

Luận nói: Nói về phương tiện thủ hộ thì có ba loại. Nghĩa là hộ trì thân và lời nói để tránh xa các tai nạn. Hành giả hộ trì chánh pháp nghĩa là phải hộ trì tư duy không khiến cho người khác gây tổn hại để xa lìa tai hại nầy. Như trong kinh Hư Không Tạng bàn về việc hộ trì chánh pháp các Bồ-tát đồng nói kệ:

Bậc Lưỡng Túc tối thượng
Sau khi diệt độ rồi
Thường sanh tâm dõng mãnh
Không tiếc thân mạng mình
Hộ trì chánh pháp Phật
Xả bỏ các lợi dưỡng
Và xa lìa quyến thuộc
Vì để chứng Phật trí
Không bỏ chánh pháp nầy
Nếu như bị mắng nhiếc
Thậm chí bị chửi rủa
Vì hộ trì chánh pháp
Chúng con đều nhẫn nhịn
Hoặc có người khinh miệt
Phỉ báng không khen ngợi
Vì hộ trì chánh pháp
Chúng con đều phải nhẫn.

Lại nữa, tổng tóm lược nói:

Vì chúng sanh mạt pháp
Con phải giữ chánh pháp
Như Tỳ-kheo đời ác
Có lực tăng thượng lớn
Đối với kinh điển hay
Không nghe cũng không đọc
Chỉ trọng ý kiến mình
Cho kẻ khác là sai.
Đối với giáo pháp sâu
Thuận với quả giải thoát
Trong chánh pháp như vậy
Tâm không ưa phân biệt
Cho đến thương chúng sanh
Hoặc không trụ pháp nầy
Vì khởi tâm thương xót
Nên được trì kinh nầy
Nếu thấy người phá giới
Tham trước các lợi dưỡng
Con đem tâm thương xót
Phương tiện khiến xả bỏ

Nếu thấy người ác tâm
Luôn hủy báng chánh pháp
Con đem tâm từ nhẫn
Chánh kiến khiến hoan hỷ
Như sức hộ người kia
Khéo thành tựu ngữ nghiệp
Hoặc có lúc không nói
Người kia tự an trụ
Sau lấy bốn nhiếp sự
Thành thục người như vậy
Với người hành tội ác
Chỉ dạy khiến hiểu rõ
Hoặc bỏ nơi huyên náo
An trụ cảnh giới thiện
Như nai chúa tự tại
Ít muốn và biết đủ.

Lai nữa, kệ cũng nói:

Nếu vào trong hàng xóm
Tâm điều hòa chánh trực
Nhiều người cầu nghe pháp
Nên thuyết pháp thâm diệu
Khiến ở xa nhàn hạ
Ưa thích pháp tịch tĩnh
Do trong thiện lợi nầy
Mà thường được pháp lạc
Nếu các thứ mê lầm
Luôn hiện ra trước mắt
An trụ trong pháp lạc
Nên phải tự quán sát
Ta làm thầy thế gian
Không nhiễm pháp thế gian
Trong các sự khen, chê
Như Tu-di chẳng động
Các Tỳ-kheo phá giới
Nếu đến để hủy báng
Nên tự nhẫn việc nầy
Chớ giận với người kia
Lại trong các pháp nầy

Ta nói không sở hữu
Đối việc hành chánh pháp
Không sanh tưởng báo oán
Giả làm tướng Sa-môn
Thật không đức Sa-môn
Khi nghe pháp cú nầy
Đối kinh cũng hủy báng
Hoặc chặt đứt mũi tai
Và cảm thấy không vui
Khi nghe pháp cú nầy
Tất phỉ báng chánh pháp
Các Tỳ-kheo vị lai
Người hộ trì chánh pháp
Bị họ làm trở ngại
Khiến không nghe pháp nầy
Hoặc bị vua bắt giữ
Chỉ trích trong đại chúng
Con nguyện nương oai
Phật Rộng đều nghe pháp nầy
Ở đời ác tương lai
Thà mất đi thân mạng
Cũng hộ trì chánh pháp
Làm lợi ích quần sanh.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng nói như vầy:

Nên nhập vào hành xứ
Cùng với thân cận xứ
Thường xa lìa quốc vương
Và các con của vua
Đại thần quan Trưởng giả
Người hung dữ, đùa giỡn
Và bọn Chiên-đà-la
Với Phạm chí ngoại đạo
Cũng không nên gần gũi
Những kẻ tăng thượng mạng
Tham chấp nơi Tiểu thừa
Các học giả Tam tạng
Các Tỳ-kheo phá giới
Giả danh A-la-hán

Và các Tỳ-kheo ni
Những kẻ hay cười giỡn
Cùng các Ưu-bà-di
Đều chớ có gần gũi
Nếu có một số người
Đem tâm tốt mà đến
Ở chỗ của Bồ-tát
Vì lắng nghe Phật đạo
Bồ-tát nên phải biết
Dùng tâm không sợ hãi
Không có mong muốn gì
Mà vì họ nói pháp
Hoặc gái hóa gái trinh
Và hạng người hai căn
Chớ có nên gần gũi
Để lấy làm thân quen
Cho đến người bán thịt
Kẻ tự khoe khoang mình
Hay người bán nữ sắc
Những hạng người như thế
Đều chớ có gần gũi
Người xem tướng tốt xấu
Những kẻ ưa đùa cợt
Tất cả dâm nữ thảy
Tuyệt đối chớ gần gũi
Chớ một mình chỗ vắng
Vì người nữ thuyết pháp
Nếu như có thuyết pháp
Thì không nên cười giỡn.

Luận nói: Hơn nữa, nói về nạn nầy tức chính là sự việc ma. Kinh Bát Nhã nói: "Đối với ma Ba tuần, những người trụ Bồ-tát thừa chưa lâu thì tu tập Bát nhã Ba-la-mật-đa, thường khởi thế lực lớn". Lại nói:

"Nầy A-nan-đà! Nếu Bồ-tát khi tu pháp Bát nhã Ba-la-mật thì có ác ma đến chỗ của Bồ-tát gây nhiễu loạn ý và hiện ra sự sợ hãi. Ma hóa ra sấm sét, lửa đốt cả mười phương cõi khiến cho Bồ-tát sợ hãi khiếp nhược, trong một niệm thối thất tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại nữa, sai người sao chép cho đến đọc tụng khiến người không thích xả bỏ lợi dưỡng đứng dạy mà đi ra khỏi chỗ ngồi. Tạo sự cuồng loạn đùa giỡn lớn như thế

chế nhiễu cực lớn. Hơn nữa, sao chép kinh sách cho đến đọc tụng khởi lên các việc ma nghĩa là tìm cầu trong thành ấp, xóm làng có chỗ ở của Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, thiện tri thức và những người thân thuộc để tác ý như vậy. Lại khởi tư duy làm giặc cướp các thứ y phục và tài vật. Lại nói Pháp sư thích nói Bát nhã Ba-la-mật- đa sâu rộng liền chép sách cho đến đọc tụng khiến người kia nghe pháp hoặc sanh nhàm chán biếng nhác, đối với Pháp sư khởi điên đảo như vậy rồi thích qua lại chỗ khác nghe kinh pháp của người khác. Lại nói Pháp sư ưa thích người nghe có đại căn khiến người kia nghe pháp mà chỉ có phần ít hy vọng, hoặc nói Pháp sư chỉ thích nói sơ sài khiến người kia nghe pháp liền sanh tâm trách cứ. Tất cả những lời nói như vậy đều là việc ma. Lại nữa, trong kinh Hư Không Tạng nói: "Cho đến thích làm mười nghiệp bất thiện, xả bỏ pháp thiện đều là việc ma". Kinh Hải Ý nói: "Bạch Thế Tôn! Bồ-tát an trú ở chỗ thanh vắng để tu tập, tuy bỏ tục xuất gia sống đời thiểu dục tri túc nhưng hành diệu lạc, không cần đa văn cũng không hóa độ chúng sanh, đối với chỗ giảng pháp lại không thích lắng nghe, trong đó tùy thích nghi các nghĩa quyết định để nói tuy gần gũi mà không hỏi han, đối với chút ít thiện cũng không mong cầu, trụ trong chỗ thanh vắng mà tích tập nhiều hành phiền não, như trong khoảnh khắc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà không tự hiểu biết cũng không tu sửa việc sai trái phá hoại đạo, không hành tự lợi, lợi tha. Thưa Thế Tôn! Đó gọi là việc ma thứ bảy của Bồ-tát trụ trong chỗ thanh vắng. Bạch Thế Tôn! Lại nữa, Bồ-tát có ác tri thức gần gũi thừa sự, về hình thức thì cũng giống như thiện tri thức không khác, cho đến đoạn Bốn nhiếp sự, đoạn tu nghiệp phước, đoạn sự hộ trì chánh pháp, chỉ tu trí tuệ hẹp hòi ít ham muốn biết đủ và dạy người khác trụ ở chỗ Thanh văn, Duyên giác thì lúc ấy Bồ-tát xa lìa hạnh Đại thừa, Bồ-tát nầy có thể làm trí sự nên ưa cân nhắc suy lường, chỉ tu trí tuệ hẹp hòi". Như có chỗ nói: "Bồ-tát đối với đạo Bồ-đề phải dõng mãnh tinh tấn không chốc lát biếng nhác thoái lui. Hoặc phải trải qua tám chín kiếp sẽ đắc được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề nhưng không thể đắc quả Bồ-đề nầy. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy dõng mãnh tinh tấn thì đối với sự chấp trước quyết định không có, chỉ trụ chỗ thanh vắng mà chứng được quả nầy. Thế Tôn! Đây gọi là việc ma thứ mười của Bồ-tát đối với thiện tri thức. Nếu người đối với thừa Bồ-tát nầy bị ma chế phục thì duyên pháp khác mà vui thích tu tập. Như tùy vào chỗ gần gũi để tu tập mọi hạnh hạ liệt như vậy nên sanh ra hôn mê, hoàn toàn không biết cũng như dê câm. Điều nầy chính là việc ma thứ mười một.

Luận nói: Nếu không học theo Bồ-tát dõng mãnh tinh tấn thì đối với tất cả thời, nơi chốn tu tập cũng như không tu tập v.v... Kinh Bảo Vân nói:

"Nghĩa là các Bồ-tát đối oai nghi tấn chỉ phải nên phát khởi hành tinh tấn. Nếu thân và tâm không lười mỏi thì gọi là Bồ-tát tinh tấn rốt ráo. Vì sao ở trong sự tinh tấn nầy mà sanh nhàm chán mỏi mệt? Vì chẳng phải thời tu rốt ráo sự việc lớn nên sanh khiếp nhược, không thành tựu tín giải và khó hành khổ hạnh. Nói bố thí cả thịt của thân mình sao lại phi thời nắm giữ sự thọ dụng nầy để bố thí cho chúng sanh? Do Bồ-tát nầy đối với các chúng sanh, sanh tâm lười biếng mệt mỏi liền gây tổn hoại và bỏ đi sự tích tập chủng tử của tâm Bồ-đề rộng lớn". Lại như kinh Hư Không Tạng nói: "Phi thời mà cố cầu mong là sự việc của ma. Nghĩa là không phải thời mà đối với thân hốt nhiên khởi tâm xả bỏ như vậy. Như trước không tu tập cũng không bố thí chỉ trụ vào niệm nầy mê mờ mà hại thân mình trái với tâm Bồ-đề thuần thục. Do đó xả bỏ các sự việc của tự thân như thịt v.v... nên khéo giữ gìn như khéo hiện ra cây thuốc thọ dụng các loại rễ ở phi thời mà bố thí và nên khéo giữ gìn loại cây thuốc chánh giác cũng như thế".

Luận nói: Đối việc ma mà bình đẳng là khó. Như kinh Bảo Vân nói: "Phật bảo: Thiện nam tử! Sao gọi là lìa các ma sự được thiện không hoại? Nghĩa là Bồ-tát nầy trong tất cả thời, xứ trước tiên nên xa lìa các tri thức ác, cũng không có hạng ngang hàng để đến chỗ họ bàn luận chuyện thế tục, gần gũi lợi dưỡng và muốn được cung kính tôn trọng. Như vậy tất cả các thời, xứ phải xa lìa". Lại nữa, nếu phiền não vi tế có thể chướng đạo Bồ-đề, trong tất cả xứ, thời đều phải xa lìa, khéo biết chỗ đối trị như thế. Trong kinh kia nói: "Tướng của ác tri thức là hủy hoại chánh giới. Đối với ác tri thức nầy phải nên xa lánh. Như vậy, mọi điều gây hủy hoại chánh kiến, chánh hạnh, chánh mạng đều phải nên xa lánh. Đối với những người ưa thích ồn náo, người nhiều biếng nhác, người đắm trước sanh tử, người trái với cửa Bồ-đề, người thích ở nhà với quyến thuộc v.v... đó là những ác tri thức cần phải xa lìa. Nầy thiện nam tử! Tuy thích xa lìa ác tri thức, nhưng không nên khởi tâm ác và gây tổn hại đối với họ. Phải trụ tâm như thế". Lại nữa, Đức Phật nói: "Ở nơi cõi chúng sanh là phá bỏ sự tích tập hòa hợp nên ta phải xa lánh".

Luận nói: Mất tâm Bồ-đề là nạn. Trong kinh Bảo Tích nói: "Lại nữa, nầy Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp đánh mất tâm Bồ-đề.

1. Đối với A-xà-lê và các sư trưởng khác không sanh tâm tôn trọng mà lại nói lời khi dối.

2. Đối với chỗ không nghi hối lại khiến người khác nghi hối

3. Đối với người trụ Đại thừa không tán thán mà lại chê trách.

4. Cùng người hành sự mà tâm xảo trá không chánh trực.

Lại nữa Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp mà sanh ra chỗ nào cũng không xa lìa tâm Bồ-đề cho đến ngồi đạo tràng Bồ-đề liên tục hiện tiền. Những gì là bốn?

1. Dù gặp nhân duyên mất mạng cũng không vọng ngữ và gần gũi sự đùa giỡn bất chánh.

2. Cùng người hành sự mà tâm luôn chánh trực, xa lìa lời nói xảo trá.

3. Đối với các Bồ-tát khởi tưởng nghị luận tùy vào bốn phương mà xưng tán công hạnh của họ.

4. Chỉ với mục đích hóa độ chúng sanh chứ không mong cầu gì khác khiến cho tất cả đều trụ vào A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề".

Đức Phật bảo Ca-diếp: "Đây gọi là bốn phép của Bồ-tát". Trong kinh Sư Tử Hống Sở Vấn nói kệ:

Nếu người hành pháp thí
Cũng không bị đoạt mất
Người ấy nhanh đến được
Trong hội của chư Phật
Như thái tử Tinh Hạ
Đời đời nghĩ pháp thí
Lại đời đời kiếp kiếp
Cho đến trong giấc mộng
Không xả tâm Bồ-đề
Huống hồ khi tỉnh thức.

Trong kinh kia lại nói: "Đối với hành xứ nầy, dù ở tại xóm làng, thành ấp, cũng không xả tâm Bồ-đề mà thường giáo hóa khiến cho chúng sanh giác ngộ". Trong kinh Văn Thù Trang Nghiên Phật Sát Công Đức nói: "Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì không mất bản nguyện, cho đến xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, xan tham và ganh ghét, hoặc thấy người khác sống an ổn giàu sang thì sanh tâm vui vẻ vô tận".

Luận nói: Như vậy đối với tâm Bồ-đề mà khai phát khiến tâm không mất. Như kinh Bảo tích nói: "Tất cả oai nghi tấn chỉ đều là sự nghiệp của tâm Bồ-đề. Tâm nầy do tâm Bồ-đề quá khứ tương tục mà hình thành. Lại như trong kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói kệ:

Nếu người nhiều nghi hoặc
Nên nhận giáo pháp ta
Do được tâm sâu nầy
Mà lìa nghi hoặc kia.

Luận nói: Nếu không thanh lọc rõ ràng thì khó mà xa lìa điều nầy.

Kinh Bảo Vân nói: "Bồ-tát phát tâm như vậy dùng sự tinh tấn mà đối trị tâm khiếp nhược thấp kém và biếng nhác. Nếu không như vậy thì việc tu tập khó đạt được Bồ-đề. Như thế phải tích tập trong vô lượng trăm ngàn kiếp như cứu đầu bị cháy mới chứng Bồ-đề, Ta nay nên xả bỏ gánh nặng như vậy. Tại sao Bồ-tát phát khởi lời nói như vậy? Vì ba đời chư Phật đã tinh tấn tu hành trường kỳ mới chứng được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, ta nay cũng phải trải qua nhiều kiếp hộ trì chánh pháp, tinh tấn tu tập vì chúng sanh mà làm lợi ích mới đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề".

Luận nói: Lại nói là nạn, Kinh Bảo Tích nói: "Nếu chưa thành thục chúng sanh mà đồng thiện xảo thì đó là sự lầm lẫn của Bồ-tát. Đối với chúng sanh chẳng phải pháp khí mà chỉ bày, dùng giáo pháp rộng sâu của Phật, thì đó là sự sai lầm của Bồ-tát, hoặc đối với chúng sanh có lòng tin hiểu sâu rộng lại chỉ dạy thừa thấp kém, thì đó đều là sai lầm của của Bồ-tát.

Luận nói: Không tin hiểu là mạn. Kinh Hộ Quốc nói: "Đối với Phật Pháp Tăng mà không tin hiểu cũng không tin hiểu thực hành hạnh Đầu đà, cũng không hiểu việc tội phước v.v... thì chỉ trụ trong tội lỗi. Do vậy, sau khi chết nếu sanh trong loài người thì nhận chịu báo si ám. Sau đó sanh vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh chịu khổ vô cùng".

Luận nói: Vì xa lìa điều nầy, trong kinh Bảo Tích nói: "Nếu người đối pháp sâu xa không chút hiểu biết, không sanh hủy báng, thì Như Lai đã chứng tri như vậy. Lại nói: Nhưng ta không có khả năng hiểu biết mà chỉ tin hiểu tôn trọng vô lượng chư Phật, thì Như Lai sẽ vì chúng sanh nầy mà thuyết chánh giáo".

Luận nói: Nên biết việc xả bỏ thiện mà làm trị sự là nạn. Do vậy trong kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: Việc làm của Tỳ-kheo hành pháp là cúng dường Phật, lắng nghe diệu pháp, gần gũi tri sự".

Luận nói: Hành trì sự kia như trong kinh Bảo Tích nói: "Phật bảo Tỳ-kheo tri sự đối với các chúng Tỳ-kheo nên phải hộ trì tâm ấy, nếu Tỳ-kheo ở chốn thanh vắng thích sống chỗ không tịch thì Tỳ-kheo tri sự kia đối với tất cả thời, xứ không được sai khiến. Lúc ấy, Tỳ-kheo ở chốn thanh vắng nhập chúng tu học mới được phép chỉ bảo, Tỳ-kheo tri sự phải thay thế người ấy làm, hoặc thỉnh riêng Tỳ-kheo thay thế cho Tỳ-kheo sống chốn thanh vắng kia làm. Nếu có Tỳ-kheo đi khất thực thì Tỳ-kheo tri sự phải cung cấp thức ăn ngon. Lại nữa Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo xa lìa ách nạn, thì Tỳ-kheo tri sự kia phải tùy nhu cầu của Tỳ-kheo ấy mà cung cấp vật

thực như ăn uống, y phục, ngọa cụ thuốc men v.v... Nếu Tỳ-kheo xa lìa ách nạn trụ vào một xứ nào đó thì không nên lớn tiếng làm ồn. Tỳ-kheo tri sự kia đối với Tỳ-kheo xa lìa ách nạn phải gần gũi để phòng hộ và tùy vào nhu cầu của vị ấy mà cung cấp các món ăn ngon. Lại nói nếu có Tỳ-kheo đa văn thì phải nên dõng mãnh tinh tấn theo học và thủ hộ. Nếu có Tỳ-kheo thuyết pháp thì nên phải vì pháp trải tòa ngồi lắng nghe ở trong pháp hội hoặc nghị luận chốn đạo tràng thanh tịnh, cho đến phải xướng lên ba lần: "Lành thay!" Chớ không nên vì ỷ lại chỗ vật chất của mình sẵn có mà sanh tưởng tùy tiện. Giả sử có các biện sự cúng dường đợi chúng chấp nhận rồi mới được sử dụng chớ tự ý mình. Cho đến vật của Tăng hiện tiền, vật của Tăng bốn phương cũng không để lẫn lộn với vật của tháp Phật. Phải nên khéo đề phòng các sự lẫn lộn như vậy. Nếu vật của Tăng bốn phương cùng vật của Tăng hiện tiền mà có sự nghi ngờ lạm dụng thì Tỳ-kheo tri sự kia phải thưa trước với chúng rằng vật nầy là sự lợi dưỡng của Tăng nên đem để sửa tháp Phật. Nên xin trước rồi mới làm. Đó là lời Phật dạy. Lại nữa, nầy Ca-diếp! Nếu vật của tháp Phật nhiều thì Tỳ-kheo tri sự không nên đem phân chia cho Tăng bốn phương và Tăng hiện tiền. Vì sao vậy? Vì vật của tháp Phật thì dù là một trong mười phần cũng là của tịnh tín, đâu được lấy nhiều. Vì đó là vật chư Thiên và người đời thường phát khởi tưởng tháp Phật huống hồ là vật báu, đều là châu báu. Nếu lấy y tháp Phật để sửa sang tháp Như Lai thì thà để cho gió mưa làm mục nát, chứ không đổi y nầy để đổi lấy báu vật. Y tháp của Như Lai không ai có thể định giá tốt được, vả lại Phật không hề cần đến! Phật bảo Ca-diếp: Nếu Tỳ-kheo tri sự lấy ác tâm sai bảo Tỳ-kheo giữ giới vì mình mà cung cấp vật dụng thì do tạo ra nghiệp bất thiện mà bị đọa vào địa ngục. Giả sử có được làm người thì cũng chỉ sanh vào dòng mọi rợ nô bộc khổ sở vì tìm cầu tài lợi bị người khác sai khiến, chửi mắng và đánh đập. Nói tóm lại, hoặc đối với Tỳ-kheo mà chế ra các quy định mới không hợp lý, trách cứ la mắng hay sai khiến phi thời thì Tỳ-kheo tri sự ấy đã tạo căn bất thiện và phải đọa vào địa ngục gọi là Đa đinh, thân chịu trăm ngàn cây đinh găm vào, đồng thời bị lửa thiêu đốt với trăm ngàn đau khổ. Lại nữa, tổng lược nói, lưỡi người kia rộng dài trăm ngàn do tuần và bị trăm ngàn mũi nhọn nóng bức đâm vào khiến cho khó có thể chịu đựng được. Phật bảo: Ca-diếp! Tỳ-kheo tri sự hoặc đến hoặc đi đối với lợi dưỡng của Tăng lại sanh tham luyến chất chứa, hoặc cho đúng thời, phi thời, hoặc cho những người khốn khổ cho đến không cho thì Tỳ-kheo tri sự ấy vì tạo căn bất thiện, nên sau khi chết đọa vào ngạ quỉ ăn toàn phân dơ, bị quỉ lớn cai trị, lúc đầu không được đến gần, đối với phân dơ chỉ đưa mắt nhìn, thọ khổ đói khát trải qua trăm ngàn năm, đối với việc ăn uống

không bao giờ có được. Giả sử có được chút ít thì cũng do ác nghiệp ấy mà thức ăn biến thành phẩn dơ. Lại nữa, trong Duyên Khởi Tăng Hộ cũng nói: "Phật bảo Tăng Hộ: Như chỗ ông thấy chẳng phải là tường vách nầy Người ở địa ngục ấy, vào thời Phật Ca-diếp làm người xuất gia nhưng đã phi lý nhổ nước bọt dơ uế vào tường phòng Tăng nên do nghiệp ấy mà thọ khổ lấy thịt làm tường vách bị lửa thiêu đốt cho đến nay vẫn không ngừng. Lại như chỗ ông thấy, thật chẳng phải là cái cột trụ. Người địa ngục ấy trước đây ngang ngược hỷ nước mũi ô uế vào cái cột của, thực ra chẳng phải cây lá hoa quả trong Tăng phòng mà là người địa ngục ấy trước đây ngang ngược đối với cây lá hoa quả của phòng Tăng, một mình ăn trước hoặc đem cho Cư sĩ nên mới thọ nhận quả báo lấy thịt mình làm cây lá v. v. chịu khổ vô cùng cho đến nay vẫn chưa chấm dứt. Như chỗ ông thấy, thật ra chẳng phải là dây tơ. Người địa ngục nầy trước đây tự ý lấy dây tơ của Tăng phòng hoặc đem cho Cư sĩ nên phải thọ nhân quả báo lấy thịt làm thân dây cho đến nay vẫn chưa dứt. Như chỗ ông thấy, thật ra chẳng phải là cái cán chổi. Người địa ngục nầy vào thời Phật Ca-diếp xuất gia làm Sa-di đã dùng tâm bỏn xẻn xua đuổi người khác. Khi có Tỳ-kheo khách đến, Sa-di kia thấy liền quay lưng lại, Tỳ-kheo khách nói: "Trong chúng đây có gì uống không?". Sa-di kia đáp: "Ông không thấy tôi đang quét dọn đây sao, muốn uống nước cũng không được". Lúc ấy Tỳ-kheo khách điềm nhiên không hề trách cứ mà ra đi. Do nghiệp báo nầy nên phải thọ khổ với thân làm cây cán chổi chịu đựng trải qua bao kiếp cho đến giờ vẫn chưa dứt. Như chỗ ông thấy, thật ra đây chẳng phải là chày cối. Người địa ngục nầy vào thời Phật Ca-diếp, chỗ để chứa vật có chủ của Tỳ-kheo có một Sa-di giữ việc ghi nhận, vị ấy chính là bậc A-la-hán. Có Tỳ-kheo đến nói với Sa-di là mình cần cái chày. Vị Sa-di kia nói: Thượng tọa đứng đợi một lát, tôi có chút việc bận, sẽ đưa cho Ngài sau. Tỳ-kheo kia nổi cơn giận dữ nói Sa-di: Nếu tôi được cái chày, tôi sẽ ném ông vào cối mà giã, huống gì chỉ là cái chày? Lúc ấy vị Sa-di biết Tỳ-kheo kia vì tâm độc ác phát ra lời hủy mạ như thế, nếu trả lời ngay, chỉ làm tăng thêm lòng giận dữ kia, nên im lặng. Đợi cơn giận của Tỳ kheo kia lắng xuống, bèn đến nói lời sám hối: Đại đức, Thượng tọa vì việc ấy mà phiền não. Tỳ-kheo kia nói: "Ông biết trong giới luật Phật Ca-diếp nầy, ông mới xuất gia làm Sa-di còn ta là Thượng tọa, Tỳ-kheo". Sa-di nói: Nếu như vậy chúng ta đều bình đẳng xuất gia, nói thế nào là đoạn trừ tất cả phiền não, giải thoát tất cả kiết sử ? Nói lời ác độc tại sao không đối trước mọi người sám hối! Bấy giờ Thượng tọa Tỳ-kheo không thể đối đáp, sân hận vẫn còn, không thể sám hối. Do nghiệp báo nầy mà bị đọa lấy thịt làm chày cối chịu khổ vô cùng cho đến nay vẫn không dứt. Như chỗ

ông thấy, thật ra chẳng phải là cái nồi, có Tỳ-kheo đến Hỏi: Nồi nầy không dùng chăng? Vì Sa-di đáp: Ngài đợi một lát vì đang nấu thuốc cho Tỳ-kheo bệnh kia. Tỳ-kheo kia không nghe lời nói nầy nên đem tâm sân hận đập nồi bỏ đi. Do nghiệp nầy nên thọ khổ với thân làm nồi thịt cho đến nay vẫn không dứt. Như chỗ ông thấy trung gian hoặc đứt đoạn, chỉ còn dính chút ít. Người địa ngục nầy ngày xưa do làm Tỳ-kheo chủ trì việc lợi dưỡng, vì tâm keo kiệt nên đổi lấy các vật. Vật mùa đông, mùa mưa lẫn lộn nhau mà phân phối. Do nghiệp nầy nên thường chịu khổ đến nay vẫn chưa dứt.

Phẩm 4: KHÔNG

Phần 1

Luận nói: Lại nữa, kinh nói nghĩa lớn. Như kinh Hư Không Tạng nói: Phật bảo Bồ-tát Di lặc: Vua Quán Đảnh Sát-đế-lợi có năm thứ tội căn bản. Nếu người phạm vào điều nầy thì sẽ hủy hoại tất cả các thiện căn đời trước, hướng đến đường ác và đọa vào chỗ ác, xa lìa niềm vui của trời người v.v... Những gì là năm?

1. Vua Quán đảnh Sát-đế-lợi cố ý lấy vật trong tháp Phật và vật của bốn phương Tăng, hoặc tự mình lấy hoặc bảo người khác lấy, là tội căn bản thứ nhất.

2. Vua Quán đảnh hoặc phỉ báng pháp của Thanh văn, Duyên giác và pháp Đại thừa khiến ẩn mất, gặp trở ngại là tội căn bản thứ hai.

3. Vua Quán đảnh đối với những người nương theo pháp của ta mà xuất gia mặc áo cà sa, cạo bỏ râu tóc, lại đối với bậc hữu học, vô học trì giới hay phá giới mà bức não họ phải bỏ áo cà sa để hoàn tục, hoặc đánh đập giam vào ngục tối, hoặc đoạt mạng căn là tội căn bản thứ ba.

4. Vua Quán đảnh hoặc giết cha mẹ, hoặc giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, đem tâm ác làm thân Phật chảy máu, làm một tội trong năm tội vô gián là tội căn bản thứ tư.

5. Hoặc phỉ báng không có nhân quả, không sợ đời sau, tự mình làm mười nghiệp bất thiện dạy người khác làm mười nghiệp bất thiện và bảo thủ, tức tội căn bản thứ năm.

Cho đến nói tổng lược, nếu ưa thích phá hoại đất nước, thành ấp, xóm làng dân chúng thì gọi là tội căn bản. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ! Người mới hành trụ Đại thừa có tám thứ tội căn bản. Người mới hành trụ Đại thừa đối với tội căn bản có sai lầm, thiêu hủy các căn lành đời trước, sanh vào ác đạo, đọa vào chỗ ác, xa lìa niềm vui Đại thừa trong cõi trời người v.v...

sống sâu trong luân hồi mà xa lánh thiện tri thức. Những gì là tám?

1. Các chúng sanh nầy nhân vì trước kia làm ác mà sanh vào trong đời ác năm hiểm nạn, nhưng do cũng có một ít thiện căn nên gần gũi thiện tri thức được nghe kinh điển sâu xa của Đại thừa. Người kia lấy trí thấp kém phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề nên ban đầu hành đạo Bồ-tát nghe nói kinh điển pháp không sâu xa rồi theo như chỗ nghe được mà thọ trì đọc tụng. Do trí nông cạn nên khi được khai thị về văn nghĩa xảo diệu và cảnh giới rộng lớn, người ngu kia thường sanh tâm sợ hãi. Do tâm sợ hãi nên liền thối thất tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu- tam-bồ-đề, lại phát tâm hành Thanh văn thừa. Đây là tội căn bản thứ nhất khi mới thực hành đạo Bồ-tát.

2. Do phạm tội nên hủy diệt tất cả các thiện căn đã gieo trồng trước kia, hướng đến đường ác, đọa vào chỗ ác, xa lìa sự an vui Đại thừa trong cõi trời, người, hủy hoại tâm Bồ-đề. Do vậy Bồ-tát đối với chí nguyện sâu xa của hữu tình Bổ-đặc-già-la kia trước phải biết tâm sở hành của họ, rồi từ từ vì họ mà thuyết pháp, ví như từ từ đi vào trong biển lớn. Nói tóm lại, Bồ-tát mới tu hành phát ra lời nói như vầy: " Ông không thể tu tập sáu hạnh Ba-la-mật cũng không thể đắc A-nậu-đa-la- tam-miệu-tam-bồ-đề. Ông nên nhanh chóng phát tâm Thanh văn và Phật-bích-chi thì có thể nhanh chóng xa lìa sanh tử". Đây là tội căn bản thứ hai khi mới thực hành đạo Bồ-tát.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 5

Phẩm 4: KHÔNG

Phần 2

3. Lại nữa, Bồ-tát bắt đầu tu hành nói như vầy: Tại sao ông kiên trì gìn giữ giới và luật nghi? Ông nên nhanh chóng phát tâm A-nậu-đa-la- tam-miệu-tam-bồ-đề, đọc tụng kinh điển Đại thừa. Hoặc như các phiền não và báo bất thiện thuộc thân, khẩu, ý nghiệp vốn đã tích tập thảy đều được thanh tịnh cho đến như nói trước. Đây là tội căn bản thứ ba khi mới thực hành đạo Bồ-tát.

4. Lại nữa, Bồ-tát bắt đầu tu hành phát ra lời nói như vầy: "Thiện nam tử! Nếu hay xa lìa việc nghe, thọ trì, đọc tụng pháp của Thanh văn, cũng không vì người khác nói pháp của Thanh văn vì không đạt được quả báo lớn và không thể vĩnh viễn đoạn phiền não. Phải nên tin kinh điển Đại thừa, nghe rồi thọ trì đọc tụng và vì người khác mà giảng nói kinh pháp Đại thừa nầy mới có thể khiến sám hối đoạn trừ tất cả tội báo trong đường ác và nhanh chóng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Theo lời nói của người kia, chấp vào kiến nầy thì cả hai đều đắc tội. Đây là tội căn bản thứ tư khi mới thực hành đạo Bồ-tát.

5. Lại nữa, Bồ-tát khi mới tu hành tạo ra hai thứ lời nói. Như chỗ thấy về kinh điển Đại thừa, vì lợi dưỡng nên rất ca ngợi thọ trì đọc tụng. Nghe nghĩa lý rồi lại vì người khác giảng nên nói: "Ta là người tu theo Đại thừa", tuy nhiên thấy người khác được lợi thì ôm tâm ganh ghét. Lại nữa, đối với sở đắc của người khác hoặc nhiều hoặc ít thường sanh tâm phỉ báng khinh khi và trách mắng. Rồi tự đề cao thân mình, nói là ta được pháp hơn người, đối với pháp Đại thừa có niềm vui vi diệu như thế. Người kia vì tài lợi nên phải mắc tội nặng, hướng đến đường ác và đọa vào chỗ ác. Thí như có người muốn vào biển lớn nên phải tu sửa thuyền bè để đi. Khi sắp đến một bãi châu báu tự người ấy phá bỏ thuyền nên dẫn đến mất mạng. Người mới hành Bồ-tát nầy cũng lại như vậy, muốn vào biển pháp Đại thừa nhưng lại lấy tâm ganh ghét mà tạo nên nhân duyên vọng ngữ nên hủy hoại niềm tin

khiến đoạn diệt trí tuệ, Bồ-tát mới tu hành ngu dại thường có tật đố nên mắc phải tội nặng. Đây là tội căn bản thứ năm.

6. Lại nữa, thiện nam tử ! Trong đời vị lai sẽ có người tại gia xuất gia mới hành đạo Bồ-tát, nên đối với các kinh điển Tam muội tổng trì, các đại nhẫn và sự trang nghiêm thuộc về nghĩa không sâu xa, có các thiện nhân, Sa-môn và Bồ-tát đối với kinh điển Đại thừa nầy thọ trì đọc tụng và vì người khác giảng nói, nhưng đối với pháp nầy tự cho mình đã chứng đắc, nói là do lòng thương xót nên ta mới vì ông nói. Do vậy ông phải nên tu tập mới chứng được pháp sâu xa mà ta đã thấy biết. Người kia nói lời không thật, chỉ hay đọc tụng pháp sâu xa và vì người khác nói chứ đối với pháp nầy chưa thật sự chứng đắc, chỉ tham cầu lợi dưỡng nên nói dối ta đã chứng pháp mà ba đời chư Phật đã chứng, Bồ-tát Thánh nhân không thể sánh kịp. Người kia mắc tội nặng vì đã lừa dối chư Thiên và loài người. Ngay cả pháp Thanh văn người kia còn chưa chứng đắc, huống hồ chứng được thắng hạnh Đại thừa và A-nậu-đa- la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Thí như có người ở nơi hoang dã dưới cây có quả lớn, bị đói khát bức bách cầu xin uống ăn. Cây quả lớn nầy thực sự có sắc hương vị ngon đều đầy đủ, nhưng người kia lại tự bỏ đi tìm dưới cây độc dược. Khi ăn quả độc dược vào thì người ấy mất mạng. Ta nói người nầy cũng lại như vậy. Ở trong sự khó được làm thân người, được nương vào thiện tri thức, gặp được pháp Đại thừa, nhưng lại tham cầu lợi dưỡng lấy hư đức của mình mà khinh chê người khác. Do hành tướng như vậy nên phạm phải tội nặng. Do phạm tội nặng nên nhất định rơi vào đường ác. Người nầy sẽ bị Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la và những người trí xua đuổi không cho đến gần. Đây là tội căn bản thứ sáu của người mới hành đạo Bồ-tát.

7. Lại nữa, Thiện nam tử! Ở đời vị lai vua Sát-đế-lợi có Quốc sư Chiên-đà-la v.v… thật ngu muội mà lại tự cho mình là bậc minh triết rồi khởi lên các sự ngạo mạn, thọ dụng đủ các vật báu và bố thí mưu cầu tu phước nghiệp. Cậy vào hành bố thí tăng trưởng thêm ngã mạn mà hướng về vua Sát-đế-lợi nói lên vô lượng tội lỗi của Sa-môn, nương vào thế lực của Vua mà ngang ngược quở mắng đánh đập người trái ý mình. Lúc ấy các Tỳ-kheo bị người kia bức bách nên hoặc vật của tháp Phật, vật của bốn phương Tăng và vật của hiện tiền Tăng đem giao nạp người ấy. các Chiên-đà-la lại lấy đem dâng lên Vua. Như vậy, hai hạng người ấy đều mắc phải tội nặng. Đây là tội căn bản thứ bảy của người mới hành đạo Bồ-tát.

8. Lại nữa, có vua Sát-đế-lợi cùng Chiên-đà-la, Sa-môn lập ra những quy định: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, xả bỏ việc học Khế

kinh Tỳ-nại-gia không nói đúng thời và nói khoác lác, xả bỏ tâm đại bi, xả bỏ học xứ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, xả bỏ phương tiện khéo léo và đi học các kinh khác. Do xả bỏ hành tướng như vậy, nên người kia dù trước đã tu tập pháp hành Tỳ-kheo mà sanh rất nhiễu loạn. Do nhiễu loạn nên làm tổn hại mạng trí tuệ và xả bỏ thiền chỉ, thiền quán, khuyên thực hành theo sự việc của người khác để đạt được nhiều sở đắc. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia không lấy gì để chế phục các kiết phiền não. Lại nữa, các Tỳ-kheo hoặc đối với thời gian ấy xả bỏ hủy hoại tâm sâu xa và giới, kiến, hạnh v.v… mà khởi lên nhiều tội lỗi, thật chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, nói lời khuyến dụ khiến cho Vua, Quan và Đại thần cung kính mà cúng dường. Rồi đến nhà Cư-sĩ nói pháp hạnh Tỳ-kheo có vô lượng tội lỗi khiến cho Vua, Quan và Đại thần lập ra những quy định cấm đoán, hoặc giữ lấy các dụng cụ sinh sống các các Tỳ-kheo hành pháp ưa thọ dụng. Hai hạng như thế đều mắc phải tội nặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo tu phước định là nơi gieo trồng ruộng phước cho quần sanh nhưng nếu cấm đoán không cho họ hành thiện thì là một tổn thất rất lớn. Lại nữa, các Tỳ-kheo hành pháp thiện, là cầu được các pháp môn tam muội tổng trì, đắc các địa chấp trì ứng khí làm ánh sáng cho đời đi qua, khai thị chánh đạo xóa sạch phiền não khiến cho các chúng sanh trụ vào đạo Niết-bàn, nhưng nếu cấm đoán họ thì phải mắc tội nặng.

Luận nói: Người kia lại dẫn Khế kinh khác nói: "Nếu các Bồ-tát nghe được tên Bồ-tát Hư Không Tạng rồi thì không còn nghi hoặc, nên sợ đọa địa ngục muốn thấy ngài để sám hối tội nặng kia. Đối với Bồ- tát Hư Không Tạng nên xưng niệm danh hiệu ngài và cung kính lễ bái. Nầy Thiện nam tử ! Như phước lực của Bồ-tát hiện ra bản thân hoặc thân Phạm vương cho đến hoặc hiện ra thân Đồng nam Đồng nữ ở trước người đó v.v... khiến cho các vị mới hành đạo Bồ-tát như từ chỗ ngồi đứng dậy sám hối tất cả tội đã phạm và diễn thuyết phương tiện khéo léo sâu xa về hạnh Đại thừa, cho đến trụ vào bất thối. Lại nữa, tổng lược nói: "Giả sử không hiện ra trước mặt Bồ-tát mới tu hành kia thì ở phương Đông đứng trước Thiên tử A-lỗ-noa đất hương khuyến thỉnh, nói thế nầy : Ngài là Trời A-lỗ-noa có đủ đại bi và đại oai lực với tình thương rộng lớn chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề để che chở hộ trì, xin mau chóng tự mình khuyến thỉnh. Bồ-tát Hư Không Tạng phát khởi lời nói bi mẫn để giác ngộ tôi, ở trong mộng phương tiện chỉ bày các tội báo đã phạm tội để dạy tôi sám hối nhằm đạt được phương tiện, trí tuệ của bậc thánh Đại thừa. Trời A-lỗ-noa kia, khi xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề cùng với Bồ-tát Hư Không Tạng đi đến hiện ra sắc tướng của mình ở trong mộng đứng trước người kia, người kia sám hối tội nặng.

Các sắc tướng đó là phương tiện trí tuệ lớn, phương tiện tri kiến, phương tiện trí thiện xảo. Bồ-tát kia đạt được Tam-ma-địa gọi là không mất tâm Bồ- đề, nương vào Đại thừa được an trú kiên cố.

Luận nói: Hoặc trước có kinh nói: Chân ngôn khuyến thỉnh các sự oai nghi theo phép tắc v.v… tạo nên lời nói không tịch trong chốn rừng sâu vắng lặng. Đốt hương trầm thủy, hương đa-gia-la, hương kiên-hắc biến khắp mười phương để cung kính lễ, rồi chắp tay đọc tụng chân ngôn nầy: "***Đát đà tha tô một lý xá ca rô ni cát tả la tả la vĩ tả la tán tả la ta rô ni cát mâu rô rô mâu la vĩ nga đà lý mâu tả nhị bột đô phạ ma đa ca rô ni cát tấn đa ma ni bố la cát ca lô ni cát đát lý chuyên Sa-di tát tha ba dã a nghê dã đà lý tát phổ ngung, tát phổ ngung, lô đê vĩ, vi cát ngung niệt lý cụ chí vĩ chi cát ngung bố la dã ca lô di cát bố la la diễn đỗ ma na xá tát ly chuyên bát tham tả a thâu, cát nga đê tát chuyên hạ***". Trước nói về nghi thức phép tắc, khi trì chú nầy thì tất cả bệnh khổ, tất cả sự não hại đều bị tiêu diệt và mọi sự mong cầu đều được thành tựu.

Luận nói: Nếu là Sát-đế-lợi hoặc là Bồ-tát thì sao gọi là tội xấu ác và phương tiện thù thắng? Hoặc người trì giới sao gọi là tội hay lỗi lầm? Nghĩa là đối với người trì giới thì không có lỗi lầm nhưng vì nhiều người khởi lên đả kích nên gọi chấp cái thấy của mình. Do đó lần lượt sanh sợ hãi mà diệt các tội xấu ác. Nếu đối với tánh tội bạt trừ căn bản khổ rốt ráo không tạo tác thì đối với tâm Bồ-đề, giới là điều gìn giữ được, như thật quán sát tư duy liên tục. Cho nên kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói: "Thiện nam tử! Bồ-tát đối với giới biệt giải thoát học hỏi Thức- xoa-ma-na trong trăm ngàn kiếp, chỉ ăn rễ cây và quả, giải thoát tất cả các chúng sanh, nhẫn chịu lời nói ác. Nếu đối với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi mà phát khởi tác ý tương ưng thì gọi là tội nặng căn bản của Bồ-tát. Thiện nam tử! Người đắc tội căn bản nầy, ví như Thanh văn đối với hữu dư y Niết-Bàn mà không được nhận. Thiện nam tử! Đây chỉ nói tội nầy, tức là đối với Thanh văn, Duyên giác mà không tác ý xuất ly, đối với Niết-bàn Phật lại không kham nhận.

Luận nói: Các tội nặng nầy do chấp ngã mà sanh ra. Vậy nắm bắt diệu lạc nghĩa ấy thế nào? Trong Nhiếp Luận nói: "Phá hoại vật của Tam bảo hoặc chỉ bằng hạt cải và hủy báng chánh pháp tức phạm hai tội. Đây là lời nói của Mâu ni. Giả sử Tỳ-kheo phá giới, do mặc áo cà sa, hoặc không cho xuất gia, đánh đập tống vào lao ngục, tạo ra năm tội vô gián. Lại nữa, hoặc chấp tà kiến và phá hoại xóm làng gọi là tội căn bản. Như lời nói thù thắng của Bậc Tôn sư: "Chỉ thích đàm luận tánh không nhưng thực ra bản thân không hiểu biết gì cả. giả sử trụ trong Phật trí nhưng không tu đạo

Chánh giác, xả bỏ biệt giải thoát mà lại hy vọng nhập vào quả Đại thừa. Lại khiến cho các người học pháp không đoạn tham chấp, thích đến trước người khác xưng tán đức của mình, do khoe khoang trước người khác nên được các thứ lợi dưỡng. Hoặc tà vọng mà nói ta đã được nhẫn sâu xa, hoặc trách mắng Sa-môn, lấy vật của Tam bảo. Do lấy vật như vậy rồi lại xả bỏ Thiền định hay Tỳ-kheo hành pháp và thọ dụng ái dục. Đây gọi là tội căn bản, là nhân đọa vào địa ngục. Lại nữa, Bồ-tát Hư Không Tạng đối trước Phật tuyên nói sám hối việc trong mộng xả bỏ tâm Bồ-đề:

Nếu có người đến xin
Tham tiếc mà không cho
Rồi khởi lên phẫn nộ
Đánh đập các chúng sanh
Đối người tu thanh tịnh
Cũng không hề cung kính
Theo người tâm nhiễm dục
Phỉ báng cả chánh pháp.

Trong kinh Địa Tạng nói: Phật bảo Đại phạm : Nếu người nương vào giáo pháp của ta xuất gia mà lại phạm giới, làm các việc ác, như con ốc sên dơ bẩn, thật chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, thật chẳng phải phạm hạnh mà tự nói phạm hạnh thường bị các loại phiền não mạnh hơn làm đảo ngược, bại hoại. Tỳ-kheo như vậy tuy đã phá giới cấm làm các việc ác lại còn vì tất cả trời rồng người v.v… mà khai thị hạnh phước đức, cho nên thiện tri thức nầy tất nhiên chẳng phải pháp khí mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, gieo trồng các thiện căn và chỉ dạy cho vô lượng chúng sanh, do gần sanh nẻo thiện hiển thị chánh đạo, cho nên có người nương vào chánh pháp của Ta xuất gia, rồi trì giới, phạm giới, Ta còn không cho Chuyển luân Thánh vương nương tựa chánh pháp thế tục dùng roi đáng vào thân, trói giam vào lao ngục, chặt đứt chân tay, đoạn dứt mạng sống, huống hồ là phi pháp khác. Như vậy, Tỳ- kheo nương vào giáo pháp Tỳ-nại-gia của Ta mà xem như thây chết.

Lại nói người kia như con trâu có màu vàng hay như con xạ có hương. Lại nói, nếu nương vào giáo pháp của ta mà xuất gia thì người đó dù pháp khí hay chẳng phải pháp khí cũng không nên não hại. Nếu hủy phạm tức hủy hoại ba đời chư Phật, đắc tội rất nặng, đoạn diệt thiện căn và đọa vào địa ngục Vô gián. Kinh kia nói: Mặc áo cà sa là tướng tràng giải thoát mà các Như Lai đã kiến lập. Bấy giờ lại vô lượng trăm ngàn Thanh-văn và chúng Bồ-tát nghe Phật nói đều sám hối nghiệp chướng của mình đã gây tạo trong quá khứ. Hoặc có vị nói: "Bạch Thế Tôn! Con xưa kia suy lường

lời nói của Như Lai và đệ tử Phật, là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, tạo nhiều phẫn nộ, chửi rủa, hủy nhục và phỉ báng họ, gây ra nghiệp chướng đọa vào ba đường ác, thọ các khổ não khó mà kham nhẫn được. Do vậy, nay con đối với các nghiệp chướng ấy xin thành tâm sám hối tất cả". Hoặc có người nói: "Thế Tôn, con nhớ trong quá khứ, đối với lời dạy của Thanh văn và đệ tử Phật suy lường là pháp khí hay chẳng phải pháp khí đều gây nên sợ hãi, dùng lời ác chửi rủa và đánh đập họ". Lại có người nói: "Con đối với đệ tử Phật đã xâm đoạt y bát, cắt đứt sự thọ dụng của họ". Lại có người nói: "Con đối với những người xuất gia đã bức bách khiến họ hoàn tục rồi ngang ngược sai khiến họ". Lại có người nói: "Con đối với đệ tử Phật dù pháp khí hay chẳng phải pháp khí, có tội hay không có tội đều xiềng xích nhốt họ vào lao ngục. Vì nghiệp chướng nầy khiến con trong nhiều kiếp đọa vào các đường ác, thọ nhận mọi thứ khổ khó mà kham nhẫn được. Cho đến thưa Thế Tôn! Đối với nghiệp chướng nầy, nay con xin đều sám hối hết thảy và không dám tạo tác nữa. Vậy xin nguyện Thế Tôn thương xót nhiếp thọ bạt trừ tất cả các tội báo rộng lớn cho chúng con". Trong Kinh Chướng Ngại Xuất Gia cũng nói: "Nếu người thành tựu bốn pháp "Đại xá" thì ngay nơi chỗ sanh sống cũng mắc phải tai nạn như thế. Nghĩa là sanh ra bị mù, ngu si câm ngọng, hoặc sanh vào dòng Chiên-đà-la luôn thích hủy báng không có các thứ diệu lạc và thường làm kẻ tôi tớ hoặc làm người nữ luôn phải đứng quạt hầu hạ, hoặc làm lạc đà, lừa, heo, chó và rắn độc v.v… Những gì là bốn đại xá?

1. Được chư Phật quá khứ đã tạo ra năng lực tăng thượng khiến cho chúng sanh phát tâm xuất ly, tâm xuất gia, tâm Thánh đạo, để làm khỏi chướng ngại các tội báo.

2. Lại nữa, tham đắm tài sản và con cái không tin nghiệp báo, nghĩa là ưa thích sự giàu sang, dục lạc và nam nữ thê thiếp nên khó mà xuất gia.

3. Phỉ báng chánh pháp.

4. Hai Sa-môn, Bà-la-môn v.v…

Luận nói: Mười nghiệp đạo bất thiện là nạn, có báo cực khổ. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Nay lược nói đối với tội sát sanh kia: Ở trong địa ngục, có con chim tên là Hỏa đảnh hành, ở trong lửa nhưng không bị thiêu đốt. Khi nó thấy người trong địa ngục liền sanh vui vẻ, trước hết mổ đầu tội nhân rồi uống máu. Lại có con chim tên Độc lâu hành chĩa mỏ lửa xuống ăn mở và tủy của tội nhân. Lại có con chim tên Thực thiệt chuyên ăn lưỡi của tội nhân rồi khiến cho lưỡi sanh ra lại mềm nhuyễn như lá hoa sen. Như vậy, tùy tưởng tượng mà sanh ra. Lại có con chim tên là Bạt-xỉ,

Chấp-yết-hầu, Thực thủ, Thực phế, Thực sanh tạng, Thực bối cốt, Thực ẩn mật, thường mổ rỉa các đốt xương của tội nhân để uống tủy. lại có con chim tên Châm khổng, mỏ của nó nhọn như kim luôn uống máu tội nhân. Lại có các con chim tên Cốt trung trụ, Bạt trảo, Cân mạch, Bạt phát, chỉ ăn toàn lông tóc tội nhân. Như vậy, ở trong A-tỳ địa ngục cách đây ba ngàn do tuần có con chim tên Ác dạ xoa cư ngụ. trải qua trên trăm ngàn năm nó thường hành hạ tội nhân nhận chịu sự khổ não vô cùng". Kinh kia lại nói: "Tất cả khổ não đều vây quanh người tội. Lại có địa ngục tên là Đọa hiểm ngạn. Nếu có tội nhân đọa vào chỗ nầy mà hy vọng đi nhiễu quan thì liền có mười một đống lửa bao phủ với chỉ một mình không hề có bạn bè mà chỉ nghiệp oan gia đối đầu bủa vây khắp chốn khiến cho tội nhân đi vào địa ngục lớn. Lại đi vào nơi địa ngục Đọa hiểm ngạn. Người kia khi bước chân xuống thì bị đốt cháy khét, khi dở chân lên thì sanh lại bàn chân trở nên mềm nhuyễn, do đó phải chịu thống khổ vô cùng. Như vậy, sợ hãi đến nỗi đầu, mắt, chân, tay và tất cả những phần trên cơ thể đều bị đốt cháy tiêu tan mà lại nói chỗ hiểm có ở đời nên gọi là Đọa hiểm ngạn. Lại nói chỗ bị đọa vì gió nghiệp thổi thân người có tội lên cao ba ngàn do tuần rồi rơi xuống đất. Lại có chim Cưu, Thứu, Diều hâu tranh nhau mổ ăn thân người tội cho đến nghiệp gió thổi người tội lên cao rồi rơi xuống trải qua trăm ngàn năm thọ khổ như vậy". Kinh kia lại nói: "Có xứ đọa tên Toàn luân với ngàn căm xe thật hiểm có ở đời và có lửa mạnh mẽ đỏ rực cũng như kim cương, cũng không thể hoại được. bánh xe nầy quay rất nhanh cho đến duyên các phần thân đều thiêu đốt tan tành. Nếu tội nhân muốn bước chân đi thì bị đinh sắt đâm chích. Như vậy đi đến núi Huề-cô-tra có con trùng Huề-cô-tra ăn thịt tội nhân kia. Ăn rồi lại sanh ra khiến thân mềm nhũn. Do sự mềm nhũn nầy nên thọ nhận thống khổ. Cứ sanh ra lại bị ăn, ăn rồi lại sanh ra ở trong thân nầy thật là việc hiếm có ở đời. Do ý vui thích tạo nghiệp sát sanh nên phải mắc quả báo như vậy".

Luận nói: Nghiệp không cho mà lấy. nay ta phải nói hạnh nghiệp tạo ác như vậy tất phải sanh vào địa ngục có đủ các vật dụng lớn. Như bánh xe lửa rực cháy, như thành Càn-thát-bà do thô ái nhìn thấy tương tự bởi nghiệp ngu ác nên thấy đó là các thứ châu báu y phục và tài vật. Do nghiệp ngu si nầy ở trong ngọn lửa lớn, tội nhân vội vả nắm lấy vật kia. Do tự nghiệp mình tạo nên có ngọc Ma-la tốt óng ánh rồi nắm lưỡi dao sắt bén mà đi đến trong vòng sắt bị lửa thiêu đốt tất cả các phần thân thể chỉ còn lại xương khô. Do từ trước nay không xả bỏ tài lợi nên thọ nhận khổ nầy.

Luận nói: Nghiệp tạo tà hạnh. Ta nay phải nói tội nhân tạo nghiệp nầy đối với sự khổ trước tạm được thoát khỏi. Tuy ác nghiệp ấy vượt qua

khỏi sự chịu đựng trong đống lửa lớn nhưng lại đọa vào xứ khác gọi là tà kiến ác. Do nghiệp đã tạo mà thấy có người nữ như trước đã thấy. Người kia thấy rồi liền phát khởi lửa tham dục bèn nhanh chóng đến gần người nữ kia. Do nghiệp mình tạo nên người nữ kia biến thành sắt nóng và giữ lấy tội nhân cắn, nhai, nuốt các phần thân thể cho đến tan tành không còn một mảy may như hạt cải. Cứ ăn rồi lại sanh ra, sanh rồi lại ăn liên tục như vậy. Người kia do lửa tham thiêu đốt nên nhận chịu thống khổ vô cùng khó mà kham nhẫn được. Tuy nhiên do nghiệp cảm nên bị lửa tham dục thiêu đốt mà đối với người nữ ấy, người kia không nhớ đến khổ não. Người nữ ấy đều bằng sắt cứng như kim cương với thân nước đồng sôi nắm lấy tội nhân kia đánh đập rồi rót nước đồng lên khiến cho thân thể nóng bức tiêu tan. Đã tiêu tan rồi sanh ra lại lần lượt như thế tương tự như trên đã nói. Kinh kia lại lược nói kệ:

Nữ sắc là gốc tội
Hay phá các tài lợi
Nếu người thích nữ sắc
Làm sao được diệu lạc!

Cho đến :

Đời nầy và đời sau
Lỗi nữ, lỗi đệ nhất
Phải xa lìa nữ sắc
Thân mới được an ổn.

Luận nói: Nghiệp nói dối nay sẽ nói. Trong địa ngục có cai ngục mạnh mẽ tên Diễm-ma-la-tốt chụp lấy tội nhân kia rồi lấy dao khoét miệng kéo lưỡi ra. Tội báo nói dối nầy do lực của ác nghiệp nên lưỡi kéo rộng ra năm trăm du thiện na. Khi tướng lưỡi hiện ra có Diễm-ma-la-tốt tức thì xuất hiện với lưỡi cày sắt nóng đặt trên đó. Do nghiệp đã tạo của mình nên có trăm nghìn lưỡi cày sắt cày vào đầu với ngọn lửa thiêu đốt thật khó thấy ở đời. Lại có con trâu mạnh bạo đi qua lại khắp cái lưỡi mà cày trên đó khiến lưỡi tội nhân máu me chảy ra lai láng. Cày xong lại thu lưỡi vào rồi thè lưỡi ra khiến nó trở nên mềm nhũn. Chẳng khác nào tướng lưỡi trời, than khóc thảm thiết và thọ nhận khổ não vô cùng, trải qua vô lượng trăm ngàn năm khó mà kham nhẫn được. Người địa ngục kia lưỡi tạm thu vào miệng nhưng rất sợ hãi. tướng trạng ác kia nên rảo chạy khắp nơi bèn rơi vào đống lửa lớn hoặc bị thiêu rụi, ở trong chỗ khổ não mà hy vọng mong quay về cầu cứu. Lại có Diễm- ma-la-tốt tay cầm gậy, đao to lớn hiếm có ở đời đánh đập và băm người tội từ đầu đến chân nát nhuyễn như bụi trần.

Luận nói: Tội nói hai lưỡi cũng như tội nói dối. Tội nầy khiến người có tội lưỡi lè dài ra ba trăm du-thiện-na và bị Diễm-ma-la-tốt cầm cây đao với ngọn lửa hừng hực cắt đứt lưỡi và bị cáo, chó sói, chồn tùy nơi ăn lưỡi người tội, khiến nhận chịu vô cùng khốn khổ nên khóc la thảm thiết. Cứ thế lưỡi bị cắt rồi sanh ra lại như trên đã nói.

Luận nói: Quả báo nói lời ác độc nay sẽ nói đến. Người vướng vào tội nầy thì bị Diễm-ma-la-tốt nắm lấy rồi dùng dao vạch miệng ra để cắt lưỡi, rồi do sự đói khát nên mong được ăn uống thì lại ăn lưỡi và uống máu huyết của mình. Do lực của nghiệp ác nên lưỡi đứt rồi lại sanh trở lại, đau đớn lăn lộn dưới đất khóc la thảm thiết, thần mắt thất tán chịu sự thống khổ cùng cực. Khi ấy bị Diễm-ma-la-tốt mắng chửi, răn bảo: Do thân mình tạo tác thì không thể có ai thay thế cho người được và nói kệ:

Lưỡi buông như cung cứng
Lời ác tợ tên lửa
Nếu người nói lời ác
Sau chịu quả báo nầy.

Luận nói: Quả báo của lời nói thêu dệt nay sẽ nói. Người mắc tội nầy thì bị Diễm-ma-la-tốt dùng dao cạy miệng ra để đổ nước đồng sôi vào. Trước hết thiêu đốt lưỡi người tội, kế đến thiêu đốt yết hầu, rồi thiêu cháy tâm, can, ruột, thục tạng. Thiêu đốt thục tạng rồi luân chuyển từ dưới lên trên miệng lại. Khi ấy Diễm-ma-la-tốt nói kệ:

Trước sau chẳng liên quan
Không nghĩa không tương ưng
Ngươi nói chẳng liên quan
Quả kia sẽ thọ nầy
Thường không tụng kinh Phật
Không thích nói chân thật
Kia chẳng còn là lưỡi
Khác gì thịt thái nhuyễn.

Luận nói: Báo xan tham nay sẽ nói. Người địa ngục kia do nghiệp tự tạo mà trông thấy trong thành ấp đầy đẫy trân bảo của người khác giữ gìn. Người địa ngục kia do nghiệp ác si mê từ trước đến nay, nghĩa là tạo nhiều hành động tham lam bất thiện nên đối với quả địa ngục khởi thấy điên đảo. Thấy như vậy rồi liền bị tham chấp sai sử mà cầm lấy dao bén nhanh chóng đến chỗ vật kia, và người địa ngục khác cũng cầm lấy dao bén nhanh chóng đến đó cho nên hai bên thù sát lẫn nhau. Cho đến ăn thịt nhau sạch hết không còn gì chỉ còn xương nên khóc la thảm thiết. Trong đây lược nói kệ:

Thấy người khác giàu sang
Suy nghĩ muốn ta được
Do tham sanh quả độc
Nên nay đọa xứ nầy.

Luận nói: Quả báo sân hận nay sẽ nói, do nghiệp sân hận gây nên. Người gây nghiệp nầy thì bị sư tử, rắn, hổ xuất hiện trước mặt khiến cho sợ hãi phải bỏ chạy. Tuy nhiên vì nghiệp bất thiện bủa vây nên không thể nào được thoát khỏi. Do vậy bị ngục tốt cầm lấy và nuốt chững đầu của tội nhân cho đến ăn cả hai nách. Lại nữa, rắn phun ra khí độc giết chết tội nhân rồi ăn nuốt chững lấy. Hổ lại ăn hai vai bị thiêu đốt của tội nhân rồi ăn hai chân và Diễm-ma-la-tốt từ xa bắn tên khiến người tội lăn ra chết. Tội khổ như vậy thật khủng khiếp.

Luận nói: Đối với tà kiến thì có vô lượng quả báo nhưng ở đây chỉ lược nói. Nghĩa là ở trong địa ngục có mưa kiếm bén nhọn và mưa kim cương, mưa đá v.v… tàn sát phá hoại. Lại có mười một đống lửa, khi tội nhân đói khát thì lửa từ trong miệng phun ra thiêu đốt cả thân mạng.

Luận nói: Các loại căn bản dục nầy là tai nạn nên phải sám hối. Lại như kinh nói: "Có địa ngục lớn tên là Đại Ủng. Vì nghiệp gì mà chúng sanh đọa vào chốn ấy? Đó là chẳng phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, hoặc nghe người nữ ca múa trang nghiêm đủ thứ âm thanh, tham đắm sâu xa, nông cạn không tỉnh ngộ. Do nghe người nữ ca múa cười đùa nên lậu rĩ bất tịnh, đọa vào địa ngục "mưa hòn sắt nóng" nghiền nhỏ các phần chân tay nát vụn như bụi trần. Lại mưa lửa nóng thiêu đốt và nung nấu như vậy. Lại nữa, người tội nhớ nghĩ về người hành dục tà xa xưa thì có địa ngục tên là Bát-nột-ma. Nghĩa là do trong mộng nhớ nghĩ về việc dục nên đọa vào địa ngục ấy chịu sự thiêu đốt nung nấu. Lại có Diễm-ma-la-tốt tay cầm dùi sắt lớn đâm chết người tội. Lại nữa, tuy có tu phạm hạnh nhưng lại hồi hướng nguyện sanh vào ở chốn thiên nữ nên nói có địa ngục tên là Đại-bát-nột-ma. Địa ngục ấy có một cái hồ tên là Hàm hà, luôn trút nước nóng thiêu đốt như nước vàng nấu chảy khiến cho thân thể tiêu tan, lông tóc biến ra như cỏ, thịt nhuyễn như bùn, các xương như đá ruột thành như cá v.v... Tội nhân phải ở trong địa ngục nầy trải qua thời gian vô lượng. Lại nữa, tà dục nghĩa là có hai người nam hủy hoại chánh hạnh nên có vô lượng tướng trạng. Như kinh kia nói: "Người hủy hoại chánh hạnh như vậy ở trong Hàm hà kia thấy có một người trẻ tuổi đẹp đẻ xuất hiện rồi biến mất ở trong đó. Tội nhân do nghiệp ác đã gây tạo trước kia phát khởi ái lạc tột độ. Bèn vào sông ấy tức thì liền bị ưu khổ trói buộc làm bức bách. Lại nữa, tà dục nói là có quả báo

cực ác. Nghĩa là đối với bàng sanh mà phát khởi tánh tội lớn. Ở trong địa ngục kia có trâu, nai v.v... bằng sắt nóng với tướng cực kỳ bất thiện. Đối với đạo súc sanh tâm dục của người tội lại ưa gần gũi nên bị ngọn lửa kia thiêu đốt và nung nấu, trải qua trăm ngàn năm không dứt. Lại nữa, do dục tà nên cưỡng bức Tỳ- kheo ni giữ giới thanh tịnh v.v... hủy hoại chánh hạnh và đọa vào địa ngục lớn. Lại nữa, tà hạnh trái đạo mà hành dục. Tự mình muốn xâm hại đến quyến thuộc của người khác, hoặc do ở gần, hoặc xưng thầy dạy mà hủy hoại chánh hạnh nên đọa vào địa ngục lớn chịu khổ não vô lượng như trước đã nói. Kinh Thất Chủng Hiệp Tập nói: "Như vậy Bà-la-môn đối với đồng loại phạm hạnh mà nói rằng: Ta biết người kia cùng với người hàng xóm hai căn đã giao hợp hoặc người hàng xóm kia quan sát kỹ cảnh giới đi, đến, đứng ngồi mà khởi lên ái nhiễm. Điều nầy nói phạm hạnh Bà-la-môn tập hợp, chẳng lìa pháp hòa hợp. Tuy nhiên tu phạm hạnh mà chẳng thanh tịnh, như vậy người hàng xóm kia hoặc cùng đùa giỡn, hoặc ý đắm trước nên nói phạm hạnh mà không thanh tịnh. Như vậy người hàng xóm hưởng thụ ái lạc, có âm thanh ca múa trang nghiêm đầy đủ, đến giữa hai bức tường mà khởi đắm trước nên gọi là hòa hợp. Như vậy trong năm thứ dục lạc, đối với người kia quán sát mà sanh khởi ái trước, rồi hồi hướng phạm hạnh nguyện sanh về cõi trời nên gọi là tập hợp chứ chẳng phải pháp lìa hòa hợp".

Luận nói: Nếu suy nghĩ như vậy hướng đến cảnh giới ái dục thì gọi là tai nạn. Kinh A Dục nói: "Phật bảo Tỳ-kheo nên phải sợ con đường nầy và đoạn tận tâm dục kia, phải lo âu sợ hãi như bụi cây gai góc ấy. Cả hai con đường nầy đều rất hiểm ác, là chỗ thân cận của người bất thiện kia. Con đường như thế các bậc Chánh sĩ thường xa lánh. Ông chớ có suy nghĩ chấp trước dù phần ít dục như vậy. Đức Thế Tôn nói đây là nhiều khổ, nhiều nạn và nhiều tội cấu bị chê bai khinh miệt. Phật bảo: Tỳ-kheo! Lại nữa dục nầy giống như trong bệnh ung nhọt bao hàm các độc tố dơ bẩn, như lưỡi câu tài lợi làm gốc của tội lỗi. Dục như mộng mị là pháp không thật, là chết, là không, là vô thường, là lỗi lầm. Tại sao kẻ ngu lại ưa đắm dục nầy? Cho đến như nai bị ràng buộc bao vây, như cá bị lưới bủa, như con phù du bị lửa thiêu đốt, như con khỉ bị phân dơ trói buộc, như sợi chỉ giới buộc các của Bà-la-môn. Nói tóm lại, người tìm cầu dục cũng giống như bầy thú đi suốt đêm để rồi đi vào miệng con sư tử mà không biết hạn lượng, hoặc trâu chết rơi vào miệng cọp mà không biết hạn lượng, như con tôm bơi vào trong miệng rắn mà không biết hạn lượng. Lại nữa, suốt đêm dài gần gũi dục lạc giống như kẻ ăn trộm bị bắt trói chặt đầu mà không biết hạn lượng. Dùng sức mạnh xâm phạm quyến thuộc người khác, phá làng

xóm sát hại người dân cho đến bị bắt nhốt, trói chặt đầu mà vẫn không biết hạn lượng, nên phải thọ lấy quả báo cùng cực, khiến máu huyết chảy ra đầm đìa như nước trong bốn biển, vẫn không sánh kịp. Huống hồ thân nầy có nhiều sự hủy nát, gân cốt chia lìa lỗ chân lông bị côn trùng đục khoét, chẳng khác nào bệnh ung nhọt với sự uế tạp đủ mọi mặt. Hơn nữa, thân nầy nhận chịu đủ thứ bệnh khổ, nghĩa là mắt tai đều bị bệnh cho đến bệnh trĩ nhọt lở chảy máu mủ ra ngoài. Kinh kia lại nói: "Thân nầy là khổ não, bị cái già khiến còng lưng và khập khiễng cả hai chân, râu tóc bạc trắng và mặt nhăn nheo, các căn suy tàn, khổ não bủa vây".

Như vậy, thân nầy già cõi suy yếu mục nát, cho đến hủy nát và hôi thúi không thể gần gũi được. Phật bảo Tỳ-kheo: Vậy vì sao đối với dục lạc lại tham ái, trói buộc phiền muộn tham đắm theo đuổi. Nếu sau khi ta diệt độ, chánh pháp sắp mất, thì các ông phải cẩn thận chớ có gần gũi dục. Phải nỗ lực ngay bây giờ chớ đợi đến già chết mới thọ nhận sự giáo huấn của ta. Phật bảo Tỳ-kheo phải nên dừng lại và đoạn diệt tâm dục. Thay vì phi thời cầu dục lạc thì phải đúng thời cầu chánh pháp. Trong kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Nên biết phải xa lìa hành tà dục kia, đối với vợ con của mình phải biết đủ rồi, đối với quyến thuộc người khác không nên ưa thích dòm ngó vì đó chỉ là khổ não. Phải nhẫn nhịn và hàng phục tác ý về tướng dục ấy. Nếu khởi ham muốn tìm kiếm thì phải quán pháp bất tịnh. Nếu gần gũi dục lạc, nên biết tự tại trong ý ô nhiễm, luôn xa lìa và thoát ly triền phược, chớ có khởi tâm tham trước. Đối với thân vô thường phải khởi tưởng bất tịnh. Như vậy an trụ niệm như ta đã làm, khởi phân biệt đúng đắn chớ có tham trước dục lạc, huống hồ đối với bất tịnh mà không chịu thấy rõ! Kinh kia lại nói: "Bồ- tát đối với quyến thuộc của mình phải khởi ba thứ tưởng. Những gì là ba? Nghĩa là tạm thời cùng vui chơi nhưng không cùng gặp ở đời khác, chỉ đồng ăn uống nhưng đối với nghiệp báo không cùng thọ nhận, chỉ đồng hân hoan vui vẻ mà không cùng khổ não. Cho đến (đối với dục) ba loại nầy là tưởng phá giới, phá định và phá trí tuệ. Lại nữa, có ba loại tưởng nghĩa là tưởng kẻ trộm, tưởng oán thù và tưởng cai ngục.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 6

Phẩm 4: KHÔNG

Phần 3

Cũng Kinh Nguyệt Thượng Đồng nữ Sở Vấn nói: Bấy giờ, Đồng nữ Nguyệt Thượng thấy nhiều người muốn đến gần tức liền trụ giữa hư không cao bảy cây Đa-la và vì các người ấy mà nói kệ:

Ông nên quán thân ta
Sắc vàng thật sáng diệu
Chẳng nhân tâm dục nhiễm
Cảm tố chất thanh tịnh
Dục sanh nơi cảnh giới
Như hầm lửa thiêu đốt
Nhẫn điều hòa sáu căn
Tịnh tu các phạm hạnh
Nếu thấy vợ người khác
Đều sanh tưởng mẹ, em
Sau được thân đoan chính
Người khác thường thích nhìn.
Trong chân lông của ta
Hương thơm biến khắp chốn
Không từ tâm tham nhiễm
Huân tu quả thiện nầy
Tâm tham vốn không sanh
Không dục sao sanh dục?
Mâu-ni hiện chứng minh
Như thật không hư vọng
Ngươi xưa hoặc cha ta
Ta hoặc là mẹ ngươi
Thay nhau làm cha mẹ
Cớ sao sanh dục nhiễm?

Ta hoặc thường hại ngươi
Người khác lại hại ta
Oán bạn thù giết nhau
Tình nào sanh dục nhiễm?
Đoan chánh chẳng tham được
Tham chẳng sanh cõi thiện
Tham chẳng nhân xuất ly
Cho nên đều xả bỏ.
Lại nhân tham dục nầy
Nhanh đọa ba đường ác
Dạ-xoa, Tỳ-xá-xà
Và chúng A-tu-la
Với quỉ Cưu-bàn-trà
Đều là do tham dục
Hoặc mù, điếc, câm, ngọng
Thân co quắp xấu xí
Các họa hoạn thế gian
Đều do hành tham dục.
Hoặc được Chuyển luân vương
Và chủ trời Đế Thích
Phạm vương, Đại tự tại
Nhờ rộng tu phạm hạnh
Làm cọp, voi, ngựa, trâu
Lạc đà, la, heo, chó
Chẳng biết được thân sơ
Nên thường ham dục nhiễm
Sát lợi và vương thần
Hoặc Tín sĩ, Trưởng giả
Chốn vui sướng giàu sang
Nhờ rộng tu phạm hạnh
Hoặc bị gông cùm xích
Các khổ nạn nước lửa
Bị móc mắt cắt tai
Và đoạn chặt tay chân
Cho đến làm nô bộc
Đều do tham dục nầy.

Trong Kinh Tử Vương Sở Vấn A Dục nói nghĩa kệ:

Nói người vướng dục nầy

Như ruồi thấy máu mủ
Cũng như loài heo, chó v.v…
Chạy bám thịt dơ uế
Không biết vui người nữ
Dong ruổi cũng như vậy
Trẻ ngu không hiểu rõ
Lưỡi nếm vị dơ bẩn
Người ngu thích nữ nhân
Đầy đủ các hắc ám
Hiện rõ cảnh giới quỉ
Chết liền đọa dường ác
Làm trùng trong hầm xí
Chấp vị sanh tưởng vui
Giống như vẽ bánh nấm
Trang nghiêm quán tướng ngoài
Như xào xạc trong gió
Tràn đầy các ô uế
Tức ghèn đờm chảy dài
Và các thứ bất tịnh
Thân như túi dơ bẩn
Người ngu cho là đẹp
Toàn thân chỉ có xương
Được da thịt bao bọc.
Chỉ sanh ở một cửa
Giống như mụt nhọt lớn
Cũng như trong lỗ nhọt
Có nhiều các loại trùng
Và nhiều thứ bất tịnh
Tướng thân cũng như vậy
Bụng như cái bao lớn
Trong sanh tạng thục tạng
Và xương đầu xương sườn
Các huyết tuỷ dơ bẩn
Có tám vạn loài trùng
Núp kín ở trong thân
Rơi vào lồng lưới si
Nên người ngu không thấy
Lại ở trong chín lỗ

Chảy bất tịnh, hôi dơ
Hoặc nếu thấy, nếu nói
Người ngu sanh chấp tướng.
Tất cả chỗ ác xấu
Do vui, không hiểu biết
Nước dãi làm thức ăn
Cảnh giới người ngu kia.
Mồ hôi nách chảy ra
Dơ bẩn thật đáng chán
Thích sự đáng chán nầy
Như ruồi thấy vết thương
Ở trong pháp hèn hạ
Ham thích dục kém cỏi
Tạo nên nghiệp ác ấy
Chết đọa vào đường ác
Đọa địa ngục vô gián
Thọ các khổ báo lớn
Phật nói các người nữ
Thối nhất trong các mùi
Cho nên tập hợp lại
Phá tưởng hạ liệt ấy
Lại nếu khởi chấp trước
Chỉ người ngu rảo chạy
Tạo ra ác nghiệp nầy
Nên mắc quả như vậy.

Kinh kia lại nói: "Do hành tướng như vậy mà khổ cầu những cần thiết để tự nuôi mạng sống, lại cố chấp trước không xả bỏ. Đến nỗi đói rách bần cùng phải đi xin ăn, bị các người nữ khuất phục, chấp giữ, mê muội, giống như kẻ nô bộc bị người tự do sai khiến. Do đối với người nữ tham vui dưỡng dục nên không thể tu bố thí, trì giới và các phẩm thiện. Lại nữa, bị người nữ mắng chửi, lấn ép, trói buộc. Do tâm chấp trước nên phải chịu nhịn nhục khuất phục. Hoặc đến nhà người nữ hàng xóm dòm ngó dáng mạo thùy mị. Do nhân duyên dục ấy nên tự do qua lại. Phật bảo: Đại vương! Người ham thích ái dục là người không thanh tịnh, là người đối với thế gian tạo nên nhiều sai lầm". Cho đến trong kệ cũng nói:

Đối người nữ giao hợp
Thấy làm cùng tùy hỷ
Nghe rồi ý ưa xem

Người ấy không xuất ly
Thân gần các khổ dục
Nói đây thật chán khinh
Do nghe được pháp ấy
Nói đẹp và nói si.
Tâm chạy theo người nữ
Không khác chuột đuổi mèo.
Hoặc nghe lời Phật nói
Tạm thời được tỉnh ngộ
Sau lại đối tham ấy
Như độc Yết-la-la
Lại như heo thấy phân
Phát sanh niềm ái lạc
Chỉ được trong giây lát
Rồi chuyển sanh chán sợ
Người ngu vướng dục lạc
Xa lìa giáo pháp Phật
Gần gũi dục hèn kém
Chết sẽ đọa đường ác
Vui đắm say rượu dục
Hủy giới phá tịnh mạng
Tạo ra các tội nghiệp
Chết sẽ đọa đường ác.
Nếu đối chánh pháp nầy
Hiểu rỏ các cảnh dục
Không khởi tâm phóng dật
Thường sanh cõi tịnh thiên
Đối Bồ-đề vô thượng
Đây không phải khó được.
Nếu nghe pháp nầy rồi
Sát na được chánh tuệ
Ngộ pháp môn xuất gia
Xa lìa các việc dục.

Luận nói: Lại nói đó là tai nạn. Trong Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói: "Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu có người đối với tất cả hữu tình trong cõi Diêm-phù-đề cướp lấy tài bảo thì sẽ hoại mạng căn. Văn-thù-sư-lợi! Nếu Thiện nam Thiện nữ đối với Bồ-tát đoạn một tâm thiện tức liền gần đọa vào cõi Bàng sanh, ở trong thời gian chịu tội đồng đọa lạc như

người kia. Nhưng vì đoạn trừ thiện căn nên chịu tội nhiều hơn người trước trải qua vô số kiếp. Vì sao? Vì đoạn diệt thiện căn tức là đoạn diệt sự xuất hiện ở đời của Phật. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Lại như chủng loại khác đối với Bồ-tát khởi tâm ghen ghét thì do nhân duyên ấy nên biết mắc phải ba loại sợ hãi. Những gì là ba?

Sợ hãi đọa vào địa ngục.
Sợ hãi sanh vào chỗ tối tăm.
Sợ hãi sanh vào nơi biên địa.

Kinh kia lại nói: "Nếu được làm người thì lời nói thường không chân thật mà ưa phỉ báng. Lời nói ác sân hận thường gây nhiễu loạn người đời. Rồi sau khi thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục lớn sanh ra không có chân và chịu nhận các khổ não, trải qua năm trăm Du-thiện-na bị các côn trùng nhỏ chui vào thân để ăn thịt. Con rắn nầy đáng sợ, có đủ năm ngàn cái đầu. Do tội phỉ báng nên mỗi cái đầu của nó có năm trăm cái lưỡi, mỗi cái lưỡi trong miệng lại xuất ra năm trăm cái cày bằng sắt với ngọn lửa nóng bức thiêu đốt nghiệp tội nói dối nầy phải bị đám lửa lớn nung nấu đốt cháy. Lại nữa, nếu người khởi lời nói bất hòa, bức não Bồ-tát, người ấy cầu đầu thai vào đường súc sanh cũng khó được mà phải đọa vào địa ngục lớn trải qua trăm ngàn kiếp Câu-kỳ-na-do-đa. Khi chết rồi lại làm con rắn độc mang tâm thâm hiểm khiến người sợ hãi và do sự bức não của đói khát nên tạo thêm các nghiệp ác. Giả sử có được ăn uống cũng không no đủ. Sau khi chết, nếu sanh trong loài người cũng bị mù tối không có trí tuệ và ác tâm không dứt, thường nói ác trách mắng và không kính nể thánh hiền. Khi mãn làm người lại đọa vào đường ác, trải qua trăm ngàn kiếp Câu-chi sanh ra không thấy Phật".

Kinh kia lại nói: "Nầy Văn-thù-sư-lợi! Nếu ở chỗ Bồ-tát cho đến khi Bồ-tát phát tâm thanh tịnh trong sáng mà tâm khinh dể thì cho đến nhiều kiếp vẫn ở trong địa ngục lớn như mặc áo giáp bằng đồng. Văn- thù-sư-lợi! Nghiệp Bồ-tát nầy tất không thể đọa lạc trừ tội phỉ báng. Văn-thù-sư-lợi! Thí như kim cương, ngọc, ma ni không có gỗ đá nào phá hoại được. Văn-thù-sư-lợi! Nghiệp Bồ-tát ấy cũng lại như vậy, tất không thể đọa lạc chỉ trừ bị phỉ báng Bồ-tát kia". Trong Kinh Tín Lực Tài Nhập Ấn cũng nói: Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: "Nếu có người đối với các chúng sanh trong mười phương thế giới khởi sân nhuế trói buộc thì đọa vào nơi hắc ám. Văn-thù-sư-lợi! Ở chỗ Bồ-tát, xa rời việc đứng trước mặt, co duỗi, chống tay, khởi tâm sân nhuế tức tội ấy còn vượt hơn cả tội trước số A-tăng-kỳ kiếp. Văn-thù-sư-lợi! Lại nếu có người trộm cắp tất cả tài vật ở cõi Diêm-phù-đề, lại có người đối với Bồ-tát mà khởi tâm khinh khi nhục mạ thì tội nầy chịu

khổ báo vượt hơn tội trước số A-tăng-kỳ". Kinh kia lại nói: "Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu có người thiêu hủy hằng hà sa tháp miếu của chư Phật và có người đối với Bồ-tát tin hiểu Đại thừa khởi tâm sân nhuế tăng thêm nhục mạ và hủy báng thì tội nầy phải chịu khổ vượt hơn tội trước số A-tăng-kỳ. Vì sao? Vì các Bồ-tát là cơ sở để sanh ra chư Phật Thế Tôn. Từ các Đức Phật kia mới có tháp miếu đem lại lợi lạc cho chư Thiên v.v… Nếu khinh hủy các Bồ-tát là khinh hủy các Đức Phật. Ngược lại, nếu cung kính các Bồ- tát là cung kính các Đức Phật. Muốn cầu cúng dường tối thượng thì nên phải cúng dường các Bồ-tát. Vì cúng dường các Bồ-tát là cúng dường các Đức Như Lai".

Luận nói: Phước báo cúng dường nầy trong kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói: "Nếu người hộ pháp và thuyết pháp tức là xa lìa tất cả các đường ác, đạt được quả vị Đế Thích và chủ Phạm-thế, Dạ-ma, Đâu-xuất, Tự-tại-thiên v.v… Về sau sanh trong loài người làm Chuyển luân Thánh vương, Trưởng giả, Cư sĩ v.v… đầy đủ các tài bảo, niệm tuệ, tương ưng và an ổn không sợ".

Luận nói: Những Bồ-tát nào ở trong chỗ nghiệp thiện của Bồ-tát mà khởi tâm ác? Nghĩa là hàng dị sanh v.v… Lại như trong kinh Tín Lực Tài Nhập Ấn nói: Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người đối với chúng sanh nhiều như vi trần trong tất cả thế giới ngày ngày đem trăm thức ăn uống ngon của trời và y phục của trời mà bố thí trải qua hằng hà sa kiếp và nếu có thiện nam, thiện nữ cúng dường người thành tựu mười nghiệp thiện, bậc Thanh văn, Phật-bích-chi, người nói pháp Đại thừa, người trụ Đại thừa với giới đức tương ưng, biện tài lưu loát cùng người không có trí hý luận, người vì pháp thưa hỏi, nghe thọ đều nên cúng dường thì bao nhiêu tội được tiêu trừ? Phật bảo: Thiện nam tử! Thí như có người đầu ngày đem các trân bảo trong cõi Diêm-phù-đề cúng dường cho đệ tử Phật rồi giữa ngày và cuối ngày cũng làm như vậy trải qua số trăm ngàn năm thì người kia có được phước nhiều không? Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức của người ấy thật vô lượng vô số không thể tính toán được chỉ có Như Lai mới biết rõ. Phật bảo: Thiện nam tử! Nếu có bậc Sát-đế-lợi chân thiện bố thí như trước đã thì phước ấy có nhiều không?

Như vậy, lược nói thì phước ấy vượt qua số phước báo trước vô lượng A-tăng-kỳ. Phật dạy: Năm trăm năm sau người hộ trì chánh pháp khéo tự hộ trì mình, người khác, cõi khác, ở trong giáo pháp của ta người xuất gia làm đệ tử thì dù là pháp khí hay chẳng phải pháp khí mà cắt bỏ râu tóc, mặc áo cà sa đều phải nên khéo hộ trì chớ sanh tâm não hại. Cho đến cõi nước

mình hay cõi khác cũng đều được an vui, diệt trừ tất cả tội cấu, chư Thiên, chư tiên tăng thêm lợi ích và giữ gìn tuổi thọ lâu dài, phiền não của người và mình cũng tiêu hết, trụ trong đạo Chánh giác và sáu pháp Ba-la-mật, xa lìa các tội ác. Đối với biển luân hồi không bị chìm đắm lâu nữa, thường xa lìa bạn ác và gần gũi bạn lành, cộng sự với chư Phật và chúng Đại Bồ-tát, thích ở cõi các Đức Phật và chẳng bao lâu nữa sẽ đắc quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Bấy giờ, trong tất cả chúng đồng đạo, có một Ưu-bà-tắc trong một ngày có thể cúng dường thức ăn nước uống. Đối với đệ tử Phật cúng dường như vậy nên phước báo hơn trước A-tăng-kỳ số. Văn-thù-sư-lợi! Lại nếu các Ưu-bà-tắc thành tựu mười thiện nghiệp nhiều như số vi trần trong tất cả thế giới ngày ngày lấy trăm vị thức ăn uống và y phục của trời bố thí trải qua hằng hà sa kiếp như vậy, lại có người đối với một Tỳ-kheo, trong một ngày cúng dường thức ăn nước uống thì phước báo nầy vượt qua phước báo trước A-tăng-kỳ số.

Trong kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: "Phật bảo Văn-thù-sư- lợi: Giả sử các loài hữu tình trong tất cả thế giới mười phương móc mắt đến mãn một kiếp, lại có Thiện nam tử Thiện nữ nhân đối với loài hữu tình kia khởi tâm thương xót khiến mắt bình phục trở lại mãn một kiếp, và nếu có người ở chỗ Bồ-tát tín giải Đại thừa lấy tâm thanh tịnh mà quán sát thì phước báu nầy vượt qua hơn phước báu trước vô lượng A- tăng-kỳ số. Văn-thù-sư-lợi! Giả sử người nào có khả năng khiến cho tất cả chúng sanh bị trói nhốt trong lao ngục mười phương đều được giải thoát rồi thọ nhận diệu lạc của Chuyển luân Thánh vương và cái vui của Phạm thiên, lại nếu có người ở chỗ Bồ-tát tin hiểu Đại thừa mà lấy tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng tán thán thì phước báu nầy hơn phước báu trước vô lượng A-tăng-kỳ số". Lại nữa, Kinh Địa Tạng nói: Bạch Thế Tôn! Nếu bậc quân vương Sát-đế-lợi, Cư sĩ chân thiện, Bà-la-môn chân thiện v.v… tự hộ trì mình, người khác và cõi khác, đối với đệ tử Phật dù pháp khí hay chẳng phải pháp khí cho đến người cắt tóc xuất gia chỉ mặc một phần nhỏ áo ca sa thì đều nên bảo hộ người ấy. Bấy giờ, Thiên chủ và quyến thuộc cho đến chủ Tất-xá-giá cùng với quyến thuộc đều từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay cung kính bạch Phật: "Thưa Thế Tôn!

Nếu đời vị lai cho đến năm trăm năm sau có vua Sát-đế-lợi chân thiện, Cư sĩ chân thiện, Tể quan chân thiện, Sa-môn chân thiện, Bà-la-môn chân thiện v.v… như vậy mà hộ trì chánh pháp, nối dòng Tam bảo thì đều khiến cho được hưng thịnh. Các vua Sát-đế-lợi chân thiện, Cư sĩ chân thiện, Tể quan chân thiện, được sở hữu tất cả quyến thuộc của ta và đối với mười loại thủ hộ đều tăng trưởng". Những gì là mười?

1. Thọ mạng tăng ích.
2. Rộng trì chánh pháp.
3. Thường không có bệnh não.
4. Có nhiều quyến thuộc.
5. Được no đủ dư dả.
6. Thọ mạng không thiếu.
7. Giàu sang tự tại.
8. Danh xưng nổi tiếng.
9. Làm người bạn tốt.
10. Được trí tuệ đầy đủ.

Luận nói: Nên biết phước báu rộng lớn nầy tương tự như nhập vào đất Thánh. Kinh Quán Âm nói: "Người phát tâm Chánh giác khéo làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, nếu chỉ nhiễu quanh bên phải tháp Phật, ta vẫn nói công đức nầy rộng lớn. Phật tử các ông! Nếu có người không yêu thích chư Thiên, xa lìa người thiện thì đó là cảnh giới địa ngục. Điều nầy như trước đã nói".

Luận nói: Chưa có khả năng tiếp nhận sự khai thị của người khác thì tạm dừng ở đây mà phân biệt nhận biết. Kinh Tịnh Chư Nghiệp Chướng nói: "Hễ nói đến chướng ngại tức là nói đến tai nạn. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Sao gọi là chướng ngại? Tham là chướng ngại, sân là chướng ngại, si là chướng ngại, bố thí là chướng ngại, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều là chướng ngại. Vì sao vậy? Kẻ phàm phu ngu si khi bố thí lại keo kiệt mến tiếc không khởi tâm tịnh tín. Do không khởi tâm tịnh tín nên khởi tâm tổn hại. Do tổn hại nên sanh khởi tội hối não mà đọa vào địa ngục lớn. Người trì giới kia lại vì người phá giới mà sanh khởi các sự hủy báng, không khuyên bảo khiến các người ấy nghe lỗi lầm mình rồi không khởi tâm tịnh tín. Do không tin nên liền đọa vào đường ác. Người tu nhẫn nhục kia do nhẫn chịu ngông cuồng xấc láo nên nhẫn mơ hồ tâm vẫn đục. Do nhẫn mơ hồ làm căn bản của phóng dật nên liền đọa vào cõi khổ. Người phát khởi tinh tấn lại khởi tâm ngã mạn nói Tỳ-kheo khác tu hành biếng trễ không xứng với sự cung cấp vật thực của tín thí. Do phát khởi tinh tấn mà khởi ngã mạn nên coi thường người khác. Người tu thiền định do đối với sự tĩnh lự Tam-ma-đề mà phát khởi tâm yêu thích cho rằng ta đã chứng được hạnh Tam-ma-địa còn các Tỳ-kheo khác hành tán loạn, do đâu mà chứng đắc Phật quả? Nói rộng như ở kinh kia nói". Trong kinh Tùy Chuyển Chư Pháp nói: "Chỉ dạy Bồ-tát trừ tội nghiệp chướng xa đắc Bồ-đề dạy các

uy nghi đạo hạnh mà xa đắc Bồ-đề. Tuy nhiên Bồ-tát kia đối với chỗ sanh phát tưởng hạ liệt của Bồ-tát, tự mình phát khởi tưởng cao lớn nghĩa là ta đã phần nào diệt trừ nghiệp chướng Bồ-tát nầy đối với Bồ-tát kia hoặc thuyết giáo khiến trụ vào tưởng của Phật. Bồ- tát đối với chỗ Bồ-tát chớ khởi tâm chỉ trích khiến người kia không bỏ tâm Bồ-đề. Phật bảo: Thiên tử! Bồ-tát như vậy không đoạn thiện căn dù là phần ít như Bồ-tát không hề có hai hành. Giả thiết người không phát tâm Bồ-đề cho đến đối với Bồ-tát sáng suốt còn không khởi lăng mạ huống hồ người có tâm Bồ-đề". Như kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói: "Phật bảo Bồ-tát Kiên Ý: Sao gọi người chưa phát tâm Bồ-đề cũng được thọ ký? Nếu người sanh vào năm cõi luân hồi hoặc cõi Trời, Người, Bàng sanh, Địa ngục hay cảnh giới Diễm-ma-la mà các căn lanh lợi, tin hiểu rộng lớn thì Như Lai đối với người kia hiểu rõ và khiến cho trải qua trăm ngàn kiếp sẽ phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Cho đến trăm ngàn A-tăng-kỳ-kiếp như vậy rồi đắc quả Bồ-đề. Phật bảo Kiên Ý: Do vậy nói Bồ-tát nầy tuy là người chưa phát tâm Bồ-đề mà được thọ ký. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp ở trước bạch Phật: Thế Tôn! Từ đây về sau con phải đối với tất cả chúng sanh khởi tưởng của Phật. Vì sao vậy? Vì chúng con không có trí tuệ, thế nào là chúng sanh thành tựu căn Bồ-đề? Và thế nào không? Thế Tôn! Chúng con không biết hành tướng như vậy. Nếu đối với chúng sanh khởi tưởng hạ liệt thì tự làm tổn thương mình. Phật dạy: Hay thay Ca-diếp! Ông thật khéo léo nói lên lời nầy. Phải lấy nghĩa ấy để chánh quán tự tại: Ta đối với giáo pháp như vậy, không vọng xưng tính toán xuất gia, tại gia hay người nam người nữ. Nếu vọng xưng tính toán tức là tự làm tổn thương mình. Chỉ có Như Lai mới thấu triệt tất cả chúng sanh bình đẳng. Nầy Đại Ca- diếp, nếu các Thanh văn và Bồ-tát thì nói phải đối với tất cả chúng sanh khởi tưởng của Thế Tôn".

Luận nói: Bồ-tát đối với các Bổ-đặc-già-la tại sao còn phần ít, không thể hóa độ, không hộ trì thân? Thấy có tướng như vậy vì sự quyết định đắc Bồ-đề Đối với đệ tử Phật kia không có khinh miệt nên thường phải hộ trì. Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói kệ:

Hoặc có dựng miếu đá
Chiên đàn và trầm thủy
Gỗ mộc cùng gỗ khác
Gạch, ngói, bùn, đất thảy
Nếu ở trong đồng trống
Dùng đất đắp miếu Phật
Cho đến Đồng tử giỡn

Dùng cát làm tháp Phật
Tất cả người như thế
Đều đã thành Phật đạo.
Cho đến vẽ tượng Phật
Trăm phước tướng trang nghiêm
Tự vẽ, sai người vẽ
Đều đã thành Phật đạo.
Cho đến Đồng tử giỡn
Dùng cỏ cây và bút
Hoặc ngón tay móng tay
Mà vẽ hình tượng Phật
Tất cả người như thế
Đều đã thành Phật đạo.
Nếu người đối tháp miếu
Tượng báu hoặc tượng vẽ
Dùng hoa hương, phan, lọng
Thành kính mà cúng dường
Hoặc khiến người trổi nhạc
Đánh trống thổi sừng ốc
Tiêu, địch, cầm, không hầu
Tỳ bà, chụp chả đồng
Các tiếng hay như thế
Đem hết để cúng dường
Hoặc dùng tâm hoan hỷ
Ca ngợi công Đức Phật
Cho đến một tiếng nhỏ
Đều sẽ thành Phật đạo
Nếu người tâm tán loạn
Cho đến dùng một hoa
Cúng dường nơi tượng
Phật Liền thấy vô số Phật.
Hoặc có người lễ bái
Hoặc lại chỉ chắp tay
Cho đến giơ một tay
Hoặc lại chỉ cúi đầu
Để cúng dường tượng Phật
Dần thấy vô số Phật.

Lại nói:

Nếu người tâm tán loạn
Đi vào trong tháp miếu
Chỉ xưng Nam mô Phật
Đều sẽ thành Phật đạo.
Đối các Phật quá khứ
Hiện đời hoặc vị lai
Nếu có nghe pháp nầy
Đều sẽ thành Phật đạo.

Lại nữa, Kinh Đại Bi nói: "Phật bảo: A-nan! Thí như người đánh cá muốn bắt được cá ở trong ao lớn thì phải móc mồi vào lưỡi câu thật kỹ càng bỏ xuống ao khiến cho cá đớp mồi. Khi cá đớp mồi thì phải biết nó vẫn còn ở trong ao nhưng chẳng bao lâu phải ra khỏi ao. Lại phải biết làm lưỡi câu, cần câu, dây câu kia phải buộc chặt dưới gốc cây trên bờ. Lúc ấy, người câu cá đã đến chỗ ấy tức kiểm lại cần câu mà biết cá đã cắn câu. Nên kéo dây câu lên đặt ở trên bờ rồi theo mong muốn của mình mà sử dụng nó. Phật bảo A-nan: Ta nay cũng lại như vậy, khiến các chúng sanh đối với Phật Thế Tôn tâm sanh tịnh tín gieo trồng các căn bản thiện cho đến chỉ dùng một niệm tín tâm các chúng sanh kia tuy bị ác nghiệp che lấp nên trong một sát-na đọa lạc, nhưng nếu Phật Thế Tôn đối với chúng sanh ấy đem trí Bồ-đề nhiếp thọ các việc ràng buộc thì trong biển luân hồi chúng sanh được an trí vào bờ Niết-bàn".

Luận nói: Do đó chúng sanh đối với Phật phát khởi tưởng kính lễ. Nên biết đây là tác ý kính lễ, người mới phát tâm Bồ-đề phải khởi thân kính lễ. Như Đồng tử Thiện Tài đến chỗ Bồ-tát Bảo Vân mới phát khởi ý đạo Bồ-đề nên đem thân kính lễ, tất cả điều ấy phải nên hiểu rõ. Như trong Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói: "Vì chỗ độ sanh của các Bồ- tát mà cung kính đảnh lễ. Nhưng tại sao nói trong một xứ sở dù lễ hay không lễ cũng không trái ngược nhau? Vì đối với sự lễ kính nầy lần lượt hệ thuộc. Không thể lễ kính như vậy mà không có phước báo, và do đâu chỉ một đảnh lễ mà thấy chư Phật? Nên biết không có điều ấy".

Luận nói: Nói đây là học xứ của Bồ-tát, đây chẳng phải học xứ của Bồ-tát thì đều là hủy báng chánh pháp nên trở thành tai nạn. Trong Kinh Tập Chư Phước Lực Quảng nói: "Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Sao gọi là đối với phần ít pháp của Như Lai nói hoặc khởi tưởng tịnh và tưởng bất tịnh đều là hủy báng chánh pháp? Người hủy báng chánh pháp tức là hủy hoại khinh miệt Pháp Phật Tăng lại ở đây là giải thoát, đây chẳng phải giải thoát đều là phỉ báng chánh pháp. Ta chẳng riêng nói các pháp thuộc Thanh văn

thừa, Duyên giác thừa hay thuộc Đại thừa Bồ-tát. Người ngu si kia ở trong chánh pháp nầy của ta tạo nên đủ loại ngôn thuyết mà nói đây là Thanh văn, đây là Duyên giác, đây là Bồ-tát. Do khởi các tưởng như vậy nên hủy báng chánh pháp. Nếu nói đây là học xứ của Bồ-tát, đây chẳng phải học xứ của Bồ-tát là người hủy báng chánh pháp. Nếu nói đây là Pháp sư có biện tài hay không có biện tài cũng gọi hủy báng pháp. Lại nói đây là pháp đây là phi pháp cũng đều gọi là hủy báng pháp. Nếu nói Phật quá khứ xuất hiện ở đời không có pháp tổng trì có thể chứng đắc cũng gọi hủy báng pháp. Nói Pháp sư không có pháp tổng trì là hủy báng pháp. Nói Pháp sư tạo tác lỗi lầm cũng gọi hủy báng pháp. Nói Pháp sư không có đủ biện tài tức hủy báng chánh pháp. Chỉ dạy phóng dật cũng là hủy báng chánh pháp. Chỉ dạy oai nghi đạo hạnh cũng là hủy báng chánh pháp. Dạy giới bất chánh tức là hủy báng chánh pháp. Khuyết giảm biện tài cũng là hủy báng chánh pháp. Đối với pháp sáng rõ mà không hiểu thì cũng hủy báng chánh pháp. Đối với việc trì minh triệu thỉnh không hiểu lời nói ra cũng gọi là hủy báng pháp. Đối với pháp của Như Lai chỉ nắm bắt trên chữ nghĩa mà không đi vào sự hiểu ngộ thì đều gọi là hủy báng chánh pháp".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 7

Phẩm 4: KHÔNG

Phần 4

Nói Khế kinh nầy trái với Khế kinh khác tức là hủy báng chánh pháp. Nói kệ tụng nầy trái với kệ tụng khác tức là hủy báng chánh pháp. Nếu nói người nào khởi lên tin hiểu, người nào không phát khởi tin hiểu thì đều là hủy báng pháp. Đối với sự nói pháp của Pháp sư mà ý hiểu có sai biệt thì gọi là hủy báng pháp. Nếu tạo ra sự nghiệp nầy lìa mắt xem xét rồi nói lời đùa giỡn thì cũng gọi là hủy báng pháp. Nếu nói đây là có hành pháp, đây là vô hành pháp thì đều là hủy báng pháp. Nếu bảo Phật nầy nói về Tam-muội có giải thoát, Phật kia nói Tam- muội kia có giải thoát cũng là hủy báng pháp. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Cho đến bám víu vào tất cả sự triển chuyển cũng gọi là hủy báng pháp. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v… đối với Pháp sư mà nói lên hành tướng như vậy, tư duy như vậy v.v… tất cả đều là hủy báng chánh pháp. Kinh kia lại nói: "Phật bảo: Thiện nam tử! Sau khi Như Lai diệt độ, đối với pháp ta đã nói phải tùy thuận theo sự ưa thích cũng như sự tin hiểu của họ mà giảng nói cho chúng sanh. Ở trong pháp hội kia, nếu có một chúng sanh hoan hỷ khiến lông trên thân dựng đứng, hoặc rơi lệ khóc, nên biết người ấy đã được chư Phật ấn chứng. Kẻ ngu si kia nói đây là Bồ-tát, đây chẳng phải là Bồ-tát, phải biết là lỗi lầm của Bồ-tát. Do vọng ngữ như vậy nên nói ba thừa pháp và đối với giáo pháp của ta nói do đâu mà ngộ hiểu! Cho đến nếu đối với Bồ-tát khởi tâm khinh miệt thì ta nói người nầy sẽ đọa vào địa ngục không có hạn lượng. Vì sao? Nếu Bồ-tát đối với Pháp sư khởi tâm hủy báng tức là xa lìa chư Phật, hủy báng chánh pháp và Tỳ-kheo Tăng. Lại nếu có người khinh chê các Pháp sư, khởi tâm không tôn trọng tức là không tôn trọng Phật Như Lai. Đối với Pháp sư không muốn nhìn thấy tức là không thích nhìn thấy Như Lai. Người đối với Pháp sư mà không khen ngợi tức là không khen ngợi Như Lai, tức là xa lìa Phật. Nếu đối với Bồ-tát mới phát tâm mà khởi ý não hại thì chắc chắn mắc nghiệp báo nặng. Phật bảo: Từ Thị! Nếu đối

với sáu pháp Ba-la-mật của ta và hạnh chánh giác của Bồ-tát, người ngu si kia vọng cho rằng chỉ có Bát-nhã ba-la-mật là học xứ của Bồ-tát cần gì phải học các Ba-la-mật khác thì đó là việc sai lầm. Phật bảo: Từ Thị! Ý ông nghĩ sao? Thuở xưa ta làm Vua Thước Ca Thi, vì cứu thoát mạng sống con cọp con mà bố thí cả tự thân của mình là không có trí tuệ chăng? Từ Thị bạch Phật: Không phải như vậy, thưa Thế Tôn! Phật bảo: Từ Thị! Nếu người tu hạnh Bồ-đề hay sự tương ưng của sáu pháp Ba-la-mật mà phát khởi thiện tâm lại không thành tựu thiện căn chăng? Từ Thị đáp: Không phải vậy, thưa Thế Tôn! Phật bảo: Từ Thị! Ông cũng ở trong sáu mươi kiếp tập hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ Ba-la-mật đều được viên mãn. Lại nữa, người ngu kia nói như vậy chỉ có một chánh lý là chỗ hành "tánh không" trong đạo Bồ-đề. Người chánh lý nầy được sự thanh tịnh vốn có v.v…

Phẩm 5: TẬP LY NẠN GIỚI HỌC

Phần 1

Luận nói: Ở đây lược nói nạn nầy nên cần phải xa lìa. Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói: "Đối với loại tai nạn như vậy, nghe rồi nên sợ hãi. Người mới hành đạo Bồ-tát theo đó thọ trì, nói lên sự lợi ích mà bạch: Thế Tôn! Con nay đầu tiên đối trước Như Lai thọ trì như vậy. Thế Tôn! Nếu con từ nay đối với Bồ-tát và người được giáo hóa nói lỗi của họ hoặc thật, hoặc không thật, tức là khinh khi và lừa dối bậc Như Lai Chánh Biến Tri. Thế Tôn! Từ nay con đối với Bồ-tát kia và người được giáo hóa mà chê bai khinh miệt hoặc đối với người tại gia hay xuất gia tự do phóng túng thọ nhận năm thứ dục lạc, thấy rồi đối với người kia không sanh tâm tịnh tín và hổ thẹn, lại khởi tâm không kính trọng, không khởi tưởng Phật, thân tâm bức não, hoặc để cho người trí thọ nhận sự bố thí hạ liệt, thấy rồi hoặc không nói lời tốt đẹp, đêm ngày ba thời không quy hướng v.v… tức là khinh khi và lừa dối Như Lai Chánh Biến Tri. Thế Tôn! Từ nay con thọ trì giới cấm, hoặc làm vua nhưng đối với thân mạng, tài vật không xả bỏ và bố thí rồi khinh miệt Thanh văn, Duyên giác và các người được giáo hóa, hoặc nói mình tối thắng còn họ như tâm hành của Chiên-đà-la, tự đề cao thân mình xem nhẹ người khác, hoặc gặp sự đấu tranh mà không sợ chạy xa quá một do tuần hay một trăm do tuần tức là khinh khi và lừa dối Như Lai Chánh Biến Tri. Thế Tôn! Từ nay con gìn giữ giới đầy đủ mà không tu đa văn để phân biệt biết công đức của hạnh đầu đà và hạnh an vui tự thân thuộc các công đức khác sanh ra, che lấp việc thiện của người khác và hiển bày

việc ác của người khác tức là khinh khi và dối gạt Như Lai Chánh Biến Tri. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di Lặc: Nếu có người nam người nữ muốn làm thanh tịnh các nghiệp chướng thì nên phải như Bồ-tát mới phát tâm nầy mà thọ trì như vậy. Lại nữa, trong kinh Tùy Chuyển Chư Pháp nói: "Nếu ai đối với Bồ-tát mà đêm ngày ba thời đầu đảnh kính lễ thì người ấy đối với các hạnh đã hành, cũng chớ dòm ngó soi mói lỗi lầm dù chỉ một phần nhỏ. Giả sử nếu thường thấy người đắm trước năm dục lạc thì cũng chớ có dòm ngó soi mói lỗi lầm ấy. Người tu hành Bồ- đề khi tu vô lượng công đức lợi ích thù thắng thì mới thủ chứng. Do đó, dần dần tu đạo và thành Phật. Nếu tu hành một phần "Phược hạ" thì trải qua vô lượng trăm ngàn câu-thi-na-do-kiếp ở địa ngục lớn như mặc áo giáp đồng". Kinh kia lại nói: "Thiện nam tử! Hành tướng như vậy tức xa lìa nghiệp tội. Trong tất cả hành của bồ-tát kia đều là hạnh bất nhị. Nên tin hiểu tất cả pháp tu mà phát tâm như vậy. Tuy nhiên, ta đối với tâm người khác hiểu rõ không có chướng nạn mà giáo hóa các chúng sanh thực hiện hạnh như thế. Lại nữa, thiện nam tử! Phải tự tại quán sát tất cả pháp của Như Lai thuyết như thế, tương ưng không có người nào xứng được lượng pháp nầy. Nếu người nào hiểu được pháp của Như Lai nói ra, tức được thấy Như Lai. Thiện nam tử! Người muốn hộ trì thân thì đối với hạnh nầy không nên nghi hoặc, như sự tạo tác của người nào đó không hoại pháp thiện của người khác. Người cầu pháp Phật nên biết phải ở trong đêm ngày lấy pháp mà tư duy để hiểu". Như kinh Địa Tạng nói: "Bấy giờ, lại có vô lượng trăm ngàn chúng sanh thông tuệ từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Phật: Đại Đức Thế Tôn! Chúng con nay đối trước Ngài phát nguyện như vầy: Nhẫn đến lưu chuyển lâu xa trong luân hồi sanh tử chưa từng gián đoạn, chúng con cũng thường nguyện không ở địa vị vua chúa, tể quan, phụ tướng, tướng soái, ở thành ấp, xóm làng v.v… cho đến cũng không ở địa vị Thương chủ, Sư trưởng, Cư sĩ, Sa-môn đoán sự hay thân thuộc, phú quý, tôn kính v.v… cho đến chưa từng gián đoạn. Nếu chúng con ở trong các hình tướng như vậy là kẻ có trí ngu ác thì tức đối với sự dạy bảo của Thế Tôn không có khả năng tu tập".

Luận nói: Rộng nói phải lìa xa chướng nạn như vậy. Trong kinh Minh Đăng Tam Muội nói kệ:

Trẻ ngu không cung kính
Nên biết không có tội

Mẹ nó còn dạy:

"Con sau nầy phải làm
Muốn phần nhỏ nhu cầu

Đối ta phải tôn trọng"
Nếu vì đạo vô thượng
Biếng nhác trong hóa độ
Nên hỏi bậc trưởng lão
Và Đại đức, Tôn giả
Đầu mặt lễ sát chân
Vì pháp phải tôn trọng
Chớ nhìn lầm lẫn kia
Chỉ quán nơi Bồ-đề
Thường vui khởi tâm từ
Cũng chớ sanh tổn hại
Nếu thấy có lầm lẫn
Cẩn thận nói lỗi kia
Nếu vui nghiệp thiện ấy
Cũng đạt được đạo quả
Bé con trước tôn túc
Mặt như trăng trong sáng
Thường yêu thích lời nầy
Luôn trừ phục ngã mạn
Nếu ăn uống, y phục
Vì đây khởi thương xót.
Thí người tâm như vậy
Tất cả được điều phục
Nếu phát tâm Bồ-đề
Hoặc không khởi tin kính
Kia nên tự phòng hộ
Sợ đọa vào đường ác
Thấy không thấy vui nhận
Tự tịnh tâm tán loạn
Tâm chỉ phân biệt tánh
Khéo giữ gìn sự nghiệp.

Lại nữa hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị quán sát công đức phát tâm Bồ-đề của Đồng tử Thiện Tài mà dùng kệ tán thán:

Nếu thấy các chúng sanh
Bị già, bệnh, khổ bức
Và lo sợ sanh tử
Phát hạnh lợi đại bi
Do thấy đời bức khổ

Thường lưu chuyển năm cõi
Vì cầu trí lợi bền
Phá khổ luân các cõi
Nếu thấy người ham vui
Hoạn nhiều bụi gai vướng
Làm chiếc cày kiên cố
Cày sạch đất chúng sanh
Si hoại sáng thế gian
Và tuệ nhãn chánh đạo
Làm thầy dẫn bọn mù
Chỉ họ nơi an ổn.
Gươm trí dẹp giặc oán
Giải thoát ba pháp nhẫn
Làm Đạo sư thế gian
Khiến xa lìa lo sợ
Hoặc như pháp chủ thuyền
Khiến vượt đường biển trí
Làm Đạo sư ba cõi
Đưa đến báu thắng nhẫn
Sáng trí, xe nguyện lớn
Như Phật nhật xuất hiện
Chiếu khắp giới không
Soi trừ tối chúng sanh
Bánh xe pháp thiện đủ
Như vầng trăng Phật hiện
Từ định sáng trong xanh.
Bình đẳng soi các cõi
Lại thêm biển thắng trí
Xuất hiện các pháp bảo
Hạnh Bồ-đề dần cao
Trụ tâm sâu, bền vững
Phát tâm như vua rồng
Khắp pháp giới hư không
Mưa cam lồ, mây pháp
Tăng các mầm quả thiện
Lại như đốt đèn pháp
Với chánh niệm kiên cố
Từ ái sáng không nhơ

Trừ sạch ba thứ độc.
Lại tâm Bồ-đề nầy
Thí như bào thai nhi
U độc nên mẹ chết
Vị Bát-la-kiện-nam
Phần Bồ-đề dần sanh
Khiến tạng Phật tăng trưởng.
Tạng phước đức cũng vậy
Được tạng trí thanh tịnh
Lại khai mở tạng tuệ
Tạng như nguyện xuất sanh
Pháp tánh từ bi nầy
Giải thoát các chúng sanh
Trong thế gian, trời, người
Ý tịnh khó đạt được
Hiếm có cây quả trí
Trồng cây chắc, thâm diệu
Các hạnh dần tăng trưởng.
Che khắp cả ba cõi
Muốn lớn các công đức
Thưa hỏi tất cả pháp
Đoạn trừ tất cả nghi
Cầu các thiện tri thức
Muốn diệt ma phiền não
Trừ sạch thấy nhiễm trần
Giải thoát các chúng sanh
Cầu bậc đại trí ấy
Muốn trừ sạch cõi ác
Hiển thị cõi trời người
Mở cửa trí giải thoát
An trụ đường công đức.
Muốn thoát khổ các cõi
Thường đoạn các phiền não
Thí an ổn các cõi
Gần Phật tử chân thật".

Luận nói: Người dùng ý quán sát để xa lìa chướng nạn như vậy chứ không lấy làm chướng nạn. Trong kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói: "Phật bảo: Từ Thị! Đối với Bồ-tát kia và người được giáo hóa ấy phải thành tựu

bốn pháp, thì năm trăm năm sau, khi chánh pháp diệt, không bị tổn hại và khinh miệt mà tự nhiên giải thoát. Những gì là bốn?

1. Quán sát sự sai trái của mình

2. Đối với bồ-tát kia và người được giáo hóa không đàm luận sở đoản của người khác.

3. Không hóa độ các nhà tri thức mà xưa kia chẳng phải thân thuộc.

4. Không nói lời ác.

Trên đây là bốn pháp như trước đã nói. Lại có bốn loại khác nữa như sau:

1. Xa lìa chúng sanh ít hiểu biết

2. Không tham trước quyến thuộc

3. Thường vui với việc nằm ngồi ở nơi thanh vắng

4. Tự tu tập hạnh thiền định khiến cho tương ưng".

Kinh kia lại nói: "Phật bảo: Từ Thị! Bồ-tát mới phát tâm nầy đạt được tài sức và trí tuệ, xa lìa, lợi dưỡng và danh tiếng. Danh lợi kia là tội lỗi. Đối với lời nói không lợi ích, lời nói thế tục, ngủ nghỉ thế tục, sự nghiệp thế tục, hý luận thế tục phải nên xa lìa vì đó là tội lỗi. Phật bảo: Từ Thị! Nếu Bồ-tát quán sát danh dự lợi dưỡng là chỗ phát sanh tham nhiễm, phá hoại chánh niệm, thì đối với sự được mất chớ khởi niệm cao thấp. Lại nữa, Bồ-tát phải nên quán sát danh dự lợi dưỡng là nơi phát khởi ngu si ám độn tạo ra sự keo kiệt và phát sanh sự lọc lừa ích kỹ, vô tàm vô quý khiến xa lìa bốn thánh chủng. Như chư Phật đã nói. Đối với danh dự lợi dưỡng nên khéo quán sát vì nó khởi lên các thứ kiêu mạn, xem thường Tôn sư, tức là việc của ma khiến hướng đến phóng dật, phá hoại thiện căn như mưa đá và mưa lửa sét đánh. Hơn nữa, người thích danh lợi thường hóa độ các nhà tri thức, ham thích nhiều thứ đến chỗ chẳng phải bà con mà lại khởi phiền não mê mờ che lấp tuệ giác, hướng đến chỗ ái nhiễm, buồn lo gấp bội. Người thích danh dự đánh mất bốn niệm xứ, giảm thiểu pháp thiện, hoại bốn chánh đoạn. Do lợi dưỡng trước sau mà phá hoại thần thông, xa lìa người tốt, gần gũi kẻ ác và thường thích hội họp với quyến thuộc của người khác. Lại nữa, xa lìa vô lượng thiền định, đọa vào địa ngục, cảnh giới Diễm-ma-la và ở trong thai tạng súc sanh. Do vậy nên quán sát danh dự lợi dưỡng như trời làm mưa. Phật bảo: Từ Thị! Danh dự lợi dưỡng kia có các hành tướng như vậy, Bồ-tát phải nên quán sát như thật, do quán sát như thật nên không có chán sợ cũng không sanh hối não. Vì sao? Nếu người đối với hành tướng ấy không có chán sợ thì không mắc lỗi lầm mà chỉ vui trong pháp Phật không hề gián đoạn và đối với người tại gia hay xuất gia tùy theo đó gìn

giữ. Nếu trời hoặc người trụ ở tâm thanh tịnh thì được pháp không kinh sợ. Giá như có đọa vào trong tất cả đường ác cũng không bị bức não, xa lìa chú thuật, giải thoát khỏi cảnh giới ma và được không lay động, được nhiều người ái mộ kính ngưỡng, người học trụ định ưa nhìn, đoạn trừ lời nói dối và được chánh trực, nhìn thấy năm thứ dục lạc nầy là tội lỗi, an trú vào dòng Thánh, như thuyết tu hành, các vị tu phạm hạnh ưa nhìn thấy. Nầy Từ Thị! Hành tướng công đức như vậy, người trí đã biết rõ tâm sâu xa của Bồ-tát trụ ở nơi ít ham muốn. Người ưa sự ít ham muốn sức là đã đoạn trừ tất cả danh dự lợi dưỡng".

Luận nói: Đối với lời vô ích nay sẽ nói. Nghĩa là xa lìa các lỗi tham độc, ngu si. Người không bám vào lời nói vô ích thì thường nhất tâm quyết định hiểu rõ, nếu như tìm tòi trong các hý luận, trào phúng, những lời vô ích mà vui thích làm theo tức là lỗi lầm, không tu oai nghi và các hạnh vi tế. Nếu lời ưa thích nói vô ích thì tuy không phải là lao ngục bền vững ở đời mà đó chính là thuận theo kẻ ngu si. Nếu nghe Tỳ-kheo nói không như lý phát sanh ưa thích rồi thường tìm cầu tức liền tăng trưởng lỗi lầm như vậy. Do đó phải xả bỏ lời nói không đúng lý và thường biết pháp lạc để khi nhắm mắt xuôi tay tự xả bỏ ngàn thân cầu đạo Bồ-đề, nghe pháp không chán. Nếu có khổ nhọc thì do nghe pháp nên trong tất cả thời xứ đều xa lìa lời nói không như lý và lời nói không ưa thích, đối với pháp lạc tối thượng sanh khởi tưởng khó được nên trải qua vô lượng kiếp sống trong rừng núi mà tu hành. Nên biết đối với công đức lợi ích của người khác chớ tìm tòi sở đoản của họ. Nếu nói ta là tối thượng thù thắng thì chớ có chấp tâm nầy, vì là ngã mạn, là căn bản của sự phóng dật. Đối với Tỳ- kheo thấp kém cũng chớ khinh miệt, phải dần dần giáo hóa vì chẳng phải chỉ một đời mà chứng được Bồ-đề!

Luận nói: Đối với lời nói thế tục nay ta phải trình bày rõ. Do người kia nghe lời nói ấy, vui thích say mê khởi tranh cãi nên phạm lỗi lầm không tôn trọng. Do lời nói đó đánh mất chánh niệm và không có chánh trí nên trở thành sai lầm. Do lời nói cống cao bất cần, xa lìa suy nghĩ khiến tâm hoặc thân không yên ổn nên trở thành tội lỗi. Do lời nói ấy nên kẻ ngu si tự tâm sanh thô tháo, tư duy xằng bậy vào chánh pháp xa lìa chỉ, quán, đó là lỗi lầm. Do lời nói ấy mà đối với các công đức tài lợi, thường khởi yêu thích, phạm lỗi lầm không tôn trọng, không trụ tâm vững chắc, trí tuệ hẹp hòi, kém cỏi, đó là lỗi lầm. Do lời nói ấy nên diệt mất sở tri khiến chư Thiên không sanh vui thích kính trọng, đó là lỗi lầm. Do lời nói ấy nên đối với bậc trí kia và các thân mệnh khác như quyến thuộc v.v… hiện tại không có chút nghĩa lợi, đó là lỗi lầm. Do lời nói ấy nên các người ngu kia khi mạng

chung lo sầu: "Ta đã tạo tác những gì mà nhận chịu sự khổ não như thế?", mà giảm mất sở tri không hiểu rõ đó là tội lỗi. Do lời nói ấy mà như động cỏ, nghi cây, không khuôn khổ thì nhất định không sanh khởi thật trí, đó là lỗi lầm. Do lời nói ấy như người ca kỹ ở trong hý trường, riêng nói công cán, tự cho mình là được nên đánh mất sở tri, đó là lỗi lầm. Do lời nói xa lìa "thất thánh tài", sanh dối trá khinh khi sở đắc của người khác, đó là lỗi lầm. Do lời nói kia mà tư duy nghiên cứu về công việc ưa thích nhưng sanh khiếp nhược và không tự biết sự việc vốn vô thể, đó là lỗi lầm. Cho đến nói không như thật rằng ta vui pháp tối thượng. Nghĩa câu nói nầy tư duy trong thời gian lâu xa cũng chưa hiểu được, làm sao nói Ta vui được nghĩa của vô lượng câu. Thí như trong vỏ cứng của cây mía có chút vị ngọt. Người ăn vỏ rồi lại không thể cảm nhận được vị ngon ngọt của cây mía. Do vậy, nói rộng thì giống như vỏ của cây mía, chỉ vui với thần biến tư duy lựa chọn nghĩa lý, như vị ngọt cây mía bình thường không có làm cho say.

Luận nói: Nói về sự đắm trước việc ngủ nghỉ thì như kệ trong kinh kia nói:

Nếu ưa thích ngủ nghỉ
Tạo ra nhiều loại thấy
Kia hay thấy hay nghi
Lưới si luôn tăng trưởng
Nếu người thích ngủ nghỉ
Trí tuệ đều khiếp nhược
Mà ở trong hiểu biết
Lúc nào cũng giảm mất.
Nếu người thích ngủ nghỉ
Biếng trễ không trí tuệ
Nếu ở trong rừng sâu.
Cho đến:
Cũng chẳng được tiện lợi.
Nếu người thích ngủ nghỉ
Tức thích dục phi pháp
Tâm thiện thường không tăng
Do đâu được pháp lạc
Nếu người thích ngủ nghỉ
Ngu che muốn pháp thiện
Hoại công đức pháp thiện
Vào khắp các hắc ám.
Nếu người thích ngủ nghỉ

Đắm trước, không biện tài
Thường sanh tâm phóng dật
Thân mệt mỏi, triền miên
Nếu người ham ngủ nghỉ
Ta biết thường biếng nhác
Ghét người siêng năng kia
Chê người đủ tinh tấn
Nếu trừ các khổ ám
Tức lìa xa gốc tội
Thường gần với chuyên cần
Được chư Phật khen ngợi.

Luận nói: Sự nghiệp của thế tục nay phải trình bày rõ. Như kệ nói:

Thầy dạy nói lời ác
Chấp chẳng phải giáo giới
Liền hủy phạm giới luật
Thích việc sai lầm nầy
Thường nghĩ việc thế tục
Luôn vội vàng thực hiện
Không tu các thiền định
Thích việc lỗi lầm ấy
Do tham sống rộng lớn
Trói buộc vị trong vị
Hạ liệt chẳng biết đủ
Thích việc lỗi lầm ấy
Đối chúng vui vẻ lớn
Gọi diệt các khổ não
Cho đến:
Như lừa qua đường hiểm
Thích việc lỗi lầm ấy.
Tâm ấy trong đêm ngày
Không vui các công đức
Chỉ chuốc lợi ăn mặc.
Thích sự lỗi lầm nầy
Không ưa lời tương ưng
Chỉ thuận không tương ưng
Việc làm của thế gian
Thích sự lỗi lầm ấy
Nói toát yếu như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Bồ-tát thiếu trí tuệ, do xả bỏ pháp tối thượng nên giảm mất tuệ tối thắng mà làm việc thấp kém. Phật bảo: Từ Thị! Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, Bồ-tát được ít trí tuệ là do xả bỏ pháp vô thượng mà làm việc thấp kém. Phật bảo: Từ Thị! Bồ-tát kia ở trong giáo pháp của Như Lai đã xuất gia nhưng không có thiền định, chánh đoạn và chánh cần, không có đa văn và không nhớ nghĩ nguyện vọng. Phật bảo: Từ Thị! Bồ-tát quán sát thiền định chánh đoạn biết được lời dạy của Như Lai và biết có tướng Tam-ma-địa tương ưng như thế chớ chẳng phải sự nghiệp lao nhọc của hàng Cư sĩ. Nếu quán sát sự việc ấy không đúng đạo lý thì nên biết Bồ-tát kia phát khởi tâm vui thích sanh tử luân hồi. Đó gọi là công việc tạo tác của thế tục xa lìa pháp tài. Phật bảo: Từ Thị! Đối với việc làm kia, Bồ-tát giả sử có tu sửa tháp bảy báu mãn ba ngàn đại thiên thế giới, Ta đối với người ấy cũng không sanh tâm cung kính, tôn trọng và tán thán. Cho đến khắp cõi Diêm-phù-đề tất cả đều là việc làm Bồ- tát cũng không bằng người dù chỉ một lần đọc tụng kinh điển rồi theo thuyết mà tu hành hạnh phát khởi thừa sự của Bồ-tát. Lại nữa, nếu khắp cõi Diêm-phù-đề, Bồ-tát một lần đọc tụng như thuyết tu hành thì không bằng hành thừa sự mà Bồ-tát ở chỗ an lạc làm. Vì sao? Vì đây là việc khó làm, đó gọi là sự nghiệp trí tuệ, đối với ba đời thì thật là tối thắng, tối thượng và cao cả không ai vượt qua được. Phật bảo: Từ Thị! Do đó, Bồ-tát muốn có được nghĩa chuyên cần tinh tấn tương ưng thì phải tu tập trí tuệ thù thắng.

Luận nói: Việc hý luận của thế tục, nay phải nói rõ. Người hành hý luận nầy thường phạm sai lầm và mắc chướng nạn như vậy. Nghĩa là không thể xa lìa tám thứ nạn kia cũng không thể trong một sát na mà có đầy đủ sự thù thắng để trở thành bậc trí hiểu rõ đúng như thật nhằm xa lìa các sự hý luận. Sự hý luận nầy nhanh chóng trở thành chướng nạn, không nên cộng trú. Thà tội nuôi dưỡng súc sanh, thọ nhận thê thiếp hơn trăm do tuần chứ với sự hý luận của người khác trong một khoảnh khắc không được gần gũi, cũng không cộng trú với dục lợi của công đức xuất gia. Người hay cầu tài lợi tức là tâm ác khởi lên đấu tranh. Nên biết, chớ có làm ruộng kinh doanh, buôn bán. Nếu cầu tài lợi thì trở thành hý luận. Chớ có sở hữu nam nữ, thê thiếp, bạn bè thân thuộc, nô bộc theo kẻ giàu sang mà khởi lên các sự tranh cãi. Đã xuất gia rồi, mặc áo ca-sa thì phải tin thuận sự tịch tĩnh cho đến tịch tĩnh cực độ. Lại nữa, phải quán sát gần gũi sự vắng lặng tuyệt đối để xa lìa hý luận nên khởi tâm nhẫn nhục như vậy. Người không xa lìa hý luận thì giống như rắn độc luôn chất chứa tâm xấu ác, về sau đọa vào cảnh giới địa ngục, súc sanh và Diễm-ma-la. Do vậy, chúng ta phải tinh tấn khởi nhẫn

như vậy. Người chứng được thừa nầy thì đối với các nghiệp chướng được trừ sạch hoàn toàn và phá tan lực của ma oán. Do đó các bậc trí luôn khởi nhẫn như vậy.

Luận nói: Lược nói phải xa lìa chướng nạn như vậy. Phật bảo: Từ Thị! Đối với Bồ-tát thừa, nếu người nam người nữ nào sau năm trăm năm khi chánh pháp diệt, muốn xa lìa chướng nạn để được an vui, giải thoát khỏi nghiệp chướng, diệt trừ hết tội dục thì nên biết chớ có tụ tập nơi thanh vắng, đồng vắng hay trong rừng mà tu hành. Ngược lại đối với chúng sanh hoặc xa lìa, hoặc chỉ xét lỗi bản thân, chẳng cần tìm tòi lỗi của người khác, phải điềm nhiên tin ưa với việc thực hiện trí tuệ Ba-la- mật. Kinh Bảo Vân cũng nói như vầy: "Khi đi khất thực, nếu gặp những sự việc ở các chỗ xấu ác như nhà có nuôi chó dữ, nhà có trâu nghé mới sanh ra cũng phải lánh xa vì sợ khởi tâm phạm tánh thể giới. Đối với súc sanh kia còn phải xa lánh huống hồ là người nam, nữ, đồng nam, Đồng nữ. Tất cả thời xứ ấy đều phải xa lìa".

Luận nói: Nếu người thấy các thứ xấu ác như vậy mà cẩn thận không qua lại dòm ngó thì được xa lìa tội kia. Lại nữa, nói lìa các nạn như vậy v.v… tại sao được quả xa lìa tự lợi mà thành tựu lợi tha? Nên biết phải xa lìa quả bất lợi. Như kinh Nguyệt Đăng nói: "Đó là giới thân. Nghĩa là hộ trì tay chân khiến nó không hoạt động hư vọng". Kinh Thập Pháp nói: "Tay chân động loạn qua lại nhảy nhót thì gọi là nghiệp thân thô nặng".

Luận nói: Bồ-tát thực hiện công hạnh tự lợi và lợi tha tự tại thấu hiểu mà không phân biệt nghiệp khác. Kinh Pháp Tập nói: "Bạch Thế Tôn! Nghiệp thân, khẩu, ý của Bồ-tát đều vì lợi ích của chúng sanh mà khởi tâm đại bi tăng thượng an ủi, khiến thân ý chúng sanh trở nên hân hoan trong tĩnh lặng. Tâm sâu xa như vậy, suy nghĩ như vậy của Bồ- tát tùy thuộc tu tập hạnh nào mà thường hành bình đẳng khiến cho các chúng sanh được yên vui an ổn? Nghĩa là Bồ-tát quán biết rõ mười hai xứ như hư không, xóm làng và đối với tất cả xứ các ngài đều an vui xả bỏ không bị vướng mắc".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 8

Phẩm 5: TẬP LY NẠN GIỚI HỌC

Phần 2

Lại nữa, Kinh Hư Không Tạng nói: "Thí như trên tường có lỗ trống thì âm thanh sẽ lọt vào trong đó. Bồ-tát cũng như vậy, nếu tâm có vọng niệm tức ma liền xâm nhập vào. Do vậy, Bồ-tát thường khiến tâm mình không có vọng niệm. Nếu tâm không có lỗ trống vọng niệm tức các tướng đều được viên mãn và đạt được tánh không tròn đầy".

Luận nói: Hơn nữa, người có các tướng tròn đầy tức là thực hiện hạnh Bồ-đề, không hề bỏ tu tập quán chiếu tánh không. Như Kinh Bảo Kế nói: "Lại như Kinh Vô Tận Ý nói: Người muốn khởi tâm đoạn trừ pháp ác bất thiện, mà lại có tâm tán loạn khác nổi dậy thì phải dùng thiền định làm pháp đối trị. Phải biết đây là thiền định để diệt trừ các pháp ác và bất thiện".

Phẩm 6: HỘ THÂN

Phần 1

Luận nói: Nói người xa lìa quả lợi hư vô là do chỗ nào mà thành tựu? Nếu thường thành tựu chánh niệm nầy tức là được xa lìa quả lợi hư vô, không trái với giáo pháp của Như Lai, giữ gìn quả báo tôn trọng chánh niệm, ở trong tự tánh bất động đối với tất cả thân, an trụ vào chánh niệm để làm lợi ích cho chúng sanh, tùy nơi tương ưng mà thực hiện chánh niệm kiên cố, gặp các bậc trí và vui thích việc làm của họ. Chánh niệm bất động thì không ngại thời gian, đích thân hệ thuộc lễ bái, hạn chế ở thân để giải thoát chánh niệm. Đối với bốn oai nghi thường được chánh niệm quán chiếu soi xét. Nên ở trong oai nghi thường bình đẳng chánh trực và giữ gìn đầy đủ lực của chánh niệm, không có tán loạn. Khi khởi lời nói vui cười thì luôn cảnh giác và phòng hộ tay chân, dung mạo luôn đoan chánh hòa nhã đúng lượng và an trú trong chánh niệm bền vững. Nếu nghe người nói thì biết âm thanh kia không có cao thấp mà chỉ toàn là lời nói của chánh niệm.

Người học cùng thực hành chánh niệm chớ hành điều khác khiến người khác kinh sợ mà sanh lỗi lầm. Nếu tự tâm vui kính thì khiến người khác trở nên tịnh tín. Và giữ gìn tâm chánh niệm thì giống như voi say, lấy thiền định để chế ngự nó. Đó là chánh niệm. Nếu trụ vào sự quán sát để chiếu rõ tâm mình thì đó là chánh niệm. Đối với sự phú quý giàu sang mà biết cách xả bỏ rồi như lời dạy nhớ nghĩ giữ gìn trạng thái nhất tâm thì đó là chánh niệm. Người thành tựu chánh niệm như vậy gọi là xa lìa quả lợi hư vô. Lại nữa, nếu trụ trong chánh niệm nầy thì được sự tôn trọng tột đỉnh. Đối với sự tôn trọng kia phải quán sát tất cả sự khinh hủy trước mắt nhằm đối trị sự tự cao khởi lên trong tâm. Khi đã biết rõ tức là hình thành nên sự bình đẳng rộng lớn. Sao gọi là bình đẳng? Trong Kinh Vô Tận Ý nói: "Đó là thiền chỉ. Sao gọi là thiền chỉ vô tận? Nếu tâm không loạn động thì gọi là tịch tĩnh. Tức giữ gìn căn tánh khiến không cao ngạo, không lay động, mà tuyệt khéo cẩn mật, không sanh, không tạo tác mà chỉ một tánh cảnh, một mình ở nơi thanh vắng mà xa lìa sự ồn náo, thân vui an lạc và tâm không loạn động, ý vui chốn không tịch và không cầu việc ác". Cho đến gìn giữ oai nghi, biết thời, biết lượng và biết dừng lại khiến dễ nuôi dưỡng và dễ viên mãn v.v…

Luận nói: Thế nào đối với sự tôn trọng bình đẳng mà không thể sanh tà kiến về như thật? Nghĩa là pháp mà Đức Mâu-ni quá khứ đã thuyết, nếu đối với Tam-ma-hý-đa, nên biết như thật. Như Kinh Pháp Tập nói: "Đối với các đẳng dẫn ở tâm được như thật thấy, đã như thật thấy, tức tâm đại bi của Bồ-tát chuyển ở chúng sanh. Ta đã được môn Tam-ma-địa như thế, đối với tất cả pháp đều như thật thấy, sẽ được thành tựu cho tất cả chúng sanh, dùng tâm đại bi huân Tu giới định tuệ tăng thượng viên mãn, chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, do đó đối với tịnh giới ta khéo an trú bất động, không hề mỏi mệt".

Luận nói: Thiền chỉ nầy đối với mình và người đều bình đẳng tôn quý, siêu vượt vô lượng tội khổ, đạt được vô lượng sự giàu sang và an vui của thế gian và xuất thế gian: ta phải siêng năng tu tập đi đến trong nhà lửa mà mong được nước lạnh mát trong sạch, và được tôn trọng tột bực. Các để tử tu học thường phải trụ hành tướng chánh niệm như vậy. Người gần gũi chánh niệm tức là được xa lìa quả lợi hư vô. Nếu xa lìa quả lợi hư vô tức nạn kia không sanh. Do đó, muốn hộ trì thân thì phải thôi thúc nhớ nghĩ và thường gần gũi chánh niệm. Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói: "Bồ-tát tại gia đối với lúa gạo, mía v.v… rượu và nơi phóng dật không nên tham trước. Tức là không say sưa hôn mê cũng không tham đắm, không loạn động cũng không diệt mất, không cuồng loạn cao ngạo và không chửi bới với lời xấu

ác v.v…. Do thân cận trụ ở chánh niệm nên chánh tri". Lại nữa, kinh kia lại nói: "Bồ-tát xuất gia phải giữ chánh niệm chánh tri để không tán loạn". Kinh Bảo Kế nói: "Nếu người trụ vào chánh niệm thì tất cả phiền não không sanh khởi. Nếu người trụ chánh niệm thì tất cả ma sự không có cơ hội. Nếu người trụ chánh niệm thì không bị đọa lạc vào đường ác, đường tà. Nếu người trụ chánh niệm thì như dùng khóa đóng chặt cửa lại khiến cho các tâm sở bất thiện không thể xâm nhập vào. Lời nói nầy chính là chánh niệm và chánh tri". Kinh Bát Nhã Ba-la-mật-Đa nói: "Khi đi biết mình đi, đứng biết mình đứng, ngồi biết mình ngồi, nằm biết mình nằm v.v… biết rõ mọi hoạt động của thân mình như vậy thì gọi là chánh tri. Cho đến đạt được việc không trái ngược vượt khỏi hạnh chánh tri. Nghĩa là có thể quán chiếu, không quán chiếu, đắp y, mang bát hoặc uống, hoặc ăn, hoặc ngủ, hoặc thức cùng sự mỏi mệt, lấy, bỏ, co duỗi, đi, lại, đứng, ngồi hoặc nói, im lặng v.v… mỗi mỗi hành động đều trụ vào chỗ an ổn biết rõ như thật".

Luận nói: Giới và định thành tựu cho nhau. Như kinh Nguyệt Đăng Tam muội nói: "Nghĩa là công năng của giới nầy vốn thanh tịnh không cấu nhiễm, nhanh chóng đạt được pháp đẳng trì. Nhờ vào định hướng đến nhập vào thì giới tương ưng cũng hướng đến. Nhờ giới chánh niệm chánh tri nên đạt được định. Nhờ vào định nhất tâm nên đạt được giới thanh tịnh. Do vậy, định và giới thường thành tựu cho nhau". Kinh kia nói: "Trong công năng của thiền định được trụ vô hành cũng chẳng phải vô hành. Do hành tương ưng nên xa lìa cảnh giới vì không có cảnh giới mà không khởi tập nhiễm. Nhờ vậy mà thành tựu sự bí mật hộ trì căn môn".

Luận nói: Điều nầy nhờ vào sự tu tập thành tựu của tâm nên giới và định hai thứ hỗ tương nhau mà tăng trưởng. Vì thế người học hạnh Bồ-tát nầy thường làm lợi ích cho các chúng sanh, nghĩa là lấy sự thành tựu của tâm làm căn bản. Kinh Bảo Vân nói: "Đã biết rõ tất cả pháp đều nương vào tâm thì tâm là dẫn đường đi trước nên duyên khắp các pháp. Lại nữa, các tâm quyết định ở thế gian dùng tâm sở duyên mà không thấy, tâm sở ấy tức là khiến cho nghiệp trở nên thanh tịnh. Nếu đã thanh tịnh tức tâm không còn lưu chuyển. Tâm không lưu chuyển tức là tâm như ngọn lửa rực cháy hoặc như dòng nước chảy xiết. Như vậy, có thể quán sát tướng của tâm biến khắp nơi để được trụ vào chánh niệm. Nếu tâm không còn vướng mắc khắp chốn tức tâm được tự tại. Do tự tại nên ở trong tất cả pháp mà được tự tại". Lại nữa, Kinh Pháp Tập nói: "Nếu có pháp thì pháp ấy không có xứ sở cũng không có phương phần, chính là tự tâm, là chỗ tôn trọng pháp, gọi là pháp. Do vậy, ta đối với tự tâm thì khiêm nhường và cung kính, để kiến lập sự thù thắng vi diệu tuyệt đối. Nên biết phát khởi tự tâm để khéo nhiếp

thọ. Vì sao? Vì ở trong tâm hoặc có công đức lỗi lầm hoặc không có công đức lỗi lầm. Bồ-tát kia chính là có hai thứ tâm nầy. Do chỉ cầu thành tựu công đức mà không tạo ra lỗi lầm nên nói tâm như vậy chính là pháp đã tôn kính. Pháp đã tôn kính ấy tức là Bồ-đề. Bạch Thế Tôn! Con đối với pháp nầy khai diễn ra, thành tựu Chánh giác an ổn như vậy". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Đối với tự tâm kiến lập tất cả hạnh của Bồ-tát và kiến lập sự độ thoát tất cả chúng sanh. Nầy thiện nam tử! Ta đối với tự tâm đã trụ như vậy nên biết tự tâm đầy đủ tất cả thiện căn, thuận theo tự tâm mà làm thanh tịnh, địa Pháp Vân ở trong tự tâm kiên cố không có pháp chướng ngại". Lại như, Thiện Tài chuyên cần tu tinh tấn muốn gặp Ma-da phu nhân nên đến gặp vị thần giữ cổng tên Bảo Nhãn chỉ dạy lợi ích mà nói: "Thiện nam tử! Ông nên giữ gìn cái thành của tâm, nghĩa là xua đuổi, rời xa tất cả cảnh giới luân hồi sanh tử. Nên phải trang nghiêm cái thành của tâm, tức là chuyên hướng về mong cầu đạt được mười lực của Như Lai. Phải nên làm thanh tịnh cái thành của tâm, nghĩa là phải rốt ráo đoạn trừ tật đố, keo kiệt và luống dối. Nên tăng trưởng cái thành của tâm, nghĩa là phải làm tăng trưởng đại hạnh tinh tấn nhằm cầu đạt Nhất thiết trí. Nên phòng hộ cái thành của tâm nghĩa là đập tan vòng xoay của ma, chế ngự diệt trừ các ma phiền não và ác tri thức. Nên mở rộng thành của tâm, nghĩa là lấy đại từ phổ cập khắp thế gian. Nên che đậy cái thành của tâm, nghĩa là dùng pháp rộng lớn che chở, đối trị các pháp bất thiện. Nên bí mật giữ gìn cái thành của tâm, nghĩa là ngăn ngừa cái sở hữu trong ngoài của thế gian khiến không cho chúng xâm nhập vào. Nên trang hoàng cái thành của tâm nghĩa là phải xua đuổi các pháp bất thiện. Nầy thiện nam tử! Do Bồ-tát được cái thành trì tâm tu tập thanh tịnh như vậy nên có khả năng tích chứa tất cả thiện căn. Vì sao? Vì Bồ-tát có tâm tu thanh tịnh nên không có các chướng ngại. Nghĩa là trước mắt không bám trụ vào hoặc duyên thấy Phật hay duyên nghe pháp v.v…".

Luận nói: Do vậy, người học trụ ở Bồ-tát nầy, đối với tâm sở hành đạt được tâm tư duy bất động v.v…. Người đối với ngoại cảnh không lay động và không khởi vọng niệm bất chánh, nghĩa là với tâm loạn động kia hoặc đối với cảnh giới khác mà có duyên bám víu thì được thiền định đối trị. Nếu được chánh niệm chánh tri tức đối với ngoại cảnh không hề biến chuyển tâm. Sự tự tại nầy không có duyên nào bám víu. Nhẫn đến Bồ-tát an trú tâm như trước đã nói: Công dụng rộng lớn, khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích, giải thoát và tu tập pháp tịch tĩnh như vậy. Làm sao đạt được tất cả xứ? Do hy vọng từ từ thấm nhuần chứ không cần phải vội vàng cấp bách. Nên Bồ-tát an trú trong hành phước nầy mà không xả bỏ chúng sanh. Chỗ gọi không xả bỏ chúng sanh tức chính là sự tu hành của Bồ-tát. Như

kinh Pháp Tập nói: "Bồ-tát Hỷ Kiến bạch Phật: Thế Tôn! Bồ-tát vì có hạnh như vậy nên khi chúng sanh thấy đó liền sanh khởi ý vui vẻ, ưa thích. Tại sao? Thế Tôn! Vì Bồ-tát nầy ngoài việc không có gì tạo tác ra, chỉ là một việc hóa độ tất cả chúng sanh. Thế Tôn! Do vậy gọi là pháp tập của Bồ-tát".

Luận nói: Như vậy lại tạo ra lỗi lầm gì chăng? Vì khinh hủy chư Phật và thế gian nên đọa vào trong địa ngục bị lò lửa thiêu đốt che lấp mầm mống thiện và lửa dữ nung nấu. Do vậy phải cẩn thận chớ có khinh khi hủy hoại. Người tạo ra nghiệp báo nầy như trước đã nói. Kinh Bảo Vân nói: "Khinh hủy giới cấm, không sanh khởi nhất tâm tịnh tín thì xả bỏ các chúng sanh v.v…". Hơn nữa kinh kia lại nói: "Sao gọi là học xứ của Bồ-tát? Vì các Bồ-tát không hành phi xứ, lời nói đúng đắn biết thời và biết phương hướng. Nếu không như vậy thì không thể khiến chúng sanh phát khởi tịnh tín huống hồ hộ trì các chúng sanh và giữ gìn đạo hạnh oai nghi của bản thân mình để cầu đạt được sự lợi ích, đầy đủ hỷ lạc và điều hòa nhu nhuyến của Bồ-tát ở trong đời nầy đồng thời không có nhiều sự vướng mắc". Kinh Pháp Tập nói: "Nếu hộ trì giới cấm tức là hộ trì các chúng sanh, phải sợ hãi các phương kia. Nghĩa là đối với người nữ thì không nên cùng ở chung nơi kín đáo, người hộ trì thế gian chớ có dung túng cho việc làm đó. Nếu nước hay đất dùng cho việc đại, tiểu tiện, đàm dãi khạc nhổ bất tịnh mà lén đem đổ nơi vắng vẻ. Người có tâm làm lợi ích, hộ trì trời người chớ có dung túng cho việc làm đó". Vả lại, Kinh Chánh Pháp Niệm xứ nói: "Bồ-tát còn không dùng thức ăn thừa thải cho người. Nếu cố ý phung phí thừa thải thì sẽ đọa vào ngạ quỷ". Kinh Bồ-tát Biệt Giải Thoát nói: "Phải hướng về sự thanh tịnh không nên vứt bỏ ngay cả cây tăm xỉa răng trước mặt, cũng chớ khạc nhổ đàm dãi trước mắt người khác. Vì như vậy đối với người tôn trọng lễ nghi và hổ thẹn, thấy việc như trên đều trái với phạm hạnh". Kinh Tất Cánh nói: "Người tu phạm hạnh thấy điều ấy rồi thì luôn tâm niệm sợ mắc phải tội nặng kia". Lại như kinh ấy nói Bồ-tát không nên lớn tiếng vì cũng là trái với oai nghi phép tắc. Như kinh Phạm thiên Sở Vấn nói: "Nên biết Bồ-tát thí như người vợ mới". Lại nữa, trong kinh Bồ- Tát Biệt Giải Thoát nói: "Phải xa lìa người thế gian, không nên cùng họ vui làm mọi chuyện. Nghĩa là cho đến không ngậm đầy miệng thức ăn uống nhai nuốt kêu thành tiếng, cũng không nên ngồi duỗi chân ra và để lộ cánh tay trên".

Luận nói: Như vậy tự mình phải xa lìa mọi chuyện ấy. Người đã thấy nghe rồi không nên vui giữ gìn. Lại như thế xả bỏ lời nói không vui, cũng không cật vấn, mà suy nghĩ theo sự hiểu biết đối với nghĩa có thể thấy. Kinh Hải Ý nói: "Không nên nói lời yếu kém, không nói lời thô bạo, không

nói lời nói nóng giận, phải nói lời chân thật, không nói lời khinh miệt thuận theo tham, không nói lời thấp hèn, không nói lời che giấu, không nói lời họa hại nóng nảy, không nói lời loạn động, không nói lời hý luận, không đối diện nói lời tranh cãi". Trong kinh Như Lai Bí Mật nói: "Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát không nói lời yêu đắm, không nói lời bạo ác, không nói lời si loạn, không nói lời ô nhiễm, không nói lời hứa hẹn thiếu sót, không nói lời tự cao, không nói gây ly tán người khác, không nói lời tự tán thán công năng của bản thân, không nói lời phá hoại công năng của người khác, không nói lời không cứu độ, không nói lời tăng thượng mạn". Kinh Thập Địa cũng nói như vậy. Nếu phát ra lời nói làm vui quyến thuộc của mình và phá quyến thuộc của người khác thì phải đoạn trừ ngay. Bồ-tát nên phát ra lời nói nhu nhuyến hòa thuận với ý vui vẻ, lời nói tốt đẹp dễ thương khiến người khác thích nghe, tâm hành phải phân minh không có sai lệch, khiến người nghe thông đạt, có chỗ nương tựa và được nhiều người yêu mến hoan hỷ, bình đẳng khen ngợi làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh. Đối với quyến thuộc của mình và người ý thường vui vẻ cởi mở diệt trừ ba độc tham, sân, si và tất cả phiền não. Bồ-tát nên đối với các hành tướng như vậy mà phát khởi lời nói. Cho đến khi đối diện trước hết phải khởi sự vui cười hòa thuận nhằm trừ diệt tổn hại". Kinh Hư Không Tạng nói: "Vì lời nói của bậc tôn trưởng nên nghĩ suy tường tận, vì người khác nói nên lìa sự che giấu, phải ghi nhận tất cả lời nói như vậy". Kinh Pháp Tập nói: "Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng: Bồ-tát không nên phát khởi lời nói khiến người khác khởi sân não, không nên nói lời khiến người khác không có trí tuệ, không nên nói lời khiến người khác không có lợi ích, không nên nói lời khiến người khác phát khởi vô minh, không nên nói lời khiến chúng sanh phát khác khởi tâm không hoan hỷ, nghe chướng tai. Bồ-tát không nên tạo ra những lời nói như vậy". Kinh Hải Ý nói: "Lược nói, Bồ-tát đối với người khác không sanh tâm vui vẻ hộ trì thì bảo: Lại có một pháp nhiếp thọ Đại thừa, nghĩa là tự lầm lẫn thì thường tự quán sát. Đối với các chúng sanh tùy chỗ mà giữ gìn".

Luận nói: Sự hộ trì thân nầy tức là không gây não hại đối với người khác và như vậy người khác cũng không gây não hại mình. Đối với luận nầy tức là tích tập rộng lớn lợi ích của Bồ-tát nên biết phải giữ gìn ý như vậy. Nghĩa là an tĩnh, bất động, tôn trọng, tàm quý và lo ngại đối với sự tịch tĩnh của người khác, nhất tâm gần gũi và đối với chúng sanh thường tự tại, tịnh tín mọi sự v.v… hoặc biến hoặc hóa thì cũng giữ ý như vậy. Sự hộ trì thân kia sao không có thuốc thang, y phục và hai loại thuốc? Nghĩa là thuốc thường thọ dụng và thuốc thang để trị bệnh. Thuốc thường thọ dụng

nghĩa là như kinh Bảo Vân nói: " Người đi khất thực nên phân thức ăn có được thành bốn phần.

1. Một phần cho người đồng phạm hạnh.
2. Một phần bố thí cho người cực khổ.
3. Một phần bố thí cho ngạ quỉ và súc sanh.
4. Phần còn lại dành cho mình.

Tuy nhiên đối với việc ăn uống chớ có đam mê tham đắm. Cũng không cầu có được nhiều, chỉ cần đủ để nuôi dưỡng sắc lực của bản thân mà thôi. Việc ăn uống ấy cốt để thân không trở nên mỏi mệt không làm thân nặng nề. Vì sao? Vì người kia mỏi mệt thì đối với sự an lạc của phần pháp thiện nầy về sau mới được. Hoặc làm cho thân nặng nề, nhiều ngủ nghỉ. Nên biết người hành khất thực trước mắt thu hoạch được những phần thiện như thế". Kinh Bảo Tích nói: "Nếu Tỳ-kheo đi khất thực vào trong thành ấp, xóm làng nên phải lấy pháp trang nghiêm mà khất thực. Vì sao? Vì nếu thấy sắc đáng yêu hoặc không đáng yêu, không nên khởi ý thuận hoặc nghịch. Như vậy đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp, đáng yêu hoặc không, khi biết thấy rồi chớ nên khởi ý thuận hay nghịch, phải nhiếp hộ các căn, khiến không bị tán loạn. Trước hết phải quan sát, tìm tòi kỹ lưỡng luôn không bỏ tác ý tư duy theo pháp, không vì thức ăn che lấp tâm mà hành khất thực. Nếu được thức ăn thì không sanh đắm trước. Nếu không được thức ăn thì cũng không khởi tâm sân hận. Nếu đi đến mười nhà, hay hơn mười nhà mà không được thức ăn cũng không khởi tâm buồn rầu". Ngược lại phải phát tâm như vầy: "Các Trưởng giả và Bà-la-môn nầy do có nhiều việc phải làm nên không rảnh để bố thí thức ăn cho ta. Cho đến có lẽ họ chưa thọ dụng nó huống hồ bố thí cho ta. Như vậy, người đi khất thực chớ sanh tâm ưu não. Lại nữa, khi đi khất thực nếu thấy các chúng sanh hoặc nam hoặc nữ, đồng nam, Đồng nữ cho đến súc sanh thì phải khởi tâm từ bi thương xót. Nếu các chúng sanh thấy việc làm của ta và bố thí thức ăn cho ta thì đều được sanh lên cõi trời. Nếu được thức ăn hoặc ngon hoặc dở cũng phải thọ nhận và quán sát khắp bốn phương sau khi nhận lấy: Trong thành ấp nầy có nhiều người bần cùng, ta nên lấy thức ăn nầy phân chia cho họ. Nếu thấy có người nghèo khổ thì nên đem thức ăn mình có được tùy lượng mà phân chia. Nếu không thấy có người bần cùng ấy thì cũng phát tâm như vậy. Đem chỗ thấu suốt cảnh giới của ta mà quán sát các chúng sanh nên lấy thức ăn ngon có được nầy nguyện xin thí cho tất cả. Sau đó, cầm lấy thức ăn đi đến chỗ thanh vắng, rửa sạch tay chân theo hạnh Sa-môn đầy đủ nghi thức rồi an nhiên tĩnh toạ trong tư thế kiết già để ăn uống". Cho đến

muốn ăn phải khởi tác ý như vầy: "Trong thân nầy có tám vạn côn trùng cùng được ăn và đều được an ổn. Ta nay lấy thức ăn để nhiếp thọ các côn trùng. Nếu ta chứng được Bồ-đề thì sẽ dùng giáo pháp hóa độ chúng". Nếu không có đủ thức ăn thì phát tâm như vầy: "Nếu ăn ít thì khiến thân ta nhẹ nhàng được tiện lợi và đoạn trừ các xấu ác để thân tâm trở nên khinh an, đồng thời ít buồn ngủ". Nếu khất thực được nhiều thức ăn thì ăn đúng mức độ của mình rồi thực hành pháp xả thí. Đối với thức ăn khất thực được nên phát tâm nầy: "Chim thú đang cần thức ăn, ta phải bố thí cho chúng". Lại nữa, Tỳ-kheo đi khất thực đối với các mùi vị không nên sanh tưởng ngon lành. Cho đến như đứa trẻ Chiên-đà-la, phải nên làm thân tâm thanh tịnh chứ không phải làm tịnh thức ăn. Vì sao vậy? Vì thức ăn dù ngon cách mấy mà ăn rồi thì tất cả đều trở thành dơ bẩn bất tịnh. Do đó, ta nay không nên cầu có được thức ăn ngon. Cho đến không khởi tâm nầy: "Thức ăn nầy do người nam bố thí chứ chẳng phải người nữ. Thức ăn nầy do người nữ bố thí chứ chẳng phải người nam". Đối với đồng nam Đồng nữ cũng vậy. Lại nói: "Đây là thức ăn ngon chẳng phải thức ăn thô dở". Nếu đi vào trong làng xóm mà được sự cung kính cúng dường thì biết đó là nhà giàu có mới có nhiều thức ăn ngon như thế. Nếu đồng nam, Đồng nữ cúng dường các thức ăn ngon thì đó chẳng phải là thức ăn của nhà bần tiện. Như vậy chớ khởi tất cả sự tác ý bất thiện. cho đến nếu có chúng sanh chấp vào vị thức ăn mà tạo ra ác nghiệp thì đọa vào địa ngục. Ngược lại, nếu có người sống biết đủ không tham trước thức ăn ngon xả bỏ tế mà nhận thô thì thiệt căn vẫn vui vẻ đầy đủ. Nếu người biết điều tiết trong việc ăn uống thì sau khi chết được sanh lên cõi trời và trong loài người hoặc cõi thiện khác, ăn uống thức ăn ngon ngọt của trời người. Nầy Ca-diếp-ba! Như vậy, Tỳ-kheo đi khất thực nên xa lìa sự đắm trước mùi vị thức ăn và phải điều phục tâm mình. Nếu chỉ ăn đậu chín cũng không sanh tâm buồn rầu. Vì sao? Vì cầu thánh đạo nên lấy đó tạm nuôi sống bản thân mà ăn. Phật bảo: Ca-diếp-ba! Nếu Tỳ-kheo đi khất thực gặp lúc trời mưa nên không thể khất thực được thì phải trang nghiêm tư duy về pháp, lấy từ bi làm thức ăn rồi trụ trong tác ý ấy. Nếu hai hay ba đêm muốn đoạn thực thì nên khởi tưởng nầy: "Cõi Diêm-ma-la kia tất đọa vào ngạ quỷ. Vì tạo ác nên trải qua một trăm năm muốn ăn chút ít đàm dãi còn không được. Ta nay an trú trong giáo pháp sâu xa không nên phát khởi sự thiếu thốn hạ liệt của thân tâm huống hồ lại chuyên cần tu thánh đạo. Ta nay phải nên kham nhẫn sự đói khát như vậy". Lại lược nói: "Khiến cho người tại gia làm thức ăn thanh tịnh, trải sàng tòa mà ngồi lên đó vì họ để thuyết pháp yếu. Cho đến đối với thức ăn thanh tịnh ấy, khi thọ dụng rồi thì phải từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra đi". Nầy Ca-

diếp-ba! Tỳ-kheo hành khất thực không nên tự khoe khoang, dối trá nịnh hót. Sao gọi là dối trá nịnh hót? Nếu đối với người khác mà nói thức ăn nầy thô dở, hoặc không đủ, cho đến nắm giữ các thức ăn ấy, hoặc ăn ít khiến trở nên đói khát v.v… nếu có các hành tướng như vậy thì gọi là dối trá nịnh hót. Các Tỳ-kheo đi khất thực nên phải xả bỏ, sao gọi là chân thật? Nghĩa là thức ăn ở trong bát thì dù ngon hoặc dở, bất tịnh hay thanh tịnh thì đều nên phải ăn mà không khởi tâm buồn rầu, chỉ lấy pháp điều phục để nội tâm thanh tịnh và do trụ ở thánh đạo nên được thân mạng linh hoạt. Đối với việc đi khất thực thì như kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Nếu người gần gũi người khất thực thì đối với việc tự lợi và lợi tha đều được lợi ích tròn đầy tùy theo chỗ hiểu biết rõ ràng và sự khất thực kia tương ưng với lời nói của Bồ-tát. Như vậy cho đến không vì duy trì thân huyễn nầy mà phải như sự thọ nhận thuốc thang". Kinh Nhập Lăng già nói: "Đoạn trừ ăn thịt cá nghĩa là như nói Bồ-tát trì hạnh đại từ nên đối với tất cả thứ thịt đều không được ăn". Kinh kia lược nói kệ:

Quán chỗ đến của thịt
Máu mủ đều bất tịnh
Người tu hành tịnh hạnh
Phải xa lìa ăn thịt
Tất cả thịt và hành
Không uống các thứ rượu
Hẹ, tỏi, nén cũng vậy
Tu hành thường xa lìa
Loại giường nằm tốt đẹp
Và lìa các dầu thoa
Các chúng sanh ở hang
Trong đó rất kinh sợ
Vì lợi giết chúng sanh
Hoặc buôn bán hàng thịt
Hai loại tội nghiệp ấy
Chết đọa làm chim khiếu.

Hơn nữa, tổng lược nói:

Mùi hôi thật đáng ghét
Thường sanh trong đảo huyền
Và làm Chiên-đà-la
Hoặc săn bắn mổ giết
Sanh làm nữ La-sát
Ăn thịt các loài khác

Mèo, chồn, Dạ-xoa thảy
Người ấy sanh ở đó.

Luận nói: Nếu biết đủ thì như phẩm Đoạn Nhục nói: "Để thành tựu lợi ích rộng lớn kia nên nói không có lầm lỗi. Nếu Tỳ-kheo sống trong cõi Diêm-phù-đề khi sắp chết nói lời thiền định để thường khiến cho chúng sanh đoạn trừ việc ăn thịt cũng là chứng được thiền định ấy. Người thường tu đại bi thì không có lỗi lầm". Kinh Bảo Vân nói: "Nên biết không được ăn thịt tại nơi thanh vắng gò mả mà phải phát khởi tâm lợi ích cho chúng sanh như vậy". Như thấy trong Tỳ- nại-da nói: "Ăn ba loại thịt thanh tịnh, rốt ráo đều đoạn trừ, mà nhất tâm lìa bỏ để được thanh tịnh các kiến và đoạn trừ ngã mạn. Người thích tu phước thì dần dần phải dạy họ xa lìa việc ăn thịt". Kinh Nhập Lăng Già nói: "Vì người học kia mà đọc tụng giảng nói rồi dần dần hướng dẫn họ nương tựa bền vững vào chương cú vi diệu của kinh. Người tu hành kia lệ thuộc vào ba thứ: Ta vì người kia nói pháp khiến đoạn trừ tính ưa sát sanh nên gọi là thuốc thường thọ dụng. Còn thuốc trị bệnh như Tỳ-nại-da của Thanh văn nói: Ta vì lợi ích phạm hạnh mà bán y bát đổi lấy cháo để trị bệnh ở thân huống hồ vì cứu độ tất cả chúng sanh. Do vậy, Bồ-tát thấy thân nầy trong khoảnh khắc sát na thành tựu được phước thù thắng nầy. Thế Tôn! Do thấy rõ lợi ích nầy, nên chỉ dùng làm thuốc chữa bệnh thân, đối với người tu hành thì đó là cái thấy thù thắng". Kinh Bảo Vân nói: "Nếu đoạn trừ ba loại thức ăn thì khi ấy dù chân thật hay không chân thật đối với các hành tướng như vậy vì để trụ thân mạng, chớ giữ chớ ăn. Các thứ như váng sữa, dầu, rễ cây, hoa quả và nhựa cây v.v… nếu có thấy cũng khởi tâm đối trị mà không ăn. Nếu Bồ-tát khi mắc bệnh nặng thì được phép ăn. Nếu tật bệnh quá nặng khiến mạng căn muốn diệt mất thì chớ tạo ác nghiệp mà làm đoạn trừ phần pháp thiện kia. Không nên khởi si hoặc mà đoạn trừ tâm nầy và xem đó như thuốc trừ bệnh". Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Tham trước vào sự thọ dụng y áo thì sao gọi là Sa-môn? Sa-môn nghĩa là phải biết hổ thẹn, dùng y áo che thân chớ để lộ bày thân thể. Người đời, trời, A-tu-la v.v… khởi tưởng như tháp Phật, nên biết giống như giữ gìn tháp Phật. Nếu không khởi tu đối trị, lìa tham nhiễm khiến trở nên thanh tịnh thì tức là tăng trưởng phiền não, áo ca-sa hoại sắc bị lỗi đó. Do không tùy thuận ưa thích tu hành để trang nghiêm pháp phục nên ở trong pháp thiện mà trái lại làm các pháp ác. Áo Ca-sa nầy vì để cầu Thánh đạo, biết cách đối trị nên dù trong khoảng một sát na cũng phải thọ trì ở thân. Kinh Bảo Tích nói: "Phật bảo: Ca-diếp-ba! Nếu chỉ để trang sức cho thân mà không cẩn mật hộ trì thì hủy hoại công đức của Sa-môn. Pháp là áo ca-sa nầy. Tuy giữ gìn thân mà tâm không sanh tôn trọng

thì cũng không đem lại lợi ích. Lại nữa, Ca-diếp-ba! Sắc tướng như vậy gọi là tương tợ Sa-môn. Nếu không khởi tâm tôn trọng thì phải đọa vào địa ngục mặc áo sắt nóng, rồi phủ qua đầu, các ứng khí, tọa cụ đều bằng sắt nóng. Tất cả mọi sở hữu thọ dụng cá nhân đều bị lửa dữ thiêu đốt. Sắc tướng tương tợ Sa-môn ấy phải nhận chịu sự khổ sở như vậy". Kinh Bảo Vân nói: "Nếu Bồ-tát thân bị tật bệnh, cơ thể yếu ốm không thể trụ ở Tăng phòng nên ở chỗ đất trống phát khởi tâm như vầy: Công đức của Phật và tháp Như Lai vì chọn để đối trị phiền não, nên ta nay cũng làm. Còn nếu ở chỗ Tăng phòng để đoạn các phiền não thì đối với Tăng phòng không khởi tâm đắm trước, cũng không thỉnh cầu. Giả sử được người bố thí như vậy thì phải tùy chỗ mà nhận lãnh. Nên biết cũng chớ vì mình mà đòi hỏi cho đầy đủ". Kinh kia lại nói: "Khi nằm ngủ trải ngọa cụ ra rồi theo nghi thức nằm để hai chân thẳng xếp bên nhau, nghiêng hông về bên phải đồng thời lấy pháp phục che thân và tâm phải chánh niệm chánh tri, khởi tưởng sáng, không đắm vào sự ngủ nghỉ cho là vui, hoặc chấp vào hông nầy hông kia và các phần khác của cơ thể làm niềm vui. Cho đến đối với bốn đại trong thân phải biết cách điều hòa hơi thở. Tất cả thọ dụng ở nơi chốn kia được thiết lập đều phải vì lợi ích chúng sanh. Nếu ta yêu thích thọ dụng thì sanh lỗi lầm chán ngán". Như kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: "Nếu được các thức ăn ngon ngọt, mát dịu kia thì đó chẳng phải tương ưng với giải thoát. Nghĩa là nếu có được thức ăn ấy phải nghĩ rằng đó là hệ phược, như con voi nằm xuống chẳng phải đi quanh tháp". Kinh Bảo Tích nói: "Lại nữa, Thế Tôn! Đây nói về sự thọ dụng của tín thí. Bấy giờ trong chúng có Tỳ-kheo xa lìa ách nạn đối với pháp luật nầy, nghe rồi liền khóc thương xót mà nói: Thế Tôn! Con nay thà chết chứ không đắc quả cũng không thọ dụng thức ăn của tín thí. Phật bảo: Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông đã nói lên hành tướng thanh tịnh như vậy khiến cho người đời sau đối với tội ác sanh xấu hổ và sợ hãi. Phật bảo Ca-diếp-ba! Ta biết tín thí có hai loại gọi là giải thoát. Những gì là hai? Nếu Tỳ-kheo xa lìa ách nạn và Tỳ-kheo khác học theo giáo pháp của Ta mà biết được các hành là vô thường, nhận lãnh các thọ là khổ, tin hiểu các pháp vô ngã mà cầu Niết-bàn tịch tĩnh thì giả sử có thọ dụng của tín thí bằng núi Tu-di và các vật thí khác cũng được rốt ráo thanh tịnh. Nếu thọ nhận vật của thí chủ và thức ăn của tín thí mà đầy đủ chánh đại quang minh thì được phước lớn. Vì sao? Vì diệt trừ các tăng thượng mạn, keo bẩn, tham lam khiến họ tạo việc phước, đó chính là từ tâm Tam-ma-bát-đề. Nếu Tỳ-kheo thọ nhận sự bố thí cơm áo của thí chủ rồi lại suy nghĩ nhập vô lượng Tam-ma-địa khiến thí chủ kia đối với sự bố thí tạo phước cầu quả báo tốt cũng được vô lượng thì nầy Ca-

diếp-ba! Giả sử biển lớn trong ba ngàn đại thiên thế giới có cạn hết nước nhưng sự tu phước ấy không bao giờ cùng tận".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 9

Phẩm 6: HỘ THÂN

Phần 2

Như vậy, người đi khất thực đối với vật bố thí nên khởi lên ba niệm trụ. Nghĩa là thương các côn trùng ở trong thân mình mà thành tựu lợi ích cho tất cả chúng sanh và nhiếp thọ chánh pháp. Lại phải theo sự giáo hóa của Như Lai mà mọi việc làm đều phải giữ chánh niệm. Ban đầu nên lấy âm thanh của "Chân ngôn" làm cơ sở để thủ hộ và đối với tam muội vương đế lý nói minh chú Mạn-noa-la để làm lợi ích. Nay nói chú: "***Na mô tát lý chuyên một đà mạo đề tát chùy nam án vĩ la nhạ vĩ la nhạ ma ha chuyên nhĩ lý tát đa bà la đế bà la đế đát la dĩ đát la dĩ vĩ đà mạt đế tam bán nhạ nhĩ đa la mạt đế tất đà khất lý đát thuốc tát chuyên ha". Nếu tụng chú nầy thì đạt được tất cả mạn-noa-la hoặc được tám vạn biến tâm niệm của Như Lai. Sao gọi là tất cả? Nghĩa là mạn-noa-la tối thượng trong thế gian và xuất thế gian tất có khả năng thâm nhập. Lại nói chân ngôn: "Ma mạc tất đế lý dã đề vĩ ca nam đát đà nga đa nam tát lý chuyên bát đế đạt lý ma đa mạt lăng na ha tam ma tam ma tam mãn đa bộ nan đát đa chuyên bát đế xá tát nhĩ hát la hát la tam ma la tam ma noa vĩ đôn đa la nga một đà đạt lý ma đế tát la tát la tát ma mạt la hát bà hát bà đát la dã đát la dã nga nga na ma ha chuyên lạc xoa nê nhập chuyên la na bà bôn lý tát chuyên ha***".

Nên biết đây là tất cả thân của Như Lai rất là tôn quý không ai có thể sánh bằng. Người bắt đầu tu hành, đối với Phật, chúng sanh, khi tu tập vô lượng pháp môn, thì các ma cùng khởi các sự xấu ác, nên phải dùng sự tối thượng như vậy để gìn giữ. Nghĩa là hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng tro, hạt cải trắng hay nước sạch v.v... tùy ý mà kiết giới. Lại nữa, nếu có các bệnh tật thì dùng chân ngôn gia trì vào nước thuốc để trị liệu. Hoặc trong rừng, dùng hoa cô-tô-ma đối trước tháp miếu, ảnh tượng và kinh điển của Phật để cúng dường đồng thời quán duyên Phật và Bồ-tát v.v… với tâm ưa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh thì bệnh nặng ấy, chắc chắn được Dược-

xoa chữa trị mà vì nói pháp giải thoát. Lại nữa, trước hết nên niệm tu tập hạnh Phổ hiền, đối với nghi thức nầy nên phải thuần tín. Nghĩa là phải chuyên tâm trì niệm "Tam muội để lý" nầy. Giả sử không tắm gội súc miệng sạch sẽ và không thanh tịnh hoặc ăn cá thịt đều không có lỗi lầm. Tuy nhiên, nếu tác ấn khế hợp với chân ngôn thì không được ăn, không được trái với bản nguyện, cũng không nên cùng người khác đồng nằm chung giường, không nên nhảy nhót. Đối với học hạnh tín giải nầy không có khuynh động cũng chớ nghi hoặc. Nếu trước có phá giới nầy thì nay cũng thành tựu, dù có trí hay không có trí nhất định cũng thành. Lại như có thuyết nói: "Nếu tâm Bồ-đề kiên cố thì đạt được sự chú ý chuyên nhất và xa lìa nghi hoặc nầy đồng thời rốt ráo thành tựu".

Luận nói: Người có tâm Bồ-đề thì kiên cố, nhất định thuyết chân ngôn để làm lợi ích cho các hàng phàm phu v.v… khiến cho tâm không thoái lui, mà tùy thuận theo các địa chưa vào. Nói lên như vậy là muốn đạt được sự trì giữ ánh sáng ban đầu đi vào nơi rất tối tăm, để chiếu soi thật rõ. Lại nếu mong cầu thành tựu thì sao gọi là phước thâm diệu? Vì vui với sự thành tựu nầy tức là xa lìa tâm biếng trễ, như vậy đi vào Thánh địa, tích tập vô lượng phước, siêu vượt các đường ác và không bị chìm đắm. Trước tiên nói phạm lỗi lầm: Hoặc không có chân ngôn mà niệm tụng và không biết văn tự tăng giảm, thì việc nầy không lầm lỗi. Giả thiết nếu có tăng giảm sai, quên thứ tự đều không có lỗi, huống hồ tin vào tâm Bồ-đề xả bỏ tự lợi, sự tạo tác theo tính toán, tìm tòi quán sát mà biến chuyển thì quyết định được thấy chư Phật, Bồ-tát v.v… để đạt đến sự thành tựu nầy thì dùng chân ngôn Chấp kim cang nầy để gìn giữ phòng hộ. Chân ngôn nói: "***Na mô tất đế lý dã thể vĩ ca nam tát đa nga đa nam tát lý chuyên chuyên nhạ la đạt la noãn tán noa tán noa mạt la mạt la chuyên nại la chuyên nại la phiến đa na phiến đa na pha la pha la chuyên la chuyên la ma la noa ma la noa chuyên la chuyên la ma la noa ma la noa chuyên nhạ la nại la tả tát phổ tra la lệ đa thi kha la tam mãn đa chuyên nhạ lý ni nhập chuyên la nhập chuyên la na mô tốt đổ a nguyên lỗ nga la xá tát na nam la noa la noa hổ la hổ pha la tát phát chuyên tổ lổ đổ di tát chuyên kha***".

Nếu tụng chú nầy thì trong khoảnh khắc một sát-na các thế lực gây chướng ngại như: Tần-na-dạ-ca-đều bỏ chạy tán loạn, các trời, rồng v.v… đều đem thức ăn, y phục, ngọa cụ phụng sự cúng dường. Cho đến gia trì chân ngôn nầy vào nước sạch, hoặc tùy chỗ thấy mà gìn giữ.

Lại nữa, đối với tất cả việc làm, nên tụng chú Bất động Tôn Minh Vương Tâm nầy. Chân ngôn nói: "***Na mô tam mãn đa chuyên nhạ la noãn***

đát la tra a mô khiếp tán noa ma kha lỗ sắt noa tát phổ tra dã hồng đát la tra hạ hàm úm mạt lãng nại nỉ đế nha ma lệ nhĩ tát chuyển hạ".

Nếu khi bắt đầu ăn thì nên tụng chú nầy từ một đến bảy lần rồi mới ăn uống. Đức Phật Dược Vương và chúng Bồ-tát tùy theo chỗ niệm để diệt trừ các loại độc hại. Tụng niệm chân ngôn: "***Đát ninh đà y lệ mật đế để lệ mật đế y để lệ mật đế nổ nhị nổ chuyên lê duệ đát lý kế đát lý cát cát la nị ma ma lý nhị ma lý ma la nị cát tất di lý cát tất di la mục cật để a khư nhĩ a khư na a khư nhĩ y lệ y lê duệ a kha dĩ duệ a phiên y duệ vĩ để tất vĩ đa đôn nị a na nổ la sất tát chuyên ha***".

Lại nữa, nếu nghe được minh chú nầy thì trong bảy năm không bị rắn và trùng độc hại đến thân. Giả thiết nếu rắn độc có đến thì đầu nó sẽ bị vỡ làm bảy phần như nhánh cây hoa lan. Nếu trì chú nầy cho đến khi chết nhất định không bao giờ bị rắn độc xâm phạm đến thân. Nên biết câu chân ngôn nầy chớ có niệm trước con rắn độc. Vì sao vậy? Vì sợ nó chết tức thời. Chân ngôn: "***Đát ninh, đà y la tức la tá cô chuyên cô nỉ cô ni để nhĩ cô lỗ nan nhĩ cô lỗ ni để bố noa bố ni để bổ lổ noa nhĩ cô lỗ ni để bố noa bố ni để bổ lổ noa bổ lổ ni để phổ tra la tứ phổ tra trán noa la tứ na bôn la tứ na bôn tra trán noa lạc tứ tát lý ba lạc tứ tát lý ba tra trán noa lạc tứ khát thiết nại lệ vĩ thỉ thức để thức đa chuyên đa lệ hát la lý hát la lý thiện ni thiện ni đát nỉ đát nỉ đa nị đa nị mạt la mạt la tát phổ tra tát phổ phát tra phát tra tát chuyên tra y để tứ mạc xoa vô cửu ngô khiêm vĩ ninh diễm la tất đa điểu nại hát lý đa diểm tát lý chuyên phổ đa tam ma bôn nhị tát lý xĩ đát đà a na đát đà phổ đam tát sam a vĩ bát lê đam a vĩ bát lý dã tát đam y nại vĩ sa ma ni trân bà chuyên đổ năng nhị tra la lam bôn lê đổ a khuất nhĩ bôn lê đỗ năng nhi tra la lam bôn lê đỗ a khuất nhĩ bôn lê đỗ nhạ lam bôn lê đổ tát đam phùng bôn lê đỗ cô tra dã bôn lê đổ phổ danh bôn lê đỗ phiên tra bôn lê đỗ tát chuyên***".

Lại nữa, nếu bị giặc cướp xâm hại thì phải tụng chú Ma-lợi-chi. Chú: "***Đát ninh đà a lý ca tỷ ma lý ca ma lý ca ma tỷ chuyên na ma tỷ át đa lý đa na ma tỷ bát thể nhị la xoa điểu đát ba thể nhị la xoa điểu đát ba thể nhị la xoa nhạ na đô nhị la xoa la nhạ đô nhị lạc xoa tô la đô nhị lạc xoa tinh hạ đô nhị lạc xoa dương khát la đô nhị lạc xoa na bôn đô nhị lạc xoa tát lý ba đô nhị đạt xoa tát lý chuyên đô nhị lạc xoa lạc xoa hàm tát lý chuyên bà duệ tỳ dược tát lý vũ ba nại la mỗi bát tát lý ngô phiên dã tế tỳ dược tát chuyên a úm chuyên để lệ chuyên để lệ tát lý chuyên nạp sắt tra nam ngật lãm ô mãn đà nhị tát chuyên ha na mô la đát na dạ dã na mô ma ma lý tiệt nhĩ chuyên đa dị ma lý sái nhĩ chuyên đa dã hột lý nại***

diễm ma chuyên lý đa duệ xoa nhị đát ninh đà chuyên đa lệ chuyên nại lê chuyên la lệ chuyên la lệ chuyên la ha mục khiết tát lý chuyên nạp sắt tra nam mãn đà mục khan tát chuyên ha".

Do niệm chú nầy nên được phát xuất vô lượng thần lực công đức oai quang. Lại nữa, có năm mươi bảy chữ thuộc về tạng trì minh, đối với sự sợ hãi đều có thể thủ hộ và làm lợi ích. Chú: "***Đát ninh đà khát chi mạt na chi cô na chi tra chỉ sá ka chỉ sá la chỉ điểu lổ mạt để lổ lổ mạt để đổ lổ tú lệ nhị lệ tát lý chuyên nhi dã nổ ba nại nga nga na mô tát lý chuyên tam ma tam một đà thuân tất bàn đô di mãn đát la bát nại tát chuyên ha***".

Luận nói: Người hộ trì thân nầy tức lấy thuốc thang y phục v.v... mà làm lợi ích cho chúng sanh, trước đã làm như vậy, tức là đã chấp trước vào sự thọ dụng mà khởi tội ô nhiễm. Do đó Bồ-tát đối với các chúng sanh phải xả bỏ tất cả. Lại nữa, nếu không mong cầu vật của người khác thì khi có những sở hữu của riêng mình lại không vui đắm trước, thì chỉ vì ăn uống mà khởi tội ô nhiễm. Tuy không nhớ nghĩ về ăn uống nhưng đối với sự việc của chúng sanh hoặc không vui thích, nghĩa là đối với việc ăn uống nghĩ là vật của người khác nên không mắc tội ô nhiễm. Tuy nhiên, nếu chỉ làm vì tự lợi thì mắc đủ thứ tội, theo biệt giải thoát là phạm tội Ba-la-di. Lại nữa, nếu nói chỗ thọ dụng nầy tức là vật của một cúng sanh kia làm chủ, chúng sanh nầy làm chủ v.v... thì việc hộ thân như vậy đều là lỗi lầm. Chẳng phải như nô bộc thường phục dịch và chịu sự sai khiến của một người chủ, mà nên vật sở hữu của mình cũng chính là vật sở hữu của người kia. Nhưng Kinh Pháp Tập nói: "Bồ-tát ví như người nô bộc nên phải thay thế tất cả chúng sanh mà tùy nhu cầu của họ để hành sự".

Luận nói: Chẳng phải nói đối với một người chủ, là người kia làm việc lợi tha, giả sử người nô bộc trẻ bị bệnh tật v.v... người chủ không la mắng mà trước hết đem cơm cho ăn để trừ các bệnh não thì không có lỗi chăng? Bồ-tát tu tập như vậy nếu tạo ra sự thân cận các sở hữu cá nhân thì không biết rõ sự việc nầy. Nếu tâm hiểu rõ hạnh lý thanh tịnh, tu tập pháp xả rộng lớn, như vậy ở lý nầy chớ nên nghi hoặc mà phải xả bỏ tất cả. Như trước Phật nói phải chuẩn bị tâm lý kỹ càng. Người hộ trì thân nầy làm lợi ích cho chúng sanh phải biết rõ nghĩa ấy, phải như lý mà khai thị khiến không quên mất.

Phẩm 7: HỘ THỌ DỤNG PHƯỚC

Phần 1

Như vậy nên biết việc hộ thân đã giải thích xong. Còn việc thọ trì sự

thọ dụng nay tiếp tục nói. Lại nữa, khởi tâm tu tập và tạo thiện thì ở trong đó phải lấy trí tuệ quan sát. Các học xứ hộ trì sự thọ dụng nầy không phải trở thành chướng nạn. Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Học xứ nầy tức ở trong cái thấy bình đẳng mà khéo tu tập. Nếu khéo tu tập pháp thiện thì có thể quán chân thật mà xả bỏ các thọ dụng".

Luận nói: Pháp Xa-ma-tha nầy dung chứa cả thời gian sau. Tuy nhiên đối với lý nầy phải hiểu rõ như thuyết đã nói nhằm đạt được sự thành tựu nầy. Nghĩa là phải tiết chế sự thọ dụng, đối với sự ấy thành tựu chân thật, thì tự nhiên đối với sự thọ dụng rộng lớn khác, tuy có tổn hại mà năng xả bỏ, ngoài ra không có sự gì khác. Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Đối với thê thiếp nô bộc tạo nghiệp làm người sai khiến, đó chính là đã thọ dụng. Nếu mình hoặc người khác nghe phần pháp Bồ-đề mà đoạn các sự tạo tác nầy, sự việc là có thể xả bỏ hay không thể xả bỏ, ngoài ra không có việc gì khác đối với lợi ích chúng sanh có thể so sánh với việc xả bỏ nầy. Cho đến Bồ-tát vốn rất khéo léo cân nhắc đoạn việc làm ác nầy, có thể xả bỏ hay không thể xả bỏ, ngoài ra không có việc gì khác. Việc nầy phải được sự thành tựu. Còn đối với người nghi ngờ việc nầy thì trong Kinh Biệt Giải Thoát Bồ Tát cũng nói như vầy: "Lại nữa, Xá-lợi-tử! Nếu Bồ-tát xuất gia cầu pháp Bồ-đề phần thì nên biết là nói bố thí. Sao gọi là bố thí? Nghĩa là phải dùng sắc thí cho đến pháp thí. Làm pháp thí tức là, Xá-lợi-tử! Nếu Bồ-tát tại gia dùng bảy báu đầy ắp hằng ha sa cõi Phật để cúng dường Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác và nếu Bồ-tát xuất gia chỉ lấy một bài kệ bốn câu rồi như thuyết mà tu hành cho đến vì người mà giảng nói thì phước nầy thù thắng hơn phước kia. Lại nữa, Xá-lợi-tử! Đâu phải các Như Lai nói người xuất gia thì không có tài thí! Nầy Xá-lợi-tử! Nếu đi khất thực được đầy bát hoặc các vật khác thì nên phân chia thực phẩm ấy cho bậc đồng phạm hạnh. Lại nữa, người kia đến xin y hoặc bát thì nên như chỗ Phật nói phải luôn có ba y mà tùy đó để xả cho. Lại nếu thiếu khuyết ba y nầy và vì nương tựa trụ phạm hạnh thanh tịnh thì không nên xả cho. Vì sao? Vì Như Lai hoàn toàn không nói bố thí ba y nầy. Xá-lợi-tử! Khi Bồ-tát xuất gia bố thí ba y cho người xin kia, nhưng không nên thiếu sự thân cận Tôn sư. Lại nữa, Xá-lợi-tử! Bồ-tát xuất gia chỉ nên vì pháp mà thân cận. Người kia có sở cầu Bồ-tát phải biết thâu nhận, chỉ một chúng sanh đủ mà phải làm lợi ích cho nhiều chúng sanh. Do vậy Bồ-tát đối với chúng sanh phải phát khởi tâm sâu xa. Nếu diệt mất lợi ích lớn thì đoạn trừ các việc thiện. Nói như thế tức là trong một sát-na có thể xa lìa các phần pháp thiện lớn lao. Cho đến dù xả bỏ hoặc không xả bỏ". Như Kinh Hải Ý nói: "Người hành Đại thừa đoạn trừ tất cả tài lợi cho đến ta quyết định nói: Bồ-tát thành tựu, như thế

và do đâu hướng vào? Nói rộng như Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói".

Luận nói: Nếu nói vì sự tu tập của người khác mà xả bỏ sự việc của mình thì như Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết nói: "Hỏi: Nầy Duy Ma Cật! Đối với sự sanh tử sợ hãi thì phải dựa vào đâu? Đáp: Văn-thù- sư-lợi! Bồ-tát ở trong sanh tử sợ hãi phải nương vào lực công đức của Như Lai. Hỏi: Muốn nương tựa vào lực công đức của Như Lai phải trụ vào đâu? Đáp: Muốn nương tựa vào lực công đức của Như Lai thì phải nương tựa vào tất cả chúng sanh mà trụ ở. Hỏi: Muốn nương tựa vào chỗ trụ của tất cả chúng sanh thì phải nương tựa ở chỗ nào? Đáp: Nên trụ vào sự giải thoát cho tất cả chúng sanh". Lại nữa, kinh Pháp Tập nói: "Bồ-tát Thương Chủ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thích muốn Bồ-đề thì trước hết phải vì tất cả chúng sanh, không vì việc bản thân cho đến Thế Tôn. Đây gọi là pháp tập mà quên đi sự việc của cá nhân mình. Đây gọi là pháp tập".

Luận nói: Xả bỏ việc nầy tức thành tự lợi. Hỏi: Vì cớ gì giảm mất sự lợi ích cho chúng sanh? Nghĩa là ôm lòng lo sợ, không vì chúng sanh mà gánh vác trọng trách. Do giảm mất nên không quán xét việc lợi ích cho người người khác, mà chỉ ở trong thế gian tu hành tự lợi. Lại có gì sai biệt? Nghĩa là hoặc Bồ-tát không xả bỏ đức tự thân để thành tựu pháp thiện của người khác, hoặc sợ ác đạo, tự thọ khổ não, đó là hai loại. Đó là khổ mà ta phải thọ nhận nên không xả, như kinh nói. Hoặc phải nhận tội báo nặng như kinh Bảo Tích nói: "Phật bảo: Ca-diếp-ba! Có bốn thứ pháp gọi là tương tợ với Bồ-tát. Đó là chỉ cầu an tự lợi mà không cứu giúp chúng sanh khổ não v.v... ". Lại kinh Tối Thắng Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Nếu nói trước không có ngã chấp thì chính là học xứ của Bồ-tát". Kinh Pháp Tập nói: "Trưởng lão Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát không có gì gọi là phát tâm. Nầy thiện nam tử! Bồ-tát nên trụ như thế nào? Đáp: Nên vì chúng sanh mà không xả chánh hạnh. Hỏi: Sao gọi là vì các chúng sanh mà không lìa chánh hạnh? Đáp: Nghĩa là không xả bỏ tâm đại từ và đại bi. Sao gọi là đại từ của Bồ-tát? Đáp: Nghĩa là đem thân mạng và các căn bản thiện bố thí cho tất cả chúng sanh mà không mong cầu báo đáp. Lại hỏi: Sao gọi là đại bi của Bồ- tát? Đáp: Nếu Bồ-tát ưa muốn Bồ-đề thì trước hết phải làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mà không tự thủ chứng". Kinh kia lại nói: "Tất cả các học xứ nầy của Bồ-tát lấy đại bi làm căn bản". Đức Thế Tôn hoàn toàn khiến cho Bồ-tát không đoạn trừ sự lợi tha, tức là nghĩa của Bồ- tát. Do vậy chẳng phải quyết định cứu cánh, tức là ở trong đó ta phải quán sát biển phước lớn để bố thí nghĩa lợi lớn, chứ chẳng phải quyết định chỉ một hướng trái hại sự sanh diệt. Lại nữa, kinh Quyết Định Tịch Tĩnh Thần Biến nói: "Xưa kia có một vị Tỳ-kheo trải qua một ngàn năm nhập diệt tận định. Do duyên nầy

nên có các Tỳ-kheo đọc tụng kinh điển, cầu hạnh Bồ-tát, tôn trọng pháp và muốn thọ nhận thức ăn của tín thí mà phát tâm như vầy: Ta vì cầu pháp nên lấy thiện căn nầy làm pháp xả thí. Do đó dù có được trăm tiền Ca-la-nổ-câu để vào các sự diệu lạc v.v… thứ tự như trước cũng nói không có lỗi lầm. Hoặc đều nói là vì hộ trì phước mà thọ dụng".

Luận nói: Lại nữa, đối với việc giữ gìn thanh tịnh quả báo tự lợi rộng lớn thì như kinh Na La Diên Sở Vấn nói: "Người giữ gìn giới chẳng phải vì muốn làm vua, chẳng phải vì muốn sanh lên trời, chẳng phải vì làm Thước-ca-la, chẳng phải vì việc thọ dụng, chẳng phải vì giàu sang, chẳng phải vì để hiển thị sắc, chẳng phải vì để được khen ngợi. Cho đến người giữ gìn giới không sợ hãi vào địa ngục hay súc sanh và Diễm-ma- la. Nói chung, người giữ gìn giới, chỉ trừ người trụ vào Phật nhãn, còn lại đều vì tương ưng với ý nghĩa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Các hành tướng như vậy của giới uẩn Bồ-tát được đầy đủ thì mười loại pháp không giảm mất. Những gì là mười? Đó là được làm Chuyển luân vương không giảm mất, cầu Phật Bồ-đề cũng không tạp loạn, đắc Thước-ca-la cũng không giảm mất, nguyện thấy chư Phật được không chướng nạn, làm Phạm Thiên vương cũng không giảm mất, lắng nghe diệu pháp mà không thoái đọa. Cho đến như kinh pháp đã nghe và đọc tụng đầy đủ hạnh Bồ-tát đều không có giảm mất, đối với các pháp thiện không đoạn biện tài và cầu thiền định sâu xa không giảm mất. Nhẫn đến Bồ-tát trụ vào giới uẩn như vậy được sự kính lễ của tất cả mọi loài trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v… thường đến cúng dường ca ngợi cung kính và tán thán. Cũng được vua rồng, A-tu-la vương v.v… tôn trọng, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ gần gũi và được các bậc trí khen ngợi, đặc biệt được Phật tán thán, được sự thương yêu của hàng trời, người và tất cả chúng sanh, cho đến không hành bốn thứ hạnh chỉ trừ việc hóa độ chúng sanh. Những gì là bốn?

1. Không hành hạnh vô tướng.

2. Không hành không cõi của chư Phật.

3. Không hành sanh ở nhà tà kiến.

4. Không hành đọa các đường ác.

Luận nói: Như trước là vốn xả bỏ lực phiền não và kiêu mạn kia, giữ gìn phước báo cũng lại hành bố thí. Tuy nhiên, đối với phước nầy tự mình không mong cầu báo đáp mà muốn giữ gìn chỉ vì lợi tha, về sau không sanh hối hận. Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Nếu bố thì rồi mà tâm ngay lúc ấy giả sử không sanh hối, nhưng lại đeo đuổi tâm kia đến sau khiến lo buồn, hoặc không lo buồn v.v… đều gọi là hối hận lại tức làm giảm phước

báo và khiến tội tăng trưởng. Nếu không phát lồ trước Phật mà che giấu thì ngược lại việc thiện kia trở thành tánh tội. Nếu đối với tội não kia mà biết phát lồ trừ bỏ thì do vậy mà không có tội và được phước báo".

Luận nói: Làm lợi ích chúng sanh là không đem tâm tài lợi mà phát lồ sám hối. Kinh Bảo Vân nói: "Giống như thầy thuốc giỏi tự khen ngợi y đức của mình là không bị sai lầm. Lại nói, muốn giữ gìn phước thì đối với danh dự lợi dưỡng, Bồ-tát thường phải xa lìa, tự đề cao và phải dùng pháp thanh tịnh xả bỏ sự ngu si ám độn".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 10

Phẩm 7: HỘ THỌ DỤNG PHƯỚC

Phần 2

Kinh Bảo Tích nói: "Phật bảo Ca-diếp-ba: Nếu Bồ-tát đầy đủ bốn pháp nầy thì pháp thiện chưa sanh sẽ khiến cho hủy mất, pháp thiện đã sanh thì không làm cho tăng trưởng. Những gì là bốn pháp? Đó là: Đối với thế gian đắm sâu quá mạn, khéo cấu tạo ngôn từ, đam mê lợi dưỡng, thích quán xét chủng tánh, không ưa khen ngợi Bồ-tát, đối với Khế kinh chưa nói, chưa nghe nhưng lại thường sanh hủy báng". Trong Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ nói: "Như vậy, đối với các tóc lông, móng tay, tháp và phần thân của Phật khi thấy rồi phải tịnh tín phát khởi tâm cung kính, phải xem như Đại đức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni v.v… Từ mặt đất nầy trở xuống bốn vạn tám ngàn du-thiện-na đến cõi Kim luân, Tỳ- kheo ấy có biết bao nhiêu hằng hà sa số gấp cả ngàn lần phước báu của Chuyển luân vương hưởng thụ. Trưởng lão Ưu-ba-ly hướng đến trước Như Lai chắp tay thưa: "Thế Tôn! Nếu chỗ Phật nói là thiện căn của Tỳ-kheo thì quả thật là rộng lớn. Thế Tôn! Làm sao có được thiện căn nầy? Phật dạy: Ông đối với điều nầy còn có thể bị tan diệt. Ưu-ba-ly! Nghĩa là nhẫn chịu đối với sự động loạn nầy mà tùy sự thấy kia, như phạm hạnh kia gần gũi phạm hạnh nầy. Ưu-ba-ly! Do thiện căn nầy mà người gần gũi cũng được rộng lớn. Tuy nhiên, ông đối với điều nầy còn có thể bị tan diệt. Ưu-ba-ly! Do đó phải nên học như vậy. Lại như đem củi chất đống lại mà thiêu đốt, tâm có thể không tán hoại, huống hồ là thức thân v.v…". Kinh Văn-thù Thần Biến nói: "Gọi là đối hại, nghĩa là trong trăm kiếp tu tập tích lũy pháp thiện ấy khiến có cái giảm mất nên nói là đối hại". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Rộng cứu độ chúng sanh với diệu đức trong suốt đêm ngày như trước đã nói".

Luận nói: Nếu ở trong thời gian nầy mà phỉ báng nhau thì làm tăng trưởng nguồn gốc bất thiện, làm giảm mất tuổi thọ, sắc lực an ổn đều bị giảm thiểu không có phần ít làm lợi ích và chỉ tìm cầu danh dự lợi dưỡng đồng thời tạo ra sự ngạo mạn". Kinh Bảo Vân nói: "Phật bảo: Thiện nam

tử! Nếu Bồ-tát được vô lượng trân bảo như núi Tu Di hoặc được những vật tệ lậu thì cũng phải nhận lấy các vật ấy.

Vì sao? Vì Bồ-tát tư duy như vầy: Do chúng sanh nầy keo bẩn, ganh ghét, tham lam mà luyến tiếc vật của mình và người khác nên thường tranh cãi. Do nhân duyên nầy mà chìm đắm trong biển sanh tử. Ta muốn người kia trong đêm dài có lợi ích an vui nên thọ nhận vật thí của họ. Tuy nhiên hoàn toàn không thể làm sở hữu cho riêng mình, cũng không khởi tâm chấp trước mà chỉ vì cúng dường Phật, Pháp, Tăng cũng lại chuyển bố thí cho tất cả chúng sanh khiến người nghèo khổ được nuôi sống thân mạng, kẻ bố thí được sanh tâm hoan hỷ đầy đủ như thuyết kia và đạt được sự bố thí không kiêu mạn". Kinh kia lại nói: "Giả sử có người đến vì ca ngợi nhân duyên bố thí, thì người nầy không sanh tâm cao ngạo, cho đến không có kiêu mạn. Lại nếu ca ngợi tán thán ta, thì khi khởi tâm cao ngạo liền diệt ngay không đợi lâu. Lại giả sử ở trong ba thời, xứ ca tụng tán thán thì phải sanh khởi trí nào? Nghĩa là biết các pháp vô thường, vô trụ, vô cường, vô lực khiến tâm hạ thấp chớ sanh cao ngạo, cho đến không có kiêu mạn. Như vậy Bồ-tát đối với các việc danh dự, lợi dưỡng, ca tụng, tán thán v.v… đều phải trụ ở chánh niệm". Kinh kia lại nói: "Giống như gã Chiên-đà-la đi khắp thế gian với ý hạ thấp mà được lìa kiêu mạn, tùy nơi ở mà sanh khởi tưởng xin ăn". Lại như kinh kia nói: "Thiện nam tử! Thứ nhất là, : Bồ-tát bỏ nhà đi xuất gia bị thân bằng quyến thuộc ruồng bỏ xem như thây chết thì nhờ nhân duyên nầy nên hàng phục được ngã mạn. Thứ hai là, đã hủy bỏ sắc đẹp, mặc áo hoại sắc, dung mạo khác tục vì nhân duyên ấy nên hàng phục được ngã mạn. Thứ ba là, đã cắt bỏ râu, tóc, tay cầm bình bát, đối với người thân hay chẳng thân đều du hành khất thực và nhờ nhân duyên ấy nên hàng phục được ngã mạn. Thứ tư là, như gã Chiên-đà-la, tâm nó hạ thấp mà du hành khất thực và nhờ nhân duyên ấy nên điều phục được ngã mạn. Thứ năm là, do khất thực nên cuộc sống bị lệ thuộc vào người khác và nhờ vậy mà chế phục được ngã mạn. Thứ sáu là, tuy bị người khác chửi mắng là kẻ ăn xin nhưng cũng thọ nhận vật thí ấy và nhờ nhân duyên ấy mà điều phục được ngã mạn. Thứ bảy là, tôn trọng cúng dường A- xà-lê v.v… nhờ nhân duyên nầy mà chế phục được ngã mạn. Thứ tám là, do oai nghi đi đứng chánh trực, an nhiên khiến người phạm hạnh phát khởi tâm hoan hỷ và nhờ nhân duyên nầy mà chế phục được ngã mạn. Thứ chín là, đối với pháp của chư Phật chưa có chứng đắc thì nguyện sẽ chứng đắc và nhờ vậy mà chế phục được ngã mạn. Mười là, đối với sự sân hận phẫn nộ của các hữu tình thường tu hạnh nhẫn nhục nên nhờ vậy mà chế phục được ngã mạn".

Kinh Hải Ý nói: "Nếu Bồ-tát được thân thanh tịnh, đầy đủ tướng mạo

trang nghiêm, tay chân mềm mại, thù diệu có thể thành tựu phước sanh thân, các căn không giảm, phần thân viên mãn nhưng đối với hình sắc đẹp đẽ ấy cũng không kiêu hãnh, không lấy thân trang nghiêm ấy mà cầu sự xúc lạc. Đối với sắc tướng của chúng sanh, bấy giờ Bồ-tát vì cầu pháp nên khiêm hạ cung kính". Kinh kia lại nói: "Thí như biển lớn ở vùng đất thấp, vốn có các con sông và những dòng nước nhỏ nhanh chóng chảy vào. Thế Tôn! Bồ-tát với tâm kính trọng tôn sư không cao ngạo cũng lại như vậy. Tất cả pháp môn sâu xa và thiện vi tế đều nhanh chóng nhập vào nhĩ căn của Bồ-tát. Thế Tôn! Do vậy Bồ-tát thường an trụ chánh niệm. Nếu cao ngạo ngã mạn không tôn trọng sư cũng chẳng cung kính lễ bái thì nên biết Bồ-tát bị ma chế phục". Lại như phẩm Xuất Thế Gian nói: "Phật nói: Phật tử! Bồ-tát có mười thứ ma sự. Những gì là mười?

1. Đối với Hòa thượng, A-xà-lê, Cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn trụ ở chánh hạnh hướng về chánh đạo mà không khởi tâm tôn trọng.

2. Các Pháp sư thuyết pháp thù thắng, nói pháp rộng lớn, ở trong Đại thừa biết đạo Niết-bàn và Khế kinh khác mà đắc pháp tổng trì không có dừng nghỉ, nhưng đối với Pháp sư lại không khởi tôn trọng, và đối với những gì đã nghe, không khéo léo tu tập.

3. Tuy ở trong pháp hội nghe nói pháp lớn nhưng đối với Pháp sự lại không khen ngợi huống hồ khởi tâm tịnh tín.

4. Thích khởi tâm quá mạn tự chấp vào cái thấy của mình mà khinh miệt người khác, không biết khuyết điểm của mình, tâm không chọn lọc.

5. Thích khởi quá mạn tự mình không hay biết, đối với bậc A-la-hán lại che giấu sự xấu ác, của mình, người ấy thực sự có đức nói không bằng mình, nên mình đáng khen, người ấy không đáng khen.

6. Hiểu rõ là pháp, là luật, là lời Phật dạy, nhưng vì hiềm khích với người kia nên hiềm khích pháp. Do phỉ báng chánh pháp nên thọ trì riêng khác.

7. Tự cầu tòa cao, nghĩa là nói: Ta tu hành đạo pháp không thể thuận theo việc gần gũi chấp sự. Đối những bậc tu phạm hạnh với đức độ cao dày sâu xa lại không khởi tâm kính ngưỡng, phụng sự.

8. Dung mạo không hòa nhã, khiêm cung, lại nhiều ủ rũ, lời nói thật thô thiển, tâm suy nghĩ điều ác.

9. Do tăng thượng mạn nên thích cười chế nhạo, không gần người có đức, không sanh cung kính, cũng không thích hỏi han đâu là điều thiện, đâu là điều bất thiện, hoặc điều gì nên làm và điều gì không nên làm. Lại nữa, phải làm thế nào để trong đêm dài được lợi ích an vui, làm thế nào mà trong

đêm dài không được an vui lợi ích. Do si ám mà ương ngạnh, bị mạn chấp giữ, không thể hiểu rõ pháp xuất yếu.

10. Do "mạn" che lấp nên giả sử Phật quá khứ xuất hiện cũng lại xa lìa, hủy hoại thiện căn xưa, không khởi thiện căn mới, rồi tạo ra nhiều sự tranh cãi. Nghĩa là trái với pháp hành nầy nên đọa lạc vào tà kiến. Đối với tâm bô-đề, căn lực thánh tài thì không thể đạt được. Do vậy, trong trăm ngàn kiếp thường không gặp Phật huống hồ nghe pháp!

Trên đây chính là mười thứ ma sự của Bồ-tát. Phật nói: Phật tử!

Bồ-tát xả bỏ mười thứ ma sự nầy thì được mười loại trí nghiệp".

Luận nói: Trong đây, mười trí nghiệp tức là khéo trụ vào sự hóa độ tất cả chúng sanh v.v… Kinh Hộ Quốc nói: "Người kia mắc phải tội ác khinh miệt, ngạo nghễ nên sanh vào chỗ biên địa bần tiện, đui mù, ám độn không có oai đức và luôn gần gũi kẻ ngu muội chấp trước ngã mạn". Kinh Pháp Tập nói: "Các Bồ-tát muốn duy trì cõi Phật thì phải lấy cõi chúng sanh làm cõi Phật. Do đó, đắc được các pháp Phật và không hoại chánh hạnh. Nghĩa là các thiện hạnh ác hạnh đều nương vào chúng sanh mà thuyên chuyển cho nên ác hạnh nương vào tội ác mà khởi lên, thiện hạnh kia nương vào trời, người v.v…". Kinh Bảo Quang Minh Đà-la-ni nói: "Phật bảo: Phật tử! Bồ-tát mới phát tâm, trước hết phải đối với tất cả chúng sanh phát khởi mười loại tâm. Những gì là mười?

1. Tâm lợi ích
2. Tâm an lạc
3. Tâm thương xót
4. Tâm thấm nhuần
5. Tâm ưa thích
6. Tâm nhiếp thủ
7. Tâm thủ hộ
8. Tâm bình đẳng
9. Tâm trao truyền dạy dỗ
10. Tâm xưng tán

Mười loại phát tâm nầy cũng như nhập vào lực tin hiểu kia.

Kinh Tài Ấn nói: "Ta đã trụ vào tất cả chúng sanh làm đệ tử cũng khiến người khác trụ vào tất cả chúng sanh làm đệ tử, đều được sự an ổn. Nói tóm lại, Ta trước đã trụ vào sự cung kính lễ bái cũng giáo hóa tất cả chúng sanh trụ vào sự cung kính lễ bái". Kinh Duy Ma Cật nói: "Nếu thích nói sự thanh tịnh của thế gian không có tai nạn thì tùy vào chỗ giáo hóa mà

điều phục tất cả hữu tình tương lai sanh vào cõi Phật thanh tịnh".

Luận nói: Nếu rửa chân ngồi kiết già trong tư duy thì nên khởi các việc yêu thích, tôn trọng như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, có vị vua tên Pháp Âm Cái ở trong đại chúng ngồi trên tòa sư tử. Lúc ấy, , nhiều người đồng chấp tay đứng trước mặt vua, cung kính đảnh lễ. Khi đó, vua Pháp Âm Cái thấy những người ăn xin liền sanh tâm hoan hỷ lớn, đầy tâm đại bi, giả sử chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều làm Chuyển luân vương trải qua vô số kiếp được các diệu lạc vượt xa hơn trước đã nói, cho đến vua trời Tịnh Cư ở trong vô số kiếp thực hành pháp môn giải thoát tịch tĩnh thì cũng như trước đã nói. Nầy Thiện nam tử! Ví như có người chỉ yêu thích nuôi dưỡng cha mẹ, anh em, chị em, bạn bè, nam nữ quyến thuộc, thê thiếp mà xa nhau quá lâu, sau ở đồng trống bỗng nhiên được gặp, lại hỏi thăm và sanh tâm tôn trọng thương mến, nhìn nhau không hề nhàm chán. Nầy Thiện nam tử! Vua Pháp Âm Cái cũng lại như vậy. Khi thấy người đến cầu xin vua đều rất yêu thích, tâm sanh hỷ lạc mà phát khởi lòng hy hữu tối thượng. Nhẫn đến đối với những người ăn xin vua khởi tưởng như con mình, tưởng cha mẹ mình, tưởng phước điền, tưởng thiện tri thức, tưởng lực kiên cố, tưởng việc khó được, khó làm mà nay làm được, tưởng làm nhiều việc, tưởng thành tựu biện tài tối thượng, tưởng gần trụ đạo Bồ- đề, tưởng A-xà-lê giáo giới. Như có người đến gặp thì biết cách thừa sự căn tánh của chúng sanh mà bình đẳng xả bỏ tất cả không ngăn ngại, ngay cả xả thí thân mình để đáp ứng nhu cầu của họ. Lại nữa, phải chọn nơi để trang nghiêm thanh tịnh xả bỏ sự tự lợi của mình v.v…".

Luận nói: Nếu người chủ tịnh tín thì những người theo người chủ ấy cũng nên tịnh tín. Khiến dạy dỗ họ được đầy đủ các việc lợi ích. Nên tác ý như vầy: Hướng đến thân Tỳ-kheo có tật bệnh nghĩ: Xưa Phật Thế Tôn vẫn chăm sóc (người bệnh) như Tạp Tụng Luật Tỳ Kheo nói: : "Phật bảo đệ tử: Ông chớ coi thường xả bỏ Tỳ-kheo bệnh nầy, Ta là bậc tôn quý trong chúng Tỳ-kheo còn chăm sóc phục vụ, giặt giũ y áo cho Tỳ- kheo bệnh nầy. Cho đến dọn dẹp các thứ dơ bẩn. Đức Phật nói xong, A-nan-đà liền bạch Phật: Thế Tôn! Xin Ngài chớ nên giặt y cho Tỳ-kheo bệnh nầy khiến làm dơ thân Như Lai. Con sẽ thay thế ngài làm việc ấy. Phật bảo A-nan: Ông nên giặt y cho Tỳ-kheo bệnh nầy còn Như Lai sẽ tự tay múc nước tắm cho ông ta. Bấy giờ, A-nan giặt y áo cho Tỳ-kheo kia, Như Lai tự tay múc nước để tắm gội cho đến tổng lược nói: "Bấy giờ, A-nan như lời của Tỳ-kheo bệnh kia mà nói: "Lành thay! Ông nên đứng dậy! Ta nay dìu ông ra ngoài, ra ngoài rồi đứng yên. Như Lai sẽ tự tay múc nước tắm gội cho ông". Phật nói kệ bảo A-nan.

Ông thừa sự rộng lớn
Tế độ sanh hoan hỷ
Vì lo khổ tổn hại
Xả ly các chúng sanh
Như người tịnh tín nầy
Thành tựu ruộng phước tốt
Sở hữu trong thế gian
Chẳng loài chúng sanh khác
Thí như bình như ý
Muốn chứa sữa rượu ngon
Tôn trọng lời trời kia
Cho nên sanh cung kính
Cũng như phép vợ mới
Phục vụ không tạm bỏ
Cứu vô lượng chúng sanh
Sau sẽ được xuất ly
Nếu trước mắt tôn trọng
Giữ gìn trên đỉnh đầu
Đặt chúng trong búi tóc
Nhất tâm nên không động
Hoặc đọa ngục A-tỳ
Hoặc nay tạo sẽ tạo
Các pháp độ rộng lớn
Tu hành thiện như thế
Tự ngã làm chủ thể
Nghĩa ngã không thể được
Đối kia tạo tác kia
Không bị mạn sai sử
Hỷ lạc tịnh các căn
Khổ nên nhập phiền não
Do các căn điềm nhiên
Làm phương hóa độ kia
Chúng sanh nếu thọ khổ
Toàn thân như hầm lửa
Đối các ý vui dục
Có phương tiện thương xót
Thương các người tạo khổ
Nên Ta cầu khổ ấy

Nếu nhẫn chịu mệt mỏi
Như tội phải sám hối
Nếu ở chỗ Thế Tôn
Đầu chân đều tán hoại
Ta xả các thế gian
Vì thừa sự Như Lai
Ta tạo các chúng sanh
Thương xót không nghi hoặc
Thấy những người như vậy
Do đâu không tôn kính!
Ta gần việc Như Lai
Chí thành nơi tự lợi
Vì trừ khổ thế gian
Nên con trì tịnh giới
Nếu có người cang cường
Phá hoại nơi đại chúng
Nguyện thường thấy chúng sanh
Khiến không thể tạo tác
Lại nếu chúng cang cường
Mỗi mỗi như lực vua
Huống không oai như vậy
Sao dụng hình phạt ác?
Nếu gặp kẻ bạo chúa
Trị quan và ngục tốt
Lực tâm hành thương xót
Cứu tế các quần sanh
Thì chỗ nào sân nộ?
Thà đồng khổ địa ngục!
Nếu não bức chúng sanh
Tạo đây cũng thọ nhận
Đại hỷ chỗ nào thí?
Há đạt được chánh giác
Nếu chúng sanh vui vẻ
Tạo đây cũng thọ nhận
Ông sau sẽ làm Phật
Độ chúng sanh thoát khổ
Sao gọi không ngừng quán?
Hiện trụ xưng tán người

Thân thanh tịnh trang nghiêm
Và tuổi thọ lâu dài
Đến đạt nhẫn sanh tử
Diệu lạc của luân vương
Nếu tâm từ cúng dường
Gọi thân chúng sanh lớn
Lấy phước báo của Phật
Làm thân lớn Như Lai.

Luận nói: Tu quán tâm từ, là như kinh Nguyệt Đăng nói: "Cho đến cúng dường vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức các cõi Phật không thể tính lường, như vậy cũng không bằng đem tâm từ thứ tự cung kính cúng dường thường được xa lìa cao ngạo và tác ý không như lý".

Luận nói: Người nhất tâm hiểu rõ sự việc nầy thì như kinh Bảo Vân nói: "Thiện nam tử! Sao gọi là Bồ-tát không tác ý như lý? Vì Bồ- tát nầy một mình ở xứ nhàn tĩnh, trụ không tạp loạn và phát tâm như vầy: "Ta nhờ ở xứ nhàn tịnh, trụ chỗ không tạp loạn v.v… nên chỉ có ta mới có thể thuận theo pháp luật của Như Lai. Đây gọi là Bồ-tát không như lý tác ý". Kinh kia lại nói: "Bồ-tát khi khởi tinh tấn không chống lại sự giáo hối, nghĩa là không tự khoe khoang đức của mình, cũng không khinh miệt người khác. Như vậy gọi là phát sanh thiện tuệ. Tuy nhiên, đối với sự tu tập của mình, cũng cầu mong sự giáo huấn của người khác. Như vậy gọi là Bồ-tát được tinh tấn, khiêm nhường".

Luận nói: Đã lược nói sự hộ trì thọ dụng phước rồi, nếu hồi hướng về Bồ-đề thì như kinh Vô Tận Ý nói: "Phật bảo: Xá-lợi-tử! Nếu người dùng chút ít thiện căn hồi hướng về Bồ-đề cho đến ngồi ở Bồ-đề đạo tràng, quyết không tan mất. Thí như một giọt nước rơi vào trong biển lớn cho đến kiếp trụ vô biên cõi vô biên cuối cùng cũng không tan mất".

Phẩm 8: THANH TỊNH

Phần 1

Luận nói: Nói hộ trì thân v.v… có ba loại thanh tịnh nay phải trình bày nghĩa nầy. Sao gọi là tự thân thọ dụng thanh tịnh đều được an ổn? Nếu người đối với bản thân biểu hiển sự ăn uống thanh tịnh thì thành tựu chánh đẳng Bồ-đề. Kinh Bí Mật Đại thừa nói: "Bồ-tát ở trong thành ấp lớn, gò mả cao hay đồng trống do vô số trăm nghìn chúng sanh khắp trong đó mà Bồ-tát thị hiện tướng diệt mất và có các chúng sanh bàng sanh thân lớn cho đến

khiến chúng ăn thịt mình, do đó khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời và cõi thiện khác. Vì nhân duyên nầy nên rốt cuộc nhập Niết-bàn. Đó gọi là nguyện trước cửa Bồ-tát thanh tịnh. Ở trong đêm dài tăm tối nầy vì đáp trả nguyện trước mà Bồ-tát thường làm việc lợi ích cho chúng sanh. Khi lâm chung, khiến chúng ăn thịt mình và do duyên nầy nên được sanh vào cõi trời cho đến rốt sau sẽ vào Niết-bàn. Nghĩa là Bồ-tát thành tựu trì giới, thành tựu tư duy, thành tựu mong cầu v.v… các nguyện trước như vậy". Kinh kia lại nói: "Hiển bày ánh sáng pháp thân là vì làm lợi ích cho chúng sanh. Tịch Tuệ nên biết! Ví như Y vương Hoạt mệnh tích tập đầy đủ các thứ thuốc hay đâm giã, nghiền nhỏ hòa hợp thành hình tướng người nữ đẹp rất đoan chánh, ai thấy cũng sanh tâm ưa thích, khéo an lập thi hành các sự v.v… đi, đứng, nằm, ngồi đều phân biệt rõ ràng. Các quốc vương, vương tử, đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ đến gặp Y vương thì được thấy tướng người nữ thù diệu ấy mọi thứ diệu lạc cung cấp hầu hạ. Do cung cấp hầu hạ nên tất cả đều an vui và không còn phiền não. Phật bảo: Tịch Tuệ! Ông nên quan sát Y vương Hoạt mệnh nầy mà gieo trồng các thứ diệu lạc để trừ diệt bệnh tật của thế gian. Nên biết thầy thuốc khác không hề có trí tuệ nầy. Tịch Tuệ! Việc hiển bày ánh sáng pháp thân của Bồ-tát cũng lại như vậy. Cho đến có người nam, người nữ, đồng nam, Đồng nữ và chúng sanh khác bị tham, sân, si thiêu đốt, nung nấu khắp cả thân mà nếu trong khoảnh khắc thấy được Bồ-tát thì tất cả xa lìa sự thiêu đốt của phiền não, thân được nhẹ nhàng. Đây gọi là túc nguyện rất thanh tịnh của Bồ-tát".

Luận nói: Nghĩa thân thanh tịnh nầy giống như mầm lúa bị cỏ che lấp không thể phát triển tươi tốt, mầm mống Bồ-đề ấy do phiền não che lấp nên không tăng trưởng thù thắng hoặc không thực hành đối trị, tư duy mong cầu. Đâu thể có giải thoát mà khiến phiền não kia tăng trưởng! Ông nên nhất tâm quán sát thế gian nếu tội nghiệp thanh tịnh tức thân khí được thanh tịnh gọi là chánh giác. Lại nữa nghiệp tội thanh tịnh là như kinh Tứ Pháp nói: "Phật bảo: Từ Thị! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì trước hết diệt hết sự tích tập tội đã gây tạo lâu nay. Những gì là bốn? Nghĩa là hành hối quá, hành đối trị, lực chế chỉ, lực y chỉ. Hành hối quá tức là đối với hành nghiệp bất thiện phải cải hối nhiều. Hành đối trị nghĩa là đã tạo nghiệp bất thiện rồi thì nay phải từ bỏ và phải thực hiện các nghiệp thiện để đối trị đồng thời làm các việc lợi ích khác. Lực y chỉ tức nhờ vào sự đọc tụng giới cấm mà được không hủy phạm. Lực y chỉ nghĩa là quy y Phật, Pháp, Tăng và không xa lìa tâm Bồ-đề. Do hay y chỉ lực nầy mà nhất định diệt trừ các tội kia v.v… Phật bảo: Từ Thị! Đây gọi là Bồ-tát thành tựu bốn pháp nhằm diệt trừ tất cả tội lỗi đã gây tạo trong quá khứ".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 11

Phẩm 8: THANH TỊNH

Phần 2

Luận nói: Lại nữa, nên biết nếu nói về hành hối quá thì như kệ trong kinh Kim Quang Minh nói:

Bậc Lưỡng Túc tôn quý Trụ
khắp mười phương cõi
Đem tâm thương tất cả
Con nay phải chứng biết
Nếu trước con tạo tác
Nghiệp tội rất rộng lớn
Nay ở trước mười phương
Đều sám hối tất cả
Khi chưa biết được Phật
Chưa biết rõ cha mẹ
Chưa biết rõ thiện ác
Con tạo ra tội nầy
Tự chấp lấy chủng tộc
Và các thứ tài bảo
Nhiều năm ngông buông thả
Con tạo ra tội nầy
Tâm niệm và miệng nói
Tạo các thứ nghiệp ác
Nói là không thể thấy
Con tạo ra tội nầy
Ngu si làm điều ác
Bị phiền não che tâm
Do ám độn vô trí
Gần gũi ác tri thức
Vui đùa và yêu đắm

Hoặc ở trong sầu nhuế
Tài vật không biết chán
Con tạo ra tội nầy
Nghèo cùng và lừa lọc
Nên ích kỷ, ghét ganh
Không gần gũi Thánh nhân
Con tạo ra tội nầy
Nhân dục sanh sợ hãi
Thường mỗi khi đi đứng
Không hề được tự tại.
Con tạo ra tội nầy
Nhân dục khởi sân nộ
Tâm bấn loạn nhiễu động
Đói khát bức bách thân
Con tạo ra tội nầy
Ăn uống và y phục
Do nơi ba loại ấy
Các kiết não thiêu đốt
Con tạo ra tội nầy
Nghiệp thân, khẩu và ý
Ba loại thường hành ác
Đủ các tướng như vậy
Nay con đều sám hối
Nếu đối với pháp Phật
Và các chúng Thanh-văn
Không khởi tâm kính trọng
Con thảy đều sám hối
Lại đối bậc Duyên giác
Và các chúng Bồ-tát
Không sanh tâm cung kính
Con đều xin sám hối
Hoặc đối người có đức
Các Pháp sư thuyết pháp
Không khởi tâm kính theo
Con đều xin sám hối
Do hủy báng chánh pháp
Mà thường sanh vô trí
Không kính trọng cha mẹ

Con đều xin sám hối
Mười phương Phật ba đời
Quán sát hộ niệm con
Vận tâm từ vô duyên
Thương nhận con sám hối
Con ở trong trăm kiếp
Trước nếu tạo các tội
Tâm thường ôm lo, sợ
Nguyện xin thường trừ diệt
Lại tâm thường khiếp nhược
Sợ các ác tội nầy
Ở trong bốn oai nghi
Chưa từng hưởng an vui
Chư Phật đủ đại bi
Trừ sợ hãi thế gian
Nay nguyện xin nhiếp thọ
Giải thoát các sợ hãi
Con trước tạo các tội
Bày tỏ trước Như Lai
Dùng tình thương của Phật
Rưới lên phiền não bẩn.
Lại các tội ác nầy
Tất cả đều sám hối
Như các tội đã làm
Đều không dám che giấu
Nếu các nghiệp chưa tạo
Thì không dám tạo nữa
Nghiệp thân có ba loại
Và bốn loại khẩu nghiệp
Cùng ba độc ý nghiệp
Tất cả đều sám hối.

Luận nói: Nếu Bồ-tát phạm tội thì ước lược có nhẹ có nặng.

Kinh Ưu-ba-ly Sở Vấn nói: "Đối với tội căn bản thì so sánh mà nói. Sao gọi là tội nặng? Phật bảo Ưu-ba-ly: Bồ-tát trụ Đại thừa phạm hằng ha số tội tham cùng với một tội sân thì đối với Bồ-tát thừa có sự so sánh. Trong hai tội nầy, sân thuộc về tội nặng. Vì sao? Nầy Ưu-ba-ly! Vì khởi sân tâm tức là xả bỏ chúng sanh. Nhưng khởi tham thì yêu mến và hộ trì chúng sanh. Nếu yêu mến và hộ trì chúng sanh thì không gây phiền não. Chúng

sanh ở chỗ Bồ-tát không có các họa bất ngờ và các sự sợ hãi v.v… Nầy Ưu-ba-ly! Do đó, Bồ-tát nếu có phạm tội tham thì gọi là vô tội. Nghĩa nầy thế nào? Do yêu mến thủ hộ chúng sanh càng tăng thêm như trước nên Ta nói trong thâm tâm có lòng thương xót nầy. Phật bảo Ưu-ba-ly: Bồ-tát nếu không có phương tiện khéo léo thì sợ phạm vào tội tham. Nếu Bồ-tát có phương tiện khéo léo thì sợ phạm vào tội sân, nhưng không sợ phạm vào tham ái kia. Tại sao? Phương tiện khéo léo là đầy đủ hai thứ từ bi và trí tuệ mà không lìa bỏ chúng sanh. Nếu lìa bỏ chúng sanh tức chỉ có trí tuệ hiểu rõ khổ là không. Hoặc chỉ có từ bi thì chẳng bao lâu sẽ bị đoạn diệt bởi lực phiền não. Kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói: "Thiện nam tử! Ví như người trì minh chú bị dây tơ phiền não kia ràng buộc vào trong năm xứ triền phược thì nên dùng chân ngôn để cầu pháp tức liền được siêu thoát. Do thần lực của chân ngôn nên đoạn trừ tất cả pháp trói buộc. Thiện nam tử! Phương tiện khéo léo của Bồ-tát thọ nhận năm thứ dục lạc cũng lại như vậy. Tuy nhiên đối với sự tạo tác không hề gây rối loạn chánh hạnh. Nghĩa là chỉ dùng một thứ trí lực biến khắp tâm Nhất thiết trí làm thanh tịnh các dục lạc thì sẽ sanh Phạm thế".

Luận nói: Nghĩa sân là thế nào? Tức là bản tánh vốn mang tội lớn. Do phân biệt rộng không sanh, phương tiện thương xót lại hành sân nhuế chẳng làm lợi ích. Sao gọi là tội lỗi? Vì dung nạp sân nhuế nên trưởng dưỡng phiền não và làm giảm mất từ bi. Nếu Bồ-tát đối với chúng sanh làm mất tâm từ bi tức là diệt mất sự lợi ích tương tục rộng lớn cho chúng sanh. Phẩm Thánh Đế nói: "Nếu biết như cha mẹ thấy con liền khởi tâm thương xót. Nghĩa là nếu xả bỏ tâm từ lợi ích cho chúng sanh tức Bồ-tát xa lìa hữu trí. Lại nữa, nếu Bồ-tát khuyên hành dục thì giảm mất lợi ích. Do đó nói tham sự xấu ác thì mắc vào hai loạn nan. Nếu tham trước dục thì giống như người không có mắt giết hại cha mẹ. Do vậy, đối với dục thấp kém mà sanh khổ não thì làm tổn giảm quả báo sanh thiên. Lại nữa, người vướng mắc vào dục thì thường hủy hoại giới cấm, xa lìa cõi người. Do đó mong cầu rồi ưa thích, chán bỏ cái khổ của người khác chẳng phải thấy chân thật. Lẽ ra xem khổ não của người khác như khổ não của mình, tuy nhiên vì không thể tự tu tập nên khởi lên hai thứ tội". Kinh Nguyệt Đăng nói: "Phật bảo A-nan: Giả sử có người từ chân đến đầu đều bị nước đồng sôi nung nấu tụ thành một khối lửa. Lại có người đến nói với ông ta rằng tôi khuyên ông nên cùng hưởng thọ năm thứ dục lạc du hý ca múa… thì theo ý ông nghĩ sao? Người nầy có thể khiến người kia cùng du hý ca múa về năm thứ dục lạc chăng? A-nan bạch Phật: Không thể được, thưa Thế Tôn! Phật bảo A-nan: Người kia đối với việc du hý ca múa do phân biệt mà khởi lên tham

trước rồi khuyên chuyển thân nầy cùng thọ năm thứ dục lạc du hý ca múa. Như Lai không như vậy, thuở xưa khi tu hành Bồ-đề thấy các chúng sanh chịu khổ trong ba đường ác và người bần cùng, tâm không vui vẻ chút nào".

Luận nói: Thế gian có người con sanh ra không thấy cha mẹ ôm lòng thống khổ và có ân lớn nầy. Chỉ thấy vui tự thân hoặc có người thân hoặc không có người thân thương yêu che chở. Người thủ hộ cờ thiện pháp chớ có hành tà dục. Điều nầy đối với chúng sanh hoặc làm lợi ích, hoặc gây tổn hại. Nghĩa là nếu bị trói buộc ham thích dục lạc kia thì điều nầy trở nên tội ác. Nếu có đủ chánh hạnh thì làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu Tỳ-kheo đi vào hành xứ nên tưởng như mẹ, như em mà cung phụng họ chứ không nên đối với họ như hàng phạm hạnh, thành tựu chúng sanh nên phải xa lìa. Như Kinh Vô Tận Ý nói: "Đúng thời hay phi thời lại xả việc làm ấy, hoặc thấy chúng sanh phải tăng trưởng lợi ích và cũng trụ trong học xứ nầy". Kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói: "Xưa có Phạm chí Quang Minh ở trong bốn vạn hai nghìn năm nghiêm trì phạm hạnh, đi bảy bước rồi phát khởi lòng từ bi. Giả sử có phạm giới cấm mà thọ khổ ở đại ngục cũng không bỏ người kia khiến phải đi đến chết. Thiện nam tử! Phạm chí Quang Minh tức liền nắm tay phải người ấy mà nói: Ta sẽ đáp ứng những gì chị muốn. Thiện nam tử! Người Phạm chí trong diệu dục thâm sâu như vậy đã khởi tâm đại bi nên trong mười ngàn kiếp thọ khổ luân hồi, sau đó lại tu phạm hạnh. Thiện nam tử! Nhờ vào phương tiện khéo léo của Bồ-tát mà được sanh vào Phạm thế". Kinh kia lại nói: "Nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh mà phát khởi thiện căn đối với sắc tướng của họ thì sẽ bị đọa đúng như tội trong trăm ngàn kiếp nhận khổ thiêu đốt của địa ngục. Thưa Thế Tôn! Bồ-tát kia tuy có khởi lên tội nầy nhưng không thọ khổ ở địa ngục. Nghĩa là do đối với một chúng sanh cũng không xa lìa thiện căn ấy". Kinh kia lại nói: "Thiện nam tử! Phương tiện khéo léo nầy của Bồ-tát có tội rất nặng, nếu khi gặp ác tri thức khuyên thành tựu uẩn nầy để thủ chứng Niết-bàn. Tuy nhiên về sau lại không kham chịu mặc áo giáp đồng nầy, thì làm sao hóa độ tất cả chúng sanh. Cho nên ta không khởi tâm nầy mà như người kia luân chuyển hóa độ chúng sanh. Lại nữa, giả thiết nếu có tội nầy thì như pháp kia thực hành khiến không có lỗi lầm. Thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát xuất gia phân biệt chỗ tạo bốn trọng tội thì Bồ-tát ấy đầy đủ phương tiện khéo léo nên tùy khởi tội tức sám hối ngay nói là không có tội". Kinh Bảo Vân nói: "Người tạo tội vô gián nghĩa là khiến người khác chết. Trong Luật Thanh-văn gọi đây là tội căn bản. Lại như sát hại nai… mà khởi lòng từ bi thì nói là vô tội. Nếu Bồ-tát khởi tham sanh vào cõi thiện thì không nên có sân nộ, vì tham nầy thì được sửa sang. Như nói Bồ-tát phương tiện khéo

léo, thích tạo ra tham ái. Đối với nữ sắc tốt đẹp thường ưa sửa sang và luôn luôn nguyện cầu sanh vào trong thế giới người nữ để chán bỏ tâm tham kia. Xả nữ thân rồi lại được tướng trượng phu thành tựu thân hình to lớn. Phật bảo A-nan: Ông có thấy công đức nầy không? Tại vì chúng sanh khác tuy cũng thực hành như vậy, mà khởi tâm tham mãnh liệt, nhưng cũng xuất ly cảnh khổ được sanh vào cõi trời và người. Cho đến làm Dược Vương Đại sĩ. Sao gọi là Bồ-tát khởi sân? Nghĩa là nếu phát khởi phiền não thì làm sao bố thí các thứ diệu lạc v.v…

Luận nói: Nếu vì danh tiếng nầy như vậy đối với chúng sanh khác làm phương tiện lợi ích thì giả sử có khởi tham cũng không có tội. Với phương tiện khéo léo nầy. Bồ-tát thường làm lợi ích mà không xả bỏ chúng sanh, rộng như trước nói. Tuy nhiên, chẳng phải đạt được lãnh địa của hành lục độ vi diệu, ở trong đây phải quán sát thật khéo tương ưng cho nên không chứa đựng sân v.v…". Lại nữa, kinh Ưu-ba-ly Sở Vấn nói: "Phật bảo Xá-lợi-tử, Bồ-tát có hai tội lớn. Những gì là hai? Nghĩa là tâm khởi sân và si. Hơn nữa, Xá-lợi-tử! Trước hết nên chí thành sám hối mười tội ác và năm loại lỗi. Cũng nên sám hối việc tay cầm, mắt xem, tâm khó kiềm chế, hoặc đối với một chúng sanh kiêm luôn cả hai thứ khác. Xá-lợi-tử! Lại nói có Bồ-tát tạo đủ năm loại tội nặng vô gián, hoặc khi đối với vợ con người khác đem tâm nhiễm ô hành phi pháp, tay đoạn mạng căn, ăn cắp vật của tháp Phật và vật của bốn phương Tăng. Bấy giờ, Bồ-tát nếu như phạm tội kia thì nên đối trước ba mươi lăm vị Như Lai mà nói: Con nay xin quy y Phật, Pháp, Tăng.

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Kim Cang Tiêu Phục Hoại Tán Phật
Nam mô Bảo Diễm Phật
Nam mô Long Tự Tại Vương Phật
Nam mô Dõng Mãnh Quân Phật
Nam mô Cần Dõng Hỷ Phật
Nam mô Bảo Hỏa Phật
Nam mô Bảo Nguyệt Quang Phật
Nam mô Bất Không Kiến Phật
Nam mô Bảo Nguyệt Phật
Nam mô Ly Cấu Phật
Nam mô Dõng Thí Phật
Nam mô Phạm Đức Phật

Nam mô Phạm Thí Phật
Nam mô Thủy Vương Phật
Nam mô Thủy Thiên Phật
Nam mô Hiền Kiết Tường Phật
Nam mô Chiên Đàn Kiết Tường Phật
Nam mô Vô Biên Oai Đức Phật
Nam mô Quang Kiết Tường Phật
Nam mô Vô Ưu Kiết Tường Phật
Nam mô Na La Diên Phật
Nam mô Hoa Kiết Tường Phật
Nam mô Tịnh Chiếu Minh Du Hý Thần Thông Phật
Nam mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật
Nam mô Tài Kiết Tường Phật
Nam mô Niệm Kiết Tường Phật
Nam mô Thiện Danh Xưng Kiết Tường Phật
Nam mô Nhân Đà La Võng Tràng Vương Phật
Nam mô Thiện Du Bộ Kiết Tường Phật
Nam mô An Tường Hành Phật
Nam mô Thắng Du Bộ Phật
Nam mô Phổ Âm Biến Quang Nghiêm Kiết Tường Phật
Nam mô Bảo Liên Hoa Thắng Du Bộ Phật
Nam mô Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật

Như vậy, đối trước Phật hiện tiền cho đến Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác của tất cả thế giới nguyện Phật Thế Tôn quán sát và hộ niệm: Con ở trong đời nầy hoặc đến đời khác và từ vô thủy đến nay ở trong luân hồi sanh tử tạo nhiều nghiệp chướng hoặc tự mình làm, dạy người khác làm, hay thấy làm mà sanh tâm vui vẻ, hoặc ăn cắp vật trong tháp Phật hay vật của bốn phương Tăng, tạo năm tội vô gián và mười nghiệp ác hoặc tự mình làm, hay thấy người khác làm mà sanh tâm vui thích. Do nghiệp chướng nầy nên phá hủy giới cấm, đọa vào địa ngục hoặc làm bàng sanh, hoặc sanh vào cảnh giới Diễm-ma, hoặc sanh ở biên địa Miệt-lệ-xa và ở cõi trời trường thọ. Giả sử có được làm người thì sáu căn không đủ, tham trước tà kiến và xa lìa Phật xuất thế. Những nghiệp chướng nầy, Phật đã biết như thật, thấy như thật, chứng minh như thật, tính toán chân thật, nói chung đều thấy được tất cả. Nay con xin chí thành sám hối không giám che giấu. Nếu

con hủy phạm giới cấm…, nguyện chư Phật Thế Tôn xem xét mà thương xót. Nếu con ở trong đời nầy đến đời sau và vô thỉ đến nay nhận chịu sanh tử luân hồi hoặc rơi vào bàng sanh, hoặc bố thí một bát cơm, hộ trì một tịnh giới, nếu có các thiện căn tu phạm hạnh, hóa độ chúng sanh phát khởi tâm Bồ-đề và vô thượng trí cùng tất cả thiện căn thì như lượng ấy mà hồi hướng đến quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Con nay cũng bắt chước như chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai, đều hồi hướng trong tất cả. Nhẫn đến nói kệ:

Sám trừ tất cả tội
Các phước đều tùy hỷ
Và khuyến thỉnh chư Phật
Diễn thiết đạo vô thượng
Quá khứ và tương lai
Hiện trụ trong cõi người
Biển công đức vô biên
Tất cả đều đảnh lễ.

Nầy Xá-lợi-tử! Bồ-tát ấy đối trước ba mươi lăm vị Như Lai đã phát lồ như vậy rồi, các Đức Như Lai tùy thuận biết tác ý, nên tội của Bồ-tát được thanh tinh. Do tội được thanh tịnh nên chư Phật Thế Tôn nầy hiện ra trước mặt Bồ-tát. Như vậy vì lợi ích giải thoát cho chúng sanh mà chư Phật thị hiện các tướng tốt. Do kẻ phàm phu ngu si nầy đối với sự hóa độ cứu giúp nầy liền sanh nghi hoặc, thậm chí tất cả chúng Thanh văn và Duyên giác mà không thể khiến tội làm ác kia trở nên thanh tịnh. Nếu có Bồ-tát trì niệm danh hiệu của các Đức Như Lai nầy, đêm ngày ba thời chuyên thực hành chánh pháp, thì xa lìa tội kia và đắc Tam-ma- địa. Đây gọi là tu hạnh hối quá và đối trị.

Luận nói: Nếu đọc tụng kinh điển sâu xa vi diệu thì có thể diệt trừ được tội kia. Kinh Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật nói: "Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng kinh nầy mà bị người khác xem thường thì biết rằng người ấy kiếp trước đã tạo ra nhiều nghiệp chướng đáng lý phải đọa vào ác đạo nhưng do thấy pháp nầy và nhận được sự xem thường của thế gian mà nghiệp chướng đời trước bị tiêu diệt rồi chứng đắc Bồ-đề của Phật".

Luận nói: Nếu hiểu biết tánh không thì khiến tội ác được thanh tịnh. Như Kinh Như Lai Tạng nói: "Phật bảo Ca-diếp-ba: Có mười nghiệp đạo bất thiện vướng vào tội lỗi lớn:

1. Sát sanh, nghĩa là đoạt mạng sống của cha mẹ và bậc Duyên giác.

2. Lấy của không cho, nghĩa là ăn cắp vật của Tam bảo

3. Hành tà dục, nghĩa là khởi sự nhiễm ô với mẹ và Tỳ-kheo ni Vô học.

4. Vọng ngữ, nghĩa là nói: Ta là Như Lai

5. Nói hai lưỡi, nghĩa là ở trong Thánh chúng mà nói lời ly gián.

6. Nói lời ác, nghĩa là chê mắng Thánh Hiền.

7. Nói lời thêu dệt, nghĩa là khéo léo dùng lời phù phiếm làm loạn các pháp dục.

8. Tham, nghĩa là đối với tài lợi chánh đáng lại đem tâm xâm đoạt.

9. Sân nghĩa là đối với năm tội vô gián không khởi tâm thương xót.

10. Tà kiến, nghĩa là tâm bảo thủ chấp chặt nặng nề kiến giải hiểm ác.

Nầy Ca-diếp-ba! Nếu một chúng sanh có đầy đủ mười nghiệp đạo bất thiện như vậy thì mắc phải tội nặng. Như Lai vì nhân duyên nầy mà tuyên nói pháp yếu để khiến cho người khác ngộ nhập vào vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, vô tác và vô thọ đồng thời hiểu rằng đó là hành, là tạo tác, là huyễn hóa. Tuy nhiên, nên biết, các pháp tánh tức là tánh phiền não. Nếu ngộ nhập được tự thể vốn trong sáng của các pháp thì tin hiểu tất cả các pháp đều thanh tịnh. Do vậy, nên ta không nói có chúng sanh đọa vào cõi ác". Kinh Thanh Tịnh Chư Nghiệp Chướng nói: "Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát quán chiếu phi luật là luật tức thấy tội chẳng phải tội. Nếu quán sanh tử là Niết-bàn thì thấy rõ các phiền não là do duyên sanh. Nên biết người như vậy thì có được nghiệp chướng thanh tịnh". Kinh Để Lý Tam Muội Da Vương nói về hạnh đối trị: "Nếu nhắm mắt quán duyên chư Phật và Bồ-tát rồi đọc tụng thông suốt một trăm chữ minh chú trải qua tám ngàn lần thì khi mở mắt ra sẽ được thấy Phật, Bồ-tát và được lìa tội kia, hoặc đi nhiễu bên phải quanh tháp rồi tụng tám ngàn lần kinh điển thì tùy mỗi lần như vậy mà chư Phật và Bồ-tát hiện ra trước mắt". Kinh Tôn Na Đa La Ni nói: "Nếu tụng niệm rồi cho đến thấy tướng hảo hiện ra trong mộng thì diệt được tội kia. Nếu mộng thấy Thiên nữ trao cho sữa, lạc, thức ăn thì xa lìa được tội kia, hoặc thấy mặt trời mặt trăng xuất hiện giữa hư không, lửa bốc dữ dội, các loài trâu và các gã đàn ông đen đúa sợ hãi bỏ chạy, hoặc mộng thấy chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni hoặc sữa, cây cối, voi trắng, trâu trắng, núi non, thuyền bè, điện đường và tòa sư tử, lắng nghe diệu pháp thì nên biết tất cả đều là tướng diệt tội". Phẩm Như Lai Hình Tượng nói về hành đối trị: "Nếu có người xoa đồ bất tịnh vào thân mùi hôi thối đáng ghét rồi dùng nước tẩy sạch và bôi hương thơm lên thì mùi thối

kia biến mất. Như vậy, nếu tạo năm tội vô gián đầy đủ biến khắp mười nghiệp đạo bất thiện nhưng tin hiểu Như Lai rồi tạo hình tượng của Ngài thì tội ấy được tiêu trừ. Do không có tội thì trí tuệ thù thắng và đầy đủ tâm Bồ-đề. Do thù thắng mà hoặc được xuất gia kiên trì tịnh giới". Kinh Hoa Tích Đà-la-ni nói: "Bấy giờ, Đức Như Lai Sư Tử Du Hý thường trụ trong thế gian trải qua trăm ngàn năm để bố thí các thứ diệu lạc. Sau đó, Như Lai kia nhập Niết-bàn và được xây tháp thờ xá-lợi. Nếu có người lấy tâm Bồ-đề đem một cành hoa cúng dường Như Lai kia, rồi chấp tay xưng danh hiệu hoặc rưới nước cho sạch và đem một tràng hoa, đèn đuốc cúng dường, cho đến đi một bước niệm danh hiệu của Ngài thì không còn nghi hoặc. Nếu người nầy trong một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp mà đọa vào ác đạo thì không hề có việc đó". Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Vương nói: "Nếu người trì giữ năm giới, mười giới Bồ-tát, bốn giới trọng, hai trăm năm mươi giới của Tỳ- kheo, năm trăm giới Tỳ-kheo ni nhưng lại hủy phạm sợ đọa vào đường ác mà nếu chuyên niệm danh hiệu của Đức Như Lai Dược Sư Lưu Ly Quang, cúng dường Ngài thì người ấy quyết định không đọa vào đường ác. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan: Nay Ta xưng tán công đức của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là cảnh giới sâu xa của chư Phật như thế, ông không còn nghi hoặc sanh tâm tin thực không? A-nan bạch Phật: Thế Tôn! Con đối với kinh Phật đã nói, không hề sanh nghi hoặc. Vì sao? Vì thân, ngữ, ý của tất cả Như Lai là chỗ tích tập nhiều thiện hạnh thanh tịnh. Thế Tôn! Mặt trăng mặt trời là rất cao xa, ánh ánh sáng chiếu khắp nhưng cũng có thể rơi xuống đất, núi Diệu cao cũng có thể lay động nhưng những lời của chư Phật nói ra trước sau đều không sai khác. Thế Tôn! Nếu có chúng sanh tín căn không đủ, nghe nói cảnh giới sâu xa của chư Phật liền phát khởi nghi hoặc rằng làm sao chỉ niệm danh hiệu một Đức Như Lai mà đạt được công đức thắng lợi như thế! Do không tin nên người kia sanh hủy báng, phải ở trong đêm dài tăm tối mất hết lợi ích. Phật bảo A-nan: Cảnh giới sâu xa của chư Phật rất khó tin hiểu. Nay ông tin hiểu thì nên biết là nhờ vào uy thần của Như Lai thiết lập. Ngoại trừ Bồ-tát một đời nữa làm Phật còn các Thanh-văn, Duyên giác và Bồ-tát chưa đăng địa đều không thể hiểu". Kinh kia lại nói: "Nếu có thiện nam, thiện nữ, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca trì giữ đầy đủ tám phần trai giới trong suốt một năm hay ba năm thọ nhận học xứ nầy rồi dùng thiện căn ấy nguyện sanh sang cõi Tây phương Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ nhưng nếu được nghe danh hiệu của Phật Dược Sư Lưu Ly thì khi mạng chung người ấy được tám vị Đại Bồ-tát đều dùng thần thông hiện hóa trước mặt thuyết chánh đạo, lại có nhiều thứ sắc hoa hiếm thấy ở đời cùng các hoa sen báu tự nhiên hóa

sanh khiến người ấy sanh lên cõi trời. Được chỗ sanh như vậy là nhờ vào thiện căn đời trước. Do đó thật vô cùng tận và cũng không sợ đọa lạc vào đường ác. Sau khi mãn thọ ở cõi trời, người ấy sanh vào ở cõi người làm bậc Chuyển luân vương thống trị bốn châu thiên hạ".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 12

Phẩm 8: THANH TỊNH

Phần 3

Như vậy, người ấy cùng với vô lượng trăm vạn ức Bồ-tát trụ ở mười đạo nghiệp thiện. Về sau lại sanh vào giòng dõi Sát-đế-lợi, Bà-la- môn, Trưởng giả với tài vật sung túc kho tàng vật báu vô hạn, sắc tướng đoan nghiêm và quyến thuộc v.v… mọi thứ đều đầy đủ. Kinh kia lại nói: "Nếu có người nữ được nghe danh hiệu của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thọ trì đọc tụng rồi sau sẽ được chuyển thân người nữ". Kinh Văn Thù Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức nói: "Diệu Cát Tường thưa: Con cũng cung kính Bồ-tát Thượng Tuệ, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ- tát Như Ý Nguyện, Bồ-tát Tịch Căn. Nếu có người nữ nào thọ trì danh hiệu của bốn vị Bồ-tát nầy thì được chuyển thân nữ, về sau không còn thọ thân nữ nữa".

Luận nói: Hành đối trị như trước đã nói, nay trình bày về lực chế chỉ. Kinh Địa Tạng nói: "Nếu Bồ-tát lìa sát sanh tức là bố thí cho tất cả chúng sanh sự không sầu, không sợ, và không buồn lo kinh hãi. Bồ-tát thường lấy quả báo thiện căn nầy đi vào biển sanh tử luân hồi năm nẻo để giúp hóa độ chúng sanh. Vì sát sanh nên chúng sanh tạo ra tất cả nghiệp chướng của thân, ngữ, ý hoặc tự giết, hoặc bảo người khác giết hay thấy người giết mà sanh tâm vui vẻ. Do đó, Bồ-tát xa lìa vòng sát sanh lẫn quẫn nên tất cả mọi nghiệp chướng bị tiêu diệt cho đến không thọ quả báo. Đối với thân hiện tại được thọ mạng lâu dài khiến chư Thiên và loài người luôn luôn ưa thích. Lại nữa, Thiện nam tử! Nếu Bồ-tát cho đến hết đời xa lìa việc lấy của không cho tức là bố thí cho tất cả chúng sanh sự không lo sợ và không bức xúc, không sanh loạn động. Bồ-tát ấy đối với tài lợi của tự thân thường an vui biết đủ và quyết không mong cầu lấy tài lợi phi pháp. Đồng thời dùng thiện căn nầy làm cơ sở xa lìa trộm cắp, khiến tất cả nghiệp chướng tiêu trừ không còn sót lại và không thọ nhận quả báo ấy. Như vậy, mười đạo nghiệp bất thiện cũng có thể trực tiếp phá hoại sự tu thiện của tự thân". Kinh Nguyệt Đăng nói: "Nghe sân hận mà tội diệt thì cũng như kẻ ngu phu không thật

sân hận mà lại thóa mạ và phỉ báng. An trụ vào pháp nhẫn thì hàng phục hết các tội nghiệp đã tạo trong quá khứ và đối với sự khởi tâm sân của Bồ-tát…".

Luận nói: Về lực chế chỉ như trên đã trình bày nay phải nói về lực y chỉ. Thuyết duyên khởi giải thích "Nếu có thể quy y Phật thì không đọa vào đường ác, xả thân người nầy rồi liền được sanh vào cõi trời. Nếu quy y Pháp, quy y Tăng thì cũng giống như trên đã nói…". Kinh Từ Thị Giải Thoát nói: "Nếu Bồ-tát làm thanh tịnh các nghiệp chướng, các pháp bất thiện biến khắp cả đại địa nhưng khi kiếp hỏa khởi lên thì tất cả sở hữu đều thiêu đốt hết. Nhẫn đến ví như có người dùng một lượng điểm nước Hát-tra-ca với ngàn lượng sắt để tạo thành vàng ròng thì chẳng phải nhiều lượng sắt kia có khả năng khiến cho giọt nước trở lại thành sắt. Sự phát tâm Nhất thiết trí cũng lại như vậy, dùng một thiện căn để hồi hướng về trí tuệ có thể nhiếp thọ tất cả nghiệp chướng phiền não thành Nhất thiết pháp trí chứ chẳng phải nghiệp phiền não có thể khiến cho Nhất thiết tâm trí trở lại làm phiền não. Nầy Thiện nam tử! Nếu có người cầm một ngọn đuốc đi vào nhà tối tức thời có thể phá tan bóng tối ngàn năm cố hữu. Sự phát khởi tâm nhất trí cũng lại như vậy. Nếu đi vào nhà tâm u ám vô minh của một chúng sanh thì đều có thể phá tan trăm ngàn nghiệp chướng phiền não cố hữu không thể nói hết và phát ra ánh sáng trí tuệ. Thiện nam tử! Như Đại Long Vương trên đầu có chứa ngọc ma ni như ý nên không có oán thù khác làm cho hoảng sợ được. Tâm Bồ-đề nầy cũng lại như vậy. Nếu Bồ-tát có đầy đủ tâm đại bi thì dù có đi vào đường ác cũng không sợ hãi". Kinh Ưu-ba-ly Sở Vấn nói: "Bồ-tát trụ Đại thừa nầy ở thời gian đầu ngày có phạm tội mà giữa ngày ấy không xa lìa tâm Nhất thiết trí, thì như vậy Bồ-tát được đầy đủ giới uẩn. Nếu giữa ngày có hủy phạm tội mà sau đó cuối ngày không xả bỏ tâm Nhất thiết trí thì Bồ-tát cũng được đầy đủ giới uẩn. Ta phải nói thứ tự như vậy. Phật bảo Ưu-ba-ly: Trụ nơi Đại thừa Bồ-tát nầy hoặc khi xả học xứ giới nhưng đối với Bồ-tát kia chớ có khởi việc ác cũng chớ có tùy chuyển. Nếu lại đối với hàng Thanh-văn kia lần lượt mà nói là có tội hủy phạm. Tuy nhiên, người Thanh-văn nói là mất giới uẩn nên phải biết như vậy cho đến nói rộng".

Phẩm 9: NHẪN NHỤC

Luận nói: Nhẫn nhục nầy chẳng những không xa rời mà còn có nhiều pháp môn chuyển hóa, lại khéo thủ hộ khiến giới uẩn tăng trưởng. Như vậy, xa lìa được nghiệp chướng ràng buộc và phá các kiết phiền não. Cho đến nghe nhẫn mà không thể nhẫn làm giảm mất sự tinh tấn, nên lười biếng

thoái lui. Hoặc lại không nghe, không biết phương tiện đẳng trì, do không có phương tiện làm thanh tịnh các phiền não nên lười biếng thoái lui, chỉ vì nghe tu tập rồi mà thực hành còn tạp loạn. Nghĩa là chịu khổ chuyên cần đọc tụng ở trong rừng núi sâu, hành giả tạm dừng tạp loạn nhưng tâm không có phương tiện đẳng trì. Sự đình chỉ nầy cũng thuộc về đẳng trì còn không có quả nhỏ, huống hồ làm thanh tịnh các phiền não. Giả sử có tu pháp quán nầy cũng làm mất ít pháp thiện, huống gì nói làm thanh tịnh các phiền não. Kinh Pháp Tập nói: "Bàn về nhẫn nầy thì có ba loại. Đó là: Nhẫn an trụ ở khổ, nhẫn quán sát thật pháp và nhẫn chịu oán thù làm hại. Nhẫn an trụ ở khổ tức đạt được cứu cánh sự đối trị khổ sở và diệt trừ chấp trước ái lạc cùng hai loại phiền não khác tức sân nhuế và lười biếng". Kinh Nguyệt Đăng nói: "Người chấp trước vào ái lạc cũng không thể xả bỏ khổ". Kinh Bảo Vân nói: "Nếu dung nạp hoài nghi, ưu, bi, khổ não thì phải trụ vào phương tiện nhẫn mà điều phục". Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Lại nữa, Trưởng giả Bồ-tát tại gia nên phải xa lìa sự tổn hại không như lý, chớ bám vào tám pháp của thế gian như vợ, nô bộc và các sự thọ dụng tiền tài lúa gạo… cũng không nên lấy sự cao ngạo làm niềm vui. Giả sử gặp phải các điều xấu ác cũng không chịu hạ thấp mình sầu não. Nên quán thế nầy: Các tướng hữu vi, đều là huyễn hóa tạo thành nên khi khởi lên cao ngạo thì liền chấm dứt, diệt trừ tội báo. Nghĩa là biết rõ cha mẹ, con cái, nô bộc, thân thuộc, bạn bè… nầy vốn chẳng phải của ta và ta vốn cũng chẳng phải là họ". Như có kệ nói:

Nếu có tập căn bản
Do gì khởi sầu não
Hoặc không Tập căn bản
Sao lại khởi ưu sầu.

Gọi là tập căn bản, là vì si, khuể, não, mê man mỏi mệt, lười biếng, hoặc chấp trước sức mạnh khởi lên lỗi lầm lớn, nếu si mê nuối tiếc ăn năn thì tuổi thọ thoáng chốc chẳng còn lâu, nên phải xa lìa những việc không ích lợi nầy, đó là việc khó.

Luận nói: Sao gọi là xả bỏ sầu não ấy? Nghĩa là phải phát khởi tâm xem thường đối với chúng. Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói: "Đối với xả ly nầy tức là khiến tâm nhu nhuyến như nhìn thấy sợi tơ mỏng". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nên như vua Thắng Tài, Đồng nữ phát khởi tâm như vậy để diệt trừ các phiền não, dùng tâm "Vô Năng Thắng" để phá hoại các sân nộ, dùng tâm bất động ở trong biển chúng sanh mà không thoái đọa cảnh giới của thâm tâm".

Luận nói: Người tu tập như vậy thì không cho đó là khó. Như có người ngu chấp rằng nếu không cần cù vác cày làm ruộng, săn bắn, chế phục được khổ nhọc mà hy vọng đạt được kết quả vi tế, thì cũng như đối với tâm trần cấu uế không hối não mà lại mong cầu các hành diệu lạc nầy. Niềm vui của các Bồ-tát là làm việc tối thắng để đạt đến quả vô thượng. Lại như các người hèn mọn không có chút lợi ích gì đối với tự thân khó làm mà còn không trừ bỏ, chỉ vì tự trói buộc sự suy nghĩ, ương bướng nên thọ nhận như quyết hơn thua. Huống gì những thứ nầy từ lâu đã vô ích, chịu nhiều khổ não! Do đâu mà đối với chút ít pháp thiện không thể hy vọng nắm bắt? Các hình phạt ở địa ngục và các giặc hại ở thế gian, cũng như ngục tốt đang cầm giữ tội trọng để xử phạt không bỏ sót. Tùy tội tạo tác mà gặp quả báo thật là thống khổ, não hại chẳng chút oan ức. Cho nên, Bồ-tát ở thời gian lâu xa, không có ràng buộc, cần lao khổ nhẫn phá trừ giặc phiền não hết sạch không còn thiếu sót, ở trong ba cõi đầu đội mũ thù thắng, cầm giữ pháp khí phá tan các ma oán giải cứu chúng sanh bị trói buộc. Do trước có tu tập khắc phục khổ não mà nay được thành tựu. Đối với chúng sanh tu tập khổ tưởng lạc, nghĩa là khi các khổ khởi lên thì theo đó mà tu tưởng an vui. Nếu trụ vào tưởng an vui tức có thể thành tựu quả nầy mà đắc thiền định nên gọi là vượt lên trên các pháp lạc. Kinh Phụ Tử Tập Hội nói: "Phật dạy có loại thiền định siêu vượt các pháp lạc. Nếu Bồ-tát được các định nầy thì đối với các cảm thọ sự duyên như là lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ… chẳng phải chỉ một nhân duyên như nó vốn có mà đạt được tưởng an vui. Ví như có người cắt đứt tay chân, tai mũi… rồi ngay chỗ đó tưởng được an vui. Và dùng roi đánh vào thân mình mà tưởng an vui, hoặc bị trói buộc trong lao ngục khổ sở mà tưởng an vui. Nghĩa là tưởng có y áo, tưởng có đèn dầu, tưởng có thức ăn… Hoặc tạo mặt cú vọ, tạo mặt sư tử, tạo mặt hung bạo cho đến tạo ra tiền vàng, tạo ra việc ăn uống, dâng rượu v.v… mà tưởng an vui. Hoặc bị móc mắt phá hoại mạng căn gây ra các sự tổn hại và đoạn đầu mà tưởng an vui, tưởng không khổ không vui. Vì sao thế? Vì Bồ-tát nầy có nguyện lực tu tập trong suốt đêm dài sanh tử như vầy: Hoặc ta vì người chạy theo khiến cho được gần diệu lạc, hoặc ta vì người phạm tội thì cũng vì để thừa sự tôn trọng, cung kính cúng dường khiến cho tất cả thời xứ được gần diệu lạc. Hoặc như gặp lời nói ác chê bai hay kẻ dùng dao gây đánh đập đến nỗi hủy hoại mạng căn thì tất cả điều ấy chỉ vì được niềm vui Bồ-đề và thành quả A-nậu-đa- la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Đầy đủ tác ý, sự nghiệp và nguyện lực như vậy, cũng lại đầy đủ tất cả chúng sanh tùy biết tưởng lạc gần gũi tu tập nên đối với nghiệp báo kia có nhiều sự tu chỉnh mà đạt được các pháp lạc thiền định.

Nếu khi Bồ-tát chứng đắc cho đến tất cả pháp lạc thiền định thì đạt được tâm bất động khiến các ma sự hoại diệt. Nhờ phương tiện nầy mà viên mãn tất cả pháp xả thí, thành tựu tất cả pháp khổ hạnh khó làm, kiên trụ tất cả pháp nhẫn nhục, sách động tất cả pháp tinh tấn và hỗ trợ tu tập các thiền định trí tuệ nên thường an vui". Kinh Nguyệt Đăng nói: "Thường vui vẻ tôn trọng và thường trụ chánh giác". Kinh Vô Tận Ý nói: "Sao gọi là vui vẻ? Nghĩa là vui vẻ mà niệm pháp tín thanh tịnh, phát khởi tâm dõng mãnh không sanh biếng nhác, không có các bức xúc, không cầu năm thứ dục lạc, không lìa tất cả pháp lạc. Do tâm kiến lập thân vui, biết vui khởi lên ý an lạc điều hòa, nên mong cầu thân tướng đẹp đẽ trang nghiêm của Như Lai, khéo léo nghe pháp, không hề chán, nương vào thật pháp để thực hành. Nhờ vào pháp mà sanh khởi sự vui thích và tin tưởng thanh tịnh. Tuy nhiên đối với chúng sanh hiểu rõ thì không trở ngại, lấy dục, cần tối thắng mà cầu pháp Phật không bỏ pháp dục, tin hiểu rộng lớn diệu pháp của chư Phật, đã chỉ bày các thừa giải thoát đã phát tâm tối thượng trừ bỏ sự xẻn tiếc. Nếu mới phát tâm bố thí, đang bố thí, bố thí xong phải ba luân thanh tịnh, vui vẻ mà bố thí. Đối với giới luật vi diệu cũng thường thanh tịnh. Do trì giới thanh tịnh thu nhiếp các sự hủy phạm mà siêu vượt sự sợ hãi của các đường ác, hướng về giới cấm của Phật giữ gìn không thiếu sót. Nếu có người khác xấu đến chửi mắng, làm nhục, thì lời nói, đạo tâm không ra sức đáp trả, chỉ vui vẻ, điềm nhiên cố nhẫn chịu chuyển thành ý tôn trọng cho đến không có sự kiêu mạn. Dung mạo thường ôn hòa khiêm cung xa lìa sự cau có. Trước hết dùng lời ái ngữ không có dua nịnh hiểm độc và ý trong sáng không tà vạt, tâm không thô tháo. Thấy người khác hơn mình cũng không tìm cách ức chế, không dò xét và bêu rêu lỗi lầm sai trái của người khác, nên tu pháp hòa kính và đối với chúng Bồ-tát thường cung kính như Phật. Do kính trọng pháp của chư Phật mà tiếc cho thân mạng lỗi lầm, nên đối với các bậc sư trưởng xem như cha mẹ của mình, đối với chúng sanh thì giữ gìn giống như con một. Đối với Hòa thượng, A-xà-lê cung kính tưởng như Phật. Đối với các chánh hạnh thì đều tôn trọng hàng đầu, yêu thích thực hành các pháp Ba-la-mật như mến tiếc tay chân, đối với các sự thuyết pháp xem như báu vật, các lời dạy bảo sống trong chánh pháp như thân cận ngũ dục, đối với hạnh hỷ túc thì xem như không có bệnh não, cầu pháp thắng diệu xem như hy vọng gặp thuốc hay, phải bày tỏ lỗi lầm thì xem như giải bày bệnh cho thầy thuốc. Như vậy, nên điều phục chế ngự các căn khiến chúng không còn lười biếng. Đây gọi là hỷ".

Luận nói: Nói về học xứ trang nghiêm của Bồ-tát thì như kinh Đại Vân nói: "Nếu vui ở địa ngục, bàng sanh thì đối với địa ngục tâm thường

định giới. Tuy ở địa ngục mà luôn được tự tại. Lại nữa, thích địa ngục tức đối với địa ngục, tâm sanh yêu đắm và keo kiệt ganh ghét. Khiến cho lửa địa ngục đã cháy càng cháy mạnh hơn".

Luận nói: Bàn về việc an trụ khổ nhẫn thì như kinh Hải Ý nói: "Có ba loại nhẫn. Phật bảo Hải Ý: Bồ-tát như chỗ phát tâm Nhất thiết trí của mình thì hoặc bị phi nhân hủy phạm tịnh giới. Nghĩa là các ma, dân ma, thiên ma, quyến thuộc ma dùng sức lực khiến sứ giả của ma cố đến xâm hại kích động, đánh đập… Bồ-tát ở trong lúc ấy phải dùng tâm Bồ-đề kiên cố sâu xa làm pháp khí khiến không phá hoại được, cũng không thể hủy hoại tâm đại bi tinh tấn giải thoát tất cả chúng sanh, cũng không thể hủy hoại làm cho dòng Tam bảo dứt đoạn, cũng không thể hủy hoại các pháp Phật và sự tích tập các gốc thiện tương ưng ở trong đó, cũng không thể hủy hoại sự thành tựu tướng hảo tu tập hành phước, cũng không thể hoại sự tinh tấn dõng mãnh trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, cũng không thể hoại việc cầu tất cả pháp, không tiếc thân mạng, cũng không thể hủy hoại việc độ tất cả chúng sanh và không tham trước lợi lạc bản thân. Nói chung đối với các việc ấy Bồ-tát đều lấy tâm sâu xa tác ý đầy đủ như vậy. Nếu bị sự ác tặc của tất cả chúng sanh hoặc gặp kẻ sân si chửi mắng, đánh đập thì Bồ-tát đều có thể nhẫn thọ. Nếu tất cả chúng sanh đem tâm xấu ác đến não hại bức bách thì Bồ-tát cũng kham nhẫn, không mỏi mệt, nhàm chán mà thoái mất. Ngược lại, Bồ-tát lấy thế lực dõng mãnh tinh tấn để điều phục, trụ trong pháp khổ nhẫn mà khởi tâm nhiếp thọ. Lại nếu có người đem tâm ác đến hoặc đánh đập gây tác hại bức bách thì Bồ-tát đối với tâm như vậy không ra sức đáp trả. Cho đến nếu có người ở trong mười phương thế giới dùng các binh khí truy đuổi người kia đến cùng, đến một địa phương nọ cho đến khi đi đứng nằm ngồi cũng bị truy bắt. Chính ở nơi đây gặp một người phát tâm Bồ-đề, tâm bố thí cho đến tâm trí tuệ, nghe người kia nói mà phát khởi một tâm thiện căn: Ta nên đến địa phương kia cho dù có bị đoạn tiệt thân mình dù rơi lả tả như lá cây hay bất cứ điều gì xảy ra ta cũng đều kham nhẫn. Lại nếu tất cả chúng sanh trong thế gian đều khởi sân nhuế nói lời ác chửi mắng hủy nhục, thậm chí đoạn cắt thân ta ra từng đoạn rã rời như lá cây rơi lã tã thì lúc ấy đối với chúng sanh nầy ta không hề khởi một chút tâm nhiễu động. Vì sao? Vì thân nầy của ta ở trong kiếp quá khứ vô lượng vô số kiếp luân hồi sanh tử chẳng điều gì mà không làm hoặc ở địa ngục, súc sanh, Diễm-ma-la, cho đến nay sanh trong loài người đắm trước việc ăn uống, thọ dụng các dục và nghe điều phi pháp, đồng thời gian khổ tìm cầu sự nuôi dưỡng tà mạng gặp phải nhiều bức bách. Do vậy, đối với thân mạng chưa từng có kết quả lợi ích. Mặc dù có đủ loại hành động mưu tính,

nhưng duyên vào chúng chẳng thể được tự lợi, lợi tha. Giả sử lại sống ở rốt cùng của sanh tử khiến các chúng sanh cắt đoạn thân ta thành từng mảnh vụn thì thà thọ khổ ta cũng không bao giờ xả bỏ Nhất thiết trí, lại cũng không bỏ tất cả chúng sanh và sự ham muốn pháp thiện. Vì sao? Vì thân nầy của ta tuy có nhiều thứ bức não khổ thiết hủy hoại, mà so với khổ não trăm lần ngàn lần ở địa ngục cho đến các phần của trường phái Ưu-ba-ni-sát cũng không bằng một phần của nó. Lại nữa, ở trong pháp Phật không xả bỏ tâm đại bi vốn duyên với tất cả chúng sanh. Nếu vì có gì đó mà khởi sân nhuế, ta phải lấy pháp mà đoạn trừ. Sao gọi là pháp? Nghĩa là sự ái lạc đối với thân, sự hệ thuộc ở thân, sự chấp trước ở thân. Xả bỏ thân nầy tức là xả bỏ sân nhuế. Phật bảo Hải Ý: Đối với tu pháp như vậy mà thâm nhập vào tức là có khả năng chịu đựng tất cả sự bức não của chúng sanh. Nếu không luyến tiếc thân mình mà có thể xả bỏ, cũng không có ái lạc tức là có thể tu tập bố thí Ba-la-mật. Lại nữa, nếu khi thân muốn hoại diệt và dùng đại từ không xả bỏ chúng sanh tức là có thể tu trì giới Ba-la-mật. Nếu khi thân sắp hoại diệt mà vẫn như nghĩa giải thoát để chịu đựng nhẫn thọ, lúc nhẫn phát ra khiến tâm không dao động tức là có thể tu nhẫn nhục Ba-la-mật. Nếu dùng lực chuyên cần dõng mãnh không xả bỏ nhiếp thọ tâm Nhất thiết trí ở trong sanh tử mà phát khởi các thiện hạnh tức là có thể tu tập tinh tấn Ba-la-mật. Nếu khi thân hoại diệt, ở tâm phát hiện Nhất thiết trí không bỏ Bồ-đề, như thật quán sát sự vắng lặng thù thắng thì có thể tu thiền định Ba-la-mật. Nếu khi tâm muốn hoại mà quán sát thân huyễn mộng như cỏ cây, ngói đá… hiểu rõ thân nầy là vô thường, khổ, vô ngã tịch tĩnh tức như thế quán sát thật đế thân nầy, đây tức có thể tu Thắng tuệ Ba-la-mật. Hơn nữa, giả sử có người đem tâm ác đến giận dữ, hủy nhục mình thì nên nghĩ rằng người ấy biếng nhác, xa lìa pháp thiện. Ta nay nên phát khởi sự chuyên cần tinh tấn tu tập để gieo trồng các gốc thiện chớ có nhàm chán, bèn nguyện cho người ấy trước ngồi ở đạo tràng rồi cuối cùng Ta mới thành tựu chánh giác". Nói chung, tất cả chúng sanh ấy gọi là chưa điều phục, chưa tịch tĩnh, chưa cẩn mật hộ trì nhưng vì làm lợi ích cho họ nên ta phải mặc áo giáp nhẫn nhục để trang nghiêm. Nhẫn đến, ta nương vào pháp nầy để biết rõ sao gọi là sân, sao gọi là không sân, cả hai thứ đều không thể được. Lại nếu sân, chẳng sân hoặc mình hoặc người, sân với người sân đều không thể được. Đã không được gì còn xa lìa cái thấy nầy, đây gọi là nhẫn. Kinh Bát Nhã nói: "Nếu các chúng sanh có tranh chấp thì Bồ-tát nên khởi tâm nầy: Ta phải khuyên họ tránh khỏi. Ta nay đối với sự tranh chấp nầy không gặp trở ngại. Nếu có khởi tranh chấp thì ta nên đối với chúng sanh làm cầu nhẫn hòa. Nếu ta bị người khác đem lời ác chửi mắng hủy nhục thì

nên bảo rằng ông tại sao nói lời nầy? Và không nên ra sức đáp trả. Vì chỉ có người ngu si và dê câm mới không khởi lên tranh chấp. Người khác hoặc đem lời ác đến hủy nhục mình thì nên đừng đem tâm gây tổn hại họ mà phải thân gần họ để nói lời pháp thiện, không nên tương tợ người kia khởi lên lỗi xấu nầy. Hơn nữa, nếu ta nghe tội lỗi của người khác thì cũng không làm giống họ. Vì sao? Vì ý của ta không có sân giận. Lại nếu tất cả chúng sanh muốn có các thứ diệu lạc thì ta nên cho họ diệu lạc, cho đến Niết-bàn thành tựu chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Tuy nhiên, ta đối với người khác không hề khởi sân nhuế và đối với mình, người cũng không khởi hạnh ngu si mà chỉ tu tập tinh tấn kiên cố. Nhờ vào tinh tiến kiên cố nên dù có thân hoại mạng chung cũng không hề sân giận hiềm khích". Lại nữa, kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói: "Nếu đối với chúng sanh sân nộ thì phải như vậy mà an ủi, thật khéo an ủi an trụ nhẫn nầy được tùy thuận pháp hỷ".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 13

Phẩm 10: TINH TẤN BA LA MẬT

Luận nói: Tuy nghe trụ nhẫn như vậy, phát khởi tinh tấn nhưng đối với điều nầy chưa nghe sẽ khởi hủy phạm. Như kệ trong kinh Nguyệt Đăng nói:

Trái pháp không hộ giới
Thì được bao nhiêu phước
Phá giới dẫu đa văn
Không thể thoát đường ác!

Luận nói: Do nghe đầy đủ mà khả năng thù thắng. Kinh Na La Diên Sở Vấn nói: "Thiện nam tử! Như những gì nghe hiểu mà đạt được tánh tuệ thù thắng. Nhờ việc nghe mà dứt trừ phiền não khiến ma phiền não không có cơ hội khởi lên". Trong đây trình bày rộng như kinh Tối Thượng Đại Tiên Bổn Khởi nói: "Bồ-tát có đầy đủ tâm sâu xa tôn trọng dục pháp ở trong thế giới khác hiện ra trước chư Phật tùy nơi mà lắng nghe pháp. Nếu Bồ-tát tinh tấn muốn pháp thì ở nơi rừng núi tích chứa pháp tạng và được vô lượng pháp môn kinh điển dễ như trong lòng bàn tay. Lại nữa, các Bồ-tát tinh tấn muốn pháp mà được chư Phật hiện ra trước mắt và chư Thiên v.v… cùng với biện tài của Phật cho đến khi mạng sống sắp hết được Phật Thế Tôn và chư Thiên v.v… làm tăng tuổi thọ và sắc lực tươi tỉnh để mạng sống kéo dài trong ngàn năm vượt ngoài ý mong cầu trước đó. Đồng thời được Phật và chư Thiên gia trì thủ hộ cho đến sống một kiếp. Lại nữa, các Bồ-tát sống tôn trọng pháp thì được Phật Thế Tôn diệt trừ khổ già bệnh chết, được trao cho chánh niệm và thông suốt biện tài. Cho đến được trao cho chánh kiến, tùy theo kiến giải có thể thuyết. Lại nếu Bồ-tát tinh tấn muốn pháp thì không sợ tất cả sự đối địch của người khác v.v… Do đó, đối với tư lương tinh tấn, đa văn và các thiện xảo, Bồ-tát nên khéo tu tập như vậy".

Luận nói: Bồ-tát nghe bao nhiêu loại hành thì mới hiểu nhập Tỳ- nại-da? Kinh Vô Tận Ý nói: "Do nghe tám mươi loại hành mà có thể thâm nhập và tin hiểu. Tám mươi loại hành ấy chính là hành mạnh muốn, hành tâm

sâu xa, hành tâm kiên cố, hành tương ưng, hành không cao ngạo, hành không phóng dật, hành cung kính, hành tôn trọng cực độ, hành lìa danh tướng, hành nói lời thiện, hành thừa sự, hành nghe lợi ích, hành tác ý, hành không tán loạn, hành không bám trụ, hành thật tưởng, hành tưởng thuốc thang, hành tiêu trừ tất cả bệnh tật, hành chánh niệm, hành đạt hiểu biết, hành ý vui vẻ, hành ngộ nhập, hành lắng nghe pháp Phật mà không nhàm chán, hành xả rộng lớn, hành hiểu biết rõ mà điều phục, hành gần gũi đa văn, hành an vui chấp nhận sự tạo tác, hành thân dõng mãnh, hành tâm an vui, hành nghe không biếng nhác, hành nghe nghĩa lý, hành nghe pháp, hành nghe oai nghi, hành lắng nghe lời nói người khác, hành nghe diệu pháp chưa nghe, hành nghe thần thông, hành không thích thừa khác, hành nghe các pháp Ba-la-mật, hành nghe Bồ-tát tạng, hành nghe nhiếp sự, hành nghe phương tiện khéo léo, hành nghe phạm hạnh, hành nghe chánh niệm chánh trí, hành nghe thiện xảo đã sanh, hành nghe thiện xảo chưa sanh, hành hành quán bất tịnh, hành quán từ bi, hành quán duyên sanh, hành quán vô thường, hành quán khổ, hành quán vô ngã, hành quán tịch diệt, hành quán không, vô tướng, vô nguyện, hành vô tác, hành khéo làm, hành kiến lập chân thật, hành không giảm mất, hành sống một mình, hành giữ gìn tự tâm, hành tinh tấn không biếng nhác, hành quán sát thật các pháp, hành đối trị phiền não, hành mong cầu riêng phần pháp thiện, hành hàng phục phần phiền não của người khác, hành nương tựa thất thánh tài, hành đoạn sự bần cùng, hành tán thán trí các hữu, hành vui mừng gặp bực trí, hành bình đẳng của thánh chúng, hành tịnh tín của bậc phi thánh, hành kiến đế, hành xa lìa tai họa của các uẩn, hành suy lường tội lỗi của pháp hữu vi, hành nương theo nghĩa, hành nương theo pháp, hành biết tất cả việc ác, hành lợi ích mình và người, hành tu tập pháp thiện không phát khởi nghiệp khác, hành hướng đến sự thù thắng, hành tất cả pháp Phật vốn đạt được". Kinh kia lại nói: "Nếu ở trong trợ pháp tương ưng tức đạt được nghiệp trí như vậy. Sao gọi là trợ pháp tương ưng? Nghĩa là ít việc, ít cầu mong và thận trọng trong lời nói việc làm. Lại nữa, từ đầu đêm cho đến cuối đêm luôn lắng nghe các pháp thế gian mà thuận theo lý tương ưng, luôn luôn tìm tòi suy tư việc làm lợi ích người khác, tâm không nhiễm ô nhằm trừ hết các ngăn che, chướng ngại. Đối với sự phạm tội khác dùng trí tuệ để xuất ly mà không khởi việc tạo tác ác và phát khởi tâm hướng đến chánh hạnh kiên cố, thích pháp, kính pháp, vì pháp sâu xa, đầy đủ tinh tấn như cứu đầu cháy, hy vọng trí tuệ đạt đến nơi an nghỉ, không rời giới cấm, không bỏ trọng trách, hướng đến sự thù thắng và xả bỏ sự vô ích, thích một mình ở nơi yên tĩnh khởi tác ý hiện tiền và thực hành các công đức tháp Phật, gieo trồng chủng tử Thánh, vui

mừng biết đủ không tạp loạn, vui thích pháp lạc không nghĩ đến lời nói của thế gian, cầu pháp xuất thế và thông đạt nghĩa lợi không có vọng niệm, tùy thuận chân đạo và biết duyên giữ giới dùng hổ thẹn để trang nghiêm, dùng trí chân thật kiên cố để phá hoại vô trí, lấy tuệ nhãn thù thắng làm sự thanh tịnh vi diệu để hiểu rõ sự ràng buộc của vô minh si ám, hiểu biết rộng lớn không có tà vạy, hiểu biết phân biệt, hiện chứng hiểu biết, không thuận theo người khác mà được, tự giữ gìn công đức của mình và khen ngợi công đức của người khác. Như vậy, nếu khéo tu tập không đọa vào nghiệp báo thì gọi là trí nghiệp thanh tịnh". Trong văn Bát nhã có nói: "Nên nghe Kinh Luận Phương Quảng như thế nào? Phải nên học như vầy: Chẳng phải nghĩa lợi thì nên xa lìa. Như gọi là luận xứ của thế gian: Tiên Bốc luận, Trùng độc luận, Mặc trí luận, Đồng tử hý kịch luận cho đến luận Biệt bộ giải thoát v.v… Tất cả luận như vậy đều hình thành nên sự si ám. Nếu người khéo trụ vào tất cả thừa của Bồ-tát thì đều phải xa lìa các hý luận ấy". Lại như kinh Vô Tận Ý nói: "Có bốn loại bố thí đối với Pháp sư làm trí tư lương được thành tựu. Sao gọi là bốn?

1. Dùng giấy bút biên chép kinh.
2. Trang hoàng pháp tòa.
3. Cung cấp đủ các thứ như danh văn lợi dưỡng.
4. Vì nhiếp thọ pháp, không đem lời dua nịnh để khen ngợi.

Lại có bốn sự hộ trì.

1. Hộ trì tự thân
2. Hộ trì pháp thiện.
3. Hộ trì thế gian.
4. Hộ trì việc lợi ích.

Lại có bốn loại trụ làm trí tư lương để được thành tựu.

1. Trụ ở Pháp sư thuyết pháp.
2. Trụ vào Pháp.
3. Trụ ở sự lợi dưỡng.
4. Trụ vào giác ngộ

Kinh Hoa Lâu Các nói: "Nếu người đem bảy thứ báu như núi Tu-di cúng dường cho Bồ-tát tại gia thì không bằng lấy một ngàn đồng tiền cúng cho Bồ-tát xuất gia hoặc tin hiểu công đức xuất gia mà bố thí một lóng tay để tu pháp thí khó làm. Nếu tất cả các sở hữu, chỉ trừ xuất gia, có được kết quả lớn ấy thì Như Lai Tối thượng chẳng cần phải nói lý như vậy với tại gia, huống hồ người tại gia vô trí, tâm không đầy đủ pháp thiện". Kinh Tối

Thượng Sở Vấn nói: "Nếu nhất tâm xa lìa sự phạm tội đối với quyến thuộc của người khác thì gọi là vô tội. Người kia nếu không thể xa lìa tánh tội khó điều phục thì đối với người tại gia kiến lập nên tội nầy".

Phẩm 11: NÓI VỀ A LAN NHÃ

Phần 1

Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói: "Nương tựa vào A-lan-nhã rồi sau lại quay về nhà là tánh tội". Kệ trong kinh Nguyệt Đăng nói:

Không khởi vướng dục
Xa lìa quyến thuộc
Xả bỏ tại gia
Được đạo vô thượng
Nếu lìa khỏi dục
Như tránh hầm lửa
Lo sợ ở nhà
Xa lìa quyến thuộc
Bồ-đề Vô thượng
Kia không khó được
Chưa có ba đời
Chư Phật Như Lai
Do thường tại gia
Trụ ở địa dục
Mà hay đạt được
Bồ-đề thắng diệu
Xả bỏ vương vị
Như bỏ đàm dãi
An trú chỗ không
Xa lìa các dục
Đoạn trừ phiền não
Hàng phục ma oán
Ly cấu, vô vi
Ngộ đạo Bồ-đề
Ăn uống, y phục
Hoa đẹp hương thơm
Mà được thừa sự
Bậc thánh trong đời
Như xuất gia rồi

Phụng hành chánh pháp
Nếu có như vậy
Người cầu Bồ-đề
Khéo lợi chúng sanh
Chán việc hữu vi
Hướng đến chốn không
Dù đi bảy bước
Thu được phước báu
Tối thắng vô song
Hoặc trực tiếp gặp
Chẳng chúng đồng phần
Ưa ở chúng hội.
Mong tài lợi ấy
Chúng sanh hành theo
Lìa nơi chốn không
Là nạn ngu si.

Kinh kia lại nói kệ:

Trí không tranh với ngu
Gay gắt phải nên bỏ
Lìa khỏi tâm ác nầy
Chớ tranh pháp người ngu
Trí không gần với ngu
Biết rõ bản tánh ngu
Gần nhau lâu ắt khiến
Sau sẽ thành oán ghét
Trí không bảo thủ ngu
Hiểu rõ bản tánh ngu
Gọi thể tánh ngu si
Tự nên cầu phá hoại
Do các phàm phu nầy
Đâu có thiện tri thức
Nếu pháp cùng ngôn thuyết
Không thuận, sân gây tội
Pháp ngu nầy rất độc
Nên người trí chẳng giữ
Pháp ngu cùng người ngu
Như phân với bất tịnh
Trí lại cùng người trí

Như sữa trong bình sữa.

Kinh kia lại nói kệ:

Thường ở thế gian
Xứ vui vô tận
Không có ít phần
Hoặc vui không vui
Chỉ ở suối rừng
Tùy được thọ dụng
Sa-môn thật vui!
Những gì có được
Tất cả đều không
Không có vướng bận
Trói buộc lấy mình
Như gió thổi không
Như hạnh Độc giác
Cho đến thế gian
Các sự rất vui
Tâm thường như gió
Không hề vướng mắc
Hoặc vui, không vui
Không có tập hợp
Nói khổ não nầy
Không vui an trú
Hoặc nói vui kia
Không khổ không trái
Vì lìa hai bên
Chỉ pháp lạc nầy
Khác vui trong đời.
Kinh kia lại nói:
Khi đã đắc thường
Khéo tạo tương ưng
Lìa xa các tội
Không tranh phần ít
Lý tương ưng kia
Trụ A-lan-nhã
Được công đức nầy
Mà thường đạt lấy
Không mong hữu vi

Không thích thế gian
Không tăng hữu lậu
Trụ trong rừng núi
Được thắng năng nầy
Không khởi phần tội
Thường vui tịch tĩnh
Thân ngữ ý mật
Và hành viễn ly
Người trụ "không nhàn"
Được nhiều công đức
Được chán lìa kia
Nhanh ngộ giải thoát
Giải thoát tịch tĩnh.
Người ở rừng núi
Tức ở giải thoát
Nơi A-lan-nhã
Được công đức nầy
Nương vào suối rừng
Mà thường xa lìa
Thành ấp xóm làng
Vui xa lìa rồi
Thường như Độc-giác
Không có bạn lữ
Chẳng phải đợi lâu
Được thù thắng định.

Lại nữa, kệ trong kinh Hộ Quốc nói:

Xả bỏ tại gia
Vô lượng lỗi lầm
Cũng thường không thích
Lo nghĩ hiểm, sâu
Được vui núi rừng
Các căn diệu lạc
Công đức tịch tĩnh
Không có nam nữ
Vui cười luận nói.
Ví có người đến
Như hạnh Độc-giác
Tâm tịnh không nhơ

Không ưa tài lợi
Ý không đam mê
Luôn luôn muốn ít
Thường xa lìa đây
Dối cầu cung kính!

Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói: "Ta không nên tạo ra sự tập hợp của chúng sanh, chẳng phải đối với một chúng sanh mà khởi thiện căn, hoặc do chỗ nghe trước đủ trong một sát na mà đem tâm tham trước tài lợi bất tịnh. Nếu có gặp trời người cũng đều phải xả bỏ". Kinh Bảo Lâu Các nói: "Phật bảo: Ca-diếp-ba! Thí như có người ở trong vũng nước lớn nhưng lại bị khát nước mà chết. Nầy Ca-diếp-ba! Sa-môn, Bà-la-môn nầy cũng lại như vậy, ở trong nhiều pháp môn thọ trì đọc tụng mà không thể đoạn trừ khát ái, tham, sân, si, ở trong biển pháp lớn lại bị các thứ phiền não khát ái bức bách cho đến chết thì sau sẽ đọa vào đường ác". Luận nói: Do vậy nên quyết định nương vào A-lan-nhã hoặc nơi tương tự. Lại nữa, kinh Bảo Vân nói: "Nếu trụ ở nơi dễ đi khất thực không gần cũng không xa thành ấp, xóm làng, nơi gần suối, ao hồ để tắm rửa thanh tịnh không dơ bẩn và ít sợ hãi, nơi có lá, hoa quả đều đầy đủ, xa lìa hiểm ác và trụ nơi chỗ hang động hết mực thanh tịnh. Như vậy, Bồ-tát trụ ở chỗ nầy trước hết phải nên đêm ngày sáu thời tự đọc tụng kinh điển tiếng không cao thấp, khéo đóng kín các căn khiến tâm không chạy theo ngoại cảnh. Ở trong tịnh mạng nầy buộc niệm lại một chỗ rồi khéo gìn giữ tướng ấy, không tham đắm sự ngủ nghỉ. Nếu có vua, vương thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn và các quan khác hoặc người thân thiết đến nơi A-lan-nhã thì Tỳ-kheo kia nói như vầy: Hay thay Đại vương! Như chỗ đã sắp xếp có thể ngồi vào. Nếu khi vua ngồi thì Tỳ- kheo cũng ngồi. Vua không ngồi, Tỳ-kheo cũng không ngồi. Nếu các căn của vua động loạn thì nên nói lời khen ngợi: Đại vương được thiện lợi lớn. Đất nước của vua có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn đầy đủ giới đức an trú trong đó, không bị người ác oán tặc gây não hại. Nếu các căn của vua thiện tịnh, có thể kham nhẫn pháp thì hãy thuyết pháp thiện xảo cho vua nghe. Nếu vua không thích pháp thiện xảo thì hãy nói pháp chán lìa. Nếu xét vua không thích pháp chán lìa thì phải nói cho vua biết về Như Lai có đầy đủ từ bi và oai đức. Nếu người đến gặp mình là Sát-đế- lợi, Bà-la-môn và các quan khác thì phải tùy nghi thuyết pháp hóa độ. Nếu những người kia là kẻ đa văn có khả năng nhận lãnh pháp khí thì phải giảng cho họ nghe diệu pháp để hàng phục tâm họ. Những chúng sanh kia do tin ưa pháp nầy mà được vui vẻ lớn". Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia sống ở A-lan-nhã nên quán sát nghĩa như vầy: Tại sao ta ở trong

A-lan-nhã? Nơi ấy chẳng phải chỉ có tướng Sa-môn mà có nhiều thứ độc hại, chẳng phải quán sát, chẳng phải tĩnh lặng, chẳng phải luật nghi, chẳng phải tương ưng, chẳng phải chỗ mong muốn cùng ở. Đó là chẳng phải người hay chim thú, đạo tặc, Chiên-đà-la ác xấu cùng ở. Những người kia không đầy đủ công đức của Sa-môn. Bấy giờ, Ta sống chốn A-lan-nhã phải nên làm viên mãn nghĩa của Sa-môn. Nầy Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia thực hành ở A- lan-nhã phải nên quán sát như vầy: Ta dùng nghĩa gì mà đến nơi A-lan- nhã? Ta vì sự sợ hãi nầy. Sao gọi là sợ hãi? Nghĩa là sợ hãi nơi huyên náo, sợ hãi tập hợp, sợ tham, sân, si, sợ kiêu mạn, phú hận, sợ ganh ghét và tài lợi, sợ hương sắc vị xúc, sợ ma uẩn, sợ ma phiền não, sợ tử ma, sợ thiên ma, sợ điên đảo vô thường mà cho là thường, sợ vì điên đảo mà cho vô ngã là ngã, sợ vì điên đảo mà cho bất tịnh là tịnh, sợ điên đảo cho chấp khổ là vui, sợ tâm, ý, thức, sợ lìa chướng khởi chướng, sợ thân kiến, sợ ngã và ngã sở, sợ nghi ngờ ba đời, sợ bạn ác, sợ quyến thuộc ác, sợ danh dự lợi dưỡng, sợ không thấy nói thấy, sợ không nghe nói nghe, sợ không biết nói biết, sợ không hiểu nói hiểu, sợ Sa-môn cấu uế, sợ sân nộ hỗ tương nhau, sợ ba cõi, sợ sanh trong các cõi hữu và ba đường ác. Tóm lại, sợ tất cả những tác ý bất thiện. Ta vì sợ hãi các hành tướng ác như vậy nên đến sống ở A-lan-nhã. Nầy Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia sống trong A-lan-nhã phải nên học như vậy. Nếu khi cái sợ sanh khởi thì, tất cả đều do ngã chấp mà khởi lên. Nói tóm lại, sống trong A-lan-nhã xa lìa ngã chấp tức là vô ngã, vô ngã sở, vô ngã tướng, vô ngã tưởng, vô ngã ái, vô ngã kiến, không bị ngã trói buộc, không bị ngã toan tính, lìa bỏ ngã, không thể vì thủ hộ tâm như vậy mà trụ ở A- lan-nhã thì điều nầy không có lợi ích. Lại nữa, Trưởng giả! Người trụ ở chỗ thanh tịnh thì không tưởng đến bản thân, không tưởng đến người khác. Nếu đối với các pháp không nói tức ở trong các pháp không có tạp loạn. Nầy Trưởng giả! Thí như chỗ A-lan-nhã có cỏ thuốc, rừng cây không sợ hãi kinh hoàng, cũng không có sợ đến nỗi lông tóc dựng đứng. Bồ-tát xuất gia trụ ở A-lan-nhã cũng lại như vậy. Đối với thân phát khởi tưởng như cỏ thuốc, rừng cây, cầu, tường vách, ngói, đá v.v... Tâm vốn như huyễn thì làm gì có chỗ sanh khởi phân biệt và có sự sợ hãi đến nỗi dựng tóc gáy. Như vậy, tâm sâu xa đối với thân mà quán sát: Thân nầy không có ngã, chúng sanh, thọ giả, dưỡng giả mà do ý sanh khởi nên hư vọng biến khắp. Sự sợ hãi nầy chỉ là giả danh, hư vọng, biến kế nên không cần phân biệt. Như cỏ thuốc, rừng cây ở chốn A-lan-nhã kia không có chủ tể cũng không có sự nhiếp phục. A-lan-nhã nầy không có sự nhiếp thuộc cũng lại như vậy. Đối với tất cả pháp đã biết như vậy rồi thì nên khởi hạnh ấy. Vì sao? Người trụ ở chốn thanh vắng giống như thây chết sình lên không có

chủ tể cũng không có sự nhiếp thuộc. Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia giống như trụ ở chốn thanh vắng. Đối với điều nầy đã biết nương vào lời Phật dạy trụ ở A-lan-nhã tức được tròn đầy pháp thiện và gieo trồng thiện căn sâu xa. Sau đó đi đến xóm làng thành ấp, vương cung mà thuyết pháp cho chúng sanh nghe. Lại nữa, Trưởng giả! Bồ-tát xuất gia đọc tụng giảng nói, giải thích nghĩa lý kinh điển, đi vào trong chúng kia mà được cung kính, thân gần Hòa thượng, A-xà-lê và bậc Trưởng lão nhưng đối với các tân Tỳ-kheo cũng nên tôn kính mà không lười biếng, thảy đều tự mình sắp xếp việc làm không khiến họ phiền não, cũng chớ khiến họ phải tôn trọng mình. Phải nên quán sát như vậy. Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác được chư Thiên, loài người, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh tôn trọng cúng dường, thế nên cho đến có các việc làm thảy đều tự mình sắp xếp chu đáo, không mong cầu có người giúp việc. Huống hồ ta nay muốn cầu quả vị vô học như vậy là chính phụng sự cho tất cả chúng sanh! Nếu ta phụng sự người khác với tất cả sự cung cấp, thì các việc làm của ta thảy đều tự thành tựu, không mong cầu sự phụng sự cung cấp nào khác. Vì sao? Nầy Trưởng giả! Vì đây là người tôn trọng phụng sự ở trong pháp công đức của Tỳ-kheo nhận lấy sự hủy phạm. Người tạo ra sự nhận lấy nầy để nhân đó được phụng sự. Ta chớ vì pháp nầy mà tạo ra sự nhận lấy kia". Kinh kia lại nói: "Lại nữa, Trưởng giả! Pháp Bồ-tát ở A-lan-nhã kia nếu thấy hoặc nghe Hòa thượng, A-xà-lê bị bệnh thì dù xa xôi mấy cũng nên đến hỏi thăm. Nghĩa là từ sớm đi đến chỗ kia nên khởi tâm ấy. Giả sử được người khác mời thỉnh đọc tụng giảng thuyết kinh điển và bày trí Tăng phòng như A-lan-nhã để ở thì tâm chớ có chấp trước. Như vậy, trụ trong A-lan-nhã cầu pháp không nhàm chán và đối với tất cả sự việc đều khởi tưởng như đối với chốn thanh vắng.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 14

Phẩm 11: NÓI VỀ A-LAN-NHÃ

Phần 2

Kinh Bảo Tích nói: "Lại nữa, hạnh A-lan-nhã, nếu có các phàm phu chưa đắc quả mà thấy hổ lang thì chớ có kinh sợ, mà nên phát tâm nầy: Ta đến chỗ A-lan-nhã nầy vốn đã có ý nguyện xả bỏ thân mạng thì chớ nên sợ hãi. Vì khởi tâm từ xa lìa tội lỗi nên không còn sợ hãi nữa. Nếu hổ lang đoạn lấy thân mạng ta, nuốt chửng thân ta thì nên khởi tâm như vầy: Ta được có cơ hội xả bỏ thân không kiên cố mà được thân kiên cố. Nếu chúng không ăn thịt ta thì khởi tâm: Loài hổ lang kia đâu có ưa phạm vào ta. Lại nữa, hạnh A-lan-nhã nếu có phi nhân đến hoặc đẹp hoặc xấu cũng không nên vui thích hoặc gây tổn hại. Nếu trước thấy có Phật hoặc chư Thiên đến chỗ A-lan-nhã nầy hỏi Tỳ-kheo về giáo pháp thì Tỳ-kheo đó phải nương vào khả năng mình tùy sở học mà nói pháp cho chư Thiên. Lại nữa, nếu khi có người hỏi những câu hỏi khó thì Tỳ-kheo ở trong A-lan-nhã hoặc không thể đáp khiến cho người ấy không sanh cung kính thì phải nói lời nầy: Ta nay chưa đạt đến quả vị vô học. Hoặc ta sẽ siêng năng tu theo lời Phật dạy, khi ấy nghe pháp đã hết, có thể thông đạt để giải quyết các nghi vấn. Ta nay chỉ có thể nghe được pháp nầy. Hơn nữa, tổng lược, nếu tu ở A-lan-nhã thì đối với cỏ thuốc, rừng cây còn không chấp trước, huống hồ sao gọi là sanh, sao gọi là diệt? Phải nên quán sát như vầy: Thân nầy không có ngã, không có chủ tể, không có tác giả, không có thọ giả, thì ai sanh ai diệt! Nên biết tất cả các pháp đều không có sanh diệt và thân nầy cũng vậy. Thí như cỏ cây, cầu, tường vách, ngói đá, không có ngã, không có chủ thể, không tác giả, không có thọ giả mà chỉ có nhân duyên hòa hợp sanh ra. Nhưng nếu nhân duyên ly tán thì tất cả hoại diệt. Lại nữa, ở trong nghĩa tối thắng không có một pháp được gọi là sanh hay gọi là diệt". Kinh kia lại nói: "Hơn nữa, hạnh A-lan-nhã nên phát khởi tâm nầy từ ta cho đến chốn A-lan-nhã vốn đơn độc một mình không có bạn lữ. Nếu ta có khởi làm ác hay làm thiện thì bấy giờ chỉ có Thiên, Long, Dược-xoa, Phật v.v... biết được tâm

sâu xa ấy và đều vì ta mà chứng minh. Lại nếu sống ở trong A-lan-nhã nầy dùng tâm bất thiện tự do phóng túng thì sẽ tạo ra các lỗi lầm. Nếu đến chốn xa xăm nầy một mình không có bạn lữ không có người thân không ngã không chấp thủ thì phải nên như thật giác tri. Đối với dục tầm, nhuế tầm và hại tầm cùng các pháp bất thiện khác đều phải như thật giác tri. Nếu ta ở trong chốn nầy mà không khác đối với các dục lạc hiện hữu trong những nơi phàm tình huyên náo tức là ta đã lừa dối Thiên, Long, Dược-xoa và chư Phật. Nếu như các tạo tác của ta không bị thiên long, Dược-xoa giải thích thì chư Phật thảy đều hoan hỷ".

Phẩm 12: TRỊ TÂM

Phần 1

Luận nói: Nên ở trong chốn A-lan-nhã nầy mà tu tập thiền định. Như Kinh Bát Nhã nói: "Người tu thiền định Ba-la-mật-đa thì được tâm không loạn động và làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Vì sao? Nếu người với tâm loạn động thì đối với định thế gian còn không thể đạt được huống hồ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Do vậy chỉ có người tu thiền định Ba-la-mật mới khiến tâm bất loạn và chứng quả A- nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề". Kinh kia lại nói: "Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm tu tập thiền định Ba-la-mật thì đối với tất cả tướng trí tương ưng mà tác ý tức khéo nhập vào thiền định. Nếu mắt thấy sắc không nắm giữ tướng ấy, thì cũng không chấp thủ sự tốt đẹp của hình hài. Nếu đối với nhãn căn không tu tập chế ngự tức là nương vào tà vọng mà gây tổn não khiến tâm ác bất thiện tùy đó mà lưu chuyển. Người hộ trì nhãn căn tức là chế ngự điều đó khiến nó diệt tận. Như vậy, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết v.v… tất cả đều không chấp thủ nắm bắt sự tốt đẹp của hình tướng bên ngoài. Nếu đối với ý căn không tu phòng hộ thì các tâm bất thiện và phi pháp theo đó mà lưu chuyển. Người hộ trì ý là chế ngự điều ấy khiến nó đi đến diệt tận tức đi đứng, nằm ngồi, lời nói, im lặng v.v… thảy đều không xa lìa thiền định, được thiền định thì tay chân không dao động miệng không tập nói cũng không đùa giỡn và các căn không tán loạn. Nếu thân và tâm không càn lỗi thì ba nghiệp được thanh tịnh, đối với giáo lý hiển, mật như đạo luật nghi, cho đến hạnh hỷ túc dễ nuôi dưỡng và hoàn mãn, khéo nhập vào hành xứ, xa lìa sự náo động, đối với sự được mất không hề phân biệt cao thấp v.v... Như vậy, đối với sự khổ vui, khen chê hoặc sống lâu, hoặc chết yểu không hề phân biệt cao thấp v.v… bình đẳng không sai khác. Nếu có gặp oán gia hay người thân thì tâm thường an nhiên bất

động. Dù gặp bậc thánh hay phàm phu thì việc lắng nghe của người ấy cũng không có tạp nhiễm. Đối với sự vui buồn cũng xem giống như một tướng duy nhất không có cao thấp, bình đẳng không sai biệt, vượt thoát khỏi sự thuận và nghịch. Vì sao? Vì đối với tự tướng không xem giống như không chân thật tức thấy các pháp không sanh không diệt cho đến nói rộng".

Luận nói: Người ưa thích tu tập xa lìa biếng nhác mà người luôn tác ý dứt trừ sự cao cử, lấy hai pháp kia làm cơ sở đối trị. Kệ trong kinh Hộ Quốc nói:

Qua vô lượng ức kiếp
Nơi có Phật ra đời
Do bậc Đại Tiên nầy
Khoảnh khắc được lợi ích
Xa lìa sự phóng dật
Giải thoát các dục nhiễm
Pháp hữu vi hư vọng
Như thấy trong mộng huyễn
Trái lìa, chẳng trụ lâu
Các ái cũng không thường
Như nỗ lực tìm cầu
Các địa Ba-la-mật
Cho đến ngộ Bồ-đề
Tinh tấn không nghi hoặc.

Kệ trong kinh Đại Hý Lạc lại nói:

Khổ già bệnh chết
Như hầm lửa đốt
Ba cõi cháy rực
Không chừa một ai
Chưa lìa luân chuyển
Thường ở ngu ám
Như ong bị nhốt
Trong cái ống dài
Ba cõi vô thường
Như người hát kịch
Như mây mùa thu
Chợt sanh chợt diệt
Mạng người biến hoại
Còn hơn nước dốc
Thật là nhanh chóng

Như ánh điện chớp
Tại thành cõi trời
Khắp ba đường ác
Vô minh liền khởi
Ái, hữu sanh ra
Bị chuyển năm đường
Như vòng cối xay
Thường thích sắc đẹp
Và âm thanh hay
Hương vị trong sạch
Xúc ưa mịn trơn
Tham trước điều nầy
Như tù bị trói
Như nai mắc lưới
Như khỉ bị nhốt
Thường nghĩ lo sợ
Tạo tưởng oan gia
Người thích dục lạc
Thật nhiều ưu não
Như dao sắc bén
Cũng như thuốc độc
Người trí xa lìa
Như bỏ bình phân
Người ngu đắm trước
Làm nhân sợ hãi
Làm gốc các khổ
Ái, hữu trói buộc
Bệnh tưởng già suy.
Người thích dục lạc
Sợ không quay về
Xưa có bậc thánh
Biết rõ dục nầy
Sợ như hầm lửa
Như vũng bùn lớn
Như dao dính mật
Như lánh kiếm không
Lại các bậc trí
Biết rõ dục nầy

Như bình phân dơ
Như đầu rắn độc
Như con lừa gỗ
Như bôi máu người
Như đầu chó chết
Như oan gia ác.
Lại các thánh trí
Biết rõ dục nầy
Như trăng trong nước
Như tiếng vang núi
Như ảnh trong gương
Như người hát kịch
Như thấy trong mộng.
Lại dục lạc nầy
Người trí hiểu rõ
Như huyễn như lửa
Như bọt nước nổi
Trụ trong khoảnh khắc
Biến kế khởi lên
Hư vọng không thật
Chỉ nói nhiều năm
Giữ gìn sắc tướng
Người vui ý nầy
Thật hành động ngu!
Khi già bệnh đến
Hoại khổ lấn át
Mất vẻ tươi nhuận
Như dòng nước khô
Tài lực thịnh vượng
Kho tàng chất đầy
Người thích điều nầy
Thật hành động ngu
Hoặc đến tài lợi
Sau sớm hủy diệt
Xa lìa cõi người
Như rừng thanh vắng
Thí như hoa, quả, cây
Người ưa thích nắm lấy

Bần cùng, khi già yếu
Chán bỏ như chim yến
Sắc tráng kiện, nhiều của
Ưa sanh ý vui thích
Khi bần cùng già yếu
Chán bỏ như thây chết
Lại tướng già suy nầy
Tuổi cao quá yếu ớt
Như lửa của sấm sét
Thiêu đốt cây cháy khô
Già yếu nầy đáng sợ
Cũng như nhà mục nát
Cho nên bậc Mâu-ni
Dạy nhanh cầu xuất ly
Lại như rừng Sa-la
Bị dây leo bám chặt
Như quyến thuộc nam nữ
Cây khô nhanh yếu mục
Như người bị sa lầy (bùn)
Thiếu nhanh nhẹn dõng mãnh
Tướng già cũng như thế
Không lanh lợi, xốc vác
Già biến hình dung xấu
Thế lực oai hùng suy
Thường tìm thú vui riêng
Đến chết không sáng suốt
Trăm thứ bệnh não hại
Quyết chẳng vui an ổn
Tướng ấy ở thế gian
Hừng hực, như thú dữ
Quán như khổ, lão bệnh
Là khổ não thế gian
Đều xả, tầm diệu lạc
Nói nhanh cầu xuất yếu.
Lại như sương và tuyết
Hại cỏ cây tươi tốt
Bệnh khổ ở thế gian
Hoại sắc lực mạng căn.

Tích chứa nhiều kho đụn
Tìm cầu rất nhiều thứ
Thường như người bệnh tật
Ưa khởi việc sân nhuế
Và oan gia báo hại
Thiêu đốt như mặt trời
Và đến khi chết rồi
Tài, mạng đều tán hoại
Như dòng sông không (trở) lại
Như cây rơi, lá, quả
Như nhánh cây giữa sông
Chìm nổi không tự tại.
Tùy nghiệp quả khó dừng
Riêng đi, không bè bạn
Cái pháp tử diệt nầy
Lại như cá ma-kiệt
Ăn nuốt vô lượng chúng
Như kim sí ăn rồng
Và chúa thú đánh nhau
Như hầm lửa cháy rực
Thiêu rụi các cỏ cây.

Lại nữa, kinh Giáo Thị Thắng Quân Đại vương nói: "Phật bảo: Đại vương! Ví như bốn phương có bốn ngọn núi mọc lên kiên cố kết nối với nhau như là một, không có chỗ hở cũng không có lỗ nhỏ. Trong đó, thế giới bị đè nén và tất cả mọi thứ đều bị hủy diệt không ai có thể lấy sức lực để chạy thoát và dùng thế lực của bùa chú, tài vật v.v… nhằm khiến nó thoái chuyển. Phật bảo: Đại vương! Ở đời có bốn sự sợ hãi lớn cũng lại như vậy, không ai có thể nhanh chân chạy thoát và dùng thế lực của bùa chú, tài vật v.v… để chuyển biến chúng. Sao gọi là bốn thứ? Đó là suy, già, bệnh và chết. Phật bảo Đại vương:

1. Khi thế lực suy yếu đến thì bức bách sự hưng thạnh.
2. Khi tướng già hiện ra thì làm hư hoại sự khoẻ mạnh.
3. Khi khổ bệnh nhóm họp lại thì bức não sự điều hòa, thuận ý.
4. Khi cái chết thâm nhập đến thì bức não đến thọ mạng.

Tại sao lại nói điều nầy? Phật bảo: Đại vương! Cũng như sư tử là chúa của loài thú nên có sắc tướng và sức mạnh đều đầy đủ, móng vuốt, răng đều cứng cáp bén nhọn đi vào trong đàn nai nắm lấy con nai để tùy

nghi ăn cho thỏa thích. Con nai kia tuy vùng vẫy nhưng nằm gọn trong miệng thú dữ không thể chạy thoát được. Phật bảo: Đại vương! Mũi tên "chết" bắn vào người cũng lại như vậy, dù cang cường đến đâu người kia cũng không thể chạy thoát được, không quay về, không ai cứu giúp cũng không nơi nương tựa, mỗi mỗi phần chi thể máu thịt khô kiệt, đói khát gây nhiệt não, há miệng thở dốc, tay chân bấn loạn, mọi việc đeo đuổi mong cầu đều không thể được, đàm dãi chảy ra rất dơ dáy, thân thể tanh hôi, mạng sống còn sót lại từ từ hoại diệt. Trung hữu trước mắt tùy theo nghiệp duyên mà khởi, sứ giả Diêm-ma thật đáng sợ, dẫn dắt đi vào trong đêm tối khiến hơi thở ra vào cuối cùng chấm dứt. Chỉ có một mình ra đi chẳng có bạn bè nên vội vã đầu thai qua thế giới khác tức đọa vào đường hiểm ác và nơi hắc ám. Bước vào nơi đồng trống, hướng đến rừng rậm sâu chìm trong biển rất tối tăm, bị gió nghiệp thổi rơi, các nơi hướng đến sâu rộng không hề nhận biết trước. Ngoài ra, không chỗ nương tựa. Phật bảo: Đại vương! Chỉ có pháp và pháp là nơi quy hướng về, là sự cứu vớt, là chỗ nương tựa. Phật bảo: Đại vương! Người hấp thụ pháp thiện nầy giống như kẻ đang bị lạnh được lửa, như kẻ nóng bắt gặp nước mát, như kẻ khát gặp nước trong sạch, như kẻ đói gặp được thức ăn ngon, như kẻ bị bệnh gặp thầy thuốc giỏi, như kẻ sợ hãi gặp được bạn bè giúp sức. Phải biết pháp là nơi quay về nương tựa vững chắc. Phật bảo: Đại vương! Các pháp thiện nầy có thế lực lớn cũng lại như vậy. Nếu người không có quay về nương tựa, thì vì họ làm cho trở về nương tựa. Nếu người không nương tựa thì vì họ làm cho nương tựa. Nầy Đại vương! Do đó nên biết người hiện hữu vô thường và hiện diệt tận. Vì pháp vốn như vậy. Chỉ có chết là đáng sợ. Phật bảo: Đại vương! Chỗ nương tựa của vua đều chẳng phải là pháp thiện. Vì sao? Vì thân nầy từ xưa đến nay được gìn giữ cẩn thận và được trang sức thêm bởi các thứ ăn uống ngon lành, thực phẩm thượng diệu nhưng khi mạng chung lại bị đói khát bức não mà chết. Như vậy thân nầy tuy dùng các thứ tơ lụa mịn màng thượng diệu khả ái nên khiến đi đứng nằm ngồi tùy ý với trang sức nhưng khi chết mùi xấu uế bất tịnh luôn chảy ra. Nầy Đại vương! Lại nữa, thân nầy tuy dùng nhiều thứ hương thơm bôi lên và lấy các hoa đẹp trang sức vô lượng nhưng khi mạng chung không lâu thì mùi hôi thối bốc ra. Lại nữa, được hoàng hậu, phi tần quyến thuộc bao quanh với nhiều kỹ nữ ca múa vui vẻ và các người hầu kề cận khiến ý hòa vui nhưng khi mạng chung lại sanh sợ hãi với các khổ não bủa vây. Phật bảo: Đại vương! Thân nầy tuy ở cung điện, đền đài, lầu gác cửa đóng then cài, xe cộ sang trọng, được trang sức bởi tơ lụa rực rỡ óng ánh, nhiều thứ hương hoa và đèn đuốc sáng tỏ, và có các màn trướng giăng phủ trên sàng tòa, nệm chiếu, đồng thời đốt

các thứ danh hương, rãi các thứ hoa thơm, đem các bình báu, lò hương để khắp nơi và dùng ngọc báu vi diệu trang nghiêm đầy đủ vô cùng tốt đẹp nhưng khi mạng chung phải đến nằm ở mã cao khiến thịt, xương, lông, tóc, gân, máu trở nên hôi thối và thây chết ấy nằm trên đất không hay biết gì. Phật bảo: Đại vương! Thân nầy thường ngồi trên xe voi, xe ngựa đánh trống cổ vũ tạo ra âm nhạc lớn, căng phướn lọng bảo cái và cầm lấy quạt hầu với vô lượng tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh dõng mãnh dẫn đường trước sau đồng thời có trăm ngàn quan chức, dân chúng trong các thành ấp chắp tay cung kính nhưng chẳng bao lâu lại trở thành thây chết nằm trên xe khiến mọi người đưa tiễn ra khỏi thành, cha mẹ, thê thiếp, anh em, chị em, nô tỳ, nô bộc là những người đã từng theo hầu, lòng vấn vương sầu não, đầu tóc rối bù, lấy tay đánh vào đầu khóc than thảm thiết. Lúc ấy, đối với ta, không có chỗ cầu cứu, không thân thích, không có chủ, dân chúng trong thành ấp đều thương xót luyến tiếc, đưa ta đến nơi nghĩa địa. Hoặc thân ta lại bị chim quạ, diều hâu, cáo, chó sói, chồn lấy làm thức ăn. Nhẫn đến phần xương còn lại được chất củi thiêu đốt hoặc chôn vùi trong đất bị gió táp mưa sa, nát như bụi nhỏ rơi vãi khắp nơi. Phật bảo: Đại vương! Thân nầy là huyễn hóa, cuối cùng rồi cũng hoại diệt. Tất cả các hành đều là vô thường. Nhẫn đến nói rộng như trong kinh".

Luận nói: Tham, sân, si nầy... đều là một nhóm phiền não. Nếu đối trị tu tập thì nhân đó mà được xa lìa. Kinh Bảo Vân nói: "Đối trị tham nghĩa là khi duyên tham khởi lên tức đều có thể xa lìa nó. Sao gọi là đối trị tham và khởi duyên đối trị tham? Người tham nếu khéo biết rõ thì khi duyên tham nổi lên phải nên tu pháp quán bất tịnh. Sao gọi là quán bất tịnh? Nghĩa là nếu đối với thân, tóc, lông, móng tay, răng, da, máu, thịt, gân, xương, tủy, mỡ màng, mỡ nước, não, mồ hôi, nước mắt, nước mũi, phân, nước tiểu, đàm dãi, cổ họng, tim, phổi, gan, mật, lá lách, thận, sanh tạng thục tạng, thây chết, nước ố rỉ ra, Bồ-tát đối với các vật như thế và khởi tâm quán sát. Người thấp hèn, ngu si, bất thiện biết rõ những thứ ấy còn không tham ái huống hồ các bậc trí! Đây gọi là Bồ-tát tu pháp quán bất tịnh". Lại như Kinh Bát Nhã nói: "Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ-tát khi tu hành Bát nhã Ba-la-mật-đa phải đối với thân nầy hiểu biết như thật. Nầy Thiện Hiện! Thí như thợ mổ trâu và học trò của ông ta khi giết trâu rồi lại dùng dao sắc bén phân chia con trâu ra làm bốn phần, hoặc ngồi hoặc đứng phải quán sát như thật. Nầy Thiện Hiện! Khi Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba-la-mật cũng lại như vậy. Đối với thân tứ đại đất, nước, gió, lửa, Bồ-tát phải quán sát như thật. Nhẫn đến nầy Thiện Hiện! Lại như người cày ruộng hoặc các Trưởng giả, khi mùa vụ hoàn tất họ thu hoạch được nhiều thứ hoa màu như đậu, lúa mạch,

lúa nước, bo bo, cây gai, hạt cải... và có người sáng suốt phân biệt rõ chúng. Như biết rõ các thứ hoa màu kia, đây là đậu, lúa, đây là lúa nước, bo bo, đây là cây gai hạt cải... Nầy Thiện Hiện! Bồ-tát khi tu tập Bát nhã Ba-la-mật-đa cũng lại như vậy. Đối với thân nầy từ đầu đến chân, tóc lông, móng tay, răng chứa đầy các thứ bất tịnh. Bồ-tát phải như thật quát sát thân ấy là chỉ có tóc, lông, móng tay, răng, đầu, mắt, mỡ, tủy, gan, mật, lá lách, thận, sanh tạng, thục tạng... toàn là những thứ bất tịnh. Hơn nữa nếu đến nơi gò mả hoang vắng thì quán sát tất cả các thứ tướng trạng hiện ra trước mắt. Nghĩa là quát sát thây chết bị bỏ nơi chốn gò mả hoặc trải qua một ngày hai ngày đến năm ngày sình lên ứ đọng rất thối, rồi da bị thủng, thịt rữa ra khiến máu mủ chảy thật tanh hôi. Khi thấy được sự việc nầy, Bồ-tát tư duy: Ta cùng với thân ấy không khác. Và từ đó biết rõ nó là như vậy, bản tánh cũng như vậy, pháp tánh cũng như vậy, chưa từng giải thoát. Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ- tát khi tu hành Bát nhã Ba-la-mật-đa đối với thân bên ngoài phải tùy chỗ mà tu tập quán chiếu. Nhẫn đến quán sát thây chết bị vất bỏ nơi gò mả hoặc trải qua một ngày hai ngày cho đến bảy ngày và bị chim thú, diều hâu, quạ, cáo, chó sói, chồn lấy làm thức ăn. Đồng thời bị nhiều loại trùng kiến... đục khoét. Khi thấy vậy rồi, Bồ-tát tư duy: Ta với thân nầy không có khác nhau. Và từ đó biết rõ pháp cũng như vậy, bản tánh cũng như vậy, pháp tánh cũng như vậy chưa từng giải thoát. Lại nữa, hoặc quán sát thây chết ở nơi gò mả bị giòi rúc rỉa hôi thối bất tịnh liền tư duy: Ta với thân nầy cũng lại như vậy. Các điều còn lại thì đều như trên đã nói. Thậm chí đến những nơi thảm thương quán thây chết bị vức bỏ với thịt nát xương tan, gân chằng chịt và máu mủ chảy ra nhơ nhớp rồi nghĩ: Ta cùng với thây chết nầy chẳng khác gì. Những điều tương tự thì như trên đã nói. Lại nữa, hướng đến nơi bi thương quát sát thây chết bị vứt bỏ với máu thịt tan biến chỉ còn tướng xương hiện ra và gân ràng rịt mà nghĩ: Ta cùng với thân nầy không khác. Lại nữa, hướng đến nơi bi thương quán sát thây chết bị vứt bỏ chỉ có các xương tan nát trôi dạt về chỗ khác tức là xương đầu, xương chân, xương lưng, xương vai, xương cổ v.v… và nghĩ: Ta cùng với thân nầy cũng lại như vậy. Các điều khác thì cũng như trước đã nói. Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ-tát khi tu hạnh Bát nhã Ba-la-mật-đa phải hướng đến nơi thây chết bị vứt bỏ thật bi thương để quán chiếu chỉ có xương bị gió thổi, mưa ngâm khiến trắng toát như ngọc trắng. Do vậy Bồ-tát nghĩ: Ta cùng với thân nầy cũng giống nhau. Các thứ khác thì như trên đã nói. Nầy Thiện Hiện! Bồ-tát khi tu hạnh Bát nhã Ba-la-mật-đa phải hướng đến nơi bi thương quán sát thây chết bị bỏ đi chỉ có xương trải qua nhiều năm biến hoại thành sắc xanh như bụi đất bị đập vụn thành vi trần và nhận thấy: Ta cùng với thân nầy

cũng lại như vậy. Từ đó biết rõ nó là như vậy, bản tánh cũng như vậy, pháp tánh cũng như vậy chưa từng giải thoát".

Luận nói: Dùng pháp quán bất tịnh để đối trị tham, dùng quán từ bi để đối trị sân hận, đây chính là sự bình đẳng v.v… Nếu không thích quán chúng sanh mà ở đây đối với sự ăn uống phát khởi ưa thích tức là đối với sự diệu lạc của người khác còn có mong cầu xưng tán không có gì là không yêu thích. Từ, nghĩa là độ thoát nhân duyên tham dục, không vướng mắc vào ái nhiễm. Nghĩa nầy có ba thứ. Kinh Vô Tận Ý nói: "Bồ-tát mới phát tâm phải tu duyên từ đối với chúng sanh, đã tu tập hành Bồ-tát thì phải tu pháp duyên từ. Nếu đạt Vô sanh pháp nhẫn, Bồ-tát tu vô duyên từ".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 15

Phẩm 12: TRỊ TÂM

Phần 2

Lại có duyên Phật, duyên Bồ-tát, duyên Thanh-văn, duyên Độc giác, duyên chúng sanh v.v… Duyên chúng sanh là, trước hết ưa cho chúng sanh sự lợi ích an lạc, lấy ý Thiền định cho chúng sanh tâm từ bi, hoặc có khi làm khách tri thức ở gần, xem xóm làng mình cũng như xóm làng của người khác cho đến một phương nầy giải thoát thì như vậy, dù có duyên vơi muôn phương Phật cũng không nhàm chán. Trong Kim Cang Tràng Hồi Hướng nói: "Tu tập đầy đủ hạnh Bồ-tát, nếu thấy sắc đối trị ái cho đến thanh, hương, vi, xúc, pháp đối trị ái thì không có phạm tội, là thanh tịnh, là thiện, là ánh sáng tối thượng thanh khiết vượt thoát khỏi các diệu lạc khiến phát sanh ý vui thích, khởi tin ưa thanh tịnh, phát khởi dõng mãnh an trụ vào niềm vui vô tận. Đối với tâm phân biệt không sanh phiền não, tâm ý nhu nhuyến, các căn lanh lợi, thường thọ diệu lạc. Như vậy, hồi hướng đến tất cả chư Phật, rồi chuyển hồi hướng trí tuệ Phật mà được đầy đủ các hạnh diệu lạc của Phật không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, chưa đồng với Phật mà cũng được khéo nhiếp thọ niềm vui thiền định. Nhờ vào lực nầy, nên có thể lần lượt đạt được vô lượng diệu lạc của Phật, đầy đủ vô lượng niềm vui giải thoát của Phật, nhiếp thọ vô lượng niềm vui thần thông của Phật, được khéo nhiếp thọ vô lượng hạnh vui không chấp trước của Phật, được sự tự tại của Phật, như niềm vui vi diệu của trâu chúa bước đến gần xa, nhanh chóng tùy nghi, rốt ráo được vô lượng niềm vui của Phật lực hiểu rõ tất cả sự tịch tĩnh không sanh không diệt. Đồng thời, ở trong hạnh vô trước mà thường đạt được sự diệu lạc, vô sân tích tập không hai của Như Lai. Đây là Bồ-tát thường dùng thiện căn như vậy, để hồi hướng đến Như Lai, đến Bồ-đề. Nghĩa là đối với người ý lạc chưa viên mãn thì hồi hướng viên mãn về Nhất thiết trí, người chưa thanh tịnh thì khiến cho được các Ba-la-mật- đa thanh tịnh sâu xa, người chưa thành tựu biện tài thì khiến cho thành tựu biện tài, giống như kim cang khiến cho tất cả các trí xông pha không lùi bước. Nếu

khiến cho tất cả trí xông pha không lùi bước tức là đối với sự diệu lạc của Bồ-đề theo đó mà khinh an. Và ở trong các đường thiện không hề thoái chuyển, bình đẳng an trụ trong tất cả thế gian, viên mãn nguyện lớn và tu tập tất cả hạnh Bồ-tát, biết rõ thần thông và lợi căn của Bồ-tát. Do thiên căn nầy, mà chứng được Nhất thiết trí và lấy nghĩa thiện căn như vậy hồi hướng đến dạo Bồ-tát. Lại nữa, nếu có người học giáo pháp Phật, tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v… cũng dùng thiện căn như vậy mà hồi hướng. Nếu có chúng sanh ở trong khoảnh khắc nghe âm thanh Phật và Thánh chúng mà khởi tôn trọng tức dùng thiên căn nầy hồi hướng đến A-nậu-đa-la-tam miệu-tam-Bồ-đề. Đây gọi là hồi hướng niệm Phật viên mãn, hồi hướng niệm pháp phương tiện, hồi hướng tôn trọng thánh chúng, hồi hướng không ngừng thấy Phật, hồi hướng tâm thanh tịnh, hồi hướng thông đạt pháp Phật, hồi hướng tu vô lượng công đức, hồi hướng tất cả thiện căn thần thông thanh tịnh, hồi hướng đoạn trừ nghi hoặc về các pháp. Đây là chỗ hồi hướng của Thanh văn, Phật-bích-chi v.v… học giáo pháp. Lại nữa, Bồ-tát kia cũng dùng thiện căn mà hồi hướng đến tất cả chúng sanh. Tức hồi hướng xa lìa địa ngục, hồi hướng đoạn trừ cõi súc sanh, hồi hướng cho diệu lạc cõi Diêm-ma-la, hồi hướng diệt trừ đọa vào các đường ác, hồi hướng đến chúng sanh kia ưa muốn tăng trưởng Bồ-đề Vô thượng, hồi hướng khiến tâm sâu xa đạt được tâm Nhất thiết trí, hồi hướng đến việc không hủy báng tất cả pháp Phật, hồi hướng đến việc rốt ráo thành tựu địa Nhất thiết trí, hồi hướng rốt ráo chúng sanh thanh tịnh. Dùng vô lượng trí hồi hướng đến tất cả chúng sanh cho đến có được mọi sự ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang, và đối với thân làm việc, đi, đứng, nằm, ngồi mọi thứ tạo tác đều tuân thủ theo đạo luật nghi. Do ở trong đạo luật nghi không khởi sân nhuế, ba nghiệp thân, khẩu, ý luôn làm thiện, các căn cẩn mật mà hoặc tự tăng trưởng, thông suốt mọi sự, ăn uống các vị hoặc khai hoặc hợp, hoặc xem xét hoặc không xem xét, hoặc nằm hoặc thức, đều tự đi đến chỗ đó phụng sự. Bồ-tát đối với Nhất thiết trí duyên bình đẳng tương ưng cũng đều hồi hướng. Dùng tâm Nhất thiết trí kia làm lợi ích cho cả chúng sanh cho đến ý thường cứu giúp bảo hộ tất cả thế gian phát khởi thiện căn, mà xa lìa kiêu mạn, phóng dật. Nói chung, Bồ-tát luôn khiến phiền não không còn tái hiện, được Bồ-tát gìn giữ quyết định chuyên cần cầu đạo Nhất thiết trí, yêu thích gần gũi các bậc trí. Hơn nữa, Bồ-tát hay tụ tập tất cả các thiện căn nên nhanh chóng đạt được các hạnh tương tục viên mãn. Tóm lại, đối với cõi súc sanh kia, Bồ-tát hoặc dùng ít thực phẩm bố thí khiến tất cả được sanh vào cõi lành. Như vậy, chính vì sự hồi hướng làm lợi ích giải thoát cho loài chúng sanh kia. Cõi súc sanh kia chính là biển khổ, chấp khổ, khổ uẩn, thọ khổ, tụ khổ,

dòng khổ, biên tế khổ, căn bản khổ, chỗ nương tựa khổ. Bồ-tát đối với chúng sanh kia thường hồi hướng chúng không còn thối đọa. Lại nữa, duyên chúng sanh kia nghĩa là đối với chúng sanh hiện tại mà tác ý. Do chỗ tạo thiện căn phát tâm Bồ-đề trước kia mà hồi hướng đến Nhất thiết trí, nên không đọa vào luân hồi, xa lìa hiểm nạn, được diệu lạc của Phật và hiện tại vô ngại, vượt khỏi biển luân hồi, vĩnh viễn đoạn sự tương tục, luôn luôn chiếu rọi ánh sáng pháp Phật mà phát khởi đại từ". Như Kinh Tối Thắng Kim Quang Minh, trong tạng từ bi có kệ:

Kim Quang minh nầy
Trống vàng tối thắng
Vang dội tiếng hay
Khắp ba ngàn cõi
Hay trừ địa ngục
Và Diễm-ma-la
Cho đến cõi người
Bần cùng nghèo khổ
Lại trống vàng nầy
Diệt trừ tất cả
Chướng, não thế gian
Cũng nguyện chúng sanh
Được dứt sợ hãi
Như đấng Mâu-ni
Tịch tĩnh Vô úy (không sợ)
Như các thánh nhân
Ở biển sanh tử
Tu Nhất thiết trí
Như chỗ được kia
Trí tuệ đẳng trì
Và Bồ-đề phần.
Biển công đức lớn
Lại tiếng trống nầy
Nguyện các chúng sanh
Được phạm âm kia
Như Phật đã chứng
Bồ-đề thắng diệu
Chuyển pháp luân tịnh
Trụ vô số kiếp
Thuyết pháp lợi sanh

Diệt tham sân si
Phiền não các khổ
Nếu có chúng sanh
Ở nơi đường ác
Bị lửa thiêu đốt
Thân ngâm đồng sôi
Nghe tiếng trống nầy
Như lời dạy răn
Khiến nương về Phật
Lại khiến chúng sanh
Được nhớ kiếp xưa
Ở trăm ngàn ức
Trong câu chi đời
Niệm Phật Mâu-ni
Nghe pháp sâu xa
Lại tiếng trống nầy
Thường được gần
Phật Tịnh tu thiện hạnh
Xa lìa tội ác
Cho đến kệ tụng:
Lại các cõi nước
Tất cả chúng sanh
Dứt trừ thế gian
Các khổ vốn có
Lại nếu chúng sanh
Thân phận thấp hèn
Các căn khiếm khuyết
Nay được các căn
Khắp đều viên mãn
Nếu người tật bệnh
Thân hình yếu đuối
Tùy phương họ sống
Không chốn nương nhờ
Cứu họ khỏi bệnh
Đạt được khinh an
Căn lực đầy đủ
Lại nếu chúng sanh
Bị phép vua bắt

Sanh nhiều sợ hãi
Và những sầu lo
Các chúng sanh kia
Khổ nạn nếu đến
Sự việc rất xấu
Trăm loại sợ hãi
Đều khiến giải thoát
Hoặc bị đánh đập
Gông cùm trói buộc
Đủ các thứ khổ
Bức ngặt thân kia
Khiến chịu vô lượng
Trăm ngàn các thứ
Lo sợ buồn, than
Áo não tâm ấy
Lao ngục trói buộc
Đánh đập khổ sở
Tất cả giải thoát
Người bị hình phạt
Thân mạng sanh sống
Các khổ tuy đến
Được không lo sợ
Lại có chúng sanh
Đói khát bức bách
Khiến được vị ngon
Ăn uống ngon ngọt
Người mù được thấy
Sắc tướng tốt đẹp
Người điếc được nghe
Âm thanh vui thích
Người bị khỏa thân
Được áo mặc tốt
Chúng sanh bần cùng
Được các vật báu
Kho tàng đầy đủ
Các báu trang sức
Tất cả chúng sanh
Được diệu lạc nầy

Không một chúng sanh
Thọ các khổ báo
Các tướng đoan nghiêm
Người thấy ưa thích
Ăn uống dư giả
Phước đức đầy đủ
Thường được thọ dụng
Vô lượng diệu lạc
Tiêu địch không hầu
Các âm thanh hay
Tùy tâm kia nghĩ
Đúng thời hiện ra
Nghĩ nước liền hiện
Ao hồ thanh tịnh
Hoa sen sắc vàng
Và Ưu-bát-la
Che khắp trên đó
Tùy tâm niệm kia
Đúng thời hiện ra
Cho đến kệ nói:
Bôi hương rải hoa
Hòa hợp hương bột
Mỗi ngày ba thời
Từ cây mưa xuống
Chúng sanh nhận rồi
Cùng khởi vui vẻ
Cúng dường mười phương
Không thể nghĩ bàn
Tất cả Như Lai
Bồ-đề diệu pháp
Các Đại Bồ-tát
Xa lìa trần cấu
Các chúng Thanh-văn
Được lìa tất cả
Chủng tộc thấp hèn
Và tám thứ nạn
Thường gặp không nạn
Bậc vua tối thắng

Thường được gần gũi
Chư Phật Như Lai
Cho đến kệ nói
Nguyện các người nữ
Được làm thân nam
Kiên cường mạnh mẽ
Trí tuệ thông lợi
Thường xuyên tu hành
Các đạo Bồ-đề
Sáu Ba-la-mật
Thấy mười phương Phật
Ở dưới cây báu
Ngồi tòa lưu ly
Rất vui an ổn
Chúng vây cung kính
Nghe nói diệu pháp.

Luận nói: Ở đây lược nói rõ hạnh từ bi để đối trị sân hận, dùng pháp quán duyên sanh mà đối trị si mê. Do vậy, nay sẽ nói ý nghĩa duyên sanh. Kinh Đại Cán nói: "Sao gọi là pháp duyên sanh hệ thuộc vào nhân? Nghĩa là Vô minh duyên Hành cho đến Sanh duyên Lão tử. Nếu không có Vô minh thì biết không có Hành. Nếu không có Sanh thì biết không có Lão tử (già chết). Nếu Vô minh diệt thì Hành diệt. Như vậy cho đến Sanh diệt, Lão tử diệt. Lại nữa, Vô minh kia không nghĩ là mình từ Hành khởi lên và Hành cũng không nghĩ là mình từ Vô minh khởi lên. Như vậy, Sanh cũng không nghĩ là mình từ Lão tử khởi lên và Lão tử cũng không nghĩ là mình từ Sanh khởi lên. Nếu thật sự Vô minh khởi Hành khởi, không thể nắm bắt được. Như vậy, cho đến Sanh khởi thì Lão từ khởi cũng không thể nắm bắt được. Nên biết đây là pháp nội nhân duyên sanh hệ thuộc vào nhân. Sao gọi là pháp duyên sanh hệ thuộc vào duyên? Nghĩa là các giới: đất, nước, gió, lửa, không, thức v.v… hòa hợp với nhân và hệ thuộc vào duyên. Sao gọi là đất? Là khiến cho thân nầy tụ tập biến chuyển, lấy cứng rắn làm tính chất thì gọi là đất. Nếu khiến thân nhiếp trì tạo tác thì gọi là nước. Nếu khiến thân trở nên ấm áp với tính chất hiện tại ăn uống thành thục thì gọi là lửa. Nếu khiến thân tạo nên hơi thở ra vào thì gọi lá gió. Nếu trong thân có chỗ trống thì đó gọi là không, nghĩa là danh sắc nầy như cỏ lau giao nhau. Nếu khiến cho năm thức thân tương ưng hệ thuộc vào ý thức hữu lậu thì gọi là thức. Nếu không có duyên nầy thì thân không biến chuyển. Nếu bên trong không thiếu đất, như vậy nước, lửa, gió, không, thức cũng không

giảm khuyết, các đại ấy nếu hòa hợp thì thân nhất định biến chuyển. Tuy nhiên giới đất nầy không nghĩ là mình khiến thân trở nên cứng mạnh, nước cũng không nghĩ là mình có thể khiến thân nhiếp trì tạo tác, lửa cũng không nghĩ là mình có thể khiến thân trở nên ấm áp, thành thục đồ ăn uống, gió cũng không nghĩ là mình có thể khiến thân tạo ra hơi thở ra vào, không cũng không nghĩ là mình có thể thành tựa các chỗ trống trong thân, thức cũng không nghĩ là mình làm duyên sanh và nhờ đó thân nhất định được chuyển. Lại nữa, đất nầy không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, không có thọ giả, không có nho đồng, không có ý sanh, chẳng phải nam chẳng phải nữ, cũng chẳng phải phi nam, chẳng phải phi nữ, không có tự tại, không có chủ tể, không có đây, không có kia và không có sở hữu. Như vậy, nước, lửa, gió, không, thức, cũng lại không có ngã, nhân, thọ giả, chúng sanh, không có ý sanh, không có nho đồng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải phi nam, chẳng phải phi nữ, không có tự tại, không có chủ tể, không đây không kia và không có sở hữu. Lại nữa, vô minh nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là ở trong sáu giới, (đại) nầy khởi tưởng một, tưởng hòa hợp, tưởng kiên cố, tưởng thường, lạc, ngã, tịnh, tưởng chúng sanh, thọ giả, ý sanh, nho đồng, tưởng chủ tể, tự tại v.v… các loại như vậy vô trí nói là vô minh. Do vô minh nầy thật có nên khởi tham, sân si, tức cảnh tham sân si kia gọi là hành. Đối với sự việc biểu hiện phân biệt gọi là thức. Thức khi câu sanh cùng bốn thủ uẩn kia gọi là danh sắc. Lại danh sắc nầy nương vào các căn gọi là sáu xứ. Ba thứ hòa hợp gọi là xúc. Do xúc lãnh nạp gọi là thọ. Đắm trước thọ gọi là ái. Do ái sâu rộng gọi là thủ. Thủ lại có khả năng sanh hữu và hữu lại có thể sanh nhân. Do uẩn nầy khởi gọi là sanh, uẩn thành thục gọi là lão. Uẩn diệt gọi là tử. Do si mê, sân nhuế nhiễm trước sợ chết gọi là ưu. Cảm thương than vãn gọi là bi. Năm thức tương ưng không thường lãnh nạp gọi là khổ. Do tác ý hòa hợp rất khổ quyện nhau gọi là não. Như vậy, dẫn sanh tùy phiền não v.v... cho đến nói tổng lược".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 16

Phẩm 12: TRỊ TÂM

Phần 3

Lại nữa, nói về hành chân thật và hành tà vọng, nghĩa là Vô minh không có trí tuệ. Do Vô minh mà khởi lên ba loại hành: Phước, phi phước và bất động. Ở đây nói là Vô minh duyên Hành. Lại nữa, hành phước, hành phi phước và hành bất động nầy tùy chỗ chiêu tập của Thức vốn được nói là Hành duyên Thức (Nay nói rõ xứ nầy bao hàm cả có Thức duyên Danh sắc một đoạn ở trong bản Kinh tiếng Phạm đã bị thiếu). Như vậy, danh sắc và danh sắc tăng trưởng ở môn sáu xứ, tạo tác và phát khởi nên nói là Danh sắc duyên sáu xứ. Hơn nữa sáu xứ nầy nương sáu xúc thân chuyển, nên đây nói là Sáu xứ duyên Xúc và Xúc nếu khi sanh khiến thọ khởi lên, nên nói là Xúc duyên Thọ. Nếu thọ nhận vị ngon mà ham vui đắm trước thì gọi là Thọ duyên Ái. Do thích tham đắm mỹ vị, nên nếu ham vui sắc thì khi sắc ly tán lại theo tìm không xả bỏ nên gọi là ái duyên thủ. Như vậy, do tìm cầu khiến khởi lên thân, khẩu, ý, nghiệp của Hữu sau, nên gọi là Thủ duyên Hữu. Nếu nghiệp tạm dứt để thuyên chuyển làm cho uẩn sanh khởi, đây là hữu duyên sanh. Lại nếu sanh đã biến khác đi khiến trở nên chín muồi và đến hoại diệt thì nói là sanh duyên Lão tử. Nhẫn đến trong đây do tự thể thức v.v... làm chủng tử, tự thể nghiệp làm ruộng tốt nên tự thể vô minh, ái… làm phiền não. Do nghiệp phiền não khiến chủng tử thức sanh khởi. Nghĩa là nghiệp nầy là ruộng của thức chủng tử, ái là nước tưới mát cho thức chủng tử, vô minh là sự khai phá của thức chủng tử. Tuy nhiên nghiệp không nghĩ mình là ruộng của thức chủng tử. Ái cũng không nghĩ mình là nước tưới mát thức chủng tử. Vô minh cũng không nghĩ mình là sự khai phát của thức chủng tử. Thức chủng tử nầy cũng không nghĩ mình sanh ra từ các duyên. Nhưng thức chủng tử bám trụ ở mảnh đất nghiệp. Do nước ái thấm nhuần và vô minh tưới mát khiến mầm danh, sắc càng thêm lớn mạnh. Mầm danh sắc nầy chẳng phải tự nó tạo người khác tạo chẳng phải cả hai đều tạo, chẳng phải là chỗ hóa hiện của trời Tự Tại cũng không do

thời biến hóa, chẳng phải do một nhân sanh cũng chẳng phải không có nhân sanh, không gì không hệ thuộc ở nhân duyên hòa hợp đắm nhiễm tương thục của cha mẹ. Chủng tử thức nầy ở trong thai mẹ sanh ra mầm danh sắc. Pháp là như vậy, không có chủ thể, không có ngã, không có chấp thủ v.v... như hư không, thể tướng huyễn hóa ấy mà nhân duyên không thể thiếu. Do năm loại duyên nên phát sanh nhãn thức. Sao gọi là năm? Nghĩa là khi nhãn thức sanh, nó mượn nhãn và duyên sắc, không, duyên ánh sáng, duyên tác ý… Trong đó, nhãn thức và nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, ánh sáng để soi cho rõ, hư không tạo ra sự vô ngại, đồng thời tác ý là sự đánh thức kia. Nếu thiếu các duyên nầy thì nhãn thức không sanh khởi. Nếu không thiếu xứ nội nhãn căn, không thiếu sắc và không, ánh sáng, tác ý v.v… như thế tất cả chúng hòa hợp, nên có thể sanh nhãn thức. Tuy nhiên, nhãn không nghĩ là mình cùng nhãn sắc được làm sở y. Sắc cũng không nghĩ là minh cùng nhãn thức được làm sở duyên. Không cũng không nghĩ là mình cùng nhãn thức tạo ra sự vô ngại. Ánh sáng cũng không nghĩ là mình cùng nhãn thức tạo ra sự quán chiếu. Tác ý cũng không nghĩ là mình cùng nhãn thức tạo nên sự tỉnh thức. Như vậy, nhãn thức không nghĩ nó từ duyên sanh khởi. Nhưng khi nhãn thức sanh, thực sự là mượn các duyên hòa hợp mà sanh ra. Như vậy thứ tự các căn ấy sanh ra thức nên tùy tương ưng mà nói. Tuy nhiên, không có pháp nào được duy trì từ đời nầy đến đời khác, mà chỉ do nhân duyên nghiệp quả không thiếu sót kiến lập nên. Ví dụ như không có củi thì không có lửa. Các nghiệp phiền não nầy vốn sanh chủng tử thức cũng lại như vậy. Mọi thứ ấy là nơi phát khởi sự hòa hợp tương tục, để sanh ra mầm danh sắc. Như vậy, pháp vốn không có chủ tể, không có ngã, không có chấp thủ, như hư không v.v... thể tướng huyễn hóa, nhân duyên không thiếu. Nên biết, nội pháp duyên sanh có năm loại. Những gì là năm? Nghĩa là bất thường, bất đoạn không chỗ đạt đến, nhân ít quả nhiều, tương tợ tương tục. Sao gọi là bất thường? Nghĩa là nếu uẩn nầy diệt thì uẩn kia sanh chứ chẳng phải chính uẩn nầy diệt là uẩn kia mãi mãi sanh. Đây gọi là bất thường. Lại nữa, không thể diệt ở trong uẩn diệt mà khởi sanh, uẩn cũng chẳng phải bất diệt đối với uẩn diệt nhưng khởi uẩn sanh thí như quyền hành v.v... gọi là bất đoạn. Lại ở trong sanh thân loại chúng sanh khác loại chẳng phải chúng đồng phần sanh uẩn khởi gọi là không có nơi hướng đến. Lại nữa, hôm nay tạo ra ít nghiệp nhân thiện ác nhưng đời vị lai lại nhận lấy nhiều quả báo thì gọi là nhân ít quả nhiều. Lại nếu đời nay tạo nghiệp thì đời sau phải thọ báo nên gọi là tương tợ tương tục. Phật bảo: Xá-lợi-tử! Duyên sanh nầy dùng chánh tuệ như thực để thường tu vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Như không điên đảo tức là không sanh, không diệt

không tạo tác, không làm, không chấp đối, không ngại, không sợ, không đoạt lấy, không chuyên cần, không biếng nhác. Phải quán tự tánh ấy không có sự thật bền vững mà như bệnh, như ung nhọt, như đau đớn như họa hại. Đó là tính chất khổ, không, vô thường, vô ngã. Lại nữa phải tùy quán đời trước không lưu chuyển: Ta đã có mặt trong đời quá khứ chăng? Ta là ai ở trong đời quá khứ, đã từng có mặt? Ở trong quá khứ ta đã từng không có mặt chăng? Ta là ai ở trong đời quá khứ chưa từng có mặt? Lại nữa, ở đời sau không lưu chuyển: Trong đời vị lai sẽ có mặt chăng? Ai là ta, trong đời vị lai sẽ có mặt? Trong đời vị lai ta không hề hiện hữu chăng? Ai là ta không hề có mặt trong đời vị lai? Lại ở trong hiện tại không lưu chuyển: Ta có mặt trong đời nầy chăng? Ai là ta có mặt trong đời hiện tại? Sao gọi là ta có mặt trong hiện tại? Kinh Thập Địa nói: Trong đây, Vô minh, Ái, Thủ chính là phiền não lưu chuyển không dứt, hành, hữu là nghiệp lưu chuyển không dứt, các chi phiền não khác là khổ lưu chuyển không dứt. Lại nói vô minh duyên hành là nói quán sát kiếp trước, thức và thọ là nói quán sát hiện tại, ái và hữu là nói quán sát đời sau. Vì vậy, như trên nói đều là lưu chuyển cho đến như thế: Do hệ thuộc nên nói là bị lưu chuyển. Nếu lìa hệ thuộc thì không còn lưu chuyển. Do hòa hợp nên có lưu chuyển. Nếu lìa hòa hợp thì không còn lưu chuyển. Do đó biết rõ các pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm cho nên ta phải đoạn trừ sự hệ thuộc và hòa hợp kia. Tuy nhiên, vì hóa độ tất cả chúng sanh nên hoàn toàn không đoạn các pháp hữu vi.

Phẩm 13: NIỆM XỨ

Phần 1

Luận nêu: Nói đến việc đối trị tâm nghiệp tức đã lược nói rõ duyên sanh đối trị si mê. Kế để việc hiểu rõ niệm xứ: Thân bất tịnh nay sẽ nói. Kinh Pháp Tập nói: "Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát phải trụ thân niệm xứ như vậy. Nghĩa là thân nay của ta bàn chân đến ngón chân, gót chân đến mắt cá chân, cẳng chân đến đầu gối, bắp vế, xương đầu gối, eo, xương sống, bụng, xương sườn ruột, ngực, ngón tay, khuỷu tay, cổ tay, vai, cổ, đầu, má, đầu lâu v.v... chỉ là sự tích tập của nghiệp hữu. Do nghiệp nầy tạo tác nên nhiều thứ phiền não, và tùy phiền não khiến có trăm ngàn thứ phân biệt chánh, tà. Thân nầy chỉ có tóc, lông, móng tay, răng, máu, thịt, da, xương, gan, mật, lá lách, thận, tim, phổi, ruột, dạ dày, sanh tạng, thục tạng, mở lá, mở miếng, não, màng, ghèn, nước mắt, nước miếng nước mũi v.v… toàn tích tập nhiều thứ bất tịnh, thế vì sao tạo ra thân nầy? Do thế, quán sát thân

nầy, như hư không nên thấy tất cả pháp đều không. Nhờ vào không niệm xứ nên biết rõ thân nầy do hai loại niệm hình thành là lưu tán và bất lưu tán. Thân nầy đến không phải là kiếp trước, ra đi cũng không đến kiếp sau, cũng không trụ giữa khoảng trống của hai bờ mé đó, mà nó hiện hữu từ sự tạo tác hòa hợp điên đảo. Do sự lãnh thọ ấy, nên trong đó nói lấy cư ngụ của thân làm cơ sở. Tuy nhiên, thật sự thân nầy không có chủ để cũng không có nhiếp thuộc, mà chỉ là sự tạo tác trước của khách trần, khiến thân thể, hình mạo, thọ dụng y chỉ được duy trì. Nhưng thân nầy chỉ có tinh huyết cha mẹ hòa hợp bất tịnh, nhơ uế tác động làm tự thể, và ba độc ưu não thường làm giặc sát hại, là pháp tán hoại với hàng trăm, ngàn bệnh não chứa chấp trong đó". Kinh Bảo Kiết nói: "Thân nầy là vô thường nên không có lâu, sẽ chết và đầu thai vào đời sau". Khi hiểu rõ điều nầy rồi thì không nên đối với thân mà sanh khởi tà mạng. Ngược lại, phải dùng thân nầy tu ba loại tịnh thí. Sao gọi là ba loại tịnh thí?

1. Thân tịnh thí.
2. Thọ mạng tịnh thí.
3. Thọ dụng tịnh thí.

Thân nầy là vô thường nên phải đi đến tất cả chúng sanh, gần gũi mà thừa sự, xem họ muốn làm gì dù mình hoặc làm nô bộc, hoặc làm đệ tử và phải xa lìa tội lỗi của thân luống dối v.v... Thân nầy là vô thường chỉ có hơi thở ra vào làm nhân thọ mạng nên chớ có tạo tác tội ác. Thân nầy là vô thường nên đối với sự thọ dụng ái lạc không sanh đắm trước mà phải xả bỏ tất cả. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát dùng thân quán thân niệm xứ nên quán tự thân và tất cả thân chúng sanh đồng thân Phật, nhờ oai thần Phật gia trì mà được lìa triền phược. Tuy nhiên phải quán tự thân và thân của tất cả chúng sanh cùng thân Như Lai, với pháp tánh vô lậu, không có gì khác biệt, nên biết như vậy. Lại nữa, Kinh Vô Úy Thọ Sở Vấn nói: "Thân nầy của ta chẳng phải là nơi tích tập trước rồi dần dần phá hoại, như vi trần. Chín lỗ của ta tuôn chảy ra giống như cửa miệng của mụn nhọt. Lại các lỗ chân lông có Phược-la-nhị-ca giống như rắn độc nương tựa để ở. Thân như bọt nổi trên nước có đó liền mất, cũng như ánh sáng mặt trời vốn không có thực thể. Thân như cây chuối không cò lỏi thật. Thân như sự huyễn hóa chịu sự sai khiến của người khác. Thân như bạn ác luôn xảy ra nhiều sự tranh tụng. Thân nầy như tính tình con khỉ luôn bay nhảy nhanh nhẹn. Thân nầy như thù địch, thường rình rập. Thân nầy như giặc cướp thừa cơ hội xảo quyệt tham lam cướp bóc. Thân nầy như tù nhân, thường bị cái chết trói buộc. Thân nầy như oan gia, không thể yêu thích, cũng như kẻ cầm đầu hay đoạt

mạng mình. Lại nữa, thân nầy như khoảng không giữa làng xóm không có ngã, như bánh xe của người thợ gốm không bao giờ dừng nghỉ, như bình nhuộm nhơ uế, hoàn toàn bất tịnh, như ung nhọt chỉ chứa sự khổ sở, như nhà mục nát không lâu sẽ bị sụp đổ, như thuyền bị lủng không kham nổi sóng gió, như ngói rã dần dần tan nát. Lại nữa, thân nầy như cây bên bờ sông tất bị dòng nước cuốn trôi, như khách trọ có nhiều khổ nạn, như cái nhà trống vọng chấp có chủ tể, như kẻ trộm rình mò thường sanh bạo ác, cho đến như trẻ thơ ngu si, cần phải gìn giữ". Kinh kia lại nói: "Thân nầy chứa đựng rất nhiều thứ bất tịnh, nhưng do ngã mạn ngu si mà vọng chấp cho đó là thuần khiết trong sáng. Vì thế, người trí luôn quán thân nầy giống như bình chứa đồ dơ bẩn: mắt, mũi, miệng v.v... thường chảy ra nước miếng, ghèn, nước mắt thật dơ uế. Sao gọi đối với thân nầy sanh nhiều tham mạn. Kệ trong kinh kia nói:

Như trẻ nhỏ ngu si
Rửa than muốn thành trắng
Giả sử hết đời nầy
Cầu trắng không thể được.
Cũng như người vô trí
Rửa thân muốn trong sạch
Thường xuyên luôn tắm rửa
Đến chết cũng không sạch
Bồ-tát quán nơi thân
Chín lỗ của ung nhọt
Tám mươi ngàn côn trùng
Nương thân để an trú
Bồ-tát quán nơi thân
Như khắc hình trên gỗ
Gân cốt nhờ liên kết
Nên biết không chủ tể
Bồ-tát quán nơi thân
Hoặc thọ ăn uống khác
Nên biết đồng chồn chó.

Luận nói: Nhờ sự ăn uống trợ giúp để thành tựu hạnh rộng lớn. Như vậy, mọi lúc mọi nơi nên phải biết rõ thọ niệm xứ. Như Kinh Bảo Kiết nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát tiếp nhận quán thọ niệm xứ để biết rõ chúng sanh, nương vào đại bi mà được niềm vui như thế. Nếu tất cả chúng sanh không có giải thoát, nên phải tu tập lấy thọ quán thọ niệm xứ: Ta phải mặc áo giáp đại bi để nhiếp thọ điều phục tất cả chúng sanh, lấy niềm vui kia để

diệt trừ các khổ não, ta dùng đại bi khiến chúng sanh tham đắm lục dục, biết rõ sự thọ lạc ấy mà xa lìa tham nhiễm. Ta dùng đại bi khiến chúng sanh sân hận biết rõ khổ thọ mà xa lìa tội lỗi. Ta dùng đại bi để khiến chúng sanh si mê biết rõ không khổ không vui mà xả bỏ si ám. Lại nữa, lạc thọ kia không hoại khổ thọ, không giảm không khổ không lạc thọ lìa xa đối trị tức không có vô minh. Nếu không có vô minh, thì sao gọi đó là thọ? Sao nói là biết rõ tất cả vô thường vô ngã…? Vì lạc thọ vốn mang tính vô thường, khổ thọ lại có tính bức bách, không khổ không lạc thọ mang tính vắng lặng. Do vậy, mà biết rõ hoặc lạc hoặc khổ đều vô thường và vô ngã v.v…".

Kinh Vô Tận Ý nói: "Nếu khi thọ khổ thì phải nghĩ đến tất cả chúng sanh trong đường ác mà phát tâm đại bi nhằm nhiếp trì sân hận và xa lìa thọ, phân biệt điên đảo". Lại nữa, kệ trong Kinh Pháp Tập nói:

Nói thọ là lãnh nạp
Lãnh nạp lại là ai
Người thọ xa lìa thọ
Sai biệt không thể được
Người trí quán nơi thọ
Trụ niệm xứ như vậy
Tướng kia như Bồ-dề
Quang minh khắp tịch tĩnh.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 17

Phẩm 13: NIỆM XỨ

Phần 2

Luận nói: Như trên đã nói về thọ niệm xứ. Bây giờ nói rõ về tâm niệm xứ. Kinh Bảo Tích nói: "Phật bảo: Ca-diếp-ba! Đối với tâm nầy hoặc sanh ái lạc hoặc khởi nhàm chán tai họa hoặc có nhiều đắm trước. Đối với ba thời sao gọi là quán tìm? Nếu ở quá khứ thì đã diệt, hiện tại không trụ, tương lai thì chưa đến, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa v.v… tất cả đều không thể nắm bắt được. Lại nữa, tâm nầy không thể là sắc thấy, chẳng phải biểu hiện ra, chẳng phải đối trị, chẳng phải quán, chẳng phải chiếu, không trụ, không vướng mắc. Nhưng tâm nầy, tất cả Như Lai còn không hề thấy, chúng sanh khác sao có thể quán? Không có cảnh giới riêng, chỉ có tưởng pháp chuyển biến. Nầy Ca-diếp-ba! Tâm nầy vốn như huyễn, biến kế không thật. Do vốn chấp trước mà các pháp được sanh ra. Tâm như hư không bị các khách trần phiền não và tùy phiền não che lấp, tâm như dòng sông sanh diệt không thể trụ, tâm như đèn sáng do duyên mà khởi lên, tâm như ánh chớp trong khoảnh khắc không trụ lâu, tâm như bạn ác có thể sanh ra các khổ não, tâm như người đánh cá khổ mà tưởng vui, tâm như yêu quỉ thường tạo ra sự quấy nhiễu, tâm như Dạ-xoa chực để ăn tinh khí, tâm như giặc cướp cuồng điên phá hoại các thiện căn, tâm như con ngài thường xem sắc mình, tâm như trống trận chỉ biết thúc dục chiến tranh, tâm như nô tỳ tham ăn đồ dư thừa, tâm như ruồi nhặng luôn tiếp xúc với các thứ dơ dáy tanh hôi, tâm như con heo sống trong chốn bất tịnh mà cho là sạch thơm. Phật bảo: Ca-diếp-ba! Nếu người muốn cầu tâm nầy thì hoàn toàn không thể được. Do không đạt được nên không có chỗ đạt được. Đối với quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể nắm bắt được tức nó có thể siêu vượt lên sự có và chẳng có của ba thời". Kinh Bảo Kiết nói: "Tâm nầy chẳng phải bên ngoài vốn có nên không thể thấy. Đối với uẩn, xứ, giới cũng không thể thấy. Như vậy tìm cầu tâm không thể thấy được thì do, sở duyên nào mà luôn luôn tâm được khởi lên? Nếu cho rằng từng tâm ấy duyên sự

việc như vậy thì sao nói là tâm không thể thấy? Nên biết tâm ấy như dao kiếm sắc bén làm sao có thể tự đoạn mất. Lại nữa, tâm nầy như chỉ thẳng, chỉ làm sao có thể nói. Tâm không thể thấy cũng lại như vậy. Nhẫn đến tâm nầy như người đi xa, thân họ chuyển nhẹ nhàng nhanh chóng như gió đi đến trong cảnh giới như ý muốn không có chướng ngại. Nầy thiện nam tử! Nếu có người đối với sáu cảnh giới xứ nầy hệ thuộc vào mình và người nhưng tâm không ái trước, thân không tán loạn thì tức đã ở trong thiền định, tâm nhất cảnh tánh không có chướng ngại. Đây gọi là tâm niệm xứ". Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói: "Lấy hành tương ưng để trang nghiêm tu tập đối với pháp tánh, tâm không giảm mất. Sao gọi là trang nghiêm tâm pháp tánh kia, đồng đối với huyễn hóa? Nghĩa là nếu tự bỏ tất cả sở hữu để có thể hồi hướng về tâm pháp tánh kia thì gọi là trang nghiêm thanh tịnh cõi nước của chư Phật. Về pháp niệm xứ thì cũng như thuyết kia nói. Bồ-tát đối với pháp không quán pháp, thì hành trì pháp không thể quán. Nếu chẳng phải pháp Phật, chẳng phải đạo Bồ-đề thì tất cả pháp đều chẳng phải xuất ly. Nếu biết rõ điều nầy rồi thì đạt được tam muội đại bi. Đối với tất cả pháp chẳng có phiền não, chẳng phải không có phiền não tức đạt được tam luân vô tưởng. Vì sao? Vì hiểu rõ tánh các pháp không có hai tướng, các phiền não ấy không có tánh tích tụ, không có tánh tham và không có tánh si. Nếu có thể như vậy mà liễu ngộ Bồ-đề, hiểu thấu tính phiền não tức tính Bồ-đề thì gọi là pháp niệm xứ". Kinh Bảo Kế nói: "Nầy thiện nam tử! Bồ-tát nên dùng pháp quán pháp niệm xứ. Nếu pháp khởi lên tức gọi là sanh, và nếu pháp hoại tức gọi là diệt. Nghĩa là đối với pháp như thế: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, dưỡng giả, sĩ phu, Bổ-đặc-già-la, ý sanh nho đồng, già chết v.v... nếu tập tức tập hành, nếu không tích tập tức không tích tập hành, nếu hành thiện, bất thiện và hành bất động thì chưa có pháp nào lìa khỏi nhân duyên mà sanh khởi. Nhẫn đến đối với pháp xứ nầy quán tìm không xả bỏ Nhất thiết trí tâm Bồ-đề". Như kinh Đại Hý Lạc nói: "Hành hữu vi nầy chỉ có tâm tạo tác, giống như bình đất vô thường tán hoại. Hành như thành không bị mưa làm tan biến do dùng đất đắp lên không kiên cố nên dần dần diệt mất. Cũng như cát tích tụ bên bờ sông vốn mang tính tạm bợ nên dễ bị cuốn trôi. Hành như ngọn đèn trước gió sanh diệt bất thường, hành như bọt nước không thể tụ tập lâu dài, hành như cây chuối không có thực thể, lại như dùng nắm tay không để dối gạt kẻ ngu. Cho đến hoặc lấy cỏ, dây sắn v.v... xe lại để làm dây cột thì phải dùng con lăn để kéo giãn ra và nó chỉ có một tác dụng duy nhất là để ràng buộc. Tất cả mọi thứ đều nương tựa lẫn nhau mà tụ tập chuyển biến. Do vậy nếu nói có trước có sau đều không thể được. Như người dùi lấy lửa, hai tay cùng với miếng gỗ chuyên cần không ngừng

thì lửa khiến sanh các duyên kia nếu lìa, thế lửa theo đó diệt mất. Hành quyết định như thế, đã quyết định xong, hoặc mình hoặc người liền có thể siêu vượt hành đoạn và thường. Như người buôn có trí tuệ ở các đường nguy hiểm mà vốn am hiểu toàn diện nên được thông thoát".

Luận nói: Do sự chiêu tập của nghiệp duyên phiền não v.v… đã hình thành nên uẩn, xứ và giới nên đối với nghĩa thù thắng không thể đạt được.

Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH

Phần 1

Luận nói: Trước đã nói niệm xứ. Kế đến giải thích Bổ-đặc-già- la quyết định thành tựu tánh không tương ưng để đoạn trừ các căn bản phiền não và các phiền não khác không thể hành tập trở lại. Kinh Như Lai Bí Mật nói: "Phật bảo: Tịch Tuệ! Ví như có cây tên là Bát-la-xa, nếu chặt đứt gốc nó thí tất cả nhánh lá đều khô héo. Nầy Tịch Tuệ! Ở đây cũng lại như vậy, nếu đoạn trừ thân kiến thì có thể trừ diệt tất cả phiền não".

Luận nói: Việc phân biệt tánh không có vô lượng hình tướng.

Như kệ trong Kinh Nguyệt Đăng nói:

Nếu người tin hiểu pháp
Như Lai Đối giới
Phật học không hủy phạm
Đều luôn xa lìa các người nữ
Biết tự tánh pháp thường không tịch
Cứu trừ tất cả sầu, lo, khổ
Hoặc cho y dược khiến an ổn
Nhanh chóng thành bậc
"Lưỡng túc tôn"
Biết pháp tự tánh thường không tịch
Hoặc đối thân mạng đoạn chi tiết
Gậy cây đập đánh không sân, não
Lực nhẫn tối thượng trong cõi người
Biết pháp tự tánh thường không tịch
Nếu trong trăm đời đọa đường ác
Thường được nhậm trì tướng vi diệu
Cũng lại thấu đạt năm thần thông
Mà thường an trú nơi chư Phật.

Hơn nữa, Kinh Bát Nhã nói: "Nầy Xá-lợi-tử! Bồ-tát muốn thành tựu

thân Phật với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp thì đối với tất cả chúng sanh phải nhớ nghĩ tâm Bồ-đề không khiến tổn hoại, đối với hạnh Bồ-tát không quên mất, xa lìa ác tri thức và các lầm lỗi, gần gũi tất cả Phật, Bồ-tát và thiện tri thức, vì hàng phục các thiên ma mà làm thanh tịnh các nghiệp chướng, đối với tất cả pháp luôn được vô ngại và phải học hạnh Bát nhã Ba-la-mật-đa. Nầy Xá-lợi-tử! Bồ-tát như vậy phát khởi nhất tâm niệm thảy đều có thể siêu vượt hằng hà sa thế giới ở phương Đông và tất cả phương sở đều tu học Bát nhã Ba-la-mật-đa. Nầy Xá-lợi-tử! Bồ-tát giả thiết trụ trong mười phương cõi nước Phật phải học Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng lại như vậy, cho đến học rộng ra như các pháp vô ngã. Nếu trừ diệt nghiệp chướng ràng buộc tức thấy được tự tánh vô diệt của các pháp". Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: "Phật bảo Đại vương! Như vậy có sáu giới và sáu xúc xứ, mười tám chỗ quán tìm của ý. Bổ-rô-sa nầy nhờ duyên mà được sanh khởi. Sao gọi là sáu giới? Nghĩa là đất, nước, lửa, gió, không, thức. Sao gọi là sáu xúc xứ? Nghĩa là nhãn xúc xứ thì thấy sắc, nhĩ xúc xứ thì được nghe âm thanh, tỷ xúc xứ thì được ngửi mùi hương, thiệt xúc xứ thì nếm được mùi vị, thân xúc xứ thì nhận biết sự va chạm, ý xúc xứ thì nhận biết các pháp. Sao gọi là mười tám chỗ quán tìm của ý? Nghĩa là mắt thấy sắc rồi hoặc sanh vui thích hoặc sanh khổ não hoặc trụ nơi xả bỏ. Như vậy sáu căn mỗi mỗi đều duyên với ba sự kia. Đây gọi là mười tám chỗ quán tìm của ý. Nầy Đại vương! Sao gọi là giới đất ở trong? Nghĩa là trong thân phát sanh các thứ rít nhám, tóc, lông, móng tay, răng v.v... Nếu giới đất ở trong không sanh tức không có diệt thì không có hành tập. Nầy Đại vương! Nếu khi người nữ đối với thân như vốn tư duy về Bổ-rô-sa, Bổ-rô-sa ấy cũng sanh ái lạc. Do hai hòa hợp mà Yết-la-lam phát sanh. Lại nữa như chỗ tư duy tương tự hòa hợp mà được sanh thì không có điều nầy. Hoặc hai người nữ thì không có điều nầy hai Bổ-rô-sa cũng không có điều nầy. Nếu các người ấy tự tư duy mà được phát sanh thì cũng không có điều nầy vì tự thể không thật, chẳng phải tương ưng. Sao gọi đây là tính cứng rắn? Nầy Đại vương! Tính cứng rắn nầy tương tợ mà lập nên và cuối cùng thân nầy sẽ hoại diệt chỉ có nơi mả cao hoang vắng làm chỗ quy về. Tính cứng rắn ấy từ đâu đến? Cũng chẳng phải ở bốn phương trên dưới mà đi. Nầy Đại vương! Giới đất ở trong nên biết như vậy".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 18

Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH

Phần 2

"Nầy Đại vương! Địa giới bên ngoài nầy mang tính chất cứng rắn. Bấy giờ thế gian bắt đầu kiến lập cung điện của Phạm thiên do các báu lớn tạo thành, lại sanh cung điện của chư Thiên thuộc trời Tha hóa tự tại đều bằng bảy báu. Nầy Đại vương! Nếu không có tính cứng rắn của địa giới sanh thì các cung điện kia do đâu hình thành được, lại thành tựu đại địa với bề dày tám vạn bốn ngàn Du-thiện-na và chiều dài rộng sáu vạn Du-thiện-na, lại sanh núi Luân Vi, núi Đại Luân Vi an trụ kiên cố giống như kim cang. Lại sanh núi Tô-di-lô, núi Canh-kiên-đà, núi Tần- mẫn-đà, núi Y-xá-đà cho đến Hắc sơn! Như vậy ba ngàn đại thiên thế giới đã thứ tự thành lập và an trụ kiên cố. Nếu không có tính cứng rắn của giới địa sanh khởi thì các thứ kia từ chỗ nào sanh. Nầy Đại vương! Lại nữa, thế giới nầy khi muốn hoại diệt thì hoặc bị lửa thiêu, hoặc bị nước cuốn, hoặc bị gió thổi. Nhưng khi đại địa nầy bị lửa thiêu thì giống như dầu tô, lửa cháy nó càng bốc mạnh cho đến cháy rụi không còn thấy nữa. Nếu bị nước cuốn thì như đem muối bỏ vào trong nước, tất nhiên muối sẽ rã ra không tìm thấy. Nếu bị ngọn gió Tỳ-lam thổi mạnh thì ba ngàn đại thiên thế giới tất đều tan nát không còn sót lại thứ gì. Nầy Đại vương! Khi địa giới bên ngoài sanh khởi thì vốn là không, khi diệt cũng không, vì tự tánh không nên không có tướng nam nữ mà chỉ nói chỗ biểu hiện ra của nó. Như vậy, địa giới và tính chất của địa giới đều không thể nắm bắt được mà chỉ có chánh tuệ như thật để biết rõ. Sao gọi là giới nước bên trong? Nghĩa là nếu sở hữu trong thân nầy chấp thọ tính ẩm ướt. Điều ấy ra sao? Đó chính là nước dãi, mồ hôi, nước mũi, đàm, mở, mũ, tuỷ, máu, nước tiểu v.v... gọi là nước bên trong. Nầy Đại vương! Nếu bất chợt gặp lại người thân yêu thì nước mắt chảy ra, hoặc bị khổ chèn ép khiến chảy nước mắt hoặc nghe pháp thâm diệu rồi tin tưởng tôn trọng khiến nước mắt chảy ra, hoặc bị gió lạnh thổi vào khiến nước mắt chảy ra. Như vậy, nước từ đâu đến và khi tướng nước khô cạn sẽ đi về đâu?

Cho đến thế giới nầy khi tan hoại, khắp nơi nổi lên mây đen dày ba mươi hai lớp che kín ba ngàn đại thiên thế giới rồi làm mưa rơi tầm tả, điểm giọt lớn như chân voi, đêm ngày xối xả tương tục không ngừng. Như vậy, thời phần trải qua năm trung kiếp, nước ấy tích chứa tràn đầy đến cõi Phạm thiên. Nầy Đại vương! Nước lớn nầy từ đâu mà đến? Lại nữa thế giới nầy khi sắp muốn hoại thì có hai mặt trời xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện rồi thì nguồn nước sông, suối nhỏ thảy đều khô cạn, khi có ba mặt trời xuất hiện thì ao vô nhiệt não chảy ra bốn con sông cũng đều khô cạn. Khi có bốn mặt trời xuất hiện thì nước trong biển lớn giảm xuống một Du-thiện-na, hoặc hai, hoặc ba cho đến giảm xuống mười Du-thiện-na hoặc hai mươi Du-thiện-na. Rồi thứ tự khô cạn đến tám mươi du-thiện-na. Sau đó có dòng nước khác xuất hiện hoặc sâu bằng một cây đa-la, hoặc sâu đến ngực, hoặc hoặc sâu bằng cổ chân trâu cho đến độ sâu giảm thiểu bằng một lóng tay. Lúc ấy, nước trong biển lớn tất đều khô cạn không còn chút nào. Nầy Đại vương! Tướng nước ấy sanh ra không có nơi đến, diệt không có chỗ đi. Khi sanh nó vốn không, khi diệt nó cũng không, vì tự tánh vốn không chẳng có tướng nam hay nữ mà chỉ có thể nói lên chỗ biểu hiện của nó. Như vậy nước và tính chất của nước đều không thể nắm bắt được. Sao gọi là giới lửa ở trong thân? Vì trong thân chấp có tính chất nóng, ấm. Những thứ ấy là gì? Nghĩa là ấm áp, hầm, nóng, nhấm nuốt, ăn uống thành thục biến hoại khiến an vui vì được no nê thì gọi là lửa ở bên trong. Sao gọi là lửa ở bên ngoài? Nghĩa là mình không thể cảm nhận được sự ấm áp, nóng bức khi lửa nầy sanh khởi. Nếu lại có người ở trong đồng trống muốn tìm thấy lửa nên hoặc lấy cỏ, hoặc dùng phân khô, hoặc lấy cây bông đâu-la để mồi lửa. Sau khi có lửa rồi, lại thiêu đốt cỏ cây núi rừng, xóm làng và các nơi khác khiến tất cả đều cháy rụi. Nầy Đại vương! Như vậy, lửa sanh ra không có chỗ đến và khi diệt không có chỗ đi, từ xưa đến nay lìa tự tánh. Sao gọi là gió ở trong thân? Đó là tính chất chuyển động nhẹ nhàng. Điều ấy là gì? Gió ở trong thân nầy hoặc khi lên cao hoặc khi xuống thấp, hoặc trụ nơi bụng, nơi ngực, nơi vai, hoặc phát khởi bệnh sởi, hoặc tụ thành khối, hoặc như dao cắt, hoặc như kim châm, hơi thở ra vào biến khắp cơ thể. Còn gió ở bên ngoài thân nghĩa là gió nầy từ bốn phương thổi đến, hoặc nhanh như tên, hoặc sắc như mũi nhọn. Nếu gió khởi lên cuồng bạo thì nó bẻ gãy rừng cây đổ ngã và phá hoại núi đồi. Nếu gió thổi lên nhẹ nhàng thì khiến cho tà áo bay và làm động cây Đa-la. Đây gọi là gió ở bên ngoài thân. Những điều còn lại như trước đã nói rõ. Sao gọi là giới không bên trong thân? Nghĩa là trong thân nầy có da, máu thịt v.v... biểu hiện tăng trưởng và xa lìa tính trở ngại. Các thứ ấy là gì? Đó là khoảng trống trong con mắt, lỗ tai, miệng, cổ

họng, hoặc khi nuốt thức ăn vào trong tỳ vị thì vẫn có chỗ hở cho hơi thông suốt xuất ra. Nếu khi nghiệp duyên dẫn đến sanh ra sáu xứ thì các xứ đã sanh bao quanh giới không. Tuy nhiên giới không nầy từ đâu đến? Nếu hiển hiện ra bên ngoài thì xa lìa tính trở ngại và được gọi là giới không bên ngoài. Nầy Đại vương! Nếu sắc biến hoại thì tất cả đều không. Vì sao? Vì hư không nầy vốn vô tận, an trụ bất động như Niết-bàn và biến khắp tất cả xứ không có chướng ngại. Nầy Đại vương! Ví như có người ở nơi cao nguyên kia mà đào giếng, hồ thì ý ông nghĩ sao? Tướng không trong hồ, giếng ấy từ đâu đến?". Vua đáp: "Không từ đâu đến cả". Phật bảo: "Đại vương! Giả sử người kia dùng đất lấp giếng lại thì ý ông nghĩ sao? Khoảng không đó đi về đâu?". Vua đáp: "Khoảng không ấy không đi về đâu cả. Vì sao? Vì hư không ấy không đi, không đến, không trụ vào tướng nam hay tướng nữ". "Nầy Đại vương! Hư không bên ngoài xưa nay vốn không biến động. Vì sao? Vì tự tánh viễn ly nên phải dùng trí tuệ như thật mà biết rõ.

Lại nữa Đại vương! Sao gọi là thức? Nghĩa là nếu nhãn căn làm chủ duyên với hiển sắc, hình sắc và biểu sắc thì gọi là nhãn thức. Nếu sáu căn làm chủ duyên với sáu cảnh, mỗi thứ thiết lập riêng biệt thì gọi là sáu thức. Hơn nữa, thức nầy không vướng mắc vào căn cũng không trụ vào cảnh, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Tuy nhiên thức nầy mỗi mỗi đều hiểu rõ các sự việc kia rồi tức liền diệt mất nên nó sanh cũng không có chỗ đến, diệt không có chỗ đi. Nầy Đại vương! Khi thức sanh cũng là không, khi thức diệt cũng là không. Tự tánh ấy vốn không nên không trụ vào tướng nam hay tướng nữ mà chỉ nói chỗ biểu hiện của nó. Như vậy, thức và tính chất của thức đều không thể nắm bắt được mà chỉ dùng chánh tuệ như thật để biết rõ. Nầy Đại vương! Sao gọi là nhãn xứ? Nghĩa là bốn đại: đất, nước, gió, lửa tạo ra tịnh sắc. Nếu đất thanh tịnh thì nhãn xứ thanh tịnh. Nếu nước, lửa, gió thanh tịnh thì nhãn xứ thanh tịnh. Vì sao? Do đất thanh tịnh mà nhãn xứ được sanh. Nên biết trong đây không có pháp nào có thể nắm bắt được. Như vậy cho đến do gió thanh tịnh mà nhãn xứ được sanh và trong đó cũng không có pháp nào có thể nắm bắt được. Ví sao vậy? Vì không có chủ tể, không có tạo tác, giống như tự tánh Niết-bàn thanh tịnh. Nầy Đại vương! Như vậy, nhãn xứ nếu tìm cầu thì không thể đạt được. Vì sao? Do đất vốn không nên đất trở nên thanh tịnh, cho đến gió vốn không nên gió cũng trở nên thanh tịnh. Nếu tự tánh các pháp vốn không thì giới kia sao có thanh tịnh, cũng không có phẫn nộ tranh cãi? Dù thanh tịnh hay tranh cãi thì cũng đều không thể nắm bắt được. Lại nữa sắc nào có thể thấy? Nên biết nhãn xứ hoàn toàn không nên tự tánh cũng không. Do vậy trước sau đều không thể nắm bắt được và vị lai cũng

không thể nắm bắt. Vì sao? Vì tự tánh lìa tất cả những pháp ấy. Nếu tự tánh không có thì không có tướng nam tướng nữ vậy làm gì có ái lạc! Nếu sanh ái lạc là cảnh giới của ma. Nếu không có ái lạc là cảnh giới của Phật. Vì sao? Vì nếu không có ái tức có thể lìa xa tất cả các pháp.

Nầy Đại vương! Sao gọi là nhĩ xứ? Nghĩa là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo ra. Đại vương! Các pháp giải thoát hiện ra trước mắt, pháp giới không không thể thiết lập, không thể hiển thị, không thể nhớ nghĩ riêng biệt, không có chỗ nào hy vọng. Đại vương! Các căn luôn đắm trước cảnh giới. Khi nhãn duyên với sắc thì vướng mắc vào sự ưa thích nên nói sắc là cảnh giới của nhãn. Lại nữa, nhãn căn nầy duyên với cảnh sắc có ba loại tướng hiển hiện xem xét.

1. Với sắc đáng yêu thì khởi tưởng tham.

2. Với sắc không đáng yêu thì khởi tưởng sân.

3. Với sắc không yêu không ghét thì khởi tưởng xả.

Như vậy, cho đến ý chấp trước pháp làm cảnh giới của ý. Nếu ý duyên với sắc đáng yêu thì khởi lên chấp trước và sanh ra hành tham. Nếu ý chấp trước sắc không ưa thì sanh ra hành sân. Nếu ý đối với sắc không thích cũng không ghét thì sanh ra hành si. Như vậy, ba loại âm thanh vin vào duyên mà lãnh nạp các tướng theo như trước đã nói. Nầy Đại vương! Nên biết các căn như huyễn, cảnh giới như mộng. Ví như có người nằm ngủ mộng thấy các người nữ với lụa là tươi đẹp cùng nhau vui đùa thì ý ông nghĩ sao? Khi người ấy tỉnh rồi thì nhớ đến cảnh mộng ấy là có thật chăng?". Vua đáp: "Không có thật, thưa Thế Tôn". "Nầy Đại vương! Ý ông nghĩ sao? Người chấp mộng cho là thật, là bậc trí chăng?". Vua đáp: "Không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì những gì thấy trong mộng, các người nữ với lụa là tốt đẹp hoàn toàn không có, huống hồ cùng họ đùa vui. Nên biết người nầy tự chuốc lấy khổ sở chứ việc nhớ nghĩ về chuyện trong mộng thì không bao giờ nắm bắt được". Phật bảo: "Đại vương! Đúng vậy! Đúng vậy! Hàng phàm phu ngu si khi mắt thấy sắc rồi tâm sanh yêu thích lại khởi chấp trước nên bị chúng dẫn dắt tạo tác hành nghiệp tham, ba loại nghiệp của thân, bốn thứ nghiệp của miệng và ba thứ nghiệp của ý. Ban đầu tạo tác rồi trong một khoảng khắc bị hoại diệt, không nương tựa vào bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, hay trên, dưới, trung gian mà trụ. Đối với cõi chết, khi mạng căn dứt thì nghiệp báo thảy đều hiện ra trước mắt, giống như khi tỉnh mộng rồi nhớ nghĩ lại chuyện trong mộng. Nầy Đại vương! Nên biết, thức làm chủ, nghiệp bám víu vào duyên cả hai thứ làm nhân cho nhau. Ban đầu thức sanh khởi hoặc hướng đến địa ngục, hoặc đọa vào cõi

bàng sanh hay cảnh giới Diễm-ma-la và A-tu-la hoặc cõi trời, cõi người. Ban đầu thức sanh gọi là thọ nhận báo ấy rồi cùng với tâm phân biệt tương tục tùy chuyển. Về sau thức diệt gọi là uẩn tử. Lúc đầu thức sanh khởi gọi là uẩn sanh. Đại vương nên biết! Không có pháp nào tồn tại từ đời nầy đến đời khác. Vì sao? Vì chúng có tánh sanh diệt. Đại vương! Khi thân thức sanh thì không có chỗ đến, khi thức ấy diệt thì cũng không có chỗ đi. Khi nghiệp kia sanh cũng không chỗ đến, khi diệt cũng không có chỗ đi. Ban đầu khi thức sanh vốn không có chỗ đến, khi diệt cũng không có chỗ đi. Vì sao? Vì tự tánh vốn xa lìa sanh diệt. Như vậy, nếu biết rõ thân thức thì thân thức vốn là không, nghiệp của mình cũng vốn là không, thức ban đầu vốn là không, thức diệt cũng vốn là không, thức sanh cũng vốn là không. Nên phải biết rõ nghiệp trói buộc không có tác giả, thọ giả mà chỉ có sự tưởng tượng. Lại nữa Đại vương! Ví như có người nằm ngủ mộng thấy các oan gia đối đầu rồi cùng nhau khởi tranh cãi thì ông nghĩ sao? Người ấy khi tỉnh mộng lại cho rằng sự tranh cãi là có thật chăng?". Vua đáp: "Thưa Thế Tôn! Không thể như vậy". Phật bảo: "Đại vương! Ý ông nghĩ sao? Người ấy chấp trong mộng là có thực, là bậc trí chăng?". Vua đáp: "Thưa Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì ở trong mộng vốn không hề có oan gia đối đầu, huống gì lại có sự cùng nhau tranh cãi! Người ấy không nên tự chuốc lấy ưu não vì nó không có thật". Phật bảo: "Đại vương! Như vậy, phàm phu ngu si khi mắt thấy sắc xấu liền sanh ưu não rồi chán ghét phá hoại và tạo tác lỗi lầm mà hành nghiệp sân. Các điều khác thì như trước đã nói. Lại nữa, Đại vương! Ví như có người ở trong mộng thấy bị Tỳ-xá ngăn cản não hại khiến tâm sanh phiền muộn, si mê sợ hãi thì ý ông nghĩ sao? Người ấy khi tỉnh mộng nhớ lại chuyện bị yêu quỉ quấy nhiễu là thật chăng?". Vua đáp: "Thưa Thế Tôn! Không phải như vậy! Vì sao? Vì trong mộng không hề có quỉ quấy nhiễu huống hồ là sự si mê". Phật bảo: "Đại vương! Như vậy, hàng phàm phu ngu si khi mắt thấy sắc ấy do si mê không biết rõ nên tạo ra hành nghiệp si. Các điều khác thì như trước đã nói. Lại nữa, Đại vương! Ví như có người ở trong mộng được nghe nhiều người trỗi lên các thứ âm nhạc vi diệu như tiếng ca, tiếng không hầu, tiếng đàn, tiếng sáo v.v... thì ông nghĩ sao? Người ấy khi tỉnh mộng nhớ nghĩ những thứ đó là thật chăng?". Vua đáp: "Thưa Thế Tôn! Không phải như vậy". Phật bảo: "Đại vương! Ý ông nghĩ sao? Người ấy chấp trong mộng cho là thật là người trí chăng?". Vua đáp: "Thưa Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì ở trong mộng, những người kia còn không có, huống hồ lại có các âm thanh thuộc âm nhạc vi diệu. Người ấy không nên tự chuốc lấy khổ sở vì những điều kia hoàn toàn không có". Phật bảo: "Đại vương! Như vậy, kẻ phàm phu ngu si khi nghe âm thanh

hay rồi sanh ưa thích và sanh chấp trước mà tạo ra hành nghiệp tham. Như vậy, hương v.v... mỗi thứ ba loại quyết định như trước nên biết. Nầy Đại vương! Đối pháp nầy nên khéo tự an ổn ý và nhớ nghĩ: Ta làm sao ở trong cõi trời, đối với người làm mắt sáng làm đèn đuốc lớn để chiếu soi, làm thuyền trưởng để khiến vượt qua bờ bên kia, làm đại thương chủ dẫn mọi người đến kho báu, người chưa được giải thoát ta khiến họ được giải thoát, người chưa an ổn khiến họ được an ổn, người chưa chứng Niết-bàn khiến họ chứng Niết-bàn. Đại vương nên biết! Các căn vốn như huyễn cảnh giới như mộng, nhưng phàm phu lại đắm trước không có nhàm chán. Vào thời quá khứ, cách đây vô lượng cõi nước, có vị Chuyển luân vương tên là Vô Lượng Xứng với oai đức danh tiếng, giàu sang, tự tại thống trị bốn châu rất là tối thắng, tùy ý muốn mà được thọ dụng, tất cả rừng cây trong nước của vị ấy thường có hoa quả bốn mùa. Lúc ấy, dân chúng trong nước đều an ổn không có phiền não. Lại nữa, trời thường làm mưa với đủ các thứ diệu hương, kim ngân, trân báu đầy đủ và mọi nhu cầu không bao giờ thiếu sót. Nhưng vào một thời, đột nhiên vua tiến thẳng lên trời Đao Lợi gặp chủ Đế Thích đòi chia tòa để ngồi. Do tham dục không nhàm chán nên muốn xâm phạm đến địa vị kia. Tuy nhiên, vua vừa nghĩ vậy xong liền thoái đọa khiến quần thần chung quanh đều thấy điều đó. Thí như váng sữa bỏ vào trong cát nóng thì nó tồn tại không lâu và sẽ tan biến. Vì vua ấy sắp mạng chung cũng lại như vậy. Bấy giờ, có vị vua tên Tác-ái thấy sự việc nầy rồi liền nói: "Ta nên làm thế nào để nói việc ấy cho tất cả thế gian biết". Lúc ấy, vua Vô Lượng Xứng nói với Tác Ái: "Ông ở đời vị lai nên nói như vầy: Vua Vô Lượng Xứng kia do tham lam không biết chán nên đã tự chuốc lấy cái chết". Nầy Đại vương! Các căn vốn như huyễn, cảnh giới như mộng nên phải tự an ổn chớ tin thuận theo. Thân nầy như tự tánh của ánh sáng mặt trời không hề có thật. Tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức không thật, cũng lại như vậy".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 19

Phẩm 14: TỰ TÁNH THANH TỊNH

Phần 3

Luận nói: Ở đây nói nương vào nghĩa thù thắng của thế tục mà kiến lập nên các pháp. Phải biết như vầy: Nếu khi Thế Tôn dùng Nhất thiết trí quán sát thế gian thì hiện chứng biết rõ nương vào thế tục nói có sáu cõi hoặc trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, các chủng tộc trên dưới thọ báo giàu sang, nghèo khổ, thạnh suy, khổ lạc và chê khen, sắc và vô sắc… đều tương sanh. Nếu khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì các chúng sanh… đều được an trú nơi chỗ thiện mà phát khởi tịnh tín, ưa thích nói nghĩa thù thắng. Lúc ấy, Như Lai vì lợi ích cho chúng sanh nên theo như sở chứng của mình mà nói: Sự thật của các pháp vốn không có tạo tác, không có phân biệt, không có tri giác, không có hiển thị cũng không có ngôn thuyết. Như vậy, tất cả các pháp đều không. Nếu vậy thì sao Thế Tôn lại nói thọ ký Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng? Ở trong pháp nầy lấy gì làm sắc? Sao gọi là thọ, tưởng, hành, thức mà có thể thọ ký Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng? Do biết rõ sắc vốn không tức Bồ-đề sanh. Cho đến thức vốn không cũng đồng như cách nói ấy. Đối với các pháp đều không hề có chỗ chứng đắc thì sao gọi là Phật? Sao gọi là Bồ-đề? Sao gọi là Bồ-tát? Sao gọi là thọ ký? Nếu sắc là thứ vốn không cho đến thức cũng không thì chỉ nương vào thế tục trong một sát na mà kiến lập nên. Như vậy, ngôn thuyết chỉ là tưởng! Người trí đối với điều nầy chớ có khởi sân hận, phiền não. Như Thế Tôn nói: Thực tế của các pháp rốt ráo vô tận. Trời Hóa lạc kia không hiểu rõ nghĩa lý sâu xa nên chấp ngã cho là có cũng không chướng ngại. Thế Tôn lại nói: Các pháp Bồ-đề, tự tánh lìa sanh diệt. Nếu ai hiểu rõ điều ấy tức gần gũi vô lượng Bồ-đề. Vì sao? Vì nếu lìa Bồ-đề thì không có Niết-bàn. Nếu không có vui thích Niết-bàn tức không có sợ hãi luân hồi. Thế Tôn, như chỗ chấp có của trời Hóa lạc, ngã thực chất không thể nắm bắt được, huống hồ có thể có sự thực có thể nắm bắt! Lúc ấy chủ cõi Ta Bà nghe Phật nói rồi, liền sanh lãnh hội và hiểu rõ mà nói kệ:

Như người trong mộng bị đói khát
Vội ăn trăm vị liệu có no
Khi rõ mộng kia tướng vốn không
Tự tánh các pháp cũng như vậy
Như người khéo nói các ngôn luận
Nghe rồi đều sanh sự yêu thích
Hoặc nói hoặc thích cả hai không
Trong đây không được sanh nghi hoặc
Ví như sắt cầm phát âm hay
Tiếng kia tự tánh vốn không có
Biết rõ uẩn, ái cũng như vậy
Diệu tuệ tìm kia không thể được
Ví như âm hưởng của ngọc kha
Nghe rồi tìm cầu chỗ nào sanh?
Tiếng kia xưa nay tự tánh không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Thí như các thức ăn ngon lành
Ăn rồi khiến thân được no đủ
Như vậy vị thân xưa nay không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Thí như Thiên đế hiện tràng báu
Các trời đều thấy sanh ái dục
Biết rõ tướng nầy xưa nay không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Thí như có người phân địa giới
Gượng gọi thành ấp xưa nay không
Cũng biết thành thân tự tánh không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Thí như tập hợp người đánh trống
Mọi người nghe rồi sanh vui thích
Tiếng kia tự tánh xưa nay không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Lại như đánh trống mượn duyên sanh
Nếu không thấm nhuần tiếng vẫn động
Tìm cầu tiếng ấy chốn nào đến
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên
Lại như đánh trống xuất âm lớn
Kia không nghĩ ngợi và vang to

Như vậy phân biệt xưa nay không
Tức hiểu các pháp của Đại Tiên.

Luận nói: Ở đây lại nói rõ nghĩa trước. Nghĩa là nhãn… tự tánh các pháp vốn không có. Nếu các pháp không có thì không thành tựu. Nếu không thành tựu thì không sanh diệt. Nhẫn đến nhãn căn vốn duyên với ba tướng ái, phi ái… đều không thể nắm bắt được, không có ngôn thuyết, cũng không có biểu thị. Ví như dùng tay không nắm chặt lại để vừa gạt trẻ nhỏ, chỉ cuồng ngôn chứ thật ra không có gì trong đó. Cho đến danh lượng cũng không có thật, không thể nắm bắt được. Nghĩa không thù thắng nầy quyết định sự không có. Như người ở trong mộng thấy núi lớn hiện ra đè lên mình khiến đứt đầu. Người trí hiểu rồi liền biết rõ tất cả đều do thức sanh khởi nên được giải thoát. Như Đại Thọ Khẩn-na-la Vương hỏi Thế Tôn: "Nếu bảo các pháp thảy đều trống không thì sao Thế Tôn thọ ký cho con? Con cũng không biết tự trụ ở lầu gác không tăng, không giảm cũng không tán hoại, sự thọ dụng vô tận, tướng ấy là thế nào?". Phật bảo: "Ông phải biết rõ tất cả pháp kia tự tánh thanh tịnh, pháp giới vốn không giống như các cảnh tượng hiện ra trong gương, như tạo bánh xe, tụ tập mà hiển thị. Ta nói tác nghiệp tự tánh cũng lại như vậy. Lại như rừng cây do gió thổi mạnh nên cọ xát với nhau mà sanh ra lửa. Như vậy, tư duy xem lửa ấy từ đâu có? Ta nói tác nghiệp cũng lại như vậy. Như nói ở người sống lâu trăm tuổi thì nên biết không có sự tích tụ tuổi thọ có thể thấy được". Lại nữa, Kinh Pháp Tập nói: "Nhãn và sắc vốn không có chống đối nhau, nhĩ và âm thanh cho đến ý và pháp cũng không hề chống đối nhau. Vì sao nói nhãn và sắc không hề chống đối nhau? Vì hai thứ nầy hòa hợp không có trái nghịch nhau. Cho đến ý và pháp hai thứ đều hòa hợp cũng lại như vậy. Nếu không hòa hợp thì ắt có chống đối nhau. Thế Tôn! Pháp không có sai khác nên không có sự chống đối nhau. Các pháp không hai nên mỗi thứ không biết nhau. Do không biết nhau nên không có phân biệt. Nếu lìa phân biệt thì không có sanh diệt, không có tăng giảm, không sanh ái lạc cũng không chán hoạn nạn cũng không trụ luân hồi, không chấp Niết-bàn. Thế Tôn! Nếu đối với các pháp không thích, không chán thì nên biết không có tính nhiễm tịnh v.v... Thế Tôn! Nếu nói ta biết như vậy, ta hiểu như vậy thì đều là chỗ phân biệt hư vọng. Thế Tôn! Nếu lại đối với các pháp của nhãn nầy… khéo hiểu biết rồi thì không nghĩ: Ta có thể phân biệt. Phải biết người nầy cùng với vạn vật không có sự chống đối nên có thể tùy thuận đạo hạnh Sa-môn, được thấy pháp, được gặp Phật, được thấy chúng sanh, được thấy tánh không. Thế Tôn! Thấy vốn không có chỗ gì thấy tức gọi là các pháp không thấy". Kinh kia lại nói: "Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi: Như như không đối với pháp nói

thế nào? Phật bảo! Như như không kia không sanh, không diệt, do vậy các pháp đều không. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát nói: Do như vậy, như vậy nên Thế Tôn nói tất cả pháp đều không sanh, không diệt. Thế Tôn! Cớ gì lại nói các pháp hữu vi đều có sanh diệt? Nếu như vậy thì tháp miếu của Phật nhất định có sanh diệt! Phật bảo: Nầy thiện nam tử! Như Lai do tâm đại bi vì diệt trừ sự sợ hãi của chúng sanh trong thế gian mà tùy thuận tuyên nói pháp sanh diệt. Chứ thật ra trong đó không có pháp nào có thể nắm bắt được huống hồ có sanh diệt". Như kinh Bát Nhã nói: "Trưởng lão Tu-bồ-đề! Sao gọi là pháp vô sanh? Tu-bồ-đề đáp: Xá-lợi-tử! Sanh không có gì để sanh nên gọi là pháp vô sanh".

Luận nói: Điều nầy gọi là tích tập phước hạnh thanh tịnh để thành tựu Bồ-đề, lấy tâm từ thanh tịnh duyên với chúng hữu tình, khéo quán sát và nhận biết không có tướng chúng sanh. Nếu lại cúng dường mười phương chư Phật, bậc Lưỡng túc tôn thì xa lìa cấu nhiễm và điều ấy cũng không thể nhận thấy được. Nếu cung cấp, phụng dưỡng tất cả chúng sanh khổ não thì chính là tuân theo lời giáo huấn của bậc Điều ngự. Bậc tôn kính trong cõi người thường đem tâm đại bi để bạt trừ các khổ não cho chúng sanh, khiến họ được an ổn, vui thích, phát sanh trí tuệ thanh tịnh nhằm đoạn trừ phiền não. Đối với chánh lý nầy, họ đã hiểu rõ nên xa lìa nghi hoặc. Như vậy, quả báo cúng dường không khó đạt được. Khi đã hiểu chánh giáo của Đức Phật rồi theo chánh giáo ấy mà quán sát thân, nhớ nghĩ đến bát chánh đạo, thì đoạn trừ si mê và nhiễm ô. Phải nên xả bỏ tự thân để thừa sự chư Phật, không hy vọng có được diệu lạc của thế gian và các cõi trời mà luôn tu tập ma-tha, Tỳ- bát-sa-na để tịch tĩnh biến khắp nơi và được xuất ra khỏi đường khổ.

Sao gọi là kiến lập các pháp thế tục? Nghĩa là ở trong chỗ hư vọng mà biết hòa hợp tương ưng với phàm phu si mê điên đảo. Đối với những kẻ ấy phải tưởng như con mình để dìu dắt họ nương tựa vào chánh pháp, y chỉ thành tựu nhằm nói pháp thắng nghĩa không cho họ nghe tức không có tướng cố định nầy vì tất cả pháp vốn không có sanh. Như Kinh Vô Cấu Xứng nói: "Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy Ma Cật: Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc? Đáp: Lấy tướng điên đảo làm gốc. Lại hỏi: Tướng điên đảo lấy gì làm gốc? Đáp: Lấy vô trụ làm gốc. Lại hỏi: Vô trụ lấy gì làm gốc? Đáp: Vô trụ tức là không có gốc. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trụ tức có thể kiến lập tất cả các pháp". Lại nữa, Kinh Bát Nhã nói: "Nên phải xả bỏ tại gia, an trú dũng mãnh để đoạn trừ phiền não khiến tâm thanh tịnh, bình đẳng mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật-đa". Kinh Pháp Tập nói: "Người khéo hiểu rõ nghĩa không thì tâm không nương tựa vào các thứ sở hữu của thế gian như lợi,

suy, xưng, gièm, vui, buồn, khen, chê… Đối với các khổ não không sanh nhàm chán. Đối với các khoái lạc không sanh ái đắm, không bị các pháp thế gian phá hoại. Người khéo hiểu nghĩa không tức biết rõ tánh không không thì có pháp nào để nắm bắt hoặc xả bỏ. Nếu không nắm bắt và không xả bỏ tức không có tham trước và nhàm chán. Đây gọi là người khéo thấy nghĩa không tức đối với tất cả pháp không có chấp trước. Nếu không có chấp trước tức đối với các pháp không có sự tranh luận".

Luận nói: Ở đây nói rõ trong một sát na tâm được thanh tịnh. Nghĩa là do ngã mạn nên khinh bỉ chúng sanh. Nếu biết rõ ngã kiến xưa nay không có, nên nhất tâm chuyên chú để đoạn trừ ngã mạn thì người ấy nhanh chóng được tâm thanh tịnh. Như vậy, quán sát tất cả xứ, chỗ của chúng sanh mà thường vui tôn trọng, xa lìa sự bám víu vào duyên và sự phân biệt mình, người khác, đồng bình đẳng với tất cả không hề trái ngược nhau như thế, việc học hạnh nầy thì không lấy gì làm khó. Ví như ngọc báu như ý là điều ưa thích của con người chứ chẳng phải chỉ riêng mình. Do vậy, đối với người khác phải sanh tôn trọng. Nghĩa là do điên đảo phân biệt mà chấp trước nên đối với loài hữu tình sanh khởi keo kiệt hoặc khen chê. Tất cả điều ấy đều do sự trói buộc của ngã mạn. Vì duyên nầy nên sanh khởi khen chê làm tăng trưởng nhiệt não như lửa ngục A-tỳ. Âm thanh ấy vốn không có tâm khen ngợi, sao có tuệ hư vọng nầy sanh khởi ưa thích? Tại sao đối với lời nói của người khác mà sanh thích thú? Vì đối với niềm vui của người khác hoặc sanh khởi chẳng phải của ta. Nên biết, phải thường bình đẳng để tự mình giữ lấy an ổn, tĩnh lặng. Nếu hiểu rõ sự phân biệt các tướng trói buộc, thoát ly, khen chê v.v… như vậy tức là biết rõ tất cả đều không có quả lợi ích. Lại nữa, đối với tài lợi sanh nhiều niềm vui và não hại là do thói quen tích tập ganh ghét, xảo trá và mong cầu. Nên biết dù thuận hay nghịch đối với tài lợi ấy đều đưa đến tội nặng. Chỉ có thuận theo chánh lý mà khởi đối trị nhằm bạt trừ ngã mạn mới khiến tâm nhanh chóng trở nên thanh tịnh, xa lìa lỗi lầm ngôn ngữ và chuyên vui tịch mặc chỉ trừ sự răn dạy nối tiếp biểu hiện. Hiểu rõ các pháp hư vọng vốn không có thật kiên cố, là gốc sanh các khổ, không thể bám trụ lâu.

Phẩm 15: CHÁNH MẠNG THỌ DỤNG

Phần 1

"Lại nữa, Trưởng giả! Nếu là Bồ-tát tại gia thì nên vui với sự thọ dụng chánh mạng bình đẳng xa lìa sự sanh hoạt phi pháp trong đời sống…". Kinh Bảo Vân nói: "Sao gọi là Bồ-tát đối với sự bố thí không lấy thân

nghiệp giả hiện oai nghi? Nếu khi nhấc chân bước đi thì không nên giả bộ nhẹ nhàng khoan thai. Nếu khi hạ chân xuống thì không làm ra vẻ đăm chiêu hiện tướng suy tư. Thế nào là Bồ-tát nói năng không giả bộ, không vì lợi dưỡng? Ngược lại, phải thực sự thể hiện lời nói nhỏ nhẹ, lời nói mềm mỏng, lời nói ưa thích và lời nói tùy thuận. Sao gọi là tâm Bồ-tát không có dối trá không vì lợi dưỡng? Nghĩa là lời nói thể hiện tâm ít ham muốn, ít tham cầu và não phiền nóng nảy bên trong. Sao gọi là Bồ-tát hay xả ly, vì lợi dưỡng nên hiện ra dị tướng? Nếu thấy người bố thí quyết không nên tự nói: Ta thiếu y phục, ngoại cụ, thức ăn uống, thuốc trị bịnh, mong thí chủ rũ lòng ân huệ bố thí. Sao gọi là Bồ-tát hay xả ly, vì lợi dưỡng nên nói lời sáo rỗng, kích động? Nếu thấy người bố thí thì không nên nói dối trá: Thí chủ ấy… đem vật như vậy bố thí cho ta, ta dùng vật nầy với mục đích để báo đáp ân của thí chủ. Lại nói: Vì ta thiểu dục, trì giới, đa văn nên người kia bố thí. Ta đã khởi tâm thương xót mà nhiếp thọ phẩm vật đó. Cho đến thân hành ác, vì lợi dưỡng nên bôn ba qua lại nhà thí chủ mà phá giới cấm. Nếu thấy bậc đồng phạm hạnh khác được các lợi dưỡng liền khởi tâm tổn hại thì gọi là Bồ-tát lìa bỏ hiểm nạn mà cầu lợi dưỡng. Sao gọi là Bồ-tát xả ly lợi dưỡng phi pháp? Nghĩa là Bồ-tát nầy không toan tính quyền lực mà hành luống dối, tùy theo người khác tin, không nên khởi tâm xâm phạm làm tổn hại. Sao gọi là Bồ-tát xa lìa bất tịnh và lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ-tát nầy đối với vật thuộc tháp miếu của Phật, vật của Pháp, vật của Tăng chúng không nên lạm dụng. Nếu có dùng được cũng không dám nhận. Sao gọi là Bồ-tát xa lìa việc đắm trước lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ-tát nầy đối với các vật dụng mình có được thì không nên ôm giữ lấy một mình, không tự khoe khoang giàu có, cũng không tích chứa mà tùy thời đem cúng cho Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí… hoặc đem cho cha mẹ, thân thuộc, bạn bè, hoặc tự thọ dụng. Và khi thọ dụng thì không nên sanh nhiễm trước. Nếu Bồ-tát lúc ấy không được lợi dưỡng thì tâm không sanh khổ cũng không có nhiệt não. Và nếu thí chủ không bố thí thì Bồ-tát đối với người ấy cũng không sanh tâm sân hận". Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói: "Không có chúng sanh nào mà không thể kham nhẫn thọ thí như người kia đã đồng ý đem thí cho. Nếu có người đến xin thì không nên khởi phiền não mà bố thí, không bị người khác bức bách mà bố thí, không mệt mỏi mà bố thí, không sanh dị tướng mà bố thí, không quay mặt đi mà bố thí, không khinh dể mà bố thí, không ruồng bỏ mà bố thí, không bất kính mà bố thí, không phân biệt mà bố thí, phải tự tay mà bố thí phải nương đúng thời mà bố thí, phải bình đẳng mà bố thí, không gây não hại chúng sanh mà bố thí". Lại như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói: "Bồ-tát khi hành bố thí Ba-la-mật-đa, nếu có người đến xin vật

cần thiết thì phải nương vào việc làm của mình mà cung cấp cho họ. Nếu người thích rượu thì Bồ-tát khiến họ sanh chánh niệm tức là ban đầu nên đem rượu cho họ uống rồi sau đó khuyên họ đoạn trừ rượu. Như vậy, chính là Bồ-tát dùng phương tiện thanh tịnh để nhiếp thọ chúng sanh. Nếu trong tâm người ấy ưa thích uống rượu không dứt thì Bồ-tát dùng lời khuyên bảo, trách cứ các lỗi lầm của rượu cũng như dao kiếm sắt bén nên nhất định phải khuyên họ xa lìa chứ không nên tiếp tục uống. Như vậy, người bố thí tức không phạm phải tội lỗi xấu ác".

Luận nói: Ở đây nói sự thanh tịnh của việc thực hành bố thí để dần dần đi và các lãnh địa giải thoát như trong các kinh khác đã trình bày rõ việc chế và đoạn trừ. Kinh Hư Không Tạng nói: "Đó chính là sự bố thí thanh tịnh của ta, nhân bố thí thanh tịnh, thấy bố thí thanh tịnh, tướng bố thí thanh tịnh, chủng tánh bố thí thanh tịnh, trong sát na quả báo bố thí thanh tịnh, tâm như hư không bố thí thanh tịnh. Cho đến như hư không không có bờ mé, Bồ-tát hành bố thí cũng lại như vậy, thí như hư không thật rộng lớn vô ngại, Bồ-tát hành bố thí hồi hướng rộng lớn cũng lại như vậy. Như hư không không có sắc tướng, Bồ-tát lìa sắc mà hành bố thí cũng lại như vậy. Như hư không không có tưởng, không có tạo tác, không có biểu hiện, không có tướng, Bồ-tát hành bố thí cũng lại như vậy. Như hư không biến khắp các cõi Phật, Bồ-tát lấy đại bi duyên với các hữu tình mà rộng hành bố thí cũng lại như vậy. Như hư không dung chứa tất cả, Bồ-tát hành bố thí thu nhiếp các hữu tình cũng lại như vậy. Cho đến như người biến hóa bố thí cho người biến hóa thì không có thọ dụng cũng không có phân biệt, ý đạt hiểu các pháp không có gì mong cầu, lìa ngã và ngã sở, đạt được được tự tánh thanh tịnh, dùng trí tuệ thù thắng để đoạn trừ các phiền não, dùng trí phương tiện mà không xả bỏ hữu tình. Đây chính là Bồ-tát tu hạnh bố thí Ba-la-mật-đa giống như hư không".

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 20

Phẩm 15: CHÁNH MẠNG THỌ DỤNG

Phần 2

Luận nói: Lại nói về sự thanh tịnh của giới. Như trong Kinh Hư Không Tạng nói: "Xa lìa tâm Thanh-văn và Phật-bích-chi đối với tâm Bồ-đề không sanh khởi thoái chuyển, lúc ấy giới mới được thanh tịnh. Thiện nam tử! Giống như thể tánh thanh tịnh trong hư không, Bồ-tát giữ giới thanh tịnh cũng như vậy. Hư không nầy vô cấu, Bồ-tát giữ giới cũng vô cấu như vậy. Hư không nầy tịch diệt, Bồ-tát giữ giới cũng tịch diệt như vậy. Hư không nầy vô hoại, Bồ-tát giữ giới cũng vô hoại như vậy. Lại như hư không không có cái gì vượt qua được nó, thì Bồ-tát giữ giới cũng như vậy, trong các chúng hữu tình không ai có thể vượt qua được. Lại như hư không thanh tịnh và bình đẳng, Bồ-tát thực hành hạnh nhẫn nhục ở trong chúng hữu tình nầy cũng bình đẳng và thanh tịnh như vậy. Ví như có người cầm búa bén vào rừng Sa-la chặt hết cành lá, nên biết cây kia không có sân hận, không sanh phân biệt là ai có thể chặt cây, cũng không phân biệt là dùng gì để đoạn (sở đoạn) - Bồ-tát thực hành hạnh nhẫn nhục cũng như vậy. Đó là sự nhẫn nhục tối thượng của Bồ-tát, như hư không vậy". Trong Kinh Bảo Kế nói: "Thân nầy tinh tấn và thanh tịnh nghĩa là thân nầy cũng như bóng và tiếng vang, các ngôn thuyết vốn có tự tánh vô ký, biết rõ tâm nầy rốt ráo không tịch, nên khoát trên mình áo giáp đại bi, hạnh nguyện đầy đủ, tu sâu thiền định, đối với các pháp công đức không khiến cho khuyết giảm, đem tâm Bồ-đề quán sát chúng sanh không khuyết giảm, vui vẻ thực hành bố thí và những phương tiện để bố thí cũng không khuyết giảm, tâm từ bi hỷ xả ngày một thâm sâu không thể khuyết giảm, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự cũng không khuyết giảm, chánh niệm chánh tri cũng không khuyết giảm, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo cũng không khuyết giảm. Cho đến thiền chỉ thiền quán cũng không khuyết giảm, xả bỏ nghiệp chướng phiền não tự tánh không hiểu biết. Tu tập kiểm thúc thân mình không cho phóng túng buông lung.

Luôn siêng năng làm các Phật sự để thành thục chúng hữu tình, đều đạt được thanh tịnh mát mẻ, an trụ trong tịch tĩnh. Thiện nam tử! Đó gọi là hạnh thanh tịnh của Bồ-tát tu thiền Ba-la- mật-đa, như thế cho đến trí tuệ Ba-la-mật-đa cũng nên biết như vậy".

Phẩm 16: TĂNG TRƯỞNG THẮNG LỰC

Phần 1

Luận nói: Nói rõ về ba loại tăng trưởng thắng lực nghĩa là đối với các hạnh vốn có, thực hành thường không biết chán, độ khắp tất cả chúng sanh không sanh tâm lười biếng, thoái lui, cầu mong trí tuệ vi diệu của Phật kiên cố và dũng mãnh. Ba việc nầy không phải khả năng của những vị Thanh-văn có thể thực hành. Như kinh Bảo Vân nói: "Vì các chúng sanh tự tánh luôn khiếp nhược, chỉ có những vị Bồ-tát mới hiện rõ việc tăng trưởng ấy".

Trong Kinh Như Lai Bí Mật nói: "Bấy giờ, vua A-xà-thế lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu đủ bao nhiêu pháp đạt được lực thù thắng lớn lao như vậy? Phật nói: Đại vương! Bồ-tát tu mười pháp mới đạt được lực thù thắng như thế. Những gì là mười? Một là Bồ-tát thà bỏ thân mạng của mình chứ không bỏ chánh pháp vô thượng. Hai là vì tất cả chúng sanh làm những việc khiêm hạ mà không dấy khởi tâm kiêu mạn. Ba là thương xót những chúng sanh kém cỏi yếu đuối và không nảy sanh tâm làm tổn hại chúng. Bốn là thấy chúng sanh đói khát mà cho chúng những thức ăn ngon ngọt. Năm là thấy chúng sanh sợ sệt mà ban cho chúng sự không sợ. Sáu là thấy chúng sanh bệnh tật mà cho thuốc để cứu giúp chúng. Bảy là thấy chúng sanh nghèo khốn mà ban ơn để chúng được đầy đủ. Tám là nhìn thấy tháp miếu, hình tượng tranh ảnh của Phật đều lau chùi sạch sẽ. Chín là luôn nói lời vui vẻ để an ủi chúng sanh. Mười là nhìn thấy chúng sanh phải gánh vác trọng trách, chịu khốn khổ, não phiền mà vì trút bỏ gánh nặng cho chúng. Nếu Bồ- tát đầy đủ mười pháp như vậy thì mới có được lực tối thắng".

Kinh Hải Ý nói: "Bồ-tát nếu có thể phát khởi sự tinh tấn thường kiên cố siêng năng thực hành, ham thích phát khởi sự tinh tấn không lúc nào ngừng nghỉ, thì các Bồ-tát nầy không gì là khó chứng đắc đạo Bồ- đề Vô thượng". Vì sao? Kinh Hải Đức lại nói: "Do tinh tấn mà chứng được Bồ-đề. Người lười biếng thì đã xa Bồ-đề, quả Phật lại càng rời xa hơn. Người không lười biếng có thể thực hành bố thí, cho đến người không lười biếng mới có thể tu tập trí tuệ".

Kinh Nguyệt Đăng nói: "Như hoa Ưu-bát-la sanh ra trong nước, phải biết dần dần mà được tăng trưởng. Người tu học phải dần dần tu học các hạnh bố thí v.v…".

Kinh Năng Đoạn Kim Cương nói: "Nếu Bồ-tát khéo trụ hành bố thí, thì phước tụ thu hoạch được không thể nào sánh được". Lại nữa, kinh Đại Bát Nhã nói: "Nầy Xá-lợi-tử! Nếu Đại Bồ-tát muốn tu tập Bát nhã Ba-la-mật-đa thì không thể bố thí ít ỏi mà có được quả báo viên mãn lớn lao. Phải bố thí cho tất cả chúng sanh vàng bạc, châu báu, ruộng vườn, nhà cửa v.v… đủ loại cần dùng tùy theo ý thích của chúng. Phải dùng tất cả trí tuệ để làm những phương tiện khéo léo mà hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong vô lượng A-tăng-kỳ nầy, phải học Bát nhã Ba-la-mật-đa".

Luận nói: Nói rõ tâm đại bi như hư không hàm chứa tự tánh thanh tịnh thọ nhận những phước đức nhanh chóng tăng trưởng. Nếu không có tâm đại bi thì chẳng phải hạnh của Bồ-tát, đại bi là căn bản thiết lập các thiện. Như vậy tâm sâu xa, kiên cố đại bi luôn hiển hiện ở trước, dũng mãnh tu tập làm những việc thích hợp tương ưng thì có thể đạt được giới thanh tịnh. Cho nên, có bài kệ tụng:

Như người giỏi chiến đấu
Vững tâm là lợi khí
Nếu có chút thoái, lười
Thì đối phương bắt lấy.

Như Thiện Tài Đồng tử đến chỗ thiện tri thức Thánh Từ, liền nghĩ: Thân ta trong nhiều đời ở quá khứ không có tâm dũng mãnh không có ý kiên định, không có nhân thanh tịnh nên đã bị luân chuyển, tâm ưa thích trôi dạt trong phân biệt điên đảo, tự mình suy nghĩ sai lệch, ưa huân tập hạnh dục, chấp giữ sự nghiệp không ích lợi của thế gian, hoặc tự mình vốn được lợi ích, mà khởi tâm không bình đẳng, thảy đều buông bỏ hết. Ngay hiện tại nầy phải khởi tâm thật dũng mãnh, biết phân biệt chọn lọc mà tư duy chân thực, đối với các việc làm của các Bồ-tát phải chánh thực hành, siêng năng tu tập, đối với chúng sanh luôn thăng tiến tâm mình để mang lại nhiều lợi ích. Phát khởi tinh tấn dũng mãnh, làm nhiều lợi ích như chư Phật, trang nghiêm các căn để tăng trưởng nguyện lực, đọc tụng kinh điển, tịnh tâm tin hiểu, nhiếp trì thân tâm, không sanh cao ngạo. Luôn ưa thích ra khỏi biển khổ não, lo buồn, sanh, già bệnh, chết, đời sau ưa thích thực hành các hạnh Bồ-tát thường làm, phải đi thẳng đến tất cả các quốc độ của Phật cung kính học theo những lời dạy của Như Lai, gần gũi cúng dường các Pháp sư khéo thuyết pháp, vui thích tìm tòi các pháp tương ưng với chánh pháp của

Phật, phụng sự, cung cấp các thiện tri thức, khai thị diễn thuyết tất cả pháp của chư Phật. Bồ-tát nếu tư duy và quán sát như vậy thì mới tăng trưởng được thân trí nguyện lực, độ thoát tất cả chúng sanh, gieo trồng các gốc công đức. Như Kinh Vô Tận Ý nói: "Bồ-tát chỉ có một điều là dũng mãnh kiên cố đến cùng, vươn đến và giữ gìn A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề. Nỗ lực tự tu không cần cầu đâu khác, lấy áo giáp tinh tấn mà tự trang nghiêm cho chính mình. Như chúng sanh làm tất cả nghiệp thiện, ta cũng như vậy sẽ làm việc đó. Những vị Bồ-tát như tâm ban đầu vốn tu các hạnh ta cũng sẽ thực hành như vậy, bố thí chẳng phải là bạn ta nhưng ta là bạn của bố thí. Trì giới nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ chẳng phải là bạn ta nhưng ta là bạn của chúng. Ba-la-mật không thể sai khiến ta nhưng ta có thể sai khiến các ba-la-mật. Tất cả các thiện căn cũng đều như vậy. Cho đến tòa kim cương ở đạo tràng phá hoại các chúng ma trong khoảng sát-na dùng trí tuệ tương ưng bình đẳng chứng đắc A-nậu-đa-la- tam-miệu-tam-Bồ-đề".

Như trong Kinh Kim Cang Tràng nói: "Giống như mặt trời xuất hiện trên thế gian chỉ có một mình không có bè bạn, trải qua nhiều cảnh giới mà không thoái chuyển. Như đối với người mù bẩm sanh, không sanh lo, chán, đối với vua A-tu-la, không sanh lo chán, đối với thành Càn-thát-bà không sanh lo, chán, ở chỗ xấu ác nhất của Diêm-phù-đề cũng không sanh lo chán, đối với các vi trần cùng khắp thế giới trong bốn thiên hạ nầy cũng không sanh lo, chán, đối với các chướng ngại: mây khói núi cao v.v…. cũng không sanh lo, chán. Các Đại Bồ-tát xuất hiện trên thế gian nầy cũng như vậy, dùng trí vô phân biệt mà chánh niệm liễu tri. Nếu chúng sanh bị tổn hại thì Bồ-tát chịu những tổn hại ấy cho chúng sanh mà tâm không lo, chán và thoái chuyển. Nếu đối với Bồ-tát có thiện căn rộng lớn mà sanh tâm tật đố, Bồ-tát không sanh tâm lo, chán họ và không thoái chuyển. Nếu có chúng sanh do tà kiến mà chìm đắm trong ô nhiễm thì Bồ-tát không lo, chán họ và không có tâm thoái chuyển. Nếu thấy chúng sanh bị sân nhuế trói buộc thì Bồ-tát cũng không thể xa rời họ. Nếu chúng sanh bị ngu si che lấp phiền não nghiệp chướng nặng nề, lại còn phá hoại hết những hạt giống Bồ-đề, tất cả những người trên thế gian nầy đều không thể cứu giúp và che chở được nhưng Bồ-tát lại không sanh tâm khinh mạn đối với họ. Vì sao như vậy?

Do vì lòng đại bi của Bồ-tát nên không thấy chúng sanh bị lỗi lầm.

Cũng như mặt trời hiện ở thế gian nầy, soi rọi muôn nơi, tất cả đều rõ ràng không chỗ nào u ám. Lại có chúng sanh bị ngu si che lấp, không tin

chư Phật, không nghe chánh pháp, không biết chúng Tăng, tự mình tạo tác đủ loại nhân tố khổ đau, hoặc bị đọa lạc trong địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Bấy giờ thấy chúng sanh đã tạo ra những nghiệp như vậy tâm của Bồ-tát không loạn động, không có chọn lựa và không kinh sợ, phát khởi tâm dũng mãnh kiên cố không thoái chuyển, quyết định thay thế và nhận chịu khổ não cho chúng sanh. Cho đến nạn khổ về sanh già bệnh chết, nạn về tám việc không nhàn rỗi, nạn về luân hồi, nạn về ác kiến, nạn phá hoại pháp thiện, nạn sanh khởi vô trí v.v… ta phải làm cho chúng sanh giải thoát hoàn toàn những nạn ấy. Nếu chúng sanh bị vô minh che lấp, lưới ái lôi kéo, các kết hữu trói buộc, các khổ vây bủa, không sanh khởi hiểu biết, không cầu xuất ly, luôn luôn ôm lòng nghi hoặc, cùng sở nguyện mâu thuẫn, trôi lăn trong biển cả luân hồi. Ta phải an trụ và dùng tất cả trí tuệ để quán sát, khiến cho tất cả chúng sanh đều thành tựu lợi ích và được giải thoát. Chỉ có ta là người mới có thể cứu vớt được chúng sanh. Giả sử tất cả thế gian nầy đều là chúng sanh thọ khổ trong cõi ác dẫy đầy, ta dùng tất cả các thiện căn đã tích tập để hồi hướng bình đẳng cho đến thời gian trải qua những đời sống cuối cùng, tất cả cõi ác đều tiêu sạch hết không còn, mỗi mỗi chúng sanh đều được giải thoát. Nếu có một người chưa thoát ly khổ não thì ta lấy thân mình thay thế để họ được thoát khổ. Đem thân mình chịu toàn bộ sự thống khổ là muốn cho chúng sanh có được an ổn vui tươi. Mỗi mỗi đều an vui, nói lời chân thật, chớ dối trá lẫn nhau, không sanh lòng tổn hại. Ta phải vì tất cả chúng sanh phát khởi tâm Nhất thiết trí xa lìa ngũ dục, đạt đến cảnh giới của Hạnh Bồ-tát, an trụ trong Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Sở dĩ như vậy là do chúng sanh chìm đắm trong ngũ dục nên hệ thuộc cảnh giới ma là điều các Phật, Thế Tôn chê trách. Nên biết tham dục là gốc của các khổ. Vì duyên tham dục nên tạo ra tranh tụng, chiến đấu lẫn nhau, khởi ra các phiền não sau sẽ bị đọa trong địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, cho đến đoạn cả nghiệp sanh thiên, xa rời chư Phật, thì do đâu có thể phát khởi trí vô thượng! Các chúng sanh nầy bị chìm đắm trong dục, cháy bừng thiêu đốt tạo vô lượng lỗi lầm. Ta dùng thiện căn bình đẳng hồi hướng làm cho chúng sanh thảy đều được xả ly. Vui thích cầu trí tuệ của chư Phật để được Niết-bàn an vui. Ta vì họ mà làm thầy. Dùng phương tiện trí tuệ khiến chúng sanh đến được bờ kia. Lại như mặt trời chiếu rọi khắp bốn châu, làm cho các cảnh giới hàm linh hiện rõ, hoặc cung điện nhà vua xóm làng thành ấp, dân chúng cùng nhau làm nên sự nghiệp, lúa thóc chín vàng, cỏ cây xanh tốt. Đó là oai đức chiếu rọi muôn phương của mặt trời, trong thế gian nầy, chỉ có một mặt trời không thể có được cái thứ hai. Như vậy, tâm phát khởi lúc ban đầu của những vị Bồ-tát, thấy chúng sanh không thể gieo trồng

hạt giống thiện căn liền nghĩ: Ta phải che chở cứu giúp cho muôn loài chúng sanh, ta phải làm cho tất cả chúng sanh đều được giải thoát, ta phải làm cho chúng sanh đều sáng suốt, ta phải dạy dỗ tất cả chúng sanh, ta phải làm cho tất cả chúng sanh tiến sâu vào sự giải thoát, ta phải nhiếp độ tất cả chúng sanh, ta phải làm cho tất cả chúng sanh đều thuần thục, cùng được an ổn đoạn sạch nghi hoặc. Lại như vầng mặt trời xuất hiện trên thế gian nầy, chiếu sáng cùng khắp không tìm cầu đâu khác. Bồ-tát-ma-ha-tát cũng đều như vậy, Bồ-tát xuất hiện trên cõi đời nầy, nhìn thấy chúng sanh khổ, không đợi thỉnh cầu, mới cứu giúp chở che, không có chút thiện căn nào mà không hồi hướng cho tất cả chúng sanh, vì các chúng sanh mà làm trang nghiêm.

Kinh Vô Tận Ý nói: "Bồ-tát không kể số kiếp để cầu Bồ-đề, từ những lúc còn trôi lăn trong sanh tử cho đến ngày nay trải vô lượng kiếp, không thể sánh lường, ở biết bao thời kiếp ấy mà làm trang nghiêm cho đến một lần thấy chư Phật liền phát khởi đạo tâm, trải qua chư Phật nhiều như hằng sa mà luôn thừa sự, cúng dường không biếng trễ, mới có thể hiểu rõ tâm sở hành của tất cả chúng sanh, chính gọi là Bồ-tát vô tận trang nghiêm, như là tu tập Bố thí ba-la-mật, Bồ-đề phần mà có thể đầy đủ tướng hảo trang nghiêm".

Kinh Bảo Vân nói: "Bồ-tát thấy chúng sanh đui mù không có tuệ nhãn cang cường khó điều phục được, lại còn phá giới ắt phải bị đọa vào đường ác. Bấy giờ Bồ-tát khởi tâm chán nản sâu sắc muốn xa lìa chúng, cầu sanh Tịnh độ và nguyện rằng, ta không còn nghe tiếng ác". Nghĩ như thế xong, rồi lại nghĩ: "Những chúng sanh nầy ngu si câm ngọng, không cầu về cảnh giới Niết-bàn, không sanh tín tâm, xa rời chư Phật, ta phải điều phục và cứu độ họ. Lúc Bồ-tát phát khởi tâm nầy tất cả Ma cung thảy đều chấn động, chư Phật mười phương đồng thanh tán thán. Vị Bồ-tát nầy không lâu sẽ ngồi ở đạo tràng chứng được A-nậu- đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề".

Luận nói: Từng bước tư duy quán sát như vậy thì sẽ tăng trưởng được vô lượng phước đức, phải giữ tâm ngay thẳng sâu xa, bền vững mà tu tập.

Kinh Pháp Tập nói: "Trong pháp Phật tâm ngay thẳng là căn bản nhất. Nếu Bồ-tát mà không có tâm ngay thẳng thì sẽ xa rời tất cả pháp của chư Phật. Nếu tâm được ngay thẳng vững chãi thâm sâu thì đối với pháp vi diệu chưa từng nghe cũng sanh lòng khát vọng đợi chờ. Hoặc ở trong rừng sâu hiểm trở cũng gặp được pháp âm vi diệu mà được liễu sanh thoát tử. Cho nên Bồ-tát cũng thực hành như vậy. Như người có đủ hai chân để đi thì Bồ-tát cũng đủ tâm ngay thẳng thâm sâu như vậy mới có thể thực hành tất cả

các pháp của chư Phật. Như người có tấm thân để thừa hưởng thọ mạng thì Bồ-tát cũng có tâm ngay thẳng thân sâu để có được Bồ-đề của chư Phật. Như người có thân mạng để thừa hưởng tài lợi thì Bồ-tát cũng đầy đủ tâm ngay thẳng thâm sâu để có được các thánh tài của chư Phật. Thí như có một cây đuốc sáng rực rỡ, Bồ-tát có được tâm ngay thẳng thâm sâu thì mới có thể hiểu rõ các pháp của chư Phật. Thí như có một đám mây có thể mưa một trận mưa lớn, Bồ-tát có được tâm ngay thẳng thâm sâu mới có thể tuyên thuyết pháp vũ của chư Phật. Cho nên Bồ-tát phải hiểu rõ tâm ngay thẳng thâm sâu đó là thiện căn để tự giữ lấy chính mình. Như một gốc cây thối nát thì không thể sanh ra cành lá hoa quả. Bồ-tát mà không có tâm ngay thẳng thâm sâu thì trong các pháp thiện không thể nào phát sanh và tăng trưởng được, cũng không giữ được Bồ-đề của chư Phật.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 21

Phẩm 16: TĂNG TRƯỞNG THẮNG LỰC

Phần 2

Luận nói: Thế nào là tâm hiểu biết sâu? Kinh Vô Úy nói: "Lại nữa, tâm nầy là tâm xa lìa khinh khi, dối trá. Tâm xa lìa khinh khi dối trá thì không siểm hại. Tâm không siểm hại thì có thể quyết định. Tâm có thể quyết định thì trừ được dối huyễn. Tâm trừ được dối huyễn thì được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì luôn luôn chánh trực. Tâm luôn luôn chánh trực thì không bị tà vạy. Tâm không tà vạy thì tâm được sáng suốt. Tâm sáng suốt thì khéo giải bày. Tâm khéo giải bày thì có được chân thật. Tâm chân thật thì không bị hủy hoại. Tâm không bị hủy hoại thì được bền vững. Tâm bền vững thì không bị dao động. Tâm không dao động thì luôn luôn cứu vớt chúng sanh. Đó là nói về tâm hiểu biết sâu xa". Kinh nầy lại nói: "Muốn tu tập tâm thù thắng tối thượng thì phải an trụ trong tịch tĩnh, lòng từ trùm khắp chúng sanh, đối với người hiền thiện phải cung kính tôn trọng, chăng phải người hiền thiện thì lấy tâm từ mà tế độ họ. Người không có chỗ nương tựa thì cho họ nương tựa. Người bị trôi dạt thì làm hải đảo cho họ. Người không có chủ tể thì làm chủ tể cho họ. Người không có bạn lữ thì làm bạn lữ cùng họ. Người đang bị tà vạy thì làm cho họ được chánh trực. Người cường bạo hung ác thì làm cho họ được nhu hòa thuận thảo. Người nịnh hót thì làm cho họ được trung chánh. Người hư cuống thì làm cho họ thành thật chắc chắn. Người gian xảo thì làm cho họ thuần chất. Người không biết ơn làm cho họ biết ơn. Người khổ não thì làm cho họ được an ổn. Người không có nhiêu ích thì làm cho họ có nhiêu ích. Người ngã mạn thì làm cho họ khiêm hạ. Đối với người hủy báng thì làm cho họ tán thán, ngợi khen. Đối với người bị lầm lẫn thì dạy dỗ vỗ về họ. Đối với người không được giúp đỡ, gìn giữ thì yêu thương gìn giữ họ. Đối với người luôn mâu thuẫn thì không chấp thấy lỗi lầm của họ, đối với các Sư luôn tôn kính khởi hạnh thanh tịnh, tâm phương tiện thiện xảo cung kính, luôn nhớ trì giữ các lời dạy răn không thể nào quên".

Luận nói: Như thế, dần dần tâm tiến sâu vào sự tu tập, thì có thể tăng trưởng lực đại bi thù thắng như hiện trước mắt.

Như trong Kinh Pháp Tập nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Bồ-tát tu học không cần nhiều pháp chỉ cần hành trì một pháp cho thật khéo léo thì biết được hết các pháp của Phật. Pháp đó gọi là đại bi. Nếu Bồ-tát thực hành đại bi thì có thể nhiếp thủ tất cả pháp Phật ở trong tay. Thưa Thế Tôn! Giống như Chuyển luân vương thì có luân bảo tùy chỗ vua đến, thảy đều thuận theo. Bồ-tát nếu khởi tâm đại bi thì tất cả pháp của chư Phật tự nhiên đạt được. Thưa Thế Tôn! Giống như mặt trời chiếu sáng thì tất cả giống hữu tình trong thế gian nầy đều làm nên sự nghiệp và được thành tựu. Cũng như vậy, Bồ- tát dùng đại bi mà chiếu rọi vào tất cả các pháp thì Bồ-đề phần dễ dàng tu tập. Thưa Thế Tôn! Các căn lấy ý làm căn bản, thì đều có thể nhận lấy toàn cảnh giới của riêng mình. Bồ-tát an trụ trong đại bi thì tất cả các pháp, Bồ-đề phần mỗi mỗi mà tu tập, như lý mà hành trì. Thưa Thế Tôn! Giống như nương vào mạng căn nầy mà có được các căn khác. Nếu Bồ-tát có đại bi thì có pháp Bồ-đề phần".

Kinh Vô Tận Ý nói: "Như mạng sống của con người lấy hơi thở ra vào để làm nền tảng. Cũng như vậy, việc tu học Đại thừa của Bồ-tát lấy đại bi làm nền tảng. Lại có một vị Trưởng giả, có một người con, ông thương con vô cùng chưa một lần rời con, Bồ-tát lấy lòng đại bi thương xót chúng sanh cũng như vậy".

Luận nói: Đối với chúng sanh nầy phải quán thế nào? Nghĩa là dùng Từ tu tập tâm, thương các chúng sanh như con của mình, chúng đã chịu vô lượng khổ não ở đời quá khứ, chìm trong biển lớn bệnh khổ của đời hiện tại, triền miên luân hồi hiểm nạn ở đời vị lai. Như Kinh Thập Địa nói: Chúng sanh ngu si vô trí, đã có vô số thân mạng diệt rồi, hiện tại diệt, đương lai diệt. Đã diệt như thế, mà không nhàm chán thân nầy, lại càng tăng trưởng vận hành trong các khổ, theo dòng sanh tử chẳng chịu lìa ra, không thể buông bỏ, chấp giữ các uẩn… không xa lìa được nọc rắn độc lớn, không quán xét sáu xứ là rỗng không tích tụ, không đoạn trừ ngã và ngã sở, không nhổ được mũi tên tà kiến và ngã mạn, không dập tắt lửa tham sân si, không phá được màn vô minh hắc ám, không thể làm yên sóng lớn, khô dòng ái dục, không cầu mười lực của bậc Thánh đạo sư, vào rừng rậm tà cùng làm bạn với ác ma, luân hồi trong biển ái theo hướng dạt trôi, bị vô minh che lấp. Khổ về bệnh già chết luôn bức bách. Ta nay vì thương xót chúng hữu tình mà cứu giúp che chở họ. Tích lũy vô lượng phước đức để làm tư lương, dùng thiện căn nầy thảy đều khiến chúng sanh được cứu cánh thanh tịnh".

Kinh nầy lại nói: "Các chúng hữu tình chạy theo ngũ dục mà bị luân hồi sanh tử, bị đọa lạc trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Bị ngu si che lấp thiếu đạo sư lớn. Cho đến chìm đắm trôi lăn trong biển ái. Không lúc nào tỉnh giác để tìm cách hủy diệt được tham dục, sân nhuế, tổn hại. Không nhờ đâu được bỏ tập khí tham dục, cố chấp bám víu vào thân kiến xấu ác. Ngã mạn giữa dòng chơ vơ không chỗ để nương cậy. Không thể ra ngoài làng xóm của sáu xứ, không có chút thiện căn nào để vượt qua. Cho nên ta nay đem đại bi lực mà cứu giúp cho chúng sanh, khiến cho họ thoát ly được khổ nạn, xa lìa cấu nhiễm tịch tĩnh và an trụ ở đảo báu Nhất thiết trí. Các chúng hữu tình đó tùy theo sầu bi khổ ưu não mà bị trói buộc, bị gông cùm trong tham dục không thoát ra được, vô minh cuống siểm ngày càng nhiều bao trùm khắp cả, trong ngục tù tam giới nầy khó mà thoát khỏi. Ta nay khiến cho chúng sanh thoát khỏi, tất cả sợ sệt khổ não hiện tiền. Làm cho chúng không còn chướng ngại để được vui an ổn".

Luận nói: Tâm sâu xa kiên cố đối với chúng sanh khác như vậy, thì có thể tăng trưởng đại bi thực hành hạnh phước.

Kinh Tối Thượng nói: "Ngày đêm sáu thời đều mặc áo sạch mới lễ kính chư Phật thường luôn tôn trọng, thứ đến lại tu học theo hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền".

Kinh Tam Tụ nói: "Đầu mặt giáp chân cung kính lễ Phật thì có thể sám hối trừ diệt được tất cả tội cấu. Tam tụ là phước của sám hối, khuyến thỉnh và tùy hỷ". Trong Kinh Ba La Mật Sở Vấn nói: "Khuyến thỉnh là một lợi ích lớn lao, có thể thoát khỏi lưới ma, ngộ rõ vô thường, lại còn cung kính đảnh lễ tất cả chư Phật".

Kinh Vô Tận Ý nói: "Tự mình sám hối và chỉ bảo người khác sám hối thì có được hạnh phước. Như trong bốn kệ Phổ Hiền Hạnh có nói về tùy hỷ hạnh phước". Như phẩm Tùy Hỷ trong Kinh Nguyệt Đăng nói: "Ngoài ra trong các kinh đều nói đủ ba loại hạnh phước".

Tiếp đến, nói rộng về hành tướng cúng dường hồi hướng. Như Kinh Bảo Vân nói: "Các Bồ-tát dùng hoa đang tươi và các hương đốt, cây hương chiên đàn, cây kiếp, cây quý báu, cho đến những cây không có chủ, những cây không giữ gìn, ngày đêm sáu thời dốc tâm cúng dường chư Phật và chư Bồ-tát".

Kinh Tam Muội Da nói: "Đất nước ở mười phương thế giới sanh ra trong núi báu, nước sanh ra trong núi báu. Tất cả loại thuốc hay nước thanh tịnh, những thức ăn ngon, những vàng bạc quý báu cho đến những rừng cây rậm rạp, hương vị đất, lúa thơm tự nhiên, những thứ vô cùng ưa thích thọ

dụng ở Bắc-cu-lô châu đều do thành tâm cúng dường trong thời gian lâu dài".

Luận nói: Như trên là nói rộng việc thân cận, thừa sự, và cúng dường chư Phật, chư Bồ-tát. Như trên đã nghe rồi dùng tâm rốt ráo để nương vào giáo pháp tu hành phát nguyện hồi hướng. Như trong kinh Phổ Hiền Hạnh, kinh Kiến Kim Cang Tràng, kinh Thập Địa nói: Lại nữa, các Đại Bồ-tát an trụ trong địa Cực hỷ, phát khởi mười thệ nguyện rộng lớn, tức gọi là vâng theo, phụng sự và cúng dường tất cả chư Phật, có thể thành tựu được thắng giải thanh tịnh, hành tướng như thế đến khắp hết hư không giới cùng đồng đẳng pháp tánh, suốt đến tất cả các số kiếp ở đời vị lai, mà có chư Phật xuất hiện ở đời thì đều thực hành cúng dường rộng lớn không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ nhất.

Vì muốn thọ trì pháp nhãn của chư Phật nói, khéo giữ gìn, bảo vệ chánh pháp của Phật nên khắp hết hư không giới cùng đồng đẳng với pháp tánh, cho đến tất cả các số kiếp ở đời vị lai nhiếp trì chánh pháp không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ hai.

Vì chư Phật xuất hiện ở đời: Ban đầu Phật an trụ trên cung trời Đâu suất, giáng thần nhập ấm, trụ thai, đản sanh, lớn lên xuất gia tu hành khổ hạnh, ngồi tòa Bồ-đề, hàng phục chúng ma, chuyển vận bánh xe chánh pháp rồi nhập Niết-bàn. Trước hết ta phải tăng thêm hạnh cúng dường chư Phật để cầu mong Phật đồng thời chuyển vận bánh xe chánh pháp ở khắp mọi nơi. Khắp hư không giới cùng đồng đẳng pháp tánh suốt đến tất cả các số kiếp ở đời vị lai mà có chư Phật xuất hiện thế gian con đều thỉnh Phật chuyển vận bánh xe chánh pháp, mà không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ ba.

Vì muốn phát khởi vô lượng hạnh của Bồ-tát và không phân biệt các Ba-la-mật viên mãn thanh tịnh nên đã nhiếp trì tất cả tướng thành, hoại, tướng đồng, dị, tướng tổng, biệt của các địa, dùng như thật trí không điên đảo, hiển thị dạy răn các hạnh Bồ-tát, làm cho tất cả đều được phát tâm. Khắp hư không giới cùng đồng đẳng với pháp tánh cho đến tất cả số kiếp ở đời vị lai, thực hành chánh hạnh không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ tư.

Vì muốn thuần thục các chúng hữu tình, có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng. Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, bị ràng buộc trong ba cõi, sáu đường, bị hệ thuộc ở danh sắc đều khiến cho xa lìa vĩnh viễn. Tất cả chúng sanh trong sáu đường đều nhập vào pháp tánh của chư Phật. Rốt ráo an trụ trong tất cả

các trí tuệ, không còn sót lại khắp hư không giới cùng đồng đẳng với pháp tánh, suốt đến tất cả các số kiếp trong đời vị lai, mà thuần thục các chúng hữu tình không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ năm.

Vì muốn đi vào giải thoát mười phương thế giới hoặc rộng hoặc hẹp, hoặc thô hoặc tế, hoặc bị che lấp hoặc được hiện rõ, tạp loạn mà an trụ. Giống như cái lưới chia ra những giây nhỏ. Phải dùng trí tuệ mới quán xét được việc ấy. Tận hư không giới cùng đồng đẳng với pháp tánh. Cho đến tất cả các số kiếp trong đời vị lai. Tất cả đều đi vào trong thế giới giải thoát như vậy không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ sáu.

Vì muốn quốc độ của chư Phật trang nghiêm, thanh tịnh từ cõi Phật nầy đến cõi Phật kia đều lấy quang minh làm trang sức, xa lìa phiền não trở thành thanh tịnh. Đem trí tuệ rộng lớn đối đãi với hữu tình, làm cho tất cả cùng bước vào cảnh giới rộng lớn của chư Phật. Tùy theo ý vui của chúng hữu tình mà làm cho chúng vui, hiển hiện lòng bình đẳng để chúng được vui. Tận hư không giới cùng đồng đẳng với nhau. Cho đến tất cả các số kiếp trong đời vị lai làm cho tất cả các cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh không bao giờ ngừng nghĩ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ bảy.

Vì muốn chúng sanh với các Bồ-tát cùng một ý vui và tích lũy thiện căn, cùng một sở duyên an trụ trong thể tánh bình đẳng thường được gặp chư Phật chư Đại Bồ-tát, tùy theo những ham muốn của chúng sanh, không rời bỏ, thị hiện oai lực của chư Phật để cùng nhau phát tâm, lại có những thần thông không bao giờ thoái chuyển, liền an trụ trong tất cả thế giới của chư Phật, tùy theo đại chúng mà hiện thân hóa độ, vui vẻ tu hành theo chánh hạnh của Bồ-tát, ngộ được diệu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn. Cho đến tất cả các số kiếp trong đời vị lai cùng các Bồ-tát ngộ nhập Đại thừa không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ tám.

Vì muốn ngự mãi trên xe Đại thừa không thoái chuyển, vận hành các hạnh của Bồ-tát, nên thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp không bị uổng mất. Hoặc mới nhìn thấy việc làm trong pháp Phật rồi liền quyết định, vừa nghe những lời nói rồi liền sanh niềm tin thanh tịnh, có thể khởi chánh trí để đoạn trừ và xa lìa khổ đau mãi mãi. Nguyện cho thân nầy như cây thuốc lớn để cứu những tật khổ. Giống như đem những vật quý báu cứu giúp người nghèo. Dạy dỗ khắp chúng sanh tu hạnh Bồ-tát, cùng tận hư không giới, đồng đẳng với pháp tánh, suốt đến tất cả các số kiếp trong đời vị lai, không uổng phí các hạnh đã làm và không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là phát khởi đại nguyện thứ chín.

Vì muốn tất cả các thế giới ở mười phương đều chứng được Chánh

đẳng Bồ-đề Vô thượng, vì muốn giáo hóa tất cả chúng sanh hoặc nhiều, hoặc ít, làm cho chúng hiểu rõ việc giáng sanh, xuất gia, tu chứng thành Chánh đẳng Chánh giác, chuyển đại pháp luân, nhập Niết-bàn, nên hiện rõ trí tuệ oai lực trong cảnh giới của chư Phật, tùy theo ý thích của chúng hữu tình, trong khoảng sát na liền được giác ngộ, độ tận cùng khắp chúng sanh, chân thực hồi hướng, chỉ một Bồ-đề, Niết-bàn rộng lớn, đều dùng nhất tâm tuyên thuyết pháp yếu, làm cho tâm chúng hữu tình vừa ý. Lấy lực thần thông trùm khắp tất cả thế giới nầy, dùng đại trí lực để xây dựng tất cả pháp giới, hiển hiện Niết-bàn rộng lớn mà không dứt hết tất cả hạnh nguyện. Tận hư không giới nầy cùng đồng đẳng với nhau. Cho đến tất cả số kiếp trong đời vị lai thành tựu tâm Bồ-đề nầy không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là Bồ-tát dẫn ra nguyện lớn thứ mười.

Luận nói: Quán tưởng tâm sâu xa và tinh tấn như vậy, trong tất cả mọi nơi đều được hồi hướng như vậy.

Kinh Quán Âm Giải Thoát nói: "Ta đem tất cả thiện căn mà ta đã làm bình đẳng cùng hồi hướng, làm cho tất cả chúng sanh thoát được sự sợ hãi, đọa lạc, thoát ly sự sợ hãi, ân ái của quyến thuộc, làm cho chúng sanh diệt được sợ hãi về ngu si, làm cho chúng sanh đoạn hết sợ hãi về trói buộc, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi bị đoạn mạng căn, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi nghèo nàn, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi thọ yểu, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về hủy báng, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về luân hồi, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi oai đức của đại chúng, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi cái chết, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về cõi ác, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về hắc ám, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về oán ghét gặp gỡ, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về thương yêu chia lìa, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về ganh ghét, làm cho chúng sanh xa lìa sợ hãi về thân tâm bức bách, làm cho chúng sanh đoạn hết sợ hãi ưu bi khổ não. Lại nói sơ lược về hồi hướng, trong kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện có kệ:

Ngài Văn-thù thanh tịnh dũng mãnh
Phổ Hiền thù thắng cũng như vậy
Hai vị Đại sĩ nói hồi hướng
Ta phải thuận theo mà tu học
Như Lai trong ba đời mười phương
Cũng dạy hồi hướng thanh tịnh vậy
Ta nay chứa giữ các thiện căn
Đồng hạnh tối thượng với Phổ Hiền.

Phẩm 17: CUNG KÍNH TÁC LỄ

Phần 1

Luận nói: Đây lần lượt nói rõ lễ kính chư Phật để tăng trưởng hạnh phước. Nên biết như thế nào? Trong kinh Quán Sát Thế Gian có kệ:

Nếu trong một sát-na
Làm như Phật đã làm
Ta nói được quả báo
Xa lìa tám ách nạn
Hình sắc rất tốt đẹp
Thành tựu tướng trang nghiêm
An trụ trong pháp Phật
Không còn có lười biếng
Người ấy trong hiện tại
Thọ dụng đều sung túc
Luôn được người kính trọng
Không bệnh, thân sáng sạch.
Đời sau con Trưởng giả
Tôn sùng không cùng tột.
Bố thí rất rộng lớn
Trân bảo không thiếu thốn
Lại làm vua Chuyển luân
Thống lĩnh bốn thiên hạ.
Dân chúng đều thuận theo
Cả nước đều vui vẻ
Oai đức lực đầy đủ
Bảy báu đều tuyệt đẹp
Trong tất cả các thời
Siêng năng và hiến cúng
Sanh lên cung Đao lợi
Tự tại đảnh Di-lô
Làm vua trời Đế Thích
Giữ giáo pháp thanh tịnh.
Nếu người đối tháp Phật
Chắp tay và cung kính
Ở trong triệu ức kiếp
Thọ phước không cùng tận

Lại nữa, đối tháp Phật
Phát tâm mà kính lễ.
Trải vô lượng ức kiếp
Lìa mù mắt, khoèo chân
Các thiện căn kiên cố
Dũng mãnh và tinh tấn
Nhanh chóng được Bồ-đề
Đây do lễ tháp Phật
Nếu ở trong đời ác
Hướng Phật mà quy mạng
Thì đã được gần gũi
Trăm ngàn ức chư Phật.
Người nầy trong thế gian
Tối thắng không ai hơn
Được thảnh thơi trong đời
Đoan chánh không thể sánh.
Nếu người lấy tràng hoa
Cúng dường nới tháp Phật
Người ấy sau khi chết
Sanh cõi trời Ba Ba
Ngồi trên xe Đại thừa
Trang sức bằng trân bảo
Trong các lầu, cung điện
Thiên nữ thường vây quanh.
Ở trong ao thanh tịnh
Nước Tám đức đầy tràn
Đáy trải bằng cát vàng
Bờ ưu ly, pha lê.
Thọ khoái lạc thượng hạng
Tuệ mạng càng lâu dài
Hết ở trên cõi trời
Sanh vào nhà giàu sang
Trong trăm ngàn ức kiếp
Thọ phước đức vô cùng
Thường đem tràng hoa đẹp
Nơi nơi đều cúng dường
Làm Chuyển luân Thánh vương
Làm chủ trời Đế Thích

Thiên tử Đại tự tại
Làm Phạm vương trong đời.
Do làm việc bố thí
Được công đức như trên
Dùng tơ mềm thượng diệu
Cúng Phật, Đại đạo sư
Người nầy trong thế gian
Nghĩa lợi đều thành tựu
Lại dùng y, chuỗi ngọc
Cúng dường nơi tháp Phật
Xa lìa hàng hạ tiện
Mãi không sanh chỗ đó.
Quyến thuộc thường vây quanh
Không khổ não biệt ly
Thường làm vua nước lớn
Được tán thán, cúng dường
Hoặc sanh làm trời, rồng.
Là người trí thế gian
Dũng mãnh và oai lực
Phước báu không ai bằng.
Nếu dòng dõi trong nước
Nơi tháp Phật, Thế Tôn
Người nầy dùng ít hương
Dù nhỏ như hạt cải
Quyết định khởi tín tâm
Mà cúng dường cùng khắp
Có được nhiều công đức.
Nay phải nghe ta nói
Xa lìa những cấu uế
Giữ vững tâm thanh tịnh
Trừ bệnh não sầu bi
Dáng mạo thật cao quý
Được làm vua Chuyển luân
Đủ oai đức, trí lớn.
Tùy chỗ vua đã đến
Phước lực được thành tựu.
Hoặc vua hoặc dân chúng
Đều vui thích tôn thờ

Dùng y phục thượng hạng
Cúng dường nơi tháp Phật
Người nầy trong thiên hạ
Thân thể thật sáng sạch
Áo trời Ca-thi-la
Lúc nào cũng hiện rõ
Luôn toả ra hương thơm,
Người nghe sanh hoan hỷ.
Lại lấy vải tơ vàng
Dệt thành áo thù thắng
Khéo léo cùng bày biện
Hình tướng chúng Thầy trò
Đời sau sanh cõi trời
Sở nguyện đều thành tựu
Các trân bảo anh lạc
Tùy theo niệm phát sanh.
Nếu người lấy phan đẹp
Treo ở trên tháp Phật
Tùy ý thích người kia
Vãng sanh qua cõi Phật
Có được sắc thân vàng
Các tướng đều tốt đẹp
Các món ăn thịnh soạn
Hiến cúng thật vui vẻ.
Lại lấy dây lụa quý
Và các lông tơ quý
Đâu-la, Ca-thi-ca
Làm phướn cúng dường
Phật Người ấy sống trong đời
Trong kho đều đầy ắp
Lìa quyến thuộc não hại
Trí vô biên vững vàng
Thân tướng được trang nghiêm
Chúng vui thích chiêm ngưỡng.
Không bị lửa thiêu đốt
Các đao gậy làm hại
Nếu thắp ngọn đèn sáng
Cúng dường nơi tháp Phật

Do làm bố thí ấy
Được thọ mạng dài lâu.
Tâm thanh tịnh sáng rõ
Hình sắc đều viên mãn
Người nầy trong đời sau
Sanh trong cõi sạch, vàng
Tay mầu tỏa ánh sáng
Có lực kiên cố lớn
Đi khắp trong nhân gian
Mà không các sợ hãi.
Giả sử qua biết bao
Na-do-tha cõi Phật
Hạt cải đầy trong đó
Số ấy cân lường biết
Ta nói phước báo nầy
Cùng tận kiếp không hết
Nếu làm bảo cái lớn
Cúng dường nơi tháp Phật.
Người ấy không bao lâu
Đầy đủ ba hai tướng.
Luôn tỏa ánh sáng mầu
Không thể so lường được
Ánh sáng thường tỏa chiếu
Sáng hơn cả sông vàng
Như hoa Câu-tô-ma
Nở ra để trang sức
Tiếng hay vang cùng khắp.
Có thần thông đặc biệt
Thọ dụng không giới hạn
Được an ổn tối thượng.
Thường được trời và người
Gần gũi và thừa sự
Thiểu dục, đủ oai nghi
Giữ vững thanh tịnh giới
Tịch tĩnh ở trong rừng
Vui vẻ tu thiền định
Trí tuệ không hề giảm
Không rời tâm Bồ-đề

Tri túc chẳng mong cầu
Luôn làm các hạnh từ
Nếu người làm âm nhạc
Cúng dường đấng Thế Tôn
Xa lìa não, phiền ưu
Nghe tiếng đều viên mãn
Mắt trong sáng, nhìn rõ
Chính xác chẳng tạp loạn
Tai nghe âm thanh hay
Tâm thanh tịnh như vậy
Mũi cao và rất thẳng
Tướng trang nghiêm đầy đủ
Lưỡi thì dài và nhẵn
Hồng thắm tợ san hô
Âm vang như người trời
Nghe khoảng chừng một ức
Lìa báo xấu không lưỡi
Mãi không sanh loài rắn
Thân thù thắng tối thượng
Đoan chánh không tà vọng
Thường sanh ý thiện tịnh
Không có chút gián đoạn
Trời, người, rồng hộ vệ
Các ma hầu La-già
Tùy theo việc thế gian
An ủi mà bảo hộ
Do làm việc bố thí
Được phước báu như trên.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 22

Phẩm 17: CUNG KÍNH TÁC LỄ

Phần 1

Người nào sau khi Phật diệt độ
Thường hay sửa, xây tháp miếu Phật
Trăm ngàn ức kiếp na-do-tha
Thân tướng uy nghiêm đều đẹp tốt
Dùng hương chiên đàn vừa ý nhất
Làm nên cung điện và kiệu xe,
Tuy được thắng báo không hề đắm
Phước nầy do tu sửa tháp Phật.
Ở thời chánh pháp Phật sắp hết
Không sanh các cõi nước Diêm phù
Tùy theo ý thích ở thiên cung
Phước nầy do tu sửa tháp Phật
Chán ghét ngũ dục các nhiễm cấu
An trụ trong giới tịnh thanh lương
Rộng theo phạm hạnh không hề sót
Phước nầy do tu sửa tháp Phật
Sau khi chết rồi được sanh thiên
Khoái lạc, đầy đủ không kể xiết
Lại còn giáo hóa các Trời, người
Phước nầy do xoa hương tháp Phật.
Diện mạo đầy đặn thường tươi sáng
Ngữ âm điều thiện được dâng trào
Ai thấy đều khởi tâm kính mến
Phước nầy do xoa hương tháp Phật
Xa lìa ác đạo khổ vô biên
Thường được thân cận các Như Lai
Rộng tu nghiệp thiện, lợi quần sanh

Phước nầy do xoa hương tháp Phật
Nếu người ở trong khoảng sát-na
Thường hay quét bụi, dọn tháp Phật
Quả báo người nầy khó tính được
Xa lìa tám nạn ở trong đời
Mạnh khoẻ, thông tuệ đều sáng suốt
Ngũ dục cảnh trần không đeo đuổi
Luân hồi mãi mãi được lìa xa
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.
Đầy đủ giới cấm, không khuyết phạm
Nghe pháp vi diệu sanh hoan hỷ
Mãi không thoái chuyển tâm Bồ-đề
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật
Người nầy thường ở trong đường ác
Được lìa chê, khen các lỗi lầm… P
hước tuệ càng tăng tích chứa nhiều
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.
Lại được các vị ngon quý hiếm
Y phục sạch sẽ lại trang nghiêm
Các căn tiếp xúc thường vừa ý
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật
Ở trong tháp Phật sanh hoan hỷ
Hoa héo phải thay nơi tháp Phật
Do nương mười lực bậc đạo sư
Ngũ dục, oán hận được xa lìa.
Hình nghi đỉnh đạc thật hiếm có
Mọi người thích nhìn không chán mắt
Vương giả thường sanh tâm ái kính
Do thay hoa héo nơi tháp Phật
Đầy đủ giới phẩm, hạnh Bồ-tát
Diệt trừ tất cả mọi đường ác
Ý luôn sáng suốt, lìa si mê
Do thay hoa héo nơi tháp Phật.
Vứt bỏ phiền não các chướng nhiễm
Không còn bệnh khổ, trói buộc nhau
Nhẹ nhàng an lạc ở mọi nơi
Do thay hoa héo nơi tháp Phật
Được thọ đệ nhất thí cõi người

Lại được các cúng dường tối thượng
Phước tuệ thanh tịnh trang nghiêm thân
Do thay hoa héo nơi tháp Phật
Nên thay vào tháp bông hoa mới
Hoặc Mạn-đa-la, Bát-tất-sa.
Do thay hoa mới nơi tháp Phật
Người ấy phước báo thật thù thắng.
Hoặc người thường ở trong tháp Phật
Siêng năng cung kính đảnh lễ Phật
Người ấy xưng dương ân Đức Phật
Mọi người nhìn thấy phải cúi đầu
Các thiên, long, thần, Ma-hầu-la
Vua và thần dân đều tin trọng
Ví như hoa đẹp giữa trần gian
Có thể khéo nói các pháp yếu.
Do người kia khéo nói chánh pháp
An trú trí Phật, không khuyết giảm
Làm cho chúng sanh xa đường ác,
Tăng trưởng thắng nghĩa trong nhân thiên
Phước lực, niệm tuệ đều đầy đủ
Quyến thuộc rất nhiều luôn thuận thảo
Ta nói người nầy ở thế gian
Tùy ý được vui, tâm an ổn
Phát âm nhu hòa và tịch tĩnh
Dạy dỗ chúng sanh khiến xuất ly
Người ấy giàu vui, sống không nghèo
Phước nầy do lễ nơi tháp Phật
Thường hành bố thí và ái ngữ
Lợi hành, bình đẳng cũng vậy thôi
Bị người hủy báng, không sân hận
Phước nầy do lễ nơi tháp Phật
Hoặc ở trên trời làm Đế Thích
Hoặc làm vị vua trong nhân gian.
Thảy đều tùy tâm, rất tự tại
Phước nầy do lễ nơi tháp Phật.
Đối với cảnh dục không đắm nhiễm
Xử thế giàu sang, thường biết đủ
Mãi mãi không còn đọa cõi ác

Phước nầy do lễ nơi tháp Phật.
Nói lời thắm đượm nghĩa sâu đầy
Đều cùng kinh điển khéo tương ưng
Ở người thường trong hạng thượng lưu
Phước nầy do lễ nơi tháp Phật
Nếu dùng tâm thanh tịnh tối thượng
Hai tay cầm hoa dâng lên Phật
Nên có quả báo được làm vua
An trụ lợi ích trong pháp thiện
Người nầy ngũ dục thường tỏ rõ
Thì bức bách ưu não không còn
Thân tướng đoan nghiêm, người thích xem
Tự tánh vắng yên không sợ hãi.

Lại như, kinh Đại Bi nói: "A-nan! Nếu có chúng sanh trong hiện tại thường cúng dường cho ta thì sau khi ta diệt độ cũng cúng dường xá- lợi của ta dù nhỏ bằng hạt cải, vì ta mà đắp tượng, vẽ hình, làm tháp cho ta. A-nan! Cho đến những việc như vậy, giả sử có người trong một chốc lát phát khởi nhân duyên tín tâm niệm Phật, cầm lấy một bông hoa rơi trong không trung mà đem cúng dường Phật, người ấy được làm vua Chuyển luân, làm chủ trời Đế Thích, làm vua Đại Phạm thiên, liền có thể vượt qua sự vô tri của thời kiếp trước và sự lưu chuyển sanh tử của kiếp vị lai. A-nan! Lại gác việc ấy lại, giả sử có người trong giấc mộng dùng một bông hoa tung lên không trung cúng dường ta thì ta nói người nầy có được thiện căn và phước báu không bờ bến".

Kinh Ma Già La Long Vương Sở Thuyết nói: "Nếu Bồ-tát gần gũi chư Phật thì có được tám pháp tăng thượng. Những gì là tám?

Một là giáo hóa chúng sanh thấy được tướng tốt của chư Phật. Hai là đối với Như Lai mà thừa sự cúng dường

Ba là trong hội chúng đều tán thán thắng đức của Phật. Bốn là nhớ nghĩ Như Lai mà đắp tượng vẽ hình.

Năm là khuyến hóa chúng sanh không nên xa lìa chân lý nhiệm mầu của chư Phật.

Sáu là mọi lúc mọi nơi đều nghe danh hiệu của Phật. Bảy là luôn nguyện vãng sanh qua quốc độ của Phật. Tám là chí không khiếp nhược, vui cầu trí Phật.

Đó là tám pháp tăng thượng.

Luận nói: Tăng trưởng thù thắng nghĩa lợi như thế nào? Đó là đối với

Phật phát khởi sự nhận lãnh gần với. Kinh Hoa Nghiêm có kệ:

Trong vô lượng ức kiếp
Danh Phật thật khó nghe
Huống gì được gần gũi!
Mãi đoạn các nghi hoặc
Như Lai trong thế gian
Thông đạt tất cả pháp
Khắp sanh phước ba đời
Khiến người đều thanh tịnh
Như Lai hiện thế gian
Là phước lớn trong đời
Dẫn dắt khắp hàm thức
Khiến tu tập hạnh phước
Nếu cúng dường chư Phật
Mãi trừ sợ đường ác.
Tiêu diệt tất cả khổ
Thành tựu thân trí tuệ
Nếu thấy bậc Lưỡng túc
Phát khởi tâm rộng lớn
Người nầy thường gặp
Phật Tăng trưởng sức trí tuệ.

Kinh nầy lại nói thêm:

Như Lai từ bi lớn
Xuất hiện trong thế gian
Độ khắp các chúng sanh
Chuyển xe pháp tối thượng
Như Lai vô số kiếp
Cần khổ vì chúng sanh
Làm sao các thế gian
Có thể báo đại ân
Thà trong vô số kiếp
Thọ các khổ đường ác
Quyết không bỏ Như Lai.
Mà cầu pháp xuất ly
Thà ở trong đường ác
Thường nghe danh hiệu Phật
Không muốn sanh đường thiện
Một chốc không nghe

Phật Nguyện ở lâu, cớ gì?
Tất cả trong đường ác
Nếu thấy được Như Lai
Tăng trưởng sức trí tuệ
Nếu thấy được chư Phật
Diệt trừ tất cả khổ
Hội nhập vào Như Lai
Trí tuệ lớn vô cùng
Nếu thấy được chư Phật
Xả ly tất cả chướng
Trưởng dưỡng phước vô tận
Thành tựu đạo Bồ-đề.

Luận nói: Thấy hình tướng của Phật trong chốc lát mà có được phước báu như vậy, huống nữa là đích thân nhìn thấy sắc tướng của Như Lai, tin và thọ trì giáo huấn của Như Lai, phước đức rất nhiều.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn nói: "Nầy Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể đối với số Phật-bích-chi nhiều như các vi trần của tất cả thế giới, mỗi ngày cúng hàng trăm món ăn ngon, cùng những y phục tốt đẹp, cúng dường như vậy cho đến hằng sa số kiếp và nầy Văn-thù-sư-lợi! Nếu có một người trong chốc lát chiêm ngưỡng, phụng thờ một hình vẽ tượng Phật và kinh điển, thì phước nầy còn hơn phước ở trên vô lượng, vô số, huống gì chấp tay, cầm một bông hoa, một nén hương cho đến những bột hương hoặc một ngọn đèn mà cúng dường lên chư Phật, phước nầy còn hơn phước trước vô lượng vô số.

Luận nói: Nói rõ phương tiện để tăng trưởng công đức.

Kinh Bồ Tát Tạng nói: "Nếu tu sửa những tháp Phật lâu cũ sẽ được bốn nguyện lớn thanh tịnh:

Một là có sắc tướng tối thượng không ai sánh bằng. Hai là thọ trì kinh điển tinh tấn không lười biếng.

Ba là những nơi đã sanh ra luôn thấy được Như Lai. Bốn là đời sau thân tướng đầy đủ tốt đẹp".

Kinh nầy lại nói: "Nếu có người đối với tháp của Như Lai đem những bông hoa thơm, những hương bột quý đến cung kính cúng dường thì được tám thứ không giảm:

Một là sắc tướng không giảm.
Hai là thọ dụng không giảm.
Ba là quyến thuộc không giảm.

Bốn là giới phẩm không giảm.
Năm là định lực không giảm.
Sáu là đa văn không giảm.
Bảy là trí tuệ không giảm.
Tám là thắng nguyện không giảm".

Kinh Bảo Tích nói: "Giả sử chúng sanh trong ba cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc rất nhiều, ai nấy đều làm tháp miếu Như Lai, số lượng cao rộng như núi Tu-di-lô, trong hằng ha sa số kiếp, dùng đủ các loại thượng diệu mà cúng dường, và có Bồ-tát dùng tất cả tâm trí mang đến cúng dường ở tháp Phật một bông hoa thì có được lượng phước cũng như vậy". Kinh nầy lại nói: "Giả sử có chúng sanh ở thế giới tam thiên đại thiên nầy, mỗi mỗi đều là Chuyển luân Thánh vương và an trụ trong Đại thừa, và mỗi vị Luân vương lấy nước trong biển lớn làm dầu, lấy núi Di-lô làm tim đèn để cúng dường nơi tháp Phật, và nếu có Bồ-tát xuất gia nào lấy dầu và bột hương se làm đuốc, cầm đến cúng dường tháp miếu của Như Lai thì có được công đức hơn công đức cúng dường đèn trước, trăm phần Ca-la cho đến phần Ô-ba-na-sát-đàm cũng không bằng một phần bố thí ấy. Lại Chuyển luân Thánh vương kia có thể đối với chúng Tỳ-kheo của Phật hiện tại, làm các nhạc cụ dùng để bố thí. Nếu Bồ-tát xuất gia thường đi khất thực được thức ăn, mà tùy theo vị ấy thấy được vị khác mà chia ra cho ăn, thì công đức còn hơn cả công đức ở trên. Lại có, Chuyển luân vương kia chất áo ca-sa nhiều như núi Tu-di có thể đem bố thí cho chúng Tỳ-kheo của Phật hiện tại, và nếu có Bồ-tát xuất gia ngoài ba y còn có những vật lớn khác mà tùy nghi dâng cúng, bố thí chư Phật hiện tiền, các Tỳ-kheo Tăng an trụ ở pháp Đại thừa và tháp của Như Lai, thì phước người ấy gấp bội lần phước bố thí trước. Lại có Chuyển luân Thánh vương, nhất nhất đều dùng các hoa thượng hạng đầy cõi Diêm-phù-đề cúng dường tháp Phật hoặc Bồ-tát xuất gia có thể dùng một bông hoa cúng dường tháp Phật, thì phước nầy thù thắng hơn sự cúng dường trước. Trăm phần Ca-la cho đến phần Ô-ba-ni-sát-đàm cũng không bằng một phần bố thí ấy".

Luận nói: Nói rộng về hành tướng. Như phẩm Siêu Việt nói: "Bồ-tát xuất gia như thế đã biết. Nếu có thể hiện tại cúng dường Như Lai tức liền có được bốn loại công đức hiền thiện.

Một là sự cung kính cúng dường tối thượng.

Hai là thấy hiểu rồi tùy thuận mà theo học.

Ba là kiên cố tâm Bồ-đề rộng lớn.

Bốn là tăng trưởng thiện căn trong hiện tại và thấy được ba mươi hai

tướng đại trượng phu".

Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn nói: "Nầy Hải Ý! Có ba pháp gọi là cúng dường và thừa sự Như Lai. Thế nào là ba?

Một là phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển. Hai là có thể nhiếp trì tất cả các chánh pháp. Ba là đối với chúng sanh mà phát khởi đại bi".

Kinh Bảo Vân nói: Người thiện nam! Bồ-tát thành tựu mười pháp, mặc dầu ở trong bào thai cấu uế mà không bị ô nhiễm. Thế nào là mười?

Một là dùng tín tâm thanh tịnh mà tạo tượng Như Lai.

Hai là sửa sang các tháp cũ của chư Phật.

Ba là dùng các hương thơm làm đồ trang sức tháp, tượng.

Bốn là dùng các hương thơm, tắm rửa tượng, tháp Phật.

Năm là trong tháp Phật nên quét lau sạch sẽ.

Sáu là đích thân làm việc hầu hạ cha mẹ sanh ra mình.

Bảy là tự thân thường cúng dường Hòa thượng, A-xà-lê.

Tám là cúng dường những người cùng phạm hạnh.

Chín là thi ân tuệ bố thí mà không mong cầu quả báo.

Mười là lấy thiện căn nầy làm cho chúng hữu tình không ô nhiễm khi sanh ra trong bầu thai cấu uế. Người thiện nam! Nếu có đầy đủ mười pháp nầy thì mới có thể phát khởi tâm tùy hỷ sâu xa".

Kinh Bát Nhã nói: "Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ trong Đại thừa, thì trước cần phải phát tâm tùy hỷ. Bồ-tát có thể thực hành hạnh nầy thì mới an trụ trong Đại thừa không bị thoái chuyển. Phật nói: Kiều-thi-ca! Giả sử có người có thể tính biết số thế giới trong tam thiên đại thiên thế giới nầy, nhưng công đức có được của Bồ-tát phát khởi tâm tùy hỷ nầy thì không thể tính được. Bấy giờ, vua trời Đế Thích bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến chứng được Chánh đẳng Chánh giác mà trong thời gian đó Bồ-tát làm vô lượng thiện căn tùy hỷ, nhưng các Bồ-tát không nghe, không biết, cũng không nhiếp thủ, thì nên biết người nầy bị ma nắm giữ.

Phật nói: Kiều-thi-ca! Nếu người thiện nam người thiện nữ nào muốn nhanh chóng chứng được Chánh đẳng Chánh giác như Như Lai đã chứng đây thì phải phát khởi tâm tùy hỷ Đại thừa, tuy nhiên đối với Thanh-văn và Phật-bích-chi thừa cũng chẳng yêu thích, cũng chẳng xả ly mà có thể cùng với thừa ấy, phát khởi tâm tùy hỷ, nên biết người nầy ngay đời sống hiện tại, thường gặp mười điều thiện, có được sự cúng dường, cung kính, tôn trọng và tán thán, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã gặp, không có

gì không vừa ý, người nầy vĩnh viễn xa lìa đường ác, sau khi chết sanh lên cõi trời. Vì sao như vậy? Vì người nầy đã làm những điều lợi ích như thế khiến cho các chúng sanh đều được an vui. Và đem thiện căn nầy làm cho vô lượng vô số người phát khởi tâm tùy hỷ, sẽ được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề".

Kinh nầy lại nói: "Tu-bồ-đề! Giả sử có hằng ha sa số chúng sanh trong thế giới tam thiên đại thiên nầy đều phát tâm A-nậu-đa-la-tam- miệu-tam-Bồ-đề và mỗi một chúng sanh trong hằng hà sa số kiếp tu tập bốn thiền định, an trụ tịch tĩnh, xa vọng tưởng loạn động, và Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có thể dùng phương tiện thiện xảo nhiếp lấy sự tu tập định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của Phật và giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của thừa Thanh văn, Duyên giác ở ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, các loại thiện căn như vậy đem dồn lại cân nhắc rồi dùng tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, vô lượng vô đẳng đẳng đều tùy hỷ. Lại dùng thiện căn tùy hỷ như vậy để hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề, thì nầy Tu-bồ-đề! Phước báo của người nầy có được còn hơn cả công đức của Bồ-tát tu định nói trên, không thể sánh ví không bằng một phần trăm của Ca-la-phần, cho đến một phần trăm của Ô-ba-la-ni-sát-đàm phần".

Luận nói: Đây nói về hạnh hồi hướng đã xong phần công đức khuyên thỉnh, như Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói: "Nếu người có thể nhiếp thọ chánh pháp tức là đã hộ trì thọ mệnh của Phật ở vô lượng vô số cõi các Đức Phật".

Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO

Phần 1

Luận nói: Nói rõ hạnh hiền thiện, tiếp nói tăng trưởng phước đức. Đây không phải là nhân riêng biệt mà có thể thu hoạch quả. Nghĩa là đối với tín tâm thường nên tu tập.

Kinh Bí Mật Đại Thừa nói: "Phật nói: Đại vương! Ông nay biết rằng có bốn pháp mà nếu thực hành như lý thì an trụ trong Đại thừa, hướng đến đạo thù thắng có các pháp thiện không bị hoại mất. Những gì là bốn?

Một là tin có thể hướng đến đạo tối thắng. Lại sao gọi là tin? Vì có lòng tin nên luôn thuận theo những điều gì mà Thánh không làm thì mình thảy đều không làm.

Hai là tôn trọng có thể hướng đến đạo tối thắng. Vì tôn trọng nên các

bậc Thánh đã nói ra diệu pháp thì phải lắng nghe và thọ trì một cách chắc thật.

Ba là không kiêu mạn có thể hướng đến đạo tối thắng. Vì không kiêu mạn nên đối với tất cả các Thánh chúng đều cung kính, tin tưởng và đảnh lễ.

Bốn là tinh tấn có thể hướng đến đạo tối thắng. Vì tinh tấn nên thân tâm đều được nhẹ nhàng, làm tất cả các pháp thiện đều được thành tựu".

Luận nói: Nói rõ tin thường được tu tập như thế. Đây nói rõ về năm căn như Tín v.v…

Kinh Vô Tận Ý nói: "Thế nào là ngũ căn? Ngũ căn là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

Thế nào là Tín căn? Tín căn là đối với bốn pháp phải tin sâu và nhận rõ dục lạc: Một là cuộc sống hằng ngày phải thực hành chánh hạnh tin vào nghiệp báo. Do tạo nghiệp mà có kết quả như vậy, phải giữ gìn đến lúc mạng chung không nên tạo ra các tội ác. Hai là tin ưa các hạnh của Bồ-tát đã thực hành, không mong cầu thừa khác không theo những kiến chấp. Ba là đối với thắng nghĩa hiểu rõ không có ngã, chúng sanh, thọ giả, Bổ-đặc-già-la…, đối với các pháp không, vô tướng, vô nguyện tin hiểu sâu xa. Bốn là đối với các công đức của Phật như lực, vô úy v.v…. nảy thì quyết định tin trừ bỏ lưới nghi. Đó gọi là tín căn.

Thế nào gọi là Tấn căn? Nếu pháp là pháp thuộc tín căn nhưng siêng năng dũng mãnh không bị gián đoạn, thì đó gọi là Tấn căn.

Thế nào gọi là Niệm căn? Nếu pháp là pháp do Tấn căn tu tập quyết không thể quên mất, thì đó gọi là Niệm căn.

Thế nào gọi là Định căn? Nếu pháp là pháp thuộc Niệm căn nhất tâm bất loạn, thì đó gọi là Định căn.

Thế nào gọi là Tuệ căn? Nếu pháp là pháp thuộc Định căn, phải tự nơi mình quán chiếu, không theo lý giải của người khác, thì đó gọi là Tuệ căn.

Ngũ căn ấy liên tục phát khởi thì có được tất cả pháp Phật viên mãn".

Luận nói: Lại nói về pháp tín lực thì phải luôn luôn tu tập.

Kinh Bảo Kế nói: "Người thiện nam! Thế nào là lực hành thanh tịnh của Bồ-tát? Đó là các căn không có khiếp nhược. Tất cả ác ma không thể làm loạn động. Thanh-văn, Duyên-giác không thể làm thoái chuyển, tất cả phiền não không thể phá hoại, mà kiên cố an trụ trong Đại thừa, bổn nguyện trọn đủ, tâm tịnh dũng mãnh nghiêm mật giữ gìn thân căn được thanh tịnh

thù thắng".

Luận nói: Căn, lực như tín v.v… như thế, thường luôn tu tập và tu tập hạnh từ tăng trưởng công đức.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ:

Trong na-do-tha ức cõi Phật
Có đủ các loại để cúng Phật
Đều đem cúng dường các Như Lai
Chẳng bằng tu một ít tâm Từ.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 23

Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO

Phần 2

Do tín v.v… nên luôn duyên nghĩ đến công đức của chư Phật. Như kinh Hộ Quốc Tôn Già Sở Vấn có kệ:

Cúi lạy đấng Điều ngự sắc vàng
Mặt như trăng sáng không tỳ vết
Công đức Thánh trí khó nghĩ lường
Ở trong ba cõi chẳng ai bằng.
Búi tóc Mâu-ni màu xanh biếc
Cao, đẹp thanh tịnh tợ Tu Di
Tướng lông mày trắng soi chiếu khắp
Đỉnh đầu của Phật không ai thấy
Mắt Như Lai tịnh như sen xanh
Như hoa Quân ma và Nguyệt kha
Thương yêu quán xem chúng hữu tình
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Tướng lưỡi Như Lai màu tợ đồng
Rộng dài khéo phủ che cả mặt
Nói pháp cam lộ nhuận quần sanh
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Như Lai bốn mươi răng đều, khít
Trắng sạch cứng sắc như kim cương
Nói lời chân thật phát hào quang
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Sắc tướng Như Lai thật đặc thù
Oai quang chiếu sáng trăm ngàn cõi
Thích, phạm hộ thế và các Trời
Uy quang tuy có, đều bị át
Hai vai Như Lai như nai chúa

Lồng ngực rộng thon như sư tử
Bước đi thong thả như voi chúa
Sơn hà, đại địa đều chấn động
Thân tướng Như Lai rất trang nghiêm
Kim quang sáng rực bao trùm khắp
Ở trong thế gian không ai bằng
Chúng sanh thấy Phật không hề chán
Như Lai trải qua trăm ngàn kiếp
Những gì ái lạc đều bố thí
Từ bi thương nghĩ chúng hữu tình
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Chí Như Lai vui tu các độ:
Trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn
Thiền định, thắng tuệ đều viên minh
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Như Lai rống tiếng sư tử lớn
Dũng mãnh phá tan các dị luận
Tam độc cấu uế dứt chẳng còn
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Ba nghiệp Mâu-ni vượt ba cõi
Giống như hoa sen không dính nước
Tiếng mầu nhiệm Ca-lăng-tần-già
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Biết rõ thế gian là huyễn hóa
Như kẻ diễn tuồng thay hình sắc
Như ánh mặt trời và trong mộng
Không ngã, không nhân không thọ giả
Pháp vốn không tịch không có sanh
Không thể liễu ngộ tùy lưu chuyển
Đại từ dẫn dắt khắp quần mê
Phương tiện tùy cơ nói chánh pháp
Xem xét khổ não ở thế gian
Các bệnh như tham… đều được đoạn
Như Lai Đại Y vương vô thượng
Đối trị từng người khiến giải thoát
Chỉ khổ lo buồn sanh, lão, tử
Ái biệt ly… cùng các họa hoạn
Mâu-ni cứu độ ở thế gian

Làm cho chán lìa và đoạn trừ
Địa ngục, quỉ, súc cõi hiểm ác
Chúng hữu tình theo dòng luân chuyển
Thương họ không gần, không thầy dẫn
Chỉ chúng ngu kia lên đường chánh
Chư Phật quá khứ xuất thế gian
Tự tại nói pháp lý nghĩa sâu
Thế Tôn dạy giống các Ngài dạy
Đều khiến chúng sanh chứng đạo
Thánh Tiếng Phật vang xa đến Phạm thiên
Thông suốt tất cả sanh các thiện
Càn-thát-bà và Khẩn-na-la
Các tiếng nhạc vang không thể phát
Tích chứa nhiều công đức thanh tịnh
Diễn thuyết vô biên lời chân thật
Trăm ngàn na-do-tha chúng sanh
Nghe rồi đều phát ý ba thừa
Nếu thường cúng dường đến Như Lai
Sẽ đạt được niềm vui thắng diệu
Giàu sanh tự tại được người kính
Sanh ra đời sau làm đế vương
Hoặc làm luân vương trị bốn châu
Đầy đủ bảy báu đều khác lạ
Thường đem thập thiện lợi chúng sanh
Do khởi tịnh nghiệp ở Như Lai
Hoặc làm Đao lợi chủ các trời
Hoặc Dạ-ma vương Đổ-sử-đa
Cho đến Tha hóa Đại Phạm thiên
Đều do cúng dường Đức Như Lai
Gặp Phật cúng dường như thế rồi
Cho đến tin kính pháp được nghe
Đều có thể vĩnh đoạn nhân khổ
Chứng được tịch tĩnh lìa trần cấu
Thế Tôn biết rõ đạo phi đạo
Mà khéo dừng ác quay về thiện
Khiến chúng sanh đạt được an lành
Cùng nhau an trú nơi thánh đạo
Nếu người cầu phước cúng dường Phật

Thường được kho phước thắng vô tận
Trong vô lượng kiếp không thể lường
Cho đến chứng được quả Bồ-đề
Cõi nước vi diệu thắng trang nghiêm
Như trời Tha hóa thật đáng yêu
Tùy theo nguyện lực sanh vào đó
Nghiệp thân, khẩu, ý thường thanh tịnh
Những phước báo vi diệu như thế
Là do cúng dường nơi Như Lai
Người ấy tuy sống ở thế gian
Như ở Long cung, Trời thọ vui
Danh xưng Như Lai thật rộng lớn
Hết thảy quốc độ đều hay biết
Thường ở trong vô biên đại chúng
Mười phương chư Phật đều xưng tán
Lìa hẳn các nhiệt não thế gian
Hiện thị đại bi không ai sánh
Đấng trung tôn tối thượng tịch tĩnh
Cho nên con nay cúi đầu lễ
Con nay đắc được năm thần thông
Trụ ở hư không mà tán thán
Đảnh lễ đấng đạo sư dõng mãnh
Phân biệt các pháp tịnh, không cấu
Nay người, trời đều đã tập hợp
Xưng dương công đức đấng
Thiện thệ Bao la rộng phước rất thắng diệu
Cùng với chúng sanh thành Chánh giác.

Lại như trong kinh Pháp Tập nói: "Lại nữa, nầy thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn đầy đủ đại phước trí để tự trang nghiêm. Lấy đại từ bi làm cảnh sở hành, ở các thế gian làm người cứu hộ, làm đại y vương khéo nhổ các tên độc, thường trụ tịch tĩnh diệu Tam-ma-địa, không đắm sanh tử, cùng với Niết-bàn, xem các hữu tình cũng như cha mẹ. Với lòng đại từ bình đẳng thương xót tất cả thế gian không có ai hơn. Đem trí tương ưng soi sáng thế gian, đại trí ấy phủ khắp chúng hữu tình, hết thảy mọi người đều ưa vui thừa sự, xa lìa niềm vui cá nhân để tiêu trừ cái khổ cho người, giữ gìn chánh pháp, lấy pháp làm chủ, đắc pháp tự tại. Lấy pháp làm thức ăn, lấy pháp làm diệu dược (thuốc), lấy pháp làm bố thí, hết thảy đều xả bỏ, dùng trí chọn lựa thường không phóng dật, ở nơi hiểm nạn vì làm cầu đường, như

đường vua đi bằng phẳng không vật chướng ngại. Cho đến sắc thân thanh tịnh người xem không chán. Chư Phật Thế Tôn có vô lượng công đức như thế ta nên thành tựu các công đức lợi ích kia. Đây gọi là Bồ-tát niệm Phật.

Thế nào gọi là niệm pháp? Bồ-tát đã biết chư Phật Thế Tôn có vô lượng vô biên công đức đều từ pháp mà sanh ra, từ pháp mà biến hóa ra, từ pháp mà được, từ pháp mà tăng trưởng, từ pháp mà có, từ pháp mà hiện cảnh giới, theo pháp mà y cứ (chỉ), từ pháp mà thành tựu, cho đến các sự việc khoái lạc của thế gian và xuất thế gian cũng từ pháp mà sanh. Cho nên ta cầu mong quả vui Bồ-đề của chư Phật thì nên tôn trọng pháp. Y vào cảnh giới của pháp, y vào chỗ quy về của pháp, nương vào pháp mà quyết định, nương vào pháp để giữ tâm kiên cố, y vào pháp để mà tu hành. Đây gọi là Bồ-tát niệm Pháp.

Lại nữa, Bồ-tát đối với chúng sanh phải bình đẳng mà thuyết pháp, do pháp không có cao thấp, nên ta và pháp tâm đều bình đẳng vậy, lại pháp thì không có diện mạo, nhưng vì chúng sanh nên mới tuyên thuyết, vì pháp không có tướng bè phái, nên ta cùng với pháp kia, tâm đều bình đẳng. Pháp thì không thời tiết, vì chúng sanh nên phải tuyên thuyết vậy, nhưng trong pháp ấy tâm có thể lãnh thọ được nên ta cùng với pháp kia tâm đều bình đẳng chẳng khác. Pháp chẳng phải nơi thù thắng mà vì chúng sanh nên nói, đối với người căn cơ thấp kém thì không nói. Do pháp ấy mọi người đều có thể nhận được, nên ta cùng với pháp kia tâm đều bình đẳng. Pháp chẳng phải thanh tịnh mà vì nói cho mọi người, nhưng không nói cho người bất tịnh. Vì pháp lìa nhiễm ô, nên ta và pháp kia, tâm đều bình đẳng. Lại pháp chẳng phải đối với Thánh nhân mà nói, còn chúng sanh thì không nói. Vì pháp rời các kiến phân biệt nên ta với pháp kia tâm đều bình đẳng vậy. Pháp chẳng phải nói ban ngày mà ban đêm không nói, cũng cũng chẳng phải đêm nói mà ngày chẳng nói. Vì pháp luôn luôn gia công hành trì, nên ta cùng pháp kia, tâm đều bình đẳng. Pháp chẳng phải điều phục cũng không phải trái vượt, vì pháp không có gì để chấp trước, nên ta cùng với pháp, tâm đều bình đẳng. Pháp chẳng phải giảm mất cũng chẳng phải tăng trưởng, vì pháp như hư không nên ta và pháp kia tâm đều bình đẳng. Pháp không chán chúng sanh mà chúng sanh có thể hộ trì pháp, do đó ta và pháp kia tâm đều bình đẳng. Pháp không phải cầu để trở về mà cho thế gian làm chỗ trở về nương tựa, ta cùng với pháp kia tâm đều bình đẳng. Pháp không có tổn hại phiền não, vì pháp lìa các tướng bị hại vậy, nên ta cùng với pháp kia tâm đồng bình đẳng, pháp không có oán thán ghen ghét, vì pháp xa lìa các kiết sử, nên ta cùng pháp ấy tâm đồng bình đẳng. Pháp không sợ sự luân hồi cũng không sợ ưa nơi Niết-bàn, vì pháp không có phân biệt nên ta

cùng pháp kia tâm đều bình đẳng. Bồ-tát phải như thế mà luận tập chánh niệm. Đây gọi là niệm Pháp.

Sao gọi là niệm Tăng? Trong đây lại nói: Chính là người thuyết pháp, người hành pháp, người tư duy pháp, là người có ruộng phước nơi pháp, người nhậm trì pháp, người y chỉ nơi pháp, là người cúng dường pháp, người thực hành pháp như pháp, là người thể nhập cảnh giới pháp, là người của hành xứ pháp, là người thành tựu pháp, là người có tự tánh chất trực, là người có tự tánh thanh tịnh, là người tùy thuận giáo huấn, là người phát đại từ bi, khéo tuyển trạch cảnh giới trí, là người thường tu tập pháp thanh tịnh.

Luận nói: Bồ-tát niệm Tăng như thế, tất đạt được các công đức chân thật của chúng sanh như kinh Vô Cấu Xưng có kệ viết:

Hoặc là lão bệnh tử Hoặc là chư chúng sanh Biết rõ như huyễn hóa

Thông suốt không còn ngại Hoặc kiếp nầy thiêu rụi Trời đất liền trong sáng Mọi người hay vọng tưởng Soi khiến biết vô thường

Vô số ức chúng sanh Đều đến thỉnh Bồ-tát Một thời đến nhà kia Dạy quay về đạo Phật Cấm kinh thư, chú thuật Khéo léo các kỹ nghệ Hết lòng làm việc nầy Nhiêu ích các quần sanh Các đạo pháp thế gian Đều xuất gia trong đó Do giải nghi cho người Mà không đọa tà kiến

Hoặc làm nhật nguyệt thiên
Phạm vương chư thế giới
Hoặc lúc làm đất nước
Hoặc lại làm gió lửa
Trong đời có bệnh dịch
Hiện làm các thảo dược
Nếu có người uống thuốc
Hết bệnh tiêu các độc
Trong đời có đói khát
Hiện thân làm thức ăn
Trước hết cứu đói khát
Rồi lấy pháp dạy người
Trong đời có đao binh
Vì kia khởi từ bi
Dạy các chúng sanh kia
Khiến trụ vô tịnh địa
Nếu có chiến tranh lớn
Làm hai bên ngang sức

Bồ-tát hiện oai lực
Hàng phục khiến an hòa
Trong tất cả quốc độ
Chúng sanh ở địa ngục
Liền sanh đến cõi kia
Thoát khỏi các khổ não
Trong tất cả các cõi
Chúng sanh ăn nuốt nhau
Liền hiện sanh đến kia
Làm những việc lợi ích
Như thọ dụng ngũ dục
Và cũng lại hành thiền
Khiến tâm ma mê loạn
Không thể nhiễu kẻ kia
Trong lửa sanh hoa sen
Có thể gọi hy hữu
Trong dục mà hành thiền
Hy hữu cũng như vậy
Hoặc hiện làm dâm nữ
Trang điểm các sắc đẹp
Trước vì muốn dẫn dụ
Sau khiến vào trí Phật
Hoặc làm chủ trong ấp
Hoặc chỉ đường thương nhân
Quốc sư cùng đại thần
Vì lợi ích chúng sanh
Những chúng sanh bần cùng
Hiện làm kho vô tận
Vì khuyên dại kẻ kia
Khiến phát tâm Bồ-đề
Tâm ta tâm kiêu mạn
Liền hiện đại lực sĩ
Phá dẹp các cống cao
Khiến trụ đạo vô thượng
Kia có các lo sợ
Đứng trước mà an ủi
Đầu là ban vô úy
Sau khiến phát đạo tâm

Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên chứng năm thông
Khai đạo các quần sanh
Khiến trụ giới, nhẫn, từ
Người muốn được cung phụng
Hiện làm kẻ đầy tớ
Để vui lòng kẻ kia
Bèn phát đại đạo tâm
Tùy ước muốn kẻ kia
Được vào nơi Phật đạo
Dùng sức phương tiện khéo
Cấp cho kia thấy đủ
Đạo vô thượng như thế
Chỗ hành vô bờ bến
Trí tuệ trùm các cõi
Độ thoát vô lượng chúng
Giả như tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp
Tán thán công đức ấy
Còn không thể cùng tận.

Công đức tu tập cúng dường của Bồ-tát như trong kinh Bảo Quang Minh Đà-la-ni có kệ:

Phóng ánh sáng chuỗi ngọc trang nghiêm
Biển mây chuỗi ngọc thật vi diệu
Chuỗi đẹp như thế biến cùng khắp
Cúng dường rộng lớn làm Phật sự
Phóng ánh sáng lớn hương trang nghiêm
Mỗi mỗi biển mây thơm vi diệu
Hương diệu như thế biến cùng khắp
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự
Phóng ánh sáng lớn hoa trang nghiêm
Mỗi mỗi biển mây hoa vi diệu
Hoa diệu như thế biến khắp nơi
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự
Phóng ánh sáng lớn anh lạc quý
Mỗi thứ biển mây anh lạc đẹp
Anh lạc như thế biến cùng khắp
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự

Phóng ánh sáng lớn hiện cờ báu
Xanh, vàng, đỏ, trắng để trang sức
Các thứ báu quý hợp lại thành
Dùng để trang nghiệp quốc độ Phật
Lưới báu ma ni chiếu lẫn nhau
Giăng cờ trong hội làm lọng báu
Rủ châu anh lạc nói Phật âm
Trang nghiêm mà che trên Như Lai
Nơi mỗi Như Lai dâng cúng dường
Trong tay dâng cúng đồ trang nghiêm
Vô lượng chư Phật cũng như thế
Biến hiện tự tại trong thiền định
Trí lực thần thông diệu khó lường
Rộng làm lợi ích các hàm thức
Biến hiện thù thắng trong thiền định
Để làm trăm ngàn cửa phương tiện
Pháp môn cúng dường chư Như Lai
Pháp bố thí khéo bỏ tất cả
Đạt nhiều công đức trong pháp trì giới
Pháp nhẫn nhục bất động vô tận
Khuyên tinh tấn dõng mãnh thực hành
An trụ nơi thiền định tịch tĩnh
Thông hiểu nghĩa lý, trí thù thắng
Tịnh tu phạm hạnh môn thần thông
Vui vẻ thực hành tứ nhiếp pháp
Tích tập phước trí lợi quần sanh
Tứ đế làm duyên sanh giải thoát
Tu tập căn lực pháp giải thoát
Chứng quả Thanh văn đến giải thoát
Quán Duyên giác tiến đến thanh tịnh
Tu tập pháp thần biến thượng thừa
Hoặc hiện ra vô thượng khổ não
Biết rõ vô ngã, vô thọ giả
Tu bất tịnh quán lìa tham dục
Chứng quả tam muội chân thường lạc
Các pháp môn thanh tịnh như thế
Bình đẳng khắp với các chúng sanh
Cúng dường đắc quả giải thoát kia

Hiện ra đủ tướng hợp thời cơ
Thần thông thuyết pháp khó nghĩ bàn
Tùy thuận thành tựu chư hữu tình
Được sanh an lạc và cung kính
Nên nghĩ xa lìa nhân thế gian
Cầu chứng thanh tịnh Tam-ma-địa
Nếu gặp đói khát các hoạn nạn
Tùy theo nhu cầu mà cung cấp
Rộng lòng thương xót chúng hữu tình
Lìa xa lo sợ thường an ổn
Đem thức ăn, uống thật thượng diệu
Các loại y phục các kho tẩm
Của cải trong nước có tổn giảm
Ở thế gian kia khởi thí lớn
Hoặc hiện thân tướng rất thù đặc
Mỗi mỗi trang nghiêm đủ oai lực
Thoa hương thơm ngát các vòng hoa
Sắc tướng cao vời không ai hơn
Các oai nghi, hình sắc như thế
Mỗi người khi thấy ưa cung phụng
Cần tùy phương tiện tuyên pháp âm
Khiến cho chúng sanh phát đạo tâm
Hoặc hiện tiếng Ca-lăng-tần-già
Tiếng Câu-kế-la và tiếng Câu-noa
Khẩn-na-la và tiếng trống diệu
Đều tuyên nghĩa giải thoát Như Lai
Phật tuyên pháp ngữ ở thế gian
Bốn vạn tám ngàn chân pháp tạng
Như thế phân biệt các pháp môn
Làm cho chúng sanh tăng lợi ích
Tùy cơ thuyết pháp khiến phát tâm
Có thể cùng họ đồng tu tập
Hoặc hiện chướng nạn các nguy ách
Mỗi mỗi bức bách khó chịu đựng
Nên dùng tâm đại bi dũng mãnh
Thay chúng sanh kia mà chịu khổ
Nếu nơi không có pháp giải thoát
Không nơi thanh vắng để xuất ly

Dùng phước lực vua mà sùng kính
Khiến cho kia phát lòng tịnh kính
Nếu ở thế gian tham ái buộc
Tức thì siêu vượt nhân thế gian
Ở trong cõi dục đoạn trừ hết
Đây là chiếu sáng ở thế gian
Nếu đã đầy đủ các công đức
Đó gọi là đại trượng phu hành pháp
Diệu hạnh Mâu-ni cần khéo tu
Người ấy được sanh nước Cực lạc
Thọ mạng làm giàu không thể tính
Niềm vui thắng diệu tiêu nghi hoặc
Không còn cảnh sanh, lão, bệnh, khổ
Ở trong vô thường được tự tại
Phát khởi tham sân các lỗi lầm
Hừng hực thiêu đốt không tạm ngừng
Bổn tướng như thế hoàn như củ
Khuyến hóa chúng sanh khiến giác ngộ
Mười lực, bốn vô úy Như Lai
Các công đức mười tám bất cộng
Ta nay xưng tán nguyện quy y
Thường ở thế gian làm lợi ích
Cũng giống như những nhà ảo thuật
Có thể hiện ra các hình tướng
Như Lai xuất hiện ở trên đời
Thần thông biến hóa cũng như vậy
Dùng các thiện xảo phương tiện khéo
Rộng tu nhiêu ích chư hữu tình
Thanh tịnh an lạc khó nghĩ lường
Giống hư hoa sen rời nước đục
Hoặc hiện nói các lời hý luận
Anh lạc trang nghiêm nhảy múa quanh
Hãy xem kỹ các thứ tài nghệ
Hiện các sắc tướng như ảo hóa
Hoặc vì chủ thôn làng tụ lạc
Hoặc vì Trưởng giả hoặc thân buôn
Hoặc vì phụ tướng đến tể thần
Biện luận không hơn bậc đại trí

Làm cây đại thọ nơi đồng trống
Hoặc làm kho trân bảo vô tận
Theo sở cầu được ngọc như ý
Ở nơi mê mờ mà dẫn đạo
Hoặc hiện ra làm các sự nghiệp
Đủ loại sắc màu cùng khéo léo
Cạnh tranh buôn bán và trồng trọt
Khiến hiểu thế gian khó trường tồn
Hiện kẻ oán thân không yêu ghét
Hoặc khiến an ổn được kiết tường
Suốt thông phương thuốc cứu quần sanh
Phương tiện chỉ bày độ Mâu-ni
Đều khiến trời người lìa nghi hoặc
Khiến cho kẻ xuất gia ngoại đạo
Phát tâm quy hướng Nhất thiết trí
Các khổ hạnh ngoại đạo như thế
Cố chấp giữ không vâng lời Như Lai
Lõa hình lìa nhiễm xưng Sa-môn
Mỗi người khéo phụng lời tôn sư
Hoặc thường hành trì hạnh xả thân
Cho là tối thượng không gì hơn
Bện búi tóc, giới Đồng tử
Ai cũng hành trì lời thầy dạy
Hoặc dùng lửa dữ để nung thân
Hoặc giữ giới cấm thờ chó, trâu v.v…
Thường mang y phục bằng da nai
Mỗi người y theo lời thầy dạy
Được trí cõi trời thường an lạc
Không thiện không ác cũng không nhân
Chỉ ăn cây, quả, uống nước trong
Mỗi người khéo vâng lời thầy dạy
Hoặc ngồi chòm hõm đứng một chân
Hoặc nằm trên gai hoặc bôi tro
Cầm trương khiến tam được an ổn
Mỗi người khéo giữ lời thầy dạy
Cho đến hết thảy các ngoại đạo
Chúng rất bền chí tu khổ hạnh
Để khiến vĩnh đoạn nhân các khổ

Trong lòng đều muốn cầu giải thoát
Những dự kiến thế gian như thế
Đều do nghe theo lời thầy dạy
Ta nay vì độ chúng tà kia
Khai thị nghĩa chân thật Như Lai
Hoặc nói câu Đại thừa vi diệu
Hoặc nói câu bí mật chân ngôn
Hoặc hiện nói thẳng câu tỏ ngộ
Hoặc ưa câu nói ở trong không
Hoặc dùng câu phân biệt văn tự
Câu quyết định diệu nghĩa kim cang
Dùng trí tuệ dẹp câu dị luận
Vứt bỏ câu ngôn luận phi pháp
Hoặc chỉ câu minh chú cho người
Hoặc hiện câu chư Thiên thắng diệu
Câu Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà
A-tu-la cùng với Bộ đa
Câu Khẩn-na-la, Nga-lỗ-noa
Câu của Ma-hầu-la…
Mỗi người hiểu được những lời kia
Tuyên dương pháp giải thoát Như Lai
Do vì được ngộ nghĩa chân thật
Ở trong pháp Phật tâm quyết định
Ngôn từ, trí, cảnh diệu khó lường
Đây là Tam-ma-địa tối thượng
Do đạt được Tam-ma-địa kia
Có thể chiếu khắp ánh sáng tịnh
Ánh sáng ấy nhiếp hóa quần sanh
Khiến được nhẹ nhàng thường tịch tĩnh
Hoặc phóng ánh sáng tên Thiện kiến
Chúng sanh được chiếu mà khởi tin
Có thể quan sát nhân các thiện
Đầy đủ trí bất không vô thượng
Do ánh sánh ấy chiếu khắp cả
Được thấy vô biên Phật Pháp Tăng
Tháp miếu Như Lai nhiều dấu linh
Mỗi mỗi xưng dương dâng cúng dường
Lại phóng quang minh tên thắng đăng

Ánh sáng ấy không gì sánh kịp
Vì muốn nghiêm tịnh ở thế gian
Phá các hắc ám nhỏ nhiệm nhất
Ánh sáng ấy chiếu chúng sanh rồi
Ai nấu cầm đèn để dâng cúng
Cúng dường Như Lai chẳng nghĩ bàn
Lại dùng nhiều đèn mà bố thí
Hoặc dùng đèn sáp hay đèn dầu
Hoặc dùng nhựa thông hoặc tre sậy
Đến đèn báu quý các hương thơm
Thí rồi nguyện Nhiên Đăng Ký
Lại phóng ánh sáng tên Câu Triệu
Có thể tập hợp các hữu tình
Do đây dạy dỗ chúng mê kia
Giải thoát luân hồi biển ái hữu
Từ quang như thế đã chiếu rồi
Đều khiến chúng sanh được khai ngộ
Sẽ khiến lìa hẳn bốn bộc lưu
Hiện trừ ưu não thường an lạc.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 24

Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO

Phần 3

Người đi trên đường hoặc qua sông
Khéo tạo cầu đường và thuyền ghe
Rộng vì lợi lạc các chúng sanh
Ca ngợi tịch tĩnh khiến chứng ngộ
Phóng ánh sáng lớn trừ khát ái
Ánh sáng nầy giác ngộ hàm thức
Khiến cho chúng sanh lìa năm dục
Chuyên cầu pháp giải thoát thâm diệu
Nếu có thể xả ly năm dục
Chuyên cầu pháp giải thoát thâm diệu
Phật có thể dùng mưa cam lộ
Rộng diệt khát ái ở thế gian
Tạo thành các giếng, ao, suối, rạch
Khuyên cầu đạo Bồ-đề Vô thượng
Chê bai năm dục khen thiền định
Nên gọi ánh sáng trừ khát ái
Phóng ánh sáng lớn tên tác biến
Ánh sáng ấy giác ngộ chúng sanh
Người được thấy mộ Bồ-đề Phật
Phát tâm nguyện chứng trí vô sư
Tạo tượng Như Lai đấng đại từ
Các tướng trang nghiêm ngồi tào sen
Thường khen công đức Phật tối thắng
Nên gọi sáng nầy là tác ái
Phóng ánh sáng lớn tên hân lạc
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Khiến tâm họ ưa thích chư Phật

Và ưa thích Pháp, ưa thích Tăng
Ở trước Như Lai trong hội Thánh
Đạt thành pháp nhẫn vô sanh diệu
Khai ngộ chúng sanh không hạn lượng
Rộng niệm Tam bảo Phật, Pháp, Tăng
Chỉ bày hạnh công đức phát tâm
Vì vậy sáng nầy gọi hân lạc
Phóng ánh sáng lớn tên phước tụ
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Khiến kia tu tập các loại thí
Lấy nguyện nầy cầu đạo vô thượng
Mở hội thí lớn không giới hạn
Hành khất đến xin đều đầy đủ
Khiến cho tâm kia không còn thiếu
Vì vậy sáng nầy gọi phước tụ
Phóng ánh sáng lớn tên cụ trí
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Trong một pháp môn ngộ nhiều pháp
Thông nhiều pháp môn trong chốc lát
Vì các chúng sanh phân biệt thuyết
Quyết định hiểu thấu nghĩa chân thật
Khéo léo nói rộng không tổn diệt
Vì vậy sáng nầy gọi cụ trí
Phóng ánh sáng lớn tên tuệ đăng
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Khiến chúng sanh biết tánh không tịch
Hết thảy các pháp không sở hữu
Pháp không chủ tể vốn là không
Như lửa hư không, trăng trong nước
Cũng như mộng mị và ảnh tượng
Cho nên sáng nầy gọi tuệ đăng
Phóng ánh sáng lớn tên tự tại
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Khiến được vô tận Đà-la-ni
Đều trì hết thảy Như Lai tạng
Cung kính cúng dường người trì pháp
Cung cấp hầu hạ như chư Tiên
Dùng tất cả pháp cho chúng sanh

Nên ánh sáng gọi pháp tự tại
Phóng ánh sáng lớn tên cụ xả
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng keo kiệt
Khiến biết giàu có vốn vô thường
Ưa vui bố thí không lẫn tiếc
Khéo léo đều phục người keo kiệt
Biết của như mộng như mây trôi
Tăng trưởng bố thí tâm thanh tịnh
Nên ánh sáng nầy gọi cụ xả
Phóng ánh sáng lớn tên trừ nhiệt
Ánh sáng nầy giác ngộ phá giới
Rộng khiến an trụ giới thanh tịnh
Phát tâm nguyện chứng trí vô sư
Khích lệ chúng sanh hay phụng trì
Mười nghiệp thiện đạo thường thanh tịnh.
Lại khiến phát khởi tâm Bồ-đề
Nên ánh sáng nầy gọi trừ nhiệt
Phóng ánh sáng lớn tên nhẫn nghiêm
Ánh sáng nầy giác ngộ đa sân
Khiến trừ phẫn nhuế và ngã mạn
Ưa tu nhu hòa cùng nhẫn nhục
Chúng sanh bạo ác khó hành nhẫn
Vì Bồ-đề nên tâm chẳng động
Xưng dương công đức nhẫn tối thượng
Cho nên quang ấy gọi nhẫn nghiêm
Phóng ánh sáng lớn tên cầu dũng
Ánh sáng nầy giác ngộ biếng trễ
Khiến họ thường ở trong Tam bảo
Cung kính cúng dường không hề chán
Nên kia thường ở trong Tam bảo
Cung kính cúng dường không hề chán
Liền được vượt khỏi bốn cảnh ma
Mau thành Bồ-đề Vô thượng Phật
Khuyên các chúng sanh phát tinh tấn
Đối với Tam bảo dâng cúng dường
Chuyên hộ trì khi diệt pháp dục
Nên ánh sáng nầy gọi cần dũng.
Phóng ánh sáng lớn tên tịch tĩnh

Ánh sáng nầy giác ngộ loạn ý
Khiến họ xa lìa tham sân si
Tâm không lay động, trụ thiền định
Xa lìa tất cả ác tri thức
Đàm luận vô nghĩa hạnh tạp nhiễm
Tán thán thiền định A-lan-nhã
Nên ánh sáng nầy tên tịch tĩnh
Phóng ánh sáng lớn tên tuệ nghiêm
Ánh sáng nầy giác ngộ ngu mê
Khiến họ chứng đế hiểu duyên khởi
Các căn trí tuệ đều thông đạt,
Nếu chứng Tứ đế thông duyên khởi
Các căn trí tuệ đều thông đạt
Đắc Tam-ma-địa Nhật đăng
Trí tuệ quang minh thành quả
Phật Nên xả bỏ quốc gia tài bảo
Vì Bồ-đề nên cầu chánh pháp
Nghe rồi vì chúng sanh rộng nói
Nên ánh sáng nầy tên tuệ nghiêm
Phóng ánh sáng lớn tên Phật tuệ
Ánh sáng nầy giác ngộ hàm thức
Khiến thấy vô lượng trăm ngàn Phật
Mỗi Phật ngồi trên tòa sen báu
Khen Phật oai đức và giải thoát
Nói tự tánh Phật các thầm thông
Hiển bày lực Phật diệu khó lường
Nên ánh sáng nầy tên Phật tuệ
Phóng ánh sáng lớn tên vô úy
Ánh sáng nầy chiếu đến trừ sợ
Bị phi nhân trói buộc, đánh đập
Tất cả tai nạn đều tiêu trừ
Ban vô úy cho khắp chúng sanh
Nếu gặp não hại đều dứt hết
Độ hết thảy các ách nạn khốn cùng
Nên ánh sáng nầy tên vô úy
Phóng ánh sáng lớn tên an ổn
Ánh sáng nầy chiếu trừ tật bệnh
Khiến lìa tất cả các thống khổ

Đạt được niềm vui định Tam muội
Ban thuốc hay để cứu các hoạn
Diệu bảo diện mạng hương xoa thân
Trong tay hóa hiện thức ăn uống
Nên ánh sáng nầy tên an ổn
Phóng ánh sáng lớn tên kiến Phật
Ánh sáng nầy độ người sắp chết
Tùy theo ức niệm thấy Như Lai
Mạng chung được sanh về Tịnh độ
Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật
Hoặc bày tôn tượng khuyên chiêm ngưỡng
Khiến đối Phật hết lòng quy kính
Nên ánh sáng nầy tên kiến Phật
Phóng ánh sáng lớn tên Lạc pháp
Ánh sáng nầy giác ngộ quần sanh
Đối với chánh pháp thường hân lạc
Lắng nghe đọc tụng và biên chép
Lúc pháp sắp diệt khéo tuyên thuyết
Khiến người cầu pháp ý sung mãn
Vì pháp ưa vui siêng tu tập
Nên ánh sáng nầy tên lạc pháp
Phóng ánh sáng lớn tên diệu âm
Ánh sáng nầy khai ngộ Bồ-tát
Khiến cho âm thanh trong ba cõi
Nghe được đều là tiếng Như Lai
Dùng âm thanh lớn xưng tán Phật
Cùng cúng các chuông và âm nhạc
Khiến khắp thế gian nghe tiếng Phật
Nên ánh sáng nầy tên diệu âm
Phóng ánh sáng lớn tên cam lồ
Ánh sáng nầy khai ngộ chúng sanh
Lìa bỏ tất cả hạnh phóng dật
Tu tập đầy đủ các công đức
Gọi pháp hữu vi không an ổn
Vô lượng khổ não đều đầy ắp
Thường xưng dương niềm vui tịch diệt
Nên ánh sáng nầy tên cam lồ
Phóng ánh sáng lớn tên tối thắng

Ánh sáng nầy khai ngộ chúng sanh
Khiến ở chỗ Phật đều nghe thấy
Giới định tuệ là pháp tăng thượng
Thương ưa xưng tán Đại Mâu-ni
Thắng giới thắng định và thắng tuệ
Như thế vì cầu đạo vô thượng
Nên ánh sáng nầy tên tối thắng
Phóng ánh sáng lớn tên bảo nghiêm
Ánh sáng nầy khéo ngộ chúng sanh
Khiến được bảo tạng không cùng tận
Dùng đó cúng dường các Như Lai
Vì các báu ấy rất thượng diệu
Đem cúng nơi Phật và nơi tháp
Lại lấy tình thương giúp kẻ khổ
Cho nên đạt được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên hương nghiêm
Ánh sáng nầy giác ngộ chúng sanh
Khiến kia nghe thấy lòng ưa mến
Quyết sẽ đạt thành công đức Phật
Trời người dùng hương để thoa thân
Cúng dường tất cả tối thắng chủ
Cũng dùng xây tháp và tượng Phật
Cho nên đạt được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng tên diệu trang nghiêm
Tràng phan bảo cái nhiều vô số
Đốt hương rải hoa tấu âm nhạc
Trong ngoài thành ấp đều đầy đủ
Do dùng các âm nhạc vi diệu
Các hương hoa đẹp, cờ, lọng thảy
Đủ thứ trang nghiêm cúng dường Phật
Vì thế đạt thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên nghiêm tịnh
Khiến mặt đất phẳng như bàn tay
Trang nghiêm tháp Phật và xứ ấy
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên đại vân
Mưa dày rải khắp nước hương thơm
Do dùng nước thơm lau tháp Phật

Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên nghiêm cụ
Khiến người lõa hình được áo tốt
Thân đoan vật đẹp do bố thí
Vì thế thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên thượng vị
Khéo khiến người đói được vị ngon
Dùng thức ăn ngon mà bố thí
Do thế đạt được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên thắng tài
Khiến kẻ khốn cùng được kho báu
Dùng vô tận vật cúng Tam bảo
Vì vậy thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh nhãn
Khiến cho kẻ đui thấy được màu
Dùng đèn cúng Phật và tháp Phật
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh nhĩ
Khiến cho kẻ điếc nghe được tiếng
Dùng nhạc cúng Phật và tháp Phật
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh tỷ
Xưa chưa nghe hương đều được nghe
Dùng hương cúng Phật và tháp Phật
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thiệt
Khéo trừ lời thô ác bất thiện
Do dùng mỹ âm xưng tán Phật
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thân
Khiến người khuyết tật được đầy đủ
Dùng thân lễ Phật và tháp Phật
Cho nên thành được ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh ý
Khiến kẻ thất tâm được chánh niệm
Do tu Tam muội được tự tại
Vì thế mà thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh sắc

Tướng tốt khó lường đều được thấy
Hoa thơm cúng Phật và tháp Phật
Vì vậy nên thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thanh
Quán duyên khởi thanh như tiếng vang
Biết rõ tánh thanh xưa nay rỗng
Cho nên đạt thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh hương
Khiến các mùi hôi đều thanh khiết
Nước thơm tắm Phật và tháp Phật
Cho nên đạt thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh vị
Hay trừ các độc ở trong vị
Thường cúng Phật Tăng cùng phụ mẫu
Cho nên mới thành ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn tên tịnh xúc
Thường khiến cứng cõi thành mềm mại
Mác, đĩnh, kiếm, kích từ không xuống
Đều biến thành vòng hoa quý báu
Do xưa từng đứng ở đường lớn
Xoa hương, rải hoa, trải y phục
Kính rước Như Lai đạp lên trên
Nên được thành tựu ánh sáng nầy
Phóng ánh sáng lớn là tịnh pháp
Có thể khiến chân lông trên thân
Đều tuyên pháp diệu khó suy lường
Người nghe hân hoan mong giải thoát
Tự tánh vô sanh do duyên khởi
Pháp tánh thường trụ như hư không
Biết được thân Phật tức Pháp thân
Cho nên thành tựu ánh sáng nầy
So sánh các ánh sáng như thế
Như số vi trần không thể lường
Lưu xuất từ chân lông Đại Tiên
Như chỗ gây nghiệp đều sai biệt
Ánh sáng từ lỗ chân lông phóng
Giống như số vi trần hư không
Tất cả chân lông đều cũng thế

Đây lực Tam muội của Đại Tiên
Như các công đức ngài đã tu
Tùy theo túc duyên và phạm hạnh
Nay phóng ánh sáng nên như thế
Đây là trí tự tại Đại Tiên
Xưa kia cùng tu nghiệp thắng phước
Thường sanh ái lạc đều tùy hỷ
Ngày nay tạo tác cũng như thế
Cho nên thành tựu ánh sáng nầy
Nếu mình tự tu các phước nghiệp
Luôn luôn cúng dường các Đức Phật
Lại thường cần cầu công Đức Phật
Do đây ánh sáng được khai mở
Như kẻ mù không thấy mặt trời
Chớ gọi thế gian không mặt trời
Những người mắt sáng đều hiểu rõ
Y theo công việc mà tạo tác
Ánh sáng Đại sĩ cũng như thế
Người có trí tuệ đều thấy rõ
Phàm phu tà tín người kém hiểu
Nơi ánh sáng nầy chẳng thể thấy
Ma ni, cung điện cùng xe báu
Diệu bảo linh hương cùng ngọc quý
Có đủ thắng phước đều tự nhiên
Người không có đức chẳng thể an
Ánh sáng Đại sĩ cũng như thế
Kẻ có trí sâu đều được chiếu
Người ngu tê liệt và tà tín
Không thể thấy được ánh sáng nầy
Nếu biết ánh sáng nầy sai biệt
Sanh lòng thanh tịnh tin hiểu sâu
Vĩnh đoạn hết thảy lưới nghi hoặc
Mau thành cờ công đức vô thượng
Lại hiện Tam-ma-địa tối thượng
Quyến thuộc trang nghiêm đều tự tại
Trong tất cả quốc độ mười phương
Chúng hội Phật tử đều nhiễu quanh
Có hoa sen báu sáng trang nghiêm

Sánh bằng cõi tam thiên đại thiên
Thân kia ngồi ngay đều sung mãn
Hiện lực thần thông tam muội nầy
Lại có số vi trần mười cõi
Trang nghiêm bằng hoa sen báu quý
Hết thảy Phật tử trụ trong ấy
Là lực oai thần tam muội nầy
Đời trước thành tựu nhân duyên lành
Tu hành đầy đủ công đức Phật
Chỗ chúng hội vây quanh như thế
Đều cùng chắp tay xem không chán
Trong thân trẻ thơ vào thiền định
Thì thân thanh niên từ định dậy
Trong thân thanh niên vào thiền định
Thì thân tuổi già từ định dậy
Trong thân người già vào thiền định
Thân Cận sự nữ từ định dậy
Thân Cận sự nữ vào thiền định
Thân Cận sự nam từ định dậy
Thân Cận sự nam vào thiền định
Thân Tỳ-kheo ni từ định dậy
Thân Tỳ-kheo ni vào thiền định
Thân Tỳ-kheo từ thiền định dậy
Thân Tỳ-kheo vào thiền định thì
Thân học, vô học từ định dậy
Thân học, vô học vào thiền định
Thân Duyên giác từ thiền định dậy
Trên thân Duyên giác vào thiền định
Hiện thân Như Lai từ định dậy
Trên thân Như Lai vào thiền định
Ở thân chư Thiên từ định dậy
Trên thân chư Thiên vào thiền định
Ở thân rồng lớn từ định dậy
Trên thân rồng lớn vào thiền định
Ở thân Dạ-xoa từ định dậy
Trên thân Dạ-xoa vào thiền định
Ở thân Bộ đa từ định dậy
Trên thân Bộ đa vào thiền định

Trong lỗ chân lông từ định dậy
Trong lỗ chân lông vào thiền định
Hết thảy chân lông từ định dậy
Hết thảy chân lông vào thiền định
Một lông đỉnh đầu từ định dậy
Một lông đỉnh đầu vào thiền định
Cả thảy đầu tóc từ định dậy
Cả thảy đầu tóc vào thiền định
Trong một vi trần từ định dậy
Trong một vi trần vào thiền định
Hết thảy vi trần từ định dậy
Trong tất cả trần vào thiền định
Ở cõi kim cương từ định dậy
Trong cõi kim cương vào thiền định
Nơi báu ma ni từ định dậy
Như báu ma ni vào thiền định
Trong quang minh Phật từ định dậy
Trong quang minh Phật vào thiền định
Ở nơi thủy đại từ định dậy
Nếu trong thủy đại vào thiền định
Ở trong hỏa đại từ định dậy
Nếu trong hỏa đại vào thiền định
Ở nơi phong đại từ định dậy
Nếu trong phong đại vào thiền định
Ở nơi địa đại từ định dậy
Nếu trong địa đại vào thiền định
Trong cung điện trời từ định dậy
Nếu trong cung điện vào thiền định
Nơi không khởi định tâm chẳng loạn
Đó là giải thoát bất tư nghì
Công đức tự tại Tam-ma-địa
Các Như Lai ở trong mười phương
Trong vô lượng kiếp nơi chẳng cùng
Hết thảy Như Lai cùng tuyên thuyết
Nghiệp báo chúng sanh, rồng biến hóa
Chư Phật tự tại đại thần thông
Và nhập định lực khó nghĩ bàn
Thanh-văn tâm trụ tám giải thoát

Có thể một thân hiện nhiều thân
Lại từ nhiều thân thành một thân
Ở trong hư không nhập hỏa định
Kia không đầy đủ từ bi lớn
Không vì chúng sanh cầu Phật đạo
Hóa hiện các việc khó lường nầy
Huống gì rộng lợi ích chúng sanh
Giống như nhật nguyệt trong hư không
Ánh sáng chiếu khắp mười phương cõi
Nước trong ao hồ và kênh rạch
Sông biển các báu đâu chẳng có
Sắc tướng Bồ-tát cũng như thế
Hiện khắp mười phương khó nghĩ bàn
Đây là lực tự tại tam muội
Chỉ có Như Lai mới chứng được
Trong biển có thần tên Thiện âm
Tiếng ấy hợp với chúng trong biển
Có lời nói ấy biền biệt rõ
Khiến kia hết thảy đều vui mừng
Thần kia có đủ tham, sân, si
Còn khéo biện giải các lời nói
Huống lại nắm giữ sức tự tại
Mà không thể khiến chúng vui sao
Giống nhà ảo thuật biết ảo thuật
Hiện ra vô số việc tinh xảo
Chốc lát hiện ra ngày tháng năm
Thành ấp giàu có đại an lạc
Ảo thuật gia đủ tham san si
Mà khéo dẫn trò vui thế gian
Huống người giải thoát, các thiền định
Mà không thể khiến chúng sanh vui
La-hầu, A-tu-la biến hiện
Ngự trong biển cả bờ kim cang
Biển nước tuy sâu ẩn nửa thân
Đầu cao bằng với núi Tu-di
Kia còn tham dục sân nhuế si
Còn hiện được đại thần biến nầy
Huống người hàng ma đèn chiếu đời

Mà không tự tại lực oai thần
Trời và Tu-la khi chiến đấu
Thần lực Đế thích được tự tại
Tùy theo số lượng binh chúng kia
Hiện thân cùng khắp kia chẳng thắng
Các A-tu-la nghĩ thế nầy
Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ ta
Chắc bắt thân ta và trói lại
Do đó chúng kia đều lo sợ
Hiện thân Đế thích có ngàn mắt
Tay cầm kim cang ra khói lửa
Mặc giáo cầm trượng rất uy nghiêm
Tu-la xa thấy đều lui tránh
Vì chúng phước lực có rất ít
Mà còn đả phá kẻ thù lớn
Huống người cứu độ hết tất cả
Công đức lại không tự tại sao?
Gió thổi tan mây trừ mưa lớn
Nó làm tiêu trừ các khí mây
Cũng khéo thành thục các giống ma
Lại khéo an lạc các quần sanh
Kia không khéo học Ba-la-mật
Cũng không khéo học công Đức Phật
Còn thành tựu việc bất tư nghì
Huống người đủ đầy các nguyện lực.

Luận nói: Các sự tạo tác của Bồ-tát vì lợi lạc hết thảy chúng sanh. Từ đây nói riêng về việc tăng trưởng phước nhân như bài kệ trong kinh Bảo Vân nói:

Nếu các Bồ-tát
Nghiêm trì hương hoa
Phụng hiến Như Lai
Và tháp miếu Phật
Để đem hồi hướng
Nguyện cho chúng sanh
Lìa các phạm giới
Được giới hương
Phật Nếu chư Bồ-tát
Dùng nước hương sạch

Rãi nước quét đường
Rồi đem hồi hướng
Nguyện cho chúng sanh
Lìa oai nghi ác
Tu các pháp thiện
Trang nghiêm tròn đầy
Nếu các Bồ-tát
Nghiêm giữ tràng hoa
Mà để phụng hiến
Rồi đem hồi hướng
Nguyện cho chúng sanh
Xa lìa phiền não
Nếu vào già-lam
Phát tâm như vầy:
Khiến cho chúng sanh
Nhập thành Niết-bàn
Khi rời Già-lam Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Vượt ngục sanh tử
Nếu mở cửa nhà
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Mở cửa thánh trí
Nếu đóng cửa lại
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Đóng kín cửa ác
Nếu khi an tọa
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Ngồi tràng Bồ-đề
Khi nằm kiết tường
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
An trụ Niết-bàn
Đến khi ngồi dậy
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh

Lìa chướng trói, che
Nếu đến cầu xí
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Đến đường giác lớn
Khi đại, tiểu tiện
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Nhổ tên ba độc
Nếu khi tắm rửa
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Tẩy bẩn phiền não
Nếu khi rửa tay
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Lìa nghiệp uế trược
Nếu khi rửa chân
Phát tâm như vầy:
Khiến cho chúng sanh
Lìa chướng trần cấu
Cầm tăm xỉa răng
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Lìa hết cấu nhiễm
Lại Bồ-tát kia
Nếu thân tạo tác
Hết thảy nghiệp thiện
Đều đem hồi hướng
Lợi ích an lạc
Tất cả chúng sanh
Nếu lễ Như Lai
Cùng tháp miếu Phật
Phát tâm như vầy:
Nguyện cho chúng sanh
Thường được trời người
Đến nơi kính lễ.

-oOo-

LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

QUYỂN 25

Phẩm 18: NIỆM TAM BẢO

Phần 4

Luận nói: Các Bồ-tát do nhân duyên mà gặp các việc khó khăn, hãy giữ chánh niệm mà đối trị chớ kinh sợ. Như trong kinh Bát Nhã nói: "Nầy Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát giả sử ở trong nạn gặp thú dữ chớ có lo âu buồn phiền và cũng chớ có sợ hãi. Vì sao như vậy? Bồ-tát ấy nên suy nghĩ như thế nầy: Ta nên xả bỏ tất cả để đem lại lợi ích cho chúng sanh, nếu các thú ác muốn ăn nuốt ta, ta nên cho chúng để sớm được viên mãn thí Ba-la-mật. Ta nên nguyện thành tựu quả A-nậu- đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, cả nước thanh tịnh không nghe tên các thứ trùng độc thú ác". Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong nạn gặp oán tặc chớ có sanh tâm kinh hoảng sợ hãi. Vì sao như thế? Bồ- tát ấy nên biết, cái gì mình có thì đều bị hư tổn, liền nghĩ thế nầy: "Nếu các oán tặc đến và muốn thứ gì ta nên cho nó, cho đến muốn cướp lấy mạng sống của ta thì ba nghiệp thân, khẩu, ý cũng chớ sân hận, vậy sớm thành tựu giới Ba-la-mật viên mãn, và cũng được đầy đủ nhẫn Ba-la- mật, mong cho ta được thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề ở cõi nước thanh tịnh, không nghe tên oán tặc như thế". Lại nữa, nếu Bồ- tát Ma-ha-tát ở trong nạn thiếu khát chớ có khiếp sợ. Vì sao như thế? Bồ-tát ấy được pháp lợi ích mà không ưu não. Nên nghĩ thế nầy: "Ta nên vì tất cả chúng sanh tuyên thuyết pháp yếu để dứt trừ khát ái, giả như thân nầy của ta, bị cái khát bức ngặt cho nên chết, thì ở đời sau nên khởi tâm đại bi thương cho những chúng sanh ít phước đức được sanh trở lại ở những nơi không bị cái nạn không có nước, mong cho chúng tu cái hạnh chân chánh để chứng được thắng tuệ. Thành tựu được tinh tấn Ba-la-mật viên mãn, ở trong cảnh giới thanh tịnh không nghe tên thiếu khát như thế trong cõi ấy chúng sanh đầy đủ phước và đức, tự nhiên có nước tám công đức".

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong nạn mất mùa và đói kém, chớ có sanh lòng sợ sệt. Vì sao thế? Vì các Bồ-tát kia được khoác

áo giáp tinh tấn kiên cố không lười biếng. Nên nghĩ thế nầy: "Nay các chúng sanh nầy bị các khổ đói kém thật đáng thương xót. Ta nguyện khi thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, cõi nước không có cái tên đói khát, việc giáo hóa chúng sanh vui vẻ an ổn, giống như những niềm khoái lạc tự nhiên ở trời Đao lợi, tất cả những ước muốn đều tùy tâm mà ứng hiện ra, thọ mạng kiên cố (lâu dài), an trụ tịch tĩnh.

Luận nói: Sự tạo tác như thế có thể làm tăng trưởng các nhân phước đức rộng lớn và đạt được cảnh giới tối thượng. Cũng như trong kinh Thanh tịnh nói: Nếu lấy pháp mà bố thí không sanh lòng muốn đền đáp thì sẽ đạt được phước báo thù thắng.

Có thể lấy pháp mà bố thí thì đạt được hai mươi loại công đức nơi từ tâm, một là an trụ chánh niệm, hai là được giác ngộ, ba là được phát tâm hướng đến đạo tối thượng, bốn là nhậm trì các điều lành, năm là tăng trưởng tuệ mạng, sáu là được trí tuệ xuất thế gian, bảy là diệt trừ tội lỗi ở lòng tham, tám là diệt trừ tội lỗi nơi sân hận, chín là diệt trừ tội lỗi nơi sự si mê, mười là yêu ma không quấy nhiễu, mười một được chư Phật gia trì, mười hai chư Thiên thủ hộ cho dung nhan sáng đẹp, mười ba không bị phi nhân, bạn ác quấy nhiễu, mười bốn được thiện hữu tri thức thương mến kính trọng, mười lăm nói lời chân thật, mười sáu tâm không sợ sệt, mười bảy ý tưởng vui vẻ, mười tám tiếng tốt đồn xa, mười chín nhớ kỹ không quên, hai mươi thường an lạc nơi pháp thí. Đây gọi là công đức của từ bi.

Lại trong Kinh Bát-Nhã nói: "Lại nữa, nầy A-nan! Nếu có hàng Thanh-văn đem pháp Thanh-văn mà khắp vì tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới, theo sở chứng của mình mà tuyên thuyết thì sẽ khiến cho chúng sanh đắc quả A-la-hán. A-nan! Nếu Bồ-tát Ma-ha- tát có thể lấy cú nghĩa tương ưng với Bát-nhã Ba-la-mật-đa khai diễn nơi cho một chúng sanh thì công đức có được sẽ vượt qua công đức của tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới được chứng A-la-hán ở trước. Lại nữa, các vị A-la-hán kia cũng tích tập các công đức bố thí và trì giới. Ý ông thế nào? Công đức của các A-la-hán ấy có nhiều chăng? A-nan bạch Phật: Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Rất nhiều, thưa Thiện Thệ! Phật nói: A-nan! Phước đức ấy tuy nhiều, nhưng Bồ-tát lấy pháp môn tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật-đa nầy mà vì người tuyên thuyết thì công đức ấy còn hơn công đức kia. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát đối với pháp môn thậm thâm Bát nhã Ba-la-mật-đa nầy, có thể trong một ngày vì người khác mà phân biệt giải nói, cho đến trong một thời, một khắc hay chỉ trong chốc lát mà khéo tuyên thuyết thì nầy A-nan! Việc bố thí pháp của Bồ-tát như thế không thể lấy

các công đức thiện căn của Thanh-văn, Duyên giác mà so sánh được. Vì sao thế? Bồ-tát Ma-ha-tát nầy đối với A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề được bất thoái chuyển vậy, lại dùng pháp mà bố thí". Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa có kệ:

Bồ-tát đến lúc
Đi vào tịnh thất
Giữ chánh ức niệm
Theo nghĩa quán pháp
Bồ-tát thường vui
An ổn thuyết pháp
Ở nơi đất sạch
Bố thí giường nằm
Dùng dầu thoa thân
Tắm gội bụi nhơ
Mang áo mới sạch
Trong ngoài đều nghiêm
An ngồi pháp tòa
Tùy hỏi mà nói
Nếu có Tỳ-kheo
Và Tỳ-kheo ni
Trừ lòng mệt mỏi
Cùng tâm biếng nhác
Lìa các ưu não
Tâm từ nói pháp
Thường nói ngày đêm
Giảng đạo vô thượng
Dùng các nhân duyên
Vô lượng thí dụ
Khai thị chúng sanh
Hàm linh hoan hỷ
Y phục ngọa cụ
Ăn uống thuốc men
Mà ở trong đó
Không cần cầu mong
Chỉ trong một niệm
Thuyết pháp nhân duyên
Nguyện ta thành Phật
Chúng sanh cũng thế

Liền được lợi lớn
An lạc cúng dường.

Kinh nầy lại nói: "Vì thuận theo các pháp cho nên không nói nhiều, cũng không nên nói ít, cho đến có người mến pháp nầy cũng không vì người mà nói quá nhiều". Kinh Nguyệt Đăng có kệ:

Nếu có trưởng lão hỏi
Muốn ta bố thí pháp
Trước nói người ấy rằng
Ta học tập không rộng
Lại nói lời thế nầy
Thế Tôn bậc thông tuệ
Có thể trước Đại đức
Vui vẻ khéo tuyên thuyết
Khi nói chớ vội vả
Nên nghĩ đúng và sai
Đã nắm điểm then chốt
Không thỉnh cũng tự nói
Nếu ở trong đại chúng
Thấy những người phá giới
Chớ có khen trì giới
Nên khen các hạnh thí
Nếu có người thiểu dục
Cùng trì giới tương ưng
Nên khởi lòng đại bi
Khen thiểu dục trì giới.

Luận nói: Như vị Pháp sư kia nên tắm gội sạch sẽ, mang y phục đẹp, dùng lòng từ mà trang nghiêm thân và vì đại chúng mà thuyết các pháp thí, các yêu ma không thể nhiễu hại được vị Pháp sư ấy. Xem chú Đà-la-ni trong Kinh Hải Ý.

Đát ninh tha thiết di thiết ma phược để thiết di la thiết đốt lổ án cô ly ma la nhĩ đề cát la rị chúc du lý ô, phược đề ô hô cát dã đề vĩ thâu đạ, lý a lê ma la bát na duệ ô khác lý khát lỗ nga la tế bát la tát, hệ mục khế a mục khế thiết duệ đa, tát lý phược đát la nga la hạ mãn đa na ngật lý hệ đa tát lý phược bỉ la bát la phược nễ na vĩ mục ngật đa ma la cá xá tắc tha tất đa một đạ mẫu nại la tam mẫu nại da đề đa tát lý phược ma la a đô lê đa bát nại bát lý tuất, vĩ nga tha đề tát lý phược ma la cát lý ma ni.

Vị Pháp sư trì tụng chân ngôn nầy ở trên pháp tòa xem trong chúng hội rồi vận lòng từ bi rộng lớn xem mình là Y vương, xem giáo pháp là thuốc quý, còn xem thính chúng nghe pháp trong bốn hội là những bịnh nhân, đối với các Như Lai, khởi tưởng ta là Chánh sĩ, còn đối với chánh pháp nhãn tạng, phải khởi tưởng trụ thế lâu dài. Bấy giờ, trong chu vi khoảng một trăm do tuần, các ma vương thiên chúng đều chẳng thể đến để mà gây nên các việc quấy nhiễu được, giả như các ma vương có đến được nơi pháp hội, thì cũng chẳng gây nên được các chướng nạn.

Luận viết: Bình đẳng mà bố thí pháp như thế thì có thể tăng trưởng tâm đại Bồ-đề. Như Kinh Bão nói: "Văn-thù-sư-lợi giống như rừng, cây cành lá xanh tươi um tùm, đều do nơi bốn đại mà tăng trưởng. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát cũng như thế, dùng các pháp môn để tu tập các thiện căn, tất cả đều quy nhiếp ở nơi tâm Bồ-đề vậy, nơi Nhất thiết trí hồi hướng về đạo Bồ-đề để được tăng trưởng".

Luận viết: Nếu các Bồ-tát đều muốn hiển thị rộng lớn các cảnh giới tu học Phật, thì trước hết phải an trụ vào chánh niệm chánh tri. Như thế mới thành tựu được chánh đoạn và bất phóng dật. Do vì khởi sự ưa thích tinh tấn nên đối với việc ác bất thiện chưa sanh thì giữ không cho sanh, điều ác bất thiện đã sanh rồi thì có thể đoạn tuyệt vĩnh viễn, khiến cho tâm được thanh tịnh, còn pháp thiện chưa sanh thì khiến cho nó được sanh, pháp thiện đã sanh khiến được tăng trưởng, phải thường an trụ vào bất phóng dật, trong các pháp thiện, pháp nầy là pháp căn bản, như kệ trong Kinh Nguyệt Đăng nói:

Như các pháp thiện ta đã nói
Gồm giới, văn, xả, và nhẫn nhục
Lấy bất phóng dật làm căn bản
Là tài sản tối thắng của Phật.

Sao gọi là phóng dật? Phóng dật được phát sanh do sự hư vọng mong cầu của các bọn tà giáo và ác bằng hữu. Cũng giống như người bưng thuốc uống cho nhà vua. Người ấy bưng đầy chén thuốc đi trên con đường trơn trợt, nguy hiểm, nên biết người ấy luôn sợ hãi và ưu não, sao lại có sự phóng dật! Lại như kinh Như Lai Bí Mật nói: "Sao gọi là bất phóng dật? Có nghĩa là ban đầu khéo điều nhiếp các căn. Như mắt thấy sắc v.v… không thủ tướng mạo, không mê sắc đẹp, như thế cho đến ý pháp cũng như vậy. Biết như thế rồi đều không đắm trước, không sanh ái nhiễm, thường cầu sự xuất ly, khéo tự điều phục tâm của mình, rồi có thể tùy thuận mà nhiếp hộ tâm người khác. Có thể đoạn trừ phiền não nhiễm ái cho người khác. Đây gọi

là bất phóng dật. Nếu có người tin và hiểu pháp bất phóng dật, do giữ lòng tin thanh tịnh và tu tập một cách tinh tấn về pháp bất phóng dật thì có thể giữ được chánh niệm chánh tín, và có chánh niệm chánh tri cho nên đối với tất cả các pháp phần Bồ-đề không bị hoại mất. Nếu người nào có đủ lòng tin thanh tịnh, tinh tấn bất phóng dật, tâm giữ chánh niệm, chánh tri thì có thể khuyên người ấy tu tập pháp thậm thâm kiên cố, nếu Bồ-tát khéo liễu tri về pháp thậm thâm kiên cố ấy thì có thể giác ngộ như thật về có, không. Đến như trong thế tục đế cho rằng mắt v.v… đều là "có" (hữu). Kinh kia có kệ nói:

Pháp cam lộ thường không phóng dật
Lợi chúng sanh phát tâm Bồ-đề
Tâm tịch tĩnh kiên cố cũng thế
Căn bản các lạc không chỗ cầu.

Luận viết: Nếu có người tu tập các công hạnh tương ưng, thì có thể ở nơi bản thân mình cũng như ở nơi người được tăng trưởng phước đức thù thắng. Tụng nêu:

Học bình đẳng ta người
Tâm Bồ-đề kiên cố
Đối ta thành có người
Triển chuyển không thật có
Cũng như đứng bờ kia
Do đây mà đối đãi
Kia vốn đã là không
Tánh ta sao lại có
Nếu khổ không phòng hộ
Thì bị khổ trói buộc
Người hành pháp như thế
Sao lại không phòng hộ
Dấy phân biệt tà vọng
Chấp ngã cho là thường
Nếu ngã vốn như thế

Sao hiện có sanh diệt Kia phân biệt có sanh Thì ai tu phước nghiệp

Mưu cầu nơi tài lợi Và thọ các khoái lạc

Hiện thấy thân già yếu Không lâu thì hủy hoại Sau sanh làm hài nhi Trẻ thơ đến niên thiếu

Trong khoảng một sát na Mau mục nát biến hoại Chỗ nào gọi là tham Móng, tóc đều tan rã Xưa biết nương thai mẹ Sau sanh làm hài nhi

Lớn tuổi thân già yếu Rốt cuộc thành tro tàn Tự tánh của thân nầy

Do nhân duyên hợp thành Chung quy chẳng mảy trần Hình tượng há dài lâu?

Lại đối với thân nầy
Không nói nên tự biết
Luôn thay đổi tướng mạo
Xét kĩ gì là ta?
Do nhân duyên hòa hợp
Mà ứng hiện ở đời
Ở trong chánh pháp Phật
Tùy tương ưng sở đoạn
Nếu kia không có thức
Thì không thể kiến lập
Cũng không tham, sân, si
Làm sao có công đức?
Ngoài chín cõi thế gian
Còn gọi có ba cõi
Vô thức và sở y
Sao hay sanh lạc kia
Sở y bất sanh lạc
Nên biết từ nhân sanh
Nếu lạc sanh nơi y
Tướng kia sao lại có
Cho nên chánh pháp lý
Nói chư hành vô thường
Suy xét và tư duy
Do nhân duyên hòa hợp
Thấy được thân quyến mình
Sao gọi là thiện hữu
Ở nơi cho tìm cầu
Không một hữu vi trần
Như đèn cháy hầu hết
Dầu kia biết về đâu?

Như thế và quán sát
Chẳng trụ trong sát na
Tụ tập các quyến thuộc
Xếp hàng và trang điểm
Vọng chấp sanh ngã hữu
Vui nơi người khéo biết
Đã biết chúng sanh kia
Không một sự huân tập
Mình, người đã thù diệu
Nơi khổ cũng chẳng được
Như thế chẳng tương ưng
Ở đâu có ngã kia
Hoặc khó dùng sức mình
Ở mọi lúc khai thị
Chúng sanh trong thế gian
Các khổ thường bức bách
Nên khởi lòng đại bi
Mà thương xót chúng kia
Khởi lòng từ quán sát
Bình đẳng mà cứu độ
Giả sử vào A-tỳ
Như vịt bơi hồ sen
Vì khiến các hữu tình
Thường ở biển hoan hỷ
Mình chẳng đắm giải thoát
Cứu kia không hề chán
Làm lợi ích thế rồi
Mà chẳng nên ỷ lại
Cũng chẳng sanh mệt nhọc
Không mong ở quả báo
Nếu mười phương phước tụ
Ngã kia hẳn đắc được
Chỗ sanh lòng đố kỵ

Người vui như mình vui
Nếu lại nơi mình, người
Cùng tu tập sám hối
Khuyên thỉnh Phật Thế Tôn
Cùng phước nghiệp tùy hỷ
Như thế mà hồi hướng
Bình đẳng không sai biệt
Theo phước ấy mà thí
Vô tận cõi chúng sanh
Bồ-tát hành hạnh ấy
Hẳn có nhiều lợi ích
Tăng trưởng lòng đại từ
Được an ổn tối thượng
Được tay kim cương kia
Cùng chư Phật Thế Tôn
Thường làm việc hộ trì
Chúng ma đều kinh sợ
Là con đấng pháp vương
Chư Thiên đều tán dương
Tục và tâm Bồ-đề
Vui chơi nơi thắng đạo
Chúng sanh khéo tu tập
Tiêu trừ khổ mình người
Nên ta không chấp trước
Hết thảy đều nên xả
Nếu người bị ái buộc
Thì khổ vô cùng cực
Phiền não nương đó sanh
Tổn hoại sau hối cãi
Nên lửa đốt chúng sanh
Hực cháy khắp tất cả
Đến như đầu ngón tay
Với mình cũng chẳng vui

Gợi hết thảy ngã ái
Là gốc khổ thứ nhất
Nếu không trừ lửa dữ
Vì lợi các hàm thức
Vui vợ con quyến thuộc
Chung cùng đều tổn hại
Nghĩ kỹ do duyên sanh
Nơi thân cũng chẳng mến
Chúng sanh kẻ trí ngu
Cả hai ấy đều xả
Biết tỏ thân cùng tâm
Sát na khởi sai biệt
Gọi thường không có thường
Lìa cấu vốn vô cấu
Tự mình chứng Bồ-đề
Kia cũng thành chánh giác
Chẳng nghĩ vì pháp thế
Mà lợi ích chúng sanh
Thuốc pháp cùng tượng
Phật Như thế ta nên thí
Dùng tuệ để tuyển trạch
Việc làm được tương ưng
Giữ gìn tài sản mình
Tích tụ rồi tan rã
Hoặc thân mình thân người
Hoặc khổ ít khổ nhiều
Như thế đều khiến đắc
Các khoái lạc thượng diệu
Chúng sanh trong cảnh dục
Phòng hộ sanh phiền não
Như rắn ở trong hang
Rốt cùng khiến thanh tịnh
Giống như ruộng lúa tốt

Cho vụ mùa bội thu
Khéo trừ các nhiệt não
Đầy đủ các phước đức
Nếu người không viễn ly
Danh lợi và năm dục
Lời nói chẳng thành thật
Với họ chớ nên giận
Họ đã mất tự lợi
Không chịu được tức giận
Khi ấy đừng sanh giận
Lợi người thường không dứt
Khéo hành nhẫn chân thật
Như xem xạ có hương
Vật mình bị người đoạt
Lại gặp thợ săn hại
Dùng phương tiện tư duy
Không chủ tể khoái lạc
Mình đã chẳng thọ dụng
Kia sao không dạy bảo
Phật tử kia phải luôn
Nhớ nghĩ trừ phiền não
Biết các căn cảnh giới
Giống như ung nhọt lớn
Thương kẻ kia sân giận
Vì lợi ích chỉ bày
Tự tánh lìa nhu nhuyến
Ở đâu được khổ vui
Lại ngũ đại chủng kia
Chỉ đó tạm gọi tên
Cho đến trong hữu tình
Đều thành nơi nghĩa lợi
Nếu lợi sanh không chán
Thì chẳng tạo nghiệp ác

Nên ta cần tu tập
Sáu cõi không suy não
Đến hư không cứu cánh
Và tận cõi thế gian
Ta làm lợi chúng sanh
Khiến trí tâm thuần thục
Thân là A-xà-lê
Khéo học lìa các khổ
Không xét năng lực mình
Nơi nào chẳng phòng hộ
Nếu tự gây khổ não
Nhân nào sanh sợ hãi
Theo sở học mà biết
Ngã mạn các lỗi lầm
Tục cảnh giới đại bi
Không tham ưa quả báo
Thường phụng sự tu tập
Bình đẳng đâu có ngã
Kẻ kiến, nghi, cuồng manh
Bước đi nhiều lầm lỗi
Hoặc đọa trong đường hiểm
Mình, người thường ưa não
Vì tìm cầu kẻ kia
Cùng nạn mà cứu hộ
Hành tương ưng như thế
Hẳn được công đức lớn
Lỗi lầm ta chẳng ít
Sâu rộng như biển lớn
Nếu mình người tạo tội
Làm sao được giải thoát
Nếu kia khéo khuyên bảo
Hổ thẹn các lỗi lầm
Thường nhận lãnh lời người

Hết thảy đều nên học
Nghe thù oán sanh lo
Cẩn thận chớ khác lời
Ta người tâm, mạng đồng
Nếu vui thì không thẹn
Các phiền não oán địch
Ta có thể chiến đấu
Nếu nó ở trong tâm
Tổn hại không an ổn
Quy mạng Quán Tự Tại
Đại từ không ai hơn
Búi tóc xoắn xanh biếc
Như tóc mượt rủ xuống
Ở mười phương quốc độ
Ngón tay chảy dòng sữa
Cứu địa ngục quỉ súc
Luân hồi nhiều đau khổ
Đối với chúng sanh lành
Cùng nghe tiếng cứu độ
Bà trĩ, A-tu-la
Được thoát oán hại kia
Rất tối thắng trang nghiêm
Ở đời chưa từng thấy
Ngu trí, các hữu tình
Chiêm phụng đồng hân hoan
Lại kính cẩn, tín lễ
Đại sĩ Diệu Cát Tường
Tập hợp chánh pháp tạng
Khéo lợi lạc thế gian
Đại Y vương hơn hết
Tiêu trừ các độc nạn
Ban vui cùng thọ mạng
Nên ta nay cúi đầu

Vô biên khổ, nhiệt não
Hiện dòng suối xanh trong
Khiến lòng người vui vẻ
Nên trừ các khát ái
Thập phương các thế giới
Đều hiện kiếp la ba
Chúng sanh đủ chỗ cầu
Phổ hiện mắt sen xanh
Vô lượng chư Bồ-tát
Tán thán thân cao lớn
Quy mạng ngài Văn-thù
Tối thắng vượt hơn hết
Hạnh Bồ-tát hy hữu
Kết tập có công đức
Mình, người phước vô cùng
Chân Phật tử Văn-thù
Ghi lại chánh pháp nầy
Chút phước thiện ta có
Vì thương chúng hữu tình
Khiến tăng trưởng thắng tuệ
Các pháp từ duyên sanh
Duyên hết pháp liền diệt
Thầy ta Đại Sa-môn
Thường nói lời như thế.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG

SỐ 1637

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1637

LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG

Giác Cát Tướng Trí Bồ-tát tạo.
Đại sư Thi Hộ dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Quy mệnh Bồ-tát Ma-ha-tát Diệu Cát Tường. Con nay lược dịch các tướng Đại thừa, từ tâm Bồ-đề mà khởi xuất đại bi tương ưng, gọi là tất cả pháp chính nên thấu hiểu tất cả pháp vô ngã. Cho nên nay mới nói tướng sở tri này. Trong đây, tất cả pháp là gì? Là các uẩn, xứ, giới, duyên sanh, Ba-la-mật-đa, Địa không, Bồ-đề phần, Thánh đế, Tĩnh lự, vô lượng hạnh, vô sắc, đẳng chí, giải thoát, Tam-ma-bát-đề, trước hành giải thoát môn, thần thông, Đà-la-ni, lực vô sở úy, vô ngại giải thoát, đại từ đại bi pháp bất cộng của Phật và các quả Thanh văn. Biết được tất cả tướng chân như thực tế vô tướng, các pháp của pháp giới... Đó gọi là tất cả pháp. Thế nào là uẩn? Tức là năm uẩn. Là, sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Trong đó sắc là chỉ cho năm căn và năm cảnh. Về căn gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Về cảnh gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nhãn căn thanh tịnh là chỗ dựa của nhãn thức. Nhĩ căn thanh tịnh là chỗ dựa của nhĩ thức. Tỷ căn thanh tịnh là chỗ dựa của tỷ thức, thiệt căn thanh tịnh là chỗ dựa của thiệt thức, thân căn thanh tịnh là chỗ dựa của thân thức. Sắc có hai loại: Hiển sắc và hình sắc. Hiển là chỉ cho màu sắc xanh, vàng, đỏ, tím… Hình là chỉ cho tướng dài, ngắn, lớn, nhỏ… Thanh gồm ba loại: Chấp thụ đại chủng, không chấp thụ đại chủng, câu đại chủng. Hương có hai loại: Hương tốt, hương xấu. Vị có sáu loại: Đắng, chua, ngọt, cay, nhạt mặn. Xúc gồm mười một thứ: Cứng chắc, lưu nhuận, ấm áp, khô ráo, nhẹ nhàng, nặng nề, thô nhám, mềm mại… đói khát, các xúc như thế là tóm nói sơ lược, lại có ba loại xúc: Vừa ý, không vừa ý, và giữa hai loại này. Các loại như thế đều từ nhãn nhĩ… sanh ra. Nếu các cõi phân biệt ra ba đời thì phân biệt có vô biên hành tướng sai biệt vi tế, nên biết các thứ như thế là lược nói về sắc uẩn.

Thế nào gọi là thọ uẩn? Thọ có ba loại: Khổ thọ, lạc thọ, không khổ

không lạc thọ, mà ba thọ này dựa vào nhãn, nhĩ… mà phân biệt, lại có sáu phần, cứ như thế mà chia ra thì thọ có mười tám phần. Như ở hạ giới nói rõ về hành tướng, thọ uẩn này tức là nếu ở cõi mà phân biệt lại có vô biên hành tướng, biết rằng các hành tướng như thế là lược nói về thọ uẩn. Sao gọi là tưởng uẩn? Tưởng có sáu loại; hành tướng của sáu loại tưởng này là dựa vào sáu căn: nhãn v.v… phân biệt mà bám lấy loại cảnh tướng của chúng. Tướng chấp lấy (sở thủ) tức là sắc… nhưng cái tánh chỗ dựa thì không thể phân biệt nếu phân biệt hoặc không phân biệt được chính là hai pháp sắc, thọ. Các thứ như vậy đều chính từ loại Ngã uẩn khởi ra. Tưởng uẩn này nếu ở cõi và thú mà phân biệt thì có vô biên hành tướng. Nên biết những điều nói trên là tóm nói về tưởng uẩn. Sao gọi là hành uẩn? Nghĩa là tâm sở hữu pháp gồm các phần thiện như tín… tham, sân, si và các phần phiền não. Tâm sở pháp như thế, tức là các hành tướng thuộc các phần vị của tâm vốn có, dựa vào các nhãn v.v... mà chuyển. Hành uẩn này nếu ở nơi cõi mà phân biệt thì có vô biên hành tướng. Biết rằng những điều như thế là lược nói về hành uẩn.

Thức uẩn là sao? Là thân sáu thức. Thức uẩn này dựa vào các căn nhãn v.v… cảnh sắc v.v… mà phân biệt và tướng của thức kia, cho đến thiện, bất thiện và vô ký… phân biệt thì có vô biên hành tướng, biết rằng các hành tướng đó là lược nói về thức uẩn. Những điều nói trước gọi là năm uẩn.

Nói về xứ tức chỉ cho mười hai xứ, gồm có sáu xứ ở trong là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu xứ ở ngoài gồm có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ở đây nên biết năm căn là mắt… và năm cảnh là sắc… làm thành mười sắc xứ. Ý xứ tức là các thức, ngoài ra các pháp chính là pháp xứ.

Nói về giới tức là mười tám giới gồm sáu căn, sáu trần, và sáu thức. Trong đây các thức của nhãn… phân biệt có sáu tức là sáu xúc: Từ nhãn xúc cho đến ý xúc. Thức của sắc… kia gồm có ba loại tướng là thiện, bất thiện và vô ký. Các hành tướng này, các xúc của nhãn làm tánh nhân sở sanh của ba thọ tức là ba thọ kia. Từ xúc của nhãn… sanh ra sáu loại. Sáu xúc kia mỗi thứ đều có ba loại phân biệt tức là khổ, vui, không khổ không vui. Như thế là tổng nói về xúc thọ đều có mười tám, như thọ uẩn đã nói rõ ở trước, hành tướng cũng vậy.

Lại nữa, các tướng như địa, thủy, hỏa, phong, không, thức gọi là sáu giới. Nói về duyên sanh thì hành tưởng như thế nào? Là chỉ cho mười hai duyên sanh. Những gì là mười hai? Là từ vô minh cho đến lão tử. Trong đó vô minh đối với nghiệp quả ở trong thật pháp gọi là bất chánh hạnh, do vô

minh này mà khởi lên bao phiền não. Cho nên ở trong vô ngã chấp có ngã uẩn, rồi có các sở đắc. Vô minh duyên với hành, hành lại có ba thứ, phước hành, tội hành và bất động hành. Phước hành tức là mười thiện nghiệp. Tội hành là mười bất thiện nghiệp. Bất động hành là đẳng chí ở cõi vô sắc. Các hành như thế do vô minh làm nhân mà các hành phát sinh. Hành duyên với thức cho nên chủng tử các thức ái hay thức không ái của nhãn. . sanh trưởng. Thức duyên với danh sắc, danh sắc này do thức giả lập mà có danh kia, là xứ của các hữu sanh ra nên hợp với bổn uẩn, thọ v.v… là danh sắc. Tức là tương ưng dựa vào danh mà lập. Danh sắc duyên sáu xứ. Sáu xứ ấy do sáu xứ danh sắc là nhãn… mà kiến lập. Sáu xứ lại duyên với xúc. Xúc là nhãn… và sắc… như đã nói ở trước. Xúc duyên với thọ, thọ có ba loại, cũng như trước nói. Trong đây hành tướng xúc, thọ nên biết. Thọ duyên vơi ái, ái do vô minh. Ái duyên với thủ, thủ tức là chấp giữ các sắc v.v… mà sanh ra hành động ưa thích thủ duyên hữu, hành tướng của hữu như đã nói ở trước về các tướng của hành thức v.v... Hữu duyên với sanh nghĩa là chính ở danh sắc có nghĩa sanh khởi. Do vô minh kia nên các pháp có sanh tức là tự tánh của vô minh này cũng không có phân vị. Sanh duyên lão tử. Lão tử là các uẩn suy hoại mà biến chuyển, tử tức là các uẩn bị hoại diệt sinh ra các pháp đời sau chẳng phải thật sự là cái thân của đời trước mà tất cả đều đã rời bỏ. Nhưng vô minh ấy ở trong uẩn đời sau lại tùy theo mà chuyển biến tăng trưởng hết thảy tội lỗi phiền não. Tất cả đều vô minh phiền não nghiệp quả mà làm các nhân cho nên nghiệp phiền não phát sinh ba thứ ấy không đoạn trừ, do đó mà bị luân hồi lưu chuyển liên tục. Người biết như thế nên ở nơi thật pháp mà khởi tâm đối trị biết rõ tự tánh vô minh v.v… là vô ngã. Những thứ như trên là lược nói về mười hai nhân duyên sanh.

Nói về Ba-la-mật thì hành tướng của chúng như thế nào? Chúng có mười loại.

Trong Bố thí có ba loại: Pháp thí. Vô vọng thí và Từ thí. Về Giới gồm ba loại: Nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiêu ích hữu tình giới. Nhẫn nhục gồm ba loại: Nhẫn quán sát pháp thật tế, Nhẫn chịu oán hại, Nhẫn an trụ thọ khổ. Tinh tấn có ba loại: Bị giáp tinh tấn, Gia hành tinh tấn và rốt ráo thành tựu tinh tấn. Định có ba loại: Định xa lìa lỗi, Định dẫn phát và Định thành tựu sự. Tuệ cũng có ba loại: Tuệ thành tựu do Văn (nghe), Tuệ thành tựu do Tư, Tuệ thành tựu do tu.

Phương tiện gồm ba loại: Phương tiện xa lìa lỗi, Phương tiện cứu vớt chúng sanh, Phương tiện mau chứng sự an lạc. Nguyện có ba loại: Nguyện tự hành thành tựu, Nguyện giải thoát cho chúng sanh bị trói buộc, nguyện

thanh tịnh Phật độ. Lực có ba loại: Lực hoàn thành sự nghiệp, Lực diệt trừ phiền não, lực hàng phục ma oán. Trí có ba loại: Trí vô phân biệt, Trí phân biệt bình đẳng giác liễu, Trí diệt tội của chúng sanh. Như thế các Ba-la-mật: bố thí v.v… lấy tâm Bồ-đề dẫn đầu đối với tất cả chúng sanh mà khởi lòng từ bi quán sát. Tuy nhiên, người thực hành các Ba-la-mật-đa này, đối với sự tạo tác trong các thế gian đều không chấp có hành tướng cũng không chấp đạt được gì cả. Đối với các uẩn xuất thế gian v.v… chính là tướng vô ngã giải thoát, chân thực như lý đã chứng mà quán.

Nói về Địa: Là mười địa: Hoan hỷ địa tu tập Bố thí Ba-la-mật-đa. Ly cấu địa tu tập Giới Ba-la-mật-đa. Phát quang địa tu tập Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa. Diệm tuệ địa tu tập Tinh tấn Ba-la-mật-đa. Nan thắng địa tu tập Định Ba-la-mật-đa. Hiện tiền địa tu tập Tuệ Ba-la-mật-đa. Viễn hành địa tu tập Phương tiện Ba-la-mật-đa. Bất động địa tu tập Nguyện Ba-la-mật-đa. Thiện tuệ địa tu tập Lực Ba-la-mật-đa. Pháp vân địa tu tập Trí Ba-la-mật-đa. Như thế, các địa vốn chứng lý pháp vô ngã đều do từ tâm đã chứng, thảy đều không sai biệt. Mà sự tu tập về các Ba-la-mật của bố thí… kia được an trụ vào chứng thanh tịnh hơn hết, được thành tựu nguyện lực rộng lớn cùng khắp, không chung với hết thảy Thanh-văn. Vì các pháp Ba-la-mật-đa này đối với tướng sở duyên mà không có sai biệt. Hoặc người, hoặc pháp đều không, vắng lặng xa lìa các tướng.

Nói về không tức là mười tám không. Không của nhãn gọi là nội không, Không của sắc gọi là ngoại không. Dùng trí bình đẳng quán sát nhãn v.v… sắc v.v… gọi là trong ngoài đều không; tướng các phần khí thế gian của các phương v.v… từng thứ quán sát từng mỗi đều không, gọi là đại không. Đối với các sự phân biệt thì lìa tánh thủ, xả, gọi là không, Không lại cũng không, nên gọi là Không Không. Thắng nghĩa đế không thể quan sát nắm bắt bằng khái niệm được, gọi là thắng nghĩa không. Việc tu tập các pháp hữu vi về bố thí… đều bình đẳng gọi là hữu vi không.

Các pháp vô vi không phát khởi tướng ngộ gọi là vô vi không. Ở trong pháp không không có ít pháp mà thật có thể chuyển được. Phân tán mà không tích tập gọi là tán không. Hết thảy các pháp kia không có bờ mé gọi là vô tế không. Ở trong tất cả các pháp rốt ráo không một pháp nào mà chẳng không, gọi là rốt ráo không. Tự tánh của các pháp uẩn v.v… như thế không có chỗ sanh khởi, lìa tự tướng thủ xả, gọi là tự tướng không. Hết thảy pháp không kia không sai biệt gọi là tất cả pháp không. Thủ xả ngã trong uẩn không thể nắm bắt được gọi là bất khả đắc không. Bất khả đắc này là không thể nắm bắt được các tướng của sắc v.v… chỉ có các nghiệp

tánh, nên gọi là vô tướng không. Hoặc người, hoặc pháp thì tự tánh là không nên gọi là tự tánh không. Ở trong các tánh ấy xa lìa tánh thủ, xả. Gọi là vô tánh không. Vô tánh ấy lìa tánh không phân biệt của các uẩn, nếu lìa tự tánh của uẩn v.v… khởi lên phân biệt không thì tướng đối ngại này gọi là vô tánh tự tánh không. Nếu người như thế mà phân biệt hết thảy các xứ thì có thể giải thoát khỏi sự ràng buộc của sắc… không còn phân biệt phần hữu biên và vô biên. Lìa thủ, xả của uẩn tức là một tướng mà tánh của một tướng không có hai. Do đó mà người kia đối với Ba-la-mật an trụ vào một cảnh, lý không của tự tánh lìa tướng hý luận, tức là quán sát một cách như thật về vô ngã.

Nói về Bồ-đề phần là chỉ cho ba mươi bảy phần Bồ-đề. Từ bốn niệm xứ cho đến tám chánh đạo. Bốn niệm xứ gồm thân, thọ, tâm và pháp. Trong đây, thân niệm xứ là quán thân không có một bộ phận nào có thể tồn tại lâu dài được nên không chấp trước. Xa lìa tướng thủ, xả… gọi là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ cùng quán như thế. Lại nữa đối với các pháp niệm xứ này mà ở trong đó phân biệt lại có ba loại: tinh tấn, thiền định và chánh niệm, ba loại ấy tương ưng thì có thể quán sát. Các Bồ-tát có tâm Bồ-đề tối thắng và các thiện hạnh như bố thí… ở trong tất cả pháp đắc vô ngã pháp tương ưng. Như thế là lược nói về bốn niệm xứ, các pháp còn lại cũng nên biết pháp như thế.

Bốn chánh đoạn có nghĩa là cái bị đối trị của phi Bồ-đề phần, tức là điều ác đã sanh, khiến cho đoạn diệt, điều ác chưa sanh khiến cho đừng sanh, đây là cần đoạn, đối trị hai lỗi bất thiện.

Bồ-đề phần chưa sanh khiến cho phát sanh, đã sanh làm cho tăng trưởng, đây là cần tu hai thiện, như thế là nói gọn về bốn chánh đoạn.

Bốn thần túc là dục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Các công hạnh tương ưng như thế làm tăng trưởng quả sở đắc: đem cái sở đắc mà quán sát cái sở duyên của dục… gọi là bốn loại thiền định, mà thân và tâm lìa được nơi dựa, lìa được cái tưởng tham dục. Y chỉ vào nơi tịch diệt thì không có sự tạo tác. Như thế là nói gọn về bốn thần túc.

Năm căn năm lực tức là thấu biết tất cả các quả tướng. Là tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ. Làm tăng trưởng năm căn năm lực tương ưng. Như thế là lược nói về năm căn năm lực.

Lại nữa, trong đó tu các công hạnh là phải giác liễu hai phần: Noãn vị và Đảnh vị, Noãn vị là tu bốn niệm xứ, còn Đảnh vị là tu bốn chánh đoạn. Lại có hai phần thù thắng là Nhẫn vị và Thế đệ nhất pháp. Nhẫn vị là tu bốn thần túc, Thế đệ nhất pháp vị là tu ngũ căn ngũ lực. Tất cả như thế

đều không có chỗ tạo tác, chân thật tối thượng… năm căn năm lực làm những hành tướng duyên với kiến đạo nên biết rằng những pháp tu tập của kiến đạo là phải tu bảy giác chi.

Bảy giác chi là niệm giác chi cho đến xả giác chi. Trong đó Niệm giác chi nguyện đem lại lợi ích cho những chúng sanh chứng được Bồ- đề. Hiện tại luôn tỉnh giác không bị quên mất. Trạch pháp giác chi là ở nơi tự tánh của ngã và pháp chọn làm tướng. Hỷ giác chi là tự mình tu đạo đắc được nhân vô lậu sanh ra niềm hỷ lạc. Khinh an giác chi nghĩa là như những gì chứng được là pháp tánh như thật, không chủng tử phi Bồ-đề phần thì xả ly, nên thân nghiệp và tâm nghiệp được khinh an vậy. Định giác chi chỉ cho bốn vô lượng tâm và Bồ-đề nguyện, thể nhập trí chân như thuần nhất cảnh tướng. Tinh tấn giác chi là tuy quán chiếu về công đức tối thượng tịch tĩnh nhưng tâm không ám độn và chấp trước. Tinh tấn tu các hạnh không lười biếng. Xả giác chi là nhớ nghĩ đến lợi ích chúng sanh như đáng điều phục, tùy theo việc làm của họ. Các pháp công đức Ba-la-mật kia thì bình đẳng phân biệt, quán không đến và chẳng đi, an trụ vào bình đẳng, như thế là lược nói về bảy giác chi, tức là các hành về bảy giác chi như thế gọi chánh trí phần. Nó có thể đối trị các hành tướng phiền não chướng và sở trí chướng. Nên biết, để đạt được quả vị tu đạo thì phải tu tám chánh đạo.

Tám chánh đạo là từ chánh kiến cho đến chánh định. Trong đó chánh kiến là thấu biết tướng vô ngã của tất cả pháp. An trụ vào bình đẳng hay các khổ điên đảo. Thì hai phần ấy là tướng vi diệu là nó được quán chiếu bằng thắng tuệ. Chánh tư duy là khởi tư duy chẳng đoạn, các nhân đã làm, như nguyện mà chứng quả. Chánh ngữ là các lời nói lìa hư vọng, phân biệt một cách như thật mà nói. Chánh nghiệp là các việc đã làm mà không điên đảo. Không giết hại chúng sanh mà lại còn cứu vớt chúng sanh. Xa lìa hư vọng mà tu tập. Chánh mạng, giữ mạng sống trong sạch xa lìa các tà vọng, tự hành mà tu, tự hành mà chứng. Chánh cần là tuy đạt được địa tối thượng nhưng vẫn tinh tấn tu hành. Thân không mệt mỏi, tâm luôn kiên cường. Chánh niệm là niệm các xứ… như thật mà quán chiếu, tâm từ trang nghiêm, tự nguyện phương tiện, đối với hết thảy pháp không có quên mất. Chánh định là nghiệp của thân… thường nương vào công đức tối thắng, an trụ vào trí vô phân biệt, tức là các tướng bình đẳng tĩnh lự tương ưng. Như thế là lược nói ba mươi bảy phẩm Bồ-đề. Tùy vào các hành tướng mà nói một cách tổng lược.

-oOo-

LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG

QUYỂN HẠ

Lại nữa, gọi là Thánh đế tức chỉ cho bốn đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Trong đó, khổ thánh đế là uẩn… và các tướng điên đảo… bản chất nó là trái với pháp Thánh. Tập thánh đế như đã nói về khổ, do các phiền não nghiệp tập của vô minh hành làm duyên cùng các khổ của sanh… mà làm tánh nhân. Diệt thánh đế là đối với hết thảy pháp như thật không phân biệt. Lấy tướng vô sanh làm tánh. Thế gian si ám được đối trị diệt như đã chứng. Đạo thánh đế là các pháp hướng đến Bồ-đề, từ tâm… và pháp niệm xứ. Tổng lược thâu nhiếp nên Thánh đế này đối với hết thảy pháp bình đẳng làm sở duyên. Như thế là lược nói về bốn Thánh đế.

Nói về Tĩnh lự là bốn Tĩnh lự: Ly sanh hỷ lạc gọi là Sơ tĩnh lự, Định sanh hỷ lạc gọi là đệ nhị tĩnh lự, Ly hỷ diệu lạc gọi là đệ tam tĩnh lự, Xả niệm thanh tịnh gọi là đệ bốn tĩnh lự. Bốn tĩnh lự như thế đều là tướng tịch chỉ. Tâm tham của dục giới… chẳng lưu động nên gọi là tĩnh lự. Nhưng các Bồ-tát cũng chẳng mê muội đắm trước các an lạc của tĩnh lự, cuối cùng chẳng rời chúng sanh, tròn đầy quả Bồ-đề đạo pháp. Thành tựu vô lượng hạnh. Như thế là lược nói về bốn tĩnh lự.

Nói về vô lượng hạnh là chỉ cho bốn vô lượng hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bốn hạnh này đều duyên với vô lượng chúng sanh làm cảnh giới. Trong đó Từ vô lượng hạnh là đem tất cả các điều lợi lạc đến cho hết thảy chúng sanh. Tu các công hạnh mà không chấp vào tướng, xa lìa điên đảo thuận theo đạo Bồ-tát. Bi vô lượng hạnh là làm cho chúng sanh không còn một nỗi khổ nào cả. Tánh của tâm bi này có thể đối trị các não hại không cho sanh khởi. Hỷ vô lượng hạnh là thể chứng hết thảy các pháp vô ngã bình đẳng. Thực hành hạnh bố thí… thì khéo trụ vào tâm Bồ-đề, rộng vì lợi lạc cho hết thảy chúng sanh. Phương tiện tu hành là nơi phát sanh ra hỷ lạc làm tưởng hỷ thọ. Xả vô lượng hạnh là ở trong ba cõi phân biệt bình đẳng thực hành hạnh rộng lớn để cứu giúp chúng sanh; đối với thiền định an lạc tự mình đã chứng không mê muội chấp trước vào đó. Đây có thể đối trị lại lỗi lầm phóng dật, tâm an trụ vào thật tướng. Như phải điều phục được tất cả tâm chấp tướng… của thế gian để có thể an trụ trong tĩnh lự, đối với các

sắc tưởng thì đối trị bởi thật pháp. Lại ở trong vô lượng pháp môn được các pháp bình đẳng. An trụ trong pháp vô ngã như lý mà thật chứng. Đạt được hết thảy bình đẳng pháp lạc. Đây gọi là sở đắc tự tại tối thắng vậy, như thế là lược nói về bốn vô lượng hạnh.

Nói về đẳng chí của cõi Vô sắc có bốn: Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Trong đây định không vô biên xứ là lìa tất cả tưởng sắc đối ngại. Quán vô biên không làm tương ưng, lìa các tướng hữu, tâm trụ vào một cảnh. Lại Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ định. Các định như vậy đều gọi là hạnh tịch tĩnh như định đầu tương ưng. Quán tướng vô tham làm sở duyên, ngoài ra còn quán sát vô trước, vô ngại, và khởi sanh các vô tướng tối thượng.

Nói về giải thoát tức là tám giải thoát. Là trong có sắc quán sắc ở ngoài mà giải thoát cho đến diệt thọ tưởng giải thoát. Trong đây, giải thoát đầu tiên là trong có tưởng sắc lìa tham sắc ở ngoài. Gọi là trong có sắc quán sắc bên ngoài mà giải thoát. Lại tiếp như hành tướng bên trong không có sắc tưởng lìa tham sắc bên ngoài, đây gọi là nội vô sắc quán ngoại sắc giải thoát. Lại tiếp đối với sắc… an trụ trong hạnh vô tham thanh tịnh, gọi là tịnh giải thoát. Lại nữa, Không vô biên xứ giải thoát, Thức vô biên xứ giải thoát, Vô sở hữu xứ giải thoát, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát. Bốn giải thoát vô sắc xứ như thế đều như hành tướng của chúng mà trụ vào như thật tướng quán. Lại tiếp hành tướng giải thoát của diệt thọ tưởng, nên biết như thế là lược nói về tám giải thoát.

Nói về Tam-ma-bát-để thực hành trước tên, tức là nếu muốn trụ vào Tam-ma-bát-đề của Không vô biên xứ kia…, trước phải diệt các hành tướng, trụ vào tự tánh các pháp bình đẳng tịch tĩnh rồi sau mới an trụ vào Tam-ma-bát-để, đây gọi là thực hành trước. Lại nên biết. Bốn định vô sắc này cùng với diệt tận định mà các Bồ-tát ở nơi địa vị Mạo-lí-nhạ đa nhập sư tử du hý Tam-ma-địa, hiện ở trước mà quán, không bị gián đoạn, trái lại với tâm ở Tam-ma-sất-đa, cũng không bị gián đoạn bởi sơ tĩnh lự v.v… Diệt tận tịnh này là vô động tướng. Trong đó, các Tam-ma-bát-để, sao lại theo thứ lớp như thế? "Nghĩa là để thành tựu chúng sanh, như phải được quán thứ lớp như thế. Lại nữa nên biết rằng đây chính là các pháp môn đem lại niềm vui tối thượng, đạt được an lạc này thì biết được ngã không thật. Ngã mà không thật nên tự tâm vắng lặng, các tu tập thần thông Ba-la-mật vốn thích ứng đều là các thắng tuệ đã quán như thật mà sanh khởi. Đây là lược nói tướng của hết thảy pháp.

Nói về giải thoát môn tức là ba giải thoát môn: Không, vô tướng, vô

nguyện. Trong đây không giải thoát môn có nghĩa là hoặc là nhân hoặc là pháp các sự việc của uẩn… lìa tướng phân biệt, mà các uẩn kia hoặc nhiễm, hoặc tịnh ở trong phân biệt hoàn toàn không có tánh. Ở trong pháp không lìa tướng thủ xả, dùng trí vô nhiễm như thật để đối trị. Vô tướng giải thoát môn, ở nơi uẩn… rốt ráo không có tướng. Do vô tướng nên chấp thủ không thể được, trí vô nhiễm kia như thật mà đối trị không nhiễm trước vào các tướng.

Vô nguyện giải thoát môn là đối với tất cả các giải thoát thanh tịnh, uẩn, xứ, giới và Ba-la-mật-đa, các tướng viên mãn thắng hạnh tối thượng ấy đều biết đúng như thật mà phát sanh ra hiện tiền bình đẳng. Xa lìa các chấp thủ an lạc tự tâm. Như thế là lược nói về ba giải thoát môn.

Nói về thần thông tức là Sáu thông: từ Thiên nhãn thông đến Lậu tận thông. Trong đó, thiên nhãn thông có nghĩa là đối với các sắc tướng quán xét đích thực không ngăn ngại, tối thắng thanh tịnh. Thiên nhĩ thông là đối với các âm thanh có thể nghe một cách thanh tịnh. Tha tâm thông là biết đúng như thật các hành tướng của tâm người khác. Túc trụ thông là có thể nhớ biết các sự việc sai biệt trong quá khứ của mình và của người. Thần cảnh thông lại có ba loại: Ẩn hiện tự tại, hiện ra muôn thân trong khắp thế giới, ở trong không trung đi đứng một cách vô ngại, tùy theo sự giáo hóa mà hiện ra cái thân thích ứng. Nhưng đối với sự thích ứng ấy, không hiện cái thân tướng để làm các việc thần thông.

Lậu tận thông là đối với các vô minh phiền não… gọi là lậu. Dùng trí tuệ mà đoạn trừ không còn sót gọi là lậu tận. Sáu thông tối thắng như thế… an trụ vào tâm Bồ-đề xa lìa trí hý luận, là cái lối tu cao thượng mà Bồ-tát tu, không chung với tất cả các đạo của Thanh-văn, vì Bồ-tát viên mãn vô tướng, không phát khởi tánh (chấp) ngộ, là các đạo hạnh bình đẳng Ba-la-mật-đa tổng nhiếp hết thảy các pháp tự tu, tất cả các nguyện lực và hết thảy các tướng. Dõng mãnh tinh tấn mà làm người dẫn trước an trụ tâm thanh tịnh tối thượng vào nhứt cảnh tánh. Các tĩnh lự… như danh như nghĩa tùy ứng mà có sai biệt vô biên hành tướng đều tổng lược thu nhiếp vì sự gìn giữ của Tam-ma-đà-da. Như thế gọi là Sáu thông.

Nói về Đà-la-ni tức là hết thảy tướng và hết thảy pháp. Tánh của tất cả pháp nhiếp ứng hết thảy thanh, danh, cú, văn là các nghĩa tướng, là nơi có vô lượng niệm, vô biên biện tài và các Tam-ma-địa. Trí vô tướng này có thể chứng nhập được để đối trị tâm hữu tướng hữu ngại, đây chính là pháp môn Đà-la-ni đạt được quả Bồ-đề vô thượng tối thắng. Nhưng tất cả thiền định Đà-la-ni… cùng với Kim cang dụ định hiện tiền được chứng nhập,

chính là hết thảy các pháp khắp nơi dụ định hiện tiền bình đẳng, thể nhập, trí vô tướng chứng ngộ chân thật. Tất cả các chủng tử được huân tập đều bỏ hết. Tương ưng với trí quán đại bi bình đẳng. Sự tạo tác kiên cố đối với các pháp tánh như thật mà giải thoát, hiện tiền an trụ bình đẳng vào quả báo thù thắng. Đại viên cảnh trí như thật mà phát sanh, hết thảy các nguyện lực đều được viên mãn. Như thế là đã lược nói về Đà-la-ni.

Nói về Lực có nghĩa là mười lực của Phật. Từ Xứ phi xứ trí lực cho đến Lậu tận trí lực. Trong đó Xứ phi xứ trí lực có nghĩa là trí tuệ biết một cách như thật tất cả lãnh vực nhân quả quyết định hoặc không quyết định, nếu Phật hoặc Phạm vương hay Chuyển luân Thánh vương, mà các vị ấy đạt được các quả báo thù thắng quyết định thì gọi đó là xứ. Phi xứ kia có nghĩa biết được các hành tướng nhân quả không quyết định. Nghiệp báo trí lực là nơi tất cả các chúng sanh gây tạo các thiện nghiệp hay ác nghiệp, được sanh về cõi lành hay cõi ác, tất cả các nghiệp báo như thế, trí lực đều biết đúng như thật. Chủng chủng giới trí lực là các cảnh giới của chúng sanh có sai biệt, thì trí tệ biết đúng như thật. Chủng chủng thắng giải trí lực có nghĩa là các hạng Thanh-văn ở trong các pháp phát khởi sự giải thoát thù thắng, lìa các pháp nhiễm, hướng đến tướng tịch tĩnh, hết thảy như thế, trí tuệ đều biết một cách đúng như thật. Liễu biệt chư căn trí lực có nghĩa là các căn tín v.v… của tất cả chúng sanh mỗi thứ đều sai biệt mà trí tuệ biết được một cách như thật. Chủng chủng định trí lực là các tĩnh tự… các Tam-ma-địa và Tam- ma-bát-đề, như danh như nghĩa, vô biên hành tướng thì trí tuệ đều biết đúng như thật. Chí xứ đạo trí lực nghĩa là Đạo có hai thứ: Phi ái lạc đạo tức chỉ cho vô minh… và Khả ái lạc đạo tức chỉ cho Tịch diệt v.v… mà tịch diệt kia với sự chứng đắc sai biệt của các Thanh-văn, Duyên giác và các Bồ-tát, trí tuệ đều biết như thật. Sanh diệt trí lực là đủ loại sanh diệt của chúng sanh mà trí tuệ đều biết đúng như thật. Túc trụ tưởng niệm trí lực là đối với các việc ở quá khứ, ghi nhớ một cách như thật. Lậu tận trí lực là Đại viên cảnh trí của Phật, Thế tôn, tự tánh mà quán sát, lìa các chướng ngại nhiễm ô, phân biệt bình đẳng. Các lực của xứ, phi xứ như thế là sự chứng đắc du hý thần thông của Như lai, lực ấy đầy đủ nên quán tăng thượng ở hết thảy các pháp, như thế là đã lược nói về Thập lực.

Nói về Vô úy (không sợ hãi)? Tức là bốn sở úy, Nhứt thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, thuyết chướng đạo vô úy; Xuất khổ đạo vô úy. Các vô úy như thế hoặc khác hoặc chẳng khác, có sự ngôn thuyết thì đều không có gì đạt được sự tự tại vô úy. Bốn vô úy này đều lấy trí tánh bình đẳng mà quán sát. Như châu Như ý thuận theo chúng sanh mà phổ biến bình đẳng. Pháp đây cũng vậy tướng ngã thanh tịnh xa lìa các chấp về hữu, như thế là lược

nói về Bốn vô sở úy.

Nói về Vô ngại giải : là Nghĩa, Pháp, Nhạo thuyết, Biện tài v.v… Trong đó, Nghĩa vô ngại giải là đối với tất cả chúng sanh không có tướng ngã, lấy trí vi diệu bình đẳng mà quán chiếu. Pháp vô ngại giải là nương theo các tướng biết rõ các pháp mà trí quán bình đẳng. Nhạo thuyết vô ngại giải là tùy theo nghĩa ưa nói, chủ động nói, nói ra mà chẳng lìa tự tánh. Biện tài vô ngại giải là ở trong vô biên pháp môn tùy thích ứng phân biệt để thông đạt vô tướng. Những đều kể trên cùng với hết thảy pháp tăng thượng tương ưng đều vì nhiếp phục những kẻ ngu si khiến thảy điều phục và an trụ các pháp bình đẳng lìa tướng. Bốn thứ vô ngại này đều lấy trí vi diệu mà quán sát. Như thế là đã lược nói về bốn vô ngại giải (bốn thứ giảng nói giải thích tu đạo).

Nói đến đại từ đại bi: Trong đó Từ có nghĩa là ban niềm an lạc cho chúng sanh, trụ vào tịch tĩnh, tâm không phát khởi tướng ngộ mà quảng đại tối thắng lìa tướng, bình đẳng. Bi có nghĩa là nhổ tận gốc khổ đau, điều phục những thứ khó điều phục, không bỏ chúng sanh và lìa các tướng hữu. Hai điều ấy đều dùng Thành sở tác trí mà quán, như thế là lược nói về đại từ đại bi.

Nói về các pháp bất cộng (không chung) của Phật: Tức là mười tám bất cộng pháp, từ Như lai thân vô thất cho đến hiện tại tri kiến vô trước vô ngại. Trong đó, bất cộng pháp thứ nhứt là Thân Như Lai không lỗi lầm, nghĩa là không có sự mệt mỏi xa lìa các lỗi nơi thân… Như Lai ngữ vô thất là đều ái ngữ, xa lìa các lỗi lời nói… Như Lai ý vô thất, tức là không bao giờ bị thất niệm, lìa được các lỗi của ý. Ba nghiệp như thế khiến cho tất cả kẻ ngu si sanh lòng tin thanh tịnh. Vô dị tưởng tâm là đối với tất cả chúng sanh, thì trụ vào tâm bình đẳng… Vô bất định tâm có nghĩa là khiến cho những chúng sanh ngu si trừ diệt được tâm tán loạn. Vô bất tri xả tâm là các sự việc của chúng sanh không có gì mà không biết, nhưng rồi xả ly hết thảy. Sáu pháp này được phát sanh ra từ giới học tăng thượng mà làm nhân cho Vô trụ Niết-bàn. Tín vô giảm có nghĩa là ở trong vô trụ Niết-bàn không hoại niềm tin. Dục vô giảm là đối với Vô trụ Niết-bàn chẳng tham ái chấp trước. Tinh tấn vô giảm có nghĩa là đối với sự lợi ích, mạng sống và hạnh đều không chấp trụ. Tuệ vô giảm là rốt ráo đối với các thế gian, trưởng dưỡng chúng sanh không ai mà không thông đạt. Giải thoát vô giảm có nghĩa là không chấp vào tướng Niết-bàn của Thanh-văn… Giải thoát tri kiến vô giảm là vì lợi ích chúng sanh mà dùng trí tuệ phá các tướng hý luận khiến cho các chúng sanh mỗi người chứng đắc được Niết-bàn vô thượng

bình đẳng. Sáu pháp này là được phát sinh từ định học tăng thượng và làm duyên với Vô trụ Niết-bàn. Thân nghiệp tùy trí tuệ hành có nghĩa là ở nơi hết thảy xứ hoặc động, hoặc dừng, hoặc kinh hành… các tướng thường cùng với trí tuệ tương ưng, vì vậy, trí tuệ mang tính dẫn đầu trong mọi pháp. Ngữ nghiệp tùy trí tuệ hành là tất cả các lời nói xa lìa hư vọng, phân biệt, thường tương ưng với trí tuệ, do thế biết rằng trí tuệ mang tính dẫn đầu. Ý nghiệp tùy trí tuệ hành có nghĩa là đối với tất cả chúng sanh mà an trụ vào tâm bình đẳng, tùy sự lợi ích không có sai biệt, thường tương ưng với trí tuệ, do đó nói trí tuệ dẫn đầu các pháp vậy. Quá khứ tri kiến vô trước vô ngại có nghĩa là trong không có tánh gọi là vô trước, ngoài lìa các trói buộc gọi là vô ngại, tất cả pháp quá khứ đều biết một cách bình đẳng, phá tướng hý luận. Vị lai tri kiến vô trước vô ngại là trong tất cả các pháp ở vị lai, biết một cách bình đẳng phá tướng hý luận. Hiện tại tri kiến vô trước vô ngại là trong tất cả các pháp ở trong hiện tại, đều biết bình đẳng phá tướng hý luận. Sáu pháp này được phát sanh ra từ tuệ học tăng thượng. Tất cả các pháp này chỉ có Phật, Như lai thành tựu vô lượng thắng trí viên mãn. Đem lại lợi ích chúng sanh, tùy cúng sanh mà chuyển; hết thảy hàng Thanh văn không có các pháp bất cộng vậy. Nó được sanh ra từ trí tuệ thanh tịnh của pháp giới. Như thế là đã lược nói về mười tám pháp bất cộng.

Nói về quả Thanh văn tức chỉ cho bốn quả Thanh văn, là từ Tu- đà-hoàn đến A-la-hán. Trong đó, quả Tu-đà-hoàn chán khổ ưa vui, tùy vào sức tu mà đoạn trừ phiền não, vốn có trải qua bảy lần sanh tử thông suốt các đế khổ… ngộ nhân vô ngã hướng đến Niết-bàn.

Tư-đà-hàm cũng chán khổ ưa vui, tùy theo pháp tu mà đoạn trừ phiền não vốn có một lần sanh lại cõi này thấy các đế khổ…, ngộ nhân vô ngã, hướng đến Niết-bàn. A-na-hàm nghĩa là ghét khổ ưa vui, không còn phiền não cõi Dục có thể đoạn, không trở lại cõi Dục mà sanh nơi cõi Sắc và Vô sắc, tùy thích ứng giải thoát thấy rõ các đế khổ… ngộ nhân vô ngã, hướng đến Niết-bàn. A-la-hán có nghĩa là đoạn hết phiền não vốn có trong ba cõi, thấu triệt cội nguồn khổ đau, giác ngộ lý vô ngã tùy theo thích ứng giải thoát hướng đến Niết-bàn. Như thế là lược nói về bốn quả Thanh-văn.

Nói về liễu tri tất cả tướng, nghĩa là chư Phật Như lai đối với các tướng và các pháp hiểu biết như thật hiện tiền bình đẳng. Tất cả tướng chính là tất cả pháp. Chư Phật Như lai vì lợi ích thế gian bày ra các phương tiện thích ứng tùy theo căn cơ chúng sanh, mà không quên mất pháp, trụ nơi tướng kiên cố.

Trong đây nên biết, tam thân cũng gọi là nhứt thiết tướng, pháp thân

là tự tánh, là trí tướng vô ngã, không sai biệt. Tướng tối thắng của Báo thân chính là tánh chỗ dựa của tất cả tướng. Hóa thân là nơi tạo tác các sự tướng, nơi hết thảy xứ tùy ứng mà hiện hóa thực hành công hạnh vậy. Lại nữa, đối với tất cả tướng, tuy đã liễu tri nhưng không có phân biệt, vì lợi ích chúng sanh thuận theo thích nghi mà tạo tác. Các tướng ấy tịch tĩnh không duyên với tự tánh, hết thảy đều bình đẳng. Uẩn… cùng với tất cả tướng cũng lại vô biên, hoặc trụ trong tam giới hay xuất ly ra khỏi tam giới, nên biết như thật các tướng chẳng thể được. Như thế là liễu tri nhứt thiết tướng.

Nói về chân như tức là tự tánh các pháp lìa thủ, xả, hoặc kẻ trí hay người ngu, hoặc là sắc hay là tâm đều trụ tánh bình đẳng lìa vọng không phân biệt. Đây gọi là chân như.

Nói về thật tế tức là tánh Bồ-đề hết thảy như lượng, như thật lìa các phân biệt, trong đây nên biết, như điều Phật nói về tánh ngũ uẩn… rốt ráo không nắm bắt được. Lại đối với suy xét khác thì không thể nói được; như thế gọi là thật tế.

Nói về vô tướng tức là chân như kia mà gọi là vô tướng. Mà chân như có nghĩa là chỉ lấy danh tự hư giả phân biệt, trong danh tự ấy, thể tánh chẳng thể được, nên biết thể tánh của ngã… tức là tự tánh của các pháp. Cho nên trong đó hoặc là nhân hoặc là pháp, đều lìa các tướng nhưng đồng một tướng. Một tướng ấy là hết thảy các pháp không có tướng đối ngại lìa các phân biệt, đối với đệ nhất nghĩa, tự tánh của nó vốn không động, nên gọi là vô tướng.

Nói về pháp giới tức chỉ chi các pháp nhân, quả trong mười phương. Cho đến tự tánh chỗ dựa của tất cả pháp. Đây gọi là pháp giới. Trong pháp giới này xa lìa hết thảy tướng hư vọng điên đảo phân biệt… hiện tiền trí tuệ sáng suốt như thật chiếu sáng, gọi là pháp giới. Lại nữa, nên biết, trong đây, chân như… đại viên cảnh trí… tức là tất cả pháp không có sự tạo tác. Chân như không sự tạo tác ấy chính là tự tướng của các pháp.

Lại nữa nên biết, trong đó chân như và thập lực ấy đều lấy Đại viên cảnh trí mà quán chiếu. Thật tế sở chứng cùng với bốn vô sở úy đều dùng Bình đẳng tánh trí mà quán. Còn vô tướng vi diệu thanh tịnh và bốn vô ngại giải tánh kia lấy Diệu quan sát trí mà quán. Tánh chỗ dựa, sở chứng chân thực của tất cả pháp trong pháp giới với đại từ đại bi đều lấy Thành sở tác trí mà quán. Pháp sở quán tăng thượng nhứt thiết xứ đều an trụ vào trí thanh tịnh của pháp giới. Hết thảy các pháp như vậy nên biết đều là như lượng chánh ngữ cùng tâm Bồ-đề tương ưng. Lòng đại từ tùy thuận theo hết thảy chúng sanh là hết thảy pháp bình đẳng đồng một sở duyên. Tương ưng với

pháp môn vô tướng tối thượng. Tổng nhiếp pháp Ba-la-mật-đa… và hết thảy các pháp, tùy theo sự hành trì ấy như lượng mà tương ưng. . sự tương ưng này gọi là hết thảy pháp vô ngã. Kẻ trí nên biết, pháp mà Phật nói từ môn giải thoát như thật mà lưu xuất.

Trí tuệ chư Phật không ai bằng
Đã thuyết tánh nhân cũng vô biên
Ở vô biên ấy như thật biết
Hết thảy tương ưng mà biểu thị
Các pháp tương ưng bày các tánh
Tùy nghi phương tiện mà khởi sanh
Đại tuệ vốn làm đều trọn thành
Ta vì lợi lạc nên mới nói.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

SỐ 1638

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1638

LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

Tác giả: Bồ-tát Thiện Tịch Hán dịch:
Đại sư Thi Hộ, đời Triệu Tống.

QUYỂN THƯỢNG

Quy mạng hết thảy Phật
Quy mạng các Pháp tạng
Đảnh lễ Nhất thiết trí
Lý thâm diệu rộng lớn
Con nay tạo luận này,
Tên là: Bảo Tối Thượng
Nghĩa chân thật thù thắng.

Luận nói: Hoặc người hoặc trời và các loại hữu tình từ vô thỉ đến nay do si ám làm nhân, lời nói và hành động là cội rễ của nẻo ác, nếu ai muốn thể nhập vào cảnh giới thanh tịnh Nhất thiết trí kia, nên quy mạng chư Phật đó gọi là trở về nương tựa vào ánh sáng.

Trong đây tại sao nói là lìa các tánh ngã v.v… và tất cả các nhân? Nên biết: Mọi thứ nghiệp phiền não sanh ra các pháp tạp nhiễm, không đầu tiên, không thường trụ và không có thật thể, tuy có sở sanh mà giống như mộng huyễn v.v… Vì giống như mộng huyễn nên từ phân biệt mà khởi.

Nên biết: Tất cả các pháp từ nhân duyên sanh, cho nên Chư Phật từ trong ý nghĩa nhân duyên nói tánh của các pháp và các vật thể là "không", không có tự tánh, nhưng cũng không phải từ đó tạo tưởng không có thật. Cho nên, có thức A-lại-da thanh tịnh, tuy có chỗ thọ nhận mà không có chỗ đắm chấp, ý nghĩa này rất thâm diệu lại rộng lớn, trong các Kinh giáo đều nói như vậy.

Người nào ưa muốn cầu giải thoát thì phải hiểu rõ như thật về các pháp. Nên biết các pháp không lìa khỏi thức, nếu lìa khỏi thức thì tánh của nó liền đoạn, nên trong các pháp không có thật tánh, trong Kinh Pháp Tập đã nói như vậy.

Pháp là thật hoặc pháp không thật, hoặc có tự tánh, hoặc không tự tánh thì hai thứ đó không phải như huyễn dụ v.v… Tất cả các pháp chẳng phải có tánh, chẳng phải không có tánh. Trong đây nói: Nếu thật không có tánh, thì không có tánh gọi là "không", "không" tức thành đoạn diệt. Nếu thật có tánh thì tánh là thường. Nên biết, " không" và chẳng phải "không" khác nhau, mà tách rời "không", chẳng phải "không" cũng không có chỗ đạt được. Như sáng và tối hai lĩnh vực không tương hợp nhau, mà rời tối, rời sáng đều không không có chỗ đạt được. Vì thế biết, đây nói sáng không hiện tiền thì tối làm sao lìa. Trí và ngu cả hai không tương hợp, mà lìa trí lìa ngu cũng không có loại nào có được. Chẳng phải trí, chẳng phải ngu, giữa hai thứ này, tưởng Ngã đều rỗng không, tất cả các pháp không có ở bên trong, không có ở bên ngoài, cũng không có ở chính giữa, không có pháp có thể giữ lấy, không có pháp có thể xả bỏ. Trong Kinh Bảo Tích đã dạy như thế.

Nếu nói "có" tức là một bên, nếu nói "không có" tức là một bên thứ hai. Hoặc là một, hoặc là cả hai, hoặc trung gian đều không có tướng, không thể thấy. Vì không có tướng để thấy nên cũng không thể nói; không có hình không có bóng dáng nên không thể biểu thị, không có chủng loại pháp, không có gì thâu chứa, cũng chẳng phải chính giữa, hai bên mà có chỗ thiết lập được. Đây là nói chân thật về tánh cùng không tánh xưa nay vốn như vậy. Hiểu được như thế, thật quán về Thánh đế có thể lìa khỏi tham và các phiền não khác. Giả sử có phiền não sanh khởi thì nhờ tu quán Thánh đế mà không còn chấp trước. Biết như vậy, hiểu như vậy tức được thân tập hợp các công đức của Như lai, cất tiếng rống sư tử chuyển đại pháp luân, khắp cho tất cả chúng sanh đều được thấy nghe. Trong Kinh Lăng Già đã nói như vậy.

Trong kinh Chuyển Thức dạy: Ta nói vô tướng mà cũng không thể chấp giữ Vô tướng ấy.

Trong kinh Thọ ký nói: Lìa thức mà có pháp thì lý chẳng tương ưng.

Trong kinh Thập Địa nói: Nên biết tâm, thức hiện bày khắp tất cả pháp.

Trong Kinh Na Nâu Cu Lê nói: Sắc pháp không thật, không thể lấy bỏ.

Nếu hiểu rõ tánh của các pháp tức không phải cảnh sở trí của trí, nên trong trí không có cái thật Thật để chứng đắc, thì thể của Trí không thật, phải biết là như huyễn. Trong các kinh giáo đều nói như thế.

Các Bồ-tát tùy theo các tướng mà chuyển, tướng đó không có nghĩa

"thật", không có gì là có được, nên trong Thắng nghĩa đế ngôn ngữ không thể thiết lập. Kinh Bảo Vân đã nói như thế.

Nếu vốn không có, thì không thể nói có, nhận thức lìa phân biệt thì danh không thể thiết lập. Lý chân thật của Thắng nghĩa đế kia lìa khỏi ngôn ngữ mà tánh của các vật thể thật sự không có gì là có được, nên đây là lời nói quyết định. Ý của chư Phật nói là để phá trừ các chấp không có trí. Kinh Hiện Ái đã nói như thế.

Nếu nói các vật hữu đó là "không", sao nghiệp báo chúng sanh lại có nhiễm tịnh, đã có nhiễm tịnh tức có tạo tác, đã có sự tạo tác tức là có các tướng tùy theo thế gian mà chuyển, đã có tướng chuyển thì nhận thức về hữu được chấp nhận. Nếu có thể an trú vào tưởng không điên đảo, tức là biết tánh của các pháp không có một thật thể riêng khác. Ý nghĩa như vậy là Bồ-tát Từ Thị hỏi. Thế Tôn như thật nói. Ngã vốn không có biên nào (có, không …) Bồ-đề cũng không có biên, Bồ-đề không có biên nên không có Bồ-đề có thể đạt được. Ngã không có biên nên không có người cầu Bồ-đề, cũng không có một chút pháp nào là cảnh sở tri của trí, chỉ có Trí của Phật mới có thể chiếu soi rõ ràng. Pháp Chân như tức là vô tánh; Vô tánh tức là Như Lai. Như Lai tức là tánh vô sanh. Kinh Táp Bát Đa Thiết Đa đã nói như thế.

Tất cả các pháp hoặc cho là có thì đó là chấp thường, hoặc cho là không có thì chấp đoạn, hoặc chẳng phải có, chẳng phải không có, cho đến chính giữa cũng không thể xác lập. Kinh Bảo Tinh đã nói như vậy.

Các phiền não như tham v.v… tất cả các pháp nhiễm nếu như giải thoát thì đó chính là không tận trừ tướng. Hoặc có thể biết rõ tự tánh của các phiền não xưa nay vốn thanh tịnh, trong thắng nghĩa đế giải thoát vốn không có gì là giải thoát. Nếu muốn quán về Như lai một cách chân thật thì nên quán đối tượng sinh giải thoát của Như lai, không từ nhân sanh, cũng không phải từ duyên sanh, chẳng có tưởng sanh, chẳng phải phân biệt sanh, xa lìa tất cả các danh ngôn sai biệt, chẳng phải tướng của sắc, chẳng phải sắc, từ chân như cho đến chẳng phải thức, chẳng phải thức, chân như chẳng phải tối, chẳng phải sáng, chẳng phải nó, chẳng phải lìa khỏi nó, chẳng phải kiến, chẳng phải tri, lìa các thức, pháp, chẳng pháp đã phân biệt. Chẳng phải tồn tại trong tất cả các thức, pháp. Nếu quán Như lai như vậy là chánh quán. Nếu quán theo cách khác gọi là tà quán. Do tà quán nên không thể thấy được Như lai chân thật. Đây là nói về nghĩa như thật, tức lìa có, lìa không có, chẳng phải có tự tánh, chẳng phải không có tự tánh. Như vậy là chân thật thấy Như lai. Kinh Vô Cấu Xứng đã nói như thế.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, có một vị trời xuống hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường: Thế nào là lời nói thật và nói không thật về tất cả phiền não, làm sao điều phục? Bồ-tát Diệu Cát Tường Đáp: Như người đang trong giấc mộng thấy con rắn lớn, người đó tuy thấy rắn nhưng không bị độc của rắn cắn làm hại. Phiền não tuy sinh khởi mà không có thật tánh, tánh ấy thanh tịnh tự điều phục lấy. Đây là lời nói thật không phải lời không thật.

Lại, Bồ-tát Hải Tuệ hỏi Phạm thiên Bất Tư Nghì: Pháp vốn không chứng và không thể ngôn thuyết sao lại có Phật và Pháp Phật? Phạm thiên Bất Tư Nghì Đáp: Đức Phật Như Lai xuất hiện ra đời và diễn thuyết các phần của Phật pháp hoặc "có" hoặc "không" thì pháp vốn tự như vậy. Xưa nay, vốn không có người thuyết, củng không có pháp sở chứng. Không có người thuyết nên không có nghe, không có pháp sở chứng nên không có đắc. Chỉ vì chúng sanh do nghiệp phiền não sanh ra tánh của các quả báo nên dẫn sanh tâm Bồ-đề của Chư Phật, an trú vào cảnh giới tâm từ bi của Bồ-tát. Nếu các phiền não của chúng sanh tánh có thể tự điều phục thì các hành hiện có mà không thường hành, không cầu, không mong. Tánh của các phiền não kia đều là thanh tịnh. Chư Phật cũng lại không chứng, không thuyết. Lại nữa, Kinh đây, Đồng tử Thiện Tài nói: Nên biết các pháp đều là như huyễn tôi ở trong huyễn mà cầu giải thoát. Những nghĩa như trên là trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Nên biết các pháp như huyễn, như mộng, như nắng lóa, như bọt nước tụ, như thành Càn-thát-bà. Tất cả các pháp trong tam giới từ tâm thức sanh. Tâm vốn như huyễn nên tam giới cũng như huyễn. Nếu có một vật có thật thể thì ở đây nói huyễn dụ về lý là không tương ưng. Kinh Tam Ma Địa Vương đã nói như vậy. Những ý nghĩa như trên trong các kinh khác đều nêu rõ.

Lại nữa, nay Tôi căn cứ vào các kinh để lược giải thích thêm một vài ý nghĩa. Như Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Bồ-đề không thể dùng thân mà đắc, cũng không thể dùng tâm mà đắc. Nếu không có tâm tức không có thân, thân tâm tách rời nên không có làm, không có tạo, như huyễn, như hóa. Nếu nói như vậy là Bồ-đề, thì cũng chính là Bồ đề của chư Phật đã thuyết có thể hội nhập cảnh giới bình đẳng của chư Phật. Được như vậy, mới gọi là trí tuệ trang nghiêm mà chẳng là trang nghiêm, Nhất thiết trí vì tánh Nhất thiết trí là không thể đạt được. Bồ- đề không sanh cũng lại không diệt, không một, không khác, chẳng phải đây, chẳng phải kia. Chư Phật Như Lai đều dạy như vậy.

Như trong thế gian tất cả các hạt giống có khả năng sanh trưởng tất

cả mọi mầm. Nếu không có hạt giống thì các mầm không nảy sanh. Bồ-tát Thích Ca ngồi ở Bồ-đề đạo tràng thành đẳng Chánh giác nghĩa cũng như vậy. Duyên từ các pháp mà sanh khởi. Tuy có sự chứng đắc mà kỳ thực là không. Ở đây gọi là thần thông diệu dụng. Vì thế nên biết: Không pháp có ngoài khác, chư Phật Như Lai cũng không có tánh nên lìa thức thì thật sự không có một pháp. Nếu lìa thức thì pháp chẳng sanh. Nếu tâm là chủ thể sanh, tâm tức không sanh. Nếu pháp là đối tượng được sanh thì pháp cũng không sanh. Từ ý nghĩa đó chư Phật Như Lai nơi tâm vô sanh mà nói nghĩa Bồ-đề.

Phật dạy thức tâm có thể sanh Bồ-đề, cũng không phải thức tâm mà có thể sanh. Vì sao? Do tánh thức là "không". Nghĩa Bồ-tát Diệu Cát Tường đã nói trên là chân thật tối tượng, chính từ trong cảnh giới chân thật của Chư Phật mà nói.

Lại nữa, các pháp từ duyên sanh, do duyên sanh nên cũng không có tự tánh, cho nên các pháp đều như huyễn. Nói như huyễn như vậy là nói chân thật.

Bồ-tát Từ Thị hiện trú trong Tam-ma-địa Như huyễn, cho nên Đức Thế Tôn từ trong Tam-ma-địa đó thọ ký cho Bồ-tát vì để biểu thị.

Đức Thế Tôn từ rất nhiều kinh đã nói các pháp từ thức mà biểu hiện nên lìa sanh, lìa diệt, chẳng phải tướng có, chẳng phải thâu chứa, không khởi tạo tác, không dừng nghỉ, chẳng có, chẳng không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Phải biết tánh trí thảy đều như huyễn, huống nữa là có phân biệt về các pháp. Nếu có chấp trước vào lời nói đoạn, thường thì không phải thực hành chân chánh, Phật không chấp nhận. Nếu biết tất cả các pháp đều chẳng phải đoạn, chẳng phải thường thì tức là tương ưng chân chánh, gọi là chân thật. Đối với tự phần và ngoài không có pháp nào có thể vướng mắc, cũng không có pháp đối là chỗ đối trị của tâm. Tuy đối với các pháp nói nhiều câu nghĩa mà chỉ là tùy theo các pháp để được biểu thị. Nên biết tự thức không phải là tha thức, mà đối với nghĩa ngoài tự nó cũng không có một pháp nhỏ nào là được ưa muốn. Tự thức tha thức đều không có tự tánh. Cả tự và tha cũng không phải là tánh khác. Trí chân thật là lìa có, lìa không. Nên biết Ngã, Thức cũng chẳng phải có, chẳng phải thuộc về nói là uẩn của Bổ-đặc-già-la. Do đó, nên biết tất cả chư Phật và pháp đều tự phần có hoặc lìa tự phần có, mà tìm cầu thì đều không thể được, tức ở đây nói lìa có lìa không là ý nghĩa thâm diệu. Chư Phật đều nói đây là pháp, vì diệu xa lìa tất cả chấp trước, phân biệt, mà rời khỏi phân biệt này cũng lại không có pháp riêng khác nào để nói. Các kẻ mê lầm hoặc chấp ở có, tức thấy các

cảnh giới thiện ác các cõi hai loại sai khác; hoặc chấp ở không có, tức không có nghĩ tưởng về sát na sanh khởi. Vì thế cho nên, đắm trước ở có, ở không có, ở cả hai, là không tương ưng. Chư Phật Như Lai do tâm đại bi theo phương tiện nói về ý nghĩa này. Nói tất cả các pháp lìa có, lìa không, nói như vậy là câu nghĩa tối thượng. Cho nên đây nói chân thật, của các pháp là tánh không chấp trước, chẳng phải là đối tượng quán, tánh không chấp trước, là lìa có lìa không. Nếu biết như vậy là bậc đại trí, như quán hư không, không tăng giảm, không phân lượng, không có biên hạn, tức từ hư không nầy mà xuất sanh tất cả. Tâm thức thanh tịnh cũng lại như vậy. Tâm này không tâm mà xuất sanh hết thảy. Như ngọc báu Ma-ni, thanh tịnh không tâm mà tất cả ảnh tượng đều hiện rõ. Có người hỏi: Tại sao có phần vị mà không có thể giữ lấy? Đáp: Vì hư không không có tạo biên giới nên không có thể giữ lấy. Nếu hư không không có tạo biên giới thì làm sao mà lường được. Nên biết tất cả chúng sanh giới giống như từng tụ bụi nhỏ mà một hư không kia thảy đều có thể dung nạp, nhưng… nơi hư không giới của các chúng sinh v.v… không tăng, không giảm. Nếu tất cả hữu tình, phương phần, chủng loại, hình tướng, từng thứ đều phân biệt thì không có do một tánh mà sanh khởi. Từ ý nghĩa này nên biết tánh không phải một, không phải nhiều; một, nhiều và giữa đều không có tánh. Nếu cho một tánh quyết định có thể được tức là các loại tánh mà có sai biệt, thì có sai biệt tức là phân biệt sanh, cho nên một tánh, nhiều tánh đều là bình đẳng. Nếu đối với nghĩa ở ngoài không có pháp nắm giữ thì đối với trí cũng vậy, không có gì sở đắc. Hoặc đối với nghĩa ở ngoài không có gì nắm giữ thì trí cũng lại không hề có sanh khởi. Nếu tâm, thức, biết lìa các tướng hữu mà có pháp ngoài thì làm sao phân lượng? Nếu tâm thức biết chính là tướng hữu mà có pháp ngoài thì cũng làm sao phân lượng? Cho nên biết các pháp ngoài kia thật sự không có một tánh mà có thể sanh khởi được. Như các pháp trong mộng v.v… thì không có tác dụng xác thật. Hoặc là nói các pháp là đây; thì đây không có tự tướng; hoặc các pháp là kia, mà kia cũng không thật; hoặc nói ở tự tâm có đối tượng liễu tri, tức là tự tâm này thì cũng không thật. Hoặc biết như thật thì gọi là biết rõ được tướng thức, hoặc có tất cả tâm phân biệt thô trọng dấy khởi; nên biết đây đều là do phiền não sai biệt sanh ra. Nếu có thể rõ được tánh phiền não, lìa tâm phân biệt, thì tức sanh tử Niết-bàn cả hai đều thanh tịnh. Tánh thanh tịnh này là tánh của các pháp. Tánh ấy cũng gọi là chân như, gọi là thật tế, cũng gọi là "không", là trong các tánh hoặc nhiễm hoặc tịnh khi dùng thật trí quán xét đều được bình đẳng.

Hoặc có người hỏi: Trong tất cả pháp, cái gì là không hoại? Nên trả

lời thế này: Trong các pháp chính nhân của tự nó không hoại. Tại sao không hoại? Vì tánh nhân không hoại. Hoặc tánh pháp "có" hoặc tánh pháp "không có" cũng không lìa tự tánh của nó, ngoài nghĩa hai thứ đó làm sao có thể an lập? Nếu nhân của các pháp và các tác dụng có sự hủy hoại thì lý có tất cả xứ là không tương ưng, tánh thật của các pháp làm sao tùy chuyển? Nghĩa là tánh thật kia không có gì để trụ nên các pháp không có tánh làm sao có nhân được? Lìa nhân lại cũng không có tánh riêng khác. Lại nữa, tánh thật của các pháp mà không có gì để hoại, tức tên gọi hoại thì cũng lại không có trụ, và trong đó cũng không có tánh nhân sai biệt, vì tánh, hoại diệt kia không có phần vị. Nếu tánh chân thật của các pháp là thường trú, ắt tánh thường trú kia chẳng phải tánh vô thường, thì nếu lài tánh thật có nghĩa là tác dụng riêng khác về lý không tương ưng và hẳn nhiên tánh các sự vật cũng không giảm thiểu. Lại, tánh chẳng phải vô thường là tánh chân thật, thì trong tánh chân thật có nghĩa gì là tác dụng của nó đều không có tánh sai biệt không thể phân biệt; tất cả thường biến khắp tất cả xứ. Lại nữa, tánh chẳng phải vô thường là tánh chân thật thì tướng trong tánh chân thật làm sao có được? Các thứ không chân thật làm sao thiết lập? Các tánh dị biệt làm sao hiển hiện? Vì thế, tánh chẳng phải vô thường nên biết như vậy. Lại nữa, nên biết tánh vô thường là trong tánh của các vật theo tự loại mà chuyển, là do nhân của tụ loại hiển hiện sai biệt, mà sở dục làm nhân nên có sự sanh khởi. Hoặc vì các tánh vô thường kia mà ở đây làm quyết định nói thì cùng với nghĩa duy thức, là không tương ưng lý. Vì tánh vô thường kia không có quyết định, nên pháp không hoại cũng chẳng phải không hoại. Có pháp trong sát na sinh khởi, nếu nói là không hoại sao gọi là tánh vô thường; nếu nói chẳng phải không hoại sao gọi là tánh nhân. Pháp quá khứ và vị lai cũng lại như thế, tức là không có tánh của vật, quyết định là thật, phân biệt. Các pháp tùy chuyển, tùy theo phần vị của nó đây lại là nhân gì? Tức là không có trụ. Các pháp hữu vi hiện tiền các sự biến diệt, tức sau đấy các sự đó trở lại là sanh khởi. Trước đã không thể phân biệt dẫn sanh phần sau, thì sau không thể phân biệt từ phần sanh trước. Nếu nói các pháp ở đây có chỗ được có, tức ở trong đấy khởi nhân phân biệt. Hoặc nói các pháp ở kia có chỗ được có, tức ở trong kia khởi nhân phân biệt. Quá khứ, vị lai, thì không có trụ cũng vậy. Trong đó không nên có nghĩa, phân biệt được nói pháp sát na có hoại, không hoại, không phải là pháp sát na. Đối với nhân kia biết rõ như vậy: đời trước, sau và giữa đều không thể phân biệt.

-oOo-

LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

QUYỂN HẠ

Lại nữa, nay nói về sanh, trú, dị, diệt, bốn tướng này từng sát na, sát na đều có chỗ chuyển động. Tướng không tương ưng, và không thật, do không tương ưng và không thật nên không thể khởi lên hai sự phân biệt, không thể nói một thời, không thể nói khác thời, lại không thể nói không có thời, vì lý mâu thuẫn. Nếu nói là thời hoại (đang hoại) thì hoại tức không sanh. Thế nên biết: thời sanh không có trú, lúc trú cũng lại không có gì được có, tánh kia đã không có trú làm sao có diệt? Sanh và trú kia gọi là dị. Nếu gốc là không sanh, làm sao có thể trú, nếu pháp không trú làm sao được có? Do vì không sanh và không trú, nên đối nghĩa nào mà nói có diệt? Nếu pháp có trú, ở trong pháp trú có thể nói có tánh dị, tánh pháp đã không có trú, làm sao có tánh dị? Tánh dị đã không thì không nên phân biệt. Nên biết tánh dị, mà chẳng phải tánh trú nhưng thật sự không có một tánh mà có thể phân biệt, cho nên các tướng và tâm phân biệt đây là hai loại. Nếu không có các tướng tức không phân biệt. Nếu các tướng kia, và tâm phân biệt có phân biệt tức cả hai đều phân biệt. Nghĩa như thật là không có tướng, nên không có phân biệt. sanh, trụ, dị, diệt. Nếu có tánh thì ở tất cả thời, tất cả chỗ, tất cả pháp ở phần đầu, giữa và cuối không thể an lập. Nếu có thể như lý Tư duy như vậy, Phật nói người ấy là đại Trí. Các tánh ở đầu, giữa, cuối trong ba phần tánh ấy thật ra không có một tánh có chỗ sanh khởi. Cho nên tánh của các pháp chẳng phải một, chẳng phải nhiều; một, nhiều trung gian và cả hai đều không có gì được có. Nếu tất cả pháp, lìa một tánh, lìa nhiều tánh, thì tức là thường cùng vô thường không hề có phân biệt. Cho nên chẳng phải vô thường cũng chẳng phải không vô thường, trong đó không thể phân biệt có hai. Nên biết phần đầu phần giữa và phần cuối không cùng thời sanh, không cùng thời hiện hữu. Ví như đã là tánh của người khác, tức tánh tự mình không có. Hoặc đã là tánh của tự thể thì tha tánh làm sao có? Ở đây nói tự tánh còn không có thì tha tánh làm sao có được? Cho nên, tự cũng không có tánh, tha cũng không có tánh. Nên biết mọi chỗ hiện hành, tạo tác của tất cả pháp không lìa tánh nhân. Các pháp

hoại và không hoại chẳng phải là đối tượng tư duy của tâm thì không thể phân biệt, đầu, giữa và cuối. Nếu như thật tư duy đều là tướng vô vi, không có tướng dị biệt, thì tức không nên phân biệt mỗi mỗi tánh của mỗi chủng tử của mỗi mỗi các pháp. Mỗi mỗi không tách rời nhau, mà chủng tử trí sanh khởi trong mỗi một sát na, thời phần chuyển dịch nên tánh của tất cả các pháp kia với tâm chủ thể tư duy làm sao sanh khởi? Mọi sự tướng sai biệt trong tất cả pháp, nên biết không có nhân cũng không sai biệt, vì các pháp xưa nay vốn không có gì là được tạo tác, tuy có tác dụng nối tiếp mà có cái gì là thật? Cho nên tất cả các pháp sở tri và người năng tri, cả hai trong từng sát na không thể hòa hợp. Tánh kia như vậy thật có chủ thể giữ lấy, ở trong đó không có sở hữu cũng không có sở đắc, tức phải quán các pháp sanh rồi liền hoại. Nếu pháp không hoại tức chẳng phải pháp sanh, vì pháp hoại nên không có sở đắc. Pháp không hoại kia có tánh thường trú mà tánh thường trú kia cũng lại có tánh xa lìa, là ngay trong pháp lìa đó cũng xả ly. Nếu biết như vậy, tức hiểu rõ tánh sai biệt kia của các pháp. Nhân thường trú tánh vô sai biệt cũng lại như vậy. Các pháp hữu vi tức sanh tức diệt, nên gọi là không trú. Nếu có trú thì có sở đắc (đối tượng được có) vì không có tướng trú nên không có sở đắc. Kia không có pháp trú thế nên tương ưng với các hành sai biệt trong tất cả các hành. Nếu tánh của mỗi mỗi pháp kia có sở đắc thì đối với các hành không sai biệt làm sao đối trị? Cho nên trong các hành sai biệt, không có tánh có thể sanh.

Lại nữa, phải biết các thức nơi nhãn v.v… có tính hiện lượng. Chính Đức Phật đã giảng nói. Nếu lìa tánh hiện lượng có lượng khác giữ lấy là phi lượng thì trước kia đối với lượng đây làm sao có được? Mọi sự tạo tác trước đó của thế gian vốn có đều không có chỗ nương tựa, như các vật được tạo tác, không có tánh tác dụng. Hoặc có sự tạo tác hiện tiền như vậy thì sự hiện tiền đó cũng không thành tựu. Ở đây nếu có cái được hành và không được hành thì nghĩa của các tác dụng đều chống trái nhau. Cho nên, tất cả sự tạo tác không thật, đều như hư không, thường và vô thường, đều không thể chấp. Nên biết các pháp đều từ duyên sanh. Do duyên sanh nên không có một pháp nhỏ có thể giữ được, các duyên như huyễn nên pháp sanh ra cũng như huyễn, các duyên kia như vậy xuất sanh các pháp. Do ý nghĩa ấy nên các pháp không có tánh, cũng chẳng phải không có tánh; nghĩa như thật này Đức Chánh Đẳng Chánh Giác đã giảng nói như thật. Nên biết tất cả các pháp không chấp trước, không ngăn ngại là lời nói chân thật trong pháp Đại thừa. Biết rõ như vậy tức là tâm Bồ-đề xưa nay bình đẳng. Tất cả chư Phật trong ba đời mười phương, biết rõ như thật, nên mới sinh ra phương tiện tuyên nói tất cả các pháp môn thâm diệu, tùy theo sự thích hợp

mà dùng danh ngôn phân biệt. Cho nên mỗi mỗi sự tuyên nói biểu thị đã sản sinh các pháp, đó như là pháp bốn Đế, pháp duy thức v.v… Tuy có sự tuyên nói mà luôn chân thật, mà mỗi mỗi các pháp đều là như huyễn. Do như huyễn nên không thể tầm cầu suy xét, không thể biết, không biểu thị, không thâu chứa. Nếu xa lìa như vậy tức biết pháp chân thật. Từ trí chân thật đó mà mau chóng đạt tâm Bồ-đề giải thoát. Sự giải thoát đó thì chư Phật cũng vậy, chúng sanh cũng vậy, sanh tử, Niết-bàn, pháp giới cũng vậy, cho nên Phật và chúng sanh, cả hai đều bình đẳng, sanh tử và Niết-bàn cũng bình đẳng. Trong ấy, hiểu rõ như thật ý nghĩa lời dạy của đức Phật nay là Bồ-đề của chư Phật, cho nên chỗ hành chỗ tạo tác ắt có thể thành tựu. Những lời giảng nói này là đệ nhất nghĩa, lìa ý nghĩa ấy không có nghĩa đệ nhất khác. Đệ nhất nghĩa này thâu nhiếp tất cả pháp, là ngữ, hành chân thật không thể nghĩ bàn; lìa có, lìa không, chẳng phải trí, chẳng phải ngu, chẳng phải ít, chẳng phải nhiều, không có tướng, không có tánh, không có gì soi chiếu thấu đạt, trí không thể biết, thức không thể phân biệt, chẳng phải tự tánh mà không lìa tự tánh, không lấy, không bỏ, lìa tướng lấy, bỏ. Từ trí như thật sanh ra, tùy sự sanh ra, tùy vào nói năng không giữ tướng, không cất chứa. Chẳng phải tâm suy nghĩ nên không có thể biết, chẳng phải mắt thấy, không thể thấy. Tại sao vậy? Vì tâm không có tự tánh. Do tâm không có tự tánh, tức các pháp không tự không tha. Do không có tự, tha hai thứ sai biệt tức tự tánh của tất cả pháp tương ưng, không sanh, không diệt, không tụ không tán, chẳng phải trí, chẳng phải ngu. Không có pháp nhỏ có hiển thị nào có chiếu đạt nào, nên biết mỗi mỗi đều là chủng tử Bồ-đề, mà mỗi thứ tướng đều biểu thị rõ ràng. Hoặc có khả năng quán sát từng tướng vô ngã ấy thì chủng tử Bồ-đề cũng không được sanh. Các Bồ-tát Ma-ma-tát với tự tánh chân thật, dùng phương tiện thiện xảo xuất hiện ở đời, khởi tâm đại từ bi thị hiện điều mình chứng đắc nhưng tự tánh của các Bồ-tát chân thật không sanh, không diệt. Nên biết rõ pháp của thức xa lìa nghi hoặc thì không có một chút pháp nào có thể sanh khởi. Ngã, ngã sở rỗng không mà không và có các tướng rõ ràng biểu thị. Có tướng của thức, tướng ánh sáng mà không có tự tánh, song tánh của ánh sáng, tánh của thức kia tự nó là thường. Cho nên tánh của ngã tướng là không có tánh ánh sáng. Trong không có ánh sáng thì sao có thể nói có tướng ánh sáng? Như các ánh sáng có khả năng phá trừ bóng tối, song tối và sáng không gần gũi, không hòa hợp. Tuy nhiên, không gần gũi thì sáng làm sao có thể phá, không hòa hợp thì tối làm sao mà phá? Hoặc tướng sáng tối xa nhau thì đều có là không có chỗ được. Thế nên, biết ánh sáng có thể phá bóng tối là bất tức bất ly không thể ở trong định mà phân biệt thật. Tối tuy có bị phá trừ

nhưng không pháp năng phá. Pháp năng phá kia không có phần lượng riêng. Vì sao vậy? Vì tên gọi phá không trú. Từ đây mà biết tất cả các pháp kia đều do nhân duyên hòa hợp mà có đối tượng sanh. Do duyên sanh nên thành tựu như huyễn. Trong pháp như huyễn kia si ám v.v… cũng chẳng phải phiền não, chỉ do chướng ngại trí mà không rõ. Cho nên, lìa thức phân biệt, cũng chẳng phải ánh sáng kia mà có sanh khởi. Tánh thật của cả hai đều không phân biệt, trong ấy nếu thấy một bên thì không thể được.

Lại nữa, nên biết xúc tác, ý, thọ, tưởng, tư, dục thắng giải, niệm, định, tuệ, các tâm sở hữu pháp như vậy mỗi thứ đều là tướng của Bồ-đề và tất cả là tự tánh thanh tịnh. Hoặc có pháp chẳng phải là tướng Bồ-đề, thì không tương ưng với lý tự thể. Như tự tánh hư không, vốn thanh tịnh, thì tánh trí kia cũng thanh tịnh như vậy. Nếu biết tướng ngã thật là không có gì, thì tức tâm thức kia cũng lại không sanh. Nếu thức ấy không sanh thì tất cả pháp làm sao có? Cho nên phải biết, các pháp từ chân thật mà sanh, các pháp nhân duyên hòa hợp liền sanh. Tuy sanh mà không có thật, không hề có vì các pháp đều như huyễn, tâm thức như huyễn, duyên cũng như huyễn. Do như vậy nên thức từ duyên sanh, nên biết trí tánh cũng lại như huyễn. Không có gì để phân biệt, không có gì để biết rõ, tự tướng của các pháp chẳng phải sở tri của trí, chỉ có ngôn thuyết thì đều không tương ưng. Trong đây, nếu có thể xa lìa các phân biệt, hoặc sanh, hoặc diệt thảy đều xa lìa, duyên năng sanh như huyễn, sở sanh cũng như huyễn thì sao trong như huyễn mà thật có sanh? Nên biết tâm thức chúng đã như huyễn thì trí cũng như huyễn. Trí như huyễn nên sự nhận biết cũng như huyễn. Trí và sự nhận biết đều có là như huyễn, nên pháp sanh cũng vậy, Pháp sanh như huyễn nên các pháp cũng vậy. Như người thấy con, Voi do huyễn thuật làm ra. Nếu như đối tượng được sanh của nó tức có ba sự tướng thì các hành trong thế gian cũng lại như vậy, giống như đối tượng được sanh kia cũng có ba sự. Nếu đối với tâm này chấp có tượng vật thấy, thì liền có ngôn thuyết và sự tạo tác vật. Nếu hiểu rõ không có tâm tức không có vật để suy nghĩ. Không có tâm, không suy nghĩ, làm sao có các pháp? Nếu có tướng ngã và có ngã sở có thể nói có thấy, thì vô ngã và ngã sở làm sao có thấy? Tướng Bồ-đề kia cũng làm sao chứng được? Tướng vô ngã ấy như vậy nên biết. Tất cả pháp huyễn mà không hề có pháp như huyễn được hiển hiện gọi là có là có tánh không tánh là tánh của tự tánh kia. Tánh ấy không chấp trước mà tất cả hiện xứ. Nếu pháp là "có" tức chẳng phải "không". Cái "có" ở đây hiện tại cũng lại không có "thể". Nếu pháp là "không" tức là không nên "có". "Không" đây hiện tiền cũng lại thật có. Cho nên, không sanh ra cũng không thâu chứa. Do đấy nên biết, nếu pháp nói "có" thì không phải có như

vậy. Nếu không có như vậy thì phải là không. Trong đây nói "có" lại không thể xác định, tự tánh pháp giới cũng được nói như vậy. Nếu các sắc pháp là thật có "thể" thì đối với đệ nhất nghĩa là không hề có. Cho nên trong đấy các sự tạo tác đều từ huyễn hóa phân biệt khởi lên. Pháp có tánh, hoặc pháp không có tánh, xưa nay như thế. Chẳng phải có tánh, chẳng phải không có tánh cũng lại vậy. Có tánh, không có tánh, tự tánh tương ưng. Tánh và không có tánh, không phải tâm phân biệt. Hoặc nói các pháp đều là không có tự tánh. Hoặc cho các pháp có các sai khác không có tự tánh; trong tất cả các pháp tánh của không tự tánh không thể nói được. Hết thảy chư Phật tùy chuyển trong ba đời, khiến cho tất cả chúng sanh trong thế gian được giải thoát, nhưng cõi chư Phật nhân không tăng trưởng, tánh cũng lại không tăng trưởng; trong tánh chân thật chư Phật thường hiện hữu. Nên biết tất cả pháp phân biệt có bốn là có, hoặc không, là hai và hai loại chẳng phải. Thế gian như huyễn, tâm cũng như vậy. Tại sao không nói mà lại có điều được nói? Tất cả các pháp rỗng không, lìa các chấp trước. Không cũng không lìa tánh chân như kia, trong đó không nên lý luận phân biệt. Từ ý nghĩa đó, nên các pháp không có tánh, nên nói như vậy. Nên biết chư Phật chánh đẳng chánh giác, chẳng phải tánh, chẳng phải không có tánh. Tánh và không có tánh đều lìa chấp trước. Đây tức chẳng phải "không", cũng chẳng phải "chẳng không", cũng không thể thiết lập, không có và trung gian, cho nên tất cả pháp đều không sanh, không tánh. Vì không sanh, không tánh nên tùy theo tướng "có" khắp nơi để biểu thị. Song nếu chấp vào tướng, nghĩa thì không có gì là được, không có tánh thật để giữ đó tức là chân thật. Các pháp không sanh cũng lại không diệt. Tất cả các pháp kia đều đồng một tướng. Do đồng một tướng nên tất cả các pháp không nhiễm không tịnh. Nếu nói các pháp có sanh có diệt, thì nên biết đều là từ chủng tử phiền não hư vọng sanh khởi. Nếu nói các pháp là vô sanh, thì đó gọi là tăng ngữ đoạn kiến. Nếu nói các pháp là không diệt, thì đó gọi là tăng ngữ thường kiến. Cho nên biết các pháp lìa ngôn thuyết không thể nói sanh, không thể nói diệt. Trong tất cả các pháp, hoặc sanh hoặc diệt, mà thật sự không có một pháp nhỏ được có. Nếu có khả năng lìa hai loại tăng ngữ tức tất cả pháp chẳng đoạn, chẳng thường; tánh "có", tánh "không có", tánh chân thật của tự nó, trong đây không có một chút pháp nào là tướng có thể có được, không một việc nào thật có thể chuyển. Các pháp tuy có sanh nhưng không hề có, trong đó cũng không có cảnh giới thật, trí như hư không, lìa các tướng có, trí và hư không thảy đều bình đẳng. Nên biết tất cả phân biệt, sai biệt là lưới phiền não làm chướng ngại tánh thanh tịnh. Chân như vô tướng lìa các đối tượng duyên. Tự tánh thanh tịnh có ánh sáng lớn. Nên biết chư

Phật Thế Tôn vốn tánh chân như, đó là Phật bảo. Nhờ nhân thanh tịnh biểu hiện pháp thanh tịnh mở bày chánh giải, giữ gìn tư tánh đó là Pháp bảo. Chỉ chân thật đạo tự thể tương ưng, đó là Tăng bảo, nên Tam bảo đều là tướng vô vi không phải pháp uẩn v.v… Không phải tập, không có sở hữu, không có tướng, không phân biệt, cho nên chư Phật Thế Tôn trụ trong thắng nghĩa đế đều từ như thật đạo, như thật mà đến, cho nên gọi là Như Lai. Hiểu rõ như thật các pháp vô ngã v.v… do đó hiện các sắc tướng và pháp công đức. Từ khi mới phát tâm tu các thắng hạnh được bất thoái chuyển, cho đến sau cùng là Nhất sanh bổ xứ, thành Chánh đẳng Chánh giác, đấy là nhân ấy, từ chân như vô cấu hiện các thân Phật, hiện thân này là do phương tiện sanh để tuyên nói các pháp nhưng không nói về tướng. Tại sao vậy? Vì không có tánh không hề có. Tâm thức thanh tịnh, thức ấy có các sự tạo tác cũng thể hiện như vậy, tuy thể hiện mà không giữ lấy cũng không thể nêu bày. Do thắng nghĩa đế nên không giữ lấy, không thể nêu bày. Không giữ lấy, không nêu bày ở đây, tự thể tánh chân thật cũng không thể nêu bày. Do không thể nêu bày nên không phân biệt. Tánh không phân biệt là thắng nghĩa đế. Trong thắng nghĩa đế tùy sự phân biệt tất cả, tức các âm thanh pháp hiện có. Các pháp như vậy, các pháp đó không có tướng được nói. Tánh của các pháp đều bình đẳng, các pháp vô ngã cũng không có tự tánh. Tánh "có", tánh "không" tánh, vô tánh, mỗi mỗi tự tánh đều lìa có, lìa không, không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Trong đấy như vậy hoặc có hoặc không, ngữ nghĩa thâm diệu theo sự lìa tướng mà nói. Các pháp không tướng chứng gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Pháp lìa tướng nêu bày gọi là nói chân thật. Không sanh cũng không diệt, ý nghĩa của các pháp sâu xa, mỗi mỗi cảnh giới không ngã và không chuyển, pháp ngoài không thể chuyển, không thể giữ lấy. Các pháp như thí, giới v.v… tuy nói mà không có tướng, nên đối với tất cả pháp không có gì chấp giữ lấy tướng, tức không hề chấp trước, ở đấy cũng lại không có chỗ tác dụng khác. Nếu có tạo tác cũng gọi là "không". Tác dụng là "không" nên không có hành tướng thật; trong hành tướng không thật, pháp không tăng không giảm. Nếu hư vọng phân biệt các pháp, thì nên biết tâm kia do tướng chấp chuyển, khởi tâm như vậy là ngu si, chấp vướng tính phiền não nên không được giải thoát. Nếu không khởi tâm hư vọng phân biệt, thì mọi sự tạo tác ấy đều được tịch tĩnh, tâm đó đều là như thật được giải thoát. Do không phân biệt nên tâm tánh thường vắng lặng. Các pháp từ duyên sanh, tuy có xuất sanh mà gọi là không. Nên quán pháp chính nó mà không có các tướng, bậc Chánh đẳng Chánh giác đã dạy như vậy. Nên biết các pháp không hợp không tan, không tự, không tha, không có một pháp nhỏ nào mà có tướng có thể được chấp

giữ. Lúc đầu cũng như lúc cuối, trước sau tương ưng, nên tánh chân như kia chiếu sáng rực rỡ. Nếu có thể chiếu thấu suốt tánh chân như, thì các pháp duyên sanh hiển hiện mà vô ngại. Pháp do như huyễn, sanh cũng nói như vậy. Trong nói là từ Đại thừa xuất sanh, nên biết tất cả pháp hoặc sanh hoặc diệt chẳng phải do cách suy tìm tứ mà có thể biết được. Tại sao vậy? Các ngữ nghĩa một phía thì không chấp trước. Tánh chân thật kia không thể biết, nên tuy hiện tiền mà không có chỗ nào chấp giữ. Người trí xa lìa như thật lìa ngôn thuyết, tâm phân biệt gọi là màng lưới. Lìa tâm phân biệt liền được giải thoát. Tâm giải thoát kia như hư không bình đẳng. Lời dạy như vậy là pháp sâu xa. Nếu ở đây tin hiểu như thật, là bậc đại trí. Tâm tin hiểu kia cùng với ba cõi v.v… là tâm thanh tịnh lìa các trần cấu, lại có thể xa lìa tất cả nhiễm chấp tức là đối với các pháp không lấy, không bỏ, xa lìa tất cả ngu si nhiễm chấp. Đó tức có thể đạt được mười loại tự tại, đối với tự pháp kia hiểu rõ thật tánh; trong không có tự tánh cũng không có chỗ trụ; ở trong các pháp tin hiểu như thật, an trụ như thật trong sự tin hiểu. Thí như hư không hiện bày khắp tất cả. Tất cả các pháp kia sinh ra đầy đủ cũng lại như vậy, là pháp bình đẳng phổ biến hết thảy, không có pháp nào hoặc đến hoặc đi. Do không đến đi, nên các pháp hiện ngay trước mặt. Biết rõ ý nghĩa ấy là thông đạt giáo pháp của Phật. Tất cả pháp sanh đều không vướng mắc, khác pháp này cũng không có pháp riêng, đây là đạo chính yếu nơi các pháp Đại thừa. Lại sâu diệu tối thượng như thật mà chuyển, tâm thức thanh tịnh cho nên tất cả không vướng mắc cùng với lý tất cả pháp không chống trái nhau. Cho nên biết tất cả tâm chấp khắp cùng các pháp. Pháp kia sâu thẳm không phải dùng trí quan sát, không phải trí nhận biết rõ. Hai lãnh vực có, không đều không thể thiết lập. Vì nghĩa đó nên Bồ-đề của chư Phật không có người năng chứng, không có pháp sở chứng, nên trong pháp Bồ-đề không có chỗ an lập. Nếu có khả năng như thật thật chứng Phật của tự mình thì cùng chính tất cả pháp tương ưng. Các pháp không nhân cũng không có chỗ tạo tác. Các người ngu si suy nghĩ phân biệt. Nếu chấp không nhân rồi lại không có khả năng tích tập các việc phước đức, khởi tâm nhiễm chấp, chiêu cảm quả báo nơi cõi ác. Cho nên người trí ở trong diệu pháp sâu xa này, tin hiểu như thật, tôn trọng cung kính liền được vô lượng phước đức tối thượng, gọi là tu tập chân thật Đại thừa. Cho nên người hiểu rõ đạo này là đạo như thật, là đạo không chấp trước, tối thượng, tối thắng, có thể phát sinh lòng tin thanh tịnh, chư Phật khen ngợi. Có các ngoại đạo tà kiến không thể bỏ tâm chấp trước, pháp thâm diệu này không nên giảng nói cho họ. Nếu thuyết giảng thì không phù hợp với lý.

Con nay xưng tán pháp tối thượng Đầu giữa sau thiện, lý tương ưng

Gồm thâu câu: chân thật tối thượng Sâu xa vi diệu khó suy lường
Hợp các công đức số vô biên Thí khắp tất cả chúng sanh giới.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI ĐẠI THỪA TỨ TÔNG

SỐ 1639

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1639

LUẬN ĐỀ BÀ BỒ-TÁT PHÁ LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI ĐẠI THỪA TỨ TÔNG

Tác giả: Bồ-tát Đề Bà. Hán dịch: Đời Nguyên
Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi

Hỏi: Ngoại đạo đã lập nên bốn tông pháp, chẳng phải là Phật pháp. Bốn tông đó là gì?

Đáp: Đó là: Một, khác, đều có một và khác; không đều có một và khác.

Hỏi: Vì sao gọi là một, khác, đều và không đều?

Đáp: Có những ngoại đạo cho: Tất cả pháp là một.

Có những ngoại đạo thì nói: Tất cả pháp là khác.

Có những ngoại đạo lại cho: Tất cả pháp là đều có một và khác.

Có những ngoại đạo lại nói: Tất cả pháp là không đều có một và khác.

Đó là do ở trong pháp hư vọng, các ngoại đạo đều chấp chặt vướng mắc từng thứ, cho mọi vật là thật có.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói: Tất cả pháp là một?

Đáp: Nói tất cả pháp là một, là ngoại đạo Luận sư Tăng Khư.

Nói tất cả pháp là khác, là ngoại đạo Luận sư Tỳ-thế-sư.

Nói tất cả pháp là đều có, là ngoại đạo Luận sư Ni-kiền-tử.

Nói tất cả pháp là không đều có, là ngoại đạo Luận sư Nhã-đề-tử.

Hỏi: Vì sao phái Tăng Khư nói tất cả pháp là một?

Đáp: Theo ngoại đạo Tăng Khư: Ngã và giác (biết) hai pháp là một. Vì sao? Vì hai tướng sai biệt không thể được.

Hỏi: Vì sao hai tướng sai biệt lại không thể được?

Đáp: Như bò, ngựa là pháp khác, hai tướng sai biệt có thể thấy, có thể giữ, nên mới nói đó là bò, đó là ngựa. Nhưng Ngã lìa giác thì Ngã không thể có được. Lìa Ngã thì giác cũng không thể có được. Như trong kinh của Tôi nói: Thể tướng của ngã giác như lửa và sức nóng hai pháp sai biệt thì

không thể được.

Hỏi: Vì sao sai biệt không thể có được?

Đáp: Pháp ấy không thể nói khác. Ví như chăn bông trắng thì không thể nói đó là trắng, đó là chăn bông! Hai pháp sai biệt như tấm chăn bông trắng! Nhân quả của hết thảy pháp cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo Tỳ-thế-sư nói tất cả pháp là khác?

Đáp: Nói là khác, nghĩa là Ngã cùng với giác là khác. Vì sao? Vì nói là pháp khác.

Hỏi: Vì sao gọi đó là pháp khác?

Đáp: Cũng giống như nói đó là trắng, đó là tấm chăn bông! Đó là thiên đức, đó là tấm chăn bông thiên đức. Ngã khác với giác cũng như vậy, đó là ngã, đó là trí.

Hỏi: Có những sai biệt nào mà pháp kia không thể nói là một?

Đáp: Ví như tấm chăn bông trắng, đó là trắng, đó là tấm chăn bông. Như vậy hết thảy nhân quả đều khác, không thể nói là một.

Hỏi: Vì sao Ni-kiền-tử nói tất cả pháp là đều có?

Đáp: Nói tất cả pháp là đều có, nghĩa là như ngã và giác thì không thể nói là một, cũng không thể nói là khác. Lại cũng có nghĩa khác có thể nói là một, có thể nói là khác.

Hỏi: Vì sao không một, không khác, cũng một, cũng khác?

Đáp: Ví như ngã và mạng tướng dụng có khác, phương tiện khác nên nói như thế. Như tham sân si được nói là có khác. Thí như đèn sáng, được nói là một, được nói là khác. Do có đây có kia, không đây thì không kia nên được nói một. Đèn khác chỗ, ánh sáng khác chỗ, nên được nói là khác. Như đèn sáng nhân, quả tấm chăn bông trắng tất cả pháp cũng như vậy cũng được nói là một, cũng được nói là khác. Cho nên gọi là đều có.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo Nhã-đề-tử nói: Tất cả pháp là không đều có?

Đáp: Không cùng có nghĩa là tất cả pháp không thể nói là một, không thể nói là khác. Do hai biên kiến đều lỗi, vì những Luận sư nói là một, là khác thảy đều có sai lầm! Người trí không lập ba pháp như vậy.

Hỏi: Vì sao mà sai lầm?

Đáp: Nếu tách lìa trắng không có tấm chăn bông thì trắng diệt, tấm chăn bông cũng phải diệt. Nếu khác trắng lại có tấm chăn bông, thì có tấm chăn bông mà chẳng phải trắng, có trắng mà chẳng phải tấm chăn bông, cho nên pháp là một, là khác, là đều có… Ta đều không lập. Tuy nhiên, tất cả pháp là một, là khác, là đều… cũng không thể nói là không.

Các ngoại đạo đó do phân biệt hư vọng, đó là tướng tà kiến, chứ chẳng phải là tướng trí, thảy đều là bất thiện.

Nghĩa này là sao? Pháp là một, là khác v.v… ấy là phân biệt hư vọng, do không thể nói tức pháp kia. Pháp kia một thì không được nói là cái bình. Cái bình là một, thì cái bình tức là cái bình, nên không được nói là pháp khác. Pháp khác là một, vì không được nói là cái bình chung. Tấm chăn là một, vì tướng bình khác, tướng tấm chăn khác, vì pháp khác nên lìa pháp khác. Pháp khác, không được là một, không được là khác, vì pháp khác không tạo thành pháp khác, vì pháp khác không được nói là pháp khác… Nếu hai pháp, một nói là một, một nói là khác, thì hai pháp ấy nên nói là một, nên nói là khác. Nếu không nói là một, không nói là khác, thì đó là phân biệt hư vọng. Còn nếu hai pháp kia đúng là một, thì không được nói pháp kia đúng là khác. Nếu không có hai, làm sao nói là một? Vì pháp kia đối đãi nhau mà thành, nên nương thế đế phân biệt hư vọng. Trong đệ nhất nghĩa đế, không có những lỗi lầm do hư vọng phân biệt theo hý luận của các ngoại đạo ấy.

Đó là trả lời chung về bốn loại tướng tà kiến của ngoại đạo.

Từ đây trở đi, trả lời riêng về bốn nghĩa.

Nghĩa thứ nhất: Như vậy, mỗi mỗi xem xét kỹ nghĩa phân biệt hư vọng của các ngoại đạo… Ca-tỳ-la, Ưu-lâu-khư… là không thành tựu.

Nghĩa này thế nào? Nói tất cả pháp là một thì nghĩa đó không như vậy. Vì diệt thì phải diệt, không diệt thì không diệt. Còn cùng diệt, không cùng diệt, thì nghĩa đó thế nào? Ông vừa nói tướng ngã và giác sai biệt là không thể có được, như trắng và tấm chăn bông! Tôi phá nghĩa đó. Vì sao? Vì nghĩa đó không tương ưng cùng các kinh luận. Ông nói các pháp sai biệt, không thể có được, nghĩa đó không đúng. Như tay và móng, theo pháp kia là hai tướng sai biệt, không thể có được thì đây nói lên nghĩa gì? Như móng tay, ngón tay, bàn tay, đều là tên gọi của tay, nếu là khác pháp thì tay đó không thể có được. Như vậy thì tấm chăn bông trắng là một, không thể có được. Vì sao? Vì pháp là không khác. Ngã, giác là một không thể có được, như vậy, tấm chăn bông trắng là một không thể được, ví như tay thì cùng có ngón tay, bàn tay. Nếu cái đây diệt thì cái kia cũng phải diệt. Nghĩa đó thế nào? Nếu trắng mất thì tấm chăn bông phải mất! Như cắt cánh tay là cắt ngón tay, bàn tay. Nếu ý ông, cho là trắng mất, mà tấm chăn bông không mất, thì nghĩa đó không đúng. Nếu tấm chăn bông không diệt thì lẽ ra màu trắng cũng không diệt. Hoặc như cắt cánh tay, thì ngón tay bàn tay phải còn, hoặc cắt ngón tay bàn tay thì tay cũng nên còn. Nếu ý ông cho rằng…

chỉ diệt xanh vàng đỏ, còn sắc trắng, tấm chăn bông không diệt? Vậy thì làm sao nói là một! Nếu không như vậy thì những sắc xanh vàng đỏ không nên diệt! Không thể như thế được. Tấm chăn bông không diệt, thì các sắc xanh vàng trắng cũng không nên diệt.

Hỏi: Theo tôi, xanh vàng đỏ che phủ sắc trắng, nhưng không diệt trắng. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Tấm chăn bông cũng như vậy, che phủ tấm chăn bông nhưng không diệt tấm chăn bông. Vả lại, nghĩa đó không đúng. Giặt tấm chăn bông xong, thấy tấm chăn bông trở lại màu trắng. Tấm chăn bông cũng như vậy, che phủ tấm chăn bông mà không diệt tấm chăn bông. Cho nên trắng tức là tấm chăn bông, tấm chăn bông tức là trắng. Nếu tấm chăn bông diệt, nghĩa là các sắc xanh vàng đỏ trắng làm sao thấy? Nếu lại ý ông, cho trắng mất, sự che phủ không mất thì tấm chăn mất, tấm chăn che phủ cũng không nên mất trắng. Nếu đúng vậy thì có pháp diệt che phủ, có pháp không diệt không che, vậy làm sao nói là một? Cho nên một thì nghĩa không thành. Đến đây là trả lời xong về nghĩa tất cả pháp là một của Luận sư ngoại đạo Tăng Khư.

Hỏi: Luận sư ngoại đạo Ca Na Đà nói: Tất cả pháp là khác. Ngã và giác khác nhau, là do nói pháp khác, cho đó là ngã, cho đó là giác, như tấm chăn bông trắng, cho đó là màu trắng, đó là tấm chăn bông.

Đáp: Nghĩa này không đúng, vì không có thí dụ rõ ràng. Như người ta nói đây là cánh tay, đó là ngón tay. Người này tuy nói thế, nhưng không thể cho đó là pháp khác, nên không được nói ngã, giác là khác. Như tấm chăn bông trắng, thế gian thấy có hai cách sai biệt: một là hình dạng, hai là chỗ, nơi. Tướng sai biệt nghĩa là sắc hương vị xúc vừa là tướng không khác, vừa là tướng có khác. Xứ sai biệt nghĩa là có màng đậu mỏng bằng tấm chăn bông trắng, tướng không khác, nhưng có sai biệt. Cũng như sắc hương vị xúc kia. Nếu không như vậy thì có bốn thứ lỗi. Nghĩa đó thế nào? Trắng mất thì tấm chăn bông cũng phải mất, như sắc hương vị xúc kia. Thí như lửa hòa hợp nung cái bình thành màu đỏ, rồi lại thành màu xanh… Hương vị cũng vậy. Nếu không như vậy, thì sắc hương vị xúc cũng không nên diệt, như tấm chăn bông trắng kia mà khác thì không thể được! Nếu màu trắng mất, tấm chăn bông cũng phải mất. Tấm chăn bông không mất, thì màu trắng không lẽ mất!

Hỏi: Nghĩa đó không đúng. Nương pháp kia có pháp này. Ví như bức họa trên tường, phải dựa vào tường mới vẽ được. Tường không có, vẽ vào đâu! Vẽ diệt mất mà tường không mất. Theo tôi, màu trắng mất, tấm chăn

bông không mất. Nghĩa đó cũng như vậy.

Đáp: Ông đưa thí dụ, hai sự việc không tương tự nhau! Bức tường phải có trước, vẽ sau này mới tạo ra. Còn tấm chăn bông trắng kia khởi đầu không có trước sau. Không được nói là màu trắng có trước, tấm chăn bông mới tạo ra sau.

Vậy là đã đáp xong về nghĩa tất cả pháp là khác của Luận sư ngoại đạo Vệ Thế Sư.

Hỏi: Luận sư ngoại đạo Ni-kiền-tử nói: Tất cả pháp là đều có. Các Luận sư như Ca-tỳ-la… đều có những lầm lỗi, vì nói là một, là khác, cho nên tôi nói đều mà chẳng đều. Thí như đèn, ánh sáng, đây có thì kia có, kia có thì đây có, đây không thì kia không, kia không thì đây không. Như có đèn thì có ánh sáng, có ánh sáng thì có đèn. Không có đèn thì không có ánh sáng, không ánh sáng thì không có đèn. Khác ở đây là chủ thể chiếu đối tượng chiếu, vì đèn có chỗ khác, ánh sáng có chỗ khác, cho nên mới nói là khác. Như ngã, giác, tấm chăn bông trắng cũng vậy! Cũng được nói là một, cũng nói được là khác. Thí như màu trắng, ở trong tấm chăn bông tách riêng thì không được nói đó là màu trắng, đó là tấm chăn bông. Theo như thế gian, đó là bò, đó là ngựa… Tấm chăn bông trắng thì không phải vậy! Cho nên ta không nói khác, cũng không nói là một. Vì nếu là một thì màu trắng mất, tấm chăn bông phải mất. Với lại, nếu là một thì cũng không nên nói là tấm chăn bông đỏ, tấm chăn bông đen… Cho nên theo tôi được nói là một, được nói là khác. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Tăng Khư, Tỳ-thế-sư, như vừa nói ở trên về những sai lầm của họ, là không khác với đây. Do những nghĩa nào mà Tăng Khư cho là một như vừa nói? Do những nghĩa nào mà Tỳ- thế-sư nói là khác như vừa nói? Thế nào là vừa nói? Như vừa nói rằng: Cho đèn, sáng là một, thì đèn tức là ánh sáng, ánh sáng tức là đèn. Cái đó tuy về số có riêng biệt, nhưng về nghĩa thì không riêng biệt. Nếu vậy, đèn cũng phải là ánh sáng, ánh sáng cũng phải là đèn. Nếu hai pháp đó là một thì làm gì có chỗ khác? Như bàn tay và ngón tay không sai khác, cuối tay (vùng gần nách) thì có sai khác. Bàn tay - ngón tay là không có sự sai biệt. Nếu cho là một, thì làm sao nói khác được? Cho nên không được nói là một, là khác. Nghĩa của là một là khác như vậy là không thể thành tựu. Đã trả lời xong về nghĩa tất cả pháp là đều, của Luận sư ngoại đạo Ni-kiền-tử.

Hỏi: Luận sư Nhã-đề-tử nói: Các Luận sư như Tăng Khư… cho đến tất cả pháp là một, là khác, là đều, đều có sai lầm! Theo tôi - Nhã-đề- tử - thì không nói tất cả pháp là một, là khác, là đều. Trong luận của tôi không

đồng ý nghĩa đó. Chỉ chấp nhận là không đều có, cho nên tôi không sai lầm như các Luận sư kia. Tuy nhiên không được nói không có là không đều. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Không có thí dụ cụ thể. Không dùng thí dụ nghĩa là: Theo tôi nói, Thế đế có pháp như vậy. Trong đệ nhất nghĩa đế, không có tướng như vậy. Cho nên mới thành nghĩa mà tôi đã nói. Làm sáng tỏ nghĩa gì? Vì không có pháp kia, thì không có pháp này, thể pháp kia không, thể pháp này cũng không. Vì pháp này không thành pháp kia, thì pháp kia cũng không thành pháp này. Vì pháp kia rốt ráo không phải pháp này, thì pháp này cũng rốt ráo không phải pháp kia. Vì trắng chứ chẳng phải tấm chăn bông, vì tấm chăn bông chứ chẳng phải màu trắng. Vì diệt, không tương ưng. Nếu là một, thì màu trắng là tấm chăn bông, tấm chăn bông là màu trắng. Nếu không như vậy thì diệt là diệt; không diệt là không diệt. Nếu đúng vậy thì thế nào là hư vọng phân biệt; cho tất cả pháp là một, là khác, là đều, là không đều! Còn nếu đúng vậy, thì tấm chăn bông cũng lẽ ra chẳng phải tấm chăn bông, chẳng phải không là tấm chăn bông. Màu trắng cũng lẽ ra chẳng phải màu trắng, chẳng phải không màu trắng. Vì tấm chăn bông vẫn là tấm chăn bông; màu trắng vẫn là màu trắng; cho nên tấm chăn bông chẳng phải tấm chăn bông, trắng chẳng phải trắng. Vậy thì chẳng phải trắng, không được trắng! Như vậy là một, là khác, là đều, là không đều có, đều là những phân biệt do hư vọng. Chỉ có ngôn thuyết không có thật nghĩa. Như thế, nghĩa của những vấn đề như ngã - giác, nhân quả… cũng đều như vậy cả. Vậy là đã trả lời xong về nghĩa tất cả pháp là không đều có của Luận sư ngoại đạo Nhã-đề-tử.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI TIỂU THỪA NIẾT BÀN

SỐ 1640

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1640

LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI TIỂU THỪA NIẾT BÀN

Tác giả: Bồ-tát Đề Bà. Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi.

Hỏi: Thế nào là Niết-bàn của ngoại đạo?

Đáp: Niết-bàn của ngoại đạo có hai mươi loại: Là các ngoại đạo v.v… đều phân biệt hư vọng. Do các nhân như vậy sanh vào sáu cõi. Nhằm ngăn ngừa các loại tà kiến đó nên Như Lai nói chính nghĩa của nhân quả Niết-bàn. Hai mươi loại đó là gì?

1. Luận sư ngoại đạo Tiểu Thừa.
2. Phương Luận sư.
3. Phong Luận sư.
4. Luận sư Vi Đà.
5. Luận sư Y-xa-na.
6. Luận sư ngoại đạo lõa hình.
7. Luận sư Tỳ-thế-sư.
8. Luận sư khổ hạnh.
9. Luận sư của quyến thuộc nữ nhân.
10. Luận sư hành khổ hạnh.
11. Luận sư Tịnh nhãn.
12. Luận sư Ma Đà La.
13. Luận sư Ni-kiền-tử.
14. Luận sư Tăng Khư.
15. Luận sư Ma-hê-thủ-la.
16. Luận sư vô nhân.
17. Luận sư về Thời.
18. Luận sư Phục thủy.
19. Luận sư Khẩu lực.

20. Luận sư Bổn sanh an đồ.

Hỏi: Ngoại đạo nói các thọ ấm hết như ngọn đèn lửa tắt, chủng hoại, gió ngừng, gọi là Niết-bàn là thế nào?

Đáp: Thứ nhất đó là thuyết của Luận sư ngoại đạo Tiểu thừa. Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói phương là Niết-bàn?

Đáp: Thứ hai, Luận sư ngoại đạo về Phương nói: Đầu tiên sanh các phương, từ các phương sinh con người nơi thế gian. Từ con người sinh ra trời đất, trời đất lúc diệt lại nhập vào nơi kia gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư về phương nói phương vị là thường, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói gió là nhân Niết-bàn?

Đáp: Thứ ba, Luận sư ngoại đạo Phong Tiên nói: Gió có khả năng sanh trưởng mạng sống và vật thể, cũng có khả năng hủy hoại mạng sống và sự vật. Gió tạo ra vạn vật, gió có khả năng làm vạn vật tan rã, gọi gió là Niết-bàn. Cho nên Luận sư Phong Tiên gọi gió là thường là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói Phạm thiên là nhân Niết-bàn? Đáp: Là ngoại đạo thứ tư, Luận sư Vi đà nói từ rún của trời Na-la-

diên sanh hoa sen lớn, từ hoa sen sinh ra ông tổ Phạm thiên, tao tác tất cả vật mạng và vô mạng. Từ miệng Phạm thiên sinh là Bà-la-môn. Sinh ra từ hai cánh tay Phạm thiên là Sát-đế-lợi. Sinh ra từ hai đùi vế Phạm thiên là Tỳ-xá. Sinh từ hai gót chân của Phạm thiên là Thủ-đà. Tất cả đại địa, là tu phước đức, giới trường, sanh tất cả hoa cỏ dùng để nuôi dưỡng. Ngài hóa ra núi rừng, đồng ruộng, cầm thú, trong loài người như heo, dê, lừa, ngựa v.v… Ở trong giới trường, giết hại loài vật cúng dường Phạm thiên được sanh lên cõi đó gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư Vi Đà cho Phạm thiên là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói không phân biệt thấy thường vô thường là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ năm, Luận sư Y-xa-na, quyến thuộc nói như vầy: Luận sư Tôn giả Y-xa-na, hình tướng không thể thấy, hiện bày khắp mọi nơi. Do không có tình hướng mà có thể sanh tất cả vạn vật hữu mạng, vô mạng gọi là Niết-bàn. Do đó, Luận sư Y-xa-na quyến thuộc nói Y-xa-na là thường, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo phân biệt thấy các loại tướng khác gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ sáu là Luận sư lõa hình nói.

Hỏi: Thế nào ngoại đạo nói thấy tự tướng đồng tướng của tất cả pháp

gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ bảy, Luận sư Tỳ-thế-sư nói như thế này: Nghĩa là địa thủy, hỏa, phong, hư không, vi trần, vật, công đức, nghiệp, thắng v.v… mười loại pháp thường hòa hợp sanh ra tất cả vật biết, không biết của thế gian. Từ hai vi trần thứ lớp sanh hết thảy pháp. Không có vật kia là không có hòa hợp này. Không hòa hợp tức là ly tán. Ly tán tức là Niết-bàn. Do đó, Luận sư Tỳ-thế-sư nói vi trần là thường, có thể sinh ra tất cả vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói thân hết, phước đức hết gọi là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ tám là thuyết của Luận sư Khổ hạnh.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói tự tánh nơi nhân mạng chuyển biến gọi là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ chín, Luận sư quyến thuộc nữ nhân nói: Trời Ma-hê-thủ-la tạo ra tám người nữ:

Một là, A Đề Trí.

Hai là, Đề Trí.

Ba là, Tô La Bà.

Bốn là, Tỳ Na Đa.

Năm là, Ca-tỳ-la.

Sáu là, Ma Nậu.

Bảy là, Y La.

Tám là, Ca Đầu.

A Đề Trí sanh ra các trời. Đề Trí sinh A-tu-la. Tô La Bà sanh loài rồng, Tỳ Na Đa sanh các loài chim. Ca-tỳ-la sanh loài bốn chân. Ma Nâu sanh ra con người. Y La sanh ra tất cả giống lúa, Ca Đầu sinh ra tất cả rắn, rết, muỗi, ruồi, nhặng bọ chét, sâu có trăm chân v.v… Người nhận biết như vậy gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư người nữ và quyến thuộc nói nữ nhân là thường, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói tội phước hết, đức cũng hết, cho nên gọi là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ mười, Luận sư hành khổ hạnh nói.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói phiền não hết, nương tựa vào trí gọi là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ mười một Luận sư Tịnh nhãn nói như vậy.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói thấy trời Tự Tại tạo ra chúng sanh, gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười hai Luận sư Ma Đà La nói: Luận sư Na-la-diên nói: Ta tạo ra tất cả vật. Ta là tối thắng trong tất cả chúng sanh. Ta sanh ra tất cả các vật hữu mạng, vô mạng nơi thế gian. Trong tất cả núi, Ta là núi chúa Đại Tu Di. Trong mọi thứ sông ngòi, ta là biển lớn, ta là sự tốt đẹp trong tất cả các loại thuốc. Trong hết thảy Tiên nhân, Ta là Ca-tỳ-la Mâu-ni. Nếu con người chí tâm dùng nước, cỏ, hoa quả cúng dường Ta thì Ta không quên người ấy, người ấy không quên Ta. Luận sư Ma Đà La nói: Luận sư Na-la-diên nói tất cả vật đều từ Ta tạo tác mà sanh, chết rồi trở lại cõi kia gọi là Niết-bàn, cho nên gọi là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói chúng sanh lần lượt cùng nhân sanh gọi là Niết-bàn?

Đáp: Là ngoại đạo thứ mười ba, Luận sư Ni-kiền-tử nói như thế này: Lúc đầu sanh một nam cùng một nữ. Hai người ấy hòa hợp có thể sanh tất cả vật hữu mạng và vô mạng v.v… Thời gian sau ly tán, chết trở về chỗ kia gọi là Niết-bàn. Vì vậy Luận sư Ni-kiền-tử nói nam nữ hòa hợp sinh ra tất cả vật, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói chứng đế đạo gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười bốn, Luận sư Tăng Khư nói: Tự tánh của hai mươi lăm đế là nguồn gốc sanh ra chúng sanh, là nhân Niết-bàn. Tự tánh là thường, nên từ tự tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra ý, từ ý sinh trí, từ trí sinh ra năm phần, từ năm phần sinh ra năm tri căn, từ năm tri căn sinh ra năm nghiệp căn, từ năm nghiệp căn sinh ra năm đại. Cho nên trong luận nói tùy theo từng loại tánh thế nào mà tu hành hai mươi lăm đế. Biết như thật từ tự tánh sinh, hoàn nhập tự tánh, có thể lìa mọi sanh tử, đắc Niết-bàn. Như vậy từ tự tánh sanh ra tất cả chúng sanh, cho nên ngoại đạo Tăng Khư nói tự tánh là thường, có thể sanh ra các pháp, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói có tạo tác và được tạo tác cùng hòa hợp gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười lăm, Luận sư Ma-hê-thủ-la nói như thế này: Quả là do Na-la-diên tạo ra. Phạm thiên là nhân. Ma-hê-thủ-la là một thể có ba phần: đó là Phạm thiên, Na-la-diên, Ma-hê-thủ-la. Đất là chỗ nương dựa. Chủ của đất là trời Ma-hê-thủ-la ở trong ba cõi, tất cả vật có mạng, không mạng đều do Trời Ma-hê-thủ-la sanh ra. Thân Ma-hê-thủ-la thì hư không là đầu, đất là thân, nước là nước tiểu, núi là phẩn, tất cả chúng sanh là trùng ở trong bụng, gió là mạng, lửa là chất nóng, tội phước là nghiệp.

Tám chủng loại đó là thân của Ma-hê-thủ-la. Trời Tự Tại là nhân sanh diệt. Tất cả từ trời Tự Tại mà sanh, diệt gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư Ma-hê-thủ-la nói trời Tự Tại thường sanh ra tất cả vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói tất cả vật tự nhiên sanh gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười sáu, Luận sư vô nhân nói như thế này: không nhân, không duyên sanh tất cả vật. Nhân không nhiễm, không tịnh. Trong luận của Ta nói: Như các thứ gai châm vào người, không có người làm. Mỗi mỗi sắc vẽ như khổng tước đều không do con người làm. Tự nhiên mà có không từ nhân sanh gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư vô nhân nói: Tự nhiên là thường sanh tất cả vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói các vật đều do Thời tạo tác gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười bảy, Luận sư về thời nói như thế. Thời làm thành thục tất cả đại. Thời tạo ra tất cả vật. Thời làm tan rã tất cả, cho nên trong luận của ta nói: Như bị một trăm mũi tên bắn, thời không đến thì không chết. Thời đến, dù ngọn cỏ chạm vào cũng liền chết. Thời sanh tất cả vật, thời thành thục tất cả vật. Thời diệt tất cả vật. Thời không thể vượt qua, cho nên Luận sư về Thời nói: Thời là thường sanh tất cả vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói thấy có vật gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười tám, Luận sư Phục Thủy nói như thế. Nước là nguồn gốc của vạn vật, Nước có thể sanh ra trời đất, Nước có thể sinh ra tất cả vật có mạng và vô mạng. Dưới đến ngục A-tỳ, trên đến cõi Trời A-ca-ni-trá, nước đều làm chủ. Nước có thể sanh ra vật, nước có thể hoại vật, gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư ngoại đạo Phục Thủy nói nước là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói không thấy vật gọi là nhân Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ mười chín, Luận sư Khẩu lực nói: Hư không là nhân sinh ra vạn vật. Đầu tiên sinh hư không. Từ hư không sinh ra gió, từ gió sinh ra lửa, từ lửa sinh ra hơi ấm. Từ hơi ấm sinh ra nước, nước liền đóng băng cứng tạo thành đất. Từ đất sinh ra các thứ cỏ thuốc. Từ các thứ cỏ thuốc sinh ra năm giống lúa. Từ năm giống lúa sinh ra mạng.

Như vậy trong luận của Ta nói mạng ấy là thức ăn, sau đó rồi chết. Hư không gọi là Niết-bàn. Cho nên Luận sư ngoại đạo Khẩu lực nói Hư không là thường, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là ngoại đạo nói thấy vật có không là nhân Niết-bàn?

Đáp: Ngoại đạo thứ hai mươi, Luận sư An Đồ bổn sanh nói: Vốn không mặt trời, mặt trăng, sao, hư không, đất, chỉ có nước lớn. Lúc đại An Đồ sinh ra như con gà toàn thân sắc vàng ròng đến lúc bể ra làm hai đoạn. Một đoạn ở trên làm trời, một đoạn ở dưới làm đất, ở giữa hai thứ kia sinh ra Phạm thiên gọi là ông Tổ của tất cả chúng sinh, tạo ra tất cả vật hữu mạng và vô mạng. Như khi các vật hữu mạng vô mạng chết, sanh nơi xứ kia gọi là Niết-bàn. Vì vậy, Luận sư ngoại đạo An Đồ nói: Đại An Đồ xuất sanh Phạm thiên là thường, gọi là nhân Niết-bàn.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

TÙY TƯỚNG LUẬN
(GIẢI THẬP LỤC ĐẾ NGHĨA)

SỐ 1641

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1641

LUẬN VỀ TÙY TƯỚNG

Tác giả: Pháp sư Đức Tuệ
Hán dịch: Đời Trần, Tam tạng Chân Đế

GIẢI MƯỜI ĐẾ TRONG LUẬN

Hỏi: Nói chung là vật có mười sáu hay là danh có mười sáu?

Đáp: Sư Tỳ-phả-sa giải: Vì là vật nên có mười sáu, lập thành mười sáu tên gọi. Thể của nó thật có, nên gọi là vật. Còn theo cách giải của sư nơi Ưu-ba-đề-xá kinh thì có mười sáu tên gọi. Vật có bảy, Khổ đế có bốn, đó là: Vô thường - khổ - không - vô ngã. Ba đế Tập - Diệt - Đạo, mỗi cái có một, hợp lại là bảy. Theo bản kinh nói về Ưu-ba-đề-xá…, Phật đã dùng nó mà giải các nghĩa. Sau khi Phật diệt độ, các vị như A-nan, Ca-chiên-diên… trước khi nói lại những gì đã nghe được ở Phật, đều ra sức giải các nghĩa ở trong kinh đó. Các đệ tử khác cũng cố gắng tạo các luận để giải kinh này, cho nên gọi nó là Ưu-ba-đề-xá kinh. Tỳ- bà-sa cũng từ Ưu-ba-đề-xá mà ra.

Tóm lược về Ưu-ba-đề-xá: Đã là truyền xuất, thì không nói là về Tỳ-bà-sa kinh. Ở đây, trước tiên là dựa vào duyên tùy thuộc đã được giải thích ở trước, gọi là pháp hữu vi vô thường. Không có sức thì không thể tự khởi, như duyên mới khởi, như đứa trẻ con quá nhỏ không có khả năng tự đứng lên, phải nhờ người khác giúp đỡ mới có thể đứng được. Đã nói duyên, tức có nghĩa là nghiệp và tham ái. Hai pháp đó ắt phải có đầy đủ, thì năm ấm mới phát sinh. Nghiệp có khả năng sanh quả. Tuy khả năng sanh, nhưng nếu không tham ái, không vướng mắc vào chỗ phải sanh, thì quả cũng không khởi. Như địa, thủy… có khả năng sanh mầm lúa v.v… Nếu không có công sức người, chỉ đặt để hạt giống xuống đất thì mầm trọn không mọc được! Khi chưa khởi nghiệp và tham ái, thì quả không khởi. Tham ái và nghiệp nhân duyên hòa hợp, quả mới được sanh, sanh tức là có. Nghiệp lực nếu hết thì quả cũng tàn rụi, trở về là không. Tức là có trước sau, nhưng trước sau không lệ thuộc vào duyên. Nói duyên tùy thuộc, nên gọi là vô thường. Nói tánh bức não nên gọi là khổ. Bức não có hai loại. Một là bức

não trái ngược. Hai là bức não tùy thuận. Nếu đối với đệ tử Phật, thì bức não trái ngược. Vì đệ tử của Phật, ở trong sanh tử, luôn sanh sợ hãi. Trong kinh có thí dụ: Ví như nung trui rèn kiếm sắc bén, ngọn lửa sẽ chói lòa mắt, người đang cầm, nó đứng cạnh sợ bị hại. Trong từng niệm từng niệm, luôn nảy sanh rất sợ - đệ tử của Phật sợ hãi sanh tử cũng như vậy. Từ đây trở đi là nói về nghĩa trái nghịch, vì nó mà có những sanh lão bệnh tử, bức não thường xuyên, nên khổ. Đối với phàm phu là tùy thuận bức não, vì phàm phu vướng mắc vào ái sanh tử, đó là nghĩa tùy thuận, như hai anh em, anh thì luôn thương yêu em, mà em thì thường hay gây phiền não cho anh. Anh chịu khổ não vẫn tự yêu nó. Phàm phu yêu đắm mắc sanh tử, nên chịu khổ, vẫn yêu sự say đắm đó. Cho nên do tính bức bách não mà khổ. Đối trị ngã sở kiến, gọi đó là "không", vì phàm phu chấp tất cả pháp cho là ngã sở. Nay nói rõ ra, tất cả đều chẳng phải là ngã sở, vì đối trị kiến chấp này nên gọi là "không". Đối trị ngã kiến nên gọi là vô ngã, phàm phu chấp vào năm ấm… cho đó là ngã. Nay nói rõ ra, tất cả pháp đều không có ngã. Vì đối trị với kiến đó, nên nói là vô ngã.

Tiếp theo là giải thích bốn tên gọi của Tập đế. Theo như đạo lý, pháp chủng tử gọi là nhân, nhân này có khả năng sanh quả, là pháp chủng tử, đủ cả bốn nghĩa, đó là đạo lý. Bốn nghĩa đó là:

1. Chủng tử bị phá thì không thể sanh: Là như lấy hạt giống nghiền cho nó bể ra. Tuy nó có đủ các duyên, nhưng nó không có khả năng mọc mầm, những tham ái phiền não cũng góp phần sanh quả của chủng tử. Nếu bị đạo phá hỏng, dù có đủ những duyên khác, nhưng phiền não cũng không còn sinh quả được nữa.

2. Vì lâu, cũ. Tuy đủ các duyên, nhưng vẫn không có khả năng mọc mầm vì hạt giống đã trải qua thời gian quá lâu. Những tham ái sanh quả cũng lại như thế. Thanh văn phải tu hành sáu mươi đại kiếp. Duyên giác trăm đại kiếp tu hành. Phật ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành. Những người Tam thừa trước khi chưa phát tâm, thì ở trong một vị xiển đề, khởi biết bao là phiền não, nào là tham, ái… phiền não sanh nghiệp, nghiệp chiêu cảm quả, nhưng chưa lãnh thọ, nên từ sự tu hành, trải qua bao thời tiết đã vứt bỏ đi nhiều. Công đức trí tuệ cũng đã chuyển đổi sâu rộng tác động, ắt phải nhân trước làm cho lực dụng của nhân suy yếu nên tuy đủ các duyên khác nhưng nhân không thể sanh quả. Kinh Đại Hữu nói: Chín mươi tám hoặc sanh một phiền não, một phiền não lại sanh chín mươi tám hoặc. Nhân tham mà đầy đủ cũng sanh chín mươi tám hoặc, và ngược lại hoặc cũng có thể sanh ra tham…

3. Là mất thời cơ, tuy đủ các duyên khác cũng không thể mọc mầm, như trồng mùa Xuân thì sống, mùa Đông thì không sanh. Nhân sai thời cũng không thể sanh quả. Ví như Ương-quật-ma-la, vì vô minh, y đã giết hai ngàn người! Khi chết tất phải vào địa ngục, nhưng hiện thân đời này lại được quả A-la-hán. Ác trước đã tạo, nhưng vì sai thời nên đủ duyên, vẫn không sanh lại quả.

4. Nhân duyên không đủ. Tuy không bể, không lâu cũ, không mất thời, nhưng cũng không mọc mầm. Ví như có đất, nước, công sức con người, mà nhân duyên không đủ cũng không thể mọc mầm. Nhân sanh ra quả cũng vậy. Tuy chưa bị bể hư, chưa trải qua thời gian lâu và mất thời cơ, nhưng nhân duyên không đủ thì cũng không thể sanh quả! Nếu chúng sanh tạo nghiệp, để có thể dẫn dắt sanh quả, nên có đủ ba việc: Một là gần gũi các bậc thiện tri thức. Hai là hết mực có niềm tin nơi tâm. Ba là không tạo sức mạnh nghiệp ác. Đối trước ba việc đó mà làm đủ thì việc cầu mong kia sẽ được. Nếu không đủ ba việc, thì nhân duyên không đủ, không thể có được quả.

Kinh Xú Lậu có nói: Nếu có chúng sanh tạo nghiệp nguyện được sanh vào cõi người, nhưng nhân duyên không đủ, phải thọ quả trong hàng súc sanh. Nếu tạo nghiệp ác, đúng lý phải thọ sanh ở trong hàng súc sanh, nhưng nhân duyên không đủ, nên thọ quả ở trong cõi người. Như A-la-hán tuy có đủ các nghiệp, nhưng vì nghiệp tận, phiền não đoạn dứt, không làm bạn với không phiền não, thì không thể bị dẫn dắt việc sanh. Lại như trung diệt A-na-hàm, nghiệp dụng đã hết nhưng tham ái chưa hết, thì không được thọ sanh vào cõi sắc, mà sanh trong trung ấm. Lại như được sơ quả xong, dấy khởi phiền não do Tu đạo diệt, phiền não sanh nghiệp. Tuy nghiệp phiền não đủ, nhưng do đoạn phiền não của Kiến đạo đã phá trước nên không được dùng nghiệp mới để thọ sanh.

Pháp hạt giống của thế gian, ắt phải đủ bốn loại đạo lý, thì mầm non mới sanh được. Tham ái và nghiệp làm pháp hạt giống thì cũng vậy. Tất phải đủ bốn loại đạo lý mới có thể sanh quả. Sanh được quả thì gọi là nhân.

Hỏi: Nghiệp và phiền não, cái nào chính thức là chủng tử?

Đáp: Phiền não là chánh. Phiền não sanh nghiệp, nghiệp không thể sanh ra phiền não. Phiền não là gốc. Có trường hợp có nghiệp mà không phiền não, tất nhiên không thể dẫn dắt việc thọ sanh. Trường hợp có phiền não mà không nghiệp, là do được thọ sanh ở trung ấm.

Hiển hiện cả hai nên gọi là tập khởi. Hiển hiện có hai nghĩa: Một là tham ái tương ưng với nghiệp, khiến quả được sanh. Quả khi chưa sanh,

tức là lúc sự sanh chưa hiện ra, chưa hiển hiện. Hai là tham ái thường hiển hiện ở cảnh giới. Cảnh giới thật, đúng là hiểm ác, mà tham ái chuyển đổi tâm, cho là cảnh giới tốt đẹp, tức hiển hiện cảnh giới khiến cho tốt đẹp. Ví như người con gái, có ba nhận thức khi nhìn qua cô gái đó:

1. Phàm phu cho đó là cảnh giới đáng yêu.

2. Hổ, sói khi thấy thì cho đó là vật có thể làm món ăn.

3. Thánh nhân xem đó như là bộ xương! Điều ấy cho thấy: cảnh phải cân nhắc kỹ để biết. Cho là đáng yêu, cho là món ăn ngon, thảy đều do tham ái hiển hiện nên cảnh đó mới như vậy. Do tham ái hiển hiện nên mới sanh ra xứ cảnh, ở trong xứ cảnh đó, khởi lên sự vướng mắc nhiễm ô, nghiệp sanh ra quả. Nếu không có hai hiển hiện, quả tất không được sanh. Nói rõ thêm về hai loại hiển hiện đó cũng là giải thích về nghĩa của Tập đế.

Ngoại đạo cho tất cả pháp chỉ duy nhất một nhân sanh, nói đó là trời Tự Tại. Một nhân sanh hết thảy vật. Nay vì muốn phá kiến chấp đó, nên nói rõ mọi duyên tích tập mới có thể sanh quả. Tuy cho là các duyên tụ tập, nhưng nếu không có khả năng khiến cho quả khởi thì cũng không phải là nghĩa của nhân. Sự tích tụ ấy mà khiến cho quả khởi thì mới được gọi là nhân. Hai loại hiển hiện cũng làm sáng tỏ nghĩa tụ tập, cũng làm sáng tỏ nghĩa khiến cho quả khởi. Cho nên mới giải thích hiển hiện là tập khởi. Ví như ông thợ gốm, lấy đất, nước, khuôn, dây bện v.v… cộng sinh mới tạo ra cái bình! Có khả năng làm hiển lộ ra quả, khiến sự việc được thành tựu, đó gọi là duyên. Nhân cảm thẳng quả khiến khởi sanh, duyên thì là khả năng làm cho sanh quả. Khiến một chu kỳ quả báo được thành tựu đầy đủ.

Tiếp theo, là giải thích bốn tên gọi của Diệt đế. Năm ấm đó, không sanh, thì gọi là diệt, đó là căn cứ vào quả báo mà nói. Năm ấm hiện tại hết; năm ấm vị lai chưa sanh, nên gọi là diệt. Ở đây chọn lấy danh diệt nêu rõ thể là vô vi. Diệt đế, tự lấy vô vi làm thể, không giữ lấy cái diệt không sanh của năm ấm để làm thể. Năm ấm diệt, không sanh có ba đời. Thể của Diệt đế là vô vi, chẳng phải là pháp của ba đời.

Năm ấm diệt, không sanh có ba đời, nghĩa là: Năm ấm của các vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thì quá khứ diệt không sanh. Năm ấm của phàm phu thì ở vị lai mới diệt không sanh. Còn năm ấm của các Thánh nhân hiện tại, tức thì hiện tại diệt không sanh. Trong pháp vô vi không có năm ấm. Năm ấm không sanh ở trong đó, nên dùng nghĩa hết sạch, không còn sanh, để gọi cho vô vi. Vả lại, năm ấm khi đã diệt hết không sanh, mới chứng đắc vô vi. Do nghĩa diệt hết, không sanh cho là vô vi, nên đặt tên vô vi đó là diệt. Có khả năng diệt ba lửa nên gọi là tịch tĩnh. Ba lửa có hai loại: Một là

dục, sân, si, làm ba lửa. Ba thứ ấy có ba nghĩa nên gọi là lửa. Một là có khả năng đốt cháy hết thảy thiện căn của chúng sanh. Hai là ba phiền não nầy làm cho tâm nóng, tức có nghĩa thiêu đốt tâm. Ba là có khả năng đốt cháy ba cõi, nên gọi là lửa. Ba phiền não đó biến khắp trong ba cõi, từ sáu trần, sáu căn, sáu thức mà sanh ra. Căn-trần-thức của phiền não đó đều là hữu lưu. Do ba phiền não đó mà không được an vui. Ba phiền não đó như lửa có khả năng đốt cháy. Căn, trần, thức như củi bị đốt.

Hỏi: Những cõi trên không sân ở đây lại được nói là có sân sao?

Đáp: Phàm phu thọ sanh nơi cõi trên, có đủ phiền não kiến đế, ở tại nơi đó chứ chẳng phải là không có, nhưng vì không được khởi, nên nói là không có. Ở đây nói có, là dựa theo lý mà nói. Loại thứ hai là lấy ba khổ làm ba lửa. Ba khổ đó có khả năng đốt cháy chúng sanh, khiến không thể được an vui. Nếu là cõi Dục thì có đủ ba khổ. Cõi Sắc thì đủ hai khổ hoại, hành. Cõi Vô sắc chỉ có hành khổ. Ba khổ còn gọi là ba tai họa: Khổ khổ là tai họa về lửa, hoại khổ là tai họa về nước, hành khổ là tai họa về gió bão. Hai loại ba lửa thì sôi động huyên náo chuyển động, do diệt hai thứ ba lửa đó nên gọi là tịch tĩnh. Không có ba sự cong vạy oan uổng nên gọi là diệu. Ba sự cong vạy oan uổng là sanh, lão, tử, cũng là ba khổ. Ba khổ đó bình đẳng biến khắp trong ba cõi.

Nói thêm về ba khổ là ba oan uổng đó. Ba cõi đều có sanh, nên có sống khổ. Nếu ở cõi Dục đầu bạc trắng, mặt nhăn nheo là già; sáu cõi trời và cõi Sắc đều không có tướng mạo già đó. Cũng có nghĩa đổi khác. Ví như bức họa, khi mới thì nét vẽ rõ ràng đáng yêu, nhưng để lâu ngày, màu sắc ấy phai lạt lờ mờ, thân sắc ở cõi trên cũng có nghĩa đó, tức gọi là lão. Ở cõi Vô sắc, tâm cũng có lão. Khi quả báo sắp hết, dụng tâm sẽ đổi khác. Khi xưa tâm định kiên cố, lúc nghiệp sắp hết, tâm định yếu kém, luôn muốn thoái đọa. Cho nên ba cõi đều có lão khổ. Ba cõi, cuối cùng đều có hết, tức đều có tử khổ. Sở dĩ gọi đó là oan uổng, vì tánh của phàm phu thường cầu mong sự an vui, đó cũng là lý do người thế tục tu hành điều thiện để mong được quả báo vui. Mà ba thứ hoạnh tai đó khiến phải nhận chịu khổ nên gọi ba khổ là oan uổng. Ở trong vô vi không có ba oan uổng, nên gọi là vi diệu.

Hỏi: Ở cõi trên, lúc sanh tự nó không có khổ. Sao gọi là khổ?

Đáp: Sanh chưa hẳn là khổ. Thọ nhận nên gọi là khổ. Sanh là gốc của khổ, nên mới gọi là khổ. Vô vi không sanh, do đó không khổ. Sanh tử là có sanh nên có khổ, cho nên gọi sanh là khổ. Như địa ngục là tên của xứ sở ấy, nơi đó thật chẳng phải khổ, chỉ là nơi có khả năng sanh ra khổ, nên gọi

địa ngục là khổ.

Hỏi: Trong ba khổ, khổ về sanh là khổ như thế nào?

Đáp: Nếu đó là khổ thọ sanh, là khổ khổ. Nếu lạc thọ sanh đó là hoại khổ. Xả thọ sanh là hành khổ. Cõi Dục có sanh nên đủ ba khổ. Cõi Sắc sanh đủ hai khổ, đó là hành khổ và hoại khổ. Cõi Vô sắc chỉ có hành khổ. Khổ về lão cũng đủ ba khổ. Nếu chuyển đổi vui là khổ đó là khổ khổ. Nếu chuyển đổi khổ là vui, chuyển vui là vui, đó là hoại khổ. Nếu chuyển vui để xả bỏ, đó là hành khổ. Dựa theo ba cõi thì tử khổ cũng đủ ba khổ so sánh với trước có thể hiểu.

Hỏi: Trong kinh nói: Có bao nhiêu khổ?

Đáp: Kinh nói có vô lượng khổ. Ở đây nói có tám khổ. Vì dựa vào bề ngoài phân biệt mà có các khổ đó. Chỉ dừng ở bảy khổ để nói, vì trong tám khổ xưa, không nói đến bệnh khổ. Nói xong bảy khổ, nói vân vân là các khổ khác. Lý do không nói đến bệnh khổ vì bệnh khổ chỉ có ở con người thuộc cõi Dục, vì nghĩa gần không khắp ở các Trời thuộc dục giới nên không nói đến. Trong cõi trời, lý do không có bệnh khổ là vì: Bệnh thì từ duyên trong ngoài sanh ra, mà bên ngoài thì nóng lạnh không bình thường, ăn uống không thích hợp, vì vậy sinh khổ bệnh. Bên trong, hoặc làm việc nhiều khiến bốn đại suy kém, hoặc ngồi nhiều làm cho bốn đại yếu đi, nên thành ra bệnh. Ngược lại, ở cõi trên, bên ngoài không lạnh nóng thất thường, điều kiện ẩm thực thích hợp, bên trong bốn đại mạnh mẽ, không có điều kiện đi đứng nằm ngồi quá sức làm sai lệch, nên bệnh khổ không có được! Giải thích một cách chi tiết cũng có nghĩa về bệnh. Sáu cõi trời tạo các việc ham muốn, hoặc không ăn ba ngày, cho đến bảy ngày, không ăn đến bảy ngày thì chết, trừ lúc sắp chết thì bốn đại suy kiệt… cũng được gọi là bệnh khổ.

Hỏi: Ngoài những khổ đó, còn có những khổ nào nữa?

Đáp: Khổ về năm ấm thì chung cho ba cõi, còn như: cầu không được là khổ, thương yêu mà phải xa lìa là khổ, thù ghét mà cứ gặp nhau là khổ. Ba khổ này, ở hai cõi trên nhất định không có, vì đó là quả báo tự trụ, cũng không tạp trụ một chỗ, nên không có ba khổ đó. Sáu trời cõi Dục thì có đủ. Chư Thiên phẩm hạ mong được diệu lạc của phẩm thượng, không được tức sanh khổ, là cầu không được nên khổ. Phải chiến đấu với A-tu-la, tức thù ghét mà cứ gặp nhau nên khổ. Chiến đấu thua thì bị A-tu-la trói buộc, phá hoại, tức thương mà xa lìa là khổ. Giải thoát hết tất cả lỗi lầm đó, mới gọi là vĩnh viễn xa lìa. Hết thảy lầm lỗi là gì? Đó là nhân duyên quả báo. Nhân là phiền não, duyên là nghiệp, việc thọ nhận năm ấm là quả báo. Ba thứ đó

là pháp lỗi lầm, phải giải thoát rốt ráo nó. Giải thoát không thể tạm thời, nên gọi là vĩnh viễn lìa xa.

Hỏi: Vì sao phiền não gọi là nhân, còn nghiệp cho là duyên?

Đáp: Vì phiền não là hạt giống, có khả năng dẫn dắt sự sanh, nên gọi là nhân. Nếu không phiền não, thì dù có nghiệp cũng không thể dẫn sanh! Nếu không nghiệp, mà có phiền não, thì có sự sanh, như trung ấm. Nếu phiền não đã dứt sạch, nghiệp tuy được quả trang nghiêm, cuối cùng do phiền não sanh nghiệp nên được quả.

Tiếp theo là giải thích bốn tên gọi của Đạo đế. Đi "ở trong" nên gọi là đạo, gồm hai cách giải thích.

Giải thích thứ nhất: Tận vô sanh trí là chủ thể hành, giới định tuệ là đối tượng hành. Từ khổ pháp trí đến sau cùng là đạo tỷ trí, mười hai tâm đều đoạn dứt phiền não, đó là tận trí. Tâm thứ mười ba là vô sanh trí. Giới vốn có hữu lưu, vô lưu. Vốn là hữu lưu. Do hai trí hành mà thành vô lưu. Định cũng như đây. Trí (Tuệ) có ba loại, đó là Văn, Tư Tu tuệ, cũng có hữu lưu, vô lưu, cũng là do hai trí hành mà thành vô lưu. Tận trí hành thì khổ pháp trí hiện ra ở trước, đủ tám Thánh đạo phần. Gốc của Giới, Định là hữu lưu, nay vì hành tận trí, nên thành vô lưu. Tận trí có hai loại: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, đồng quán vô thường mà có thô, tế. Chánh kiến tế, chánh tư duy thô, hai thứ này hỗ trợ nhau để được cùng sanh. Nếu lấy chánh kiến làm tận trí, thì cũng nói được là khiến cho chánh kiến thành vô lưu. Cuối cùng là có tận trí khiến trí tuệ thành vô lưu. Như đây làm rõ nghĩa, tức trong nhất thời tận trí được hiện hành, khiến giới định tuệ thành vô lưu, vì tánh có khác nên được đồng thời. Cho đến quả A-la-hán cũng đều như thế.

Nếu trở lại dùng chánh kiến để đối chiếu với chánh kiến, chánh tư duy đối chiếu với chánh tư duy, thì không được đồng thời. Tất nhiên, có thể dùng chánh kiến trước, khiến cho chánh kiến sau thành vô lưu. Chánh tư duy cũng vậy. Trong nhất thời không được cùng có hai pháp mà một tánh. Nếu như nghĩa đây làm rõ tức thời khác, trí tuệ sẽ sáng tỏ thì là tận trí được hiện hành cho đến A-la-hán thảy đều như thế, là vô sanh trí được hiện hành hành cho đến A-la-hán thảy đều như thế. Vì là vô sanh trí hành, nên giới-định-tuệ thành vô lưu, nghĩa là kiến đế có mười tâm sau. Mười tâm sau tùy thuộc nơi quả. Nếu người là Tu-đà-hoàn, tạo mười hai tâm quán, ấy tức là vô sanh trí, sai khiến giới-định- tuệ đồng thời và tuệ khác thời thành vô lưu.

Hỏi: Khổ pháp kiến tức là vô sanh trí. Sao không nói như vậy?

Đáp: Khổ pháp kiến nếu so đối với khổ pháp trí, cũng được gọi nó tạo vô sanh trí. Nếu đối chiếu với khổ loại trí, thì nó lại là căn bản của Khổ loại trí đoạn phiền não cõi trên, nên lại thuộc về tận trí. Đã bất định là vô sanh trí, thảy đều thuộc về tận trí. Chỉ có tâm thứ mười ba quyết định, có thể nói đó là vô sanh trí.

Giải thích thứ hai: Giới, định, tuệ được tậm vô lưu hiện hành thành vô lưu, nên gọi là đạo. Tức lấy tâm vô lưu làm năng hành, giới định tuệ làm sở hành. Tân vô sanh trí hỗ trợ cho tâm pháp. Giải thích trước lại khác giải thích sau. Nói "ở trong" nghĩa là ở trong giới định tuệ cùng tương ưng với lý, gọi là như. Nếu luận thông suốt sẽ cùng tương ưng với bốn tướng đạo lý, nên gọi là như. Nếu luận riêng khác thì sẽ cùng bất đoạn bất thường của lý trung đạo tương ưng, nên gọi là như. Như vậy là trí tuệ của sự đạt lý. Nếu dùng tà tư duy, bất như, để phá thì không thể khiến nó thành bất như, cho nên gọi là như.

Những việc chánh kiến đã làm thì gọi là chánh hạnh, như bậc Thanh văn nghe Thầy chân chánh thuyết chánh giáo. Từ thanh giáo chân chánh, sanh chánh văn. Từ chánh văn (nghe chân chánh) sanh chánh tu, tạo tác thứ tự tu học như đây, thì gọi là những tạo tác của chánh kiến. Nếu là Độc giác và Phật, thì từ chánh tư sanh chánh tu. Không có nghĩa từ thanh giáo chân chánh mà sanh chánh văn. Do hai thừa này có căn tính thông lợi, tự mình có thể tư duy mà được giác ngộ.

Hỏi: Độc giác và Phật, căn bản đều trải qua việc nghe pháp, mà tư duy, tu tuệ được sanh. Vậy chẳng lẽ không có chánh văn sanh chánh tư sao?

Đáp: Đời trước chẳng phải là không trải qua việc nghe pháp. Luận ở đây tức là việc ấy, chẳng phải là đã ghi nhớ những gì đã nghe thuở xa xưa sao? Lúc thầy lập pháp thuyết, nương pháp thuyết ấy, ấy mà sanh tư tuệ, một mực như vậy tư duy, mà tự mình ngộ được lý. Thanh văn thì tất nhiên nương vào lời nói của thầy mà tư duy, quyết vượt qua lỗi lầm, nên gọi là xuất ly. Có hai cách giải: một là giải theo lời nói. Do tà tư duy nên phiền não sanh, phiền não sanh nghiệp, nghiệp lại sanh quả báo… những cái đó đều là tư duy bất chánh. Nếu trí tuệ vô lưu sanh, trí tuệ sanh những giới định… thì đó đều là chánh. Chánh và không chánh tương phản nhau. Chánh tức vượt qua bất chánh, chẳng phải là vượt qua tạm thời, mà là vượt qua vĩnh viễn.

Lại có một cách giải khác: Phiền não là điên đảo, trí tuệ là không điên đảo. Đảo và không đảo tương phản nhau. Không điên đảo vĩnh viễn vượt qua điên đảo. Cách giải trước thì rộng, cách giải sau thì tóm lược. Cho nên

có dụng khác nhau. Các nhà làm luận trước, lại có cách giải khác gọi là: Mười sáu danh ngôn.

Tánh của pháp không vĩnh viễn, nên gọi là vô thường. Nếu pháp vô vi xưa nay là có, thì vĩnh viễn không có sanh, vĩnh viễn không trụ, diệt. Pháp hữu vi thì tạm sanh, tạm trụ, tạm diệt. Tánh của pháp như vậy, nên gọi là vô thường. Từ vô minh mà sanh ra nên khổ. Nghĩa là việc của thế gian nên khổ. Gần gũi việc thế gian không hiểu nên tự mình đã khổ, huống là không hiểu lý sâu xa chân thật lại càng khổ nhiều hơn! Vô minh là căn bản của khổ vì do vô minh nên thọ nhận quả báo sanh tử, mà sanh tử thì không chỗ nào mà không khổ. Xa lìa trung gian của người, gọi là "không". Sáu căn là trung gian. Chính Phật dùng nghĩa xóm làng để ví dụ cho sáu căn. Nay nói trung gian như trung gian của xóm làng! Vì ngã nhân không ở tại trung gian đó, nên nói là điều mà con người xa lìa. Vì sự lìa ngã nhân nên nói là "không". Không tự (tồn) tại nên gọi là vô ngã. Tự tại có hai nghĩa: Một là không dựa vào người khác nên gọi là tự tại. Nếu sanh, trụ, diệt không do người khác sanh, thì đó là tự tại. Hai là tùy ý tạo tác cũng gọi là tự tại. Ví như có ý muốn làm cho lửa lạnh, lửa liền là lạnh! Muốn cho nước không ẩm ướt, nước liền không ẩm ướt… đó gọi là tự tại. Tất cả pháp hữu vi đều dựa vào cái khác, nên có sanh trụ dị diệt, lại không được như ý. Hoặc có thần thông có thể chuyển biến nó thì cuối cùng nhất định cũng phải nương sự tu học mới có cái dụng ấy. Đã không tránh được việc nương nhờ, nên không có tự tại; đã không tự tại, nên không có ngã.

Nói về đạo lý của sự đến nên gọi là nhân. Nay thứ tự nêu thí dụ để giải thích. Lấy hạt giống làm thí dụ. Có hạt giống, không nhờ thêm những duyên khác, tự nó có năng lực sanh ra cây. Cây chưa sanh, mà hạt giống đã có lực năng sinh, có thể khiến cho mầm non thời gian sau lại có. Nghiệp hiện tại chia làm bốn phần: Phần một khi đang tạo nghiệp thiện ác không nhờ duyên khác, lại nghiệp từ nó có lực có thể cảm quả rồi thành quả, đến khi chết, nghiệp vẫn còn ở vị lai. Nghiệp đã có lực có thể cảm quả tức có thể khiến cho quả sau này lại đến. Đạo lý của việc hiện tại có thể khiến cho đến nên nói đạo lý đến gọi là nhân. Đạo lý xuất gọi là tập khởi, nghĩa là hạt giống vốn có khả năng sanh ra cây, cây, hạt, lá, thân non, cành… đều ở vào thời vị lai. Nay lấy hạt giống này đặt vào trong đất, rồi nhờ đất nước và các điều kiện khác mới có thể ra mầm. Mầm bắt đầu xuất hiện, thì lúc này hạt giống diệt. Nghiệp cũng như thế, vốn có khả năng cảm được quả, quả còn ở vị lai. Báo ở hiện tại đã tận thì đầu tiên là thọ sanh trung ấm, trung ấm đã sanh vừa khởi liền diệt. Về mặt đạo lý mà nói thì nghiệp có thể sinh ra trung ấm nhưng ắt phải cần nhân duyên tụ tập, thì quả trung ấm mới sanh nên nói

là đạo lý xuất cũng gọi là tập khởi. Hành độ nên gọi là sanh xứ, nghĩa là đầu tiên hạt mầm xuất hiện ở đó, rồi từ hạt mầm mà sanh thân non, từ lúc bắt đầu sanh thân non xong cho đến lúc chưa sanh hoa, gọi là hành độ. Hành có nghĩa là tăng trưởng từ từ. Độ là từ vị trí hạt mầm vượt qua chính mình sanh ra thân non, mầm tức liền diệt. Nghiệp lại cũng như thế. Trước tiên lãnh nhận hạt mầm trung ấm, rồi xả bỏ hạt mầm trung ấm, thọ chánh sanh từ Kha-la-la đầu tiên, đến cuối cùng là phần thứ bảy, gọi đó là hành độ. Tăng trưởng từ từ, cho nên gọi là hành. Vượt qua vị trí trung ấm, nên gọi là độ Kha-la-la. Vừa sanh, thì nghiệp phần thứ hai liền diệt. Tiếp theo Kha-la-la v.v… nên gọi là sanh. Sanh này từ nghiệp sanh cho nên gọi nghiệp là xứ; vì nói hành độ, nên gọi là sanh xứ. Nghiệp nơi phần thứ ba, tác dụng của nó mạnh mẽ. Nếu không có dụng của nghiệp thì tuy có các duyên khác để sanh quả, nhưng cuối cùng vẫn không khởi được!

Đạo lý của sự nương nhờ gọi là duyên. Thân non trước hết sẽ tăng trưởng từ từ, chưa trổ bông. Từ khi sanh ra, rồi hoa mất đi, đến lúc kết thành trái, thì trái (quả) trong tương lai sẽ là cây… Quá trình này đều gọi là đạo lý của chỗ nương dựa. Hoa quả đều nương vào đó mà có hạt giống; từ hạt giống lại được có hoa. Hạt giống vừa sanh, thì liền từ tạ phần thứ ba. Nghiệp cũng như thế, từ Kha-la-la ban đầu, cho đến phần thứ bảy. Chưa có thể tạo ra nhân của sanh tử và giải thoát; đến sáu căn đầy đủ, nơi sát na thứ hai trở đi, có thể tạo ra nhân của sanh tử, giải thoát. Vị trí này là nghiệp phần thứ tư. Phần thứ tư này bắt đầu từ đây về sau hoặc khổ lạc, hoặc ác, hoặc thiện, đều nương nơi nghiệp phần thứ tư. Nghiệp phần thứ tư nầy chính là nói theo đạo lý nương tựa gọi đó là duyên. Nghiệp phần thứ tư vừa mới sanh, thì nghiệp phần thứ ba liền từ tạ. Nghiệp phần thứ tư tự dụng mạnh mẽ. Vì quả đã sanh rồi nên nghĩa nhờ duyên khác yếu đi mà chính nhờ dụng của nghiệp khiến quả được đầy đủ. Vả lại như nghiệp phần thứ hai cảm sanh trung ấm, nhân duyên đều yếu kém, tức tham ái làm nhân, nghiệp là duyên, hai việc đều yếu, chính vì vậy không thể dùng hạt giống làm thí dụ cho toàn bộ, chỉ lấy phần ít làm dụ thôi! Khi đang tạo nghiệp, có đủ khả năng cảm, nhận bốn phần vị này. Về thời gian để hoàn thành quả cũng có khác. Bốn loại trên là dựa theo phần vị, nên nghiệp phân chia làm bốn phần.

Hỏi: Một nghiệp sao bỗng thấy cùng cảm quả đó?

Đáp: Một sát na thành tựu chỉ rõ cho một nghiệp, thì nghĩa cũng được phân chia làm ba phần: phần trước, phần sau thì kém yếu; phần giữa rõ ràng là rất mạnh. Yếu thì cảm với trung ấm, mạnh thì cảm ở quả sanh. Nếu nghiệp vô lưu thì phần đầu mạnh, phần cuối lại yếu.

Hỏi: Nghiệp sanh quả và chủng tử, nếu có khác thì sao?

Đáp: Nghĩa đó không đồng. Nếu dựa vào những bộ của Tát-bà-đa v.v… nói pháp hữu vi đều là sát na. Sát na diệt, nghĩa là một chủng tử. Vả lại căn cứ mười sát na để nói. Nếu theo phần hiện có luận về tương sanh, thì sát na thứ nhất có thể sanh sát na thứ hai. Sát na thứ hai có thể tiếp tục sanh sát na thứ ba, vì thường nối tiếp sát nhau nên nói là tương sanh. Nếu thứ nhất sanh rồi mà lại liền diệt, không đến được thứ hai thì sao có thể sanh sát na thứ ba ư? Nếu dựa theo nghĩa nhân đồng phần và căn cứ sự nối tiếp để nói, nghĩa là sát na thứ nhất là nhân đồng phần, tức có khả năng sanh sát na thứ hai trở đi, cho đến bông trái là nhân đồng phần thâu nhiếp, nghiệp quả đó ở vị lai. Sát na thứ nhất diệt, sát na thứ hai đồng phần liền thâu nhiếp, sát na thứ ba, trở đi, đến quả ở vị lai. Về sau, thứ tự các loại cứ thế. Nếu không có sát na thứ nhất chủng tử làm gốc, thì không có sát na thứ hai, cũng không có sát na thứ ba, thứ tư nối tiếp. Hạt giống của một sát na đầu tiên, sở dĩ được dùng để nói, là vì khả năng sanh các quả sau này. Nói nhân đồng phần nghĩa là hạt giống bốn đại, tức bốn phần đồng có thể sanh một quả, nên có cái tên đó. Không như nghiệp, hữu đồng tùy theo mà được thâu vào nhân quả. Nếu theo Chánh lượng bộ thì sắc không diệt theo từng niệm mà có nghĩa tạm trụ. Khi hạt giống chưa sanh mầm, thì chỉ là một hạt giống bình thường thôi. Nếu theo phần hiện có luận về sanh quả, thì tức đang sanh mầm quả. Hoặc căn cứ sự tiếp nối thì, cũng có nghĩa sanh ra thân non, lá v.v… Các loại về sau đều như thế. Nghiệp thì không như vậy. Nghiệp tuy tự diệt, nhưng có ở pháp không mất; nhiếp thu quả đó khiến cho không mất. Nay tạm căn cứ vào giới thiện để nói. Giới có căn bản. Căn bản giới có tiền phương tiện và chánh phương tiện. Tiền phương tiện có ba việc: Một là đại chúng hòa hợp, đều chấp nhận thọ giới. Hai là chính đang xin giới. Ba là thời tiết. Về thời tiết, nghĩa là: phải giữ gìn giới, dứt tất cả ác cho đến trọn đời. Chánh phương tiện nghĩa là phải được các sư truyền nói. Từ thưa thỉnh Yết ma lần một đến lần thứ ba Yết ma xong tức thân miệng thiện được bảo hộ. Thiện đó tức là giới. Do duyên nhiếp lấy tâm kỳ vọng chính yếu này lây đây làm căn bản nên trọn đời giới không diệt. Từ đây về sau nối tiếp lưu chuyển mãi. Nếu trung gian tạo tội, giới tất nhiên không lưu chuyển lại. Nếu có sám hối xong, thì trở lại lưu chuyển. Nói lưu chuyển, có nghĩa là: lưu chuyển từ căn bản ra. Giới thiện nơi một sát na lưu xuất thì cũng sanh, tức diệt, không từ giới sát na này sanh giới sát na thứ hai mà trở lại từ căn bổn lưu xuất giới sát na thứ hai. Theo như thế thì hậu sanh có thể từ căn bổn lưu xuất. Nếu là nghĩa Tát bà đa, thì có giới thiện của nhân đồng phần theo đó được liên lạc. Sanh tuy tàn lụi, nhưng đồng

phần theo đó được liên lạc. Sanh trụ ở quá khứ, mà liên lạc quả ở vị lai. Nếu là nghĩa giới thiện của Chánh lượng bộ, thì sự sanh nghiệp thiện này đồng thời sánh với pháp không mất. Đó không thể nói có công năng của nghiệp, vì thể của nghiệp sanh ra, liền tàn lụi, còn pháp không mất thì không diệt, nên thâu nhiếp nghiệp quả khiến không mất. Pháp không mất chẳng phải là pháp diệt theo từng niệm mà là pháp chờ thời để diệt, điều đó có nghĩa tạm trụ, đợi đến khi quả sanh, thì thể đó mới tàn rụi. Nếu là giới định, đều có nghĩa tùy thuận theo căn bản lưu chuyển nối tiếp. Bố thí vật, tùy ở vật thiện thường lưu chuyển. Nếu thiện mà không lưu chuyển, thì không thể có được quả, không có pháp không mất và thiện cùng sanh, không có nghĩa xuất ra còn tâm khác mà thiện lưu vô lưu hằng chuyển.

Hỏi: Nghiệp và pháp không mất đều cùng sanh, đồng là pháp hữu vi, thể của nghiệp vì sao diệt? Pháp không thất lại không diệt sao?

Đáp: Thiện là pháp tương ưng của tâm, cho nên sanh mà liền diệt. Pháp không mất không phải pháp tương ưng với tâm, cho nên không diệt theo niệm niệm. Nghĩa của Tát-bà-đa thì đồng phần tùy thuận theo cũng niệm niệm diệt, nhưng pháp không tương ưng với tâm, thì chủng loại tự nó nối tiếp nhau không dứt.

Hỏi: Bố thí thiện, nhất định lưu chuyển mãi mãi là sao?

Đáp: Thân miệng là thể của nghiệp, lấy tướng mạo làm thân nghiệp, ngôn ngữ làm khẩu nghiệp. Tay vận chuyển nắm bắt vật, hoặc cầm giữ vật, hoặc giơ cao vật trước mặt người… Những hành động đó đều là tướng mạo, tức là những tướng mạo đó làm thân nghiệp. Phát ra lời nói, hay kêu gọi nắm giữ vật này, hoặc kêu gọi cho người kia… những ngôn ngữ đó tức là khẩu nghiệp. Duyên phát khởi nghiệp thân khẩu có ba loại: một là ba thiện căn, hai là chánh tư duy từ ba thiện căn sanh. Ba là khởi ý từ chánh tư duy sanh, nghĩa là khởi ý bố thí. Nếu luận chung về dụng, thì ba duyên này phát khởi nghiệp thân miệng nếu luận phần gần thì chính là khởi ý nghĩ phát nghiệp thân miệng. Nói bố thí là dùng ba duyên, phát khởi nghiệp thân miệng nên gọi là bố thí thiện. Như Bồ tát im lặng, suy nghĩ mà mưa báu thì ý nghiệp cũng là nghiệp thí. Ruộng có ba loại: Một là ruộng phước đức, như Phật và các Bồ-tát. Hai là ruộng ân dưỡng, như là cha mẹ. Ba là ruộng bần cùng, đó là những chúng sanh đói rách cơ cực. Nếu bố thí ruộng phước đức, thì nhiều thiện căn không si. Nếu bố thí ruộng bần cùng, thì nhiều thiện căn không sân hận. Đối trước những chúng sanh bần cùng mà khởi lòng từ bi, tức có nhiều thiện căn không sân. Trong nhất thời mà đủ được ba thiện căn, thì tùy vào ruộng đã đối đãi mà không thể không có những sai khác

nhiều ít. Bố thí lại còn có hai loại: Một là cung kính thí, hai là lợi ích thí. Nếu cung kính thì lúc đang bố thí, sanh thiện; thí xong thiện, không lưu chuyển lại. Vì sao vậy? Phật đã nhập Niết-bàn, nhưng vì cung kính Phật mà đem những y áo thức ăn cúng dường. Ví như người thế gian, đem các y áo đồ ăn… cúng dường các Phật Thế Tôn ở quá khứ… đó cũng là cung kính. Vì đã không có người thọ dụng những vật nên thiện ấy không được tùy theo việc mà lưu chuyển. Còn về lợi ích thí, nghĩa là: Vì lợi ích của thân người bốn đại hiện trước mặt mình, họ dùng những vật cúng dường này mà tăng trưởng bốn đại. Vì lợi ích mà bố thí, thì thiện này theo ba sự mà lưu chuyển mãi. Ba sự là:

1. Ba thiện căn

2. Vật còn lại.

3. Chúng sanh.

Trong ba việc đó, nếu thiếu một việc thiện không lưu chuyển nữa. Ví như vật, còn lại tuy chưa hết, vẫn do còn chúng sanh thọ dụng, mà thí chủ đã chết. Hoặc khởi tà kiến đoạn dứt thiện căn, thiện không còn căn bản thì thiện không lưu chuyển nữa. Hoặc thí chủ còn sống, thiện căn không đoạn, người có thể thọ dụng chưa mất, mà vật còn lại đã hết, thì thiện cũng không lưu chuyển nữa. Hoặc thí chủ không đoạn thiện căn, cũng không chết, vật còn lại chưa hết mà người có thể thọ dụng đã mất, không có người thọ dụng nữa, thì thiện cũng không lưu chuyển nữa. Người khác tuy có thọ dùng, nhưng chẳng phải tâm thí chủ vốn mong mỏi, nên uổng tự mình thọ dụng, thiện cuối cùng không tích tụ. Hoặc đàn việt bố thí với tâm chung khắp, đây tức tùy nghi thọ dụng, và đều có được sự trợ giúp thiện. Cho nên người làm ruộng phước, khi thọ người khác bố thí, cần xem ước lệ của người cho, nếu họ chấp nhận tùy ý dùng vật, thì mới tùy ý đem thí lại cho chỗ khác, truyền tiếp sanh phước đến không cùng tận. Nếu không như vậy, liền đem thí lại cho người khác, trái ý tâm thí chủ, thì việc thí lại này không những không phước, mà còn chiêu cảm tội lỗi, thậm chí về sau có thể đọa trong đường ác, chịu quả báo đền bù lại. Việc đó không hề dễ dàng, phải cẩn thận!

Hỏi: Đoạn thiện căn rồi, căn bản thiện không còn nữa, làm sao thiện lại sanh?

Đáp: Vì lẽ đó nên mới tạo ra hai.

Hỏi: Tu-đà-hoàn sơ đạo là vô lưu, mà không có chủng loại vô lưu làm căn bản, làm sao được cho A-la-hán thoái lui, dấy khởi phiền não Tu đạo đã phá? Phiền não không có gốc là căn bất thiện, làm sao được sanh?

Đáp: Sanh có hai loại nhân. Một là nhân sanh trước, hai là nhân câu sanh. Nhân sanh trước tức là ba thiện căn. Khi chưa tạo thiện, thì trước đó đã có thiện căn này có thể sanh, những tạo tác thiện, cho nên gọi là nhân sanh trước. Nhân câu sanh nghĩa là dấy lên ý nghĩa, lựa chọn mà thiện được sanh. Chỉ khi nào suy nghĩ chọn lựa thì lúc ấy thiện sanh, cho nên gọi là nhân câu sanh. Nếu thiện căn chưa đoạn, mà tới lúc tác thiện thì từ hai nhân sanh. Nếu thiện căn đã đoạn, tới lúc tác thiện thì chỉ có nhân câu sanh sanh. Nếu khi thiện sanh, ba thiện căn quay trở lại tiếp nối khiến cùng tâm thiện được tương ưng. Thiện căn đoạn chẳng phải là thể của thiện căn, hoàn toàn diệt hết, chỉ vì tà kiến ngăn cách khiến không có tương ưng với tâm thiện nữa, nên gọi đó là đoạn. Nếu đạo vô lưu sanh, thì thể của thiện căn hữu lưu, diệt. Tu-đà-hoàn là sơ đạo vô lưu, trước lúc ấy chưa có thiện căn vô lưu nên chỉ từ nhân câu sanh. A-la-hán thoái khởi phiền não, nhưng ba căn bất thiện đã tận, nên cũng chỉ từ nhân câu sanh mà sanh.

Hỏi: Theo Tiểu thừa, chư Phật, thọ nhận những đồ ăn bố thí của Tiểu thừa; đồ ăn đó khi ăn, có tạo sự tiện lợi không?

Đáp: Phật vô tiện lợi! Từ cằm Phật trở xuống thẳng hai bên cổ, đều có rất nhiều gân, có thể thọ nhận hết thảy vị của đồ ăn. Từ đồ ăn lại biến thành máu thịt. Cho nên không có tiện lợi! Chuyển luân vương có hai cách giải thích: Là có tiện lợi - và không có tiện lợi. Tam thừa giống phàm phu, cũng có tiện lợi. Nếu là thức ăn của sáu trời, thì gọi là tu đà. Tu dịch là thiện, đà dịch là trinh thật. Đồ ăn tinh diệu đó cũng không thành tiện lợi.

Nghĩa không cùng quan hệ nhau là nghĩa diệt. Cùng tịnh tận quan hệ nên gọi là diệt. Giống như câu nói trước là ngăn, câu nói sau thì nên có. Mà có câu trước là người Thiên Trúc nói Ni lô đà, một tên này có mười nghĩa. "Phú" cũng gọi là Ni-lô-đà, mà "Lan" cũng gọi là Ni-lô- đà, "Diệt" cũng gọi là Ni-lô-đà. Ở đây chỉ nói nghĩa của diệt, không nói nghĩa khác. Dùng câu đầu để phân biệt thì trong Trung A Hàm có giảng giải là sự trói buộc lệ thuộc nhau. Kinh nói: Phật bảo các Tỳ- kheo: Tham ái hiện ở trong mắt của các ông. Các ông phải diệt tham ái. Nếu diệt tham ái, mắt các ông cũng diệt, vì mắt đối trước sắc, sanh tham ái, cùng trói buộc thức. Tham ái chính là sự trói buộc của phiền não. Mắt và cảnh giới của sắc trói buộc nhau. Nếu diệt trói buộc tham ái thì những trói buộc của mắt cũng hoại diệt.

Kinh cũng đưa ra thí dụ: Ví như dùng xiềng xích trói buộc người, nhốt họ trong lao ngục, thì xích xiềng là một trói buộc, lao ngục là một trói buộc. Nếu chặt bỏ xích xiềng, rồi lại đốt cháy lao ngục, thì xa lìa hai trói buộc đó. Hai sự trói buộc cùng nhau buộc trói chúng sanh, cho nên nói là

cùng quan hệ. Giải thoát tham ái thì nói là tịnh. Giải thoát cảnh giới thì nói là tận, đó tức là dứt trừ là Niết-bàn vô dư. Tham ái diệt là Niết-bàn hữu dư, còn cảnh giới diệt là Niết-bàn vô dư. Mắt đã như vậy, thì tai, mũi v.v… cũng đều như thế. Giải thoát ba tướng hữu vi nên gọi là tịch tĩnh. Ba tướng hữu vi tự có hai loại: một là dùng ba đời làm ba tướng hữu vi, hai là lấy sanh, lão, diệt làm ba tướng hữu vi. Lý do không nói rõ có trụ là pháp hữu vi. Vì trụ của vô trụ là tướng vô vi, nên không nói đến. Do tư duy tà, nên khởi phiền não. Phiền não sanh nghiệp, nghiệp lại sanh quả báo. Đã có nhân quả tương sanh nên có ba đời. Pháp vô vi không có nhân quả tương sanh, nên không có ba đời. Pháp hữu vi vốn là không nên có sanh, có sanh nên có lão, diệt. Pháp vô vi vốn có nên không sanh, không sanh nên không có lão, diệt. Pháp hữu vi có đủ hai loại ba tướng nên huyên náo dao động, không vắng lặng. Pháp vô vi giải thoát hai loại ba tướng này đã không còn huyên náo dao động nên gọi là vắng lặng. Căn cứ ở một phiền não, có một giải thoát, chín mươi tám phiền não tức là có chín mươi tám giải thoát; các pháp xưa nay không sanh; không sanh tức là giải thoát. Chúng sanh vì điên đảo, nên đối với sắc… khởi tâm tham đắm vướng mắc, nhân tham đắm vướng mắc sanh nghiệp, nghiệp lại sanh quả báo. Phiền não tham vướng vào sắc, nên không thể xứng đối với lý của vô vi, xứng đối với vô vi, tức là tham ái như bị đoạn, tức chứng đắc vô vi đó.

Chín mươi tám hoặc có chín mươi tám nghiệp vô vi và quả báo đeo đuổi, phiền não không riêng có vô vi.

Chân thật thiện nên gọi là diệu. Thiện, tự nó có bốn loại: một là chân thật thiện, hai là tự tánh thiện, ba là tương tạp thiện, bốn là phát khởi thiện. Chân thật thiện có nghĩa tức là Niết-bàn. Sanh tử là pháp ác, Niết-bàn không có ác, không sanh từ nhân duyên, cho nên gọi là thiện chân thật. Tự tánh thiện là ba thiện căn: không tham, không sân, không si, ba thiện căn này không nhờ duyên nào khác, tánh có thể đối trị với ba ác tham-sân-si; Niết-bàn không có ba ác, Niết-bàn và tánh đó tương xứng cho nên gọi là thiện. Thí như ba loại thuốc, không nhờ duyên khác mà tánh có thể trị được bệnh: dầu có thể trị gió, tía tô có thể trị nhiệt; mật ong có thể trị đàm. Tương tạp thiện nghĩa là ý nghiệp thiện, do cùng với ba thiện căn tương ưng, sanh ra các thiện như là tín, trí v.v… Khi sanh những tín, trí, tâm và pháp trợ tâm cùng ba thiện căn tương ưng, hết thảy đều thành thiện. Còn khi chưa trộn lẫn (tạp), thì ba thiện căn, mỗi căn có thể trị một ác, tâm và pháp trợ tâm không tương ưng cùng ba thiện căn, tức không dùng để trị ác. Khi tương tạp, tức có thể hoàn bị việc phá các ác, như các vị thuốc, khi chưa hòa lẫn với nhau, mỗi thứ có thể trị mỗi bệnh; sau khi hòa lẫn với nhau rồi, thì

không bệnh nào mà không trị được! Phát khởi thiện nghĩa là thân, miệng thiện. Thân miệng vốn không thiện, do ý nghiệp thiện, nên phát khởi thân, miệng và thân miệng sanh thiện. Ví như nước vốn chẳng phải là thuốc; nếu lấy thuốc đem ngâm trong nước, rồi nấu lên, thuốc phát khởi nước, làm cho nước cũng thành thuốc. Ba thiện căn đều tùy thuận vào chân thật thiện mà được thành thiện. Ác là pháp thô xấu. Vô vi không có ác là thiện chân thật, nên gọi là tốt đẹp.

Hỏi: Khi tâm và pháp trợ tâm cùng ba thiện căn tương ưng, trong nhất thời có đủ ba thiện căn tương ưng không?

Đáp: Trong nhất thời (cùng một lúc), đủ cả ba thiện căn tương ưng; ví như khi các tín, trí… hiện tiền, thì tâm đó thấu đạt lý tức là không có si mê, tham sân không khởi tức là không có tham sân.

Hỏi: Khi tâm và pháp trợ tâm cùng ba căn bất thiện tương ưng, trong nhất thời có đủ ba căn bất thiện tương ưng không?

Đáp: Khi tâm ác hiện tiền, thì tâm đó trái ngược lý, luôn tương ưng với vô minh. Khi khổ tương ưng với tham thì không tương ưng với sân và do tánh ác tương phản.

Hỏi: Ba thiện căn là tâm pháp phải không?

Đáp: Không phải là tâm pháp, cho nên có lúc không tương ưng với tâm. Như những bộ Tăng kỳ có nói: Tâm tánh chúng sanh vốn tịnh, nhưng bị khách trần nhuộm dơ. Tịnh tức là ba thiện căn. Chúng sanh từ vô thủy sanh tử cho đến nay có khách trần, tức là phiền não; phiền não tức là phiền não tùy miên v.v… Phiền não tùy miên tức là ba căn bất thiện. Do có ba thiện căn nên sanh những tín, trí v.v... Những tín, trí v.v… khi sanh, sẽ cùng nhau giúp đỡ ba thiện căn, cho nên gọi là tương ưng. Do có ba căn bất thiện, nên khởi những bất thiện tham sân… Khi bất thiện sanh sẽ cùng phù trợ cho ba căn bất thiện, nên cũng nói là tương ưng. Nếu dấy khởi tà kiến, đoạn ba thiện căn, ba thiện căn tạm thời diệt, chứ chẳng phải diệt vĩnh viễn. Sau này, nếu thiện sanh, sẽ tiếp tục khiến được sanh trở lại. Nếu đoạn dứt ba căn bất thiện, nghĩa là dứt thì vĩnh viễn không sanh. Sự dừng nghỉ tốt nhất gọi là vĩnh viễn lìa dứt. Ví như người ở những nơi mà đầy dẫy oán thù giặc giã… thì không thể nào được an ổn nghỉ ngơi! Nếu đoạn lìa được oán tặc, lìa đó dù chưa cách xa, thì vẫn được sự an nghỉ, nhưng chưa phải là an nghỉ tốt nhất. Nếu hoàn toàn thoát ra khỏi cảnh giới đó, mới là an nghỉ tốt nhất. Sự hòa hợp bên trong cũng vậy. Nếu bên trong phiền não oán tặc còn tồn tại, thì hoàn toàn chưa thể là sự an ổn dừng nghỉ. Còn nếu chỉ mới đoạn một ít, đoạn đó chưa tận, thì chỉ mới có nghĩa là an nghỉ thôi, chưa chưa

phải là an nghỉ tốt nhất. Chừng nào đoạn dứt hẳn, vĩnh viễn đưa phiền não ra ngoài, mới gọi là an ổn dừng nghỉ tốt nhất. A-la-hán thì phiền não hoàn toàn hết, vĩnh viễn không sanh trở lại, cho nên là an nghỉ tốt nhất. Tu-đà-hoàn thì phiền não của kiến đế dứt sạch, vĩnh viễn không sanh trở lại, cũng gọi là an nghỉ tốt nhất.

Để đối trị với tà đạo, nên gọi là đạo. Chín mươi sáu loại Sa-môn đều hành tà đạo. Lý do nêu lên tà đạo nghĩa là: người thực hành đạo này thì có đi mà không chỗ đến, nên gọi là tà đạo. Nếu hành đạo chánh trực về giới định tuệ, thì đến được Niết-bàn.

Để đối trị tà đạo, nên nói giới, định, tuệ là đạo. Lại có giải thích nói có thể tìm nên gọi là đạo. Như người tâm kỳ vọng muốn đến một nơi nào đó, trước tiên phải tìm con đường dẫn đến nơi đó. Nếu muốn cầu giải thoát, trước hết phải tìm con đường xuất thế. Giới, định, tuệ là nơi giúp ta tìm, nên gọi là đạo. Đối trị với chẳng như gọi là như, có hai cách giải: một là nói rõ về lý đối trị không phải như, hai là nói rõ về hành đối trị phi như. Bốn điên đảo không cùng lý tương ưng, tức là không phải như. Đem thường-lạc-ngã-tịnh đặt trong sanh tử; đem vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh đặt trong Niết-bàn. Ở đây quán sanh tử là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, cùng tương ưng với lý, tức là như.

Hỏi: Niết-bàn của Tiểu thừa là thế nào? Đắc là ngã sao? Là ngã, thì tất cả pháp không thể đều là vô ngã?

Đáp: Tiểu thừa thuyết minh vô ngã trong tất cả pháp, cho nên mới gọi là vô ngã. Niết-bàn hữu thể, mà hữu thể tức là pháp ngã, đối trị hành như. Ngoại đạo có thường kiến, đoạn kiến. Thường kiến thì cho ngã không thể diệt, thọ báo ở vị lai. Vì thọ báo ở vị lai, nên phải tu hành khổ hạnh bây giờ. Khổ hạnh có mười một việc:

- Một là vĩnh viễn ngồi, tức luôn ngồi không đứng dậy.

- Hai là đại phát hành, tức là không trụ, không lánh vào những nơi núi hang hiểm trở dễ bề buông thả hạnh.

- Ba là không ăn, tức là đoạn dứt việc ăn uống, tự chịu đói.

- Bốn là trường ỷ, đứng mãi một chỗ.

- Năm là đầu luôn quay theo hướng mặt trời, nhìn mặt trời. Sáng thì nhìn phía Đông, theo mặt trời lên rồi lặn mà nhìn theo không bê trễ.

- Sáu là năm lần nướng; dùng ánh mặt trời lúc nóng nhất nướng đầu, đốt lửa bốn bên để nướng thân.

- Bảy là ngủ trên gai nhọn, nằm ngủ trên đống gai nhọn.

- Tám là nhảy xuống vực sâu.

- Chín là nhảy vào lửa.

- Mười là ném thân vào nước.

- Mười một là cúng dường các trời, nghĩa là tự cắt gân chọn làm như đàn tỳ-bà để chuẩn bị cúng dường chư Thiên.

Đoạn kiến nghĩa là thân diệt thì ngã cũng diệt theo, không có hiện tại vị lai, tự do tạo tác với đủ thứ tội. Những hạnh đó không thể cùng với chánh hạnh tương ưng, cho nên gọi là hành chẳng như.

Nay ở đây quán chẳng thường, chẳng đoạn, lìa hạnh hai biên, hành trung đạo, cùng với cõi nước Niết-bàn tương xứng các việc, cho nên gọi là chánh hạnh.

Lý do gọi Niết-bàn là cõi nước có hai nghĩa:

Một là người đại lực trấn giữ được. Người đại lực tức là Phật, là Độc giác, là A-la-hán. Chứng được Niết-bàn thì không còn những lầm lỗi, cho nên mới nói là trấn.

Hai là oán tặc không xâm hại được.

Trong Niết-bàn, phiền não vĩnh viễn xa lìa, tức là không xâm phạm. Việc không tương xứng có ba nghĩa:

Một là không chịu bỏ Hai là đường hẹp

Ba là đường nghi ngờ.

Nếu khởi ngã kiến, nghĩa là dùng sanh tử làm đích đến, không còn cầu tiến Niết-bàn, tức là nghĩa không chịu. Tuy muốn cầu tiến, mà tu hành giới cấm thủ, tức là đường hẹp. Đối với tám định của vô lưu và tâm định của hữu lưu, không biết loại nào là chánh, tức là đường nghi. Nếu tu tuệ vô lưu, thì phân biệt đúng sai, tức trừ được đường nghi, đã trừ được đường nghi, thì cũng trừ đường hẹp. Không vướng mắc sanh tử, tức trừ được việc chịu bỏ không bằng lòng nên bỏ đi. Tu tuệ vô lưu, có thể trừ được ngã kiến và những phiền não như là giới thủ, nghi v.v… Niết-bàn không có phiền não, tức là cùng Niết-bàn tương xứng các việc, những việc đó không tà, nên gọi là chánh hạnh.

Đối trị với hết thảy những sợ hãi thì gọi là xuất ly. Tất cả sợ hãi là như thế này: Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: Có người nói, có ngọn núi lớn từ phương Đông lại đây, trải dài trên mặt đất giáp với vầng mặt trời, như vậy trước sau biết rõ có người nói ba phương kia cùng có núi to đi tới đây. Giờ vua đi suy tính kế gì để trốn tránh? Vua trả lời: Bạch Thế Tôn! Đó không thể dùng ái ngữ mà được thoát! Không thể dùng bố thí mà được thoát!

Không thể tạo ra sự sợ hãi mà được thoát! Không thể hưng binh mà được thoát! Chẳng phải bốn phương tiện đó là cách đối trị! Như con nay, chỉ một lòng cần kíp tu tám phần Thánh đạo để cầu xuất ly thôi!

Phật lại hỏi: Nếu có ngọn lửa hừng hực đến đốt cháy đầu và y áo vua, thì trước tiên vua phải dập tắt nó? Trước tiên vua lại phải tu tám phần Thánh đạo chăng? Vua đáp: Bạch Thế Tôn! Lửa cháy đầu và y áo, nếu con dập tắt thì chỉ mới tạm thời được khỏi khổ, chứ chẳng phải vĩnh viễn được thoát khỏi khổ, nếu tu tập tám phần Thánh đạo mới là vĩnh viễn lìa được khổ, cho nên trước là con tu tám phần Thánh đạo, chứ không diệt lửa trước.

Núi bốn phương tức dụ cho bốn khổ: lão, bệnh, tử và yêu nhau mà phải xa lìa. Cái khổ vì già có khả năng phá hoại sự tráng kiện, cái khổ của bệnh có khả năng cướp đoạt sức khoẻ; cái khổ của chết có khả năng làm nghiêng đổ tuổi, cái khổ của ái biệt ly có thể trái lại vui sướng giàu có. Từ trước đến giờ đều là nghĩa xuất khác biệt. Những gì mà Ngài Thiên Thân đã nêu, đều giống với nghĩa của Ưu-ba-đề-xá.

Luận chủ nói: Những gì tôi đã tin, đã hiểu, nay sẽ nói rõ ra.

Có sanh có diệt nên gọi là vô thường. Pháp hữu vi có sanh diệt không được thường; sanh tức là có, diệt tức là không có trước, có sau không, nên là không có thường. Sanh vì sao không phải thường sanh! Diệt vì sao không phải là thường diệt! Mà lại nói sanh diệt là vô thường?

Giải đáp: Sanh hoại ở diệt nên diệt chẳng phải thường. Diệt lại hoại sanh, nên sanh cũng vô thường. Tánh trái nghịch nên gọi là khổ. Năm ấm là sự tụ tập của khổ, luôn trái nghịch với tâm chúng sanh, khiến cho họ phải chịu khổ. Chúng sanh không thể không yêu cái thân đã thọ nhận nên dùng y phục, ăn uống và đủ các loại nuôi dưỡng khác cho thân, nhưng thân đó không biết ơn còn luôn sanh ra những khổ đau trái nghịch tâm chúng sanh… hơn nữa, việc ăn mặc, thời gian tăng giảm cũng luôn sanh những khổ não. Muốn khiến được yên, nên ngồi lâu, thì lại sanh khổ. Chán ngồi lâu lại đi, đi nhiều lại sanh khổ. Cứ như vậy, ngay trong bốn oai nghi, cũng luôn trái nghịch nhau. Sở dĩ luôn trái nghịch với tâm chúng sanh như vậy là do cảnh giới - nó là đối tượng duyên của tâm chúng sanh, mà chẳng phải chân thật nên sanh sự trái nghịch. Thể của khổ vốn tách rời nên gọi là rỗng Không. Tất cả các pháp đều là giả danh. Có danh có nghĩa mà không có "thể". Hòa hợp với chủ thể sanh ra là nghĩa của nhân nên trong hòa hợp, lấy tên gọi nhân để lập. Đối tượng được sinh là nghĩa quả, nên trong đối tượng được sinh lấy tên gọi quả để lập; mà nhân quả thì không có "thể". Sao lại như vậy? Vì căn và trần hòa hợp có thể sanh thức. Lìa căn trần, há

riêng có "thể" của nhân sao? Hòa hợp nên nói là thức sanh thì lìa hòa hợp, bên ngoài há lại có riêng "thể" của thức sanh? Có nhân quả, mà không có chủ thể tạo tác, chủ thể của thọ dụng tức không có nhân quả, chỉ có nhân quả trên danh nghĩa. Không có chủ thể tạo tác nghĩa là: Nhân không có "thể", không có chủ thể tạo tác chân thật. Không có chủ thể thọ dụng nghĩa là: Quả không có "thể" không có chủ thể thọ dụng chân thật. Như vậy khổ vui chỉ là danh nghĩa, chúng không có "thể" tức là nghĩa đối tượng tách rồi của "thể" nên gọi là rỗng không. Không có con người tự tại nên gọi là vô ngã. Phật nói: Pháp "có", không ra khỏi mười tám giới. Nếu nói có ngã, thì thuộc về giới nào? Nếu mười tám giới không gồm thâu, nên biết là vô ngã. Đây để phá trừ nghĩa của bộ Bạt-hòa-phất-đa-la-khả- trụ-tử. Họ tự bào chữa nói: Ngã hiện hữu khắp trong mười tám giới, há có thể khiến nó thuộc về một giới riêng biệt được? Ngã mà họ chấp đây tức là không một, không khác, là tạng bất khả thuyết.

Nay lại phá bỏ nói: . Như nhãn căn cùng sắc trần là đối tượng duyên. Nhãn thức là chủ thể duyên. Duyên với căn trần nên sanh thức. Ở đây, trước tiên căn cứ đối tượng duyên để phá. Ngã đều khắp trong căn trần, là một hay là khác. Nếu nó khác thì đối tượng duyên nên có căn, trần, ngã ba pháp. Sao Phật chỉ nói hai không nói ba? Nếu nói có ngã khác với căn trần mà Phật không nói là sở duyên thì tức ngã đó vô dụng. Vả lại, nếu nói khác căn, trần, thì nghĩa ông chấp không khác tự hoại. Nếu nói ngã và căn trần là một, thì chỉ có căn trần, ngã có ở nơi nào, tức nghĩa ông chấp không một tự hoại. Tiếp theo căn cứ chủ thể duyên để phá. Ngã và thức là một hay là khác? Nếu khác thì chủ thể duyên có hai loại là ngã và thức. Nếu có hai pháp, sao Phật không nói? Hoặc như dù có mà Phật không nói, thì ngã vô dụng. Lại, như thế tức nghĩa ông chấp không khác tự hoại. Nếu ngã và thức là một, mà thức từ duyên sanh, đã là hữu vi, thì ngã cũng nên là hữu vi. Ông cho ngã không phải hữu vi, không phải vô vi, nói vậy thì hỏng. Lại như ông chấp nghĩa không là một, lời đó tự hoại.

Nếu phá chấp ngã của ngoại đạo, nghĩa là ngoại đạo thiết lập nghĩa của ngã, dùng bốn loại trí chứng biết là có ngã. Bốn trí đó là: Chứng trí, Tỷ trí, Thí trí và Thanh trí. Dùng bốn trí đó chứng biết có ngã. Ngoại đạo có hai kiến đoạn-thường. Nếu là đoạn kiến, thì ngay thân này là ngã, nên thân diệt, ngã cũng diệt theo. Đã tức là thân thì hiện thấy có thân, tức là Chứng trí biết có ngã. Nếu thấy hơi thở ra hơi thở vào v.v… năm loại là tướng ngã. Đã thấy tướng đó như vậy thì biết là có ngã, đó tức là Tỷ trí (trí so sánh) biết có ngã.

Nếu thấy tự thân có ngã thì biết thân người khác cũng có ngã, tức là thí trí biết có ngã. Nghe Thánh, sư nói có ngã thì biết là có ngã, tức là Thanh trí biết có ngã. Nếu thường kiến, thì chỉ dùng Tỷ trí, Thanh trí biết có ngã mà thôi. Thường kiến là: Nói lân hư (vi trần) và ngã thì không thể thấy, không phải là cái được biết của Chứng trí. Lại ngoại đạo thường kiến cũng nói ngã là cái được biết của Chứng trí. Họ nói màu trắng tinh trong con mắt là mặt trăng, màu đỏ tinh trung gian của trắng là mặt trời, màu xanh tinh trung gian của đỏ nói là không. Trong cái xanh tinh thì con người là ngã, ngã thì thường, cũng có thể thấy, nên là cái được biết của Chứng trí. Trăng là mẹ tạo, trời là cha tạo, không là trời tự tại tạo. Ngã không phải nhân tạo nên là thường. Sở dĩ gọi xanh tinh vi là "không", tức nếu bị che phủ thì không thấy biết, nó là "không". Ngài Thiên Thân thứ lớp phá bỏ thế này: Cái biết của trí chứng không vượt qua bảy pháp, tức là sáu trần và thức. Sáu trần và thức đều không phải là ngã, há được là cái mà Chứng trí biết sao? Cái mà Tỷ trí biết ấy là nhân duyên của những nhãn, sắc, không, tác ý… sanh ra nhãn thức. Thức là dụng của mắt đã thấy nó có dụng, thì tỷ trí biết ắt có mắt, ngã không có dụng riêng. Vậy lấy nghĩa gì so sánh biết có ngã? Thí trí có nghĩa là, thấy hình dạng bò nhà, dựa vào loài mà so sánh để biết hình dáng bò rừng, hình dạng đều như thế. Ngã đã chẳng phải là cái mà Chứng trí biết thì cũng chẳng phải là cái mà Thí trí biết. Thanh trí là họ chấp ngã đó, vì nói có ngã là lời của Thánh, sư. Tin ngã vì nghe thánh sư nói, nên mới lập có ngã. Điều đó cũng không đúng. Thầy ông có nói hai thuyết là đoạn và thường. Hoặc như ba ngoại đạo: Bạt-bà-lợi-kha, A-lại-già-giã, Ưu lâu ca khởi thường kiến, chấp là có ngã, nói có vị lai, lại như ba ngoại đạo: Ha-lê-đa-văn, Đà A-luân, La-da-na khởi đoạn kiến, chấp là không ngã, không nói có vị lai. Điều mà thầy nói có, không tự nó không nhất định! Há có thể dùng cái đó làm chứng là có ngã sao?

Nói không có con người tự tồn tại, nghĩa là, người chấp ngã cho: Ngã là chủ của năm ấm, ở một mình trong năm ấm. Thí như vua một nước, nước nhà là tự mình sở hữu, không cho người khác tham gia vào. Nay làm rõ năm ấm là không có chủ tể, nên nói là không có con người tự tồn tại, cũng gọi là vô ngã.

Hỏi: Ngoại đạo nói ngã có công dụng thế nào? Nếu có thì có thể dùng tỷ trí để biết?

Đáp: Ngã nói theo cách đó thì ngoại tướng phải có năm, hoặc nội tướng phải có chín. Đấy là Ưu-lâu-ca chấp như vậy. Năm ngoại tướng gồm: một là thở ra, hai là hít vào, ba là chớp mắt, bốn là nhìn, năm là thọ mạng.

Đủ năm tướng đó, nên biết là có ngã. Năm tướng tức năm dụng. Nay phá bỏ nói: Nếu do bốn tướng trước để biết có ngã, thì như phôi trứng, bốn tướng trước đâu có! Há có ngã! Nếu bào chữa nghĩa và nói. Tuy không có bốn tướng trước, nhưng có tướng thứ năm, thì biết là có ngã. Nay phá bỏ, thọ mạng tất cùng với thân giao tiếp nhau. Ông đã chứng minh khi ngã được giải thoát, ngã ắt phải lìa thân. Khi ngã lìa thân, thì không còn thọ mạng nữa. Há dùng được thọ mạng này để chứng biết là có ngã sao?

Về nội tướng, thì thuyết đó cho ngã là thường. Tâm là lân hư. Tâm cũng là thường. Riêng có pháp và phi pháp. Pháp ấy là thiện, phi pháp ấy là ác. Pháp và phi pháp có khả năng khiến ngã và tâm cùng hợp lại. Ngã tâm cùng hợp sanh ra chín pháp. Từ ngã tâm sanh ra cảm giác, có khả năng biết, nên từ cảm giác sanh khổ vui. Từ khổ vui sanh ham muốn và ghét bỏ; vui sanh ham muốn, khổ thì dấy khởi ghét bỏ, ham muốn và ghét bỏ đó sanh sức mạnh; tạo sức mạnh muốn diệt khổ tìm vui. Từ sức mạnh sanh pháp và phi pháp. Nếu là thường kiến, thì cho có vị lai, tu các khổ hạnh hiện tại, gọi đó là pháp. Còn nếu là đoạn kiến, thì cho không có vị lai, hiện tại tâm tự do tạo ác, gọi là phi pháp. Từ pháp và phi pháp mới sanh việc tu tập, tu tập đã thuần thục thì dụng của nó mau chóng. Tu mau chóng tức là sức của nhân, tu mau chóng cho nên có thể nhớ nghĩ mau chóng các việc quá khứ. Do có riêng pháp và phi pháp hợp lại, nên trong chín pháp lại sanh pháp và phi pháp, có lúc tạo thiện, có lúc tạo ác. Pháp và phi pháp riêng gồm có năm loại việc: một là có thể sai khiến lửa bay thẳng lên cao, hai là có thể sai khiến gió đi bên cạnh, ba là có thể sai khiến đất nước ở dưới thấp, bốn là có thể sai khiến lân hư hòa hợp, năm là có thể sai khiến ngã tâm hòa hợp. Ngoại đạo nói có hai tai ương là trung gian tai và hỏa tai. Trung gian tai nghĩa là trải qua ba trăm ngàn câu chi, tức ba trăm ngàn câu chi kiếp, gồm một trăm ngàn câu chi lửa, một trăm ngàn câu chi nước, một trăm ngàn câu chi gió. Khi thế giới có hỏa tai, thì thế giới sẽ giảm một kiếp, sanh một kiếp. Đối với thủy tai, phong tai cũng vậy. Diệt thì thô trần diệt, Lân hư trần gốc, rời nhau mà trụ, sanh tức là pháp và phi pháp sai khiến những cái đó cộng hợp. Pháp mà hợp là đạo thiện, phi pháp hợp là đạo ác. Trần gốc đã hợp, từ đó mà tăng trưởng, rồi lại sanh các trần khác, cho nên thành thế giới. Ngã, tâm cũng theo sát, ngoại trần mà có lìa, hợp. Trải qua ba trăm ngàn câu chi, là tai trung gian mãn. Khi đến thời kỳ hỏa tai, lại phải trải qua ba trăm ngàn câu chi, thế giới mới hoàn toàn diệt. Trần gốc mới hoàn toàn lìa nhau mà trụ; tâm cũng hoàn toàn lìa nhau mà trụ, thì ngã tạm thời giải thoát. Trải qua ba trăm ngàn câu chi, thì hỏa tai mãn, pháp và phi pháp lại sai khiến những cái đó cùng nhau hợp.

Hỏi: Lửa làm sao bay lên cao? Gió làm thế nào đi bên cạnh? Đất nước làm thế nào ở dưới thấp?

Đáp: Lửa có khả năng nấu chín mọi vật. Nếu lửa mà không bay lên cao, thì chúng sanh không thể có được những vật và các đồ ăn thức uống, thành thục. Lại nữa, lửa có ánh sáng, là chủ đối với trí tuệ, ở trên trời tự tại, có sáu đạo chuẩn bị sẵn cho thân. Từ tâm hướng lên trên là nhân-thiên, từ tâm hướng xuống đến ngang rốn là A-tu-la và ngạ quỉ, từ rốn xuống tới chân là súc sanh và địa ngục. Nhân thiên có ánh sáng trí tuệ nên ở trên; hỏa cũng có ánh sáng, là chủ đối với trí tuệ nên ở trên. Gió nếu không đi bên cạnh, thì chúng sanh không biết lấy gì để có sự đi lại. Như thuyền trên biển, nếu gió cứ chìm xuống bay lên, thì thuyền không thể nào tiến được. Do gió đi bên cạnh mới có sự đi lại. Đất nước nếu không ở dưới thấp, thì chúng sanh không có chỗ nương. Đất nước mù tối, sanh mê hoặc thuộc địa ngục và súc sanh, cho nên ở dưới. Địa ngục và súc sanh mờ ám mà có mê hoặc, nên ở dưới. Vì muốn vĩnh viễn được giải thoát, nên tu bốn pháp: trì giới, bố thí, khổ hạnh, thiền định. Từ bốn pháp sanh ra chánh pháp. Người chánh pháp là người đó đã đạt được đạo. Từ chánh pháp sanh vui sanh trí. Người có trí vui thì nhận quả vui trên cõi trời. Về sau, lúc trí tuệ đoạn pháp và phi pháp; ngã và tâm vĩnh viễn rời nhau, chín pháp vĩnh viễn không còn sanh nữa, tức vĩnh viễn được giải thoát. Nếu phá bỏ ngã kiến và lân hư, thì chấp này tự hoại. Luận nói: Ái dục có bốn loại: Một là chấp ngã, là không phân biệt ái dục. Hai là chấp đương ngã, là không phân biệt, lại có ái dục. Ba là chấp đương ngã có hơn kém, là phân biệt lại có ái dục. Bốn là kết chặt ái dục tiếp nối nhau. Nay sẽ giải thích tuần tự.

- Thứ nhất chấp ngã: Đối với hiện tại, chấp nói trong thân có ngã mà không phân biệt được chấp một ấm là ngã, cũng không phân biệt được các ấm khác không phải ngã. Năm ấm đều không phải ngã, mà đối với ngã sanh ái, đối với ngã sở hữu các cảnh sắc hương vị xúc, sanh tâm nhiễm đắm, nên gọi đó là dục. Ngã và ái do Kiến đạo phá trừ, dục do Tu đạo phá trừ.

- Thứ hai là ái dục: Thường kiến có nghĩa là ngã không diệt, được tới vị lai, nên gọi là phân biệt đương ngã. Không khác giải thích. Vị lai lại có ngã đối với có ngã có lại thì sanh ra ái, đối với sáu trần, của ngã sở sanh khởi đắm nhiễm, nên gọi là dục.

- Thứ ba là chấp đương ngã. Như vừa giải thích, cũng không phân biệt là có hơn kém. Là phân biệt, tức phân biệt ngã vị lai, hoặc thọ khổ, hoặc thọ vui, hoặc sanh ở địa trên, hoặc sanh ở địa dưới… Những điều đó tức là nghĩa hơn kém. Lại có ái dục không khác với trên đã giải thích.

- Thứ tư là luận về ái dục, nhưng lại không nói là chấp ngã, mà cũng là chấp ngã ái dục. Chấp ngã không phân biệt, không khác vừa giải thích. Nghĩa là ngã không diệt, được tới vị lai, chỗ vị lai, sanh lại khởi nhiễm chấp suy ra thân này, tức ái kết chặt ở thân sau. Hai mạng trước và sau tiếp tục với nhau không dứt, cho nên nói là kết. Ái dục có tiếp tục nhau thì không khác vừa giải thích. Luận nói: Trong kinh, Phật dạy: Năm ấm lấy ái dục làm căn bản, ái dục chính là tập khởi, là chỗ sanh ra, là duyên… Trong kinh còn nói: Ái dục có bốn loại. Luận lại nêu ra thứ tự bốn tên gọi trên; sau bèn giải thích: Về nhân, thì giải thích như sau: Ái dục thứ nhất, là căn bản ban đầu của năm ấm, cho nên gọi là nhân. Ví như hạt giống cho quả là căn bản là nhân, nên bắt đầu. Dẫn lời kinh nói "Do ái dục là căn bổn". Vậy ái dục tức là nhân. Nay lại dùng nghĩa căn bản để giải thích nghĩa nhân. Nói căn bản ban đầu nghĩa là trước tiên ở hiện tại, chấp ngã rồi sanh ái dục; ái dục đó có sức cảm quả vị lai, nên gọi là ban đầu. Ví như nói có hạt giống tức là có sức sanh ra quả, cho nên mới nói là như hạt giống cho quả.

Về tập khởi giải thích như sau: Đó là ái dục thứ hai, là tập khởi của năm ấm, có khả năng khiến đem quả hiện tại đến. Ví như mầm non cho quả. Ái dục thứ hai, duyên với ngã hữu ở vị lai và các trần đã sanh; lấy ái dục đó hòa hợp chung lại, có thể khiến đem quả lại ở hiện tại, cho nên gọi ái dục là tập khởi. Cũng như mầm non cho đến hoa có khả năng sanh ra hạt, cành, nhánh, lá và hoa. Quả tức là hạt.

Giải thích về nơi sanh: Đó là ái dục thứ ba, là nơi sanh của năm ấm, có thể sanh ra năm ấm hơn kém. Thí như quả và đất nước ruộng nên có sức mạnh của hương vị và uy đức biến đổi thuần thục. Nghĩa là ái dục thứ ba, phân biệt có hơn kém đối với vị lai, nên khi thọ nhận quả báo có thể lên cao, có thể xuống thấp. Do ái dục thứ ba sai khiến, mà quả báo vị lai có hơn kém được sanh nên gọi ái dục thứ ba là nơi sanh. Ái dục thứ hai quyết lấy hạt làm quả. Nay ở đây nói quả, cũng lấy hạt làm quả của quả. Ruộng và đất nước đã sinh là tác duyên của quả làm cho hương vị quả tăng trưởng. Ruộng v.v... có màu mỡ và xấu, nên lực dụng không đồng làm cho hương vị v.v… sanh trong quả tùy thuộc vào duyên mà có khác. Cũng như vậy, tùy ái dục phân biệt mà được quả có hơn có kém. Dựa theo Chánh lượng bộ và ngoại đạo lập nghĩa hương thì có ba loại: một là hương, hai là mùi (xú), ba là bằng. Bằng thì không có hương mùi. Nếu là Bộ khác chỉ nói thơm và hôi, không có mùi gì khác. Nhưng thơm, hôi, mỗi thứ có hai loại: một là tăng, hai là tổn. Như xạ hương con người ngửi nó, thì tăng thêm lân hư trần của mũi. Côn trùng ngửi hương đó thì tổn thương lân hư trần mũi nó. Lại như mùi hôi của phân con người ngửi nó thì tổn thương lân hư trần

của mũi. Chó, heo ngửi nó thì tăng trưởng lân hư trần của mũi. Vị có bảy loại: ngọt, đắng, cay, mặn, chát, chua, nước tro. Chát thì như quả tra sống. Vị nước theo ý riêng chỉ như là vị nhạt!

Về lực thì có mười loại: tức nhẹ, nặng, lạnh, nóng, rít, trơn, cứng, mềm, xói mòn, và khô đặc. Hạt quả chín, như loại cầm. Trong quả này tức là lương khô. Biến đổi thành thục (chín) thì có ba loại: một là ngọt, hai là chua, ba là cay. Ba loại đó, không phải là vị; ba vị chỉ là tên thôi. Ăn quả vào bụng, biến hóa thuần thục thành đạm thì gọi là ngọt, biến hóa thuần thục thành nhiệt thì gọi là chua, biến hóa thuần thục thành gió thì gọi là cay. Thể của đạm là ngọt, trơn, nặng, cho nên gọi đạm là ngọt. Thể của nhiệt khiến cổ họng chua, nên nhiệt gọi là chua. Thể của phong có thể khiến cho thân gầy mòn, mặt mày nhám. Thể của cay không béo mập mà nhám cho nên gọi phong là cay. Thân người có ba phần: Từ tâm hướng lên trên là đạm vị. Từ tâm xuống tới rún là nhiệt vị. Từ rún xuống tới chân là phong vị. Ba phần đó tương thông, điều hòa sự thoải mái nên không bệnh. Nếu ứ đọng, kết chặt không thông thì thành bệnh. Nếu lấy sáu vị dựa theo sự biến hóa thuần thục thì không đồng. Ngọt mặn hai vị biến hóa thuần thục thành vị ngọt. Vị chua biến hóa thuần thục thành chua. Đắng, cay, chát, ba vị mà biến hóa thuần thục thành cay. Uy đức, nghĩa là những cây thuốc tự nó có oai đức, hoặc rễ có khả năng phát ra ánh sáng, hoặc có thể loại trừ quỉ, hoặc có khả năng trừ độc. Như là nơi đã sinh ra thuốc Ma-già. Tất cả cỏ độc đều không còn sức, độc tố nữa. Quả tùy duyên nên có những bất đồng đó. Dùng dụ chúng sanh, quả báo chiêu cảm có sai biệt.

Giải thích về duyên: Ái dục thứ tư là duyên sanh của năm ấm. Năm ấm từ ái mà khởi. Thí như dụ hoa tàn nên quả sanh. Ái dục thứ tư vướng mắc vào nơi sanh vị lai. Kết chặt hai hữu khiến nối tiếp nhau. Năm ấm ở vị lai duyên ái dục được khởi, nên gọi ái dục thứ tư là duyên. Như hoa tàn là duyên mà hạt được sanh ra. Sự gián đoạn nên gọi là diệt. Sự tức mười hai duyên sanh. Đây căn cứ nhân là sự. Vì nhân, gián đoạn không liên tục nữa nên gọi là diệt, tức nói rõ việc đoạn ái dục thứ nhất. Ở đây, mười sáu đế có mười sáu vật nên diệt. Bốn đế ở dưới, mỗi đế dùng một pháp làm thể. Không khổ nên gọi là vắng lặng. Khổ không căn cứ khổ thọ để nói mà từ sanh trước là quả, nên gọi quả là khổ. Trước nói rõ nhân, gián đoạn nay nói về quả không có.

Nếu quả lại sanh náo động không ngừng thì làm sao có thể gọi là vắng lặng? Đều là do quả không có, cho nên vắng lặng. Đây tức nói rõ không có ái dục thứ hai. Từ ái dục thứ nhất sanh ra, tức là quả. Vì vô

thượng, nên gọi là mỹ diệu, nghĩa là hơn hết, không gì vượt qua, không gì bằng nên nói là vô thượng, tức rõ ràng ái dục thứ ba không có. Ái dục thứ ba phân biệt thua, nay nói rõ chỉ có hơn, không có kém, tức trừ bỏ hơn, kém. Ái dục không còn quay trở lại nữa, gọi là mãi mãi xa lìa. Nếu ra mà quay lại nữa thì đó chẳng phải là mãi mãi xa lìa. Ở đây ra mà không quay trở lại, cho nên gọi là vĩnh viễn xa lìa tức rõ ràng không có ái dục thứ tư. Ái dục thứ tư kết chặt hữu khiến tiếp nối nhau, là quay trở lại sanh tử; ở đây đoạn dứt kết đó, không cho hoàn trở lại. Chỗ tâm vô lưu hiện hành, nên gọi là đạo. Đạo thì Giới, Định, Tuệ làm thể. Từ tâm vô lưu sinh ra, gọi đó là hành. Tâm vô lưu tự nó có ba loại: một là thục, hai là trực, ba là minh. Thục tâm (tâm thành thục) cho nên không thoái lui. Minh tâm cho nên không mê. Trực tâm cho nên chân thật. Đạt được tu tuệ, lìa mọi phân tán, dao động, nên là thục. Đã thục rồi, nên không lui mất. Nếu tâm u ám tức mê cảnh, nhờ minh không còn mê. Nếu có cong vạy thì không được gọi là trực. Chánh hướng không tà gọi là trực. Trực thì không có tạp nhạp nên gọi là trực. Tâm vô lưu đã đủ ba đức đó, thì đạo được sanh ra, cũng đủ ba đức. Thông đạt cảnh chân thật gọi là như. Lý bốn đế tương xứng với cảnh giới chân thật nên gọi là như. Vì quyết định nên gọi là chánh hạnh. Như kinh nói: "Chỉ ở đây là đạo, không còn đạo nào khác nữa. Vì chánh kiến thanh tịnh, nên không gì hơn, không gì sánh bằng, tức gọi là quyết định". Nếu còn có một pháp hơn pháp này thì thành ra bất định. Nếu còn có riêng một pháp ngang bằng với pháp đó, thì cũng chẳng phải là định. Bất định tức không được gọi là chánh hạnh. Luận dẫn kinh để chứng minh nghĩa của định. Nói: Chỉ có đạo này thôi, không có riêng một pháp nào ngang bằng hay hơn nó được, cho nên mới nói không có đạo nào khác.

Kiến cũng có hai loại: một là Tà kiến tức là năm Kiến chấp, hai là Chánh kiến, tức là tận trí. Tận trí tức A-la-hán do đoạn trừ phiền não đã hết, mà đạt được trí; có khả năng trừ bỏ tà kiến, thì đắc A-la-hán chánh kiến cũng nói là thanh tịnh Kiến. Nếu giải thích chi tiết về kiến đạo, thì tâm thứ mười ba cũng được gọi là Chánh kiến, vì có thể làm thanh tịnh kiến nên gọi là chánh hạnh, chỉ có chánh hạnh là đạo; ngoài đó ra, há lại có đạo riêng nữa sao? Vượt qua khỏi một cách rốt ráo nên gọi là xuất ly. Diệt đế là rốt ráo, vì rốt ráo không sanh. Trí vô lưu đoạn trừ phiền não, vượt các lưu, chứng đắc vô vi nên gọi là "độ". Vô vi đã là rốt ráo, chứng đắc độ vô vi cũng là rốt ráo. Lấy diệt đế làm danh mục cho rốt ráo, nên độ được gọi là rốt ráo. Vì rốt ráo độ nên mới xưng là xuất ly. Luận nêu: Trong kinh còn nói: Chúng sanh có bốn kiến: một là thường kiến, hai là lạc kiến, ba là ngã sở kiến, bốn là ngã kiến. Vì muốn phá bỏ bốn loại kiến đó, nên Phật mới

nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Giải thích những lời đó: lúc kiến khởi, thì trước ắt khởi ngã kiến, khi ngã kiến khởi tức khởi đủ ba kiến khác kia. Khởi ngã kiến tức chấp ngã là thường, tức là khởi thường kiến. Ngã đã là thường, ví như dao không thể chặt, lửa không thể đốt. Đã không thể phá hoại, đó tức là lạc, tức là lạc kiến. Đã chấp có ngã và chỗ ngã tồn tại, tức là ngã sở, cũng tức là ngã sở kiến. Nếu phá ngã kiến, thì ba kiến kia cũng đều bị phá.

Các vị Tăng Khư, Tỳ-thế-sư… đã tạo nên chấp này. Các vị này chấp thường kiến cho rằng: Không chẳng là có, có chẳng là không. Tất cả pháp "không" thì mãi mãi "không" "không" chẳng thành "có"; đã "có" thì mãi mãi "có", "có" không thể thành "không". Hết thảy pháp đều là thường. Tất cả pháp hiện thấy đều có sanh diệt, đây là sự chuyển đổi khác thôi chứ không phải "thể" của nó mới sanh, không phải "thể" của nó cuối cùng diệt! Ví như vàng có thể chuyển đổi thành vòng, xuyến… Thể của vàng không hề sinh diệt. Họ nói, tự tánh sanh năm đại như không v.v… Năm đại lại sanh năm căn, thế tại sao là tự tánh sanh Không? Không và tiếng đều cùng khởi, không là gốc, tiếng là ngọn. Tiếng là đức của Không, "không" rất nhỏ, không vật nào có thể phá bỏ nó. Tự tánh sanh gió và xúc cùng khởi một lượt, gió là gốc, xúc là ngọn, xúc tức là đức của gió. Gió thì thô mà "không" thì tế, dùng không đến phá gió, gió lẫn lộn với không. Gió thì đủ hai đức: đức của chính nó là xúc, đức của chỗ khác là tiếng. Tự tánh sanh lửa. Lửa và sắc cùng sanh một lượt, lửa là gốc, sắc là ngọn. Sắc tức là đức của lửa. Lửa thì thô mà gió thì tế. Gió đến phá lửa, lửa lẫn lộn ở gió. Lửa có đủ ba đức. Đức của chính mình là sắc, đức của người khác là tiếng nói. Tự tánh xúc sanh nước, nước và vị cùng sanh một lượt, nước là gốc, vị là ngọn. Vị tức là đức của nước. Nước thô mà lửa tế. Lửa lại đến phá nước; nước lẫn lộn ở lửa. Nước đủ bốn đức. Đức của chính nó là vị, đức của chỗ khác là tiếng, sắc và xúc Tự tánh sanh đất, đất và hương khởi một lượt, đất là gốc, hương là ngọn. Hương là đức của đất. Đất thô mà nước tế. Nước đến phá đất, đất lẫn lộn ở nước. Đất đủ năm đức, của chính nó là hương, đức của chỗ khác là tiếng, sắc, xúc, và vị. Năm đại làm nhân, sanh năm căn; năm căn là quả. Không (đại) sanh tai, tai trở lại giữ lấy Không và đức của chính nó không nắm giữ đức, của chỗ khác nên chỉ có nghe tiếng, không thấy sắc v.v... . Gió sanh ra da, da tức là da thịt; da trở lại giữ lấy gió và đức của gió nên chỉ có thể giữ xúc, không giữ đức của chỗ khác. Dùng lửa sanh mắt, nước sanh lưỡi, đất sanh lỗ mũi giống như hai loại trước có thể hiểu. Năm căn đã từ năm đại sanh ra, nên năm căn diệt thì quay trở về với năm đại. Nhĩ căn diệt thì trở về với không. Cho đến tỷ căn diệt là trở về với

đất, cho nên các pháp là thường.

Để phá thường Kiến thì nói rõ, chưa có và đã có mà diệt, tức là trước không có, sau không có, cho nên là vô thường. Họ nói không chẳng thể thành "có"; nay nói rõ chưa có và có. Chưa có là không có. Trước là không có nay thành có, tức là không chẳng thể là mãi mãi không. Họ nói có, chẳng thể thành không; nay nói rõ là đã có mà không. Trước là có nay thành không, tức là có mà chẳng thể là luôn luôn có.

Hỏi: Lửa làm sao có thể phá nước?

Đáp: Sắc là đức của lửa, trong nước có sắc, tức là dùng lửa phá được nước vậy.

Hỏi: Cái gì là tự tánh, mà nói nó có khả năng sanh?

Đáp: Pháp có ba loại: một gọi là tự tánh, hai gọi là người, ba gọi là biến dị (đổi khác). Trong ba loại, loại đầu tiên chỉ gọi là tự tánh, loại người chỉ gọi là người, loại biến dị cũng gọi tự tánh, cũng gọi là biến dị. Sở dĩ như vậy là vì loại đầu vô tri nên không được gọi là người; không chuyển nên không được gọi là biến dị, chỉ gọi là tự tánh. Cho nên người có biết mà không thể giữ lấy, không được gọi là tự tánh. Vì không chuyển nên không được gọi là biến dị, chỉ được gọi là người. Từ ba đức trở đi, đều là vô tri. Có khả năng truyền sự sanh sau này gọi là tánh. Từ cái khác mà sanh có chuyển đổi, nên gọi là biến dị. Ba pháp đều là thường, thì hai pháp trước là thường mà không có biến dị, một pháp sau là thường mà biến dị. Như tánh vàng không đổi, mà có thể dát mỏng vòng xuyến khác nhau. Người là ngã. Tự tánh như người mù, có khả năng đi nhưng không thấy người đang đi trên đường, như người có mắt mà không có chân, có thể thấy mà không thể đi. Tự tánh có khả năng tạo tác nhưng không có khả năng biết. Người có khả năng biết mà không có khả năng tạo tác. Người và tự tánh cùng hòa hợp tức sanh tự tánh biến dị. Tự tánh gồm có tám loại: một là tự tánh căn bản, hai là tự tánh ba đức, ba là tự tánh đại, bốn là tự tánh ngã chấp, năm là tự tánh duy trần, sáu là tự tánh đại thật, bảy là tự tánh tri căn, tám là tự tánh nghiệp căn. Tự tánh căn bản là thứ nhất, xưa nay có. Từ tự tánh căn bản, sanh ra bảy tự tánh kia. Bảy loại tự tánh đều là tự tánh biến dị. Từ tự tánh căn bản sanh ra tự tánh ba đức. Ba đức là tiếng Thiên Trúc (Ấn Độ): Thứ nhất gọi là Tát-đỏa. Không có tướng đích thực dịch nghĩa tương ưng là diệu hữu. Lúc nó sanh ra thì tinh diệu mà thể là hữu (có). Hai là đức A-la-xã, nghĩa dịch chính thức là trần, động mà có thể nhiễm, vì nhiễm nên gọi là trần. Ba là đức Đa-ma, nghĩa dịch chính là ám, thể của nó ngăn, lấp. Nếu dùng nghĩa để lập danh, thì đức thứ nhất gọi là khinh quang (sáng nhẹ), đức

thứ hai gọi là động trì (động giữ), đức thứ ba gọi là trọng tắc (nặng, lấp). Tất cả pháp bên trong, hoặc bên ngoài, không ra ngoài ba loại này. Trước tiên luận về pháp bên ngoài tức dựa theo bốn đại mà luận về nó. Không đại và hỏa đại là khinh quang. Phong đại là động trì, có khả năng giữ vững các vật khiến không rơi rớt. Đất, nước là nặng, bít. Thể nó nặng và tối, bít lấp. Nếu luận về sáu cõi, thì trời là khinh quang, người là động trì, bốn cõi ác còn lại là nặng, bít. Nếu luận về pháp bên trong thì xả thọ là khinh quang, lạc thọ là động trì, tâm dao động mà chấp giữ nơi cảnh. Khổ thọ là nặng, bít. Trí tuệ là khinh quang. Tham là động trì. Sân si là nặng, bít. Khi ba đức mới bắt đầu sanh, diệu hữu hiển hiện đầu tiên ở pháp bên trong, pháp bên ngoài chưa hiển hiện, về sau mới hiện.

Từ tự tánh ba đức sanh tự tánh đại. Đại là giác. Giác là gốc của mọi hiểu biết. Có dụng của giác sát (tỉnh táo xét kỹ). Từ tự tánh đại sanh ra tự tánh ngã chấp. Chấp ta và người là có khác. Nếu theo nghĩa của Tăng khư, thì từ ngã chấp sanh duy trần. Duy trần sanh đại thật. Nếu theo nghĩa của Tỳ-thế-sư, thì từ đại thật sanh duy trần. Nay tạm dựa theo nghĩa trước mà giải thích. Nói duy trần có nghĩa là: Chỉ có năm trần; các pháp khác thì chưa hiển hiện. Từ năm trần sanh ra đại thật, tức năm đại. Tất cả pháp không ra ngoài năm đại, nên gọi là đại. Thật có nghĩa là: Tất cả pháp đến đi đều ở tại năm đại này. Tất cả pháp tự nó đều có đổi khác. Thể của nó thường tại không đổi khác. Như nhãn căn hoại, thì lại trở về Không đại. Nhãn căn tự có hoại, Không đại thì không hoại. Cho đến tỷ căn trở về địa cũng đều như vậy, nên gọi là thật. Từ đại thật sanh tri căn. Năm căn đều có khả năng biết. Từ tri căn sanh nghiệp căn. Nghiệp căn có năm: một là miệng, hai là tay, ba là chân, bốn là xương cùng, năm là căn nam nữ. Miệng có thể dùng lời, là căn của lời nói, lời nói tức là khẩu nghiệp. Tay là căn của nắm bắt, nắm bắt là nghiệp của tay. Chân là căn để đi, đi là nghiệp của chân. Xương cùng là căn của sự bài tiết, có khả năng phóng các chất cặn bã dơ bẩn, nên là căn của xương cùng. Căn nam nữ có khả năng sanh con, là căn sanh con, sanh con là nghiệp của căn nam nữ. Đó là hai mươi lăm trường hợp, theo nghĩa của thật đế. Gồm năm nghiệp căn, năm tri căn, năm trần, năm đại là hai mươi, hai mươi mốt là ngã chấp, hai mươi hai là đại, ba đức là hai mươi ba, hai mươi bốn là nhân, hai mươi lăm là tự tánh.

Hỏi: Nương năm đại mà luận về ba đức. Năm đại chỉ nên thuộc về thật đại, sao bỗng nhiên lại tùy thuộc ba đức?

Đáp: Vì tánh thể của nó hệ thuộc ba đức, bản thân năm đại thuộc về thật đại. Giống như một cái ngà phân làm nhiều mảnh, đem chạm trổ hình

con ngựa, hoặc chạm trổ hình con voi, ngựa voi tuy khác, nhưng tánh thể vẫn là cái ngà kia! Năm đại cũng vậy. Năm đại tự nó hệ thuộc đại thật nhưng theo sát thể tánh của nó nên cùng thâu tóm tự nó về thuộc ba đức. Trước nói, tự tánh sanh không, tức là nói tự tánh căn bản có khả năng sanh vậy. Như nghĩa của Tăng Khư, nói rõ trong nhân vốn có đủ quả, như trong hạt mầm cây Bát-đa-la vốn có đầy đủ cành, lá, hoa, quả… Bên trong của tự tánh đã có đầy đủ bảy loại tự tánh biến dị. Khi người và nó hòa hợp, bảy thứ đó tuần tự hiển hiện, gọi đó là sanh, chứ chẳng phải trước không có, sau có mới gọi là sanh.

Hỏi: Ba đức có trí tuệ và ba phiền não, duyên vật nào làm cảnh để khởi?

Đáp: Đó là pháp diệu hữu, không duyên cảnh mà khởi. Như ba căn thiện và ba căn bất thiện của nhà Phật lại có cảnh nào duyên để khởi ư?

Hỏi: Trong ba đức có trí tuệ. Đại thì nói là giác, sao chợt bảo tự tánh biến dị đều chẳng phải tri?

Đáp: Người là tri, vì người có khả năng biết. Bảy thứ biến dị tự nó không có tác dụng biết, như người có khả năng chặt bỏ mà gọi là dao, vì khả năng chặt; thật ra dao không là chủ thể chặt.

Hỏi: Chỉ có trần là năm trần gồm sắc v.v… thì làm thế nào dùng trần mà dẫn đến hiển hiện đại thật ư?

Đáp: Năm đại đều là lân hư, không thể thấy. Năm trần gồm sắc v.v… là cái ngọn của năm đại. Thấy được cái ngọn thì gốc mới hiển hiện. Sắc thuộc năm trần chẳng phải lân hư, cho nên có thể thấy.

Hỏi: Tự tánh là chủ thể sanh, cũng là chủ thể biến. Đối chiếu với tự tánh thì ba đức là đối tượng sanh, đối tượng biến, đối chiếu với đại thì là chủ thể sanh, chủ thể biến, vậy tại sao tự tánh chủ thể sanh được nhận tên gọi sanh, chủ thể biến thì không được nhận tên gọi biến? mà ba đức thì nhận đủ cả hai tên gọi?

Đáp: Chủ thể biến, chủ thể sanh đều là tên gọi nhân. Đối tượng biến, đối tượng sanh đều là tên gọi quả. Gọi thẳng là biến, gọi thẳng là sanh, đây là tên gọi của quả. Quả khởi mới là biến là sanh. Các nhân chưa có biến và sanh. Nay nói tự tánh chủ thể sanh tức là chủ thể biến, nói chủ thể biến tức là chủ thể sanh! Đó chẳng phải là đối tượng biến, nên không nhận tên gọi biến. Ba đức đủ cả hai nghĩa chủ thể và đối tượng, nên nhận đủ cả hai tên gọi.

Hỏi: Vì sao chủ thể sanh là tự tánh?

Đáp: Chủ thể sanh là gốc, mà gốc là nghĩa tự tánh, nên nhận tên gọi

tự tánh.

Hỏi: Con người cũng là gốc, sao không nhận tên tự tánh?

Đáp: Người không có tác dụng! Không có khả năng biến đổi kẻ khác thì không nhận tên tự tánh.

Nhóm Ni-kiền-tử khởi xướng chấp lạc kiến thế này. Họ bảo: Chân thật của sanh-tử là vui, chân thật của Niết-bàn là khổ. Họ suy diễn: Ví như người chỉ có một tay một mắt, thì họ có khổ không? Nếu khổ, thì thiếu một tay một mắt tự nó là khổ. Thân này nếu hoàn toàn không có, há chẳng phải là rất khổ sao?! Trong Niết-bàn lại không có năm ấm, nên cho Niết-bàn là chân thật rất khổ. Nếu người chỉ có một tay một mắt, được chữa trị, khi đã được đủ tay đủ mắt thì họ có vui không? Nếu vui, thì đủ tay đủ mắt, tự nó đã lấy làm vui, một thân đầy đủ há chẳng phải là rất vui sao! Đời hiện tại đã có đủ năm căn, thì nên biết có thân chân thật như vậy là rất vui. Các vị Tăng Khư, Tỳ-thế-sư lại khởi chấp lạc kiến như thế này: Sanh tử chân thật là có vui có khổ, cõi trời, người là chân thật vui; cõi địa ngục, súc sanh… chân thật là khổ. Họ suy diễn từ nhân. Nhân chân thật đã có thiện có ác; ác thì năng cảm khổ, thiện thì năng cảm vui. Vì nhân chân thật đó mà biết quả cũng chân chật. Phá bỏ hai kiến chấp này tức phải biết sanh tử đối đãi lẫn nhau nên sanh ra vui. Làm sao biết như thế? Vì lấy thô làm vui, lấy tế làm khổ. Như ngạ quỉ duyên với địa ngục là khổ, tự duyên với quả báo chính nó là vui. Súc sanh duyên ngạ quỉ là khổ, tự duyên với quả báo chính nó là vui. A-tu-la duyên súc sanh là khổ; tự duyên với quả báo chính nó là vui. Như ở trong cõi Trời, Người, Sắc, Vô sắc, đối đãi so sánh lẫn nhau vọng cho là vui, cho đến tận cõi Trời Phi tưởng. Nếu đem Niết-bàn so với cõi Trời Phi tưởng, thì Phi tưởng là khổ, Niết-bàn là vui. Đã không còn có gì hơn Niết-bàn, cho nên Niết-bàn là vui chân thật. Sanh tử là khổ chân thật. Nếu Niết-bàn của Đại thừa nơi ba thừa lại có khác, thì nay không luận đến.

Hỏi: Thường nói: Tội nặng là Địa ngục, tội vừa là hàng Súc sanh, tội nhỏ là hàng Ngạ quỷ. Ở đây sao lại nói hàng Ngạ quỉ hơn Súc sanh?

Đáp: Nếu là Tiểu thừa thì đã nói tội, còn theo lý Đại thừa mà luận thì hàng Ngạ quỉ hơn hàng Súc sanh. Vì Ngạ quỉ mang lửa mà đi, chịu khổ nặng nề, cổ thì nhỏ mà bụng to, luôn chịu hoạn nạn về đói khát. Nếu gặp dòng nước trong thì cho đó là lửa dữ. Hàng Súc sanh thì không có những việc đó. Nên biết như vậy là hơn.

Tiếp Phá kiến chấp sau là sanh tử lấy hữu lưu làm nhân, dù là thiện, thì nhân thiện cũng hữu lưu. Đã là hữu lưu, thì không phải là chân thật, cũng như có món ăn ngon mà trong đó có thuốc độc, thì không trở thành

món ăn ngon được nữa. Thiện đã chẳng phải là chân thật, thì vui há là chân thật sao?

Luận nói: Vật cụ tạo tác của ngã gọi là ngã sở. Tăng Khư và Tỳ- thế-sư đều chấp như sau: Một là vật cụ tạo tác bên trong, hai là vật cụ tạo tác bên ngoài. Ngã là tri giả, tác giả, thọ giả. Biết (tri) là pháp của ngã, tức là pháp giác trong chín pháp. Tâm là vật cụ tạo tác bên trong của ngã, căn là vật cụ tạo tác bên ngoài của ngã, trần là tư lương của ngã. Tri có năm căn, trần đều năm, tâm chỉ là một. Tâm và ngã đều là thường chẳng phải pháp. Khiến cho chúng cùng nhau hòa hợp thì trước đã giải thích. Sở dĩ gọi là vật cụ tạo tác là như thế gian có những cái búa, cái cưa, đó là những vật cụ của người thợ khéo léo dùng nó mà tạo ra những giường, ghế v.v... Tâm và căn cũng vậy. Ngã dùng nó để được sắc, nghe được tiếng, nên gọi chúng là vật cụ tạo tác. Do trần mà sanh biết (tri), nên gọi là tư lương của ngã. Dùng vật cụ tạo tác bên trong (tâm) để chứng minh có ngã. Dùng vật cụ tạo tác bên ngoài (căn) để chứng minh có vật cụ tạo tác bên trong (tâm). Dùng tư lương chứng minh là có căn. Pháp của ngã chứng minh chung cho có ngã và vật cụ tạo tác tư lương. Dùng vật cụ tạo tác bên trong chứng minh có ngã, tức ngã là tác giả. Nếu không có ngã, ai khiến tâm chăm chú ở mắt? Hoặc có khi ở tại tai, mũi, lưỡi… cho nên biết là có ngã. Dùng vật cụ tạo tác bên ngoài chứng minh vật cụ tạo tác bên trong đây có hai nghĩa: Một, chứng minh tâm là một. Nếu tâm là nhiều, thì làm sao trong cùng lúc, không đều cùng sanh năm tri, để biết năm trần? Cho nên biết chỉ là một tâm. Tâm chăm chú ở mắt thì chỉ có thể thấy mà không thể nghe; ở tại tai thì có thể nghe mà không thể thấy được sắc. Cho nên năm căn không sử dụng cùng lúc. Hai chứng minh tâm là có. Nếu có tâm thì đương nhiên luôn có ngã, có ngã thì luôn luôn có sanh năm tri biết năm trần ư? Khi tâm ở tại căn, mới có khả năng biết trần, cho nên biết nhất định là có tâm. Dùng tư lương chứng minh có vật cụ tạo tác bên ngoài là: Nếu không có vật cụ tạo tác bên ngoài, tức là khi nhãn căn hư hoại, thì cớ sao không thấy được sắc? Tất nhiên phải biết có vật cụ tạo tác bên ngoài (căn). Pháp của ngã chứng minh chung cho bốn việc: Tâm không phải là tri, căn trần cũng vậy. Nếu không có ngã, há có được tri? Ngã là tri nên tri là pháp của ngã. Đã có pháp của ngã tức pháp chứng minh có ngã. Nếu không có tâm, thì cùng một lúc đều có năm tri (biết). Nếu khi đang biết sắc, thì không thể biết tiếng. Cho nên biết nhất định có tâm tồn tại trong căn được sanh, cũng được lấy tri chứng minh tâm là một. Tâm nếu không là một, thì năm tâm đều ở tại căn, vậy thì cùng một lúc nên có năm tri. Hoặc không có căn, tức khi căn hư hoại, thì cớ sao không sanh tri? Hoặc không có năm trần thì biết cái gì mà gọi tri?

Tâm và ngã đều cùng hòa hợp, gọi là vật cụ tác ở bên trong. Căn không cùng ngã hòa hợp, nên gọi là vật cụ tạo tác ở bên ngoài. Trần là cảnh trước mắt, là pháp có thể trợ sanh cho ngã, gọi là tư lương của ngã. Đây tức gọi là vật cụ tạo tác của ngã, cho đến tư lương của ngã đều gọi là Ngã sở.

Tăng Khư lập ra thuyết có ngã, dùng năm nghĩa để dẫn chứng:

1. Tụ tập vì người khác, nên biết là có ngã. Ví như thế gian, vì muốn mở rộng, lưu thông pháp, nên mới tụ tập kinh thư, chẳng phải để cho mình mà là vì người khác. Hoặc như tích tập sửa sang giường chiếu, cũng chẳng phải lo cho riêng mình, mà là lo toan nghĩ đến người khác. Đã thấy sự tụ tập là vì người khác, thì tất phải có người khác. Thân của chúng sanh cũng vậy, đều là sự tụ tập của năm trần, bốn đại, năm căn, năm ấm. Thấy những tụ tập ấy, biết chẳng phải là vì riêng mình, mà tất nhiên là vì người. Người cũng tức là ngã, nên biết là có ngã.

2. Thấy tự tánh biến dị làm bảy pháp như ba đức v.v… nên biết là có ngã. Tự tánh chẳng phải là tri, nó không thể biến dị làm bảy pháp như ba đức v.v… Đã có thể biến dị làm bảy pháp, như ba đức v.v… biết ắt có tri giả đến hòa hợp thì mới có được biến dị. Tri giả tức là ngã, cho nên biết là có ngã.

3. Thấy trong biến dị có giác nên biết là có ngã. Tự tánh không phải là giác, tự tánh là gốc, biến dị là ngọn, gốc đã không giác, trong ngọn không nên có giác. Trong biến dị đã có giác, nên biết có thể riêng biệt của giác đến hòa hợp với tự tánh, thành trong biến dị có giác. Thể của giác tức là ngã, đã là ngã, thì nên biết là có ngã. Một việc này tức đã hiển hiện ngã bị trói buộc và hệ thuộc. Vì chấp ngã từ giác sanh ra cho nên vậy.

4. Thấy có được (sử) dụng, nên biết là có ngã. Đã có được dụng, ắt biết có năng dụng. Tự tánh là cái được dụng, ngã là năng dụng, đã thấy có được dụng ắt biết có năng dụng. Cho nên biết là có ngã. Có thí dụ thế này: Người nữ được dụng, người nam là năng dụng. Thấy có nữ ắt biết có nam. Tự tánh là được dụng, nên ngã cùng nó hòa hợp, hòa hợp nên đổi khác làm bảy pháp như ba đức v.v... Bảy pháp bị trói buộc vào ngã. Về sau nghe thầy dạy, được ba tuệ Văn, Tư, Tu, biết từ tự tánh sanh, đây là trói buộc trụ ở sanh-tử. Đối với tự tánh và trói buộc sẽ sanh nhàm chán. Đã sanh nhàm chán thì vĩnh viễn lìa sự trói buộc lệ thuộc; nên ngã được giải thoát. Có thí dụ thế này: Như có người nam ở trong tối cùng người nữ có bệnh phong làm những việc dục; sự việc cứ tiếp tục đến khi xong xuôi không hề có sự nhàm chán! Về sau, ra ánh sáng, người nam thấy rõ, mới sanh nhàm chán xa lìa. Với nữ cường tính thì vẫn đến chỗ người nam; với nữ tính mềm yếu

thì một lần đã bị chán ghét thì không còn đến nữa. Tuy không đến nhưng danh nghĩa đến vẫn có. Tự tánh đã một lần bị nhàm chán thì vĩnh viễn không cùng ngã hòa hợp; không thể so sánh với nữ nhân tính mềm yếu như đây.

5. Nghĩa một mình trụ nơi chân thật có nên biết là có ngã. Đã biết từ tự tánh sanh biến dị nên bị lệ thuộc trói buộc. Tu đắc trí tuệ, đối với tự tánh sanh nhàm chán. Tự tánh đã lìa ngã, nên một mình ngã trụ. Vì ngã một mình trụ, nên ngã được giải thoát. Nếu không có ngã thì không có nghĩa một mình trụ. Nghĩa một mình trụ đã chân thật có, nên biết có ngã.

Phần sau hết thảy chi tiết dựa trên đều là phá ngã chấp, không làm phiền đến lần thứ hai.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN KIM CANG KẾ

SỐ 1642

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1642

LUẬN KIM CANG KẾ

Tác giả: Bồ-tát Pháp Xứng Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Theo các Bà-la-môn nói, bên trong những kinh điển của họ, thì bốn bộ Vi Đà là chánh: trong đó niệm là chánh, nơi niệm đó thì chủ thể nêu giảng (năng thuyên) và đối tượng được nêu giảng (sở thuyên) là chánh. Lại trong chủ thể và đối tượng thì chủ thể nêu giảng là chánh, chỉ vì nó cao tột không pháp nào vượt qua nó. Ở đời, không có nghiệp đó thì làm sao tạo? Do chủ thể nêu giảng đó, nên hoặc yêu hoặc tức giận đều từ đó mà sanh. Cũng như hết thảy họ tộc thì tộc Bà-la-môn ở trên. Nay chủ thể nêu giảng đây cũng lại như vậy.

Lý đó không đúng. Vì sao? Bà-la-môn kia tánh tộc gì? Mạng sống thế nào? Làm sao biết? Hành nghiệp như thế nào? Vì sao lại được tên là Bà-la-môn? Với lại Vi Đà đó, vì sao gọi là chánh? Đế thích là nhân thứ nhất, bàng sanh là thế nào? Thế nào là bàng sanh? Sanh ở tháng nào? Ngày nào là nguyên nhân lại sanh bàng sanh? Gió trời, lửa trời, nước trời là nhân thứ nhất? Lần lượt qua lại, như vậy là sao?

Những kẻ kia lại có những vọng chấp: Ở trong cõi trời, chết rồi, lại sanh trong cõi trời. Ở cõi người chết rồi lại cùng sanh trong cõi người, hàng bàng sanh cũng vậy.

Nội dung của bốn Vi Đà đều nói như thế. Đều chẳng phải là chánh lý. Mạng đó là gì? Nhân gì mà tên gọi là mạng? Các Bà-la-môn cũng lại như vậy.

Lại có kẻ ngoại đạo Bà-la-môn nói: Chánh kinh điển đã nói, núi Bà-la-đế sinh ra bảy cầm thú, nhiều Na-sa-la-đà và đặc biệt là nai và Ca-lăng-tần-già ở núi Nhạ Lý. Núi đó có đủ các loài như: Anh vũ, cò trắng, ngỗng, nai… sanh trong cõi người thì Câu-lỗ-khất-sái! Từ đó chết đi rồi sanh trong Bà-la-môn.

Bây giờ thì luận giải về bốn Vi Đà đó.

Những loài cầm thú như là chim anh vũ, nai, ngỗng, cò trắng… được

sanh ra trong cõi người, thì mạng của chúng là Bà-la-môn, hay không phải Bà-la-môn? Tại sao vậy? Mạng kia nếu đúng, thì không phải là cầm thú. Mạng kia nếu không phải, thì sanh kia là Bà-la-môn. Nói như thế là phi lý.

Bà-la-môn chấp: Bốn luận Vi Đà là gốc của vạn pháp, cũng hiệu là Chân như, chẳng ở họ tộc nào khác nhưng thuận theo sự thọ thực.

Đối với những xứ Thủ-đà, luôn luôn nhận lấy lợi lạc. Chánh trái tự tông, làm sao gọi là tịnh hạnh! Do đó cũng chẳng phải là Bà-la-môn chân thật.

Bốn Vi Đà là pháp của Bà-la-môn là những vọng chấp về chánh mạng, và đối với chánh pháp, chủng loại Bà-la-môn cũng lại phi lý. Làm sao mà pháp chân chánh được? Chủng tánh xen tạp, sao gọi là tối thượng! Sở dĩ vì sao không phải tối thượng? Vì xen tạp. Việc đó thế nào?

Như thông thường, tên cha là Na-lạc-khất-xoa, thì tên con Binh- nga-la-tiên. Lại như tên cha là A-nga-tất-đế thì con cũng gọi là A-nga- tất-đế. Lại như tên cha là Bố-diệu-dã-tả, thì con đều gọi là Kiều-thi-ca. Lại như tên cha Câu-xá-tử, thì tên con là Tăng-tát-đa-nga. Lại như tên cha là Ca-si-na, thì con cũng gọi là Ca-si-na. Lại như tên cha là Bà-tả- ngu-lạp-ma, thì con lại gọi Kiều-đát-ma. Lại như tên cha là Ca-la-xá, tên con lại là Nột-lỗ-noa-tả-lí dã. Lại như tên cha là Để-dật-để-lý, tên con là Để-đế-lý-như-ca. Lại như tên cha là Nại-la-hàm, tên con là Tiên-giác. Lại như tên mẹ là Dã-lộc-thải-ngư-nhân-sanh, tên con gọi là Phạ dã tăng tử giác khất sái. Cha thuộc dòng họ Thủ-đà, đến đời con tên là Vĩ thấp di đát lãm. Mẹ là Chiên-đà-la, tên con là Phạ-sắt-xá. Tên mẹ Ô-lý-phạ thi là nữ do trời sinh ra thì chẳng phải là Bà-la-môn.

Như trên đã nói, thì nhân vào đâu mà cố chấp, Bà-la-môn là tối thượng ở nhân gian. Lại như nội dung chính của kinh Tuất-lỗ-để đã chấp cũng chẳng có lý! Cho nên những pháp mà Bà-la-môn có, đều sai đạo lý.

Lại như pháp Bà-la-môn đều đã cho: Tân, nhục, tử, khoáng và diêm là những vật, Tuất-đà thì nên thọ. Bà-la-môn các ông chớ nên thọ nó. Nay vì sao không như vậy?

Lại như họ chấp: Bà-la-môn đi bán sữa đi qua hư không rớt xuống thì chẳng phải Bà-la-môn! Ăn thịt đọa nơi "không" phi lý cũng như vậy. Cho nên phải biết, Bà-la-môn mua bán sữa thịt, chẳng phải là pháp của Tuất-đà. Từ đó nên biết, tất cả những ai chẳng ăn uống sữa thịt và chẳng mua bán những thứ đó, đều gọi chung là Bà-la-môn. Cũng nên biết, tìm cách để bán sữa thịt thì chẳng phải là Bà-la-môn. Đó là những vọng chấp phi pháp.

Trở lại việc vọng chấp họ tộc ở thế gian là tối thượng, cũng chẳng phải pháp chân chánh. Ví như Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thú-đạt, đều cho là tối thượng. Nếu vậy nên gọi chung là họ Bà-la-môn?

Lại chấp thân khổ mới gọi là Bà-la-môn. Nếu vậy có bao nhiêu thân khổ, thì hết thảy nên gọi Bà-la-môn?

Lại vọng chấp: Giết Bà-la-môn thì bị tội nặng, giết hại quyến thuộc Bà-la-môn bị tội cũng vậy.

Lại cho từ miệng Trời tịnh mà sanh ra. Họ Sát-đế-lợi sinh từ thân trời kia. Tỳ-xá, Thủ-đà từ nơi chân mà sanh. nếu sát hại những thân kia, thì bị trọng tội.

Những quan niệm như vậy đều phi lý. Vì sao? Vì cho sát hại những họ khác thì tội đó chẳng có. Hại những quyến thuộc khác cũng vậy, chẳng có tội! Do những quan niệm sai lầm như vậy, mà không thể khế hợp chánh lý được.

Lại cho: Phá hoại sự tu hành của kẻ kia, phá hoại việc đang thực hành bố thí, và phá cả những kẻ thọ nhận bố thí… hoặc trí, hoặc thân… của họ đều bị tội lớn. Điều đó không thể như vậy. Vì sao? Vì trong thân và trí làm gì có được danh hiệu Bà-la-môn. Hơn nữa những Thủ-đà đều có thân, trí, tất thảy đều có được tên Bà-la-môn sao?

Lại cho: Hiểu được bốn luận Vi Đà, hợp với Thanh luận luận Tăng Khư, Vĩ thế sử ca, cho đến các luận đều thấu đạt, gọi là Bà-la-môn. Lý đó cũng không đúng. Ví như những Thủ-đà cũng hiểu luận kia, cũng hiểu rõ ràng các nghĩa kia, há đều được gọi là Bà-la-môn hết chăng?

Nếu tu tập khổ hạnh thì gọi là Bà-la-môn, các Thủ-đà cũng có khả năng như vậy thì gọi là Bà-la-môn?

Hiểu rõ các thuật số thì gọi là Bà-la-môn. Vậy những người bắt cá và các nhạc nhân (nhạc sĩ), họ đều hiểu rõ mọi sai biệt của thuật số, cũng có thể được gọi là Bà-la-môn sao? Cho nên phải biết: Hành chẳng phải Bà-la-môn, nghiệp chẳng phải Bà-la-môn, người hành bố thí và người thọ nhận chẳng phải Bà-la-môn.

Sát-đế-lợi kia, Tỳ-xá Thủ-đà kia, cũng có khả năng hành vậy nên đều được gọi là Bà-la-môn sao?! Cho nên phải biết: Chẳng phải họ tộc, chẳng phải nghiệp, chẳng phải hành, chẳng phải đời sống, thậm chí với đức, gọi là Bà-la-môn.

Phải lìa hết thảy nhiễm, khéo tu hành các hạnh cao cả, oai nghi không thiếu sót, giới hạnh đầy đủ, khéo hàng phục các căn, dứt trừ phiền não, vô ngã vô nhân, lìa xa những vướng mắc và tham sân si hết thảy lìa xa, như

vậy mới gọi là Bà-la-môn chân chánh.

Lại nữa, lìa xa nhiễm ái, thậm chí với cả hàng súc sanh. Không sanh tham đắm, tu hạnh thanh tịnh, mới gọi là Bà-la-môn. Cho nên biết được lời nói của đại tiên Tốc-cốt-lỗ rằng: Bà-la-môn đó chẳng phải tánh, chẳng phải nghiệp, chẳng phải đức, chẳng phải hạnh, cũng chẳng phải khéo làm! Như Chiên đà la rất khéo léo đối với công xảo nghệ của bốn Vi Đà, nên có khả năng làm cho đức hạnh đầy đủ, vậy có thể được gọi là Bà-la-môn sao? Cho nên phải biết: Chẳng phải mạng, chẳng phải trí, chẳng phải thân, cũng chẳng phải hành, nghiệp thì gọi là Bà-la-môn.

Lại như Thủ-đà, tu học khổ hạnh để hiểu được bốn Vi Đà, đạt năm thông của bậc tiên, Bà-la-môn các ông phải phụng sự như thế nào, vì đó là chủng tánh thấp. Vả lại đạo tiên kia bốn tánh đều được. Tại sao những tộc họ khác gọi là không tối thượng?

Lại như Đế thích, đã qua giai đoạn tu nghiệp thiện, mới được sanh ở cõi trời ấy, vốn là chủng tánh thấp. Chánh văn của kinh kia nói như thế này: Bà-già-bà đó và với Đế thích, họ là chủng tánh thấp. Như vậy là phải trưng dẫn để hỏi cho cặn kẽ. Căn cứ ở trước, kinh kia đã nói, trời Đại tự tại, ở trong miệng Thiên hậu, đã sinh ra các trời Đế thích và khí thế gian, chứ chẳng phải từ thế gian mà sanh trời Đại tự tại và Thiên hậu. Vì gốc sanh ra ngọn, chẳng thể nào ngọn sanh ra gốc. Cho nên lời nói đó trái với chánh thuyết kia. Gốc là chủng tánh thấp, làm sao vọng chấp có thể cho là từ đó sanh ra? Nên biết đó là phi lý. Ví như Thủ-đà mạng chung, sanh vào trời Đại tự tại kia sao? Bà-la-môn các ông vì sao lại phụng sự những chủng tánh thấp kia?!

Theo như các ông nói: Pháp của Bà-la-môn là những vấn đề về áo mặc, hơi thở, bánh bổ, thuốc men, khổ hạnh và tuyệt thực, gọi là Bà-la-môn. Vậy thì, những Thủ-đà kia cũng có khả năng hành như vậy, nên cũng được gọi là Bà-la-môn sao? Kinh kia còn cho: Ở trong xứ Thủ-đà, tay nhận lấy thức ăn trải qua một tháng, hiện thân biến hóa làm thân của Thủ-đà, quả báo đời sau nhất định sanh ra trong loài chó.

Lại nói về Bà-la-môn cưới con gái Thủ-đà làm vợ mình, thì cha mẹ, các thần nhà cửa, đều lánh xa, chết phải vào địa ngục. Quan niệm như vậy thật là phi lý. Họ Bà-la-môn và Thủ-đà có gì sai biệt? Như đại tiên Ca-si-na, từ thai nai sanh ra, tu học khổ hạnh cho đến khi chứng được đạo tiên. Ông tiên đó có từ Bà-la-môn sanh không? Như đại tiên Phạ-dã-sa, từ người đàn bà bắt cá sanh ra, tu học khổ hạnh mới thành đạo tiên. Tiên đó há phải là tánh Bà-la-môn sao?! Cho nên những quan niệm sai trái không thật

không thể khế hợp với chánh lý được. Lại như đại tiên Phạ-tư-sắt-trá, từ nơi thiên nữ Ô-lý-Phạ thi sanh ra, tu học khổ hạnh mới được đạo tiên. Tiên đó có phải từ Bà-la-môn sanh ư?

Lại như đại tiên Lộc giác, sanh từ bào thai nai, tu tập khổ hạnh mà thành đạo tiên. Tiên đó là Bà-la-môn sao?

Lại như đại tiên Vĩ-thấp-phạ-di-đát-lỗ, sanh từ trong nhà người nữ Chiên-đà-la. Tiên đó là Bà-la-môn sao? Cho nên phải biết: Điều phục các căn, không vướng mắc vào ngã, nhân, chuyên cần tu tập phạm hạnh, xa lìa nhiễm dục, vĩnh viễn chặn đứng các mê hoặc, được vậy mới là Bà-la-môn đích thực, chứ chẳng phải từ tộc tánh sanh ra.

Như thế nào là vọng chấp họ Bà-la-môn trong thế gian là tối thượng? Bà-la-môn cho: Giới hạnh tinh khiết, dòng họ không lẫn lộn, lấy đó vọng chấp chẳng phải nhất cho là nhất. Cho nên phải biết Bà-la- môn là chẳng phải tánh, chẳng phải mạng, chẳng phải tộc, chẳng phải hành, chẳng phải nghiệp, chẳng phải sanh.

Lại nữa, trong loài người phần đông là chủng tánh thấp. Họ trì giới tu phước để được sanh thiên, đâu thể nhân nơi tộc tánh mới được sanh thiên!

Lại nữa, theo tông chỉ của các ông, thì Đại tiên Ca-si-nẵng, Đại tiên Vĩ-dã-sa, đại tiên Phạ-thi-sắt-trá, đại tiên Giác thiện, đại tiên Vĩ- thấp-phạ, đại tiên Di-đát-phạ, đại tiên Nẵng-phạ-na… những đại tiên này đều từ những họ tộc dòng dõi thấp sanh ra. Nhờ khổ hạnh tu tập mới được đạo tiên, tại sao lại vọng chấp chủng tánh ở thế gian chẳng tạp loạn, là tối thượng? Cho nên lời nói đã không thật nên chẳng thể nào tin nhận!

Lại còn cho: Họ Bà-la-môn sanh ra từ miệng của Phạm thiên. Họ Sát-đế-lợi sanh ra từ cánh tay Phạm thiên. Chủng tánh Tỳ-xá sanh từ bụng của Phạm thiên. Từ nơi chân của Phạm thiên mới sanh ra Thủ-đà, quá ư là hư vọng! Càng nhiều hư vọng nên mới tạo thành chấp những quan niệm như vậy.

Lại còn cho: Càng vững vàng khổ hạnh giữ được chí khí, đó là Bà-la-môn. Nếu vậy, thì người câu cá, thợ nhuộm, thuộc da và những Thủ-đà quyết chí khổ hạnh đều gọi chung là Bà-la-môn sao?

Lại chấp chặt hình tướng bên ngoài, như việc búi tóc, dải áo ở lưng buộc bằng dây tơ, tay cầm trượng gỗ, mặc áo đẹp, ăn uống thiếu thốn gọi là Bà-la-môn. Những Tuất-đà khác cũng có khả năng làm như vậy, chẳng lẽ những người đó cũng gọi chung là Bà-la-môn?

Lại còn quan niệm bốn họ lớn đều do Phạm sanh. Ví như có họ của

người con nào mà lại khác biệt cha. Nếu vậy, thì những Thủ-đà, thậm chí cả những dòng họ khác, họ của con cùng một cha sanh ra phải khác sao? Việc này đã không như vậy, việc kia làm sao đúng?

Lại cho rằng: Bà-la-môn sanh từ trong miệng của Phạm thiên. Chị em anh em đều có thể giao kết; thế gian đã mắng la chán ngán, các ông thì có thể thực hành! Vậy làm sao mà trong sạch được! Đó là vọng chấp, cho cái không sạch là sạch! Như một cha một mẹ, sanh bốn con, không thể có khác biệt về họ. Sao lại có vọng chấp, cho đây là Bà-la- môn đó, Sát-đế-lợi đây là, đây là Tỳ-xá, đây là Thủ-đà… cha con một họ đều khác. Cho nên vọng chấp về bốn tánh là sai biệt. Lại chẳng phải như hình dáng, chân của voi, ngựa, bò, dê, lạc đà, nai, sư tử, hổ, báo, mỗi mỗi khác nhau, nên đây là vết chân bò, cho đến vết chân voi có thể phân rõ sự sai khác. Lại như một cây, có thể sanh ra nhiều hoa quả, có thể không có sự khác biệt, chẳng phải các loại hoa cỏ khác, nơi sanh không giống nhau không thể khiến cho giống được. Nay, các ông cho đạo lý bốn họ cũng vậy. Hoặc Bà-la-môn, hoặc Sát-đế-lợi, thậm chí là Thủ-đà đều từ một cha sanh ra, thì làm sao có thể vọng chấp bốn họ sai khác được?

Lại có vua trời tên là Dụ-địa-sắt-trí-la, cung kính chắp tay đến chỗ tiên nhân Phệ-sa-ba-lệ, đầu mặt thân thể quỳ cúi thưa với đại tiên: Làm sao để được gọi là đức của Bà-la-môn? Lại được gọi là tướng Bà-la-môn? Tướng sai biệt có bao nhiêu loại? Nay mong đại điện diễn giải, giúp tôi được hiểu. Bấy giờ tiên nhân Phệ-sa-ba-lệ nói với nhà vua: Nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, những cái đó là đức của Bà-la-môn. Xa lìa tham sân và không giết hại hữu tình, đó là tướng thứ nhất của Bà-la-môn. Đối với hết thảy của cải người khác, không sanh lòng tham lấy, đó là tướng thứ hai của Bà-la-môn. Xa lìa tánh xấu ác, có hành động ôn hòa, không kết chặt ngã nhân, xả bỏ các hệ lụy trói buộc và các dục nhiễm ô, đó là tướng thứ ba của Bà-la-môn. Đối với người con gái cõi người hay cõi trời, thậm chí loài bàng sanh, vĩnh viễn xa lìa nhiễm đắm, đó là tướng thứ tư của Bà-la-môn. Lại phải làm cho hữu tình thành thục thường khởi lên lòng thương xót, điều phục các căn thanh tịnh cho tốt hơn, đó là tướng thứ năm của Bà-la-môn. Năm loại đó mà đầy đủ cả, thì gọi là Bà-la-môn. Nếu còn kết buộc ta, người, không đủ với năm tướng đó, đều gọi là Thủ-đà. Tiên nhân lại còn nói với nhà vua Dụ-địa-sắt-sỉ-la: Chẳng phải dòng dõi, chẳng phải họ tộc và tu khổ hạnh mà thành Bà-la-môn. Những Chiên-đà kia, đủ năm tướng, cũng được gọi là Bà-la-môn chân chánh. Do lý như vậy, nên Bà-la-môn kia cũng được gọi là Thủ-đà, và Thủ-đà cũng được gọi là Bà-la-môn.

Vua Dụ địa sắt sỉ la lại bạch với tiên nhân: Hạnh của các Bà-la- môn kia là không sát hại, quả thu được từ hạnh là thanh tịnh, những cái đó có được phần nhỏ nào của danh Bà-la-môn chăng?

Tiên nhân trả lời nhà vua: Bốn họ tộc đó có sai biệt, là do quá khứ, nhân duyên và nghiệp của đời trước, giống như loài hữu tình trong thế gian sanh từ thai, hết thảy đều sanh ra từ căn nhơ uế. Có những sai biệt nào? Đó là giới hạnh với lại nghiệp tu đức, thì gọi Bà-la-môn, thậm chí Thủ-đà chỉ tu đức hạnh, cũng thành Bà-la-môn.

Nếu Bà-la-môn không tu nghiệp đức, thì cũng gọi là hàng Thủ-đà thấp kém. Nếu năm căn thường khởi những nghiệp ác, thì luôn phải lo điều phục. Giống như hữu tình bị chìm đắm trong biển lớn, phải luôn cầu mong có người cứu giúp để có thể vượt đến bờ bên kia.

Nhà vua Dụ-địa-sắt-sỉ-la nghe tiên nhân nói như thế, lòng vui sướng vì đã hiểu được sự việc rõ ràng, bèn đem những điều đã nghe thấy mà hồi hướng và bố thí cho hết thảy vô biên hữu tình, để đều được tỏ ngộ. Chẳng phải vì tự thân hay vì tham mạng của chính mình, ta nay ngày đêm tu tập nhẫn nhục, xa lìa sự quyến luyến của bà con, dứt hẳn mọi ganh ghét hiềm khích, hết thảy những cảnh dục không hề ham mê chìm đắm, chỉ một hướng mong cầu giải thoát, mãi mãi tu tập hạnh thanh tịnh.

Tiên nhân lại nói tiếp cho nhà vua nghe: Không giết hại hữu tình, xa lìa tham sân, thanh tịnh không gì so sánh, như vậy mới gọi là hạnh Bà-la-môn. Điều phục các căn, bố thí và nhẫn nhục, phạm hạnh chân thật, luôn nhớ nghĩ đến tất cả hữu tình với lòng thương xót sâu xa muốn bảo hộ, tu tập trí tuệ, như vậy mới gọi là hạnh Bà-la-môn. Xa lìa loại khổ tà đạo, phải biết những cái khổ mà hữu tình gánh chịu, như vậy mới là hạnh Bà-la-môn.

Lại nữa, Kinh Nga-Dã-Đát-Lý của Bà-la-môn, trong phần chú, có nói: "Chịu khó tu hành, lìa chấp, điều phục các căn, bốn thời hành thí, ái niệm hữu tình, dứt bỏ tùy miên, hằng tu tịnh hạnh, trải qua ngàn kiếp, mới được gọi là Bà-la-môn" chân chính.

Tiên nhân lại nói với nhà vua: Nếu có người hiểu rõ bốn luận Vi Đà, thì gọi là Bà-la-môn, được ca tụng là dòng họ cao tột. Các dòng họ Thủ-đà kia cũng có khả năng hiểu rõ, sao không phải là cao tột? Ví như bốn dòng họ cùng dạo chơi nơi cảnh Thánh, để lại những vết tích của chân, thì không thể phân biệt đâu là dấu chân người này, đâu là vết chân người kia! Một họ, bốn họ cũng lại như vậy thôi! Tất cả đều giả tạm, tự bày tự đặt ra chứ vốn không sai biệt. Ví như bò ngựa trong thế gian, hình dáng bề ngoài tuy khác, nhưng căn nam nữ thì cùng loại, chẳng có gì khác! Bà-la-môn với

Sát-đế-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà, một họ, bốn họ, trông hình tướng đều cũng vậy.

Lại như một người thì cũng máu, thịt, phân, nước tiểu, tay, chân và các căn… mà có nhiều người thì máu thịt đều cùng một loại như nhau.

Lại như hoa sen, hoa sát đát lý, ánh trăng chiếu vào, thì màu sắc có thể phân biệt rõ, nhưng với bốn họ tộc thì sắc tướng không khác. Không sai biệt là như thế nào? Như bò, ngựa, thậm chí là nai, voi, khi đến giai đoạn nhiễm dục, thì tự hành động, và không cần phải giao phối mới có thể phân biệt rõ! Nay các họ Bà-la-môn, cùng Sát-đế-lợi, Tỳ- xá, Thủ-đà cùng nhau giao kết thực hành nhiễm dục, thì đều thai sanh, có gì là sai biệt đâu?

Lại như, Bà-la-môn có sanh một con gái, đối trước các Bà-la-môn khác, là cùng họ hàng, chị em, làm sao giao kết? Chị em, anh em không thể thành chồng vợ! Trong thế gian, như cả Thủ-đà cũng chẳng thực hành pháp đó.

Ví như thế gian có cây Ưu-đàm bát, hoa quả nhánh lá tuy rất nhiều che phủ cả rễ thân, nhưng không có gì khác biệt. Chẳng thế nào mà phân biệt hoa này hoa kia. Bà-la-môn các ông, cũng lại như vậy. Chẳng có thể giao hội với chị em đồng họ tộc, vì là việc mà thế gian phỉ báng, ghê tởm chẳng có thể thực hành.

Nói xả bỏ, lìa xa thân và ngữ không tốt, luôn tu tập nghiệp trong sạch, đó là Bà-la-môn. Những họ tộc Tỳ-xá kia, cũng có thể làm như vậy, để được như đại tiên tên Phạ-tư-sắt-xá kia. Như lửa ở thế gian có thể thiêu đốt mọi thứ củi cỏ mà không hề có sự phân biệt nào! Nay Bà- la-môn đối trước các họ tộc khác cũng vậy, không có gì sai biệt.

Như đại tiên Tông di dã sa kia, vốn sanh ra từ người cha đánh bắt cá, cũng đâu phải là Bà-la-môn kia sanh!

Như vua Bán-noa-phạ, anh em năm người, cùng một mẹ sanh ra, nhưng cha đều khác nhau. Đó là do nghiệp đời trước cùng mẹ, khác cha, chứ đâu phải là do họ tộc, mà vọng chấp là sai biệt!

Như ở thế gian, chỗ muối ở nước, (nước muối) tuy hình dạng bề ngoài của muối ẩn kín, nhưng vị mặn thì chẳng phải là không có. Nghiệp đời trước đi theo thân, ẩn hiện cũng giống vậy. Hết thảy đều là vọng chấp. Những người có trí phải thẩm xét kỹ, chứ chẳng thể nào dựa vào đó để tin.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

KINH NI KIỀN TỬ VẤN VÔ NGÃ NGHĨA

SỐ 1643

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1643

KINH NI KIỀN TỬ VẤN VÔ NGÃ NGHĨA

Tác giả: Bồ-tát Mã Minh sưu tập. Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa môn Nhật Xứng v.v…

Bấy giờ, nhóm Ni-kiền-tử, tâm mang dị kiến, phát khởi nghi hoặc, tìm cầu đến chỗ bậc hiểu rõ Đại thừa. Đến nơi chấp tay cung kính lễ bái, hỏi nghĩa vô ngã, khiến trừ ám độn. Như Phật đã dạy, xin vì tôi mà khai thị. Nếu nói thân này không có ngã thì ngã tối thượng kia cũng không có. Tại sao trong thân hiện thấy các việc như khóc, cười, vui đùa, bỡn cợt, phẫn nộ, ngã mạn, ganh ghét, nói hai lưỡi v.v… Đối với có, không, không thể quyết định rõ, mong Nhân giả vì tôi mà đoạn trừ nghi hoặc. Bậc hiểu rõ Đại thừa ấy bảo Ni-kiền-tử: Trước kia ông cho rằng ngã là tối thượng, quyết định hư vọng. Thế nào gọi là có, thế nào gọi là không? Đối với hai thứ này đều không nắm bắt được. Nếu lấy chính thân mình với các thứ, tóc, da, thịt, gân cốt, mỡ, tủy ruột, dạ dày tay, chân, tất cả của cơ thể thân phần là ngã tối thượng xem xét trong ngoài, làm sao có thể thấy?

Bấy giờ, Ni-kiền-tử thưa với Trí giả: Tôi lấy mắt thịt cho nên không thể thấy. Ngoài ra nếu có Thiên nhãn, có thể thấy được.

Trí giả đáp: Thiên nhãn cũng không thể thấy được. Chẳng phải là hiển sắc, cũng chẳng phải là hình sắc. Tự tánh vốn "không" làm sao có thể thấy?

Ni-kiền-tử hỏi: Các sắc ấy xác định là không chăng?

Trí giả đáp: Nếu nói là không làm sao hiện thấy? Từ nhân duyên sanh các tướng khóc, cười v.v… Hoặc nói là có, hoặc nói là không, cả hai đều là vọng, chẳng phải là chánh lý.

Ni-kiền-tử hỏi: Hoặc có, hoặc không đều không nên nói, thì tại sao thân này hiện có chỗ trụ?

Trí giả đáp: Không có phần nhỏ nào thấy tướng của chỗ trụ cả. Ni-kiền-tử hỏi: Nếu không trụ hiện rõ thì đồng với hư không? Trí giả đáp: Như ông nói thì giống như hư không.

Ni-kiền-tử hỏi: Nếu vậy thì tướng khóc, cười do cái gì sai khiến. ?

Trí giả đáp: Ý nghĩa này có hai. Một là thế tục, hai là thắng nghĩa.

Dựa vào thế tục mà nói, tức là có tự, tha, thọ mạng, sĩ phu, Bổ-đặc-già- la, tạo tác, thọ nhận, tiền của, vật báu, vợ con, thân quyến, bằng hữu, sai biệt như vậy. Dựa vào thắng nghĩa mà nói, tức là tự tha, mạng cho đến các việc thân bằng quyến thuộc v.v… đều không v.v… Tướng sai biệt của phần nhỏ cũng không. Nếu theo thế tục mà nói, tức có sanh diệt, quả báo thiện ác. Nếu theo thắng nghĩa mà nói tức không có sanh diệt, quả báo thiện ác, pháp chân như tự tánh vốn thanh tịnh, không có phiền não, không có nhiễm ô cũng không có tỏ ngộ, xưa nay tịch tĩnh, đây gọi là tự tánh của chân như. Muốn làm sáng tỏ thêm nghĩa trên, nên nói kệ:

Thế tục, Thắng nghĩa đế,
Hai loại, nay sẽ nói:
Thế tục tức thế pháp
Thắng nghĩa không gì hơn.
Hữu tình nương thế tục
Thêm lớn nơi phiền não,
Ở mãi trong luân hồi,
Không rõ pháp Thắng nghĩa.
Do nương theo thế tục
Sanh biến kế tự, tha,
Khởi phân biệt nghi hoặc,
Mà thọ các khổ não.
Phàm phu ngu si kia
Chịu bức bách lâu dài
Không tu nhân xuất ly
Sao biết lý giải thoát?
Kẻ ngu thường nương dựa,
Pháp sanh diệt thế gian,
Dong ruổi trong năm cõi,
Nối tiếp mà không dứt.
Do không đạt thắng nghĩa,
Nên không diệt gốc khổ,
Lần lượt bị luân hồi,
Như tằm tự trói mình.
Cũng như vầng nhật, nguyệt
Xoay chuyển không ngừng nghỉ
Chúng sanh trong ba cõi
Qua, lại cũng như vậy.

Các hành đều vô thường,
Từng sát na dời đổi.
Xa lìa pháp thế gian,
Nên cầu Thắng nghĩa đế.
Cho đến sống cõi Trời,
Và loại Càn-thát-bà v.v…
Không khỏi vô thường kia,
Đều là quả thế gian.
Dạ-xoa các quỉ thần
Thành tựu được trì minh,
Không khỏi đọa cõi ác
Đều là quả thế tục.
Đế Thích, vua Chuyển Luân,
Phước báo không ai bằng,
Không khỏi đọa bàng sanh,
Đều là quả thế gian.
Quyết định phải xả bỏ,
Năm dục vui Trời, người,
Dùng tuệ thường quán sát,
Nơi tâm Bồ đề kia.
Không chấp trước tự tánh,
Vì tất cả đều "không"
Vượt qua chỗ hý luận
Là tướng Tâm Bồ-đề.
Chẳng cứng, chẳng mềm mại
Chẳng nóng, cũng chẳng lạnh
Chẳng xúc chẳng chấp thọ
Là tướng tâm Bồ-đề.
Chẳng dài, cũng chẳng ngắn
Không tròn, cũng không vuông
Chẳng vi tế, chẳng thô
Là tướng tâm Bồ-đề.
Chẳng trắng và chẳng đỏ
Chẳng đen cũng chẳng vàng
Chẳng hiển sắc, hình sắc
Là tướng tâm Bồ-đề.
Chẳng sắc chẳng sáng tỏ
Thế động chẳng trói buộc

Chẳng trú, như hư không
Là tướng tâm Bồ-đề.
Lìa suy nghĩ quán sát
Không cảnh giới ngoại đạo
Cùng tương ưng Bát nhã
Là tướng tâm Bồ-đề.
Không giống, không đối đãi
Vô đẳng, thường vắng lặng
Tự tánh vốn an nhiên
Là tướng tâm Bồ-đề.
Nhu chùm bọt nước nổi
Như huyễn hóa nắng lóa
Vô ngã cũng vô thường
Tất cả chẳng bền lâu.
Thân như là đồ gốm
Hư huyễn mà tràn đầy
Cùng ba độc tương ưng
Rốt ráo "không", không có.
Như trăng trong đám mây
Sát-na mà không hiện
Do Bát nhã thâm diệu
Đạt hữu vi như huyễn.
Chúng sanh, khí thế gian
Tất cả đều như mộng
Do tự tâm phân biệt,
Tâm kia cũng như mộng.
Nếu người nương chánh lý,
Lấy tuệ mà tu tập
Trừ bỏ các chướng nhiễm
Chóng được đạo vô thượng.
Bát nhã tối thắng này,
Được chư Phật khen ngợi.
Người trí khéo lường xét,
Siêng cầu pháp vô thượng.
Lìa lỗi lầm hữu vi
Chứng thắng đức chân thường
Do giải thoát như đây,
Tất cả không nhiễm chấp.

Chúng ngoại đạo khi ấy,
Nghe xong sinh vui mừng,
Khéo quán sát trừ nghi,
Ngộ được trí Đại thừa.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 111

LUẬN
LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

SỐ 1644

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1644

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

Hán dịch: Tam Tạng Chân Đế

QUYỂN 1

Phẩm 1: ĐỊA ĐỘNG

Như Phật Bà Già Bà và A La Hán nói: Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật Thế Tôn trú tại lầu các Liên Hoa ở Tinh xá Lộc-tử-mẫu của Ưu-ba-di Tỳ-xá-khư thuộc đại thành Xá Vệ, cùng với chúng đại Tỳ- kheo. Tất cả họ đều là các bậc A-la-hán, các lậu đã hết, đã được tự lợi, dứt hết kiết sử, tâm được tự tại, việc làm đã xong, bỏ hết gánh nặng, chánh trí giải thoát, chỉ trừ A nan. Lúc ấy, đại địa chấn động, Phú-lâu- na-di-đa-la-ni-tử ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà đại địa chấn động.

Đức Phật bảo Phú Lâu Na: Này Tỳ-kheo! Ông nay hãy một lòng lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì Ông mà phân biệt giảng thuyết. Có hai nhân duyên làm cho đại địa chấn động. Những gì là hai? Này Tỳ-kheo! Đó là địa giới trú trên thủy giới, là thủy giới trú trên phong giới, là phong giới trú trong hư không. Này Tỳ-kheo! Có lúc gió lớn (đại phong) thổi động thủy giới, lúc thủy giới động thì địa giới động, đó là nhân duyên thứ nhất làm đại địa động. Này Tỳ-kheo! Lại có oai đức đại thần thông của Chư thiên, nếu muốn chấn động đại địa thì có thể khiến cho chấn động. Nếu các Tỳ-kheo có đại thần thông và đại oai đức, quán tướng đất làm cho nhỏ lại, quán tướng nước làm cho lớn ra, muốn làm cho đại địa động cũng có thể chấn động, đó là nhân duyên thứ hai làm cho đại địa chấn động.

Lúc ấy, Thế Tôn muốn dùng kệ nói lại nghĩa này:

Phong giới làm thủy động
Địa động do thủy động
Nhân duyên động thứ nhất
Là sở thuyết thật danh

Chư thiên và Tỳ-kheo
Oai thần làm chấn động
Nhân duyên động thứ hai
Nói-điều phục kẻ ác.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo Phú-lâu-na-ni-đa-la-ni-tử: Có ngọn gió gọi là Tỳ Phong Ba, gió này thường thổi và động không dứt, sức gió này bay lên. Có ngọn gió thổi xuống, có ngọn gió thổi ngang; có ngọn gió thổi liên tiếp vòng tròn, bằng phẳng, chiều dày chín ức sáu vạn do tuần, chiều rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi là ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Ở phía trên của gió này là thủy giới, trên dưới của thủy giới này đều nằm yên bằng phẳng, không có xao động, chiều dày đến bốn ức tám vạn do tuần, chiều rộng đến mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi đến ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Phía trên của thủy giới này là địa giới, những vùng bên trên và bên dưới đều an trú bằng phẳng bất động, chiều dày đến hai ức bốn vạn do tuần, chiều rộng đến mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi đến ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Chư Phật Thế Tôn nói như vậy: Này Tỳ-kheo! Có một đại địa ngục tên là Hắc Ám, bên ngoài mỗi một thế giới đều có và không có che đậy trong đó, chúng sinh tự mình dùng tay sờ soạn, mắt không thể thấy. Tuy mặt trời, mặt trăng có đủ oai thần lớn, nhưng tất cả ánh sáng đều không chiếu sáng ở đó. Địa ngục Hắc Ám như vậy trú ở chỗ nào? Bên ngoài của cả hai bên thế giới Thiết Luân gọi là giới ngoại, là địa ngục Hàn: một là An-phù-đà; hai là Niết-phù-đà; ba là A-ba-ba; bốn là A-tra-tra; năm là Ưu-khổng-khổng; sáu là Uất-ba-lâu; bảy là Câu-vật-đầu; tám là Kiện-đà-cố; chín là Phân-đà-lợi-cố; mười là Ba-đầu-ma. Phật bảo Phú-lâu-na: Này Tỳ- kheo! Như nước Ma-già-đà có mười Bà-ha-ma, một Bà-ha-ma có hai mươi Khư-lợi Lượng-ma như vậy tu tại một chỗ, giả như có một người tuổi đến tròn một trăm năm thì trừ đi một Ma. Này Tỳ-kheo! Ma tập hợp như vậy còn dễ hết, nhưng ta chưa thể nói cùng tận thọ mạng của địa ngục An-phù-đà. Này Tỳ-kheo! Gấp mười địa ngục An-phù-đà là lượng thọ mạng địa ngục Niết-phù-đà, mười địa ngục Niết Phù Đà là lượng thọ mạng địa ngục A-ba-ba, cho đến địa ngục Ba-đầu-ma cũng là như vậy. Này Tỳ-kheo! Tỳ kheo Cù Già Ly ở chỗ của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sanh ác tâm bất tín, do tâm này nên rơi và địa ngục Ba- đầu-ma. Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ:

Phàm người ở thế gian
Dao búa sinh từ miệng
Do họ tạo ác ngôn

Vì vậy tự hại thân.
Đáng chê thì tán thán
Đáng khen lại chê mắng
Vì lỗi miệng nên suy
Suy nên không an vui.
Ví như nhà mất của
Mất vật, mất tự thân
Người ấy tội còn nhẹ
Nếu đối Tu-già-đa
Sinh tâm ác, chẳng tin
Tội này nặng nơi kia
Trăm nghìn Niết Phù Đà
An Phù Đà ba ức
Sáu vạn và năm ngàn
Hoặc phỉ báng Thánh nhân
Tạo tâm ác, lời ác
Tùy lượng đọa địa ngục.
Tỳ-kheo Cù-già-ly
Đọa ngục Ba-đầu-ma
Phỉ báng đại Thanh văn
Xá Lợi và Mục Liên.

Chúng sinh đi hàng ngang ở trong ấy có tưởng hướng thượng, giống như việc giữ cung. Bên ngoài Thiết-luân, thường đi hàng ngang, thân lượng của họ lớn như An-đa. Vì gió lạnh chạm đến nên thân của họ bị nức nẻ, như áo bị đốt, như rừng trúc nứa bị lửa lớn đốt cháy, tiếng nổ bùng bùng như pháo. Chúng sinh bị gió lạnh chạm vào như vậy nên xương bị nứt ra, tiếng nổ bùng bùng vang xa, nhờ tiếng này nên họ biết nhau. Có các chúng sinh thọ sinh trong ấy, hoặc lúc đi lại xúc chạm với nhau, nhờ sự xúc chạm này mà được biết nhau. Có các chúng sinh thọ sinh trong ấy, hoặc lúc chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, ánh sáng lớn lúc ấy vượt quá sức oai thần lớn của chư thiên, chiếu khắp trong ấy. Nhờ ánh sáng này mà được thấy nhau và suy nghĩ như vậy: "Có các chúng sinh thọ sinh trong đây". Hoặc có các chúng sinh ở thế giới này chết, phần nhiều sanh đến địa ngục Hàn Băng ở bên ngoài Thiết-luân. Hoặc ở thế giới khác có chúng sinh chết sinh đến địa ngục Hàn Băng, phần nhiều sanh ở thế giới kia, nằm bên ngoài thế giới Thiết Luân. Trong khoảng giữa hai thế giới này có một chỗ rất hẹp chừng tám vạn do tuần, bên dưới không có đáy, bên trên không có gì che. Chỗ ấy rất rộng khoảng mười sáu vạn do tuần.

Lúc ấy, Tịnh mạng A-nan ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con nghe pháp cú này từ Thế Tôn, Con thọ trì chánh nghĩa này từ miệng Thế Tôn. Vào thời quá khứ, có một vị Phật là Thi Khí. Ngài có một đệ tử, có đại thần thông đệ nhất tên là A Tỳ Khổng, là một Tỳ-kheo ở trong Đệ tứ thiền phạm xứ. Vị này dùng ánh sáng một ngón tay chiếu một ngàn thế giới, một âm thuyết pháp vang khắp một ngàn thế giới, tất cả đều được hiểu rõ chánh nghĩa. Bạch Thế Tôn! Các đệ tử chư Phật oai thần còn vậy, huống là chư Phật Như Lai thì lượng đến thế nào?

A- nan hỏi xong, Phật bèn đáp:

Này A-nan! Tỳ-kheo A Tỳ Khổng này là một vị đệ tử, chư Phật Thế Tôn, như chỗ lượng này không thể nghĩ bàn.

Cho đến lần thứ ba cũng đáp như vậy. Lần thứ tư hỏi xong, Phật bảo A-nan: Nếu chỗ quay quanh của một mặt trời, một mặt trăng gọi là một thế giới, từ một cho đến một nghìn, trong đó có một nghìn mặt trời, mặt trăng, một nghìn núi Tu Di, một nghìn Tứ Đại Thiên Vương, một nghìn cõi trời Đao Lợi, một nghìn cõi trời Dạ Ma, một nghìn cõi trời Đâu Suất Đà, một nghìn cõi trời Hóa Lạc, một nghìn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, một nghìn cõi trời Phạm Phụ, một nghìn cõi trời Phạm Chúng. Đại Phạm Vương chỗ này làm chủ một nghìn thế giới, làm vua thống lĩnh tự tại, không lệ thuộc vào người khác, biết sự thành tựu việc của người khác, vì ở thượng thượng phẩm của Sơ thiền nên được tự tại. Đại Phạm Vương trú ở chỗ này được mệnh danh là đệ nhất. Này A-nan! Chỗ Phạm Vương này thống lĩnh có bốn nghìn châu lớn, bốn nghìn cây lớn, bốn nghìn cung rồng lớn, bốn nghìn trú xứ của chim cánh vàng, bảy nghìn sông lớn, chín nghìn núi lớn, tám nghìn rừng lớn, tám nghìn địa ngục lớn, một nghìn địa ngục Diêm-la, hai nghìn biển lớn, mười sáu nghìn vườn địa ngục, đó gọi là một tiểu thiên thế giới; lại nhân lên một nghìn lần như vậy gọi là trung thiên thế giới. Lại nhân lên một nghìn lần như vậy gọi là Đại thiên thế giới. Này A-nan! Nếu Như Lai tác ý muốn chiếu, muốn thuyết nơi Đại thiên thế giới này thì ánh sáng chiếu khắp, pháp cú thuyết ra tất cả đều được hiểu. Lại nữa, hoặc muốn đi qua Đại thiên thế giới thì Như Lai đều được tùy ý, chúng sinh ở trong đó không một ai mà không nghe, thấy Như Lai phóng quang, thuyết pháp. Này A-nan! Nếu Như Lai muốn ngồi cõi trời Phạm xứ A-ca- nị-tra phóng quang thuyết pháp, hoặc đại thiên, hoặc vượt ngoài đại thiên, ánh sáng chiếu khắp, dùng tám phần Phạm thanh thuyết pháp cú nghĩa biến khắp, khiến mọi

người đều được lĩnh hội. Này A-nan! Ánh sáng và âm thanh thuyết pháp của Như Lai này không có chúng sinh nào mà không thấy, không nghe; lúc ấy không có chúng sinh nào mà không đầy đủ các căn. Này A-nan! Như Lai ở trên cõi trời A-ca-nị-tra thuyết âm thanh này và tuyên bày danh cú này:

Các người thọ pháp Phật
Khởi cung kính siêng năng,
Trụ trong pháp, quán tu
Ra khỏi nạn ba cõi,
Diệt quân lính vua "chết"
Như voi phá nhà cửa
Nếu trong luật pháp Phật
An trụ không phóng dật,
Người này xả sanh tử,
Đến tận cùng hết khổ.

Lúc ấy, A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Con nay ít có lợi dưỡng, con nay khéo được lợi hy hữu, con nay được nhờ oai đức rộng lớn, thần thông tròn đủ của Đại sư.

Lúc ấy, Tịnh mạng Ưu Đà Di ở trong đại chúng, cách Phật không xa, nói với A-nan:

Ông làm sao có được đầy đủ oai đức, thần thông quảng đại của Đại Sư.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo với Tỳ-kheo Ưu-đà-di:

Ông chớ tác ý trái với thâm tâm của A-nan. Nếu trước đây, ta không thọ ký cho A-nan đời này được quả A-la-hán thì do lòng tin này mà nghiệp báo chỗ sinh sẽ có ba mươi sáu lỗi, làm vua cõi trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến ba mươi sáu lỗi làm thiên chủ cõi trời Đao Lợi. Huống gì làm Chuyển Luân Thánh Vương thuộc dòng họ Sát Lợi Vương, nhận chức Quán đảnh, cho đến làm vua bốn thiên hạ.

Này Tỳ-kheo Ưu-đà-di và A-nan! Từ xa xưa, ta đã vì họ mà thọ ký. Ta nói rất nhiều chúng sinh ở trong Dục giới, sinh trong nước thì nhiều, sinh trên đất thì ít; sinh trên đất ấy, súc sinh thì nhiều mà nhân đạo thì rất ít; trong nhân đạo, kẻ phá giới thì nhiều còn người trì giới thì ít; trong số người trì giới thì kẻ phàm phu thì nhiều, còn đệ tử bậc Thánh thì ít; trong đệ tử bậc Thánh, bậc Hữu học thì nhiều, còn bậc Vô học thì ít; trong bậc Vô học, bậc giải thoát đúng thời thì nhiều, còn bậc giải thoát phi thời thì ít.

Bậc La Hán giải thoát phi thời như vậy thế gian rất khó đắc. Ta đã thọ ký cho A-nan đắc đến chỗ này. Có các kẻ ngoại đạo nói như vậy: "Đại địa giới này thường lui lại không dừng"; thì phải đáp lời này: "Việc này không đúng". Nếu thật như vậy thì như người ném vật phía trước mà vật rơi phía sau. Các ngoại đạo lại nói như vậy: "Đại địa giới này thường rơi xuống" thì phải đáp lời này là: "Việc này không đúng". Nếu quả thật như vậy thì như ném vật lên phía trên, vật phải không rơi xuống đất. Lại nữa, các ngoại đạo lại nói như vậy: "Mặt trời, mặt trăng, các tinh tú thường đứng một chỗ, không di chuyển, đại địa tự chuyển động, đoán nghĩ là quay quanh mặt trời" thì phải đáp lời này là: "Việc này không đúng". Nếu như vậy thì bắn cung tên không đến được đích. Các ngoại đạo lại nói như vậy: "Đại địa giới thường nổi, tùy theo gió mà đến đi, qua lại" thì phải đáp như vậy: "Việc này không đúng". Nếu quả thật như vậy thì đất thường hợp với gió mà chuyển động; nếu không như vậy thì đất có tướng gì, đất đứng yên không động. Nghĩa như vậy Thế Tôn đã nói, Tôi nghe như vậy.

Phẩm 2: NAM DIÊM PHÙ ĐỀ

Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Có một cây gọi là Diêm-phù, do cây mà đặt tên nên gọi châu lục địa ấy là Diêm-phù-đề. Cây này sinh trưởng ở phía Bắc của cõi Diêm-phù-đề, ở bờ Nam sông Ny-dân-đà-la, gốc cây nằm chính giữa châu này. Từ gốc cây chính giữa, lấy theo hướng Đông Tây đến một nghìn do tuần là phạm vi của cây sinh trưởng, đầy đủ hình dáng đáng yêu, cành lá xum xuê, nhiều lớp che phủ dày kín, ở lâu trên cây cũng không hề tàn rụng, tất cả gió mưa không thể xâm tổn. Này Tỳ-kheo! Thí như thợ vòng hoa trang hoàng vòng hoa đẹp đẽ trang nghiêm, cây ấy hình dáng đẹp đẽ đáng yêu cũng như vậy. Ở phần trên cây ấy cũng như một lọng hoa, tuần tự che phủ cây ấy gốc to thẳng đến một trăm do tuần, không có mắt, đốt sần sùi; trong chu vi năm mươi do tuần là cành nhánh, đường kính thân cây rộng năm do tuần, chu vi là mười lăm do tuần, mỗi một nhánh của nó vươn ra đến năm mươi do tuần, trong khoảng ấy của cây thường rộng một trăm do tuần, với chu vi là ba trăm do tuần. Lúc quả của cây này chín, vị ngọt và hình thù không có quả gì sánh được, vị ngọt đượm như mật ong, khó mà nhàm chán, vị của quả thì như vậy, còn hình thù của quả lớn như bồn đựng nước, hạt của nó cỡ như hạt của cây Diêm-phù thế gian. Trên cây ấy có con chim, hình dáng lớn như đại điện, và con khỉ to như con voi lớn sáu mươi tuổi, hai loại chim và thú này thường ăn quả của cây. Cành phía Đông có quả, phần nhiều quả rơi xuống đất Diêm-phù-đề, chứ ít rơi xuống nước,

quả của cành phía Tây cũng phần nhiều rụng trên đất Diêm-phù-đề, chứ ít rơi xuống nước, quả của cành phía Nam đều rơi xuống đất Diêm-phù-đề còn quả của cành nhánh phía Bắc đều rụng xuống nước sông, làm thức ăn cho cá. Chỗ rễ cây đâm đến đều có cát vàng che phủ, lúc mưa xuân thì phía dưới rễ không có thấm rỉ, vào mùa hạ thì không có khô nóng, mùa đông thì không có gió lạnh, dưới cây có thần Càn-thát-bà và thần Dạ-xoa nương trú. Những việc như vậy thì làm sao biết được? Ngày xưa, trong thành Vương Xá có hai Tỳ-kheo cùng là bằng hữu với nhau, đầy đủ sức thần thông. Họ nghe tướng của cây Diêm-phù từ kim khẩu của Phật nói ra như vậy, hai Tỳ-kheo này nói với nhau rằng: "Chúng ta phải đi đến xem cây Diêm-phù kia". Người nào cũng bảo là để tôi đi, họ liền đi đến chỗ cây ấy, thấy quả của cây chín rụng xuống đất rồi tự vỡ. Một vị Tỳ-kheo, từ nơi lỗ thủng của cuống quả ấy đưa tay vào cho đến cánh tay, ngón tay dài nhất của Tỳ-kheo vẫn không đụng đến được hạt. Lúc rút tay ra ngoài, bàn tay và cánh tay đều đỏ, nhuốm màu của quả, giống như chỗ nhuốm màu đỏ của mủ cây Xích-chiên-đàn quý ở thế gian. Mùi thơm của quả cây này có thể đắm nhiễm lòng người. Lúc ấy Tỳ-kheo ngửi hưởng mùi hương của quả, vị Tỳ-kheo thứ hai hỏi: Ông muốn ăn không"? "Này Trưởng Lão! Tôi không thích ăn". Việc này rất hiếm có, khó có thể nghĩ bàn, vì xa lìa được kiết dục rất là rộng lớn. Vì sao? Nếu người chưa lìa dục mà ngửi mùi hương như vậy thì liền sanh trạng thái điên cuồng. Có các người ngoại đạo lìa dục, nếu người ngửi mùi hương này thì thối mất Địa-ly-dục. Tỳ-kheo thứ hai này lúc trở về thành Vương Xá nói lại sự việc như trên. Lúc ấy có một người tên là Trường Hĩnh, vốn là người thuộc dòng vua chúa, họ là Câu lợi, nhờ thiện báo đời trước mà có được thần thông. Người này có tướng mạo oai thần: Nếu đi trong nước thì chân trước chưa xuống nước, chân sau đã bước đi, nếu đi trên cỏ, cỏ chưa rạp xuống hai chân đã bước đi, nếu đi trên cây lá, cây lá chưa trĩu xuống thì chân sau đã bước qua, chỗ bước chân giẫm qua đều không bị hư hại. Ông Trường Hĩnh này từ lúc nghe Phật nói về cây Diêm-phù như vậy, liền bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Con nay đi đến cây Diêm-phù có được không?

Đức Phật liền đáp:

- Đến được.

Người này đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, mặt hướng chính Bắc, từ đó xuất phát. Trải qua các núi: một là núi Hắc sơn, hai là Đại Hắc. Ba là núi Đa Ly Ngưu, bốn là núi Nhật Quang, năm là núi Căn, sáu là núi Hương thủy, bảy là núi Kim Biên. Người này lên đỉnh

núi Kim Biên, xoay mặt về hướng Bắc, từ thân mình nhìn ra xa chỉ thấy sự tối tăm và sợ hãi mà thôi, Phật hỏi:

- Ông có đi đến cây Diêm-phù không? đáp:

- Không đến. Đức Phật hỏi:

- Ông thấy những gì? Người này đáp:

- Chỉ thấy toàn là bóng tối. Đức Phật nói:

- Sự tối tăm này tức là cây Diêm-phù.

Người này lại đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lại hướng về phía Bắc mà đi qua bảy núi: Một là núi Chu-la- ca-la, hai là núi Ma-ha-ca-la, ba là núi Cù-hán, bốn là núi Thủ-la, năm là núi Khể-la, sáu là núi Càn-đà, bảy là núi Tu-bạt-cơ. Lại đi qua sáu đất nước lớn:

Một là nước Cưu-Lưu

Hai là nước Cao Lạp

Ba là nước Tùy-đề-ha

Bốn là Ma-ha-tỳ-đề-ha

Năm là Tước-đa-ha-mạn-đà

Sáu là Sa-hy-ma-la-dã.

Đó là sáu đất nước lớn. Lại đi qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có sông, đi qua hết bảy con sông này, lại đi qua rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-cách, cho đến cành phía Nam của cây Diêm-phù-đề. Từ cành phía Nam đi đến cành phía Bắc, người này cúi nhìn xuống nước, thấy tướng nước so với nước bình thường khác nhau, là rất lắng, rất trong, nhìn xuống thấy thấu suốt tận đáy không hề có sự che ngăn. Người này quan sát xong liền tư duy: "Thần thông của ta nay được thành tựu ở chỗ này không?" Nhân đó, chân đạp lên nước, tay vịn cành cây, chân này đến nước mà như đá xuống nước liền chìm, đối với thần thông này không được thành tựu. Vì sao như vậy? Vì nước này rất nhẹ, rất tế. Nếu lấy nước kia đổ vào trong nước này thì nước này như tô, như dầu nổi trên mặt nước, nếu lấy nước này đổ vào nước kia thì nước kia chìm như đá. Người này lấy một quả từ cây Diêm-phù, trở về thành Vương Xá dâng lên Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, cắt ra thành nhiều miếng, phân phát cho đại chúng, mủ của quả này dính nơi tay Phật.

Lúc ấy, Đức Phật dùng tay này chùi vào núi đá mà cho đến nay màu đỏ vẫn như xưa không sót, ướt vẫn không khô, dấu tay rõ ràng. Vì khi xưa Đức Phật chia quả này làm nhiều miếng nên gọi núi đá này là Phiến-phiến-ngung. Lúc ấy, Phật vì hoá độ Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp, lấy quả của cây

Diêm-phù-đề này đưa cho Ca Diếp: "Này Ca Diếp! Ông ăn quả này". Ca Diếp hỏi Đức Phật: "Bạch Sa-môn Đại Cồ Đàm! Sao có được quả này"? Phật bảo Ca Diếp: "Cây này tên là Diêm-phù, quả này có được từ cây này". Ca Diếp thưa: "Con không thể ăn quả này, xin Ngài thọ"!

Lúc ấy các Thiên thần lại dâng quả Diêm-phù cúng dường Đức Phật, hoặc ở Xá-vệ, hoặc ở thành Vương-xá, hoặc ở nước Ca-tỳ-la-vệ... Sau khi Đức Phật nhận xong, phân phát cho Đại chúng, lại các Tỳ-kheo khác trú chỗ Diêm-phù trở về chốn này nói, Tỳ-kheo Mục Liên cũng từng ở chỗ kia trở về đây. Đức Phật vì các Tỳ-kheo mà thuyết, do nhân duyên này việc này có thể biết rõ.

Phẩm 3: SÁU ĐẠI QUỐC

Ngoài cây Diêm-phù này, có hai cánh rừng, hình như bán nguyệt, vây quanh cây này. Trong đó có rừng tên là Kha-lê-lặc, ở ngoài gọi là A-ma-lặc, quả A-ma-lặc lúc chín, vị của nó rất ngon, không cay, không đắng, ngọt như mật ong, hình của quả lớn bằng như hai hộc (mười đấu). Hạt của nó như tính chất của hạt quả A-ma-lặc. Quả Kha-lê-lặc lúc chín, vị của nó rất ngọt, không cay không đắng, như vị của mật ong. Quả của cây trong nó lớn gấp hai quả trước, hạt của nó cũng như vậy. Khu rừng A-ma-lặc phía Nam lại có bảy khu rừng, trong đó có bảy con sông, những khu rừng này rất rộng, giáp với khu rừng phía Bắc. Đó là:

1. Rừng Yêm-la
2. Rừng Diêm-Phù
3. Rừng Sa-la
4. Rừng Đa-la
5. Rừng Nhân-lâm
6. Rừng Thạch-lựu
7. Rừng Kiếp-tất-tha.

Quả của các rừng này lúc chín, mùi vị không cay, không đắng, ngọt như mật ong. Hình tướng của quả trong rừng Nhân-lâm giống y như hình người, như người đẹp thuộc dòng họ vua chúa cõi Diêm-phù-đề, họ tộc Câu Lê, như người nam mười sáu tuổi, người nữ mười lăm tuổi tướng mạo đoan nghiêm tròn đủ như lúc đi lấy chồng. Quả của rừng Nhân-lâm khả ái như vậy, hạt của nó mang hình như đầu tóc người chưa lìa dục, nghĩa là lúc thấy quả này liền sanh lòng yêu mến. Các ngoại đạo... có kẻ lìa dục, hoặc thấy quả này thì thối thất thiền định, dục tâm sinh trở lại. Lúc quả của nó chín,

chim chóc tranh nhau ăn, những quả chim ăn còn thừa thì rơi rụng xuống đất, như rừng Thi-đà thật đáng chán ghét. Những người thối thất thiền định thấy tướng này xong, sinh lòng chán lìa sâu xa, trở về lại bổn định. Hai rừng này rộng năm mươi do tuần, phía Đông và Tây của rừng giáp đến biển. Mỗi một con sông trong đó rộng năm mươi do tuần, phía Đông và Tây của nó giáp đến biển. Rừng và sông đan xen lẫn nhau trong cõi Diêm-phù-đề, diện tích của nó đến bảy trăm do tuần. Phía Nam rừng Kiếp-tất-tha của nó có đến sáu nước lớn. Nước ở cực Nam là Cao-lưu, Câu-lạp-bà Tỳ-đề-ha; Ma-ha-tỳ-đề-ha, Uất-đa-la-mạn-đà, ở cực Bắc là Xả-hỷ-ma-la-da. Con người trong sáu nước này đều trinh thiện, thọ trì mười pháp thiện, tự mình không sát sinh, không bảo người khác sát sinh; thú vật khi gần chết, tự đến chỗ người. Nó đã tự chết rồi, mới ăn thịt của nó, chỗ đất đó sanh ra bò đuôi dài, số lượng rất nhiều, dùng lông này để che nhà, đất ở đó sinh ra lúa mì, không cần canh tác, lúa mì này trở thành hạt gạo, không có cám mày. Người các nước này nấu làm thức ăn, khí vị của hạt cơm nấu xong rất thơm ngọt như mật ong. Làm sao biết được điều này? Vì ở thời quá khứ lâu xa, có một vị vua xuất gia, vị phu nhân của vua này cũng xuất gia, vị Quốc sư Bà-la-môn cũng đi theo xuất gia, đã xuất gia rồi thì xa lìa các tướng, vào núi học đạo. Phu nhân của vua đến lúc kinh nguyệt, khi kinh nguyệt đã sạch, nàng đi đến chỗ vua, gặp vua liền bẩm vua rằng: "Thưa Đại Vương! Thiếp nay có kinh nguyệt, người xưa rất coi trọng thai tức". Nhà vua muốn xả bỏ không theo ý của Hậu phi, tư duy vào việc lớn lại sợ không thể được, liền cùng hòa hợp, mới có quý tử phước đức, nam nữ hai người cùng lúc thác thai. Hậu phi liền bỏ vua ra đi, trải qua một thời gian thì bụng to dần, đi qua từ các thôn xóm, đến các quận huyện cho đến các châu, mọi người đều chửi mắng: "Người nữ này không có đạo tâm, xuất gia mà phá giới". Hậu phi nghe lời nói như vậy, sinh lòng hổ thẹn. Lúc ấy Quốc sư Đại Bà-la-môn đã tu luyện thành tiên đắc được ngũ thông, trú trong một khu rừng núi. Lúc Hậu phi nghe vị Bà-la-môn này trú ở núi ấy, liền đi đến tìm; lúc gặp Quốc sư rồi, Quốc sư liền hỏi Hậu phi: "Thai này của ai"? Hậu phi đáp : "Của vua". Lúc ấy, Tiên nhân nhớ lại ân nghĩa xưa kia của nhà vua, mới dựng lên một lều tranh nơi một khu riêng và nói với Hậu phi rằng: "Thí chủ ở trong này tôi sẽ đi hái rau và hoa quả để cấp dưỡng cho thí chủ". Hậu Phi y theo lời mà ở trong ấy. Lúc ấy, Tiên nhân y theo pháp, hái rau và hoa quả cấp dưỡng cho Hậu phi. Hậu phi mang thai đầy tháng liền sinh hai người con, một trai, một gái. Đến lúc dứt sữa, vị tiên này đuổi Hậu phi này nói: "Người hãy đi đi, tôi sẽ tùy theo rau quả hái được mà nuôi hai đứa trẻ này". Hậu phi phải bỏ hai đứa con, theo lời Tiên nhân mà ra đi. Tiên nhân tùy

theo rau quả hái được mà nuôi dưỡng hai đứa trẻ này. Hai đứa trẻ lớn lên một chút thì đã nhận biết nhiều điều. Ví như lúc Tiên nhân lấy các loại quả sống và chín thử cho hai đứa trẻ ăn, lúc ấy hai đứa trẻ đã tự phân biệt được: trái chín thì ăn, còn trái sống thì bỏ đi. Tiên nhân suy nghĩ: "Hai đứa trẻ này đã lớn, đã biết được quả sống và chín, có thể biết phân biệt nhiều điều, ta nay phải ở nước nào giàu vui an ổn, để an lập cho mấy đứa trẻ này". Ông ta liền dùng ngũ thông thấy nơi chỗ đất có lúa gạo đó nên liền dùng thần lực bay trên không trung mang hai đứa trẻ đi để an lập trên đất này. Tiên nhân dạy hai đứa trẻ: "Cỏ này gọi là lúa". Lúc ấy, Tiên nhân liền tự cắt lấy, chà sát ra để lấy gạo làm lương thực. Tiên nhân còn dạy bảo nhiều điều: "Các ngươi từ nay phải y theo cách này mà làm ra lương thực, các ngươi ở chỗ này chớ sinh lòng buồn chán, ta thường xuyên đến thăm các ngươi". Hai đứa trẻ vì thế mới ở chỗ này. Sau đó, Tiên nhân thường đến thăm viếng, hai đứa trẻ đã dần lớn lên theo năm tháng, giới tính nam nữ đã trưởng thành đầy đủ, họ liền kết phu thê với nhau và sinh ra con bầy cháu đống, làm thành sáu nước. Bấy giờ, vị vua ấy đã học đạo xong, lìa bỏ thân người, sanh lên cõi trời, bỏ thân cõi trời, về thọ thân người. Thọ thân người rồi thì được nương vào lời dạy chánh pháp vô thượng của Đức Phật mà xuất gia học đạo, đạt đến sáu thứ thần thông vô ngại. Vị này nhờ dùng sáu thần thông nên quán thấy được đời trước của mình, thấy sáu đại quốc liền suy nghĩ: "Sáu nước lớn này đều là con cháu của ta". Vì thương xót người trong sáu đại quốc này nên đã đi đến đó mà khất thực, được thức ăn mang về, không hỏi các Tỳ-kheo đã mà ăn trước. Lúc ăn một mình, các Tỳ-kheo gọi tên Tỳ-kheo này mà trách mắng: "Người là trưởng lão, nhiều lòng đố kỵ hẹp hòi, người là người xấu, được thức ăn khất thực mà không hỏi đến các Tỳ-kheo, lại ăn một mình". Tỳ-kheo này đáp: "Tôi nay không vì sự đố kỵ, mà không chia sẻ cho các vị. Vì sao? vì thức ăn như vậy người chưa lìa dục thì không được ăn. Lúc Tỳ-kheo này ba lần rửa bát, nước thứ hai bỏ đi, dùng một ít nước lần rửa sau bố thí cho các Tỳ-kheo. Trong cõi Diêm Phù Đề này không có một mùi vị nào ngang hàng với vị này. Lúc ấy Tỳ-kheo này vì các Tỳ-kheo ấy mà thuyết tuần tự về nhân duyên của vị thức ăn này: Sáu Đại quốc ấy vốn là con cháu của tôi cả, cho nên vì lợi lạc của người nước ấy nên tôi đến đó khất thực, có Tỳ-kheo khác cũng đến đó khất thực, Đại Mục-kiền-liên cũng đến khất thực. Phật Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói tuần tự về nhân duyên của sáu nước này, cho nên biết được chuyện của sáu Đại quốc này.

Phẩm 4: THẦN DẠ XOA

Lúc ấy trong cõi Diêm-phù-đề này có hai dãy núi, dãy phía Nam sông Hằng tên là núi Bà-đa-kỳ-lợi, dãy phía Bắc sông Hằng tên là núi Ế-ma-bạt-đa. Trong núi Bà-đa-kỳ-lợi, các núi to nhất có núi:

Một là Tát-xa.

Hai là Tần-ha.

Ba là Mạt-xa.

Bốn là Ngu-xa-bà.

Năm là Gian-ha-kỳ-lợi.

Sáu là Ba-lê-da-đa-la.

Trong núi Ế-ma-bạt-đa, các núi to nhất gồm các núi:

Một là Chu-la-ca-la.

Hai là Ma-ha-ca-la.

Ba là Cụ-ha-na.

Bốn là Tu-la-bà-kế-ha.

Năm là Kê-la.

Sáu là Càn-đà-ma-đà

Bảy là Tu-bàn-na-bàn-sa.

Nếu tất cả các Thần trú ở núi phía Nam sông Hằng thì gọi là Thần Bà-đa-kỳ-lợi, nếu Thần ở núi phía Bắc sông Hằng thì gọi là Ế-ma-bạt- đà. Vì Thần Bà-đa-kỳ-lợi này thống lĩnh tất cả các Thần phía Nam sông Hằng nên gọi là vua. Vì Thần Ế-ma-bạt-đa này thống lĩnh tất cả các Thần núi phía Bắc sông Hằng nên gọi là vua. Vì sao vậy? Có một Thần vương tên là Ế-ma-bàn trú ở núi Ế-ma-bạt-đa, là Thần vương trưởng lão nhất, tuổi tác đến lúc rất cao, thì bị bệnh nặng nên lúc Thần này mất, Thần gọi một thái tử tên là Ế-ma-bạt-đa đến dạy bảo và nói với con rằng: "Này con! Ta đã được nghe thuở xưa, Thần Dạ xoa lúc tuổi rất cao đã gặp Phật quá khứ, đã từng được gặp Phật Ca Diếp. Nghe nói Đức Thích Ca Mâu Ni cũng sắp ứng thân xuất thế. Như nhân duyên ta thấy tướng ứng hiện và những gì được biết thì Đức Phật Thích Ca không lâu nữa sẽ ứng hiện. Này con! Nếu ta xả mạng nửa chừng, không gặp được Phật thì con phải quyết đến gặp Đức Phật. Nếu con gặp được Phật thì quyết sẽ được lợi lạc lớn". Thái tử Hỏi: "Làm sao con biết được lúc Phật xuất thế". Người cha Đáp: "Ở trong nhà chưa từng có vật báu, mà xuất hiện; phải biết lúc ấy Như Lai xuất thế. Lại có một Thần vương tên là Bà-đa-kỳ-lợi trú ở trong cõi nước Ma-già-đà; con

phải kết bằng hữu với vị này, cùng lập thệ nguyện: "Tôi và ông cùng ở một chỗ, nếu có thấy điều gì kỳ báu hy hữu xuất hiện thì không được không báo cho nhau biết". Lúc người cha dạy bảo người con xong thì liền xả bỏ thân mạng. Lúc ấy, Thái tử làm lễ tang cúng dường thi thể cha xong vì tôn trọng nhớ lời di huấn của cha căn dặn nên Thái tử qua sông tìm Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi. Lúc đến chỗ Thần, đối diện với Thần nói chuyện cùng nhau hoà kính, cùng ngồi một chỗ. Thần Ế-ma-bạt-đa nói với Thần Bà- đa-kỳ-lợi vương rằng: "Thưa ông! Lúc cha tôi sắp chết có nói những lời như vậy, thì liền qua đời, cho nên tôi nay nói với ông về việc này. "Nếu ở trong nhà bất chợt thấy vật báu xuất hiện thì nhất quyết phải báo cho nhau biết". Bà-đa-kỳ-lợi nói: "Đúng vậy, đúng vậy". Lúc hai người đã lập thề nguyện xong, mỗi người đều trở về chỗ của của mình. Sau đó trong nhà Thần vương Ế-ma-bạt-đa có kỳ báu xuất hiện, là hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, lá bằng vàng, cành bằng các báu. Lúc ấy có một vị Thần thấy hoa sen này liền đưa đến tâu vua: "Nay ngài biết không, có vòng ngọc báu kỳ lạ, trên đời chưa từng có, nay đã xuất hiện, hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, lá làm bằng vàng, cành bằng các báu, đây là Thiên vật, mong Ngài đến xem". Lúc Thần vương nghe vậy xong liền đi đến bên lầu thấy hoa Sen này, đầy đủ nghìn cánh, lớn như bánh xe, làm bằng các báu, trang nghiêm kỳ lạ. Thấy việc này rồi nhà vua hết sức kinh ngạc, lông trên mình dựng đứng, tự xuống ao, cung kính chấp tay đảnh lễ ba lần, nhiễu quanh ba vòng, suy nghĩ như vậy: "Lúc xưa, ta đã từng gặp thiện hữu bảo với ta rằng: "Nếu chỗ người thiện hữu ở có báu kỳ lạ xuất hiện phải báo đến cho ta". Nhớ nghĩ xong liền nhờ người thuộc hạ đi đến báo cho Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi rằng: "Thưa Ngài! nay ở chỗ tôi có vật báu hy hữu đã xuất hiện, đầy đủ các tướng báu. Nay ông phải cùng tôi đi đến đó chiêm ngưỡng". Lúc ấy, Thế Tôn đã xuất hiện ở đời, đã nói chánh pháp, hoàn toàn tịch tĩnh, nay đến Niết bàn, đã đến Bồ đề, Thế tôn đang thuyết pháp. Lúc ấy Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi nhớ lại việc này, liền suy nghĩ: "Lúc trước ta đã từng gặp bạn lành đi đến báo cho ta: "Trú xứ của ông sẽ có Chư Phật Thế Tôn ở trong đó đắc đạo, nếu Đức Phật đã xuất thế, ông phải báo cho ta". Vì sự mong muốn của vị bạn lành đó nên ta phải báo. Vua Bà- đa-kỳ-lợi liền cho người đến bảo với vị vua này rằng: "Thưa Ngài! Nếu có một hoa sen thì có lợi ích gì, nếu có trăm nghìn hoa sen thì cũng có lợi ích gì? Trong nước tôi chưa từng có một vật báu, nay đã xuất hiện. Cái gì gọi là báu? Đó là Đa-đà A-già-độ A-la-ha-Tam-miệu-tam-Phật- đà nay đã xuất hiện ở đời. Nay ông phải đến cùng tôi cúng dường báu này. Vào ngày mười lăm tháng chín là lúc đại chúng bố tát, vua Hê- ma-bạt-đa có năm trăm vị Thần cùng nhau đến vây quanh, cầm

các hoa sen, mặt hướng về Nam, bay trên không mà đi, đến chỗ Bà-đa-kỳ-lợi. Vị vua kia lại đem năm trăm Thần chúng cùng nhau vây quanh đón vị vua này nơi bờ Nam sông Hằng, cùng nhau tụ tập, gặp gỡ nhau xong, vua Ế-ma-bạt-đa bèn nói kệ rằng:

Nay ngày rằm thanh tịnh Lúc bốn vua tụ hội Chúng tôi thờ thầy nào Ông tin A-ba-ha

Lúc ấy vua Bà-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

Lúc này, Phật Thế Tôn
Trú thành Ma-già-đà.
Vì diệt tất cả khổ
Nói pháp Nhất-thiết-trí,
Các khổ và khổ tập,
Khổ diệt không sinh lại,
Bát chánh đạo diệt khổ,
Không não hướng Niết-bàn.
Thế nên ông cùng tôi
Phải đến thờ người này,
Tất cả không thể sánh.
Bậc La-ha, ta tin.

Lúc Ế-ma-bạt-đa nghe kệ này rồi lòng rất sợ hãi, lông thân dựng đứng, hoài nghi chưa tin, ba lần phân biện: "Thưa ngài! Nay Ngài nói Thế Tôn xuất thế".

Đáp: "Thưa ông! Tôi nói Phật bảo xuất thế"; lần hai, lần ba hỏi đáp cũng như vậy. Lúc ấy, Thần Vương ở núi phía Bắc tức thời như năng lực suy lường bốn pháp hành trụ, oai nghi, cảnh giới của chư Phật, hỏi Thần vương ở Nam sơn bằng kệ rằng:

Tâm Phật đối chúng sinh,
Khéo được an lập chăng?
Hai tư duy thương, ghét
Đã được diệt hết chăng?

Lúc ấy, Thần vương ở Nam sơn dùng kệ đáp:

Tâm Phật đối chúng sinh,
Chân thật được an lập
Hai tư duy: thương, ghét
Diệt hết không còn nữa

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

Phật có vọng ngữ chăng?

Không lời hại người chăng?
Không lời ly tán chăng?
Có lời vô nghĩa chăng?

Thần Vương Nam sơn dùng kệ đáp:

Phật không nói vọng ngữ,
Cũng không lời khổ não,
Không nói lời ly gián,
Nói lời nghĩa đúng mức.

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

Phật không trộm vật người?
Không tổn mạng người chăng?
Xa lìa các phóng dật?
Không tổn thiền định chăng?

Thần Vương Nam Sơn nói kệ đáp:

Phật không lấy của người,
Thường bảo hộ mạng người,
Xa lìa các phóng dật,
Không tổn thiền định sâu.

Thần Vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

Phật không nhiễm ái dục,
Tâm tịnh, không bẩn chăng?
Đã vượt dòng vô minh,
Được pháp nhãn tịnh chăng?

Thần vương Nam Sơn đáp:

Không nhiễm nơi dục trần,
Tâm địa rất thanh tịnh.
Đã vượt ngoài vô minh,
Đối pháp được tịnh nhãn.

Thần vương Bắc Sơn lại hỏi:

Phật sáng suốt trọn đủ
Pháp đủ thanh tịnh chăng?
Bốn lưu đã dứt chăng?
Đời sau đã hết chăng?

Thần vương Nam Sơn lại đáp:

Phật sáng suốt trọn đủ.
Pháp đủ luôn thanh tịnh
Bốn lưu đã đoạn dứt,

Nên không có thân sau.

Lúc Thần vương Bắc Sơn nói xong, lòng sinh hoan hỷ, nói kệ tán thán:

Ý trí giả thành tựu,
Tất cả việc đã xong,
Cùng thân, khẩu thanh tịnh,
Tán thán đủ trí minh.

Thần vương Nam Sơn tâm khẩu hoan hỷ, nói kệ tán thán:

Tâm Phật thật tịch tĩnh
Thân khẩu thường lợi người
Thập lực khó ai sánh
Tùy hỷ lời ông khen,
Tâm trí giả thành tựu,
Cùng với thân, khẩu nghiệp,
Minh pháp trọn đầy đủ,
Liền cùng ông đến xem.
Nay ngày rằm Bố tát,
Lúc bốn vua vân tập
Tâm giải thoát không nhiễm,
Tôi cùng ông đảnh lễ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang ở dưới cây Nặc-cù-đề trong thành Vương Xá, hai Thần vương này có một nghìn vị Thần vây quanh đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy vua Bắc Sơn dùng kệ hỏi:

Năng thuyết cũng năng hành
Qua dòng đến vô lậu
Độc hành như Sư tử
Phật không nhiễm thế pháp,
Qua bờ tất cả pháp.
Ân cần nên đến hỏi
Chúng sinh sinh chỗ nào?
Thường huân tập chỗ nào?
Nắm giữ là vật gì?
Chỗ nào mà chịu khổ?

Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp Thần vương Ế-ma-bạt-đa rằng:

Chúng sinh sinh sáu xứ.

Thường huân tập sáu chỗ.
Nắm giữ sáu loại pháp.
Sáu xứ thọ khổ não.

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi Phật:

Thủ này là thủ gì,
Mà khiến chúng sinh khổ?
Mong đáp hết nghi vấn,
Làm sao giải thoát khổ?
Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp
Thần vương Ế-ma-bạt-đa:
Thế gian có năm trần,
Ta nói tâm thứ sáu,
Lìa dục nhiễm trong đó,
Giải thoát khổ như vậy.
Chúng sinh đắc xuất ly,
Đã nói lượng như lý
Nay ngươi đã có hỏi,
Cho nên đáp xuất ly.

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi Phật:

Ai nhanh qua được dòng,
Không đáy, không vướng víu
Ngày đêm không mệt mỏi
Chỗ sâu ai không chìm?
Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp
Thần vương Ế-ma-bạt-đa
Thường giữ giới thanh tịnh,
Tinh tấn không tán tâm,
Tư duy trong chánh niệm,
Nhờ trí qua chỗ khó.
Dục tưởng không có dục,
Trừ diệt sắc trói buộc
Mãi dứt có hỷ ái
Người này không thể chìm.

Lúc ấy, hai vị thần vương Nam, Bắc sơn cùng dùng kệ để tán thán Đức Phật:

Nay, chúng con khéo thấy
Khéo đến, cùng khéo rõ

Chúng con gặp Chánh giác
Giảng nói đạo cam lồ
Tên không diệt mất, thấy thật nghĩa
Thường vui vấn nạn không chỗ nhiễm
Trí tuệ thấu tận đều giải thoát
Hành nơi Thánh lộ-Đại Tiên nhân
Nghìn chúng Dạ-xoa khác,
Có tiếng tăm uy thần
Tất cả quy y Phật
Là bậc Vô Thượng Sư.

Ba Da-xoa này ngồi ở ba góc nên đến nay đường có tên là Lăng Giác. Lúc ấy Đức Thế Tôn đang ở dưới cây, cho nên cây này tên là Cù- nặc-đàm-cù-đề. Vì việc của hai thần Dạ-xoa này, cho nên biết được hai dãy núi Nam và Bắc.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 2

Phẩm 5: TƯỢNG VƯƠNG LẬU XÀ KỲ LỢI

Núi Chu-la-ca-la cao một Già-phù-đa rưỡi, chiều rộng cũng vậy, ở giữa cũng như vậy. Núi Ma-ha-ca-la cao ba Già-phù-đa rộng cũng vậy, ở giữa cũng như vậy. Núi Cù-ha-na cao một do tuần rưỡi, bề rộng và ở giữa cũng như vậy. Núi Tu-la-bà-ha cao ba do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Kê-la-bà cao sáu do tuần, chiều rộng và ở giữa cũng như vậy. Núi Càn-đà-ma-đà cao mười hai do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Tu-bàn-na-bàn-sa cao hai mươi bốn do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Tu-bàn-na-bàn-sa vào mùa trăng thu, trời tạnh không mưa, ánh sáng vằng vặc rộng khắp. Lại có những người ở gần Tuyết Sơn, tụ hội trên đất bằng của núi cao vào tháng tư, gọi nhau đến nhìn ngắm lên trời, đi đến đỉnh núi Ma-ha-ca-la ngưỡng nhìn về phía Bắc, xa thấy ở núi kia ánh sáng vằng vặc, do tướng ấy nên nói là núi Tu Di, nay ta đã thấy trên trời. Phía Bắc núi Tu-bàn- na-bàn-sa này có chỗ cao nhất, lại có hồ lớn tên là Mạn-đà-cơ-ni, dài năm mươi do tuần, nước trong hồ ấy trong vắt, mát ngọt. Hoa sen trong ấy đều có cành, ngó, củ đầy đủ; đáy hồ và bờ của hồ đều làm bằng bạc, vàng, thủy tinh, lưu ly. Bực thềm, nhà cửa làm bằng bốn báu, thành lũy ở ngoài cùng của hồ là làm bằng bạc, tuần tự vây quanh. Nước trong cùng hài hoà với màu sắc các báu, bốn bên của hồ có bốn đường bực thềm thông với cả đáy nước, được làm bằng bốn báu, phía Đông và Nam của hồ thẳng đến núi. Núi ấy có hang động tên là Nan-đà, có chiều dài là năm mươi do tuần, chiều rộng là mười do tuần, hang động ấy đều làm bằng lưu ly bằng láng khả ái, tợ như cung điện, không đồng với sắc các báu, các kiểu hình tượng tự nhiên được khắc hoạ, như thảm trải nền dệt bằng lông. Người vật, cây cỏ, không có gì mà chẳng đầy đủ. Sắc tướng của hang động ấy cũng lại như vậy, như người trang sức lộng lẫy bằng bảy báu trang nghiêm. Sắc tướng của chỗ đất này cũng là như vậy, tất cả lưu ly bằng láng khả ái, vô số sắc báu nếu chân dẫm lên thì liền in vào, nếu giở chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông mềm mịn và bông đâu-la, đất ở động

ấy mềm mịn cũng lại như vậy. Hang động Nan-đà này lúc dẫm lên thì chân chìm xuống, lúc giở chân lên thì đã vào trong cung điện. Số lượng cung điện không phải một, hoặc có kim đường, hoặc có ngân đường, pha lê, lưu ly đường cũng như vậy, hoặc do bốn báu hợp thành. Các cung điện này đều là chỗ ở của Tượng vương. Hồ của hang động nằm ở giữa, có chỗ tối thắng, có cây Nặc-cù- đề-vương tên là Thiện Lập, gốc rễ cành nhánh, tàng lá đều có đầy đủ, hình dáng đáng yêu; lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không xâm tổn, như vòng hoa trang sức tuyệt diệu ở thế gian và trang sức các báu lộng lẫy, cũng như cái dù lọng cao thấp che nhau. Hình dáng cây này cũng là như vậy, cao một do tuần, cành rủ xuống như cột trụ, số cành đúng tám nghìn, cành rủ xuống đều dựng vào đất nên gọi là Thiện lập. Ngoài góc hồ phía Tây nam có chỗ tối thắng, có cây Sa-la-vương, gọi là Thiện kiến. Cây này có cành nhánh, tàng lá đều đầy đủ, hình dáng đáng yêu; lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không thể tổn hại, như vòng hoa trang sức tinh xảo và vòng đeo tai bằng các báu ở đời, cũng như tàng lọng trên dưới che nhau. Hình dáng cây này cũng lại như vậy, cao một do tuần, thân cây to lớn đến nửa do tuần, mỗi phương hướng đều có cành lá. Kích cỡ thân cây này có đường kính đến năm tầm, chu vi mười lăm tầm, cành nhánh đâm ra các hướng đến nửa do tuần. Lại nữa, ngoài cây ấy còn có rừng cây Sa-la, cao thấy vừa phải, bảy lớp vây quanh, cành lá che nhau, ngoài nhìn vào như một. Lớp cây phía trong chu vi mười ba tầm, mỗi lớp tuần tự như vậy giảm dần một tầm, lớp cây ngoài cùng có chu vi bảy tầm; lớp phía trong là cao nhất, tuần tự thấp dần từ lớp trong ra lớp ngoài cùng. Hình dáng cây ấy có gốc cành, nhánh tàng đều đầy đủ, dáng vẻ đáng yêu. Lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không thể xâm tổn, như vòng hoa và vành tai các báu trang sức tinh xảo ở đời, cũng như tàng lọng trên dưới che nhau, hình dáng cây này cũng lại như vậy. Cành khô lá úa, nếu lúc đi rụng xuống, thì vì cây đã dày đặc nên rơi trượt ra ngoài rừng. Bên ngoài rừng ấy, thông ra bốn phía, tợ như hình cửa nhà. Đất dưới cây này được cát bằng vàng che lấp, nước hương tưới vào, đốt các danh hương, tán các loại hoa, treo áo các báu. Ở dưới cây này là hoa Sa-la cùng với các loại hoa che phủ đất ấy thật là đáng yêu. Tượng vương Lâu-xà-kỳ-lợi ấy thường ở chỗ này. Thân của nó toàn trắng, bảy chi chống đất, đầy đủ sáu ngà, tùy ý biến hóa, có đại oai thần, có đại uy đức. Mỗi mỗi lớp vây quanh của nó, có tám nghìn con voi vây quanh, lớp thứ nhất là voi đực trắng, lớp thứ hai là voi cái trắng, lớp thứ ba là voi đực vàng, lớp thứ tư là voi cái vàng, lớp thứ năm là voi đực đỏ, lớp thứ sáu là voi cái đỏ, lớp thứ bảy là voi đực xanh, lớp thứ tám là voi cái xanh; ngoài ra còn có voi đực đen, voi cái đen

không ở trong số vây quanh này. Tượng vương này đến hồ Mạn-đà-cơ-ni, lúc voi tự tắm rửa, các voi đen bên ngoài dẫn nhau đến phòng hộ ở các cồn đảo nhỏ. Đã phòng hộ rồi, lúc ấy, Tượng vương được các voi vây quanh đi đến chỗ hồ nước. Các voi cái trắng vây quanh ấy kích Tượng vương vào hồ nước tắm, chúng lấy nước của hồ tẩy rửa thân Tượng vương, hoặc đến rửa mặt, hoặc đến rửa tai, khắp cả thân thể đều như vậy. Lúc Tượng vương tắm, các voi này hái nhiều loại hoa dùng làm vòng hoa, dâng Tượng vương, hoặc làm vành tai, hoặc làm anh lạc, vô số thứ trang sức lạ thường trang nghiêm thân Tượng vương. Đã tắm rửa xong, từ hồ lên bờ, đến dưới cây Nặc-cù-đề phơi thân cho khô ráo. Trong thời quá khứ, ở chỗ này có một thợ săn bắn chết Tượng vương. Vì vậy trong đây rộng nói: "Kinh Bồ tát Tích Bổn Sinh". Lúc ấy, các voi con tùy theo thứ tự sắc mầu của nó mà cùng vào hồ tắm, tắm xong thì đi đến dưới cây vây quanh Tượng vương; còn voi đen thì vào hồ tắm sau cùng, nó nhổ lấy gốc sen, ngó sen để tẩy rửa, khiến cho thân được sạch sẽ rồi trở về dưới gốc cây. Voi đực đen ấy đưa biếu thức ăn cho voi cái đen, voi cái đen dâng biếu cho voi đực xanh, voi đực xanh dâng biếu cho voi cái xanh, voi cái xanh dâng cho voi đực đỏ, voi đực đỏ đưa cho voi cái đỏ, voi cái đỏ dâng cho voi đực vàng, voi đực vàng dâng cho voi cái vàng, voi cái vàng dâng cho voi đực trắng, voi đực trắng đưa cho voi cái trắng, voi cái trắng dâng cho đại Tượng vương để cho Tượng vương ăn. Tượng vương ăn xong, dùng thức ăn ngó sen còn dư ấy cứ theo tuần tự mà phân phát cho chúng tượng; chỉ trừ voi đen, nếu thức ăn không đủ thì voi đen liền đến hồ hái thêm ngó sen ấy để cho được đầy đủ. Voi đen này chỉ ăn tại hồ. Các voi khác ăn ngó sen này xong thì thành thân bảy phần, còn nếu ăn cây cỏ, các loại lá cây thì thành phân, nước tiểu. Nếu các voi nào đi ra phân và nước giải thì bị sai khiến, quét dọn cùng với voi đen; việc dâng thức ăn cũng vậy. Bạch Tượng vương này vào tháng tư thì ở trong động Nan-đà, tháng tám vào mùa xuân, mùa đông thì ở dưới cây Sa-la Vương Thiện Kiến. Sau đó, Tượng vương cũng thường ở tại động Nan-đà này, ban ngày thì đến ở dưới cây Sa La Vương Thiện Kiến. Lúc ăn và tắm xong đều ở dưới cây Nặc Cù Đề. Làm sao biết điều này? Vì thuở xưa, Tịnh mạng Đại Trí Xá-lợi-phất thân mang phong bệnh, thầy thuốc nói: "Bệnh này của Đại Đức phải ăn ngó sen mới có thể trị khỏi". Lúc ấy có Tịnh mạng thần thông Mục Liên vào thuở xưa đã từng thấy ngó sen này rồi nên liền nói với Đại Đức Xá-lợi-phất như vậy: "Tôi đến đó lấy ngó sen ấy đem về đây". Mục Liên liền dùng thần thông đến bên Kim Sơn và suy nghĩ như vậy: "Tượng vương này có đại uy đức, có đại thần thông, có tâm kiêu mạn, cho nên quyết phải làm cho Tượng vương kinh sợ". Mục Liên liền

hoá thân làm một con Đại Tượng cao to, chiều dài gấp đôi Tượng vương. Lại hoá làm chúng tượng quyến thuộc có thân hình, số lượng gấp đôi chúng tượng kia, vây quanh đầy đủ trước Tượng vương và bay từ trên không trung đáp xuống. Lúc Bạch Tượng vương thấy việc này rồi lòng đầy kinh ngạc, thân sởn gai ốc, suy nghĩ như vậy: "Có Tượng vương khác từ nơi khác đến, có thần thông, uy đức, thân hình, số lượng đều gấp bội ta, nay sẽ đuổi ta và đoạt lấy chỗ này. Lúc ấy, Tịnh Mạng Mục Liên biết được sự lo sợ này và thấy tướng của nó khác lạ nên liền xả việc hoá hiện thần thông đến nơi chỗ khác ngồi kiết già. Bạch Tượng vương này thấy việc ấy rồi liền suy nghĩ: "Chẳng có Tượng vương nào khác, là Đại Tỳ-kheo". Lúc ấy Tượng vương tự hoá thân làm Đồng tử cõi trời, dùng vàng báu cõi trời trang sức hai cánh tay, dùng mũ trời, vành tai bằng ngọc, anh lạc các báu để trang nghiêm thân Tỳ-kheo. Lúc Mục Liên ngồi thẳng chánh niệm thì Thiên Đồng tử im lặng chắp tay năm vóc gieo sát đất, kính lễ Đại Đức. Lúc ấy, Mục Liên nói với Tượng vương: "Này Trưởng lão Tượng vương! Ngươi có đại thần thông, đại oai đức khó ai bì kịp". Tượng vương đáp: "Bạch Đại Đức! Con là súc sinh, có thần lực gì đâu, có oai đức gì đâu! Thánh Sư đến đây cần sai bảo gì". Mục Liên đáp: "Ta muốn có ngó sen ở hồ". Lúc ấy Tượng vương liền sai bảo voi đen: "Ngươi hãy đi lấy ngó sen theo như ý của Đại Đức". Voi đen liền vào hồ, lấy ngó sen rồi rửa, bó lại và cho một con voi chở trên lưng theo Đại Đức Mục Liên bay trên không mà đi. Mục Liên mang về đến khi cho các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thọ lấy ngó sen này. Vì vậy từ xưa cho đến khi nay gọi chỗ này là Tượng Hạ Chi Đề, lại còn gọi là Tống Ngẫu Chi Đề, cũng gọi là Thọ Ngẫu Chi Đề. Đại Đức Xá-lợi-phất ăn ngó sen này rồi, bệnh liền khỏi hẳn. Lúc Xá Lợi Phất qua khỏi bệnh rồi, đến Bát Niết-bàn, thân không bệnh não, các Tỳ-kheo khác cũng cùng ăn ngó sen. Ngó sen này hình dạng đáng yêu, mùi vị đậm đà, ngọt ngào như mật ong không hề cay, đắng, dài, ngắn, vuông, tròn, ngang, dọc đều là một xích, mỗi một cọng như vậy chiết ra nước dịch đầy cả một bát. Có một Tỳ-kheo khác dùng thần thông đi đến bên núi Kim Sơn, thấy sự việc như vậy nên trở về hỏi về vấn đề này. Lúc ấy Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về nhân duyên này, cho nên mới biết được những sự việc như thế.

Phẩm 6: TỨ THIÊN HẠ

Lúc bấy giờ, Đức Phật thuyết về Thiên hạ có bốn: Một là Diêm- phù-đề, hai là Tây Cù-da-ni, ba là Đông Phất vu-đãi, bốn là Bắc Uất đơn-việt.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Cõi Diêm-phù-đề này

có đất dường như rất lớn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo! Cõi Diêm-phù-đề rất lớn, vùng biên địa phía Đông rộng đến hai nghìn do tuần, hai phía Tây và Bắc, mỗi một bên rộng hai nghìn do tuần, vùng biên địa phía Nam chỉ có ba do tuần, chu vi tất cả là sáu nghìn ba do tuần, hình thế của nó như bánh xe. Chúng sinh sinh trên đất này có khuôn mặt tự như địa hình. Cõi Diêm-phù-đề này có đủ núi và sông, ở giữa núi là sông, có các đất nước xen kẽ ở trong đó".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Cõi Tây-Cù-da-ni có hình thể dường như rất lớn.

Đức Phật bảo: "Này các Tỳ-kheo! Tây-Cù-da-ni rất lớn, rộng đến hai nghìn ba trăm ba mươi ba một phần ba do tuần, chu vi là bảy nghìn do tuần, địa hình tròn, có sông mà không có núi, ở giữa các sông lập các quốc thổ. Nhân dân ở đó giàu vui, không có trộm cắp, nhiều người hiền thiện trong đó.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Cõi Đông-Phất-tỳ-đề có địa hình dường như rất rộng lớn.

Phật bảo: "Này các Tỳ-kheo! Đông Phất-tỳ-đề rộng lớn, bề rộng hai nghìn hai trăm ba mươi ba một phần ba do tuần, chu vi là ba nghìn do tuần, địa thế hình tròn giống như trăng rằm, có nhiều núi đồi mà chỉ có một con sông, ở giữa các núi, an trí các nước. Nhân dân trong đó giàu vui, không có trộm cắp, các người hiền thiện đầy khắp trong các nước ấy. Tất cả các núi đều là vàng báu, rìu búa, cày cuốc và các khí vật khác đều là vàng thật. Có một con sông trong cõi đó tên là Tát-xà, sông ấy hai bên bờ đều rất đáng yêu. Có một Tịnh mạng tên là Tân-đầu-lô ở bên bờ sông làm Tăng-già-lam. Làm sao biết được các việc như vậy? Thuở xưa, ở nước Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo và một Sa-di đều có đủ thần thông. Họ từ nước Ba-la-nại đi xuống Đông-tỳ-đề. Lúc ấy Sa-di này lấy một viên đá muốn mài thành kim. Sa-di này liền cầm đá này trở về nước Ba-la-nại, an trí trong chùa, ngay trong đêm ấy viên đá phóng ánh sáng lớn.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo bảo Sa-di: "Người hãy đem đá này trở về lại nước kia".

Sa-di liền làm theo lời Tỳ-kheo, liền mang đá này ném xuống trong nước sâu của sông Ba-la-nại. Lúc ấy, dòng sông này tỏa ánh sáng lớn, tất cả cá, rùa, các loại dưới nước... đều hiện ra rõ ràng. Nhân dân trong nước ấy đều đua nhau đi đến xem, các đường lớn, đường nhỏ đều đầy khắp, không có lối đi, họ đều cho đó là Rồng hiện đại thần lực.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo cùng với Sa-di này lúc sáng sớm vào thành khất thực, thấy dân chúng nhiều vô số kể tụ tập bên sông, cửa thành tắc nghẽn, trở về khó được. Vị Tỳ-kheo mới hỏi Sa-di: "Ngươi đem viên đá trước kia ấy ném vào chỗ nào?" Sa-di đáp: "Thưa Đại Đức! Con ném viên đá này xuống dòng sông sâu".

Vị Tỳ-kheo bảo với Sa-di: "Ngươi hãy đem viên đá này trở về chỗ cũ của nó".

Lúc ấy, vị Sa-di liền theo lời thầy, ở trước mọi người, vào nước sông sâu mà lấy lại viên đá này, áo y không ướt, bay lên hư không mà đi. Lúc mang về lại chỗ cũ, các Tỳ-kheo trở về nước kia số nhiều vô lượng và cùng nói lại như vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn mới vì các Tỳ-kheo mà giảng nói về nhân duyên này, cho nên mới biết được việc này.

Lúc ấy, Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Cõi nước Bắc Uất- đơn-việt dường như rất rộng lớn.

Phật bảo: "Này Tỳ-kheo! Cõi nước Bắc Uất-đơn-việt rất rộng lớn, phía Đông dài hai nghìn do tuần, phía Tây dài hai nghìn do tuần, phía Nam và phía Bắc cũng như vậy. Chu vi là tám nghìn do tuần, thành quách vây quanh làm bằng núi vàng, đất bằng hoàng kim, ngày đêm thường sáng tỏ.

Cõi Uất-đơn-việt này có bốn loại đức:

Một là bằng phẳng,

Hai là yên lắng,

Ba là trong sạch,

Bốn là không có gai nhọn.

Bằng phẳng nghĩa là trong quốc độ kia không có hầm hố, không có hang vực, không có chỗ tù đọng, không có chỗ cao, không có chỗ thấp, không có bùn lầy cho nên gọi là bằng phẳng. Yên lắng nghĩa là trong quốc độ ấy không có sư tử, hổ báo, gấu, độc xà, ong, bọ cạp có thể hại đến người, cho nên gọi là yên lắng. Trong sạch nghĩa là dưới mặt nước ấy không có tử thi, rắn chết, chó chết, và các vật bất tịnh. Nếu nhân dân ở đó lúc đại tiểu tiện thì đất nứt ra và nhận lấy, nhận rồi trở lại như cũ nên gọi là trong sạch. Nước ấy không có gai nhọn, nghĩa là trong quốc độ ấy không có cây, có gai nhọn đâm ra, không có cây có mùi hôi nên gọi là không có gai nhọn. Trong đó có cỏ tên là Xa-tỳ, sắc của nó màu tím thẫm, hình dạng thật đáng yêu, như cổ con chim khổng tước, lúc chạm vào rất mềm mại, như áo Ca-chân-lân. Ca-chân-lân là áo không hề nhiễm bẩn, mùa hạ thì mát, mùa đông

thì ấm; lại như áo A-thời-na đốt không hề cháy. Cỏ này chạm tay vào rất mềm mịn cũng như vậy. Cỏ Xa-tỳ này che khắp mặt đất cõi này, bốn mùa không héo, dài chỉ bốn thốn. Các con sông của đất nước ấy có nước tám công đức, hai bờ sông và đáy đều trải cát vàng thật, nước ấy thường chảy, không hề tăng giảm, bờ đê bằng vàng kiên cố, không bao giờ lay đổ.

Đức Phật thuyết như vậy.

Lúc ấy, Phật bảo: "Này Tỳ-kheo! Chỗ trú của chim Ca-lâu-la là bốn châu. giữa hai châu là Đông Phất-tỳ-đề và Nam Diêm-phù-đề có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Nam Diêm-phù-đề và Tây Cù-da-ni có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Tây Cù-da-ni và Bắc Uất-đơn-việt có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Bắc Uất-đơn-việt và Đông Phất-tỳ-đề có châu Ca-lâu-la là châu của chim. Châu này có chu vi một nghìn do tuần, có hình tròn, tất cả chim đều bay đậu trong rừng sâu. Chim Ca- lâu-la trú ở trong rừng, dưới nước của bên ngoài châu đều là trú xứ của loài rồng, rồng ở nơi đất này, giống như các loài chim kia tụ tập đến chờ ăn uống, đói thì bắt lấy rồng ăn. Chim Ca-lâu-la có tất cả bốn loại: một là hoá sinh, hai là thấp sinh, ba là noãn sinh, bốn là thai sinh. Tất cả các loài rồng cũng đều có bốn loại sinh ấy. Ca-lâu-la hoá sinh có thể ăn bốn loại rồng; Ca-lâu-la thấp sinh có thể ăn ba loại, trừ rồng hóa sinh ra, Ca- lâu-la noãn sinh có thể ăn hai loại sau; Ca-lâu-la thai sinh ăn một loại rồng sau cùng. Lúc chim này khi muốn ăn, hai cánh rẽ nước, nước rẻ ra hai bên cách nhau đến năm mươi do tuần, bắt lấy rồng rồi trở về trên cây mà ăn, thức ăn còn lại của chim giống như xương voi, ngổn ngang ở trên đất, cho nên ở bốn châu thường có mùi hôi. Ở giữa hai châu: Đông Phất-tỳ-đề và Nam Diêm-phù-đề là châu của chim Ca-lâu-la trú. Trong đó có cây tên là Khúc thâm phù-lưu, rễ, cành, nhánh, tán đều có đầy đủ, hình dáng rất đáng yêu. Lá của cây này dày đặc, lâu ngày chẳng úa, gió mưa không thể xâm tổn, như vòng hoa và bông tai các báu trang sức tinh xảo ở đời; cũng như dù lọng trên dưới che nhau. Hình dáng cây này cũng lại như vậy, cao một trăm do tuần, dưới gốc to đến năm mươi do tuần, mỗi phương đều có cành lá, cành lá phân bố rộng khắp bốn phương đến một trăm do tuần. Gốc cây này đến năm do tuần, chu vi mười lăm do tuần. Ca-lâu-la vương tên là Tỳ-na-đề-da ở trên cây này. Còn Đại Long vương tên là Ma-na-tư lúc muốn vui đùa cùng với Điểu vương thì bay lượn ra, lúc ấy Điểu vương bắt lấy rồng này, đặt lên cành cây, nhưng giống Long vương này vốn rất to, lại còn biến hoá, có thể khiến cho thân dài hơn nữa. Điểu vương bắt rồng về cây như vậy, thân rồng tùy theo đó mà dài ra, đầy khắp cả cây này. Thân rồng tuần tự như vậy mà chiếm hết cả cây, vì rồng này nặng nên cây bị gãy đổ. Lúc Điểu vương biết được việc này mới thả

rồng ra và suy nghĩ: "Rồng Ma-la-tư này làm hỏng chỗ ở của ta". Lúc ấy Điểu vương Tỳ-na-đề-da sinh lòng hối hận, lui về một chỗ khác, im lặng buồn rầu, còn rồng Ma-na-tư này mới có thể chứng tỏ mình. Lúc ấy Long vương lại biến làm đồng tử cõi trời, dùng kim bảo cõi trời trang nghiêm hai tay, đội mão trời, đeo bông tai bằng các báu, anh lạc trang sức thân mình để đi đến chỗ Điểu vương mà nói như vậy: "Ngươi gặp việc gì mà buồn rầu, khổ não, im lặng một mình, sinh lòng bất an vậy".

Điểu vương đáp: "Nay ta bị sự biến đổi, bị rồng Ma-na-tư làm hỏng chỗ ở của ta". Đồng Tử đáp: "Này bạn lành! Nếu ông càng bắt rồng làm thức ăn thì không những tổn hại đến chỗ ở của ông mà còn mãi hại đến rồng khác, làm mất quyến thuộc. Khổ ấy thì sao? Nếu ông càng bắt rồng thì trú xứ nhất định sẽ không được an lập. Lúc đó, Long vương và Điểu vương cùng đứng thề nguyền: không làm tổn hại nhau nữa, mãi mãi là bạn lành. Vì nhân duyên này nên gọi cây này là Khúc-thâm-phù-lưu. Bốn thiên hạ này có bốn điểu châu có diện tích rất rộng cho nên nay nói mỗi một châu của nó có tám châu vây quanh: Ngưu châu, Dương châu, Lăng tử châu, Bảo châu, Thần châu, Hầu châu, Tượng châu, Nữ châu. Ngoài ra còn có bảy châu cũng là như vậy. Nghĩa này Đức Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

Phẩm 7: SỐ LƯỢNG

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Phú-lâu-na: Này Tỳ-kheo! Đất thế giới này có hình tròn, như mâm đèn lồng, như bánh xe của thợ gốm. Đất của thế giới này cũng như vậy, giống như duyên với bên mâm đèn mà hưng khởi, núi Thiết Vi cũng như vậy. Ví như ở trong khay đèn, ở giữa vút cao lên, ở trong thế giới ấy có núi Tu Di cũng như vậy. Núi Tu Di này do bảy báu làm thành, hình và sắc đáng yêu, bốn góc ngay thẳng, ví như ông thợ giỏi khéo dùng mực thước để làm thành trụ gỗ, hình thù của nó vuông, thẳng. Núi Tu Di nầy cũng như vậy, nửa hình của nó soi trong nước tám vạn do tuần, nửa hình trên mặt nước cũng tám vạn do tuần. Bốn bên của núi này, mỗi bên là tám vạn do tuần, chu vi là ba mươi hai vạn do tuần. Trong đó biển lớn là to nhất, tên gọi là Tu Di hải, sâu tám vạn do tuần, rộng bốn vạn do tuần, một bên dài mười sáu vạn do tuần, chu vi sáu mươi tư vạn do tuần. Ngoài biển có núi, núi ấy tên là Do-càn-đà. Núi này dưới mặt nước bốn vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, cũng rộng bốn vạn do tuần, mỗi một bên của núi này dài hai mươi bốn vạn do tuần, chu vi chín mươi sáu vạn do tuần. Biển ở ngoài khu vực nầy cũng gọi là Do-càn-đà, sâu bốn vạn do tuần, rộng cũng như vậy, một bên dài ba mươi hai vạn do tuần, chu vi hai mươi tám vạn do

tuần. Ngoài biển có núi tên là Y-sai-đà, dưới mặt nước hai vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài ba mươi sáu vạn do tuần, chu vi một trăm bốn mươi vạn do tuần. Ngoài núi có biển cũng tên là Y-sai-đà, sâu hai vạn do tuần, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi vạn do tuần, chu vi một trăm sáu mươi vạn do tuần. Ngoài biển có núi tên là Ha-la-trí, dưới mặt nước một vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi bốn vạn do tuần, chu vi một trăm bảy mươi sáu do tuần. Ngoài núi có biển tên là Ha-la-trí, sâu một vạn do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi sáu vạn do tuần, chu vi một trăm tám mươi bốn vạn do tuần. Ngoài biển này cũng có núi cùng tên là Tu-đằng-sa, dưới mặt nước năm nghìn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi bảy vạn do tuần, chu vi là một trăm tám mươi tám vạn do tuần. Ngoài núi có biển tên là Tu-đằng-sa, sâu năm nghìn do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi tám vạn do tuần, chu vi một trăm chín mươi hai vạn do tuần. Ngoài biển cũng có núi tên là A-sa-thiên-na, dưới mặt nước là hai nghìn năm trăm do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi tám vạn năm nghìn do tuần, chu vi một trăm chín mươi vạn do tuần. Ngoài núi lại có biển cũng tên là A-sa-thiên-na, sâu hai nghìn năm trăm do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn do tuần, chu vi một trăm chín mươi sáu vạn do tuần. Ngoài biển cũng có núi tên là Tỳ-na-đa, dưới mặt nước là một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn hai nghìn năm trăm do tuần, chu vi một trăm chín mươi bảy vạn do tuần. Ngoài biển cũng có núi tên là Tỳ-na-đa, dưới mặt nước là một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn hai nghìn năm trăm do tuần, chu vi là một trăm chín mươi bảy vạn do tuần. Ngoài núi có biển cũng tên là Tỳ-na-đa, sâu một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn năm nghìn do tuần, chu vi là một trăm chín mươi tám vạn do tuần. Ngoài biển có núi tên là Ni-dân-đà, dưới mặt nước là sáu trăm hai mươi lăm do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn sáu nghìn hai trăm năm mươi do tuần, chu vi là một trăm chín mươi tám vạn năm nghìn do tuần. Ngoài núi ấy cũng có biển tên là Ni-dân-đà, sâu sáu trăm hai mươi lăm do tuần, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn bảy nghìn năm trăm do tuần, chu vi là một trăm chín mươi chín vạn do tuần. Ngoài biển mặn cũng có núi tên là Thiết-vi, dưới mặt nước ba trăm mười hai do tuần rưỡi (312, 5), trên mặt nước cũng vậy,

rộng cũng như vậy, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Từ lãnh địa núi Ni-dân-đà đến lãnh địa núi Thiết-vi là ba ức sáu vạn ba nghìn hai trăm tám mươi tám do tuần. Từ mé biển Ni dân đà đến mé núi Ni-dân-đà là ba ức sáu vạn hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ cõi Nam Diêm-phù-đề đến núi Thiết vi là ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ trung ương cõi Diêm-Phù-Đề đến trung ương Tây Cù-da-ni là ba ức sáu vạn sáu nghìn do tuần. Từ phía Bắc cõi Nam Diêm-phù-đề đến phía Bắc cõi Bắc Uất-đơn-việt là bốn ức bảy vạn bảy nghìn năm trăm do tuần. Từ cực Tây vùng nước của núi Thiết vi này đến vùng nước của núi Thiết Vi kia phải vượt qua mười hai ức hai nghìn tám trăm hai mươi lăm do tuần. Vùng nước của núi Thiết vi có chu vi bốn mươi sáu ức tám nghìn bốn trăm bảy mươi lăm do tuần. Từ bên đỉnh núi Tu Di này đến bên đỉnh núi Tu Di kia là mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ trung ương của núi Tu Di này đến trung ương của núi Tu Di kia là mười hai ức tám vạn ba nghìn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ gốc của núi Tu Di này đến gốc của núi Tu Di kia là mười hai ức ba nghìn lẻ mười lăm do tuần. Nghĩa như vậy là đức Thế Tôn tuyên dạy, tôi đã nghe như vậy,

Phẩm 8: TRÚ XỨ CÕI TRỜI

Phật bảo Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo! Núi Tu Di vương này đều có bốn bên Đông, Tây, Nam, Bắc. Phía Đông của núi ấy làm bằng chân kim, phía Tây làm bằng bạch ngân, phía Bắc làm bằng lưu ly, phía Nam bằng pha lê, tất cả các bên ấy đều do các báu làm thành. Núi Tu Di này có đầy đủ bảy tính, ở trung ương trên cùng của đỉnh núi là bằng phẳng, chỗ đẹp nhất là Đại thành Thiện kiến của cung trời Đao lợi, có chu vi là mười nghìn do tuần, thành vây quanh làm toàn bằng vàng, cao một do tuần, bức tường thấp trên thành cao nửa do tuần, cửa cao hai do tuần, bên ngoài có cửa kép cao một do tuần rưỡi, trong mỗi một do tuần có một cửa. Bốn mặt của thành là một nghìn cửa lầu, các cửa thành này làm bằng các báu và vô số Ma-ni dùng để trang sức, ví như đất phía Bắc tuyệt đẹp, mềm mịn; tất cả cõi nhân, phi nhân... rồng, thú, cây, cỏ và các loài hoa, không gì mà không có, cũng như sự trang nghiêm bằng các báu lộng lẫy đầy đủ. Các cửa thành này cũng như vậy, hoặc có tất cả các tướng chúng sinh, vô số cây cỏ và các loài hoa cùng trang nghiêm ở ngoài. Hai bên cửa thành này được trang nghiêm bằng tượng quân, trang nghiêm bằng mã quân, trang nghiêm bằng xa quân. Trú trong thành này là các Thiên tử cầm tích trượng đứng trang nghiêm, tụ tập trong ấy để bảo vệ đất nước, để nhìn ngắm, để trang nghiêm. Bốn bên ở

ngoài thành là hàng tường rào bảy lớp bằng châu báu vây quanh: lớp trong cùng làm bằng chân kim, lớp tiếp làm bằng bạch ngân, lớp thứ ba bằng lưu ly, lớp bốn bằng cành pha lê, ba lớp ngoài cùng làm bằng các báu. Bên ngoài bảy lớp này là cây Đa-la có bảy lớp vây quanh: lớp cây trong cùng có gốc bằng chân kim, lớp tiếp là bạch ngân, lớp ba bằng lưu ly, lớp bốn bằng pha lê, ba lớp ngoài cùng có gốc bằng các báu. Cây Đa-la chân kim là có bạch ngân, lưu ly, pha lê, các báu làm hoa và lá, quả cũng như vậy. Cây Đa-la bằng bạc có hoàng kim, lưu ly, cành pha lê báu làm hoa và lá, quả cũng như vậy. Cây Đa-la lưu ly có vàng, bạc, pha lê làm hoa, quả và lá. Cây Đa-la pha lê có vàng, bạc, lưu ly làm hoa, quả và lá. Hoa, lá và quả của ba lớp ngoài cùng đều làm bằng các báu. Cây Đa-la này lúc gió nhẹ thổi, cây lay động phát ra âm thanh tuyệt diệu, có thể làm cho chúng sinh khởi năm triền phược:

Một là sinh khởi ái,

Hai là khởi ràng buộc,

Ba là khởi mê loạn,

Bốn là sinh chấp trước,

Năm là không lìa chán.

Như năm phần âm thanh, như năm âm cùng phối tấu của nhạc sư tinh diệu có thể làm khởi năm loại dục tâm của chúng sinh, âm thanh của cây này cũng như vậy. Ở giữa bảy lớp cây ấy, mỗi nơi đều có ao hoa các báu, chiều dài rộng một trăm cung (tên) cõi trời, thiên thủy tràn đầy, bốn báu làm thềm bực, cấu trúc cảnh quan, thành quánh, bờ đáy đều làm bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn bên của ao ấy có đường và bực thềm cũng được làm bằng gạch bốn báu. Trong mỗi một ao có vô lượng hoa, do năm báu làm thành là: vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha, ha-lê-đa. Trong các ao này có thuyền bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê trôi bồng bềnh trong đó; lại có đủ tám loại thủy hý: một là nhảy vào thủy lâu, hai là dùng nước bảy báu nhuần đượm rưới lên thân, ba là dùng vật chặn nước để tạo ra âm nhạc, bốn là dùng nước bắn tung tóe để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là dây tơ tự quấn quanh và đong đưa. Trong đó Chư Thiên nam, nữ chèo thuyền du hý, lúc ấy thuyền báu tùy theo ý muốn mà nhanh hay chậm. Chư Thiên nam, nữ nếu có khởi ý: mong muốn đến ở chỗ đó, thì thuyền đến chỗ đó. Chư Thiên này nếu có tác ý: "Ta muốn đến chỗ hoa kia hái hoa, thì quả báo trong đó liền tự đến, tự nhiên gió nổi lên thổi các danh hoa, biến khắp Chư Thiên, lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm thân và đầu, hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc

làm thủ ấn, cho đến dây thắt lưng, hoặc làm kiềng đeo chân. Bốn bên của bờ ao có năm loại cây báu: một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha-lê-kha, năm là A-lê-đa hàng giữa cây ấy có cung điện các báu do năm báu làm thành. Các Chư Thiên nam nữ ở trong đó, bên ngoài thành ấy có rất nhiều Chư Thiên đầy khắp quốc độ. Bên ngoài cây Đa-la có ba lớp hào báu, mỗi một hào ấy rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, phía dưới rộng hơn trên, có chỗ như miệng cái bầu. Ở trong hào ấy, thiên thủy chứa đầy, cũng có dùng gạch bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, và pha-lê-kha làm thành. Bốn bên của hào ấy cũng dùng gạch bốn báu để làm đường và thêm bực. Trong mỗi một hào lại có vô lượng các hoa bốn báu, có thuyền bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, bồng bềnh trong đó. Lại có tám loại khí cụ thủy hý (vui chơi trong nước): một là nhảy vào thủy lâu, hai là dùng nước bảy báu rưới lên (thân): ba là dùng vật chặn nước để tạo âm nhạc, bốn là dùng nước bắn tung toé để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là dây tơ tự quấn quanh và đong đưa. Chư Thiên nam nữ trong đó chèo thuyền vui chơi, các thuyền báu này tùy theo ý muốn mà đi nhanh hay chậm. Chư Thiên này nếu khởi ý: "Muốn đến chỗ kia", thì thuyền liền đến chỗ kia. Chư Thiên này nếu khởi ý: "Ta muốn hái hoa kia hãy đến chỗ ta". Thì do quả báo tự nhiên trong đó hoa liền tự đến, gió nổi lên thổi các danh hoa đầy khắp Chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm thân và đầu, hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc làm thủ ấn, dây thắt lưng và kiềng đeo chân cũng như vậy. Ở giữa hào có cung điện các báu, là chỗ trú của các thể nữ cõi trời. Ở trong các cung đường ấy có đặt các chậu báu, trong mỗi chậu có trồng hoa cỏ có năm màu sắc khác nhau, mỗi đều có hàng lối thẳng tắp. Ngoài ba lớp hào ấy có cây bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, sắc báu liên hoa, luy thạch (đá quý), kha-lê-đa... vây quanh. Trong rừng cây này khắp nơi đều có ao sen bảy báu, thiên thủy chứa đầy, cho đến du hý thuyền báu và các cung điện. Chỗ ở của nam nữ Thiên chúng có rất nhiều và Chư Thiên đầy khắp quốc độ cũng nói như trên. Lúc này, ngoài hào, các cây bảy báu nở ra hoa bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê cho đến kha-lê-đa... Trong rừng cây này, các Thiên nữ... tấu nhạc hát ca, vô lượng Thiên tử từ Đại thành đi ra vào rừng thưởng thức. Trong thành ấy, các Thiên tử tấu nhạc hát ca, các Thiên nữ bên ngoài cũng đi vào thành thưởng thức, nhân thế đến đi vui chơi rất thuận tiện. Thành vàng ở trung ương là một phần tư của Đại thành, đây là trú xứ của Đế Thích, Mỗi mười do tuần có một cửa, bốn mặt có bốn trăm chín mươi chín cửa, lại có một cửa nhỏ nữa, tất cả là năm trăm cửa. Hình dáng thành này cũng được vô số vật trang nghiêm: bảo vệ bằng bốn binh, tường rào, hào, cây,

ao, rừng, cung điện, tấu nhạc hát ca và các chỗ vui chơi bên ngoài như đã nói ở trước. Ở giữa thành này là chỗ trú của Thích Đề Hoàn Nhân, có trùng các lầu báu tên là Bì Thiền Diên Đa, dài năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần, chu vi một nghìn năm trăm do tuần, trụ cao chín do tuần, do bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, bốn loại gạch báu dùng làm nền trụ. Bốn phương của lầu ấy có bốn đường thềm bực, tất cả các vạch đều do bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, có ba tầng vỏ bọc duy trì bao quanh, tầng một là chân kim, tầng hai là bạch ngân, tầng ba là lưu ly. Mỗi một tầng ấy có ba lớp linh báu, gió nhẹ thổi đến lay động xuất ra âm thanh vi diệu, ví như năm phần âm nhạc, như đã nói ở trước. Âm thanh của cây Đa-la làm cho chúng sinh khởi năm dục trói buộc. Bốn bên của trùng các ấy có lầu báu để trấn thủ, phía Đông có hai mươi sáu, ba mặt còn lại, mỗi mặt có hai mươi lăm, tất cả là một trăm lẻ một chỗ. Mỗi một chỗ trấn thủ ấy có hình vuông, mỗi bề hai do tuần, chu vi tám do tuần, trên chỗ ấy lại có lầu báu cao nửa do tuần, dùng để nhìn xa. Mỗi một chỗ trấn thủ ấy có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ có bảy thể nữ. Ở trong lâu các có bảy vạn bảy trăm phòng nhà, trong mỗi một phòng có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ cũng có bảy Thể nữ. Thiên nữ ấy là chánh phi của trời Đế Thích. Ngoài chỗ trấn thủ và trong các phòng ốc, có tất cả bốn ức chín vạn bốn nghìn chín trăm chánh phi, ba mươi bốn ức sáu vạn bốn nghìn ba trăm Thể nữ phi và Thể nữ, cộng tất cả là ba mươi chín ức năm vạn chín nghìn hai trăm. Ở vị trí trung ương phía trên cùng của trùng các Bì-thiền-diên-đa là nhà tròn rộng ba mươi do tuần, chu vi là chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần. Chỗ trú của Thích Đề Hoàn Nhơn đều do lưu ly làm thành, đất ở đó đều mềm mịn, các báu lấp đầy, ví như đất phía Bắc màu mỡ, mềm mịn như thảm; nhân, phi nhân, rồng thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà chẳng có đủ, cũng trang sức bằng các báu lộng lẫy, tròn đầy. Chỗ trú của Đế Thích cũng như vậy đều do lưu ly tạo thành, trang sức bằng các báu. Đất ở đó mềm mịn, chỗ nào chân dẫm vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ như thảm bông mịn và bông Đâu-la. Trú xứ Đế Thích cũng lại như vậy, dẫm chân vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, các hoa rãi khắp, hương đốt thơm ngào ngạt, treo các áo trời và vòng hoa báu. Trú xứ như vậy là chỗ cùng trú của Thích Đề Hoàn Nhơn và Xá-chỉ-nữ A-tu-la; Hóa thân của Đế Thích và các phi cùng ở, tất cả các phi đều khởi suy nghĩ: "Đế Thích cùng ở với ta, chân thân Đế Thích cùng ở với Xá Chỉ". Bốn bên trú xứ trong thành này có đường lớn, đường nhỏ, phố xá đều rất hài hòa, ngăn nắp. Thành của chư Thiên này, hoặc có trú xứ bốn nhà liền nhau, hoặc có trú xứ nhà nhọn nhiều tầng, hoặc có trú

xứ lầu cao nhiều tầng, hoặc có trú xứ đài quán vút trời, hoặc có trú xứ bốn bên là để trấn thủ, tùy theo phước đức của mỗi chỗ mà các báu tạo thành, bằng phẳng đoan nghiêm. Đường trong thành cõi trời này có đến năm trăm đường, tứ phía thông nhau, đường ngang dọc ngay hàng thẳng lối, như đường cỏ xanh tươi, bốn cửa thông nhau, Đông Tây thấy nhau, đường xá phố chợ có hàng báu đầy khắp: Thứ nhất là chợ gạo, thứ hai là chợ áo quần, thứ ba là chợ các hương, thứ tư là chợ ẩm thực, thứ năm là chợ hoa, thứ sáu là chợ khéo tay, thứ bảy là chợ mỹ nữ, khắp nơi đều có chợ quán. Trong các chợ này, Thiên tử và Thiên nữ tới lui mua bán, thương lượng đắt, rẽ, cầu xin tăng giảm, cân đong tính lường, đủ các pháp của phố chợ. Tuy làm việc này, nhưng để vui chơi, không giữ, không cho, không tâm ngã sở. Nếu nhu cầu cần lấy thứ gì thì liền có thể lấy đi, nếu tương ưng với nghề nghiệp thì tùy ý mà lấy, nếu không tương hợp với nghề nghiệp thì liền có lời nói như vậy: "Vật này quý lạ, chẳng phải là vật ta cần đến". Chỗ ngã tư đường được trang nghiêm bằng voi, ngựa, xe, binh và các Thiên tử dừng nghỉ ở trong ấy, hoặc để bảo vệ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm. Đường ở giữa chợ đều làm bằng lưu ly, mịn láng đáng yêu, các báu trang nghiêm, như thảm trải nền mịn màng tuyệt diệu ở đất Bắc; rồng thú, cỏ cây đều nói như trước, cho đến đốt hương, rãi hoa, treo các thiên y cũng là như vậy, lại có cờ phướn dựng khắp nơi. Trong Đại thành cõi trời có các âm thanh thường không đoạn dứt: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng con ốc, âm thanh Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trừng-già, tiếng Hồ- gia (dùng lá lau vấn lại để thổi, nhạc khí người Hồ), tiếng âm nhạc. Lại có âm thanh nói: "Thiện lai, Thiện lai, nay tôi xin cúng dường thức ăn, thức uống". Đại thành Thiện Kiến này là trú xứ của Đế Thích, lại có Thiên châu, Thiên quận, Thiên huyện, Thiên thôn, diện tích chiếm khắp cả trên núi Tu Di. Đại thành Thiện Kiến này ở hai góc Tây và Bắc của nó từ cửa ra khỏi thành cách hai mươi do tuần. Chư thiên Đao Lợi có Thiện Pháp Đường dài ba mươi do tuần, chu vi chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần, đều do lưu ly làm thành, đất rất mềm mịn, các báu xen lẫn đầy khắp, ví như thảm trải nền mềm mịn ở đất Bắc; nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà không có, cũng như ngọc châu đeo tai, các báu trang nghiêm trọn đủ đầy khắp. Diệu đường Thiện Pháp cũng lại như vậy, mềm nhẵn đáng yêu, dẫm chân vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, vô số sự trang nghiêm đã nói đầy đủ như trước. Diệu đường này có ba lớp thành bảo vệ bao bọc xung quanh: một là do chân kim tạo thành, hai là bạch ngân, ba là lưu ly. Mỗi một tầng ấy có ba lớp linh chuông báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh như năm phần âm nhạc, như đã nói ở trước. Âm thanh của cây

Đa-la có thể làm cho chúng sinh khởi năm dục trói buộc. Chính giữa của Đường này có các trụ lớn bằng các báu sừng sững trên diệu đường, trên cùng của trụ ấy có bọc một lớp vàng lấm chấm như sương, hình cái khay và vô số vật trang nghiêm đều có đủ. Trụ lớn ở chính giữa chu vi một do tuần, đường kính một phần ba do tuần. Một rui (vuông và tròn) có mười sáu trụ, mỗi một trụ lại có mười sáu trụ vây quanh, mỗi một rui là chỗ chống giữ của hai trăm bảy mươi hai trụ. Phân các rui ấy làm ba phần, mỗi phần có bốn nghìn năm mươi hai vòng, ba phần là một vạn hai nghìn một trăm năm mươi sáu rui, tất cả đều có ba mươi hai ức sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai trụ. Trụ này từ dưới đất lên đến gần rui khoảng chừng một phát (một nghìn tấc). Vì nghĩa này nên Thiện Pháp đường này ở giữa không trung, không thể rõ biết, cửa bốn hướng của Pháp đường: một là chánh Đông, hai là chánh Tây, ba là chánh Nam, bốn là chánh Bắc. Ngoài Thiện pháp đường này, khắp nơi đều có hồ đại báu, nước trời chứa đầy; nhà cửa, thành quách, đáy bờ đều được làm bằng gạch bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, bốn bên của hồ ấy cũng dùng gạch báu làm đường, thềm bậc. Trong mỗi một hồ có vô lượng hoa do năm báu: vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha, kha- lê-đa làm thành. Trong các hồ này có thuyền bốn báu bồng bềnh trong đó, lại có đủ tám loại khí cụ thủy hý: một là nhảy vào lầu nước, hai là dùng nước bảy báu nhuần đượm rưới lên thân, ba là dùng khí cụ chặn nước để tạo ra âm nhạc, bốn là lấy nước bắn tung tóe để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là lầu dây tơ tự quấn quanh và đong đưa, trong đó chư Thiên nam, nữ chèo thuyền du hý. Lúc ấy thuyền báu tùy theo ý muốn mà nhanh hay chậm. Các hoa trong hư không tự nhiên tụ đến trang nghiêm thân trời, cho đến có nhiều cung điện chư thiên thảy đều biến khắp cũng là như vậy. Ngoài Thiện Pháp Đường này có vườn rừng lớn, có thành vàng vây quanh, chu vi một nghìn do tuần. Cửa thành này cao hai do tuần, thành thấp ở trên cao nửa do tuần. Cửa thành này cao hai do tuần, rộng mười hai do tuần. Mỗi một cửa có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ. Các cửa này do các báu làm thành, trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như đất Bắc mềm mịn, tốt tuyệt đẹp như thảm, vô số vật khắc chạm trang sức. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ như đã nói trên. Bảy lớp hàng rào bằng cây báu ở ngoài cũng nói như trên. Bảy lớp rừng cây Đa-la vây quanh cũng nói như trên. Chính giữa cây ấy có các hồ báu có vô số vật trang nghiêm cũng nói như trên. Năm loại hoa báu cũng nói như trên và thuyền bốn báu cũng nói như trên; bờ của hồ và năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn trú là chỗ trú của chư Thiên nam nữ. Bên ngoài thành có ba lớp hào báu cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do tuần,

sâu một do tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy cũng nói như trên. Giữa hào này có các thể nữ, cung điện bày khắp. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy, trong rừng phía ngoài, tất cả các hoa nở rộ tươi đẹp, các Thiên nữ ca tấu âm nhạc. Lúc ấy, các Thiên tử từ ngoài pháp đường đi vào trong vườn này cùng lắng nghe và ngắm nhìn. Thiên tử trong đó lúc tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ Thiện pháp đường đi ra vườn lắng nghe và nhìn ngắm. Vì vậy mà chư Thiên nam, nữ thường thọ vui đùa. Từ cửa phía Tây Bắc Đại thành ấy đến cửa Thiện pháp đường cách hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, đất ở đó bằng láng và do lưu ly làm thành, mềm mịn đáng yêu, các báu trang nghiêm, giống như đất Bắc tuyệt đẹp mềm mịn như thảm; nhân và phi nhân, voi, ngựa, hoa, cây, nhiều loại đầy đủ, lại như vòng đeo tai do các báu hợp thành. Đường đi ở đó cũng vậy, chân dẫm lên liền in dấu, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la và bông làm bằng cây, đường ấy mềm mịn cũng lại như vậy. Có ba loại thành bảo vệ bao bọc xung quanh rất trang nghiêm, mỗi một lớp đều do bốn báu tạo thành, mỗi một lớp ấy đều có ba tầng linh báu vây quanh, mỗi một linh báu đều do bốn báu tạo thành, gió nhẹ thổi động, phát ra âm thanh có thể làm cho Chư thiên khởi lên năm dục ràng buộc. Hai bên đường này có hai con sông tên là Trường Hình, dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều do gạch bốn báu kiến tạo cảnh quan, ngoài ra cũng đều nói như trên. Bốn bên sông ấy đều có đường và bậc thềm bốn báu cũng nói như trên. Trong sông này cũng có hoa năm báu, cũng nói như trên. Có thuyền bốn báu bồng bềnh trong đó, đủ tám khí cụ trò chơi nước, chèo thuyền du hý, nhanh chậm tùy theo ý muốn đều nói như trên. Chư thiên trong đó nếu cần hoa nào thì liền tùy theo ý hoa ấy sẽ đến. Nhờ quả báo thiện nên mưa xuống các hoa báu rãi khắp chư thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần của các phần thân Chư thiên mà trang nghiêm: thân, tay, đầu, chân tự nhiên được tùy ý mang vòng hoa vào. Phía ngoài hai bờ sông có cây năm loại báu, khắp nơi thẳng tắp cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có các hồ báu và cung điện báu, chư thiên nam nữ trú ở trong đó, vô lượng và vô số nhiều khắp, lúc ấy chư thiên Đao Lợi muốn vào vườn này. Thiện Pháp đường ấy có ngọn gió tên là Hợp Tụ, vì có thể tụ hội nên có thể thổi hoa khiến cho ra ngoài, đất ở đó sạch sẽ, lại không có hoa héo. Lại có ngọn gió khác tên là Thế Đao thổi vào khu vườn rừng phía ngoài và hái các hoa tươi ở ao hồ, hoa có các màu là xanh, vàng, đỏ, trắng. Hái hoa xong rồi, lúc đó gió Hợp Tụ tụ hợp các hoa này vào trong Thiện Pháp đường, bày khắp trên đất chỗ ấy và tạo ra các hình tượng, hoặc

hiện ra hình cây tích trượng vàng bạc, hoặc hiện ra hình hoa sen, hoặc hiện ra hình tấm thảm, hoặc hình con dê sữa, hoặc hình sư tử hý, hoặc hiện hình tượng: voi, ngựa, xe, bộ binh... , hoặc hiện ra hình các thú vật: nai... hoặc hiện ra Long mã Ca-lâu. Theo thứ tự này mà hiện vòng khắp đất Thiện Pháp đường, hoa dày đến gối, trang nghiêm đầy đủ. Lúc ấy chư thiên vây quanh Đế Thích, lấy sự cung kính làm đầu, vào trong vườn này. Hai bên trụ trong cùng của Thiện Pháp Đường có tòa sư tử, Thích Đề Hoàn Nhơn ngồi trên tòa này, hai bên tả hữu mỗi một bên có mười sáu Thiên Vương ngồi thành hàng. Ngoài ra Chư thiên khác tùy theo phẩm vị cao thấp của mình mà ngồi tuần tự. Lúc ấy, Trời Đế Thích có hai thái tử: một người tên là Chiên Đàn một người tên là Tu-tỳ-la. Trời Đao Lợi này có hai đại tướng quân ở tại tầng trời Ba mươi ba, ngồi hai bên. Lúc ấy Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra người ngồi ở cửa Đông cùng các đại thần và quân chúng cung kính Chư thiên được vào trong ngồi. Thiên Vương Tỳ-lưu-lặc-xoa ngồi ở cửa phía Nam cùng với các đại thần và quân chúng cung kính chư thiên được ngồi vào trong. Thiên Vương Tỳ-lưu-bát-xoa ngồi ở cửa Tây cùng với các đại thần và quân chúng cung kính Chư thiên được ngồi vào trong. Thiên vương Tỳ sa môn ngồi ở cửa Bắc cùng với các đại thần và quân chúng cung kính chư thiên được ngồi vào trong. Tứ thiên Vương này ở trong Thiện Pháp đường tấu cho trời Đế Thích và Đao Lợi nghe về việc thiện, ác của thế gian.

Lúc ấy, Thế Tôn nói việc như vậy: "Này Tỳ-kheo! Ngày mồng tám mỗi tháng, Tứ Thiên Vương cùng với đại thần này đi khắp thế gian, tuần tự quán sát. Ở trong ngày này, hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà- la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà.

Này Tỳ kheo! Ngày mười bốn mỗi tháng Tứ Thiên Vương cùng Thái tử đi khắp thế gian tuần tự quán sát. Ở trong ngày này, hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều, hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều, hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều, hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà. Này Tỳ kheo! Ngày rằm mỗi tháng lúc ấy Tứ Thiên Vương tự một mình đi khắp thế gian, tuần tự quán sát. Ở trong ngày này hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều, hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều, hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều, hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà. Những ngày hắc bán (23, 29, 30) trong tháng cũng vậy.

Này Tỳ-kheo! Nếu lúc ấy không có nhiều người thọ trì tám giới, hoặc không có nhiều người tu hành bố thí, hoặc không có nhiều người tu hành phước đức, hoặc không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa- môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Này Tỳ-kheo! Lúc trời Đao Lợi ngồi ngay ngắn trên Thiện pháp đường thì Tứ Thiên Vương đến chỗ Pháp đường ấy thăm hỏi Đế Thích, và trình bày về các việc thế gian. Họ bạch rằng: "Bạch Thiện Tôn! Ở thế gian không có nhiều người thọ trì tám giới, không có nhiều người tu hành bố thí, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà". Lúc chư thiên Đao Lợi và Thích Đề Hoàn Nhơn nghe việc này rồi, sinh lòng buồn rầu và nói như vậy: "Việc này chẳng thiện, việc này chẳng như pháp". Nếu mọi người không thọ tám giới, không có nhiều người hành bố thí, không nhiều người tu hành phước hạnh, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì quyến thuộc chư thiên ngày càng ít dần, bè đảng Tu-la ngày càng tăng lên. Này Tỳ-kheo! Nếu có người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu phước đức, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì lúc đó Tứ Thiên Vương đến chỗ pháp đường thăm hỏi Đế Thích và nói về việc thế gian. Họ thưa rằng: "Bạch Thiện Tôn! Có rất nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phước hạnh, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà. Lúc Trời Đao Lợi nghe Tứ Thiên Vương nói liền sinh lòng hoan hỷ, nói như vậy: "Việc này quá tốt, việc này như pháp". Nếu có nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phước hạnh, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì quyến thuộc chư thiên ngày càng nhiều lên, bè đảng Tu-la ngày càng ít đi. Này Tỳ kheo! Lúc ấy, Thích Đề Hoàn Nhơn ngồi xuống chỗ của mình, chỗ ngồi của trời này ở ngay chính giữa, tùy theo tâm của trời mà khiến cho họ được hoan hỷ và nói kệ:

Mỗi tháng có các ngày:
Mồng tám và mười bốn,
Mười lăm và hai ba,
Hai chín và ba mươi.

Mười lăm ba thời chay, thọ trì tám phần giới, sữa tâm thâu nhiếp tĩnh, Hoặc thọ trì bố tát Người này tu bảy pháp Tương lai sẽ như ta.

Này Tỳ-kheo! Kệ của Thích Đề Hoàn Nhơn này là tà ca chứ chẳng phải là thiện-ca, là tà ngôn chứ chẳng phải thiện ngôn. Vì sao như vậy? Vì

Thích Đề Hoàn Nhơn này chưa giải thoát sinh, chưa giải thoát lão, chưa giải thoát tử, chưa giải thoát ưu, chưa giải thoát bi, chưa giải thoát khổ, chưa giải thoát não, chưa giải thoát ngũ ấm. Này Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo thành A-la-hán, diệt tận các lậu, tu đạo rốt ráo, chánh trí giải thoát, hết kiết sử các cõi, Tỳ-kheo như vậy nếu nói kệ này là nói thiện ngôn:

Mỗi tháng có các ngày:

Mồng tám và mười bốn,
Mười lăm và hai ba,
Hai chín và ba mươi.
Mười lăm chay ba thời
Thọ trì tám phần giới,
Sữa tâm thâu nhiếp tĩnh.
Hoặc thọ trì bố tát,
Người này tu bảy pháp
Tương lai sẽ như ta.

Này Tỳ-kheo! Kệ Tỳ-kheo này mới là thiện ca, chẳng phải tà-ca, mới là thiện ngôn, chẳng phải tà ngôn. Vì sao như vậy? Tỳ-kheo này đã giải thoát sinh, đã giải thoát lão, đã giải thoát tử, đã giải thoát ưu, đã giải thoát bi, đã giải thoát khổ, đã giải thoát não, đã giải thoát ngũ ấm, liền nói kệ rằng:

Tứ vương, đại thần này,
Mồng tám tuần thiên hạ.
Thái tử Tứ Thiên Vương,
Mười bốn xem thế gian.
Tốt nhất ngày mười lăm.
Tứ Vương thích tiếng thơm.
Nên tự hành thế gian,
Quán sát các thiện ác.
Lúc ấy Tứ Thiên Vương,
Lên chỗ Thiện pháp đường,
Nơi Chư thiên tụ hội,
Tấu trình các thiện, ác.
Ý người thế gian này,
Tương ưng với đạo pháp.
Thiện Tôn! Có nhiều người,
Hành thí thọ bố tát,
Theo chân thường tu thiện,
Nam, nữ thêm phước thiện.

Lúc ấy trời Đao Lợi,
Tin nhận rất hoan hỷ,
Luôn luôn sinh tùy hỷ,
Tứ Đại Vương khéo nói.
Vui quyến thuộc chư thiên,
Càng ngày càng nhiều thêm,
Mong bè đảng Tu-la
Càng ngày càng giảm đi
Tùy nhớ niệm Chánh giác
Thuyết Thánh chúng chánh pháp
Chư thiên trú an vui,
Tâm thường sinh hoan hỷ.
Quả thế, xuất thế gian
Nhân đạo có thể đắc.
Nếu nương Phật Pháp Tăng,
Trú nơi cảnh Tam Bảo.
Nay Ta sẽ vì các ngươi
Nói thiện đạo Tam hiền:
Nếu người cầu chân thật,
Bỏ ác tu hành thiện
Không ích lợi như trên,
Do ít thâu được nhiều.
Như các trời Đao Lợi
Hành ít thiện sinh Thiên.
Đế Thích cùng chư thiên
Tiếng thơm, đại phước đức
Tụ tập Thiện pháp đường
Cùng các trú xứ khác
Nam nữ hành thiện tốt
Nghe tứ vương tấu trình
Thanh tịnh, Trời yêu thích
Huân tập khắp chư thiên.

Các Thiên tử này có các hình sắc không đồng, y phục cũng khác, các báu trang nghiêm vô số khác biệt. Trong Thiện Pháp Đường, hoa báu bốn sắc, hoa và người sáng tỏa, chiếu nhau rực rỡ, ví như các báu đầy khắp trong nhà báu. Thiện pháp đường ấy đáng yêu như vậy. Vì sao cung đường này gọi là Thiện pháp? Vì trong đó chư thiên... . tụ tập, nhiều người khen ngợi Phật, khen ngợi Pháp, khen ngợi Tăng, phân biệt việc tà chánh thế

gian, tuyên nói vô số đạo xuất thế ở các nơi: Như vườn v.v... không đâu có những việc như vậy, nên gọi chốn này là thiện pháp. Việc này Đức Thế Tôn nói, tôi đã nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 3

Phẩm 9: VƯỜN HOAN HỶ

Phía ngoài cửa Bắc Đại thành Thiện kiến cách cõi trời Đao lợi có một vườn rừng lớn tên là Hoan Hỷ. Trong đó có hồ cũng tên là Hoan Hỷ, vuông một trăm do tuần, sâu cũng như vậy, nước trời tràn đầy, thành quách, đáy bờ làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên; bốn bên là thềm báu cũng nói như trên; năm loại hoa báu cũng nói như trên. Bốn loại thuyền báu và tám loại vui chơi, tùy theo ý muốn mà thuyền đi nhanh hay chậm. Trong đó, nếu chư thiên cần đến hoa nào thì tùy theo ý niệm mà hoa sẽ đến, nhờ quả báu thiện nên mưa các hoa báu, rãi khắp Chư thiên.

Lại có gió riêng thổi các vòng hoa, tùy theo chỗ cần mà trang nghiêm các phần: thân, tay, đầu, chân, tùy theo mỗi người mà tự nhiên được mang vào. Bờ của hồ này có năm loại cây báu khắp nơi thẳng tắp, ngoài ra cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy và cung điện các báu có chư thiên nam, nữ ở đầy khắp trong đó, đã nói đầy đủ như trên. Trong vườn có cây tên là Hoan Hỷ. Hoa của cây ấy tên là Mạn-đà-la, hình dạng của nó cỡ như bánh xe lớn, tướng mạo và màu sắc của nó như ánh lửa, hoa này có trọng lượng như hoa ở trong cõi người. Cây Hoan Hỷ chỉ có trong vườn này, còn chỗ khác đều không có. Chu vi vườn này là một nghìn do-tuần, đường kính là ba trăm ba mươi ba và một phần ba do-tuần, có thành vàng vây quanh, thành này cao một do-tuần, thành thấp ở trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, trong mười hai do-tuần có mỗi một cửa, có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ, tất cả là một trăm. Các cửa này do các báu làm thành, trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng bông tuyệt đẹp của đất Bắc, có vô số vật khắc chạm. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Bảy lớp rừng cây Đa-la cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu cách nhau một trăm cung (một cung là năm thước), vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Năm loại hoa báu cũng nói như trên, thuyền bốn báu cũng nói như trên. Năm loại cây báu ở bờ hồ cũng nói như

trên, cho đến cung điện bốn báu là chỗ trú của Chư thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu cũng nói như trên. Mỗi một hào ấy rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng hơn trên, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Ở giữa hào ấy có các cung điện thể nữ bày khắp. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy trong rừng phía ngoài, tất cả các hoa nở rộ tốt tươi. Lúc các Thiên nữ... tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ vườn Hoan Hỷ đi ra rừng lắng nghe và nhìn ngắm. Các Thiên tử ở trong rừng phía ngoài tấu ca âm nhạc, các Thiên nữ ở trong vườn cũng đi ra rừng lắng nghe. Thiên nữ ở trong vườn lại tấu âm nhạc, các Thiên tử bên ngoài đi vào vườn lắng nghe và ngắm nhìn. Thiên tử trong vườn cũng tấu âm nhạc, Thiên nữ ngoài vườn cũng đi vào vườn lắng nghe. Vì nguyên nhân này mà họ có nhiều sự vui chơi. Từ cửa Bắc Đại thành Thiện Kiến đến cửa Nam vườn Hoan Hỷ có đường ở giữa dài hai mươi do tuần, rộng mười do-tuần, đất làm bằng lưu ly, bằng phẳng mịn láng, các báu trang nghiêm, ví như thảm trải nền được dệt bằng lông tuyệt đẹp ở phía Bắc. Nhân, phi nhân, voi, chim, thú, cỏ cây, vô số các loại đều đầy đủ, cũng như các báu trang sức lộng lẫy hợp thành. Hình dạng đường ấy cũng như vậy, lúc chân dẫm vào thì in dấu, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu la, bông gỗ cây. Đường ấy êm láng lại cũng như vậy, có ba lớp thành bao bọc bảo vệ rất trang nghiêm, mỗi lớp thành do bốn báu làm thành, mỗi một lớp có ba tầng linh báu vây quanh. Mỗi một linh báu do bốn báu làm thành, lúc gió nhẹ thổi lay động, nó có thể phát ra âm thanh làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc. Hai bên con đường ấy có hai con sông tên là Trường Hình cũng dài hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều được kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trước. Bốn bên sông ấy có đường, bậc thềm bốn báu cũng nói như trước. Trong sông này có năm loại hoa báu cũng nói như trước; có bốn loại thuyền báu bồng bềnh trong đó; có tám loại trò chơi nước, chèo thuyền dạo chơi trong đó, nhanh hay chậm đều theo ý muốn, cũng đều nói như trên. Chư thiên trong đó cần hái hoa nào thì liền tùy ý hoa đó sẽ đến, nhờ quả báo thiện nên mưa các hoa báu tung rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần của từng phần thân, tay, đầu, chân, mà được trang nghiêm, đều tùy theo mỗi người mà tự nhiên được mang vòng hoa vào. Bờ bên ngoài của hai con sông này có năm loại cây báu rất nhiều cùng khắp, thẳng tắp, ngoài ra cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu và cung điện báu, chư thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng thiên chúng ở khắp quốc độ. Vì sao gọi khu vườn này là Hoan Hỷ? Vì hồ lớn của vườn

này tên là Hoan Hỷ, vườn này có cây cũng gọi là Hoan hỷ, hoa của vườn này gọi là Mạn-đà-la. Ba loại này chỉ có vườn này mới có, ngoài vườn này ra thì không nơi nào có. Lại vì nhân duyên gì mà gọi là Hoan Hỷ? Vì lúc chư thiên Đao Lợi vào khu vườn này thì liền sanh tâm hoan hỷ, nhận được nhiều sự vui chơi và an vui nhất nên gọi là Hoan Hỷ. Nghĩa này Đức Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

Phẩm 10: VƯỜN CHÚNG XA

Ngoài cổng cửa Đông của đại thành Thiện kiến cách hai mươi do-tuần chư thiên Đao Lợi có một khu vườn tên là Chúng Xa. Hồ lớn trong vườn này gọi là Chất-đa-la, vuông một trăm do-tuần, sâu cũng như vậy, nước trời tràn đầy, thành quách và bờ đáy được làm bằng gạch bốn báu cũng nói như trên. Đường và bực thềm bốn báu, năm loại hoa báu cũng nói như trên. Bốn loại thuyền báu và tám trò chơi nước, trong đó chư thiên cần hái hoa gì thì tùy theo ý muốn mà tự đến. Do quả báo thiện nên mưa các hoa báu tung rãi khắp chư thiên. Lại có gió riêng biệt thổi các vòng hoa, tùy theo chỗ cần của từng phần thân: thân, tay, đầu, chân của chư thiên mà được trang nghiêm, tùy theo mỗi người mà tự nhiên được mang vòng hoa vào. Bờ của hồ ấy có năm loại cây báu thẳng tắp, đầy khắp, ngoài ra cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy và cung điện các báu có đông đảo chư thiên nam nữ dừng nghỉ trong đó cũng nói đầy đủ như trên. Chu vi vườn này là một nghìn do-tuần, đường kính một phần ba chu vi, có thành vàng vây quanh, thành này cao một do-tuần, thành thấp ở phía trên thành này cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, trong hai mươi do tuần một có một cửa, tất cả là chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ là một trăm cửa. Các cửa thành này do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc, vô số hình khắc chạm. Thành này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào bằng cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa-la bảy lớp vây quanh cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu cách nhau một trăm cung (một cung là năm thước), vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Hoa báu năm loại cũng nói như trước, và thuyền bốn báu cũng nói như trước. Hai bên bờ hồ là năm loại cây báu cũng nói như trước và cung điện bốn báu là chỗ ở của chư thiên nam nữ. Bên ngoài thành có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào ấy rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Trong khoảng hào này có cung điện

các thể nữ bày khắp. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Trong khu rừng bên ngoài này, tất cả hoa nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ ca tấu âm nhạc, các Thiên tử từ vườn Chúng Xa này đi ra rừng lắng nghe. Các Thiên tử ở trong rừng phía ngoài này ca tấu âm nhạc thì các Thiên nữ ở trong vườn cũng đi ra lắng nghe. Thiên nữ trong vườn lại tấu âm nhạc, các Thiên tử bên ngoài đi vào vườn để lắng nghe. Thiên tử trong vườn cũng tấu âm nhạc, các Thiên nữ bên ngoài cũng đi vào vườn lắng nghe. Do nhân duyên này nên họ có được nhiều sự vui chơi. Từ cửa Đông của đại thành Thiện Kiến đến cửa Tây của vườn Chúng Xa có con đường ở chính giữ dài hai mươi do tuần, rộng mười do-tuần, đất được làm bằng lưu ly, bằng phẳng, mịn láng và được trang nghiêm bằng các báu, như thảm trải nền dệt bằng thảm bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, voi, chim thú, cây cỏ, đầy đủ mọi thứ, cũng như vòng tai ngọc châu các báu làm thành. Hình dạng đường ấy cũng lại như vậy, lúc chân giẫm vào thì in xuống, lúc cất chân lên thì trở lại như cũ, như bông Đâu-la và bông gỗ cây, đường ấy láng mịn cũng như vậy. Có ba loại thành bao bọc bảo vệ trang nghiêm, mỗi một lớp do bốn báu làm thành, mỗi một lớp thành bảo vệ có ba tầng linh báu vây quanh. Mỗi một linh báu do bốn báu làm nên, lúc gió nhẹ thổi đến sẽ lay động và phát ra âm thanh có thể làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc. Hai bên đường này có hai con sông tên là Trường Hình, cũng dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều được kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Bốn bên sông ấy có đường và bậc thềm bốn báu cũng nói như trên. Trong sông này có năm loại hoa báu cũng nói như trên. Bốn loại thuyền báu bồng bềnh trong đó, có tám trò chơi nước, chèo thuyền dạo chơi, nhanh chậm tùy ý đều đã nói như trên. Chư thiên trong ấy cần đến hoa gì thì hoa đó tùy ý mà đến tay, nhờ quả báo thiện nên mưa xuống hoa báu rãi khắp chư thiên. Lại có gió riêng biệt thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm các phần thân: thân, tay, đầu, chân mà tự nhiên được mang vòng hoa vào. Bờ bên ngoài của hai sông có năm loại cây báu thẳng tắp, cùng khắp, ngoài ra cũng nói như trước. Ở giữa cây ấy có hồ các báu và cung điện báu, chư thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng thiên chúng cùng khắp quốc độ. Tại sao khu vườn này gọi là Chúng Xa? Vì trong đó có hồ lớn tên là Chất-đa-la, trong đó có cây cũng có tên là Chất-đa-la. Cây này sinh ra vô số hoa, chỉ có vườn này mới có, ngoài vườn này thì không thể có. Lại có nhân duyên gọi là Chất-đa-la là: lúc Chư thiên Đao Lợi vào trong vườn này thì được mang vào vô số vật báu, trang nghiêm thân ấy, rất là vi diệu, mang nhiều gậy giáo như lúc lâm chiến, cưỡi số xe vào rừng vườn

này. Lúc ở trong vườn này và lúc muốn ra, hái vô số diệu hoa cây Chất-đa-la để trang nghiêm xe, hai bên càng xe lớn, vành và thanh gỗ xuyên trục hai bánh trang sức đầy đủ. Tất cả các cỗ xe đều như vậy. Hoa cây Chất-đa-la này và thân trời an vui, các cỗ xe báu phát ra ánh sáng cùng chiếu lẫn nhau. Vì nhân duyên này nên trong vườn vi diệu này có vô số ánh sáng hội tụ trong đây. Do nghĩa này nên gọi là vườn Chúng Xa, lại có yếu tố tự nhiên gọi là vườn Chúng Xa. Nghĩa này Đức Thế Tôn đã nói, tôi nghe như vậy.

Phẩm 11: VƯỜN ÁC KHẨU

Ngoài cổng cửa Nam của Đại thành Thiện Kiến cách hai mươi do tuần, Chư thiên Đao Lợi có một khu vườn tên là Ác khẩu hồ lớn trong vườn cũng tên là Ác Khẩu vuông một trăm do tuần, sâu cũng như trên, nước trời tràn đầy. Thành lũy và bờ đáy làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên; có đường và bực thềm bốn báu, năm loại hoa báu cũng nói như trên; bốn loại thuyền báu và tám trò chơi nước. Trong đó, lúc chư thiên cần đến hoa nào thì tùy ý hoa ấy sẽ đến, vì do quả báo thiện nên mưa xuống các hoa báu rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió riêng biệt thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm các phần thân: thân, đầu, chân, tay của chư thiên thì liền tự nhiên tùy ý được mang các vòng hoa vào. Bờ của hồ này có năm loại cây báu thẳng tắp, cùng khắp, ngoài ra cũng nói như trước. Ở giữa cây ấy và cung điện các báu là trú xứ của chư thiên nam nữ dừng nghỉ đông đảo như đã nói như trên. Chu vi của vườn này là một nghìn do-tuần, đường kính bằng một phần ba, có thành vàng bao bọc xung quanh. Thành cao một do-tuần, bức thành thấp ở trên thành này cao nửa do -tuần, cửa thành cao hai do- tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, cứ mỗi mười do-tuần có một cửa, cả thảy chín mươi chín cửa và một cửa chân nhỏ là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, và được trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc và vô số hình điêu khắc. Cửa này có bốn quân phòng hộ cũng nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa-la bảy lớp vây quanh cũng nói như trên. Ở giữa rừng cây ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung (một cung năm thước) và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên thuyền bốn báu cũng nói như trên. Bờ hồ có năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là chỗ trú của chư thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào ấy rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp, dưới rộng, nước trời tràn đầy cũng đều nói như trên.

Trong khoảng hào này có la liệt các cung điện của các thể nữ. Ngoài ba lớp hào này có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy trong rừng phía ngoài, tất cả các hoa nở rộ tươi đẹp. Lúc các Thiên nữ... tấu ca âm nhạc thì các Thiên tử từ vườn Ác khẩu đi ra rừng lắng nghe. Lúc các Thiên tử ở bên ngoài tấu ca âm nhạc thì các Thiên nữ ở trong vườn cũng đi ra lắng nghe. Thiên nữ trong vườn tấu ca âm nhạc thì Thiên tử bên ngoài đi vào vườn lắng nghe. Thiên tử trong vườn tấu âm nhạc thì các Thiên nữ ở ngoài rừng cũng đi vào vườn lắng nghe. Vì nhân duyên này nên họ được nhiều sự vui chơi. Ở giữa từ cửa phía nam Đại thành Thiện Kiến đến cửa Bắc rừng Ác Khẩu có một con đường dài hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, đất ở đây đều do lưu ly làm thành, bằng láng và êm mịn, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, voi, chim, thú, cỏ cây, vô số các loài đều đầy đủ, cũng như vòng đeo tai ngọc châu, các báu làm thành. Hình dáng đường này cũng lại như vậy, lúc chân dẫm vào thì liền in xuống, lúc cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la và bông bằng gỗ cây, đường ấy mịn bằng láng, êm mịn cũng như vậy. Đường này được trang sức bằng ba lớp rào bọc bảo vệ xung quanh, mỗi một lớp đều do bốn báu làm thành, mỗi lớp có ba tầng linh báu vây quanh. Mỗi linh báu do bốn báu tạo thành, lúc gió nhẹ thổi đến, linh báu lay động phát ra âm thanh có thể làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc. Hai bên con đường này có hai con sông chạy dọc theo, tên là Trường Hình, dài hai mươi do-tuần, rộng mười do tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều được kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trước. Bốn mặt sông này đều có đường và thềm bực bốn báu cũng nói như trước. Trong sông này có năm loại hoa báu cũng nói như trước. Có bốn loại thuyền báu bồng bềnh trong đó, có tám loại trò chơi nước, chèo thuyền dạo chơi, nhanh chậm tùy ý đều nói như trên. Chư thiên trong đó cần đến hoa nào thì hoa đó liền tùy ý mà đến, do quả báo thiện nên mưa xuống hoa các báu rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió khác thổi các vòng hoa, tùy theo chỗ cần trang nghiêm các phần thân: thân, tay, đầu, chân của chư thiên, tự nhiên tùy ý mang vòng hoa vào. Bờ bên ngoài của hai con sông có năm loại cây báu bày khắp nơi, ngoài ra cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu và cung điện báu, chư thiên nam, nữ đều ở trong đó, vô lượng đại chúng đầy khắp quốc độ. Vì sao gọi vườn này là Ác khẩu, vườn này có hồ lớn cũng tên là Ác khẩu, trong đó có cây cũng tên là Ác khẩu, cây ấy có hoa cũng tên là Ác Khẩu? Vì chỉ có vườn này mới có, ngoài ra chỗ khác không có. Lại có nguyên nhân khác gọi là Ác Khẩu: Lúc chư thiên Đao Lợi vào vườn này làm việc đấu tranh, tỉnh táo suy nghĩ:

"Nay chúng ta đi đến chỗ kia công kích, đấu tranh với Tu-la. Lại có sự đố kỵ đây, kia lẫn nhau, tham đắm năm dục, tranh việc trước sau". Do việc này nên nói các lời ác, cho nên nơi này gọi là Ác khẩu, lại có yếu tố tự nhiên gọi là Ác Khẩu. Nghĩa này Đức Thế Tôn dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 12: TẠP VIÊN

Ngoài cổng của cửa Tây Đại thành Thiện Kiến đến cửa Đông Tạp Viên có con đường dài hai mươi do-tuần. Trong vườn cõi trời Đao Lợi này có hồ vuông tên là Tạp Trì, mỗi mặt rộng một trăm do tuần, sâu cũng như vậy, nước trời tràn đầy, thành quách và bờ đáy làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Đường và thềm bực bốn báu, năm loại hoa báu cũng nói như trên. Bốn loại thuyền báu và tám loại trò chơi nước, trong đó chư thiên cần đến hoa nào thì liền tùy theo ý hoa đó sẽ đến. Vì quả báo thiện nên mưa xuống hoa các báu rãi khắp chư thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm các phần trên thân: thân, đầu, tay, chân của chư thiên, thì tự nhiên tùy ý mà được mang vòng hoa vào. Bờ của hồ ấy có năm loại cây báu bày khắp nơi thẳng tắp, ngoài ra cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy và cung điện các báu là chỗ dừng nghỉ của chư thiên nam nữ, cũng nói đầy đủ như trên. Chu vi vườn này là một nghìn do-tuần đường kính bằng một phần ba (chu vi), có thành vàng bao bọc xung quanh, thành này cao một do tuần, thành thấp phía trên cao nửa do tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Trong Mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ, là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc và vô số hình điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp phía ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa-la bảy lớp vây quanh cũng nói như trên. Ở giữa các cây ấy có các hồ báu, các hồ cách nhau một trăm cung (mỗi cung năm thước)và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Trong hồ ấy có năm loại hoa báu và thuyền bốn báu, tám trò chơi nước... Bờ hồ ấy có năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào ấy rộng hai do tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp dưới rộng, nước trời tràn đầy, cũng đều nói như trên. Trong hào ấy cũng có la liệt cung điện của các thể nữ. Ngoài ba lớp hào và rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy tất cả các hoa của rừng bên ngoài này nở rộ tươi đẹp. Lúc các

Thiên nữ tấu ca âm nhạc thì các Thiên tử từ trong Tạp Viên này đi ra rừng lắng nghe. Các Thiên tử ở trong rừng bên ngoài tấu ca âm nhạc, các Thiên nữ trong vườn cũng ra rừng lắng nghe. Thiên nữ trong vườn lại tấu âm nhạc, các Thiên tử bên ngoài đi vào vườn lắng nghe. Các Thiên tử trong vườn cùng tấu âm nhạc, Thiên nữ bên ngoài đi vào vườn lắng nghe. Do nhân duyên này họ có được nhiều sự vui chơi. Ở giữa từ cửa Tây đại thành Thiện Kiến đến cửa Đông vườn Tạp Viên có con đường dài hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, đất bằng lưu ly, bằng láng, êm mịn, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, voi, chim, thú, cỏ cây, đầy đủ vô số loại, cũng như các báu trang sức lộng lẫy hợp thành. Hình dạng con đường ấy cũng lại như vậy, lúc chân dẫm lên liền in xuống, lúc cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu la, bông bằng thân cây. Đường ấy nhu nhuyễn cũng lại như vậy, được trang sức bằng ba loại thành bao bọc bảo vệ, mỗi một lớp đều do bốn báu làm thành, mỗi lớp có ba tầng linh báu vây quanh, mỗi linh báu đều do bốn báu làm thành. Lúc gió nhẹ thổi đến, linh báu lay động phát ra âm thanh có thể làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc. Hai bên đường này có hai con sông chạy dọc theo có tên là Trường Hình, dài hai mươi do tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy, hai bên sông ấy đều được kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Bốn mặt sông này có đường bực thềm bốn báu cũng nói như trên. Trong sông này có năm loại hoa báu cũng nói như trên. Bốn loại thuyền báu bồng bềnh trong ấy, đủ tám loại trò chơi nước, chèo thuyền dạo chơi, nhanh chậm tùy ý đều nói như trước.

Chư thiên trong đó nếu cần đến hoa gì thì hoa đó liền tùy ý mà đến đó. Do quả báo thiện nên mưa xuống hoa các báu rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm của các phần thân: đầu, thân, chân, tay của chư thiên thì tùy ý mang vòng hoa vào một cách tự nhiên. Bờ phía ngoài của hai con sông có năm loại cây báu thẳng tắp bày khắp nơi, ngoài ra đều nói như trước. Ở giữa cây ấy có hồ các báu và cung điện các báu, chư thiên nam nữ trú ở trong đó và vô lượng thiên chúng nhiều khắp quốc độ. Tại sao vườn này gọi là Tạp Viên? Vì trong vườn này có một hồ lớn tên là Tạp Trì, cũng có cây tạp và các loại hoa, chỉ có trong vườn này mới có, ngoài ra chỗ khác thì không. Lại có nhân duyên gọi là Tạp Viên: lúc chư thiên nam nữ, cung trời Đao Lợi đến vườn này ca vũ âm nhạc và các trò đùa chơi rất là rộn ràng, lẫn lộn với nhau, ngoài ra lúc tụ tập nơi vườn, tất cả chư thiên bên ngoài không được vào, đều bị cấm tuyệt, lúc tụ tập trong vườn này không có ngăn ngại. Chư

thiên đại thành và chư thiên bên ngoài vào vườn vui chơi lẫn lộn nên gọi là Tạp Viên, lại có sự tự nhiên gọi là Tạp Viên. Nghĩa này Đức Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 13: VƯỜN BA LÊ DẠ ĐA

Ngoài cửa góc Đông Bắc đại thành Thiện Kiến cách hai mười do tuần, chư thiên Đao Lợi có vườn rừng lớn tên là Ba-lê-dạ-đa. Vườn này có hồ vuông cũng gọi là Ba-lê-dạ-đa. Mỗi bề của hồ dài một trăm do- tuần, sâu cũng như vậy, nước trời tràn đầy, thành quách và bờ đáy làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Đường và thềm bực bốn bên cũng nói như trước. Năm loại hoa báu cũng nói như trước. Bốn loại thuyền báu và tám trò chơi nước, chèo thuyền báu dạo chơi tùy tâm mà nhanh hay chậm. Chư thiên trong đó lúc cần đến hoa nào thì hoa ấy liền tùy ý mà đến. Do quả báo thiện nên mưa xuống hoa các báu rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm nơi các phần thân chư thiên: đầu, thân, tay, chân thì liền tùy ý mang vòng hoa vào một cách tự nhiên. Trên bờ của hồ này có năm loại cây báu bày khắp nơi thẳng tắp, ngoài ra cũng nói như trước. Ở giữa cây này và cung điện các báu là chỗ dừng nghỉ đầy khắp của chư thiên nam, nữ đều nói đầy đủ như trên. Trong vườn có cây tên là Chất-lợi-dạ-đa, cũng có tên là Câu-tỳ-đà-la. Cây này sinh trưởng tròn đầy, hình dáng đáng yêu, cành lá che nhau, nhiều lá dày đặc xanh hoài không úa, tất cả gió mưa không thể xâm tổn. Ví như vòng hoa chính được trang sức bằng các vòng hoa phụ, dùng để trang sức lộng lẫy. Hình tướng cây này đáng yêu như vậy, trên như dù lọng, tuần tự che nhau, cao một trăm do-tuần, dưới thân gốc to thẳng và đều không có đốt u sần sùi. Cành nhánh toả rộng ra bốn bên, mỗi bên toả rộng năm mươi do-tuần, bán kính thân cây rộng năm do tuần, chu vi mười lăm do tuần. Mỗi một cành ấy tỏa rộng ra năm mươi do tuần, khoảng giữa các cành độ một trăm do tuần, chu vi ba trăm do-tuần. Phía dưới có đá quý tên là Ban-trụ-kiếm-ba-la, dài năm mươi do tuần, rộng mười do tuần đều do lưu ly làm thành, mềm láng đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc và vô số hình tượng điêu khắc. Nhân, phi nhân, voi, chim, thú, cỏ cây, vô số loại đều đầy đủ, cũng như các báu trang sức lộng lẫy hợp thành. Ban-trụ-kiếm- ba-la này cũng như vậy, dẫm chân lên liền in xuống, cất chân lên liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la, bông làm bằng gỗ cây hình thể của đá Ban-trụ-kiếm-ba-la này nhu nhuyến cũng như vậy. Nơi này được trang sức bằng ba loại tường rào bao bọc bảo

vệ, mỗi một lớp bao bọc đều do bốn báu làm nên, mỗi lớp có ba tầng linh báu vây quanh, mỗi linh báu đều do bốn báu làm thành, lúc gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc, ngoài ra đều nói như trên. Bốn bên đều có đường và thềm bực do vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành. Khắp nơi trong vườn đều có hồ cũng nói như trên. Cho đến cung điện bốn báu là chỗ trú của chư thiên nam nữ, cũng nói như trên. Chu vi vườn này là một nghìn do-tuần, đường kính khoảng bằng một phần ba chu vi, có thành vàng vây quanh. Thành này cao một do tuần, trên thành này có bức thành thấp cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, Mỗi mười do tuần có một cửa, có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ, tất cả là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc, và vô số hình điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp phía ngoài cũng nói như trên. Hàng cây Đa-la bảy lớp vây quanh cũng nói như trên. Ở giữa cây này có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Hoa báu năm loại cũng nói như trên, có thuyền bốn báu cũng nói như trên. Trên bờ hồ ấy có cây báu năm loại cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là chỗ ở của chư thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Trong khoảng hào này có la liệt cung điện của các thể nữ. Ngoài ba lớp hào báu có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Tất cả các hoa trong rừng phía ngoài lúc ấy nở rộ tươi đẹp. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ vườn Ba-lợi-dạ-đa đi ra rừng cây lắng nghe. Các Thiên tử ở trong rừng phía ngoài tấu âm nhạc, các Thiên nữ ở trong vườn cũng đi ra lắng nghe. Thiên nữ trong vườn lại tấu âm nhạc, các Thiên tử ở ngoài đi vào vườn lắng nghe. Các Thiên tử ở trong vườn cũng tấu âm nhạc, Thiên nữ ở ngoài cũng đi vào vườn lắng nghe. Vì nhân duyên này mà họ có rất nhiều sự vui chơi. Ở khoảng giữa từ cửa phía Đông bắc đại thành Thiện Kiến đến cửa phía Tây nam của vườn có một con đường dài hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, đất làm bằng lưu ly bằng láng, mềm mại, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, voi, chim, thú, cây cỏ, vô số các loại đều đầy đủ, cũng như trang sức lộng lẫy do các báu hợp thành. Hình dạng đường ấy cũng là như vậy, lúc chân dẫm vào thì in xuống, lúc cất chân thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la và bông làm bằng thân cây, đường ấy êm mịn cũng lại như vậy. Nơi đây được trang sức bằng ba

loại tường rào bao bọc bảo vệ, mỗi một tường rào bao bọc đều do bốn báu làm nên, mỗi một lớp đều có ba tầng linh báu vây quanh. Mỗi một linh báu đều do bốn báu tạo thành. Lúc gió nhỏ thổi động, linh báu phát ra âm thanh có thể làm cho chư thiên khởi năm dục ràng buộc. Hai bên đường này có hai con sông chạy dọc theo tên là Trường Hình dài hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều được kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra đều nói như trước. Bốn bên sông ấy có bốn đường bực thềm cũng nói như trước. Trong nước sông này có hoa báu năm loại cũng nói như trước. Bốn loại thuyền báu bồng bềnh trong đó, có tám loại trò chơi nước và chèo thuyền dạo chơi nhanh chậm tùy ý đều nói như trước. Chư thiên trong đó cần đến chỗ của hoa nào thì liền được tùy ý đến đó. Do quả báo thiện nên mưa xuống hoa các báu rãi khắp chư thiên. Lại có ngọn gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần trang nghiêm nơi các phần thân: đầu, thân, tay, chân của chư thiên thì tùy ý mà được mang vòng hoa vào một cách tự nhiên. Bờ phía ngoài của hai con sông có năm loại cây báu bày khắp nơi thẳng tắp, ngoài ra cũng nói như trước. Ở giữa cây ấy có hồ các báu và cung điện báu, chư thiên nam, nữ đều trú trong chỗ này, vô lượng thiên chúng ở khắp quốc độ. Đức Thế Tôn đã nói như vậy: Này Tỳ-kheo! Cây Câu-tỳ- đà-la trong vườn Ba-lợi-dạ-đa của cõi trời Đao lợi lá vàng muốn rụng. Lúc ấy chư thiên vui mừng nói như vậy: "Nay cây Ba-lợi-dạ-đa cõi trời Đao Lợi lá đã chuyển vàng, không lâu sẽ úa rụng". Này Tỳ-kheo! Cây Ba-lợi-dạ-đa của cõi trời Đao lợi lúc lá đã rụng, chư thiên vui mừng nói như vậy: "Lá cây Ba-lợi-dạ-đa cõi trời đã rụng, không lâu sẽ đâm chồi trở lại. " Này Tỳ-kheo! Lúc cây Ba-lợi-dạ-đa cõi trời Đao Lợi đã đâm chồi trở lại, tất cả chư thiên vui mừng nói: "Nay cây Ba-lợi-dạ-đa đã đâm chồi trở lại, không lâu sẽ hiện màu xanh nhạt". Này Tỳ-kheo! Lúc cây Ba-lợi-dạ-đa đã hiện màu xanh nhạt rồi, chư thiên lúc ấy vui mừng nói: "Cây Ba-lợi-dạ-đa đã hiện màu xanh nhạt rồi, không lâu sẽ trổ hoa". Này Tỳ-kheo! Lúc cây Ba-lợi- dạ-đa đã trổ hoa rồi, chư thiên vui mừng nói: "Cây Ba-lợi-dạ-đa đã trổ hoa rồi không lâu sẽ nở". Đã nở hoa rồi, chư thiên vui mừng nói: "Cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở hoa rồi không lâu sẽ nở rộ tất cả". Này Tỳ-kheo! Cây Ba-lợi-dạ-đa lúc ấy đã nở hết rồi, sắc hoa chiếu khắp rực rỡ trong năm mươi do tuần, hương thơm của hoa này cũng xông tỏa năm mươi do tuần. Nếu lúc gió mưa thổi vào hoa cây này thì hương xông toả về phương Tây một trăm do-tuần. Nếu lúc gió mưa hướng Tây thổi hương của hoa này thì hương xông ở phương Đông một trăm do tuần. Nếu lúc gió mưa phương Nam thổi hương của hoa này thì hương xông ở phương Bắc một trăm do-tuần. Nếu lúc gió mưa ở phương

Bắc thổi hương của hoa này thì hương xông ở phương Nam một trăm do-tuần. Này Tỳ-kheo! Cây Ba-lợi-dạ-đa của cõi trời Đao Lợi có thần lực và oai đức như vậy. Này Tỳ-kheo! Nếu đệ tử Phật nương vào chánh pháp luật mà Như Lai đã dạy, do tín căn nên lìa được gia cư của mình, tu đạo không nhà, vì việc này nên khởi tâm quyết định. Này Tỳ-Kheo! Người như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa lúc lá vàng. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy đệ tử Phật cạo bỏ râu tóc, mặc áo pháp phục, tự lìa gia cư, tu đạo không nhà, này Tỳ-kheo! Người như vậy ví như Ba-lợi-dạ-đa lúc lá đã rụng. Này Tỳ-kheo! Nếu đệ tử Phật lìa các dục trần, lìa các pháp ác, có giác có quán, có hỷ có lạc, từ việc sinh khởi sự xa lìa, tu tập Sơ thiền, trú ở trong đó. Này Tỳ-kheo! Người như vậy ví như cây Ba- lợi-dạ-đa lúc mới đâm chồi nảy lộc. Này Tỳ-kheo! Lúc giác quán vì đã tịch diệt nên nương vào tâm lắng trong bên trong, vì hành một phương tiện nên không giác không quán, từ định sinh khởi, có hỷ có lạc, tu tập Nhị thiền, trú ở trong đó. Này Tỳ-kheo! Người như vậy ví như cây Ba- lợi-dạ-đa lúc lá hiện màu xanh nhạt. Này Tỳ-kheo! Lúc đệ tử phật vì lìa dục hỷ nên trú nơi tâm xả, chánh niệm chánh trí, thân được niềm vui của thọ, cho nên Thánh Sư dạy như vậy. Nếu trú nơi lạc, có xả có niệm, tu tập Tam thiền, nhập trú trong đó. Này Tỳ-kheo! Người như vậy ví như Ba-lợi-dạ-đa lúc mới đâm chồi hoa. Này Tỳ-kheo! Nếu đệ tử Phật do diệt tận khổ, đã trải qua lạc, ưu hỷ lúc xưa đã diệt tận nên không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, tu tập Tứ thiền, trú nhập trong đó. Người như vậy, ví như cây Ba-lợi-dạ-đa lúc hoa hé nở. Này Tỳ-kheo! Nếu đệ tử Phật do đã tận các lậu, tâm giải thoát vô lậu và đã chứng hiện đời Bát nhã giải thoát, hiện đời trú nhập trong đó, thì việc sinh đã dứt, tu đạo rốt ráo, các việc đã xong. Vì không còn sinh trở lại nên đắc trí này. Này Tỳ-kheo! Người như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở tất cả hoa. Này Tỳ-kheo! Các Tỳ-kheo này các lậu đã tận, tu đạo rốt ráo, chánh tuệ giải thoát, đã hết kiết sử. Chư thiên Đao Lợi nói lời tán thán: "Này bạn lành! Người ở chỗ kia có họ là... tên là... ở quận huyện là... của tất cả quốc độ, lìa gia cư của mình mà tu đạo không nhà. Tỳ-kheo tên là... , là đệ tử xuất gia, đệ tử nương vào chỗ các lậu đã dứt nên tâm được vô lậu giải thoát, hiện đời đã chứng Bát nhã giải thoát, hiện đời đã chứng Bát nhã giải thoát và trú nhập trong đó. Việc sinh đã dứt, tu đạo rốt ráo, các việc đã xong, vì không sinh trở lại nữa nên đắc trí này. Các Tỳ-kheo này đã hết các lậu, chánh trí giải thoát, đã hết pháp hữu. Thần lực và uy đức như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa, lúc đã nở rộ tất cả hoa. Lại có chư thiên giữ vườn này đi đến chỗ Đế Thích thưa rằng: "Thưa Thiên vương! Cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở hoa, cho nên Thiên Tôn phải nên biết thời tiết. "Chư thiên lại có một con Tượng vương tên là Y-la-bàng cỡi đi trong vườn, thân

nó dài chín do-tuần, cao ba do-tuần, thân hình cân xứng. Lúc ấy, Thích Đề Hoàn Nhơn sai bảo với Tượng vương rằng: "Này bạn lành! Cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở tất cả hoa, chư thiên sẽ đi đến nơi này, vào vườn dạo xem cho nên ngươi nay phải tự trang sức. Tượng vương nghe lời sai bảo như vậy nên rất vui mừng, ví như người lúc mới cầu hôn và lúc đón vợ về, tất cả các việc đều cát tường, hy hữu. Tượng Vương vui mừng cũng lại như vậy. Lúc ấy, Tượng Vương liền hoá đầu của nó thành ba mươi ba cái đầu, mỗi một đầu có sáu cái ngà, mỗi một ngà có hồ bảy báu, mỗi một hồ sinh ra bảy hoa sen, mỗi một hoa sen sinh ra bảy hoa, mỗi một hoa sinh ra bảy lá, mỗi một lá lại có bảy Thiên nữ. Có bốn mươi chín Thiên nữ như vậy vây quanh hoa sen, bày vẻ đáng yêu. Vì nhân duyên này nên các hoa trang sức đều đầy đủ. Chư thiên Đao Lợi cung kính Đế Thích nên tôn xưng là thủ chúng, trước hết lên voi, ngồi vào giữa đầu, hai bên trái phải, mỗi bên có mười sáu vị trời. Tất cả chư thiên mỗi một đều tự suy nghĩ: "Ta ngồi ở giữa đầu, nếu người chân thật thì chỉ có trời Đế Thích một mình ngồi giữa". Trời Ba mươi ba trước tiên lên voi xong, ngoài ra đến Thiên chúng tuần tự lên. Trời Đế Thích này có hai thái tử: một là Chiên Đàn hai là Tu Tỳ làm tướng quân lớn nhất ở trời Đao Lợi cũng lên voi. Các vị trời Diệu nữ, có những vị ưu tú nhất:

Một là A-lam-phù-sa.

Hai là Mật-xa-kế-thi.

Ba là Phân-đà-lợi-kha.

Bốn là Ni-la.

Năm là A- lâu-na.

Sáu là Ế-ni-bát-bà.

Bảy là Tu-bát-bà.

Tám là Bát-đà-la.

Chín là Tu-bạt-đà-la.

Mười là Ma-đầu-kha-bà-chí, các Thiên nữ như vậy cũng lên voi.

Các vị trời diệu nam:

Một là A-nham-phù.

Hai là Đạt đầu- lâu-mi.

Ba là Nhuệ-phù-lâu.

Bốn là Thi-khí, các trời như vậy cũng lên voi, cùng ở trên voi ca tấu âm nhạc.

Tất cả chư thiên đều lên voi xong, lúc ấy Tượng vương rất vui mừng,

ví như các vua nhận chức Quán đảnh, cũng như vị thanh niên lúc làm lễ cưới vợ, hành chánh pháp xong, dùng các diệu hoa trang nghiêm thân và đầu, tượng vương vui mừng cũng lại như vậy. Lúc ấy, Tượng vương rống tiếng sấm lớn, giáng mưa cam hồ cùng phóng toả ánh chớp, Tượng vương hoá làm kỹ nữ trên hoa, ca múa tấu nhạc, vô số kiểu dáng điệu. Chư thiên kỹ nữ và kỹ nam tấu nhạc ca múa. Lúc ấy Tượng vương rống tiếng sấm lớn, dạo từng bước một, như kết vòng hoa. Chuyển ba lần như vậy, rồi đi đến vườn Ba-lợi-dạ-đa. Trời Đao Lợi từ trên đến dưới đều ngồi trên đá báu Ban-trụ-kiếm-ma-la, nếu ngồi không đủ thì đá liền dài ra. Nhờ phước chư thiên nên Tượng vương A-di-la-ba-na càng biến hoá thân làm Đồng tử cõi trời, mang ấn tay báu và vòng tay báu, vô số vật trang nghiêm, thọ năm dục trần, vui chơi thích thú. Có Thiên tử khác ở lầu gác, cõi xe, voi, ngựa khác. Lại có chư thiên cõi thuyền các báu theo sông Trường Hình, tùy ý nhanh chậm vào trong vườn này. Ở trong vườn này, người ca một chỗ, người múa một chỗ, người chơi đàn và sáo một chỗ, tụ hội chỗ khác. Trong đó chư thiên dùng tháng tư cõi trời thọ năm trần dục, vui chơi thỏa thích, tương ưng đầy đủ. Nếu căn xứ theo ngày tháng của cõi người thì đến một vạn hai nghìn năm. Tuổi thọ cõi trời trong vườn đến mười năm bốn tháng. Cõi trời Đao Lợi dùng hết các vườn, đó là sáu vườn lớn, lại có các vườn lớn nhỏ bày khắp ở đây. Nghĩa này Đức Thế Tôn dạy, tôi nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 4

Phẩm 14: THÀNH ĐỀ ĐẦU LẠI TRA

Núi chúa Tu Di có tất cả bốn đỉnh là: Đông, Tây, Nam, Bắc. Đỉnh phía Đông do chân kim làm thành, đỉnh phía Tây do bạch kim làm thành, đỉnh phía Bắc do lưu ly làm thành, đỉnh phía Nam do pha-lê làm thành. Lại có tất cả các báu làm thành, lại có bảy tính. Bốn đỉnh này trên rộng dưới hẹp, ví như hoa sen, chỗ hẹp nhất đỉnh ấy có chu vi một nghìn năm trăm do- tuần, chỗ rộng nhất có đường kính bảy trăm do tuần, chu vi hai nghìn một trăm do-tuần. Nơi bốn đỉnh này có các loài thú, lại có các loài chim, sư tử, hổ, báo... đều là hoá sinh, tất cả đều ăn vị thiên-tu-đà mà không tàn hại lẫn nhau. Tất cả chư thiên có Kim cương thủ, đều nương trú ở đây. Nơi này có bốn núi Do-càn-đà: một là núi hướng Đông, hai là Tây, ba là Bắc, bốn là Nam. Núi Đông Do-càn- đà có hai đỉnh; Tây, Bắc, Nam, cũng như vậy. Hai đỉnh núi phía Đông do chân kim làm thành, hai đỉnh núi phía Tây do bạch kim làm thành, hai đỉnh núi phía Bắc do lưu ly làm thành, hai đỉnh núi Nam do pha lê làm thành, lại có tất cả các báu tạo thành. Lại có bảy tính, trên rộng dưới hẹp, hình như hoa sen, chỗ hẹp nhất có đường kính ba trăm năm mươi do-tuần, chu vi là một nghìn năm mươi do-tuần. Chỗ rộng nhất có đường kính năm trăm do-tuần, chu vi một nghìn năm trăm do-tuần. Chỗ tám đỉnh này có rất nhiều loài thú, lại có các loài chim, sư tử, hổ, báo... đều là hóa sinh và đều ăn vị thiên-tu-đà mà không tàn hại lẫn nhau. Chư thiên có Kim cương thủ và nương trú ở đây. Các núi như vậy có số đỉnh gấp đôi, nhưng đến núi Ni-dân-đà thứ bảy thì có đến năm trăm mười hai đỉnh. Các đỉnh núi thứ bảy này có chiều cao, rộng hướng ra ngoài, mỗi một theo thứ lớp giảm dần một nửa.

Ở giữa hai đỉnh núi Đông-do-càn đà này có một quốc độ tên là Đề-đầu-lại-tra, có chu vi một nghìn do-tuần, có thành vàng bao quanh, cao một do tuần, bức thành thấp ở trên thành cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần cửa lầu một do-tuần rưỡi, mỗi mười do tuần có một cửa, có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ, tất cả là một trăm cửa. Các cửa này đều do các

báu làm thành và được trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc, cửa này lại có bốn quân phòng vệ, đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung (mỗi cung năm thước) và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Năm loại hoa báu và thuyền bốn báu cũng đều nói như trước. Bờ hồ có năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam, nữ. Bên ngoài cửa thành này có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy, đều nói như trên. Khoảng giữa hào này có cung điện các thể nữ bày khắp. Ngoài ba lớp hào này có rừng cây bảy báu bao quanh, cũng nói như trên. Lúc này tất cả hoa trong rừng phía ngoài đều nở rộ xinh đẹp. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc thì các Thiên tử từ đại thành đi ra lắng nghe âm nhạc. Các Thiên tử tấu ca âm nhạc thì các Thiên nữ từ Đại thành đi ra lắng nghe. Vì nhân duyên này nên họ có nhiều sự vui chơi.

Góc Tây nam cửa thành Đề-đầu-lại-tra là chỗ trú của Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra, có chu vi hai trăm năm mươi do tuần, có thành vàng bao bọc xung quanh cao một do-tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do- tuần có một cửa, tất cả chín mươi chín cửa và một cửa chân nhỏ là một trăm cửa. Các cửa này đều do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo Ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc và vô số hình điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào bằng cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa-la bảy lớp bao quanh cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung, và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Hoa báu năm loại và thuyền bốn báu cũng nói như trên. Bờ hồ có năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam, nữ. Bên ngoài thành này có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy, đều nói như trên. Ở trong hào này có cung điện các thể nữ hiện bày khắp nơi. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu bao quanh cũng nói như trên. Tất cả các hoa trong rừng phía ngoài ấy nở rộ xinh tươi. Lúc ấy các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ trong thành đi ra lắng nghe. Các Thiên tử tấu ca âm nhạc thì các Thiên nữ từ Đại thành đi ra lắng nghe. Vì vậy nên họ rất có nhiều sự vui chơi. Trú xứ bốn bên trong Đại thành này có đường lớn, nhỏ, phố chợ đều rất hài hoà, ngăn

nắp. Thành chư thiên này hoặc có trú xứ bốn nhà liền nhau, hoặc có trú xứ nhà nhọn nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu cao nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu đài cao vút, hoặc có trú xứ bốn mặt đều trấn thủ. Tùy theo phước đức của mỗi một mà các báu làm thành, bằng phẳng, trang nghiêm. Đường của thành cõi trời này có tất cả năm mươi con đường, bốn bên đều thông nhau, ngay hàng thẳng lối theo móng đường. Bốn cửa thành thông nhau, Đông Tây thấy nhau, đường phố quán chợ có rất nhiều hàng hoá báu: một là chợ gạo, hai là chợ áo quần, ba là chợ hương, bốn là chợ ẩm thực, năm là chợ hoa, sáu là chợ thợ giỏi, bảy là chợ kỹ nữ, khắp nơi đều có chợ quán. Trong các chợ này, các Thiên tử và Thiên nữ đi lại mua bán, thương lượng đắt rẻ, cầu xin tăng giảm, cân lường tính toán, đủ các pháp chợ quán. Tuy làm những việc này nhưng vì để vui chơi nên không giữ, không cho, không tâm ngã sở, chỗ cần theo ý thì liền có thể mang đi. Nếu thích hợp với nghề thì liền tùy ý mà lấy, nếu không thích hợp với nghề thì liền nói lời này: "Vật này quý lạ, chẳng phải chỗ cần dùng của tôi, là vật trang sức voi, ngựa, xa binh ở ngã tư đường và chỗ dừng trú của các Thiên tử, hoặc để phòng hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm". Đường giữa chợ tất cả bằng lưu ly, êm láng đáng yêu, các báu trang nghiêm, cũng như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc; rồng, thú, cỏ cây, đều nói như trước. Cho đến đốt hương, rãi hoa, treo các áo trời cũng lại như vậy. Lại ở khắp nơi dựng cờ, tràng phan, trong Đại thành cõi trời cũng có những âm thanh... thường không lặng dứt, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng con ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trừng già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: "Thiện lai! thiện lai! Tôi nay xin cúng dường thức ăn thức uống". Đại thành Đề-đầu-lại-tra này là chỗ trú của Thiên tử, lại có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời vây quanh khắp nơi đại thành này. Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra trú trong đó, vua thống lĩnh ở vị trí tối cao. Từ phía Đông núi Do-càn-đà đến núi Thiết Vi cõi trời Càn thát-bà là chỗ thống lĩnh của vua. Nghĩa vậy, Đức Phật đã dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 15: THÀNH TỲ LƯU LẶC XOA

Ở giữa hai đỉnh núi Nam Do-càn-đà có một quốc độ tên là Tỳ-lưu-lặc-xoa, có chu vi một nghìn do tuần, có thành vàng vây quanh, thành này cao một do-tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm

trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp của đất Bắc và vô số hình điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào bằng cây báu bảy lớp phía ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa la bảy lớp vây quanh cũng nói như trên. Ở giữa cây này có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Hoa báu năm loại và thuyền bốn báu cũng nói như trên. Bờ hồ có năm loại cây báu, cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của Chư thiên nam nữ. Bên ngoài thành có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy, cũng đều nói như trên. Ở trong hào này có cung điện của các thể nữ bày khắp nơi. Bên ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu bao quanh cũng nói như trên. Tất cả các hoa lúc ấy ở trong rừng phía ngoài đang nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ Đại thành đi ra lắng nghe. Lúc các Thiên tử tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ Đại thành đi ra lắng nghe âm nhạc, vì nhân duyên này nên họ có rất nhiều sự vui chơi.

Phía Tây nam của thành Tỳ-lưu-lặc-xoa là trú xứ của Thiên Vương Tỳ-lưu-lặc-xoa, có chu vi hai trăm năm mươi do tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do tuần có một cửa, có hai mươi bốn cửa lớn và một cửa nhỏ, tất cả là hai mươi lăm cửa. Các cửa thành này do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc, và vô số hình tượng điêu khắc. Cửa thành này lại có bốn quân phòng vệ cũng đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp bên ngoài cũng nói như trên. Rừng cây Đa-la bảy lớp bao quanh cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên. Hoa báu năm loại, và thuyền bốn báu cũng nói như trên. Bờ hồ có cây báu năm loại cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam, nữ.

Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu, ngoài ra cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp dưới rộng, nước trời tràn đầy, đều nói như trên. Trong hào này có cung điện của các thể nữ bày khắp nơi. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy, tất cả hoa trong rừng phía ngoài đang nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ trong thành đi ra lắng nghe. Lúc các Thiên tử tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ trong thành đi ra lắng nghe, vì nhân duyên này nên họ thọ nhận

nhiều sự vui chơi. Trú xứ bốn bên trong đại thành này có đường lớn, đường nhỏ, quán chợ đều rất thẳng tắp, hài hòa. Thành chư thiên này hoặc có trú xứ bốn nhà liền nhau, hoặc có chỗ thì nhà tầng cao nhọn, hoặc có chỗ thì lầu cao nhiều tầng, có trú xứ thì lầu đài chọc trời, có trú xứ thì bốn mặt đều để phòng chống quân địch. Tùy theo phước đức của mỗi một mà các báu làm thành bằng thẳng, tráng lệ. Thành này có tất cả năm mươi con đường, bốn mặt thông nhau, ngay hàng thẳng lối đều theo như nền móng đường, bốn cửa thông nhau, Đông Tây thấy nhau, đường xá, quán chợ bày nhiều hàng báu: một là chợ gạo, hai là chợ áo quần, ba là chợ hương, bốn là chợ ẩm thực, năm là chợ hoa, sáu là chợ thợ giỏi, bảy là chợ dâm nữ, khắp nơi đều có quán chợ. Trong các chợ này có Thiên tử và Thiên nữ đi lại mua bán, thương lượng đắt rẻ, cầu xin thêm bớt, cân lường tính toán, đầy đủ các pháp chợ. Tuy họ làm việc này nhưng để vui chơi nên không lấy, không cho, không có tâm ngã sở, vật cần theo ý thì liền có thể được mang đi. Nếu thích hợp với nghề thì tùy ý mà lấy. Nếu không thích hợp với nghề thì liền nói lời này: "Vật này quý lạ, chẳng phải là vật ta cần, cần trang nghiêm voi, ngựa, xe, binh ở ngã tư đường và trong chỗ dừng nghỉ của Chư thiên, hoặc để thủ hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm". Giữa chợ có con đường tất cả đều làm bằng lưu ly êm láng, đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, cũng như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc; rồng, thú, cây cỏ đều nói như trên. Cho đến đốt hương, rãi hoa, treo áo Chư thiên cũng lại như vậy. Lại dựng cờ phướn ở khắp nơi, trong đại thành cõi trời, có các loại âm thanh không bao giờ lắng dứt, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trừng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: "Thiện lai, thiện lai! Nay tôi xin cúng dường thức ăn, nước uống". Đại thành Tỳ-lâu-lặc-xoa này là trú xứ của Thiên tử, lại có Châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời vây quanh khắp nơi Đại thành này. Thiên Vương Tỳ-lâu-lặc-xoa trú trong đó, chỗ cao nhất Vua lĩnh ngự. Từ phía Nam núi Do-càn-đà đến núi Thiết Vi của Thần Câu-bàn-trà là chỗ vua này thống lĩnh. Nghĩa như vậy, Đức Thế Tôn dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 16: TỲ LƯU BÁC XOA

Giữa hai đỉnh núi Tây Do-càn-đà có một đất nước tên là Tỳ-lưu- bác-xoa, chu vi một nghìn do tuần, có thành vàng bao quanh, cao một do tuần, thành ở trên cao nửa do-tuần. Cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả chín mươi chín cửa và

một cửa nhỏ là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, và được trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm trải nền tuyệt đẹp và vô số hình tượng điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ đều nói như trên. Hàng rào cây báu bảy lớp bên ngoài, có rừng cây Đa-la bảy lớp vây quanh. Ở giữa rừng ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung và vô số sự trang nghiêm, có hoa báu năm loại và thuyền bốn báu; bờ hồ có cây báu năm loại, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam nữ đều nói như trên. Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu, mỗi một hào ấy rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp, dưới rộng, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Trong hào này có cung điện của các Thể nữ bày khắp nơi. Ba lớp hào bên ngoài, rừng cây bảy báu bao quanh cũng nói như trên. Lúc này tất cả các hoa trong rừng phía ngoài đang nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ đại thành đi ra lắng nghe âm nhạc. Lúc các Thiên tử tấu ca âm nhạc, các Thiên nữ từ Đại thành đi ra lắng nghe. Do nhân duyên này mà họ nhận được nhiều sự vui chơi. Góc Tây nam của thành là trú xứ của Thiên Vương Tỳ-lưu-bác-xoa, có chu vi hai trăm năm mươi do tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ là đủ một trăm cửa. Các cửa như vậy đều do các báu làm thành, trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp và vô số hình tượng điêu khắc. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ. Bên ngoài có hàng rào bằng cây báu bảy lớp, có rừng cây Đa-la bảy lớp bao quanh. Ở giữa cây cây ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung và vô số sự trang nghiêm, có hoa báu năm loại và thuyền bốn báu. Bờ hồ có năm loại cây báu cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam, nữ đều nói như trên. Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp, dưới rộng, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Trong hào này có cung điện của các thể nữ bày khắp nơi. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh, đều nói như trên. Tất cả các hoa trong rừng phía ngoài này đang nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ trong thành đi ra lắng nghe. Các Thiên tử lúc tấu ca âm nhạc, các Thiên nữ từ trong thành đi ra cùng Thiên tử lắng nghe âm nhạc. Vì nhân duyên này nên họ nhận được nhiều sự vui chơi. Trú xứ bốn bên trong Đại thành này có đường lớn, nhỏ, quán chợ đều phân bố hài hoà, thẳng tắp. Thành chư thiên này hoặc có trú xứ bốn nhà liền nhau, hoặc có trú xứ nhà nhọn nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu cao nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu đài

chọc trời, hoặc có trú xứ bốn mặt đều trấn thủ, tùy theo phước đức của mỗi một mà các báu làm thành ngay thẳng, tráng lệ. Thành cõi trời này có năm mươi con đường, bốn bề thông nhau, ngay hàng thẳng lối và đều theo nền đường. Bốn cửa thành thông nhau, Đông và Tây thấy nhau, đường xá phố chợ bày hàng bán đầy khắp: một là chợ gạo, hai là chợ áo quần, ba là chợ hương, bốn là chợ ẩm thực, năm là chợ hoa, sáu là chợ thợ giỏi, bảy là chợ kỹ nữ. Các Thiên tử, các Thiên nữ đến đi mua bán, thương lượng đắt rẻ, cầu xin thêm bớt, cân lường tính toán, đủ các pháp chợ búa. Tuy họ làm việc này nhưng vì để vui chơi nên không lấy cũng không cho, không tâm ngã sở, chỗ cần để thoả lòng mong muốn thì liền có thể mang đi. Nếu thích hợp về nghề nghiệp thì tùy ý mà lấy, nếu không thích hợp thì liền nói: "Vật này quý lạ, chẳng phải vật ta cần, phải là vật trang sức voi, ngựa, xe, binh ở ngã tư đường và nơi chỗ dừng nghỉ của chư thiên tử, hoặc để giữ gìn, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm". Con đường ở giữa chợ đều làm bằng lưu ly, êm láng, đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, cũng như thảm trãi nền dệt lông tuyệt đẹp ở đất Bắc; thú, rồng, cây cỏ, đều nói như trước. Cho đến đốt hương, rãi hoa, treo áo chư thiên cũng là như vậy, khắp nơi lại treo tràng phan. Trong Đại thành cõi trời có nhiều âm thanh, thường không đoạn đứt, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng mâu-trừng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: "Thiện lai! Thiện lai! Nay tôi xin cúng dường thức ăn, thức uống". Đại thành Tỳ-lưu-bát-xoa là trú xứ của Thiên tử, lại có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời vây quanh khắp nơi Đại thành này. Thiên Vương Tỳ-lưu-bát-xoa trú ở trong đó, vua thống ngự chỗ cao nhất. Từ phía Tây núi Do- càn-đà đến chim Ca-lâu-la, tất cả các rồng bên núi Thiết vi là chỗ thống lĩnh của vua. Nghĩa như vậy, Đức Phật đã dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 17: THÀNH TỲ SA MÔN

Ở giữa hai núi Do-càn-đà có một quốc độ tên là Tỳ-sa-môn, có chu vi một nghìn do-tuần, có thành vàng bao bọc xung quanh. Thành này cao một do tuần, thành thấp ở trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ là một trăm cửa. Các cửa này do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm trải nền dệt bằng lông tuyệt đẹp của đất Bắc và vô số hình tượng điêu khắc khác. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ. Bên ngoài thành có hàng rào bằng cây báu bảy lớp, có rừng cây Đa-la bảy lớp vây quanh. Ở giữa rừng ấy có hồ các báu, các hồ này cách nhau khoảng một trăm cung và vô số sự trang

nghiêm khác. Ở đây có năm loại hoa báu và thuyền bốn báu, bờ hồ có cây báu năm loại, cho đến cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam nữ đều nói như trước. Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình như miệng bình, trên hẹp dưới rộng, nước trời tràn đầy đều nói như trên.

Trong hào này có cung điện các thể nữ bày khắp nơi, ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh đều nói như trên. Lúc ấy, tất cả các hoa ở rừng phía ngoài nở rộ tươi đẹp. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ thành đi ra lắng nghe. Các Thiên tử tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ thành đi ra lắng nghe. Vì nhân duyên này nên họ nhận được rất nhiều sự vui chơi. Góc Tây nam của thành là trú xứ của Thiên Vương Tỳ-sa-môn, có chu vi hai trăm năm mươi do-tuần, có thành vàng vây quanh. Thành này cao một do-tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, có hai mươi bốn cửa lớn và một cửa nhỏ, tất cả là hai mươi lăm cửa. Các cửa này đều do các báu làm thành, được trang nghiêm bằng diệu bảo ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp và vô số hình điêu khắc khác. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ, bên ngoài có hàng rào cây báu bảy lớp, có rừng cây báu Đa-la bảy lớp bao quanh. Ở giữa rừng ấy có hồ các báu, các hồ cách nhau một trăm cung, và vô số sự trang nghiêm, như hoa báu năm loại và thuyền bốn báu. Bờ hồ có năm loại cây báu, cung điện bốn báu là trú xứ của chư thiên nam nữ đều nói như trên. Bên ngoài thành ấy có ba lớp hào báu, mỗi một hào rộng hai do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, nước trời tràn đầy đều nói như trên. Trong hào này có cung điện các thể nữ bày hiện khắp nơi. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu bao quanh đều nói như trên. Tất cả các hoa trong rừng bên ngoài ấy nở rộ xinh tươi. Lúc các Thiên nữ tấu ca âm nhạc, các Thiên tử từ trong thành đi ra lắng nghe. Các Thiên tử tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ trong thành đi ra lắng nghe. Do nhân duyên này nên họ có rất nhiều sự vui chơi. Trú xứ bốn bên trong thành này có đường lớn, đường nhỏ, quán chợ đều rất thẳng tắp, hài hòa. Thành chư thiên này có chỗ bốn nhà liền nhau, hoặc có chỗ nhà nhọn nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu cao nhiều tầng, hoặc có chỗ lầu đài chọc trời, hoặc có trú xứ bốn mặt đều phòng thủ. Tùy theo phước đức của mỗi người mà các báu làm thành ngay ngắn, tráng lệ. Thành cõi trời này có năm mươi con đường, bốn mặt thông nhau, ngay hàng thẳng lối đều theo nền đường, Đông Tây thấy nhau, đường xá quán chợ có hàng hóa quí báu đầy khắp: Một là chợ gạo, hai là chợ áo quần, ba là chợ hương, bốn là chợ ẩm thực, năm là chợ hoa, sáu là chợ thợ giỏi, bảy là chợ kỹ nữ, khắp nơi đều có quán chợ.

Trong các chợ này, chư thiên nam nữ đi lại mua bán, thương lượng rẻ, đắt, cầu xin thêm bớt, cân lường tính toán, đầy đủ các pháp chợ búa. Tuy họ làm việc này nhưng vì để vui chơi nên không lấy, không cho, không tâm ngã sở, vật cần theo ý thì liền có thể mang đi. Nếu thích hợp với nghề thì tùy ý mà lấy, nếu không thích hợp thì liền có lời nói: "Vật này quý lạ chẳng phải vật ta cần, cần để trang sức voi, ngựa, xe, binh ở ngã tư đường và nơi trú xứ các Thiên tử này, hoặc để giữ gìn, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm". Con đường giữa chợ làm bằng lưu ly, êm láng đáng yêu và trang nghiêm bằng các báu, cũng như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp của đất Bắc; rồng, thú, cỏ cây đều nói như trên. Ở đây đốt hương, rãi hoa, treo các áo trời cũng lại như vậy, lại ở khắp nơi đều dựng tràng phan. Trong Đại thành cõi trời này có nhiều âm thanh thường không đoạn dứt, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng ốc, tiếng xe, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trừng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc. Lại có tiếng nói: "Thiện lai, Thiện lai! Nay tôi xin cúng dường thức ăn, thức uống". Đại thành Tỳ-sa-môn này là trú xứ của Thiên tử, lại có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời vây quanh khắp nơi. Trong Đại thành này là trú xứ của Thiên Vương Tỳ-sa-môn, chỗ cao nhất vua thống ngự. Thành Tỳ-sa-môn này có rất nhiều món ẩm thực khư-đà-ni-bạc-xà-ni, cho nên cũng gọi là A-la-kha-mạn-đà. Nghĩa như vậy, Đức Phật đã dạy, tôi nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 5

Phẩm 18: THIÊN VÀ PHI THIÊN ĐÁNH NHAU

Nơi bằng phẳng trên đỉnh núi Chúa Tu Di đều do lưu ly làm thành, êm láng đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc và vô số hình tượng điêu khắc khác, cũng như các báu trang sức vành tai. Ở đây lúc dẫm chân vào thì liền in xuống, lúc cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la, đất này mềm mịn lại cũng như vậy. Xung quanh đỉnh này có thành vàng bao bọc, cao một do-tuần, thành thấp ở trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi, mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả là ba vạn hai nghìn cửa. Các cửa thành này do các báu làm thành, trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp tại đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa không có gì mà chẳng có, cũng như trang sức các báu lộng lẫy nhiều khắp đầy đủ, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên thành này trang nghiêm bằng voi, ngựa, xe, quân, các Thiên tử cầm gậy giáo nhọn trang nghiêm, tụ tập ở đây để hộ quốc, dạo chơi, trang nghiêm. Có hồ báu khắp nơi, nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đáy đều làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra đều nói như trên, cho đến chư thiên nam nữ nhiều khắp trong đó cũng lại như vậy. Từ trên đỉnh núi chúa Tu Di này xuống dưới hai vạn do-tuần là tầng thứ nhất. Bốn bên của tầng này, mỗi bên rộng năm mươi do-tuần, chu vi hơn tầng trên là bốn trăm do-tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do-tuần, thành thấp phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do- tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, có tất cả một nghìn cửa do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các loài hoa, không gì mà chẳng có, cũng như trang sức các báu lộng lẫy, đầy đủ. Các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có voi, ngựa, bốn quân phòng vệ, để hộ quốc, để vui chơi, để trang nghiêm. Bên ngoài thành ấy có hồ các báu, thành lũy và đáy bờ đều do gạch bốn báu làm thành, cho đến Thiên tử

và Thiên nữ nhiều khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Trì Man trú ở trong đó. Số chu vi của gốc núi Tu Di tăng thêm bốn trăm do-tuần, tầng này cộng với gốc núi là tám trăm do-tuần. Từ đỉnh xuống bốn vạn do-tuần là tầng thứ hai, bốn bên đều rộng ra hơn tầng trên năm mươi do-tuần, có thành vàng vây quanh. Thành này cao một do-tuần, thành phía trên cao nửa do- tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, có tất cả một nghìn cửa do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa, không có gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có bốn quân voi ngựa phòng vệ để giữ nước, để vui chơi, để trang nghiêm. Có hồ các báu, thành lũy và đáy bờ hồ đều làm bằng gạch bốn báu, cho đến chư thiên tử… đầy khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Thường Thắng trú ở trong đó. Số chu vi gốc núi lại tăng thêm tám trăm do-tuần, hợp lại với gốc núi là một nghìn hai trăm do-tuần. Từ đỉnh núi xuống sáu vạn do-tuần là tầng thứ ba, bốn bên đều rộng ra hơn tầng thứ hai là năm mươi do-tuần, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do-tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả có một nghìn cửa đều do các báu làm thành và trang sức bằng vô số ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân rồng, thú, cây cỏ và các loại hoa không có gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng lại như vậy. Hai bên các cửa thành có bốn quân voi ngựa phòng vệ để giữ nước, để vui chơi, để trang nghiêm. Có hồ các báu, thành lũy và đáy bờ hồ đều làm bằng gạch bốn báu, kiến tạo cho đến chư thiên tử… đầy khắp quốc độ cũng là như vậy. Có các Thiên tử tên là Thủ Trì Bảo Khí trú ở trong đó, có thành vàng bao quanh và vô số sự trang nghiêm cũng nói như trên, cho đến các Thiên tử đầy khắp quốc độ lại cũng như vậy. Số chu vi gốc núi Tu Di lại tăng thêm bốn trăm do-tuần, cộng lại là một nghìn sáu trăm do-tuần là tầng thứ tư, bốn bên của tầng này rộng hơn tầng thứ ba ở trên là năm mươi do-tuần. Từ mặt nước biển lên năm mươi do-tuần là tầng thứ tư của núi Tu Di, rộng hơn tầng thứ ba mỗi bên năm mươi do-tuần, dày cũng như vậy, có thành vàng bao quanh. Thành này cao một do- tuần, thành phía trên cao nửa do-tuần, cửa thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi. Mỗi mười do-tuần có một cửa, tất cả có một nghìn cửa đều do các báu làm thành và được trang sức bằng vô số ma- ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa

không gì mà chẳng có; cũng như vòng tai đầy đủ các báu, các cửa thành này cũng là như vậy. Hai bên các cửa thành đều có bốn quân voi, ngựa phòng vệ, để hộ quốc, dạo chơi và trang nghiêm quốc độ. Có hồ các báu và bờ hồ, đáy hồ, thành lũy đều làm bằng gạch bốn báu, cho đến chư thiên đầy khắp quốc độ cũng lại như vậy. Tầng thứ tư này là trú xứ của quân Tứ Thiên Vương. Phía tầng này ra đến bốn trăm năm mươi do-tuần, chu vi một nghìn tám trăm do-tuần có rồng, thú và trú xứ của chim cánh vàng. Các tầng phía dưới trên núi Tu Di đều dày năm mươi do-tuần. Các tầng trong biển ấy là trú xứ của A Tu-la. A-tu-la này vì muốn được năm việc của chư thiên nên đi đến chinh phạt. Những gì là năm? Một là vị Thiên-tu-đà, hai là đất bằng của chư thiên, ba là vườn rừng của chư thiên, bốn là quốc ấp của chư thiên, năm là Đồng nữ của chư thiên. Vì năm việc này mà đi đến công kích chư thiên. Chư thiên cũng muốn được năm việc kia nên đi đến đánh Tu-la. Những gì là năm? Một là vị Tu đà A-tu-la, hai là đất bằng của Tu-la, ba là vườn rừng của Tu-la, bốn là quốc ấp của Tu-la, năm là Đồng nữ của Tu-la. Vì năm việc này mà đi đến đánh Tu-la. Lúc ấy, Tu-la đến đánh chư thiên; trước tiên là ở dưới nước có rồng và chim đánh nhau, nếu không hơn thì liền lui về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên tầng dưới nhất cùng quân Tứ Vương và các rồng, chim cũng lên tầng này, cùng chiến đấu một lúc mà Tu-la không bằng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên tầng thứ hai cùng với quân Tứ Vương và trời Bảo Trì Khí, các rồng, chim… cùng đánh nhau một lúc, nếu lúc không thắng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu lúc thắng thì tiến lên tầng thứ ba cùng với trời Thường Thắng, trời Trì Bảo Khí và quân Tứ Vương; các chim, rồng… chiến đấu với nhau một lúc, nếu không thắng thì liền trở về chỗ cũ. Nếu thắng thì lên tầng thứ tư cùng trời Trì Man, các trời ở dưới và quân Tứ Vương; các rồng, chim… chiến đấu với nhau một lúc, nếu không thắng thì từ đó trở về chỗ cũ. Nếu lúc chiến thắng thì lên đỉnh núi Tu Di. Chư thiên Trì Man này đi đến chỗ Đế Thích báo về việc như vậy: "Thưa Thiện Tôn! A-tu-la đã đến". Lúc ấy, Đế Thích dùng một nghìn xe ngựa, có một xe dùng áo A-la-hán làm tràng phan, bốn binh voi, ngựa không xen tạp, quân chúng vây quanh đi ra chỗ chiến. Thiên Vương trời thứ ba mươi ba và mỗi một đều có bốn bộ quân chúng vây quanh cũng đến chỗ chiến. Hai Thái tử của vua là Chiên Đàn và Tu Tỳ cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Lúc ấy, Tứ Thiên Vương cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Thiên tử Nhật, Nguyệt cũng có bốn quân vây quanh cùng đến chỗ chiến. Tất cả chư thiên như vậy đều có tướng quân ở trước dẫn quân đến nơi chỗ này cùng với Tu-la chiến đấu. Quân Tượng cùng chiến đấu với quân Tượng, các quân xe, mã, bộ… đều

như vậy. Lúc chiến đấu, nếu người nào đến trước thì tự lui trước, quy tắc là vậy. Việc như vậy, Đức Phật đã dạy:

Này Tỳ-kheo! Thuở xưa, lúc chư thiên cùng chiến đấu với Tu-la, đang lúc chiến đấu, hai bên giao kiếm, quân chư thiên thắng, quân Tu- la bỏ chạy. Này Tỳ-kheo! Lúc Tu-la rút lui, chạy về hướng Nam, trở về chỗ cũ, chư thiên cũng bèn lui về. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy Tu-la suy nghĩ: "Chư thiên đại thắng, chúng ta bỏ chạy, chư thiên liền lui về rất gấp, quân ta vẫn có thể quyết chiến lần khác". Lần thứ hai chiến đấu, chư thiên đại thắng, Tu-la lại rút lui, chạy về hướng Nam, trở về chỗ cũ, chư thiên bèn về. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy, Tu-la lại suy nghĩ: "Chư thiên đại thắng, chúng ta bỏ chạy, chư thiên bèn về gấp, nay quân ta vẫn còn, ắt phải quyết chiến lần khác". Này Tỳ-kheo! Lúc chiến đấu lần thứ ba, chư thiên lại thắng, Tu-la bỏ chạy, trở về thành mình, đóng cửa mà ở. Này Tỳ-kheo! Lúc ấy, Tu-la lại suy nghĩ: "Ta đã vào thành, nếu chư thiên có đến cũng không đánh được ta". Này Tỳ-kheo! Chư thiên cũng suy nghĩ: "Bọn Tu-la đã vào thành của chúng, không thể tấn công". Lúc ấy, chư thiên cũng vây quanh khắp nơi, làm cho ở đó chỉ sinh hoạt trong thành, chư thiên liền được ăn vị Tu đà của Tu-la, chiếm đóng nơi đất bằng cùng các vườn rừng và các quốc ấp, các Đồng nữ… đều được chọn dùng, tất cả nam nữ, vật báu đều thâu hết không hề bỏ sót. Nếu chư thiên tác ý muốn vào thành kia: "Ta cùng với Tu-la ăn uống, đã làm thân thích, cần đến thăm hỏi", thì tùy ý mà đến đi, ăn uống, chuyện trò. Đã vào thành rồi nếu tâm không thích nghi thì vì tâm này mà tự nhiên ra về. Vì sao như vậy? Vì thành này là chỗ vô úy của A-tu-la nên chư thiên tùy ý mà trú ở quốc độ này. Đồng nữ Tu-la đã được chọn dùng, nếu lúc muốn đi sẽ dẫn về cõi trời. Lúc có người đến mua vị Tu đà trong các A-tu-la thì vào thành chư thiên thăm hỏi khắp nơi, hoặc thấy chư thiên… và các quyến thuộc luận bàn đắt rẻ, hoặc mua được thì cùng nhau về chỗ cũ. Nếu các Chư thiên thối lui, lúc bị bắt giữ cũng lại như vậy. Đại thành Thiện Kiến của cõi trời Đao Lợi là trú xứ của Thích Đề Hoàn Nhơn. Thành A-tu-la là trú xứ của vua A-tu-la. Như Tượng Vương đi trong vườn Y-la-bàn của trời Đao Lợi, A-tu-la cũng như vậy có Tượng Vương tên là Bạt-đà-bà-ha cỡi đi trong vườn rừng. Như Thiện Vương Thiện Trụ của trời Đao Lợi cỡi đi chiến đấu, Tượng Vương Nha-la-bà của A-tu-la cũng cỡi đi chiến đấu như vậy. Như châu, quận, huyện… cõi trời của trời Đao Lợi, cảnh giới Tu-la cũng lại như vậy; như y phục, ẩm thực của trời Đao lợi và vô số sự trang nghiêm, cảnh giới Tu-la cũng vậy, trừ Thiện pháp đường và trùng các Bì-thiền-diên-đa. Nghĩa như vậy, Đức Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 19: SỰ VẬN HÀNH CỦA MẶT TRỜI MẶT TRĂNG

Từ cõi Diêm-phù-đề lên cao bốn vạn do tuần là vòng quay nửa núi Tu di của mặt trời, mặt trăng, đi qua núi Càn-đà. Cung điện mặt trời mặt trăng này có hình tròn như cái trống. Cung điện mặt trăng có bề dày năm mươi do tuần, rộng năm mươi do tuần, chu vi một trăm năm mươi do tuần. Cung điện mặt trời, mặt trăng này được làm bằng lưu ly, lớp che ở trên bằng bạch ngân, phần nhiều là nước, phần nước phía dưới là nhiều nhất, ánh sáng ở phần dưới ấy cũng là lớn nhất. Phía trên của nó có thành vàng bao bọc xung quanh, thành cao một do tuần, thành thấp phía trên cao nửa do tuần, cửa thành cao hai do tuần, cửa lầu cao một do tuần rưỡi; mỗi mười do tuần có một cửa, tất cả là mười bốn cửa và một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm bằng các báu, được trang sức bằng vô số Ma-ni, ví như thảm trãi nền dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân... rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà chẳng có, cũng như vòng tai đầy đủ các báu trang nghiêm, các cửa thành này cũng như vậy. Hai bên cửa thành được trang nghiêm bằng bốn quân voi, xe, các Thiên tử cầm gậy giáo trang nghiêm, tập hợp trong đó để giữ nước, vui chơi và trang nghiêm. Khắp nơi có hồ báu, nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đáy đều kiến tạo bằng gạch bốn báu, ngoài ra đều nói như trên. Cho đến chư thiên nam nữ cùng khắp trong đó lại cũng như vậy. Cung điện này gọi là Chiên Đàn, Thiên tử mặt trăng này ở trong đó cũng gọi là Chiên Đàn, cung điện Thiên tử đều gọi là Chiên Đàn. Cung điện như vậy đã trụ hơn bốn mươi kiếp, vì duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên thường đi chiếu sáng. Lúc Thiên tử ở cung điện cũng thường đi, nếu Thiên tử không ở, cung điện cũng đi. Lúc Thiên tử trở về, tùy theo chỗ đang ở của cung điện mà Thiên tử liền đáp xuống ở đó. Cung mặt trời này có chiều dày năm mươi mốt do-tuần, rộng năm mươi mốt do-tuần, chu vi một trăm năm mươi ba do-tuần. Cung điện mặt trời này được làm bằng pha lê, lớp che ở trên bằng xích kim (vàng đỏ), phần nhiều là hỏa đại, hỏa phần ở dưới là nhiều nhất, ánh sáng ở dưới vùng ấy cũng nhiều nhất. Phần ở trên của cung điện này có thành vàng vây quanh, thành cao một do-tuần, thành thấp ở trên cao nửa do- tuần, cổng thành cao hai do-tuần, cửa lầu cao một do-tuần rưỡi; mỗi một do-tuần có một cửa, tất cả là mười bốn cửa và một cửa nhỏ. Các cửa thành này được làm bằng các báu và được trang sức bằng vô số Ma-ni, ví như thảm trãi nền được dệt bằng lông tuyệt đẹp ở đất Bắc. Nhân, phi nhân... rồng, thú, cỏ cây và các loài hoa không gì mà chẳng có, cũng như vòng tai trang sức đầy đủ các báu,

các cổng thành này lại cũng như vậy. Hai bên cổng thành được phòng vệ bằng bốn quân voi, xe để giữ quốc độ, để trang nghiêm và vui chơi. Khắp nơi có hồ báu nước trời tràn đầy, thành lũy và bờ đáy đều được làm bằng gạch bốn báu, ngoài ra cũng nói như trên. Cho đến chư thiên nam nữ nhiều khắp trong đó lại cũng như vậy. Cung điện này gọi là Tu Dã, Thiên tử mặt trời này trú ở trong đó cũng gọi là Tu Dã, cung điện Thiên tử đều gọi là Tu Dã. Cung điện này đã trú hơn bốn mươi kiếp, vì duyên tăng thượng của chúng sanh nên thường đi chiếu sáng. Lúc Thiên tử ở, cung điện thường đi, nếu Thiên tử không ở cung điện cũng đi. Lúc Thiên tử trở về thì tùy theo chỗ đang trú của cung điện mà Thiên tử liền đáp xuống trong đó. Cung điện tinh tú nhỏ nhất có đường kính nửa câu-lô-xá, chu vi một câu-lô-xá rưỡi. Tinh tú lớn có đường kính mười sáu do-tuần, chu vi bốn mươi tám do-tuần. Trước nhật nguyệt có Thiên tử Hành Lạc. Thiên tử này nếu lúc đi thì nhận lấy sự vui chơi, vì duyên tăng thượng của nghiệp chúng sinh nên có phong luân thường thổi vòng khắp, vì gió thổi nên cung mặt trời mặt trăng... quay khắp không ngừng. Cung điện mặt trời đi một trăm tám mươi đường, cung điện mặt trăng đi mười lăm đường, mặt trời đi mười hai đường và mặt trăng đi một đường. Nếu lúc mặt trời ra vào thì có mười hai đường đi của mặt trời, lúc mặt trăng ra vào thì mặt trời đi được một độ. Từ đường cực Nam đến đường cực Bắc là hai trăm chín mươi do-tuần, mặt trời mặt trăng đi ở trong đó không có giảm đi hoặc dài ra. Mặt trời lại có hai đường một là đường ngoài, hai là đường trong. Đường trong là từ trong đường Diêm-phù-đề đến đường trong Uất đơn- việt cách nhau bốn ức tám vạn tám trăm do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn hai nghìn bốn trăm do-tuần. Đường ngoài là cách nhau bốn ức tám vạn một nghìn ba trăm tám mươi do-tuần, chu vi mười bốn ức bốn vạn bốn nghìn một trăm bốn mươi do-tuần. Mặt trăng quay một bên thì nhanh, quay khắp thì chậm; mặt trời quay khắp thì nhanh, quay một bên thì chậm. Mặt trời và mặt trăng quay có lúc trùng (hợp), có lúc không trùng (ly). Trong mỗi một ngày mặt trời quay bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, lúc hợp và ly đều vậy. Nếu lúc hợp một thoáng, ban ngày mặt trời khuất mặt trăng ba và một phần ba do-tuần, vì phương tiện này nên ngày mười lăm tất cả ánh sáng mặt trăng không hiện. Nếu lúc ly một thoáng, hàng ngày mặt trời quay bốn vạn tám nghìn tám mươi do- tuần, mặt trời cách mặt trăng ba và một phần ba do-tuần, vì phương tiện này nên mặt trăng ngày mười lăm tròn. Số lượng như vậy chu vi mặt trời quay nhanh chậm so với mặt trăng bốn vạn tám nghìn tám mươi do- tuần. Lúc ấy Thế Tôn nói lại nghĩa này bằng kệ:

Bốn vạn và tám nghìn

Tám mươi các do-tuần
Nhật quay nguyệt chạy vậy
Cách mặt trăng cũng vậy.

Mặt trời thường đi một do tuần rưỡi và một phần chín do-tuần, mỗi một ngày lúc mọc như vậy, lặn cũng như vậy. Trong ngày tháng sáu từ đường trong đi ra đến đường ngoài, ngày tháng sáu từ đường ngoài vào đến đường trong mặt trời thường đi mười chín một phần ba do-tuần. Mỗi một ngày mặt trời mọc cũng như vậy, lặn cũng như vậy. Ngày mười lăm từ đường trong đến đường ngoài, từ đường ngoài đến đường trong, nếu mặt trời đi từ đường trong Đông Phất-bà-đề đến phía Nam cõi Đông Phất-bà-đề cách nhau sáu trăm tám mươi ba và một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Diêm- phù-đề đến phía Nam cõi Diêm-phù-đề cách nhau ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Tây-cù-da-ni đến phía Nam cõi Tây-cù-da-ni cách nhau sáu trăm tám mươi ba một phần ba do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường trong Bắc Uất-đơn-việt đến phía Nam cõi Uất-đơn-việt cách nhau ba trăm năm mươi do-tuần, trong đó mặt trời đi đường trong. Nếu mặt trời đi đường ngoài Đông Phất-bà-đề từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời là ba trăm chín mươi ba một phần ba do-tuần, mặt trời đi trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Diêm-phù-đề từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời sáu mươi do-tuần, mặt trời đi đường ngoài trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Tây Cù-da-ni từ vùng phía Nam đến đường ngoài của mặt trời ba trăm chín mươi ba một phần ba do-tuần, mặt trời đi trong đó. Nếu mặt trời đi đường ngoài Bắc Uất-đơn-việt đến vùng phía Nam sáu mươi do-tuần, mặt trời đi trong đó. Nếu mặt trời đi đường trong Đông Phất-bà-đề thì đi đường ngoài Tây Cù-da-ni và đi đường giữa Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn- việt. Lúc ấy ban ngày ở Đông Phất-bà-đề dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban đêm ngắn nhất mười hai mâu-hưu-đa. Ban đêm ở Tây Cù-da-ni dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Phần ban ngày, ban đêm... của Diêm-phù-đề và Bắc Uất- đơn-việt đều là mười lăm mâu-hưu-đa, sáu mâu-hưu-đa ở đó thường động, hai mươi bốn mâu-hưu-đa bất động. Nếu mặt trời đi đường ngoài Đông Phất-bà-đề thì đi đường trong Tây Cù-da-ni, đi đường giữa Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt, lúc ấy đêm ở Đông Phất-bà-đề dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa, ngày dài nhất ở Tây Cù-da-ni là mười tám mâu-hưu-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Phần ngày đêm ở Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đơn-việt đều là mười

lăm mâu-hưu-đa. Nếu mặt trời đi đường trong Diêm-phù đề tức đi đường ngoài Bắc Uất-đơn-việt, tức đi đường giữa Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni, ngày dài nhất ở Diêm-phù-đề này là mười tám mâu-hưu-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa; đêm dài nhất ở Bắc Uất-đơn-việt là mười tám mâu-hưu-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Phần ngày đêm của Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni đều là mười lăm mâu-hưu-đa. Nếu mặt trời đi đường ngoài Nam Diêm-phù-đề tức đi đường trong Bắc Uất-đơn-việt, đi đường giữa Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni, lúc ấy ban đêm ở Diêm-phù-đề dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa; ban ngày ở Bắc Uất-đơn-việt dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa; phần ngày đêm ở Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni đều là mười lăm mâu-hưu-đa; ở Tây Cù- da-ni và Bắc Uất-đơn-việt đều nói như trên. Nếu ba mươi mâu-hưu-đa trong thế gian nhất định thường là một ngày đêm, thì một mâu-hưu-đa đó có ba mươi phần, mỗi một phần này gọi là la-bà Nếu lúc mặt trời tăng thì ban ngày tăng một la-bà, nếu mặt trời giảm ban ngày, cũng giảm một la bà, ban đêm cũng như vậy. Nếu lúc ban ngày giảm, ban đêm tăng một la-bà; nếu ban đêm giảm, ban ngày tăng một la-bà. Nếu ban ngày dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, lúc ấy ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Nếu ban đêm dài nhất là mười tám mâu-hưu- đa, lúc ấy ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Nếu ngày đêm, ban ngày mười lăm mâu-hưu-đa, ban đêm mười lăm mâu-hưu-đa, hoặc ngày mười lăm tháng năm trăng đang tròn, lúc ấy ở Ấn Độ bắt đầu kiết hạ thì ở Trung Quốc (nhà Hán) an cư đã xong một tháng. Lúc ấy ban ngày thì dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban đêm thì ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Từ ngày mười sáu giảm một la-bà, tháng một giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ hai giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hưu-đa cho đến ngày mười lăm tháng tám ở Ấn Độ mát mẻ thì ở Trung Quốc phải mặc áo ca-hy-na, ban ngày và ban đêm bằng nhau, đều là mười lăm mâu-hưu-đa. Từ ngày mười lăm đến tháng một là giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ hai giảm một mâu-hưu- đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hưu-đa, đến ngày mười lăm tháng mười một ban đêm dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Từ đêm lúc này ban ngày giảm một la-bà, ngày tháng một thì ban đêm giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ hai lại giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hưu-đa, đến ngày mười lăm tháng mười hai ban ngày và ban đêm bằng nhau, mỗi một đều là mười lăm mâu-hưu-đa. Lại nữa từ ngày mười sáu đến tháng một lại giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ hai lại giảm một mâu-hưu-đa, tháng thứ ba lại giảm một mâu-hưu-đa

đến ngày mười lăm tháng năm ban ngày dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ban đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa. Lại có biệt thời, nếu mùa hạ ở Ấn Độ trong mùa trăng tháng thứ nhất ngày thứ chín nửa tháng thứ hai đó là ngày mồng chín tháng sáu thì lúc này ngày dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, đêm ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa; đến ngày mồng chín tháng chín, ngày đêm bằng nhau đều là mười lăm mâu-hưu-đa. Ngày mồng chín tháng mười một, đêm dài nhất là mười tám mâu-hưu-đa, ngày ngắn nhất là mười hai mâu-hưu-đa, ngày mồng chín tháng ba ngày đêm bằng nhau, đều là mười lăm mâu-hưu-đa. Xoay chuyển như vậy đủ năm năm thì có một du-già, tức là hai tháng nhuận: một là theo mặt trăng, hai là theo mặt trời. Ngày mười hai, mồng chín, ngày mồng sáu, mồng ba, ngày mười lăm ở giữa năm năm, ngày đêm trong đó là ngắn hoặc dài. Mặt trăng là dùng để phân biệt ba việc: một là phân biệt tháng, hai là phân biệt ngày mười lăm, ba là phân biệt tròn khuyết. Mặt trời là để phân biệt ngày đêm, phân biệt tiết hạ, đông, thu, phân biệt năm. Dùng ba việc này theo mặt trời được thành tháng nhuận là cũng có hai: một là theo tháng, hai là theo ngày. Tháng nhuận này được làm ra theo tháng, ngày tháng tư phải làm hai tháng nhỏ: một tháng nhỏ là trong nửa tháng thứ ba; tháng nhỏ thứ hai là trong nửa tháng thứ bảy. Trong một năm phải có sáu tháng nhỏ, năm năm đủ thiếu ba mươi ngày, ba mươi ngày này phải thêm trong năm năm, nếu không làm tháng nhỏ thì tháng tròn không đúng. Tháng nhỏ làm ra theo ngày, theo thế gian mà nói, vì ba mươi mâu-hưu-đa nhất định là một ngày đêm, phân ba mươi mâu-hưu- đa làm sáu mươi phần; vì mặt trời đi nhanh nên năm mươi chín phần liền đi khắp, dư một phần. Vì việc này nên tháng hai thì dài một ngày, tháng hai lại dài một ngày cho đến một năm, dài đủ sáu ngày, năm năm như vậy thì dài một tháng, dùng một tháng này thêm vào trong năm năm, đó là tháng nhuận. Nếu không làm tháng nhuận thì thời tiết và năm đều sai không chính xác. Lại nữa năm năm phải có hai tháng nhuận: tháng thứ nhất là ở năm thứ ba, tháng thứ hai là ở năm thứ năm. Nếu mặt trăng ở trong Diêm-phù-đề thì mặt trời đến Tây Cù-da-ni lại là tháng ba, nếu ở Bắc Uất-đơn-việt thì mặt trời tháng sáu, nếu ở Đông Phất-bà-đề thì mặt trời tháng chín. Nếu giáp một năm thì trở lại Diêm- phù-đề. Trong một thiên hạ thường có ba thời: hạ, đông, xuân, hạ là tùy theo xuân, đông là tùy theo hạ, xuân là tùy theo đông. Vào ngày mười lăm tháng tám ở Đông Phất-bà-đề mát mẻ thì ở Diêm-phù-đề là ngày kiết hạ mười lăm tháng năm; mười lăm tháng hai ở Tây Cù-da-ni là ngày mười lăm tháng mười một ở Bắc Uất-đơn-việt. Hạ phần tháng ba ở Đông Phất-bà-đề đã sang ở giữa hai châu Đông Phất-bà-đề và Nam Diêm-phù-đề, xuân phần tháng ba ở Tây Cù-da-

ni chưa sang giữa hai châu Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì xuân ở Cù-da-ni đã sang một tháng, Đông phần ở Uất-đơn-việt chưa sang hai tháng, đó là ba tháng ở giữa Cù-da-ni và Uất-đơn-việt; đông phần ở Uất-đơn-việt chưa sang hai tháng, hạ phần ở Phất-bà-đề chưa vào một tháng, đó là ba tháng ở giữa hai châu Uất-đơn-việt và Phất-bà-đề. Núi Tu-di ở giữa bốn thiên hạ, vì sao nó lại ở phía Bắc bốn thiên hạ? Đó là tùy theo mặt trời đi, phân chia phương Đông Đông Phất-bà-đề là phương Bắc Nam Diêm-phù-đề là phương Tây Đông Phất-bà-đề là phương Nam Nam Diêm-phù-đề; phương Bắc Đông Phất-bà-đề là phương Tây Nam Diêm-phù-đề; phương Nam Đông Phất-bà-đề là phương Đông Nam Diêm-phù-đề. Bắc Uất-đơn-việt và Tây Cù-da-ni lại cũng như vậy, Nam Diêm-phù- đề và Bắc Uất-đơn-việt đối nhau, Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni đối nhau. Lúc ấy mặt trời mặt trăng bắt đầu sinh ra thế gian, cách nhau rất xa, mặt trời chiếu chính giữa Đông Phất-bà-đề thì mặt trăng ở chính giữa Tây Cù-da-ni. Lúc ấy ánh sáng chiếu khắp bốn thiên hạ, mặt trời chiếu một nửa, mặt trăng chiếu một nửa. Nếu mặt trời đã qua chính giữa Đông Phất-bà-đề thì nó đã lặn Bắc Uất-đơn-việt và đã mọc ở Nam Diêm-phù-đề. Nếu mặt trăng đã đi qua chính giữa Tây Cù-da-ni thì đã lặn ở Diêm-phù-đề và đã mọc ở Uất-đơn-việt. Nếu trăng tròn ban đêm đã đến, lúc mặt trăng đang ở chính giữa Uất-đơn-việt thì mặt trời ở chính giữa Nam Diêm-phù-đề, mặt trời qua giữa Diêm-phù-đề thì đã lặn ở Đông Phất-bà-đề và đã mọc ở Tây Cù-da-ni. Nếu mặt trăng đi qua chính giữa Bắc Uất-đơn-việt thì ở Đông Phất-bà-đề đã mọc và ở Tây Cù-da-ni đã lặn. Nếu trăng ban đêm tròn ở Đông Phất-bà-đề đang ở chính giữa thì mặt trời đang ở chính giữa Tây Cù-da-ni, mặt trời đi qua trung ương Tây Cù-da-ni thì đã lặn ở Diêm-phù-đề và đã mọc ở Uất- đơn-việt. Nếu mặt trăng đi qua trung ương Đông Phất-bà-đề thì đã lặn ở Uất-đơn-việt và đã mọc ở Diêm-phù-đề. Trăng tròn ban đêm ở Diêm- phù-đề đang ở chính giữa thì mặt trời ở Bắc Uất-đơn-việt đang ở chính giữa. Vì sao mặt trời mặt trăng hợp tại một chỗ? Nghĩa là do sự chuyển động của mặt trăng nên dường như mặt trời cũng chuyển động theo, mỗi ngày gần nhau bốn vạn tám nghìn tám mươi do tuần, mỗi ngày xa nhau cũng lại như vậy. Lúc gần nhau mỗi ngày mặt trăng bị che ba một phần ba do-tuần, vì việc này nên mặt trăng ngày mười lăm bị che hoàn toàn, đó gọi là ngày hắc bán mãn. Mặt trời cách mặt trăng cũng bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, mặt trời chiếu mặt trăng ba một phần ba do- tuần, vì việc này nên trăng ngày mười lăm tròn sáng vằng vặc, ở thế gian gọi là bạch bán mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng quay cách xa nhau nhất, lúc đó trăng tròn, thế gian gọi là bạch bán viên mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng quay gặp nhau trên một trục, thế

gian gọi là hắc bán viên mãn. Kinh độ của ánh sáng mặt trời là bảy ức hai vạn một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi là hai mươi mốt ức sáu vạn ba nghìn sáu trăm do- tuần. Lúc mặt trời mọc ở Diêm-phù-đề thì cũng lúc là mặt trời lặn ở Uất-đơn-việt; lúc mặt trời đang chính giữa Đông Phất-bà-đề thì ở Tây Cù-da-ni đang giữa đêm. Bốn thời trong một thiên hạ này là do mặt trời mà hình thành. Nghĩa như vậy, đức Phật Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 6

Phẩm 20: VÌ SAO

Vì sao có ngày, vì sao có đêm? Vì có mặt trời nên có đêm, vì có mặt trời nên có ngày; Dục giới có tự tánh tối tăm. Vì ánh sáng mặt trời ẩn nên đó là đêm, vì ánh sáng mặt trời hiện nên là ngày.

Tại sao nửa tối (hắc bán), tại sao nửa sáng (bạch bán)? Do một nửa có ánh sáng mặt trời, do một nửa tối mặt trời. Mặt trăng do thường quay nên dường như mặt trời cũng quay theo, mỗi một ngày gần nhau bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, một ngày cách nhau cũng là như vậy. Nếu lúc gần nhau thì ban ngày mặt trăng bị che khuất mặt trời ba một phần ba do-tuần. Vì việc này nên trăng ngày mười lăm bị che khuất thì ngày là nhật hắc bán mãn. Ban ngày mặt trời cách mặt trăng cũng bốn vạn tám nghìn tám mươi do-tuần, mặt trời ban ngày chiếu đến mặt trăng ba một phần ba do-tuần. Vì việc này nên mặt trăng ngày mười lăm sáng trong, tròn đầy, thế gian gọi là bạch bán viên mãn. Nếu mặt trời và mặt trăng cùng ở trên một trục gọi là hợp hành, thế gian gọi là nhật hắc bán viên mãn. Mặt trời tùy theo đường đi của mặt trăng mà mặt trời chiếu sáng mặt trăng. Vì ánh sáng mặt trăng nên sự chiếu sáng ấy sinh ra ảnh, ảnh của mặt trăng này tự trở lại che mặt trăng, cho nên thấy phần phía sau mặt trăng không tròn, vì việc này nên dần dần bị che khuất, đến ngày mười lăm che hết mặt trăng, tùy lúc quay về sau mà gọi là hắc bán. Nếu mặt trời đi trước mặt trăng, thì mặt trời ban ngày sáng trong cũng như vậy, đến ngày mười lăm tròn sáng đầy đủ. Lúc đi ở trước thì gọi là bạch bán.

Vì sao mùa Đông gọi là Hê-mạn-đa! Vì lúc này lạnh đã đến, tuyết rơi, cho nên mùa đông gọi là Hê-mạn-đa. Thế gian lập ra tự tánh này gọi là Hê-mạn-đa. Vì sao xuân thời gọi là Cầm-hà! Vì lúc mặt trời đang chiếu gần là lúc nóng nhất, lúc đang khô, cho nên nói xuân thời là Cầm-hà. Thế gian lập tự tánh này tên là Cầm-hà. Vì sao hạ thời gọi là Bạt-sa? Là lúc trời mưa, là lúc mưa phùn, là lúc đầu năm cho nên gọi là Bạt-sa. Thế gian lập tự tánh là Bạt-sa.

Vì sao mùa đông lạnh, mùa xuân nóng, mùa hạ nóng lạnh? Vì mùa đông thủy giới dài nhất, chưa giảm, cỏ cây còn ẩm ướt, chưa khô héo; địa đại ẩm ướt, hỏa đại giáng xuống, thủy khí bốc lên. Vì sao biết? Vì nước sâu thì ấm nhất, nước cạn thì lạnh, tiết lạnh đã đến, mặt trời quay đường ngoài chiếu nóng không lâu, dương khí ở trong thì thức ăn tiêu nhanh, vì việc này nên mùa đông thì lạnh.

Vì sao mùa xuân nóng? Vì lúc thủy giới dài của Cầm-hà đã giảm, đã hết, cỏ cây khô héo, đất đã khô ráo, thủy khí giáng xuống, hỏa khí bốc lên. Vì sao biết? Vì nước sâu thì lạnh, nước cạn thì nóng, mùa đông đã qua, mặt trời đi đường trong, chiếu nóng thì lâu. Trong thân hỏa kém nên mùa xuân nóng.

Vì sao mùa hạ lại lạnh nóng? Trong ngày tháng tám, đại địa thường nhận sự chiếu nóng, mây lớn giáng mưa lớn rưới khắp địa khí bốc hơi ngùn ngụt. Nếu lúc có gió thổi thì lạnh, nếu gió không thổi thì lúc này nóng, cho nên Bạt-sa có lúc lạnh, lúc nóng.

Vì sao địa ngục gọi là Nê-lê-da? Vì không được sự vui chơi, không có đi ra, không có phước đức, vì không lìa bỏ được nghiệp nên sinh ở trong đó. Lại nữa nói đạo này ở trong Dục giới là thấp kém nhất, gọi là phi đạo. Vì việc này nên gọi là Nê-lê-da?

Vì sao cầm thú gọi là Để-lật-xa? Vì nghiệp quanh co nên thọ sinh ở trong đó. Lại nữa, vì đạo này, chúng sinh có nhiều sự che chướng thân hành nên gọi là Để-lật-xa.

Vì sao gọi Quỉ đạo là Thiểm-đa-diêm-ma-la, vua ở đó gọi là Thiểm-đa, cho nên chúng sinh ở đó đồng loại với vua nên gọi là Thiểm- đa. Lại nữa, đạo này có thể trở về đạo khác, vì thiện ác thông nhau nên gọi là Thiểm-đa.

Vì sao nói đạo A-tu-la gọi là A-tu-la? Vì không thể nhẫn thiện, không thể nhất tâm, chú ý lắng nghe lời thiện và vô số sự giáo hóa mà tâm ấy vẫn không lay chuyển; vì kiêu mạn làm lực sĩ phi thiện; lại vì phi thiên nên gọi là A-tu-la.

Vì sao thiên đạo gọi là Đề-bà? Nói Đề-bà nghĩa là tên khác của thiện hạnh. Vì thiện hạnh nên sinh trong đạo này; lại gọi Đề-bà là quang minh, vì thường có ánh sáng. Lại nữa, Đề-bà gọi là Thánh đạo, lại gọi Đề-bà là ý lạc, lại gọi Đề-bà là thượng đạo, lại gọi Đề-bà là cần tu, cần nuôi lớn tất cả thiện nghiệp. Vì nghĩa này nên gọi là Đề-bà.

Vì sao gọi nhân đạo là Ma-nô-sa? Một là vì thông minh, hai là vì vượt trội, ba là vì ý vi tế, bốn là vì Chánh giác, năm là trí tuệ tăng thượng, sáu là

có thể phân biệt được hư thực, bảy là có thể là pháp khí của Chánh đạo, tám là sinh ra được sự thông tuệ, cho nên nói nhân đạo là Ma-nô-sa. Vì sao cõi này gọi là Diêm-phù-đề? Vì cõi này có cây Diêm-phù nên gọi cõi này là Diêm-phù-đề.

Vì sao gọi là Tây Cù-da-ni? Vì cõi này ở phía Tây Diêm-phù, vật dụng mua bán đều dùng bò, bò gọi là Cù-da-ni, cho nên gọi cõi này là Tây Cù-da-ni.

Vì sao gọi là Đông Tỳ-đề-ha? Vì cõi này ở phía Đông cõi Diêm- phù, có hình dạng đáng yêu, lợi dưỡng vượt trội nên gọi là Tỳ-đề-ha.

Vì sao gọi là Bắc Uất-đơn-việt? Vì cõi này ở phía Bắc cõi Diêm- phù, tâm tính ngay thẳng, hiền lành, lại muốn thắng vượt, tất cả của cải đều hơn hẳn chỗ khác nên gọi là Bắc Uất-đơn-việt.

Vì sao gọi trời thứ nhất là Đại Vương Thiên Đề đầu-tra? Vì Tứ Đại Vương là thượng thủ ở trong đó.

Vì sao gọi trời thứ hai là Đao Lợi? Vì vua trời ba mươi ba làm đế chủ ở trong đó, vua ở địa vị tự tại nên gọi là trời Đao Lợi.

Vì sao gọi trời thứ ba là Dạ-ma? Là tùy theo thời gian ngày đêm, tiết phần, phân độ mà nói như vậy: "Ôi! Vui sướng khó thể nghĩ bàn!" nên gọi là Dạ-ma.

Vì sao gọi trời thứ tư là Đâu-suất-đà? Nghĩa là vui thích, no đủ nơi tài vật mà tự biết đủ, nơi Bát Thánh đạo thì không sinh lòng biết đủ, nên gọi là trời Đâu-suất-đà.

Vì sao gọi trời thứ năm là Duy-ma-la-nặc? Vì Chư thiên trong đó biến hóa như ý tất cả của cải, cung điện, vườn rừng và niềm vui của thọ ở trong đó nên gọi là trời Duy-ma-la-nặc.

Vì sao gọi trời thứ sáu là Ba-la-duy-ma-bà-xa? Vì là biến hóa tất cả lạc cụ, vườn rừng, cung điện của người khác mà tự tại ở trong đó. Đó là ngã sở niềm vui của thọ ở trong đó, cho nên gọi là Ba-la-duy-ma-bà- xa.

Vì sao gọi cõi Phạm thiên thứ nhất là Phạm Tiên Hành? Vì người nào nếu từ Dục giới trước khi vào Sắc giới phải đến chỗ này nên gọi là Phạm Tiên Hành.

Vì sao gọi trời Phạm Thiên thứ hai là Phạm Chúng? Vì quyến thuộc của Đại Phạm Vương rất nhiều nên gọi là Phạm Chúng.

Vì sao gọi cõi Phạm Thiên thứ ba là Đại Phạm? Vì thiền định mà

Đại Phạm Thiên chứng được là trung gian thiền, vượt trên sơ thiền; vì tự tại, không lệ thuộc người khác nên có thể quán biết được việc khác,

vì làm chủ việc đã sanh chỗ đáng sanh nên gọi là Đại Phạm.

Vì sao gọi cõi trời đầu tiên của Nhị thiền là Thiểu Quang? Vì lúc nói, trong miệng có phát ra một ít ánh sáng nên gọi là Thiểu Quang.

Vì sao gọi tầng trời thứ hai thuộc cõi Nhị Thiền Thiên là Vô Lượng Quang? Vì chư thiên… này lúc nói ra, trong miệng có vô lượng ánh sáng chiếu ra nên gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Vì sao gọi tầng trời thứ ba của Nhị thiền thiên là Biến Thắng Quang? Vì chư thiên… này lúc nói ra trong miệng phát ra ánh sáng biến khắp tất cả chỗ, tròn đầy không khuyết thiếu nên gọi là Biến Thắng Quang.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Đệ tam thiền là Thiểu Tịnh? Vì chư thiên trong đó chỗ niềm vui của thọ còn ít, sự tịch tịnh niềm vui của thọ tương ưng với tam thiền, vì thọ ít tịnh lạc nên gọi là Thiểu Tịnh.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai của Đệ tam thiền là Vô Lượng Tịnh? Vì chư thiên ở đây niềm vui của thọ tịch tịnh hơn cõi trước, vì sự niềm vui của thọ tương ưng với tam thiên nên gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba của Đệ tam thiền là Biến Tịnh? Vì chư thiên trong đây niềm vui của thọ biến khắp, thân tâm rốt ráo vô dư, niềm vui của thọ tịch tĩnh tương ưng với tam thiền, vì chư thiên niềm vui của thọ này nên gọi là Biến Tịnh Thiên.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Đệ tứ thiền là Vô Vân? Vì khổ, lạc diệt trước, phương tiện trước tiên là lắng hết ưu, hỷ, trong đó xả thọ trí niệm thanh tịnh; chư thiên trong đó thọ sự xả thọ này nên gọi là Vô Vân.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai là Sinh Phước? Phước là chỗ sinh các thiền tương ưng với trí, niệm, xả…; đã sinh sự thọ dụng ba chi như vậy nên gọi là trời Sinh Phước.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba là Quảng Quả? Quảng nghĩa là dung chứa lớn chỗ sinh công lực quả và báo, hai công lực quả và báo này có thể thâu được định tuệ và ly dục y chỉ nên gọi là Quảng Quả Thiên. Vì sao gọi cõi trời thứ tư là Vô Tưởng Thiên? Vì Chư thiên trong đây không có tưởng. Cái gì là tưởng? Là hai tưởng riêng, chung; mỗi một đều có báo dị sinh, vì trong đó không có nên chỉ có sắc ấm và bất tương ưng hành ấm nên gọi là Vô Tưởng Thiên.

Vì sao gọi cõi thứ nhất của Na Hàm Thiên là Thiện Hiện? Vì lúc xưa ở nhân địa có thể thấy thật nghĩa không điên đảo, có thể thọ nhận và có thể hiểu rõ nên gọi là Thiện Hiện.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai gọi là Thiện Kiến? Vì xưa kia ở nhân địa

chư thiên ở đây đem tài vật, của cải tứ chi tăng thọ mạng cho người khác và làm việc lợi ích, khéo gìn giữ chân chánh. Ở trong đó sanh chánh kiến không bỏ, không giữ, nhờ nhân ở cõi Thiện Hiện trước và nhân này nên gọi là Thiện Kiến.

Vì sao cõi thứ ba gọi là Bất Phiền? Vì xưa kia ở nhân địa, chư thiên ở đây không hề tổn hại kẻ khác, không có ý chướng ngại, không có ý bức bách. Nhờ nhân cõi Thiện Hiện trước và nghiệp này nên gọi là Bất Phiền.

Vì sao gọi cõi trời thứ tư ở đây gọi là Bất Thiêu? Vì xưa kia ở nhân địa, chư thiên ở đây không thiêu đốt bản thân, không làm cho thân khốn khổ; lại không thiêu đốt và làm khốn khổ kẻ khác, mình và người đều lạc hành, mau chóng thông đạt. Nhờ nhân cõi Thiện Hiện trước và nghiệp này nên gọi là Vô Thiêu.

Vì sao gọi cõi trời thứ năm là A-ca-nị-tra? Ca-nị-tra nghĩa là Hạ Phẩm, vì đều đã qua mười bảy địa trước. Lại có Bát Niết bàn trong đó: từ Hạ Phẩm thiên đến Cứu Cánh thiên; lại có Chư thiên tên là A-ca-nị- tra đến Bát Niết bàn, cho nên gọi là A-ca-nị-tra.

Vì sao gọi cõi trời thứ nhất của Vô sắc giới là Không Vô Biên Nhập? Không là không chỗ làm, không hữu vi, không ngăn ngại, vượt qua tướng ngại và vô số tướng có, tâm sở duyên vào một tưởng, không có hai, không có khác. Do nghiệp sinh "không" này, cho nên gọi là Không Vô Biên Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ hai là trời Thức Vô Biên Nhập? Thức là ý thức thứ sáu, đây là thức bên trong nên vi tế hơn "không" ở ngoài, vượt qua tướng ngại, vượt qua tướng bên ngoài; vì tâm sở duyên vào một tưởng nên không hai, không sót. Do nghiệp sinh thức này, cho nên gọi là Thức Vô Biên Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ ba là trời Vô Sở Hữu Nhập? Vô Sở Hữu nghĩa là từ bỏ hai tướng thô trước, lìa hai tướng bên ngoài này, không có cảnh giới khác, vượt qua tướng trong, ngoài; tâm sở duyên vào một tưởng nên không hai không sót. Do nghiệp sinh tâm này, cho nên nói là Vô Sở Hữu Nhập.

Vì sao gọi cõi trời thứ tư là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập? Phi Tưởng nghĩa là tưởng vi tế, chẳng phải là định của bảy ngôi Thánh trước nên gọi là Phi Tưởng. Phi Phi Tưởng là như định vô tưởng và định vô tâm, như hai định này gọi là vô tưởng định, đồng với vô tâm, vì nay hữu tâm (còn tưởng tế), nên gọi là Phi Phi tưởng. Vì chỗ sinh định này nên gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập.

Từ cõi Diêm-phù-đề xuống dưới hai vạn do-tuần là đại địa ngục Vô

Gián. Từ cõi Diêm-phù-đề trở xuống một vạn do-tuần là địa ngục Dạ Ma thế gian. Ở giữa hai địa ngục này có địa ngục khác nữa. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên bốn vạn do-tuần là cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên tám vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Ba mươi ba. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên mười sáu vạn do tuần là trú xứ cõi trời Dạ Ma. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên ba ức hai vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Đâu suất đà. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên sáu ức bốn vạn do-tuần là trú xứ cõi trời Hóa lạc. Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên mười hai ức tám vạn do-tuần là trú xứ của cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Có Tỳ-kheo hỏi Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Từ cõi trời Diêm-phù- đề đến trời Phạm xứ là bao xa?" Đức Phật đáp: "Này Tỳ-kheo! Từ cõi Diêm-phù-đề đến Phạm xứ rất xa, rất cao, khác nhau, xa nhau. Này Tỳ-kheo! Ví như có người vào ngày mười lăm tháng chín, lúc trăng tròn ném một hòn đá vuông một trăm trượng (một trượng khoảng 3, 2mét) xuống giữa không trung không ngăn chướng của Hạ giới thì đến lúc trăng tròn tháng chín năm sau mới đến Diêm-phù-đề. Phạm xứ và Diêm-phù- đề cách xa như vậy. Từ Phạm xứ đến trời Thiểu Quang lại cách nhau gấp đôi ở trước. Từ cõi trời Thiểu Quang đến cõi trời Vô Lượng Quang lại xa gấp bội. Từ trời Vô Lượng Quang đến trời Biến Thắng Quang lại xa gấp bội. Từ trời Biến Thắng Quang đến trời Thiểu Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Thiểu Tịnh đến trời Vô Lượng Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Vô Lượng Tịnh đến trời Biến Tịnh lại xa gấp bội. Từ trời Biến Tịnh đến trơi Vô Vân lại xa gấp bội. Từ trời Vô Vân đến trời Sinh Phước lại xa gấp bội. Từ trời Sinh Phước đến trời Quảng Quả lại xa gấp bội. Từ trời Quảng Quả đến trời Vô Tưởng lại xa gấp bội. Từ trời Vô Tưởng đến trời Thiện Hiện lại xa gấp bội. Từ trời Thiện Hiện đến trời Thiện Kiến lại xa gấp bội. Từ trời Thiện Kiến đến trời Bất Phiền lại xa gấp bội. Từ trời Bất Phiền đến trời Bất Thiêu lại xa gấp bội. Từ trời Bất Thiêu đến trời A-ca-nị-tra lại xa gấp bội. Đức Phật nói kệ:

Từ A-ca-nị-tra
Đến cõi Diêm-phù-đề
Ném đá núi Đại Mật
Sáu vạn năm nghìn năm
Năm trăm ba mươi lăm
Hư không không chướng ngại
Mới đến nơi Diêm-phù.

Người Diêm-phù-đề nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi rừng cây và vách núi. Nếu người Diêm-phù-đề du hành thì chỉ có thể đến ở Hắc Sơn lớn nhỏ, nếu lìa thần thông và công lực

khác thì không thể vượt qua Tây Cù-da-ni này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi. Nếu người dạo chơi thì chỉ có thể đến nơi đất liền bờ biển. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua Đông Phất- bà-đề này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi, nếu dạo chơi thì có thể đến nơi đất liền của núi ấy và bờ biển. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua Uất-đơn-việt này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi vách núi, nếu du hành thì chỉ có thể đến vùng xung quanh của núi ấy. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện của Tứ Đại Thiên vương này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi vách núi, nếu người dạo chơi thì chỉ có thể đến trong núi Thiết Vi. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện chư thiên Đao Lợi này. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi vách núi, nếu người du hành thì chỉ đến vùng núi Thiết Vi. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện chư thiên Dạ Ma, Đâu suất Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Phạm Tiên Hành, Phạm Chúng. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vào ra vô ngại nơi đường vào vách núi, nếu người du hành thì chỉ đến trong một thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể đến chỗ cung điện của Đại Phạm Thiên Vương. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể lên xuống vô ngại nơi rừng cây vách núi, nếu người du hành thì chỉ ở trong một nghìn thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua chỗ cung điện từ trời Đệ nhị thiền đến trời A-nị-tra, cũng nói như trên, nếu người du hành thì chỉ ở trong một nghìn thế giới. Nếu người nào lìa thần thông và công lực khác thì không thể vượt qua trong đại địa ngục, lấy đại ngục tốt làm vua Phú tự tại. Tất cả cầm thú và thủy La sát lấy vua Bà-lâu-na làm vua Phú tự tại. Các rắn, rồng… lấy long vương Bà-tu-cát làm vua Phú tự tại. Các Đại Long lấy Long Vương Ma-na-tư làm vua Phú tự tại. Các voi, rồng lấy Tượng vương Lâu-xà-kỳ-lợi làm vua Phú tự tại. Các phi điểu lấy vua Ca-lâu-la làm vua Phú tự tại. Chúng sinh đi bốn chân lấy vua sư tử làm vua Phú tự tại. Tất cả Quỉ đạo lấy vua Quỉ tôn làm vua Phú tự tại. Tất cả Tu-la đạo lấy vua Tứ Tu la làm vua Phú tự tại. Trong cõi Diêm-phù-đề: Một là La-hầu, hai là Ba-la-đà, ba là Tỳ-ma-chất-đa, bốn là Bà-lợi-tỳ-lô-giá lấy vua Chuyển luân làm vua Phú tự tại, vua một xứ làm vua Phú tự tại, bậc tôn lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như

mới lập kiếp. Tây Cù-da-ni lấy vua Chuyển Luân làm vua Phú tự tại, bậc tôn lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như mới lập kiếp. Cõi Đông Phất-bà-đề lấy vua Chuyển Luân làm vua Phú tự tại, bậc trưởng lão của quốc chúng làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua như mới lập kiếp. Cõi Bắc Uất-đơn-việt lấy vua Chuyển luân làm vua Phú tự tại, có lúc không có vua. Cõi Tứ thiên vương lấy Tứ Đại Thiên Vương làm vua Phú tự tại. Cõi trời Đao Lợi lấy vua trời Ba mươi ba làm vua Phú tự tại. Cõi trời Dạ-ma lấy vua Tu-dạ-ma làm vua Phú tự tại. Cõi trời Đâu-suất-đà lấy vua Thiện Túc Ý làm vua Phú tự tại. Cõi trời Tha Hóa Tự Tại lấy vua Tự Tại làm vua Phú tự tại. Trong tất cả Dục giới lấy vua Hữu Ác Ma làm vua Phú tự tại. Trong một nghìn thế giới lấy Thiên Vương Đại Phạm làm vua Phú tự tại. Thế gian và ma vương chư thiên chỗ Đại Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân thiên lấy pháp Như Lai A-ma-la Tam Miệu Tam Phật Đà làm vua Phú tự tại. Nếu hài nhi đã sinh tròn bốn tháng ở Diêm-phù-đề như trẻ sơ sinh lớn ở Tây Cù-da-ni, trẻ sơ sinh ở Đông Phất-bà-đề như trẻ lớn năm tháng ở Diêm-phù-đề. Nếu trẻ sơ sinh tròn sáu tháng ở Diêm-phù-đề thì như trẻ sơ sinh ở Uất-đơn-việt, như trẻ sáu năm ở Diêm-phù-đề; trẻ ở Tứ Thiên Vương cũng như vậy, trẻ sinh đến ngày thứ bảy lớn như cha mẹ, như trẻ bảy năm ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Đao Lợi cũng như vậy, sinh đến ngày thứ bảy… đã thành người, như trẻ sinh tám năm ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Dạ-ma cũng vậy, sinh đến ngày thứ bảy… đã thành người lớn, như trẻ năm thứ chín ở Diêm-phù-đề. Trẻ sơ sinh ở trời Đâu-suất-đà cũng như vậy, đến bảy ngày… đã thành người. Từ trời Hóa Lạc đến trời A-ca-nị-tra sinh ra xứng với hình tướng ở đó và liền đầy đủ, ở Diêm-phù-đề một tầm rưỡi thì ở Tây Cù-da-ni một tầm; ở Tây Cù-da-ni một tầm rưỡi thì ở Đông Phất-bà-đề một tầm: Ở Đông Phật-bà-để một tầm rưỡi thì ở Bắc Uất-đơn-việt một tầm; ở trời Tứ Thiên Vương một già-phù-địa một và một phần tư do-tuần; thân Tứ Thiên Vương dài hai già-phù-địa thì ở Chư thiên Đao Lợi dài nửa do-tuần; thân Đế Thích dài ba già-phù địa Chư thiên Dạ-ma dài một do-tuần; thân trời Đâu-suất-đà dài hai do-tuần thì Chư thiên Hóa Lạc dài bốn do-tuần; thân trời Tha Hóa Tự Tại dài tám do-tuần thì tất cả Sắc giới đến trời A-ca-nị-tra đều dài mười hai do-tuần; trời Diêm-phù-đề đến trời A-ca-nị-tra tự thân đều dài bốn khuỷu tay. Sắc thân của chúng sanh cõi Diêm-phù-đề có vô số không đồng: chúng sinh da trắng là như nước Da-bà-na, Bà-lợi-kha-chỉ-na…, có chúng sinh da đen như ở nước: Bạt- bà-la, Kiếm-phổ-xà… chúng sinh da xanh như ở nước Đà-mi-la, Tâm-ha-la… Có chúng sinh da đỏ trắng như ở nước Thủ-đà-ha, Tỳ-la…; Có chúng sinh da vàng như ở nước Cơ-la-đa, Kế-tân…

Ở Đông Phất-bà-đề và Tây Cù-da-ni chỉ trừ da đen, ngoài ra đều như Diêm-phù-đề. Tất cả nhân dân ở Bắc Uất-đơn-việt đều sáng trong. Cõi trời Tứ Thiên Vương có bốn loại sắc có xanh thẩm, vàng, đỏ, trắng. Sắc của tất cả Chư thiên Dục giới đều như vậy.

Vì sao sắc chư thiên có bốn loại? Lúc mới thọ sinh, nếu thấy thân rực rỡ màu xanh thì là sắc xanh, sắc khác cũng như vậy. Y phục người Diêm-phù-đề có áo ca-ba-bà-xô-ma, áo kiêu-xa-da, áo lông, áo vải gai, áo gai, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo Kiếp-ba-thụ-tử. Y phục người Tây Cù-da-ni, có áo ca-ba-bà, áo xô-ma, áo kiêu-xà-da, áo lông, áo vải gai, áo gai, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo kiếp-ba- thụ-tử. Người Đông Phất-bà-đề có áo ca-bà-ba, áo xô-ma, áo kiêu-xa- da, áo lông, áo vải gai, áo gai. Người Uất-đơn-việt có áo kiếp-ba-thụ-tử, dài hai mười khuỷu tay, rộng mươi khuỷu tay, nặng một bà-la (một lang). Trời Tứ Thiên Vương cũng có áo kiếp-bà, dài bốn mươi khuỷu tay, rộng hai mươi khuỷu tay, nặng nửa bà-la. Cõi trời Đao Lợi cũng có áo trước-kiếp-bà, dài tám mươi khuỷu tay, rộng bốn mươi khuỷu tay, nặng một và một phần tư bà-la. Trời Dạ-ma có áo trước-kiếp-ba dài một trăm sáu mươi khuỷu tay, rộng tám mươi khuỷu tay, nặng một một phần tám bà-la. Cõi trời Đâu-suất-đà có áo trước-kiếp-ba dài ba trăm hai mươi khuỷu tay, rộng một trăm sáu mươi khuỷu tay, rộng một một phần mười sáu bà-la. Cõi trời Hóa Lạc cho đến Tha Hóa Tự Tại có y phục lớn nhỏ tùy ý, nặng nhẹ cũng vậy. Y phục người Diêm-phù-đề trang sức vô số không đồng, hoặc có người tóc dài làm hai búi (tóc), hoặc có người cạo râu tóc, hoặc có người giữ lại một búi tóc ở trên đỉnh đầu, ngoài ra đều cạo hết gọi là Chu-la-kế, hoặc có người nhổ bỏ râu tóc, hoặc có người cắt râu cắt tóc, hoặc có người bện tóc, hoặc có người trùm đầu tóc, hoặc có người cắt trước trùm sau cho tròn, hoặc có người khỏa hình, hoặc có người mặc áo quần che trên hở dưới, hoặc có người hở trên che dưới, hoặc trên dưới đều che, hoặc trước sau không chướng. Người Tây Cù- da-ni trang sức đều trùm đầu tóc, mặc áo quần trên dưới. Như người ở nước Thủ-đà-a-tỳ-la, Đông Phất-bà-đề trang sức đầu tóc bằng cách cắt trước trùm sau, hai áo trên dưới: mặc áo dưới, áo trên chỉ quấn mà thôi, như sự trang sức của hai nước Ương-già-ma, Già-đà. Người ở Bắc Uất- đơn-việt trang sức tóc râu, tô điểm lông mày, thường như cắt lụa mỏng, năm ngày tự nhiên đầu tóc dài, dài ra bảy lóng tay không có tăng giảm. Ở cõi trời Tứ Thiên Vương trang sức vô số loại không đồng, hoặc có người phân tóc ra làm hai búi, hoặc có người cạo hết râu tóc, hoặc để lại một búi tóc trên đỉnh đầu, tóc còn lại đều cạo hết, gọi là Chu-la-kế, hoặc nhổ bỏ râu tóc, hoặc có người cắt tóc cắt râu, hoặc có người bện tóc, hoặc có người

trùm đầu tóc, hoặc có người cắt trước trùm sau cho tròn, hoặc có người khỏa hình, hoặc có người mặc áo quần che trên hở dưới, hoặc có người hở trên che dưới, hoặc trên dưới đều che, hoặc trước sau không chướng. Chư thiên Dục giới trang sức cũng như vậy, chư thiên sắc giới không mặc nhưng cũng như mặc áo quần không sót, đầu tuy không để búi tóc trên đỉnh nhưng tợ như mũ trời, vượt qua tướng nam nữ, thân hình chỉ một loại. Người Diêm-phù-đề ăn thức ăn: gạo, nếp, lúa mì, bột mì, thịt, cá, tế-khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni. Thức ăn uống người Tây Cù-da-ni: lúa nếp, lúa mì, bột mì, cá, thịt, tế-khư-đà-ni, căn- khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni, trong đó pho-mát là nhiều nhất. Người Đông Phất-bà-đề ăn thức ăn: gạo nếp, lúa mì, bột mì, cá, thịt, tế-khư-đà-ni, căn-khư-đà-ni, quả-khư-đà-ni, trong đó ăn nhiều nhất là gạo nếp xa-lợi. Người ở Bắc Uất-đơn-việt ăn thức ăn: gạo nếp xa-lợi, không trồng mà tự mọc, không lép không vụn, cũng không có cám, gạo tự nhiên sạch, sắc, hương, vị, xúc đều rất tuyệt diệu, như mùi vị mật ong dịu ngọt. Trong đó có một cây tên là Đôn-trị-chỉ-la, cây này sinh trái, hình như cái nồi. Nếu người nào muốn ăn thì lấy quả này đổ nước đầy. Lại có đá tên là Thụ-đề, lấy quả này đặt tên đá, đá tự sinh ra lửa, người này đem gạo xa-lợi bỏ vào trong nồi, không nhọc phải đong lường mà tự nhiên đầy nồi, lúc thức ăn chín, đá tự trở lại lạnh, nhưng dùng cái nồi trước mà đựng đầy tuần tự. Nếu người khác đến cần thức ăn thì tùy ý mà lấy, không cần phải tác ý: "Người kia thí cho, ta là người ăn", cũng không cần tác ý: "Nay ta bố thí cho kẻ kia". Lúc thức ăn làm xong thì bỏ đó mà đi, đất nứt ra nhận những vật dụng và đồ ăn thừa rồi khép lại như cũ. Trời Tứ Thiên Vương đều ăn vị Tu-đà, sáng ăn một bữa, chiều ăn một bữa, ăn vào cơ thể rồi hoán chuyển các thân phần. Vườn rừng, ao hồ đều tự nhiên sinh vị Tu-đà này, vị Tu-đà này cũng có thể hóa làm tám loại thức ăn như khư-đà-ni… Thức ăn của tất cả chư thiên Dục giới cũng như vậy, chư thiên Sắc giới từ trong Sơ thiền cho đến cõi Biến Tịnh lấy hỷ lạc làm thức ăn, chư thiên từ đó trở lên dùng ý làm thức ăn. Người Diêm-phù-đề mua bán rộng rãi hàng hóa như: vàng bạc, lúa gạo…, hoặc vô số sản phẩm, chân kim, ma-ni, vô số các báu, hoặc dùng chúng sinh mà mua bán. Mua bán hàng hóa ở Tây Cù-da-ni chỉ dùng bò làm ngân lượng. Ở Đông Phất-bà-đề dùng lúa gạo để trao đổi, mua bán hàng hóa; Ở Bắc Uất-đơn-việt không có mua bán, đổi chác. Ở trời Tứ Thiên Vương cũng có mua bán sản vật rộng rãi như: vàng bạc, lúa gạo… hoặc các hàng hóa trao đổi: chân châu, ma-ni, vô số các báu, hoặc dùng chúng sinh làm vật mua bán, đổi chác. Tất cả Chư thiên Dục giới lại cũng như vậy, Sắc giới thì không đồng với Uất-đơn-việt. Người Diêm-phù-đề hoặc tự sát sinh, hoặc bảo người khác giết để ăn thịt, ở Tây Cù-da-ni cũng lại

như vậy. Người Đông Phất-bà-đề tự mình không sát sinh, không bảo người khác sát, nếu có tự chết thì ăn thịt. Người ở Bắc Uất-đơn-việt không tự mình sát sinh, không bảo người khác sát sinh và cũng không ăn thịt. Cõi trời Tứ Thiên Vương tự mình sát sinh, bảo người khác giết mà không ăn thịt. Chư thiên Đao Lợi tự mình có sát, khiến người khác sát mà không ăn thịt. Từ cõi trời Dạ-ma đến trời A-ca-nị-tra không tự mình giết, không bảo người giết và cũng không ăn thịt. Người Diêm-phù-đề nếu quyến thuộc chết, tống táng vào núi thiêu tử thi, hoặc đặt trong nước, hoặc chôn trong đất, hoặc rãi vào hư không; ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Người ở Bắc Uất-đơn-việt nếu quyến thuộc chết, không tống táng, không thiêu, không bỏ, như ánh sáng lặn thì không thấy có hình hài, tất cả chư thiên trên ấy đều như vậy. Trong Diêm-phù-đề có năm loại cây: cây vàng, cây bạc, cây pha-lê-kha, cây lưu ly, cây ha-lợi-da; cây ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Bắc Uất-đơn-việt chỉ có cây La-lợi-đa, còn bốn cây khác thì không có. Cõi trời Tứ Thiên Vương cũng có năm loại cây báu đều nói như trên; tất cả chư thiên Dục giới có năm loại cây cũng như vậy. Trong cõi trời Sắc giới đều không có cây. Trong Diêm-phù-đề có năm loại hoa: vàng, bạc, pha-lê-kha, lưu-ly, ha-lị-đa; ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng như vậy.

Ở Bắc Uất-đơn-việt có cây tên là Tán-đa-na, hoa của cây này đều bằng báu ha-lị-đa. Trời Tứ Thiên Vương đều có năm loại hoa; tất cả Dục giới cũng lại như vậy, sắc giới đều không. Trong Diêm-phù-đề có cung điện: vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê-kha, ha-lị-đa, có cung điện rừng cây, hoặc có động đá, nhà đất; ở Tây Cù-da-ni cũng như vậy. Cung điện ở Đông Phất-bà-đề đều bằng vàng, không có loại khác. Ở Bắc Uất-đơn- việt có cây tên là Mạn-thù-sa, cao như đại điện, từng lớp lá che nhau, gió sương không xâm tổn được, tất cả mọi người dùng là, trụ nhà. Trời Tứ Thiên Vương có năm loại cung điện: vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê-kha, ha-lị-đa; tất cả chư thiên Dục giới cũng lại như vậy. Chư thiên Sắc giới có các cung điện đều bằng báu sắc trắng. Trong đó có chư thiên thuở xưa tại nhân địa, với tâm keo kiệt mà hành bố thí để vọng cầu quả báu, nay ở nơi quả địa có cung điện tối tăm, không thể sáng sủa. Nếu chư thiên này ở trong nhân địa không có tâm keo kiệt mà hành bố thí, không vọng cầu quả báo tương lai và suy nghĩ: "Ta không có tâm keo kiệt kia, ta có làm chủ được việc kia chăng!". Đó là đạo lý chân chánh, là tương ưng với pháp. Hoặc người làm chủ bố thí cho người không làm chủ, hoặc hành bố thí với tâm tịnh, an ổn, vì tâm trang nghiêm, vì tâm sáng trong, vì hành bố thí với tâm này nên ở trong quả địa được cung điện ánh sáng vi diệu, không có u tối. Người Diêm-phù-đề nếu

lìa thần thông và nhân của công lực khác thì không thể thấy rõ sắc thành rào cây bên ngoài của vách núi… Người ở Tây Cù-da-ni, Đông Phất-bà-đề, Bắc Uất-đơn-việt nếu lìa công lực khác thì không thể rõ sắc thành rào cây bên ngoài của vách núi… Trời Tứ Thiên Vương nếu lìa thần thông và công lực khác thì ở nơi chỗ của mình không thể thấy sắc của tường và cây rào bên ngoài của vách núi… nếu lúc nhìn xa, thì chỉ thấy sắc trong núi Thiết Vi. Chư thiên Đao Lợi ở trong cung điện của mình nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy hết bên ngoài núi này. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy màu tường rào bằng cây bên ngoài của vách núi, nếu lúc nhìn xa chỉ thấy bên trong núi Thiết Vi. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy núi bên ngoài Thiết Vi, từ trời Dạ-ma cho đến trời Phạm chúng đều như vậy. Đại Phạm Thiên Vương ở chỗ cung điện của mình nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy được màu sắc tường rào bằng cây bên ngoài của vách núi…, nếu lúc nhìn xa thì chỉ thấy trong một nghìn thế giới. Nếu lìa thần thông và công lực khác thì không thể thấy hết người Diêm- phù-đề, nếu tìm người nữ khác, nhà người nữ hứa khả mới được đón tiếp, hoặc có mua thiếp, hoặc có bán nô tỳ. Ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Người Bắc Uất-đơn-việt không tìm người nữ khác, cũng không đón vợ, không mua, không bán. Nếu người nam lúc muốn cưới vợ thì phải nhìn kỹ người nữ kia, nếu lúc người nữ mến chuộng người nam cũng cần nhìn kỹ. Nếu người nữ không thấy người nam nhìn, người nữ khác nói: "Người nhìn bạn, tức là vợ chồng". Nếu người nam không thấy người nữ nhìn, người nam khác Đáp: "Người này nhìn bạn, cũng là vợ chồng rồi". Nếu tự thấy nhau liền theo nhau đến một chỗ khác. Trời Tứ Thiên Vương nếu tìm Thiên nữ, nhà người nữ hứa khả mới được nghinh tiếp, hoặc đổi, hoặc bán. Tất cả chư thiên Dục giới cũng lại như vậy. Trong cõi Diêm-phù-đề lấy căn nam và nữ để hòa hợp nhau. Ở Đông Phất-bà-đề, Tây Cù-da-ni, Bắc Uất-đơn-việt cũng đều như vậy, nam nữ trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi hòa hợp cũng lại như vậy. Chư thiên Dạ ma lấy tướng bế ẵm làm dục, chư thiên Đâu-suất-đà lấy sự nắm tay làm dục, chư thiên Hóa Lạc lấy sự cùng cười làm dục, chư thiên Tha Hóa Tự Tại lấy sự nhìn nhau làm dục. Người Tây Cù-da-ni thọ các dục lạc lại gấp hai lần người Diêm-phù- đề, cho đến dục của chư thiên Tha Hóa Tự Tại gấp đôi trời Hóa Lạc. Người nữ Diêm-phù-đề ăn thức ăn dở có mang thai, có sinh sản, có cho con bú, ở Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng lại như vậy. Người nữ Bắc Uất-đơn-việt ăn thức ăn dở, có mang thai, có sinh sản, chỉ có không cho con bú. Nếu sinh con trai và con gái thì đem đặt ngoài ngã tư đường, người mẹ dùng ngón tay chỉ vào trong

miệng đứa trẻ ấy, người qua đường cũng dùng tay chỉ vào trong miệng đứa trẻ, nhờ ngón tay này chạm vào thân mà thân được lớn lên. Người nam và nữ ở Uất-đơn-việt sống riêng, không sống lẫn lộn với nhau. Nếu lúc người nam sinh bảy ngày sẽ trở thành người nhập vào cộng đồng người nam, nếu người nữ sinh bảy ngày sẽ trở thành người nhập vào nhóm nữ. Nếu người nam và nữ mới khởi dục ý dắt nhau đến dưới cây, cây Mạn-thù-sa này liền che chở, việc dục liền thành, nếu không che chở thì mỗi một liền xa cách nhau, biết việc này là tà dâm liền không dám phạm. Các Thiên nữ ở chỗ Tứ Thiên Vương không có ăn đồ dở, không có mang thai, cũng không sinh đẻ, cũng không cho trẻ con bú. Chư thiên nam nữ, hoặc ở trên đầu gối, hoặc ở chỗ mắt đều sinh ra con được. Nếu sinh ở nơi đầu gối và nơi mắt người mẹ thì Thiên nữ tác ý: "Đây là con của ta", Thiên tử cũng nói: "Đây là con của ta" thì chỉ có một cha một mẹ. Nếu sinh ở trên đầu gối và ở chỗ mắt người cha thì chỉ có một cha mà các thê thiếp đều là mẹ. Người Diêm-phù-đề có dục sự một đời vô số vô lượng, cũng có những người tu hạnh thanh tịnh đến chết cũng không có dục. Ở Tây Cù-da-ni, người đa dục thì có số dục trong một đời là mười hai, người dục hạng trung có số lần là mười, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh, đến lúc chết cũng không có dục. Người đa dục ở Đông Phất- bà-đề trong một đời có số lần dục là bảy lần, hạng bậc trung khoảng năm, sáu lần, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Ở Uất-đơn-việt, người đa dục ở trong một đời có số lần dục chỉ năm, hạng trung khoảng ba bốn lần, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Cõi trời Tứ Thiên Vương có dục sự trong một đời đến vô lượng vô số, cũng có những người tu hành hạnh thanh tịnh đến lúc chết vẫn vô dục. Tất cả chư thiên Dục giới cũng như vậy. Phàm tất cả người nữ lấy xúc làm vui, tất cả người nam lúc xuất sự bất tịnh làm vui, hoặc tất cả người nam lấy sự bất tịnh làm dục, hoặc dục của chư thiên lấy sự bất tiết khí làm vui. Người Diêm-phù-đề có ba nhân duyên hơn người Uất-đơn-việt và trời Đao Lợi. Những gì là ba? Một là dũng mãnh, hai là ghi nhớ, ba là trong đó có người trú Phạm hạnh. Người Uất-đơn-việt có ba nhân duyên hơn người Diêm-phù-đề và trời Đao Lợi: một là không có ngã sở, không tích chứa, hai là tuổi thọ vững chắc một nghìn năm, ba là về sau sẽ được lên trời Đao Lợi. Chư thiên có ba nhân duyên vượt trội ở Diêm-phù-đề và Uất-đơn-việt: một là thọ lượng dài lâu, hai là hình tướng đặc biệt, ba là vui thích rất nhiều. Nghĩa này chư Phật Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 7

Phẩm 21: THỌ SANH

Người tạo mười nghiệp ác cực trọng thì sanh đại địa ngục A-tỳ. Nếu tạo nghiệp ác tuần tự nhẹ hơn thì tuần tự sanh địa ngục nhẹ hơn. Nếu người tạo ác nhẹ hơn tuần tự sanh ở tám địa ngục nhẹ Diêm-la. Nếu người tạo tác nhẹ hơn thì tuần tự sanh cầm thú. Nếu nhẹ hơn thì tuần tự sanh quỉ đạo. Nếu tạo mười nghiệp thiện ít nhất thì sanh nhà hạ phẩm nhất ở Diêm-phù-đề, hoặc sanh nhà dọn phân, hoặc sanh nhà đồ tể, hoặc sanh nhà sáng tác nhạc, hoặc sanh nhà làm thợ, hoặc sanh nhà binh lính. Nếu làm việc thiện hơn thì sanh nhà trưởng giả; hơn nữa thì sanh nhà Bà-la-môn; người làm thiện hơn nữa được sanh nhà Sát-lợi. Nếu người tạo việc thiện hơn nữa thì sanh ở Tây Cù-da-ni; hơn nữa thì sanh ở Đông Phất-bà-đề; tạo việc thiện hơn nữa sanh ở Bắc Uất-đơn- việt; hơn nữa sanh ở trời Tứ Thiên Vương; hơn nữa sanh ở trời Đao Lợi; hơn nữa sanh ở trời Dạ-ma; hơn nữa sanh ở trời Đâu-suất-đà; người tạo việc thiện hơn nữa thì sanh ở trời Hóa Lạc. Nếu người tạo mười thiện nghiệp tối thắng thì sanh ở trời Tha Hóa Tự Tại. Nếu người phàm phu thì được tu tập bốn loại thiền định thì mỗi một loại đều có ba phẩm: thượng, trung, hạ. Người này nghiệp tương ưng với nhân Sơ thiền Hạ phẩm sinh cõi trời Phạm Tiên Hành. Nhờ nghiệp này mà được sanh ở thiên đạo này, được thọ mạng cõi trời, được trú cõi trời, được đồng loại cõi trời. Đã sanh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp có hai loại vui: một là lạc không có bức não, hai là vui của thọ (lạc thọ), lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng hết trong cõi đó không sót. Nếu nghiệp tương ưng với nhân Sơ thiền Trung phẩm thì sanh ở cõi trời Phạm Chúng, tương ưng với nhân Thượng phẩm thì cũng sanh ở cõi trời này. Nhờ nghiệp này mà được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được ở và đồng loại cõi trời. Đã sanh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp có hai loại an vui: một là vui (lạc) không có bức não, hai là vui của thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì thọ dụng không sót. Nếu nghiệp tương ưng với nhân Nhị thiền Hạ phẩm, nhờ nghiệp này nên sanh cõi trời Thiểu Quang. Nếu nghiệp tương ưng với nhân Nhị thiền Trung

phẩm thì sinh ở cõi trời Vô lượng quang, nghiệp tương ưng với nhân Nhị thiền Thượng phẩm thì sinh ở cõi trời Thắng Biến Quang. Do nghiệp này mà được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú cõi trời và được đồng loại cõi trời. Đã sanh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp có hai loại an vui: một là vui không có bức não, hai là vui của thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Nếu nghiệp tương ưng với nhân Tam thiền Hạ phẩm thì sinh ở cõi trời Thiểu Tịnh, nghiệp tương ưng với nhân Tam thiền Trung phẩm thì sinh ở cõi trời Vô Lượng Tịnh, nghiệp tương ưng với nhân Tam thiền Thượng phẩm thì sinh cõi trời Biến Tịnh. Do nghiệp này mà được thiên đạo ấy, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp có hai loại an vui: một là vui không có bức não, hai là vui của thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Nếu nghiệp tương ưng với nhân Tứ thiền Hạ phẩm thì sinh cõi trời Vô Vân, nghiệp tương ưng với nhân Tứ thiền Trung phẩm thì sinh cõi trời Thọ Phước, nghiệp tương ưng với nhân Tứ thiền Thượng phẩm thì sinh cõi trời Quảng Quả. Do nghiệp này nên được thiên đạo ấy, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp: có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Các kẻ phàm phu tùy theo những nghiệp khác nhau mà thọ sanh những chỗ khác nhau. Nếu người phàm phu tu tập Bốn vô lượng tâm, thì mỗi một đều có ba phẩm: thượng, trung, hạ. Từ vô lượng là thường tu tập như vậy, thường hành như vậy, như bốn loại thiền định. Hỷ vô lượng là tu tập như vậy, thường hành như vậy, như Sơ thiền và Nhị thiền. Bi vô lượng là thường tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ Tứ thiền. Xả vô lượng là thường tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ Tam thiền và Đệ Tứ thiền. Phàm phu tu tập quán bất tịnh, đều có ba phẩm thượng, trung, hạ không chống trái việc hành quán bất tịnh tu tập như vậy thường hành như vậy, như bốn loại thiền định có chống trái việc quán bất tịnh tu tập như vậy và thường hành như vậy, như đệ Tứ thiền. Người phàm phu tu tập niệm A-na-ba-na, đều có ba phẩm thượng, trung, hạ: Tu tập như vậy và thường hành như vậy như ba loại thiền định trước. Người phàm phu tu tập năm hữu tưởng, đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Những gì là năm?

Một là tưởng bất tịnh.

Hai là tưởng lỗi lầm.

Ba là tưởng tử đọa.

Bốn là tưởng chán ăn.

Năm là tưởng tất cả thế gian bất an.

Tưởng bất tịnh không chống trái là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Bốn loại thiền định. Tưởng bất tịnh có trái ghét và bốn loại tưởng sau như Đệ Tứ thiền thường hành như vậy, tu tập như vậy.

Người phàm phu tu tập tám loại biến nhập, mỗi loại đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Những gì là tám?

Một là tưởng có sắc bên trong, quán ít sắc ngoài: ít này là hoặc vi diệu hoặc là thô: "Tưởng biến khắp này của ta mà được biết, được thấy có tưởng như vậy".

Hai là tưởng có sắc bên trong, quán vô lượng sắc bên ngoài: khởi tưởng hoặc vi diệu hoặc thô phù như vậy: "Ta biến khắp tưởng này mà có thể biết, có thể thấy tưởng như thế".

Ba là tưởng không có sắc bên trong, quán ít sắc ngoài như trước.

Bốn là tưởng không có sắc bên trong quán vô lượng sắc ngoài cũng như trước.

Năm, sáu, bảy, tám là đều tưởng Vô sắc bên trong quán bốn sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng và khởi tưởng như vậy: "Tưởng biến khắp này của ta có thể biết, có thể thấy.

Trong tám loại tưởng này, loại thứ nhất và thứ hai là như Bốn thiền định tu tập như vậy, thường hành như vậy; sáu tưởng sau là như Đệ Tứ thiền tu tập như vậy, thường hành như vậy. Người phàm phu tu tập mười nhất thiết nhập, mỗi một có ba phẩm thượng, trung, hạ: tám Nhất thiết nhập này là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ Tứ thiền; hai Nhất thiết nhập sau là tu tập như vậy, thường hành như vậy như tự địa của nó; Không nhất thiết nhập, Thức nhất thiết nhập như Không vô biên nhập; là như Thức vô biên nhập. Người phàm phu tu tập bốn Vô sắc Tam-ma-bạt-đề, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Người này do nghiệp tương ưng với Không xứ Hạ phẩm mà sanh cõi trời Không Vô Biên Nhập; do nghiệp tương ưng với Không Vô Biên Nhập Trung phẩm cũng sinh cõi trời này; do nghiệp tương ưng Không Vô Biên Nhập Thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Nhờ nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sanh ở đó thì thọ quả báo của nghiệp có vui không có bức não, vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Nếu nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm thì sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập; do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm nên cũng sinh cõi trời này; vì nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời

này. Do nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại với cõi trời. Đã sanh ở đây thì thọ quả báo của nghiệp chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Nghiệp này đã chín thì thọ dụng như vậy không sót. Do nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Vô Sở Hữu Nhập; vì nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Trung phẩm nên cũng sinh cõi trời này; vì nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và đồng loại cõi trời. Đã sanh ở đây thì thọ quả báo nghiệp, chỉ có vui không có bức não và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Vì nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập; vì nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Trung phẩm nên cũng sinh cõi trời này; vì nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp này nên đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại với cõi trời. Đã sanh ở đây thì quả báo thọ nghiệp chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín thì được thọ dụng như vậy không sót. Người phàm phu này tùy theo nghiệp báo về sau mà thọ sinh chỗ khác. Người phàm phu này đã sinh, đã đắc nhập định Sơ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Sơ thiền Hạ phẩm. Người này do nghiệp tương ưng với Sơ thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phạm Tiên Hành. Đã sinh ở đây sẽ thọ báo Sơ thiền Hạ phẩm, được vui không có bức não và được vui của thọ. Thọ quả báo nghiệp Sơ thiền và Nhị thiền Trung phẩm, Thượng phẩm, sinh ở trong đó được vui không có bức não cho đến vui của thọ; Đệ Tam thiền và Đệ Tứ thiền cũng sinh ở trong đó thọ quả báo của nghiệp, nhưng là vui không có bức não và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót, tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sinh chỗ khác. Sơ thiền Trung phẩm, Thượng phẩm khác cũng như vậy. Người phàm phu tu tập đã sinh đã đắc định Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Nhị thiền Hạ phẩm. Người này do nghiệp tương ưng với Nhị thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Quang. Đã sinh ở đó sẽ thọ nghiệp báo Nhị thiền Hạ phẩm, được vui không có bức não và được vui cùng với thọ. Thọ nghiệp báo Nhị thiền và Sơ thiền Trung phẩm và Thượng phẩm, sinh ở trong đó được vui không có bức não và được vui cùng với thọ; Đệ Tam thiền và Đệ Tứ thiền sinh trong đó thọ quả báo, nhưng là vui không có thọ và vui không có bức não. Lúc nghiệp này đã chín sẽ thọ dụng không sót, tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sanh chỗ khác; Nhị thiền của Trung phẩm, Thượng phẩm khác

cũng như vậy. Người phàm phu đã sinh đã đắc sự tu tập Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Tam thiền Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Tam thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Tịnh. Đã sinh ở đó rồi sẽ thọ nghiệp báo Tam thiền Hạ phẩm, được vui cùng với thọ và vui không có bức não. Thọ nghiệp báo Đệ tam thiền Trung phẩm, Thượng phẩm, sinh ở trong đó được vui cùng với thọ và vui không có bức não; nghiệp báo Sơ thiền, Nhị thiền và Đệ tứ thiền thọ vui không có bức não và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót, tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sinh chỗ khác; Tam thiền Trung phẩm, Thượng phẩm khác cũng như vậy. Người phàm phu tu tập đã sinh, đã đắc Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này lại trú trong Tứ thiền Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Tứ thiền Hạ phẩm mà sinh cõi trời Vô Vân. Sinh ở đây rồi sẽ thọ nghiệp báo Tứ thiền Hạ phẩm, được vui không có bức não và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo Đệ Tứ thiền và Tam thiền khác ở Trung phẩm, Thượng phẩm, sinh ở trong đó sẽ được an vui không có bức não, không có niềm vui của thọ. Lúc nghiệp đã chín sẽ thọ dụng như vậy. Người phàm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sinh chỗ khác; Tứ thiền Trung phẩm, Thượng phẩm khác cũng như vậy. Người phàm phu tu tập đã sinh đã đắc định Tứ thiền và định Tứ Vô sắc, từ đây tất cả lại bị thối thất người này trú ở Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm thì sẽ sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập. Đã sinh ở đó rồi sẽ thọ quả báo Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ quả báo của Không Vô Biên Nhập và ba định Vô sắc trở lên của Trung phẩm, Thượng phẩm, sinh ở trong đó được thọ vui không có bức não và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Người phàm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sẽ thọ sinh chỗ khác; Không Vô Biên Nhập của Trung phẩm, Thượng phẩm khác cũng như vậy. Người phàm phu tu tập đã sinh đã đắc định Tứ thiền và định Tứ Vô sắc, nhưng tất cả từ đây đã bị thối thất, người này trú ở Thức Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sinh ở chỗ đó rồi sẽ thọ quả báo Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo đầu và sau của Tam Vô sắc cùng Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm, sinh ở trong đó sẽ đắc an vui không có bức não, không có niềm vui của thọ. Lúc nghiệp đã chín rồi sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Người phàm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sinh chỗ khác; Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm khác cũng lại như vậy. Người phàm phu đã sinh đã

đắc sự tu tập Tứ thiền và Tứ không định, tất cả từ đây lại bị thối thất, người này trú ở Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, sinh ở đó rồi sẽ thọ nghiệp báo Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo của ba Vô sắc đều cùng Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó được vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này chín rồi sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Người phàm phu này tùy theo nghiệp hậu báo mà thọ sanh chỗ khác; Trung phẩm và Thượng phẩm khác cũng như vậy. Người phàm phu này đã sinh đã đắc sự tu tập định Tứ thiền và Tứ Vô sắc, tất cả từ đây lại bị thối thất, người này trú ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập, sinh ở đó rồi thọ quả báo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập và tiền Tam Vô sắc Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Người phàm phu này tùy nghiệp hậu báo mà thọ sinh chỗ khác; Trung phẩm và Thượng phẩm khác cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật Thế Tôn tu tập tứ thiền, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Người này do nghiệp tương ưng với Sơ thiền Hạ phẩm sẽ sinh cõi trời Phạm Tiên Hành. Nhờ nghiệp này mà đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó sẽ thọ quả báo của nghiệp, có hai loại vui: một là vui không có bức não, hai là vui của thọ (lạc thọ). Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Vì nghiệp tương ưng với Sơ thiền Trung phẩm nên sinh cõi trời Phạm chúng; vì nghiệp tương ưng với Sơ thiền Thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp này mà được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó thọ quả báo của nghiệp có hai loại vui: một là vui không có bức não, hai là được vui của thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Do nghiệp tương ưng với Nhị thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Quang; do nghiệp tương ưng với Nhị thiền Trung phẩm nên sinh cõi trời Vô Lượng Quang; vì nghiệp tương ưng với Nhị thiền Thượng phẩm nên sinh cõi trời Thắng Biến Quang. Nhờ nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại với cõi trời. Đã sinh ở đó sẽ thọ quả báo của nghiệp có hai loại vui: một là vui không có bức não, hai là vui của thọ. Lúc nghiệp này

đã chín sẽ được thọ dụng không sót. Do nghiệp tương ưng với Tam thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Tịnh; do nghiệp tương ưng với Tam thiền Trung phẩm nên sinh cõi trời Vô Lượng Tịnh; do nghiệp tương ưng với Tam thiền Thượng phẩm nên sinh cõi trời Biến Tịnh. Do nghiệp ấy nên đắc thiên đạo này, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó sẽ thọ quả báo của nghiệp có hai loại vui: một là vui không có bức não, hai là vui của thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Vì nghiệp tương ưng với Tứ thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Vô Vân; vì nghiệp tương ưng với Tứ thiền Trung phẩm nên sinh cõi trời Thọ Phước; vì nghiệp tương ưng với Tứ thiền Thượng phẩm nên sinh cõi trời Quảng Quả. Do nghiệp ấy nên đắc thiên đạo này, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại với cõi trời. Đã sinh ở đó sẽ thọ quả báo của nghiệp là vui không có bức não và vui không có thọ nữa. Đã sinh ở đó, do nghiệp tương ưng với Tứ thiền Tối thượng phẩm nên cung kính siêng tu, thường tu hành không trái nghịch, xen kẽ huân tập các Giác phần. Nhờ nghiệp này nên sinh cõi trời Thiện Hiện; gấp mười lần nghiệp này sẽ sinh cõi trời Thiện Kiến; lại gấp mười lần như vậy sinh cõi trời Bất Phiền; lại gấp mười lần tuần tự như vậy sẽ sinh cõi trời Bất Thiêu; tuần tự lại gấp mười lần như vậy sinh cõi trời A-ca-nị-tra. Nhờ nghiệp này nên được thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đó sẽ thọ quả báo của nghiệp là vui không có bức não và vui không thọ nữa. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Dẫn thuyết về nghiệp các cõi giới trên mà diệu dụng hết ở trong đó, tức ở trong đó đắc Bát Niết bàn.

Đệ tử Đức Phật Thế Tôn tu tập định Tứ vô lượng, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ: Từ vô lượng nghĩa là tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định; Hỷ vô lượng là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Sơ thiền và Nhị thiền; Bi vô lượng nghĩa là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền; Xả vô lượng là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tam thiền và Đệ tứ thiền.

Thánh đệ tử Đức Phật tu tập Quán bất tịnh, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ: Quán bất tịnh về hành không trái ghét là tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định; Quán bất tịnh về hành có trái ghét là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền. Thánh đệ tử Phật tu tập niệm A-na-ba-na, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ: tu tập như vậy, thường hành như vậy như ba loại thiền định trước.

Thánh đệ tử Phật tu tập mười tưởng, mỗi một đều có ba phẩm thượng,

trung, hạ. Những gì là mười? Một là tưởng vô thường, hai là tưởng vô ngã, ba là tưởng diệt trừ, bốn là tưởng ly dục, năm là tưởng tịch diệt, sáu là tưởng bất tịnh, bảy là tưởng lỗi lầm, tám là tưởng tử đọa, chín là tưởng chán ăn, mười là tưởng tất cả thế gian bất an. Năm loại tưởng trước và tưởng bất tịnh không trái ghét là tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định; bốn loại tưởng sau và tưởng bất tịnh có trái ghét là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền. Thánh đệ tử Phật tu tám Biến nhập, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Những gì là tám? Một là tưởng có sắc bên trong quán ít sắc ngoài: ít này là có tưởng hoặc vi diệu hoặc thô phù như vậy: "tưởng này của ta biến khắp mà được biết, được thấy". Hai là tưởng có sắc bên trong, quán vô lượng sắc ngoài: khởi tưởng hoặc vi tế hoặc thô phù như vậy: "Tưởng này của ta biến khắp mà có thể biết, có thể thấy". Ba là tưởng không có sắc bên trong, quán ít sắc ngoài: vi tế và thô phù như trước. Bốn là tưởng không có sắc bên trong, quán vô lượng sắc ngoài: loại này cũng như trước. Năm, sáu, bảy, tám là đều tưởng nơi không có sắc bên trong quán bốn sắc bên ngoài là xanh, vàng, đỏ, trắng và khởi tưởng như vậy: "Tưởng này ta biến khắp mà có thể biết, có thể thấy". Trong tám loại này, loại thứ nhất, thứ hai là tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định. Sáu loại tưởng sau là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền.

Thánh đệ tử Phật tu tập tám giải thoát, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Một là giải thoát tưởng có sắc bên trong quán sắc ngoài, hai là giải thoát tưởng không có sắc bên trong quán sắc ngoài, ba là giải thoát tịnh, bốn là giải thoát Không vô biên nhập, năm là giải thoát Thức vô biên nhập, sáu là giải thoát Vô sở hữu vô biên nhập, bảy là giải thoát Phi tưởng phi phi tưởng vô biên nhập, tám là giải thoát tưởng thọ diệt. Giải thoát thứ nhất là tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định. Giải thoát thứ hai là tu tập như vậy, thường hành như vậy như đệ tứ thiền. Giải thoát thứ ba là như tưởng có sắc bên trong quán sắc ngoài: tu tập như vậy, thường hành như vậy như bốn loại thiền định; hoặc tưởng không có sắc bên trong quán sắc ngoài là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền. Bốn loại sau là giải thoát Vô sắc, mỗi mục như địa của nó. Thứ tám là giải thoát diệt thọ tưởng là chỉ do trú nên vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng, không do ly dục nên vượt qua, cho nên địa của nó là Phi phi tưởng.

Thánh đệ tử Phật tu tập mười nhất thiết nhập, mỗi mục đều có ba phẩm thượng, trung, hạ: Tám Nhất thiết nhập trước là tu tập như vậy, thường hành như vậy như Đệ tứ thiền; hai Nhất thiết nhập sau là như địa

của nó. Thánh đệ tử Phật tu tập bốn Vô sắc Tam-ma-bạt-đề, mỗi một đều có ba phẩm thượng, trung, hạ. Người này do nghiệp tương ưng với Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập; do nghiệp tương ưng với Không Vô Biên Nhập Trung phẩm cũng sinh cõi trời này; do nghiệp tương ưng Không Vô Biên Nhập Thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Vì nghiệp này nên đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đây sẽ thọ quả báo của nghiệp chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm thì sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm; do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm nên sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập; do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời này. Vì nghiệp này nên đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Đã sinh ở đây nên thọ quả báo của nghiệp chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Vì nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Hạ phẩm nên sanh cõi trời Vô Sở Hữu Nhập; vì nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Trung phẩm cũng sanh cõi trời này; vì nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời này. Vì nghiệp này nên đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Sinh ở đây rồi sẽ thọ nghiệp quả báo chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Vì nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập; do nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Trung phẩm nên cũng sinh cõi trời này; do nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Nhập Thượng phẩm nên cũng sinh cõi trời này. Vì nghiệp này nên đắc thiên đạo, được thọ mạng cõi trời, được trú và được đồng loại cõi trời. Sanh ở đó rồi sẽ thọ quả báo của nghiệp chỉ có vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót, trong đó Bát Niết-bàn.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập định Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Sơ thiền Hạ phẩm. Người này do nghiệp tương ưng với Sơ thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phạm Tiên Hành. Sanh ở đây sẽ thọ quả báo Sơ thiền Hạ phẩm, đắc vui không có bức não và vui của thọ; thọ quả báo nghiệp của Sơ thiền và Nhị thiền Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó sẽ thọ được vui không có bức não và được vui cùng với thọ; Đệ Tam thiền và Đệ tứ thiền cũng sinh trong đó được thọ quả

báo, thọ vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Sơ thiền, Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Nhị thiền Hạ phẩm. Người này do nghiệp tương ưng với Nhị thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Quang. Sinh ở đây rồi sẽ thọ quả báo Nhị thiền Hạ phẩm, được vui không có bức não và được vui của thọ; thọ nghiệp báo của Đệ nhị thiền và Sơ thiền Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó được nhận vui không có bức não và được vui cùng với thọ; Đệ tam thiền và Đệ tứ thiền cũng sinh trong đó thọ quả báo: được nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Nhị thiền Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Tam thiền Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Tam thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thiểu Tịnh. Sinh ở đó rồi sẽ thọ quả báo Tam thiền Hạ phẩm, nhận vui không có bức não và được vui của thọ; thọ nghiệp báo Tam thiền Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó nhận vui không có bức não và được vui của thọ; thọ nghiệp báo Sơ thiền, Nhị thiền và Đệ tứ thiền sẽ nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Tam thiền Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập Tứ thiền, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú trong Tứ thiền Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Tứ thiền Hạ phẩm nên sinh cõi trời Vô Vân. Sinh ở đó rồi sẽ thọ nghiệp báo Tứ thiền Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo Đệ tứ thiền và Tam thiền khác của Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Tứ thiền Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập định Tứ thiền và Tứ Vô sắc, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú ở Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời

Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Sinh ở đây rồi sẽ thọ quả báo Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ quả báo ba định Vô sắc trở lên và Không Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở đây nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Không Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sanh đã đắc sự tu tập Tứ thiền và Tứ Vô sắc, từ đây tất cả lại bị thối thất, người này trú ở Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sinh ở đây rồi sẽ thọ quả báo Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ nghiệp báo đầu và sau của Tam Vô sắc và Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở đây được nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Thánh đệ tử Phật Bát Niết Bàn ở trong đó, ngoài ra Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc sự tu tập Tứ thiền và Tứ Vô sắc, tất cả từ đây lại bị thối thất, người này trú ở Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Sinh ở đây rồi sẽ thọ quả báo Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ quả báo của ba Vô sắc đầu và Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở đây được nhận vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót. Thánh đệ tử Phật Bát Niết-bàn ở trong đó, ngoài ra Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử Phật đã sinh đã đắc Tứ thiền và Tứ Vô sắc, tất cả từ đây lại bị thối thất, người này trú ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm. Do nghiệp tương ưng với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm nên sinh cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập. Đã sinh ở đây sẽ thọ quả báo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Hạ phẩm, được vui không có bức não, và vui không có thọ. Thọ quả báo ba Vô sắc trước và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm sẽ sinh ở trong đó được vui không có bức não, và vui không có thọ. Lúc nghiệp này đã chín sẽ được thọ dụng như vậy không sót.

Thánh đệ tử Phật Bát Niết bàn ở trong đó, ngoài ra Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Vô Biên Nhập Trung phẩm, Thượng phẩm cũng như vậy.

Thượng lưu sanh A-na-hàm có ba loại: một là mới sanh cõi trời Phạm Tiên Hành, tuần tự sanh như vậy cho đến cõi trời Quảng quả, sinh ở trong đó rồi sẽ đắc Bát Niết bàn; hai là mới sanh cõi trời Quảng Quả, tuần tự sanh như vậy cho đến cõi trời A-ca-nị-tra, đã sinh ở đó đắc Bát Niết bàn; ba là mới sanh cõi trời Không Vô Biên Nhập, tuần tự sanh như vậy cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, đã sanh trong đó đắc Bát Niết bàn.

Lại nữa thượng lưu sanh A-na-hàm có hai loại: một là ở Sắc giới, hai là ở Vô sắc giới. Nếu ở Sắc giới Bát Niết bàn, nghĩa là từ cõi trời Phạm Tiên Hành tuần tự sanh như vậy cho đến cõi trời A-ca-nị-tra, đã sanh ở đó đắc Bát Niết bàn. Nếu ở Vô sắc giới nghĩa là mới sinh cõi trời Không Vô Biên Nhập, tuần tự sanh như vậy cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, đã sinh ở đó đắc Bát Niết bàn.

Lại nữa có một loại Thượng lưu sanh A-na-hàm: sinh từ cõi trời Phạm Tiên Hành, tuần tự sanh như vậy cho đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, đã sanh ở đó đắc Bát Niết bàn. Nghĩa này Đức Phật Thế Tôn đã dạy, tôi nghe như vậy.

Phẩm 22: THỌ LƯỢNG

Phật Thế Tôn nói: Trong cõi người hai vạn năm là ở địa ngục A-tỳ một ngày một đêm. Do ngày đêm này nên ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm, nhiều trăm nghìn năm ở trong địa ngục này thọ quả báo chín muồi. Sinh ở trong đó thời gian dài tối cực, nghĩa là một kiếp thọ mạng trong cõi người sáu nghìn năm thì ở địa ngục Diêm-la một ngày một đêm. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm, nhiều trăm nghìn năm ở trong địa ngục này thọ nghiệp báo chín muồi. Có chúng sinh súc sinh trong một ngày một đêm qua sáu bảy lần sống chết, lại có các súc sinh thọ mạng một kiếp. Một tháng trong cõi người là một ngày một đêm ở trong Quỉ thần, lại ở trong cõi người một ngày một tháng là một ngày một đêm trong Quỉ thần, do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà năm trăm năm là thọ mạng của họ. Năm trăm năm này ở trong cõi người là mười lăm nghìn năm. Người Diêm-phù- đề có thọ mạng ở giữa mười năm và a-tăng-kỳ năm, dài dần hoặc ngắn dần. Dài nhất là tám vạn năm, ngắn nhất là mười năm. Người Tây Cù- da-ni có thọ mạng là hai trăm năm mươi năm. Người Đông Phất-bà-đề thọ năm trăm năm, người Bắc Uất-đơn-việt thọ một nghìn năm.

Trong cõi người năm mươi năm là ở trời Tứ thiên vương một ngày một đêm. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà năm trăm năm cõi trời là thọ mạng của họ thì số năm ở trong cõi người phải là chín trăm vạn năm. Trong cõi người một trăm năm là cõi trời Dao Lợi một ngày một đêm. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này, thọ mạng một nghìn năm thì ở trong cõi người phải là ba nghìn sáu trăm vạn năm. Trong cõi người hai trăm năm là một ngày một đêm trong cõi trời Dạ ma. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà thọ mạng hai nghìn năm thì trong cõi người phải là mười bốn nghìn vạn bốn trăm vạn năm. Trong cõi người bốn trăm năm là một ngày một đêm ở cõi trời Đâu-suất-đà. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà thọ mạng bốn nghìn năm thì ở trong cõi người phải là năm nghìn bảy trăm sáu mươi ức năm. Trong cõi người tám trăm năm là một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà thọ mạng tám nghìn năm thì trong cõi người phải là hai vạn ba nghìn bốn mươi ức năm. Trong cõi người một nghìn sáu trăm năm là một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Do ngày đêm này mà ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Do số năm này mà thọ mạng một vạn sáu nghìn năm thì trong cõi người phải là chín vạn hai nghìn một trăm sáu mươi ức năm. Vì thọ mạng A-tu-la dưới đỉnh núi Càn đà như cõi trời Tứ Thiên Vương, thọ mạng A-tu-la dưới đỉnh núi Tu-di như trời Đao Lợi. Một tiểu kiếp gọi là một kiếp, hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, tám mười tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Vì sao một kiếp gọi là tiểu kiếp? Lúc Tỳ-kheo Đề-bà- đạt-đa trú trong địa ngục thọ nghiệp báo chín muồi, Đức Thế Tôn nói là trú thọ một kiếp, một tiểu kiếp như vậy gọi là kiếp. Vì sao hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Tiên Hành có thọ mạng hai mươi tiểu kiếp, các Phạm thiên này Đức Thế Tôn nói trú thọ một kiếp, hai mươi kiếp như vậy cũng gọi là một kiếp. Vì sao bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như thọ mạng cõi trời Phạm Chúng là bốn mươi tiểu kiếp, Đức Phật nói trú thọ một kiếp, bốn mươi kiếp như vậy cũng gọi là một kiếp. Vì sao sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Như thọ mạng cõi trời Đại Phạm là sáu mươi kiếp, Đức Phật nói trú thọ một kiếp, sáu mươi tiểu kiếp như vậy cũng gọi là một kiếp. Vì sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp? Như thọ mạng cõi trời Thiểu Quang là một trăm hai mươi tiểu kiếp, Đức Phật nói

thọ lượng một đại kiếp rưỡi, tám mươi tiểu kiếp như vậy gọi là một đại kiếp. Thọ lượng cõi trời Vô Lượng Quang một trăm bốn mươi tiểu kiếp, trú thọ cõi trời Thắng Biến Quang một trăm sáu mươi tiểu kiếp, đó là hai đại kiếp. Cõi trời Thiểu Tịnh có thọ lượng hai đại kiếp rưỡi; cõi trời Vô Lượng Tịnh có thọ lượng ba đại kiếp rưỡi; cõi trời Biến Tịnh có thọ lượng bốn đại kiếp; cõi trời Vô Vân có thọ lượng ba trăm đại kiếp; cõi trời Thọ Phước có thọ lượng bốn trăm đại kiếp; cõi trời Quảng Quả có thọ lượng năm trăm đại kiếp; cõi trời Vô Tưởng có thọ lượng một nghìn đại kiếp; cõi trời Thiện Kiến có thọ lượng một nghìn năm trăm đại kiếp; cõi trời Thiện Hiện có thọ lượng hai nghìn đại kiếp; cõi trời Bất Phiền có thọ lượng bốn nghìn đại kiếp; cõi trời Bất Thiêu có thọ lượng tám nghìn đại kiếp; cõi trời A- ca-nị-tra có thọ lượng một vạn sáu nghìn đại kiếp; cõi trời Không Vô Biên Nhập Hạ phẩm là một vạn bảy nghìn năm trăm đại kiếp; cõi trời Không Vô Biên Nhập Trung phẩm có thọ lượng là một vạn tám nghìn năm trăm đại kiếp; cõi trời Không Vô Biên Nhập Thượng phẩm có thọ lượng hai vạn đại kiếp; cõi trời Thức Vô Biên Nhập Hạ phẩm có thọ lượng ba vạn đại kiếp; cõi trời Thức Vô Biên Nhập Trung phẩm có thọ lượng ba vạn năm nghìn đại kiếp; cõi trời Thức Vô Biên Nhập Thượng phẩm có thọ lượng bốn vạn đại kiếp; cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Hạ phẩm có thọ lượng năm vạn đại kiếp; cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Trung phẩm có thọ lượng năm vạn năm nghìn đại kiếp; cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Thượng phẩm có thọ lượng sáu vạn đại kiếp. Cõi trời Phi Tưởng Hạ phẩm có thọ lượng bảy vạn đại kiếp; cõi trời Phi Tưởng Trung phẩm có thọ lượng bảy vạn năm nghìn đại kiếp; cõi trời Phi Tưởng Thượng phẩm có thọ lượng tám vạn đại kiếp. Nghĩa này Đức Phật đã dạy, tôi nghe như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 8

Phẩm 23: ĐỊA NGỤC

1. ĐỊA NGỤC CÁNH SANH (Địa ngục chết đi sống lại)

Phật Thế Tôn chứng thấy:

Đời quá, hiện, vị lai,
Chúng sinh sinh trở lại,
Sống chết và luân chuyển,
Các nghiệp không hư dối,
Có quả báo không mất,
Tùy thời, xứ thành thục.
Bậc Thánh trí tự biết,
Thế Tôn đều chứng thấy,
Thành tựu các pháp nhãn,
Cù Đàm biết thuyết này

Tám loại đại địa ngục:

Cánh sanh và Hắc thằng
Sơn khái, hai Khiếu hoán,
Hai Thiêu Nhiệt lớn, nhỏ
Và Đại A-tỳ-chỉ
Tám địa ngục như vậy
Phật nói: khó thể qua
Người ác thường đầy khắp
Mỗi ngục mười sáu ngăn,
Bốn góc và bốn cửa
Mỗi phần đều bằng thẳng
Chiều cao trăm do-tuần,
Bốn phương trăm do-tuần;
Có thành sắt vây quanh,
Lưới sắt che ở trên,
Dưới đất đều là sắt,

Lửa rực cháy đầy khắp
Đốt người ác đáng sợ,
Thường cháy không thể gần.
Người thấy sởn gai ốc,
Thống khổ không thể nhìn.
Nay ta sẽ vì ngươi
Tuần tự nói như pháp
Một lòng nghe cung kính
Về những điều ta nói.

Có một địa ngục tên là Cánh Sinh, tất cả đều làm bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, thường có ánh lửa dài rất nhiều do-tuần, rộng cũng như vậy. Tội nhân trong đó, ngục tốt cầm chân treo lên trên, đầu quay ngược xuống, dùng rìu chặt ra như ngục Hắc Thằng. Lúc bị chặt ra rồi chỉ còn xương nối liền với nhau bằng gân, tuyệt dứt đường sống và phải tạm chết, ngục tốt ném vào chỗ khốn khổ lớn nhất. Lúc ấy gió lạnh thổi đến liền sống trở lại. Nhờ gió này nên da thịt trở lại bình thường. Lúc ấy, móng tay tội nhân tự dài nhọn ra như kiếm và cùng khởi oán tâm với đồng loại, lại suy nghĩ như vậy: "Lúc xưa, người này đã bị ta làm ác như vậy, cho nên nay ta trước tiên phải nhanh chóng giết hại kẻ này". Người kia khởi tâm oán thù cũng lại như vậy, lại vằm chặt lẫn nhau nát bấy như bụi. Người ở địa ngục này chịu sự tàn hại lẫn nhau như vậy. Nỗi khổ tột cùng, bền bỉ khốc liệt khó có thể chịu được, cho đến nghiệp ác thọ dụng chưa hết, thì cầu chết không được. Vì hành nghiệp gì mà sinh quả báo này, khiến cho các chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Xưa kia ở trong loài người, nhiều người nữ cùng lấy một người chồng nên luôn sân si, đố kỵ lẫn nhau; rất nhiều người nam cùng tranh một người nữ nên sanh tâm oan gia; hoặc tà dâm vợ người khác; hoặc tranh giành ruộng vườn, xe cộ… hoặc vua hai nước cùng tranh nước láng giềng; hoặc cướp trộm tiền của người nên bị người ấy trừng trị, cùng kết oan gia như người ở chiến trận, tàn sát lẫn nhau. Đã kết oan gia chưa được giải quyết thì ôm mối thù này mà chết, do nghiệp báo này nên thọ sinh ở trong đó, đã sinh trong đó thì thọ dụng vô số quả báo ác nghiệp. Vì nghiệp nhân gì mà làm cho các tội nhân tàn hại lẫn nhau? Vì xưa kia ở trong kiếp người, lại cầm dao kiếm, gậy gộc… chặt chém mạng chúng sinh, cho nên thọ báo chém chặt ở trong đó. Lại nữa, vì tội gì mà bị gió lạnh thổi đến thì sống lại? Vì xưa kia nuôi dưỡng các loài: bò, nai, heo, dê, gà, vịt ăn uống được béo tốt, được nhiều thịt rồi lại đem đi giết ăn. Do nghiệp này nên chiêu cảm quả báo gió lạnh kia thổi đến làm cho tạm sống trở lại. Vì nghiệp báo gì mà sinh móng tay dài nhọn như kiếm? Vì xưa kia ở trong kiếp người, đưa dao

gậy cho người, bảo người làm như vậy: "Các người hãy đến chỗ ấy… châu, quận và các huyện ấp ấy… giết người hoặc giết súc vật, làm việc sát hại". Do nghiệp này nên sinh móng tay như kiếm. Vì sao địa ngục này gọi là Cánh Sanh? Tội nhân ở khởi ý nghĩ này: "Nay ta lại sanh thân như cũ" nên gọi là Cánh sanh lại nữa, địa ngục này vốn gọi là Cánh Sanh. Lúc ấy Thế Tôn muốn nói rõ nghĩa này nên thuyết kệ:

Trong địa ngục Cánh Sanh:
Đầu dưới, chân ở trên,
Ngục tốt cầm búa rìu…
Treo lên tùy ý chặt.
Lúc bị chém chặt xong,
Chỉ còn đống xương tàn,
Máu, thịt, da, gân mạch…
Sinh trở lại như cũ.
Móng tay nhọn như kiếm,
Do nghiệp tự nhiên sinh
Tùy tâm sân, oán xưa,
Mà chém chặt lẫn nhau.
Chịu chém chặt nhau xong,
Gió lạnh lại thổi vào,
Nghiệp cảm gió, đấu tranh
Sanh tất cả phần thân
Như Lai-Nhân Thiên Sư
Thấy như thật việc này,
Nên nói ngục Cánh Sanh,
Nơi người tạo ác ở.

2. ĐỊA NGỤC HẮC THẰNG

Lại có địa ngục tên là Hắc Thằng, tất cả đều làm bằng sắt, ngày đêm lửa thiêu đốt, thường đỏ hừng hực, chiều dài rất nhiều do-tuần, rộng cũng như vậy. Tội nhân trong đó bị ngục tốt đem đánh khiến cho ngã xuống đất, rồi dùng rìu chặt, như hình phạt ở Hắc Thằng, hoặc chặt làm tám mảnh, hoặc làm sáu mảnh, hoặc làm bốn mảnh. Có các tội nhân từ chân đến cổ, đầu bị chặt bằng rìu dài như từng lóng mía. Người ở địa ngục này chịu sự hành hạ chặt chém như vậy. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả

báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong ấy? Xưa kia ở trong loài người, họ cũng làm nghiệp như vậy, tùy theo luật chế và mức hình phạt trong một thời đại nào đó mà họ làm việc giết hại, hoặc bảo người giết hại, như những trọng hình, chặt tay, chặt chân, hoặc cắt thịt sau lưng, hoặc cắt hai đùi, hoặc cắt năm lạng, hoặc cắt mười lạng. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó, đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Ở trong đó, có lúc ngục tốt chửi mắng, tội nhân sợ hãi chịu tội, chẳng dám động đậy, có lúc vô lượng tội nhân với tâm rất hoảng hốt, có lúc đứng lặng như rừng cờ, có lúc mặc áo sắt, cà sa sắt, lửa thường thiêu đốt hừng hực, vô lượng nghìn vạn áo sắt đỏ. Có lúc áo trên không bay xuống, các tội nhân la hét thất thanh: "Áo đến, áo đến…". Áo đã đến rồi thì tùy theo mỗi người mà bị quấn vào, da thịt gân cốt đều bị cháy rụi. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người thường cầm roi gậy đánh đập chúng sinh, hoặc dùng gậy da, hoặc dùng roi mây, hoặc dùng đuôi cá tra tấn chúng sinh. Lại có kẻ xuất gia phá giới thọ dụng áo quần và khăn đai của dân chúng. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Lại có tội nhân bị ngục tốt lột da từ chân đến cổ thì dừng, lớp da vẫn còn dính mà không lìa ra được; lại có ngục tốt lột da từ cổ đến chân rồi dừng mà không lìa lớp da ấy ra được; hoặc có tội nhân bị lột da từ cổ đến thắt lưng thì thôi; có người bị lột từ thắt lưng đến chân thì dừng, làm cho các tội nhân phải mang lớp da dính trên thân; lớp da này rủ xuống đến đất, tự mình và người khác dẫm đạp lên, đau khổ quằn quại khó thể tả nổi. Ví như người mặc áo quần mà ngang dọc dài ngắn không thể gọn gàng, lớp da ở trên thân tội nhân ấy cũng vậy. Tội nhân ở địa ngục này chịu hình phạt lột da. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh phải thọ sinh ở trong đó? Thuở xưa ở trong kiếp người tạo nghiệp như vậy: lột da của các loài chúng sinh, làm cho da không rứt ra được giống như lớp áo mặc trên thân rồi lấy đó làm vui… Lại nữa, xưa kia ở trong kiếp người lại đánh đập chúng sinh, hoặc tự làm, hoặc bảo người làm. Lại có kẻ xuất gia phá giới thọ dụng áo quần, giường chiếu… của thí chủ. Do nghiệp

này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Trong địa ngục này vô cùng tối tăm, khói tỏa mù mịt, khói xông hơi cay, đến lột da, xé thịt, róc xương đến tủy. Khói độc này vào khắp trong ngoài thân. Ngục tốt đuổi chạy khiến cho tội nhân vào trong khói này, sau đó mới bỏ. Các tội nhân sợ trốn khói này, bỏ chạy khắp vô số do-tuần; nhưng hư hại đến thân da lại càng khốc liệt hơn nhiều. Người ở địa ngục này chịu khói độc ấy. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người làm mật thất cao, dùng khói giết người, hoặc dùng khói tra tấn người lao ngục, hoặc dùng khói lửa xông đốt trong hang các loài: Nhím, cá chép, cá rái, cáo, chồn, chuột, ong cho đến dùng khói xông giết loài muỗi. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Vì sao địa ngục này gọi là Hắc Thằng? Vì tội nhân trong đây bị trói buộc tùy tiện, chém chặt thống khổ, nên gọi là hắc thằng. Lại vì tính chất của nó xưa nay nên gọi là Hắc Thằng. Đức Phật muốn nói rõ lại nghĩa này nên thuyết kệ:

Ngục tốt trong Hắc Thằng
Dựng tội nhân như cây
Tùy cõi ngục Hắc Thằng,
Cầm rìu, đao chém chặt.
Lại còn áo sắt đỏ,
Ngày đêm thường thiêu đốt,
Quấn quanh các tội nhân,
Máu thịt chảy rồi khô,
Lột da chân đến cổ,
Cổ, thắt lưng cũng vậy.
Tội nhân trong Hắc Thằng,
Nhiều thịt đỏ không da,
Trong tối tăm đáng sợ,
Khói độc đều đầy khắp.
Ngục tốt đuổi chạy vào,
Vào rồi mới hết đuổi
Chạy khắp nhiều do-tuần,

Khói tối không thể thấy,
Đạp da lột của nhau,
Mình, người đều khốn khổ.
Nhân và quả trong đó
Phật tự biết như thật,
Nói Hắc Thằng như vậy
Là chỗ người ác ở.

3. ĐỊA NGỤC ĐẠI HẠNG

Ở giữa hai địa ngục Hắc Thằng và Cánh Sanh, có một địa ngục tên là Đại Hạng. Tội nhân trong đó, có lúc bị nằm ngửa, có lúc bị nằm sấp, hoặc đặt trong cối bị chày sắt đâm giã, hoặc từ chân đến cổ của tội nhân bị cắt chặt từng phần, hoặc có tội nhân bị lột da trãi xuống đất, rồi đến cắt xẻo thịt bỏ lên trên da đó. Lại có tội nhân, hạ kiếm xuống thì tay bị chặt, chặt đứt, nhấc kiếm lên thì tay sinh lại trên lại sinh; vì vậy mà tay chất như ngọn núi cao; chân, tai, mũi, đầu, kiếm hạ xuống thì dứt, nhấc kiếm lên lại sinh. Cho đến khi thọ báo nghiệp ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà phải thọ quả báo này, khiến cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người, làm nghề đồ tể, lấy việc giết heo, dê, trâu, nai… để sinh sống, hoặc giăng lưới bắt cá, chim, hoặc làm cai ngục, hoặc tự trộm cướp, hoặc dùng đại hình, chém giết tội nhân. Do nghiệp báo này nên thọ sinh trong đó; lại có vô số nghiệp báo ác nên thọ sinh trong đó, lại có nghiệp cảm tăng thượng thọ sinh trong đó. Đã sinh trong đó thì thọ dụng vô số nghiệp báo bất thiện. Người ở địa ngục này có đầu như đầu voi, thân tợ thân người; lại có tội nhân đầu trâu, thân cũng tợ thân người, vô số những loại như vậy không đồng. Ngục tốt trong đó đóng tội nhân vào xe sắt để cỡi đi, ngày đêm thiêu đốt, thường đỏ hừng hực, dùng sắt đỏ làm ách, làm dây. Đường xá ở đó đều làm bằng sắt, chiều dài nhiều do tuần, rộng cũng như vậy. Ngục tốt trong đó cầm dùi sắt đỏ đuổi tội nhân chạy lui tới, chịu những khổ hại như vậy. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người hoặc làm người điều khiển voi, ngựa, trâu, các loài cưỡi chạy… do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Trong đó lại có

chúng sinh, đầu là đầu ngựa, thân là thân người, cũng có người đầu nai thân người, có kẻ đầu heo thân người. Vô số những loại khác nhau như vậy, rất nhiều ngục tốt tụ tập xung quanh, cầm cung đao, vô số gậy gộc đâm chém tội nhân. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người cầm dao gậy, lưới, săn bắt nhiều loài chúng sinh; có nhiều người vây quanh, hoặc chặt hoặc đâm, hoặc giết. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Ở đó có một cây tên là Nghịch-thích-siểm-đề-lợi, tất cả đều làm bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, ánh lửa hừng hực. Cây này cao một do-tuần, gai dài mười sáu tấc. Ngục tốt trong đó bắt tội nhân kéo lên cây gai rồi lại kéo xuống; lúc kéo lên thì gai hướng xuống dưới, lúc kéo xuống thì gai hướng lên trên. Lúc kéo lên xuống, nếu ở bụng thì da thịt bị tước xé hết, bạ vào thân cây gai, nếu ở lưng thì da thịt cũng bạ vào hết thân cây. Lát sau da thịt sinh ra trở lại cũng vậy. Do việc này nên tùy theo bụng hoặc lưng mà kéo lên, kéo xuống. Tội nhân phải chịu các hình phạt như vậy. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người tà dâm vợ người, hoặc có người vợ phản bội lại chồng. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Trong địa ngục ấy lại có rất nhiều núi than sắt cháy đỏ, ngày đêm thiêu đốt, ánh lửa hừng hực, ngục tốt trong đó nắm tay tội nhân kéo lên kéo xuống. Nếu bụng áp vào núi thì da thịt cháy rực, nếu lưng áp vào núi, da thịt cũng thiêu rụi. Da, thịt ở bụng sinh trở lại như cũ; rồi đến da thịt lưng cháy rụi rồi sanh trở lại cũng vậy. Do vậy nên lưng và bụng luân phiên nhau cháy rồi sinh nên tùy theo đó mà kéo lên kéo xuống, tội nhân phải thọ sự hành hạ này. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Thuở xưa ở trong kiếp người, do đem sinh mạng của chúng sinh ném vào trong lửa, hoặc cháy trong cát bỏng, hoặc cháy trong than tro, hoặc ném vào chỗ uế, hoặc đóng vào xe trâu, ngựa cỡi

trên cát nóng. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện.

4. ĐẠI NGỤC TỤ KHÁI

Lại có địa ngục tên là Tụ Khái, hình dạng của nó giống như ở giữa hai núi. Ngục tốt trong đó cầm vô số khí trượng khủng bố tội nhân, lúc ấy tội nhân rất hoảng hốt, vô số người vào giữa hai núi, vào giữa hai núi rồi, có lửa lớn tụ lại bít lấp đường trước. Tội nhân thấy lửa lớn liền chạy lui, lại thấy ở sau có lửa lớn tụ lại, bao bọc xung quanh, hai núi liền khép lại với nhau. Lúc hai núi khép lại, tất cả tội nhân gào thét như vậy: "Núi này đến rồi, núi này đến rồi". Núi liền khép lại với nhau như bánh dầu ép, núi ép tội nhân cũng như vậy. Đã khép rồi, núi mở ra phía trên, các tội nhân liền nhảy lên, tranh nhau nhảy lên thì lại rớt xuống dưới núi này rồi thân bị ép lại, như ép các loài thú, máu chảy thành sông, chỉ còn xương gân không còn da thịt. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Thuở xưa ở trong kiếp người, dùng mành tre trải lên thân người khác rồi cho voi dẫm đạp, hoặc lúc chiến đấu dùng các áp xa ép người chết, lại treo máy đá thả xuống để giết người; lại ở trong các đường hẽm làm các hầm bẫy để hãm hại chúng sinh, hoặc dùng móng răng cào cắn trùng bọ. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó, đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Tội nhân ở trong đó chỉ còn gân xương, không còn máu thịt. Lúc ấy ngục tốt bảo với đồng bọn: "Nay ta cùng với ngươi trong khoảnh khắc, đâm giã tội nhân". Họ liền bắt các tội nhân vào trong thuyền sắt nóng đỏ, dùng chày sắt nóng rực giã vụn thân tội nhân. Thời gian khoảnh khắc ấy thì ở trong cõi người phải là năm trăm năm tuổi thọ, chịu sự tra tấn thống khổ này còn nhiều sự khốc liệt hơn nữa cũng nói đầy đủ như trước. Xưa kia vì nghiệp cảm gì mà thọ quả báo này, làm cho các chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Thuở xưa ở trong kiếp người hoặc cầm mâu, giáo… đâm hại chúng sinh, hoặc giã côn trùng lẫn với gạo nếp, lúa mì. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ

thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Vì sao gọi địa ngục này là Tụ Khái? Vì tội nhân tụ tập một chỗ ở trong ấy, hai núi khép lại với nhau nên gọi là Tụ Khái; lại nữa, ngục này xưa gọi là Tụ Khái nên gọi là Tụ Khái. Đức Phật nói lại bằng kệ:

Trong địa ngục Tụ Khái,
Ở giữa hai núi lớn.
Vô số các tội nhân
Vào trong như đàn nai.
Do nghiệp báo xưa kia,
Hai núi này khép lại,
Ép chết nhiều chúng sinh.
Lửa bít đường trước sau
Từ thân các tội nhân,
Máu chảy thành sông suối,
Chịu khốn khổ như vậy,
Cầu chết không thể được,
Để trong thuyền sắt nóng
Cầm chày giã vỡ nát.
Thọ các nghiệp báo xưa,
Khoảnh khắc-năm trăm năm.
Như Lai, Nhân Thiên Sư
Thấy như thật việc này,
Nên nói ngục Tụ Khái,
Chỗ người làm ác ở.

5. ĐỊA NGỤC KHIẾU HOÁN

Lại có địa ngục tên là Khiếu Hoán, hình tướng giống như vô lượng nghìn số nhà nhỏ. Tội nhân trong đó, mỗi người một nhà, thân lớn phòng nhỏ, khốn khổ bức bách, không thể đi đứng nằm ngồi, chịu lửa thiêu đốt, lửa rực cháy ở dưới tội nhân này, nếu ngọn lửa quá lớn thì cất tiếng: Kêu dữ dội, nếu lửa yếu thì cất tiếng: kêu giảm xuống. Chịu sự thiêu đốt. Cho đến những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Thuở xưa ở trong loài người, không cứu tế những chúng sinh không nơi nương tựa; tự làm hoặc bảo người làm trọng hình; tự làm hoặc bảo người làm đốt cháy rụi cả cánh đồng; hoặc làm phòng kín

dùng lửa giết chúng sinh; hoặc làm lao ngục, dùng lửa tra tấn người; hoặc dùng lửa thiêu đốt các loài trong hang chuồng: heo, cá chép, cá rái, cáo, chồn, chuột, ong, cho đến dùng lửa xông đuổi các loài muỗi. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện.

6. ĐỊA NGỤC ĐẠI KHIẾU HOÁN

Lại có địa ngục tên là Đại Khiếu Hoán, hình dáng như hầm lớn, rộng và dài vô số do-tuần, đều làm bằng sắt nóng đỏ, nói đầy đủ như trước. Ngục tốt trong đó tay cầm phách sắt khủng bố tội nhân, tội nhân thấy vậy sanh lòng hoảng hốt, hoặc chạy trốn hoặc không chạy trốn, hoặc chạy hoảng loạn khắp cùng, hoặc quay mặt vào vách, hoặc nhìn thẳng, hoặc gặp ngục tốt cúi chào, khen ngợi, hoặc xin lui. Có lúc ngục tốt hỏi người mới gặp cúi chào: "Các ngươi vì sao dám đến chào đón ta", liền dùng phách sắt đánh bể đầu nát bấy như pho mát; người không nói lời chào hỏi nghinh tiếp thì ngục tốt nói: "Vì sao các ngươi dám không đến nghinh đón", ngục tốt cũng liền đập nát đầu của tội nhân như nói ở trước. Người chạy tán loạn, không chạy, xoay mặt vào vách, nhìn thẳng, phản loạn, không phản loạn đều bị hỏi đánh tra tấn như vậy. Vì lý do này nên đều bị vỡ đầu, không thể tránh khỏi. Chịu sự vỡ đầu này rồi còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người đào hầm làm ngục, nếu người phạm tội thì bị đày ở trong đó, khiến không thấy ánh sáng, mặt trăng. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Lại vì hành nghiệp gì mà phải thọ quả báo vỡ đầu? Thuở xưa trong kiếp người đã từng đánh vỡ đầu chúng sinh, hoặc vô số chúng sinh: cá, rắn, rít do những nghiệp này nên thọ quả báo vỡ đầu. Sự khốn khổ nạn lửa thiêu đốt của địa ngục này cũng kịch liệt như trước, lại thêm có nỗi thống khổ vỡ đầu… Vì sao địa ngục này gọi là: Đại Khiếu Hoán? Vì tội nhân ở trong đó bị đánh, lửa đốt, kêu to, thét lớn, chỉ nghe tiếng gọi thất thanh mà không thuyên giảm, cho đến không thể kêu cha, gọi mẹ. Cho nên địa ngục này gọi là Đại Khiếu Hoán, lại do tính chất là tiếng gào thét lớn nên gọi là Đại Khiếu Hoán. Đức Phật nói rõ lại nghĩa này bằng bài kệ:

Trong địa ngục Khiếu Hoán,
Nhiều người bị đè ép.
Nếu lửa lớn đốt dưới,
Tiếng kêu gào đáng sợ.
Nếu ngọn lửa yếu đi
Tiếng kêu cũng giảm theo.
Không được đứng nằm ngồi
Khổ vì lửa thiêu đốt.
Đại Khiếu Hoán thứ hai,
Sâu tối sởn gai ốc,
Vách đứng không thể lên,
Rộng to vô số lượng.
Ngục tốt ở trong đó,
Cầm phách sắt nóng đỏ,
Đập đầu như oan gia.
Vô lượng trăm nghìn năm
Như Lai Thiên Nhân Sư,
Thấy như thật việc này
Nói hai ngục Khiếu Hoán:
Chỗ người làm ác ở.

7. ĐỊA NGỤC THIÊU CHÍCH

Lại có một địa ngục nữa tên gọi là Thiêu Chích, hình của nó giống như lò bếp, tất cả đều làm bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, ánh lửa hừng hực, dài và rộng vô lượng do-tuần. Tội nhân trong ấy vô số nghìn vạn, bị đóng lại để thiêu đốt, đốt chín rồi, trong ngoài đều cháy rụi, khô dòn, như thịt để khô. Lúc ấy cửa ngục tự nhiên mở, bên ngoài cửa ấy có vô số chó, hoặc chim, hoặc ngựa vằn, thân cao lớn. Người hầu ngục mở cửa tranh nhau vào ngục vác tội nhân ra, cáu xé thân ấy, như cây bị đổ, mặc sức mà ăn. Bị ăn xong da thịt hết, chỉ còn đống xương; lúc ấy người thọ nạn khốn khổ hôn mê, gió lạnh thổi đến, da thịt sinh trở lại. Lúc ấy ngục tốt đuổi vào trở lại, lại thọ cái khổ thiêu đốt và nhai nghiến như trước. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn đều nói đầy đủ như trước. Xưa kia vì làm nghiệp gì mà thọ quả báo này, làm cho các chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người làm ra lao ngục, không có cửa ngỏ, vách làm bằng đất bùn trộn phân voi và dùng dầu lam-hòa-cù- đàm-ba-thọ để tô quét, rồi ném tội nhân vào trong ngục đó, ánh sáng mặt trời thiêu nướng, qua một đêm, xác chết phình

trướng và thối rữa; hoặc giết hại tội nhân bằng cách hấp, hoặc nấu hoặc giết bằng cách đặt lửa thiêu nướng, hoặc nấu tằm kén, hoặc rang nướng chúng sinh. Vì những nghiệp này nên thọ sinh ở trong đó; lại có vô số nghiệp báo các ác và nghiệp báo tăng thượng nên thọ sinh ở trong đó, đều nói đầy đủ như trên. Lại do nghiệp gì mà bị chó ăn thịt? Vì thuở xưa ở trong kiếp người, nuôi các loài vật: Sư tử, hổ, báo, chó sói… và làm thịt nhai nuốt mạng các chúng sinh này. Vì những nghiệp này nên thọ sinh ở trong đó, ngoài ra đều nói như trên. Xưa kia vì tạo nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi vào thân? Vì xưa kia lấy thịt chúng sinh làm nem chả, vì nghiệp này nên bị gió lạnh thổi vào thân. Vì sao ngục này gọi là Thiêu Chích? Vì tội nhân ở trong đó bị nướng đốt thân tâm nên gọi là Thiêu Chích, lại do tính chất thiêu nướng của ngục này nên gọi là Thiêu Chích. Đức Phật nói lại nghĩa này bằng kệ:

Trong địa ngục Thiêu Chích,
Nhà lửa sắt rực đỏ
Khí nóng thật khủng khiếp,
Giống như đống lửa cháy.
Người tạo tội trong đó,
Bị nhốt chịu thiêu nướng,
Như hành nghiệp thuở xưa
Chịu quả báo trong đó.
Lúc thân đã chín rồi,
Bầy chó tranh cấu xé,
Da thịt đều ăn hết
Chỉ còn xương để lại.
Lúc gió lạnh thổi đến
Da thịt sinh trở lại,
Ngục tốt lại đuổi vào,
Chịu thống khổ như trước.
Như Lai Nhân Thiên Sư,
Thấy như thật việc này,
Nên nói ngục Thiêu Chích
Chỗ người làm ác ở.

8. ĐỊA NGỤC ĐẠI THIÊU CHÍCH

Lại có một địa ngục tên là Đại Thiêu Chích, hình dáng của nó cao rộng như núi, tất cả đều làm bằng sắt nóng đỏ, ngày đêm thiêu đốt, ánh lửa hừng hực, có vòng chuỗi sắt đỏ đốt nóng kịch liệt, thường phát quanh khắp,

trên dưới đều bao quanh. Hoặc có tội nhân bị một xâu quấn vào liền bị núi lửa thiêu cháy, hoặc hai ba xâu, hoặc mười, hai mươi xâu cho đến trăm nghìn xâu quấn vào ngang dọc. Nếu một bên chín thì xâu chuỗi ấy tự chuyển sang thiêu đốt một bên khác. Có tội nhân vòng sắt tự xâu vào, nhổ ra, chỗ chưa bị thương thì liền cháy. Lại có tội nhân do nghiệp báo ác hơn nữa nên vô số các vòng này tự đến chạm vào và đâm chích thân thể, tội nhân trong đó bị thiêu nướng bởi vòng chuỗi này. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người xâu vòng lửa để thiêu nướng chúng sinh. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Vì sao địa ngục này gọi là Thiên Chích? Vì sầu ưu khổ não nên gọi là Thiêu Chích, lại do tính chất vốn có của nó nên gọi là Thiêu Chích. Đức Phật nói rõ lại nghĩa này bằng kệ:

Địa ngục Đại Thiêu Chích,
Xâu chuỗi nhọn bằng sắt
Núi lửa sắt vây quanh,
Thọ nghiệp ác đời trước.
Ở trong đó người ác,
Vô số bị quấn xâu,
Như lăn, trở nướng cá,
Tùy nghiệp khiến thọ vậy
Như Lai Nhân Thiên Sư,
Thấy như thật việc này,
Nên nói Đại Thiêu Chích,
Chỗ của người ác ở.

8. ĐỊA NGỤC A-TỲ-CHỈ.

Lại có một địa ngục tên là A-tỳ-chỉ, hình tướng của nó giống như thành lớn, tất cả đều làm bằng sắt đỏ nóng, ngày đêm thiêu đốt, ánh lửa hừng hực. Bức tường phía Đông của địa ngục này tất cả đều bằng sắt đỏ, ngày đêm thiêu đốt, thường phát ra ánh lửa hừng hực. Bức tường phía Tây, Nam, Bắc, trên, dưới đều đốt cháy. Bức tường phía Tây rực lửa giao nhau hoàn toàn với tường phía Đông; tường Đông rực lửa cũng giao nhau hoàn

toàn với tường phía Tây. Lửa cháy rực của tường Nam giao thoa hoàn toàn với tường Bắc, tường Bắc với tường Nam, trên với dưới, dưới với trên cũng như vậy. Bốn phương rực lửa khắp cùng trong ngục, tội nhân vô lượng vô số trong đó đạp đi đạp lại chịu thiêu đốt như củi cháy. Có tội nhân do những phẩm nghiệp ác khốn khổ hơn nữa nên thân to lớn, hư rỗng, mềm nhũn, lại dẫm đạp lên nhau, thân đầu rơi xuống; không thể đi đứng nằm ngồi. Có những tội nhân do phẩm nghiệp đời trước mức trung, hạ nên thường chạy tán loạn khắp, tìm cách ra khỏi, hoặc có lúc cửa Đông của Đại địa ngục tự mở, các tội nhân đều la lên: "Cửa mở rồi, chạy ra!". Chưa đến cửa thì cửa tự đóng lại. Lúc đó cửa Tây lại mở, cửa Nam, cửa Bắc cũng lại tự mở, các tội nhân này la lên: "Cửa mở, chạy mau đến cửa", chưa kịp đến cửa, cửa đã tự đóng. Các tội nhân này thọ khổ địa ngục Vô Gián này khó có thể chịu được, rất kiên cố, rất dữ tợn, vô cùng thống khổ, cho đến nghiệp ác chưa thọ báo hết thì cầu chết không được. Xưa kia vì làm việc gì mà thọ quả báo này? Xưa kia ở trong loài người vì giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, khởi tâm sát hại làm Phật rỉ máu, phá hòa hợp tăng, giết người chánh định, hoặc mẹ của họ đã thành Thánh nhân mà sinh tâm bức dâm, hoặc giết Bồ tát, chúng sinh, hoặc phá bốn loại Chi Đề của Như Lai, hoặc cướp đoạt nhân duyên tụ tập vật bốn phương tăng, hoặc làm việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, hoặc các phẩm ác tối thượng tham ái, sân nhuế, tà kiến… Tùy theo một, hai hay đầy đủ các tội như vậy, do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Vì sao địa ngục này gọi là A-tỳ-chỉ? Vì tội nhân ở trong đó thường chịu thống khổ, không hề gián đoạn. Còn những nỗi khổ của địa ngục trên nữa thì không như vậy. Vì sao? Vì trong địa ngục khác, ngục tốt có lúc đến, có lúc không đến, hoặc do gió lạnh mà khổ lớn tạm ngừng, trong địa ngục này thì không như vậy. Từ đầu đến cuối, thọ những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa khó thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, vô cùng thống khổ. Thọ mạng của tội nhân trong đó một kiếp, cho đến nửa kiếp, cho đến bất định. Ví như lò đúc kim loại nung sắt cuối ngày, các mảnh sắt nóng bay tung toé, thân tội nhân bị thiêu cháy cũng như vậy, nên gọi là A-tỳ-chỉ, lại do tính chất của nó nên gọi là A-tỳ-chỉ. Đức Phật nói lại nghĩa này bằng kệ:

Địa ngục A-tỳ-chỉ,
Thật thống khổ vô cùng,
Ngày đêm thiêu cháy rụi,
Đống lửa cháy khắp nơi.

Ví như đốt một ngày
Sắt đỏ rực ánh lửa.
A-tỳ-chỉ như vậy,
Tất cả toàn lửa cháy.
Thân tội nhân trong đó
Giống như đống lửa lớn.
Các ngươi thấy nghiệp lực,
Như lửa than không tàn.
Hoặc lúc thấy cửa mở,
Tranh nhau chạy ra khỏi,
Chưa đến cửa đã đóng
Nghiệp đời trước chưa hết,
Như người thọ vui trời,
Cầu sống không muốn chết.
Người thọ khổ trong đó
Cầu chết không cầu sống.
Như Lai Nhân Thiên Sư,
Thấy như thật việc này
Nên nói ngục A-tỳ
Chỗ người làm ác ở.

9. ĐỊA NGỤC NGOẠI VIÊN CÁCH

Bốn bên vây quanh bên ngoài của tám địa ngục này là bốn địa ngục Ngoại Viên Cách. Những gì là bốn? Một là địa ngục Nhiệt Khôi, hai là địa ngục Phấn Thỉ, ba là địa ngục Kiếm Diệp, bốn là địa ngục Liệt Khôi Trấp. Bốn lớp địa ngục tuần tự vây quanh như vậy, mỗi một địa ngục nên biết như vậy. Nếu nói tuần tự thì có địa ngục tên là Nhiệt Khôi, các tội nhân trong đây đi ra từ Đại địa ngục, thấy bên ngoài lửa tàn như đất bằng trống. Thấy tướng này rồi thường khởi tâm như vậy:

"Nay ta phải quyết đến đó". Lúc ấy tội nhân liền đi đến đó, chân dẫm lên tro nóng thì da thịt liền tiêu nát, như ngọn nến quăng vào lửa lớn, tùy theo chân bước mà da thịt tái phục, hoặc có lúc đến gối, có lúc đến đùi, có lúc đến cổ, hoặc chìm luôn không hiện. Tội nhân chạy tán loạn khắp vô số do-tuần trong đó. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì thuở xưa ở trong kiếp người

đem chúng sinh ném vào lửa, hoặc trong tro nóng, hoặc trong cát nóng, hoặc tà dâm vợ người, lúc qua đời thì vào cảnh giới khác; hoặc trong Tăng già lam xuất gia phá giới đi, đứng, nằm, ngồi; hoặc khởi tâm ác, hoặc dẫm lên cảnh giới bốn Chi-đề, hoặc dẫm lên ảnh Chi-đề. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện.

Địa ngục thứ hai tên là Phấn Thỉ, tội nhân trong đó ra khỏi địa ngục Nhiệt Khôi thì thấy phẫn như ao sen trong. Thấy rồi liền khởi tâm như vậy: "Ta nay phải quyết định đến chỗ kia". Lúc ấy tội nhân đi vào trong đó, vào trong đó rồi thì có vô số loài trùng. Miệng của loài trùng sắc như kiếm nhọn, ngấu nghiến da thịt cho đến gân xương, ăn hết thân tội nhân. Lại có các loài trùng từ lỗ mũi đi vào ăn năm tạng phủ, hoặc từ tai vào, hoặc từ mắt vào, từ miệng vào, từ đường đại tiểu tiện đi vào ăn năm tạng phủ. Lại có trùng lớn nhai nuốt tội nhân, máu thịt đã hết ói ra xương như bỏ hạt. Thọ đầy đủ những nỗi khổ cùng cực như vậy, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì xưa kia trong kiếp người đem mạng chúng sinh ném vào hầm phẫn, hoặc chỗ bất tịnh, cho đến cống rãnh. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Xưa kia vì hành nghiệp gì mà thọ quả báo khốn khổ bị trùng nhai nuốt? Vì thuở xưa ở trong cõi người ngấu nghiến các loài: rắn, chó, ốc, cá…, hoặc khởi ác tâm thọ dụng năm trần. Do nghiệp báo này nên sinh ở trong đó, thọ những thống khổ nhai nghiến đục khoét như vậy. Đức Phật nói lại nghĩa này bằng kệ:

Đã qua ngục Phấn Thỉ
Thấy rừng-cây đáng yêu
Cành, nhánh, lá sum xê
Đến kia muốn cầu vui.

Trong rừng như vậy có: chim đen cổ trắng, quạ, chim ưng, chim ó, diều hâu…; đất này lại có: hổ, báo, chó sói, sư tử… thân đều to lớn. Các cầm thú này đều ăn thịt tội nhân: ngấu nghiến, nhai nuốt hết cả da thịt máu, chỉ còn lại xương. Tội nhân ở đây phải chịu sự nhai nuốt này. Còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở

trong đó? Lúc ấy, gió lạnh thổi đến, da thịt được sinh ra trở lại, lại chịu cái nỗi khổ ngấu nghiến, thọ báo chưa hết thì cầu chết cũng không được. Xưa kia vì hành nghiệp gì mà lãnh chịu sự nhai nuốt này? Xưa kia ở trong kiếp người, vì ăn các loài chúng sinh như: hổ, chó, sư tử…; hoặc thả chim ưng, cho săn bắt các loài cầm thú. Do nghiệp này nên sinh ra quả báo bị ngấu nghiến, lại có vô số các báo ác nghiệp nên thọ sinh ở trong đó. Xưa kia vì hành nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi? Thuở xưa ở trong kiếp người, nuôi các loài chúng sinh để cho thân thịt mập lên (để giết ăn). Vì nghiệp này nên bị gió lạnh thổi.

Địa ngục thứ ba gọi là Kiếm Diệp, các tội nhân này đã đi qua địa ngục Phấn Thỉ, thấy địa ngục Kiếm Diệp tâm khởi ưa thích; như rừng Yêm-la, đường của rừng kiếm này đều là mũi nhọn: đao, đoản đao, đao nhọn bày khắp trên đất. Lúc các tội nhân đi trên đường rừng này thì phải nhận chịu những nỗi khổ: mũi nhọn đâm thọc. Vô số chúng sinh đã vào rừng ấy, do nhân duyên ác nghiệp mà bị gió lớn thổi mưa các loại khí cụ: mưa kiếm, mưa mũi tên, mưa đao phủ… tùy theo mỗi phần thân mà bị chặt đứt, đầu cổ chia lìa, nằm la liệt trên đất; hoặc mưa xuống giáo sắt xuyên từ đỉnh đến chân, không cử động được. Thọ sự tàn khốc này còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó. Xưa kia ở trong kiếp người vì làm việc chiến đấu với người khác, dùng dao trượng để chiến đấu và nói như vậy: "Các ngươi hãy dùng khí trượng này để dành lấy đất nước kia!". Họ tụ tập nhiều người vây quanh tứ phía, tùy tiện chém giết. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện.

Địa ngục thứ tư gọi là Liệt Khôi Trấp. Các tội nhân này từ rừng cây Kiếm Diệp đi ra, thấy ngục Liệt Khôi Trấp cho là nước sông trong mát, tâm khởi ưa thích vào trong sông đó. Các tội nhân này trước đây ở trong rừng kiếm đó, thân bị tan nát trăm nghìn mảnh, rồi vào trong sông đó, thân bị tiêu hoại, máu thịt đều hết, chỉ còn xương gân liền nhau nổi dưới mặt nước. Thọ sự tàn khốc này còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó. Vì xưa kia ở trong kiếp người dùng dầu nóng hoặc sáp, hoặc cồn chiên, hoặc luộc thân chúng sinh, hoặc đem thân uế bất tịnh vào ao giếng của vườn người khác mà tẩy rửa. Do nghiệp

này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó. Đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Hai bên bờ sông Khôi này có vô lượng nghìn số ngục tốt, thân đều to cao, cầm nĩa giáo… giữ tội nhân. Có lúc tội nhân nói với ngục tốt: "Thưa phán quan! Tôi nay quá đói". Ngục tốt liền dùng nĩa ba đâm tội nhân ném lên bờ hoặc dùng móc câu móc vào miệng, móc viên sắt nóng với ánh lửa hừng hực ném vào miệng tội nhân làm cho miệng lưỡi đều thiêu rụi, yết hầu, ngực, tim, bụng, ngũ tạng đều cháy rụi, hoàn sắt nóng vào trong miệng và ra ở dưới cùng. Thọ nhận sự tàn khốc này còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó? Vì xưa kia ở trong kiếp người dùng thức ăn độc cho người khác ăn, hoặc dùng rượu độc giết người, hoặc kẻ xuất gia phá giới thọ của tín thí, hoặc vọng ngữ, hoặc ác khẩu. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó, đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Có lúc tội nhân nói với ngục tốt: "Thưa phán quan! Tôi nay rất khát!". Ngục tốt liền dùng nĩa ba đâm và ném tội nhân lên bờ, hoặc dùng móc sắt nóng móc vào miệng, hoặc dùng nước đồng đốt nóng rực rót vào miệng, làm cho miệng lưỡi, yết hầu, tim ngực, bụng, ngũ tạng đều cháy rụi, nước đồng nóng ấy chảy từ trên miệng xuống dưới cùng. Tội nhân thọ sự tàn khốc này còn những nỗi khổ khốc liệt hơn nữa, khó có thể chịu nỗi, rất kiên cố, rất dữ tợn, rất thống khổ; cho đến lúc thọ nghiệp báo ác chưa hết thì cầu chết cũng không được. Vì nghiệp gì mà chịu quả báo này, làm cho chúng sinh thọ sinh ở trong đó. Vì xưa kia ở trong kiếp người, người này dùng nước tiểu của ngựa, voi… rót vào miệng, mũi người khác, hoặc dùng nước ngũ vị tân rót vào mũi miệng kẻ khác, hoặc bỏ độc vào thức uống và ép bức người uống, hoặc bảo người uống nhiều các loại rượu, hoặc vì lợi bán rượu, hoặc tự uống rượu, hoặc xuất gia thọ của tín thí vô số phẩm vật cúng dường mà phá giới, không tu hành, hoặc ngồi uống với người khác nơi không thể ngồi uống. Do nghiệp này nên thọ sanh trong đó; lại do vô số nghiệp báo các ác nên thọ sanh trong đó; lại có nghiệp báo tăng thượng chiêu cảm nên thọ sanh trong đó, đã sanh trong đó thì sẽ thọ dụng nghiệp báo bất thiện. Đức Phật nói lại nghĩa này bằng kệ:

Tội nhân ra đại ngục,
Thấy trong tro nóng này,
Giống như đất bằng rộng,

Khởi ưa thích đến đó.
Đến rồi, chạy tán loạn,
Vô số các do-tuần,
Dẫm, cất chân đều cháy,
Chịu đủ khổ khốc liệt.
Đã ra ngục tro nóng,
Liền thấy hầm phân nhơ,
Rộng dài sâu trăm trượng,
Tưởng ao sen, thích đến.
Vô số trùng trong đó,
Miệng sắc bén như tên,
Khoét da ăn máu thịt,
Đục gân cốt ăn tủy.
Lại ra hầm phẫn rồi,
Thấy rừng kiếm ưa thích,
Tưởng cành lá tươi tốt,
Muốn đến đó tìm vui.
Vô số chim trong rừng,
Miệng lưỡi nhọn như kim,
Người nằm như cây đổ,
Cấu xé xác tội nhân.
Lúc trùng đã ăn xong,
Chỉ còn lại xương gân,
Khi gió lạnh thổi đến,
Da thịt sinh trở lại.
Sợ hãi liền chạy trốn,
Nơi khổ tưởng là an,
Giữa đường bị tàn hại
Vào rừng kiếm đáng sợ.
Lúc ấy thân rã nát,
Thống khổ máu thành sông,
Ra khỏi rừng này rồi,
Liền vào sông tro nóng.
Như đậu trong nước sôi,
Luộc nhào lộn, nổi chìm,
Sục sôi trong sông tro,
Tội nhân cũng như vậy.
Các ngục tốt hai bờ,

Cầm nĩa đâm vào thân,
Đem lên để trên đất,
Cưỡng bức uống sắt nóng.
Hoặc uống nước đồng nóng,
Xin uống rót vào miệng,
Đốt cháy khắp thân thể,
Sau đó chảy xuống dưới.
Người làm ác như vậy,
Chịu khổ địa ngục này.
Xưa không tu thiện nghiệp
Tu hành đường tà vạy,
Do khởi chánh tư duy,
Có thể lìa các ác,
Một lòng hành thiện hạnh,
Người này vượt đường ác.
Biết hai nghiệp thiện, ác,
Có quả báo sai khác,
Người trí nên lìa ác,
Phải trồng các căn lành.
Lại tu hành pháp khác,
Tám chánh Thánh đạo phần
Để diệt tất cả khổ,
Quán bốn pháp không sót.
Như Lai Nhân Thiên Sư,
Thấy như thật việc này
Nên nói ngục Viên Cách,
Chỗ người làm ác ở.

10: ĐỊA NGỤC DIÊM LA

Như Đức Phật, Thế tôn cùng A la hán đã giảng nói. Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật, Thế tôn dạy: Tỳ khưu! Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt thường, thấy các chúng sanh chết đi rồi lại sanh khởi, sắc dữ sắc lành, hoặc thô hoặc diệu, hoặc trụ nơi đường thiện, hoặc trụ nơi đường tùy nghiệp, thọ sanh, ta đều nhận biết đúng như thật và nói kệ:

Tâm khởi tạo ác, tà
Cùng với lời tà vạy
Hoặc thân nghiệp hành tà

Do xưa vốn buông thả.
Ít nghe, không phước đức
Mạng ngắn ngủi làm ác
Người nầy sau khi chết
Tức đọa ngục Diêm la.

Đức Phật bảo Tỳ khưu: Nếu người nào đời trước không cung kính cha mẹ, cùng các vị Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính các bậc Tôn trưởng, thân hữu, không tu tập chánh thiện và hành phước đức, không sanh sợ hãi các việc ác hiện tại và tội lỗi của vị lai không hành bố thí, không tu phước đức, không thọ bát trai, không trì năm giới. Kẻ ấy xả bỏ thọ mạng rồi, sanh trong địa ngục, ngục tốt thâu nạp xong bèn dẫn đến trước Diêm la, thưa:

- Người nầy xưa kia không cung kính cha mẹ cùng các Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính các bậc tôn trưởng, thân hữu, không tu tập chánh thiện và hành phước đức, không sanh sợ hãi các việc ác của đời hiện tại và tội lỗi của đời vị lai; không hành bố thí, không tu phước đức, không thọ bát trai, không trì năm giới. Xin Diêm vương dạy khuyên kẻ nầy khiến nhận biết về nhân quả thiện ác.

Lúc nầy vua Diêm-la dựa vào năm Thiên sứ để khuyên dạy về chánh thiện, bảo chúng sanh kia:

- Ngươi trước không thấy vị Thiên sứ thứ một đi đến trong cõi người ư?

- Thưa đại vương! Con trước không thấy. Diêm vương bảo:

- Xưa, ngươi ở trong cõi người không thấy hình tướng đứa bé, đồng tử, rồi niên thiếu chăng? Lúc mới sanh, nằm ngửa không thể tránh chỗ ẩm ướt, tìm tới chỗ khô ráo chăng?

Chúng sanh thưa:

- Dạ thưa pháp vương! Con ngày xưa đã thấy. Diêm vương nói:

- Ngươi thấy đã hiểu biết sao không suy xét? Ta nay còn phải sanh chưa vượt qua pháp sanh, ta nên tùy theo khả năng dựa nơi thân khẩu ý tu hành pháp thiện để được an lạc lợi ích trong chánh đạo dài lâu? Chúng sanh thưa:

- Đại vương! Con xưa vốn buông thả nên không thể hành thiện. Diêm vương nói:

- Ngươi hành nghiệp tà ác, tự tạo tác, tự tăng trưởng. Nghiệp ấy không phải do cha mẹ tạo, không phải do quốc vương tạo, không phải do chư

Thiên tạo, không phải do các Sa-môn, Bà-la-môn, trước kia nay đã qua đời tạo ra, mà là chính ngươi tự tạo, tự thọ nhận, tuy không mong cầu nhưng quả báo quyết định sẽ đến.

Vua Diêm-la, nhân với vị Thiên sứ nầy, quở trách khuyên dạy chúng sanh kia rồi, lại nhân với vị Thiên sứ thứ hai, dạy khuyên về chánh thiện, bảo với chúng sanh;

- Ngươi, xưa kia không thấy vị Thiên sứ thứ hai đi đến trong cõi người?

- Dạ thưa đại vương! Con, ngày trước không thấy. Vua nói:

- Ngươi ngày xưa, ở trong cõi người không thấy, hoặc kẻ nam, người nữ tuổi tác lớn rồi già yếu chăng? Hoặc lại lưng còng, khác nào nút cong của chiếc sừng, phải dựa vào gậy để bước đi, thân hình run rẩy?

Chúng sanh thưa:

- Dạ thưa đại vương! Con xưa kia đã thấy. Diêm vương bảo:

- Ngươi đã hiểu biết, sao không suy xét? Ta nay còn phải già chưa biết pháp vượt qua già. Ta nên tùy theo khả năng dựa vào thân khẩu ý tu hành pháp thiện, để được lợi ích an lạc trong chánh đạo dài lâu.

Chúng sanh thưa:

- Đại vương! Con xưa do buông thả nên không thể hành thiện. Diêm vương bảo:

- Ngươi hành nghiệp tà các, tự tạo tự tăng trưởng. Nghiệp ấy không phải do cha mẹ tạo, không phải do quốc vương tạo, không phải do chư Thiên tạo, không phải do các Sa-môn, Bà-la-môn trước đây nay đã qua đời tạo ra, mà chính là ngươi tự tạo, tự thọ nhận, tuy không mong cầu nhưng quả báo nhất định sẽ đến.

Vua Diêm la nhân nơi vị Thiên sứ thứ hai nầy, quở trách, dạy khuyên chúng sanh kia rồi, lại nhân nơi vị Thiên sứ thứ ba, dạy bảo về chánh thiện nói với chúng sanh rằng.

- Ngươi trước không thấy vị Thiên sứ thứ ba đi đến trong cõi người ư?

- Thưa đại vương! Con trước không thấy.

Vua nói: - Ngươi ngày xưa ở trong cõi người, không thấy hoặc kẻ nam người nữ bị bệnh tật khốn khổ, vô cùng khó khăn, hoặc nằm liệt nơi giường chiếu, hoặc bước đi phải dựa đỡ, hoặc nằm ngủ trên đất, thân ấy thọ khổ dữ ác thật khó kham, khó nhẫn, các khổ bức bách, tổn hại thọ mạng?

- Thưa đại vương! Con ngày xưa đã thấy.

Diêm vương bảo: - Ngươi đã hiểu biết sao không suy xét? Ta nay còn phải bệnh chưa biết pháp vượt qua bệnh, ta nên tùy theo khả năng dựa nơi thân khẩu ý tu hành pháp thiện, để được lợi ích an lạc trong chánh đạo lâu dài.

Chúng sanh thưa:

- Thưa đại vương! Con ngày xưa do buông thả nên không thể hành thiện.

Vua bảo: - Ngươi hành nghiệp tà ác, tự tạo tự tăng trưởng. Nghiệp ấy không phải do cha mẹ tạo, không phải do quốc vương tạo, không phải do chư Thiên tạo, không phải do các Sa môn, Bà la môn, quá cố tạo ra, mà chính là ngươi tự tạo tác, tự thọ nhận, tuy không mong cầu nhưng nghiệp báo quyết định phải đến.

Vua Diêm la, nhân nơi vị Thiên sứ thứ ba nầy, để quở trách, chỉ dạy kẻ kia xong, lại nhân nơi vị Thiên sứ thứ bốn, dạy khuyên về chánh thiện, bảo chúng sanh nọ:

- Các ngươi trước kia không thấy vị Thiên sứ thứ bốn đã đi đến trong cõi người ư?

- Thưa đại vương! Con trước kia không thấy. Diêm vương bảo:

- Ngươi, ngày xưa ở trong cõi người, không thấy hoặc kẻ nam, người nữ bị chết, hoặc chết đã một ngày hoặc chết đã hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, hoặc sình trương, hoặc đen sẫm, hoặc hôi thối, hoặc bị cầm thú xé, rỉa.

Chúng sanh thưa:

- Dạ thưa đại vương! Con ngày xưa đã thấy. Vua bảo:

- Ngươi đã hiểu biết, sao không suy xét: Ta nay còn phải sẽ chết chưa biết pháp vượt qua chết, ta nên tùy theo khả năng dựa nơi thân khẩu ý tu hành pháp thiện, được lợi ích an lạc để trong chánh đạo lâu dài.

Chúng sanh thưa:

- Thưa đại vương: Con ngày xưa do buông thả nên không thể hành thiện.

Diêm vương bảo:

- Ngươi hành nghiệp tà ác, tự tạo tự tăng trưởng. Nghiệp ấy không phải cha mẹ tạo, không phải do quốc vương tạo, không phải do chư Thiên tạo, không phải do các Sa-môn, Bà-la-môn quá cố tạo ra, mà chính là ngươi tự tạo tác tự thọ nhận, tuy không mong cầu nhưng quả báo quyết định phải đến.

Vua Diêm-la, nhân nơi vị Thiên sứ thứ tư nầy để quở trách chỉ dạy chúng sanh kia xong, lại nhân nơi vị Thiên sứ thứ năm, dạy khuyên về chánh thiện, bảo chúng sanh nọ:

- Các ngươi trước đây không thấy vị Thiên sứ thứ năm, đã đi đến trong cõi người ư?

- Thưa đại vương trước đây con không thấy. Diêm vương nói:

- Người, ngày xưa ở trong cõi người, không thấy các trường hợp người đời phạm tội như sát sanh hoặc trộm cắp, tà dâm, cho đến hoặc vọng ngữ, hoặc nói lời thô ác, bị người của vua theo dõi, bắt bớ, cột trói, đánh đập, mắng nhiếc nơi ngã tư đường rồi dẫn ra khỏi thành, theo cửa phía nam tới chỗ hành hình, đặt ngồi cạnh cây nêu, tùy theo tội nặng nhẹ mà có những cách trị phạt thích hợp. hoặc đánh bằng gậy hoặc đánh bằng roi, hoặc chặt tay chân, hoặc cắt tai, mũi, cho đến xử tử.

Chúng sanh thưa:

- Dạ thưa đại vương! Ngày xưa con đã thấy. Vua Diêm la bảo:

- Ngươi đã hiểu biết sao không suy xét: Quả báo hiện tại của tất cả nghiệp ác có thể thấy rõ, ta nay phụ thuộc nghiệp tùy vận hành của nghiệp lực, với các nghiệp hoặc nghiệp hoặc ác đã tạo, nơi đời vị lai như nhân mà thọ sanh.

Chúng sanh thưa:

- Đại vương! Con ngày xưa do buông thả nên không thể hành thiện.

Vua Diêm la bảo:

- Ngươi hành nghiệp tà ác, tự tạo tự tăng trưởng. Nghiệp ấy không phải do cha mẹ tạo, không phải do quốc vương tạo, không phải do chư Thiên tạo, không phải do các Sa môn, Bà la môn, quá cố tạo ra, mà chính là ngươi tự tạo tác tự thọ nhận, tuy không mong cầu, nhưng quả báo quyết định phải đến.

Vua Diêm la nói như vậy rồi, trụ nơi tâm xả.

Lúc ấy ngục tốt liền bắt tội nhân nầy treo ngược, hướng xuống phía dưới vào địa ngục Cánh sanh (chết đi sống lại). Địa ngục có bốn cửa nơi bốn góc, thành sắt bao quanh trên dưới đều là sắt, ngày đêm thiêu đốt, luôn phát ra ánh lửa sáng rực, trong địa ngục nầy, tội nhân tùy theo sự ngăn cách của sợi dây đang bị các thứ búa nhọn dao lớn đâm chém, máu thịt đều hết, chỉ còn lại xương gân, khốn khổ khó chịu nổi, bất tỉnh liền chết, khi đó, có ngọn gió lạnh thổi tới, máu thịt của tội nhân trở lại như cũ. Tội nhân nhận lấy sự tàn hại ấy với nỗi khổ não mỗi lúc càng tăng thêm, cho đến chỗ thọ

báo của nghiệp ác chưa hết thì dù cầu mong chết cũng không được.

Ngày trước hành nghiệp gì mà phải nhận lấy quả báo nầy, khiến các chúng sanh trong địa ngục kia? Do ngày trước ở trong cõi người khinh mạn cha mẹ, cùng các vị Sa-môn, Bà-la-môn, không cung kính các bậc tôn trưởng thân hữu, không tu chánh thiện và nghiệp phước đức, không sanh sợ hãi các việc ác của hiện tại, và tội lỗi của vị lai, không hành bố thí, không tu phước đức, không thọ bát trai, không trì năm giới. Do các nghiệp thuộc phẩm hạ như vậy, nên sanh trong địa ngục nầy, nhận lấy sự tàn hại ấy với vô số khốn khổ.

Tiếp theo, do tội thêm nặng nên sanh vào các địa ngục. Địa ngục thứ hai là Hắc thằng.

Địa ngục thứ ba là Tụ khái

Địa ngục thứ tư là Khiếu Hoán

Địa ngục thứ năm là Đại Khiếu Hoán Địa ngục thứ sáu là Thiêu Nhiệt

Địa ngục thứ bảy là Đại Thiêu Nhiệt Địa ngục thứ tám là A-tỳ-chỉ.

Ngục A-tỳ chỉ nầy có bốn cửa nơi bốn góc, thành sắt bao quanh, trên dưới đều là sắt, ngày đêm thiêu đốt, lửa sáng rực đầy khắp. Trong ấy tội nhân chồng chất vô lượng trăm ngàn lớp để nhận lấy sự thiêu đốt, cũng như đống củi bị đốt cháy, cũng như nung luyện sắt. Qua một ngày đêm thì thân của các tội nhân kia bị thiêu đốt cũng lại như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ khưu

- Địa ngục A-tỳ chỉ ấy, hoặc nơi cửa phía Đông vừa mở ra, tội nhân thấy rồi, liền hướng về phía cửa ấy mà chạy đến, nhằm tìm nơi chốn nương dựa, tìm nơi chốn cứu giúp, cầu tìm nẻo ra khỏi, nhưng chạy chưa tới thì cửa lại đóng kín. Các cửa phía Tây Nam, Bắc cũng lại như thế. Tội nhân thấy sự việc ấy rồi, mọi thứ hy vọng đều dứt hết, thân tâm khổ não, kêu gào thảm thiết, vô lượng ngàn năm luôn phải nhận lấy các thứ thống khổ dữ dội như thế, khó có thể nhẫn chịu, vô cùng kịch liệt, cho đến chỗ thọ nhận quả báo của nghiệp ác chưa hết thì dù cầu chết cũng không được.

Ngày trước hành nghiệp gì mà phải nhận lấy quả báo ấy?

Ngày trước ở trong cõi người phỉ báng cười cợt các bậc Tiên nhân tinh tấn, hoặc phụ bạc ân nghĩa, hoặc phản nghịch sát hại bạn thân luôn yêu mến mình. Địa ngục đại A-tỳ nầy là nơi chốn theo đúng nghiệp đã tạo, là nhân phương tiện nên thọ sanh trong đó. Lại có vô số quả báo của nghiệp ác, nên thọ sanh ở đấy.

Lại nữa, các nghiệp tăng thượng chiêu cảm nên sanh trong địa ngục

ấy. Sanh nơi cõi đó rồi thì nhận lấy vô số báo bất thiện. Nhận lấy chánh báo xong ra khỏi địa ngục lớn, do nghiệp tàn dư, nên phải vào bốn viên cách. Trước tiên là vào ngục Nhiệt khôi, tro nóng ngập tới đầu gối, phần dưới đầu gối bị thiêu đốt rữa nát như sáp ong ném vào lửa. Nếu khi đưa chân lên thì da thịt trở lại như cũ.

Trong địa ngục nầy các tội nhân tìm kiếm chỗ nương dựa, nơi cứu vớt để nhằm ra khỏi, nên rảo chạy khắp chốn, qua vô số do tuần, thấy hầm sâu đầy phân dơ, khắp mặt đất đều đầy dẫy xác chết, phân dơ. Ở đấy có loại trùng tên là Nhương-cưu-trá, nhiều vô số kể, hình dạng giống như rắn dài, thân trắng đầu đen, miệng như lưỡi kiếm nhọn, luôn ngẩng đầu há to miệng chờ các tội nhân tới. Tội nhân vào nơi này rồi thì bị trùng đâm thủng da xuyên qua thịt, phá vỡ xương để hút tủy. Thời gian nhận chịu khổ ấy là vô số ngàn năm, luôn kêu gào lớn tiếng, cho đến nghiệp ác chưa hết thì dù cầu chết cũng không được. Ra khỏi ngục nầy rồi thì gặp phải Rừng lá đao, do tìm cầu nơi nương dựa, chốn cứu vớt để mong ra khỏi, nên các tội nhân hướng về phía rừng kia, vội vàng chạy đến. Dọc đường họ đã bị vô số gai nhọn đâm thủng da thịt nơi hai chân, tới rừng đao kiếm, khi ấy có ngọn gió nóng thổi tới rung động các cây kiếm. Gió chạm vào như lửa đốt khiến toàn thân cháy khô, rừng kiếm lại mưa xuống vô số đao kiếm đâm chém thân thể tội nhân, theo chỗ đi đến, da thịt đều tan nát. Nhận chịu sự tàn hại như vậy trải qua vô số ngàn năm, luôn gào thét kêu la, cho đến nếu nghiệp ác chưa dứt thì dù chết cũng không được. Lại có đủ loại cầm thú cắn xé rúc rỉa nơi thân, đều như trước đã nói.

Ra khỏi Ngục nầy rồi thì gặp phải dòng sông đầy ắp tro nóng đang sục sôi dâng trào, đám tội nhân vì tìm kiếm nơi nương nhờ, cứu vớt, mong muốn ra khỏi, nên vội vã chạy về phía dòng sông, ào xuống nước, lặn hụp dập dềnh như những hạt đậu bị đun chín, trên bờ có các ngục tốt, tay cầm chặt lưới sắt, chận bắt các tội nhân muốn ra khỏi nơi đây, dồn đống nơi bờ sắt. Ngục tốt hỏi tội nhân:

- Ngươi đang cần thứ gì? Tội nhân thưa:

- Tôi đang đói lắm, không thể chịu nổi!

Tức thì Ngục tốt dùng kìm sắt tách miệng tội nhân ra rồi ấn viên sắt nóng vào, viên sắt nóng nuốt vào đến đâu thì môi, lưỡi, tim, gan, ruột, dạ dày v.v… thảy đều cháy khô. Viên sắt nóng lại rơi xuống hậu môn rồi ra ngoài. Trường hợp tội nhân kêu khát, ngục tốt cho uống nước sắt nung chảy cũng lại như vậy. Vô số hàng hàng năm luôn kêu la gào thét. Nhận chịu sự khốn khổ ấy, cho đến nếu quả báo của nghiệp ác chưa hết thì dù cầu chết

cũng không được.

Ra khỏi ngục nầy thì gặp phải ngục Trung gian hạng, cũng như khu chợ lớn, bên trong có rừng cây tên là Thiểm Phù lê, ở đấy có ngục tốt nắm chặt cánh tay tội nhân kéo lên kéo xuống, đều như trước đã nói. Lại có cái vạc sắt lớn chứa đầy nước nhựa sôi sùng sục. Ngục tốt bắt tội nhân quẳng vào trong vạc, tội nhân bị đun sôi như thế đủ năm trăm năm, mới được tạm ngoi ra mặt nước, lúc ấy, vừa được nghe gọi sao không hẹn gọi mỗi lần như thế lại bị chìm sâu trong nước.

Lại có tội nhân, hoặc nằm ngửa, nằm sấp, ngục tốt dùng đinh sắt nóng đỏ rực đóng khắp thân thể, rồi kéo bỏ nơi đất sắt nóng, hoặc kéo lưỡi tội nhân như kéo miếng da bò lớn, còn thân thể thì nằm dài trên đất dùng vô số đinh đỏ rực đóng vào người.

Lại có tội nhân khắp thân bị chặt, chém như những lóng mía lại có tội nhân, ngục tốt vừa chém, chặt, đưa đao xuống thì đầu đứt, giơ đao lên thì đầu sanh, do cách chém giết nầy nên số lượng đầu chất đống như núi, số lượng tay chân cũng thế.

Lại có tội nhân da bị lột vung vải khắp mặt đất, thịt bị đao cắt xé tụ thành đống trên da.

Lại có tội nhân nằm đầy trong thuyền nhỏ, ngục tốt bèn bắt ra, dùng chày đâm giã cho nát vụn.

Lại có tội nhân bị các ngục tốt dùng gậy đánh đập vây quanh, giống như săn bắt thú.

Đó là các tội nhân nhận chịu sự tàn hại với các thứ khổ não hết sức dữ dội khó có thể chịu nổi, cho đến quả báo của nghiệp ác chưa hết thì dù cầu mong chết cũng không được.

Ngày trước hành nghiệp gì mà phải nhận chịu tội báo như thế?

Ngày trước ở trong cõi người tạo tác mười ác, do phẩm nhẹ nên không chiêu cảm nơi ngục lớn, mà sanh ở đây. Hoặc đã thọ quả báo nơi địa ngục lớn xong, do nghiệp tàn dư nên thọ sanh ở đây, sanh vào đây rồi thì thọ nhận đủ vô số quả báo của nghiệp tàn dư ấy.

Bấy giờ, Đức Phật nói với các Tỳ khưu:

- Vua Diêm la luôn phát nguyện: Ta vào thời gian nào sẽ ra khỏi chốn nầy, được sanh vào cõi người, đồng loại với con người, sanh nơi nhà giàu sang có nhiều của cải, vật báu, thân hình đẹp đẽ, đủ tướng an lạc, xe cộ đầy đủ, chân không giẫm đất. Tuổi tác càng lớn, sáu căn thành thục, đã hành bố thí, tạo các công đức, cạo bỏ râu tóc, mặc đủ pháp y, do Trí chánh tín nên

lìa bỏ nhà ở, nhận pháp không nhà. Đã xuất gia rồi, nguyện ta chứng đắc phạm hạnh rốt ráo, giống như các thiện nam thời trước, xuất gia đắc đạo, phạm hạnh trọn đủ. Lúc nầy đức Thế tôn nói kệ:

Vì sao tạo nghiệp nầy
Hiện đời sanh ưu hối
Vị lai phải kêu la
Nhận vô số quả khổ.
Nghiệp ác lúc chưa chín
Người ngu nói vị ngon
Nghiệp ấy đã chín rồi
Mới biết là khổ nạn
Lúc mới tạo nghiệp ác.
Không như lửa liền đốt
Như tro phủ tên lửa
Theo đuổi thiêu tội nhân.
Tội nhân nhiều tuệ sáng
Tất cả bị tổn hại
Đần tổn tự thiện căn
Như cây chuối kết trái.
Trí ác hành tự tổn
Cũng như trị oán gia
Khởi tạo các nghiệp ác
Năng cảm khổ vị lai
Hành khổ, nghiệp thiện tốt.
Hiện tại tâm không hối
Vị lai nhận quả báo
Luôn hoan hỷ, an lạc.
Như Lai, thầy trời, người.
Thấy như thật ấy rồi
Nên nói Ngục Diêm la
Trụ xứ kẻ tạo ác.
Phẩm Địa ngục xong

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 9

Phẩm 24

Phẩm thứ 1: TIỂU TAM TAI TẬT DỊCH

Đức Phật Thế tôn nói: Một tiểu kiếp đó gọi là một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp; Tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Vì sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp? Là lúc Tỳ khưu Đề bà đạt đa, trụ trong địa ngục nhận chịu nghiệp báo thiêu đốt. Đức Phật Thế tôn nói: Trụ thọ một kiếp. Như vậy, một tiểu kiếp gọi là một kiếp. Vì cớ sao hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Giống như cõi trời Phạm Tiên Hạnh Thiên, hai mươi tiểu kiếp là thọ lượng của họ. Các Phạm Thiên ấy Đức Phật nói trụ thọ một kiếp như vậy hai mươi kiếp cũng gọi là một kiếp. Vì cớ sao bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp, cũng như cõi trời Phạm Chúng thọ lượng bốn mươi tiểu kiếp Phật nói: Trụ thọ một kiếp. Như vậy bốn mươi tiểu cũng gọi là một kiếp. Vì cớ sao sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp, ví như cõi trời Đại Phạm thọ lượng sáu mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Vì cớ sao tám mươi tiểu kiếp gọi là Đại kiếp Đức Phật nói kiếp trung thế giới tan hoại; kiếp trung thế giới tan hoại, rồi thì trụ lại, kiếp trong thế giới khởi lên thành; kiếp trung thế giới khởi lên thành rồi trụ lại, thế giới tan hoại v.v… thì số kiếp đó như thế nào? Phật nói này Tỳ khưu trãi quả hai mươi tiểu kiếp thế giới tan hoại, kế đến trãi qua hai mươi tiểu kiếp, thế giới tan hoại rồi trụ lại, kế đến trải qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi lên rồi thành, cũng kế đến trải qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi lên thành rồi trụ lại, là Hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi lên thành rồi trụ lại đó, bao nhiêu đã qua, rồi bao nhiêu chưa qua! Tám tiểu kiếp đã qua, mười một tiểu kiếp chưa đến, kiếp thứ chín mươi mốt hiện tại chưa hết. Đây là thứ kiếp chín mươi mốt, bao nhiêu đã qua, bao nhiêu còn chưa đến, chưa đến định có dư hơn sáu trăm chín mươi năm, (đến đời Nhà Lương năm tỵ mão, quá xa xăm độ chừng khoảng đây là đoạn hết), là trong giữa hai mươi tiểu kiếp, có ba tiểu

tai khởi lên, thứ tự luân chuyển xoay vần mãi. Một là tai ách tật bệnh dịch lớn tràn lan; Hai là tai ách đao binh, gây chiến tranh, Ba là tai ách lớn đói khát. Nay kiếp thứ chín tức là tai ách thứ ba; kiếp này do đói khát triền miên không dứt. Phật nói: Tỳ khưu đây là hai mươi tiểu kiếp. Thế giới khởi lên thành và được trụ trong đó, kiếp thứ nhứt khi tiểu tai ách, nổi lên; có các đại tật dịch, các thứ bệnh tất cả đều khởi lên ở Diêm-phù-đề, tất cả Quốc độ chỗ có nhơn dân điều phải mắc tật bệnh, tai dịch, ách nạn; tất cả quỉ, thần, khởi lên sân giận ác tâm làm tổn hại thế nhân, đó là lúc tất cả nhơn dân, thọ mạng ngắn ngủi thúc bách bức ngặt. Chỉ trụ tuổi thọ mười tuổi, thân hình nhỏ bé, thấp kém, hoặc hai tay co quắp, hoặc là ba tay co quắp. Ở nơi thân tự lượng thì có tám tay co quắp, chổ có thể ăn thì là thức ăn lúa thóc xấu, kém không ngon làm trên hết. Con người chỉ có lấy lông tóc làm y phục là duy nhứt ngoài ra không có gì trên thân cả, và chỉ có đao trượng, dao gậy làm tự trang nghiêm nơi thân; như vậy là lúc mọi người không hành theo chánh pháp, mà trái lại hành theo phi pháp tham trước sâu nặng, hằng ôm ấp chỗ nhiễm ô, chổ phi lý tham ái bức bách sai khiến. Tà pháp khinh khi lừng lẫy gây các tội lỗi xấu ác khốc liệt, khó mà khuyên can, khó mà dạy bảo cho họ làm điều thiện, cũng không biết làm phước không thể cứu nổi khổ nạn, họ cùng với pháp tà ác ngày đêm tương ưng; hoặc là thân, khẩu, ý khởi lên ba tà hạnh, họ không thể xa lìa sát-sanh, giết hại, trộm cướp tà dâm làm những điều xằng bậy. Vọng ngữ ác khẩu, nói hai lưỡi, chuyện có nói không, chuyện không có nói, nói thêu dệt. Tham ái sân nhuế. Tà kiến không biết cung kính cha mẹ sư tăng; Sa-môn, Bà- la-môn và bạn bè tôn trưởng tâm họ buông lung phúng túng khởi lên các thứ ác nghiệp. Nghiệp nầy có thể chiêu cảm thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh tật, có thể chiêu cảm đến hình sắc xấu xa, có thể chiêu cảm đến thân không có uy đức, có thể chiêu cảm đến sanh vào nhà ty tiện hèn hạ, có thể chiêu cảm đến nghèo hèn bần cùng khốn khổ, có thể chiêu cảm đến ngu si, tà kiến. Như thế các nghiệp ngày đêm tăng trưởng, như vậy con người đó cùng với các chủng tử phiền não, ác nghiệp tương ứng, do đây mà nghiệp tà hạnh rất nặng, vì thế mà nước tràn ngập gió nổi lên, sóng nước mênh mông, trong lúc đó thời tiết chống trái nhau thất thường không thể đoán hay lường được. Do vậy mà gió và nước không ngang nhau có khi gió thổi mạnh, có khi nước dâng cao. Cho nên trời mưa không thể rơi xuống được, đúng thời tiết nên mưa thì Tứ thiên vương nổi giận người làm hạnh ác nên nước không đem tới cho mưa không giáng xuống, vua A Tu La cũng nổi giận, muốn cho người ở cõi Diêm phù đề chịu khổ. Hoặc là dùng ngón tay, hoặc là dùng sau lưng tiếp chổ mưa giáng xuống mà cho vào trong biển

đông. Lại nữa có quỉ thần muốn cho người trong cõi Diêm-phù-đề chịu khổ, nên dùng thần lực nổi lửa lên che trời mưa, khiến cho mưa phải cạn kiệt thành tiêu hết; hoặc khi đúng thời phải mưa mà gió lớn, nổi lên thổi dạt vào trong biển đông. Bởi nhân duyên như vậy cho nên trời mưa không thể được. Tất cả hạt giống cây cỏ thuốc, đều khô héo, không thể kết trái thật giả sử có kết trái thật cũng giảm mất màu sắc hương vị, không được tăng trưởng lớn lên, không có thế lực sức sống, nếu như con người nhận lấy dùng thì không có năm chủng nghiệp là không có sắc, lực, an lạc, thọ mạng, thông minh lanh lợi. Do vậy mà ăn nuốt tà ác trong tự thân, khởi lên các bệnh nặng, hoặc là bệnh hủi, lông tóc rụng hết, hoặc là bệnh gầy ốm, hoặc là bệnh điên cuồng hoặc là bệnh ung nhọt, hoặc là bệnh trùng cắn rút hoặc là trúng chất độc hại, máu huyết, hoặc là bị ói ra máu, hoặc là tiết ra nước hôi tanh, hoặc là bị sưng thủng chứa nước, hoặc là bệnh ho, hoặc là hơi đi ngược trở lên, hoặc là bị phong tê thân hình khô gầy, hoặc là mỏi mệt hoặc là nóng sốt, sốt rét hoặc là bệnh ác nghiệp ung thư lỡ loét, tật bệnh ăn uống không tiêu, như vậy bệnh nặng và bệnh nhẹ đều đúng thời khởi phát khi mà đến thời khởi phát bệnh, con người nhỏ bé mà lại mang bệnh khổ lớn lao. Lại bị ác quỉ làm xúc não, muốn, cầu cát tường bảo hộ thân mạng cho nên cúng tế thiên thần đọc tụng chú thuật, hoặc là dựa vào tà kiến, khởi lên các loại ác hạnh, giết hại chúng sanh, vọng chú quỉ thần, cầu cho khỏi bệnh làm như mưu kế đây, tất cả lợi dưỡng làm sao tránh khỏi không bệnh, chỉ một ngày một đêm có vô lượng chúng sanh mắc phải tật bệnh ôn dịch chết đi, chúng sanh ở đời mạt kiếp như thế mắc phải lỗi lầm tự nhiên sinh ra, vì cớ sao như vậy? Vì người hành bất thiện pháp, pháp không bình đẳng, nhân như vậy mà thọ quả báo, bởi thế trong khi hành pháp, bình đẳng, hành thiện thì không thể được vậy.

Tất cả chúng sanh ở trong đây sinh vào kiếp ô trược, tự nhiên mà khởi lên, con người lúc này dựa vào thô kiến, thô nghiệp; tạo tác các loại ác nghiệp, khi bỏ thân mạng này về sau lại thọ sanh nhầm chổ ác, đi vào con đường khổ, thối đọa, rơi vào hố sâu tội lỗi, không an lạc, như phần nhiều chúng sanh đọa trong đường địa ngục, khổ thứ, súc sanh, ngạ quỉ A-tu-la. Lúc này, đại quốc vương, các nước đều băng hà. Tất cả quốc độ theo thứ tự phế bỏ, trống rỗng, chỉ còn quận, huyện nhỏ là chỗ còn thừa dư lại hoang phế, xa xa các nơi, mới có ở một chỗ. Lúc bấy giờ, nhân dân không hành theo chánh pháp; mà hành phi pháp, tham trước luôn bị nhiễm ô, phi lý tham ái bức bách sai khiến hành tà pháp khinh khi, kiêu mạn khởi lên làm các điều tội lỗi xấu ác rất khốc liệt, khó mà khuyên bảo, khó mà can ngăn, không thể hành thiện. Họ không biết làm phước đức, không cứu được khổ

nạn, cùng với tà ác pháp ngày đêm tương ưng với nhau. Hoặc thân, khẩu ý khởi lên ba tà hạnh, không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, nói lời thô ác, miệng nói hai lưỡi thêu dệt thêm nhiều điều, tham ái, sân nhuế, tà kiến rất sâu nặng.

Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu tôn trưởng, tâm buông lung phóng túng khởi lên các thứ ác nghiệp này có thể chiêu cảm đến mạng sống ngắn ngủi, bức bách, có thể chiêu cảm nhiều bệnh tật, có thể chiêu cảm đến hình sắc xấu xa, cũng có thể chiêu cảm đến thân không có uy đức; cũng có thể chiêu cảm đến sanh vào nhà ty tiện hèn hạ; cũng có thể chiêu cảm đến bần cùng khốn khổ; lại cũng có thể chiêu cảm đến ngu si tà kiến, như thế các nghiệp ngày đêm sanh trưởng. Loại người như vậy thì tật bệnh khốn khổ, không có người bố thí cho thuốc thang cơm nước. Bởi nhân duyên thế, thọ mạng chưa hết mà đã chết cô đơn, lạnh kẻo vô số, một ngày, một đêm có vô lượng chúng sanh tật bệnh mà chết. Đời mạt kiếp chúng sanh mắc lỗi lầm như thế tự nhiên mà sinh ra, vì cớ sao lại như vậy? Do hành ác pháp, pháp không bình đẳng nên thọ nhận quả báo. Bởi thế lúc ấy muốn hành pháp bình đẳng, cũng không thể được vậy! Tất cả chúng sanh, sanh trong kiếp ô trược nầy tự nhiên quả báo thô ác xấu xa mà cảm nên như vậy. Lúc bấy giờ mọi người dựa vào thô kiến, thô nghiệp, tạo tác các thứ các, nên xả bỏ thân mạng, về sau thọ sanh trong hàng A Tu-la, ngạ quỉ, súc sanh, ở trong địa ngục, còn lại Quận huyện nhỏ bé lại hoang vu, nhà cửa thưa thớt, cách nhau xa xôi, mỗi chỗ một nơi. Lúc bấy giờ nhơn dân không hành theo chánh pháp khởi lên các ác nghiệp có thể chiêu cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, cho đến ngu si tà kiến. Như vậy các ác nghiệp ngày đêm tăng trưởng, bởi thế nhân dân mang lấy bệnh tật, dịch hại mà chết đi, cho đến không có người đưa đi mai táng và thiêu đốt bỏ đi; lúc bấy giờ mặt đất xương trắng che phủ. Một ngày một đêm vô số chúng sanh tật bệnh dịch mà chết, bởi thế mà nhà ở lần lượt bỏ trống, vì vậy cho nên đời mạt kiếp chỉ có trong vòng bảy ngày, mà trong bảy ngày đó có vô lượng chúng sanh mắc bệnh dịch, chết hết. Giả sử có còn chúng sanh nào sống sót cũng phải di tản lưu lạc các nơi. Khi bấy giờ có một người tập hợp tìm kiếm trong cõi Diêm-phù-đề, nam nữ chỉ còn sót lại một vạn người duy trì giống nòi loài người, vì trong lúc đó đều hành phi pháp, chỉ trong vạn người này có thể duy trì thiện hạnh, nên các thiện quỉ thần lại muốn khiến cho nòi giống loài người không đoạn tuyệt mất hẳn, mới ủng hộ cho loài người điều tốt lành, khiến cho mùi thơm trơn mịt tốt lành vào lổ chơn lông của loài người, đây là dùng nghiệp ở giữa kiếp trung, lưu giữ lại nòi giống loài người tự nhiên không mất. Quá bảy ngày, sau, đại dịch

bùng phát bệnh tật đồng loạt chấm dứt tất cả ác quỉ đều xả bỏ đi hết, tùy theo mong muốn của các loại chúng sanh và các ý niệm cần dùng ăn uống, y phục v.v…, đều được như ý; làm trời mưa xuống, âm dương điều hòa mùi vị thơm ngon xuất sinh, nơi thân hình khả ái, tướng tốt được hoàn phục trở lại, tất cả thiện pháp tự nhiên mà khởi trong mát, thanh lương, tịch tĩnh, an lạc không bệnh, đại bi được nhập vào tâm từ đại bi nên đại từ cũng nhập vào tâm do đại từ. Vì vậy, ý không não hại, do ý không não hại, nên gặp nhau thường, sinh tâm vui mừng, nhẫn nhục, không chán ghét, cùng nhau dìu dắt không xa lìa. Ví như, bạn thân, lâu ngày không gặp, bổng nhiên được họp mặt lại sinh tâm vui mừng, tâm nhẫn chịu, tâm không nhàm chán, cùng nhau dìu dắt không muốn xa lìa. Lúc bấy giờ, con người gặp mặt nhau cũng lại như vậy, nhân đó yêu thương, nhớ nghĩ nam nữ cùng ở chung một nhà. Những người kiếp trước đây thọ mạng có mười tuổi, nhơn dân sau đó thọ sanh, thì thọ mạng dài lâu, hình sắc đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, của báu tài sản sinh ra đầy đủ thọ mạng đến hai mươi ngàn tuổi. Lúc ấy, công đức của chúng sanh như vậy tự nhiên được thành, vì cớ sao như vậy? Vì loài người lúc bấy giờ hành pháp bình đẳng, hành thiện, biết làm điều tốt lành nên thọ quả báo như thế, là lúc nhơn dân cùng với các pháp lành tương ưng. Thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện, khi xả bỏ thọ mạng rồi về sau sinh nơi đường lành và thiên đạo, hoặc xả bỏ thọ mạng rồi lại sinh vào loài người. Khi sinh vào loài người tự nhiên được hiền thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh có đạo đức, tâm tánh hòa nhã giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện vượt trội, xa lìa sát sanh, trộm cướp tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, tâm không tham dục, tâm không sân nhuế, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn. Bà-la-môn, bạn bè tôn trưởng và cùng với các pháp lành tương ưng. Với nghiệp ấy có thể chiêu cảm đến trường thọ, có thể cảm đến không bệnh, có thể cảm đến hình sắc đoan chánh, có thể cảm đến thân có uy đức, có thể cảm đến sanh vào nhà giàu sang phú quý và cũng có thể cảm đến đại trí. Thiện nghiệp như vậy, ngày đêm tăng trưởng. Nhân dân lúc đó dựa vào phước đức, luôn sanh ra vô lượng công đức. Khi xả bỏ thọ mạng về sau sinh vào cõi trời, và lấy thiện đạo trụ trong thiện đạo, lâu lâu thời tiết là như vậy. Giữa kiếp đầu do đại dịch bệnh rốt ráo cùng tận, kế đến kiếp thứ hai liên tục hai mươi ngàn năm Giữa kiếp này, thứ nhứt là thọ lượng, là người từ hai mươi ngàn tuổi trước đây khi sinh ra là con người thọ mạng dài lâu, hình sắc xinh đẹp lạ kỳ, uy đức tối thắng thần lực tự tại, của báu sinh ra đầy đủ thọ mạng bốn mươi ngàn năm. Khi đó các chúng sanh uy đức như vậy, tự nhiên được thành, vì cớ sao như vậy? Vì các chúng sanh

đó hành pháp bình đẳng hành pháp thiện nên thọ quả báo như vậy. Khi bây giờ mọi người cùng với các pháp thiện tương ưng. Thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện. Xả bỏ thân mạng rồi sinh vào đường lành và cõi trời. Lại khi xả bỏ thân mạng rồi lại sinh trong loài người, sinh trong loài người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh tự tánh có đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành điều thiện vượt trội hơn cả, lại xa lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, nói lời thêu dệt. Tâm không tham dục, tâm không sân hận, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn và Bà-la-môn, thân bằng quyến thuộc, và các bậc tôn trưởng, cùng với các pháp thiện tương ưng, với nghiệp đó, thường cảm đến thọ mạng lâu dài có thể cảm đến không bệnh tật, có thể cảm đến hình sắc đoan chánh, có thể chiêu cảm thân có uy đức, có thể chiêu cảm sinh vào nhà giàu sang, và có thể có đại trí hơn người. Như thế, thiện nghiệp ngày đêm sinh trưởng là khi mọi người dựa vào phúc đức luôn sanh vô lượng công đức, xả bỏ thọ mạng, về sau lại sinh về cõi trời cho đến đường thiện, trong con đường thiện trụ trong thời gian lâu dài. Như vậy là nói gọi là giữa kiếp thứ hai.

Thứ hai là thọ lượng bốn mươi ngàn năm, là những người thọ bốn mươi ngàn tuổi trước đây, nay sinh ra là người thọ mạng rất lâu dài, hình sắc đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại của báu, tài vật sinh sản đầy đủ, thọ mạng đến sáu mươi ngàn tuổi, là lúc mọi người cùng với thứ món thiện pháp tương ưng. Thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện, khi xả bỏ thọ mạng rồi sinh vào đường lành và sinh vào cõi trời. Xả thọ mạng ở cõi trời, rồi lại sinh vào cõi người sinh trong cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã giới phẩm đầy đủ thường hành thắng thiện; xa lìa sát sanh trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi nói lời ác độc, thiêu dệt hoa mỹ, tâm không tham dục, tâm không sân hận, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến, cung kính cha mẹ Sa-môn và Bà-la-môn, gần gũi bạn lành, kính trọng tôn trưởng, cùng với các pháp thiện tương ưng. Với nghiệp này thường cảm đến không bệnh tật, có thể cảm đến hình sắc xinh đẹp đoan chính, hay cảm đến thân có uy đức và có thể cảm đến sinh vào nhà phú quý giàu sang, và có tài năng trí tuệ. Như thế thiện nghiệp ngày đêm tăng trưởng là lúc mọi người dựa vào phước đức, luôn sinh vô lượng công đức. Xả bỏ thọ mạng về sau lại sinh về cõi trời cho đến đường thiện trong đường thiện trụ trong thời gian lâu dài. Như thế gọi là giữa kiếp thứ ba. Trung Kiếp thứ ba thọ lượng sáu mươi ngàn tuổi. Khi họ sinh ra kiếp kế tiếp thọ mạng lâu dài nhất, hình sắc xinh đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng thần lực tự tại của báu sinh ra đầy đủ, thọ mạng

đến tám mươi ngàn tuổi, như thế chúng sanh sinh giữa các kiếp ở cõi Diêm-phù-đề thọ mạng dài lâu, cao nhất đến tám mươi ngàn năm. Lúc này, người nữ đến năm năm trăm tuổi thì mới xuất giá theo chồng; cũng là lúc mọi người chỉ có bảy thứ bệnh đó gọi là đại tiểu tiện, lợi hàn, nhiệt tâm dâm dục, đói khát, già nua. Trong một thời gian như thế tất cả quốc độ, giàu sang, phong túc, vui sướng, không có oán tặc, thù hận, giặc cướp, và trộm cướp trong các châu thổ quận huyện nhơn dân trong thành ấp thôn xóm đều an vui thái bình. Lại nghe tiếng gà gáy, chim hót nhơn dân cày ruộng gieo trồng, tuy ít nhưng đến khi thâu hoạch rất nhiều, là lúc mọi người thọ nhận công dụng nghiệp ít, mà công dụng túc nghiệp thiện quả nhiều đời thì lại rất nhiều, nhà cửa ruộng vườn, xe cô, y phục của báu, cả đời sanh ra vừa lòng xứng ý đầy đủ cả, tuy thọ dụng suốt đời cũng không hư hoại, là lúc mọi người an vui, ngồi một chỗ hưởng, không bôn ba tìm cầu. Thọ mạng tám mươi ngàn năm trụ trong A tăng kỳ niên. Nhẫn đến chúng sanh chưa tạo mười điều ác. Theo thời tiết mười điều ác nghiệp khởi lên, thọ mạng nhân đây mười điều ác này giảm. Độ khoảng một trăm năm thì giảm mười tuổi, một trăm năm tiếp, lại giảm mười tuổi, thứ tự lần lần giảm còn hơn mười tuổi, sau cùng mười năm thì trụ lại không giảm nữa. Từ tám vạn đến mười năm ngắn ngủi, nếu Phật không xuất thế ra đời, thứ tự như đây. Nếu như Đức Phật xuất hiện, nơi đời như chánh pháp trụ, thì chúng sanh thọ mạng tam thời trụ lại không giảm tùy theo chánh pháp tiêu diệt thì thọ mạng lần lần giảm. Đức Phật Thế tôn đã nói Tôi nghe như vậy.

Phẩm thứ 2: TIỂU TAM TAI ĐAO BINH

Đức Phật Thế tôn nói: Một tiểu kiếp đó gọi là một kiếp, ngoài ra như trước đã nói, cho đến tám mươi tiểu kiếp gọi là đại kiếp. Vì cớ sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp Đức Phật nói: Kiếp trung thế giới tán hoại kiếp trung thế giới tán hoại rồi trụ lại, kiếp trung thế giới bắt đầu thành. Kiếp trung thế giới thành rồi trụ lại. Đức Thế tôn nói các kiếp tán hoại nhiều vô số vì cớ sao? Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu, trãi qua hai mươi tiểu kiếp, thế giới tán hoại, kế đến trãi qua hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại rồi trụ lại. Kế nữa trãi qua hai mươi tiểu kiếp thế giới bắt đầu thành. Thứ nữa, trãi qua hai mươi tiểu kiếp thành rồi trụ lại, như vậy hai mươi tiểu kiếp thế giới bắt đầu thành rồi trụ trong đó.

Khi tiểu tai kiếp thứ hai nổi lên, do đại đạo binh là kiếp, cuối cùng lúc bấy giờ trong cõi Diêm phù đề, tất cả quốc độ, tất cả nhân dân chịu nạn đại đao binh, tàn hại lẫn nhau; lại nửa tất cả quỉ thần khởi lên nạn tật dịch

khởi ác tâm sân giận làm tổn hại người đời, khi lúc bấy giờ tất cả nhân dân thọ mạng ngắn ngủi chỉ trụ lại có mười tuổi, thân hình xấu xí, bé nhỏ thấp kém, hoặc là hai tay cong quẹo, hoặc là ba tay cong quẹo, chỗ cỏ thể gọi là thức ăn của báu thì thấp kém là trên hết, lấy lông tóc làm y phục là thứ nhứt, chỉ có đao binh làm giáp tự trang nghiêm, lúc bấy giờ là mọi người không hành chánh pháp, mà hành phi pháp tham trước sâu nặng nhiễm ô, phi lý chỗ tham ái bức bách sai khiến, tà pháp khinh khi nổi lên các lỗi lầm xấu ác, rất thảm khốc, đối xử với nhau như kẻ thù, không thể hành thiện, không biết làm phúc, không biết cứu khổ cứu nạn, cùng với tà ác pháp ngày đêm tương ưng. Hoặc là thân khẩu ý khởi lên ba tà hạnh; không thể xa lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, nơi hai lưỡi, ác khẩu thêu dệt lời nói tham ái, sân hận tà kiến, không biết biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn. Bà-la-môn và thân hữu tôn trường. Tâm buông lung, khởi lên các thứ ác nghiệp này thường cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm tật bệnh có thể chiêu cảm hình sắc xấu xí, có thể chiêu cảm đến thân hình không có uy đức, có thể chiêu cảm sanh vào nhà bần cùng, hèn hạ, cũng có thể chiêu cảm đến nghèo khó, khốn khổ, cũng có thể chiêu cảm đến ngu si tà kiến, như vậy các nghiệp ngày đêm tăng trưởng như vậy, con người đó cùng với các món phiền não, ác nghiệp tương ưng. Do đây, mà hành tà nghiệp cực trọng, cha mẹ con cái đấu tranh lẫn nhau. Anh em, chị em, thân hữu quyến thuộc tự đấu tranh lẫn nhau, huống chi là người khác. Lúc bấy giờ mọi người khởi lên đấu tranh rồi, nhẫn đến dùng tay múa, hoặc là dùng ngói đá ném với nhau, hoặc dùng gậy làm tổn hại lẫn nhau, kế đến dùng dao gậy cùng tàn hại lẫn nhau, sợ sệt đến nổi phải sát hại lẫn nhau. Lúc bấy giờ mọi người khởi lên sân hận rất nặng, cho rằng làm các việc sát hại là trò vui. Quốc vương phương Đông đến chinh phạt phương Tây, quốc vương phương Tây đến định phạt phương Đông chiến tranh qua lại, các vua Nam Bắc cũng lại như thế là các vua dùng pháp mắng nhiếc khinh miệt lẫn nhau, nói con người này là phương thức phạm tội, lỗi lầm, dùng lời chia cách hiềm khích ly gián lẫn nhau làm chánh sự, hành đấu tranh rồi khởi lên nghĩ tưởng oan gia, cừu oán với nhau, mới cầm nắm, dao gậy cùng nhau tiêu diệt, chỉ trong một ngày, một đêm bị hại chết, con người chết vô số vô lượng, không thể kể xiết. Chúng sanh trong đời mạt kiếp mắc lỗi lầm như thế tự nhiên sinh ra, vì cớ sao như vậy? Vì con người hành pháp bất thiện, pháp không bình đẳng nên cảm thọ báo như vậy, trong lúc đó muốn hành pháp thiện, pháp bình đẳng thì không thể được. Tất cả chúng sanh. Sanh trong kiếp ô trược này tự nhiên mà khởi lên. Lúc bấy giờ mọi người dựa vào thô kiến thô nghiệp, tạo tác các thứ ác, khi xả bỏ thân mạng rồi, sau thọ

sanh chỗ ác, đi vào con đường khổ đọa lạc không được an vui, khi bấy giờ chúng sanh phần nhiều, sanh vào địa ngục, ngạ quỉ súc sinh, A-tu-la. Khi ấy các đại Quốc vương đều băng hà, tất cả quốc độ thứ tự phế bỏ chỉ còn quận huyện nhỏ là chỗ còn sót lại, bởi thế vô cùng, vô tận nói sao cho đủ, cùng nhau xa lìa hàng xóm, mỗi nơi phân tán mà ở. Lúc bấy giờ mọi người không hành chánh pháp, mà hành phi pháp, tham trước sâu nặng, thường bị nhiễm ô, phi lý, tham ái bức bách sai khiến và tà pháp, khinh khi các nghiệp ác nổi lên, rất tàn khốc khó có thể khuyên can, khó có thể giáo hóa, lại không thể hành thiện, không biết làm phúc không biết cứu khổ, cứu nạn, cùng với tà ác pháp ngày đêm tăng trưởng tương ưng hoặc là thân, khẩu ý khởi lên ba tà hạnh không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp tà dâm, vọng như, ác khẩu, lưỡng thiệt nói thêu dệt, tham ái, sân hận. Tà kiến. Không thể cung kính, cha mẹ. Sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, tôn kính, tâm buông lung khởi lên các loại ác nghiệp. Nghiệp này có thể chiêu cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm nhiều bệnh tật, có thể chiêu cảm đến hình sắc xấu xa, có thể cảm đến sanh vào nhà nghèo hèn ty tiện xấu xa, có thể cảm đến bần cùng khốn khổ, có thể cảm đến ngu si, tà kiến, như vậy các nghiệp ngày đêm sanh trưởng. Người nước phương Đông đến chinh phạt người nước phương Đông, các người Nam, Bắc cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ các người dùng phương pháp mắng nhiếc lẫn nhau; nói người phạm tội lỗi, rình rập ly gián cho rằng việc đúng.

Gây đấu tranh rồi khởi tưởng oan gia, cừu địch cầm nắm đao binh, gậy vũ khí mà tàn hại lẫn nhau, chỉ trong một ngày một đêm tàn phá, hại chết số thây người, vô số kể, không thể lường được. Đời mạt kiếp chúng sanh, chúng sanh mắc lỗi lầm như vậy tự nhiên mà sanh. Vì cớ sao như vậy? Bởi vì con người không hành pháp thiện, pháp bình đẳng mà cảm thọ quả báo. Lúc bấy giờ muốn hành pháp thiện, pháp bình đẳng cũng không thể được. Tất cả chúng sanh trong đây, sanh trong kiếp ô trược tự nhiên mà khởi, là lúc con người dựa vào thô nghiệp, tạo tác, các loại nghiệp ác xấu xa đến khi xả bỏ thân mạng về sau lại sanh vào chỗ ác, đường khổ đọa lạc vào con đường không an lạc. Như vậy, lúc bấy giờ chúng sanh sanh vào phần nhiều, địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. A-tu-la, các quận huyện, từ từ lại trống rỗng, hết sạch bóng người, chỉ còn lại ít nhà trong đó lại chuyển đi nơi chỗ xa vắng, lúc bấy giờ nhà phía Đông đến sát hại nhà phía Tây. Nhà phía Tây sát hại nhà phía Đông, các nhà Nam, Bắc cũng lại như thế. Khi bấy giờ các người dùng phương pháp mắng nhiếc lẫn nhau, nói người này dùng phương pháp tội lỗi. Theo dõi rình rập, ly gián là việc chính gây ra đấu tranh rồi, khởi tưởng oan gia, rồi cầm nắm dao gậy, cùng nhau tiêu diệt,

trong một ngày đêm sát hại chết số thây người vô số không thể kể xiết, chúng sanh trong đời mạt kiếp mắc phải lỗi lầm tự nhiên mà sanh ra, vì cớ sao như vậy? Bởi vì con người không hành thiện không hành chánh pháp. Lúc bấy giờ muốn thực hành pháp thiện pháp bình đẳng không thể được, vì nghiệp ác mà cảm thọ quả báo, tất cả chúng sanh sanh trong kiếp này là kiếp ô trược tự nhiên mà sinh khởi, đó là lúc mọi người dựa vào thô kiến, thô nghiệp, tạo tác các loại ác, xả bỏ thân mạng về sau lại sanh chỗ ác, đọa lạc vào đường khổ không an vui, là lúc chúng sanh phần nhiều đọa vào đường địa ngục súc sanh, ngạ quỉ, A-tu-la. Lúc ấy, mà người người, nhà nhà cùng một lúc, chết hết, diệt, vì dù còn sống sót lại thì phân tán, nơi này nơi khác, đó là lúc con người không hành chánh pháp, mà khởi lên các thứ ác nghiệp, cho nên cảm đến thọ mạng ngắn ngủi nhẫn đến ngu si, tà kiến. Lúc này mạt kiếp chỉ còn hơn bảy ngày, trong bảy ngày đó, trong tay cầm cây cỏ tức thì thành đao trượng, do đây lấy làm binh khí, đao gậy cùng nhau tàn hại cùng khắp sợ sệt mà chết. Lúc bấy giờ mọi người lo sợ đao gậy chạy chốn trong rừng sâu, hoặc là vượt sông ẩn trốn nơi vắng vẻ, hoặc là vào trong hang sâu trốn tránh tai nạn hoặc là khi gặp người kinh sợ giựt mình chạy sợ đến nổi mất hết hồn phách, hoặc là đi đến nơi xa xôi hẻo lánh bải tha ma, giống như con hươu con nai gặp phải thợ săn lúc bấy giờ mọi người gặp nhau sợ sệt cũng như vậy. Trong bảy ngày này đao binh nỗi lên, chết oan uổng bất ngờ vô số không đếm xiết. Giả sử còn sống thì mỗi người phân tán mỗi nơi. Khi đó, có một người tập hợp người nam nữ cõi Diêm phù đề, chỉ hơn một vạn người còn sót lại duy trì nòi giống loài người sau này, họ là trong số mọi người đều hành phi pháp, có thể dạy dỗ, khuyên răn hành pháp thiện, lại các thiện quỉ thần đều muốn cho nòi giống người không đoạn tuyệt hẳn mới ủng hộ loài người, dùng mùi vị thơm ngon khiến cho vào lỗ chơn lông vì nghiệp lực cho nên giữa kiếp còn lưu lại giống người tự nhiên không đoạn mất. Sau bảy ngày thì đại đao binh đồng loạt chấm dứt tất cả ác quỉ đều bỏ đi, tùy theo mong muốn của chúng sanh, như y phục, các thứ đồ uống ăn, theo ý nghĩ đều được như ý. Trời làm mưa xuống, âm dương điều hòa, vị ngon sanh ra thân hình khả ái, tướng tốt hoàn phục lại như cũ, tất cả thiện pháp tự nhiên mà sanh khởi, mát mẽ, tịch tĩnh an vui, không bệnh, đại bi nhập vào tâm, do có đại bi nên có đại từ nhập vào tâm, do có đại từ cho nên ý không não hại, do ý không não hại lẫn nhau nên gặp nhau sanh tâm vui mừng, sanh tâm nhẫn thọ, sanh tâm không nhàm chán, nên cùng nhau dìu dắt nâng đỡ không muốn lìa xa nhau, giống như bạn bè yêu thương nhau lâu ngày không gặp, bổng nhiên được tụ tập sanh tâm vui mừng, sanh tâm nhẫn thọ sanh tâm không nhàm chán, cùng nhau

dìu dắt không muốn xa lìa. Lúc bấy giờ con người gặp mặt nhau cũng như vậy, nhân đó yêu thương, nhớ nghĩ nên nam nữ ở chung với nhau. Con người thọ mạng mười tuổi, của kiếp trước đây, khi sanh ra kiếp này, thọ mạng rất dài nhan sắc đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại vật báu đầy đủ, tự nhiên sinh. Thọ mạng hai mươi ngàn tuổi chúng sanh lúc này như công đức đó tự nhiên được thành, vì cớ sao như vậy? Vì hành pháp bình đẳng hành pháp thiện cho nên thọ nhận quả báo như vậy, đó là lúc mọi người cùng với các pháp thiện tương ưng. Thân hành thiện, miệng nói điều thiện ý nghĩ thiện, khi xả bỏ thân mạng về sau sanh vào đường lành, và Thiên đạo. Xả bỏ thân mạng rồi trở lại sanh vào cõi người, khi sanh vào cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh trong sạch tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện; xa lìa sát sanh, trộm cướp tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu thiêu dệt, không tham dục tâm không sân nhuế, xả bỏ tà kiến, tu pháp chánh kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bạn bè, tôn trưởng, cùng với các pháp lành tương ưng, và với nghiệp này chiêu cảm đến thọ mạng lâu dài, có thể cảm đến không bệnh tật, có thể cảm hình sắc đoan chánh, chiêu cảm thân có uy đức và chiêu cảm sinh vào nhà giàu có chiêu cảm làm người đại trí. Như thế thiện nghiệp ngày đêm sinh trưởng là lúc mọi người dựa vào phước đức, sinh ra vô lượng công đức, khi xả bỏ thân mạng về sau lại sinh cõi trời và đường lành, trong đường lành trụ lại lâu đời, và thời tiết cũng tốt cũng lâu, như thế kiếp đầu và kiếp giữa do đại đao binh rốt cuộc cùng tận diệt hết. Kế đến là kiếp thứ ba, vẫn tiếp tục hai mươi ngàn tuổi trong kiếp này, thọ lượng thứ nhứt là con người từ hai mươi ngàn tuổi trước đây, nay sinh ra, thọ mạng rất lâu dài hình sắc đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng thần lực tự tại, của báu sinh ra đầy đủ, thọ mạng đến bốn mươi ngàn tuổi. Khi bây giờ, mọi người theo công đức đây tự nhiên được thành, vì cớ sao như vậy? Là do hành pháp bình đẳng hành pháp thiện, cho nên cảm nhận quả báo như vậy; là lúc mọi người cùng các pháp lành tương ưng. Thân hành thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, xả bỏ thọ mạng rồi sanh vào đường lành và cõi trời xả bỏ thọ mạng cõi trời trở lại sanh trong cõi người sanh trong cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh trong sạch, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng thiện, xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, nói thêu dệt, tâm không tham dục, tâm không sân giận, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bạn bè, Tôn trưởng, cùng với các pháp lành tương ưng với nghiệp này thường chiêu cảm đến thọ mạng dài lâu cảm đến thọ mạng không bệnh tật, có thể chiêu cảm đến hình sắc đoan chánh, chiêu cảm thân có uy đức chiêu

cảm đến sanh vào nhà phú quý, chiêu cảm đến con người có đại trí, như thế con người ngày đêm tăng trưởng pháp lành dài lâu, cũng là lúc mọi người dựa vào phước đức mà tăng trưởng vô lượng công đức. Xả bỏ thân mạng về sau lại sanh vào cõi trời và đường lành trong đường lành trụ lâu dài, thời tiết tốt cũng lâu dài. Như vậy gọi là giữa kiếp thứ ba. Thọ lượng thứ hai là. Mọi người từ bốn mươi ngàn tuổi sinh ra là người thọ mạng lâu dài nhất, thân hình xinh đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại của báu sinh ra đầy đủ, thọ mạng tiến đến sáu mươi ngàn tuổi. Là lúc mọi người cùng với các pháp lành tương ưng. Thân làm thiện, miệng nói thiện ý nghĩ thiện, khi xả bỏ báo thân rồi sanh vào đường lành và cõi trời, xả bỏ ở cõi trời lại sinh xuống nhân gian trong cõi người, sinh trong cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh trong sạch, tự tánh đạo đức tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ thường hành thắng thiện lại cũng xa lìa sát sinh trộm cướp tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu nói thêu dệt, tâm không tham dục, tâm không sân hận; xa lìa tà kiến, tu hành pháp chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bạn bè, tôn trưởng, cùng với các loại thiện pháp tương ưng. Với nghiệp này có thể chiêu cảm đến thọ mạng lâu dài, có thể chiêu cảm đến không bệnh, chiêu cảm đến hình sắc đoan chánh, có thể chiêu cảm đến thân có uy đức, có thể chiêu cảm đến sanh vào nhà giàu sang và cảm đến con người có đại trí, như vậy nghiệp lành ngày đêm sanh trưởng. Là lúc mọi người dựa vào phước đức mà sanh vô lượng công đức. Xả bỏ thọ mạng về sau lại vào cõi trời và sinh vào đường lành, trong con đường lành trụ rất lâu, thời tiết tốt cũng lâu, như thế là nói gọi là trong kiếp thứ ba. Với thọ lượng sáu mươi ngàn tuổi. Kế đến là mọi người từ sáu mươi ngàn tuổi sanh ra, là con người thọ mạng rất dài lâu, hình sắc xinh đẹp lạ thường uy đức tối thắng; thần lực tự tại, của báu, sanh sản đầy đủ, thọ mạng tiến đến tám mươi ngàn tuổi. Như vậy trong kiếp ở cõi Diêm phù đề, chúng sanh thọ lượng lâu dài, cao nhất là tám mươi ngàn tuổi. Lúc này, người nữ năm trăm tuổi mới xuất giá theo chồng, lúc đó mọi người chỉ có bảy thứ bệnh. Gọi là đại, tiểu tiện lợi, nóng, lạnh, tâm ham muốn, đói khát và già, như thế trong thời gian này tất cả quốc độ đều an lạc giàu có, phong túc, thịnh vượng, không có oán thù giặc cướp và trộm cướp, đất đai châu thổ quận huyện, ấp, thôn xóm nhân dân an lạc. Lại còn gà gáy, chim kêu đều nghe, cày ruộng gieo giống tuy ít mà thu hoạch thật nhiều, mọi người công dụng quả đời này ít, mà nhận công dụng quả thiện nghiệp đời trước nhiều. Nhà cửa, xe cộ, y phục tài báu luôn luôn sanh ra gọi là đầy đủ như ý muốn như thế lại thọ dụng suốt đời cũng không hư hoại, cũng là lúc mọi người an vui ngồi một chỗ, không phải chạy đi tìm cầu. Thọ mạng tám mươi ngàn tuổi trụ A

tăng kỳ niên, cho đến mọi người chưa tạo mười điều ác, từ khi khởi lên mười điều ác nghiệp. Lúc bấy giờ thọ mạng do đây mà mười điều ác giảm, độ khoảng một trăm năm thì giảm mười tuổi, một trăm năm tiếp lại giảm mươi tuổi, cứ thế lần lượt đến còn mười tuổi, sau cùng mười tuổi trụ lại, không giảm nữa. Từ tám vạn dài lâu đến ngắn nhất là mười tuổi, nếu như Đức Phật không xuất thế thì thứ tự như vậy, còn nếu như Đức Phật xuất thế là chánh pháp trụ nơi đời, là lúc chúng sanh thọ mạng tạm thời trụ lại không giảm, theo chánh pháp tiêu mòn giảm thì thọ mạng lần lần giảm. Đó là lời Thế tôn nói, mà tôi được nghe như vậy.

Phẩm thứ 3: TIỂU TAM TAI ĐÓI KHÁT TAI ÁCH

Đức Phật Thế tôn nói: Một tiểu kiếp đó gọi là một kiếp hơn như trước đã nói, nhẫn đến tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Vì cớ sao tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp. Đức Phật nói kiếp trung thế giới tán hoại, kiếp trung thế giới tán hoại, trụ lại, kiếp trung thế giới khởi thành, kiếp trung thế giới khởi thành rồi trụ lại. Đức Thế tôn nói các kiếp số tán hoại nhiều vô số không thể xiết. Vì cớ sao? Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu trải qua hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại, kế đến trãi qua hai mươi tiểu kiếp thế giới tán hoại rồi trụ lại, kế đến trãi qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi lên thành, lại nữa trãi qua hai mươi tiểu kiếp thế giới khởi lên được trụ trong đó. Kiếp thứ ba, tiểu tam tai lúc khởi lên, do kiếp đói khát lớn là kiếp sau cùng. Bởi thế trong lúc tai ách ban đầu khởi lên, do đói khát, do khốn khổ, do trời hạn hán, không mưa. Là lúc trong cõi Diêm phù đề, tất cả quốc độ tất cả nhơn dân phải chịu tật dịch lớn, tất cả quỉ thần khởi tâm sân hận làm tổn hại người đời, là lúc tất cả nhơn dân thọ mạng ngắn ngủi chỉ trụ lại có mười tuổi, thân hình thấp bé, hoặc là hai tay cong quẹo, hoặc là ba tay cong quẹo, chỗ sản sinh của báu thấp hèn thóc gạo ngon nhất phần nhiều lúa lép, dùng tóc con người làm y phục, chỉ có dao gậy tự trang nghiêm mình, là lúc mọi người không hành chánh pháp mà hành phi pháp tham trước, thường bị nhiễm ô phi lý chỗ tham ái bức bách sai khiến, tà pháp khinh khi, ngã mạn nổi lên mắc phải lỗi lầm, xấu ác rất khốc liệt, khó mà khuyên can, không thể hành thiện, không biết làm phúc, không cứu khổ cức nạn, cùng với tà pháp ngày đêm tương ưng; hoặc là thân khẩu ý khởi lên ba tà hạnh, không thể xa lìa sát sanh trộm cướp tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, nói thêu dệt tham ái, sân hận, tà kiến, không biết cung kính cha mẹ sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn, và bạn bè tôn trưởng, tâm tình buông lung phóng túng, khởi lên các thứ ác nghiệp, với nghiệp này có thể chiêu

cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, cảm đến bệnh tật, cảm đến cảm đến hình sắc xấu xí, cảm đến thân không có uy đức, có thể chiêu cảm đến sinh vào nhà ty tiện hèn hạ, có thể chiêu cảm đến bần cùng khốn khổ, cảm đến ngu si tà kiến, như vậy các nghiệp ngày đêm sanh trưởng, như vậy người đó cùng với các lớp phiền não nghiệp ác tương ưng, do cực trọng tà hạnh, trong hai, ba năm trời không mưa, do đại hạn hán cho nên thóc lúa, ngũ cốc hiếm hoi, đói khát nhà cửa rách nát, gồng gánh nhau mà đi. Lúc bấy giờ nhơn dân sức lực yếu ớt, thấy người khác có chút ít lương thực bèn đến đoạt lấy mà ăn, là đều do đói khát bức bách thúc đẩy, tất cả các chứng bệnh đói khác mà sinh ra như trên. Bởi do nhân duyên như vậy, chỉ trong một ngày đêm đói khát mà chết đó nhiều vô số không thể kể xiết. Đời mạt kiếp chúng sanh mắc phải lỗi lầm tự nhiên sinh ra, như thế vì cớ sao như vậy? Bởi vì con người không hành thiện, mà hành pháp bất thiện, hành pháp không bình đẳng nên cảm thọ quả báo như vậy, khi bấy giờ muốn hành pháp thiện, pháp bình đẳng cũng không thể được. Tất cả chúng sanh trong đây, trong kiếp dơ uế ô trược tự nhiên mà khởi thì bấy giờ chúng sanh dựa vào thô kiến thô nghiệp, tạo tác các thứ ác, đến khi xả bỏ thân mạng, về sau lại sanh vào chỗ xấu ác, đọa lạc vào đường khổ không an vui, phần lớn đọa vào địa ngục súc sinh, ngạ quỉ, A-tu-la. Lúc bấy giờ, các nước cường quốc, lần lượt hoang tàn chỉ còn quận huyện nhỏ là nơi còn sót lại, nói không thể hết, người bỏ làng mạc ra đi nơi xa xôi, hoặc phân tán mỗi nơi. Mọi người, không hành chánh pháp, mà hành phi pháp tham trước, luôn bị nhiễm ô, phi lý tham ái bức bách sai khiến và pháp, khinh khi, ngã mạn nổi lên phạm các tội lỗi xấu ác rất khốc liệt, khó mà khuyên can dạy bảo, không thể hành thiện pháp, không biết làm phước, không cứu khổ, cứu nạn cùng với các pháp tà ác ngày đêm tương ưng. Hoặc thân, khẩu, ý khởi ba nghiệp tà hạnh, không thể xa lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, nói lời thô ác, thêu dệt, tham ái sân hận, tà kiến không cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa- môn, Bà-la-môn, và bạn bè tôn trưởng. Tâm buông lung phóng túng dục tình khởi lên các loại ác nghiệp. Với nghiệp nầy chiêu cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, chiêu cảm nhiều bệnh tật chiêu cảm đến hình sắc xấu xa, chiêu cảm đến thân không có uy đức, chiêu cảm đến sinh trong nhà hèn hạ, có thể chiêu cảm đến bần cùng, khốn khổ có thể chiêu cảm đến ngu si tà kiến, như thế các nghiệp ngày đêm tương ưng. Trời không làm mưa xuống trong vòng bốn, năm năm. Do đại hạn cho nên cõi Diêm phù đề mất đi các giống thảo mộc, rau cỏ không thể mọc được, không sống được, huống chi là lúa thóc ngũ cốc. Tiếp tục đến các chúng sanh, kế đến con người do oán ghét, không chịu nổi ăn uống, chỗ gọi là quạ, diều hâu, chim ưng, chó dã

can, các loại cầm thú này, tất nhiên bắt lấy mà ăn do đói khát bức bách. Tất cả các bệnh, đói khát làm trên hết. Bởi do nhân duyên như vậy trong một ngày đêm chết thây nhiều vô số kể. Bấy giờ trong quận huyện nhỏ lại hết sạch bóng người, trống rỗng, chỉ còn có số ít nhà còn bỏ đi, chuyển nơi xa xôi, phân tán mỗi nơi. Là lúc mọi người không hành chánh pháp, mà lại hành phi pháp, bị tham trước nhiễm ô, phi lý, tham ái bức bách sai khiến, và tà pháp khinh khi nổi lên, mắc phải lỗi lầm xấu ác, rất khốc liệt, khó mà khuyên can, khó mà dạy bảo. Lại không thể hành thiện pháp không biết làm phước đức, không cứu khổ, cứu nạn, cùng với pháp tà ác ngày đêm tương ưng. Hoặc là thân khẩu ý khởi lên ba tà hạnh, không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm lưỡng thiệt, nói lời thô ác, thêu dệt nói dối, tham ái, sân hận tà kiến, không cung kính cha mẹ sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và bạn bè tôn trưởng tâm tình buông lung, phóng dật, khởi lên các thứ ác nghiệp. Với nghiệp này chiêu cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, chiêu cảm đến nhiều bệnh tật, cảm đến hình sắc xấu xí, chiêu cảm đến thân không có uy đức; chiêu cảm đến sanh vào nhà ty tiện hèn hạ có thể chiêu cảm đến bần cùng khốn khổ chiêu cảm đến ngu si tà kiến, như thế các nghiệp ngày đêm tương ưng. Lúc này sáu bảy năm trời không làm mưu xuống do đại hạn hán nên người cõi Diêm-phù-đề suy nghĩ muốn thấy nước cũng không thể được huống chi uống được nước. Chỉ có bốn con sông lớn mà nước lại sâu chảy cuồn cuộn, cùng với biển thông thương, bởi thế phải dùng thuyền mới qua sông, nhưng chỉ có con sông này nước mối có thể dùng uống được, ngoài sông này ra lại không có sông nào khác. Tiếp tục chỉ có đám tàn dân dựa vào sông này mà ở, họ hái rau, bắt cá, rùa, ba ba, thuộc loại thủy tộc lấy làm lương thực nuôi dưỡng thân mạng, do quá đói khát bức bách nên tất cả chúng sanh do bệnh đói khát là trên hết. Bởi nhân duyên như vậy trong một ngày đêm đói khát mà chết đó không thể đếm xiết kể, chúng sanh trong đời mạt kiếp là như vậy mắc phải lỗi lầm tự nhiên như vậy khởi lên. Là vì sao vậy? Bởi mọi người lúc này thường hành bất thiện phi pháp, bất bình đẳng mà thọ quả báo ấy, dù là hành thiện pháp cũng Kinh được. các chúng sanh trong đây, kiếp ô trược khởi lên tự nhiên, lúc đó mọi người dựa vào thô kiến. Thô nghiệp tạo tác các món ác nghiệp, khi xả bỏ thân mạng về sau lại sanh trong chỗ ác, đọa lạc vào đường khổ, không an vui. Lúc bấy giờ chúng sanh phần nhiều sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, A-tu-la. Chỉ còn sót lại thưa thớt vài nhà lần lượt cũng rỗng không hết sạch, tiếp tục lại còn sót một số người thì tứ tán mỗi nơi. Lúc bấy giờ mọi người không thực hành chánh pháp, mà hành phi pháp, bị tham trước, chỗ nhiễm ô, phi lý, tham ái bức bách sai khiến và tà pháp khinh khi khởi lên các thứ xấu ác lỗi lầm tàn

khốc, khó mà dạy bảo, khó mà khuyên can, không thể hành thiện, không biết làm phước, không cứu khổ, cứu nạn, cùng với pháp tà ác ngày đêm tương ưng, hoặc thân khẩu ý khởi ba tà hạnh; không thể xa lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ lưỡng thiệt, ác khẩu thêu dệt, hoa mỹ, Tham ái sân hận tà kiến. Không thể cung kính cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, và bạn bè tôn trưởng, tâm tình buông lung, khởi các thứ ác nghiệp với nghiệp này chiêu cảm đến thọ mạng ngắn ngủi, có thể chiêu cảm đến nhiều bệnh tật, và chiêu cảm đến hình sắc xấu xí, và chiêu cảm đến thân không có uy đức, chiêu cảm đến sanh vào nhà ty tiện, chiêu cảm đến bần cùng khốn khổ, cảm đến ngu si, tà kiến. Như vậy các nghiệp ngày đêm tương ưng. Trong kiếp này chỉ với bảy ngày mà một ngày một đêm trong bảy ngày, chịu đói khát chết vô số, không thể kể xiết, ví dụ còn người sống sót thì phân tán tứ xứ.

Khi bây giờ có một người tập hợp số người trong cõi Diêm-phù-đề nam, nữ gồm một vạn người, còn lưu lại để duy trì nòi giống cho loài người. Trong số giờ phần nhiều là hành phi pháp, chỉ có một vạn người này có thể hành thiện, khi ấy các thiện quỉ thần vì muốn cho loài người không đoạn tuyệt dứt hẳn, nên ủng hộ loài người, các vị ngon tốt đẹp khiến vào lỗ chân lông. Bởi vì nghiệp lực cho nên trong kiếp này còn lưu lại chủng tử giống người tự nhiên không đoạn mất sau bảy ngày đồng loạt dịch đói khát lớn tiêu diệt hết. Tất cả ác quỉ đều bỏ đi, khi bấy giờ các chúng sanh cần cầu mong muốn gì như y phục các thứ uống ăn nghĩ đến đều được như ý. Trời liền mưa xuống, âm dương hòa hợp, món ngon tự xuất sanh ra, thân hình xinh đẹp dễ thương tướng tốt hoàn phục lại, tất cả thiện pháp tự nhiên khởi dậy, mát mẽ thanh tịnh, tịch tĩnh, an vui không bệnh, đại bi nhập vào tâm, do đại bi cho nên có đại từ nhập vào tâm, do có đại từ nên ý không não hại, do ý không não hại cho nên khi gặp nhau sanh tâm vui mừng, vui vẽ, tâm sanh nhẫn thọ tâm sanh không nhàm chán, cùng nhau dìu dắt không muốn xa lìa, ví như bạn bè yêu mến nhau lâu ngày không gặp gỡ, bỗng nhiên được tụ hợp sanh tâm vui mừng, sanh tâm nhẫn thọ, sanh tâm không nhàm chán, cùng nhau dìu dắt không muốn xa lìa. Lúc bấy giờ người thấy mặt nhau cũng lại như vậy, nhân yêu thương nhớ nghĩ tới nhau nên nam nữ cùng ở chung với một chỗ với nhau. Kiếp trước con người thọ mạng mười tuổi, thì nay nhân dân từ mười tuổi mà sanh ra thọ mạng lâu dài, hình sắc xinh đẹp kỳ lạ, có uy đức tối thắng, thần lực tự tại, vật báu sinh ra đầy đủ; thọ mạng hai mươi ngàn tuổi, đó là lúc công đức chúng sanh như vậy tự nhiên mà được thành vì cớ sao như vậy? Bởi do hành pháp bình đẳng, hành pháp thiện cho nên cảm thọ quả báo như vậy. Lúc bấy giờ mọi người cùng

với các pháp tương ưng, thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ thiện, làm tất cả điều thiện, khi xả bỏ thân mạng về sau sanh vào đường lành và cõi trời, và xả bỏ thân mạng rồi trở lại sanh vào cõi người, sanh vào cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng pháp; xa lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, nói lời thô ác, thêu dệt hoa mỹ, tâm không tham dục, tâm không sân hận, xả bỏ tà kiến tu hành chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bạn bè, các bậc tôn trưởng, cùng với các pháp lành tương ưng. Là nghiệp lành ấy có thể, chiêu cảm đến thọ mạng dài lâu, chiêu cảm đến không bệnh, chiêu cảm đến hình sắc đoan chánh, chiêu cảm đến thân có uy đức, chiêu cảm đến sanh vào nhà tôn quý giàu sang, chiêu cảm đến có đại trí. Như thế, nghiệp lành ngày đêm sinh trưởng. Mọi người dựa vào phước đức mà sanh ra vô lượng công đức. Khi xả bỏ thân mạng về sau lại sanh vào cõi trời, và đường lành, trong đường lành trụ trong thời tiết cũng lâu dài. Như vậy trong kiếp đầu do đói khát lớn rốt cuộc cùng tận hết. Kế đến các kiếp còn lại tiếp tục từ hai mươi ngàn tuổi. Trong kiếp này thứ nhất từ thọ hai mươi ngàn tuổi họ sanh ra tiếp tục sanh ra tiếp tục thọ mạng rất dài lâu, hình sắc xinh đẹp lạ kỳ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, vật báu sanh ra đầy đủ, thọ mạng lên đến bốn mươi ngàn tuổi. Bấy giờ các chúng sanh như vậy công đức tự nhiên mà được thành. Vì cớ sao như vậy vì họ thực hành các pháp bình đẳng, hành pháp thiện cho nên cảm thọ quả báo như vậy, khi đó mọi người cùng với các pháp thiện tương ưng; thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện, tất cả pháp lành từ đó mà sanh ra khi xả bỏ thân mạng rồi sanh vào đường lành và cõi trời, xả bỏ thân mạng cõi trời trở lại sanh trong cõi người, sanh trong cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hoà nhã, giới phẩm đầy đủ, thường hành thắng pháp, pháp thiện tối thắng. Lại xa lìa sát sanh trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, nói lời thêu dệt, không tham dục, tâm không sân hận, xả bỏ tà kiến, tâm tu hành theo pháp chánh kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu và các bậc tôn trưởng, cùng với các pháp lành tương ưng. Với nghiệp lành ấy có thể chiêu cảm đến không bệnh tật, chiêu cảm đến hình sắc đoan chánh chiêu cảm đến sống lâu thân có uy đức, chiêu cảm đến sanh vào nhà tôn quý, giàu sang, có thể chiêu cảm đến người có đại trí. Như thế nghiệp lành ngày đêm sanh trưởng, cũng là lúc mọi người dựa vào phước đức hạnh, mà tăng trưởng vô lượng công đức. Xả bỏ thọ mạng về sau lại sanh vào cõi trời và đường lành ở trong đường lành trụ trong thời tiết lâu dài. Như vậy nói gọi là giữa kiếp thứ ba.

Thứ hai thọ mạng bốn mươi ngàn tuổi: Mọi người từ bốn mươi ngàn tuổi sanh ra, là được thọ mạng rất dài lâu, hình sắc xinh đẹp lạ thường, có uy đức tối thắng, có thần lực tự tại, vật báu sinh ra đầy, đủ thọ mạng sáu mươi ngàn tuổi, lúc này mọi người cùng với các pháp thiện tương ưng, thân hành thiện, miệng nói thiện ý nghĩ thiện, khi xả bỏ thân mạng rồi sanh vào đường lành và cõi trời xả bỏ thân mạng cõi trời, rồi trở lại sanh trong loài người sanh trong loài người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tánh thanh tịnh, tự tánh đạo đức, tâm tánh hòa nhã, giới phẩm đầy đủ thường hành thắng pháp. Lại xa lìa sát sinh, trộm cướp tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, lại không tham dục tâm không sân nhuế, xả bỏ tà kiến, tu hành chánh kiến. Lại cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu và các bậc tôn trưởng, cùng với các pháp lành tương ưng. Với nghiệp ấy chiêu cảm đến thọ mạng dài lâu, chiêu cảm đến không bệnh tật, chiêu cảm đến hình sắc đoan chánh, chiêu cảm đến thân có uy đức, có thể chiêu cảm đến sanh vào nhà tôn quý, giàu sang, và có thể chiêu cảm đến làm người có đại trí. Như thế, nghiệp lành ngày đêm sanh trưởng, là lúc mà mọi người dựa vào phước đức hành và sanh ra vô lượng công đức, xả bỏ thọ mạng về sau lại sanh vào cõi trời và sanh vào đường lành ở trong đường lành trụ thời tiết rất lâu dài. Như thế gọi là giữa kiếp thứ ba.

Thứ ba thọ lượng sáu mươi ngàn tuổi: Mọi người từ sáu mươi ngàn tuổi sinh ra, được thọ mạng rất lâu dài, hình sắc xinh đẹp kỳ lạ, uy đức tối thắng, thần lực tự tại, vật báu sinh ra đầy đủ, thọ mạng lên đến tám mươi ngàn tuổi. Như vậy trong kiếp ở cõi Diêm-phù-đề chỗ chúng sanh sinh ra thọ lượng dài lâu nhất là tám mươi ngàn tuổi này. Lúc đó, người nữ năm trăm tuổi mới xuất giá theo chồng, là lúc mọi người chỉ có bảy thứ bệnh. Gọi là bệnh đại tiểu tiện lợi, nóng, lạnh, tâm ham muốn, đói và già. Như vậy lúc bấy giờ trong đó tất cả quốc độ đều thịnh vượng an lạc không có oán tặc và trộm cướp, các châu thổ quận huyện, thôn ấp nhân dân đều an vui, còn nghe được tiếng gà gáy chim kêu đều rõ ràng, cày ruộng gieo giống tuy ít, mà thu hoạch rất nhiều mọi người thọ công dụng quả đời này ít mà dụng quả nghiệp lành đời trước nhiều. Nhà cửa xe cộ, y phục, tiền của, vật báu, các vật nuôi sống như ý đầy đủ, thọ dụng đến suốt đời cũng không hư hoại. Mọi người lúc này an hưởng ngồi một chỗ hưởng thụ, không phải chạy đi tìm cầu. Thọ mạng tám mươi ngàn tuổi, trụ A-tăng-kỳ niên, nhẫn đến chúng sanh chưa tạo mười điều ác.

Từ khi mọi người khởi lên mười điều ác, thì thời tiết thọ mạng do đây mà giảm sút. Cứ độ một trăm năm thì giảm mười năm, rồi một trăm năm tiếp giảm mười năm, cứ vậy dần giảm đến còn mười tuổi. Sau cùng mười

tuổi trụ lại không giảm nữa, suốt từ tám vạn, đến chỉ còn mười tuổi ngắn ngủi trong thời gian này. Nếu như Phật không xuất thế thì cứ thứ tự như vậy, xoay vần. Nếu Đức Phật xuất thế thì theo như chánh pháp mà trụ, chúng sanh thọ mạng tạm thời trụ lại không giảm và tùy theo chánh pháp tiêu mòn giảm đi, thì thọ mạng dần dần cũng giảm. Tôi nghe Đức Phật Thế tôn nói như vậy.

-oOo-

LUẬN LẬP THẾ A TỲ ĐÀM

QUYỂN 10

Phẩm 25: ĐẠI TAM TAI, HỎA TAI

Đức Phật Thế tôn nói: Tiểu kiếp đó gọi một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp, tám mươi tiểu kiếp cũng gọi là một đại kiếp, vì cớ sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp? Là lúc mà Tỳ khưu Đề Bà Đạt Đa, trụ trong địa ngục thọ quả báo nhiệt não, Đức Phật Thế Tôn nói: Trụ thọ một kiếp như vậy một tiểu kiếp gọi là một kiếp. Vì cớ sao hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp? Như cõi trời Phạm Tiên hành thiện, hai mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp thọ lượng, các chúng trời ấy. Đức Phật nói trụ thọ một kiếp, như vậy hai mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp.

Vì cớ sao! Bốn mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp, ví như cõi trời Phạm Chúng thọ lượng bốn mười tiểu kiếp. Đức Phật nói trụ thọ một kiếp, như vậy bốn mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Vì cớ sao! Sáu mươi tiểu kiếp gọi là một kiếp? Ví như cõi trời Đại Phạm Thiên thọ lượng sáu mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói trụ thọ một kiếp, như vậy sáu mươi sáu mươi tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. Vì cớ sao! Tám mươi tiểu kiếp gọi là một đại kiếp? Đức Phật nói trong kiếp đó thế giới tán hoại; kiếp đó thế giới tán hoại rồi trụ lại, kiếp đó thế giới khởi lên thành, kiếp đó thế giới khởi thành rồi trụ lại. A-tăng-kỳ thời gian gọi là kiếp. Thế giới khởi thành A-tăng-kỳ thời gian gọi là kiếp. Thế giới khởi thành rồi trụ, tán hoại đó có ba nhân duyên. Một nhân hỏa lửa thiêu đốt nên tán hoại. Hai nhân vì nước nên tán hoại. Ba nhân vì gió tán hoại. Như vậy Đức Phật Thế tôn nói: Này các Tỳ khưu tán hoại có ba nguyên nhân. Một hỏa tán hoại. Hai nước nên tán hoại. Ba là gió nên tán hoại. Này các Tỳ khưu tán hoại trên đỉnh có ba. Một là cõi trời Thắng Biên Quang. Hai là cõi trời Biến Tịnh. Ba là cõi trời Quảng Quả. Kế đến Đức Phật Thế Tôn nói: Này các Tỳ khưu tán hoại trên đỉnh cũng có ba loại. Một là cõi trời Thắng Biên Quang. Hai là cõi trời Biến Tịnh. Ba là cõi Trời Quảng Quả. Vì cớ sao! Cõi trời Thắng Biên Quang, đến cõi trời Biến Tịnh và cõi trời Quảng Quả là đảnh phải tán hoại? Này các Tỳ khưu lúc

Hỏa Diệm tan hoại, tất cả chúng sanh cõi dưới cho đến thiền thứ hai sanh lên trời Thắng Biến Quang tán loạn, lúc Thủy Tai tán hoại thì tất cả chúng sanh cõi dưới cho đến tu Thiền thứ ba sanh lên trời Biến Tịnh tán loạn, lúc phong tai tán hoại, thì tất cả chúng sanh cõi dưới cho đến tu thiền, thứ tư sanh lên trời Quảng Quả tán loạn. Đức Phật nói: Hỏa tai tán hoại là do cõi trời Thắng Biến Quang tán hoại. Thuỷ tai tán hoại là do cõi trời Biến Tịnh tán hoại. Phong tai tán hoại là do cõi trời Quảng Quả tán hoại.

Lại nữa! Này các Tỳ khưu tán hoại đó có hai: Một là chúng sanh thế giới tán hoại, Hai đó là khí thế giới tán hoại. Trong mười tiểu kiếp đầu chúng sanh thế giới tán hoại, mười tiểu kiếp sau khí thế giới tán hoại. Đức Phật bảo! Này các Tỳ khưu, tán hoại đó lúc ban đầu khởi lên là cõi trời Thắng Biến Quang tán hoại nguyên nhân từ thiền, thứ hai, tất cả chúng sanh cõi Diêm-phù-đề lúc đó đều tán hoại. Thọ mạng tám mươi ngàn năm, người nữ bấy giờ năm trăm tuổi mới xuất giá lấy chồng. Bấy giờ, mọi người chỉ có bảy thứ bệnh. Gọi là đại tiểu tiện lợi, nóng, lạnh, lòng ham muốn, đói khát và già. Như vậy trong lúc đó tất cả quốc độ thịnh vượng an lạc không có oán tặc nhẫn đến trộm cướp các châu thổ, quận, huyện, ấp thôn, xóm người dân ấm no hạnh phúc, còn nghe những tiếng chim hót, gà gáy đều nghe rõ ràng, cày ruộng, gieo giống ít mà thu hoạch thật nhiều, là lúc mọi người thọ công dụng quả đời này ít, mà dùng đầy đủ nghiệp lành đời trước rất nhiều. Nhà cửa xe cộ, y phục, tiền tài, của báu, vật báu suốt đời vừa lòng, thỏa ý đầy đủ. Là lúc mà hai giới giảm mất. Một là giới sân hận. Hai là giới ý phiền não bức bách. Hai giới khởi mạnh lên: Một là không sân hận. Hai là ý không phiền não bức bách. Lúc ấy mọi người lìa mười điều ác, tu hành mười điều thiện, an tọa thọ vui, không chạy đi tìm cầu chỗ này, chỗ kia, hoặc là tụ tập ăn uống, hoặc là vào nhà nghỉ ngơi, hoặc là tụ tập một chỗ đông người, hoặc là vui chơi dưới gốc cây. Nói như vậy là truyền đi các nơi biện luận. Thuở xưa các người sinh vào kiếp ô trược, bởi ngũ dục trần tham dục làm tăng trưởng hoặc là cha mẹ, con cái đấu tranh với nhau; anh em, chị em, bạn bè, quyến thuộc tự đấu tranh, đánh cãi nhau, huống chi là người khác. Lúc đó mọi người khởi lên đấu tranh về sau múa tay, hoặc là lấy ngói đá, hoặc lấy gậy mà đánh nhau, kế đến dùng dao gậy đánh nhau lan khắp sợ sệt khủng bố lẫn nhau, nhẫn đến sát hại lẫn nhau, bởi vậy nên ngũ trần khởi lên các món ác, vì vậy cho nên ngũ trần phải nên xả bỏ, như là oán ghét, trách mắng dục trần, các thứ hiển hiện, nói là lỗi lầm của ngũ trần. Lúc bấy giờ mọi người suy nghĩ về tai họa của ngũ trần và những quấy nhiễm của cõi dưới mà quan công đức vi diệu của định Kinh giác quán, tu tập nhị thiền sau khi xả bỏ thọ mạng sanh lên cõi trời Thắng

Biến Quang, lúc đó chư thiên cõi Dục biến thân, giống như tê thu (?). Mỗi đêm ba thời du hành nơi cõi giới, truyền nói rằng: Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, định không giác là diệu lạc nhất, là vui an lạc, cho nên các ông phải tu hành, trụ ở trong đây. Khi bấy giờ con người cứ mỗi đầu đêm và cuối đêm, nghe nói như vậy rất làm vui mừng, hớn hở, xả bỏ các việc tạp sự rồi, nhiếp tâm ngồi thiền, quán sát lỗi lầm của dục trần, quán định không giác quán có đại công đức, tức thời được nhị thiền, xả bỏ thọ mạng về sau sanh lên cõi trời Thắng Biến Thiên Quang. Khi bấy giờ có người thường làm cho người khác vui sướng, lấy đó làm sự nghiệp, hoặc là ca hát, hoặc là nhảy múa, cùng nhau ném, hoặc là luân phiên múa đao gậy, hoặc là đáng trống, thổi kèn, hoặc là hát xướng ca ngâm, lại khen ngợi tán tụng, hoặc là trang sức trên thân cho người khác. Như thế các người làm trò ca hát, ngâm vịnh truyền đi khắp, thuở xưa các người sanh vào kiếp đời ô trược, bởi, ngũ dục trần, tham dục tăng trưởng, cho nên hoặc cha mẹ, con cái cùng nhau đấu tranh, anh em chị em, thân bằng quyến thuộc tự cùng nhau đấu tranh đánh cãi nhau huống chi là người khác. Lúc bấy giờ mọi người khởi đấu tranh rồi về sau khoa tay múa chân hoặc là lấy ngói đá ném, hoặc là đánh nhau kế đến dùng dao gậy khủng bố lẫn nhau nhẫn đến sát hại nhau, nhân đây mà ngũ trần khởi lên các thứ ác, cho nên ngũ trần cần phải xả bỏ. Như thế oán ghét trách mắng dục trần, các thuyết nói rõ lỗi lầm của ngũ trần. Khi bấy giờ mọi người suy nghĩ về tai họa của ngũ trần và những quấy nhiễu, nơi cõi dưới, mà quán công đức vi diệu, của định không giác quán, sau khi tu tập nhị thiền xả bỏ thân mạng, sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy các trời từ Thắng Biến Quang mà xuống hạ giới đi trong thế giới che ẩn thân hình tuyên lệnh nói rằng: Thiện nam tử thiện nữ nhơn, hãy quán sự tịch tĩnh diệu lạc của định không giác quán, cho nên các ông tu hành trụ trong đây. Khi đó, mọi người cứ đầu đêm đến cuối đêm, đều nghe trên trời nói, rồi hoan hỷ tụng tập khởi tâm tin ưa. Tất cả nhà cửa chỗ ở thôn ấp, châu quận nhẫn đến nhân dân ở quốc độ lớn đều khởi tâm tinh tấn quán sát lỗi lầm dục trần nơi hạ giới. Quán công đức nhị thiền tu tập nhị thiền. Khi xả bỏ thọ mạng về sau sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang Thiện; Khi đó có ngoại đạo xuất gia theo, giáo hóa tất cả thôn ấp, nhà cửa châu quận, nhẫn đến nhân dân ở quốc độ lớn đều khiến cho xuất gia, lại có vô số quyến thuộc vây quanh, như thế thứ tự đi khắp các quốc độ để tuyên dương giáo pháp này tuyên nói đều tương ưng. Nói thuở xưa mọi người sanh trong đời kiếp ô trược bởi ngũ dục trần, tham dục tăng trưởng, hoặc cha mẹ con cái cùng nhau đấu tranh, anh em, chị em, thân hữu quyến thuộc, tự đấu tranh đánh cãi nhau, huống chi người khác! Khi mọi người khởi đấu tranh

rồi về sau mà múa tay hoặc lấy ngói đá, hoặc lấy gậy đánh, kế đến hoặc dùng dao gậy cùng nhau khủng bố, nhẫn đến sát hại lẫn nhau, nhân đây mà ngũ trần khởi lên các thứ ác. Vì vậy cho nên ngũ trần cần phải xả bỏ như vậy nên oán ghét trách mắng dục trần, nói rõ ra những tai họa của ngũ trần. Bấy giờ, mọi người suy nghĩ về tai họa của ngũ trần, sự quấy nhiễu của hạ giới, rồi quán công đức vi diệu, của định Kinh giác quán tu tập nhị thiền, xả bỏ thân mạng về sau sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc bấy giờ, chúng sanh ở địa ngục suy nghĩ: Ta thuở xưa làm các điều bất thiện gieo nghiệp ác xấu, vì vậy cho nên ta nay tới đây thọ khổ, do ý nầy cho nên không sanh sân hận oán giận, ngục tốt, chúng sanh trong địa ngục không sân giận, không bị ý phiền não bức bách. tự nhiên sanh trưởng tăng thêm đầy đủ thiện tâm. Do túc nghiệp, đời sau báo thiện nghiệp, khi xả bỏ địa ngục thọ sanh vào trong loài người. Tức là sanh trong loài người rồi suy nghĩ về tai họa của dục trần, mới quan sát công đức của Nhị thiền nên tu tập nhị thiền, sau khi xả bỏ thọ mạng về sau sanh vào cõi trời Thắng Biến Quang Thiên. Khi đó có chúng sanh đọa trong địa ngục, vẫn làm ngục tốt suy nghĩ rằng: Chúng ta nhân ác nghiệp của mình nên thọ sanh đến đây, các tội nhơ kia cũng nhân nghiệp ác nên đến đây thọ khổ. Ta nay cớ sao cứ khởi lên tàn hại chúng sanh khác, nghĩ thế rồi tức thì không sanh tâm sân hận, ý không phiền não bức bách, tự nhiên sanh tăng trưởng đầy đủ thiện tâm. Bởi do túc nghiệp, đời sau thọ nghiệp báo lành, xả bỏ thân mạng rồi được sanh trong loài người, sanh trong loài người rồi suy nghĩ về lỗi lầm của ngũ trần, quán công đức của nhị thiền, tu tập nhị thiền. Sau khi xả bỏ thọ mạng sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang Thiên, khi ấy trong nước lại sản sinh ra loài chúng sanh thuộc loại rùa, ba ba, cá, rồng. Đều sanh từ tâm không ăn thịt lẫn nhau chỉ ăn rong rêu dưới nước và rau cỏ đất, tự nhiên chết đó mới nhận lấy ăn thịt. Bởi vì có thể đói mà chết, không muốn hại kẻ khác để tự ăn thịt. Không sân hận, ý không phiền não bức bách khi bấy giờ sanh trưởng sanh các thiện tâm, sanh ra yêu thương, nhớ nghĩ. Bởi do túc nghiệp về sau thọ báo nghiệp lành, xả bỏ thân mạng đời sau sanh trong cõi người sanh trong cõi người rồi suy nghĩ ngũ trần mắc phải lỗi lầm và quấy nhiễu hạ giới. Mới quán vô giác quán định công đức vi diệu, rồi tu tập nhị thiền, xả bỏ thọ mạng về sau sanh lên cõi trời Thắng Biến Thiên. Lại có chúng sanh ở trên bờ, như sư tử hổ, lang, sói, báo, mèo, chồn, đều sanh từ tâm không ăn thịt lẫn nhau, khi đói đó là ăn cỏ non, khát uống nước suối sạch, có khi loại thú nào tự chết đó mới ăn thịt mà thôi. Thà có thể đói chết chớ không muốn sát hại loài khác tự cứu tế. Không sân giận, ý không phiền não bức bách, là lúc sanh ra các thiện tâm, sanh ra yêu thương nhớ nghĩ, do

túc nghiệp đời sau thọ quả báo nghiệp lành. Xả bỏ thọ mạng về sau sanh trong loài người sanh trong loài người rồi suy nghĩ về lỗi lầm của ngũ trần và quấy nhiễu của hạ giới. Quán công đức vi diệu, của định không giác quán tu tập nhị thiền. Xả bỏ thọ mạng về sau sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Tất cả chúng sanh trong đường quỉ đói lại khởi tâm yêu thương nhớ nghĩ, thảy đều sanh vào đường lành như trước đã nói. Xả bỏ thọ mạng về sau được sanh trong loài người, sinh trong loài người rồi suy nghĩ về lỗi lầm, của ngũ trần, quán định, không giác quán tu tập nhị thiền, xả bỏ thọ mạng về sau sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Trong đường A-tu-la cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ người Tây Cù-da-ni, ở nơi kia có nơi chốn để tu tập nhị thiền, nếu như ở chỗ kia tu tập đắc nhị thiền rồi theo chỗ kia để sanh lên cõi trời Thắng Biến Thiên Quang. Hoặc như đến cõi Diêm-phù-đề thọ sanh mà đắc nhị thiền đó, cũng được sanh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Người Đông Tỳ-đề-ha, hoặc ở chỗ kia tu tập nhị thiền cũng từ chỗ kia sanh lên nhị thiền nơi cõi trời. Nếu như đến cõi Diêm-phù-đề tu tập nhị thiền cũng từ nơi đây sanh lên cõi trời thứ hai. Người Bắc Uất Đơn Việt xả bỏ thọ mạng về sau sanh cõi trời Lục dục. Hoặc là ở cõi trời tu tập nhị thiền được sanh lên nhị thiền, hoặc từ cõi trời Lục dục mà sanh vào cõi Diêm-phù-đề, tu tập nhị thiền cũng sanh về cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc đó cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, ba mươi ba cõi trời. Dạ Ma Thiên, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hoá Lạc, cõi trời Tha Hoá Tự Tại, cõi trời Phạm Tiên Hành, cõi trời Phạm Chúng, hoặc ở các cõi trời này tu tập nhị thiền. Xả bỏ thọ mạng rồi sanh lên cõi trời thắng Biến Quang; hoặc từ cõi trời đến sanh vào cõi Diêm-phù-đề. Tu tập nhị thiền, cũng được sanh về cõi trời Thắng Biến Quang. Này các Tỳ khưu lúc đó tất cả Địa-ngục đều trống rỗng, tất cả súc sanh cũng đều trống không, tất cả quỉ thần cũng lại trống rỗng. Tất cả A-tu-la cũng lại trống rỗng. Tây Cù-da-ni. Nam Diêm-phù-đề, Đông Tỳ-đề-ha, Bắc Uất-đơn-việt lại cũng đều trống rỗng, cõi trời Tứ thiên vương, ba mươi ba cõi, trời Dạ Ma Thiên, Hóa Lạc Thiên-Tha hóa tự tại thiên, Phạm Tiên hành thiên. Phạm chúng thiên, cũng đều trống rỗng. Đó là lúc trong một ngàn thế giới, tất cả chúng sanh thảy đều trống rỗng hết sạch, chỉ còn cõi trời Đại Phạm Vương. Bởi nhân duyên như vậy rồi thứ tự tất cả chúng sanh trong thế giới đều tán hoại hết. Như vậy trong lúc đó mười tiểu kiếp đã trãi qua.

Này các Tỳ khưu khi khí thế giới thứ hai tán hoại, tiếp tục tứ đại tán hoại hỏa tai tán hoại. Trong lúc đó thời tiết rất lâu, trời không mưa xuống một giọt, cũng không rơi xuống vì lâu quá không mưa trong cõi Diêm phù đề mộng mạ, cây cối, cỏ thuốc, tất cả hạt giống đồng một lúc héo khô hết,

thứ tự thiêu đốt hết sạch không mọc lên được.

Này các Tỳ khưu, tất cả các pháp hữu vi là vô thường, như vậy không thường còn, như vậy, là chỗ không an ổn ngắn ngủi, bức xúc biến đổi, phá hoại, chẳng có thể cứu tế được, chẳng phải chỗ thật để nương tựa vào, chẳng phải chỗ để che chở. Này các Tỳ khưu vì nghĩa lý ấy, cho nên pháp hữu vi rất nhàm chán, nên phải xa lìa ham muốn nên phải xả bỏ. Này các Tỳ khưu! Qua thời gian rất lâu, lúc ấy có mặt trời thứ hai xuất hiện, tỏa nhiệt và ánh sáng gấp bội ngày xưa. Do có thêm mặt trời này nên trong cõi Diêm phù đề tất cả ao nước và sông ngòi nhỏ, đều cạn kiệt, đến một giọt cũng không có. Này các Tỳ khưu! Tất cả các pháp hữu vi là vô thường như vậy đó, đủ như trước đã nói. Bởi thế nên phải xả bỏ, xa lìa. Này các Tỳ khưu! Qua thời gian rất lâu, lúc ấy có mặt trời thứ ba, xuất hiện, tỏa nhiệt chiếu sáng tăng gấp đôi so với mặt trời thứ hai, do mặt trời này, cho nên trong cõi Diêm phù đề, những sông lớn sâu, hồ sâu, lại cũng đều cạn kiệt hết một giọt nước cũng không còn. Này các Tỳ khưu! Tất cả các pháp hữu vi là vô thường như vậy, đầy đủ như trước đã nói. Bởi vậy cần phải xả bỏ, cần phải xa lìa này các Tỳ khưu! Qua thời gian rất lâu lại xuất hiện mặt trời thứ tư, tỏa nhiệt và ánh sáng ở thế gian gấp đôi mặt trời thứ ba, do có mặt trời này cho nên trong cõi Diêm-phù-đề, ao nước A Na Bà Đạt, ao mạn Đà Kỳ Ni, sông giữa rừng Thất Lâm và bốn sông lớn như là các chỗ rất lớn, rất sâu nước chảy cuồn cuộn cùng với biển tương hợp cũng đều cạn kiệt, đến nổi một giọt nước cũng không có. Này các Tỳ khưu. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường như vậy, đầy đủ như trước đã nói. Cho đến ta phải xả bỏ xa lìa. Này các Tỳ khưu qua thời gian rất lâu, lần lượt lại có mặt trời thứ năm, xuất hiện ở nơi đời, tỏa nhiệt, ánh sáng tăng gấp đôi mặt trời thứ tư. Do có ngày này cho nên nước trong và ngoài biển giảm một trăm do tuần, kế đến giảm hai trăm, ba trăm, bốn trăm, cho đến một ngàn do tuần, nước trong biển giảm như thế, kế đến lại tổn giảm, hai ngàn, ba ngàn, bốn ngàn, nhẫn đến một vạn, giảm đến hai vạn; cho đến sáu vạn do tuần, cho đến thủy giới giảm hết. Này các Tỳ khưu, như vậy có lúc nước biển còn lại sâu đến bảy đa-la, hoặc sáu đa-la, hoặc năm đa-la, hoặc bốn, hoặc ba, hoặc hai, hoặc sâu một đa la. Này các Tỳ khưu, như vậy có lúc nước biển còn lại một biển nước, sâu bảy tầm kế đến giảm còn một tầm. Này các Tỳ khưu! Như vậy có lúc nước biển vừa bằng người đứng ngang cổ, hoặc dưới nách, hoặc ngang ngực, lưng, bụng, đầu gối, rồi tới cổ chân.

Này các Tỳ khưu. Như vậy, có lúc nước biển còn lại không bằng một lóng tay. Này các Tỳ khưu. Tất cả pháp hữu vi là vô thường như vậy, đầy đủ như trước đã nói, cho đến nên phái xả bỏ. Này các Tỳ khưu! Qua thời

gian rất lâu kế đến có mặt trời thứ sáu xuất hiện tỏa nhiệt ánh sáng gấp đôi ngày thứ năm; do có mặt trời này nên thế giới đại địa, trong ngoài biển lớn và núi vua Tu di, lúc ban đầu xuất ra khói rồi tụ lại che phủ khắp giống như trong lò gốm sứ, ban đầu hum ra khói, khói tụ lại chỗ che phủ cả đại địa, biển lớn và núi Tu di, bởi do mặt trời thứ sáu mà các nơi tụ lại che phủ cũng lại như vậy, các Tỳ khưu tất cả các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, đầy đủ như trước đã nói, cho đến nên phải xả bỏ. Này các Tỳ khưu! Qua thời gian rất lâu, tiếp có mặt trời thứ bảy xuất hiện, ở thế gian tỏa nhiệt tăng gấp đôi mặt trời thứ sáu. Do có ngày này cho nên thế giới đại địa, trong ngoài biển lớn và núi Tu Di vương đều phát ra lửa hỏa diệm, rỗng suốt, thông thành một đống lửa trãi qua thời gian rất lâu dài đình trụ lại mà không dứt. Này các Tỳ khưu! Núi Tu Di vương, ấy, bị lửa lớn thiêu đốt thông thành một đống lửa lớn, thời gian đốt cháy như vậy rất lâu, trên đảnh núi này chu vi một trăm do tuần đều vỡ vụn. Hoặc là hai trăm, ba trăm nhẫn đến một ngàn do tuần, đá rơi rớt xuống thiêu đốt cũng lại như vậy. Lúc ấy bên trong tứ đại ở ngoài đều tự nhiên phát lửa thế giới, thiên địa thiêu đốt xuất ra đống lửa trở thành một tánh lửa. Do sức thiêu đốt nên hút hết những gì thuộc tánh nước bên dưới. Ví như nồi đồng bị đốt nóng, đổ vào trong đó ít nước, nước bị hút hết. Thế giới đại địa thành một tánh lửa, hút nước bên dưới cũng lại như vậy. Ví như dầu tô bị lửa thiêu đốt, tất cả đều tiêu hết, không còn lại tro tàn. Như vậy đại địa trong ngoài biển lớn và núi Tu Di vương đều phát ra lửa thiêu đốt nung nấu, rỗng suốt, thông thành một đống lửa tất cả đều đốt cháy sạch không có chút tro than cũng lại như vậy. Khi bấy giờ địa luân đồng chuyển đều chìm vào biển lửa. Rồi đến thuận luận, phong luân cũng đều bị đốt mà diệt hết. Trên Hỏa diệm đó bắt đầu từ Thủy luân luân cho đến chỗ của Trời Đại Phạm vương, bấy giờ Trời Đại phạm đều xả bỏ thọ mạng, cho đến trụ xứ sanh về cõi trời Thắng Biến Quang ở trên. Bấy giờ cung điện của Đại Phạm rộng lớn chu vi, ánh sáng rực rỡ đáng yêu dễ nhìn, không nhàm chán sắc trắng mịn sạch sẽ trong suốt cõi này, đều cùng một lúc thiêu đốt hết không còn gì cả. Chỗ của Phạm vương ở xưa nay pháp vốn vậy, nên bị lửa tiêu diệt thời gian cũng nhiều như vậy. Tất cả khí thế giới bên ngoài tán hoại đều hết, thời gian cũng nhiều như vậy. Trãi qua hai mươi tiểu kiếp, lại hai mươi tiểu kiếp, tiếp tục như thế trong đó xứ sở của một ngàn thế giới rỗng không không có gì cả, giống như hang sâu u ám tối tăm bên trên không có gì che đậy rỗng không, như thế trụ đến hai mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói. Này các Tỳ khưu Lúc ấy, thế giới lại muốn khởi thành. Thế gian này vốn pháp như vậy nên ban đầu khởi thành thế giới. Hoặc có chúng sanh đã sanh trưởng nghiệp có thể chiêu cảm

đến quả báo sanh cõi trời Đại Phạm; xả bỏ báo trước rồi, lại đến vào trung ấm. Bởi vì sắc giới tứ đại hòa hợp, nên cung điện của Đại Phạm tự nhiên mà khởi ánh sáng trắng sạch che khuất các chỗ khác; sắc tướng đầy đủ, xem không nhàm chán, tâm sở ái lạc. Họ lúc chưa ở đây là các chúng sanh thuở xưa đã tạo nghiệp có thể cảm đến ra chỗ ở thắng diệu khả ái. Bởi vì nghiệp xưa cho nên cảm đến sắc giới tứ đại, và sắc do tứ đại tạo ra, nhân nghiệp xưa và sắc giới cung điện tứ đại, tức thành sắc giới tứ đại, ở nơi cung điện này, cũng là nhân, cũng là duyên, còn các nghiệp tạo quả đời trước chỉ là tăng thượng duyên.

Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu! Như vậy là chỗ của Đại Phạm Vương, có nhân, có duyên mới được khởi thành xưa nay pháp vốn như vậy, do nhân duyên mà khởi. Trụ xứ của Phạm Vương giống như một thiên hạ lớn. Bấy giờ, Phạm vương ở trong trung ấm, thấy chỗ này khởi tâm ái dục: Ta nay ngồi ở trong đây. Khi khởi tâm ưa thích tức thì thọ sanh nơi này. Một mình ở trong đây đủ mười tiểu kiếp, lấy hỷ lạc làm thức ăn, sống, dựa vào hỷ lạc, ý sanh hóa thân tự nhiên sáng chói, tự tại mà trụ qua mười tiểu kiếp xong. Phạm vương lúc này lại khởi tâm dục ái, khởi tâm bất an suy nghĩ, mong có chúng sanh khác đến cùng ở với ta, khi ấy Phạm vương mong muốn rồi, chúng sanh ở cõi nhị thiền hết nghiệp xả bỏ thọ mạng đến thọ sanh cùng làm đồng loại với Phạm Vương. Các chúng sanh đó thấy Đại Phạm này, xưa nay riêng ở một mình, bèn chấp như vầy: Thuở xưa, ta sống ở trên đã thấy người đoan nghiêm sống ở một mình, nay xuống dưới đây cũng thấy sống một mình chẳng khác trước đây. Lại khởi chấp rằng: Người này là Phạm Thiên đấng tạo tác, đấng sinh ra rất là tôn quý, tạo thành chúng sanh đầu tiên do đây. Người này thành tựu thần lực tự tại, đã sinh sẽ sinh đều là Cha thứ nhất. Chúng ta ngày nay từ nơi người cha này mà sinh ra, vì cớ sao như vậy? Ta từ xưa đến nay thấy ông ta một mình ở đây, tự ta phải sinh trước thôi. Lúc ấy, Phạm vương lại suy nghĩ; Ta là Đại Phạm, đấng tạo tác, đấng sinh ra, chúng sanh bắt đầu do ta tạo tác, ta được uy thần lực tự tại đã sinh, sẽ sinh đều là Cha của họ; tất cả thế gian đều do ta hóa sinh, vì cớ sao như thế này? Bởi ta xưa suy nghĩ: Mong có chúng sanh khác đến ở cùng ta, ứng với nguyện đó, chúng sanh khác tức thì đến đây sinh ra, ta ở đây trước thấy chúng sanh này tới đây sanh. Đại Phạm vương, thọ mạng rất dài lâu, hình sắc rất xinh đẹp lạ thường so với các chúng sanh khác. Có đại danh xưng có đại thần thông và đại uy đức, còn các Phạm chúng thì thọ mạng ngắn ngủi, hình sắc danh xưng, thần lực uy đức đều không sánh kịp. Chỗ ở của Đại Phạm Vương rồi theo thứ lớp đầy khắp chỗ của tất cả Phạm chúng. Vì pháp vốn như vậy nên khi thế giới tương ưng khởi thành nhân

sắc giới, tứ đại và sắc do tứ đại tạo mà cung điện riêng của Phạm vương và đất đai tự nhiên hiện khởi, hình sắc trắng mịn, sạch sẽ tịnh khiết vô cùng sánh chói, khả ái ưa nhìn. Họ trước khi chưa ở đây là các chúng sanh xưa đã tạo nghiệp, hay cảm đến những chỗ ở thắng diệu. Khả ái nên nhân nghiệp xưa mà cảm tới sắc giới tứ đại và sắc do tứ đại đạo. Do bởi nghiệp xưa và sắc giới cung điện tứ đại, tức thì thành sắc giới tứ đại. Cung điện ở nơi đây cũng là nhân cũng là duyên, còn các nghiệp do đời trước tạo chỉ là tăng thượng duyên. Đức Phật nói: Này Tỳ khưu! Cung điện Phạm độc nhất ấy có nhân, có duyên được khởi được thành. Xưa nay pháp vốn như vậy, do nhân duyên khởi, mà chỗ ở một mình của cung Phạm vương nhân đây thứ tự đầy khắp. Các cung trời Phạm thiên. Vì bổn tánh pháp vốn như vậy, nên thế giới tương ưng khởi thành nhân sắc giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo, các cung điện của cõi trời Phạm Tiên hạnh và đất đai tự nhiên khởi hiện lên sắc thuần màu trắng trơn mịn sáng sạch khả ái ưa nhìn không chán. Họ lúc chưa ở đây là các chúng sinh, xưa đã tạo nghiệp hay cảm tới chỗ ở tốt đẹp sanh tâm ưa thích, nhân vì nghiệp xưa cho nên cảm tới sắc giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo. Bởi nghiệp xưa và sắc giới cung điện của tứ đại, tức liền thành sắc giới tứ đại, ở nơi cung điện nầy cũng là nhân, cũng là duyên, còn các nghiệp do đời trước tạo chỉ là tăng thượng duyên.

Đức Phật nói: Này Tỳ khưu! Chỗ của Phạm Tiên hạnh, có nhân, có duyên, được khởi, được thành. Xưa nay pháp vốn như vậy đều do nhân duyên khởi, mà chỗ ở của cõi trời Phạm Tiên hạnh và các cõi trời Phạm Tiên hạnh thứ tự biến khắp. Lại pháp vốn như vậy, khi thế giới ứng khởi nhân dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo, cung điện của cõi trời Tha hóa tự tại và xứ sở tự nhiên khởi, hiện ra vàng bạc lưu ly và ngọc pha lê, ánh sáng do bốn báu tạo thành rất khả ái nhìn xem không chán. Lúc chưa ở đây các chúng sanh đó, do xưa đã tạo nghiệp hay cảm những chỗ ở tốt đẹp khả ái, nhân nghiệp xưa cho nên nay cảm được dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo. Lại nhân nghiệp xưa và cung điện tứ đại của Dục giới liền thành dục giới tứ đại, ở nơi cung điện này cũng là nhân, cũng là duyên, còn tạo nghiệp đời trước chỉ là tăng thượng duyên. Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu! cung điện cõi trời Tha hóa tự tại, có nhân, có duyên, được khởi, được thành. Lại nữa, Pháp xưa nay vốn vậy do nhân duyên khởi, nên chỗ ở của Trời Tha hóa tự tại và tất cả trời, thứ tự biến khắp. Các cõi trời bổn tánh pháp vốn vậy, khi thế giới tương ưng khởi nhân dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo nên, cung điện của cõi trời Hóa lạc và đất đai tự nhiên khởi, hiện ra vàng bạc lưu ly và ngọc pha lê, chiếu ra ánh sáng khả ái, nhìn không chán. Lúc chưa ở đây, họ là các chúng sanh xưa đã tạo nghiệp thường cảm nhận chỗ ở cao quý tốt

đẹp khả ái nhân nghiệp xưa cho nên cảm tới dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo sắc. Bởi nghiệp xưa và dục giới tứ đại cung điện, tức liền thành dục giới tứ đại. Cung điện này cũng là nhân cũng là duyên, còn nghiệp tạo đời trước chỉ là tăng thượng duyên. Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu! Chỗ ở của trời Hóa Lạc như thế có nhân, có duyên, được khởi, được thành. Xưa nay pháp vốn như vậy đều do nhân duyên khởi, nên chỗ ở của trời Hóa lạc, đến tất cả trời kế tiếp đầy khắp. Bổn tánh pháp nhiên vốn vậy, khi thế giới ứng khởi, nhân dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo, cung điện của cõi trời Đâu suất đà, và đất đai tự nhiên khởi hiện vàng bạc lưu ly và ngọc pha lê, chiếu ra ánh sáng khả ái ưa nhìn không chán. Lúc chưa ở đây, họ là các chúng sanh thuở xưa đã tạo nghiệp hay cảm nơi chốn ở thắng diệu khả ái, do nghiệp xưa nên hay cảm tới dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo thành. Lại nhân nghiệp xưa và dục giới tứ đại cung điện, tức liền thành dục giới tứ đại. Cung điện này, cũng là nhân, cũng là duyên, còn nghiệp, tạo đời trước chỉ là tăng thượng duyên, Đức Phật nói: Các Tỳ khưu! như vậy cung điện của trời Đâu xuất đà và đất đai có nhân, có duyên, được khởi được thành, vốn xưa nay pháp như vậy do nhân duyên khởi mà chỗ ở của cõi trời Đâu-suất-đà, và tất cả chư thiên thứ tự biến khắp. Lại bổn tánh pháp như vậy khi thế giới ứng khởi nhân dục giới tứ đại và sắc do tứ đại mà cung điện của cõi trời Dạ-ma và chỗ ở các trời tự nhiên khởi hiện ra vàng bạc lưu ly và ngọc pha lê chiếu ra ánh sáng khả ái ưa nhìn, không chán. Lúc họ chưa ở đây, là các chúng sanh thuở xưa đã tạo nghiệp hay cảm tới chỗ ở thắng diệu khả ái nhân nghiệp xưa cho nên hay cảm tới dục giới tứ đại và sắc do tứ đại tạo. Lại nhân nghiệp xưa và dục giới tứ đại cung điện liền thành dục giới tứ đại. Cung điện nầy cũng là nhân cũng là duyên, còn nghiệp tạo đời trước chỉ là tăng thượng duyên. Đức Phật nói: Này các Tỳ khưu! Như thế ở cõi trời Dạ-ma, có nhân, có duyên được khởi được thành. Xưa nay pháp vốn vậy do nhân duyên khởi, mà cõi trời Dạ-ma và tất cả chư thiên thứ tự biến khắp, Trời Dạ-ma lúc đó nhớ nghĩ thế giới thuở xưa như người tỉnh ngủ nhớ việc trong mộng, như được thần thông, nhớ nghĩ thế giới đời trước, Trời Dạ-ma nhớ nghĩ thế giới thuở xưa cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ các trời suy nghĩ: Ta nay nên đi giám sát hạ giới. Nghĩ thế rồi cùng nhau bảo rằng: Chúng ta cùng nhau đi đến xem chỗ kia? Các trời khác đáp rằng: Chúng ta cùng đi thôi. Lúc bấy giờ, các trời họp thành xem xét đồng thanh nói rằng: Ngày xưa ở chỗ này có núi Tu-di vương, là trong chỗ đó là thành của trời Thiện Kiến, chỗ này là ao báu Nan-đà, chỗ này là vườn báu Nan-đà, chỗ này là ao chất Đa-la, và trong ao chất Đa la có các xe cộ vườn rừng chỗ nầy là ao ác vi, và vườn ác vi. Chỗ này là ao tạp hoa và vườn tạp hoa,

chỗ này là cảnh Ba-lợi Chất- đa-la, nước dày bốn ức tám vạn do tuần, rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mười do tuần, chu vi vây quanh ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần, cao nhất mức này, không còn lớn nữa. Trên nước riêng có địa giới gọi là Đại vị kiếp, bắt đầu đều khởi, ngày đêm dày dần lên, cứng lên. Ví như, khi sữa chưng cất đông đặc, Phủ trên lớp váng dày, địa giới của Địa vị lúc khởi ban đầu cũng lại như vậy, Đại địa giới trùng trùng nổi lên dài lâu nhẫn đến, đến rồi, rồi lại đến nữa, đầy rồi, rồi lại đầy nữa, đến cuối cùng rốt ráo, bề dày hai ức bốn vạn do tuần, bề rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mười do tuần, chu vi bốn phía ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần, trụ lại mức cao nhất này không còn lớn nữa. Dưới cõi đất đến một ức sáu vạn đều đều thành vàng thật, phía trên hơn tám vạn vàng, bạc, đồng sắt, v.v… bảy báu hợp thành, lúc ấy địa giới mền mại tùy việc mong muốn, cũng thí như đất bùn, sữa đặc, sanh tô và hòa chung với bột mì v.v… Đất này mền mại tùy theo việc cũng lại như vậy. Chính giữa địa giới (địa luân) dựa vào nghiệp của chúng sanh làm tăng thượng duyên nên bốn phía gió thổi sói vào thành biển ở bên trong nổi lên núi Tu-di, có gió vận chuyển đất, có gió tụ lại thành, có gió mới đúng làm thành hình Tu-di, có gió khởi bốn bên đảnh núi tu di, bắt đầu thành Thiện Kiến mới khởi lên thành Thiện Kiến, làm ao Nan Đà, tạo vườn nan đà, ao Chất đa la, vườn chất đa la, có các xe cộ chạy trong vườn, ao ác vi, và vườn Ác vi, ao tạp hoa vườn tạp hoa, cây ba lợi chất đa và vườn Câu-tỳ-la. Biển Do-càn-đà, núi Do-càn-đà, y như núi biển Y-sa, núi biển Khư-la-để, núi biển Thiện Kiến, núi biển Mã Nhĩ, núi biển Tỳ-na-đa. Núi biển Ni dân đà và thiên hạ. Ở trong đó châu địa quật thành châu hải khởi núi Thiết

vi. Như vậy, cây và vườn Câu-tỳ-la-la, trong đây xưa là Bát trụ kiếm bà la báu thạch; trong đây xưa là thì có Thiện pháp đường, thuở xưa trong đây có biển lớn bên trong; trong đây có núi Du-càn-đà và biển Du-càn- đà. Trong đây có núi Y-sa-đà và biển Y-sa-đà. Lại trong đây có núi Khư la để, và biển Khư la để. Trong đây có núi Thiện kiến và biển Thiện kiến, có núi Mã nhĩ và biển Mã Nhĩ. Trong đây có núi Tỳ-na-đa và biển Tỳ-na-đa. Trong đây có núi Ni dân đà và biển Ni dân đà. Trong đây có tứ thiên hạ, khoảng giữa trong có châu địa tức đất đai, và bên ngoài có biển lớn. Trong đây có núi Chước-kha-bà-la. Thân cõi trời Dạ Ma rất to lớn bay đi rất mau, cho nên kích động phong luân; do phong luân này làm căn bản cho phong luân Na-la-diên, nên mỗi lúc mạnh dần lên, thậm chí đến rồi lại đến, đầy rồi lại đầy; đều rốt ráo, cuối cùng, dày đến chín ức sáu vạn do tuần rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi ba mươi sáu ức

một vạn ba trăm năm mươi do tuần, phong luân trụ ở mức cao nhất này, không lớn thêm nữa, gió này cứng mạnh vật không xâm tổn vào được, giống như người có sức mạnh Na-la-diên cầm chày Kim cang, dùng gậy ngăn phong luân này lại tự vỡ vụn, phong luân không tổn hoại gì. Tiếp đến trên phong luân trong không gian mưa xối xuống nước hạt mưa lớn như tòa lầu, hoặc như trụ xe, hoặc như căm xe ngày đêm không ngừng nghỉ, giống như sông nước chảy vô số ngàn năm, nước ấy tụ lại chu vi có gió gọi là nhiếp trì. Ngày đêm hằng khởi, khiến cho nước không tan ra được. Như vậy, nước tăng lên chưa từng ngơi nghỉ. Nước này lớp lớp lớn dần cho đến rồi lại đến, đầy rồi lại đầy, đều rốt ráo khởi thành Thế giới mà do túc nghiệp và phong lực cảm thành, lại có nhiều gió lớn hơn xoáy tròn mà khởi thành. Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề, lại có nhiều gió khác từ bốn hướng bốn góc mà thành. Bắc Uất-đơn-việt lại có gió, khác như Bán-tỳ-bà thành. Nam Diêm-phù-đề, như phong luân mà thành núi. Thứ tự các núi ở trên, chính nghĩa đều có đỉnh. Như khi có gió nổi lên hoặc là chánh chính giữa hoặc là một bên, tạo thành tướng núi, hoặc là bằng phẳng, hoặc là cao vút. Lại có gió nổi lên một bên, rất mau, còn bên kia thì chậm, nên tướng núi bên lõm, bên thì bằng phẳng. Hoặc khi gió nổi lên kích sâu vào, rồi hoàn phục lại như cũ, còn tạo thành những thế núi có cao hiểm trở có hang động. Như có gió kích mạnh sâu vào dưới đáy thì không hoàn lại xuất ra nữa. Trong núi lại trống rỗng do có gió này cho nên khởi thành đất, của bốn thiên hạ, hoặc là sâu vào hoặc cao chót vót có chỗ hiển hiện, cao đến tám vạn do tuần, có chỗ rất sâu bốn vạn do tuần. Lại có chỗ khác cao bốn vạn do tuần, sâu hai vạn do tuần. Lại có chỗ khác cao hai vạn do tuần, sâu một vạn do tuần, sâu năm ngàn do tuần, hoặc lại có chỗ cao năm ngàn do tuần, sâu hai ngàn năm trăm do tuần, hoặc lại có chỗ cao hai ngàn năm trăm do tuần, sâu một ngàn hai trăm năm mươi do tuần hoặc lại có chỗ cao một ngàn hai trăm năm mươi do tuần, sâu sáu trăm hai mươi lăm do tuần hoặc lại cao sáu trăm hai mươi lăm do tuần sâu ba trăm mười hai rưỡi do tuần bằng phân nữa.

Lấy nhân duyên này tất cả khí thế giới nổi lên làm thành. Lúc ấy hai loại giới khởi mạnh là hỏa giới và địa giới. Phong giới nổi lên thổi lửa thiêu đốt lan tràn trên địa giới, gió thì hằng thổi tất cả vật khiến cho thành cứng chắc, đã cứng chắc rồi tất cả các loại báu quý đều hiển hiện, đã hiển hiện rồi thì trời mưa cam lồ lớn như tòa lầu rồi từ từ nhỏ như bánh xe, nhẫn đến như trục xe, hoặc là như nước chảy vô số ngàn năm, biển đầy khắp thành Thiện kiến, lại ao Na đà, ao Chúng xa, ao Ác vi, ao Tạp hoa, biển lớn bên trong, biển Do Càn-đà, biển Y sa đà; biển Khư la đê, biển Thiện kiến, biển Mã Nhĩ, biển Tỳ na đa, biển Ni dân đà, châu thổ giữa tứ thiên hạ ngoài biển

lớn. Do nhân duyên này tất cả thế giới nước đều biến khắp. Thế là cõi trời Đao lợi và cõi trời Tứ thiên vương, xả bỏ báo trên cõi trời mà thọ sanh trong đây. Lại có chư thiên mạng chung phước hết, từ trên trời rơi xuống trong thiên hạ mà thọ sanh trong loài người. Lúc đó mọi người lấy hỷ lạc làm thức ăn, sống bằng hỷ lạc, ý sanh hóa thân tự nhiên có ánh sáng sống an lạc, bay đi trong không trung. Lúc đó mặt trăng và mặt trời chưa xuất hiện nơi thế gian, tinh tú cũng chưa có; ngày đêm chưa phân định, chưa phân biện được năm tháng, và bốn thời tám tiết. Nam nữ không khác nhau cũng không có cha mẹ, anh em chị em, vợ chồng con cái không có nô tỳ, không có chủ cả, đồng thọ dụng tự tại hoan lạc, chưa có họ tên, đều đồng một hiệu là chúng sanh. Lúc đó nước hơi hơi giảm chảy xuống chỗ dưới, khi đó trong biển lớn lúc tăng nước lên, lúc giảm nước xuống, những nơi mà sông ngòi, nguồn nước chảy giảm bớt, có đất phì nhiêu xuất ra vị rất ngon nhiều, vị cam lộ, sanh trưởng nhiều che khắp mặt đất, màu sắc, hương thơm, xúc chạm, mùi vị, các món ưa thích đó đầy đủ, ngọn ngào như mật ong. Đất không có khô cằn, mặt đất phì nhiêu có mùi thơm cũng lại như vậy. Lúc đó mùi vị hương thơm sung mãn thời có một người ngửi mùi thơm này, khởi tâm ham muốn, tâm ham muốn khởi lên rồi, chỉ nhớ nghĩ đến mùi vị thơm mà nếm thử xem ngon không! Khi ấy biết là mùi thơm ngon ngọt như mật ong, mới đi truyền lan ra cho người khác ăn loại đất thơm ngon này. Cho đến nhiều người thấy người đó ăn ngon không nhàm chán cùng nhau dốc sức truyền nhau mà ăn, khi ấy mọi người mùi vị đất thơm rồi, thân bắt đầu cứng và nặng, và từ đây về sau, không thể như trước mà bay được trong không trung, lúc đó ánh sáng khả ái trên thân nhân đây mà mất hết, đã mất hết ánh sáng rồi, thì hắc ám tối tăm lại sanh ra. Xưa nay pháp vốn như vậy, lúc tứ thiên hạ hắc ám, thì mặt trời, mặt trăng cả hai luân phiên nhau mà xuất hiện nơi đời, khi mặt trời mặt trăng xuất hiện rồi, thì sao tinh tú thứ tự xuất hiện rồi thì ngày và đêm có phân ra, ngày đêm phân ra rồi, nữa tháng, một tháng là lúc bấy giờ hiển hiện rõ ràng; nữa tháng, một tháng đã hiển hiện rồi bốn thời tám tiết và dùng niên tuế đều đầy đủ. Như thế là rất nhiều thế gian khởi thành. Như vậy trãi qua nhiều thời gian lâu sáu mươi tiểu kiếp cuối cùng cũng đã qua; khi ấy chúng sanh ăn mùi vị đất nầy dựa vào mùi vị đất mà trụ thời gian lâu dài. Chúng sanh trong đây ăn vị nhiều đất vị nên thân hình thô tục xấu xí. Ít có uy đức, ít lực thần thông Còn chúng sanh trong đó ăn ít vị đất thì hình sắc dễ thương xinh đẹp thân có uy đức, thần lực tự tại.

Do nhân duyên nầy nên tất cả chúng sanh hình sắc, có hơn kém, xấu, đẹp. Do có hơn kém sanh tâm hơn thua, nên mới nói rằng: Ta nay hơn

ngươi ngươi không bằng ta, do đó pháp ác bắt đầu hành chuyển đời. Vì tính toán hơn thua nên mùi vị màu sắc, hương thơm của đất từ đây mà mất. Lúc ấy mọi người tụ họp lại buồn rầu, khổ não cất tiếng kêu khóc, than ôi pháp ác đã xuất hiện nơi đời! Nhân vì hình sắc cho nên kiêu mạn chê bai kẻ khác. Do ác pháp nầy mà ta mất đi mùi vị thắng diệu, không thể nghĩ bàn, hình sắc mùi hương, xúc chạm v.v… Mọi người lúc đó ăn mùi vị ngon khác sanh ra nhớ nghĩ mà nói rằng: Ôi! Hơi giống mùi vị đất ta ăn thuở xưa nhớ lại chỉ thêm buồn khổ. Lời nói ấy đến nay đều đã quên mất rồi, không còn người nhớ nghĩ đất có mùi vị ngon mà nói như vậy nữa. Mùi vị này mất rồi lại có mùi vị khác gọi là da của đất sắc thơm, xúc chạm nếm thử mùi vị đều ngon ngọt như mật ong, khi bấy giờ mọi người đều đến lấy ăn, dựa vào sự ăn uống được sống trong thời gian dài. Trong đó mọi người tham luyến mùi vị này, ăn nhiều da đất, nên hình dạng xấu xí, uy đức mỏng mảnh. Sức thần thông kém, và sức lực kém. Trong đó lại có chúng sanh do ăn ít mùi vị đó, nên hình sắc khả ái thân có uy đức thần lực tự tại. Vì nhân duyên này mà tất cả chúng sanh hình sắc có hơn kém, do sự hơn kém, tâm có hơn thua. Cho nên nói rằng: Ta nay hơn ngươi, ngươi không sánh kịp ta; đây, pháp hành chuyển nơi đời, tính toán hơn thua. Vì vậy, màu sắc hương vị của da đất từ đây mà mất hẳn.

-oOo-